

**Phật Thuyết
Vô Lượng Thọ Kinh
Giảng Ký
佛說無量壽經
講記**

Chủ giảng: Trưởng lão Đạo Nguyên (道源長老)

Địa điểm: Chí Liên Tinh Xá Đài Bắc

Thời gian: Tháng Tám năm Dân Quốc 67 (1978)

Cư sĩ Thí Vượng Khôn bút ký

**Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
(theo bản điện tử của Đài Trung Liên Xã)**

Giáo chánh: Đức Phong và Huệ Trang

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

(blank page)

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký
佛說無量壽經講記

Chủ giảng: Trưởng lão Đạo Nguyên (道源長老)

Địa điểm: Chí Liên Tinh Xá Đài Bắc

Thời gian: Tháng Tám năm Dân Quốc 67 (1978)

Cư sĩ Thích Vượng Khôn bút ký

Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

(theo bản điện tử của Đài Trung Liên Xã)

Giáo chánh: Đức Phong và Huệ Trang

Giới thiệu đại lược hành trạng trưởng lão Đạo Nguyên

Cao tăng Đạo Nguyên pháp danh Năng Tín (能信), pháp tự Đạo Nguyên, biệt hiệu là Trung Luân sa-môn (Trung Luân (中輪): Pháp luân Hữu tức Không, Không tức Hữu). Ngài Đạo Nguyên sanh năm 1900 tại trấn Châu Khẩu, huyện Thương Thủy, tỉnh Hà Nam. Chín tuổi, Ngài mồ côi mẹ, được thím nuôi nấng khôn lớn. Khi Ngài hai mươi tuổi, thím qua đời, Ngài cảm ngộ nhân sinh vô thường, cương quyết nương tựa chùa Phổ Tĩnh tại trấn Châu Khẩu, xin xuống tóc dưới tòa của thượng nhân Long Phẩm. Năm 1923, Sư tròn hai mươi bốn tuổi, đến chùa Quy Nguyên tại Hán Dương, tỉnh Hồ Bắc, nương cây luật sư Giác Thanh thọ tam đàn đại giới. Năm 1929, Sư tròn ba mươi tuổi, xin nhập học tại Phật Học Viện Vũ Xương tỉnh Hồ Bắc, có duyên phận thân cận bậc Bắc Đẩu trong Phật môn là Thái Hư đại sư. Năm 1930, Sư bế quan tiêm tu ba năm tại chùa Bảo Thông ở Hồng Sơn. Năm 1934, sau khi triều bái hai thánh địa Phật giáo là Phổ Đà Sơn và Cửu Hoa Sơn, Sư may mắn được thọ giáo với vị tổ thứ mười ba của Tịnh Độ Tông là Ấn Quang đại sư. Năm sau, Sư tới Thượng Hải, được dự vào hàng môn hạ của pháp sư Viên Anh.

Năm 1943, lúc bốn mươi bốn tuổi, trưởng lão Đạo Nguyên nhận lời mời của lão hòa thượng Việt Trần thuộc Vân Tuyên Thiền Tự ở Tứ Nhi Sơn tại Trương Gia Khẩu (chùa này được sáng lập từ năm Hồng Vũ 26 (1393) thời Minh Thái Tổ Châu Nguyên Chương) đến trụ tích tại Nam Đường của chùa để diễn giảng giới luật, chấn hưng phong khí nhà chùa suốt sáu năm, cải biến Vân Tuyên Thiền Tự từ một ngôi “tử tôn

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tự miếu”¹ thành thuyết pháp từng lâm. Ngài đã ba lượt cử hành lễ truyền giới vào lúc cuối Thu tại chùa này. Trưởng lão Đạo Nguyên hai lần đảm nhiệm vai trò Đắc Giới Hòa Thượng, một lần làm Giáo Thọ A Xà Lê (Quỹ Phạm Sư). Trong các đàn truyền giới, Sư giảng giải tam đàn giới luật. Sư dụng cao pháp tràng, rộng ban pháp nhũ, tạo ảnh hưởng khá lớn, thanh danh lan xa, nối tiếp hưng thịnh Phật chủng, tín, giải, hạnh, chứng, phát tâm từ bi, hành Bồ Tát nguyện, hết lòng dốc sức lo liệu kiến thiết tự miếu chẳng tiếc sức thừa. Sư từ tâm thương xót người nghèo khổ như con ruột, bố thí, quyên góp giúp đỡ, làm rất nhiều chuyện lợi lạc cho nhân dân, vì pháp quên mình. Sư trì giới cực nghiêm, nghiêm ngặt tuân thủ chế định của nhà Phật, chỉ ăn một bữa Ngọ, sống đời nghèo khó, bình thản trước mọi nổi phong ba. Sư từng đảm nhiệm chức Lý Sự Trưởng của hội Phật Giáo tỉnh Sát Cáp Nhĩ (Chahar)², khiến cho Phật pháp tại vùng biên ải hưng thịnh. Năm 1949, Sư về Thượng Hải rồi sang Đài Loan. Năm 1951, Sư sáng lập Hải Hội Tự tại thành phố Cơ Long, Đài Loan.

Năm 1963, Sư nhận lời thỉnh, kiêm nhiệm chức viện trưởng Đông Sơn Phật Học Viện tại Đài Bắc. Sư nhiều lần hướng dẫn phái đoàn Phật Giáo Đài Loan tham dự hội nghị Phật giáo thế giới, cũng như nhận lời cầu thỉnh từ Hương Cảng, Tân Gia Ba, và các nước tại Đông Nam Á, chống tích tượng đến hoàng pháp khắp nơi, hoàng dương pháp môn Tịnh Độ. Tại Đài Loan, Sư nhiều lần được các sơn môn cung thỉnh vào ngôi Tam Sư trong đại giới đàn, diễn giảng giới luật, tiếp độ hàng hậu học. Lúc sáu mươi lăm tuổi, Sư được chư sơn môn công cử làm Lý Sự Trưởng của hội Phật Giáo Trung Hoa tại Đài Loan, được tôn xưng mỹ hiệu “*thuyết pháp bậc nhất*”, tứ chúng ngưỡng vọng, là bậc y chỉ sư cho khắp tứ chúng. Ngày Mười Sáu tháng

¹ Chùa chỉ truyền thừa cho đồ tử và đồ tôn của vị sáng lập hoặc trưởng lão trong pháp phái, không tiếp nhận tăng sĩ ngoài pháp phái hoặc sơn môn nhập chúng thì gọi là “tự tôn tự miếu”.

² Chahar, đôi khi còn viết là Chakhar hoặc Qahar, là một tỉnh chỉ tồn tại từ năm 1912 cho đến 1936 dưới thời chính quyền Trung Hoa Dân Quốc còn nắm giữ Đại Lục. Tỉnh này chiếm phần lớn vùng Đông Nội Mông. Vùng này được gọi là đặc khu Trương Viên dưới triều Thanh. Đến thời Dân Quốc, đặc khu này được đổi tên thành khu đặc trị Chahar (theo tên gọi của bộ tộc Mông Cổ lớn nhất ở vùng này), trực thuộc tỉnh Trực Lệ, rồi nâng cấp thành tỉnh vào năm 1928, thủ phủ là thành phố Trương Gia Khẩu. Tỉnh này bị hủy bỏ khi Trung Cộng nắm chính quyền.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Từ năm 1988, vào lúc bảy giờ rưỡi tối, Sư an nhiên thị tịch tại chùa Hải Hội, hưởng thọ tám mươi chín tuổi, giới lập sáu mươi sáu năm.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký **佛說無量壽經講記**

Hôm nay, tôi muốn giảng cho chư vị bộ kinh có tựa đề là Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh, vì sao phải giảng bộ kinh này? Trước hết, tôi trình bày nhân duyên cùng quý vị. Đại Thừa Phật giáo tại Trung Hoa có tám tông phái, Tịnh Độ Tông là một tông phái trong ấy. Từ xưa, căn cứ chủ yếu của Tịnh Độ Tông là ba bộ kinh và một bộ luận, tức là Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh, Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Kinh (còn gọi là Thập Lục Quán Kinh), và Vãng Sanh Luận (còn gọi là Tịnh Độ Luận). Cận đại, Ấn Quang đại sư đề xướng Tịnh Độ Ngũ Kinh, tức là tăng thêm hai bộ Lăng Nghiêm Kinh Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương và Hoa Nghiêm Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Trong quá khứ, tại Chí Liên Tinh Xá, Đạo Nguyên đã giảng Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải, Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Kinh và Vãng Sanh Luận. Đáng lẽ năm ngoài phải nên giảng Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh, nhưng vì kinh văn trong bộ kinh này quá dài, giảng một hai tuần sẽ chẳng xong. Do đó, năm ngoài tôi giảng trước Lăng Nghiêm Kinh Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương và Hoa Nghiêm Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Vì thế, trong năm kinh Tịnh Độ, chỉ còn kinh Vô Lượng Thọ chưa giảng.

Năm nay, tôi muốn giảng Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh cho quý vị, bộ kinh này quan trọng nhất trong Tịnh Độ Ngũ Kinh, vì sao quan trọng? Kinh nói từ lúc A Di Đà Phật phát ra tâm nguyện ban đầu, do đâu mà có A Di Đà Phật? Do đâu mà có Tây Phương Cực Lạc thế giới? A Di Đà Phật là quả báo pháp, Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng là quả báo pháp. Cái nhân ở chỗ nào? Cái nhân ở ngay trong Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh. Do vậy, [kinh này] đặc biệt quan trọng! Chẳng giảng kinh Vô Lượng Thọ, làm sao biết A Di Đà Phật từ đâu mà ra? Cũng chẳng thể hiểu Tây Phương Cực Lạc thế giới từ đâu mà có? Do vậy, nhất định phải giảng kinh Vô Lượng Thọ, nói tới tầm quan trọng của nhân địa A Di Đà Phật, biết chỗ khác biệt so với ngoại đạo.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Do có những kẻ chẳng có tín tâm đối với chuyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới của Tịnh Tông; vì vậy, phải nghiên cứu đạo lý.

Có người nói: “Chúng ta tin Phật, niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là giống như Cơ Đốc Giáo niệm Thượng Đế cầu sanh thiên quốc ư?” Kiến giải kiểu đó sẽ có vấn đề to lớn! Tuyệt đối chẳng giống nhau! Vì sao tuyệt đối chẳng giống nhau? Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp dựa trên hai chữ “*nhân quả*” để nói. Đức Phật nói kinh giáo tam tạng mười hai bộ loại, đều chẳng ra ngoài hai chữ “*nhân quả*”. Hễ lìa khỏi nhân quả, sẽ chẳng thể thuyết pháp. Bởi lẽ, trên thế giới, chẳng có cái quả nào mà không có nhân, tại Ấn Độ [điều này] được gọi là “*hợp Nhân Minh*”, tại phương Tây thì kêu là “*hợp la-tập*” (phù hợp logic). Nếu chẳng có cái nhân mà sanh ra cái quả thì chẳng hợp Nhân Minh, mà cũng chẳng hợp la-tập! Quý vị nói đạo lý ấy chỉ có thể đến thiên quốc mà nói, chẳng thể nói trong thế giới này! Vì sao? Vì trong thế giới này, toàn là những cái quả có nhân, lấy đâu ra Thượng Đế? Cái quả mà chẳng có nhân thì thiên quốc do đâu mà có? Cái quả mà chẳng có nhân thì được gọi là “*tin tưởng vào ngẫu giáo*”, vì [theo tín lý của họ], quý vị không tin sẽ chẳng thể được cứu! [Theo các tôn giáo khác], nếu không tin [theo giáo lý của họ], quý vị sẽ đọa địa ngục. Đây là tôn giáo nói theo kiểu không cần quan tâm đến đạo lý!

Nếu nói theo đạo lý, chẳng có nhân, lấy đâu ra quả? Nói theo kiểu Nhân Minh của Ấn Độ sẽ nói như thế nào đây? Quý vị lập ra cái nhân, lập ra cái quả, quý vị phải nêu ra một thí dụ. Trên thế giới này, có cái quả nào mà chẳng có nhân hay chẳng? Nếu quý vị bảo là chẳng có nhân, vì sao? Quý vị phải nêu được thí dụ! Nếu chẳng nêu ra được, đủ thấy lý luận do quý vị đã kiến lập sẽ chẳng thể đứng vững. Tại Ấn Độ, Phật Thích Ca xuất thế, có chín mươi lăm loại ngoại đạo mở hội biện luận, biện luận phù hợp Nhân Minh, nay gọi là “*la-tập*” (logic) thì sẽ là luân lý, tức là pháp tắc phù hợp luân lý. Chẳng thể tùy tiện mù quáng nói lung tung được! Vậy thì đạo lý phải biện định cho rõ ràng như thế nào? Phải phù hợp Nhân Minh, tức là “*hợp la-tập*”, phải hợp Luân Lý Học (còn gọi là Lý Tắc Học). Vậy thì phải có một quy củ nhất định để biện luận. Đối với cái quả mà chẳng có nhân, hãy nêu ra một thí dụ đi chứ! Chẳng nêu ra được, vậy thì lý luận ấy của quý vị chẳng thể kiến lập! Nay Phật giáo suy vi, chỉ có thể đóng cửa nói đạo lý, chẳng dám biện luận với ngoại đạo. Không chỉ là chẳng dám biện luận, hễ nhắc tới

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

ngoại đạo bèn sợ hãi. Vì sao? Trong Phật giáo, chúng ta thiếu khuyết nhân tài giảng kinh, thuyết pháp, mọi người phải hiểu rõ đạo lý này. Đã hiểu rõ rồi thì phải sốt sắng cầu học Phật pháp, phải hoằng dương Phật pháp. Quý vị chẳng phá tà, làm sao hiển chánh cho được? “Tà” là ngoại đạo, quý vị phải phá trừ tà tri tà kiến của ngoại đạo thì mới có thể hiển dương chánh pháp của Phật giáo. Phá tà như thế nào? Quý vị phải nghiên cứu Phật lý. Nếu mọi người chẳng nghiên cứu, Phật giáo sẽ ngày càng suy nhược, ngoại đạo ngày càng hưng thịnh; do đó, chúng sanh sẽ trầm luân trong biển khổ!

Phật giáo thì phải độ chúng sanh. Chẳng có Phật giáo, làm sao có thể độ chúng sanh? Mọi người đều phải phát tâm Đại Thừa, muốn cứu độ chúng sanh, nhất định phải nghiên cứu Phật học thì mới có thể hoằng dương Phật pháp. Muốn cứu độ chúng sanh thì phải đẩy khởi hai chữ “*nhân quả*”. Tôi nhắc nhở mọi người một phen: Học lý của Phật giáo được kiến lập trên hai chữ “*nhân quả*”. Nhất là trong xã hội hiện thời, trừ ngoại đạo ra, còn có những thứ tà tri tà kiến. Hễ quý vị nhắc tới hai chữ “*nhân quả*”, bọn chúng sẽ lắc đầu rủa xả “Phật giáo các người mê tín”, chửi bới hết sức dữ dội! Chúng ta đều chẳng dám mở miệng, tạo thành [phong thái] người trong xã hội đều chẳng nói tới nhân quả. Vì sao họ phải đả đảo đạo lý nhân quả? Họ thích làm ác hại kẻ khác; do vậy, thế giới này vĩnh viễn chẳng thể thái bình. Mọi người chẳng sợ nhân quả, sẽ đều dám làm ác, thế giới này làm sao thái bình cho nổi? Xã hội làm sao an định cho được? Vì thế, chẳng nói đến nhân quả, không chỉ là chúng sanh chẳng thể thành Phật, mà ngay cả cuộc sống bình phàm của cá nhân cũng đều chẳng thể an định! Tôi nói lời này nhằm nhắc nhở chư vị, quý vị nghiên cứu đạo lý Phật học, hãy ghi nhớ một nguyên lý, nguyên tắc: “*Chẳng ra ngoài hai chữ nhân quả*”. Hiện thời, giảng kinh Vô Lượng Thọ là nói từ nhân cho đến quả của A Di Đà Phật, từ nhân cho đến quả của thế giới Cực Lạc. Lần này, giảng bộ kinh này, tôi châm chước đôi ba lượt, vì kinh văn của bộ kinh này dài, nhân duyên giảng giải thì ít, chẳng dễ gì có nhân duyên giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ này! Quý vị nhất định phải nắm vững cơ hội bền lòng [lắng nghe] cho đến lúc viên mãn!

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Thượng Quyền

佛說無量壽經上卷

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

1. Tổng thích danh đề (giải thích chung về danh xưng, tựa đề kinh)

1.1. Giải thích tựa đề kinh

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh là đề mục của bộ kinh này. Mỗi bộ kinh đều có đề mục. Kinh Phật rất nhiều, đề mục cũng rất nhiều, nhưng kinh Phật được đặt tên theo nguyên tắc, nguyên lý, tức là từ ba yếu tố là Nhân (人, người), Pháp (法) và Dụ (喻, thí dụ) kết hợp [để tạo thành tên kinh]:

1) Hoặc là đơn Nhân (chỉ có Nhân) để đặt tên, hoặc là đơn Pháp để đặt tên, hoặc đơn Dụ để đặt tên, tức là dùng thí dụ để đặt tên. Ba loại này được gọi là Đơn Tam (單三, ba cách đặt tên đơn).

2) Hoặc dùng Nhân và Pháp để đặt tên, hoặc dùng Nhân và Dụ để đặt tên, hoặc dùng Pháp và Dụ để đặt tên. Hai pháp kết hợp lại để tạo thành tựa đề một bộ kinh; cách này gọi là Phức Tam (複三, ba cách đặt tên kép).

3) Từ Nhân, Pháp, Dụ ba pháp kết hợp lại để đặt tựa đề cho một bộ kinh, gọi là Cự Túc Nhất (俱足一, một cách đặt tên trọn đủ [Nhân, Pháp, Dụ]).

Dùng ba pháp Nhân, Dụ và Pháp hợp lại để đặt tựa đề kinh, chẳng ngoài “*đơn tam, phức tam, cự túc nhất*”! Đây là bảy loại phương thức. Kinh Phật thiên sai vạn biệt, nhưng đề mục kinh chẳng ra ngoài ba loại pháp tướng ấy, không ra ngoài bảy cách đặt tựa đề ấy.

Bộ kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ này là “*đơn nhân lập đề*”. Đức Phật thành Phật trong nhân gian, là bậc rốt ráo. Chủ thể nói kinh là Thích Ca Mâu Ni Phật, là một người rốt ráo, đức Phật Vô Lượng Thọ được nói đến [trong kinh này] cũng là bậc rốt ráo. Trong tựa đề ấy, chẳng nói đến pháp, mà cũng chẳng có tỷ dụ. Đó gọi là “*đơn nhân lập đề*” (chỉ dùng Nhân để đặt tên).

1) “*Phật Thuyết*”: “*Phật*” là Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Chúng ta niệm danh hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật, nhất định phải niệm thêm hai chữ Bổn Sư (本師), vì vị Phật này là vị thầy căn bản của chúng ta. Chẳng có Thích Ca Mâu Ni Phật, danh hiệu của bất cứ vị Phật nào chúng ta cũng đều chẳng biết! Mười phương ba đời hết thầy chư Phật đều do Thích Ca Mâu Ni Phật nói ra. Ngài chẳng nói thì ngay cả một vị Phật chúng ta cũng chẳng biết! Ngay cả Tây Phương Cực Lạc thế giới Vô Lượng Thọ Phật cũng do đức Bổn Sư nêu ra. Vì thế, chúng ta niệm danh hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật, nhất định phải thêm vào hai chữ Bổn

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Sư nhằm biểu lộ lòng đặc biệt tôn trọng.

2) “*Vô Lượng Thọ*” là Vô Lượng Thọ Phật. Vô Lượng Thọ Phật là A Di Đà Phật. Chúng ta đều biết niệm A Di Đà Phật, tiếng Phạn là A Di Đà (Amitabha). Thích Ca Mâu Ni Phật đã phiên dịch nghĩa lý cho chúng ta, danh hiệu ấy có nghĩa là Vô Lượng Quang Phật, còn gọi là Vô Lượng Thọ Phật. Do quang minh của A Di Đà Phật có thể chiếu trọn khắp mười phương thế giới; vì thế, tên là Vô Lượng Quang. Do vì lẽ gì mà gọi là Vô Lượng Thọ Phật? Thọ mạng vô lượng. Hiện thời, trong bộ kinh này, đã dựa theo tiếng Phạn là A Di Đà mà dịch thành Vô Lượng Thọ. Trên thực tế, còn có ý nghĩa Vô Lượng Quang bao hàm trong [danh xưng] Vô Lượng Thọ. Chúng ta biết Vô Lượng Thọ Phật là A Di Đà Phật là được rồi. Đối với vị Phật A Di Đà trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, do Tịnh Độ Tông rất phổ biến tại Trung Hoa, toàn thể đệ tử Phật thượng, trung, hạ căn đều niệm A Di Đà Phật, chẳng cần phiên dịch mà mọi người đều rất quen thuộc. Hễ nói đến Vô Lượng Thọ thì phải nhớ [điều này].

A Di Đà Phật ở Tây Phương Cực Lạc thế giới rốt cuộc là Ứng Thân Phật hay là Báo Thân Phật? Là Ứng Thân Phật, nhưng Ứng Thân Phật có thọ mạng vô lượng. Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật tại Ấn Độ, Ngài là Ứng Thân Phật hay Báo Thân Phật? Là Ứng Thân Phật, nhưng thọ mạng của Ngài rất ngắn, xuất thế tám mươi năm bèn nhập Niết Bàn. Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, thọ mạng của Ứng Thân Phật rất dài, nên gọi Vô Lượng Thọ Phật. Ngài là vô lượng theo kiểu hữu lượng. Hai chữ Vô Lượng là tên gọi của một con số to lớn, bốn phàm phu chúng ta cũng chẳng thể tính ra là bao nhiêu năm, bao nhiêu kiếp, nên gọi là Vô Lượng. Trên thực tế là Hữu Lượng, khi hóa duyên (化緣, duyên giáo hóa) của Ngài đã hết thì Ngài cũng sẽ nhập Niết Bàn. Sau khi A Di Đà Phật nhập Niết Bàn, sẽ do Quán Thế Âm Bồ Tát thành Phật. Sau khi Quán Thế Âm Bồ Tát nhập Niết Bàn, sẽ do Đại Thế Chí Bồ Tát thành Phật. Do vậy, Vô Lượng Thọ của A Di Đà chẳng phải là vô lượng trong vô lượng, mà là vô lượng trong hữu lượng. Vô Lượng Thọ [trong tựa đề kinh này] là Vô Lượng Thọ Phật, từ thuở ban đầu phát tâm cho đến khi Ngài tu thành Phật, Ngài là nhân vật được nói đến trong bộ kinh này, cho nên [kinh này được] gọi là Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh.

3) Chữ “*Kinh*” (經), tiếng Phạn là Tu-đa-la (Sūtra), dịch sang tiếng Hán là Khế Kinh (契經). Vì người Hoa thích nói đơn giản, bèn

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

lược bớt chữ Khế. Khế (契) là như chữ Khế trong chữ khế ước (契約) khi ta mua nhà, mua đất. Trên là khế hợp lý của chư Phật, dưới là khế hợp căn cơ của chúng sanh, nên gọi là Khế Kinh. Phạm đức Phật nói kinh, phải khế hợp với lý của chư Phật. Nếu không, sẽ chẳng gọi là Kinh. Khế hợp với lý của chư Phật, chẳng phải là rất cao ư? Chẳng phải là rất cao. Chỉ cần quý vị học thì sẽ có thể lãnh hội, vì Ngài phải dưới là khế hợp căn cơ của chúng sanh. Kinh là “*thâm nhập thiên xuất*”, tức là điều biến hóa Phật lý sâu thẳm sao cho nông cạn [nhằm tương ứng với trình độ của chúng sanh, ngộ hậu] chẳng có ai học mà không hiểu. Nếu học mà chẳng thể hiểu, sẽ chẳng thể lưu thông trong thế gian. Do vậy, phải dưới là khế hợp căn cơ của chúng sanh. Do “*khế lý, khế cơ*” nên gọi là Tu-đa-la, phiên dịch sang tiếng Hán một cách đơn giản thì sẽ là Kinh.

[Tựa đề kinh ghi thêm] hai chữ “*Quyển Thượng*” là do kinh văn của bộ kinh này quá dài, [dịch giả] đã chia thành hai quyển thượng và hạ. “*Quyển*” (卷) có nghĩa là gì? Chính là cuộn lại. Thời cổ, [kinh sách] chẳng phải là một cuốn sách như trong hiện thời, mà là từng cuốn giấy cuộn lại. Do cuộn thành một cuốn không được, phải cuộn thành hai cuốn, nên gọi là quyển thượng và quyển hạ.

1.2. Dịch giả và bản dịch

Tào Ngụy Khang Tăng Khải dịch

曹魏康僧鎧譯。

Tào Ngụy là nước Ngụy trong thời đại Tam Quốc. Đối với Tam Quốc, Tào Tháo là kẻ được mọi người biết đến nhiều nhất. Con Tào Tháo là Tào Phi đã soán ngôi nhà Hán, đặt quốc hiệu là Ngụy. Vì sao còn thêm chữ Tào vào đây? Vì cuối đời Tấn, thiên hạ đại loạn, người Hồ ở phương Bắc [Trung Hoa] là Thác Bạt Khuê [vào Trung Nguyên] lập quốc, cũng lấy hiệu là Ngụy. Nhằm phân biệt chẳng phải là nước Ngụy nào khác, mà là nước Ngụy trong thời đại Tam Quốc, nên gọi là Tào Ngụy³.

³ Sở dĩ Tào Phi chọn quốc hiệu là Ngụy vì Tào Tháo được nhà Hán phong làm Ngụy Công, thái ấp ở Ngụy Quận, chọn đất Nghiệp để đóng đô. Gọi là Tào Ngụy vì trong lịch sử Trung Hoa có rất nhiều nhà Ngụy, chẳng hạn như nước Ngụy thời Xuân Thu Chiến Quốc (tách ra từ nước Tấn, do Ngụy Tư sáng lập), thời Thập Lục

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Khang Tăng Khải là vị sa-môn dịch kinh, tiếng Phạn là Tăng Già Bạt Ma (Saṃghavarman). Vào thời cổ, nhằm lúc dịch kinh, do người Hoa tôn trọng dòng họ, mà người xuất gia chẳng có họ, xã hội thấy vậy cho là chuyện rất lạ lùng, họ nói: “Cớ sao người xuất gia các vị chẳng có họ?” Do đó, rất nhiều vị xuất gia cũng phải miễn cưỡng đặt họ trước pháp danh. Về sau, kinh Niết Bàn truyền đến [Trung Hoa], [pháp sư Thích Đạo An chủ trương] “*hễ là đệ tử xuất gia của Thích Ca Mâu Ni Phật thì đều mang họ Thích Ca*”, nói đơn giản là họ Thích. Trước khi kinh Niết Bàn xuất hiện [tại Trung Hoa], người xuất gia từ chỗ nào đến bèn lấy chỗ đó làm họ. Chẳng hạn như ngài Khang Tăng Khải đến từ nước Khang Cư (康居, Sogdiana)⁴, nên được coi là họ Khang. Trên thực tế, Ngài chỉ là theo đường từ xứ đó (Khang Cư) đến xứ này. Ngài là người Ấn Độ, tên tiếng Phạn là Tăng Già Bạt Ma, dịch sang tiếng Hán thành Tăng Khải. Khải (鎧) là áo giáp, mặc áo giáp, có ý nghĩa tinh tấn, tức là nếu muốn đoạn phiền não, chứng Bồ Đề, thì phải tinh tấn, chẳng thể giải đãi, buông lung, giống như khoác áo giáp đánh giặc. Do đó, dịch thành Khải. Tên Ngài là Tăng Khải, trên thực tế là danh xưng tiếng Phạn (Tăng - Saṃgha) ghép chung với tiếng Hán. Theo ghi chép trong Cao Tăng Truyện, ngài Khang Tăng Khải là người Ấn Độ, học rộng các kinh, thông suốt nghĩa lý và ý chỉ sâu kín. Ngài đến Trung Hoa vào cuối niên hiệu Gia Bình⁵ nhà Tào Ngụy, trụ tại chùa Bạch Mã ở Lạc Dương, dịch kinh Vô Lượng Thọ.

Quốc lại có Nhiễm Ngụy do Nhiễm Mẫn sáng lập và Trác Ngụy do Trác Liêu sáng lập, nhà Bắc Ngụy (hay Nguyên Ngụy) do Thác Bạt Khuê sáng lập. Đến cuối thời Tùy lại có hai tiểu quốc cùng xưng là Ngụy là do Ngụy Đào Nhi và Lý Mật lần lượt sáng lập.

⁴ Đây là quốc gia hùng mạnh thứ hai sau Đại Nhục Chi (thuộc địa bàn tỉnh Cam Túc hiện thời). Theo sử Trung Hoa, nước này nằm ở phía Bắc nước Đại Uyển, phía Tây nước Ô Tôn, và giáp ranh nước Nhục Chi ở phía Nam. Lãnh thổ của nước này thuộc vùng Trung Á, bao gồm vùng thung lũng Ferghana và bình nguyên giữa hai con sông Amu Darya và Syr Daria (tức là vùng lãnh thổ bao gồm các tỉnh ở phía Bắc Afghanistan, cho đến các quốc gia Kyrgystan và Uzbekistan hiện nay). Dân cư nước này chính là tổ tiên sắc dân Sogdian tại Iran trong hiện thời. Cho đến hiện thời, các nhà nghiên cứu vẫn không đồng ý dứt khoát lý do vì sao người Hoa lại dịch chữ Sogdiana thành Khang Cư!

⁵ Gia Bình (嘉平, 249-254) là niên hiệu thứ hai của Ngụy Thiếu Đế (Tào Phương). Lúc này, quyền thần Tư Mã Sư (con trai Tư Mã Ý) thao túng nhà Tào Ngụy. Năm Gia Bình thứ sáu (254), Tư Mã Sư phế truất Tào Phương, đưa Tào Mao lên thay, đổi niên hiệu thành Chánh Nguyên.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Tại Trung Hoa, kinh Vô Lượng Thọ được phiên dịch nhiều nhất, tổng cộng có tất cả mười hai loại bản dịch, còn giữ được năm bản, bảy bản đã thất truyền, gọi là “*ngũ tồn thất khiếm*” (五存七欠), [có nghĩa là] năm loại còn bảo tồn, bảy loại đã khiếm khuyết. Quý vị tra mục Ngũ Tồn Thất Khiếm trong Phật Học Đại Từ Điển sẽ biết. Vì sao kinh Vô Lượng Thọ được dịch thành mười hai lần? Chúng ta có thể suy luận các vị cao tăng đại đức học pháp môn Tịnh Độ tại Ấn Độ đều dựa vào kinh Vô Lượng Thọ làm công khóa. Căn tánh của người Ấn Độ hoàn toàn tương phản với người Hoa. Người Hoa chuộng đơn giản, kinh văn quá dài sẽ ngại phiền phức; người Ấn Độ khác hẳn, kinh văn quá ngắn họ không thích niệm, kinh văn dài họ mới có hứng thú. Các vị cao tăng học pháp môn Tịnh Độ đều thuộc lòng bộ kinh này. Do đó, các vị cao tăng đại đức Ấn Độ thuộc pháp môn Tịnh Độ đến Trung Hoa hoằng dương Tịnh Độ Tông, họ cho rằng bộ kinh này hay nhất, [cho nên] đều phiên dịch kinh này. Mỗi vị đại đức mang văn bản tiếng Phạn đến, chính Ngài đã thuộc lòng, lại có thể giảng, phiên dịch kinh này một lượt. Lại có một vị đại đức khác đến, dịch thêm lần nữa. Tối thiểu là có mười hai vị cao tăng đại đức phiên dịch, nên có mười hai bản. Thời đó, cao tăng đại đức Ấn Độ học pháp môn Tịnh Độ niệm kinh Vô Lượng Thọ, gần giống như chúng ta niệm kinh A Di Đà trong hiện thời. Hiện nay, gần như chúng ta ai nấy đều có thể niệm kinh A Di Đà. Nhưng trong năm loại bản dịch còn giữ được, đều là dịch chưa đủ hay, vì dịch từ tiếng Phạn của Ấn Độ sang tiếng Hán chẳng phải là chuyện đơn giản! Hiện thời, đối với mọi người, tiếng Anh rất phổ biến, nhưng dịch một bài văn từ tiếng ngoại quốc sang tiếng Hán cũng chẳng dễ, huống hồ là phiên dịch một bộ kinh ư? Đời Tống có một vị cư sĩ là Vương Nhật Hưu đã thâm nhập kinh văn từ năm bản dịch gốc còn giữ được để nghiên cứu, dùng văn tự Trung Hoa để biên tập lần nữa, đặt tên là Đại Bản A Di Đà Kinh.

Kinh văn [của bản biên tập ấy] rất thông thuận, nhưng chẳng có ai niệm. Vì sao? Vì vào thời cổ, sau khi kinh Phật đã được bậc đại đức phiên dịch, nếu quý vị chẳng có bản tiếng Phạn để làm căn cứ, chẳng thể tùy tiện sửa đổi, đó gọi là “*chẳng thể mở ra tiền lệ này*”. Nay quý vị hiềm kinh văn không hay bèn sửa chữa, kẻ khác chê kinh văn không hay, lại sửa tiếp, kinh bị sửa đổi tán loạn. Khi đó, quý vị cho là đã sửa hay lắm, nhưng có thể là sửa đổi hoàn toàn chẳng hay! Kết quả là sửa đổi kinh văn loạn cào cào, phạm vào điều kỵ húy này! Bản do cư sĩ Vương Nhật Hưu biên soạn tuy hay, nhưng chẳng có ai niệm. Hiện

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thời, tôi nói cho mọi người biết, muốn nghiên cứu kinh Vô Lượng Thọ, chẳng ngại dùng bản ấy để tham khảo.

Tới thời Dân Quốc, tại Bắc Bình (Bắc Kinh)⁶, có vị cư sĩ Hạ Liên Cư lại sửa đổi lần nữa. Sửa lần nữa mà cũng chẳng có ai đọc, mà cũng chẳng có ai xem bản ấy, cũng là chẳng nên sửa đổi kinh Phật. Nhất là ông ta đã gộp bốn mươi tám đại nguyện lại, sửa thành hai mươi đại nguyện, mọi người càng cho rằng không nên; do đó, cũng chẳng có ai xem⁷. Trong kinh Phật có một quy củ, quý vị có thể tạo luận, chẳng thể soạn kinh, vì kinh là do đức Phật nói. Thuở đức Phật tại thế, có năm loại người có thể soạn kinh. Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, Bồ Tát, La Hán, cho đến bọn phàm phu Đại Thừa chúng ta chỉ có thể tạo luận, mà luận có hai loại. Loại thứ nhất gọi là Tông Kinh Luận, loại thứ hai là Thích Kinh Luận. Thích (釋) là chữ Thích trong giải thích (解釋). Quý vị cho rằng kinh khó hiểu, có thể giải thích từng đoạn một, từng câu một, tức là [các bản] chú sớ trong hiện thời được gọi là Thích Kinh Luận. Hoặc là do kinh văn dịch chưa đủ hay, quý vị có thể tạo Tông Kinh Luận (宗經論), tức là dựa theo ý chỉ của bộ kinh ấy để tạo ra một bộ luận khác, nhưng chẳng gọi đó là Kinh, chỉ có thể gọi là Luận.

⁶ Bắc Bình là danh xưng của thành phố Bắc Kinh vào thời Dân Quốc. Danh xưng này vốn có từ thời Chiến Quốc, khi đó, Bắc Kinh được gọi là Yên Kinh, trực thuộc Hữu Bắc Bình Quận. Đến thời Nguyên, Yên Kinh được cải danh thành Đại Đô. Do kinh đô nhà Minh đặt ở Kim Lăng, đã đổi Bắc Kinh thành Bắc Bình Phủ. Đến thời Dân Quốc, do chính phủ đóng đô tại Kim Lăng, đã đổi Kim Lăng thành Nam Kinh và gọi Bắc Kinh là Thuận Thiên Phủ. Sau cuộc chiến tranh Bắc Phạt thời Dân Quốc, Bắc Kinh được đổi tên thành Bắc Bình. Cho đến năm 1937, khi Nhật chiếm đóng Bắc Trung Hoa, đã đổi Bắc Bình thành Bắc Kinh. Khi chính quyền Dân Quốc giành lại Bắc Kinh, lại gọi là Bắc Bình, cho đến khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc thành lập, đã đổi Bắc Bình thành Bắc Kinh cho đến nay.

⁷ Đây là quan điểm riêng của lão pháp sư. Do tôn trọng, chúng tôi không lược bỏ đoạn này. Thiển nghĩ, khi chúng ta xem hoặc nghe một bài giảng, có thể dùng con mắt trạch pháp để chọn lấy những điều hay. Do mặt nhân thấy bài giảng này giúp chúng ta hiểu kinh Vô Lượng Thọ, đặc biệt là bản dịch của ngài Khang Tăng Khải được giảng giải rất chi tiết, nên chúng tôi vẫn dịch ra để chúng ta có thêm tài liệu tham khảo, hoàn toàn chẳng phải là tán thành quan điểm phản đối bản hội tập của cụ Hạ. Hơn nữa, tài liệu này được ấn hành và phổ biến bởi Đài Trung Liên Xã, là nơi hoằng đạo của cụ Lý Bình Nam, tức là các đệ tử của cụ không vì một đôi điều vật vãnh mà bỏ qua giá trị của tác phẩm.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Chú giải kinh Vô Lượng Thọ, khi chúng tôi còn là pháp sư nhỏ tuổi, lão pháp sư bảo chúng tôi: “*Để nghiên cứu kinh Vô Lượng Thọ, phải dùng bản dịch của ngài Khang Tăng Khải. Trong năm bản dịch hiện còn, ngài Khang Tăng Khải phiên dịch tốt nhất. Nghiên cứu chú giải thì có thể tham khảo bản Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ do Huệ Viễn đại sư soạn vào đời Tùy, và bộ Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận do cư sĩ Bành Tế Thanh soạn vào đời Thanh*”.

Nay đã giảng xong đề mục kinh, tôi bắt đầu giảng vào kinh văn.

2. Chánh thích kinh văn (chính thức giải thích kinh văn)

Văn từ trong kinh Phật có dài hay ngắn, nhưng đều có quy củ nhất định. Mỗi bộ kinh đều chia thành ba phần lớn: Tự Phần, Chánh Tông Phần và Lưu Thông Phần. Kinh ngắn được chia thành ba phần lớn, mà kinh dài cũng chia thành ba phần lớn. Đây là kết cấu văn tự trong kinh Phật. Bộ kinh này cũng chia thành ba phần lớn; trước hết nói về Tự Phần, nhằm tự thuật duyên do của pháp hội này. Tự Phần được chia thành hai loại, cũng có một quy củ nhất định. Thứ nhất là Chứng Tín Tự (證信序), thứ hai là Phát Khởi Tự (發起序). Chứng Tín Tự được gọi là Lục Chung Thành Tự (六種成就, sáu thứ thành tựu). Giảng xong đoạn kinh văn gồm sáu thứ thành tựu ấy, sẽ chứng tỏ kinh này do đức Phật nói, đoạn kinh văn kế tiếp sẽ là phát khởi. Đối với sáu thứ thành tựu, mỗi bộ kinh đều có một đoạn kinh văn này, bất quá là địa điểm khác nhau, số người khác nhau, chứ sáu loại thành tựu đều như nhau. Đối với Phát Khởi Tự, mỗi bộ kinh đều có phần Phát Khởi Tự riêng cho mỗi bộ. Bộ kinh này có phần Phát Khởi Tự nhất định chẳng giống với những bộ kinh khác! Nay tôi nói trước về Chứng Tín Tự, cũng là sáu thứ thành tựu.

2.1. Tự Phần

2.1.1. Chứng Tín Tự

2.1.1.1. Nêu ra thời điểm và nơi chốn của pháp hội

(Kinh) Ngã văn như thị.

(經)我聞如是。

(Kinh: Tôi nghe như thế này).

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Bộ kinh này chẳng ghi là “*nư thị ngã văn*” mà là “*ngã văn nư thị*”, khác với văn tự trong các bộ kinh khác, nhưng nghĩa lý chẳng hai. Là vì tiếng Phạn đều viết câu văn theo lối đảo ngữ, đại sư Khang Tăng Khải dịch kinh Vô Lượng Thọ đã đảo lại. “*Ngã văn nư thị*” chính là “*nư thị ngã văn*”, đạo lý chẳng khác nhau. Hãy nhớ, chúng ta thuận theo lời văn để nói, đáng lẽ phải giảng hai chữ “*ngã văn*” trước, nhưng trong sáu thứ thành tựu, phải nên giảng hai chữ “*nư thị*” trước, vì “*nư thị*” là Tín Thành Tựu. “*Biển cả Phật pháp, chỉ có lòng tin là có thể tiến nhập*”.

2.1.1.1.1. Nư Thị - Tín Thành Tựu

Trước hết, nói về Tín Thành Tựu (信成就). Đối với hai chữ Nư Thị (如是), dựa theo cách giải thích của các vị pháp sư thời cổ, như trong bộ Di Lặc Thượng Sanh Sớ do ngài Khuy Cơ biên soạn, Ngài nói đã thấy có ba mươi lăm cách giải thích [chữ Nư Thị]. Ngài sưu tập mười sáu cách giải thích hay nhất. Chúng ta chẳng có thời gian để giải thích hai chữ Nư Thị theo mười sáu cách, [bởi nói như thế], có thể là suốt cả tuần cũng giải thích không xong. Tôi giảng kinh luôn dựa theo ba cách giải thích từ cạn đến sâu hòng giải thích minh bạch hai chữ Nư Thị, lại còn giải thích đến lý luận sâu nhất là đủ rồi.

1) Thứ nhất, hai chữ Nư Thị (如是) giải thích nông cạn, dễ hiểu nhất sẽ là “*từ ngữ để chỉ pháp*”. Nư Thị là nói đến bộ kinh này; bộ kinh như thế này là do “*ta*” (tôn giả A Nan) đích thân nghe từ nơi đức Phật. Phật pháp có thể giải thích nông cạn, mà cũng có thể giải thích sâu xa, chớ đừng giải thích sai! Giải thích nông cạn nhất thì Nư Thị nhằm chỉ bộ kinh này.

2) Cách giải thích thứ hai, Nư Thị là từ ngữ tín thuận, biểu thị Tín Thành Tựu. Đức Phật nói như thế nào, chúng ta tín thuận như thế ấy. Chẳng tín thuận, sẽ chẳng phải là Nư Thị. Nư Thị biểu thị sự tín thuận của chúng ta; đây là có tín tâm, có sự thuận theo, nên gọi là “*từ ngữ tín thuận*”. Hai cách này giải thích nông cạn nhất.

3) Cách giải thích thứ ba là giải thích thâm nhập hơn đôi chút: Hai chữ Nư Thị là từ ngữ để hiển lý. Hiển lý gì vậy? Hiển lộ diệu lý Thật Tướng. Trước hết, tôi giải thích hai chữ Nư Thị dựa theo văn tự. Thế nào là Nư? Thế nào là Thị? Bất biến thì gọi là Nư, chẳng sai thì gọi là Thị. Loại pháp nào chẳng biến động thì gọi là Nư, loại pháp ấy quyết định “*vô phi*”, tức là chẳng sai thì mới nói là Thị, tức là đúng

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

như vậy. Dựa vào ý nghĩa văn tự của hai chữ ấy để hiển lý. Pháp gì thì mới là bất biến? Hết thấy các pháp đều có Sanh, Trụ, Di, Diệt, đều có Thành, Trụ, Hoại, Không, đều là vô thường. Vì sao? Nó sẽ biến động. Mỗi người chúng ta, đều do cha mẹ sanh ra ta nên gọi là Sanh. Hiện thời, vẫn còn ở trong thế gian thì gọi là Trụ, nhưng trụ chẳng lâu dài. Bắt đầu từ [thuở còn là] đứa bé đã biến đổi khác biệt, trẻ nhỏ biến thành người lớn, người lớn biến thành ông già bà cả, đó là Di (異, khác). Di là biến dị (變異, đổi khác), biến đổi đến cuối cùng là chết, đã Diệt (滅), chẳng còn nữa. Loài người đã là như vậy, mà hết thấy hữu tình đều là như vậy. Pháp vô tình thì Thành, Trụ, Hoại, Không. Lớn thì như thế giới này, nhỏ thì như một cái bàn, một cái ghế, một chén trà. Thế giới của chúng ta đã hình thành, thành một quả địa cầu, người hiện thời sống trên địa cầu thì gọi là Trụ, nhưng Trụ chẳng lâu xa, dần dần sẽ hoại, đó gọi Thành, Trụ, Hoại. Đã hoại thì địa cầu chẳng còn nữa. Vì sao hiện thời hãy còn có địa cầu? Hiện thời còn chưa đến lúc [địa cầu hư hoại]. Đến tối, quý vị thấy sao băng trên hư không. Đó là tinh cầu bùng nổ, sẽ là Không. To như địa cầu, bé như chén trà, đều là tình trạng ấy, tức Thành, Trụ, Hoại, Không, đều là biến động. Biến động thì chẳng gọi là Như.

“Diệu lý Thật Tướng, xưa nay chẳng thay đổi thì gọi là Như. Nương vào lý Thật Tướng, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quyết định chẳng sai thì gọi là Thị”. Hai câu này do Ngẫu Ích đại sư giải thích trong A Di Đà Kinh Yếu Giải; nếu chúng ta nghe rồi mà chẳng hiểu rõ, làm như thế nào để nương vào diệu lý Thật Tướng, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, tuyệt đối chẳng sai, đó là Thị. Như Thị là từ ngữ hiển thị Lý, [tức là] hiển thị diệu lý Thật Tướng ấy. Dựa vào diệu lý Thật Tướng, niệm danh hiệu A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuyệt đối chẳng sai lầm; đó là Thị. Vì “niệm Phật” là niệm cái tâm của chính mình, đây chính là *“tâm này là Phật”*. Cái tâm của ta là diệu lý Thật Tướng. Nương vào cái tâm diệu lý Thật Tướng của ta để niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; đây là *“tâm này làm Phật”*. Nương theo đạo lý, A Di Đà Phật là tự tánh của ta, Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ là cái tâm của ta. Nhưng chúng ta phải ghi nhớ, muốn chứng đắc *“tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”* thì vẫn là *“tâm này làm Phật”*. “Làm” là tạo tác. Tạo tác chính là niệm danh hiệu A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nương vào diệu lý Thật Tướng để niệm, nương vào cái tâm *“tâm này là Phật”* để niệm, tuyệt đối sẽ chẳng có sai lầm.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Trong Phật môn, Tịnh Độ được gọi là Hữu Môn. [Bởi lẽ], phương Tây có thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc có một vị A Di Đà Phật, chẳng nói đến Không, mà thực hiện từ Có. Để thực hiện từ Có thì phải khởi sự từ Tín, quyết định phải tin tưởng. “*Quyết định phải tin tưởng*” chẳng phải là mê tín, chẳng ép buộc quý vị phải tin, chẳng phải là niềm tin theo kiểu “*tin vào Thượng Đế sẽ được lên thiên quốc. Chẳng tin sẽ không được, chẳng tin tưởng sẽ đọa địa ngục*”. Như vậy thì [Tín trong Tịnh Độ Tông] là như thế nào? Phải nghiên cứu đạo lý này! Trong Phật pháp Đại Thừa ở Trung Hoa, Tịnh Độ Tông là một tông, bảy tông phái kia đều chẳng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, chẳng tán thành tông phái niệm Phật, muốn bài bác đạo lý niệm Phật, vì sao Tịnh Độ Tông có thể kiến lập thành một tông phái, mà họ chẳng thể bài bác được? Vì nó có đạo lý quyết định chẳng bị lay động. Do vậy, quý vị phải tin tưởng điều gì? Tin tưởng niệm A Di Đà Phật là niệm cái tâm của chính mình. Niệm cái tâm của chính mình, vậy thì sanh về Tây Phương vẫn là sanh trong cái tâm của chính mình. Đó là “*tâm này là Phật*”. Tâm này đã là Phật, cần gì phải niệm? Quý vị chẳng niệm A Di Đà Phật, chẳng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, cái “*tâm này là Phật*” của quý vị chỉ là lý luận, chỉ là nói suông! “*Tự tánh Di Đà*” của quý vị làm sao hiển hiện cho nổi? Hiển hiện không được thì “*duy tâm Tịnh Độ*” của quý vị có hiển lộ hay chẳng? Chẳng hiển lộ được! Đây chẳng phải là biến thành nói suông ư?

Phật pháp là mong liễu sanh thoát tử, là mong vượt thoát luân hồi, chẳng phải do nói suông! Nói suông thì trong lúc quý vị một hơi thở hắt ra, không hít vào được nữa, chuyện gì cũng chẳng làm được, quý vị vẫn phải lưu chuyển sanh tử! Do vậy, quý vị đã hiểu “*tâm này là Phật*” rồi, vẫn phải “*tâm này làm Phật*”, dùng cái tâm đã là tâm Phật ấy để tạo thành một vị Phật. “*Tạo thành*” chính là tu hành, tu như thế nào? Tịnh Độ Tông dạy chúng ta một phương pháp: Niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, sẽ biết A Di Đà Phật là chính bản thân ta, Tây Phương Cực Lạc thế giới là chính mình, chẳng hai, chẳng khác! Nhưng sau khi quý vị đã được sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì mới có thể chứng minh sự thật ấy. Nếu không, sẽ là bàn lý luận suông, vẫn là một gã đại phàm phu!

Trong kinh Duy Ma Cật, có một câu nói rất cao sâu, “*tâm tịnh tức thị Phật độ tịnh*”, nghĩa là cái tâm của ta đã tịnh thì cõi Phật sẽ tịnh, tức là Tịnh Độ, [vậy thì] còn phải cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

giới để làm chi nữa? [Vấn hỏi như thế] chính là chấp Lý phế Sự. Quý vị cứ ngỡ là đã thấu hiểu đạo lý trong kinh Duy Ma Cật; thật ra, quý vị chẳng hiểu rõ! Vì sao quý vị chẳng hiểu rõ? Nói “*tâm tịnh thì cõi Phật tịnh*” có sai hay chẳng? Chẳng sai! Sai lầm ở chỗ quý vị chẳng thấu hiểu, cái tâm của quý vị có tịnh hay chưa? Tâm quý vị chẳng tịnh, [đương nhiên là] cõi Phật của quý vị chẳng thể tịnh. Do vậy, quý vị ở trong thế giới Sa Bà này, vẫn ở trong cõi nước ô nhiễm. Cái tâm đã tịnh thì cõi nước sẽ tịnh theo, [khi ấy], cần gì còn phải sanh về Tây Phương chi nữa? Sanh về Tây Phương vẫn chẳng phải là chuyện tùy tiện, đơn giản đâu nhé, quý vị niệm A Di Đà Phật thì mới có thể sanh về. Niệm A Di Đà Phật, quý vị niệm có công phu, phải niệm đến mức nhất tâm bất loạn thì mới có thể sanh về.

Niệm A Di Đà Phật mà niệm đến mức nhất tâm bất loạn tức là khiến cho cái tâm của quý vị tịnh. Niệm A Di Đà Phật là phương pháp gì vậy? Là phương pháp tịnh tâm, niệm đến mức nhất tâm bất loạn, chẳng có hai niệm. Tâm chẳng thanh tịnh mà dần dần trở thành cái tâm thanh tịnh, sẽ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vậy thì quý vị chẳng niệm Phật, tâm quý vị sẽ chẳng tịnh. Chẳng tịnh thì quý vị chẳng sanh về Tây Phương, quý vị vẫn ở trong cõi nước ô nhiễm nơi thế giới Sa Bà, làm chúng sanh khổ não!

Giảng hai chữ Như Thị từ cạn đến sâu, thứ nhất là “*từ ngữ chỉ pháp*” nhằm chỉ bộ kinh này. Thứ hai là “*từ ngữ tín thuận*”, đức Phật thuyết pháp, chúng ta tuyệt đối tin tưởng, tuyệt đối thuận tùng, từ ngữ tín thuận gọi là Như Thị. Thứ ba là “*từ ngữ để hiển lý*”, hiển lộ diệu lý Thật Tướng, xưa nay bất biến thì là Như. Nương vào diệu lý Thật Tướng, niệm Phật cầu sanh thế giới Cực Lạc, quyết định chẳng sai, đó là Thị.

2.1.1.1.2. Ngã Văn - Văn Thành Tự

Lại nói đến hai chữ Ngã Văn (我聞). Trong Ngã Văn, Ngã (我) là tôn giả A Nan tự xưng. Thuở đức Phật tại thế, chẳng có kinh bản. Lời đức Phật nói được gọi là Kinh. Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật nhập Niết Bàn, các đệ tử ghi chép lời Phật thuyết pháp, gọi là kinh Phật, có kinh Tiểu Thừa và kinh Đại Thừa. Kinh Tiểu Thừa cũng do tôn giả A Nan đọc thuộc lòng, tôn giả Ca Diếp làm thủ lãnh, có năm trăm vị đại A La Hán kết tập Kinh Tạng. Kinh Đại Thừa cũng do tôn giả A Nan đọc thuộc lòng, nhưng do Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát kết tập.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Hai chữ Như Thị là Tín Thành Tụ, tuyệt đối phải tin tưởng. “*Biển cả Phật pháp, chỉ Tín mới có thể vào*”. Hai chữ Ngã Văn là Văn Thành Tụ (聞成就). Quý vị tin mà chẳng nghe kinh sẽ không được! Phật lý cần phải nghe cho nhiều, tôn giả A Nan đa văn bậc nhất, Ngài đã nêu gương cho chúng ta. Chúng ta lắng nghe cho nhiều, đó gọi là Văn Thành Tụ. Giải thích câu “*như thị ngã văn*” nông cạn, dễ hiểu nhất, sẽ là “*tôi là tôn giả A Nan đích thân được nghe bộ kinh Vô Lượng Thọ này từ chỗ đức Phật*”.

(Kinh) Nhất thời, Phật trụ Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn trung.

(經)一時，佛住王舍城，耆闍崛山中。

(Kinh: Một thời, đức Phật ở thành Vương Xá, ngụ trong núi Kỳ Xà Quật).

2.1.1.1.3. Thời Thành Tụ

“*Nhất thời*” (一時) là nói tới thời gian giảng kinh. Đối với thời gian giảng kinh, bất luận bộ kinh nào cũng đều ghi là “*nhất thời*”, chẳng ghi năm nào, tháng nào, ngày nào. Vì sao? Vì thuở đức Phật tại thế, khắp Ấn Độ có hơn mười sáu nước hùng mạnh, các nước nhỏ còn chưa tính tới. Mỗi nước có tục lệ bất đồng, chẳng có cách nào ghi chép năm, tháng, ngày [thống nhất]. Phật Thích Ca có lúc thuyết pháp tại nhân gian, có khi thuyết pháp trên trời; “năm, tháng, ngày” càng chẳng có cách nào ghi chép. Do vậy, chẳng ghi năm nào, tháng nào, ngày nào, chỉ ghi là Nhất Thời.

Các vị đại đức thời cổ giải thích Nhất Thời như sau: “*Su tu đạo hợp, thuyết thính cứu cánh*” (Thầy trò hợp đạo, nói nghe rất ráo). “*Su tu đạo hợp*”: “*Su*” (師) là thầy, “*tu*” (資) là đệ tử. Thầy giảng kinh, đệ tử nghe kinh, đạo hòa hợp. Thầy muốn giảng kinh, trò muốn nghe kinh, đạo ấy tương hợp thì gọi là “*su tu đạo hợp*”. “*Thuyết thính cứu cánh*”: Thầy nói bộ kinh này đã nói viên mãn. “*Cứu cánh*” (究竟) có nghĩa là viên mãn. Đệ tử nghe kinh đã nghe viên mãn, nghe đến rốt cùng, đó gọi là “*thuyết thính cứu cánh*”. Nói gộp chung lại là “*su tu đạo hợp, thuyết thính cứu cánh*”, khoảng thời gian ấy được gọi là Nhất Thời.

Thời gian thành tựu hết sức quan trọng. Chẳng có thời gian thành tựu, sẽ chẳng thể giảng kinh. Thuở đức Phật tại thế đã là như thế, hiện

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thời càng quan trọng hơn! Vì trong hiện thời, thế giới đại loạn, thầy bằng lòng giảng kinh, các vị bằng lòng nghe kinh, mà vẫn chẳng có cách nào mở pháp hội, vì chẳng thái bình! Do vậy, hiện thời chẳng có chiến tranh, chúng ta còn có thể giảng kinh, còn có thể nghe kinh, thời gian này hết sức quý báu, hy vọng mọi người phải nắm vững thời gian quý báu này, đừng nên lãng phí thời gian, phải nghiêm túc nghe, hãy lắng nghe cho kỹ!

2.1.1.1.4. Chủ Thành Tựu

Một chữ Phật là loại thành tựu thứ tư, được gọi là Chủ Thành Tựu (主成就), [nói về] vị chủ trì thuyết pháp. Phật là vị chủ trì thuyết pháp, tiếng Phạn là Phật Đà Da (Buddhaya). Chữ Da là âm cuối trong lời ăn tiếng nói, thường bị lược đi, tiếng Phạn gọi là Phật Đà, dịch sang tiếng Hán là Giác Giả. Giác Giả (覺者) là một vị đại giác ngộ. Vì sao không dịch chữ “bậc đại giác ngộ” thành Giác Giả? Vì chữ Phật Đà trong tiếng Phạn có ba thứ ý nghĩa là “*tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn*” thì mới gọi là Phật Đà. Ngài đã tự mình giác ngộ, đồng thời sẽ còn giác ngộ người khác, thì gọi là “*tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn*”. Giác hạnh viên mãn chính là “*cứu cánh*” trong “*thuyết thỉnh cứu cánh*” (nói và nghe đều rốt ráo) vừa được nói trên đây. Tự giác thì giác đến mức rốt ráo, giác tha thì cũng có thể làm cho người khác giác đến chỗ rốt ráo. Tự giác viên mãn, giác tha viên mãn, đó là “*giác hạnh viên mãn*”, như thế mới gọi là Phật Đà. Đây chính là danh xưng để gọi bậc đức tôn vượt trời chín pháp giới.

Lục phạm pháp giới: Ba thiện đạo và ba ác đạo, sáu đường này đều là phạm phu, gọi là “*lục phạm pháp giới*”. Lục phạm pháp giới bất giác, bất giác là đang mê. Lục phạm pháp giới mê chứ chẳng giác. Thánh nhân Nhị Thừa đã giác ngộ, mong liễu sanh tử, thoát tam giới, chuyển phạm thành thánh, [tức là] chuyển phạm phu thành thánh nhân, tự mình đã giác ngộ. Hàng Nhị Thừa chẳng phát đại tâm giác ngộ kẻ khác. Phật không chỉ vượt trời lục phạm bất giác, mà còn vượt trời sự tự giác của hàng Nhị Thừa, lại còn phải giác tha. Đại Thừa Bồ Tát cũng giác tha, nhưng bản thân Đại Thừa Bồ Tát vẫn chưa thành Phật, giác tha chẳng viên mãn, tự giác cũng chẳng viên mãn. Vì vậy, chỉ có thể gọi là Bồ Tát. Phật vượt trời Bồ Tát; do đó, Phật vượt trời lục phạm pháp giới, vượt trời tam thừa thánh nhân pháp giới, là đáng đức tôn vượt trời chín pháp giới, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, nên gọi

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

là Phật.

Sáu thứ thành tựu chính là sáu loại nhân duyên, nay ta nói là “hội đủ sáu điều kiện thì mới thành tựu một pháp hội giảng kinh”. Trong sáu điều kiện ấy, Phật là Chủ Thành Tựu, là điều kiện chủ yếu. Năm thứ nhân duyên khác của pháp hội này đều trọn đủ, nhưng chẳng có vị chủ trì thuyết pháp, pháp hội ấy vẫn chẳng thể thành tựu.

Pháp hội giảng kinh của chúng ta trong hiện tại cũng giống như thế, chẳng có pháp sư, làm sao pháp hội thành tựu cho được? Do vậy, mời một vị pháp sư đến giảng kinh cho chúng ta, pháp sư là điều kiện chủ yếu, rất quan trọng, rất ưu quan trọng! Nếu gặp đức Phật giảng kinh, quý vị có thể ngay lập tức đại triệt đại ngộ. Không chỉ là đại triệt đại ngộ, mà còn có thể ngay lập tức chứng quả, vì đức Phật thuyết pháp ứng theo căn cơ, giống như danh y trị bệnh. Danh y, chẳng phải là dung y (庸醫, thầy thuốc dốt nát, vụng về). Người ấy vừa nhìn là có thể thấy căn nguyên bệnh tật của quý vị, một thang thuốc uống vào đã lành bệnh. Dung y cũng mong trị lành bệnh cho quý vị, nhưng chẳng tìm ra căn nguyên chứng bệnh. Trước hết, cho quý vị uống một hai thang thuốc thử xem; do vậy, sẽ tốn thời gian. Nếu gặp Phật, quý vị đến nghe pháp, sẽ đạt được lợi ích rất lớn. Không chỉ là khai ngộ, mà còn chứng quả. Đáng tiếc là chúng ta chẳng đủ thiện căn để chẳng ra đời trước Phật hay chẳng ra đời sau Phật. Trước Phật và sau Phật là một trong tám nạn, học Phật pháp gặp phải nạn duyên (難緣, duyên gây chướng nạn). Tức là khi Phật Thích Ca xuất thế, chẳng biết chúng ta đang đọa địa ngục ở nơi đâu? Đợi đến khi quý vị từ địa ngục thoát ra, Phật Thích Ca đã nhập Niết Bàn hơn hai ngàn năm, đây là sự bất hạnh của chính mình! May là hiện thời có kinh Vô Lượng Thọ, nghe xong hãy khéo phát tâm, niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương, thân cận A Di Đà Phật. Quý vị đến Tây Phương nghe A Di Đà Phật thuyết pháp, hoa nở thấy Phật, liền nghe Phật thừa, nhanh chóng khai Phật huệ. Ở bên ấy rất nhanh chóng, vì A Di Đà Phật biết căn cơ của chúng ta, Ngài có thể ứng cơ mà thuyết pháp.

“Đón khai Phật huệ” là ngay lập tức mở mang trí huệ của Phật. Nay nói đến pháp hội của chúng ta, pháp sư Đạo Nguyên tôi đây làm chủ. Tôi chẳng dám kiêu căng, ngã mạn, nói Đạo Nguyên lỗi lạc cỡ nào! Tôi muốn kính khuyên quý vị, quý vị hãy khéo lắng nghe. Vì Đạo Nguyên đã giảng kinh vài chục năm, tôi có thể giải thích văn tự cho quý vị, giải thích ý nghĩa, nêu rõ lý, khuyên tu hành, chắc chắn sẽ nói đơn giản sao cho quý vị hiểu rõ. Trong kinh Phật, Phật Thích Ca cũng

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

khuyên chúng ta “*danh sư nan ngộ*” (bậc thầy hữu danh khó gặp), tôi không đáng được coi là danh sư, nhưng tôi có thể giảng kinh Phật rõ ràng cho quý vị. Hiện thời đã đến thời đại Mạt Pháp, quý vị muốn tìm một vị pháp sư giảng đơn giản, dễ hiểu cho quý vị thì vẫn là khó gặp. Quý vị chẳng biết pháp sư Đạo Nguyên giảng được lắm, hằng ngày cứ đầy vọng tưởng chuyện này, chuyện kia, quý vị có quá nhiều chuyện, chẳng đên nghe. Về sau, quý vị muốn tìm Đạo Nguyên, có còn tìm được nữa chăng? Tôi nói những lời này chẳng phải là tăng bóc chính mình, mà nhằm khuyên quý vị phát tâm muốn nghe pháp, phải nghiêm túc nghe cho hết bộ kinh Vô Lượng Thọ này!

2.1.1.1.5. Xứ Thành Tựu

“*Phật trụ Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn trung*”: Đức Phật ở tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật. Đây là món thành tựu thứ năm, tức Xứ Thành Tựu (處成就). Xứ (處) là xứ sở, tức là chỗ để giảng kinh.

“*Wương Xá thành*” là tên gọi của một kinh đô. Không giảng kinh trong thành Vương Xá (Rājagṛha) mà là ở trên núi ngoài thành, quả núi ấy tên là “*Kỳ Xà Quật sơn*” (Gr̥dhṛakūṭa), dịch sang tiếng Hán là Linh Thú Sơn. “*Thú*” (鷲) là chim ưng, được gọi là “*thú điều*” (鷲鳥). Loài ưng này rất có linh cảm, nên gọi là Linh Thú. Cổ nhân có mấy cách giải thích:

1) Một cách nói là loài chim thú này có linh khí. Loại linh thú ấy sống trong núi đó, nên gọi là Linh Thú Sơn.

2) Một cách giải thích khác, núi ấy có hình dáng giống như đầu chim thú; do vậy còn gọi là Thú Đầu Sơn (鷲頭山, núi có hình đầu chim ưng). Năm xưa, Đạo Nguyên triều bái thánh địa, đã đến triều bái núi Linh Thú, [quả thật trông thấy núi ấy] có hình dáng như đầu chim thú, nên gọi là Linh Thú Sơn. Kinh Vô Lượng Thọ được nói ở núi Linh Thú, kinh Pháp Hoa nổi tiếng nhất cũng được giảng tại núi Linh Thú. Tôi đến triều bái thánh địa, cùng rất nhiều người triều bái Linh Thú Sơn. Sáng sớm thức dậy, tôi cùng mười mấy người cùng nhau trèo lên núi, triều bái Linh Thú Sơn. Trèo lên đầu núi, chẳng có khoảng đất trống nào. Như trong giảng đường của chúng ta lớn hay nhỏ, sẽ có chỗ dựng tháp. [Trên núi Linh Thú] chẳng có tháp. Vào hơn một ngàn năm trước, Phật giáo Ấn Độ đã bị lũ giặc Hồi Giáo hủy hoại, toàn thể các thánh địa Phật giáo tại Ấn Độ đều bị phá hoại, tất cả

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

các tòa tháp đều bị phá hoại. Mọi người đến Linh Thứu Sơn đều thắp nhang, lễ bái. Do nhang mang theo chẳng có lư hương, đều cắm xuống đất. Tôi cũng mang theo nhang để cắm, cũng khấu đầu đánh lễ, nhưng trong lòng hoài nghi, có sao chẳng có chỗ đất trống, nói kinh Pháp Hoa thì nói như thế nào đây? Nói kinh Pháp Hoa lâu đến tám năm, đương nhiên là bậc đại Bồ Tát đều có thể tĩnh tọa trong hang đá. Kinh Pháp Hoa có nói người nghe pháp trong pháp hội khi ấy quá đông, Thích Ca Mâu Ni Phật phải mở rộng thế giới Sa Bà. Đó là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Còn có các quốc vương, đại thần, phàm phu, họ chẳng thể ngồi trong hang đá, ngồi ở chỗ nào đây? Trong tâm rất hoài nghi, nhưng chẳng dám nói. Triều bái thánh địa dựa vào tín tâm của chúng ta, khấu đầu đánh lễ là được rồi. Đợi đến khi xuống núi Linh Thứu, đi về phía trước, thấy có một tấm biển, hiện thời, Phật giáo tại Ấn Độ đã bị hủy hoại, Bà La Môn giáo cũng hủy báng Phật giáo, nhưng họ muốn chèo kéo khách nước ngoài đến vãn cảnh, [cho nên] phải sửa sang những thánh tích ấy. Ở chỗ nói kinh Pháp Hoa trên núi Linh Thứu, có một tấm biển viết bằng tiếng Anh, tôi không đọc được, người phiên dịch vừa thấy bèn nói: Phía dưới có một di tích cũ gọi là tháp Pháp Hoa. Trong tâm tôi dấy lên ý niệm, “đã có câu trả lời rồi!” Tháp Pháp Hoa nhất định là nơi để nói kinh Pháp Hoa, cách đó không xa lắm. Trông thấy tháp ấy có một tấm biển, nói rõ tháp vốn có bảy tầng để kỷ niệm nơi [Đức Phật nói] kinh Pháp Hoa. Do bọn giặc Hồi kéo đến, ngay cả tháp lẫn tự viện đều bị phá hoại. Tín đồ chẳng có cách nào, tự mình phá hủy bốn tầng, chừa lại ba tầng dưới, dùng đất vùi lấp. Nay đào đất ra, mới có ba tầng tháp Pháp Hoa ấy, tôi mới tìm được câu trả lời. Đức Phật nói kinh Pháp Hoa là nói ở dưới chân núi Linh Thứu, chẳng phải là ở trên đỉnh núi. Ngọn núi giống như đầu chim linh thú, nên gọi là Linh Thứu Sơn.

Xứ Thành Tụ là nhân duyên rất quan trọng. Chẳng có một nơi chốn thì giảng kinh sẽ giảng ở chỗ nào? Tôi vừa mới nói Phật, Bồ Tát có thể giảng trên hư không, hoặc giảng trên trời, nhưng phàm phu sẽ chẳng có cách nào được lợi ích nghe pháp, nhất định phải có một xứ sở [trong nhân gian]. Nay chúng ta cũng vậy, giảng kinh ắt cần phải có giảng đường. Chẳng có giảng đường, sẽ giảng ở chỗ nào, nghe ở chỗ nào? Vì thế, điều kiện xứ sở hết sức quan trọng!

Kế tiếp là món thành tựu thứ sáu, gọi là Chúng Thành Tụ (眾成就). Pháp hội đã có năm thứ thành tựu trên đây, nhưng chẳng có người nghe kinh, vẫn chẳng thể thành tựu. Dưới đây là các vị đại tỳ-

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

kheo và các vị đại Bồ Tát. Những vị thánh chúng nghe kinh ấy được gọi là Chúng Thành Tựu.

2.1.1.2. Liệt kê đại chúng cùng nghe kinh

2.1.1.2.1. Thanh Văn chúng

2.1.1.2.1.1. Phân định rõ loại đại chúng này

(Kinh) Dữ đại tỳ-kheo chúng.

(經)與大比丘眾。

(Kinh): Cùng các vị đại tỳ-kheo).

[Kinh chép] “*dữ đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu, nhất thiết đại thánh, thân thông dĩ đạt*” (cùng các vị đại tỳ-kheo một vạn hai ngàn người nhóm họp, hết thầy đại thánh thân thông đã đạt). “*Dữ đại tỳ-kheo chúng*” (Cùng các vị đại tỳ-kheo) nhằm trước hết nói về chúng Thanh Văn, cũng là chúng tỳ-kheo. Đức Phật là vị chủ thuyết pháp, đức Phật cùng các vị đại tỳ-kheo [tụ tập giảng kinh, nghe kinh]. Tỳ-kheo (Bhikṣu) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán có ba ý nghĩa, tức Bồ Ma, Khất Thực và Phá Ác.

1) Khi tỳ-kheo sắp đặng tỳ-kheo đàn, thọ giới tỳ-kheo, cung ma chân động, ma vương kinh hãi, nên gọi là Bồ Ma (怖魔, làm cho ma kinh hoàng).

2) Người ấy xuất gia, bỏ hết tài sản trong nhà để xuất gia. Sau khi đã xuất gia thì phải ôm bát xin cơm, nên gọi là Khất Thực (乞食).

3) Vì sao phải bỏ tài sản trong nhà? Vì đoạn phiền não, phá trừ ác pháp, nên gọi là Phá Ác (破惡).

Tỳ-kheo đứng đầu trong bốn chúng đệ tử của Phật. Loại thứ hai là tỳ-kheo-ni, người nữ xuất gia thì gọi là tỳ-kheo-ni. “Ni” (尼) [trong tiếng Phạn] là nữ, [danh xưng] tỳ-kheo-ni (Bhikṣuni) cũng bao hàm ba ý nghĩa (Bồ Ma, Khất Thực, Phá Ác) trên đây. Hai loại đệ tử tại gia là Ưu-bà-tắc (Upāsaka, cận sự nam) và Ưu-bà-di (Upāsikā, cận sự nữ). Nêu ra loại thứ nhất là tỳ-kheo, nhưng trên thực tế, bốn loại đệ tử đều có.

“*Đại tỳ-kheo*”: “*Đại*” là tỳ-kheo Đại Thừa. Kinh Vô Lượng Thọ thuộc về kinh điển Đại Thừa. Các vị ấy vốn học pháp Thanh Văn, trước là học pháp Tiểu Thừa, nên gọi là tỳ-kheo. Đến pháp Đại Thừa, các vị ấy hồi Tiểu hướng Đại, nên gọi là “*đại tỳ-kheo*”.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Chúng*”: Tỳ-kheo là một chúng. “*Chúng*” (眾) là dịch từ hai chữ Tăng Già. Chúng ta niệm kinh A Di Đà thấy chép “*đại tỳ-kheo tăng*”, [ở đây] dịch chữ Tăng thành Chúng.

2.1.1.2.1.2. Biện định số lượng

(Kinh) Vạn nhị thiên nhân câu.

(經) 萬二千人俱。

(Kinh: Một vạn hai ngàn người nhóm họp).

Những kinh khác đều nói là một ngàn hai trăm năm mươi người, bộ kinh Vô Lượng Thọ này nêu ra số lượng tỳ-kheo rất đông, có đến một vạn hai ngàn người. Một vạn hai ngàn người là nói về Thường Tỳ Chúng, số lượng những người nghe pháp khác còn nhiều hơn nữa.

2.1.1.2.1.3. Tán thán đức hạnh của các Ngài

(Kinh) Nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt.

(經) 一切大聖，神通已達。

(Kinh: Hết thầy đại thánh, thần thông đã đạt).

“*Đại thánh*” nếu chỉ nói theo Thanh Văn Thừa sẽ là Tứ Quả A La Hán. Chứng Sơ Quả thì gọi là thánh nhân, Nhị Quả, Tam Quả cũng gọi là thánh nhân, chẳng gọi là đại thánh. Chứng đắc Tứ Quả mới được gọi là đại thánh. [Chữ Đại Thánh] không chỉ là nói về Tứ Quả A La Hán, mà còn nhằm nói đến thánh nhân Đại Thừa. Các Ngài đã chứng quả A La Hán, lại học pháp Đại Thừa. Tam Hiền, Thập Thánh⁸ đều có thể chứng đắc; do vậy, gọi là thánh nhân Đại Thừa.

“*Thần thông dĩ đạt*”: Nói thông thường, có sáu loại thần thông, tức Thiên Nhân Thông, Thiên Nhĩ Thông, Túc Mạng Thông, Tha Tâm Thông, Thần Túc Thông, và Lậu Tận Thông. Sáu loại thần thông này không gì chẳng thông đạt, nhưng phải nhớ: “*Thần thông dĩ đạt*” ở sau “*nhất thiết đại thánh*”, [hàm nghĩa] quý vị đã chứng đắc địa vị thánh nhân Đại Thừa, tự nhiên sẽ là “*thần thông đã đạt*”. Học Phật pháp thì trước hết là học đoạn phiền não. Đã chứng thánh quả, chẳng cần phải

⁸ Tam Hiền là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Thập Thánh chính là Thập Địa Bồ Tát.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

cầu thần thông. Quý vị đã chứng đắc quả vị thánh nhân, tự nhiên sẽ có thần thông. Quý vị học Phật pháp mà học thần thông trước, chưa đạt được thần thông mà đã bị ma dựa trước! Bị ma dựa, sẽ sanh ra bệnh thần kinh. Điều này rất quan trọng, hãy nhớ kỹ!

2.1.1.2.1.4. Liệt kê danh xưng

(Kinh) Kỳ danh viết: Tôn giả Liễu Bản Tế, tôn giả Chánh Nguyên, tôn giả Chánh Ngữ, tôn giả Đại Hiệu, tôn giả Nhân Hiền, tôn giả Ly Cầu, tôn giả Danh Văn, tôn giả Thiện Thật, tôn giả Cụ Túc, tôn giả Ngưu Vương, tôn giả Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, tôn giả Già Da Ca Diếp, tôn giả Na Đề Ca Diếp, tôn giả Ma Ha Ca Diếp, tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Đại Mục Kiền Liên, tôn giả Kiếp Tân Na, tôn giả Đại Trụ, tôn giả Đại Tịnh Chí, tôn giả Ma Ha Châu Na, tôn giả Mãn Nguyên Tử, tôn giả Ly Chướng, tôn giả Lưu Quán, tôn giả Kiên Phục, tôn giả Diện Vương, tôn giả Dị Thừa, tôn giả Nhân Tánh, tôn giả Gia Lạc, tôn giả Thiện Lai, tôn giả La Vân, tôn giả A Nan, giai như tư đẳng thượng thủ giả dã.

(經)其名曰：尊者了本際、尊者正願、尊者正語、尊者大號、尊者仁賢、尊者離垢、尊者名聞、尊者善實、尊者具足、尊者牛王、尊者優樓頻螺迦葉、尊者伽耶迦葉、尊者那提迦葉、尊者摩訶迦葉、尊者舍利弗、尊者大目犍連、尊者劫賓那、尊者大住、尊者大淨志、尊者摩訶周那、尊者滿願子、尊者離障、尊者流灌、尊者堅伏、尊者面王、尊者異乘、尊者仁性、尊者嘉樂、尊者善來、尊者羅云、尊者阿難，皆如斯等上首者也。

(Kinh: Tên các Ngài là tôn giả Liễu Bản Tế, tôn giả Chánh Nguyên, tôn giả Chánh Ngữ, tôn giả Đại Hiệu, tôn giả Nhân Hiền, tôn giả Ly Cầu, tôn giả Danh Văn, tôn giả Thiện Thật, tôn giả Cụ Túc, tôn giả Ngưu Vương, tôn giả Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, tôn giả Già Da Ca Diếp, tôn giả Na Đề Ca Diếp, tôn giả Ma Ha Ca Diếp, tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Đại Mục Kiền Liên, tôn giả Kiếp Tân Na, tôn giả Đại Trụ, tôn giả Đại Tịnh Chí, tôn giả Ma Ha Châu Na, tôn giả Mãn Nguyên Tử, tôn giả Ly Chướng, tôn giả Lưu Quán, tôn giả Kiên Phục, tôn giả Diện Vương, tôn giả Dị Thừa, tôn giả Nhân Tánh, tôn giả Gia

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Lạc, tôn giả Thiên Lai, tôn giả La Vân, tôn giả A Nan, đều là các bậc thượng thủ như vậy).

Tiếp đó là ba mươi một vị tôn giả. Chúng ta niệm kinh A Di Đà, thấy nêu tên mười sáu vị tôn giả, bộ kinh Vô Lượng Thọ này nêu ra ba mươi một vị tôn giả. “*Tôn giả*” có ý nghĩa giống như “*trưởng lão*” (Mahāthera) trong Tiểu Bản A Di Đà Kinh, tức là “*đức lạc câu túc*”, có nghĩa là đạo đức cao, giới lạc⁹ lớn, vì thế gọi là Trưởng Lão. Ở đây, “*tôn giả*” có ý nghĩa đạo đức lẫn giới lạc đều trọn đủ, nên mới được người khác tôn kính, cũng có nghĩa là vị ấy đạo đức to lớn, giới lạc sâu dày, nên mới gọi là Tôn Giả. Nếu phối hợp với đoạn văn trước thì không chỉ là đại tỳ-kheo, mà còn là thánh nhân Đại Thừa. Vì thế, gọi là Tôn Giả. Cả ba mươi một vị trên đây đều là Tôn Giả.

Vị thứ nhất là Liễu Bản Tế. Phật Thích Ca thành Phật, trước hết độ năm vị tỳ-kheo, vị khai ngộ đầu tiên là Kiều Trần Như (Ājñātakauṇḍinya), dịch sang tiếng Hán là Liễu Bản Tế. “*Liễu*” (了) là liễu đạt (了達). Bản Tế (本際) là bản tánh. Ngài khai ngộ Phật Tánh mà chính mình sẵn có, đã thông đạt cái lý sẵn có [trong tự tâm], nên gọi là Liễu Bản Tế. Đức Phật độ năm vị tỳ-kheo, Ngài là người khai ngộ đầu tiên, nên được nêu tên đầu tiên. Liễu Bản Tế là Kiều Trần Như. Theo kinh Kim Cang, đời trước, Kiều Trần Như là vua Ca Lợi (Kalābu). Ca Lợi Vương dịch sang tiếng Hán là Cực Ác Quốc Vương! Khi Thích Ca Mâu Ni Phật còn chưa thành Phật, Ngài làm Nhẫn Nhục tiên nhân (Kṣhāntivāda), tu hạnh nhẫn nhục, gặp phải vua Ca Lợi không nói đạo lý. Ông ta là quốc vương có thế lực, cầm thanh gươm chặt đứt chân tay của Nhẫn Nhục. Khi ấy, Nhẫn Nhục tiên nhân phát nguyện: “*Ta tuyệt đối chẳng có tâm sân hận. Nay ta phát nguyện, trong tương lai thành Phật, sẽ độ người đầu tiên*”. Khi đó, ác quốc vương sanh lòng hổ thẹn, cầu sám hối; từ đây trở đi, sửa lỗi, hướng thiện. Nhẫn Nhục tiên nhân tu hành thành Phật là Thích Ca Mâu Ni Phật, vua Ca Lợi cũng tu hành, tu cho đến khi Phật Thích Ca xuất thế, Ngài bèn xuất gia làm tỳ-kheo, tức Kiều Trần Như. Do vậy, đức Phật độ người đầu tiên là vua Ca Lợi.

⁹ Giới Lạc (戒腊) còn gọi là Pháp Lạc, Hạ Lạc, hoặc Tọa Lạc, tức là số năm tu hành kể từ khi thọ Cụ Túc Giới. Nếu nói nghiêm ngặt, Hạ Lạc hay Tọa Lạc là số lần dự an cư kết hạ sau khi đã thọ Cụ Túc Giới, năm nào chẳng an cư sẽ không tính vào Hạ Lạc. Pháp Lạc (Tăng Lạc) thì đôi khi được hiểu rộng hơn, tính từ ngày xuống tóc, tức là kể cả thời gian làm điệu (làm tiểu) trước khi thọ giới Sa-di.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

Đây là nói đến Tự Phần của bộ kinh này, mọi người nghe kinh Phật phải chú ý. Kinh Phật ví như ăn mật, chính giữa hay ngoài rìa đều ngọt. Nghe kinh thì nghe từ đầu, nghe khúc giữa, hay nghe phần sau, [đều là] “*sơ thiện, trung thiện, hậu thiện*”. Bắt đầu nghe là sự tốt đẹp ban đầu. “*Thiện*” là tốt đẹp. Trung gian cũng là thiện hảo, nghe đoạn cuối cùng là Lưu Thông Phần vẫn tốt đẹp. Giống như ăn mật ong, quý vị ăn miếng thứ nhất là ngọt, miếng thứ hai cũng ngọt, ăn đến miếng cuối cùng vẫn ngọt. Chính giữa hay ngoài rìa đều ngọt. Quý vị nghe đến đâu bèn học đến đó.

Sau danh hiệu của những vị tôn giả này, [kinh còn nêu] công đức của hàng Bồ Tát, đều nhằm dạy chúng ta học, nêu gương cho chúng ta. Danh hiệu của Phật được gọi là “*vạn đức hồng danh*”, “*hồng danh*” (洪名) tức là đại danh (danh xưng to lớn), thường nói là “*đại danh đỉnh đỉnh*” (大名鼎鼎, danh cao chót vót, danh nổi như cồn). Ngài có danh xưng to lớn, to cỡ nào? Trọn đủ một vạn công đức, gọi là “*vạn đức hồng danh*”. Những vị tôn giả ấy, danh hiệu của mỗi vị đều có đủ một phần công đức, hợp lại thành một vạn hai ngàn vị, tức là có một vạn hai ngàn công đức. Những điều này đều nhằm bảo chúng ta hãy học theo.

- Vị tôn giả thứ nhất là Liễu Bồn Tế. Trước hết, quý vị phải hiểu rõ chính mình vốn sẵn có Phật tánh. Đây là công phu thuộc bước đầu tiên. Quý vị chẳng hiểu rõ Phật tánh, làm sao có thể chứng thánh quả cho được? Do vậy nói: “*Giảng đến đâu, học đến đó*”. Liễu đạt bồn tánh tức là chính mình khai ngộ, ngộ Phật tánh vốn có của chính mình, mình tâm kiên tánh, đại triệt đại ngộ. Kiên tánh là đã thấy Bồn Tế, làm thế nào để có thể thấy Bồn Tế? Quý vị đoạn phiền não, đoạn ba căn bản phiền não, tức là tham, sân, si. Tham, sân, si là căn bản phiền não, nhưng dữ dội nhất là sân phiền não. Quý vị dấy lòng sân khuê, không chỉ là chẳng thể tu hành, mà tất cả công đức của quý vị đều bị phá hoại. Do vậy, “*lửa sân khuê có thể đốt trụi rừng công đức*”. Đó gọi là “*một niệm sân tâm khởi, trăm vạn chương môn khai*”. Nó có thể dẫn đến khá nhiều chương ngại. Vì thế, thứ nhất là quý vị phải đoạn sân hận phiền não. Chẳng đoạn cái tâm sân khuê, quý vị sẽ vĩnh viễn chẳng thể liễu Bồn Tế. Vì sao nói đến Kiền Trần Như, nói đến kinh Kim Cang? Vì kinh Kim Cang mọi người đều đã niệm, có thể là có người chưa từng niệm kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Kim Cang đặc biệt hữu duyên với người Hoa. Ai nấy đều biết công án này. Nói đến công án ấy có phải là đã đi quá xa [chủ đề đang giảng] hay không? Chẳng xa! Quý vị muốn học được, muốn liễu Bồn Tế, phải đoạn cái tâm sân hận. Để độ chúng

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

sanh thì phải là oán thân bình đẳng. Phật Thích Ca làm Nhẫn Nhục tiên nhân vì sao có thể thành Phật? Oán thân bình đẳng. Đối với vua Ca Lợi đã chặt đứt chân tay mình, đức Phật phát nguyện độ nhà vua trước. Đối với oan gia đối đầu thì phải bình đẳng. Ngay khi ấy, vua Ca Lợi cầu sám hối, bằng lòng học theo Ngài; kết quả là Phật Thích Ca đã thành Phật, vua Ca Lợi chuyển sanh làm Kiều Trần Như, bèn khai ngộ đầu tiên, liễu đạt bản tánh, đều là do đoạn cái tâm sân hận thì mới đạt được lợi ích chân thật trong Phật pháp.

- Vị thứ hai là tôn giả Chánh Nguyện (tức ngài Mã Thắng - Aśvajit). “*Nguyện*” (願) là chí nguyện, ngoại đạo phát nguyện thì là tà nguyện, hàng Nhị Thừa phát nguyện thì là “*thiên nguyện*” (偏願, nguyện lệch lạc). Ngoại đạo tà chú chẳng chánh, hàng Nhị Thừa thì thiên lệch, chẳng chánh. Phải là nguyện do đệ tử Đại Thừa đã phát thì mới là “*chánh nguyện*”, tức là mong tự lợi, lợi người khác. Phát Bồ Đề đại nguyện như vậy thì là “*chánh nguyện*”.

- Vị thứ ba là tôn giả Chánh Ngữ (tức ngài Ly Bà Đa - Revata). Trong Bát Chánh Đạo có Chánh Ngữ (Samyag-vāk). Ngữ (語) có nghĩa là nói năng. Lời lẽ của phàm phu đều là ngu si, điên đảo, chẳng gọi là Chánh Ngữ. Lời nói của ngoại đạo là lời lẽ tà tri tà kiến, cũng chẳng gọi là Chánh Ngữ. Nếu có thể nói pháp Đại Thừa, rộng độ hết thấy chúng sanh thì mới là Chánh Ngữ. Vì những gì quý vị nói ra đều có thể lợi ích chúng sanh, gieo thiện căn cho chúng sanh, khuyên dạy chúng sanh phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo, độ hết thấy chúng sanh đều thành Phật. Lời lẽ nào cũng đều chẳng chánh đáng bằng những lời này. Vì thế, lời lẽ nói về pháp Đại Thừa được gọi là Chánh Ngữ. [Vị tôn giả Chánh Ngữ này] đối ứng với tôn giả Chánh Nguyện trong phần trên. Chúng ta học phát đại nguyện Bồ Đề, mong độ hết thấy chúng sanh, độ bằng cách nào? Quý vị học giảng kinh, học Chánh Ngữ. Chẳng biết giảng kinh thì phải học. Giảng kinh thì không biết giảng, do không biết giảng mới phải học. Phải học giảng kinh thì mới có thể thỏa mãn đại nguyện Bồ Đề của quý vị.

- Vị thứ tư là tôn giả Đại Hiệu (Mahānāma). Hiệu (號) là tên gọi. [Đại Hiệu là] danh hiệu to lớn, tức là có tiếng tăm to lớn. Tham danh, tham lợi là phiền não. Đức Phật đại danh, cái danh ấy hoàn toàn chẳng do tham mà có. Thanh danh là “*thật chí danh quy*” (có thực chất thì sẽ nổi tiếng). Có công đức chân thật, tự nhiên chúng sanh biết đến đại danh. Vì thế, gọi là Đại Hiệu, tức là danh hiệu to lớn.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

- Vị thứ năm là tôn giả Nhân Hiền (Bhadrika). Có lòng nhân từ và hiền đức thì gọi là Nhân Hiền.

- Vị thứ sáu là tôn giả Ly Cấu (Vimala). Cấu (垢) là phiền não. Xa lìa phiền não tức là xa lìa ô nhiễm thì là Ly Cấu.

- Vị thứ bảy là tôn giả Danh Văn (Yasas). Tiếng tăm thông thấu trọn khắp, vị này chính là ngài Ma Ha Câu Hy La (Mahākausthila) trong kinh A Di Đà, vấn đáp bậc nhất.

- Vị thứ tám là tôn giả Thiện Thật (Subahu). Có đức hiền thiện, có đức chân thật, nên gọi là Thiện Thật.

- Vị thứ chín là tôn giả Cự Túc (Purnaka Purnajit), [hàm ý] phước trọn đủ, huệ trọn đủ. Do phước lẫn huệ đều trọn đủ, nên gọi là Cự Túc.

- Vị thứ mười là tôn giả Ngưu Vương. “*Ngưu vương*” (牛王, trâu chúa) là từ ngữ để tán thán. Ấn Độ tán thán một người nào lỗi lạc thì khen là Ngưu Vương, hoặc ca ngợi là Tượng Vương (象王, voi chúa), chẳng phải là Ngưu Ma Vương trong Tây Du Ký! Ngưu Vương [ở đây] chính là tôn giả Kiều Phạm Ba Đề (Gavāṃpati) như chúng ta niệm trong kinh A Di Đà, còn dịch là Ngưu Tư (牛司, trâu nhời). Vì đời trước Ngài thốt ra một câu ác khẩu, do có một vị tỳ-kheo già đã rưng rưng, trong khi ứng cúng, tướng miệng nhai rất khó coi. Ngài nói vị tỳ-kheo già ấy ăn cơm giống như trâu đang nhời cỏ. Do thốt ra một câu nói ác miệng ấy, chuộc lấy quả báo! Đời kế tiếp, Ngài bị tướng xấu ấy, ăn cơm giống như trâu nhời cỏ. Về sau, khi Ngài chẳng ăn cơm, miệng vẫn nhóp nhép. Do vậy, mọi người trông thấy đều cười cợt Ngài. Cười cợt đều là tạo khẩu nghiệp. Vì thế, đức Phật chẳng cho Ngài thọ cúng dường trong nhân gian, mà bảo Ngài đến nhận sự cúng dường của cõi trời. Chư thiên có thần thông, biết đời trước Ngài đã tạo ra cái nghiệp ác khẩu, mắc lấy quả báo, ai cũng đều chẳng dám cười cợt Ngài. Vì thế, Ngài được xưng tụng là “*thọ thiên cúng dường đệ nhất*” (được cõi trời cúng dường bậc nhất). Vì Ngài là một vị A La Hán, Ngài lại hồi Tiểu hướng Đại; do đó, tán thán Ngài là Ngưu Vương.

- Vị thứ mười một là tôn giả Ưu Lô Tàn Loa Ca Diếp (Uruvilvā-kāśyapa), dịch sang tiếng Hán là Mộc Qua Lâm (rừng cây đu đủ). Ngài tu đạo là tu hành trong rừng Mộc Qua.

- Vị thứ mười hai là tôn giả Già Da Ca Diếp (Gayā-kāśyapa). Chữ Diếp (葉) [trong tiếng Phổ Thông] đọc là Shè (叶), [Già Da trong] tiếng Hán là Tượng Đầu Sơn (núi đầu voi). Ngài tu hành ở

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Tượng Đầu Sơn.

- Vị thứ mười ba là tôn giả Na Đề Ca Diếp (Nadī-kāśyapa). Na Đề là sông. Ngài tu hành ở bên sông.

Ba vị tôn giả trên đây được gọi là Tam Ca Diếp. Ba anh em các Ngài đều xuất gia học theo ngoại đạo, cầm đầu ngoại đạo. Ba người các Ngài được đức Phật giáo hóa. Tính gộp cả đồ chúng vốn có của ba vị là một ngàn người, đều cùng nhau theo Phật xuất gia.

- Vị thứ mười bốn là tôn giả Ma Ha Ca Diếp (Mahākāśyapa), dịch sang tiếng Hán là Đại Âm Quang (大飲光). Quang minh trên thân Ngài có thể hút mất các thứ quang minh khác. Sau khi Phật Thích Ca nhập Niết Bàn, Ngài là Tổ Sư đời thứ nhất của Thiên Tông, là vị Đầu Đà bậc nhất. Đệ tử Phật có năm vị tôn giả Ca Diếp, bộ kinh này chỉ nói bốn vị. Trong năm vị tỳ-kheo được đức Phật hóa độ [đầu tiên], có một vị tên là Thập Lực Ca Diếp (Daśabalakāśyapa).

- Vị thứ mười lăm là tôn giả Xá Lợi Phất (Śāriputra). Xá Lợi Phất dịch sang tiếng Hán là Thân Tử (身子), còn dịch là Thu Tử (鶻子). Xá Lợi (Śāri) là tên của mẹ ngài Xá Lợi Phất. Vì thân tướng của mẹ Ngài trang nghiêm, nên dịch thành Thân Tử. Mắt của mẹ ngài Xá Lợi Phất rất xinh đẹp, giống như mắt chim Thu, nên có tên là Thu Tử. Trong chúng Thanh Văn, Ngài là trí huệ bậc nhất, cũng là bậc đương cơ trong kinh Di Đà.

- Vị thứ mười sáu là tôn giả Đại Mục Kiền Liên (Mahā-Maudgalyayana), dịch sang tiếng Hán là Đại Thái Thục Thị. Thái Thục Thị (采菽氏) là họ của Ngài, Ngài thần thông bậc nhất.

- Vị thứ mười bảy là tôn giả Kiếp Tân Na (Kappina), dịch sang tiếng Hán là Phòng Tú (房宿)¹⁰. Cha mẹ Ngài cầu đảo sao Phòng Tú mà sanh ra Ngài.

- Vị thứ mười tám là tôn giả Đại Trụ. Hồi Tiểu hướng Đại, nghe pháp Đại Thừa rồi tu hành đạt đến địa vị Tam Hiền, đạt tới địa vị Thập Trụ, gọi là “*nhập Trụ*”. Chẳng thoái chuyển, đạt đến Đẳng Địa Bồ Tát thì là Đại Trụ. Ngài đích thân chứng Pháp Thân nên gọi là Đại Trụ.

- Vị thứ mười chín là tôn giả Đại Tịnh Chí (Mahākātyāyana). Chí (志) là chí nguyện. Phát đại nguyện, độ hết thủy chúng sanh. Tịnh (淨)

¹⁰ Sao Phòng là một tinh tòa trong Nhị Thập Bát Tú, có tên gọi đầy đủ là Phòng Nhật Thố, ở phương Đông, thuộc cương vực Thanh Long trong cổ thiên văn của Trung Hoa. Tinh tòa này gồm bảy ngôi sao là Phòng, Câu Kiềm, Kiện Bế, Phạt, Đông Hàm, Tây Hàm, mặt trời, và Tùng Quan.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

là thanh tịnh. Phát đại nguyện độ hết thủy chúng sanh mà chẳng chấp tướng thì gọi là Đại Tịnh Chí.

- Vị thứ hai mươi là tôn giả Ma Ha Châu Na (Mahacunda). Ma Ha là đại, Châu Na là diệu lý. [Ma Ha Châu Na là] đại diệu lý. Ngài chứng đắc diệu lý Thật Tướng chẳng thể nghĩ bàn.

- Vị thứ hai mươi mốt là tôn giả Mãn Nguyện Tử, còn gọi là Mãn Tử Tử. Đây là tên dịch theo nghĩa của danh xưng Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử (Purna Maitrayani-putra) trong tiếng Phạn. Ngài thuyết pháp bậc nhất.

- Vị thứ hai mươi hai là tôn giả Ly Chương (Anuruddhā). Xa lìa tam chương, tức Hoặc chương, nghiệp chương, và báo chương.

- Vị thứ hai mươi ba là tôn giả Lưu Quán (Sundara-nanda). Lưu (流) tức là pháp lưu, giảng kinh thuyết pháp cho người khác nghe. Quán (灌) là tưới đẫm, giáo hóa hết thủy chúng sanh, dùng pháp tưới đẫm chúng sanh.

- Vị thứ hai mươi bốn là tôn giả Kiên Phục (Kampila). Dùng tâm kiên cố để hàng phục hết thủy phiến não.

- Vị thứ hai mươi lăm là tôn giả Diện Vương (Mogharaja), mặt như trăng tròn. Đức Phật có ba mươi hai tướng, mặt như trăng tròn, đây là một trong các tướng hảo. Vị tỳ-kheo này có tướng hảo ấy. Đức Phật tán thán tỳ-kheo Diện Vương, giống như Tử Lộ của Nho gia, Ngài mặc ca-sa rách, còn quý vị ăn vận đẹp đẽ cách mấy vẫn chẳng sánh bằng Ngài. Ngài có công phu ấy.

- Vị thứ hai mươi sáu là tôn giả Dị Thừa (Parayanika). Dị Thừa là khác với Nhị Thừa. Dị (異) là không giống nhau. Ngài hồi Tiểu hướng Đại, hành hạnh Đại Thừa.

- Vị thứ hai mươi bảy là tôn giả Nhân Tánh (Subhuti). Nhân Tánh là bản tánh nhân từ.

- Vị thứ hai mươi tám là Gia Lạc (Nondika), Gia (嘉) là rất tốt đẹp. Ngài có pháp lạc tươi đẹp, tốt lành.

- Vị thứ hai mươi chín là tôn giả Thiện Lai (Susvāgata). Thiện Lai là thiện căn chín muồi. “*Thiện lai tỳ-kheo*”: Quý vị đến đây tốt lắm, nên gọi là Thiện Lai. Người ấy thiện căn chín muồi, gặp Phật bèn đắc độ, khai ngộ, chứng quả. Người ấy thiện căn chín muồi, còn thiếu một bước gặp Phật [là có thể đắc độ]. Sau khi Phật Thích Ca thành Phật, vị ấy đến xuất gia, đức Phật quan sát căn cơ của chúng sanh. Vừa trông thấy thiện căn của người ấy đã chín muồi, quý vị đến đây hay

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

quá! [Bèn gọi] “*Tỳ-kheo! Thiện lai tỳ-kheo*”. Vừa gọi, [người ấy] râu tóc tự rụng, y ca-sa choàng trên thân, nhất thời chứng Tứ Quả.

- Vị thứ ba mươi là tôn giả La Vân. La Vân chính là La Hầu La (Rāhula), [La Vân] là một cách phiên âm tiếng Phạn khác [của chữ La Hầu La]. [Dịch nghĩa sang] tiếng Hán là Giá Chướng (遮障, ngăn che, chướng ngại). Ngài là Thái Tử của đức Phật.

- Vị thứ ba mươi mốt là tôn giả A Nan (Ānanda), dịch sang tiếng Hán là Khánh Hy. Ngài sanh nhằm ngày Phật Thích Ca thành đạo; vừa chúc mừng đức Phật thành đạo, vừa chúc mừng Ngài sanh ra, vì thế, gọi là Khánh Hy. Ngài đa văn bậc nhất, hết thầy kinh tạng được kết tập đều là do tôn giả A Nan [trùng tuyên].

“*Giai như tư đẳng thượng thủ giả dã*” (Đều là các vị thượng thủ như vậy). Nói gộp chung ba mươi mốt vị trên đây, tức là một vạn hai ngàn vị đại tỳ-kheo thầy đều giống như ba mươi mốt vị tôn giả trên đây, đều là Thượng Thủ. “*Giai như tư đẳng*” là nói ba mươi mốt vị này đều là bậc Thượng Thủ, đều là bậc Thượng Tọa¹¹, nói rõ một vạn hai ngàn vị tỳ-kheo đều là như thế cả.

Trong quyển thượng của bộ Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ, Huệ Viễn đại sư đã viết: “*Kim thử thả liệt tam thập nhị nhân giai như tư đẳng Thượng Thủ giả dã*” (Nay kể ra ba mươi hai người ấy đều là bậc Thượng Thủ như thế đó). Ngài nói có ba mươi hai vị tôn giả, nhưng Đạo Nguyên tính đi tính lại, chỉ có ba mươi mốt vị tôn giả. Chánh kinh ghi ba mươi mốt vị tôn giả, trong quyển thượng của bộ Nghĩa Sớ của Ngài (Huệ Viễn) cũng là ba mươi mốt vị tôn giả. Lại tra trong bộ Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận, vẫn là ba mươi mốt vị tôn giả, không

¹¹ Thượng Tọa (Sthavira), đôi khi còn được dịch là Trưởng Lão, chính là danh xưng tỏ vẻ tôn kính dành cho bậc có tư cách cao quý trong Tăng đoàn. [Thời đức Phật], những vị xuất gia được mọi người tôn kính, có đạo đức, tư cách, và giới luật đáng được tôn trọng, chẳng cần biết độ tuổi và pháp lập như thế nào, đều được gọi là Thượng Tọa (khác với cách hiểu hiện thời trong Phật giáo Việt Nam. Theo quy chế hiện thời của Phật giáo Việt Nam, Thượng Tọa là một danh xưng của hàng giáo phẩm). Theo quy chế từng lâm Trung Hoa, Thượng Tọa là một chức vị trong Tam Cương (Thượng Tọa, Trụ Trì và Duy Na) của một từng lâm. Trong đó, Thượng Tọa là vị giới lập cao nhất, có đạo đức tu học, đáng làm khuôn mẫu cho đại chúng, nhưng vị này đóng vai trò danh dự, không quản lý sự vụ. Trụ Trì hay Phương Trượng là người quản lý trực tiếp mọi sự vụ. Duy Na có trách nhiệm duy trì giới luật, đốc thúc tăng chúng cầu học, kiêm nhiệm chủ trì nghi lễ trong tự viện, chứ không phải chỉ là người dẫn lễ như sau này.

biết từ khi nào đã lược bớt một vị, chỉ có ba mươi một vị tôn giả, chẳng có ba mươi hai vị tôn giả!

2.1.1.2.2. Bồ Tát chúng

2.1.1.2.2.1. Nêu rõ sự sai biệt của loại đại chúng này

(Kinh) Hựu dữ Đại Thừa chúng Bồ Tát câu.

(經)又與大乘眾菩薩俱。

(Kinh: Lại cùng với chúng Đại Thừa Bồ Tát nhóm họp).

Chữ Hựu (lại) diễn tả: Cùng với chúng Thanh Văn trong phần trước. “Hựu dữ Đại Thừa chúng” (Lại cùng với chúng Đại Thừa): “Đại Thừa chúng” là đại Bồ Tát. “Câu” (俱) là cùng tụ lại một chỗ.

2.1.1.2.2.2. Liệt kê danh tự của các Ngài

(Kinh) Phổ Hiền Bồ Tát, Diệu Đức Bồ Tát, Từ Thị Bồ Tát đấng, thữ Hiền Kiếp trung nhất thiết Bồ Tát. Hựu Hiền Hộ đấng thập lục Chánh Sĩ, Thiện Tư Nghị Bồ Tát, Tín Huệ Bồ Tát, Không Vô Bồ Tát, Thần Thông Hoa Bồ Tát, Quang Anh Bồ Tát, Huệ Thượng Bồ Tát, Trí Tràng Bồ Tát, Tịch Căn Bồ Tát, Nguyên Huệ Bồ Tát, Hương Tượng Bồ Tát, Bảo Anh Bồ Tát, Trung Trụ Bồ Tát, Chế Hạnh Bồ Tát, Giải Thoát Bồ Tát, giai tuân Phổ Hiền đại sĩ chi đức.

(經)普賢菩薩、妙德菩薩、慈氏菩薩等，此賢劫中一切菩薩，又賢護等十六正士，善思議菩薩、信慧菩薩、空無菩薩、神通華菩薩、光英菩薩、慧上菩薩、智幢菩薩、寂根菩薩、願慧菩薩、香象菩薩、寶英菩薩、中住菩薩、制行菩薩、解脫菩薩，皆遵普賢大士之德。

(Kinh: Phổ Hiền Bồ Tát, Diệu Đức Bồ Tát, Từ Thị Bồ Tát v.v... là hết thảy các vị Bồ Tát trong Hiền Kiếp này. Lại có mười sáu vị Chánh Sĩ thuộc nhóm Hiền Hộ, tức Thiện Tư Nghị Bồ Tát, Tín Huệ Bồ Tát, Không Vô Bồ Tát, Thần Thông Hoa Bồ Tát, Quang Anh Bồ Tát, Huệ Thượng Bồ Tát, Trí Tràng Bồ Tát, Tịch Căn Bồ Tát, Nguyên Huệ Bồ Tát, Hương Tượng Bồ Tát, Bảo Anh Bồ Tát, Trung Trụ Bồ Tát, Chế Hạnh Bồ Tát, Giải Thoát Bồ Tát, đều tuân theo phẩm đức của Phổ Hiền đại sĩ).

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Tiếp đó, nêu ra danh tự của mấy vị Thượng Thủ. “*Phổ Hiền Bồ Tát, Diệu Đức Bồ Tát, Từ Thị Bồ Tát đấng*”: Nêu ra danh tự của ba vị Bồ Tát, xếp Phổ Hiền Bồ Tát đứng đầu, vì pháp môn Tịnh Độ chủ trương tu hành, chủ trương hạnh môn, mà Phổ Hiền Bồ Tát được gọi là Đại Hạnh Bồ Tát.

Diệu Đức Bồ Tát là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, dịch sang tiếng Hán là Diệu Đức. Ngài có công đức chẳng thể nghĩ bàn, vì Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát là thầy của bảy vị Phật. Nay ở trước Phật Thích Ca, Ngài thị hiện thân phận đệ tử, công đức chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy, gọi là Diệu Đức.

Từ Thị Bồ Tát chính là Di Lặc Bồ Tát. Di Lặc dịch sang tiếng Hán là Từ Thị. Từ Thị tức là họ Từ, Ngài tên là A Dật Đa (Ajita), dịch sang tiếng Hán là Vô Năng Thắng (無能勝, không ai có thể vượt hơn), là Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Giả.

“*Thử Hiền Kiếp trung nhất thiết Bồ Tát*” (Hết thấy các vị Bồ Tát trong Hiền Kiếp này): Ở đây là tổng kết. Trang Nghiêm Kiếp là kiếp Trang Nghiêm (Vyūhakalpa) trong đời quá khứ, có một ngàn vị Phật xuất thế. Hiện tại là Hiền Kiếp (Bhadrakalpa), có một ngàn vị Phật xuất thế. Vị lai là Tinh Tú Kiếp (Naksatra kalpa), có một ngàn vị Phật xuất thế.

Trong tết Nguyên Đán, rất nhiều tự viện đều lay Thiên Phật Sám, thực tế là Tam Thiên Phật Danh. Lay ba ngàn vị Phật là ba ngàn vị Phật trong ba kiếp, tức Quá Khứ Trang Nghiêm Kiếp, Hiện Tại Hiền Kiếp, và Vị Lai Tinh Tú Kiếp, mỗi kiếp đều có một ngàn vị Phật xuất thế. “*Thử Hiền Kiếp trung nhất thiết Bồ Tát*” nói như thế nào? Phải biết Hiền Kiếp có một ngàn vị Phật xuất thế, Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ tư trong Hiện Tại Hiền Kiếp, còn có chín trăm chín mươi sáu vị Phật sẽ xuất thế, hãy còn có những vị Bồ Tát chưa xuất thế. Do vậy, chín trăm chín mươi sáu vị Bồ Tát sẽ thành Phật trong Hiền Kiếp đều hiện diện trong pháp hội này.

“*Hựu Hiền Hộ đấng thập lục Chánh Sĩ*” (Lại có mười sáu vị Chánh Sĩ thuộc nhóm Hiền Hộ): “*Hựu*” là lại có một loại Bồ Tát khác trong hàng Đại Thừa Bồ Tát chúng.

“*Chánh Sĩ*” (正士) còn dịch là Bồ Tát, cũng còn được dịch là Khai Sĩ (開士). Đây là hàng tại gia Bồ Tát. Lại có thêm mười sáu vị tại gia Bồ Tát thuộc nhóm Hiền Hộ. Đây là nói chung, kể đó là danh tự riêng của từng vị.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

- Vị thứ nhất là Hiền Hộ (Bhadra-pāla) Bồ Tát¹².
- Vị thứ hai là Thiện Tư Nghị Bồ Tát. Tại gia Bồ Tát có tư tưởng Đại Thừa Phật pháp, nên có tên là Thiện Tư Nghị Bồ Tát.
- Vị thứ ba là Tín Huệ Bồ Tát, tín ngưỡng Đại Thừa, có trí huệ Đại Thừa, nên tên là Tín Huệ Bồ Tát.
- Vị thứ tư là Không Vô Bồ Tát, thấy hết thấy là Không, đối với hết thấy các pháp đều quán Không.
- Vị thứ năm là Thần Thông Hoa Bồ Tát. Tại gia Bồ Tát tu hành cũng có thể đắc thần thông. Thần Thông là trong địa vị tu nhân, có một thứ gọi là Thông Hoa, trong địa vị tu nhân của Bồ Tát, sẽ có được loại hoa ấy.
- Vị thứ sáu là Quang Anh Bồ Tát. Quang Anh là trí huệ. Tại gia Bồ Tát khai phát đại trí huệ, trí huệ bậc nhất.
- Vị thứ bảy là Huệ Thượng Bồ Tát. Huệ Thượng và Quang Anh có cùng ý nghĩa. Trí huệ tối thượng thì gọi là Huệ Thượng Bồ Tát.
- Vị thứ tám là Trí Tràng Bồ Tát. Đã đạt được trí huệ cao, có thể dựng cao pháp tràng.
- Vị thứ chín là Tịch Căn Bồ Tát. Căn (根) là sáu căn, Tịch (寂) là tịch diệt. Tuy Ngài là tại gia Bồ Tát, lại trì giới xuất gia, sáu căn tịch diệt thanh tịnh, trọn chẳng tham luyến hồng trần.
- Vị thứ mười là Nguyện Huệ Bồ Tát, có nguyện Đại Thừa, có trí huệ Đại Thừa.
- Vị thứ mười một là Hương Tượng Bồ Tát: Tượng (voi) biểu thị đại hạnh của Ngài. Hương Tượng là voi chúa trong các con voi.
- Vị thứ mười hai là Bảo Anh Bồ Tát. Xét trong hàng tại gia nếu quy y Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, Ngài anh tuấn nhất.
- Vị thứ mười ba là Trung Trụ Bồ Tát. Trụ (住) là an trụ. [Trung Trụ là] an trụ nơi Trung Đạo.
- Vị thứ mười bốn là Chế Hạnh Bồ Tát. Chế Hạnh tức là trì giới hết sức tinh tấn.
- Vị thứ mười lăm là Giải Thoát Bồ Tát. Do trì giới tinh tấn, có thể giải thoát phiền não. Nhưng đến đây tôi cũng tính ra, kể cả Hiền Hộ

¹² Do ngài Đạo Nguyên không nói gì về ngài Hiền Hộ, xin trích phần chú giải trong sách Danh Nghĩa Tập như sau: “*Bạt Đà Bà La dịch là Hiền Hộ, tự gìn giữ hiền đức, lại hộ trì chúng sanh. Hoặc dịch là Hiền Thủ, do Ngài ở địa vị Đẳng Giác là Thượng Thủ của các bậc hiền nhân*”.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Bồ Tát, chỉ có mười lăm vị Bồ Tát, kinh văn nói “mười sáu vị Chánh Sĩ”, chẳng biết bỏ mất ở đâu một vị¹³!

Cuối cùng, tổng kết lại: “*Giai tuân Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (Đều tuân theo đức hạnh của Phổ Hiền đại sĩ). Mười sáu vị tại gia Bồ Tát phải học theo hàng xuất gia Bồ Tát. Xuất gia Bồ Tát thì Phổ Hiền Bồ Tát là vị đứng đầu. Những vị này đều tuân thủ công đức của Phổ Hiền Bồ Tát, học theo Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát tu hành như thế nào, tại gia Bồ Tát bèn học theo tu hành như thế đó! Tóm lại, mười sáu vị tại gia Bồ Tát ấy, đều trọn đủ công đức của Phổ Hiền Bồ Tát, vì họ tuân thủ công đức của Phổ Hiền Bồ Tát. Trong phần trước đã nhắc đến hàng xuất gia Bồ Tát, trong phần liệt kê danh xưng của các vị thủ lãnh của hàng tại gia Bồ Tát, đã kể ra rất nhiều vị đại Bồ Tát, các Ngài thấy đều tuân thủ phẩm đức của Phổ Hiền đại sĩ. “*Phổ Hiền đại sĩ*” chính là Phổ Hiền Bồ Tát, bậc nhất trong các vị đại Bồ Tát. “*Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” là trọn đủ các phẩm đức của chư Phật. Chúng ta học Phật thì trước hết là học theo Bồ Tát. Học theo Bồ Tát chính là học theo Phổ Hiền Bồ Tát. Học theo Phổ Hiền Bồ Tát thì cũng là học theo chư Phật. Đối với câu kinh văn này, phải chú ý chữ Tuân (遵) là tuân thủ. Tuân thủ thì sẽ phụng hành, tức là chư đại Bồ Tát thấy đều học theo Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát có công đức gì, các vị đại Bồ Tát này đều tuân thủ, đều phụng hành. Vì thế, đều học thành bậc đại Bồ Tát.

2.1.1.2.2.3. Tán thán đức của các Ngài

2.1.1.2.2.3.1. Tán thán Quyền Đức và Thật Đức

2.1.1.2.2.3.1.1. Tán thán đại lược đức hạnh của các Ngài

(Kinh) Cụ chư Bồ Tát vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức chi pháp, du bộ thập phương, hành quyền phương tiện.

(經)具諸菩薩無量行願，安住一切功德之法。遊步十方，行權方便。

(Kinh: Trọn đủ vô lượng hạnh nguyện của các vị Bồ Tát, an trụ trong hết thấy các pháp công đức, du hóa mười phương, thực hiện phương tiện quyền biến).

¹³ Theo cụ Hoàng Niệm Tổ, các bản khác đều chép thiếu Huệ Biện Tài Bồ Tát, chỉ riêng bản Đường dịch (bản dịch của ngài Bồ Đề Lưu Chí) ghi tên vị này.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Cụ chư Bồ Tát vô lượng hạnh nguyện*” (Trọn đủ vô lượng hạnh nguyện của các vị Bồ Tát): Không chỉ trọn đủ công đức của Phổ Hiền Bồ Tát, lại còn trọn đủ công đức của hết thầy Bồ Tát. Hết thầy đại hạnh đại nguyện của Bồ Tát đều trọn đủ. “*An trụ nhất thiết công đức chi pháp*” (An trụ trong hết thầy các pháp công đức): “*An trụ*” tức là chẳng thoái chuyển, vì các Ngài học theo những vị xuất gia Bồ Tát, hết thầy đại hạnh đại nguyện đều học hiểu, ngay cả đại hạnh đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát cũng đều học hiểu. Vì thế, “*an trụ nhất thiết công đức chi pháp*”. Trong món thành tựu thứ sáu là Chúng Thành Tựu, đã giảng xong Thanh Văn chúng đại tỳ-kheo, lại nói về Bồ Tát chúng, [trong Bồ Tát chúng] có xuất gia Bồ Tát và tại gia Bồ Tát. Dưới đây còn có một đoạn lớn nói về công đức của những vị Bồ Tát ấy.

Toàn thể bản kinh chia thành ba phần lớn. Phần thứ nhất là Tụ Phần, trong Tụ Phần chia thành hai loại. Loại thứ nhất là Chúng Tín Tụ. Trong Chúng Tín Tụ có sáu loại thành tựu. Loại thứ sáu gọi là Chúng Thành Tựu, đây là đại chúng nghe kinh thành tựu. Trong Chúng Thành Tựu có hai loại đại chúng, thứ nhất là Thanh Văn chúng, thứ hai là Bồ Tát chúng. Thanh Văn chúng đã nói xong. Các vị Bồ Tát thủ lãnh trong pháp hội cũng đã nói xong, tiếp đó là tán thán công đức của các vị đại Bồ Tát. Nói về Bồ Tát chúng thì phải tán thán công đức của những vị đại Bồ Tát. Đoạn văn này rất dài, chẳng giống các kinh khác. Trong Chúng Tín Tụ của các kinh khác, chỉ kể rõ có bao nhiêu Thanh Văn chúng. Chúng ta thường niệm kinh A Di Đà, thấy phần nói về chúng trời người [như sau]: “*Dữ đại tỳ-kheo tăng, thiên nhị bách ngũ thập nhân câu*” (Cùng với các vị đại tỳ-kheo tăng, một ngàn hai trăm năm mươi người nhóm họp). Một hai câu giới thiệu là xong!

Bộ kinh Vô Lượng Thọ này nói đến Bồ Tát chúng, bèn tán thán công đức của Bồ Tát, lại còn tán thán rất nhiều. Vì sao tán thán công đức của Bồ Tát nhiều ngàn ấy? Vì kinh Vô Lượng Thọ là kinh Đại Thừa. Kinh Đại Thừa lấy các vị đại Bồ Tát làm đương cơ, nhằm dạy chúng ta học theo những vị đại Bồ Tát. Học theo đại Bồ Tát thì hãy xem các Ngài phát tâm như thế nào? Tu hành ra sao? Chúng ta hãy khéo theo chân các vị đại Bồ Tát ấy. Do vậy mới tán thán công đức của những vị Bồ Tát ấy rất nhiều!

Tôi vừa mới nói “tán thán công đức của Bồ Tát, nhằm nêu gương cho chúng ta”, chúng ta học Phật bằng cách nào? Trước hết là học theo Bồ Tát. Học theo Bồ Tát thì học như thế nào? Học theo Phổ Hiền Bồ Tát. Chúng ta học chẳng thành Bồ Tát, chẳng phải là do nghe ít, mà là

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

vì chẳng tuân thủ. Nghe giảng xong, kinh đi đảnh kinh, chúng ta đi đảnh chúng ta, chẳng hề tuân thủ phụng hành. Do vậy nghe kinh, chữ Tuân rất quan trọng. Chư đại Bồ Tát đều học theo Phổ Hiền Bồ Tát, tuân thủ phụng hành đức của Phổ Hiền Bồ Tát. “*Cụ chư Bồ Tát vô lượng hạnh nguyện*” (Đầy đủ vô lượng hạnh nguyện của các Bồ Tát): Lại còn đối với hạnh nguyện của các vị đại Bồ Tát thầy đều học hiểu, nên nói là “*cụ túc*” (đầy đủ). Hết thầy các vị đại Bồ Tát đều phát đại nguyện, lập đại hạnh. Những vị đại Bồ Tát ấy thầy đều trọn đủ đại nguyện và đại hạnh của hết thầy các vị Bồ Tát. “*An trụ nhất thiết công đức chi pháp*” (An trụ trong hết thầy các pháp công đức): Công đức của những vị đại Bồ Tát ấy cũng là pháp công đức của chư Phật. Chúng ta phải tuân thủ, phải phụng hành, phải trì, phải học.

Chúng ta là Sơ Phát Tâm Bồ Tát, chẳng thể an trụ. Vì sao chẳng thể an trụ? Vì chúng ta chẳng thể hàng phục cái tâm vọng tưởng. Tâm vọng tưởng là tâm phiền não. Phiền não căn bản nhất trong cái tâm phiền não là tham, sân, si. Tâm tham, tâm sân hận, và tâm ngu si đang làm chủ, chúng ta chẳng làm chủ được! Biết rõ chuyện này là công đức, nhưng người ấy chẳng làm. Vì sao chẳng làm? Chẳng phải là dấy tâm tham, thì cũng là dấy tâm sân hận. Chẳng dấy tâm sân hận thì là dấy tâm ngu si, gây chướng ngại cho nó. Nếu an trụ trong địa vị Bồ Tát, viên mãn Thập Tín, dự vào địa vị Thập Trụ, sẽ chẳng thoái chuyển. Đây vẫn là Tương Tự Bất Thoái Chuyển, chứ thật sự an trụ trong Bất Thoái Chuyển sẽ là đảnh địa Bồ Tát (những vị Bồ Tát chứng đắc từ Sơ Địa trở lên), tức là những vị Pháp Thân đại sĩ đã đích thân chứng Pháp Thân, các Ngài mới có thể “*an trụ trong hết thầy các pháp công đức*”. Hàng phục tham, sân, si, thì cũng coi như là đoạn trừ chúng nó, [khiến cho] phiền não chẳng dấy lên được. Muốn đoạn sạch [tham, sân, si] thì chẳng có cách nào đoạn được, trước hết là hàng phục khiến cho chúng nó chẳng dấy lên. Đó là “*tiên phục, hậu đoạn*”, [tức là để] đoạn phiền não thì trước là chế phục, sau là đoạn trừ. Chúng ta hiểu ý nghĩa này.

Đoạn phiền não nói dễ lắm, trước hết là hàng phục nó, nhưng hàng phục bằng cách nào đây? Tu pháp công đức cho nhiều. Tức là công đức của chư đại Bồ Tát, công đức của chư Phật, chúng ta đều học theo, quán tưởng những công đức ấy, chẳng làm thì vẫn không quen! Đây là bàn theo kinh nghiệm. Quý vị làm công đức sẽ quen, chứ quý vị chẳng làm sẽ vẫn không quen, [cứ làm quen tay] sẽ có sức mạnh. Hàng phục tham, sân, si, khiến cho chúng chẳng thể dấy lên được. Cứ tinh tấn dụng công, đã tinh tấn lại càng tinh tấn hơn, sẽ có thể triệt để hàng

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

phục phiến não, sẽ đoạn hết phiến não. Đây là có thể “*an trụ trong hết thấy các pháp công đức*”. Đây là các vị đại Bồ Tát đã an trụ. Các Ngài là hàng Bồ Tát thuộc địa vị Thập Trụ, là đẳng địa Pháp Thân đại sĩ, tự nhiên an trụ, để cho chúng ta học theo, học làm nhiều pháp công đức. “*Làm*” là biến nó thành thói quen, giống như chúng ta đã quen thói tham, sân, si, nay làm nhiều công đức, làm thành thói quen thì sẽ tốt đẹp, công phu to lớn. “*An trụ trong pháp công đức*”, chính mình đạt được lợi ích thì mới có thể giáo hóa chúng sanh.

“*Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện*” (Du hóa mười phương, thực hiện phương tiện quyền biến): “*Du bộ*” (遊步) là du hành, du hóa. “*Thập phương*” là Đông, Tây, Nam, Bắc, tứ duy (四維, bốn góc), trên, dưới. Mười phương thế giới đều có chúng sanh, phải đến độ chúng sanh trong mười phương thế giới, chẳng thể an trụ một phương, mà phải du bộ mười phương. “*Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện*”: Công đức của chư Bồ Tát chính là công đức của chư Phật, nói tổng quát thì có hai loại: Một loại là Thật, loại kia là Quyền. Thật (實) là công đức chân thật. Quyền (權) là công đức quyền biến, xảo diệu. Công đức chân thật thì các Ngài đã tự mình chứng đắc và liễu giải Thật Tướng. Đó là công đức chân thật do chính các Ngài đã đạt được. Các Ngài muốn độ chúng sanh mà chẳng dùng phương tiện quyền xảo thì sẽ chẳng được. Vị Bồ Tát ấy học theo Phật thì phải học theo Phổ Hiền Bồ Tát, phải độ chúng sanh, đến mười phương thế giới để độ chúng sanh. Căn cơ của chúng sanh thiên sai vạn biệt, quý vị chẳng dùng công đức quyền biến thì sẽ chẳng được. “*Quyền*” là quyền xảo. Quyền xảo là phương tiện, tức là thấy chúng sanh nào, trông thấy kẻ ấy liền biết đáng nên dùng pháp môn gì để độ, bèn dùng pháp môn ấy. Đây là phương tiện quyền xảo!

2.1.1.2.2.3.1.2. Tán dương rộng rãi đức hạnh của các Ngài

2.1.1.2.2.3.1.2.1. Tán thán Thật Đức

(Kinh) Nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn.

(經)入佛法藏，究竟彼岸。

(Kinh: Vào pháp tạng của Phật, rốt ráo đến bờ kia).

Thâm nhập pháp tạng của Phật. Những pháp do đức Phật đã nói, được gọi chung là “*pháp tạng*”. Phải thâm nhập pháp tạng của Phật,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nói theo hiện thời sẽ là Kinh Tạng. Nói suy rộng ra, Kinh, Luật, Luận Tam Tạng đều là pháp tạng của Phật. Phải thâm nhập, nghiên cứu pháp tạng của Phật.

“*Cứu cánh bỉ ngạn*”: “*Cứu cánh*” có nghĩa là viên mãn, có thể đạt đến bỉ ngạn. “*Bỉ ngạn*” (Bờ kia) là đất Niết Bàn. Chúng sanh đang ở trong đường sanh tử giống như ở bờ bên này. Quý vị thâm nhập pháp tạng của Phật, tự nhiên là có thể tu hành, có thể liễu sanh tử, có thể chứng Niết Bàn; đây là “*cứu cánh bỉ ngạn*”.

“*Hành quyền phương tiện*” là phương pháp, “*nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn*” là mục đích. Quý vị thực hiện [bằng cách] “*du bộ thập phương, hành quyền phương tiện*”. Để giáo hóa chúng sanh, do căn cơ của chúng sanh chẳng đồng nhất, nên phải hành phương tiện quyền xảo. Phương tiện quyền xảo là một phương pháp nhằm mục đích dẫn dắt chúng sanh tới “*thâm nhập pháp tạng*”, độ chúng sanh đến bờ kia Niết Bàn. Đây mới được coi là độ chúng sanh!

2.1.1.2.2.3.1.2.2. Tán thán Quyền Đức

2.1.1.2.2.3.1.2.2.1. Tán thán chung

(Kinh) U vô lượng thế giới, hiện thành Đẳng Giác.

(經)於無量世界，現成等覺。

(Kinh: Trong vô lượng thế giới, hiện thành Đẳng Giác).

Hai câu này là tổng thuyết, cũng là tương ứng với “*hành quyền phương tiện*” trong phần trên. Phương tiện lớn nhất là thị hiện thành Phật. Bản thân Bồ Tát còn chưa thành Phật, Ngài thị hiện thành Phật, vẫn là phương tiện quyền xảo. Tức là có thế giới nào mà thiện căn của chúng sanh [trong ấy] đã chín muồi, đáng nên thấy Phật để đắc độ, nhưng trong thế giới ấy chẳng có một vị Bồ Tát nào đến đó thành Phật. Đây là vì nhân duyên chẳng thể xảo hợp, Bồ Tát có thần thông, Ngài quan sát căn cơ của chúng sanh, đối với những ai thiện căn đã chín muồi, đáng nên thấy Phật để đắc độ, các vị Bồ Tát bèn thị hiện dáng vẻ thành Phật. Thị hiện thành Phật nhằm khiến cho những chúng sanh thiện căn đã chín muồi sẽ đắc độ. Đây là phương tiện quyền xảo lớn nhất! Nếu Bồ Tát thị hiện thành Phật, xét theo Viên Giáo Bồ Tát, sẽ là “*Thập Tín mãn tâm, bách giới tác Phật*”, tức là Viên Giáo Bồ Tát tu viên mãn Thập Tín, chỉ cần có thể dự vào địa vị Sơ Trụ, đã có thể thị

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

hiện thành Phật trong một trăm thế giới. Trong đoạn kinh này, không hạn định chỉ là một trăm thế giới, mà là trong vô lượng thế giới các Ngài đều có thể thị hiện thành Phật, chứng tỏ những vị Bồ Tát này tối thiểu là từ Bát Địa Bồ Tát trở lên. Nếu cao hơn nữa, sẽ là Đẳng Giác Bồ Tát. “*Hiện thành Đẳng Giác*” chính là thị hiện thành Phật. [Chữ Đẳng Giác trong câu “*hiện thành Đẳng Giác*”] chẳng phải là Đẳng Giác của bậc Đẳng Giác Bồ Tát, mà là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

2.1.1.2.2.3.1.2.2.2. Nêu riêng từng Quyền Đức

2.1.1.2.2.3.1.2.2.2.1. Thăng Đâu Suất Thiên

(Kinh) Xứ Đâu Thuật Thiên, hoằng tuyên chánh pháp.

(經)處兜術天，弘宣正法。

(Kinh: Ở trên trời Đâu Thuật, hoằng dương, tuyên thuyết chánh pháp).

Đâu Thuật Thiên (Tuṣita) chính là Đâu Suất Thiên, phiên âm bất đồng. Tiếng Phạn là Đâu Suất Thiên, dịch sang tiếng Hán là Đổ Sử Đa Thiên, là tầng trời thứ tư trong Dục Giới. Tầng trời này chia thành hai viện nội và ngoại. Nội viện là chỗ ở của bậc Bồ Xứ Bồ Tát. Ngoại viện là chỗ ở của chư thiên Dục Giới. Chư thiên ở ngoại viện thuộc tầng trời thứ tư của Dục Giới sẽ hưởng thụ niềm vui ngũ dục, nhưng chư thiên ở trong nội viện tầng trời thứ tư biết đủ, vì thường được nghe Bồ Xứ Bồ Tát giáo hóa. Vì thế, [tầng trời này được] gọi là Tri Túc Thiên, là chỗ Bồ Xứ Bồ Tát ở.

Tiếp đó, kinh nói đến phương tiện thị hiện thành Phật của chư đại Bồ Tát, [nói chi tiết sẽ là] tám tướng thành đạo. Hoàn toàn chiếu theo dáng vẻ của đức Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật tại Ấn Độ để nói. Phật Thích Ca thành Phật tại Ấn Độ là thị hiện tám tướng thành đạo. Mỗi vị Phật đến nhân gian thành Phật, đều phải thị hiện tám tướng thành đạo. Đó gọi là “*Phật Phật đạo đồng*”, tức là đạo của mỗi vị Phật đều giống nhau. Do vậy, các vị Bồ Tát này muốn thị hiện thành Phật, đều phải hiện tám loại tướng. Chư vị phải ghi nhớ những điều sẽ nói dưới đây. Đây đều là tám loại tướng để hàng Bồ Tát thị hiện thành Phật. Nếu trong quá khứ quý vị chưa từng nghe kinh, chẳng biết tám tướng thành đạo của Phật Thích Ca, hôm nay giống như quý vị nghe

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

lịch sử của Phật Thích Ca. Nhưng quý vị phải biết: Đây chẳng phải là nói về lịch sử của Phật Thích Ca, mà là nói các vị đại Bồ Tát thị hiện tám tướng thành đạo.

“*Xử Đâu Thuật Thiên, hồng tuyên chánh pháp*”: Điều này vẫn chưa thuộc vào tám tướng, mà là nói đến Bồ Xứ Bồ Tát. Trong quá khứ, Phật Thích Ca chưa giảng hạ thành Phật, Ngài ngự tại Đâu Suất Thiên, hồng dương Phật pháp. Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Bồ Tát hiện thời vẫn còn đang ở trong Di Lặc Nội Viện. Mỗi vị Phật xuất thế đều trụ nơi đó, nhưng trụ nơi đó, Ngài chẳng nghỉ ngơi, mà vẫn hồng dương, tuyên thuyết chánh pháp trên cõi trời.

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.2. Tướng nhập thai

(Kinh) Xả bỏ thiên cung, giáng thần mẫu thai.

(經)捨彼天宮，降神母胎。

(Kinh: Bỏ cung trời ấy, giáng hạ thần thức vào thai mẹ).

Hai câu này chính là hai tướng trong tám tướng thành đạo. Thứ nhất là “*xả bỏ thiên cung*”, tức là từ trời Đâu Suất giáng hạ. Chữ Xả (捨) nên hiểu là “rời”, lìa bỏ cung trời ấy, giáng hạ nhân gian. Đây là một tướng. Tướng thứ hai là “*giáng thần mẫu thai*”. “*Giáng*” (降) là từ trời hạ xuống. “*Thần*” (神) là thức thần của chính Ngài. Do vậy bèn vào trong thai mẹ, chúng ta nói là Phật Thích Ca vào trong thai của Ma Da phu nhân. Đây là tướng thứ hai.

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.3. Tướng xuất thai

(Kinh) Tùng hữu hiệp sanh, hiện hành thất bộ, quang minh hiển diệu, phổ chiếu thập phương, vô lượng Phật độ, lục chủng chấn động. Cử thanh tự xưng: “Ngô đương u thế, vi vô thượng tôn”. Thích Phạm phụng thị, thiên nhân quy ngưỡng.

(經)從右脅生，現行七步。光明顯耀，普照十方。無量佛土，六種震動。舉聲自稱：吾當於世，為無上尊。釋梵奉侍，天人歸仰。

(Kinh: Sinh từ hông phải, hiện đi bảy bước, quang minh chói ngời, chiếu khắp mười phương. Vô lượng cõi Phật sáu thứ chấn động.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Cát tiếng tự xưng: “Ta trong cõi đời, là đáng vô thượng”. Đế Thích, Phạm vương hầu hạ, trời người hướng về chiêm ngưỡng).

“*Tùng hữu hiệp sanh*” (Sanh từ hông phải [của mẹ]), đây là tướng xuất thai. Vào trong thai mẹ, thuận theo pháp thế gian, phải ở trong thai mười tháng. Ở đây, chẳng nói đến tướng nhập thai, vẫn dựa theo tám tướng thành đạo của Thanh Văn Thừa để nói. Xuất thai thì chẳng giống với phàm phu bình phàm: Ngài lọt lòng từ hông phải của mẹ. Sanh từ hông phải của mẹ thì sanh ra như thế nào? Giống như từ trong mây mù bước ra, mẹ chẳng cảm thấy đau khổ tí nào. Đây là tướng xuất thai.

“*Hiện hành thất bộ*” (Hiện đi bảy bước), Phật vừa ra đời, từ hông phải của mẹ hạ sanh, đã có thể đi lại. “*Hiện*” (現) là thị hiện, “*hành*” (行) là đi lại. Đi bảy bước, dưới mỗi bước đều có hoa sen nâng đỡ bước chân Ngài. Vì sao đi bảy bước? Biểu thị Thất Giác Chi trong ba mươi bảy Đạo Phẩm. “*Quang minh*” là đứa trẻ vừa mới sinh ra bèn tỏa ra ánh sáng.

“*Quang minh hiển diệu, phổ chiếu thập phương, vô lượng Phật độ lục chủng chấn động*” (Quang minh chói ngời, chiếu khắp mười phương, vô lượng cõi Phật, sáu thứ chấn động). Quang minh chiếu sáng ngời, lại còn chiếu khắp vô lượng cõi Phật trong mười phương. Mỗi cõi Phật là một tam thiên đại thiên thế giới. Chiếu khắp vô lượng cõi Phật trong mười phương, tức là trong thế giới này, một vị Phật thành Phật, quang minh bèn chiếu sáng ngời mười phương thế giới. Mười phương thế giới đều cảm nhận có sáu thứ chấn động.

“*Lục chủng chấn động*” (Sáu thứ chấn động) là động đất trong hiện thời. Người Đái Loan nói là “*địa động*”, có sáu loại tướng:

- 1) Động (動): Đất lay động khe khẽ, ví như tướng lắc lư.
- 2) Dũng (湧): Giống như dưới đất có nước vọt lên, cảm giác đất chuyển động, cảm thấy như có từng vòng đất dồn lên trên. Vậy là đã động, lại còn chuyển động.
- 3) Chấn (震): Rung động mạnh mẽ.
- 4) Giác (覺): Hết thảy chúng sanh đều cảm nhận được, đại địa rung động họ đều nhận biết.
- 5) Hống (吼): Địa chấn rung động mạnh mẽ, phát ra âm thanh.
- 6) Khởi (起): Đại địa chấn động, lại vừa phát ra âm thanh vang rền, cảm giác như đất một mực nâng lên!

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Sáu loại chấn động này chẳng phải là đại địa chấn động vì gặp phải nạn động đất như trong hiện thời. Quan trọng là hai thứ tướng Chấn và Giác trong ấy. Đất đã chấn động khiến cho chúng sanh cảnh giác. Cảnh giác chúng sanh điều gì vậy? Khiến cho họ cảm nhận thế giới vô thường, quý vị phải ngay lập tức học Phật tu pháp. Chúng ta cứ ngỡ đất kiên cố bất hoại nhất, là thứ lâu dài nhất, chẳng biết nó vẫn thuộc loại pháp vô thường. Đất có thể bị hư hoại, có thứ gì chẳng bị hư hoại? Có cái tâm cảnh giác này, quý vị sẽ có thể tiếp cận Phật pháp. Do đó, một vị Phật ra đời, [chúng sanh] sẽ cảm nhận mặt đất có sáu thứ chấn động. Đây là ý nghĩa cảnh giác chúng sanh, chẳng phải là gặp tai nạn động đất!

“*Cử thanh tự xưng*” (Cất tiếng tự xưng): Tiểu hài tử vừa lọt lòng mẹ, đã có thể nói năng. “*Cử thanh*” (舉聲) là lớn tiếng, “*tự xưng*” là chính mình xưng, chính mình nói.

“*Ngô đương u thế, vi vô thượng tôn*” (Ta trong cõi đời, là đáng vô thượng): Nay ta ra khỏi thai mẹ, trụ trong thế giới, ta đáng nên làm bậc tôn quý vô thượng trong thế gian.

“*Thích Phạm phụng thị, thiên nhân quy ngưỡng*”: Thích là Đế Thích Thiên, Phạm là Đại Phạm Thiên. Đế Thích Thiên và Đại Phạm Thiên đều phải hầu hạ. Trước khi chúng ta thấy Phật, cứ ngỡ chư thiên là tôn quý nhất. Nay chúng ta lạy ông trời, kinh Phật nói [ông trời] là Đế Thích Thiên. Đối với Ấn Độ thì cao nhất là lạy Đại Phạm Thiên, Bà La Môn giáo lạy Đại Phạm Thiên, chẳng biết là hễ Phật xuất thế thì Đế Thích Thiên lẫn Đại Phạm Thiên đều phải đến hầu hạ, trời người sẽ đều quy ngưỡng, đều sẽ quy y Phật. Đây là đức Phật tự nói “hãy kính ngưỡng ta”. Đây là Thích Ca Mâu Ni Phật xuất thế, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, lớn tiếng xưng rằng: “*Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn*”. Hai câu nói ấy vẫn tự bất đồng, nhưng ý nghĩa như nhau. “*Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn*”: Chẳng có ai vượt trội Phật. Trẻ nhỏ lớn lên thì trước hết là học tập học vấn thế gian, vẫn là thị hiện. Ngài đã có thể thị hiện thành Phật, nhưng thị hiện thành Phật trong nhân gian, trước hết phải mong cầu học vấn của nhân gian.

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.4. Tướng đồng tử

(Kinh) Thị hiện toán kế, văn nghệ xạ ngự, bác tổng đạo thuật, quán luyện quân tịch.

(經)示現算計，文藝射御，博綜道術，貫練羣籍。

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

(Kinh: Thị hiện tính toán, văn nghệ, bắn cung, điều khiển xe, thông thạo rộng khắp các đạo thuật, xem rành, ôn luyện các sách vở).

“Thị hiện toán kế”: [“Toán kế”] là toán học trong hiện thời. “Văn nghệ xạ ngự”: “Văn nghệ” là văn học nghệ thuật. “Xạ ngự” là võ thuật thời cổ. “Xạ” (射) là bắn tên, “ngự” (御) là điều khiển xe. Thời cổ còn có xe cộ và vũ khí phải học. “Xạ ngự” bao gồm hết thầy võ thuật. “Bác tổng đạo thuật” (Thông thạo rộng khắp các đạo thuật): Học rộng rãi hết thầy các thứ đạo thuật trong hết thầy các giáo, bất luận là học vấn của giáo nào cũng đều phải học hiểu. “Quán luyện quần tịch”: [“Quần tịch”] là hết thầy sách vở trong thế gian. “Tịch” (籍) là thư tịch (sách vở), “quần” (羣) là đông nhiều. Toàn bộ rất nhiều các sách vở thầy đều phải quán thông, luyện tập. Đối với học vấn thế gian, chẳng có gì không hiểu, chẳng có gì không biết.

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.5. Tướng cưới vợ

(Kinh) Du u hậu viên, giảng võ, thí nghệ. Hiện xử cung trung, sắc vị chi gian.

(經)遊於後園，講武試藝。現處宮中，色味之間。

(Kinh: Đạo chơi vườn sau, giảng võ, đua tài, hiện ở trong cung, trong chốn sắc vị).

“Du u hậu viên, giảng võ thí nghệ” (Đạo chơi nơi vườn sau, giảng võ, đua tài): Ở đây là chuyên nói về luyện tập công phu, giống như Phật Thích Ca, khi đến hoa viên đằng sau [vương cung] để du ngoạn, phải học võ thuật, thi thố võ nghệ. Học những pháp thế gian ấy để làm gì? Vì muốn độ chúng sanh trong thế gian, nếu quý vị chẳng thông đạt rành rẽ pháp thế gian, sẽ chẳng thể độ chúng sanh trong thế gian được! Thập Địa Bồ Tát khi chứng đến Đệ Ngũ Địa, còn chưa hiểu thấu suốt pháp thế gian, vẫn phải học tập. Những vị Bồ Tát ở đây đều là Đẳng Giác Bồ Tát, các Ngài đều học hiểu, nhằm thị hiện làm gương cho chúng ta.

Vì sao hiện thời chúng ta chẳng thể hoàng dương Phật pháp? Thứ nhất là do không hiểu Phật pháp. Sau khi đã hiểu Phật pháp, quý vị chẳng thể hoàng dương nổi, chẳng có cách nào độ chúng sanh. Vì sao? Vì quý vị chẳng hiểu pháp thế gian. Do vậy, quý vị đừng quá coi rẻ

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

pháp thế gian! Vì chúng sanh trong thế gian học pháp thế gian, quý vị chẳng hiểu học vấn của họ, quý vị giảng Phật pháp, họ nghe chẳng hiểu, chẳng hợp nhau, [thế là] quý vị chẳng thể dùng phương tiện quyền xảo để tiếp dẫn chúng sanh. Do đó, nếu quý vị muốn độ chúng sanh trong thế gian, bản lãnh học vấn thế gian quý vị đều phải học. Chẳng học hiểu, quý vị sẽ không thể độ chúng sanh. Quý vị nhìn vào lịch sử của Phật Thích Ca, từ thuở còn bé, Ngài đã cầu học, bất luận là văn học hay võ nghệ, đều toàn là thi đậu hạng nhất. Do vậy, mọi người đều tôn trọng Ngài. Chỉ nói về pháp thế gian, chẳng có ai không tôn trọng Ngài. Ngài còn có một thứ nữa là Phật pháp; do vậy, mọi người đều muốn quy y Ngài. Ngài không chỉ là văn nghệ, võ nghệ đều học hiểu, mà chín mươi lăm loại ngoại đạo tại Ấn Độ, ngoại đạo lớn nhất là Bà La Môn giáo, những đạo lý họ nói, Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đều học hiểu. Quý vị cứ việc nói! Bất luận quý vị nói kiểu nào, tôi đều hiểu; bản lãnh của quý vị tôi đều biết, nhưng Phật pháp của tôi quý vị chẳng hiểu, tôi nói cho quý vị nghe nhé, hàng phục họ!

Phật pháp truyền tới Trung Hoa, những vị đại tổ sư trong quá khứ, chẳng có vị nào không thông thạo học vấn Trung Hoa. Học vấn cao nhất của Trung Hoa là Lão, Trang, Khổng, Mạnh. Lão Tử và Trang Tử là học vấn của Đạo gia. Khổng Tử và Mạnh Tử là học vấn của Nho gia, chẳng có gì không thông thạo! Quý vị xem những bản chú giải các đại tổ sư Trung Hoa thời cổ, toàn là dẫn chứng những thuyết của Lão, Trang, Khổng, Mạnh, chúng sanh vừa xem liền hiểu. Vì sao? Họ hiểu Lão, Trang, Khổng, Mạnh, [do vận dụng những học thuyết ấy] đã tiếp dẫn được họ. Cho đến hiện thời là thời đại khoa học, là thời đại triết học, chúng ta hoằng dương Phật pháp mà thường thức khoa học lẫn triết học đều chẳng có, quý vị giảng Phật pháp cho người hiện thời, họ nghe chẳng hiểu, sẽ chẳng có cách nào cả! Muốn dùng phương tiện quyền xảo, nhưng hướng về họ mà nói tỷ dụ không được, những thứ học vấn họ nói đến chúng ta đều không biết. Do vậy, mọi người nếu phát tâm hoằng dương Phật pháp, thứ nhất là phải nghiên cứu Phật học, thứ nhì là phải hiểu học vấn thế gian, ý nghĩa ở chỗ này!

“*Hiện xử cung trung, sắc vị chi gian*” (Hiện ở trong cung, trong chốn sắc vị). Trẻ nhỏ trưởng thành, đến tuổi kết hôn. “*Hiện xử cung trung*” là thị hiện sống ở trong hoàng cung. “*Sắc vị chi gian*” là hưởng thụ niềm vui ngũ dục. Ngũ dục là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Vì quý vị tham đắm trần cảnh ngũ dục, trần cảnh ngũ dục ô nhiễm con người dữ dội nhất là sắc trần và vị trần. Mắt trông thấy sắc đẹp, quý vị bèn dấy

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tâm yêu mến. Lưỡi nếm vị ngon lành, quý vị dấy lòng yêu mến. Tiếp theo đây là nói vị Bồ Tát ấy thị hiện sự giác ngộ.

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.6. Tướng xuất gia

(Kinh) Kiến lão bệnh tử, ngộ thế phi thường. Khí quốc tài vị, nhập sơn học đạo. Phục thừa bạch mã, bảo quan anh lạc, khiển chi linh hoàn. Xả trân diệu y, nhi trước pháp phục. Thế trừ tu phát, đoan tọa thụ hạ, cần khổ lục niên, hành như sở ứng.

(經)見老病死，悟世非常。棄國財位，入山學道。服乘白馬，寶冠瓔珞，遣之令還。捨珍妙衣，而著法服。剃除鬚髮，端坐樹下，勤苦六年，行如所應。

(Kinh: Thấy già, bệnh, chết, ngộ cõi đời chẳng thường hằng, bỏ nước, của cải, địa vị, vào núi học đạo, cõi con ngựa trắng, mã báu, chuỗi ngọc, sai đem trở về, bỏ áo quý đẹp, để mặc pháp phục. Cạo bỏ râu tóc, ngồi ngay ngắn dưới gốc cây, siêng khổ sáu năm, hành pháp nên hành).

“Kiến lão, bệnh, tử, ngộ thế phi thường” (Thấy già, bệnh, chết, ngộ cõi đời vô thường): Dựa trên kinh nghiệm của Phật Thích Ca là ra chơi bốn cửa thành, ở cửa Đông thấy người già, ở cửa Nam thấy người bệnh, ở cửa Tây thấy người chết. Trông thấy già, bệnh, chết, mới ngộ pháp thế gian vô thường. Nếu không, ở trong hoàng cung, hưởng thụ thú vui ngũ dục, làm Thái Tử của quốc vương, đây chẳng phải là gần như hưởng phước trời ư? Chẳng biết là vẫn phải già, phải bệnh, phải chết. Trông thấy già, bệnh, chết, mới ngộ nhân gian chẳng phải là thường trụ.

“Khí quốc tài vị, nhập sơn học đạo” (Bỏ nước, của cải, địa vị, vào núi học đạo): Đây là nói đến chuyện thị hiện tướng xuất gia. Ngài có thể hưởng lạc trong hoàng cung, nhưng trông thấy già, bệnh, chết, bèn giác ngộ thế gian vô thường. Phật Thích Ca tới cửa Bắc thấy một vị xuất gia, Ngài muốn học xuất gia, tu hành. “Khí quốc tài vị”: “Quốc tài” (Tài sản của nước nhà), phước như bốn biển. Làm quốc vương thì tài sản trong cả nước đều là sở hữu của nhà vua. Cho nên phước như bốn biển. “Vị” (位) là địa vị cao nhất khôn sánh trong nhân gian. “Khí” (棄) là vứt bỏ. Tài sản quốc gia, địa vị tối cao, thấy đều buông bỏ, vào núi học đạo.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Phục thừa bạch mã, bảo quan anh lạc, khiến chi linh hoàn*” (Cỡi con ngựa trắng, mào báu, chuỗi ngọc, sai đem trở về): Xét theo lịch sử của Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài muốn xuất gia tu hành, cha Ngài là quốc vương Tịnh Phạn (Suddhodana Gautama) biết Thái Tử muốn xuất gia, tu đạo, đã hạ lệnh khóa chặt cửa cung, không cho Ngài ra nữa. Thái Tử trông thấy già, bệnh, chết, thấy người xuất gia, bèn mong cầu xuất gia. Do đó, quốc vương chẳng cho Thái Tử ra ngoài. Nhưng khi nhân duyên đã tới, đáng nên xuất gia, Thái Tử nghe đằng sau có người kêu: “Ngài chớ nên tham cầu niềm vui ngũ dục, chẳng xuất gia sẽ không được. Nhân duyên xuất gia của Ngài đến rồi đó!” Nghe thấy trên đường có người nói với Ngài những lời ấy, Ngài gọi người chăn ngựa là Xa Nặc (Chandaka) chuẩn bị ngựa. Tuy cửa cung điện bị khóa chặt, nhưng người chăn ngựa đương nhiên nghe theo mệnh lệnh của Thái Tử. Xa Nặc liền lấy yên báu và đồ trang nghiêm khoác lên thân ngựa chúa Kiên Trắc (Kanthaka), dâng lên Thái Tử. Thái Tử cưỡi lên ngựa, thốt ngựa ấy liền bay vọt lên không. Đây là do tứ đại thiên vương nâng chân ngựa, bay vọt lên không. Khi ấy, người chăn ngựa Xa Nặc đứng trên mặt đất, thấy sao ngựa lại bay lên không? Ông ta ngay lập tức nắm đuôi ngựa chẳng để nó bay lên, nào ngờ chẳng kéo lại được, ngay cả người chăn ngựa cũng bị bạch mã lôi theo, bay ra ngoài thành. Ngựa vượt ra khỏi thành, bay được một đoạn rồi rơi xuống. Người chăn ngựa liền quỳ xuống, thỉnh cầu: “Quốc vương chẳng cho Thái Tử xuất cung, nay Thái Tử cưỡi ngựa nhảy ra khỏi thành, thần làm sao thưa trình đây?” Thái Tử bảo: “Người đem mào báu ta đang đội trên đầu, quần áo và chuỗi ngọc, y phục và những thứ trang sức trên thân ta, gỡ xuống đem về. Đây là một cách để thưa trình. Xuất gia là do bản thân ta muốn đi, chẳng liên quan gì đến kẻ chăn ngựa như người. Ta nhất định phải xuất gia tu hành”. Do vậy, Thái Tử liền hiện tướng xuất gia, dẫn người chăn ngựa trở về bảm báo.

“*Xả trần diệu y*” (Bỏ áo quý đẹp): Cởi bỏ y phục Thái Tử đang mặc trên thân. “*Nhi trước pháp phục*” (Mà mặc pháp phục): Mặc đạo phục vào. “*Thế trừ tu phát*” (Cạo bỏ râu tóc): Ngay cả râu lẫn tóc thảy đều cạo sạch. Xét theo tứ chúng đệ tử của Phật Thích Ca để nói, cạo đầu tóc thì phải là mười chín tuổi. Nếu không, lấy đâu ra râu ria? Quý vị đến Ấn Độ sẽ biết, người Ấn Độ mười tám, mười chín tuổi, mặt đầy râu ria, cho nên Phật Thích Ca xuất gia lúc mười chín tuổi, đầu tóc lẫn râu ria đều cạo sạch. “*Đoan tọa thụ hạ, cần khổ lục niên*” (Ngồi ngay ngắn dưới gốc cây, siêng khổ sáu năm) tức là hiện tướng xuất gia, vào

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

núi Tuyết (Himalaya) tu khổ hạnh sáu năm. Thái Tử chẳng làm quốc vương, mà muốn xuất gia. Đây là quá trình trông thấy già, bệnh, chết vô thường, thị hiện tướng xuất gia của Phật Thích Ca.

Phải nhớ! Ở đây là Đấng Giác Bồ Tát thị hiện, nói theo thể gian chúng ta, đây là căn cơ thượng đẳng. “*Luong mã kiến tiên ảnh nhi tẩu*” (Ngựa tốt thấy bóng roi liền chạy): “*Luong mã*” (良馬) là loại ngựa tốt nhất, chẳng cần phải đánh. Nó thấy bóng roi liền chạy rất nhanh. Ngựa kém hơn thì quý vị lấy roi đánh thế nào đi nữa, nó vẫn chẳng chạy mau. Vì thế, bản thân Thái Tử hoàn toàn chẳng già, chẳng bệnh, chẳng chết, Ngài thấy kẻ khác già, bệnh, chết, liền giác ngộ. Nay chúng ta đã bị bệnh rất nhiều lần, sắp chết mà vẫn chẳng thể giác ngộ. Đã già khom, vẫn chẳng thể giác ngộ. Đây là vì chúng ta căn cơ chẳng đủ, phải biết thể gian vô thường, phải giác ngộ. Nếu không, tuy học Phật pháp mà chẳng đạt được lợi ích chân thật. “*Hành như sở ưng*” (Làm điều đáng nên làm): Trên đây đã nêu đại lược mấy thứ là chuyện phải nên làm của người xuất gia, thấy đều phải nên thị hiện. Đó gọi là “*hành như sở ưng*”.

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.7. Tướng thành Phật đạo

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.7.1. Tắm gội rửa dơ bẩn trên thân

(Kinh) Hiện ngũ trược sát, tùy thuận quần sanh, thị hữu trần cấu, mộc dục kim lưu, thiên án thụ chi, đắc phan xuất trì.

(經)現五濁剎，隨順群生。示有塵垢，沐浴金流。天按樹枝，得攀出池。

(Kinh: Thị hiện trong cõi ngũ trược, tùy thuận các chúng sanh, thị hiện [thân thể] có bụi bặm, dơ bẩn, tắm gội nơi dòng nước vàng, trời đè nhánh cây, để Ngài nắm lấy ra khỏi nước).

“*Hiện ngũ trược sát, tùy thuận quần sanh*” (Thị hiện trong cõi năm thứ dơ bẩn, tùy thuận các chúng sanh): Thị hiện trong đời ác ngũ trược. Trong kinh A Di Đà có danh từ Ngũ Trược, tức Kiếp Trược, Kiến Trược, Phiền Não Trược, Chúng Sanh Trược, và Mạng Trược. Vì có năm thứ trược, cho nên thế giới này mới biến thành thế giới ác, gọi là Ngũ Trược Ác Thế. “*Sát*” (剎) là thế giới, thị hiện trong Ngũ Trược Ác Thế.

“*Thị hữu trần cấu*” (Thị hiện có bụi nhơ): Ngài tu khổ hạnh sáu

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

năm trong Tuyết Sơn. Lấy Phật Thích Ca làm thí dụ, mỗi ngày ăn một hạt mè, hoặc một hạt lúa mạch. Trong sáu năm trọn chẳng đắc đạo, mới cảm nhận khổ hạnh chưa phải là pháp rốt ráo. Ngài từ núi Tuyết xuống, khắp thân là bụi dơ, vì suốt sáu năm chẳng tắm rửa, vẫn là thị hiện.

“*Mộc dục kim lưu*” (Tắm gội trong dòng nước vàng): “*Kim lưu*” là dòng nước chảy qua chỗ cát vàng.

“*Thiên án thụ chi*” là chư thiên đẽ nhánh cây, “*đắc phan xuất trì*” (để Ngài nắm lấy ra khỏi chỗ nước). “*Tri*” ở đây chẳng phải là cái ao nước, mà là con sông. Xét theo trường hợp của Phật Thích Ca, Ngài đến sông Ni Liên (Nairāñjanānadi) tắm rửa. Khi tắm rửa, vì Ngài tu khổ hạnh sáu năm, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, hay một hạt lúa mạch, trên người chẳng có chút hơi sức nào, nói thẳng là trèo lên bờ không nổi. Chư thiên đẽ cành cây xuống, cho Ngài vịn lấy, trèo lên cành cây, mới lên bờ được!

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.7.2. Đi đến đạo tràng

(Kinh) Linh cảm dục tùng, vãng nghệ đạo tràng.

(經)靈禽翼從，往詣道場。

(Kinh: Chim thiêng châu hầu, đi đến đạo tràng).

“*Vãng nghệ*”: “*Nghệ*” (詣) là đến. Chỗ để tu đạo gọi là “*đạo tràng*”, tức Bồ Đề Tràng. Bồ Đề còn dịch là Thành Đạo. “*Vãng nghệ đạo tràng*” là từ sông Ni Liên đi đến Bồ Đề đạo tràng, có năm trăm con chim sẽ có linh cảm bay theo chân Ngài, vì thế nói là “*linh cảm dục tùng*”.

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.7.3. Nhận cỏ, ngồi yên

(Kinh) Cát Tường cảm trưng, biểu chương công tộ. Ai thọ thí thảo, phu Phật thụ hạ, già phu nhi tọa.

(經)吉祥感徵，表章功祚。哀受施草，敷佛樹下，跏趺而坐。

(Kinh: Trưởng giả Cát Tường được cảm vời [Phật] sẽ biểu hiện rành rành công phu và phước báo, bèn khẩn khoản xin Phật tiếp nhận cỏ cúng thí, trải dưới cội cây của Phật, để Ngài ngồi xếp bằng).

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Cát Tường cảm trung, biểu chương công tộ*”: [Đức Phật] từ sông Ni Liên tắm gội sạch sẽ, đi đến đạo tràng, đến chỗ dưới cội cây Bồ Đề. Khi ấy, có một vị trưởng giả tên là Cát Tường tìm đến. Cát Tường là tên người. Trưởng giả Cát Tường “*cảm trung*”, “*trung*” (徵) là triệu vời. Ai đã triệu vời ông ta đến? Công đức của đức Phật đã triệu vời ông ta đến. “*Biểu chương công tộ*”: Bên cạnh chữ Chương (章) còn có ba dấu nháy, tức Chương (彰). Thời cổ, hai chữ này (章 và 彰) dùng lẫn nhau. “*Công tộ*”: “*Tộ*” (祚) là phước báo. Đức Phật ắt sẽ thị hiện ngồi tĩnh tọa dưới cội Bồ Đề, có công đức, có phước báo, đây là “*biểu chương công tộ*”.

“*Ai thọ thí thảo*” (Khẩn khoản xin Phật tiếp nhận cỏ cúng thí), ý nói trưởng giả Cát Tường là người đã cắt cỏ. Ông ta dâng thí cỏ rất mềm mịn, có thể ngồi lên được. “*Ai*” (哀) là cầu xin, [“*ai thọ thí thảo*”] là cầu Phật tiếp nhận cỏ do ông ta dâng thí. “*Phu Phật thụ hạ*”, “*phu*” (敷) là trải đều cỏ đã dâng thí ra, xếp dưới cội cây Bồ Đề là nơi Phật sẽ thành đạo.

“*Già phu nhi tọa*”: “*Già phu*” (跏趺) là tĩnh tọa. Tĩnh tọa vì sắp thành Phật. “*Già phu*”: Đối với tĩnh tọa thì “*già phu*” là chánh tọa, “*già*” (跏) là hai chân xếp chéo nhau, “*phu*” (趺) là lưng bàn chân. Chân chúng ta có lòng bàn chân và lưng bàn chân. Hai lưng bàn chân đầu vào nhau, như thế là “*già phu đại tọa*” (ngồi xếp bằng, ngồi tòa hoa sen), là “*già phu chánh tọa*”.

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.7.4. Thân lực hàng ma

(Kinh) Phần đại quang minh, sử ma tri chi. Ma suất quan thuộc, nhi lai bức thí, chế dĩ trí lực, giai linh hàng phục.

(經)奮大光明，使魔知之。魔率官屬，而來逼試。制以智力，皆令降伏。

(Kinh: Tỏa rực quang minh lớn, khiến cho ma biết. Ma suất lãnh bày tôi, quỳn thuộc đến bức bách, thử thách. Ngài dùng trí lực chế ngự, khiến chúng đều hàng phục).

Chúng ta nói “*tám tướng thành đạo*”, đem những điều trên đây tính toán đôi chút. Thứ nhất là từ trời Đâu Suất giáng hạ, thứ hai là nhập thai, thứ ba là xuất thai, thứ tư là xuất gia, thứ năm là hàng ma. Đây là tướng thứ năm tức hàng ma. Phật Thích Ca ngồi xếp bằng đều là

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thị hiện. “*Phấn đại quang minh, sử ma tri chi*” [nghĩa là] đức Phật phóng đại quang minh để ma vương hay biết. Ma vương là chúa tể trời thứ sáu trong Dục Giới. Ông ta là chúa cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Tất cả chúng sanh trong Dục Giới đều do ông ta cai quản. Chúng sanh Dục Giới muốn liễu sanh thoát tử, muốn vượt thoát tam giới, ông ta sẽ tìm cách làm phiền, gây hại cho quý vị. “*Ma*” (魔) có nghĩa là hại người. “*Ma suất quan thuộc*”: Phật khiến cho ma biết, ma liền suất lãnh “*quan thuộc*” (官屬, quần thần, quyền thuộc), tức ma con, ma cháu. “*Nhi lai bức thí*” [nghĩa là] đến bức bách người sắp thành đạo, thử thách người ấy. “*Chế dĩ trí lực*”: Vị Bồ Tát sắp thành Phật dùng trí huệ của chính mình để chế phục, hàng phục ma.

Xét theo lịch sử của Thích Ca Mâu Ni Phật, ma thiên sai vạn biệt. Phân loại đại lược thì có hai loại: Một loại là nhuễn ma (軟魔, ma mềm mỏng), loại kia là ngạnh ma (硬魔, ma cứng cõi). “*Nhuễn ma*” là ma vương sai hai cô gái đến dụ dỗ Phật. Đức Phật dùng trí huệ hàng phục bọn họ. Ma vương lại sai thiên binh, thiên tướng của hắn, đây là ngạnh ma, họ cầm thương, đao, gươm, toan sát hại đức Phật. Khi ấy, đức Phật phóng từ bi quang, ma chẳng thể giết nổi thân Ngài, đức Phật còn thuyết pháp cho bọn chúng, dùng trí huệ để hàng phục quần ma.

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.7.5. Hiện thành Phật đạo

(Kinh) Đắc vi diệu pháp, thành tối Chánh Giác.

(經)得微妙法，成最正覺。

(Kinh): Đắc pháp vi diệu, thành Chánh Giác cao tột).

“*Đắc vi diệu pháp, thành tối Chánh Giác*”: Đây là tướng thứ sáu, tức tướng thành đạo, là một loại trong tám tướng thành đạo. “*Đắc vi diệu pháp*”: Đạt được pháp vi diệu chẳng thể nghĩ bàn. “*Thành tối Chánh Giác*”: [Tối Chánh Giác] là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, [thành tối Chánh Giác] tức là thành Phật.

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.8. Tướng chuyển pháp luân

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.8.1. Thỉnh chuyển pháp luân đầu tiên

(Kinh) Thích Phạm kỳ khuyến, thỉnh chuyển pháp luân.

(經)釋梵祈勸，請轉法輪。

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

(Kinh: Đế Thích, Phạm Vương cầu xin, khuyên lơn, xin đức Phật chuyển pháp luân).

Đây là tướng thứ bảy, chuyên pháp luân. “*Thích Phạm kỳ khuyến*” (Đế Thích, Phạm Vương cầu xin, khuyên lơn): “*Thích*” là Đế Thích Thiên, “*Phạm*” là Đại Phạm Thiên. Đức Phật đã thành Phật, muốn thuyết pháp, phàm phu chẳng biết thỉnh Phật thuyết pháp như thế nào? Đế Thích Thiên và Đại Phạm Thiên biết đức Phật đã thành Phật, bèn giáng hạ, suất lãnh chúng sanh trong nhân gian đến thỉnh.

“*Thỉnh chuyển pháp luân*” là thỉnh Phật thuyết pháp. Thuyết pháp gọi là “*chuyển pháp luân*”. Hãy ghi nhớ cách giải thích này: Luân (輪) là thí dụ, đức Phật thuyết pháp giống như Luân. Luân là bánh xe trong hiện thời. Bánh xe có hai thứ công dụng: Một là nghiền nát, hai là chuyên chở. Dưới đất có rác rưởi gì, bánh xe lăn qua, chúng đều bị nghiền nát. Bánh xe có thể chuyên chở cái xe ở phía trên, có thể chuyên chở chúng sanh, từ nơi này chở đến nơi kia. Đây là ý nghĩa “chuyên chở”. Đức Phật thuyết pháp giống như bánh xe, có thể nghiền nát phiền não, phá tan phiền não. Từ sanh tử ở nơi đây, chuyên chở chúng sanh đến bờ kia Niết Bàn. Do vậy, đức Phật thuyết pháp giống như bánh xe, gọi là Pháp Luân.

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.8.2. Do lời thỉnh mà thuyết pháp

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.8.2.1. Thân và miệng dấy lên sự giáo hóa

(Kinh) Dĩ Phật du bộ, Phật hống nhi hống, khẩu pháp cổ, xuy pháp loa, chấp pháp kiếm, kiến pháp tràng; chân pháp lôi, diệu pháp điện, chú pháp vũ, diễn pháp thí, thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian.

(經)以佛遊步，佛吼而吼。扣法鼓，吹法螺，執法劍，建法幢；震法雷，曜法電，澍法雨，演法施。常以法音，覺諸世間。

(Kinh: Dùng các oai nghi của Phật, diễn nói như Phật, đánh trống pháp, thổi ốc pháp, cầm guơm pháp, dựng tràng pháp; rèn sấm pháp, xẹt chớp pháp, xối mưa pháp, diễn pháp thí, thường dùng các pháp âm để giác ngộ thế gian).

“*Dĩ Phật du bộ, Phật hống nhi hống*”: Vị Phật mới thành đạo,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tức là do Bồ Tát thị hiện. Ngài thị hiện thành Phật, hết thầy đều giống như Phật. Đệ Thích Thiên, Đại Phạm Thiên thỉnh Ngài chuyển pháp luân, Ngài bèn “*đi Phật du bộ*” (dùng các oai nghi của Phật), “*du bộ*” bao gồm bốn đại oai nghi “*hành, trụ, tọa, ngọa*”. “*Hành*” là đi lại, đi như thế nào? Giống như Phật. “*Trụ*” là đứng, đứng có oai nghi của đứng. “*Tọa, ngọa*”: Ngồi hay ngủ đều có oai nghi. Đi, đứng, ngồi, nằm đều giống như Phật. Đây là dùng thân nghiệp để giáo hóa chúng sanh.

“*Phật hống nhi hống*”: [*“Phật hống”*] là Phật thuyết pháp. [*“Phật hống nhi hống”*] là học theo cách Phật thuyết pháp, thuyết pháp giống như Phật. Đức Phật thuyết pháp được gọi là “*su tử hống*” (su tử rống). “*Rống*” là thí dụ. Su tử vừa rống, trăm thú bị chấn động, kinh hãi! Đức Phật vừa thuyết pháp, hết thầy các ngoại đạo đều bị hàng phục, giống như su tử rống. Bồ Tát thị hiện Phật đã thành đạo, tương chuyển pháp luân sẽ giống hệt như Phật, như su tử rống!

Phải chú ý hai câu này! Vì sao Bồ Tát thuyết pháp phải học theo sự du bộ của Phật, tức là nói đến tứ đại oai nghi? Chúng ta học theo Phật chuyển pháp luân, học theo Phật thuyết pháp thì đều có sự trang nghiêm nhất định. Nhấn mạnh sự oai nghi nơi thân nghiệp, quý vị ắt cần phải chú trọng oai nghi. Chẳng chú trọng oai nghi, chúng sanh vừa nhìn vào dáng vẻ của quý vị, [sẽ cho rằng] quý vị chẳng có đủ tư cách để làm pháp sư, chẳng sanh khởi cái tâm cung kính đối với quý vị, họ sẽ chẳng nghe quý vị thuyết pháp. Bởi lẽ, trong hiện thời, có những vị pháp sư trẻ tuổi, tận hết sức mong học giảng kinh, thuyết pháp, nhưng chẳng chú trọng oai nghi. Đây là sai lầm to lớn!

Các vị đã từng đọc Mạnh Tử hay chưa? Mạnh Tử đến nước Lương, gặp Lương Huệ Vương. Lương Huệ Vương¹⁴ khi ấy là quốc

¹⁴ Lương Huệ Vương (404-319 trước Công Nguyên), vốn có tên là Ngụy Anh, gọi đầy đủ là Ngụy Huệ Thành Vương, là vua đời thứ ba của nước Ngụy. Sách Mạnh Tử lại gọi ông này là Lương Huệ Vương. Lương Tương Vương tên là Ngụy Tụ, là con trai của Lương Huệ Vương. Nước Lương được ngài Đạo Nguyên nói ở đây chính là nước Ngụy. Do vào năm 361 trước Công Nguyên, Ngụy Huệ Vương dời kinh đô từ An Ấp về Đại Lương (nay là phủ Khai Phong), nên người đương thời thường gọi nước Ngụy là Lương. Nước Ngụy vốn là đất phong của Tất Công Cơ Cảo (con trai của Châu Văn Vương). Sau khi Vũ Vương đông chinh trở về, đã phong cho Cơ Cảo tại đất Tất, trở thành nước chư hầu là Tất. Con cháu Tất Công đều lấy chữ Tất làm họ. Về sau, nước Tất diệt vong, hậu duệ của Tất Công Cảo là Tất Vạn chạy sang nước Tấn, làm đại phu cho Tấn Hiến Công, lập nhiều đại công, được phong đất Ngụy, bèn lấy họ là Ngụy. Về sau, các dòng họ quyền thần Triệu, Ngụy và Hàn đánh lẫn nhau, phế ngôi vua Tấn, chia nước Tấn thành ba nước Hàn,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

vương của nước Lương, sống ở Bắc Kinh. Lương Huệ Vương đã chết, con ông ta là Lương Tương Vương kế vị làm quốc vương. Khi Lương Tương Vương làm quốc vương, Mạnh Tử đến gặp nhà vua. Mạnh Tử gặp Lương Tương Vương xong, đi ra nói với người khác: “*Vọng chi bất tự nhân quân, tự chi nhi bất kiến sở úy yên*”. Nghĩa là Mạnh Tử gặp Lương Tương Vương xong, ra nói với người khác: Thoạt nhìn vua Lương chẳng giống một vị vua, lại chẳng có ai nghe theo lời ông ta nói. Thoạt nhìn, thấy hình dáng, chẳng giống một vị quốc vương. Lại nghe ông ta nói chuyện, hoàn toàn trật lất. Vì thế, Mạnh Tử liền rời khỏi nước Lương. Đây là một thí dụ về sự rất khẩn yếu của oai nghi. Quốc vương có oai nghi của quốc vương. Quý vị làm quốc vương mà hoàn toàn chẳng giống một vị vua, chẳng ra vẻ một vị quốc vương. Nay quý vị làm pháp sư mong giảng kinh, thuyết pháp, nhất định phải có oai nghi của pháp sư. Chẳng đủ oai nghi, chúng sanh còn có thể nghe quý vị giảng kinh nữa hay sao? Các pháp sư thanh niên nhất định phải chú ý oai nghi. “*Dĩ Phật du bộ, Phật hống nhi hống*”: Hai câu này là tướng thứ bảy, nêu tổng quát về tướng chuyển pháp luân. Tám câu kế tiếp là nói riêng từng điều, nhằm phân biệt rõ rệt “*Phật hống nhi hống*” là rống như thế nào?

“*Khẩu pháp cố, xuy pháp loa, chấp pháp kiếm, kiến pháp tràng*”, bốn câu này đều là thuyết pháp. Bốn câu ấy tương ứng với bốn pháp Văn - Tư - Tu - Chứng. Nếu chúng sanh nghe pháp, sẽ khởi lên Văn Huệ. “*Nghe pháp*” giống như “*khẩu pháp cố*” (đánh trống pháp). “*Xuy pháp loa*” (Thổi ốc pháp): Chúng sanh nghe pháp khiến cho họ tư duy. “*Chấp pháp kiếm*” (Cầm gươm pháp): Tương xứng với tu hành, vì gươm có thể phá trừ hết thảy, giống như tu hành thì mới có thể diệt trừ hết thảy phiền não. “*Kiến pháp tràng*” (Lập tràng pháp) tương xứng với “*chứng pháp*” trong phần trên. Chứng đắc Phật pháp thì mới có thể dựng cao pháp tràng.

“*Chấn pháp lôi, diệu pháp điện, chú pháp vũ, diễn pháp thí*”: Bốn câu này tương xứng Tứ Vô Ngại Trí, và bốn thứ vô ngại biện tài. Cái đạt được từ trong tâm là trí huệ, thốt ra miệng là biện tài. Phật chứng đắc Tứ Vô Ngại Trí, từ trong miệng thốt ra, gọi là Tứ Vô Ngại Biện. “*Chấn pháp lôi*” (Rền sấm pháp): Trong bốn loại biện tài, thứ

Nguy và Triệu. Ba nước này được xếp vào thất hùng (bảy nước chư hầu hùng mạnh, tức Tần, Yên, Tề, Hàn, Ngụy, Triệu, Sở) thời Chiến Quốc, cho đến khi cả sáu nước (Yên, Tề, Hàn, Ngụy, Triệu, Sở) đều bị Tần Thủy Hoàng tiêu diệt.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nhất là Pháp Vô Ngại Biện. Vị ấy thuyết pháp vô ngại, giống như “*chấn pháp lôi*”. “*Diệu pháp điện*” (Chói lòa tia chớp pháp): Muốn nổi sấm, xối mưa to, tia chớp xẹt sáng, đều là giảng pháp, nghĩa lý vô ngại thì gọi là Nghĩa Vô Ngại Biện. “*Diệu pháp điện*” (Xẹt tia chớp pháp), giống như tỏa ra quang minh. “*Chú pháp vũ*” (Tuôn mưa pháp): Trời đổ mưa, đức Phật thuyết pháp giống như “*chú pháp vũ*”. Đây là Từ Vô Ngại Biện. Đức Phật thuyết pháp ngôn từ vô ngại. “*Diễn pháp thí*”: Dùng pháp để bố thí, giống như Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện. Chúng sanh thích nghe pháp gì, bèn hướng về họ nói pháp ấy, khiến cho chúng sanh nghe rất hoan hỷ. Chuyện này giống như Pháp Bố Thí.

“*Thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian*” (Thường dùng pháp âm để giác ngộ thế gian): Hai câu này là tổng kết. Sau khi đức Phật đã thành Phật bèn thuyết pháp, một mực thuyết pháp cho đến khi nhập Niết Bàn vẫn thuyết pháp. Đây là “*thường dĩ pháp âm*” để giác ngộ chúng sanh trong hết thảy các thế giới.

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.8.2.2. Thân và miệng nhiếp thọ tạo lợi ích

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.8.2.2.1. Dùng thân nhiếp hàng phục ma, khiến lìa tà nghiệp

(Kinh) Quang minh phổ chiếu vô lượng Phật độ. Nhất thiết thế giới lục chủng chấn động, tổng nhiếp ma giới, động ma cung điện. Chúng ma triệp bố, mạc bất quy phục.

(經)光明普照無量佛土。一切世界，六種震動。總攝魔界，動魔宮殿。眾魔懼怖，莫不歸伏。

(Kinh: Quang minh chiếu trọn khắp vô lượng cõi Phật. Hết thảy các thế giới sáu thứ chấn động, nhiếp trọn ma giới, lay động cung điện ma. Các ma kinh hoàng, không ai chẳng quy phục).

“*Quang minh phổ chiếu vô lượng Phật độ*” [nghĩa là] đức Phật thuyết pháp sẽ tỏa quang minh, quang minh sẽ chiếu trọn khắp vô lượng cõi Phật. “*Nhất thiết thế giới, lục chủng chấn động*” (Hết thảy các thế giới sáu thứ chấn động): Đức Phật thuyết pháp có oai nghi, có thể khiến cho hết thảy vô lượng thế giới, mỗi thế giới đều có sáu thứ chấn động. Trong phần trước đã nói, chuyện này nhằm cảnh giác chúng sanh.

“*Tổng nhiếp ma giới, động ma cung điện. Chúng ma triệp bố,*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

mạc bất quy phục” (Nhiếp trọn ma giới, lay động cung điện ma. Các ma kinh hoảng, không ai chẳng quy phục): Trong phần hiện tám tướng thành đạo đã nói trên đây, hàng ma là một tướng, thành đạo là một tướng nữa. Ở đây chẳng phải là tướng thành Phật hàng ma, mà là hàng phục ma trong mười phương thế giới. Trong phần trước đã nói Ngài “*thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian, quang minh phổ chiếu vô lượng Phật độ*” (thường dùng các pháp âm để giác ngộ các thế gian, quang minh chiếu khắp vô lượng cõi Phật), phóng quang minh chiếu thấu vô lượng cõi Phật, vô lượng thế giới. “*Nhất thiết thế giới, lục chủng chấn động*”, [ý nói] chẳng phải là một thế giới có sáu thứ chấn động, mà là vô lượng thế giới đều có sáu thứ chấn động. Tiếp đó nói “*tổng nhiếp ma giới*” (nhiếp trọn ma giới): Nhiếp (攝) là thu nhiếp. Thu nhiếp hết thầy ma giới. Hết thầy các thế giới đều có cung điện của ma vương, thầy đều bị chấn động. “*Chúng ma triệp bố*”: “*Triệp bố*” (懼怖) là kinh hãi, hốt hoảng, sợ hãi. “*Mạc bất quy phục*”: Ma trong vô lượng thế giới đều quy y, điều phục. Dưới đây lại nói về chuyện hàng phục ngoại đạo.

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.8.2.2.2. Khẩu nghiệp phá tà, khiến lìa phiền não

(Kinh) Quặc liệt tà võng, tiêu diệt chư kiến, tán chư trần lao, hoại chư dục tiêm, nghiêm hộ pháp thành, khai xiển pháp môn, tẩy trạc cấu ô, hiển minh thanh bạch, quang dung Phật pháp, tuyên lưu chánh hóa.

(經) 搗裂邪網，消滅諸見。散諸塵勞，壞諸欲壑。嚴護法城，開闡法門。洗濯垢汙，顯明清白。光融佛法，宣流正化。

(Kinh: Xé rách lưới tà, tiêu diệt các kiến, phá tan các trần lao, hủy hoại các hào dục, giữ nghiêm ngặt pháp thành, mở mang, xiển dương pháp môn, gột rửa như bản, sáng sủa thanh bạch, dung hội rạng ngời Phật pháp, tuyên lưu sự giáo hóa chánh đáng).

“*Quặc liệt tà võng, tiêu diệt chư kiến*” (Xé rách lưới tà, tiêu diệt các kiến giải): Trong phần trước đã nói tới chuyện hàng phục ma vương. Trong mỗi thế giới đều có bọn ngoại đạo. Tri kiến của bọn ngoại đạo ấy đều là tà tri tà kiến. Những pháp môn do họ đặt ra đều là các tà pháp. Tà pháp không chỉ là một thứ, giống như lưới giăng khiến

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

cho chúng sanh bị mê hoặc [nên gọi là “tà vông”]. “*Quặc liệt tà vông*”: “*Quặc liệt*” (摑裂) là phá vỡ, tức là đả phá tà pháp của ngoại đạo. “*Tiêu diệt chư kiến*”: Phá tan tà pháp, tà tri tà kiến của bọn ngoại đạo. Lại còn phải tiêu diệt những thứ ấy. “*Tà vông*” (Lưới tà) là tà pháp ngoài tâm, phá “*chư kiến*” là tiêu diệt tà kiến trong tâm.

“*Tán chư trần lao, hoại chư dục tiếm*” (Phá tan các trần lao, hoại các hào dục): Đây là nói về phàm phu. Phiền não của phàm phu là do mê hoặc bởi ngũ dục. “*Tán chư trần lao*” (Phá tan các trần lao): Trần lao là một loại phiền não. Trần lao là loạn tướng. Hết thấy các phiền não nhiều loạn chúng sanh, phiền não do đâu mà có? Do trần cảnh bên ngoài đưa đến. Phàm phu luôn tham cầu cảnh giới sáu trần, tức sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Hễ tham cầu cảnh giới sáu trần, sẽ nhiều loạn cái tâm của chính mình. “*Lao*” (勞) là rối loạn. Phá tan tất cả trần lao của chúng sanh, “*tán*” (散) là phá trừ.

“*Hoại chư dục tiếm*”: “*Dục*” (欲) là ham muốn niềm vui ngũ dục. “*Tiếm*” (壑) là hào nước sâu. Chúng sanh tham cầu thú vui ngũ dục, rơi xuống hào sâu chẳng thoát ra được, bị trần lao của niềm vui ngũ dục lôi xuống, chìm lìm trong hào sâu ngũ dục. Phải đập nát, phá hoại hào sâu ngũ dục, giống như cứu họ thoát khỏi hào sâu. Đây là tán thán công đức của các vị Bồ Tát ấy. Không chỉ là tạo công đức trong một thế giới, mà là trong vô lượng thế giới, vô lượng cõi Phật đều làm công đức. Trước hết là phá tà hiện chánh. Trong phần trước có nói tới chuyện hàng phục ma vương; đây là phá tà. Hàng phục ngoại đạo vẫn là phá tà. Hàng phục phàm phu vẫn là phá tà. Phá tan tà tri tà kiến để hiển chánh. Dưới đây là hiển dương chánh pháp, tức là tuyên dương chánh pháp của Phật.

“*Nghiêm hộ pháp thành, khai xiển pháp môn*”: Bảo vệ Phật pháp nghiêm mật, giống như một quốc gia bảo vệ thành trì của chính mình, đây là “*nghiêm hộ pháp thành*”. “*Khai xiển pháp môn*”: Ta muốn mở cửa thành khiến cho nhân dân đều vào trong cái thành này của ta. Đây là muốn khai chuyển pháp luân. Khai chuyển pháp luân nói tổng quát sẽ là pháp môn Lục Độ. Lục Độ nếu mở rộng ra sẽ là muôn loại hạnh môn.

“*Tẩy trạc cấu ô, hiển minh thanh bạch*” (Gột rửa như bản, hiển rõ sự thanh bạch): “*Cấu ô*” (垢汙) là vô minh phiền não. “*Khai xiển pháp môn*” cho chúng sanh là dạy chúng sanh tu hành, tu hành để làm gì? Tu hành nhằm đoạn phiền não. Phiền não là “*cấu ô*”. Thân thể vốn

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thanh tịnh, trong trắng, vì bị trần cấu ô nhiễm, cần phải “*tẩy trạc*” (洗濯, gột rửa). Rửa đi rửa lại thì là Trạc (濯). “*Tẩy trạc cấu ô*” là gột sạch tập khí trần cấu ô nhiễm. “*Hiện minh thanh bạch*”: Hiện lộ cái thân thể vốn sẵn thanh tịnh, trong trắng, làm lộ rõ cái thân thanh bạch. Vốn sẵn thanh bạch, nhưng bị nhuốm bẩn bởi trần lao, trần cấu. Trần cấu còn có một danh xưng khác là Khách Trần. “*Khách*” (客) [hàm ý] chẳng phải là chính mình, nó đến từ bên ngoài. “*Trần*” (塵) cũng là trần cảnh, là cảnh giới ở ngoài tâm, quý vị chớ nên tham cầu nó. Hễ tham cầu, quý vị sẽ bị nhiễm bẩn. Vì thế, hiểu rõ Khách Trần chẳng phải là chủ nhân trong nhà của ta, sẽ rất dễ dàng đả phá nó, rất dễ gột sạch nó. Lý Thể Pháp Thân của ta vốn thanh tịnh, trong trắng, nhưng đối với chúng sanh, nó chẳng hiển hiện được, vì bị trần lao phiền não làm như bẩn. Hiện thời, học Phật pháp thì phải tu hành, đoạn phiền não, hòng hiển hiện Pháp Thân vốn sẵn thanh tịnh, trong sạch.

Bồ Tát cứu độ chúng sanh thì phải hoằng dương chánh pháp. Hoằng dương chánh pháp thì trước hết phải dạy chúng sanh tà pháp là gì? Phá trừ tà pháp, sửa trừ những tà kiến trong tâm, mới có thể khiến cho chúng sanh tiếp nhận chánh pháp, nẩy sanh lòng tín ngưỡng. Đã tín ngưỡng rồi bèn thông hiểu, đã thông hiểu rồi thì sẽ tu hành. Tu hành là làm gì? Phải ghi nhớ! Tu hành là đoạn phiền não. Tu hành chẳng phải là tu Pháp Thân, [bởi lẽ], Pháp Thân vốn sẵn có, chẳng cần phải tu mới thành. Nếu cần phải tu tập để thành tựu Pháp Thân, Pháp Thân sẽ trở thành thứ giả trá, chúng ta có thể tự mình sửa chữa, chế tạo. Thứ do phàm phu sửa chữa và chế tạo thì còn có phải là thật hay chẳng? Do vậy, Pháp Thân vốn sẵn có, là diệu lý Thật Tướng, là chân lý chưa bao giờ biến động. Pháp Thân vốn thanh bạch, vì bị khách trần nhiễm bẩn, cho nên cần tẩy rửa. “*Tẩy trạc*” là tu hành, tu rồi lại tu, giặt đi giặt lại, hòng đoạn hết sạch phiền não, Pháp Thân sẽ hiện tiền. Do vậy, đợi đến khi Pháp Thân hiện tiền bèn thành Phật, đạt được cái “*chẳng đạt được*”, vì Pháp Thân vốn sẵn có, chẳng do từ bên ngoài mà có!

“*Quang dung Phật pháp, tuyên lưu chánh hóa*” (Dung hội rạng ngời Phật pháp, tuyên dương, lưu thông sự giáo hóa chánh đáng): “*Quang dung Phật pháp*” là nói tương ứng với “*khai xiển pháp môn*” trong phần trước. Phật pháp như cái thành lớn. Thành cần phải mở cửa, hết thầy đại chúng mới có thể đi vào. Vậy thì mở cửa thành sẽ chẳng chỉ mở một cửa. “*Khai xiển pháp môn*” (Mở mang, xiển dương pháp môn) hoàn toàn chẳng phải là một thứ, vì căn cơ của chúng sanh sai khác, chẳng đồng nhất, đức Phật cũng có đủ loại pháp môn. Nêu lên đại

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

cương thì có Lục Độ, lại mở rộng ra thì là muôn loại pháp môn, nhưng Phật pháp chẳng có hai món. Ở đây phải “*quang dung Phật pháp*”. “*Quang*” là phóng trí huệ quang, “*dung*” (融) là dung hội, quán thông, [tức là] hợp các loại pháp môn lại thành một Phật pháp thì gọi là “*quang dung Phật pháp*”. Dung hội, quán thông như thế nào? Đạt được trí huệ. Vì thế, người mới học hãy cân nhắc một pháp môn để có thể giúp họ đoạn phiền não. Quý vị học một pháp môn này, kẻ khác học pháp môn khác, dường như chẳng có gì chung giữa đôi bên, chẳng biết Phật pháp không có hai loại. Khi trí huệ cao sâu dấy lên, tỏa ra quang minh trí huệ thì sẽ có thể dung hội, quán thông, hiểu thấu suốt thấy đều là một Phật pháp. “*Tuyên lưu chánh hóa*”: Phật pháp cần phải tuyên dương, lưu truyền, truyền bá rộng rãi. Tuyên lưu, truyền bá rộng rãi thì phải tuyên dương Phật pháp. Tuyên dương Phật pháp mới là sự giáo hóa chánh đáng.

Tôi thường xuyên nhắc nhở chư vị: Nghe kinh là để chúng ta học Phật pháp. Quý vị nghe đến đâu, học đến đó. Pháp ấy sẽ dẫn dắt quý vị, quý vị nghe đến chỗ này, bèn học đến chỗ này. Hiện thời, tại Trung Hoa, kinh Đại Thừa có tám tông phái, vẫn chẳng phải là có tám vạn bốn ngàn pháp môn. Đối với tám tông phái ấy, nói chung là học theo một tông phái, khéo tu hành, khéo đoạn phiền não. Thế nhưng quý vị chớ nên chấp trước, tu Thiên Tông sẽ hủy báng Tịnh Độ, học Tịnh Độ sẽ hủy báng Thiên Tông; học Mật Tông bèn hủy báng Hiền Giáo, học Hiền Giáo sẽ hủy báng Mật Tông. Hủy báng tới, hủy báng lui, toàn là tự mình đánh mình! Thiên Tông là Phật pháp, Tịnh Độ Tông cũng là Phật pháp; Hiền Giáo là Phật pháp, Mật Tông cũng là Phật pháp. Trong vòng các tông, hủy báng lẫn nhau, chẳng hủy báng tà ma ngoại đạo, trông thấy ngoại đạo bèn sợ hãi, cũng chẳng dám hủy báng, tận hết sức mình đánh người trong nhà của chính mình, Phật pháp làm sao có thể hưng thịnh cho nổi? Do đó, quý vị phải dung hội, quán thông, hết thấy các pháp đều là Phật pháp.

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.8.2.2.3. Thân nghiệp tiếp nhận cúng dường, sanh ra phước thiện cho người khác

(Kinh) Nhập quốc phân vệ, hoạch chư phước thiện. Trữ công đức, thị phước điền.

(經)入國分衛，獲諸豐膳。貯功德，示福田。

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

(Kinh: Vào quốc thành khát thực, đạt được các thức ăn phong phú, chất chứa công đức, chỉ bày phước điền).

“***Nhập quốc phân vệ***”: Chữ Phân Vệ (分衛, Pīṇḍapāta) trong tiếng Phạn dịch sang tiếng Hán là Khất Thực. Kinh Kim Cang chép: “***Nhập Xá Vệ đại thành khát thực***” (Vào trong đại thành Xá Vệ để khất thực). Phật Thích Ca làm như thế, mà hết thấy các vị đại Bồ Tát thị hiện thành Phật cũng đều là như vậy. “***Nhập quốc***”: Quý vị đang ở nước nào, bèn vào trong nước ấy. Phật Thích Ca vào đại thành Xá Vệ, các vị Bồ Tát khác mỗi vị ở cõi Phật của chính mình, vào trong quốc thành của họ để khất thực. Bồ Tát đều có thể thị hiện thành Phật, cần gì phải ăn uống nữa? Đây là vì lợi ích chúng sanh. Tiếp đó bèn nói: Vì lẽ gì Bồ Tát còn phải khất thực, còn phải ăn uống? Chính là vì đạo lý này.

“***Hoạch chư phong thiện***”: Hoạch (獲) là thu được, [“***hoạch chư phong thiện***”] là đạt được món ăn phong phú. “***Thiện***” (膳) chính là những thứ để ăn.

“***Trữ công đức, thị phước điền***”: Hai câu này nhằm nói rõ vì sao Phật, Bồ Tát phải xin cơm ăn? Nhằm lợi ích chúng sanh, khiến cho chúng sanh tích tụ “***công đức***”. Trữ (貯) là tích tụ, giống như chúng ta ra ngân hàng gửi tiền vậy. Ngày hôm nay gửi vào mấy đồng, ngày mai gửi mấy đồng nữa, đây gọi là Trữ. Hôm nay người ấy dâng thí đức Phật một chén cơm, ngày mai lại dâng thí một chén cơm, giống như ra ngân hàng gửi tiền vậy, tích “***trữ công đức***”. “***Thị phước điền***” (Chỉ bày ruộng phước): Khai thị chúng sanh, khiến cho chúng sanh gieo phước. Chúng ta muốn gieo lúa mạch thì ra ruộng lúa mạch mà gieo. Muốn gieo hạt gạo thì ra ruộng trồng lúa gạo mà gieo. Quý vị muốn gieo phước, hãy gieo trên thân người xuất gia! Đức Phật thị hiện tướng tỳ-kheo, quý vị cúng dường người xuất gia dùng bữa là gieo phước. Người xuất gia được gọi là “***phước điền tăng***”, [“***thị phước điền***”] là khai thị cho chúng sanh gieo phước điền.

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.8.2.2.4. Khẩu nghiệp thuyết pháp, khiến cho [người nghe] tu đạo xuất ly

(Kinh) Dục tuyên pháp, hiện hân tiếu, dĩ chư pháp được, cứu liệu tam khổ, hiển hiện đạo ý, vô lượng công đức, thọ Bồ Tát ký, thành Đẳng Chánh Giác.

(經)欲宣法，現欣笑。以諸法藥，救療三苦。顯現道意，無量功德。授菩薩記，成等正覺。

(*Kinh*: Muốn tuyên nói pháp, hiện vẻ tươi cười, dùng các pháp được cứu chữa ba khổ, hiển hiện đạo ý, vô lượng công đức, thọ ký cho hàng Bồ Tát thành Đẳng Chánh Giác).

“*Dục tuyên pháp, hiện hân tiếu*” (Muốn tuyên nói pháp, hiện vẻ tươi cười): Quý vị đọc kinh Kim Cang, [sẽ thấy chép]: “*Nhĩ thời Thế Tôn, thực thời, trước y trì bát, nhập Xá Vệ đại thành khát thực, u kỳ thành trung, thứ đệ khát dĩ, hoàn chí bốn xư, phạn thực ngật, thâu y bát, tẩy túc dĩ, phu tòa nhi tọa*” (Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn đến giờ ăn, bèn đắp y, cầm bát, vào thành lớn Xá Vệ khát thực. Ở trong thành ấy, theo thứ tự khát thực xong, trở về chỗ mình, dùng cơm xong, cất y bát, rửa chân rồi, trải tòa mà ngồi). Thích Ca Mâu Ni Phật vào đại thành Xá Vệ khát thực xong, trở về Kỳ Thọ Cấp Cô Độc Viên, dùng cơm xong, cất dọn y bát, rửa chân rồi, trải tòa ra để ngồi. “*Tẩy túc dĩ*” là rửa chân, trải tòa thì phải ngồi xuống, ngồi xuống rồi sẽ giảng kinh Kim Cang. Chư đại Bồ Tát thị hiện thành Phật, thuyết pháp cũng giống như vậy, khát thực xong bèn dùng cơm. “*Dục tuyên pháp*” là muốn thuyết pháp, thuyết pháp thì vẻ mặt phải “*hiện hân tiếu*”, [tức là] vẻ mặt rất hoan hỷ. Trong phần kinh văn dưới đây, khi nói đến phần Phát Khởi Tự, Phật Thích Ca giảng kinh Vô Lượng Thọ cũng mang vẻ mặt hoan hỷ, tươi cười. Vì sao đức Phật thuyết pháp bèn hiện vẻ tươi cười, hân hoan? Vì chúng sanh đã thành tựu cái duyên đặc độ tốt đẹp. Chúng sanh muốn thoát ly biển khổ thì chỉ có Phật xuất thế thuyết pháp, chúng sanh sẽ có thể đặc độ. Phật đến cứu độ chúng sanh, thấy chúng sanh sắp thoát ly biển khổ, cho nên Ngài mang vẻ mặt tươi cười.

“*Dĩ chư pháp được, cứu liệu tam khổ*” (Dùng các pháp được cứu chữa ba khổ): Vì sao cần phải thuyết pháp? Pháp giống như thuốc men; vì sao bảo chúng sanh uống thuốc? Vì chúng sanh có bệnh khổ não. Khổ não rất nhiều, nói tổng hợp thì có ba loại khổ. Thứ nhất, khổ là Khổ Khổ. Thứ hai, lạc là Hoại Khổ. Thứ ba, chẳng khổ chẳng lạc là Hành Khổ. Trong nhân gian, ba thứ khổ này đều có, Dục Giới Thiên trọn đủ hai thứ khổ, hai giới trên đó là Sắc Giới và Vô Sắc Giới đều có một thứ khổ. Nhân gian thì cả ba thứ khổ đều có, chúng sanh trong nhân gian chịu khổ, tức là khổ càng thêm khổ:

1) Cái thân Ngũ Âm của chúng ta vốn là cái gốc khổ. Thân thể

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

của chúng ta do cha mẹ sanh ra là để chịu khổ. Quý vị chẳng ăn cơm, sẽ khổ vì đói, chẳng uống nước, sẽ khổ vì khát. Mùa Hè thì khổ vì nóng, mùa Đông khổ vì lạnh, khổ vì bệnh tật, già cả thì khổ vì già. Cái thân Ngũ Ấm là căn bản của khổ, đã khổ càng thêm khổ, thì gọi là Khổ Khổ.

2) Nếu quý vị đang hưởng phước sung sướng, sung sướng chẳng thể lâu dài. Lạc là Hoại Khổ. Nếu lạc đã bị hoại, đây mới là khổ nào dữ dội, khiến cho quý vị chẳng thể chịu đựng nổi. Chẳng hạn như quý vị vốn chẳng phát tài, vốn chẳng làm quan to, đây là Khổ Khổ, chịu đựng nổi khổ nghèo hèn, vẫn có thể chịu đựng được. Nếu quý vị làm quan lớn, giàu sụ, về sau, thời thế xoay chuyển, địa vị quan to mất đi, tiền tài bị kẻ khác tịch thu, khi ấy sẽ khổ sở dữ dội, khổ đến nỗi chẳng thể sống nổi. Do vậy, lạc là Hoại Khổ.

3) Còn có một loại người, họ chẳng vui sướng to lớn mà cũng chẳng khổ lắm, rất bình phàm, nhưng sự bình phàm cũng chẳng thể giữ mãi, đây là Hành Khổ. “Hành” (行) là trôi dạt chẳng ngừng. Quý vị cảm thấy cuộc sống rất bình lặng, ta chẳng khổ mà cũng chẳng sướng, cuộc sống này rất tốt! Nhưng trôi dạt chẳng ngừng, sanh mạng của quý vị chẳng thể ngưng nghỉ, tự nhiên sẽ từ tráng niên trở thành già nua, từ già đến chết. Đây là Hành Khổ.

Đối với chúng sanh trên cõi trời, trời chia thành tam giới. Dục Giới có sáu tầng trời, Dục Giới hưởng niềm vui ngũ dục đều là diệu lạc. “Diệu” (妙) nghĩa là chúng ta chẳng thể suy tưởng được. Họ hưởng thiên lạc (niềm vui trong cõi trời) rất tốt đẹp, nhưng cái lạc mà họ hưởng là Hoại Khổ. Phước trời sẽ có lúc hưởng hết. Hưởng hết thì vẫn phải luân hồi. Kinh Phật có nói, có một vị trời từ trên trời đọa xuống, lập tức đọa vào trong bụng của một con lợn nái ghẻ lở. Con lợn nái ấy sanh ra đã là toàn thân ghẻ lở. Người trên cõi trời có thần thông, vị trời ấy trông thấy, nhưng khi đọa xuống, phải đầu thai trong bụng con lợn nái ghẻ lác, quý vị xem đó! Họa hoạn kiêu đó có thể chịu đựng nổi hay chẳng? Vì thế, sanh lên trời cảm giác chẳng tránh khỏi mối họa ấy. Dục Giới gọi Lạc là Hoại Khổ, họ chẳng có Khổ Khổ, vì họ chỉ hưởng phước trời, hưởng lạc, nhưng lạc chẳng lâu dài. Hưởng hết phước trời, vẫn phải luân hồi xuống thấp hơn, nên gọi Lạc là Hoại Khổ, nhưng chư thiên có hai thứ khổ là Hoại Khổ và Hành Khổ. Hai giới trên đó là Sắc Giới và Vô Sắc Giới, họ tu Tứ Thiên Bát Định, chẳng hứng chịu Khổ Khổ trong nhân gian, mà cũng chẳng hưởng thụ niềm vui ngũ dục như Dục Giới Thiên. Họ chẳng khổ, chẳng lạc, đạt được cảnh giới Thiên

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Định rất tốt đẹp. Nhưng quý vị phải hiểu, họ vẫn bị đời không ngừng, vẫn có lúc Định lực tiêu tán, chẳng thoát khỏi phạm vi của lục đạo luân hồi. Do vậy, hai giới trên là Sắc Giới và Vô Sắc Giới chẳng có Khổ Khổ và cũng chẳng có Hoại Khổ, nhưng có Hành Khổ. Nói tới ba nỗi khổ này, ngay cả chư thiên trong tam giới cũng đều phải kể đến. Nhìn lại loài người chúng ta, cả ba nỗi khổ đều có.

Học Phật pháp thì trước hết là biết khổ, Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành Phật, Ngài muốn cứu độ chúng sanh bèn thuyết pháp. Thuyết pháp thì trước hết là đến độ năm vị tỳ-kheo, nói pháp môn Tứ Đế, tức Khổ - Tập - Diệt - Đạo. Trước hết nói đến Khổ, bảo năm vị tỳ-kheo hãy biết Khổ. Khổ do đâu mà có? Khổ là khổ quả. Khổ do Tập mà có. Tập là phiền não, do đã tạo cái nhân phiền não mà có. Nếu quý vị biết Khổ, trước hết hãy đoạn Tập, tức là đoạn phiền não. “*Mộ Diệt tu Đạo*” (Do hâm mộ Diệt mà tu Đạo), “*Diệt*” là tịch diệt, tức Niết Bàn. [“*Mộ Diệt*” là] ngưỡng mộ Tịch Diệt Niết Bàn. Quý vị ngưỡng mộ [mong muốn] đạt được Niết Bàn thì phải tu Đạo. Phật Thích Ca nói pháp môn Tứ Đế là nói với năm vị tỳ-kheo. Trên thực tế, đức Phật thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, chẳng rời khỏi pháp Tứ Đế: “*Biết Khổ đoạn Tập, mộ Diệt tu Đạo*”. Nếu quý vị giảng Phật pháp mà chẳng thể khiến cho chúng sanh biết khổ, những gì quý vị đã giảng toàn là nói suông. Vì sao? Họ chẳng biết khổ, làm sao tu hành? Họ chẳng tu hành, quý vị giảng Phật pháp cho họ nửa ngày, chẳng phải là đã nói những lời rỗng tuếch ư? Lại nói về kinh văn, đây là chư đại Bồ Tát thị hiện tám tướng thành đạo: Thành Phật, chuyển pháp luân, thuyết pháp cho chúng sanh nghe, giống như cho chúng sanh uống thuốc để cứu chữa bệnh tật của chúng sanh. Bệnh gì vậy? Ba loại bệnh khổ. Đây là “*cứu liệu tam khổ*” (cứu chữa ba khổ).

“*Hiện hiện đạo ý, vô lượng công đức*”: Cứu vớt ba thứ khổ của chúng sanh, [khiến cho họ] có thể vượt thoát tam giới, chứng đắc cực quả là A La Hán, hay Bích Chi Phật. Đây là Tiểu Thừa. Cứu độ chúng sanh thì nhất định phải khiến cho họ thành Phật. Quý vị cứu độ chúng sanh thoát khỏi tam giới thì vẫn chưa phải là Phật pháp rốt ráo. Đó là Tiểu Thừa. Nhưng căn cơ của chúng sanh khác nhau, có kẻ tu Tiểu Thừa mà còn tu chẳng được, trước hết hãy bảo họ tu Nhân Thiên Thừa, bảo họ thọ Tam Quy Y, thọ Ngũ Giới, giữ cho thân người chẳng mất. Đây gọi là pháp Nhân Thiên. Pháp Nhân Thiên cứu họ chẳng đọa ba ác đạo, vẫn là cứu ba nỗi khổ ấy. Còn có những chúng sanh căn cơ cao hơn một chút, bèn dạy họ tu mười thứ thiện pháp, khiến cho họ thăng

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

thiên, hưởng thụ phước trời. Còn có những người tư tưởng cao hơn một chút, bèn dạy họ tu Tứ Thiên Bát Định để sanh lên Sắc Giới Thiên hoặc Vô Sắc Giới Thiên. Đấy đều là phương tiện, gọi là pháp Thiên Thừa. Pháp Thiên Thừa vượt thoát nhân giới, nhưng thiên giới vẫn chẳng phải là lâu dài, phải làm cho họ tu pháp Nhị Thừa, tức là tu pháp Tứ Đê, tu pháp Thập Nhị Nhân Duyên, dạy họ vượt thoát tam giới, thoát ly lục đạo luân hồi. Như thế thì vẫn chưa phải là pháp rốt ráo, rốt ráo là như thế nào? Dạy họ phát Bồ Đề tâm.

Nhìn vào kinh văn, “*cứu liệu tam khổ*” (cứu chữa tam khổ) là độ chúng sanh thoát khỏi tam giới. Đấy là một phương tiện, khiến cho họ “*hiển hiện đạo ý*”. “*Đạo*” là Bồ Đề, “*ý*” là tâm, [“*hiển hiện đạo ý*” chính là] khiến cho họ phát Bồ Đề tâm. Đã phát Bồ Đề tâm, bèn dạy họ hành Bồ Tát đạo, bảo họ tu “*vô lượng công đức*”. Hành Bồ Tát đạo, tích lũy công đức. Họ tu đến Bát Địa Bồ Tát. “*Thọ Bồ Tát ký*”: Thọ ký bậc Bát Địa Bồ Tát sẽ thành Phật thì gọi là “*thọ Bồ Tát ký*”. Tiếng Phạn dịch sang tiếng Hán, giải thích văn tự khá tốn công! “*Thọ Bồ Tát ký*” tức là thọ ký sẽ thành Phật. Thọ ký ai sẽ thành Phật? Thọ ký Bát Địa Bồ Tát sẽ thành Phật. “*Thành Đẳng Chánh Giác*”, khiến cho chúng sanh trong tương lai sẽ có thể thành Phật, quý vị mới được coi là độ chúng sanh!

2.1.1.2.2.3.1.2.1.2.9. Tướng nhập Niết Bàn

(Kinh) Thị hiện diệt độ, chứng tế vô cực, tiêu trừ chur lậu, thực chứng đức bản.

(經)示現滅度，拯濟無極。消除諸漏，植眾德本。

(Kinh: Thị hiện diệt độ, cứu vớt vô cực, tiêu trừ các lậu, trồng các cội đức).

“*Thị hiện diệt độ*”: Đây là thị hiện tám tướng thành đạo. Tướng thứ bảy là chuyển pháp luân. Tướng thứ tám là nhập Niết Bàn. “*Diệt độ*” là dịch nghĩa từ tiếng Phạn, tức là chữ Niết Bàn dịch sang tiếng Hán thì là Diệt Độ, vẫn là thị hiện. Vì thế giới này chẳng có vị Phật nào thành Phật, [thế mà có những] chúng sanh đáng nên thấy Phật để đắc độ, vị Bồ Tát này bèn đến thế giới đó, thị hiện tám tướng thành đạo, thị hiện thành Phật, thuyết pháp độ chúng sanh. Độ chúng sanh [căn cơ] đã chín muồi, thọ ký họ sẽ thành Phật. Những chuyện khác đã làm xong, Ngài bèn thị hiện Niết Bàn.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Chứng tế vô cực*”: Chứng tế (拯濟) là cứu độ. “*Vô cực*” (無極) là vô cùng vô số chúng sanh. Cứu độ vô số chúng sanh như vậy thì là “*chứng tế vô cực*”. “*Tiêu trừ chư lậu*”: “*Lậu*” (漏) là tên gọi khác của phiền não. Hết thấy các phiền não gọi là “*chư lậu*”. Độ chúng sanh bằng cách nào? Khiến cho chúng sanh tiêu trừ phiền não. Tiêu trừ phiền não, phá hoại phiền não, còn phải tu tập tốt đẹp, dạy họ tích lũy công đức. “*Đức bản*” (德本) còn gọi là thiện căn. Dạy chúng sanh làm nhiều công đức, vun bồi nhiều thiện căn, thì gọi là “*thực chứng đức bản*”.

2.1.1.2.2.3.1.3. Tiểu kết lời tán thán Quyền Đức và Thật Đức

(Kinh) Cụ túc công đức, vi diệu nan lượng. Du chư Phật quốc, phổ hiện đạo giáo.

(經)具足功德，微妙難量。遊諸佛國，普現道教。

(Kinh: Đầy đủ công đức, vi diệu khó lường. Đạo các cõi Phật, hiện trọn khắp giáo pháp của Phật đạo).

“*Cụ túc công đức*”: Khiến cho hết thấy chúng sanh đều được thọ ký thành Phật, trong tương lai, họ sẽ đều có thể thành Phật, công đức trọn đủ. Ở đây, [kinh văn] tổng kết tám tướng thành đạo, thị hiện Niết Bàn, công đức của vị Bồ Tát ấy đã trọn đủ. Hãy ghi nhớ! Những vị Bồ Tát này đến vô lượng thế giới để thị hiện tám tướng thành đạo hồng độ chúng sanh. Công đức của các Ngài “*vi diệu nan lượng*”, “*vi diệu*” là chẳng thể nghĩ bàn, vô lượng vô biên công đức, đều là công đức chẳng thể nghĩ bàn.

“*Du chư Phật quốc*”: “*Du*” (遊) là du hóa, đến các cõi Phật để du hóa. “*Phổ hiện đạo giáo*”, “*đạo giáo*” ở đây chẳng phải là giáo pháp của đạo sĩ trong hiện thời, mà là phổ biến thị hiện giáo pháp của Phật đạo.

2.1.1.2.2.3.2. Tán thán công đức tự lợi và lợi tha của các vị Bồ Tát

2.1.1.2.2.3.2.1. Tán thán đại lược

(Kinh) Kỳ sở tu hành, thanh tịnh vô uế. Thí như huyễn sư, hiện chúng dị tượng, vi nam, vi nữ, vô sở bất biến. Bản học mình liễu, tại ý sở vi. Thử chư Bồ Tát, diệc phục như thị, học nhất thiết

pháp, quán tổng lữ luyện, sở trụ an ổn, mị bất cảm hóa. Vô số Phật độ, giai tất phổ hiện. Vị tăng mạn tứ, mãn thương chúng sanh. Như thị chi pháp, nhất thiết cụ túc.

(經)其所修行，清淨無穢。譬如幻師，現眾異像。為男為女，無所不變。本學明了，在意所為。此諸菩薩，亦復如是。學一切法，貫綜縷練。所住安諦，靡不感化。無數佛土，皆悉普現。未曾慢恣，愍傷眾生。如是之法，一切具足。

(*Kinh: Sự tu hành của các Ngài thanh tịnh, chẳng như. Ví như nhà huyền thuật hiện ra các hình tượng lạ lùng, hiện nam, hiện nữ, không gì chẳng biến hóa, do hiểu rõ điều mình đã học, tùy ý thực hiện. Các vị Bồ Tát này cũng giống như vậy, học hết thấy các pháp, thông suốt, luyện tập tỉ mỉ, trụ an định, vững chắc [trong Phật pháp], không ai chẳng bị cảm hóa. Trong vô số cõi Phật, thấy đều hiện khắp, chưa hề khinh mạn, phóng túng, thương xót chúng sanh. Các pháp như thế hết thấy đều đầy đủ).*

“Kỳ sở tu hành, thanh tịnh vô uế” (Sự tu hành của các Ngài thanh tịnh, chẳng như): Các Ngài thành Phật là thị hiện, bản vị vẫn là Bồ Tát, còn đang tu Bồ Tát hạnh, những gì các Ngài đã tu đều là đạo hạnh thanh tịnh, chẳng có chút nào ô nhiễm xen tạp. Đó là “*thanh tịnh vô uế*”. Phải chú ý! Trong phần trước, tôi đã nói, tán thán các vị đại Bồ Tát này đều là bậc Đăng Giác Bồ Tát. Các Ngài có thể thị hiện thành Phật, chỉ kém Phật một bậc. Nói đến những công đức này, nhằm dạy hàng Sơ Phát Tâm Bồ Tát chúng ta học tập. Nếu không, tán thán những công đức ấy, chép vào kinh bản để làm gì? Nhằm dạy hàng Sơ Phát Tâm Bồ Tát chúng ta hãy học theo. Chúng ta cũng là Bồ Tát, nhưng là hạng Bồ Tát gì? Là Sơ Phát Ý Bồ Tát. Ý còn gọi là Tâm; do vậy, còn gọi là Sơ Phát Tâm Bồ Tát. “Kỳ sở tu hành, thanh tịnh vô uế” (Sự tu hành của các Ngài thanh tịnh, chẳng như): Đây là bảo chúng ta hãy học theo. Những việc làm của bậc Bát Địa Bồ Tát toàn là thanh tịnh vô uế, hưởng hồ bậc Đăng Giác Bồ Tát! Các Ngài tu hành còn có thể xen tạp phiền não hay không? Chẳng thể nào! Dạy hàng Sơ Phát Tâm Bồ Tát chúng ta hãy học theo!

Nay chúng ta phát Bồ Đề tâm, chúng ta là Sơ Phát Tâm Bồ Tát, đã phát tâm hành Bồ Tát đạo, hành Bồ Tát đạo thì phải chú ý: Quý vị

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

chớ nên xen tạp phiền não. Một câu nói quan trọng nhất, quý vị hãy dụng công học, tôi tùy tiện nêu ra một ví dụ: Chẳng hạn như hằng ngày quý vị niệm Phật bao nhiêu đó, hoặc là mỗi ngày tĩn tọa mấy tiếng đồng hồ, những điều này đều là tu hành. Trong tu hành, quý vị hàng phục cái tâm vọng tưởng, ba căn bản phiền não trong cái tâm vọng tưởng là tham, sân, si. Ví như quý vị đang niệm Phật, thường khóa hằng ngày là niệm một vạn câu A Di Đà Phật, lần tràng hạt niệm đến một vạn tiếng. Thực hiện công khóa viên mãn, chính quý vị phải chú ý. Trong khi quý vị lần tràng hạt niệm A Di Đà Phật một vạn tiếng, trong thời gian ấy, có dấy vọng tưởng hay chẳng? Dấy vọng tưởng thì có vọng tưởng tham, sân, si trong ấy hay không? Ngay trong lúc niệm Phật, đột nhiên nghĩ ham muốn tiền tài, phương pháp để tham cầu tiền tài rất nhiều đúng không? Chẳng cần nêu thí dụ tỉ mỉ, chúng ta chẳng có nhiều thời gian, quý vị hãy tự mình suy xét. Bỗng dưng nghĩ tới chuyện phát tài, tay vẫn còn đang lần tràng hạt, miệng niệm Nam-mô A Di Đà Phật.

Niệm nam-mô A Di Đà Phật [mà còn xen tạp những ý niệm ấy], tức là hạnh môn thanh tịnh đều bị quý vị nhuốm bản mất rồi. Vì quý vị dấy lên ý niệm phát tài! Hoặc là quý vị đang niệm Phật, bỗng nghĩ tới một kẻ oan gia đối đầu: “Gã đó đúng là xài không được, phạm đủ thứ sai trái đối với ta, ta chẳng thể nào không báo thù!” Đây là dấy động cái tâm sân hận, miệng vẫn đang niệm Phật, tay vẫn đang lần tràng hạt, trong tâm khởi lên tâm niệm sân hận, muốn báo cừu rửa hận, đã bị cái tâm sân hận ô nhiễm mất rồi! Cứ suy rộng như vậy, chính mình tìm ra tật xấu của chính mình. Quý vị tu hành, hoặc là đang niệm kinh, hoặc đang tĩn tọa, hoặc là đang niệm Phật, bất luận dùng công phu gì đều là hạnh môn thanh tịnh, đừng nên bị nhiễm bản bởi tham, sân, si. Như thế thì quý vị mới có thể tu hành, có thể dụng công. Nếu không, hạnh môn thanh tịnh của quý vị đều bị phiền não nhuốm bản, giống như món ăn ngon bỏ thêm một chút thuốc độc vào, hoàn toàn biến thành chất độc! Quý vị phải đặc biệt chú ý hai câu này. Bồ Tát tu hành thanh tịnh, vô ố, [kinh chép những điều này] nhằm dạy chúng ta hãy noi gương. Tiếp đó, kinh lại nói thí dụ nhằm dạy chúng ta hãy khéo hiểu rõ, vì sao các vị Bồ Tát ấy tu hành có thể đạt tới công phu thanh tịnh, vô ố?

“*Thí như huyễn sư*”, [nghĩa là] ví như những nhà huyễn thuật (ảo thuật gia). Huyễn thuật tại Ấn Độ rất nhiều. Chúng ta thấy trong quá khứ tại Trung Hoa có “*biến hý pháp*” (cách biến hiện ra đồ vật hoặc trạng thái lạ lùng để giải trí cho quần chúng), hiện thời Âu Tây gọi nó

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

là ảo thuật. Huyền thuật của Ấn Độ thật sự có một loại phương pháp có thể biến ra người nam, người nữ. “*Hiện chúng dị tượng*”: Chúng sanh rất đông, “*dị tượng*” (異像) là các hình tượng khác nhau. “*Vi nam, vi nữ*”: Hoặc là hiện ra tướng nam nhân, hoặc hiện ra tướng nữ nhân. “*Vô sở bất biến*” (Không gì chẳng biến ra), đều có thể biến ra. “*Bốn học minh liễu, tại ý sở vi*”: [“*Bốn học minh liễu*” có nghĩa là] vị thầy ảo thuật ấy hiểu rành, thông đạt học thức căn bản. “*Tại ý sở vi*”: Chữ Tại (在) phải hiểu là chữ Nhậm (任, tùy ý). Kẻ ấy mặc sức hành động, muốn biến ra thứ gì sẽ biến thành thứ đó; nhưng người ấy chẳng chấp tướng, vì biết đó là giả.

“*Thử chư Bồ Tát, diệc phục như thị*” [nghĩa là] những vị Bồ Tát ấy giáo hóa chúng sanh cũng giống như thế. “*Học nhất thiết pháp, quán tổng lữ luyện*” (Học hết thầy các pháp, thông suốt, luyện tập tỉ mỉ): “*Quán tổng*” (貫綜) là nắm chắc toàn bộ đại cương. “*Lữ luyện*” (縷練) là luyện tập công phu cặn kẽ. “*Lữ*” (縷) là tinh tế, công phu luyện tập Phật pháp tinh tế.

“*Sở trụ an đế*”: Ngài trụ trì Phật pháp rất an định, rất sâu chắc. “*Đế*” (諦) có nghĩa là rất cặn kẽ. Hiểu rõ đạo lý, hiểu rõ rất cặn kẽ thì gọi là Đế. Ngài an trụ trong Phật pháp, thông hiểu Phật pháp rất tường tận, thì gọi là An Đế. “*Mị bất cảm hóa*” (Không ai chẳng bị cảm hóa): Hết thầy chúng sanh đều bị vị Bồ Tát ấy cảm hóa.

“*Vô số Phật độ, giai tất phổ hiện*” (Vô số cõi Phật thầy đều có thể hiện trọn khắp): Trong mỗi cõi Phật, Ngài đều có thể đến đó thị hiện, đều có thể đến hóa độ chúng sanh, nhưng các Ngài chẳng chấp tướng chúng sanh, giống như nhà ảo thuật biến hiện các huyền thuật. Ngài biết hết thầy chúng sanh đều là như huyền như hóa; do vậy, Ngài chẳng chấp tướng, chẳng động phiền não. Vì thế, những hạnh đã tu đều là hạnh môn thanh tịnh, chẳng có tạp uế.

“*Vị tăng mạn tứ, mẫn thương chúng sanh. Như thị chi pháp, nhất thiết cụ túc*” (Chưa hề khinh mạn, buông lung, xót thương chúng sanh. Các pháp như thế, hết thầy đều đầy đủ): Tán thán công đức của Bồ Tát. Các hạnh môn mà Ngài đã tu đều là hạnh môn thanh tịnh, hoàn toàn chẳng có tí tạp uế nào! Tiếp đó, lại nói rõ [các vị Bồ Tát ấy] chẳng kiêu mạn, chẳng tùy tiện phóng túng. Mặc tình mà làm thì là Tứ (恣), tức buông lung. Câu nói này càng chứng minh [kinh chép những lời tán thán này] nhằm dạy hàng Sơ Phát Tâm Bồ Tát chúng ta hãy học tập theo! A La Hán đoạn hết Kiến Hoặc và Tư Hoặc trong tam giới, Ngài

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

chẳng có ngã mạn, mà cũng chẳng buông lung. Đẳng Giác Bồ Tát còn có thể ngã mạn, buông lung nữa ư? Những điều này đều nhằm dạy hàng Sơ Phát Tâm Bồ Tát chúng ta học theo!

Quý vị học hiểu một chút Phật pháp, có thể giảng kinh, thuyết pháp cho chúng sanh nghe, trước hết tự mình dấy lên sự ngã mạn. Vì sao dấy lòng ngã mạn? Vì quý vị giảng kinh, thuyết pháp cho người khác nghe, người ta coi quý vị như pháp sư mà cung kính, cúng dường, đánh lễ quý vị, dâng cúng dường. Quý vị quên bằng chính mình là một gã phạm phu, ngõ mình ghê gớm lắm, “ta tuyệt diệu đến cỡ nào? Nếu ta chẳng tuyệt diệu, lẽ nào các người đánh lễ, cúng dường ta?” Dưỡng thành thói ngã mạn như thế đó! Vì thế, trong Phật giáo hiện thời có một câu nói thông tục: “*Pháp sư ngạo nghễ lắm*”. Pháp sư ngạo nghễ sẽ khó thể hầu hạ, ai trông thấy pháp sư mà chẳng sợ hãi. Thỉnh pháp sư giảng kinh là chuyện tốt, nhưng pháp sư quá kiêu căng, chẳng dễ hầu hạ, đây chẳng phải là một thứ chướng ngại hay sao? Vì sao pháp sư kiêu căng? Vì pháp sư dấy lên phiền não ngã mạn đó thôi! Vì sao dấy lên phiền não ngã mạn? Vì ấy chẳng biết hồi quang phản chiếu, trông thấy kẻ khác đánh lễ, cúng dường, cứ ngỡ chính mình thật sự ghê gớm lắm, nuôi dưỡng thói ngã mạn như thế đó. Vậy thì hàng ngày quý vị giảng kinh, thuyết pháp, chẳng phải là đang dưỡng vô minh hay sao? Càng dưỡng, vô minh càng to; dấy lòng ngã mạn càng lớn! Nếu quý vị còn có thể trì giới thanh tịnh thì còn may! Nếu không, đã dấy lên cái tâm ngã mạn, sẽ chẳng kiềm chế chính mình được!

“*Tú*” (恚) là mặc sức tùy ý, hễ mặc sức tùy ý thì sẽ buông lung. Đã buông lung lại còn chẳng có ai quản giáo quý vị, vì quý vị là pháp sư, là kẻ quản giáo người khác, chẳng ai dám nói quý vị. Quý vị lại còn buông lung, đây chẳng phải là tự hại chính mình ư? Vì thế, quý vị muốn học Phật pháp để giảng cho chúng sanh nghe, giáo hóa chúng sanh là đúng, nhưng trọn chớ nên xen tạp phiền não. Thứ nhất, chớ nên ngã mạn. Thứ hai, chớ nên mặc tình tùy ý, tức là chớ nên buông lung. Bồ Tát chẳng có những chuyện ấy, chúng ta phải học điều này! Vì thế, nói những lời này chính là những lời lẽ khuyên tu tập.

Những vị Bồ Tát ấy đều chẳng có ngã mạn, chẳng mặc tình buông lung, vậy thì vì sao các Ngài đến các thế giới để giáo hóa? Chính là vì “*mãn thương*” các “*chúng sanh*”. Trông thấy chúng sanh đang hứng chịu nỗi khổ sanh tử, chúng sanh chịu khổ mà chính họ vẫn chẳng biết, không biết là khổ, vẫn coi khổ là vui. Họ chẳng biết đó là khổ thì gọi là “ngu si”. Coi khổ là lạc thì gọi là “điên đảo”. Chúng sanh đúng là

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

kẻ đáng thương xót; vì thế, phải “*mẫn thương chúng sanh*” (thương xót chúng sanh), phải giảng kinh cho họ nghe. “*Như thị chi pháp, nhất thiết cụ túc*” (Các pháp như thế hết thảy đều đầy đủ): Pháp môn cứu độ chúng sanh, những vị Bồ Tát ấy đều có đầy đủ!

2.1.1.2.2.3.2.2. Tán thán chi tiết

2.1.1.2.2.3.2.2.1. Nương vào pháp của Bồ Tát để tu những hạnh thuộc về bốn phần

(Kinh) Bồ Tát kinh điển, cứu sống yếu diệu. Danh xưng phổ chí, đạo ngự thập phương.

(經)菩薩經典，究暢要妙。名稱普至，道御十方。

(Kinh: Thấu suốt tột cùng những điều trọng yếu huyền diệu trong kinh điển của Bồ Tát, tiếng tăm vang khắp, dẫn dắt, điều ngự mười phương).

“*Bồ Tát kinh điển, cứu sống yếu diệu*” (Thấu suốt tột cùng những điều trọng yếu huyền diệu trong kinh điển của Bồ Tát): Đại Thừa Bồ Tát tự lợi, lợi tha, hai câu này là tự lợi. Nếu quý vị muốn độ chúng sanh, trước hết phải học bản lãnh độ chúng sanh, muốn lợi tha thì trước hết phải tự lợi. Kinh điển của Bồ Tát được gọi là kinh điển Đại Thừa. Đối với kinh điển Đại Thừa, đều nghiên cứu thông suốt, lưu loát, nắm được chỗ trọng yếu, huyền diệu, đây là đạt được tự lợi. Đã đạt được tự lợi, sẽ có thể lợi tha.

“*Danh xưng phổ chí*” (Tiếng vang trọn khắp): Quý vị là đại pháp sư, thanh danh sẽ vang dội. Thanh danh vang dội thì mới có thể độ chúng sanh. “*Đạo ngự thập phương*”: Nay ở dưới chữ Đạo (道) thêm chữ Thốn (寸), tức là chữ Đạo (導, hướng dẫn) trong đạo sư (導師). “*Đạo*” (道) là dẫn đạo (引導, hướng dẫn, dẫn dắt), Ngự (御) là điều ngự (調御). Đức Phật được gọi là Đại Đạo Sư (大導師), còn gọi là Điều Ngự Sư (調御師). Bồ Tát luôn học theo Phật giáo hóa chúng sanh, làm đạo sư, làm điều ngự sư cho chúng sanh, làm ở nơi đâu? Làm trong mười phương thế giới, đến mười phương thế giới dẫn dắt chúng sanh, điều ngự chúng sanh. Đây là lợi tha.

2.1.1.2.2.3.2.2.2. Nương vào Phật pháp, tu hạnh thẳng tắn

(Kinh) Vô lượng chư Phật, hàm cộng hộ niệm. Phật sở trụ giả, giai dĩ đắc trụ. Đại thánh sở lập, nhi giai dĩ lập. Như Lai đạo hóa, các năng tuyên bố. Vị chư Bồ Tát, nhi tác đại sư. Dĩ thậm thâm Thiên Huệ, khai đạo chúng sanh, thông chư pháp tánh, đạt chúng sanh tướng, minh liễu chư quốc.

(經)無量諸佛，咸共護念。佛所住者，皆已得住。大聖所立，而皆已立。如來道化，各能宣布。為諸菩薩，而作大師。以甚深禪慧，開導眾生。通諸法性，達眾生相。明了諸國。

(Kinh: Vô lượng chư Phật đều cùng hộ niệm. Chỗ Phật đã trụ, thấy đều đã được trụ. Pháp do đại thánh đã lập, thấy đều đã lập. Như Lai đạo hóa, đều có thể tuyên bố. Vì các vị Bồ Tát mà làm bậc đại sư. Dùng Thiên Huệ rất sâu, khơi gợi, hướng dẫn chúng sanh thông suốt tánh của các pháp, thấu đạt tướng của chúng sanh, hiểu rõ các cõi Phật).

“*Vô lượng chư Phật, hàm cộng hộ niệm*” (Vô lượng chư Phật đều cùng hộ niệm): Các vị Bồ Tát ấy có thể học đến mức độ ấy, mười phương chư Phật sẽ đều hộ niệm. “*Phật sở trụ giả, giai dĩ đắc trụ*” (Chỗ Phật đã trụ, thấy đều đã được trụ): Chỗ Phật trụ là Đại Niết Bàn, là Vô Trụ Niết Bàn, các vị Bồ Tát ấy đều có thể đạt được, cũng an trụ trong Đại Niết Bàn.

“*Đại thánh sở lập, nhi giai dĩ lập*” (Pháp do bậc đại thánh đã lập, thấy đều đã lập): Đại Thánh vẫn là Phật. Phật là bậc thánh trong các thánh; vì thế gọi là Đại Thánh. Pháp môn do đức Phật kiến lập tức là lục độ vạn hạnh, những vị Bồ Tát này đều có thể kiến lập. “*Như Lai đạo hóa, các năng tuyên bố*” (Như Lai đạo hóa, đều có thể tuyên bố): Như Lai giáo hóa chúng sanh, nói ra pháp môn nào, những vị Bồ Tát ấy đều có thể nói, đều có thể tuyên bố.

“*Vị chư Bồ Tát, nhi tác đại sư*” (Làm bậc đại sư cho các vị Bồ Tát): So với hết thấy các vị Bồ Tát thông thường, các Ngài là Đẳng Giác Bồ Tát, được gọi là Ma Ha Tát trong hàng Bồ Tát. Ma Ha là Đại, vì thế gọi là Đại Sư.

“*Dĩ thậm thâm Thiên Huệ, khai đạo chúng sanh*” (Dùng Thiên Định và trí huệ rất sâu để khơi mở, hướng dẫn chúng sanh): Quý vị giáo hóa chúng sanh tu hành, dạy họ tu Định, tu Huệ. “*Thiên*” tức là Thiên Định. Hàng Nhị Thừa cũng có Thiên Định, cũng cầu trí huệ,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nhưng [trí huệ và Thiên Định của họ] chẳng gọi là Thâm Thâm. Ở đây là dùng Đại Thừa Thiên, dùng Đại Thừa Huệ, nên gọi là “*thâm thâm Thiên Huệ*”, để khơi mở, hướng dẫn chúng sanh.

“*Thông chư pháp tánh, đạt chúng sanh tướng*” (Thông đạt bản tánh của các pháp, thấu hiểu tướng chúng sanh): Thông đạt bản tánh của các pháp, tức là liễu đạt bản thể của hết thảy các pháp, lại còn liễu đạt tướng của hết thảy chúng sanh. Hằng ngày thuyết pháp, hằng ngày độ chúng sanh, nhưng chẳng chấp vào tướng của chúng sanh, thấu đạt tướng của chúng sanh đều là như huyễn, như hóa; như kinh Kim Cang đã dạy: “*Độ nhất thiết chúng sanh đô nhập Vô Du Niết Bàn, nhi thật vô chúng sanh đắc diệt độ giả*” (Độ hết thảy chúng sanh đều nhập Vô Du Niết Bàn, mà thật sự chẳng có chúng sanh được diệt độ). Liễu đạt tướng của chúng sanh là huyễn hóa. “*Minh liễu chư quốc*” (Hiểu rõ các cõi nước): Các quốc độ thuộc y báo đều là như huyễn, như hóa, chẳng chấp tướng của thế giới và quốc độ.

2.1.1.2.2.3.2.2.3. Nương vào [những điều được nói trong] Tự Phân trên đây, tu rộng rãi hồng thành tựu đức hạnh

2.1.1.2.2.3.2.2.3.1. Thâu nhiếp các phương tiện tu tập

2.1.1.2.2.3.2.2.3.1.1. Tu tự lợi, hiểu rõ giáo pháp mà tu hành

(Kinh) Cúng dường chư Phật, hóa hiện kỳ thân, do như điện quang, thiện học vô úy chi võng, hiểu liễu huyễn hóa chi pháp.

(經)供養諸佛。化現其身，猶如電光。善學無畏之網，曉了幻化之法。

(Kinh: Cúng dường chư Phật, hóa hiện thân mình giống như tia chớp, khéo học lưới vô úy, hiểu rõ pháp huyễn hóa).

“Cúng dường chư Phật, hóa hiện kỳ thân, do như điện quang”

(Cúng dường chư Phật, hóa hiện thân mình giống như tia chớp): Ngài là Bồ Tát, chính Ngài còn phải tu phước, còn phải tu huệ. Tu phước là cúng dường chư Phật, đến mười phương vô lượng thế giới cúng dường vô lượng chư Phật. Để cúng dường vô lượng chư Phật, biến thân thể của chính mình thành vô lượng thân thể đi cúng dường, rất mau chóng, nhanh như vô lượng tia chớp! Ngay lập tức, phân thân vô lượng, đến trước vô lượng chư Phật dâng hiến cúng dường. Cúng dường chư Phật là cầu phước, Ngài còn mong cầu trí huệ.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Thiện học vô úy chi võng, hiểu liễu huyễn hóa chi pháp*” (Khéo học lưới vô úy, hiểu rõ pháp huyễn hóa): Phật có bốn thứ Vô Sở Úy, trên thực tế, bao gồm hết thảy những điều vô sở úy (không sợ hãi). Hết thảy các pháp vô sở úy của Phật được gọi là “*vô úy chi võng*” (lưới vô úy), Bồ Tát đều học hiểu những điều này. Đây gọi là cầu trí huệ của Phật, liễu đạt pháp huyễn hóa. Hết thảy các pháp huyễn hóa trong thế gian Bồ Tát thảy đều liễu đạt triệt để. Đây chính là đạt được phước, đạt được huệ, chính mình đã đạt được tự lợi, lại còn lợi ích chúng sanh.

2.1.1.2.2.3.2.2.3.1.2. Nói về chuyện lợi tha, dạy người khác lìa lỗi

(Kinh) Hoại liệt ma võng, giải chư triền phược.

(經)壞裂魔網，解諸纏縛。

(Kinh: Xé rách lưới ma, tháo gỡ các trói buộc).

“*Ma võng*” (Lưới ma) là những thứ tà pháp làm hại chúng sanh của ma vương, do quá nhiều nên gọi là Võng (網, lưới). Đối với những thứ lưới ma làm hại chúng sanh này, kể cả thiên ma ngoại đạo, Bồ Tát thảy đều phá tan. “*Giải chư triền phược*”: Dạy chúng sanh phải đoạn trừ hết thảy phiền não, đừng để bị phiền não trói buộc.

2.1.1.2.2.3.2.2.3.1.3. Lại nói về tự lợi nhằm nói rõ hạnh để tu chứng

(Kinh) Siêu việt Thanh Văn, Duyên Giác chi địa, đắc Không, Vô Tướng, Vô Nguyện tam-muội.

(經)超越聲聞、緣覺之地，得空無相無願三昧。

(Kinh: Vượt trội các địa vị Thanh Văn và Duyên Giác, đạt được Không, Vô Tướng, Vô Nguyện tam-muội).

Thanh Văn, Duyên Giác là hàng Nhị Thừa, còn gọi là hàng Tiểu Thừa. Theo phần trên, [những vị Bồ Tát] ở đây học Bồ Tát pháp, học kinh điển Đại Thừa, cho nên vượt trội địa vị Nhị Thừa. “*Đắc Không, Vô Tướng, Vô Nguyện tam-muội*”: Đạt được ba thứ tam-muội. Trung Hoa dịch tam-muội (Samādhi) là Chánh Định. Đạt được ba thứ Chánh Định: Không Định, Vô Tướng Định, và Vô Nguyện Định. Tiểu Thừa cũng có ba loại Định; ở đây là Đại Thừa tam-muội:

1) Thứ nhất là Không tam-muội. Ngài hiểu hết thảy các pháp đều

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

là pháp huyễn hóa. Hết thấy các pháp đều sanh từ nhân duyên. Pháp sanh từ nhân duyên đều chẳng có bản thể, chẳng có tự tánh. Hằng ngày ở trong đó độ chúng sanh mà chẳng có chúng sanh để có thể độ. Vì thế, hết thấy đều là Không, đạt được Không tam-muội.

2) Vô Tướng: Ngay cả cái tướng nhân duyên của pháp được sanh bởi nhân duyên cũng là Không. Không chỉ là chúng sanh không, mà pháp cũng là không, hết thấy các tướng đều là không. Đây là chúng sanh ngoài tâm, các pháp ngoài tâm.

3) Đã là không, đã là vô tướng, trong tâm cũng chẳng có nguyện cầu. Trong tâm chẳng có một mảy vọng tưởng. Đây là Vô Nguyện. “Nguyện” tức là có cái tâm mong cầu. Ta độ chúng sanh bèn chấp vào tướng chúng sanh, tức là có nguyện. Nếu quý vị cầu pháp mà chấp tướng, tức là có một nguyện. Ta đã là “*tướng của chúng sanh là Không*”, hết thấy các pháp đều là vô tướng, trong tâm ta chẳng dấy lên một mảy vọng tưởng nào! Đó gọi là Vô Nguyện tam-muội.

Ba thứ tam-muội còn gọi là Tam Giải Thoát. Trước tự viện Phật giáo có ba cái cổng lớn, gọi là Tam Môn, tức là Không Môn, Vô Tướng Môn, và Vô Nguyện Môn.

2.1.1.2.2.3.2.2.3.1.4. Lại nói về lợi tha, dạy chúng sanh tu thiện

(Kinh) Thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa. Ư thử hóa chung, nhi hiện diệt độ.

(經)善立方便，顯示三乘。於此化終，而現滅度。

(Kinh: Khéo lập phương tiện, hiển thị ba thừa. Sự giáo hóa ở nơi đây đã kết thúc, bèn hiện diệt độ).

“*Thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa*” (Khéo lập phương tiện, hiển thị ba thừa): Ngài học pháp Đại Thừa, vượt trội địa vị Thanh Văn và Duyên Giác, nhưng Ngài giáo hóa chúng sanh, khéo lập phương tiện. Trong chúng sanh, có những kẻ chẳng thể học Đại Thừa, Ngài bèn lập ra pháp môn tam thừa, nói pháp Tứ Đế, và cũng nói pháp Thập Nhị Nhân Duyên, và cũng nói pháp Lục Độ. Đây là “*hiển thị tam thừa*”. “*Ư thử hóa chung, nhi hiện diệt độ*” [nghĩa là] duyên giáo hóa chúng sanh đã hết, Ngài thị hiện nhập Niết Bàn.

2.1.1.2.2.3.2.2.3.2. Đức được thành tựu do tu cái nhân

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

2.1.1.2.2.3.2.2.3.2.1. Công đức tự lợi

2.1.1.2.2.3.2.2.3.2.1.1. Sở chứng bình đẳng

(Kinh) Diệt vô sở tác, diệt vô sở hữu, bất khởi bất diệt, đắc bình đẳng pháp.

(經)亦無所作，亦無所有。不起不滅，得平等法。

(Kinh): Cũng không có gì được làm, cũng chẳng sở hữu gì, chẳng dấy lên, chẳng diệt mất, đạt được pháp bình đẳng).

Đây là dựa trên lý thể Thật Tướng trong Đại Thừa mà nói rõ về lý bình đẳng. Nơi lý thể Thật Tướng, “*diệt vô sở tác, diệt vô sở hữu*”. Quý vị hằng ngày đang hành Bồ Tát đạo, đang thuyết pháp độ chúng sanh, tức là có “*sở tác*” (có chuyện để làm, để thực hiện), nhưng các Ngài (các vị Bồ Tát đang nói ở đây) chẳng chấp tướng. Các Ngài hiểu [những pháp ấy] đều là pháp huyễn hóa, nên xứng tánh khởi tu, nương vào bản tánh của chính mình. Bản tánh là vô tướng, nương vào bản tánh của chính mình để tu Bồ Tát đạo. Vì thế, các Ngài chẳng có làm, chẳng chấp vào tướng tu tập hay tạo tác (vô tu tác tướng). “*Diệt vô sở hữu*”: Có Sở Hữu là có cái để đạt được. Ta đạt được Bát Địa Bồ Tát, đạt đến Đẳng Giác Bồ Tát, được thành Phật, chẳng chấp các tướng ấy. Vì những gì đã chứng đắc đều là “*y tánh khởi tu, toàn tu tại tánh*”. Đối với những công đức do quý vị đã tu, hễ chứng đắc quả vị Bồ Tát, [sẽ thấy những công đức ấy] vẫn là bản tánh của quý vị! Bản tánh chẳng có tướng, nên há có gì để sở hữu ư? Có gì để đắc nữa ư?

“*Diệt vô sở tác, diệt vô sở hữu, bất khởi, bất diệt, đắc bình đẳng pháp*”: Nếu là người đã nghe giảng kinh nhiều thì rất dễ liễu giải câu này. Nếu là người mới nghe thì chẳng dễ hiểu cho lắm. Nhất là nếu như quý vị đã từng nghe Tâm Kinh, kinh Kim Cang, toàn là những lời giảng nhằm hiển thị đạo lý về Chân Không Lý Thể. Cái Không được nói trong kinh Phật được gọi là Chân Không. Chân Không chẳng phải là hư không, mà cũng chẳng phải là Đoạn Diệt Không. Chân Không là cái Thể của chân lý, nên gọi là Chân Không Lý Thể. Câu này nói về Chân Không Lý Thể, còn gọi là diệu lý Thật Tướng, còn gọi là Nhất Chân pháp giới, còn gọi là Phật Tánh, còn gọi là Tự Tánh. Tên gọi khác nhau, nhưng đều nhằm nói rõ có một cái Thể chân lý.

“*Diệt vô sở tác*”: “*Tác*” là tạo tác, tu tác (tu tập, thực hiện). Chúng ta thường nói là tu hành, hoặc tu nhân. “*Diệt vô sở hữu*”: Tu

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

hành thì phải nên có cái để chứng đắc, còn gọi là “chứng quả”. Ở đây nói là “chẳng có tu nhân”, mà cũng “chẳng có chứng quả”, chẳng dễ hiểu ở chỗ này! Phật giáo nói về nhân quả, tôi nói với quý vị một lần nữa, [những điều] được nói trong Tam Tạng mười hai bộ loại chỉ là hai chữ Nhân Quả! Vì sao ở đây nói là “chẳng có nhân quả”? “Chẳng có nhân quả” chẳng phải là tà kiến bác bỏ không có nhân quả, mà là nói theo Chân Không Lý Thể, [sẽ là] chẳng có cái nhân để hành, mà cũng chẳng có cái quả để chứng. “*Diệc vô sở tác*” là chẳng có tu hành. Vì sao hằng ngày đều tu hành mà kết quả là “chẳng có tu hành”? Điều này gọi là “*toàn tánh khởi tu, tu tức vô tu*”. “*Diệc vô sở hữu*” tức là cũng chẳng có chứng quả. Tu nhân thì nhất định có quả, vì sao nói là “chẳng có chứng quả”? Đó là “*toàn tu tại tánh, chứng tức vô chứng*”.

Cách giải thích này dựa theo cách giải thích của Ngẫu Ích đại sư trong bộ Di Đà Yếu Giải. Quý vị học theo Đại Thừa Bồ Tát tu hành, trước hết phải ngộ bản tánh của chính mình. Sau khi đã ngộ bèn khởi sự tu tập, đã ngộ bản tánh của chính mình, bèn nương theo cái lý mà quý vị đã ngộ để tu. Đây gọi là “*toàn tánh khởi tu*”. “*Tánh*” là tự tánh của chính mình, còn gọi là bản tánh, hoặc là bản thể. Danh tự bất đồng, nhưng nói về cùng một Lý Thể. Quý vị đã ngộ Chân Không Lý Thể bèn lại tu hành. Đó gọi là “*toàn tánh khởi tu*”. Toàn tánh khởi tu thì tu chính là chẳng tu, do quý vị tu tới tu lui thì vẫn là bản tánh của chính mình. Có sao nói là “chẳng tu”? Quý vị tu nhân, nhất định sẽ chứng quả, chứng được gì? Chứng bản tánh của chính mình. Bản tánh hiện thành, chẳng phải do quý vị tu được, [vậy thì] lấy đâu ra chứng đắc? Do vậy, “*diệc vô sở hữu*” mà cũng là “*vô sở đắc*”, vì bản tánh vốn sẵn có. Chúng ta tuy lưu chuyển trong sanh tử, bản tánh chưa hề dao động. Tu hành là đoạn phiền não, phá vô minh, chẳng phải là tu bản tánh. Bản tánh [do phiền não đã đoạn, vô minh đã phá] mà thấu lộ ra, chẳng phải là do quý vị tu được. Do vậy, nói theo bản tánh thì chẳng có gì để gọi là tu nhân, mà cũng chẳng có gì để gọi là chứng quả!

“*Bất khởi bất diệt*” chính là “*bất sanh bất diệt*” trong Tâm Kinh. “*Khởi*” là sanh khởi, điều này dễ dàng liễu giải. Sanh khởi là tịnh pháp sanh khởi. Hằng ngày tu hành, hằng ngày dụng công, tịnh pháp sanh khởi, pháp ô nhiễm bèn diệt. Thoạt đầu là pháp ô nhiễm giảm bớt. Pháp ô nhiễm càng lúc càng ít, đã ít lại càng ít hơn, ít đến cuối cùng là ngay cả vô minh cũng phá, hoàn toàn diệt mất, pháp ô nhiễm chẳng còn nữa, tức là diệt. Ở đây nói nó cũng chẳng sanh khởi, mà cũng chẳng diệt trừ. Vì sao? Nơi Chân Không Lý Thể, nó là bình đẳng. Đã chẳng có tịnh

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

pháp sanh khởi, mà cũng chẳng có pháp ô nhiễm để diệt trừ. Hễ có cái sanh khởi, thì sẽ có cái để diệt trừ! Đây vẫn là nói theo phương diện giả tướng. Thiên Thai Tông gọi điều này là Giả Quán. Nói theo Giả Quán thì nó là có.

Nói theo Pháp Tướng Tông, Lý Thể này được gọi là Chân Không, hoặc gọi là Tất Cánh Không. Hết thấy giả tướng đều gọi là “*như huyền hữu*” (có mà như huyền), [tức là] giống như cái Có do huyền thuật biến hiện. Trong giả tướng như huyền ấy, vẫn có tịnh pháp sanh khởi, có nhiễm pháp bị trừ diệt. Xét theo Lý Thể bình đẳng, đã chẳng có tịnh pháp sanh khởi thì cũng chẳng có nhiễm pháp để trừ diệt. Vì thế, cổ nhân có một câu nói: “*Bình đẳng chân pháp giới, Phật chẳng độ chúng sanh*”. Trong Nhất Chân pháp giới, “*bình đẳng chân pháp giới*” chính là Lý Thể bình đẳng. Trong Nhất Chân pháp giới, nó là bình đẳng. Vì sao “*Phật chẳng độ chúng sanh*”? Căn bản là chẳng có chúng sanh. Phật và chúng sanh là danh xưng giả lập đối đãi. Do đó, hễ nói đến Lý Thể bình đẳng thì đã là chẳng có Phật, mà cũng chẳng có chúng sanh, độ gì đây? Hãy hiểu rõ đạo lý này, đây là đạo lý cao sâu nhất, đạo lý rốt ráo nhất của Phật giáo.

Vì vậy, tiếp đó [kinh văn] có giải thích, đạt được pháp bình đẳng ấy, là hữu sở đắc trong vô sở đắc. “*Vô sở hữu*” là vô sở đắc. Trong vô sở đắc mà lại có sở đắc, đắc gì vậy? Đạt được một pháp bình đẳng. Trong phần trước đã nói là như nhà ảo thuật dùng huyền thuật biến huyền. Bồ Tát muốn độ chúng sanh thì phải thị hiện thành Phật. Trước hết, đối với tám tướng thành đạo, phải dựa theo quy củ để làm, một tướng cũng chẳng thiếu. Đã độ hết chúng sanh hữu duyên, Ngài bèn thị hiện bát Niết Bàn. Sắc thân là thị hiện, chặng giữa bèn xuất gia, hàng ma, thành đạo, chuyển pháp luân, vẫn là thị hiện. Duyên hóa độ đã hoàn tất, bèn thị hiện nhập Niết Bàn, vẫn là thị hiện. Giống như nhà ảo thuật đang biểu diễn, biến ra những trò vui thích cho quý vị thấy. Trông thấy rất náo nhiệt! Ông ta thu pháp thuật lại, thứ gì cũng đều chẳng có. Đây gọi là “*nói theo pháp Lý Thể rốt ráo, một pháp chẳng lập*”. Không chỉ là tướng của chúng sanh là Không, mà tướng của Phật cũng là Không. Như thế thì quý vị sẽ liễu giải lý bình đẳng.

Đối với “*như huyền, như mộng*”, phần sau kinh Kim Cang có tỷ dụ: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyền, bọt, bóng*”. Tôi vừa mới nói, “*như huyền*” là như huyền sư (nhà ảo thuật) biến hiện trò vui, như nhà ảo thuật làm trò ảo thuật. Khi biến hóa thì có sanh, có diệt, nhưng bản thể

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

của chính nó là Không. “*Như mộng*” thì càng dễ hiểu hơn, ai nấy đều nằm mộng. Quý vị đang nằm mộng, mộng thấy quý vị làm pháp sư, mộng thấy quý vị đang giảng kinh, thuyết pháp, rất nhiều người nghe, rất nhiều người quy y quý vị, rất nhiều người theo quý vị xuất gia tu hành. Kết quả là mọi người đều đắc đạo, chứng thánh quả... Quý vị hoan hỷ, tỉnh giấc, hết thấy đều là Không. Phật, Bồ Tát độ chúng sanh, đều là “*đại tác mộng trung Phật sự*” (thực hiện Phật sự to lớn trong giấc mộng), giống như nằm mộng.

Do vậy, nơi Lý Thể bình đẳng, tướng gì cũng đều chẳng có, nhưng hiểu lý này, quý vị đừng nên hiểu sai! [Nêu hiểu sai], sẽ đọa vào chấp Không. Chẳng phải là chấp trước Đoạn Diệt Không, cũng chẳng phải là chấp trước hư không. Nơi Phật lý thì còn có một danh từ chuyên biệt gọi là Ác Thủ Không (惡取空), [nghĩa là]: Do quý vị chấp trước cái Không ấy, Chân Không là thiện pháp, bị biến thành ác pháp, nên gọi là Ác Thủ Không, còn gọi là Khoát Đạt Không (豁達空). Học pháp Đại Thừa, học đến cái Không mà chẳng học rõ ràng, đối với hết thấy đều [tưởng là] chẳng cần quan tâm, quý vị bảo họ tu hành, họ nói: “Hết thấy đều là không, tu cái gì nữa?” Họ ngỡ tĩnh tọa, niệm Phật, tụng Phật, những việc ấy đều là chấp tướng, vốn đều là không mà! Họ tưởng họ đã hiểu rõ đạo lý tối cao của Đại Thừa, kết quả là Ác Thủ Không, còn gọi là Khoát Đạt Không. Trong Chứng Đạo Ca, thiền sư Vĩnh Gia đã viết: “*Khoát đạt không, bài bác nhân quả, mờ mịt chuốc lấy ương họa*”.

Quý vị đọa vào Khoát Đạt Không, quý vị thấy cái này là không, cái kia cũng là không, bảo quý vị tu hành, quý vị chẳng tu. Quý vị tưởng chính mình đã hiểu đạo lý cao nhất trong Đại Thừa. Kết quả thì sao? Thoạt đầu, quý vị liễu giải lý Không trong Đại Thừa, hễ quý vị ác thủ không, sẽ biến thành đại tà kiến, bài bác nhân quả. Đã gạt bỏ nhân quả, quý vị còn cho rằng chính mình vẫn liễu giải những điều đức Phật dạy trong kinh ư? [Quý vị cứ biện bác] “chẳng có sở tác, chẳng có sở hữu, chẳng có nhân, chẳng có quả, [vậy thì] có nhân quả gì đâu!” Quý vị hiểu trật mắt rồi. Những điều đó dựa theo lý bình đẳng để nói thì là như thế. Xét theo phía bọn phàm phu chúng ta, quý vị chẳng tu nhân, sẽ không chứng quả, quý vị vẫn là một kẻ phàm phu, cho đến khi nào đi nữa, vẫn chẳng thể thành Phật! Quý vị bác sạch nhân quả, nhân quả vẫn chẳng dung quý vị. Bảo quý vị tu hành, quý vị chẳng tu, cứ muốn tạo ác nghiệp. Tạo ác nghiệp, quý vị vẫn đọa trong ba ác đạo. “*Mờ mịt chuốc lấy ương họa*”, biến thành một gã lỗ mãng (mãng đãng hán). “*Mãng đãng hán*” (莽蕩漢) là tiếng địa phương thời ấy, hiện thời nói là

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

một gã liều lĩnh, thứ gì kẻ ấy cũng đều chẳng sợ. Khuyên kẻ ấy đừng làm ác, làm ác sẽ phải đọa địa ngục, kẻ ấy cho rằng: “Chỗ nào có địa ngục? Địa ngục thì hết thầy đều là không!” Trong khi quý vị tạo ác nghiệp, đọa vào địa ngục, Diêm Vương lão tử đối với quý vị há có phải là Không? “*Chiêu vương họa*”: Học Phật mà đọa địa ngục, đây chẳng phải là oan uổng ư?

Vậy thì [sẽ có kẻ thắc mắc] “kinh điển Đại Thừa dạy chúng ta tu nhân, chúng quả là được rồi, giảng lý Chân Không bình đẳng để làm gì chớ?” Quý vị phải hiểu, giảng đến pháp gì thì mới nói những điều phù hợp với pháp ấy. Nếu là pháp Nhân Thừa, hoặc pháp Thiên Thừa, sẽ chẳng nhắc đến lý Chân Không. Thọ Tam Quy Y, trì Ngũ Giới là pháp Nhân Thừa. Tại gia tu Thập Thiện, tu Tứ Thiên Bát Định, tức là thiện pháp trong hai giới trên (Sắc Giới và Vô Sắc Giới), cũng chẳng nhắc tới Chân Không. Vì xét theo quy củ, quý vị phải trì giới, tu Thiên là đúng. Do vậy, bèn nói pháp Nhị Thừa là tu Tứ Đế, tu Thập Nhị Nhân Duyên, cũng chẳng giảng lý bình đẳng. Tới pháp Đại Thừa mới nói. Đại Thừa còn chia thành Quyền Giáo Đại Thừa và Thật Giáo Đại Thừa. Quyền Giáo Đại Thừa cũng chẳng nhắc tới lý bình đẳng. Nói tới Thật Giáo Đại Thừa thì không giảng [lý thể bình đẳng] sẽ chẳng được. Không giảng, quý vị chẳng hiểu lý Chân Không là bình đẳng, sự tu tập của quý vị sẽ là chấp tướng. Quý vị tu tập mà chấp tướng, sẽ đọa trong phương tiện quyền xảo của Đại Thừa, sẽ là Quyền Thừa, chẳng phải là Thật Thừa. Vì thế, chẳng giảng đến chỗ cao nhất thì sẽ không được.

Kinh Vô Lượng Thọ nói ra đoạn đạo lý này, toàn là đạo lý của bậc Đẳng Giác Bồ Tát. Chúng ta là Sơ Phát Tâm Bồ Tát chẳng học đến mức cao như thế, giảng cao sâu ngàn ấy để làm gì? Tôi nhắc lại lần nữa cùng quý vị: [Kinh nói tới] công đức của Bồ Tát nhằm dạy chúng ta học theo. Nay quý vị nghe chỗ cao nhất, nay quý vị bèn học theo. Học theo thì quý vị sẽ chẳng chấp tướng. Trong phần trước đã nói những vị Bồ Tát này chẳng kiêu mạn, chẳng “*nhậm tư*” (任恣, tùy tiện buông lung). “*Nhậm tư*” là phóng dật, các Ngài chẳng phóng dật. Chúng ta mới học Phật pháp, mới học Đại Thừa Phật pháp, vì tôi là một pháp sư, cho nên mượn chuyện pháp sư để làm thí dụ, nói đến chuyện hồng hách của pháp sư. Kẻ làm một vị pháp sư mà ra vẻ hồng hách là do chẳng hiểu lý Chân Không. Kẻ ấy giảng kinh bèn chấp vào tướng giảng kinh, kẻ đó hồng hách làm ra vẻ ta đây.

Trong Phật môn, còn có hai câu: “*Pháp sư hồng hách, kẻ tu hành đã lâu dễ nóng giận*”. Pháp sư giảng kinh bèn chấp tướng; hễ

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

chấp tướng, sẽ khởi kiêu mạn, còn gọi là “*cống cao, ngã mạn*”. Tò thái độ vênh váo, vị pháp sư ấy rất khó hầu hạ. Người tu hành đã lâu chẳng giảng kinh, hằng ngày kẻ ấy tĩnh tọa, niệm Phật, dụng công tu hành. Dụng công tu hành nhưng như thế nào? Chấp tướng! Chấp tướng thì hằng ngày kẻ ấy dụng công nơi đó, trên thực tế là trưởng dưỡng vô minh. Vô minh càng dưỡng càng to, lửa vô minh cháy đến Tam Thập Tam Thiên, ai cũng chẳng dám dụng đến kẻ ấy. Quý vị hơi dụng vào một vị tu hành đã lâu ấy, kẻ đó bèn nổi đóa, nóng máu, có khuyên cũng chẳng được, so với người bình phàm còn nóng nảy hơn! Đó là đạo lý gì vậy? Kẻ ấy tu hành chấp tướng, chẳng hiểu đạo lý Chân Không bình đẳng.

Xem kinh văn, quý vị phải chú ý, đừng nên thiên lệch một bên. “*Diệt vô sở tác, diệt vô sở hữu*”: Chẳng có sở tác, mà cũng chẳng có sở hữu, đây là chẳng có tu nhân, mà cũng chẳng có chứng quả. “*Bất khởi bất diệt*”, chẳng có tịnh pháp sanh khởi, mà cũng chẳng có nhiễm pháp để diệt trừ. “*Đắc bình đẳng pháp*” vì Chân Không Lý Thể là bình đẳng. Quý vị đừng nên đọa vào Thiên Không. [Kinh văn] có chữ Đắc, [tức là] đắc pháp bình đẳng. Trong “chẳng chấp tướng”, sẽ tùy ý tự nhiên có sở đắc. Đây là từ trong vô sở đắc mà có sở đắc, cái “*đắc*” ấy chẳng chấp tướng. Quý vị chấp tướng thì sai mất rồi. Không chấp tướng, sẽ đắc pháp bình đẳng. Quý vị thấy trong phần tiếp theo, nó chẳng phải là Đoạn Diệt Không, mà là Chân Không Bất Không, đắc pháp bình đẳng là như thế nào vậy?

2.1.1.2.2.3.2.2.3.2.1.2. Thành tựu khá nhiều

(Kinh) Cụ túc thành tựu vô lượng tổng trì bách thiên tam-muội, chư căn trí huệ.

(經)具足成就無量總持百千三昧。諸根智慧。

(Kinh: Thành tựu đầy đủ vô lượng tổng trì, trăm ngàn tam-muội, các căn trí huệ).

Quý vị đạt được lý thể của pháp bình đẳng, nó là Chân Không Lý Thể. Chân Không chẳng phải là hư không, chẳng phải là Đoạn Diệt Không. Chân Không bất không, tức là Diệu Hữu, hết thảy thiện pháp công đức đều có, nhưng chẳng phải là cái Có của phàm phu, mà là cái Có chẳng thể nghĩ bàn. “*Diệu*” (妙) là chẳng thể nghĩ bàn, tức là Diệu

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Hữu! Chân Không bất không tức là Diệu Hữu; do vậy, các Ngài đạt được rất nhiều pháp Diệu Hữu chẳng thể nghĩ bàn.

“*Cụ túc thành tựu vô lượng tổng trì*” (Thành tựu trọn đủ vô lượng tổng trì): Tổng Trì tiếng Phạn là Đà La Ni (Dhāraṇī), tiếng Hán là Tổng Trì (總持), [ý nói] “*tổng nhất thiết pháp, trì vô lượng nghĩa*” (gồm trọn hết thầy các pháp, giữ vô lượng nghĩa). Đắc pháp môn đại đà-la-ni, trong ấy trọn đủ “*bách thiên tam-muội*” (trăm ngàn tam-muội). Tam-muội trong tiếng Hán là Chánh Định, trăm ngàn tam-muội đều đạt được. “*Chư căn trí huệ*”: “*Chư căn*” là các loại thiện căn, giải thích thông thường [chư căn] là Tín - Tấn - Niệm - Định - Huệ, tức Ngũ Căn. Tín Căn, Tinh Tấn Căn, Niệm Căn, Định Căn, Huệ Căn, đây là năm loại thiện căn. Các Ngài đã đắc pháp bình đẳng, tức là trọn đủ trăm ngàn tam-muội. “*Chư căn trí huệ*” là công đức do quý vị đã làm, đều là thiện căn. Các thiện căn đã làm đều có thể khơi mở, phát khởi trí huệ, chư căn trí huệ thầy đều đạt được.

2.1.1.2.2.3.2.2.3.2.1.3. Sở chứng sâu rộng

(Kinh) Quảng phổ tịch định, thâm nhập Bồ Tát pháp tạng.

(經)廣普寂定，深入菩薩法藏。

(Kinh: Thiên Định vắng lặng, rộng lớn, trọn khắp, thâm nhập pháp tạng của Bồ Tát).

“*Quảng phổ tịch định, thâm nhập Bồ Tát pháp tạng*”: Hết thầy công đức, hết thầy trí huệ đều đạt được, còn đạt đến “*quảng phổ tịch định*”, [tức là] đạt được công phu Thiên Định rất rộng lớn, rất phổ biến, trạm tịch (trong lặng). Do Huệ và Định đều cùng đạt được, bèn “*thâm nhập Bồ Tát pháp tạng*”. Là Đại Thừa Bồ Tát, quý vị sẽ đều có thể thâm nhập. “*Thâm nhập*” có hai cách giải thích: Một loại là ngộ nhập, loại kia là chứng nhập. Nói nông cạn, [sẽ là] đã triệt để ngộ nhập “*Bồ Tát pháp tạng*”, thầy đều ngộ thấu triệt, ngộ đến rốt cùng. Đây là ngộ nhập. Sự ngộ nhập này vẫn là ngộ Lý, vẫn cần phải chứng nhập. Đây mới là thâm nhập, là chứng đắc sâu xa Bồ Tát pháp tạng.

2.1.1.2.2.3.2.2.3.2.1.4. Thành tựu thù thắng

(Kinh) Đắc Phật Hoa Nghiêm tam-muội.

(經)得佛華嚴三昧。

(Kinh: Đạt được Hoa Nghiêm tam-muội của Phật).

Vị Bồ Tát này đã học hoàn toàn pháp Bồ Tát, lại tiến thêm bước nữa là mong đạt được pháp của Phật, đạt được Hoa Nghiêm tam-muội của Phật. Hoa Nghiêm tam-muội còn gọi là Pháp Giới Định, là đại định do chư Phật chứng đắc. Đạt được Hoa Nghiêm tam-muội, đã nhập đại định Hoa Nghiêm tam-muội. Môn Định này chẳng phải là như chúng ta thường tĩnh tọa, nhập Định một khoảng thời gian rồi lại xuất Định. Hoa Nghiêm tam-muội là đi, đứng, ngồi, nằm thường ở trong đại định, ở trong Định bèn thuyết pháp, chẳng phải là xuất Định rồi mới có thể thuyết pháp.

2.1.1.2.2.3.2.2.3.2.2. Nói về công đức lợi tha

(Kinh) Tuyên dương diễn thuyết nhất thiết kinh điển.

(經)宣揚演說一切經典。

(Kinh: Tuyên dương, diễn nói hết thảy các kinh điển).

Đắc Hoa Nghiêm tam-muội, có thể “tuyên dương diễn thuyết nhất thiết kinh điển”, tức là có thể giống như Phật. Đức Phật thuyết kinh như thế nào, quý vị đều có thể nói [giống như vậy], tuyên nói hết thảy kinh điển.

2.1.1.2.2.3.2.2.3.3. Lại nói về khởi tu

(Kinh) Trụ thâm định môn, tất đồ hiện tại vô lượng chư Phật. Nhất niệm chi khoảnh, vô bất châu biến, tế chư kích nạn, chư nhàn bất nhàn, phân biệt hiển thị chân thật chi tế, đắc chư Như Lai biện tài chi trí, nhập chúng ngôn âm, khai hóa nhất thiết.

(經)住深定門，悉覩現在無量諸佛。一念之頃，無不周徧。濟諸劇難，諸閑不閑。分別顯示真實之際，得諸如來辯才之智。入眾言音，開化一切。

(Kinh: Trụ trong định môn sâu xa, đều thấy vô lượng chư Phật trong hiện tại. Trong khoảng một niệm, không đâu chẳng trọn khắp, cứu giúp những kẻ nạn khổ dữ dội. Ở nơi thanh nhàn và chẳng thanh

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nhàn [trong nhân gian], phân biệt, hiển thị Chân Thật Tế, đạt được trí biện tài của các đức Như Lai, thông hiểu ngôn ngữ của muôn loài, khơi gợi, hóa độ hết thảy).

“*Trụ thâm định môn*”: Trong phần trên đã nói, quý vị đắc Hoa Nghiêm tam-muội đại định, ở trong Định có thể giảng kinh, thuyết pháp. Giảng kinh, thuyết pháp nhưng vẫn trụ trong “*thâm định môn*”, hoàn toàn chẳng động. Đó gọi là “*đi, đứng, nằm, ngồi thường ở trong Định*”, còn gọi là “*thuyết mặc đồng thời*”, [nghĩa là] đồng thời thuyết pháp và im lặng chẳng thuyết pháp. Đang nhập Định mà chẳng trở ngại thuyết pháp, thuyết pháp chẳng ngăn ngại nhập Định, động và định như một.

“*Tất đồ hiện tại vô lượng chư Phật. Nhất niệm chi khoảnh, vô bất châu biến*” (Đều thấy vô lượng chư Phật trong hiện tại. Trong khoảng một niệm, không đâu chẳng trọn khắp): Phật chia thành ba đời, tức đời quá khứ, đời hiện tại, và đời vị lai. Quá khứ chư Phật đã nhập Niết Bàn, vị lai chư Phật vẫn chưa thành Phật, hiện tại thì trong mười phương thế giới có vô lượng chư Phật, chúng ta cũng chẳng thấy một vị nào. Ở đây, chúng ta có Thích Ca Mâu Ni Phật đã nhập Niết Bàn, Di Lặc Bồ Tát là vị lai Phật còn chưa giảng thế, hiện thời mười phương Phật, Bồ Tát rất đông, nhưng một vị ta cũng chẳng thấy. Vì sao chẳng thấy? Vì trong tâm chúng ta, một tâm trọn đủ mười pháp giới, nay chúng ta là nhân tâm (tâm con người), rơi vào trong nhân pháp giới. “*Giới*” (界) có giới hạn, do giới hạn ấy bèn sanh chướng ngại.

Quý vị trông thấy loài người nhiều đến vô lượng, đi đến đâu cũng đều trông thấy người, vì cái tâm của chúng ta là nhân tâm, là cái tâm của nhân pháp giới, tâm quý vị chẳng biến thành Phật tâm, cho nên một vị Phật cũng chẳng thấy. Vị Bồ Tát này dụng công tới mức đắc Hoa Nghiêm tam-muội của Phật, Ngài có thể ở trong môn định sâu thẳm, ngay lập tức hòa nhập vào Phật giới, tâm Ngài biến thành tâm Phật, [cho nên] hiện tại vô lượng chư Phật thấy đều trông thấy, chẳng cần đến vô lượng thế giới để gặp, chẳng cần phải đi khắp một vòng. Trong một niệm, không gì chẳng trọn khắp là vì tâm quý vị đã biến thành tâm Phật, biến thành chân tâm. Chân tâm không gì chẳng trọn khắp, hiện mười phương pháp giới. Mười phương pháp giới chư Phật, thấy đều ở trong một niệm, quý vị đều nhìn thấy. Tâm quý vị đã biến thành tâm Phật, vô lượng chư Phật đều trông thấy; đạo lý này vẫn là rất cao sâu!

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Nói theo cách nông cạn khác, tôi vừa mới nói “chúng ta mang cái tâm con người”, là cái tâm thuộc về nhân pháp giới, [cho nên] trông thấy toàn là người. Người còn chia thành thiện nhân và ác nhân. [Nếu] tâm quý vị là tâm kẻ ác, quý vị sẽ chẳng nhận biết một thiện nhân nào! Bạn bè quý vị kết giao, những người qua lại với quý vị toàn là kẻ ác! Cái tâm ác của quý vị trọn khắp hết thấy mọi nơi, trong một niệm, sẽ trông thấy rất nhiều kẻ ác. Vậy thì quý vị hãy phân tích một phen: “Vì sao ta muốn làm kẻ ác, chẳng làm người lành?” Một niệm của quý vị quay về thiện pháp, quý vị sẽ nhận biết thiện nhân. Trước kia, chẳng thấy một người lành nào, sau này, sẽ thấy thiện nhân rất u là nhiều! Trong một niệm, quý vị thấy rất nhiều thiện nhân ngàn ấy, đạo lý này rất dễ liễu giải.

“Tế chư kịch nạn, chư nhân bất nhân. Phân biệt hiển thị chân thật chi tế” (Cứu tế những nơi hoạn nạn dữ dội nhất, đối với chỗ thanh nhân và chẳng thanh nhân, phân biệt, hiển thị Chân Thật Tế): Vị Bồ Tát này cũng chẳng phải là hàng Nhị Thừa. Hàng Nhị Thừa đạt được Phật pháp, bản thân họ trụ trong Thiên Không Niết Bàn, hưởng thụ thanh phước của chính mình. Kinh Phật nói là họ hưởng thụ pháp lạc, còn chúng sanh chịu khổ gì đi nữa, họ chẳng màng. Họ chẳng hiểu tâm lòng đại bi. Vị Bồ Tát này trước hết hiểu tâm đại bi, lại phát Bồ Đề tâm, thấy chúng sanh khổ sở bèn phát Bồ Đề tâm. Phát Bồ Đề tâm rồi lại học Phật pháp, học Phật pháp để làm gì? Cứu độ chúng sanh. Chúng sanh có hoạn nạn mới cần quý vị cứu. Chư Phật, Bồ Tát chẳng có hoạn nạn, chẳng cần quý vị phải cứu. Chúng sanh có tai ương, có hoạn nạn, mới cần quý vị đến cứu tế!

Kinh Phật gọi các nạn của chúng sanh là *“tam đồ bát nạn”*. Chẳng phải là ngoài tam đồ mà có riêng tám nạn đâu nhé! Tính luôn cả tam đồ thì có tám nạn. Vì trong tám thứ nạn ấy, tam đồ khổ nhất, nên gọi là *“kịch nạn”*. *“Kịch”* (劇) là rất nghiêm trọng, rất dữ dội. Tam đồ là ba ác đạo: Súc sanh đạo, ngạ quỷ đạo, địa ngục đạo. Đọa lạc ba ác đạo, gặp phải *“kịch nạn”* là tai nạn lớn nhất, cần được Bồ Tát ngay lập tức đến cứu tế. Nhân gian có bốn loại nạn, giải thích chữ Nạn như thế nào? Nạn là tai nạn. Nạn là chướng nạn, học Phật pháp mà sanh ra chướng ngại. Hễ người ấy đọa lạc trong ba ác đạo, học Phật pháp sẽ nảy sanh chướng ngại. Hễ người ấy đọa lạc trong ba ác đạo, học Phật pháp sẽ chẳng học được, sanh ra chướng nạn. Nhân gian có bốn loại nạn:

- 1) Loại nạn thứ nhất là manh, lung, âm, á, sáu căn chẳng trọn đủ.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Manh*” (盲) là mù mắt, “*lung*” (聾) là tai điếc, “*ám á*” (瘖啞, ngọng câm) là miệng không nói năng được, câm nín. Đây là loại chướng nạn học Phật pháp thứ nhất.

2) Loại nạn thứ hai là Thế Trí Biện Thông, tức là trí huệ thế gian. [Kẻ ấy] miệng có thể nói, có thể giảng, vừa có biện tài lại vừa thông minh. Có thể nói người như vậy là thiên tài. Quý vị nói gì, kẻ đó đều có thể biện luận với quý vị. Nhưng lý lẽ biện luận của họ là đạo lý tà tri tà kiến, quý vị vẫn chẳng thể biện luận thắng họ, nầy sanh chướng nạn. Đó là Thế Trí Biện Thông.

3) Loại nạn thứ ba là Phật tiền, Phật hậu: Trong khoảng giữa của hai vị Phật, chẳng thấy Phật. Sanh sau khi Phật Thích Ca [đã diệt độ] và sanh trước khi Phật Di Lặc [giáng thế], là chướng nạn chẳng thấy Phật.

4) Loại nạn thứ tư, gọi là Bắc Câu Lô Châu (Uttarakuru). Nói tới Khổ với người ở Bắc Câu Lô Châu, bảo họ biết nỗi khổ, nhưng Bắc Câu Lô Châu là thế giới Cực Lạc trong nhân gian, họ chẳng cảm nhận nỗi khổ. Quý vị nói khổ gì đi nữa, họ cũng đều chẳng hiểu. Họ chẳng hiểu, chẳng tin Phật pháp, nên cũng sanh ra chướng nạn.

Nhân gian có bốn loại nạn này, “mù, điếc, ngọng, câm”, Thế Trí Biện Thông, “trước Phật, sau Phật”, và Bắc Câu Lô Châu. Tam đồ như vừa kể trên và bốn nạn của người học Phật trong nhân gian đã hợp thành bảy nạn.

Loại thứ tám là Trường Thọ Thiên, tức là trên trời có một loại nạn thuộc về Sắc Giới Thiên. Ngoại đạo tu hành nhằm sanh lên Trường Thọ Thiên. Ngoại đạo tu trường sanh bất lão. Họ sanh lên cõi trời thọ mạng rất lâu dài, cứ ngỡ là sẽ vĩnh viễn chẳng già, vĩnh viễn bất tử. Quý vị khuyên họ học Phật pháp, họ chẳng học. Do đó, trong Sắc Giới Thiên có một loại nạn, tức là Trường Thọ Thiên chẳng tiếp nhận Phật pháp.

Tính gộp chung lại là tám nạn.

Bồ Tát học Phật pháp, học đến mức cao sâu nhất, đến chỗ rốt ráo nhất để dùng làm gì? Vẫn là dùng để cứu độ chúng sanh. Vì chúng sanh có khổ, có nạn, các Ngài cứu những nỗi khổ sở, tai nạn nặng nề nhất ấy. Khổ nạn nặng nề nhất là ba ác đạo. So sánh trong ba ác đạo, khổ nhất là địa ngục. Do vậy, Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện: “*Địa ngục chẳng trống, thế chẳng thành Phật*”. Ngài mong độ hết chúng sanh, trước hết Ngài độ chúng sanh trong địa ngục, muốn độ chúng sanh trong địa ngục sao cho chẳng còn ai, vì chúng sanh trong địa ngục quá khổ.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Tế chư kịch nạn*” (Cứu giúp nơi tai nạn dữ dội nhất) là đến ba ác đạo. “*Chư nhàn bất nhàn*”, “*nhàn*” (閑) là nhàn hạ. “*Nhàn hạ*” là chịu khổ gián đoạn, có thể được ngưng nghỉ, được thanh thoi. Đọa vào địa ngục, địa ngục Vô Gián chẳng có lúc nào gián đoạn [hành hình], ngày đêm sáu thời thường khổ sở, chẳng được ngưng nghỉ, mà cũng chẳng được thanh thoi. Ở đây, “*kịch nạn*” là ba ác đạo. “*Chư nhàn bất nhàn*” là nói đến nhân gian, nhân gian có kẻ hứng chịu khổ sở nặng nề. “*Bất nhàn*” là chẳng được nhàn hạ, chẳng có thời gian nhàn hạ, kẻ đó sẽ không thể học Phật pháp. Có kẻ chịu khổ nạn rất nhẹ, thời gian nhàn hạ nhiều, hạng người này được gọi là “*chư nhàn*”. [Ở trong những nơi] “*chư nhàn*” sẽ học Phật pháp dễ dàng, họ có nhiều thời gian, nhiều công phu. Khổ sở nặng nề, chẳng được nhàn hạ thì gọi là “*bất nhàn*”. Khổ nhẹ thì gọi là “*chư nhàn*”. Có thời gian nhàn hạ thì là có “*chư nhàn*”. Bất luận họ là chúng sanh khổ sở dữ dội trong ba ác đạo, hoặc là “*chư nhàn*” trong nhân gian, tức là các chúng sanh khổ nhẹ và chúng sanh “*bất nhàn*” khổ sở dữ dội, Bồ Tát đều bình đẳng cứu tế.

“*Phân biệt hiển thị chân thật chi tế*” (Phân biệt hiển thị Chân Thật Tế), cứu như thế nào? Bảo cho quý vị biết ai nấy đều có một cái Chân Thật Tế. Chân Thật Tế tức là ai nấy đều có Phật tánh, tôi vừa mới nói là diệu lý Chân Không. Phân biệt khai thị cho họ nghe [chân lý ấy].

“*Đắc chư Như Lai biện tài chi trí, nhập chúng ngôn âm, khai hóa nhất thiết*” (Đạt được trí biện tài của các Như Lai, thông hiểu ngôn ngữ của muôn loài, khơi gợi, hóa độ hết thảy): Trong phần trước là đắc Hoa Nghiêm tam-muội của chư Phật; ở đây, lại nói là đạt được trí huệ biện tài của chư Phật. Trong phần trên đã có nói, đạt được trong tâm là trí huệ, thốt ra bằng miệng là biện tài. Nói gộp lại, sẽ là “*biện tài chi trí*”. Đạt được trí biện tài của chư Phật, đạt được “*nhập chúng ngôn âm*” (thông hiểu ngôn ngữ của muôn loài). Biện tài có bốn loại là Pháp - Nghĩa - Từ - Nhạo Thuyết. Tức là Pháp Vô Ngại Biện, Nghĩa Vô Ngại Biện, Từ Vô Ngại Biện, và Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện, có bốn loại Vô Ngại Biện ấy. Loại thứ ba là Từ Vô Ngại Biện, [hay còn gọi là] Từ Vô Ngại, tức là trong khi ăn nói, sử dụng ngôn từ, đều có thể biện định vô ngại. Tức là đối với hết thảy các ngôn âm của chúng sanh nói ra, Ngài đều hiểu. Ngài biết nói ngôn âm của chúng sanh. Quý vị là người, Ngài sẽ nói bằng ngôn âm nhân gian. Nếu quý vị là súc sanh, Ngài có thể nói tiếng súc sanh. Nếu quý vị là naga quý, Ngài có thể nói tiếng naga quý. Đối với chúng sanh trong ba ác đạo, chúng ta chỉ trông

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thấy súc sanh, nhưng người có đại trí huệ hiểu âm thanh của súc sanh, huyền diệu như thế đó! Chỉ nói riêng về con người, người ở những địa phương khác nhau, ngôn ngữ đã bất đồng. Vị Bồ Tát này đặc trí huệ biện tài, quý vị là người Hoa, Ngài hiểu tiếng nói của quý vị. Quý vị là người Mỹ, Ngài cũng hiểu tiếng nói của quý vị. Như vậy thì quý vị mới có thể cứu độ người Hoa, mà cũng có thể cứu độ người Mỹ. Vì thế, quý vị nhập “ngôn âm” của chúng sanh thì mới có thể khai hóa hết thảy.

2.1.1.2.2.3.2.2.3.4. Lại nói về những điều thành tựu

(Kinh) Siêu quá thế gian chư sở hữu pháp, tâm thường để trụ độ thế chi đạo, u nhất thiết vạn vật, nhi tùy ý tự tại. Vị chư thứ loại, tác bất thỉnh chi hữu, hà phụ quần sanh, vị chi trọng đảm.

(經)超過世間諸所有法，心常諦住度世之道。於一切萬物，而隨意自在。為諸庶類，作不請之友。荷負群生，為之重擔。

(Kinh: Vượt trời các pháp vốn có trong thế gian, tâm thường trụ vững nơi đạo độ đời. Đối với hết thảy vạn vật, đều tùy ý tự tại. Vì các chủng loại hữu tình, làm bạn chẳng thỉnh. Vì các quần sanh, gánh vác gánh nặng).

“Siêu quá thế gian chư sở hữu pháp” (Vượt trời các pháp vốn có trong thế gian): Bồ Tát pháp, Phật pháp, đều vượt trời hết thảy các pháp của phàm phu trong thế gian. “Tâm thường để trụ độ thế chi đạo” (Tâm thường trụ vững nơi đạo độ đời), đây là tâm niệm và tâm hướng của Bồ Tát. Các Ngài chẳng hưởng thú vui ngũ dục. Thú vui ngũ dục là chuyện của phàm phu, các Ngài nghĩ tưởng điều gì? Chính là nghĩ tưởng làm thế nào để cứu độ chúng sanh trong thế gian? “Đế trụ”: “Đế” (諦) là “tường thám”, “tường” (詳) là cẩn kỹ, “thám” (審) là suy xét, [“tường thám”] là suy xét rất tỉ mỉ. “Trụ” (住) là an trụ bất động. Tâm Bồ Tát suy xét rất tường tận, rất cẩn kỹ, lại còn an trụ bất động, suy nghĩ tỉ mỉ cẩn kỹ nhiều lượt đều nhằm độ chúng sanh. “Độ thế chi đạo”: An trụ trong đạo độ đời ấy.

“U nhất thiết vạn vật” (Đối với hết thảy vạn vật) cũng là nói tới hết thảy chúng sanh. “Nhi tùy ý tự tại”, độ loại chúng sanh nào cũng đều có thể thuận theo tâm ý của chính mình mà đắc tự tại. Giống như “huyền thuật sư” (nhà ảo thuật) đã nói trong phần trước, ông ta muốn

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

biến thành một người nam liền biến thành người nam, muốn biến thành một người nữ liền biến thành người nữ, đây chẳng phải là tùy ý tự tại ư? Bồ Tát cũng là như thế đó.

“*Vị chư thứ loại*”: “*Thứ*” (庶) là đông đảo. “*Chung loại*” (眾類) là hết thảy các loại chúng sanh. “*Tác bất thỉnh chi hữu*” (Làm bạn chẳng thỉnh): Quý vị muốn giảng kinh, thuyết pháp cho chúng sanh, chúng sanh phải lễ thỉnh quý vị. Vì sao? Đó gọi là “*tôn trọng Phật pháp*”. Nhưng đó là những người liễu giải nghi thức lễ thỉnh pháp sư, liễu giải đạo lý tôn trọng Phật pháp, chứ kẻ bình phàm không biết, quý vị có cần phải độ họ hay chẳng? Khi ấy, quý vị sẽ “*tác bất thỉnh chi hữu*” cho họ. Họ chẳng thỉnh ta, ta tìm đến họ, thuyết pháp cho họ, như vậy mới là đại từ đại bi.

“*Hà phụ quần sanh, vị chi trọng đảm*” (Vì các quần sanh, gánh vác gánh nặng): Chúng sanh quá nhiều, vô biên chúng sanh, ta đều thệ nguyện độ thoát, ta phải gánh lấy trách nhiệm này. Trách nhiệm ấy là trọng trách, ta tình nguyện gánh vác gánh nặng ấy, đây mới gọi là “*Bồ Tát phát tâm*”.

2.1.1.2.2.3.2.2.4. Nương vào sự thắng tấn trên đây, biện định về các đức đã tu tập thành tựu

2.1.1.2.2.3.2.2.4.1. Trước hết, biện định những điều đã tu

(Kinh) Thọ trì Như Lai thậm thâm pháp tạng, hộ Phật chủng tánh, thường sử bất tuyệt, hưng đại bi, mãn chúng sanh, diễn từ biện, thọ pháp nhãn, đồ tam thú, khai thiện môn. Dĩ bất thỉnh chi pháp, thí chư lê thứ. Như thuần hiếu chi tử, ái kính phụ mẫu. Ư chư chúng sanh, thị nhược tự kỷ.

(經)受持如來甚深法藏，護佛種性，常使不絕。興大悲，愍眾生。演慈辯，授法眼。杜三趣，開善門。以不請之法，施諸黎庶。如純孝之子，愛敬父母。於諸眾生，視若自己。

(Kinh: Thọ trì pháp tạng rất sâu của Như Lai, bảo vệ chủng tánh của Phật, thường khiến cho chẳng dứt, đầy lòng đại bi, thương xót chúng sanh, diễn từ biện, trao pháp nhãn, đóng chặt ba đường ác, mở cửa lành. Dùng pháp chẳng thỉnh thí cho muôn loài, như đứa con thuần hiếu yêu kính cha mẹ. Đối với các chúng sanh, xem như chính mình).

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Trong phần trước, [kinh văn đã nói là] đối với pháp tạng của Bồ Tát đều thâm nhập, nay lại tiến thêm bước nữa, có thể “*thọ trì Như Lai thâm thâm pháp tạng*”, có thể thay Phật làm việc. Phật là đấng độ chúng sanh, Bồ Tát đều có thể độ chúng sanh, có thể gánh vác trọng trách độ chúng sanh, có thể thay Phật độ chúng sanh.

“*Hộ Phật chủng tánh, thường sử bất tuyệt*” (Bảo vệ chủng tánh của Phật thường khiến cho chẳng bị đoạn tuyệt): “*Hộ*” (護) là bảo vệ, [“*hộ Phật chủng tánh*” là] bảo vệ chủng tánh của Phật. “*Thường sử bất tuyệt*”: Phật chủng chẳng dứt; đây là quý vị cứu chúng sanh bèn dùng Đại Thừa Phật pháp để cứu. Đại Thừa Phật pháp cứu độ chúng sanh, dạy chúng sanh trước hết hãy phát Bồ Đề tâm. Đã phát Bồ Đề tâm tức là gieo chủng tử thành Phật, lại bảo họ tu Đại Thừa hạnh, Thập Tín viên mãn, dự vào địa vị Sơ Trụ, Phật chủng sẽ chẳng đoạn. Các chúng sanh ấy bèn đắc bất thoái chuyển, trong tương lai, nhất định sẽ thành Phật. Đây là quý vị độ chúng sanh thành Phật, khiến cho chủng tánh của Phật chẳng đến nỗi bị đoạn diệt.

“*Hưng đại bi, mãn chúng sanh*”: Dậy lòng đại bi, tức là đối với thân, khẩu, ý. Ý nghiệp của Phật, Bồ Tát hoàn toàn là đại bi tâm, thương xót chúng sanh, ôm tấm lòng thương xót chúng sanh. Khẩu nghiệp của Bồ Tát là giảng kinh, thuyết pháp cho chúng sanh nghe. Giảng kinh, thuyết pháp thì phải dùng biện tài, biện tài hoàn toàn là ban pháp lạc cho chúng sanh.

“*Từ*” là có thể ban vui. “*Diễn từ biện*”: Sự diễn nói đích thị là từ biện (慈辯, biện tài từ bi). Tuyên dương là Diễn. Do lòng Từ mà có thể ban vui, đó là Từ. Biện tài vô ngại là Biện. [“*Diễn từ biện*”] nghĩa là giảng kinh thuyết pháp hoàn toàn có thể ban pháp lạc cho chúng sanh.

“*Thọ pháp nhãn*” (Trao pháp nhãn): Dạy chúng sanh mở mang chánh nhãn Phật pháp. Chúng sanh chẳng liễu giải Phật pháp, quý vị mở con mắt trí huệ cho họ, giống như quý vị trao pháp nhãn cho họ.

“*Đỗ tam thú*” (Đóng lấp ba đường ác): Trước hết dạy chúng sanh chớ nên đọa lạc trong ba ác đạo, đó là nỗi thống khổ tai nạn cùng cực dữ dội! “*Đỗ*” (杜) là cắt đứt, [“*đỗ tam thú*”] là cắt đứt con đường dẫn đến ba ác đạo.

“*Khai thiện môn*”: Thiện có thể gian thiện và xuất thế gian thiện. Thế gian thiện là nhân thiên thiện pháp. Dạy họ trước hết hãy tu nhân thiên thiện pháp để họ chẳng đọa trong ba ác đạo. Đây là “*đỗ tam thú*”. “*Khai thiện môn*”: Thiện pháp xuất thế gian còn có Đại Thừa và Tiểu Thừa. Tu Tiểu Thừa rồi tu Đại Thừa, cũng đều là vượt thoát sanh tử

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

luân hồi trong tam giới. Đối với kẻ có thể học pháp Đại Thừa, quý vị bèn dạy kẻ ấy pháp Đại Thừa, mở mang trí huệ của Phật, cũng có thể độ chúng sanh.

“*Dĩ bất thỉnh chi pháp, thí chư lê thứ*” (Dùng pháp chẳng thỉnh, thí cho muôn loài): “*Lê thứ*” (黎庶) vẫn là chúng sanh. Trong phần trước, [kinh văn] đã nói quý vị “*làm bạn chẳng thỉnh*”. “*Làm bạn chẳng thỉnh*” là quý vị giảng Phật pháp cho người ấy nghe. “*Dĩ bất thỉnh chi pháp*” (Dùng pháp chẳng thỉnh): Kẻ ấy chẳng thỉnh ta thuyết pháp, ta vẫn phải thuyết pháp cho người ấy. Vì cứu độ những chúng sanh ấy, ta ban Pháp Bồ Thí cho họ. Đó gọi là “*thí chư lê thứ*”.

Coi chúng sanh như thế nào? “*Như thuần hiếu chi tử, ái kính phụ mẫu*” (Như đứa con thuần hiếu yêu kính cha mẹ): Coi các chúng sanh ấy đều như cha mẹ. Quý vị coi chúng sanh là chúng sanh khổ não, bản thân quý vị sẽ có thể dấy lòng kiêu căng, ngã mạn. Quý vị coi chúng sanh đều là cha mẹ của chính mình, vì sao? Vì chúng ta đều lưu chuyển sanh tử trong lục đạo luân hồi, đời này ta có cha mẹ của đời này, đời trước còn có cha mẹ thuộc đời trước, đời trước nữa vẫn có cha mẹ. Chúng ta lưu chuyển sanh tử như thế từ vô thủy kiếp đến nay, hết thấy chúng sanh đều từng làm cha mẹ của ta. Ta phải hiếu kính đối với cha mẹ đời này, chẳng cần hiếu kính cha mẹ đời trước ư? Quán tưởng như thế, quý vị sẽ hành hiếu đạo đối với chúng sanh, giảng Phật pháp cho họ nghe, giống như hiếu tử hiếu kính cha mẹ.

“*U chư chúng sanh, thị nhược tự kỳ*” (Coi các chúng sanh như chính mình): Tiến hơn bước nữa là quán tưởng chúng sanh “*thị nhược tự kỳ*”, “*thị*” (視) là quán tưởng. Quán tưởng hết thấy chúng sanh là chính mình. Quán tưởng [chúng sanh] là cha mẹ ta, đây là người thân cận nhất, quán tưởng là chính mình thì sẽ là thân thiết nhất. Thế gian này có rất nhiều đứa con chẳng ra gì, chúng nó có cha mẹ mà chẳng hiếu thuận, vì [cha mẹ] chẳng phải là chính bản thân chúng nó. Nếu chẳng phải là chính chúng nó bị khổ sở, chúng nó sẽ chẳng ngay lập tức cầu cạnh cha mẹ. Quý vị quán tưởng chúng sanh là chính mình, nhất định sẽ cầu độ chúng sanh. Chúng sanh chẳng phải là chính mình, ta quán tưởng họ là chính mình bằng cách nào?

1) Thứ nhất, quý vị quán tưởng hết thấy chúng sanh có cùng một Phật Tánh với ta. Phật Tánh chẳng hai, chẳng khác.

2) Thứ hai, hết thấy chúng sanh và ta cùng do bốn đại chủng tánh sanh ra. Thân thể ta sanh bởi Địa, Thủy, Hỏa, Phong. Thân thể của hết thấy chúng sanh cũng đều là Địa, Thủy, Hỏa, Phong. Đồng dạng là cái

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thân do bốn đại chủng tánh Địa, Thủy, Hỏa, Phong sanh ra, chẳng khác gì nhau, cho nên chúng sanh chịu khổ là ta chịu khổ, nhất định phải cứu họ.

2.1.1.2.2.3.2.2.4.2. Nói rõ những điều thành tựu

(Kinh) Nhất thiết thiện bản, giai độ bỉ ngạn, tất hoạch chư Phật vô lượng công đức, trí huệ thánh minh, bất khả tư nghị.

(經)一切善本，皆度彼岸。悉獲諸佛無量功德。智慧聖明，不可思議。

(Kinh: Hết thầy gốc lành đều vượt đến bờ kia, đều đạt được vô lượng công đức của chư Phật, trí huệ thánh minh chẳng thể nghĩ bàn).

“*Nhất thiết thiện bản, giai độ bỉ ngạn*” (Hết thầy gốc lành đều vượt đến bờ kia): Bồ Tát độ chúng sanh có Quyền và Thật. “*Nhất thiết thiện bản*” là hướng dẫn, khơi gợi chúng sanh tu hết thầy các thiện pháp. “*Thiện bản*” còn gọi là thiện căn. Dạy họ (chúng sanh) gieo thiện căn. Thiện căn chẳng phải là một thứ, nên nói “*nhất thiết thiện bản*” (hết thầy thiện bản), hoặc là thiện bản trong nhân gian, thiện bản cõi trời, thiện bản Nhị Thừa, khơi mở, hướng dẫn thiện pháp cho họ, dạy họ gieo thiện căn. Đây là phương tiện thiện xảo, nhằm mục đích khiến cho họ “*giai độ bỉ ngạn*” (đều vượt đến bờ kia). “*Bỉ ngạn*” là Niết Bàn. Niết Bàn của Đại Thừa là thành Phật. “*Nhất thiết thiện bản*” đều phải hồi hướng về một mục đích, tức là hết thầy chúng sanh đều chứng đắc bờ kia Niết Bàn, sẽ đều thành Phật.

“*Tất hoạch chư Phật vô lượng công đức*” (Đều đạt được vô lượng công đức của chư Phật): Chư Phật có vô lượng vô biên công đức, những công đức to lớn ấy chúng sanh đều đạt được. “*Tất hoạch*”, “*hoạch*” (獲) là đạt được, đạt được vô lượng công đức của chư Phật. “*Trí huệ thánh minh*”: Vô lượng trí huệ, vô lượng thánh minh của chư Phật. “*Thánh*” là Phật, “*minh*” là quang minh. Trí huệ của chư Phật và quang minh của bậc đại thánh đều đạt được. “*Bất khả tư nghị*”: Chẳng thể suy lường, chẳng thể bàn luận.

2.1.1.2.2.4. Biện định chung số lượng [của các vị Bồ Tát dự hội]

(Kinh) Như thị chi đẳng Bồ Tát đại sĩ, bất khả xưng kể, nhất

thời lai hội.

(經)如是之等菩薩大士，不可稱計，一時來會。

(Kinh: Các vị Bồ Tát đại sĩ như thế đó, chẳng thể nói, đếm, đều cùng đến dự hội).

“*Như thị chi đấng Bồ Tát đại sĩ*”: Công đức của hàng Bồ Tát nhiều ngàn ấy như vừa mới nói trên đây. Những vị đại Bồ Tát ấy, Bồ Tát còn gọi là Đại Sĩ. “*Bất khả xưng kể*” (Chẳng thể nói, đếm), rốt cuộc có bao nhiêu vị Bồ Tát? Chẳng thể tính đếm số lượng được thì gọi là “*bất khả xưng kể*”. “*Nhất thời lai hội*” (Cùng lúc nhóm đến): Đến dự pháp hội giảng kinh Vô Lượng Thọ.

Kinh văn nói đến chỗ này chính là phần Chúng Thành Tựu trong sáu loại thành tựu, tức là [nói về] đại chúng nghe kinh. Giảng kinh Vô Lượng Thọ thì đại chúng nghe kinh có chúng Thanh Văn, chúng Bồ Tát, vì kinh Vô Lượng Thọ là kinh điển Đại Thừa. Phần nói về công đức của các vị đại Bồ Tát nói rất dài, cũng nhằm dạy chúng ta học theo những tấm gương ấy. Giảng đến đây, phần Chúng Thành Tựu đã giảng xong. Tính gộp lại, phần sáu thứ thành tựu đã giảng xong, cũng là phần Chúng Tín Tụ trong Tụ Phần đã được giảng xong. Trên đây đã nói Tụ Phần được chia thành hai khoa, khoa thứ nhất là Chúng Tín Tụ tức là sáu món thành tựu đã giảng xong. Đối với sáu thứ thành tựu này, trong các bộ kinh đều có một đoạn lời tựa giống như thế này, bất quá là địa điểm khác nhau, số người khác nhau. Sau đó là khoa thứ hai, tức Phát Khởi Tụ.

Phát Khởi Tụ thì mỗi bộ kinh đều có phần Phát Khởi Tụ khác nhau. Ở đây nói đến phần Phát Khởi Tụ của kinh Vô Lượng Thọ. Phát Khởi Tụ là để dẫn phát, sanh khởi Chánh Tông Phần, nên gọi là Phát Khởi Tụ.

2.1.2. Phát Khởi Tụ

2.1.2.1. Như Lai hiện tướng phát khởi

(Kinh) Nhĩ thời Thế Tôn, chư căn duyệt dự, tư sắc thanh tịnh, quang nhan nguy nguy.

(經)爾時世尊，諸根悅豫，姿色清淨，光顏巍巍。

(Kinh: Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn các căn vui sướng, dáng vẻ thanh tịnh, dung nhan sáng ngời lồng lộng).

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Nhĩ thời*” (爾時) là khi đó, khi nào vậy? Khi căn cơ của đại chúng tương ứng. Trong phần trước, kinh đã có nói, chư đại Bồ Tát cùng lúc nhóm đến, chờ đợi đức Phật thuyết pháp, chính là khi đó. “*Thế Tôn*” là đức Phật. “*Chư căn duyệt dự*” (Các căn vui sướng): “*Chư căn*” (諸根) là nói đến thân thể và tâm của Ngài. Đây là một danh từ chuyên môn rất phổ biến trong Phật giáo. Nếu quý vị là kẻ sơ phát tâm mà nghe [từ ngữ này] sẽ chẳng hiểu. Kinh Phật nói thân thể và cái tâm này, nói chung chia thành sáu căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý, gọi là Lục Căn. Mắt gọi là Nhãn Căn, tai gọi là Nhĩ Căn, mũi gọi là Ty Căn, lưỡi gọi là Thiệt Căn, thân thể gọi là Thân Căn. Năm căn ấy còn gọi là Tiền Ngũ Căn (năm căn trước), chúng ở trên thân thể. Đây là thân. Bên trong [thân thể] còn có Ý Căn. Ý là tâm, [thường nói là] “*tâm ý*”. Trong là một cái tâm, ngoài là một thân thể, đây là có sáu căn. Vì sao gọi là Căn? Căn (根) có nghĩa là “*có thể sanh ra*”, [chẳng hạn như] Nhãn Căn sanh ra Nhãn Thức, Nhĩ Căn sanh ra Nhĩ Thức, Ty Căn sanh ra Ty Thức, Thiệt Căn sanh ra Thiệt Thức, Thân Căn sanh ra Thân Thức, Ý Căn sanh ra Ý Thức. Đây là Lục Căn. “*Chư căn*” được nói ở đây chính là lục căn.

“*Duyệt dự*”: “*Duyệt*” (悅) là hoan hỷ, “*dự*” (豫) là vui sướng, biểu hiện dáng vẻ rất hoan hỷ, vui sướng. “*Chư căn duyệt dự*”, “*chư căn*” là lục căn, trong ấy Ý Căn là tâm. Tâm vô hình vô tướng chẳng thấy được, cái [có thể] trông thấy là sự hoan hỷ nơi thân. Niềm hoan hỷ nơi thân thể là sự hoan hỷ từ trong tâm biểu hiện ra. Trong tâm chẳng hoan hỷ, làm sao biểu lộ niềm hoan hỷ ra ngoài cho nổi? Vì thế, nói là “*chư căn*” thì vẫn phải nói là lục căn. Khi đó, sáu căn của đức Thế Tôn đều tỏ lộ rất vui sướng, hoan hỷ. Lại còn thêm hai câu để hình dung, [câu thứ nhất là] “*tu sắc thanh tịnh*”. “*Tu sắc*” (姿色) là thân thể của Ngài, thân thể là sắc pháp. Đừng nên hiểu sắc này là bóng sắc (dáng điệu xinh đẹp) của nam nữ, mà nên hiểu là thân thể. [“*Tu sắc thanh tịnh*” nghĩa là] thân thể này rất thanh tịnh. “*Quang nhan nguy nguy*”: Chữ “*quang nhan*” (光顏) chỉ diện mạo của Ngài. Dung nhan có rất nhiều quang minh, nên gọi là “*quang nhan*”. “*Nguy nguy*” (巍巍) có nghĩa là cao trỗi. Trông thấy dáng vẻ đức Thế Tôn rất hoan hỷ, thân thể rất thanh tịnh, diện mạo sáng ngời.

Vì sao đức Thế Tôn hoan hỷ dường ấy? Vì Ngài sắp nói pháp môn Tịnh Độ. Tám vạn bốn ngàn pháp môn trong Phật pháp đều do đức Thế Tôn nói. Nói pháp môn nào, Ngài cũng đều hoan hỷ, vì sao chỉ

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nói là giảng pháp môn Tịnh Độ bèn hoan hỷ? Vì chẳng nói pháp môn Tịnh Độ, ý nguyện phổ độ chúng sanh của đức Phật chẳng thể thỏa thích! Những pháp môn khác đều là ứng cơ thuyết pháp, [tức là] tương ứng với căn cơ của một số người, chẳng thể phổ biến nhiếp hóa trọn khắp tam căn. Tam căn là chia [các căn cơ] thành thượng căn, trung căn, và hạ căn. Pháp môn Tịnh Độ là “tam căn phổ bị, lợi độn toàn thân” (thích hợp khắp ba căn, gồm thân trọn vẹn lợi căn và độn căn). Bậc thượng căn có thể tu, hàng trung căn có thể tu, kẻ hạ căn cũng có thể được phổ biến gia bị, nên gọi là “tam căn phổ bị”. “Lợi độn toàn thân”: Hàng lợi căn có thể gồm thân vào cửa Tịnh Độ, mà quý vị là kẻ độn căn, tức là căn cơ ngu si, cũng có thể gom vào cửa Tịnh Độ. Làm thế nào để có thể thỏa mãn nguyện phổ độ chúng sanh? Chỉ có pháp môn Tịnh Độ. Nay sắp nói pháp môn phổ độ chúng sanh này, có thể khiến cho hết thấy chúng sanh đều đắc độ; do đó, đức Thế Tôn sanh tâm hoan hỷ to lớn. Hiện thời đang nói về phần Phát Khởi Tự, đức Thế Tôn tỏ lộ dáng vẻ rất hoan hỷ. Ngài A Nan thấy vậy, bèn đứng ra thưa hỏi.

(Kinh) Tôn giả A Nan, thừa Phật thánh chỉ, tức tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, trường quy hiệp chưởng, nhi bạch Phật ngôn.

(經)尊者阿難，承佛聖旨，即從座起，偏袒右肩，長跪合掌，而白佛言。

(Kinh: Tôn giả A Nan vâng nhận thánh chỉ của đức Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, để hở vai phải, quỳ thẳng, chắp tay, bạch đức Phật rằng).

“Tôn giả A Nan” là bậc đương cơ. “Thừa Phật thánh chỉ”: “Thừa” (承) là lãnh nhận, vâng nhận thánh chỉ của đức Phật. Đức Phật là đấng đại thánh, tâm ý của đức Phật được gọi là Chỉ (旨). Đáng lẽ đức Thế Tôn nói: “Này A Nan! Ông hãy bước ra thưa hỏi, ta sẽ giảng kinh”, nhưng đức Thế Tôn hoàn toàn chẳng mở miệng, ngài A Nan vâng lãnh tâm ý của đức Phật. Tâm ý của đức Phật là muốn nói pháp môn Tịnh Độ, bậc đương cơ là tôn giả A Nan lãnh hội tâm ý của đức Phật. Đây gọi là “thừa Phật thánh chỉ” đứng ra thưa hỏi. Vì Ngài đứng ra thưa hỏi, đức Phật sẽ thuyết pháp, hết thấy chúng sanh đều đạt được lợi ích; do vậy, Ngài “thừa Phật thánh chỉ”, tức là vâng nhận tâm ý của đức Phật, đứng ra thỉnh pháp.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Túc tùng tòa khởi*” (Liên từ chỗ ngồi đứng dậy): Trước khi đứng ra thỉnh pháp, ai nấy đều có chỗ ngồi. Ngài từ chỗ ngồi của mình đứng lên. Đây là nghi thức và lễ mạo để thỉnh pháp. “*Thiên đản hữu kiên*” (Hở áo vai phải), người xuất gia đều đắp ca-sa. Khi ngồi, y phủ cả hai vai, gọi là “*thông kiên tháp y*” (通肩搭衣, đắp y che cả hai vai), [gọi tắt là] “*thông kiên*”, tức là trùm cả hai vai. Sắp ra thỉnh pháp, bèn “*thiên đản*” (偏袒, để hở một bên vai), “*đản*” (袒) có nghĩa là trần trụi. Để lộ vai phải ra, riêng lộ một bên vai ra [thì gọi là “*thiên đản hữu kiên*”].

“*Trường quy hiệp chưởng*”, “*trường quy*” (長跪) là hai đầu gối đều quỳ xuống, các kinh khác nói là “*trước địa*” (著地, áp đầu gối sát đất)¹⁵, còn kinh này là cả hai đầu gối đều quỳ xuống đất. “*Hiệp chưởng*” (合掌) là hai bàn tay chắp vào nhau. “*Túc tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, trường quy*” (Liên từ chỗ ngồi đứng dậy, hở áo vai phải, quỳ thẳng) biểu lộ thân nghiệp cung kính, “*hiệp chưởng*” (chắp tay) biểu lộ ý nghiệp cung kính. Ý là tâm, tâm không có hình tướng, biểu hiện bằng cách nào? Chắp tay để biểu hiện ý nghiệp. Chắp tay biểu thị nhất tâm chẳng tán loạn, biểu hiện ý nghiệp cung kính. “*Nhi bạch Phật ngôn*” (Mà bạch đức Phật rằng) thể hiện khẩu nghiệp cung kính. Đây là quy củ thỉnh pháp, thể hiện thân, khẩu, ý ba nghiệp cung kính, ba nghiệp kiên thành.

2.1.2.2. Ngài A Nan thưa hỏi

2.1.2.2.1. Nêu bày những điều chính mình đã thấy

(Kinh) Kim nhật Thế Tôn, chư căn duyệt dự, tư sắc thanh tịnh, quang nhan nguy nguy, như minh kính tịnh, ảnh sớng biểu lý, oai dung hiển diệu, siêu tuyệt vô lượng. Vị tăng chiêm đồ thù diệu như kim!

(經) 今日世尊，諸根悅豫，姿色清淨，光顏巍巍。如明鏡淨，影暢表裏。威容顯耀，超絕無量。未曾瞻覩殊妙如今！

(Kinh: Ngày nay đức Thế Tôn các căn vui sớng, hoan hỷ, dáng vẻ thanh tịnh, vẻ mặt sáng rực vơi vơi, như gương sáng sạch, trong

¹⁵ “*Trước địa*” có nghĩa là đầu gối chạm đất, chứ không phải toàn thể bấp chân. Trường quy là quỳ thẳng lưng, đầu gối và cả bấp chân đều áp sát mặt đất.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

ngoài thấu suốt, dung nhan oai đức hiển lộ rạng ngời, vượt trội vô lượng. Con chưa từng ngắm nhìn vẻ đẹp thù thắng như hiện thời!)

“*Kim nhật Thế Tôn, chư căn duyệt dự, tư sắc thanh tịnh, quang nhan nguy nguy*” (Ngày nay đức Thế Tôn các căn vui sướng, hoan hỷ, đáng vẻ thanh tịnh, vẻ mặt sáng rực vọi vọi): Bốn câu này là do ngài A Nan tường thuật tướng mạo của đức Thế Tôn do chính mắt Ngài trông thấy. Sau đó, lại có thêm mấy câu là lời lẽ để hình dung: “*Như minh kính tịnh, ảnh sớng biểu lý*” (Như gương sáng sạch, trong ngoài thấu suốt); [ý nói] thân tướng của đức Thế Tôn hết sức thanh tịnh, hết sức quang minh, giống như tấm gương sáng ngời. Tấm gương hết sức thanh tịnh, gương có thể soi chiếu hình bóng. “*Biểu lý*” (表裏, trong ngoài) đều có thể chiếu soi rất rõ ràng. Đây là thí dụ nhằm sánh ví tướng mạo thanh tịnh quang minh của đức Thế Tôn.

Tiếp đó lại tán thán thêm: “*Oai dung hiển diệu, siêu tuyệt vô lượng*”, [ý nói] tướng mạo của Phật không chỉ là rạng rỡ, thanh tịnh, mà còn có một dáng vẻ oai nghiêm. Quý vị trông thấy đức Thế Tôn, chẳng thể không cung kính. Ngài có một loại oai đức, từ nơi dung mạo hiển lộ một loại oai đức, nên gọi là “*oai dung*” (威容). Trong oai dung lại hiện ra quang minh, nên gọi là “*hiển diệu*” (顯耀, hiển lộ chói ngời). “*Siêu tuyệt vô lượng*”: Hết thầy phạm phu, hết thầy thánh nhân dung mạo đều chẳng trang nghiêm bằng đức Thế Tôn.

Tiếp đó, [ngài A Nan] lại nói: “*Vị tằng chiêm đồ thù diệu như kim!*” (Con chưa từng ngắm nhìn vẻ đẹp thù thắng như trong hiện thời!) Không chỉ là vượt trội hết thầy phạm phu, hết thầy thánh nhân, mà ngay cả đức Phật, Phật Thích Ca như con đã thấy trong quá khứ cũng chẳng có tướng mạo như trong ngày hôm nay, có sự hoan hỷ và trang nghiêm như thế! Con chưa từng trông thấy tướng mạo của đức Thế Tôn đặc biệt thù thắng, vi diệu như ngày hôm nay!

2.1.2.2.2. Nêu ra điều mình suy niệm

(Kinh) Duy nhiên đại thánh, ngũ tâm niệm ngôn: Kim nhật Thế Tôn trụ kỳ đặc chi pháp; kim nhật Thế Hùng trụ chư Phật sở trụ; kim nhật Thế Nhân trụ đạo sư chi hạnh; kim nhật Thế Anh trụ tối thắng chi đạo; kim nhật Thiên Tôn hành Như Lai chi đức; khứ lai hiện tại, Phật Phật tương niệm, đắc vô kim Phật niệm chư Phật da?

(經)唯然大聖，我心念言：今日世尊住奇特之法；今日世雄住諸佛所住；今日世眼住導師之行；今日世英住最勝之道；今日天尊行如來之德；去來現在，佛佛相念，得無今佛念諸佛耶？

(*Kinh: Vâng, thưa đức Đại Thánh! Tâm con nghĩ rằng, hôm nay đức Thế Tôn trụ trong pháp lạ lùng đặc biệt; hôm nay đức Thế Hùng trụ nơi chư Phật trụ; hôm nay đức Thế Nhân trụ nơi hạnh đạo sư; hôm nay đức Thế Anh trụ trong đạo tối thắng; hôm nay đức Thiên Tôn hành Như Lai đức. Quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật nghĩ tới nhau, có phải là hiện thời đức Phật nghĩ tới chư Phật hay không?*)

“*Duy nhiên đại thánh*”: “*Duy nhiên*” là từ ngữ người Ấn Độ dùng trong lời ăn tiếng nói để biểu thị sự cung kính, thuận tùng, tức là như người Hoa nói: “*Thị đích*” (是的, đúng như thế đấy). Trong phần trước đã tán thán xong, Ngài lại thưa với đức Phật: “Đúng như vậy đấy, thưa đấng đại thánh”. Chúng ta nghiên cứu kinh Phật, nhất định phải xem chú giải của cổ nhân. Xem chú giải của cổ nhân thì chính mình phải biết chọn lựa, có những bản chú giải chiếu theo văn tự Trung Hoa để giải thích, tốn khá nhiều lời lẽ để giải thích, đâm ra chẳng dùng được! Đối với hai chữ “*duy nhiên*”, có người giải thích “*duy*” (唯) là duy nhất, “*nhĩn*” (然) là từ ngữ chuyển tiếp, nhưng trong ấy chẳng có gì để chuyển. Nếu dựa theo văn tự để giải thích, đâm ra càng giải thích càng xa. Chúng ta xem bản chú giải nào thì giải thích theo kiểu đó, chớ nên dựa theo. “*Đại thánh*”: Phật là vị thánh nhân vượt trời tam thừa thánh nhân, là bậc thánh trong các thánh. Vì thế gọi là “*đại thánh*”.

“*Ngã tâm niệm ngôn*” [nghĩa là] trong tâm con suy đoán như thế này: Diện mạo đức Thế Tôn hoan hỷ, rạng rỡ dường ấy, nhất định là có chuyện chi đó? “*Kim nhật Thế Tôn trụ kỳ đặc chi pháp*” (Hôm nay đức Thế Tôn trụ trong pháp lạ lùng, đặc biệt), “*kỳ đặc*” (奇特) là rất hiếm có. “*Thế Tôn*” (Bhagavān) là từ ngữ tôn kính để xưng tụng đức Phật. Thế gian và xuất thế gian tôn xưng Phật là Thế Tôn. Đây là điều con suy tưởng, hôm nay dung mạo của đức Thế Tôn khác với trước kia, nhất định là hôm nay đức Thế Tôn an trụ trong pháp rất hy hữu. “*Kim nhật Thế Hùng trụ chư Phật sở trụ*” (Hôm nay đức Thế Hùng trụ trong chỗ trụ của chư Phật), “*hùng*” (雄) có nghĩa là oai mãnh. “*Thế Hùng*”: Đức Thế Tôn thuyết pháp như sư tử rống, có đức oai mãnh. “*Chư Phật*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

sở trụ” (Chỗ trụ của chư Phật) chính là Đại Thừa Niết Bàn. Nay đức Thế Tôn nhất định trụ trong cảnh giới Đại Thừa Niết Bàn.

“*Kim nhật Thế Nhân trụ đạo sư chi hạnh*” (Hôm nay đức Thế Nhân trụ trong hạnh đạo sư): “*Thế Nhân*” [nghĩa là] tôn xưng đức Phật là con mắt của thế gian. Chúng sanh chưa mở mang trí huệ, giống như chẳng có mắt, Phật là con mắt của thế gian, là bậc đạo sư của thế gian, dẫn dắt chúng sanh đi theo con đường chánh. Ngày nay đức Thế Tôn trụ nơi hạnh đạo sư. “*Kim nhật Thế Anh trụ tối thắng chi đạo*” (Hôm nay đức Thế Anh trụ nơi đạo tối thắng), “*Anh*” (英) là bậc tối cao, tối thắng. “*Thế Anh*” là tán thán đức Phật là bậc tối cao, tối thắng trong thế gian. Nay đức Phật trụ trong đạo tối cao, tối thắng. “*Kim nhật Thiên Tôn hành Như Lai chi đức*” (Hôm nay bậc Thiên Tôn hành đức hạnh của Như Lai), “*Thiên Tôn*”: Đức Thế Tôn là bậc trời trong các vị trời, được xưng tụng là đấng Thiên Trung Tôn. Kinh Vô Lượng Thọ có nêu ra những đức hiệu ấy. Những chỗ khác chẳng tôn xưng [đức Phật] bằng những đức hiệu ấy, vì sợ sẽ hiểu lầm là Thiên Tôn của ngoại đạo. “*Hành Như Lai chi đức*”: Quá khứ Như Lai có đức tánh như thế đó, đức Thiên Tôn trong hiện tại cũng hành theo đức hạnh của quá khứ Như Lai.

Trên đây đều là những đạo lý suy đoán trong tâm tôn giả A Nan rồi miệng bèn thưa trình với đức Thế Tôn. Kế đó còn có những điều chính Ngài tự suy tưởng. “*Khứ lai hiện tại Phật Phật tương niệm, đắc vô kim Phật niệm chư Phật da?*” (Quá khứ, vị lai chư Phật nghĩ đến nhau, có phải là hiện đức Phật nghĩ đến chư Phật hay chẳng?) Điều này chẳng suy tưởng được, vì tôn giả A Nan nghe Thích Ca Thế Tôn trong quá khứ đã từng nói “*chư Phật hoài niệm lẫn nhau*”. Quá khứ Phật, hiện tại Phật, vị lai Phật, ba đời chư Phật đều hoài niệm lẫn nhau, có phải là đức Thế Tôn là vị Phật hiện tại đang hoài niệm chư Phật đó chẳng? Điều này cũng là do chính Ngài (A Nan) suy đoán!

2.1.2.2.3. Tổng kết lời thưa hỏi

(Kinh) Hà cố oai thần quang quang nãi nhĩ?

(經)何故威神光光乃爾?

(Kinh: Có sao oai thần chói ngời như thế?)

“*Hà cố oai thần quang quang nãi nhĩ?*” (Có sao oai thần sáng ngời như thế?), vì sao ngày nay tướng mạo và oai thần của đức Thế

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Tôn sáng ngời như thế? *Quang quang nãi nhĩ*” (Chói ngời như thế), đã sáng ngời càng thêm rạng rỡ, chỗ nào cũng sáng ngời. Vì sao sáng ngời như thế? Đây là ngài A Nan suy lường rồi nêu ra câu hỏi như thế.

Ở đây, có một nghi vấn gì vậy? Chính là bậc A La Hán có đủ sáu món thần thông; hơn nữa như trong phần Chúng Thành Tựu trên đây, [kinh văn đã nói bậc A La Hán có] sức thần thông to lớn. Khi đức Phật tại thế, tôn giả A Nan còn chưa chứng đắc Tứ Quả A La Hán, chỉ chứng đến Tam Quả. Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, [các đại đệ tử] kết tập kinh tạng, Ngài mới chứng Tứ Quả. Tuy Ngài chưa chứng đắc Tứ Quả, chỉ chứng đắc Tam Quả, Ngài cũng có thần thông, chẳng thể nói tôn giả A Nan không có thần thông. Trong sáu món thần thông, có một món là Tha Tâm Thông, Ngài biết trong tâm người khác đang suy nghĩ gì. Quý vị chẳng cần nói năng, trong tâm quý vị vừa động niệm, Ngài đã biết ngay.

Tôn giả A Nan tuy chẳng chứng đắc Tứ Quả, Ngài là thánh nhân Tam Quả, vẫn có Tha Tâm Thông. Trong tâm Phật có gì? Sẽ nói pháp gì? Ngài suy đoán như vậy, đoán đi đoán lại, Ngài chẳng biết ư? Có nghi vấn này! Hãy nên biết, đối với Tha Tâm Thông, do trong tâm quý vị là tâm phàm phu, có ý niệm dấy lên thì Ngài mới có thể biết. Tâm Phật do đã chứng đắc vô phân biệt Căn Bản Trí, rồi sau đó khởi Hậu Khởi Trí có phân biệt. Đức Phật có ý niệm phân biệt, nhưng sự phân biệt ấy lại là vô phân biệt, vì nó là diệu dụng do vô phân biệt Căn Bản Trí dấy lên. Phật có niệm mà giống như vô niệm. Đừng nói là Tam Quả thánh nhân chẳng đoán được, mà Tứ Quả thánh nhân, [ngay cả] Đẳng Giác Bồ Tát cũng chẳng biết. Vì thế, chẳng thể nào không hỏi Phật, cho nên mới thỉnh pháp. Có đoán cũng chẳng đoán được, [dẫu] có thần thông cũng vô dụng!

2.1.2.3. Như Lai gạn hỏi

(Kinh) U thị Thế Tôn cáo A Nan viết: “Vân hà, A Nan! Chư thiên giáo nhữ lai vấn Phật da? Tụ dĩ huệ kiến vấn oai nhan hồ?”

(經)於是世尊告阿難曰：云何，阿難！諸天教汝來問佛耶？自以慧見問威顏乎？

(Kinh: Ngay khi đó, đức Thế Tôn bảo ngài A Nan rằng: “Như thế nào hả A Nan! Chư thiên dạy ông đến hỏi Phật đó chẳng? Hay là do kiến giải trí huệ của chính ông mà hỏi về dung nhan oai đức vậy?”)

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Ngài A Nan suy đoán nửa ngày, chẳng dám quyết định, cho nên đành hỏi đức Phật. “*U thị Thế Tôn cáo A Nan viết*” (Ngay khi đó, đức Thế Tôn bảo ngài A Nan). Văn tự trong kinh Phật có nói “*ngưỡng bạch, hạ cáo*” (仰白下告), [nghĩa là] đệ tử thưa trình đức Thế Tôn thì gọi là Bạch (白), đức Thế Tôn nói chuyện với đệ tử, thì gọi là “*hạ cáo*” (下告). Ngài bảo A Nan: “*Vân hà, A Nan!*” [nghĩa là] ông nghĩ như thế nào hả A Nan? “*Chư thiên giáo nhữ lai vấn Phật da? Tự dĩ huệ kiến vấn oai nhan hồ?*” [nghĩa là]: A Nan! Hôm nay ông hỏi ta là do chư thiên bảo ông đến thưa hỏi đó chăng? Hay là chính ông có kiến giải trí huệ mà hỏi về “*oai nhan*”? “*Oai nhan*” là Phật tự xưng, “*vấn Phật da*” là hỏi đức Thế Tôn.

2.1.2.4. A Nan đáp sự thật, con tự thưa hỏi

(Kinh) A Nan bạch Phật: “Vô hữu chư thiên lai giáo ngã giả, tự dĩ sở kiến vấn tư nghĩa nhĩ!”

(經)阿難白佛：無有諸天來教我者，自以所見問斯義耳。

(Kinh: A Nan bạch Phật: “Chẳng có chư thiên nào đến dạy con. Do kiến giải của chính con mà hỏi nghĩa ấy!”)

Chẳng có chư thiên. “*Chư thiên*” là người trên cõi trời nhờ cậy Ngài thưa hỏi. Do chính con thấy đức Thế Tôn hôm nay dung mạo đặc biệt thù thắng, nhiệm mầu, con mới hỏi nghĩa lý này. Ở đây có một nghi vấn: Tôn giả A Nan chẳng biết tâm ý của đức Phật vì trí huệ của chính Ngài chưa đủ. Trí huệ của Phật cao nhất, rốt cuộc là chính A Nan muốn hỏi? Hay là chư thiên nhờ cậy Ngài hỏi? Đương nhiên là đức Phật đã biết, vì sao còn phải hỏi Ngài? Đây là “*đã biết rõ mà cố ý hỏi*”. Tôn giả A Nan thưa hỏi, xác thực là do không biết mà thưa hỏi. Đức Thế Tôn biết rõ rành rành ngài A Nan tự hỏi, nhưng vẫn hỏi Ngài: “*Là do chư thiên bảo ông hỏi? Hay là do chính ông tự hỏi?*” Đức Phật hoàn toàn chẳng phải là không biết, đây là *đã biết rõ mà cố ý hỏi!* Vì sao đức Thế Tôn đã biết rõ mà cố ý hỏi? Hãy nên biết, đức Thế Tôn thuyết pháp là thuyết cho đại chúng nghe. Đại chúng trong pháp hội này phạm thánh xen tạp, chẳng hoàn toàn là thánh nhân, mà cũng có phạm phu, Ngài chú trọng nói cho phạm phu nghe. Nếu chư thiên nhờ cậy tôn giả A Nan hỏi, đức Phật sẽ thuyết pháp cho chư thiên. Đại chúng đang

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nghe pháp, nhất là thiên chúng, đều biết đức Phật thuyết pháp là thuyết pháp cho đại chúng. Đức Phật hỏi ngài A Nan là đã biết rõ mà cố ý hỏi, khiến cho phàm phu đang thính pháp liền liễu giải người nào đứng ra thưa hỏi.

2.1.2.5. Như Lai tán thán, truyền hỷ lắng nghe, chấp nhận nói pháp

2.1.2.5.1. Trước hết là tán thán lời hỏi

(Kinh) Phật ngôn: - Thiện tai! A Nan! Sở vấn thậm khoái, phát thâm trí huệ, chân diệu biện tài, mãn niệm chúng sanh, vấn tu huệ nghĩa. Như Lai dĩ vô tận đại bi, cãng ai tam giới, sở dĩ xuất hưng u thế, quang xiển đạo giáo, dục chứng tế quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi. Vô lượng ức kiếp, nan trị nan kiến, do Linh Thụy hoa, thời thời nãi xuất, kim sở vấn giả, đa sở nhiều ích, khai hóa nhất thiết chư thiên nhân dân.

(經)佛言：善哉！阿難！所問甚快。發深智慧，真妙辯才，愍念眾生，問斯慧義。如來以無盡大悲，矜哀三界，所以出興於世，光闡道教。欲拯濟群萌，惠以真實之利。無量億劫，難值難見。猶靈瑞華，時時乃出。今所問者，多所饒益，開化一切諸天人民。

(Kinh: Đức Phật nói: - Lành thay A Nan! Lời hỏi rất hay, phát ra trí huệ sâu xa, biện tài chân thật, mãn niệm, nghĩ thương chúng sanh, mà hỏi về ý nghĩa trí huệ ấy. Như Lai do lòng đại bi vô tận, thương xót tam giới, cho nên xuất hiện trong cõi đời, xiển dương rạng rỡ đạo giáo, muốn cứu vớt các loài chúng sanh, ban cho lợi ích chân thật, vô lượng ức kiếp khó thể gặp gỡ, ví như hoa Linh Thụy đúng thời mới xuất hiện. Nay lời hỏi này đã tạo lợi ích rất nhiều, khai hóa hết thảy chư thiên và nhân dân).

Khi ấy, đức Phật bèn tán thán Ngài. “Phật ngôn: Thiện tai! A Nan”. “Thiện tai” (善哉) là rất tốt, ôi chà! Ông tốt lắm! A Nan, ông tốt quá! “Sở vấn thậm khoái”, “khoái” (快) là vui sướng, rất hoan hỷ, là niềm vui sướng xứng tâm vừa ý ta. Lời ông hỏi khiến ta rất hoan hỷ, phù hợp khít khao tâm ý của ta. Đúng là ta đang mong có kẻ thưa hỏi, ông thưa hỏi vừa khéo, ta rất hoan hỷ, rất sung sướng, phù hợp với niềm vui sướng trong tâm ý đức Phật, nên gọi là “thậm khoái”.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Phát thâm trí huệ, chân diệu biện tài, mãn niệm chúng sanh, vấn tư huệ nghĩa*” (Phát ra trí huệ sâu xa, biện tài chân thật, mãn niệm, nghĩ thương chúng sanh mà hỏi về nghĩa lý trí huệ ấy): Vẫn là A Nan, ông tốt quá! Tốt như thế nào? Ông có thể xứng hợp tâm ý của Phật, chính ông lại có thể thỉnh vấn diệu pháp này, tức là chính ông đã khai phát trí huệ rất sâu, đã đạt được biện tài chân thật, nhiệm màu. Đồng thời, ông lại có tâm đại bi, nghĩ nhớ thương xót hết thảy chúng sanh, thay mặt chúng sanh mà hỏi nghĩa lý trí huệ này. Đây là tán thán ngài: “A Nan! Ông trọn chẳng phải là không biết pháp môn Tịnh Độ này, nhưng vì nghĩ thương hết thảy chúng sanh mà thay họ thưa hỏi, thỉnh Phật thuyết pháp, khéo tạo lợi ích cho hết thảy chúng sanh”. Do vậy, đức Phật tán thán ngài A Nan. “*Như Lai dĩ vô tận đại bi, cãng ai tam giới*” (Như Lai do lòng đại bi vô tận, thương xót tam giới): Người mới phát tâm nghe giảng hãy nhớ, “*tam giới*” là phạm vi cư trụ rộng lớn của phàm phu, gồm Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới, cho nên gọi là “*tam giới*”. Vượt thoát tam giới thì gọi là “*thánh nhân*”. Thuộc trong tam giới thì đều gọi là phàm phu, lưu chuyển sanh tử trong tam giới. Do vậy, đức Phật phát đại bi tâm. “*Cãng ai*” (矜哀) là thương xót. [“*Cãng ai tam giới*”] là thương xót chúng sanh trong tam giới.

“*Sở dĩ xuất hưng ư thế*” (Cho nên xuất hiện trong cõi đời), vì sao đức Phật phải xuất hiện trong cõi đời? Để cứu độ chúng sanh, cho nên Phật mới xuất hiện trong cõi đời. Cứu độ chúng sanh, đó là “*quang xiển đạo giáo*” (xiển dương rạng ngời đạo giáo). Trong phần trước đã có danh từ “*đạo giáo*”. “*Đạo*” (道) là Bồ Đề đạo, “*giáo*” (教) là ngôn giáo hay pháp do đức Như Lai đã nói. Xiển dương rạng rỡ đại đạo Bồ Đề chính là [xiển dương] “*ngôn giáo*” (言教). “*Dục chứng tế quần manh*” (Muốn cứu vớt quần manh), “*quần manh*” (群萌) là hết thảy chúng sanh. “*Chứng tế*” (拯濟) là cứu tế, cứu độ. “*Huệ dĩ chân thật chi lợi*” (Ban cho lợi ích chân thật): Đức Phật ban lợi ích cho chúng sanh thì gọi là Huệ (惠). Đức Phật ban cho chúng sanh lợi ích chân thật, chẳng phải là lợi ích thế gian. Lợi ích thế gian hư huyễn, chẳng thật; đức Phật tạo lợi ích chân thật, có thể khiến cho quý vị liễu sanh thoát tử, có thể khiến cho quý vị chuyển phàm thành thánh, đây là lợi ích chân chánh. Lẽ nào chẳng chân thật ư?

“*Vô lượng ức kiếp, nan trị, nan kiến*” (Vô lượng ức kiếp, khó gặp, khó thấy): Trong phần trước, đức Phật đã nói tâm đại bi là cứu độ chúng sanh. Các vị nghe tôi thuyết pháp thì phải chú ý nghe! Hiện thời,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

[đức Phật] lại bảo chúng sanh, Phật là bậc khó gặp gỡ, quý vị phải khéo nghe, nghe rồi phải y giáo phụng hành. Đừng nghe qua quýt, nghe xong, quý vị chẳng chiếu theo lời tôi nói để tu hành! Quý vị phải biết gặp Phật chẳng dễ dàng, bởi trong thời gian rất dài, dài đến vô lượng ức kiếp, Phật là “*nan trị, nan kiến*” (khó gặp, khó thấy). “*Trị*” (值) là gặp gỡ. “*Nan kiến*”: Chẳng gặp thì làm sao thấy cho được? Vì thế nói là “*nan trị, nan kiến*”.

Lại nói một thí dụ là “*do Linh Thụy hoa, thời thời nãi xuất*” (như hoa Linh Thụy đúng thời mới xuất hiện). “*Linh Thụy hoa*” (靈瑞華) chính là hoa Ưu Đàm (優曇, Udumbara), là một loại hoa cát tường nhất, ba ngàn năm mới nở hoa một lần. [Vừa mới nói] ba ngàn năm mới nở hoa một lần, có sao cho đến hiện thời nó chẳng nở hoa? Nếu là lúc loại hoa này nở, Kim Luân Vương sẽ xuất thế. Phật xuất thế giống như hoa Ưu Đàm, tức hoa Linh Thụy trở bông. “*Thời thời*” (時時): Chữ Thời thứ nhất là lúc Kim Luân Vương xuất thế, chữ Thời sau đó là lúc nó khai hoa. [Hoặc còn có thể hiểu], chữ Thời trước đó là lúc đức Phật xuất hiện, chữ Thời sau đó là khi thiện căn của chúng sanh chín muồi, đức Phật mới xuất hiện. Do vậy, chẳng dễ dàng thấy Phật, khó khăn như chúng ta chẳng thấy hoa Ưu Đàm!

“*Kim sở vấn giả, đa sở nhiêu ích, khai hóa hết thảy chư thiên nhân dân*” (Nay lời hỏi này đã tạo lợi ích rất nhiều, khai hóa hết thảy chư thiên và nhân dân): Đây vẫn là lời tán thán ngài A Nan đã hỏi rất hay. Lời hỏi của ông trong hiện thời “*đa sở nhiêu ích*” (tạo lợi ích rất nhiều), “*nhiêu*” (饒) vẫn là nhiều. [“*Đa sở nhiêu ích*”] là làm nhiều chuyện lợi ích chúng sanh. Vì ông thỉnh ta, ta sẽ nói pháp môn Tịnh Độ, có thể khai hóa hết thảy chư thiên nhân dân. Lục đạo chúng sanh thì chỉ có chúng sanh trong thiên đạo và nhân đạo là có thể nghe pháp. Chúng sanh trong ba ác đạo khổ sở, chẳng được nhàn hạ. Trong phần trước đã nói “*tế chư kịch nạn, chư nhàn bất nhàn*” (cứu giúp [chúng sanh] trong các nơi khổ sở dữ dội nhất và các nơi thanh nhàn hay chẳng thanh nhàn). Họ chẳng nhàn hạ, suốt ngày từ sáng đến tối chịu khổ, họ chẳng thể thỉnh pháp. A-tu-la cũng là suốt ngày từ sáng đến tối nổi nóng, suốt ngày từ sáng đến tối bận tâm vì đủ chuyện, họ cũng chẳng thể thỉnh pháp. Vì thế, có lúc xếp A-tu-la vào ba thiện đạo, có lúc xếp họ vào bốn ác đạo. Chỉ có chúng sanh trong thiên đạo và nhân đạo là có phước báo này, [tức phước báo] thỉnh Phật thuyết pháp. Do đó, [đức Phật] khai hóa hết thảy chư thiên, nhân dân.

2.1.2.5.2. Truyền dạy hãy nghe giảng, chấp thuận thuyết pháp

2.1.2.5.2.1. Nêu rộng về Phật đức, nói rõ chính mình là người có thể thuyết pháp

2.1.2.5.2.1.1. Dùng cái quả để nói rõ sự thù thắng

(Kinh) A Nan đương tri, Như Lai Chánh Giác, kỳ trí nan lường, đa sở đạo ngự, huệ kiến vô ngại, vô năng át tuyệt. Dĩ nhất xan chi lực, năng trụ thọ mạng ức bách thiên kiếp, vô số, vô lượng, phục quá u thử, chư căn duyệt dự, bất dĩ hủy tổn, tư sắc bất biến, quang nhan vô dị.

(經)阿難當知，如來正覺，其智難量，多所導御。慧見無礙，無能遏絕。以一餐之力，能住壽命億百千劫，無數無量，復過於此，諸根悅豫，不以毀損，姿色不變，光顏無異。

(Kinh: A Nan! Hãy nên biết Chánh Giác của Như Lai, trí ấy khó lường, nhiều cách hướng dẫn, điều ngự, trí kiến trí huệ vô ngại, chẳng ai có thể ngăn trở, đoạn tuyệt [trí huệ] ấy. Do sức của một bữa ăn mà có thể duy trì thọ mạng ức trăm ngàn kiếp, [cho đến] vô số, vô lượng, còn nhiều hơn số đó, [thế mà] các căn vui sướng, hoan hỷ, chẳng bị hủy hoại, hao tổn, thân thể chẳng biến đổi, diện mạo rạng ngời chẳng khác).

“A Nan đương tri” (A Nan! Hãy nên biết): Đức Phật lại gọi ngài A Nan, ông hãy nên biết. Ngài A Nan là bậc đương cơ, bảo ngài A Nan hãy nên biết, cũng là bảo đại chúng trong pháp hội khi đó cũng nên biết, mà cũng là bảo chúng ta là những kẻ đang nghe kinh Vô Lượng Thọ trong hiện tại hãy nên biết. Trong phần trên, đức Thế Tôn biểu lộ tâm đại bi của chính Ngài, ở đây, lại biểu lộ đại trí huệ của chính Ngài. “Như Lai Chánh Giác, kỳ trí nan lường” (Chánh Giác của Như Lai, trí ấy khó lường), ta là đức Thế Tôn, đã đắc Vô Thượng Chánh Tri Chánh Giác, trí huệ của ta khó thể suy lường được!

“Đa sở đạo ngự” (Nhiều cách hướng dẫn, điều ngự): Đức Thế Tôn là bậc đại đạo sư, mà cũng là điều ngự sư, cho nên Ngài dẫn dắt chúng sanh, điều ngự chúng sanh. “Huệ kiến vô ngại” (Trí kiến trí huệ vô ngại): Trí kiến của Như Lai là trí kiến đại huệ, chẳng có chướng ngại. “Vô năng át tuyệt”: Chẳng người nào có thể ngăn chặn trí huệ của Như Lai. “Tuyệt” (絕) là đoạn dứt. [“Vô năng át tuyệt”] là chẳng

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

có ngoại đạo nào có thể ở trước đức Phật mà ngăn trở, đoạn dứt trí huệ của Phật.

Mấy câu tiếp đó biểu lộ sức thần thông chẳng thể nghĩ bàn của Phật. “*Dĩ nhất xan chi lực, năng trụ thọ mạng ức bách thiên kiếp*”, [nghĩa là] do sức của một bữa ăn mà có thể trụ thế lâu đến ức trăm ngàn kiếp. Không chỉ lâu đến ức trăm ngàn kiếp, còn có “*vô lượng, vô số, phục quá ư thử*” (vô lượng, vô số, còn hơn số ấy nữa), tức là vượt khỏi số lượng ức trăm ngàn kiếp.

“*Chư căn duyệt dự, bất dĩ hủy tổn*”, ý nói: Do sức của một bữa ăn, vĩnh viễn chẳng ăn uống nữa, mà thân thể không bị hư hoại, các căn luôn luôn rất hoan hỷ, rất vui sướng, chẳng bị tổn hoại. “*Tư sắc bất biến*”: Tướng mạo thân thể chẳng biến đổi. “*Quang nhan vô dị*”: Về mặt rạng rỡ vĩnh viễn là như vậy!

2.1.2.5.2.1.2. Biện định cái nhân để nêu rõ cái quả

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Như Lai Định Huệ, cứu sống vô cực, u nhất thiết pháp, nhi đắc tự tại.

(經)所以者何? 如來定慧, 究暢無極, 於一切法, 而得自在。

(Kinh: Vì lẽ gì vậy? Định và Huệ của Như Lai đã thông suốt chẳng có cùng cực, được tự tại trong hết thảy các pháp).

“*Sở dĩ giả hà?*” (Vì lẽ gì vậy?): Vì sao ăn một bữa mà có thể sống trăm ngàn vạn ức kiếp, thân thể chẳng hư hoại? “*Như Lai Định Huệ*”, Phật đã nhập đại định, đại huệ. “*Cứu sống vô cực*”: Thông suốt rốt ráo, chẳng có cùng tận, nên nói là “*vô cực*”. “*U nhất thiết pháp, nhi đắc tự tại*” (Được tự tại trong hết thảy các pháp): Phật trở thành đấng pháp vương, nên giải thích chữ Vương như thế nào? Có ý nghĩa “*tự tại*”. Tự tại trong hết thảy các pháp thì mới gọi là Pháp Vương.

2.1.2.5.2.2. Căn dặn [A Nan] hãy lắng nghe điều mà chính mình đang nghĩ tới

(Kinh) A Nan đế thính! Kim vị nhữ thuyết!

(經)阿難諦聽! 今為汝說!

(Kinh: A Nan! Hãy lắng nghe, nay ta sẽ vì ông mà nói!)

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

“*A Nan để thính! Kim vị như thuyết!*” (Này A Nan! Hãy lắng nghe, nay ta sẽ vì ông mà nói!): Này A Nan! Ông phải nghe cho kỹ. Chữ Đé (諦) giải thích như thế nào? “Đé” có nghĩa là “*tường thâm*” (suy xét tường tận), “*tường*” (詳) là cặn kẽ, “*thâm*” (審) là suy xét. Ông phải nghe tường tận, chân thật. “*Chân thật*” là thực tại. Ông phải nghe cặn kẽ, phải thật sự nghe, ta có pháp để nói cho ông nghe.

Ở đây còn có một nghi vấn, vì sao đức Phật có đại thần thông, vẫn cần phải ăn một bữa, do sức của một bữa ăn mới có thể sống đến trăm ngàn ức kiếp? Phải biết điều này: Thuở đức Phật thuyết pháp, Ngài ứng theo căn cơ. Vì ngoại đạo ở Ấn Độ có thể lực rất mạnh, quá nửa ngoại đạo tại Ấn Độ đều học theo khổ hạnh. Có một loại ngoại đạo tỏ ra có công phu to lớn, họ ăn một bữa cơm có thể bảy ngày chẳng đói. Có ngoại đạo ăn một bữa cơm, có thể bốn mươi chín ngày không đói. Còn có ngoại đạo ăn một bữa cơm có thể một trăm hai mươi ngày không đói, khoe khoang với đức Phật về thần thông ấy: Ăn một bữa cơm mà có thể một trăm hai mươi ngày không đói. Đức Phật bảo kẻ ấy: “*Ta ăn một bữa cơm có thể sống trăm ngàn vạn ức kiếp*”. Đây là pháp phương tiện để hàng phục ngoại đạo. Trên thực tế, đức Phật là “*thiên duyệt vi thực, Pháp Tánh sung mãn*” (dùng niềm vui sướng do Thiên Định làm thức ăn, Pháp Tánh sung mãn), Ngài chẳng cần một bữa ăn ấy, cũng sẽ chẳng bị đói.

2.1.2.6. A Nan vâng lời dạy, lắng nghe

(Kinh) Đối viết: Dục nhiên! Nguyên nhạo dục vãn.

(經)對曰：唯然！願樂欲聞。

(Kinh: [Ngài A Nan] thưa: Vâng ạ! Con ưa thích muốn được nghe).

Đức Thế Tôn đồng ý thuyết pháp cho A Nan, ngài A Nan bèn thưa với đức Phật: “*Dục nhiên! Nguyên nhạo dục vãn*”. “*Dục nhiên*” là vâng ạ, được ạ! Bạch Thế Tôn! Con “*nguyên nhạo dục vãn*” (nguyên ưa thích muốn nghe). Chữ Nhạo (樂) phải đọc là Yào (一ㄣˊ). “*Nhạo*” là “*hảo nhạo*” (好樂, ưa thích). “*Vãn*” (聞) là nghe pháp. “*Dục*” (欲) là mong cầu. Con thật sự mong cầu thính pháp. “*Nhạo*”: Con ưa thích nghe. “*Dục vãn*” là mong muốn, con hy vọng được nghe, nói quả quyết hơn. Đức Thế Tôn đã chấp thuận thuyết pháp cho con, con rất hoan hỷ,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

con đang mong muốn nghe.

Giảng đến đây là đã nói xong phần Phát Khởi Tự cùng với Chúng Tín Tự trong phần trước, tức là đối với ba phần lớn trong cả một bản kinh, đã giảng xong phần thứ nhất là Tự Phần. Tiếp theo đây, sẽ bắt đầu nói vào Chánh Tông Phần. Chánh Tông Phần chia thành ba khoa lớn, “*khoa*” (科) là đoạn, tức là chia thành ba đoạn lớn. Khoa thứ nhất nói A Di Đà Phật tu nhân hạnh như thế nào? Khoa thứ hai nói A Di Đà Phật thành tựu quốc độ của Ngài như thế nào? Khoa thứ ba nói A Di Đà Phật nhiếp hóa (nhiếp thủ giáo hóa) hết thảy chúng sanh như thế nào? Hãy ghi nhớ các điểm cương yếu trong ba khoa lớn này. Nay trước hết là nói về khoa thứ nhất, tức là nói A Di Đà Phật phát tâm ban đầu, tức là Nhân, chữ Nhân (因) trong nhân quả. Ngài đã phát cái tâm gì? Tức là A Di Đà Phật phát tâm như thế nào? Phát nguyện như thế nào? Tu hành như thế nào? Đề là nói về công phu của Ngài trong khi còn tu nhân.

2.2. Chánh Tông Phần

2.2.1. Nói về sở hạnh của A Di Đà (nêu rõ đức Như Lai đã tu vô lượng hạnh nguyện nơi Bản và Tích)

2.2.1.1. Liệt kê nhiều vị Phật để nêu rõ hạnh duyên

(Kinh) Phật cáo A Nan: - Nãi vãng quá khứ cứu viễn vô lượng bất khả tư nghị vô ương số kiếp, Đĩnh Quang Như Lai, hưng xuất u thế, giáo hóa độ thoát vô lượng chúng sanh, giai linh đắc đạo, nãi thủ diệt độ. Thứ hữu Như Lai, danh viết Quang Viễn, thứ danh Nguyệt Quang, thứ danh Chiên Đàn Hương, thứ danh Thiện Sơn Vương, thứ danh Tu Di Thiên Quan, thứ danh Tu Di Đẳng Diệu, thứ danh Nguyệt Sắc, thứ danh Chánh Niệm, thứ danh Ly Cầu, thứ danh Vô Trước, thứ danh Long Thiên, thứ danh Dạ Quang, thứ danh An Minh Đảnh, thứ danh Bất Động Địa, thứ danh Lưu Ly Diệu Hoa, thứ danh Lưu Ly Kim Sắc, thứ danh Kim Tạng, thứ danh Viêm Quang, thứ danh Viêm Căn, thứ danh Địa Chủng, thứ danh Nguyệt Tượng, thứ danh Nhật Âm, thứ danh Giải Thoát Hoa, thứ danh Trang Nghiêm Quang Minh, thứ danh Hải Giác Thần Thông, thứ danh Thủy Quang, thứ danh Đại Hương, thứ danh Ly Trần Cầu, thứ danh Xả Yếm Ý, thứ danh Bảo Viêm, thứ danh Diệu Đảnh, thứ danh Dũng Lập, thứ danh Công Đức Trì Huệ, thứ danh Tế Nhật Nguyệt Quang, thứ danh Nhật Nguyệt Lưu Ly Quang, thứ danh Vô Thượng

Lưu Ly Quang, thứ danh Tối Thượng Thủ, thứ danh Bồ Đề Hoa, thứ danh Nguyệt Minh, thứ danh Nhật Quang, thứ danh Hoa Sắc Vương, thứ danh Thủy Nguyệt Quang, thứ danh Trì Sĩ Minh, thứ danh Độ Cái Hạnh, thứ danh Tịnh Tín, thứ danh Thiện Tú, thứ danh Oai Thần, thứ danh Pháp Huệ, thứ danh Loan Âm, thứ danh Sư Tử Âm, thứ danh Long Âm, thứ danh Xử Thế, như thử chư Phật, giai tất dĩ quá. Nhĩ thời, thứ hữu Phật, danh Thế Tự Tại Vương, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

(經)佛告阿難：乃往過去久遠無量不可思議無央數劫，錠光如來，興出於世，教化度脫無量眾生，皆令得道，乃取滅度。次有如來，名曰光遠，次名月光，次名栴檀香，次名善山王，次名須彌天冠，次名須彌等曜，次名月色，次名正念，次名離垢，次名無著，次名龍天，次名夜光，次名安明頂，次名不動地，次名琉璃妙華，次名琉璃金色，次名金藏，次名炎光，次名炎根，次名地種，次名月像，次名日音，次名解脫華，次名莊嚴光明，次名海覺神通，次名水光，次名大香，次名離塵垢，次名捨厭意，次名寶炎，次名妙頂，次名勇立，次名功德持慧，次名蔽日月光，次名日月琉璃光，次名無上琉璃光，次名最上首，次名菩提華，次名月明，次名日光，次名華色王，次名水月光，次名除癡冥，次名度蓋行，次名淨信，次名善宿，次名威神，次名法慧，次名鸞音，次名師子音，次名龍音，次名處世，如此諸佛，皆悉已過。爾時，次有佛，名世自在王，如來、應供、等正覺、明行足、善逝、世間解、無上士、調御丈夫、天人師、佛、世尊。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài A Nan:

- Trong quá khứ lâu xa vô lượng chẳng thể nghĩ bàn vô ương số kiếp, Đỉnh Quang Như Lai xuất hiện trong cõi đời, giáo hóa độ thoát vô lượng chúng sanh đều khiến cho họ đắc đạo rồi Ngài diệt độ. Kế đó có Như Lai, tên là Quang Viễn, vị kế tiếp tên là Nguyệt Quang, vị kế tiếp tên là Chiên Đàn Hương, vị kế tiếp tên là Thiện Sơn Vương, vị kế

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tiếp tên là Tu Di Thiên Quan, vị kế tiếp tên là Tu Di Đẳng Diệu, vị kế tiếp tên là Nguyệt Sắc, vị kế tiếp tên là Chánh Niệm, vị kế tiếp tên là Ly Cầu, vị kế tiếp tên là Vô Trước, vị kế tiếp tên là Long Thiên, vị kế tiếp tên là Dạ Quang, vị kế tiếp tên là An Minh Đảnh, vị kế tiếp tên là Bất Động Địa, vị kế tiếp tên là Lưu Ly Diệu Hoa, vị kế tiếp tên là Lưu Ly Kim Sắc, vị kế tiếp tên là Kim Tạng, vị kế tiếp tên là Viêm Quang, vị kế tiếp tên là Viêm Căn, vị kế tiếp tên là Địa Chủng, vị kế tiếp tên là Nguyệt Tượng, vị kế tiếp tên là Nhật Âm, vị kế tiếp tên là Giải Thoát Hoa, vị kế tiếp tên là Trang Nghiêm Quang Minh, vị kế tiếp tên là Hải Giác Thân Thông, vị kế tiếp tên là Thủy Quang, vị kế tiếp tên là Đại Hương, vị kế tiếp tên là Ly Trần Cầu, vị kế tiếp tên là Xả Yếm Ý, vị kế tiếp tên là Bảo Viêm, vị kế tiếp tên là Diệu Đảnh, vị kế tiếp tên là Dũng Lập, vị kế tiếp tên là Công Đức Trì Huệ, vị kế tiếp tên là Tế Nhật Nguyệt Quang, vị kế tiếp tên là Nhật Nguyệt Lưu Ly Quang, vị kế tiếp tên là Vô Thượng Lưu Ly Quang, vị kế tiếp tên là Tối Thượng Thủ, vị kế tiếp tên là Bồ Đề Hoa, vị kế tiếp tên là Nguyệt Minh, vị kế tiếp tên là Nhật Quang, vị kế tiếp tên là Hoa Sắc Vương, vị kế tiếp tên là Thủy Nguyệt Quang, vị kế tiếp tên là Trừ Si Minh, vị kế tiếp tên là Độ Cái Hạnh, vị kế tiếp tên là Tịnh Tín, vị kế tiếp tên là Thiện Tú, vị kế tiếp tên là Oai Thần, vị kế tiếp tên là Pháp Huệ, vị kế tiếp tên là Loan Âm, vị kế tiếp tên là Sư Tử Âm, vị kế tiếp tên là Long Âm, vị kế tiếp tên là Xử Thế. Chư Phật như thế đều đã diệt độ. Lúc bấy giờ, kể đó có một vị Phật tên là Thế Tự Tại Vương, Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn).

“*Phật cáo A Nan*” (Đức Phật bảo ngài A Nan): Đây là bắt đầu nói vào Chánh Tông Phần của kinh Vô Lượng Thọ. “*Nãi vãng quá khứ cửu viễn vô lượng bất khả tư nghị vô ương số kiếp*” (Trong quá khứ lâu xa vô lượng chẳng thể nghĩ bàn vô ương số kiếp); đây là tính ngược về thời gian rất lâu xa trong quá khứ. “*Kiếp*”, tiếng Phạn là Kiếp Ba (Kalpa), dịch sang tiếng Hán sẽ là “*tròn thời gian*”, là một danh xưng thời gian. Danh xưng của một đoạn thời gian dài thì gọi là Kiếp Ba, phiên dịch đơn giản là Kiếp.

“*Vô ương số*” dịch từ chữ A-tăng-kỳ (Asamkhyeya) trong tiếng Phạn, [vô ương số kiếp tức là] A-tăng-kỳ kiếp, dịch sang tiếng Hán sẽ là Vô Ương Số. Vô Ương Số chẳng phải là con số mà bọn phàm phu chúng ta có thể tính toán rõ ràng được. Một A-tăng-kỳ kiếp, hoặc một

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Vô Ương Số, là con số mà chúng ta đã chẳng thể hiểu rõ, nhưng trước đó lại còn thêm “*bất khả tư nghị*” (chẳng thể nghĩ bàn). Bất Khả Tư Nghị cũng là một con số lớn, trước đó lại thêm Vô Lượng, lại thêm Cửu Viễn, đều là tên gọi của những con số to lớn. Nói chung, [đức Phật] nói đến thời gian trong quá khứ, rất xa xôi, rất dài lâu. Dài lâu như thế nào?

Có một vị Phật xuất thế, tên là Đĩnh Quang Như Lai. “*Đĩnh Quang Như Lai, hưng xuất u thế, giáo hóa độ thoát vô lượng chúng sanh, giai linh đắc đạo, nãi thủ diệt độ*” (Đĩnh Quang Như Lai xuất hiện trong thế gian, giáo hóa độ thoát vô lượng chúng sanh, khiến cho họ đều đắc đạo rồi hiện diệt độ): Mỗi vị Phật xuất thế đều vì độ chúng sanh nên mới xuất thế. Đĩnh Quang Như Lai cũng vì như vậy cho nên mới xuất hiện trong cõi đời, muốn giáo hóa, độ thoát vô lượng chúng sanh, độ hết những chúng sanh hữu duyên, khiến cho họ đều đắc đạo, khiến cho họ đều chuyển phàm thành thánh. Vị Phật ấy đã độ hết chúng sanh, chúng sanh nhiều ngàn ấy, Ngài đã độ hết những chúng sanh có thiện căn chín muồi, độ hết những chúng sanh hữu duyên, vị Phật ấy liền nhập Niết Bàn. Niết Bàn là diệt độ. Vị Phật này là như vậy, mỗi vị Phật kế tiếp cũng đều là như vậy. Đức Phật sau khi xuất thế, sẽ giảng kinh, thuyết pháp độ chúng sanh, khiến cho chúng sanh chuyển phàm thành thánh, đắc đạo, Ngài bèn nhập Niết Bàn. Tiếp đó là giản lược, chẳng nói nhiều như thế, chỉ nói danh hiệu của từng vị Phật một. Tổng cộng nói ra năm mươi ba vị Phật, nói đến vị thứ năm mươi bốn thì mới nói đến Bốn Sư của A Di Đà Phật.

Phật Thích Ca nói tất cả năm mươi bốn vị Phật, nói nhiều ngàn ấy nhằm biểu thị Phật là vô lượng số, mới nói năm mươi bốn vị thì hoàn toàn chẳng nhiều. Trong phần Chứng Tín Tự trên đây, nói về Bồ Tát thì có vô lượng số Bồ Tát, quyết định thành vô lượng số Phật, chúng ta phải biết điều này: “*Hết thấy chúng sanh đều có Phật Tánh, hết thấy chúng sanh đều có thể thành Phật*”. Chẳng giống như ngoại đạo, Thượng Đế của ngoại đạo chỉ có một, không thể có hai vị! Đây là bất bình đẳng! Chỉ cho phép quý vị được lên thiên quốc, chẳng cho quý vị làm Thượng Đế. Phật giáo chẳng vậy, chỉ cần quý vị phát Bồ Đề tâm, tu Bồ Tát đạo, quý vị sẽ có thể thành Phật. Nói giản lược năm mươi bốn vị này, nhằm dạy chúng ta sanh khởi tín tâm, phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Đề đạo, quý vị cũng có cơ hội thành Phật.

“*Thứ hữu Như Lai*” (Kế đó có Như Lai), tức là kế tiếp Đĩnh Quang Phật, có một vị Như Lai xuất thế. “*Danh viết Quang Viễn*” (Tên

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

là Quang Viễn): Quang Viễn Như Lai, quang minh to lớn, xa thăm. “*Thứ danh Nguyệt Quang*”: Lại có một đức Nguyệt Quang Như Lai, ánh trăng có thể phá trừ tối tăm trong đêm đen. “*Thứ danh Chiên Đàn Hương*”: Loại hương nổi tiếng và quý nhất trong thế gian là Chiên Đàn Hương. “*Thứ danh Thiện Sơn Vương*”: Đức Phật tu thiện pháp giống như núi chúa Diệu Cao, thiện pháp tối cao. “*Thứ danh Tu Di Thiên Quan*”, núi Tu Di là Diệu Cao. Thiên quan của Diệu Cao, “*thiên quan*” là chỗ trang nghiêm cao nhất. “*Thứ danh Tu Di Đẳng Diệu*”, tức là quang minh của núi Diệu Cao, chói ngời, rực rỡ. “*Thứ danh Nguyệt Sắc*”, nguyệt sắc (màu của mặt trăng) là thanh tịnh tự tại. Phật thanh tịnh tự tại giống như màu sắc của vàng trắng. “*Thứ danh Chánh Niệm*”: Phật là chánh niệm hiện tiền, nên gọi là Chánh Niệm Như Lai. “*Thứ danh Ly Cấu*”: Xa lìa hết thảy các “*cấu*”, tức là xa lìa hết thảy các phiền não thì mới thành Phật. “*Thứ danh Vô Trước*”: Hết thảy các pháp đều chẳng chấp trước thì mới thành Phật.

“*Thứ danh Long Thiên*”: Phật là thầy của trời rồng. “*Thứ danh Dạ Quang*”: Có cùng ý nghĩa với Nguyệt Quang, có thể phá trừ sự tối tăm của đêm đen. “*Thứ danh An Minh Đảnh*”: Phật có thể đạt được quang minh an nhiên, ở trên tột đỉnh quang minh thì gọi là An Minh Đảnh. “*Thứ danh Bất Động Địa*”: Phật thường ở trong Định, nên gọi là Bất Động Địa. “*Thứ danh Lưu Ly Diệu Hoa*”: Lưu Ly còn gọi là Thanh Sắc Bảo, là thứ báu trong ngoài suốt, nên gọi là Lưu Ly Diệu Hoa. “*Thứ danh Lưu Ly Kim Sắc*”: Trong ngoài sáng rực, còn kèm thêm màu hoàng kim. “*Thứ danh Kim Tạng*”: Phật giống như một kho báu lớn, giống như kho vàng, kho hoàng kim. “*Thứ danh Viêm Quang*”: Phật có đại trí huệ, hình dung là Viêm Quang (炎光, ánh lửa sáng ngời). “*Thứ danh Viêm Căn*”: Phật đạt được căn bản trí huệ, có thể sanh khởi rất nhiều trí huệ, giống như đạt được cái gốc của quang minh chói rực.

“*Thứ danh Địa Chung*”: Đức Phật đã thành Phật, hết thảy các công đức thiện pháp đều có thể sanh thành, giống như đạt được chủng tử (hạt giống) nơi đại địa. “*Thứ danh Nguyệt Tượng*”: Tượng mạo và quang minh của Phật thanh lương giống như vàng trắng. “*Thứ danh Nhật Âm*”: Mặt trời có quang minh lớn nhất. Âm thanh thuyết pháp của đức Phật giống như ánh nắng mặt trời tỏa ra. “*Thứ danh Giải Thoát Hoa*”: Nở hoa giải thoát, có thể đạt được cái quả giải thoát. “*Thứ danh Trang Nghiêm Quang Minh*”: Phật có đại trang nghiêm, có đại quang minh. “*Thứ danh Hải Giác Thân Thông*”: Hải (biển) rộng lớn, sâu

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thăm. Sự giác ngộ của Phật rộng lớn, sâu thăm, nên nói là Hải Giác. Thần thông của Phật rộng lớn, sâu thăm, nên gọi là Hải Giác Thần Thông. “*Thứ danh Thủy Quang*”: Từ nước phát ra ánh sáng có thể soi bóng muôn vật. Phật có thể đạt được Hải Ấn tam-muội, giống như Phật phát quang, chiếu rõ hết thảy vạn vật. “*Thứ danh Đại Hương*”: Phật chứng đắc Vô Phần Pháp Thân hương, nên gọi là Đại Hương.

“*Thứ danh Ly Trần Cấu*”: Xa lìa hết thảy trần cấu, có cùng ý nghĩa với tôn giả Ly Cấu trong phần trước. “*Thứ danh Xả Yêm Ý*”: Có thể buông xả, có thể chán nhàm phiền não trong thế giới Sa Bà, nên gọi là Xả Yêm Ý. “*Thứ danh Bảo Viêm*”: [Bảo Viêm] tức là bảo quang. “*Thứ danh Diệu Đảnh*”: Hoa Nghiêm tam-muội của Phật cao nhất, nên gọi là Diệu Đảnh. “*Thứ danh Dũng Lập*”: Phật dũng mãnh, tinh tấn, kiên lập hết thảy các pháp môn, nên gọi là Dũng Lập. “*Thứ danh Công Đức Trì Huệ*”: Đức Phật có danh hiệu là Công Đức Trì Huệ, vì đại công đức của Ngài có thể nhiếp trì đại trí huệ. “*Thứ danh Tế Nhật Nguyệt Quang*”: Quang minh của Phật lớn nhất, có thể che lấp quang minh của mặt trời và mặt trăng. “*Thứ danh Nhật Nguyệt Lưu Ly Quang*”: Giống như quang minh của mặt trời, mặt trăng và lưu ly. “*Thứ danh Vô Thượng Lưu Ly Quang*”, tán thán quang minh của Phật giống như ánh sáng của lưu ly.

“*Thứ danh Tối Thượng Thủ*”: Phật vượt trội thánh nhân tam thừa, là bậc thượng thủ cao nhất. “*Thứ danh Bồ Đề Hoa*”: Nở hoa Bồ Đề, kết thành quả. “*Thứ danh Nguyệt Minh, thứ danh Nhật Quang*”: Quang minh của Phật phá trừ hắc ám, giống như ánh trăng, giống như ánh sáng mặt trời. “*Thứ danh Hoa Sắc Vương*”: Hoa Bồ Đề đứng đầu các sắc. “*Thứ danh Thủy Nguyệt Quang*”: Ánh sáng của vàng trắng in bóng trong nước, biểu thị thanh tịnh. “*Thứ danh Trừ Si Minh*”: Có thể trừ si minh (癡冥, sự tối tăm do ngu si), tức là vô minh phiền não đều đoạn, diệt trừ.

“*Thứ danh Độ Cái Hạnh*”: Hạnh độ thoát Ngũ Cái. Ngũ Cái chẳng được nói đến nhiều, danh từ này rất sâu, tôi giải thích giản lược một chút. “*Cái*” (蓋) có nghĩa là che phủ, [hàm nghĩa] che lấp tâm tánh thanh tịnh của chúng ta. Chúng sanh ai nấy đều có một cái tâm thanh tịnh, vì sao tâm chúng ta chẳng thanh tịnh? Do bị năm pháp che lấp. Năm pháp gì vậy?

1) Thứ nhất là Tham Dục Cái (貪欲蓋): Phiền não của chúng sanh mỗi người có sự thiên trọng riêng. Có chúng sanh thiên trọng tham dục, bất luận quý vị tham điều gì, tài, sắc, danh tiếng, ăn uống, ngủ nghỉ, hễ

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

quý vị tham một thứ nào, tâm thanh tịnh đều chẳng thể hiển lộ được, chẳng thể tu hành, chẳng thể dụng công. Đó là Tham Dục Cái.

2) Thứ hai là Sân Khuể Cái (瞋恚蓋): Có chúng sanh ưa cái giận, tâm sân hận rất nặng. Vậy thì cũng chẳng thể tu hành, mà cũng chẳng thể dụng công.

3) Thứ ba là Thùy Miên Cái (睡眠蓋): Có chúng sanh ham ngủ. Quý vị bảo kẻ đó đến nghe kinh, kẻ đó chẳng nghe kinh sẽ không ngủ gật, hề ngồi đó nghe kinh, sẽ ngủ gà ngủ gật. Quý vị bảo kẻ đó tĩnh tọa, kẻ đó cũng ngủ gật. Quý vị bảo kẻ đó niệm Phật, kẻ đó cũng ngủ gục. Do Thùy Miên Cái, chẳng thể dụng công tu hành.

4) Thứ tư là Điệu Hối Cái (掉悔蓋): Có chúng sanh trong tâm luôn đầy vọng tưởng, thân thể không ngồi yên được, làm sao dụng công cho nổi? Đây là kẻ thích hoạt động.

5) Thứ năm là Nghi Pháp Cái (疑法蓋): Kẻ đó nghe pháp gì cũng đều bán tín, bán nghi. Pháp này tốt đẹp, [nhưng kẻ ấy luôn sanh nghi], chẳng thể quyết định! Làm sao dụng công tu hành cho được?

Phải trừ bỏ năm món Cái ấy thì mới có thể thành Phật.

“*Thứ danh Tịnh Tín*”: Tín tâm thanh tịnh thì mới thành Phật. “*Thứ danh Thiện Tú*”, Tú (宿) là tinh tú, [Thiện Tú] là ngôi sao tốt đẹp nhất trên bầu trời. “*Thứ danh Oai Thần*”: Như Lai có đại oai đức, đại thần thông. “*Thứ danh Pháp Huệ*”: Đầy đủ trí huệ nơi hết thảy các pháp. “*Thứ danh Loan Âm*”: Tiếng của chim Loan¹⁶ là một loại âm thanh êm tai nhất. “*Thứ danh Sư Tử Âm*”: Âm thanh thuyết pháp của đức Phật có oai đức, có thể hàng phục thiên ma, ngoại đạo. “*Thứ danh Long Âm*”: Âm thanh rất vi tế thì gọi là Long Âm. “*Thứ danh Xử Thế*”: Tuy Phật xuất thế gian, nhưng thường ở trong thế gian để giáo hóa chúng sanh. “*Như thử chư Phật, giai tất dĩ quá*”, [nghĩa là] năm mươi ba vị Phật vừa kể trên đây đều đã qua rồi (diệt độ rồi).

“*Nhĩ thời, thứ hữu Phật, danh Thế TỰ Tại Vương*” (Lúc bấy giờ, kể đó có một vị Phật tên là Thế TỰ Tại Vương). Thế TỰ Tại Vương Như Lai (Lokesvararāja) là BỔN SƯ của A Di Đà Phật. Nói tới đây,

¹⁶ Theo cổ thư như Thuyết Văn Giải Tự, Sơn Hải Kinh v.v... Loan là một loài chim thuộc loài Phụng Hoàng. Nó thường được gọi là Thanh Loan hay Kim Kê, thuộc loài Bách Nhân Ban Trĩ (chim trĩ có nhiều hoa văn hình tròn như con mắt trên bộ lông). Theo đó, Loan là chim trống, Kim Kê là chim mái. Do đó, chim Loan còn được gọi chung là Kê Loan. Hiện thời, loài chim Hồng Phúc Cẩm Kê (tên khoa học Chrysolophus Pictus, Golden Pheasant) thường được coi là chim Loan.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

ngay lập tức có thể nói A Di Đà Phật phát tâm vào lúc nào. A Di Đà Phật phát nguyện trước mặt Thế Tự Tại Vương Như Lai, phát ra bốn mươi tám đại nguyện. Phải ghi nhớ danh hiệu vị Phật này. A Di Đà Phật phát nguyện ở nơi đâu? Phát nguyện trước mặt Thế Tự Tại Vương Như Lai.

Tiếp đó lại nói mười đức hiệu, đều là đức hiệu của mỗi vị Phật. Mỗi vị Phật đều có một biệt hiệu và có mười thông hiệu. Chỉ cần thành Phật, sẽ đều có mười danh hiệu. Đây là thông hiệu (các danh hiệu chung), ngoài ra là một biệt hiệu. Chẳng hạn như nói có một vị Phật tên là Thế Tự Tại Vương, Bổn Sư của chúng ta là Thích Ca Mâu Ni. Gọi Ngài là Như Lai, gọi là Phật, hay gọi là Thế Tôn, đều là thông hiệu (通號), [thông hiệu của mỗi vị Phật] đều giống như nhau. “*Thông hiệu*” là như chúng tôi có thể giảng kinh thì đều gọi là “*pháp sư*”, “*pháp sư*” là thông hiệu. Tôi gọi là pháp sư gì vậy? Tôi được gọi là pháp sư Đạo Nguyên, người khác được gọi là pháp sư gì vậy? Vị ấy có tên riêng của mình, cái tên ấy là biệt hiệu. Hiểu ý nghĩa này; sau đó, nói ra mười danh tự mà mỗi vị Phật đều có. Nhất là chúng ta tụng niệm khóa tối, đều niệm bài văn sám hối [bao gồm danh hiệu của] tám mươi tám vị Phật¹⁷. Trong phần trước [của bài văn sám hối ấy] có nói mười đức hiệu này. Nghe tôi giảng xong, quý vị lại niệm [danh hiệu] tám mươi tám vị Phật, hãy khéo quán tưởng.

Trong mười thông hiệu, thứ nhất là Như Lai (如來, Tathāgata), [hàm nghĩa] “*thừa như thật đạo, lai thành Chánh Giác*” (nuông vào đạo như thật, đến thành Chánh Giác). Chữ thứ nhất là Như, chính là lý thể của Chân Như Thật Tướng. Ngài đã thành Phật, thành Phật bằng cách nào? Chứng đắc Chân Như Thật Tướng thì thành Phật. Chứng đắc Chân Như Thật Tướng, tức là cái Thể của chân lý, [cái Thể ấy] được gọi là Chân Như Thật Tướng Lý Thể. Hễ chứng đắc bèn thành Phật, chẳng phải là thành A La Hán. Ngài sẽ trở lại độ chúng sanh, đã thành

¹⁷ Tức là bài Hồng Danh Bảo Sám. Thiên môn Trung Hoa vào khóa tối sau khi tụng kinh Di Đà và niệm Phật xong, thường tụng Hồng Danh Bảo Sám và Mông Sơn Thí Thực Văn. Sau đó, tụng chú Đại Bi và tán Già Lam Bồ Tát. Hồng Danh Bảo Sám bao gồm năm mươi ba danh hiệu vị Phật trích từ kinh Quán Dược Vương Dược Thượng Nhị Bồ Tát và ba mươi lăm danh hiệu Phật trích từ kinh Đại Bảo Tích, những phần kệ tụng sau đó đều trích từ phần kệ tụng của phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện. Phần đầu là danh lễ Tam Bảo, cộng với mười tôn hiệu của Phật, cùng với các lạy ở mỗi đoạn kệ gộp chung thành một trăm lễ tám lạy mang ý nghĩa sám trừ một trăm lễ tám món phiền não.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Phật bèn trở lại độ chúng sanh. Đấy gọi là Như Lai, tức là nương vào đạo như thật, đến thành Chánh Giác, nên gọi là Như Lai.

Đức hiệu thứ hai là Ứng Cúng (應供, Arhat), đã thành A La Hán, cũng có ý nghĩa Ứng Cúng. Tức là đã thành A La Hán thì đáng nên được trời người cúng dường. Bậc đã thành Phật, càng đáng được hết thảy trời người cúng dường. Do vậy, gọi là Ứng Cúng. Trong Phật giáo, có rất nhiều từ ngữ thông dụng, đều phải nên biết cội nguồn của chúng. Chẳng hạn như chúng ta mời một vị đại đức nào đó dùng cơm, [bèn nói là] “thỉnh vị ấy ứng cúng”. [Ứng Cúng] là một đức hiệu của Phật, là đức hiệu của A La Hán. Tôn kính người được thỉnh, [bèn nói]: “Thưa pháp sư X... hôm nay con thỉnh Ngài đến ứng cúng”, có ý nghĩa này. Bản thân chúng tôi chẳng dám xưng là Ứng Cúng, tôi đến chỗ quý vị để dùng cơm thì gọi là “cẩn trai” (趕齋). Phải hiểu những từ ngữ thông dụng, phải biết chừng mực.

- Đẳng Chánh Giác (等正覺, Samyak-sambuddha): Trong các kinh khác dịch là Chánh Biến Tri (正徧知). Chúng ta niệm bài văn sám hối tám mươi tám vị Phật, phần đầu cũng ghi là Chánh Biến Tri. [Danh xưng khác nhau] vì dịch thuật bất đồng, chú ý nghĩa như nhau. Đẳng (等) là Đẳng Biến (等徧), [Biến ở đây] chính là chữ Biến (徧, trọn khắp) trong Chánh Biến Tri. Chữ Chánh giống nhau [giữa hai từ ngữ], còn Giác tương ứng với chữ Tri trong Chánh Biến Tri. Chánh Biến Tri có nghĩa là độc tôn vượt trội chín pháp giới. Đây là đức hiệu của Phật, giải thích cặn kẽ thì trong lục phàm pháp giới, đối với phàm phu, ngoại đạo, phàm phu là vô tri, ngoại đạo là tà tri. Hàng Nhị Thừa cũng gọi là Chánh Tri, tức là những gì hàng Nhị Thừa liễu giải chẳng phải là tà, nhưng chẳng trọn khắp, vì còn có những điều cố chấp. Đức Phật không chỉ là Chánh Tri, mà còn là Biến Tri (徧知, biết trọn khắp), nên gọi là Chánh Biến Tri. Ở đây (kinh Vô Lượng Thọ) dịch là Đẳng Chánh Giác, tức là sự giác tri bình đẳng, chánh đáng, to lớn. Đức hiệu của Phật như thế đó.

- Minh Hạnh Túc (明行足, Vidyā-carāṇa-saṃpanna): Hạnh Tam Minh đầy đủ. Tam Minh là Túc Mạng Minh, Thiên Nhân Minh, và Lưu Tận Minh.

1) Túc Mạng Minh (Pūrva-nivāsānusmṛti-jñāna-sāksāt-kriya-vidyā): Biết quá khứ. Bao nhiêu kiếp trong quá khứ đều biết.

2) Thiên Nhân Minh (Cyuty-upapāda-jñāna-sāksāt-kriya-vidyā): Có thể quan sát vị lai. Bao nhiêu kiếp trong vị lai đức Phật đều có thể

trông thấy.

3) Lưu Tận Minh (Āsrava-ksaya-jñāna-sāksāt-kriya-vidyā): Trong hiện tại, vô lượng thế giới, vô lượng chúng sanh, vô lượng tâm niệm, đức Phật đều biết.

Bậc A La Hán đã chứng sáu món thần thông, [trong ấy] cũng có ba loại thông này. Ba thứ ấy đều gọi là Thông, chẳng gọi là Minh, vì A La Hán chỉ biết nó là như vậy, chẳng biết nguồn cội, chỉ biết đại ý, còn những chuyện căn kẽ, vẫn chưa quan sát thấu triệt. Do vậy, chẳng gọi là Minh. Đức Phật thì chuyện trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, Ngài không gì chẳng biết, không chuyện gì chẳng thấu hiểu, hạnh Tam Minh trọn đủ, nên gọi là Minh Hạnh Túc.

- Thiện Thệ (善逝, Sugata): “*Thiện*” (善) là tốt lành, “*Thệ*” (逝) là đi, dịch sang tiếng Hán sẽ thành Hảo Khứ (好去). Do dịch thành Hảo Khứ chẳng văn nhã cho lắm, nên dịch là Thiện Thệ, tức là đi tốt lắm, đi khéo lắm. Đây là một đức hiệu của Như Lai. Tôi mới vừa giải thích Như Lai là “*thừa như thật đạo, lai thành Chánh Giác*” (nuơng vào đạo như thật mà đến thành Chánh Giác). Ngài đến mà không đến, nên gọi là Như Lai. Vì thiện căn của chúng sanh đã chín muồi, đáng nên thấy Phật để đắc độ, Phật bèn hiển hiện. Trên thực tế, Phật đã sớm thành Phật, Ngài chứng đắc lý thể Chân Như Thật Tướng, đã thành Phật, có sao chúng ta chẳng trông thấy? Chẳng trông thấy tức là chẳng đến. Phật đến không có tướng đến, đi không có tướng đi. Do thiện căn của chúng ta chưa chín muồi, cho nên chẳng trông thấy Phật đến. Chờ cho đến khi quý vị thấy Phật, sẽ đắc độ, do thiện căn đã chín muồi, Phật bèn đến, nên gọi là Như Lai. Đến mà chẳng đến thì gọi là Như Lai. Vậy thì hóa duyên đã hết, [tức là] duyên giáo hóa chúng sanh đã hết, chúng sanh đáng độ đều đã độ hết, dầu Ngài trụ thế chẳng có ý nghĩa gì cả, bèn nhập Niết Bàn.

Nhập Niết Bàn là ra đi, đi mà chẳng đi, nên gọi là Hảo Khứ (khéo đi). Đức Phật đã nhập Niết Bàn, chúng ta thấy Ngài chết giống như phàm phu. Chúng sanh thấy Ngài nhập Niết Bàn, là vì cái duyên “*thấy Phật bèn đắc độ*” đã hết, Phật trụ thế chẳng có lợi ích gì, Ngài liền thị hiện tướng nhập Niết Bàn, phải ra đi. Đi đến nơi đâu? Đến trụ trong Đại Niết Bàn, trụ trong Thường Tịch Quang. Vì thế, Ngài [thị hiện] tướng chết giống như phàm phu, sự khéo ra đi ấy là Thiện Thệ.

- Thế Gian Giải (世間解, Lokavida): Pháp thế gian thay đều liễu giải. Đức Phật là xuất thế gian, Ngài chẳng lìa thế gian giác. Ngài thành Phật, sẽ độ chúng sanh. Độ chúng sanh là độ trong thế gian, còn A La

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Hán đã vượt thoát tam giới, họ không quay lại. Họ thấy tam giới như lao ngục, coi sanh tử như oan gia, liễu thoát sanh tử rất khó khăn, vượt thoát tù ngục tam giới, bảo họ quay về, họ sẽ chẳng trở về. Vì thế, gọi họ là hàng Tiểu Thừa. Đức Phật chẳng phải vậy! Đức Phật thành Phật nhằm độ chúng sanh, vì để độ chúng sanh mà đến thế gian. Nhưng quý vị đã thành Phật, tức là đã chứng đắc Chân Như Thật Tướng. Đã thành Phật, đó là pháp xuất thế gian, nhưng pháp thế gian quý vị cũng đều liễu giải. Nếu quý vị chẳng liễu giải, sẽ chẳng thể độ chúng sanh. Trong phần trước đã tán thán tám tướng thành đạo, đối với văn nghệ và vũ thuật trong thế gian, thứ gì Ngài cũng đều liễu giải. Chẳng liễu giải, quý vị sẽ chẳng thể độ chúng sanh. Kinh Hoa Nghiêm nói, hàng Bồ Tát chứng đắc Ngũ Địa mà nếu chẳng liễu giải pháp thế gian, căn bản là chẳng thể độ chúng sanh trong thế gian. Vì thế mới nói: Đối với pháp thế gian, không gì chẳng biết, không gì chẳng hiểu, nên gọi là Thế Gian Giải.

- Vô Thượng Sĩ (無上士, Anuttara): “Sĩ” (士) là tiếng để tôn xưng những người có học vấn, nói tới những ai có đại học vấn trong thế gian. Học vấn của Phật chẳng có ai hơn được, nên gọi là Vô Thượng Sĩ.

- Điều Ngự Trượng Phu (調御丈夫, Puruṣa-damyā-sārathi): Ngài có thể điều ngự hết thảy chúng sanh, nên được gọi là Điều Ngự Trượng Phu.

Đối với mười đức hiệu, có hai cách giải thích:

1) Cách giải thích thứ nhất, hai danh tự Vô Thượng Sĩ và Điều Ngự Trượng Phu được gộp thành một, coi Thế Tôn là danh hiệu thứ mười.

2) Cách giải thích thứ hai tách Vô Thượng Sĩ và Điều Ngự Trượng Phu thành hai danh hiệu, coi Phật là danh hiệu thứ mười, Thế Tôn là danh hiệu thứ mười một. Nay chúng ta chọn cách sau, tức cách hiểu theo hai đức hiệu, Vô Thượng Sĩ là một đức hiệu, Điều Ngự Trượng Phu là một đức hiệu khác.

- Thiên Nhân Sư (天人師, Śāsta deva-manuṣyāṇam): Đức Phật thị hiện trong nhân gian, có khi cũng lên cõi trời giảng kinh, thuyết pháp. Ngài không chỉ là sư trưởng của nhân gian, mà còn là sư trưởng của chư thiên, nên gọi là Thiên Nhân Sư.

Hiện thời đối với Phật pháp, ít người nói đến [ý nghĩa của] Phật, vì chữ Phật là tiếng Phạn, ít người giải thích. Nhân duyên nghe Phật pháp của tín đồ ít ỏi, nên chỉ biết lễ bái, Phật cũng lay, Bồ Tát cũng lay,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

ông trời cũng lạy, Ma Tổ¹⁸ cũng lạy, vì sao họ lạy tuốt? Chẳng có ai nói cho họ nghe đó mà! Trong tâm họ dấy lên nỗi ngờ vực, có người đến hỏi tôi: “Phật lớn hay là ông trời lớn hơn?” Tôi bật cười, họ chẳng thấy buồn cười vì không có ai nói cho họ nghe, họ chẳng biết mà! Tôi liền bảo họ: “Phật được gọi là Thiên Nhân Sư, vừa nhìn đã biết ai lớn hơn rồi”. Bất luận là Thượng Đế hay là chư thiên, đều là đệ tử của Phật, Phật đều là sư trưởng của họ.

- Phật, tiếng Phạn là Phật Đà Da (Buddhaya), chữ Da là âm cuối đã bị lược bớt khi nói năng, nên thành Phật Đà. Chữ Phật Đà trong tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Giác Giả (覺者). Giác Giả là một cá nhân, là một người giác ngộ, chẳng phải là Thần như trong ngoại đạo. Họ cho thần là ghê gớm lắm, [tín đồ có muốn] làm thần cũng chẳng được! Nói theo Phật giáo, Phật là do con người tu thành. Ai nấy đều có thể thành Phật, Phật là một bậc giác ngộ. “Giả” (者) là từ ngữ để chỉ người, [Phật] là người đại giác đại ngộ, vì sao chẳng dịch thành Giác Giả? Vì đối với Giác Giả trong tiếng Phạn, có đủ cả ba ý nghĩa, tức Tam Giác, tức là tự giác, giác tha, và giác hạnh viên mãn. Tam giác viên mãn thì mới gọi là Phật.

- Thế Tôn (Bhagavat): Bao gồm thế gian lẫn xuất thế gian. “*Thế gian*” là lục phạm pháp giới, xuất thế gian là tam thừa thánh nhân pháp giới. Đây là chín pháp giới. Do được thế gian và xuất thế gian tôn trọng, nên gọi là Thế Tôn. Tôi vừa mới nói, đối với mười đức hiệu của Phật, có hai cách giải thích: Một là tính đến Thế Tôn có tất cả mười danh hiệu. Nay tôi chọn cách giải thích thứ hai, tính đến Phật là mười đức hiệu, Thế Tôn là đức hiệu thứ mười một. Có trọn đủ mười đại hiệu trước đó thì mới thành Thế Tôn. Thế Tôn là tổng đức hiệu. Phải có trọn đủ mười đức hiệu trên đây thì mới gọi là Thế Tôn. Do vậy, trong kinh Phật, đệ tử tôn xưng Phật đều gọi Ngài là đức Thế Tôn. Đó là cách xưng hô tổng quát.

¹⁸ Ma Tổ (媽祖) là một vị thần bảo hộ ngư dân ở vùng Hoa Nam. Bà thường được biết dưới danh xưng Thiên Hậu, Thiên Hậu Nương Nương, Thiên Phi, Mị Châu Nương Ma v.v... Bà tên thật là Lâm Mặc, quê ở thôn Đông Loa, đảo My Châu, huyện Phủ Điền, tỉnh Phước Kiến, sống vào đời Tống. Bà được thờ phụng và tin tưởng rất rộng, hầu như suốt vùng Đông Nam Á, hễ ở đâu có người từ Hoa Nam như Phước Kiến, Quảng Đông, Hải Nam... trú ngụ thì đều có đền thờ Ma Tổ. Ngay cả đảo Lưu Cầu (Ryukyu) của Nhật Bản cũng có miếu thờ Ma Tổ. Người Việt thường gọi miếu thờ Ma Tổ là chùa Bà.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Phật được gọi là vạn đức hồng danh. Năm mươi ba vị Phật trên đây, [kể cả Thế Tụ Tại Vương Phật] là năm mươi bốn vị Phật, mỗi vị có một đức hiệu (ý nói danh hiệu riêng, như Thế Tụ Tại Vương Phật chẳng hạn), tức là dựa theo một loại công đức để đặt tên, chẳng thể là một vị Phật lại được gọi bằng một vạn tên. Vì sao Phật lại có mười đức hiệu (thông hiệu)? Dựa theo Phật lý để giải thích, [điều này] biểu thị “*sự sự vô tận*”. Một vị Phật có mười đức hiệu, mười vị Phật gom lại sẽ là một trăm [đức hiệu], hội tụ một trăm vị Phật sẽ là một ngàn đức hiệu. Một ngàn vị Phật hội tụ sẽ là một vạn đức hiệu. Vạn đức hồng danh biểu thị “*sự sự vô tận*”. Đây là đạo lý được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Theo thói quen trong thế gian, [thời cổ] người Ấn Độ thường có mười tên, đức Phật ở tại Ấn Độ, chiếu theo thói quen của Ấn Độ, Ngài cũng có mười tên. Thói quen của người Ấn Độ tương phản với người Hoa, nói thuận tiện thì “người Ấn Độ chẳng sợ rườm rà, người Hoa chuộng đơn giản, sợ rườm rà”. Người Hoa đặt tên, hiện thời tên mỗi người có hai chữ, xưa kia chỉ có một chữ, lại đặt tên tự, lại đặt hiệu¹⁹, tổng cộng ba tên gọi là hết rồi, chẳng đặt mười tên. Ấn Độ thì ắt phải dùng đến mười tên gọi, chẳng sợ rườm rà. Đây là thói quen khác nhau. Mười đức hiệu ấy là của một vị Thế Tụ Tại Vương Phật, Thích Ca Như Lai cũng có mười đức hiệu ấy.

2.2.1.2. Nêu ra tám gương của ngài Pháp Tạng, nương theo đó để khởi hạnh

2.2.1.2.1. Nói về hạnh thế gian

2.2.1.2.1.1. Nghe pháp phát tâm

¹⁹ Ở Trung Hoa vào thời cổ, trẻ trai mới sanh ra thường không được đặt tên mà thường gọi bằng một tên thân mật như Bảo Bảo chẳng hạn, đến khi tròn một năm hoặc vào một ngày tốt nào đó, mới đặt tên (thường gọi là nhũ danh hoặc húy). Đến tuổi hai mươi thì được đặt tên tự với ý nghĩa cầu chúc, mong mỗi con sẽ thành đạt những phẩm đức ấy. Chỉ có cha mẹ và thầy dạy là gọi thẳng tên húy, người ngoài luôn gọi người ấy bằng tên tự. Người ấy sẽ chọn cho mình một hiệu nhằm bày tỏ chí hướng. Chẳng hạn Âu Dương Tu có tên tự là Vĩnh Thúc, hiệu là Túy Ông. Danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác có tên thật là Hữu Trác, tự là Cán Như, hiệu là Hải Thượng Lãn Ông (ông lười trên biển) và Thảo Am. Thật ra, còn một tên nữa là thụy hiệu, tức là tên đặt sau khi chết nhằm tôn vinh đức hạnh của người đã mất. Thụy hiệu dùng để đề bài vị và khấn bái khi cúng giỗ.

(Kinh) Thời hữu quốc vương, văn Phật thuyết pháp, tâm hoài duyệt dự, tâm phát Vô Thượng Chánh Chân Đạo Ý.

(經)時有國王，聞佛說法，心懷悅豫，尋發無上正真道意。

(Kinh: Khi ấy, có quốc vương nghe đức Phật thuyết pháp, ôm lòng vui sướng, liền phát Vô Thượng Chánh Chân Đạo Ý).

“Thời hữu quốc vương” [nghĩa là] thuở ấy có một vị quốc vương, thuở nào vậy? Chính là vào lúc Thế Tự Tại Vương Phật trụ thế thuyết pháp. Có một vị quốc vương thỉnh Phật thuyết pháp. “*Văn Phật thuyết pháp, tâm hoài duyệt dự*” (Nghe đức Phật thuyết pháp, ôm lòng vui sướng): Vừa nghe đức Phật thuyết pháp, trong tâm sanh niềm hoan hỷ lớn lao, sanh lòng vui sướng to lớn. Khi hoan hỷ, vui sướng, đã thấy thấu suốt toàn thể pháp thế gian. “*Tâm phát vô thượng chánh chân đạo ý*” (Liền phát vô thượng chánh chân đạo ý): “*Tâm*” (尋) là ngay trong khi đó, “*ý*” (意) là tâm, ngay lập tức phát khởi đạo tâm, tức là như kinh Kim Cang nói, “*phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm*”, còn kinh này dịch là Vô Thượng Chánh Chân Đạo Ý. “*Đạo tâm*” là Bồ Đề tâm, là Vô Thượng Chánh Chân Bồ Đề tâm. Ngay trong khi ấy liền phát Bồ Đề tâm. Nhớ nhé! Nếu muốn thành Phật thì trước hết hãy phát cái tâm thành Phật. Tâm thành Phật là tâm gì vậy? Chính là Vô Thượng Chánh Chân Đạo Ý, cũng là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm.

2.2.1.2.1.2. Xuất gia tu đạo

(Kinh) Khí quốc quyền vương, hành tác sa-môn, hiệu viết Pháp Tạng, tài cao dũng triết, dữ thế siêu dị.

(經)棄國捐王，行作沙門，號曰法藏。高才勇哲，與世超異。

(Kinh: Bỏ nước, lìa ngôi, trở thành sa-môn, hiệu là Pháp Tạng, tài cao, dũng khí, thông suốt, trội lạ hơn đời).

“*Khí quốc quyền vương, hành tác sa-môn, hiệu viết Pháp Tạng*”: Tỳ-kheo Pháp Tạng (Dharmākara) được nhắc đến ở đây chính là đức hiệu xuất gia của A Di Đà Phật khi Ngài còn đang tu nhân. Sau khi Ngài đã phát Vô Thượng Chánh Chân Đạo Ý bèn như thế nào? Thấy

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thấu suốt thế gian, ngay lập tức lìa bỏ quốc gia trong thế gian, địa vị quốc vương cũng chẳng cần nữa!

“*Khí quốc quyên vương*”: Khí (棄) là Quyên (捐), mà Quyên cũng là Khí, [Quyên và Khí đều có nghĩa là “vứt bỏ”], thấy đều bỏ hết, chẳng cần nữa! “*Hành tác sa-môn*”: Lúc đó, Ngài bèn xuất gia làm sa-môn. Sa-môn (Śramaṇa) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là Cần Túc (勤息), [có nghĩa là] “*cần tu Giới, Định, Huệ; tức diệt tham, sân, si*” (siêng tu Giới, Định, Huệ; dứt diệt tham, sân, si), nên gọi là sa-môn. Sa-môn là danh xưng để gọi chung người xuất gia. Người xuất gia đều gọi là sa-môn. Vị sa-môn này có biệt hiệu, “*hiệu viết Pháp Tạng*” (hiệu là Pháp Tạng), còn gọi là sa-môn Pháp Tạng. Ngài là một vị tỳ-kheo, nên gọi là tỳ-kheo Pháp Tạng. Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật là thái tử xuất gia. Nếu không xuất gia, Ngài có thể làm quốc vương. A Di Đà Phật là tỳ-kheo Pháp Tạng, là quốc vương xuất gia. Vì sao Phật thị hiện làm Thái Tử hoặc làm quốc vương? Nêu gương cho chúng ta: Nếu quý vị muốn thành Phật, thì phải xuất gia trước. Để xuất gia thì trước hết phải thấy thấu suốt hết thấy mọi thứ trong thế gian. Có thứ gì trong thế gian mà chẳng thấy thấu suốt? Đối với đại phú đại quý, chẳng thấy thấu suốt. Đại phú đại quý khó thấy thấu suốt cỡ nào? Quý như quốc vương, thiên tử, giàu ngập bốn biển, kẻ đại quý trong thế gian chẳng có ai sang quý bằng quốc vương, ở trên vạn người. Đại phú thì quý vị có tài sản to lớn cỡ nào? Dầu chẳng có tài sản to như tài sản của quốc vương, hễ một mai thấy thấu suốt đại phú đại quý, sẽ buông bỏ, chẳng cần nữa; đây mới gọi là “*đại trượng phu*”.

Phật pháp chẳng khó học, chỉ có sáu chữ quý vị hãy ghi nhớ, sẽ học Phật đúng lối, lại còn đạt được lợi ích chân thật. Sáu chữ nào vậy? “*Nhìn thấu, buông xuống, tự tại*”. Học Phật pháp thì trước hết phải thấy thấu suốt pháp thế gian, đây là bước công phu đầu tiên. Đã thấy thấu suốt thì phải buông xuống. Buông xuống chẳng được thì sao? Không buông xuống được, quý vị có thể xuất gia nổi sao? Đã xuất gia mà vẫn chẳng buông xuống, sẽ vĩnh viễn chẳng thể đạt được tự tại! Bước đầu tiên là thấy thấu suốt, bước thứ hai là phải buông xuống. Buông xuống thì mới có thể đạt được tự tại, đạt được lợi ích chân thật trong Phật pháp, tự tại chẳng ngăn ngại. Cái này quý vị cũng chẳng thấy thấu suốt, cái kia cũng chẳng thấy thấu suốt, bị vướng mắc rồi! Cái này cũng chẳng buông xuống được, cái kia cũng chẳng buông xuống được, vướng mắc mất rồi, vĩnh viễn chẳng đạt được tự tại. Do đó, phải thấy thấu suốt, buông xuống, tự tại. Tỳ-kheo Pháp Tạng đã làm gương

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

cho chúng ta, sang quý đến mức làm quốc vương, giàu có tràn ngập bốn biển, hễ nói tới thấy thâu suốt bèn thấy thâu suốt, nói đến buông xuống bèn buông xuống!

“*Cao tài dũng triết, dữ thế siêu dị*”²⁰: Ngài không chỉ là đại phú đại quý, mà còn là một người tài cao, còn có dũng khí, hiểu triết lý, là một bậc triết gia. Tức là Ngài là một người có tài cán, có dũng khí, có triết học cao như thế đấy. Tài cán, dũng khí, triết học của Ngài vượt trội hết thầy mọi người trong thế gian, [nên mới nói là] “*dữ thế siêu dị*” (khác lạ hơn đời). Đây là nhân tài bậc nhất. Ngài nói thấy thâu suốt bèn thấy thâu suốt, nói buông xuống bèn buông xuống, sử dụng nhân tài bậc nhất này trong Phật môn thì mới có tác dụng to lớn. Nếu chẳng có tài cán, chẳng có dũng khí, chẳng hiểu triết lý, xuất gia cũng chẳng thể ngay lập tức thành Phật, ngay lập tức độ chúng sanh. Tiếp đó, [kinh] nói tỳ-kheo Pháp Tạng phát ra bốn mươi tám đại nguyện đều là do Ngài sử dụng tài cán, dũng khí ấy, do thông hiểu lý triết học thì Ngài mới có thể phát nguyện độ chúng sanh.

2.2.1.2.1.3. Đến chỗ Phật lễ bái, tán thán, phát nguyện

(Kinh) Nghệ Thế Tự Tại Vương Như Lai sở, khể thủ Phật túc, hữu nhiều tam táp, trường quy hiệp chưởng, dĩ tụng tán viết.

(經)詣世自在王如來所，稽首佛足，右繞三匝，長跪合掌，以頌讚曰。

(Kinh: Đến chỗ Thế Tự Tại Vương Như Lai, đánh lễ dưới chân Phật, nhiều theo chiều phải ba vòng, quy thẳng, chấp tay, dĩ kệ tụng tán thán rằng).

“*Hữu nhiều tam táp*”: “*Tam táp*” (三匝) là ba vòng. Một vòng gọi là “*nhất táp*”. “*Hữu nhiều*” (右繞, nhiều theo chiều phải, đi vòng theo chiều kim đồng hồ) thuận Pháp Tánh. Ấn Độ coi trọng chiều phải, phải đi nhiều theo chiều bên phải. Trong quá khứ, các vị đại tổ sư ở Trung Hoa đối với những lễ tiết này đều có nghiên cứu. Tại Ấn Độ,

²⁰ Đối với câu này, ngài Gia Tường giảng rõ hơn: “*Khen ngợi tài năng siêu quần nên bảo là Cao Tài. Tự thẳng được mình, thẳng được người, nên khen là Dũng. Sáng suốt phá tan tà kiến nên bảo là Triết*”. Tịnh Ảnh Sớ lại giảng: “*Tài là tài khéo, tài đức hơn người nên bảo là Cao Tài. Ý chỉ mạnh mẽ là Dũng. Tâm sáng suốt là Triết*”.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

trước hết là đánh lễ dưới chân đức Phật, đánh lễ xong, nhiễu quanh đức Phật theo chiều phải ba vòng. Những vị đại tổ sư ấy tới Trung Hoa, nghiên cứu lễ tiết nhà Phật [kết hợp với lễ tiết của Trung Hoa, đã quy định]: Tiến vào Phật điện thì trước hết vẫn đánh lễ dưới chân Phật, quán tưởng, lạy ba lạy, chẳng nhiễu ba vòng, phải đợi đến khi công khóa tụng niệm xong, khi niệm Phật mới nhiễu niệm, vẫn nhiễu theo chiều phải. Vì thế, tượng Phật trong đại điện ắt phải thờ ở chính giữa, phía sau tượng Phật phải để trống để mọi người có thể đi nhiễu được. Các tầng lâm ở Đại Lục đều là như vậy. Sang tới Đài Loan, vì không có ai nhắc nhở, tượng Phật đều đặt sát vách tường, lễ tiết nhiễu theo chiều phải ba vòng chẳng thực hiện được.

“*Trường quy hiệp chương*” (Quy thẳng, chấp tay): “*Trường quy*” thì trong phần trước đã nói, quỳ hai đầu gối xuống, quỳ thẳng lên, chấp tay. “*Dĩ tụng tán viết*” (Dùng kệ tụng tán rằng): Tán tán đức Phật. Hiện thời, chúng ta tụng niệm công khóa trong đại điện, sau khi đánh lễ xong, trước hết xuống bài Hương Tán. Quy củ ấy gọi là “*tán Phật*”. “*Dĩ tụng*”: Tụng (頌) là Kệ. Kệ giống như thơ của Trung Hoa, nhưng thơ thì chú trọng gieo vần và bằng trắc. Làm kệ tụng cũng chẳng cần phải quan tâm bằng trắc, cũng chẳng cần phải gieo vần, chỉ cần các câu có độ dài bằng nhau. Trong kinh văn đều là mỗi câu bốn chữ, có khi là mỗi câu năm chữ, cũng có lúc mỗi câu bảy chữ, đều gọi là kệ tụng, giống như câu thơ của người Hoa. Tức là người Hoa thì làm một bài thơ để tán tán công đức của Phật, tại Ấn Độ thì dùng kệ để tán tán. Ở đây, kinh nói tới Thế Tự Tại Vương Như Lai, nói tới tỳ-kheo Pháp Tạng, đều phải nên ghi nhớ: Tỳ-kheo Pháp Tạng là danh tự xuất gia của A Di Đà Phật. Tỳ-kheo Pháp Tạng đối trước Thế Tự Tại Vương Như Lai phát tâm, phát nguyện. Nay kinh nói tỳ-kheo Pháp Tạng dùng kệ tụng để tán tán Thế Tự Tại Vương Phật, có tất cả hai mươi bài kệ tụng, chia thành ba đoạn lớn. Bảy bài kệ tụng đầu tiên nhằm tán tán công đức của Phật, nói rõ chính Ngài có điều mong cầu, có ước nguyện.

2.2.1.2.1.3.1. Tán tán đức năng của Phật (gồm bảy bài tụng)

(Kinh) Quang nhan nguy nguy, oai thần vô cực, như thị viêm minh, vô dử đặng giả, nhật, nguyệt, ma-ni, châu quang diễm diệu, giai tất ẩn tế, do như tự mặc. Như Lai nhan dung, siêu thế vô luân, Chánh Giác đại âm, hưởng lưu thập phương. Giới văn tinh tấn, tam-

muội trí huệ, oai đức vô lữ, thù thắng hy hữu, thâm đế thiện niệm, chư Phật pháp hải, cùng thâm tận áo, cứu kỳ nhai để. Vô minh, dục, nộ, Thệ Tôn vĩnh vô. Nhân hùng Sư Tử, thần đức vô lượng, công huân quảng đại, trí huệ thâm diệu, quang minh oai tướng, chấn động đại thiên.

(經)光顏巍巍，威神無極。如是炎明，無與等者。日月摩尼，珠光燄耀，皆悉隱蔽，猶如聚墨。如來顏容，超世無倫。正覺大音，響流十方。戒聞精進，三昧智慧，威德無侶，殊勝希有。深諦善念，諸佛法海，窮深盡奧，究其涯底。無明欲怒，世尊永無。人雄師子，神德無量。功勳廣大，智慧深妙，光明威相，震動大千。

(*Kinh: Quang nhan vôi vôi, oai thần vô cực, chói ngời như thệ, không ai sánh bằng. Nhật, nguyệt, ma-ni, bảo châu chói rực, thấy đều ẩn khuất, giống như đông mực. Dung mạo Như Lai, hơn đời khôn sánh. Đại âm Chánh Giác, vang dội mười phương. Giới, văn, tinh tấn, tam-muội, trí huệ, oai đức khôn tày, thù thắng hiếm có. Thiện niệm sâu chắc, biển pháp chư Phật, cùng tột sâu màu, thấu suốt bờ, đáy. Thệ Tôn vĩnh viễn, chẳng có vô minh, sân hận, tham dục, nhân hùng Sư Tử, thần đức vô lượng, công huân rộng lớn, trí huệ sâu màu, oai tướng quang minh, chấn động đại thiên.*)

“*Quang nhan nguy nguy, oai thần vô cực, như thị viêm minh, vô dũ đẳng giả*” (Quang nhan vôi vôi, oai thần vô cực, chói ngời như thệ, không ai sánh bằng): Tán thán tướng hảo và công đức của Phật. “*Quang nhan nguy nguy*”: Dung mạo sáng ngời của đức Phật vôi vôi. Cao nhất, lớn nhất thì gọi là “*nguy nguy*” (巍巍). “*Oai thần vô cực*”: Ý nói oai đức và thần thông của Phật vô cùng, vô cực. “*Như thị viêm minh*”: “*Viêm*” (炎) là ánh sáng, [“*như thị viêm minh*” là] sáng rực như thệ. “*Vô dũ đẳng giả*” (Không ai sánh bằng): Càng lúc càng sáng ngời, quang minh của Bồ Tát đều chẳng thể vượt trội Phật được, chẳng có một ai sánh bằng Phật được!

“*Nhật nguyệt ma-ni, châu quang diễm diệu, giai tất ẩn tế, do như tụ mặc*” (Nhật, nguyệt, ma-ni, bảo châu chói rực, thấy đều ẩn khuất, giống như đông mực): Bài kệ này hình dung quang minh của đức Phật không có ai sánh bằng. Trên thế giới, sáng ngời nhất là mặt trời, mặt trăng, [ngoài ra] còn có ma-ni Phật châu. “*Ma-ni Phật châu*”

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

dịch sang tiếng Hán là Ma Ni Châu, đều tỏa ánh sáng chói ngời, rất sáng, nhưng vừa trông thấy Phật quang thì sao? Chúng đều chẳng còn ánh sáng nữa, “*tất giai ẩn tế*” (thầy đều ẩn khuất). Mặt trời, mặt trăng chẳng có ánh sáng, ma-ni Phật châu cũng chẳng có ánh sáng, đều biến thành đen kịt, nên gọi là “*tụ mặc*” (聚墨, đông mực), một tí quang minh cũng chẳng có, toàn là đen thui đen thui!

“*Như Lai nhan dung, siêu thế vô luân. Chánh Giác đại âm, hưởng lưu thập phương*” (Dung mạo Như Lai, hơn đời khôn sánh, đại âm Chánh Giác, vang rền mười phương): Dung nhan của đức Như Lai vượt trời thế gian, chẳng có gì sánh bằng, có cùng ý nghĩa với câu “*vô dũ đẳng giả*” trong phần trước. “*Chánh Giác đại âm, hưởng lưu thập phương*”: Tán thán âm thanh nói năng của Như Lai, trong thế gian chẳng có gì sánh bằng được. “*Hưởng*” (響) là âm sắc của Phật, tức là âm thanh Chánh Giác to lớn, có thể vang dội truyền khắp mười phương.

“*Giới văn tinh tấn, tam-muội trí huệ, oai đức vô lữ, thù thắng hy hữu*” (Giới, văn, tinh tấn, tam-muội, trí huệ, oai đức khôn tây, thù thắng, hiếm có): Quang minh và âm thanh của chư Phật Như Lai đều là chẳng có gì sánh bằng nổi! Vì sao Thế Tụ Tại Vương Như Lai có quả báo tốt đẹp dường ấy? Do Ngài có hạnh nhân, tức là nói đến cái nhân trong đời quá khứ của Ngài, do tu pháp môn Lục Độ mà thành tựu trì giới, đa văn, tinh tấn. “*Tam-muội*” là Thiền Định, “*trí huệ*” là Bát Nhã. “*Oai đức vô lữ*” (Oai đức không có ai ngang bằng): Oai đức cao thượng như thế đó. “*Vô lữ*” chính là “*vô luân*” trong phần trước, [đều hàm nghĩa] không ai có thể sánh bằng Ngài. “*Thù thắng hy hữu*”: Thù thắng nhất, hiếm có nhất!

“*Thâm đế thiện niệm, chư Phật pháp hải*” (Thiện niệm sâu chắc, biển pháp chư Phật): Đây là tán thán ý nghiệp của đức Phật. Thiện niệm của Phật rất sâu; không chỉ là rất sâu, mà còn tường tận, chắc thật. Đây là tâm niệm của Phật. “*Chư Phật pháp hải*”: Thiện niệm của Ngài sâu xa, niệm gì vậy? Nghĩ tới Phật pháp của chư Phật. Phật pháp của chư Phật rộng lớn, rất sâu, giống như biển nên gọi là “*pháp hải*” (biển pháp). “*Cùng thâm tận áo, cứu kỳ nhai đế*” (Cùng tốt sâu mầu, thấu suốt bờ mé và đáy biển): Mỗi vị Phật thành Phật, đều là dụng công tu hành. Ngài nghĩ tới biển pháp của chư Phật, đều muốn thấu hiểu tốt cùng chỗ sâu thẳm, trọn hết những chỗ áo diệu. “*Cứu kỳ nhai đế*” (Thấu suốt tận bờ mé và đáy biển): Biển cả mênh mông, muốn hiểu biết thấu suốt ranh giới của biển. Biển cả rất sâu, cũng mong hiểu thấu suốt

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tận đáy biển. Như vậy thì mới có thể hoàn toàn hiểu rõ biên pháp của chư Phật.

“*Vô minh dục nô, Thế Tôn vĩnh vô*” (Thế Tôn vĩnh viễn, chẳng có vô minh, sân hận, tham dục): “*Vô minh*” là căn bản vô minh, “*dục*” là tham dục, “*nô*” là sân giận, bao gồm cả Si, tức là ngu si. Những món tham, sân, si này chính là Chi Mạt Vô Minh (vô minh cành nhánh). Đức Thế Tôn thấy đều chẳng có [những món phiền não] Căn Bản Vô Minh và Chi Mạt Vô Minh ấy. Nói đến đây đều nhằm tán thán công đức của Phật. Kế tiếp là một bài kệ rưỡi nhằm tổng kết những điều đã tán thán.

“*Nhân hùng Sư Tử, thân đức vô lượng*”: Bậc đại hùng trong nhân gian, giống như sư tử giữa các loài thú. Thân thông và oai đức của Ngài vô lượng vô biên. “*Công huân quảng đại, trí huệ thâm diệu, quang minh oai tướng, chân động đại thiên*” (Công huân rộng lớn, trí huệ sâu màu, quang minh, oai tướng, chân động tam thiên đại thiên thế giới): Dùng một bài kệ rưỡi này để tập trung tổng kết các công đức trong năm bài kệ rưỡi trước đó. Tổng cộng là bảy bài kệ tụng, đều nhằm tán thán công đức của Phật.

Đoạn thứ hai gồm mười bài kệ tụng. Năm bài kệ tụng đầu nêu ra nguyện tâm của Ngài, mong cầu Pháp Thân của Phật, mong cầu chánh báo của Phật. Năm bài kệ tụng sau cho thấy nguyện tâm của Ngài là mong cầu một cõi Phật thanh tịnh.

2.2.1.2.1.3.2. Phát nguyện cầu Phật

2.2.1.2.1.3.2.1. Khởi lên nguyện tâm

2.2.1.2.1.3.2.1.1. Cầu Pháp Thân của Phật (gồm năm bài kệ tụng)

(Kinh) Nguyện ngã tác Phật, tề thánh Pháp Vương, quá độ sanh tử, mị bất giải thoát. Bồ thí điều ý, giới, nhẫn, tinh tấn. Như thị tam-muội, trí huệ vô thượng, ngô thệ đắc Phật, phổ hành thử nguyện, nhất thiết khủng cụ, vị tác đại an, giả linh hữu Phật, bách thiên ức vạn, vô lượng đại thánh, số như hằng sa, cúng dường nhất thiết, tư đấng chư Phật, bất như cầu đạo, kiên chánh bất khước.

(經)願我作佛，齊聖法王。過度生死，靡不解脫。布施調意，戒忍精進，如是三昧，智慧無上。吾誓得佛，普行此願。一切恐懼，為作大安。假令有佛，百千億萬，無量大聖，數如恆沙。供養一切，斯等諸佛，不如求道，堅

正不卻。

(*Kinh*: *Nguyện con thành Phật, bằng thánh Pháp Vương, vượt khỏi sanh tử, đều được giải thoát, bố thí, điều tâm, giới, nhẫn, tinh tấn. Tam-muội như thế, trí huệ vô thượng, con sẽ thành Phật, hành khắp nguyện này, tạo đại an ổn, cho kẻ sợ hãi. Giả sử có Phật, trăm ngàn ức vạn, vô lượng đại thánh, số như hằng sa, cúng dường hết thấy, các vị Phật ấy, chẳng bằng cầu đạo, kiên định cái tâm, đoạn chánh cái tâm, chẳng hề lùi bước*).

Trước tiên, nói về năm bài kệ tụng đầu [trong đoạn này]: “*Nguyện ngã tác Phật, tề thánh Pháp Vương*” (Nguyện cho con thành Phật sẽ bằng với đấng thánh Pháp Vương): Tỳ-kheo Pháp Tạng thấy Thế Tụ Tại Vương Phật công đức vòi vọi, chẳng thể nghĩ bàn, [bèn tâm niệm] “tôi cũng mong thành tựu thân Phật”. Đây gọi là “*kiến hiện tu tề*” (見賢思齊, thấy người hiện bèn mong được bằng). Ta có ý nguyện muốn làm Phật, nguyện ta sẽ thành Phật. “*Tề thánh Pháp Vương*” [nghĩa là] giống như bậc đại thánh, Thế Tụ Tại Vương Phật là đấng Pháp Vương. Đây là mong cầu thân Phật. “*Quá độ sanh tử, mị bất giải thoát*” (Vượt thoát sanh tử, không điều gì chẳng giải thoát): Phạm phu có sanh tử, trong tam giới thì gọi là Phần Đoạn Sanh Tử. Tam thừa thánh nhân vượt khỏi tam giới, nhưng hãy còn có Biến Dịch Sanh Tử. Nếu thành Phật thì sẽ vượt thoát hai loại sanh tử ấy. Đây là triệt để giải thoát sanh tử.

“*Bố thí điều ý, giới nhẫn tinh tấn, như thị tam-muội, trí huệ vô thượng*” (Bố thí, điều hòa tâm ý, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn. Tam-muội như thế, trí huệ vô thượng): Trong phần trước, tỳ-kheo Pháp Tạng tán thán công đức của Thế Tụ Tại Vương Phật, tán thán nhân hạnh của Phật là do tu tập Lục Độ mà ra. Tôi là tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện muốn thành Phật, muốn vượt thoát sanh tử, chẳng thể chỉ phát nguyện suông, mà phải học tập tu hành thực tiễn, tu bằng cách nào? Nương vào pháp môn Lục Độ để tu. Vì thế, Phật giáo được gọi là Triết Học Thế Gian. [Gọi là] Thế Gian vì thật sự thực hiện, chẳng phải là nói suông! Thành Phật bằng cách nào? Hành pháp môn Lục Độ, trước hết là hành Bố Thí Độ. “*Điều ý*”: Chữ Ý chỉ cái tâm nào? Tâm keo tham; keo kiệt, tham lam chẳng thể xả. Ta phải hành bố thí, phải chế ngự cái tâm keo tiếc (keo kiệt, tiếc nuối) và tâm tham dục của chính mình. [Hai cái tâm ấy] được gọi gộp chung là tâm keo tham (xan tham). [“*Điều ý*”] là điều

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

phục cái tâm ý ấy. Đối với Giới thì phải trì giới; đối với Nhẫn thì phải tu nhẫn nhục, phải tu Tinh Tấn. “*Như thị tam-muội*” (Tam-muội như thế) là Thiên Định. “*Trí huệ vô thượng*” là Bát Nhã. Tu pháp môn Lục Độ này, Thế Tụ Tại Vương Phật đã làm như vậy; ta, tức tỳ-kheo Pháp Tạng, cũng bằng lòng làm như vậy!

“*Ngô thệ đắc Phật*” (Tôi thề thành Phật): Tôi đã phát đại nguyện, lại phát đại thệ, nên gọi là “*hoằng thệ đại nguyện*”, nhất định sẽ đạt được Phật quả. “*Phổ hành thử nguyện*” (Hành trọn khắp nguyện này): Tôi phát ra đại nguyện, tôi muốn thành Phật, tôi lại hành nguyện này, dùng hạnh để thực hiện nguyện. Nếu không, [lời nguyện ấy] sẽ trở thành nguyện sông. Thực hành cái nguyện ấy như thế nào? Chính là phải hành Lục Độ. “*Nhất thiết khủng cụ, vị tác đại an*” (Vì hết thảy kẻ sợ hãi, tạo sự an ổn to lớn): Sẽ độ chúng sanh. Hành pháp môn Lục Độ ở nơi đâu? Hành trên thân của chúng sanh. Đại Thừa Phật pháp dùng độ chúng sanh để tu hành. Chúng sanh kinh sợ, gặp tai mắc nạn sẽ kinh hoảng, lưu chuyển sanh tử sẽ kinh hoảng, tôi giúp cho họ tiêu tai thoát nạn, giúp họ liễu thoát sanh tử, khiến cho họ được đại an lạc. Đây là hành nguyện này!

“*Giả linh hữu Phật, bách thiên ức vạn*” (Giả sử có trăm ngàn ức vạn vị Phật): “*Giả linh*” (假令) có nghĩa là giả thiết. Giả thiết rằng hiện tại có nhiều vị Phật ngàn ấy trên thế gian, nhiều cỡ nào? Nhiều đến “*bách thiên ức vạn*” (trăm ngàn ức vạn)²¹, còn có “*vô lượng đại thánh, số như hằng sa*” (vô lượng đại thánh, số nhiều như cát sông Hằng). “*Đại thánh*” là đại Bồ Tát, nhiều cỡ nào? Nhiều đến hằng hà sa số. “*Cúng dường nhất thiết, tư đẳng chư Phật*” (Cúng dường hết thảy các vị Phật như thế): Tôi sẽ cúng dường, cúng dường trăm ngàn ức chư Phật, cúng dường hằng hà sa số đại Bồ Tát. “*Bất như cầu đạo, kiên chánh bất khước*”, [ý nói] quý vị cúng dường trăm ngàn ức chư Phật Thế Tôn, cúng dường các vị đại Bồ Tát số đến vô lượng, chẳng bằng quý vị cầu Phật đạo, kiên định cái tâm, đoan chánh cái tâm, cầu bất thoái chuyển. Đây là thật sự cúng dường Phật, Bồ Tát, chẳng bằng quý vị dụng công tu hành! Đó gọi là “*trong các thứ cúng dường, pháp cúng dường lớn nhất*”. Lấy chuyện “*độ chúng sanh, hoằng dương Phật pháp*” làm sự cúng dường của quý vị.

²¹ Tuy chánh kinh ghi là “*bách thiên ức vạn*”, nhưng khi giảng câu này, trưởng lão Đạo Nguyên lại nói là “*bách thiên vạn ức*”. Do tôn trọng, chúng tôi giữ nguyên như thế.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Quý vị đừng hiểu ngược ngạo ý nghĩa này, cứ ngỡ là chúng ta chẳng cần cúng Phật, chẳng cần trai tăng để tu hành. Quý vị đến đâu để tu hành? Ở trong núi, ở trong hang, ở trong lều tranh, quý vị lìa khỏi chúng sanh để tu hành. Chẳng phải là ý nghĩa ấy. Tu hành, [đặc biệt là] tu pháp môn Lục Độ, chẳng lìa khỏi chúng sanh. Chẳng hạn như quý vị tu Độ thứ nhất là hành Bố Thí, chẳng có chúng sanh thì quý vị đến nơi đâu để hành Bố Thí? Phải hiểu: Trong Đại Thừa, tu hành chẳng lìa khỏi chúng sanh.

Đến chỗ này, cả năm bài kệ tụng đều nói lên ý mong cầu Phật thân, mong chính mình sẽ thành Phật. Tỳ-kheo Pháp Tạng đã thành A Di Đà Phật, là do phát tâm như vậy, tu hành như vậy. Phát tâm mong thành Phật, mong độ chúng sanh thì phải hành Lục Độ. Năm bài kệ tụng dưới đây thể hiện sự mong cầu thành tựu một quốc độ thanh tịnh.

2.2.1.2.1.3.2.1.2. Cầu Tịnh Độ của Phật (gồm năm bài kệ tụng)

(Kinh) Thí như hằng sa, chư Phật thế giới, phục bất khả kể, vô số sát độ, quang minh tất chiếu, biển thử chư quốc, như thị tinh tấn, oai thần nan lượng, linh ngã tác Phật, quốc độ đệ nhất. Kỳ chúng kỳ diệu, đạo tràng siêu tuyệt, quốc như Nê Hoàn, nhi vô đẳng song, ngã đương mãn ai, độ thoát nhất thiết, thập phương lai sanh, tâm duyệt thanh tịnh, dĩ chí ngã quốc, khoái lạc an ổn.

(經)譬如恆沙，諸佛世界，復不可計，無數剎土。光明悉照，徧此諸國。如是精進，威神難量。令我作佛，國土第一。其眾奇妙，道場超絕。國如泥洹，而無等雙。我當愍哀，度脫一切。十方來生，心悅清淨，已至我國，快樂安隱。

(Kinh: Ví như hằng sa các thế giới Phật, lại chẳng thể tính vô số cõi nước, quang minh đều chiếu, khắp các nước ấy. Tinh tấn như thế, oai thần khó lường. Khiến con thành Phật, cõi nước bậc nhất. Đại chúng kỳ diệu, đạo tràng tuyệt vời, cõi như Niết Bàn, độc nhất không sánh, con sẽ thương xót, độ thoát hết thảy, mười phương sanh về, tâm vui thanh tịnh, sanh vào cõi con, vui sướng, an ổn).

“Thí như hằng sa, chư Phật thế giới” (Ví như các thế giới Phật số nhiều như cát sông Hằng): Phật nhiều đến trăm ngàn vạn ức vị, thế

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

giới của chư Phật cũng là vô lượng. Điều này gọi là “*hu không bất biến*”, số lượng quốc độ của chư Phật cũng nhiều như cát sông Hằng, ví như hằng hà sa số thế giới của chư Phật. “*Phục bất khả kế, vô số sát độ*” (Lại chẳng thể tính đếm vô số cõi nước): “*Sát độ*” (刹土) cũng là thế giới. Hằng hà sa số còn có thể ghi chép, còn có số lượng. “*Phục bất khả kế*” (Lại chẳng thể tính đếm) nghĩa là vô số sát độ, chẳng thể tính toán được! “*Quang minh tất chiếu, biến thử chư quốc*” (Quang minh đều chiếu trọn khắp các cõi nước ấy): Dùng quang minh để chiếu trọn khắp các thế giới của chư Phật. “*Như thị tinh tấn, oai thần nan lượng*” (Tinh tấn như thế, oai thần khó lường): Phải tinh tấn thành tựu một quốc độ, phải có vô lượng tinh tấn và vô lượng oai đức thần lực. “*Nan lượng*” là tinh tấn.

“*Linh ngã tác Phật, quốc độ đệ nhất*” [ý nói] khiến cho tôi là Pháp Tạng, trong tương lai thành Phật, cõi nước của tôi thanh tịnh; trong vô lượng hằng hà sa số các cõi Phật, sẽ trở thành quốc độ thanh tịnh bậc nhất. “*Kỳ chúng kỳ diệu, đạo tràng siêu tuyệt*”, ý nói: Những người sống trong cõi nước của tôi đều kỳ diệu, cõi nước của tôi là một đại đạo tràng. “*Siêu tuyệt*” là vượt trội hết thảy các đạo tràng. “*Quốc như Nê Hoàn, nhi vô đẳng song*”: Quốc độ thanh tịnh của tôi là đại Niết Bàn tràng (đại đạo tràng Niết Bàn) của Như Lai. “*Nê Hoàn*” còn dịch là Niết Bàn. Đại Thừa Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh. Chân thường, chân lạc, chân ngã, chân tịnh. “*Nhi vô đẳng song*” nghĩa là chẳng có cõi nước Phật nào vượt trội cõi nước của tôi. Tôi muôn phát ra nguyện này. “*Ngã đương mãn ai, độ thoát nhất thiết*” (Tôi sẽ thương xót, độ thoát hết thảy): Tôi cầu đạt được quốc độ thanh tịnh bậc nhất ấy để làm gì? Tôi muốn độ thoát chúng sanh. Tôi vì thương xót, nghĩ thương hết thảy chúng sanh; tôi muốn độ thoát hết thảy chúng sanh.

“*Thập phương lai sanh, tâm duyệt thanh tịnh, dĩ chí ngã quốc, khoái lạc an ổn*” ([Chúng sanh từ] mười phương sanh về [cõi của tôi], tâm vui sướng, thanh tịnh. Đã đến cõi nước của tôi, đều vui sướng, an ổn): Mười phương chúng sanh nghe danh tự của tôi, niệm danh hiệu tôi, trong tâm có nhiều niềm vui sướng, nhiều thanh tịnh. Đã sanh vào cõi nước của tôi, đều cảm thấy sung sướng, cảm thấy an ổn. Chữ Ổn (隱) trong “*an ổn*”²² hiện thời được viết với bộ Hòa (禾), [tức 穩],

²² Chữ 隱 hiện thời đọc thành Ân. Do đó, ở đây hòa thượng Đạo Nguyên phải giải thích rõ ràng: Thời cổ, Ổn (穩) và Ẩn (隱) dùng lẫn cho nhau. Khi kinh viết là “*an ổn*” (安隱) thì phải đọc thành “*an ổn*”.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nhưng kinh điển thời cổ đều dùng bộ Nhĩ (tức chữ 隱). Ôi chao! Nơi ấy quá tốt đẹp, thật sự là một đạo tràng để tu đạo.

Đến đây, năm bài kệ tụng này [nhằm diễn tả ý] mong cầu quốc độ thanh tịnh bậc nhất. Đoạn thứ ba gồm ba bài kệ tụng, [thể hiện ý] mong cầu Phật chứng minh những nguyện do từ-kheo Pháp Tạng đã phát trên đây.

2.2.1.2.1.3.2.2. Thỉnh Phật chứng tri (gồm ba bài kệ tụng)

(Kinh) Hạnh Phật minh tín, thị ngã chân chứng, phát nguyện u bỉ, lực tinh sở dục, thập phương Thế Tôn, trí huệ vô ngại, thường linh thử tôn, tri ngã tâm hạnh. Giả sử thân chỉ, chư khổ độc trung, ngã hành tinh tấn, nhẫn chung bất hối.

(經)幸佛明信，是我真證。發願於彼，力精所欲。十方世尊，智慧無礙，常令此尊，知我心行。假使身止，諸苦毒中，我行精進，忍終不悔。

(Kinh: Mong Phật tin, hiểu, chứng thực cho con. Phát nguyện như vậy, dốc sức tinh tấn, hòng thỏa lòng mong. Mười phương Thế Tôn, trí huệ vô ngại, thường khiến đức Phật biết tâm hạnh con. Giả sử thân ở trong các khổ độc, con hành tinh tấn, nhẫn nại chẳng hối).

“*Hạnh Phật minh tín*”: Hãy nên hiểu chữ Hạnh (幸) là Nguyện, [tức là] nguyện Thế Tự Tại Vương Phật hãy hiểu cho con, tin tưởng con. “*Thị ngã chân chứng*” [nghĩa là] Phật là người thật sự chứng minh cho con. “*Phát nguyện u bỉ, lực tinh sở dục*”, ý nói: Con đối trước Thế Tự Tại Vương Như Lai phát nguyện, con sẽ gắng sức siêng năng tinh tấn hòng đạt được những điều con mong muốn, ước nguyện. “*Thập phương Thế Tôn, trí huệ vô ngại, thường linh thử tôn, tri ngã tâm hạnh*” (Mười phương Thế Tôn trí huệ vô ngại, thường khiến cho đức Phật này biết tâm hạnh của con): Mười phương Thế Tôn trí huệ vô chướng vô ngại. “*Thường linh thử tôn*”: Sẽ thường làm cho đức Thế Tôn Thế Tự Tại Vương Như Lai mà con đang đối trước Ngài phát nguyện đây thấu biết tâm hạnh của con. Con bằng lòng phát nguyện, bằng lòng tu hành như thế đấy. Thế Tự Tại Vương Như Lai hãy biết cho con, mười phương Thế Tôn đều có thể chứng minh.

“*Giả sử thân chỉ, chư khổ độc trung, ngã hành tinh tấn, nhẫn chung bất hối*” (Giả sử thân con ở trong các nỗi khổ sở, tàn độc, con

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

vẫn hành tinh tấn, chịu đựng, trọn chẳng hối tiếc): Do đã phát nguyện như trên, kể đó lại tu tập, nêu thân con ở trong các sự khổ não lớn nhất, sự độc hại lớn nhất giáng xuống thân con, đạo tâm của con trọn chẳng lui sụt. “*Ngã hành tinh tấn*”, [nghĩa là] con sẽ tu hành tinh tấn, chẳng lùi, sẽ hành công phu nhẫn nhục, trọn chẳng lui sụt, hối hận. Đây là như Đại Trí Độ Luận đã nói: “*Giả sử nhiệt thiết luân, tại ngã đánh thương toàn, chung bất vị thử khổ, thoái thất Bồ Đề tâm*” (Giả sử vòng sắt nóng, xoay trên đỉnh đầu con, trọn chẳng vì khổ ấy, thoái thất tâm Bồ Đề). Khổ sở cỡ nào, con trọn chẳng thoái chuyển, hối hận. Đây là đại nguyện do con đã phát.

Tôi thường nói “*chúng ta giảng đến đâu bèn học đến đó*”. Chúng ta phải học theo tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện, học theo tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện muốn tạo ra thế giới Cực Lạc để độ chúng sanh. Hiện thời, quý vị phát nguyện, trước hết là mong mở một tự viện thanh tịnh, mở một đạo tràng để độ chúng sanh. Mở một đạo tràng, mở một tự viện chẳng phải là chuyện đơn giản, nhất định sẽ có đủ loại ma nạn. Nếu quý vị gặp phải đôi chút ma nạn, chịu đựng chút khổ, đạo tâm của quý vị lui sụt, [vậy thì] đến khi nào tự viện của quý vị mới có thể thành công?

2.2.1.2.2. Nêu ra hạnh xuất thế

2.2.1.2.2.1. Nêu đại lược những điều đã tu

2.2.1.2.2.1.1. Pháp Tạng thỉnh cầu lần đầu, Như Lai từ chối, nói tỳ-kheo đã biết rồi, chẳng vì tỳ-kheo tuyên nói

(Kinh) Phật cáo A Nan: - Pháp Tạng tỳ-kheo thuyết thử tụng dĩ, nhi bạch Phật ngôn: “Dụ nhiên, Thế Tôn! Ngã phát Vô Thượng Chánh Giác chí tâm, nguyện Phật vị ngã quảng tuyên kinh pháp, ngã đương tu hành, nhiếp thủ Phật quốc thanh tịnh trang nghiêm vô lượng diệu độ, linh ngã ư thế, tốc thành Chánh Giác, bạt chư sanh tử căn khổ chi bản”.

Phật cáo A Nan: - Thời Thế Tự Tại Vương Phật, ngữ Pháp Tạng tỳ-kheo: “Như sở tu hành, trang nghiêm Phật độ, như tự đương tri”.

(經)佛告阿難：法藏比丘說此頌已，而白佛言：「唯然，世尊！我發無上正覺之心。願佛為我廣宣經法，我當修行，攝取佛國清淨莊嚴無量妙土。令我於世，速成正覺

，拔諸生死勤苦之本。」佛告阿難：時世自在王佛，語法藏比丘：「如所修行，莊嚴佛土，汝自當知。」

(Kinh: Đức Phật bảo ngài A Nan: - Tỳ-kheo Pháp Tạng nói bài kệ tụng ấy xong, bèn bạch đức Phật rằng: “Kính vâng, đức Thế Tôn! Con đã phát tâm Vô Thượng Chánh Giác. Nguyên Phật hãy vì con tuyên nói rộng rãi các kinh pháp, con sẽ tu hành, nhiếp thủ cõi nước mẫu nhiệm thanh tịnh trang nghiêm vô lượng, khiến cho con ở trong cõi đời mau thành Chánh Giác, dẹp trừ cội gốc của các thứ sanh tử siêng khổ”.

Đức Phật bảo ngài A Nan: - Lúc bấy giờ, Thế Tụ Tại Vương Phật bảo tỳ-kheo Pháp Tạng: “Như chuyện tu hành, trang nghiêm cõi Phật của ông, ông hãy tự nên biết”).

Trong đoạn kinh văn này, Thích Ca Mâu Ni Phật đã kể cho tôn giả A Nan chuyện phát tâm của tỳ-kheo Pháp Tạng; do đó, xét theo cách hành văn, mỗi đoạn đều cần phải có lời mào đầu. “*Phật cáo A Nan*” (Đức Phật bảo ngài A Nan) là lời giới thiệu. Tỳ-kheo Pháp Tạng trong vô lượng kiếp xưa kia, “*thuyết thử tụng dĩ*”, [ý nói] tỳ-kheo Pháp Tạng nói xong bài kệ trên đây, “*nhi bạch Phật ngôn*” (bèn bạch đức Phật rằng), tỳ-kheo Pháp Tạng lại thừa cùng Thế Tụ Tại Vương Như Lai. “*Duy nhiên Thế Tôn*”: “*Duy nhiên*” là cách nói thông dụng trong tiếng Ấn Độ, [có nghĩa là] “đúng vậy! Thừa đức Thế Tôn!” “*Ngã phát Vô Thượng Chánh Giác chi tâm*”, con đã phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, cũng chính là tâm Vô Thượng Bồ Đề. “*Nguyên Phật vị ngã quảng tuyên kinh pháp*” (Xin đức Phật hãy vì con rộng tuyên kinh pháp): Con bằng lòng, con hy vọng Thế Tụ Tại Vương Phật sẽ vì con mà giảng nói các kinh pháp. “*Ngã đương tu hành*”, [nghĩa là] con sẽ nương theo kinh pháp do đức Phật đã dạy để tu hành.

“*Nhiếp thủ Phật quốc thanh tịnh trang nghiêm vô lượng diệu độ*”: Con tu hành là vì muốn nhiếp thủ (giữ lấy, thu tóm) cõi Phật thanh tịnh trang nghiêm. Trong phần trước, Ngài đã nói: Con phát ra đại nguyện, con mong tạo ra một đạo tràng thanh tịnh trang nghiêm, tức là tạo ra một thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc ấy chẳng phải là bỗng dưng mà có, phải tu hành! Tu hành là tu như thế nào? Xin Thế Tụ Tại Vương Phật khai thị, khiến cho con khéo nương theo lời khai thị của Phật mà tu hành, hòng “*nhiếp thủ Phật quốc thanh tịnh trang nghiêm*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

vô lượng diệu độ, linh ngã v thế, tốc thành Chánh Giác” (nhiếp thủ cõi Phật là cõi thanh tịnh trang nghiêm vô lượng màu nhiệm, khiến cho con trong cõi đời, sẽ mau thành Chánh Giác). Con tu hành là vì muốn thành tựu một cõi nước vô lượng màu nhiệm. Trong quốc độ thanh tịnh chẳng thể nghĩ bàn ấy, sẽ khiến cho con mau chóng thành Chánh Giác, ngay lập tức thành Phật.

“*Bạt chư sanh tử căn khổ chi bốn*” (Dẹp trừ cội gốc của các nỗi sanh tử siêng khổ): “*Bạt chư*” là [dẹp trừ các nỗi khổ của] các chúng sanh đang lưu chuyển sanh tử, sanh tử là sự khổ to lớn, sanh tử chẳng ngưng dứt, nên gọi “*căn khổ*”. Thêm chữ Cần (勤) vào trước chữ Khổ (苦) [nhằm diễn tả] sự khổ chẳng ngưng dứt. Con muốn dẹp trừ cội gốc sanh tử chẳng ngưng dứt cho chúng sanh, đây gọi là “*Bi năng bạt khổ*” (lòng Bi có thể dẹp khổ). Con hy vọng “*tốc thành Chánh Giác*” (chóng thành Chánh Giác). “*Thành Chánh Giác*” là thành Phật, thành Phật chứ không phải thành A La Hán! Thành Phật là để dẹp trừ căn bản sanh tử cho chúng sanh, vì độ chúng sanh mà thành Phật.

“*Phật cáo A Nan*” (Đức Phật bảo ngài A Nan): “*Phật*” ở đây là Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Do đang kể về tỳ-kheo Pháp Tạng, nên [kinh văn] lại mào đầu bằng một câu “*Phật cáo A Nan*” (Đức Phật bảo ngài A Nan). “*Thời Thế Tự Tại Vương Phật*”: Khi ấy, Thế Tự Tại Vương Phật, “*ngữ Pháp Tạng tỳ-kheo*”, [nghĩa là] nói với tỳ-kheo Pháp Tạng: “*Như sở tu hành, trang nghiêm Phật độ, nhữ tự đương tri*”, [nghĩa là] như đối với chuyện tu hành, ông mong cầu pháp môn trang nghiêm cõi Phật, ông hãy tự biết, ta không nói cho ông, chính ông phải nên hiểu biết. Vì trong phần trước, khi tỳ-kheo Pháp Tạng tán thán Thế Tự Tại Vương, trông thấy cái quả bèn suy ra cái nhân: Thế Tự Tại Vương Phật [thành Phật là] do dùng pháp môn Lục Độ làm cái nhân để tu hành thành tựu. Bản thân tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện sẽ thành Phật, Ngài cũng phát nguyện sẽ tu pháp môn Lục Độ. Đây là pháp môn của bậc Đại Thừa Bồ Tát, tức là Lục Ba La Mật (ṣaḍ-pāramitā), [hay còn gọi là] Lục Độ: Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, và Trí Huệ. Pháp môn Lục Độ này ông thấy đều biết cả rồi, tu như vậy là đúng rồi, còn hỏi chi nữa?

2.2.1.2.2.1.2. Pháp Tạng thỉnh lần nữa, Như Lai tuyên thuyết

(Kinh) Tỳ-kheo bạch Phật: “Tu nghĩa hoằng thâm, phi ngã cảnh giới. Duy nguyện Thế Tôn, quảng vị phu diễn chư Phật Như

Lai tịnh độ chi hạnh. Ngã văn thử dĩ, đương như thuyết tu hành, thành mãn sở nguyện”. Nhĩ thời, Thế Tụ Tại Vương Phật, tri kỳ cao minh, chí nguyện thâm quảng, tức vị Pháp Tạng tỳ-kheo nhi thuyết kinh ngôn: “Thí như đại hải, nhất nhân đấu lượng, kinh lịch kiếp số, thượng khả cùng đễ, đắc kỳ diệu bảo. Nhân hữu chí tâm tinh tấn, cầu đạo bất chỉ, hội đương khắc quả, hà nguyện bất đắc?” U thị, Thế Tụ Tại Vương Phật, tức vị quảng thuyết nhị bách nhất thập ức chư Phật sát độ, thiên nhân chi thiện ác, quốc độ chi thô diệu, ứng kỳ tâm nguyện, tất hiện dữ chi.

(經)比丘白佛：「斯義弘深，非我境界。唯願世尊，廣為敷演諸佛如來淨土之行。我聞此已，當如說修行，成滿所願。」爾時世自在王佛，知其高明，志願深廣，即為法藏比丘而說經言：「譬如大海，一人斗量，經歷劫數，尚可窮底，得其妙寶。人有至心精進，求道不止，會當剋果，何願不得？」於是世自在王佛，即為廣說二百一十億諸佛剎土，天人之善惡，國土之麤妙，應其心願，悉現與之。

(*Kinh: Tỳ-kheo bạch Phật: “Nghĩa ấy rộng sâu, chẳng phải là cảnh giới của con. Kính mong đức Thế Tôn, hãy vì con phổ diễn rộng rãi hạnh Tịnh Độ của chư Phật Như Lai. Con nghe hạnh ấy rồi, sẽ tu hành đúng như lời dạy, thành tựu viên mãn lời nguyện”. Lúc bấy giờ, Thế Tụ Tại Vương Phật biết tỳ-kheo cao minh, chí nguyện sâu rộng, liền vì tỳ-kheo Pháp Tạng nói kinh như sau: “Vì như biển cả, có một người dùng đấu để đong, trải qua nhiều kiếp, còn có thể thấu đến tận đáy, đạt được của báu màu nhiệm. Người có lòng chí tâm tinh tấn, cầu đạo chẳng ngừng, ắt sẽ đạt được cái quả, có nguyện nào mà chẳng đạt được?” Ngay lúc đó, Thế Tụ Tại Vương Phật liền vì tỳ-kheo nói rộng hai trăm mười ức các cõi Phật, sự thiện ác của trời người, cõi nước thô thiên hay tinh diệu, ứng với tâm nguyện của tỳ-kheo thấy đều hiện ra cho thấy).*

“Tỳ-kheo bạch Phật”: Tỳ-kheo Pháp Tạng bạch với Thế Tụ Tại Vương Phật. “Tu nghĩa hồng thâm, phi ngã cảnh giới” (Nghĩa ấy rộng sâu, chẳng phải là cảnh giới của con): “Con phát ra nguyện to lớn, rất sâu này, chẳng phải là cảnh giới hiện thời của con, nhất định phải

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

cầu Phật dạy con nhiều hơn”. Vì sao? Vì trước đó, tỳ-kheo Pháp Tạng đã nói, Ngài muốn tạo ra một quốc độ, quốc độ bậc nhất. Ngài muốn tạo nên một đạo tràng, đạo tràng siêu tuyệt, tức là trong cả hư không, hết thấy các quốc độ của chư Phật đều chẳng sánh bằng. Quốc độ mới toanh, chuyện này lớn lắm, sâu lắm. Do vậy, *“tư nghĩa hoằng thâm”* (nghĩa ấy rộng sâu), chẳng phải là cảnh giới của con! *“Duy nguyện Thế Tôn, quảng vị phu diễn”* (Kính mong đức Thế Tôn hãy rộng phô diễn cho con): Xin hãy nói nhiều hơn. *“Phu”* (敷) là khai diễn, *“chư Phật Như Lai tịnh độ chi hạnh”* (hạnh Tịnh Độ của chư Phật Như Lai), trong hư không, tịnh độ của chư Phật rất nhiều, vị Phật nào tu hạnh tịnh độ nào? Vị Phật nào tu pháp môn nào? Xin Ngài hãy giảng nhiều hơn cho con. *“Ngã văn thử dĩ, đương như thuyết tu hành”*, [nghĩa là] sau khi con nghe Thế Tụ Tại Vương Phật bảo ban, con nhất định sẽ tu hành đúng như lời Phật dạy. *“Thành mãn sở nguyện”*, ý nói: Có thể thành tựu viên mãn những đại nguyện mà con đã phát.

“Nhĩ thời, Thế Tụ Tại Vương Phật, tri kỳ cao minh, chí nguyện thâm quảng”, ý nói: Lúc bấy giờ, Thế Tụ Tại Vương Phật biết tỳ-kheo phát tâm, ông ta rất cao minh, đã lập chí nguyện quá sâu, quá rộng. *“Tức vị Pháp Tạng tỳ-kheo nhi thuyết kinh ngôn”* [nghĩa là] liền giảng kinh cho tỳ-kheo Pháp Tạng. Lời đức Phật nói ra thì gọi là Kinh. Kế đó, Thế Tụ Tại Vương Phật vì tỳ-kheo Pháp Tạng nói kinh như sau: *“Thí như đại hải, nhất nhân đấu lượng, kinh lịch kiếp số, thượng khả cùng để, đắc kỳ diệu bảo. Nhân hữu chí tâm tinh tấn, cầu đạo bất chỉ, hội đương khắc quả, hà nguyện bất đắc?”* (Ví như biển cả, có một người dùng đấu để đong, trải qua nhiều kiếp, còn có thể thấu đến tận đáy, đạt được của báu mâu nhiệm. Người có lòng chí tâm tinh tấn, cầu đạo chẳng ngừng, ắt sẽ đạt được cái quả, có nguyện nào mà chẳng đạt được?) Thế Tụ Tại Vương Phật bèn khai thị: - Người phát nguyện rất sâu, rất rộng, người phải phát khởi cái tâm lâu xa, còn phải phát tâm tinh tấn. Lâu xa là vì chẳng thể thành công trong một thời gian ngắn. Nếu người giải đãi, buông lung, dẫu thời gian rất lâu, vẫn chẳng hữu dụng. Dẫu thời gian dài cách mấy, vẫn phải tinh tấn.

Trước tiên, [đức Phật] nói một thí dụ. Ví như có một người muốn thu nhặt của báu nơi đáy biển, dưới đáy biển có bảo châu ma-ni. Có được bảo châu ma-ni, sẽ có thể cứu độ hết thấy mọi người trong thế gian. Viên bảo châu ma-ni ấy được gọi là Như Ý Bảo Châu. Treo viên Như Ý Châu ấy lên, treo trên sào cao, người cầu nguyện bèn tận lực tìm kiếm ở dưới. Quý vị cầu gì, ở phía dưới châu Ma Ni sẽ ban cho quý vị

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thứ đó, đều đúng như ý của quý vị, nên gọi là Như Ý Châu. Người ấy muốn cứu độ những kẻ bần cùng, khổ não trong thế gian, kẻ chẳng có quần áo sẽ có quần áo, chẳng có đồ ăn sẽ có đồ ăn. Hễ có được bảo châu ma-ni, sẽ đều có thể mãn nguyện. Bảo châu ma-ni ở nơi đâu? Ở dưới đáy biển. Người ấy bèn phát tâm, muốn múc cạn nước biển. Dùng thứ gì để múc? Hiện thời còn có máy bơm nước, thời cổ chẳng có máy bơm nước. [Người ấy] dùng đầu để đong, tức là dùng đầu múc nước biển, trải qua nhiều đại kiếp, kết quả sẽ như thế nào? Tắt cạn nước biển, thâu tận đáy, bèn đạt được diệu bảo. Điều này có nghĩa là: Chỉ cần quý vị có nguyện tâm kiên cố, chiếu theo nguyện tâm của quý vị mà tu hành, chẳng có gì không đạt được mục đích.

Phản kinh văn tiếp theo thí dụ ấy đã chép: “*Nhân hữu chí tâm tinh tấn*”, [ý nói] quý vị có cái tâm chí thành, tinh tấn, chẳng giải đãi. “*Cầu đạo bất chỉ, hội đương khắc quả*” (Cầu đạo chẳng ngừng, sẽ có thể đạt được cái quả). Hãy nên hiểu chữ Khắc (克) là “có thể chứng”. Trong tương lai, quý vị sẽ nhất định chứng đắc quả vị. “*Hà nguyện bất đắc?*”, ý nói: Quý vị phát ra nguyện gì, chẳng có nguyện nào không được mãn nguyện, nhất định sẽ mãn nguyện. “*U thị, Thế Tụ Tại Vương Phật, tức vị quảng thuyết nhị bách nhất thập ức chư Phật sát độ, thiên nhân chi thiện ác, quốc độ chi thô diệu, ứng kỳ tâm nguyện, tất hiện dữ chi*” (Ngay khi ấy, Thế Tụ Tại Vương Phật liền vì tỳ-kheo nói rộng rãi hai trăm mười ức các cõi Phật, sự thiện ác của trời người, sự thô thiện hay tinh diệu trong cõi nước, ứng với tâm nguyện của tỳ-kheo mà đều hiện cho thấy). Đoạn này được mở đầu bằng lời khích lệ. Ông đã phát nguyện ấy rất cao sâu, nhưng ông phải tinh tấn. Tiếp đó, [Thế Tụ Tại Vương Phật] bèn dạy tỳ-kheo Pháp Tạng pháp môn Tịnh Độ. Đối với một vị Phật nào đó, một quốc độ nào đó, đức Phật ấy đã tu tịnh độ ấy như thế nào? Tu nhân hạnh gì? Kết thành quả gì? Một Phật độ [tối thiểu] là một tam thiên đại thiên thế giới.

[Thế Tụ Tại Vương Phật] đã nói bao nhiêu [cõi Phật] như thế? Nói rộng đến hai trăm mười ức sát độ của chư Phật. “*Sát độ*” (刹土) là thế giới, nhưng đều là tịnh độ, còn có điểm bất đồng là trời người có khi là thuần thiện hay thuần ác, còn có những cõi thiện ác xen tạp. Quốc độ có khi là thuần diệu chẳng thô, có khi là thô lẫn diệu đều có. Quốc độ thanh tịnh của mười phương chư Phật đều là cõi nước thanh tịnh, trong ấy cũng có cõi không trang nghiêm cho lắm. Do vậy, đức Phật vừa bảo tỳ-kheo Pháp Tạng, mỗi vị Phật trong mỗi cõi Phật đều có thần thông diệu dụng, vừa nói cảnh giới bảo tỳ-kheo hãy xem: “*Ứng kỳ*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tâm nguyện, tất hiện dữ chi” (Ứng theo tâm nguyện của tỳ-kheo đều hiện cho thấy). Nói đến cõi Phật nào, “ông cứ xem đi!” Liên hiện quốc độ ấy cho tỳ-kheo thấy. Chẳng hạn như nói đến thế giới của Phật Dược Sư là cõi lưu ly trang nghiêm, ngay lúc đó liền bảo tỳ-kheo hãy xem thử.

2.2.1.2.2.1.3. Pháp Tạng nghe dạy, y pháp tu hành

(Kinh) Thời bĩ tỳ-kheo, văn Phật sở thuyết nghiêm tịnh quốc độ, giai tất đồ kiến, khởi phát vô thượng thù thắng chí nguyện. Kỳ tâm tịch tĩnh, chí vô sở trước, nhất thiết thế gian, vô năng cập giả, cụ túc ngũ kiếp, tư duy nhiếp thủ trang nghiêm Phật quốc thanh tịnh chi hạnh.

A Nan bạch Phật: - Bĩ Phật quốc độ, thọ lượng kỷ hà?

Phật ngôn: - Kỳ Phật thọ mạng, tứ thập nhị kiếp. Thời Pháp Tạng tỳ-kheo, nhiếp thủ nhị bách nhất thập ức chư Phật diệu độ thanh tịnh chi hạnh.

(經)時彼比丘，聞佛所說嚴淨國土，皆悉覩見，起發無上殊勝之願。其心寂靜，志無所著。一切世間，無能及者。具足五劫，思惟攝取莊嚴佛國清淨之行。阿難白佛：彼佛國土，壽量幾何？佛言：其佛壽命，四十二劫。時法藏比丘，攝取二百一十億諸佛妙土清淨之行。

(Kinh: Khi ấy, vị tỳ-kheo đó nghe đức Phật nói các cõi nước trang nghiêm, thanh tịnh, thấy đều trông thấy, bèn phát khởi nguyện thù thắng vô thượng. Tâm Ngài tịch tĩnh, chí chẳng đả chấp, hết thấy thế gian chẳng ai có thể sánh bằng, trọn đủ năm kiếp tư duy nhiếp thủ các hạnh thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật.

Ngài A Nan bạch Phật: - Trong cõi Phật ấy, thọ lượng bao nhiêu?

Đức Phật nói: - Thọ mạng của vị Phật ấy là bốn mươi hai kiếp. Khi đó, tỳ-kheo Pháp Tạng nhiếp thủ hạnh thanh tịnh từ hai trăm mười ức các cõi nước màu nhiệm của chư Phật).

“Thời bĩ tỳ-kheo” (Khi ấy, tỳ-kheo), [“tỳ-kheo”] tức là tỳ-kheo Pháp Tạng, “văn Phật sở thuyết” [nghĩa là] nghe Thế Tụ Tại Vương Phật nói, “nghiêm tịnh quốc độ”, các loại cõi nước trang nghiêm, thanh

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tình đó, “*giai tất đồ kiến*”, thầy đều tận mắt trông thấy. Đó là thần thông diệu dụng của Thế Tụ Tại Vương Phật, vừa nói cho tỳ-kheo nghe, vừa khiến cho tỳ-kheo trông thấy.

Nay chúng tôi rút nhỏ con số một tí để chúng ta có thể kiên cố tín tâm của chính mình. Hiện thời, chúng ta có thể quán tưởng: Có một vị đại đức tỳ-kheo phát tâm muốn tạo lập một thập phương đạo tràng để có thể cho người xuất gia trong mười phương đều đến đó tu hành. Vị này là tỳ-kheo mới phát tâm, tìm được một vị lão sư phụ, bèn thỉnh giáo vị ấy khai thị: “Con phát nguyện rất lớn, rất cao như thế đó, nhưng con chẳng biết tu như ra sao? Tạo như thế nào? Thầy là bậc tham phỏng nhiều, học rộng, đã từng thấy quá nhiều đạo tràng, hy vọng thầy sẽ dạy nhiều điều cho con tham khảo”. Vị lão tu hành ấy chỗ nào cũng đã từng đi qua, lại còn rất lưu tâm, hễ đến một đạo tràng, [vị ấy bèn chú tâm quan sát] đạo tràng ấy tốt đẹp như thế nào? Tốt đẹp ở chỗ nào? Còn có những chỗ nào chưa tốt, vị ấy đều ghi nhớ rất rõ ràng, lại còn chụp vào phim, đều giữ được. Nay gặp vị tỳ-kheo mới phát tâm xin vị [lão tu hành] ấy chỉ dạy, vị ấy liền lấy ra toàn bộ những thước phim ấy, tối thiểu là có hai mươi một tòa đại tăng lâm. Hai trăm mười ức cõi nước của chư Phật như trong kinh [đã nói] chẳng phải là cảnh giới của chúng ta, tính không ra, nhưng hai mươi một ngôi đại tự viện thì tính toán được!

Chẳng hạn như nói chùa Thiên Ninh, chùa Thiên Đồng, chùa Kim Sơn, chùa Cao Minh... ở Đại Lục, hai mươi một ngôi đại tự viện nổi tiếng, bỏ phim vào máy chiếu, chiếu cho vị tỳ-kheo mới phát tâm xem: “Thầy thấy đây là chùa Thiên Ninh, đại điện tốt đẹp như thế này, như thế nọ”. Lại đổi sang tấm phim khác, chùa Thiên Đồng, chùa Kim Sơn, chùa Cao Minh²³, mỗi mỗi đều bảo tỳ-kheo xem, vừa giảng giải

²³ Tại Đại Lục có quá nhiều chùa tên Thiên Ninh, và đều nổi tiếng, không rõ hòa thượng Đạo Nguyên nói về chùa nào, nhưng do phần lớn các chùa trong đoạn này đều ở Hoa Nam, chúng tôi đoán đây là chùa Thiên Ninh ở Thường Châu tỉnh Giang Tô. Chùa Thiên Ninh được sáng lập từ đời Đường bởi cao tăng Pháp Dung thiền sư với tên Quang Phước Tự. Đến đời Tống, đổi thành Thiên Ninh. Vua Càn Long sáu lần tuần du Giang Nam, đã ba lần viếng chùa này, ngự đề tám hoành phi Long Thành Tượng Giáo.

- Chùa Thiên Đồng ở tại thành phố Ninh Ba, tỉnh Chiết Giang, được sáng lập vào thời Tây Tấn, tiền thân là ngôi thảo am của du tăng Nghĩa Hưng. Theo truyền thuyết, chùa được kiến lập đúng ngay cửa vào động núi Thái Bạch. Thái Bạch Kim Tinh bèn sai đồng tử cõi trời mang thức ăn cúng dường tăng chúng trong suốt thời gian kiến tạo, nên mới gọi là chùa Thiên Đồng (đồng tử cõi trời).

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

đạo tràng nào đó tốt đẹp như thế ấy, nhưng trong đó còn có chút khuyết điểm, cũng bảo cho tỳ-kheo biết. Vị tỳ-kheo mới phát tâm ấy có tài liệu để tham khảo, hai mươi một tòa đại tòng lâm, tất cả những ưu điểm, những chỗ tốt đẹp đều chọn lọc, tòng lâm nào có những khuyết điểm bất hảo, thấy đều loại bỏ. Kiến lập một thập phương tòng lâm, kiến lập một đại đạo tràng như thế đó. Đại đạo tràng ấy trang nghiêm vượt trội hai mươi một tòa tòng lâm, nay đã làm được. Con số nhỏ hơn một tí, chúng ta có thể phát sanh lòng tin. Quý vị phát tâm muốn xây dựng một đại đạo tràng, phát cái tâm ấy là đúng, [thế nhưng] nhất định phải có tài liệu, tham khảo tài liệu cho nhiều, quý vị mới tạo được một ngôi đại đạo tràng, mới có thể trang nghiêm.

Quý vị chẳng tham khảo tài liệu, cứ tùy tiện tạo, chuyện này chẳng phải là cứ có tiền là có thể tạo. Có tiền mà quý vị chẳng biết dùng, sẽ tạo ra [một ngôi tòng lâm] chẳng trang nghiêm. Chúng tôi chẳng cần phải nói đến tên tuổi của ngôi chùa ấy. Có một tự viện tạo một bài lâu²⁴, tốn công chẳng ít, nhưng quá thấp, hoàn toàn chẳng

- Chùa Kim Sơn ở Trấn Giang, tỉnh Giang Tô, là đạo tràng bậc nhất về Thiền Tông thuộc phái Quy Ngưỡng tại Hoa Nam. Chùa xây dựng từ đời Đông Tấn, có tên là Trạch Tâm Tự. Từ đời Đường trở đi, khi thiền sư Pháp Hải trùng tu, Đường Tuyên Tông đã đổi tên chùa thành Kim Sơn. Thời nhà Thanh, Khang Hy xuống Giang Nam tuần du, đã sắc phong chùa tên là Giang Thiên Thiền Tự, nhưng mọi người vẫn gọi chùa này là Kim Sơn Tự. Trong chùa còn giữ chiếc đai ngọc của Tô Đông Pha, cũng như nhiều cổ vật quý giá. Đặc biệt là trong chùa có tòa Văn Tông Các, khi bộ Tứ Khố Toàn Thư được biên soạn hoàn thành, vua Càn Long sai người sao chép lại, cất giữ một bộ tại đây. Chùa nổi tiếng nghiêm ngặt về tọa thiền. Mỗi khóa tọa thiền tối thiểu mấy tiếng đồng hồ.

- Chùa Cao Minh còn gọi là U Khê Đạo Tràng hoặc Tịnh Danh Tự ở tại Đông Bắc huyện Thiên Thai tỉnh Chiết Giang, là tổ đình của tông Thiên Thai. Chùa này do chính Trí Giả đại sư khai sơn.

²⁴ Bài Lâu (牌樓), còn gọi là Bài Phường (牌坊), hay còn gọi là Khuyết (阙) vào đời Hán, hay Phiệt Duyệt (阙阅) dưới đời Tống. Đây là một thứ kiến trúc tương tự như cửa Tam Quan, nhưng khác với cửa Tam Quan là số lượng ô cửa có thể nhiều hơn, nhưng luôn phải là số lẻ. Cửa Tam Quan luôn luôn có cánh cổng, còn Bài Lâu không có cánh cửa. Đây là một kiến trúc được đặt trước lối dẫn vào các điện đường, đại viện, đình tạ v.v... như một thứ nghi môn, gồm hai tầng có mái che, đôi khi là nhiều tầng mái. Dưới mỗi tầng mái có hoành phi ghi rõ danh xưng của bài lâu. Phía dưới đề trống, chia tối thiểu thành ba ô cửa. Cửa chính giữa lớn hơn hai bên, hoặc có khi các ô cửa đều lớn bằng nhau, nhưng mái của các ô phụ phải ít tầng hơn, thấp hơn, nhỏ hơn ô chính giữa. Một điểm đặc trưng khác nữa là cửa Tam Quan luôn có câu đối trên cột, trong khi Bài Lâu không bắt buộc phải có câu đối.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tương xứng với đại điện (chánh điện), trông rất chường mắt! Sao mà xây cất chẳng phối hợp, trước đại điện lại tạo một tòa bài lâu thấp lùn chùn như vậy? Chẳng phải là tôi thấy không thuận mắt, có thể là người thấy gai mắt quá nhiều. Hiện thời, ngôi chùa ấy đã phá bỏ tòa bài lâu ấy, nay họ đã xây một tòa bài lâu cao [tương xứng], chẳng phải là đã tốn tiền oan uổng xây tòa bài lâu thấp chùn trước kia ư? Đó là người phát tâm lần đầu, phát tâm tốt đẹp, nhưng chẳng tham học, chẳng tham khảo tài liệu, làm ra sẽ không đủ trang nghiêm. Do vậy, quý vị phát tâm kiến trúc đạo tràng, phát ra cái tâm ấy là đúng, nhưng nhất định phải có tài liệu để tham khảo, trong Phật môn gọi là “*bảo tham bảo học*” (tham khảo nhiều, học rộng). Quý vị đi khắp nơi xem xét, học hỏi, tham khảo cho nhiều, quý vị xây cất đạo tràng, nhất định sẽ xây dựng vĩ đại, trang nghiêm. Chúng tôi nói đến một cảnh giới bé tí, muốn dựng một đạo tràng, phải chọn lựa tài liệu từ hai mươi một tòa tùng lâm!

Tỳ-kheo Pháp Tạng, tức là A Di Đà Phật trong khi còn tu nhân, cảnh giới to hơn chúng ta nhiều. Thế Tự Tại Vương Phật lại càng chẳng phải là một vị thiện tri thức tâm thường. Vì thế, khi Ngài giảng giải cho tỳ-kheo Pháp Tạng hai trăm mười ức Tịnh Độ, chúng ta có thể biết thế giới Cực Lạc trang nghiêm cỡ nào, trang nghiêm vượt trời hai trăm mười ức Tịnh Độ của chư Phật! Trong hư không, chẳng có cõi Phật tịnh độ thứ hai nào vượt trời thế giới Cực Lạc, vì sao? Vì tỳ-kheo Pháp Tạng chọn lấy sự trang nghiêm từ hai trăm mười ức cõi tịnh, tập hợp chúng lại, tạo thành một đạo tràng. Quý vị hãy ngẫm xem, còn gì có thể vượt trời được chẳng?

“*Khởi phát vô thượng thù thắng chi nguyện*” (Dây khởi nguyện thù thắng vô thượng): Sau khi tỳ-kheo Pháp Tạng trông thấy hai trăm mười ức quốc độ thanh tịnh trang nghiêm, liền phát đại nguyện, phát đại nguyện thù thắng nhất, vô thượng nhất. “*Kỳ tâm tịch tĩnh, chí vô sở trước. Nhất thiết thế gian, vô năng cập giả*” (Tâm Ngài tịch tĩnh, chí chẳng đấm trước, hết thấy thế gian không ai có thể sánh bằng): Ngài phát nguyện, phát ra nguyện thù thắng vô thượng, tức là ta sẽ chất lọc tinh hoa từ hai trăm mười ức quốc độ của chư Phật, ta sẽ tạo thành thế giới Cực Lạc, nhưng Ngài đã chiếu theo bốn tánh thanh tịnh của chính mình để phát nguyện. “*Kỳ tâm tịch tĩnh, chí vô sở trước*” (Tâm Ngài tịch tĩnh, chí chẳng đấm trước): Chẳng có một tâm niệm chấp trước nào! “*Nhất thiết thế gian, vô năng cập giả*” (Hết thấy thế gian, chẳng ai có thể sánh bằng), hết thấy thế gian, ai phát nguyện mà chẳng chấp trước, chẳng có ai vượt trời tỳ-kheo Pháp Tạng được! Vì thế, trong

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

phần trước, có nói đến pháp bình đẳng bất sanh bất diệt, tôi đã giảng rồi, nhưng nhắc lại, vì muốn chú ý liễu giải đạo lý này, tức là Phật Tánh của chúng ta cũng là bản thể của chúng ta, còn gọi là diệu lý Thật Tướng. Do nương vào bản thể Phật Tánh, nương vào diệu lý Thật Tướng, nên Ngài phát nguyện mà chẳng dấy lên chấp trước. Khi chẳng dấy lên chấp trước, nguyện ấy mới là nguyện thanh tịnh. Quý vị kiến lập hạnh môn ấy mới gọi là nguyện thanh tịnh, hạnh môn do quý vị kiến lập mới gọi là hạnh môn thanh tịnh, quốc độ, đạo tràng do quý vị tạo ra mới gọi là quốc độ thanh tịnh, hoặc đạo tràng thanh tịnh.

Nói tới chuyện chúng ta có thể làm được, [chẳng hạn như] hiện thời chúng ta muốn phát tâm dựng một đại đạo tràng. Phát tâm xây dựng một đại đạo tràng chẳng phải là chuyện dễ dàng. Phát tâm bất quá chỉ là phát tâm, còn xây dựng thì sao? Xây dựng đạo tràng liên quan đến phước báo đã vun bồi trong đời trước, kiếp trước. Có phước báo hay không, đó là một mối quan hệ to lớn. Đời trước quý vị vun bồi phước báo nhiều, như vậy thì quý vị xây cất một đại đạo tràng rất thuận lợi. Nếu đời trước, quý vị vun bồi phước báo nhỏ nhoi, vun bồi phước báo chẳng đủ, vậy thì xây dựng một đại đạo tràng sẽ rất khó khăn. Ở đây, quý vị phải chú ý, chú ý điều gì? Hãy chú ý đừng nên chấp tướng. Ta phát tâm xây dựng đạo tràng, chẳng xây dựng thành công, sẽ trọn chẳng ngưng nghỉ, đây là dũng mãnh tinh tấn.

Nếu quý vị chấp tướng, xây cất đạo tràng ấy xong, hết thầy tín đồ đều giúp đỡ quý vị, nguyện ấy được thành tựu rất mau, do quý vị chấp tướng, sẽ dễ dàng dấy lên phiền não ngã mạn, ngã mình ghê gớm lắm! “Các người xem đó, ta dựng đại đạo tràng này, xây dựng rất nhanh chóng”. Đây là cái tâm ngã mạn. Ngã mạn là căn bản phiền não, “*tham, sân, si, mạn, nghi*”! Nó là một trong năm món căn bản phiền não, chính mình bất tri bất giác dấy lòng ngã mạn. Nếu phước báo của quý vị chẳng đủ, nhưng quý vị chẳng biết, dựng một đạo tràng, phát nguyện tạo dựng [sẽ gặp] hết sức khó khăn, hóa duyên chẳng được, toàn gặp phải chuyện gai góc, dựng chuyện này, vấp chuyện kia, như thế nào? Đạo tâm của chính mình bị đập tan hết. “Ôi chao! Chẳng tạo đạo tràng được, ta lên núi ở trong lều tranh cho rồi!” Quý vị thoái thất đạo tâm, vì sao? Quý vị chấp tướng. Ta muốn xây dựng đạo tràng nhất định phải đạt tới mục đích, giống như dùng đũa đong nước biển. Quý vị múc sạch nước biển đổ ra ngoài, va vấp cỡ nào, ta vẫn chẳng ngã lòng, thuận lợi cỡ nào, ta vẫn chẳng dám dấy tâm ngã mạn. Chuyện này đòi hỏi quý vị đừng chấp tướng, đây chính là công phu!

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Cụ túc ngũ kiếp, tư duy nhiếp thủ trang nghiêm Phật quốc thanh tịnh chi hạnh*” (Trọn đủ năm kiếp, tư duy nhiếp thủ hạnh thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật): Ngài phát nguyện bèn tu hành, thời gian tu tập tròn đủ năm đại kiếp, nên nói là “*cụ túc ngũ kiếp*”. Tu hành trong năm đại kiếp, vừa tư duy, tức là đang suy xét, lại đồng thời phải nhiếp thủ, tức là chọn lọc từ sự trang nghiêm nơi các tịnh độ của chư Phật do Thế Tụ Tại Vương Phật đã dạy, Tịnh Độ nào tốt nhất, trang nghiêm nhất? Ta thu gom [những ưu điểm ấy] lại. Ngài tu hạnh thanh tịnh trang nghiêm tịnh độ như vậy, tu suốt năm đại kiếp.

“*A Nan bạch Phật: Bỉ Phật quốc độ, thọ lượng kỷ hà?*” (Ngài A Nan bạch: - Cõi nước Phật ấy, thọ lượng là bao nhiêu?) Khi đó, sợ bọn người nghe kinh chúng ta sẽ dấy lòng nghi hoặc, tôn giả A Nan liền hỏi thay cho chúng ta. Vì trong thế giới Sa Bà này, đức Phật trụ thế tổng cộng tám mươi năm, ngay cả tiểu kiếp còn chưa thể nói được, huống hồ bàn đến đại kiếp? Ở đây, [đức Thế Tôn] nói tỳ-kheo Pháp Tạng tu hành suốt năm đại kiếp, tôn giả A Nan sợ chúng ta hoài nghi, liền thưa hỏi thay cho chúng ta: “Trong cõi nước của vị Phật ấy, Chánh Báo Phật, y báo, thế giới, quốc độ, thọ lượng là bao nhiêu? Lâu dài cỡ nào?” Đức Phật đáp: “*Kỳ Phật thọ mạng, tứ thập nhị kiếp*”, nghĩa là Thế Tụ Tại Vương Phật trụ trong thế gian bốn mươi hai đại kiếp. “*Thời Pháp Tạng tỳ-kheo nhiếp thủ nhị bách nhất thập ức chư Phật diệu độ thanh tịnh chi hạnh*” (Khi ấy, tỳ-kheo Pháp Tạng nhiếp thủ hạnh thanh tịnh hai trăm mười ức cõi Phật màu nhiệm): Do Thế Tụ Tại Vương Phật trụ thế lâu tới bốn mươi hai đại kiếp, tỳ-kheo Pháp Tạng mới tu năm đại kiếp. Thế Tụ Tại Vương Phật tại thế rất lâu xa, cho nên tỳ-kheo Pháp Tạng nhiếp thủ các hạnh thanh tịnh của hai trăm mười ức cõi Phật màu nhiệm.

2.2.1.2.2.2. Nói rộng về những điều đã tu

2.2.1.2.2.2.1. Nói rộng những đại nguyện trên đây

2.2.1.2.2.2.1.1. Pháp Tạng đến chỗ Phật, thưa rõ hạnh của chính mình

(*Kinh*) *Như thị tu dĩ, nghệ bỉ Phật sở, khê thủ lễ túc, nhiều Phật tam táp, hiệp chưởng nhi trụ, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Ngã dĩ nhiếp thủ trang nghiêm Phật độ thanh tịnh chi hạnh”.*

(*經*)如是修已，詣彼佛所，稽首禮足，遶佛三匝，合

掌而住，白佛言：世尊！我已攝取莊嚴佛土清淨之行。

(Kinh: Tu như thế rồi, đến chỗ đức Phật ấy, dập đầu lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, đứng chấp tay, bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Con đã nhiếp thủ hạnh thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật”).

“Nhu thị tu dĩ, nghệ bỉ Phật sở, khê thủ lễ túc, nhiễu Phật tam táp, hiệp chương nhi trụ” (Tu như thế rồi, đến chỗ đức Phật, dập đầu lễ dưới chân đức Phật, nhiễu Phật theo chiều phải ba vòng, đứng chấp tay): Tỳ-kheo Pháp Tạng lại đến gặp Thế Tụ Tại Vương Phật để thưa trình. “Bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã dĩ nhiếp thủ trang nghiêm Phật độ thanh tịnh chi hạnh” (Bạch đức Phật rằng: “Thưa Thế Tôn! Con đã nhiếp thủ hạnh thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật”). Sau khi con nghe đức Thế Tôn khai thị, con đã nhiếp thủ hạnh thanh tịnh trang nghiêm các cõi nước Phật, con đã tu năm đại kiếp. Từ con số “năm đại kiếp”, chúng ta biết Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng phải là bỗng dưng mà có, mà là do tỳ-kheo Pháp Tạng phát ra đại nguyện, chiếu theo đại nguyện để tu đại hạnh, tu trong năm đại kiếp bèn thành tựu. Quý vị thấy đại từng lâm, đại đạo tràng, đã tu tạo mấy chục năm mới trang nghiêm như vậy, chẳng phải là một đại đạo tràng từ trên trời rơi xuống, cũng chẳng phải là trong hư không bỗng hiện ra thế giới Cực Lạc! Phật giáo nói “có nhân bèn có quả, nhân như thế nào thì mới có thể có quả như thế ấy”, chúng ta phải kiên định tín tâm, nhất định tin tưởng thế giới Cực Lạc!

2.2.1.2.2.1.2. Như Lai dạy [Pháp Tạng] hãy nói ra

(Kinh) Phật cáo tỳ-kheo: “Nhữ kim khả thuyết, nghi tri thị thời, phát khởi duyệt khả nhất thiết đại chúng. Bồ Tát văn dĩ, tu hành thử pháp, duyên trí mãn túc vô lượng đại nguyện”.

(經)佛告比丘：汝今可說，宜知是時，發起悅可一切大眾。菩薩聞已，修行此法，緣致滿足無量大願。

(Kinh: Đức Phật bảo tỳ-kheo: “Ông nay hãy nên nói, hãy nên biết là đúng lúc để phát khởi sự vui sướng, tán thành nơi hết thảy đại chúng. Hàng Bồ Tát nghe xong, tu hành pháp này, nhờ vào đó mà đầy đủ vô lượng đại nguyện”).

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Phật cáo tỳ-kheo*”: Thế Tụ Tại Vương Phật bảo tỳ-kheo Pháp Tạng: “*Nhữ kim khả thuyết, nghi tri thị thời*” (Ông nay hãy nên nói, hãy nên biết là đúng lúc), hiện thời, ông hãy nên nói về hạnh môn nhiếp thủ tịnh độ, quốc độ, nhiếp thủ như thế nào? Dùng hạnh môn gì? Ông hãy nên biết, đây chính là thời gian [thích hợp] để ông nói ra. Thời gian như thế nào vậy? Vì có ta là Thế Tụ Tại Vương Phật có thể chứng minh cho ông. “*Phát khởi duyệt khả nhất thiết đại chúng*” (Phát khởi sự vui sướng, tán thành của hết thầy đại chúng): Ông hãy nói ra, ông đã phát nguyện gì? Tu hạnh gì? Thành tựu thế giới Cực Lạc tức là ông đã “*phát khởi duyệt khả nhất thiết đại chúng*”, [nghĩa là] khiến cho hết thầy đại chúng đều sanh tâm hoan hỷ, đều tán thành ông đã làm đúng; điều này gọi là “*duyet khả*” (悅可). Đại chúng nơi này đều là đại chúng Đại Thừa.

“*Bồ Tát văn dĩ, tu hành thử pháp*” (Bồ Tát nghe xong, tu hành pháp này): Mọi người đều dựa theo đó mà tu hành, đều hành pháp môn Tịnh Độ này. “*Duyên trí mãn túc*” (Do vậy mà đạt được trọn đủ), “*tri*” (致) là đạt được, kết quả là nhân duyên được trọn đủ. “*Vô lượng đại nguyện*”: Nay chúng ta niệm Phật, niệm kinh, hoặc là giảng kinh. “*Nguyện dĩ thử công đức, trang nghiêm Phật Tịnh Độ*” (Nguyện do công đức này, trang nghiêm Phật Tịnh Độ): Chúng ta là sơ phát tâm Bồ Tát, nghe tỳ-kheo Pháp Tạng tu Tịnh Độ, chúng ta muốn tham gia góp một phần công đức, những vị Đại Thừa Bồ Tát ấy nghe xong, sẽ đều tu pháp môn này, sẽ đều có thể trọn đủ đại nguyện tu Tịnh Độ này!

2.2.1.2.2.1.3. Pháp Tạng tự nói lời nguyện của chính mình

(*Kinh*) *Tỳ-kheo bạch Phật: “Duy thù thính sát! Như ngã sở nguyện, đương cụ thuyết chi”*.

(*經*)比丘白佛：唯垂聽察！如我所願，當具說之。

(*Kinh*: *Tỳ-kheo bạch Phật: “Kính xin [đức Phật] rủ lòng nghe xét, như đối với lời nguyện của con, sẽ nói đầy đủ [như sau]”*).

“*Tỳ-kheo bạch Phật*”: Tỳ-kheo Pháp Tạng bảm báo với Thế Tụ Tại Vương Phật. “*Duy thù thính sát*” (Xin rủ lòng nghe xét): Điều này mang ý nghĩa tôn kính Phật. Phật cao vời ở trên, nghe con nói ắt phải nghiêng người xuống nghe. Đây gọi là “*duy thù thính sát*”. “*Như ngã sở nguyện, đương cụ thuyết chi*” (Như lời nguyện của con, sẽ nói đầy

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

đủ): Thế TỰ Tại Vương Phật bảo tỳ-kheo Pháp Tạng hãy nói ra hạnh thanh tịnh do chính tỳ-kheo đã tu; do vậy, tỳ-kheo Pháp Tạng bèn nêu bày đại nguyện do chính mình đã phát. Hãy nên biết, pháp môn của tỳ-kheo Pháp Tạng là do đại nguyện của chính Ngài dẫn xuất, thường nói là “*y nguyện dẫn hạnh*” (nuông theo nguyện mà dẫn khởi hạnh), nêu bày đại nguyện của Ngài cũng tức là nêu bày pháp môn của chính Ngài. Do vậy, tiếp đó, [kinh văn] nêu rõ bốn mươi tám đại nguyện do tỳ-kheo Pháp Tạng đã phát.

Hằng ngày, chúng ta tụng kinh khóa tối, trước khi niệm danh hiệu A Di Đà Phật, trước đó bèn niệm tám câu kệ tán Phật: “*A Di Đà Phật thân kim sắc, tướng hảo quang minh vô đẵng luân, bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cảm mục trừng thanh tứ đại hải, quang trung hóa Phật vô số ức, hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên, tứ thập bát nguyện độ chúng sanh, cứu phẩm hàm linh đặng bỉ ngạn*”. Bài kệ tán Phật gồm tám câu ấy, bảy câu đầu phát xuất từ Thập Lục Quán Kinh, chỉ có một câu “*tứ thập bát nguyện độ chúng sanh*” trích từ kinh Vô Lượng Thọ; vậy thì bốn mươi tám đại nguyện là bốn mươi tám đại nguyện nào? Nay tôi sẽ nói từng điều cho quý vị nghe, quý vị sẽ biết A Di Đà Phật tạo lập thành công Tây Phương Cực Lạc thế giới như thế nào? Chính là do đã dựa trên bốn mươi tám đại nguyện này mà tạo lập thành công.

Trong bốn mươi tám đại nguyện ấy, ý nghĩa được phân thành ba loại:

1) Nhiếp thủ Phật thân nguyện: Tôi, tỳ-kheo Pháp Tạng, có thể thành tựu thân Phật bằng cách nào?

2) Nhiếp thủ Tịnh Độ nguyện: Tôi, tỳ-kheo Pháp Tạng, thành tựu một quốc độ thanh tịnh như thế nào?

3) Nhiếp thủ chúng sanh nguyện: Tôi, tỳ-kheo Pháp Tạng, nhiếp thủ chúng sanh trong mười phương sanh về thế giới trang nghiêm thanh tịnh của tôi như thế nào?

Trong bốn mươi tám đại nguyện ấy, nguyện thứ mười hai, nguyện thứ mười ba, và nguyện thứ mười bảy là nhiếp thủ Phật thân nguyện, mong thành tựu Phật thân. Nguyện thứ ba mươi một và nguyện thứ ba mươi hai, hai nguyện này là nhiếp thủ Tịnh Độ nguyện. Bốn mươi ba nguyện kia đều là nhiếp thủ chúng sanh nguyện.

1) Nguyện thứ nhất: Cõi nước không có ác đạo

(Kinh) Thiết ngã đấc Phật, quốc hữu địa ngục, ngạ quỷ, súc

sanh giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國有地獄、餓鬼、畜生者，不取正覺

(*Kinh*: Nếu tôi thành Phật, cõi nước có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Trước hết, nói về đại nguyện thứ nhất, nguyện trong cõi nước của Ngài chẳng có ba ác đạo. “*Thiết ngã đắc Phật, quốc hữu địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh giả, bất thủ Chánh Giác*” (Nếu tôi thành Phật, cõi nước có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác): Những nguyện do A Di Đà Phật đã phát đều là từ trong thế giới Sa Bà này. Ngài trông thấy chúng sanh khổ sở như vậy, muốn cứu độ chúng sanh lìa khổ được vui. Chúng sanh đau khổ, khổ nhất là đọa lạc trong ba ác đạo. Đã đọa lạc rồi, khổ sở dữ dội, thời gian [chịu khổ] lại dài! Hễ đọa lạc trong tam ác đạo, muốn trở mình thoát ra, chẳng biết phải trải qua bao nhiêu đại kiếp? Do vậy, Ngài phát nguyện, tôi muốn tạo ra một quốc gia, căn bản là chẳng có ba ác đạo. Nếu tôi tạo ra một quốc gia, tạo thành một quốc độ, nếu trong quốc độ của tôi mà có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tức ba ác đạo, tôi chẳng giữ lấy Chánh Giác, [tức là] tôi tuyệt đối chẳng thành Phật.

Đại nguyện thứ nhất là “*Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ba ác đạo*”; trên thực tế, ngay cả A-tu-la đạo cũng chẳng có! Trong kinh Phật, có khi chia thành lục đạo, có khi chia thành ngũ đạo, tức thiên đạo, nhân đạo, địa ngục đạo, ngạ quỷ đạo, và súc sanh đạo. Không chỉ là chẳng có ba ác đạo, ngay cả A-tu-la đạo cũng chẳng có. Hãy nhớ, Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ có thiên đạo và nhân đạo là hai đường chúng sanh, mà hai đạo chúng sanh ấy có thể giao tiếp, qua lại với nhau. Đây là đại nguyện thứ nhất. “*Bất thủ Chánh Giác*” là lời thề nguyện do Ngài lập ra.

Chúng sanh chẳng nghe biết Phật pháp, chẳng biết thành Phật, làm Phật là gì! Họ cũng chưa hề nghe qua. Kẻ đã nghe Phật pháp thì sao? Chẳng phát nôi đại tâm, chẳng dám thành Phật! Đã được nghe Phật pháp, họ cũng tin tưởng có Phật, vậy thì [bảo họ] “*quý vị phải phát tâm thành Phật*”. [Họ than vãn]: “*Ồi trời! Tôi là một chúng sanh phàm phu khổ não, tôi làm sao dám thành Phật cho nôi!*” Họ chẳng dám thành Phật. Lại còn có một hạng chúng sanh, đã phát tâm mong thành Phật, nhưng công phu của chính họ chẳng đủ, muốn thành Phật

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

mà chẳng thể thành, tâm tâm niệm niệm mong thành Phật, nhưng chính họ chẳng thể thành Phật. Nhưng đối với các vị đại Bồ Tát, thành Phật thì tuyệt đối là có thể thành, vì các Ngài phát đại nguyện, lập đại hạnh, chẳng mãn nguyện sẽ chẳng thành Phật. Đối với việc thành Phật, các Ngài đã lập một lời thề: Nếu tôi chẳng đạt được mục đích của tôi, chẳng thỏa mãn nguyện của tôi, tôi chẳng đến cõi Phật ấy. “*Bất thủ Chánh Giác*” có ý nghĩa này.

2) Nguyện thứ hai: Chẳng còn đọa vào ba ác đạo

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, quốc trung thiên nhân, thọ chung chi hậu, phục cánh tam ác đạo giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中天人壽終之後，復更三惡道者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước sau khi mạng chung, lại đọa trong ba ác đạo, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ hai, chẳng còn đọa trong ác đạo. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ba ác đạo, quý vị từ thế giới Cực Lạc lui xuống, tức là sanh vào trong thế giới khác có ba ác đạo, quý vị có còn phải đọa trong ba đường ác hay chẳng? Sẽ chẳng thoái chuyển! Chỉ cần quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ vĩnh viễn chẳng đọa lạc trong ba ác đạo. Kinh văn chép: “*Thiết ngã đắc Phật, quốc trung thiên nhân*” (Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước): Trong cõi của Ngài chỉ có thiên đạo và nhân đạo. “*Thọ chung chi hậu, phục cánh tam ác đạo giả, bất thủ Chánh Giác*” (Sau khi mạng chung mà còn vào trong ba ác đạo, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác), tuyệt đối sẽ chẳng đọa lạc vào ba ác đạo nữa!

3) Nguyện thứ ba: Thân chân kim sắc

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, quốc trung thiên nhân, bất tất chân kim sắc giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中天人，不悉真金色者，不取正覺

。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước tôi không đều là thân màu vàng ròng, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Đại nguyện thứ ba, thân thể của trời người trong cõi nước của Ngài đều là kim sắc. “*Thiết ngã đắc Phật, quốc trung thiên nhân, bất tất chân kim sắc giả, bất thủ Chánh Giác*” (Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước tôi không đều là thân màu vàng ròng, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác). Vì trong thế giới Sa Bà, chỉ có thân thể đức Phật là màu vàng ròng, tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện: Nhân dân trong cõi nước của Ngài thấy đều là màu vàng ròng.

4) Nguyện thứ tư: Hình sắc tương đồng

(Kinh) *Thiết ngã đắc Phật, quốc trung thiên nhân, hình sắc bất đồng, hữu hảo xú giả, bất thủ Chánh Giác.*

(經)設我得佛，國中天人，形色不同，有好醜者，不取正覺。

(Kinh: *Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước tôi hình sắc khác nhau, có kẻ xấu, người đẹp, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác.*)

Đại nguyện thứ tư, hình sắc giống nhau. “*Thiết ngã đắc Phật, quốc trung thiên nhân, hình sắc bất đồng, hữu hảo xú giả, bất thủ Chánh Giác*” (Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước tôi hình sắc khác nhau, có kẻ xấu, người đẹp, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác): Nhân dân trong cõi nước, tức là thiên chúng và nhân chúng, thân thể của hai đường chúng sanh ấy đều là màu vàng ròng, tướng mạo giống nhau, chẳng chia ra ai là đẹp, ai là xấu. Vì phân chia xấu đẹp, sẽ dấy lên phiền não kiêu căng, ngã mạn, dấy lên phiền não ghen tỵ, chướng ngại. Do đó, Ngài phát nguyện, hình sắc, tức là thân hình và thân tướng của chúng sanh trong cõi nước của Ngài chẳng có kẻ xấu, người đẹp.

Hai đại nguyện trên đây, đại nguyện thứ ba là nguyện “*thân đều là màu vàng ròng*”, đại nguyện thứ tư là “*hình sắc tương đồng*”, chẳng có người đẹp, chẳng có kẻ xấu. Người học Phật pháp có thể lấy làm lạ đôi chút. Người học Phật pháp chúng ta phải suy đến cái nhân trong đời trước và cái quả trong đời này. Đời này vì sao làm người, là một người trưởng thành tướng mạo trang nghiêm, dễ coi, vì sao người ấy được như vậy? Vì đời trước đã vun bồi cái nhân khác nhau, vậy thì sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật phát nguyện khiến cho chúng ta đều có tướng mạo như nhau, làm sao có thể giống nhau? Đó là vì cái nhân sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều như nhau, nhân

gì vậy? Đều do niệm A Di Đà Phật mà sanh về. Do vậy, sanh về bên đó, do đều nương theo đại nguyện của A Di Đà Phật mà tướng mạo tương đồng.

5) Nguyện thứ năm: Túc Mạng trí thông

(Kinh) Thiết ngã đấng Phật, quốc trung thiên nhân, bất thức Túc Mạng, hạ chí tri bách thiên ức na-do-tha chư kiếp sự giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中天人，不識宿命，下至知百千億那由他諸劫事者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước tôi chẳng biết Túc Mạng, tôi thiếu là biết những chuyện trong trăm ngàn ức na-do-tha²⁵ kiếp, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ năm, tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện: Nhân dân sanh về nước tôi, thấy đều sanh ra bèn có Túc Mạng Thông. Túc Mạng Thông là biết chuyện trong đời trước, kiếp trước. Biết chuyện trong đời trước là loại Túc Mạng Thông thấp nhất. [Người trong thế giới Cực Lạc] dầu Túc Mạng Thông thuộc loại thấp nhất cũng sẽ biết “*những chuyện trong trăm ngàn ức na-do-tha kiếp*”, tức là biết chuyện trong trăm ngàn ức các kiếp. Nếu chẳng phải là như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác.

6) Nguyện thứ sáu: Thiên Nhân thấy trọn khắp

(Kinh) Thiết ngã đấng Phật, quốc trung thiên nhân, bất đắc Thiên Nhân, hạ chí kiến bách thiên ức na-do-tha chư Phật quốc giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中天人，不得天眼，下至見百千億那由他諸佛國者，不取正覺。

²⁵ Na-do-tha (Nayuta), còn phiên âm là Na Dữu Đa, Na Do Đa, có nghĩa là “*số lượng nhiều chẳng thể tính đếm được*”. Theo Câu Xá Luận, một lạc-xoa là một trăm ngàn, mười lạc-xoa là một độ-lạc-xoa, mười độ-lạc-xoa là một câu-chi, mười câu-chi là một mạt-đa, mười mạt-đa là một na-dữu-đa.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước tôi chẳng đắc Thiên Nhân, tối thiểu là thấy trăm ngàn ức na-do-tha các cõi Phật, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ sáu là nguyện đắc Thiên Nhân thấy trọn khắp. Sanh vào nước ấy, mỗi người bình thường đều có Thiên Nhân Thông, có thể trông thấy thế giới của mười phương chư Phật, thấy rất rõ ràng. Thiên Nhân Thông ở mức độ thấp nhất thì cũng có thể thấy trăm ngàn ức na-do-tha các cõi nước của chư Phật. Nếu chẳng như vậy, chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác.

7) Nguyện thứ bảy: Thiên Nhĩ nghe trọn khắp

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, quốc trung thiên nhân, bất đắc Thiên Nhĩ, hạ chí vạn bách thiên ức na-do-tha chư Phật sở thuyết, bất tất thọ trì giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中天人，不得天耳，下至聞百千億那由他諸佛所說，不悉受持者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước tôi chẳng đắc Thiên Nhĩ, tối thiểu chẳng nghe lời dạy của trăm ngàn ức na-do-tha chư Phật, chẳng đều thọ trì, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ bảy là nguyện đắc Thiên Nhĩ Thông. Người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, không chỉ nghe A Di Đà Phật thuyết pháp, mà chư Phật thuyết pháp trong trăm ngàn ức quốc độ ở phương khác, người ấy đều có thể nghe được. Vì sao? Vì quý vị có Thiên Nhĩ, có thể nghe chư Phật thuyết pháp trong các thế giới chư Phật.

8) Nguyện thứ tám: Điều biết tâm của kẻ khác

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, quốc trung thiên nhân, bất đắc kiến Tha Tâm Trí, hạ chí tri bách thiên ức na-do-tha chư Phật quốc trung chúng sanh tâm niệm giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中天人，不得見他心智，下至知百千億那由他諸佛國中眾生心念者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước tôi chẳng đặng được Tha Tâm Trí, tối thiểu là biết tâm niệm của chúng sanh trong

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

trăm ngàn ức na-do-tha các cõi Phật, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ tám là nguyện đấng Tha Tâm Trí. Chư Phật quán sát căn cơ của chúng sanh bằng cách sử dụng Tha Tâm Thông, còn gọi là Tha Tâm Trí. Trời người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy đều đấng Tha Tâm Trí, tối thiểu là thấy đều có thể biết tâm niệm của chúng sanh trong trăm ngàn ức quốc độ ở phương khác. Nếu chẳng như vậy, chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác.

9) Nguyện thứ chín: Thần Túc vô ngại

(Kinh) Thiết ngã đấng Phật, quốc trung thiên nhân, bất đấng Thần Túc, u nhất niệm khoảnh, hạ chí bất năng siêu quá bách thiên ức na-do-tha chư Phật quốc giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中天人，不得神足，於一念頃，下至不能超過百千億那由他諸佛國者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước tôi chẳng đấng Thần Túc, trong khoảng một niệm, tối thiểu là chẳng thể vượt qua trăm ngàn ức na-do-tha các cõi Phật, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ chín là nguyện đấng Thần Túc Thông, gọi là “Thần Túc vô ngại”. “Thiết ngã đấng Phật, quốc trung thiên nhân, bất đấng Thần Túc” (Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước chẳng đấng Thần Túc), gọi là Thần Túc Thông. “U nhất niệm khoảnh”, trong khoảng một niệm. “Hạ chí bất năng siêu quá bách thiên ức na-do-tha chư Phật quốc giả, bất thủ Chánh Giác” [nghĩa là]: Trong một niệm, có thể vượt qua các cõi nước Phật. Kinh Di Đà nói: Trong khoảng một bữa ăn, có thể dùng hương hoa cúng dường mười vạn ức Phật. Đây vẫn là tối thiểu, [vì trong thực tế], trong một niệm ấy, [người trong cõi Cực Lạc] có thể vượt qua trăm ngàn ức na-do-tha cõi nước của chư Phật.

Trên đây [là những nguyện cho thấy] sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ trọn đủ năm món thần thông này. Trong thế giới Sa Bà, sanh lên trời, cũng có thể đạt được năm thứ thần thông ấy, chúng được gọi là Báo Thông (報通, thần thông đạt được do quả báo). Sinh lên trời là quả báo của chư thiên, tự nhiên có năm loại thần thông; sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, năm loại thần thông càng cao, càng sâu hơn!

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Tiếp theo đây, còn có loại thần thông thứ sáu, gọi là Lậu Tận Thông. Lậu (漏) là phiền não. [Lậu Tận Thông] là món thần thông đạt được do đã đoạn hết phiền não. Trong thế giới Sa Bà, chư thiên chẳng có món thần thông này, chỉ A La Hán mới có. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ có Lậu Tận Thông. Lậu Tận Thông bao gồm hai đại nguyện, tức nguyện thứ mười và nguyện thứ mười một.

10) Nguyện thứ mười: Chẳng tham đắm, so đo thân thể

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, quốc trung thiên nhân, nhược khởi tướng niệm, tham kế thân giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中天人，若起想念貪計身者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước tôi mà nếu như dấy lên tướng niệm, tham đắm, so đo cái thân, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

11) Nguyện thứ mười một: Trụ Định, chứng Diệt

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, quốc trung thiên nhân, bất trụ Định Tu, tất chí diệt độ giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中天人，不住定聚，必至滅度者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước tôi chẳng trụ trong Định Tu, ắt đạt đến diệt độ, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Lậu Tận Thông được chia thành hai nguyện. Nguyện thứ mười là chẳng tham đắm, so đo thân thể của chính mình. “**Thiết ngã đắc Phật, quốc trung thiên nhân, nhược khởi tướng niệm tham kế thân giả, bất thủ Chánh Giác**” (Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước tôi mà nếu như dấy lên tướng niệm, tham đắm, so đo cái thân, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác): Chúng sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng dấy lên tâm tham. “**Kế**” (計) là chấp trước. Chẳng chấp trước thân thể của chính mình, tức là chẳng dấy lên Thân Kiến. Nguyện thứ mười một là “**trụ Định, chứng Diệt**”: “**Thiết ngã đắc Phật, quốc trung thiên nhân, bất trụ Định Tu, tất chí diệt độ giả, bất thủ Chánh Giác**”

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

(Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước tôi chẳng trụ trong Định Tụ, ắt đạt đến diệt độ, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác). Hết thấy chúng sanh được chia thành ba loại lớn, gọi là Tam Tụ (三聚):

- 1) Loại thứ nhất là Tà Định Tụ, tức chúng sanh tà kiến.
- 2) Loại thứ hai là Bất Định Tụ, tiến tiến lùi lùi chẳng nhất định.
- 3) Loại thứ ba là Chánh Định Tụ, chỉ tiến, chẳng lùi bước, nên gọi là Chánh Định Tụ.

Ngài (tỳ-kheo Pháp Tạng) phát nguyện: “Chúng sanh chỉ cần sanh về cõi nước của tôi mà chẳng trụ trong Chánh Định Tụ, mãi cho đến khi chúng Niết Bàn, sẽ chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác”. Nguyện thứ mười và nguyện thứ mười một hợp thành Lậu Tận Thông.

12) Nguyện thứ mười hai: Quang minh vô lượng

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, quang minh hữu hạn lượng, hạ chí bất chiếu bách thiên ức na-do-tha chư Phật quốc giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，光明有限量，下至不照百千億那由他諸佛國者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, quang minh có hạn lượng, tôi thiếu chẳng chiếu thấu trăm ngàn ức na-do-tha các cõi Phật, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

13) Nguyện thứ mười ba: Thọ mạng vô lượng

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, thọ mạng hữu hạn lượng, hạ chí bách thiên ức na-do-tha kiếp giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，壽命有限量，下至百千億那由他劫者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, thọ mạng có hạn lượng, tôi thiếu là [sống đến] trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ mười hai và thứ mười ba là “*niếp Phật thân nguyện*”. Đại nguyện thứ mười hai, tôi là tỳ-kheo Pháp Tạng thành Phật, tôi sẽ như thế nào? “*Thiết ngã đắc Phật, quang minh hữu hạn lượng, hạ chí bất chiếu bách thiên ức na-do-tha chư Phật quốc giả, bất*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thủ Chánh Giác” (Nếu tôi thành Phật, quang minh có hạn lượng, tôi thiếu là chẳng chiếu thấu trăm ngàn ức na-do-tha các cõi Phật, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác). Tôi là tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện: Nếu tôi thành Phật, quang minh vô lượng của tôi sẽ chiếu trọn khắp mười phương thế giới.

Đại nguyện thứ mười ba là thọ mạng vô lượng. “*Thiết ngã đắc Phật, thọ mạng hữu hạn lượng, hạ chí bách thiên ức na-do-tha kiếp giả, bất thủ Chánh Giác*” (Nếu tôi thành Phật, thọ mạng có hạn lượng, tôi thiếu là đến trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, chẳng giữ lấy Chánh Giác). Chúng ta niệm kinh A Di Đà, [sẽ thấy] Thích Ca Mâu Ni Phật đã giải thích ý nghĩa của [danh hiệu] A Di Đà, một là Vô Lượng Quang, hai là Vô Lượng Thọ. Đây chính là đại nguyện thứ mười hai và đại nguyện thứ mười ba của A Di Đà Phật.

14) Nguyện thứ mười bốn: Thanh Văn vô số

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, quốc trung Thanh Văn, hữu năng kế lượng, nãi chí tam thiên đại thiên thế giới chúng sanh, tất thành Duyên Giác, w bách thiên kiếp, tất cộng kế giáo, tri kỳ số giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中聲聞，有能計量，乃至三千大千世界眾生，悉成緣覺，於百千劫，悉共計校，知其數者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, Thanh Văn trong nước có thể tính đếm, cho đến chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới đều thành Duyên Giác, trong trăm ngàn kiếp luôn cùng nhau tính toán, mà biết được con số ấy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ mười bốn là “*chẳng thể tính nổi số lượng Thanh Văn*”. Duyên Giác là Thanh Văn, là chúng sanh Tiểu Thừa lợi căn. Tức là nói chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới đều thành Duyên Giác, đã thành Duyên Giác rồi đều có thể tính toán mà chẳng tính ra số lượng như thế nào. Đã thế, thời gian tính toán lại còn là trải qua trăm ngàn kiếp, muốn tính toán trong cõi nước của tôi có bao nhiêu Thanh Văn ư? Tính chẳng ra! Nếu có thể tính toán được, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác. Bởi lẽ, trong cõi nước của Ngài có vô lượng vô số Thanh Văn.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Ở đây, [ý kinh Vô Lượng Thọ] phù hợp với kinh A Di Đà. Kinh A Di Đà chép: “*Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử, giai A La Hán, phi thị toán số chi sở năng tri, chư Bồ Tát chúng diệc phục như thị*” (Đức Phật ấy có vô lượng vô biên đệ tử Thanh Văn, đều là bậc A La Hán, chẳng thể tính toán mà có thể biết được con số, các vị Bồ Tát cũng giống như thế). Trong thế giới Cực Lạc, Thanh Văn số đến vô lượng, chỉ có thể nói là chẳng thể dùng toán số, thí dụ đề có thể biết được, cũng là đến mức vô lượng; nhưng trong Tịnh Độ có ba kinh một luận, ba bộ kinh ấy chẳng hề mâu thuẫn. Một bộ luận là Vãng Sanh Luận, trong ấy, có một câu: “*Nhị Thừa chúng bất sanh*” (Chúng tánh Nhị Thừa chẳng sanh [về Cực Lạc]), tức là nói Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có hàng Nhị Thừa. Câu này đã mâu thuẫn với điều được nói trong kinh A Di Đà: Chúng Thanh Văn trong Tây Phương Cực Lạc thế giới số đến vô lượng! Kinh Vô Lượng Thọ cũng nói, trong cõi nước ấy, số Thanh Văn nhiều vô lượng!

Vì sao Vãng Sanh Luận nói “*chẳng có Thanh Văn*”? Hãy biết hàng Thanh Văn ấy (hàng Thanh Văn nói trong ba kinh Tịnh Độ) chẳng phải là “*định tánh Thanh Văn*”, mà là Thanh Văn hồi Tiểu hướng Đại. Định tánh Thanh Văn chứng đắc quả A La Hán, nhưng chẳng thấy Phật. Hồi Tiểu hướng Đại thì mới niệm Phật sanh về Tây Phương. Đã sanh về Tây Phương bèn thuận theo căn tánh của chính người ấy, căn tánh của người ấy vốn là Thanh Văn. Do vẫn thuận theo căn tánh của người ấy, trước hết chứng quả Thanh Văn, tức là chứng quả A La Hán, trên thực tế, vẫn phải hành Bồ Tát đạo, phải chứng quả vị Bồ Tát.

15) Nguyên thứ mười lăm: Tùy theo nguyện [mà thọ mạng] dài hay ngắn

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, quốc trung thiên nhân, thọ mạng vô năng hạn lượng, trừ kỳ bốn nguyện, tu đoản tự tại. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中天人，壽命無能限量，除其本願，修短自在。若不爾者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước tôi, thọ mạng chẳng thể hạn lượng, trừ phi vì nguyện của chính họ mà [thọ mạng] dài hay ngắn tự tại. Nếu chẳng như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Nói đến đại nguyện thứ mười lăm này, thọ mạng của tất cả thiên chúng và nhân chúng trong thế giới Cực Lạc đều là vô lượng thọ. Kinh A Di Đà nói, thọ mạng của A Di Đà Phật là vô lượng, thọ mạng của nhân dân trong cõi ấy cũng là vô lượng. Đây là nguyện thứ mười lăm, thành tựu “*thọ mạng chẳng thể hạn lượng, trừ phi vì nguyện của chính người ấy mà [thọ mạng] dài hay ngắn tự tại*”. “*Tu đoản*”: “*Tu*” (修) là dài, [“*tu đoản tự tại*”] là dài hay ngắn tự tại. Trừ khi người ấy có nguyện riêng; nếu không, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ấy chứng Vô Sanh Pháp Nhân, trở về thế giới Sa Bà độ chúng sanh. Chẳng hạn như chúng ta là người trong thế giới Sa Bà, có nguyện sanh về thế giới Cực Lạc, chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân rồi sẽ trở về. Như vậy là trong thế giới Cực Lạc, thọ mạng của người như thế rất ngắn. Đây là bốn nguyện của người ấy tự tại. “*Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác*”: Chẳng phải là như vậy, Ngài sẽ chẳng thành Phật.

16) Nguyện thứ mười sáu: Chẳng nghe danh tự ác

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, quốc trung thiên nhân, nãi chí văn hữu bất thiện danh giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中天人，乃至聞有不善名者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước tôi thậm chí nghe có cái tên bất thiện, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ mười sáu, Tây Phương Cực Lạc thế giới không chỉ là chẳng có ba ác đạo, mà ngay cả âm thanh của những tên gọi xấu ác cũng chẳng nghe thấy. “*Bất thiện danh*” tức là danh tự ác. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất luận là thiên chúng hay nhân chúng, nếu nghe thấy danh tự bất thiện, A Di Đà Phật sẽ chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác, cũng tức là [nhân dân trong thế giới ấy] chẳng thể nghe danh tự bất thiện. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn là người tốt, chẳng có người xấu, chẳng nghe danh tự ác cũng chẳng phải là chuyện hiếm hoi, lạ lùng gì! Quý vị phải hiểu vì sao A Di Đà Phật phát ra đại nguyện này? Vì tai nghe danh tự ác, vừa lọt vào Nhĩ Căn, nó liền in vào thức điền. Lọt qua Nhĩ Căn của chúng ta, bèn gieo chủng tử trong ruộng tám thức. Quý vị nghe danh tự tốt lành, sẽ gieo thiện chủng tử trong ruộng tám thức. Thiện chủng tử dấy lên hiện hành, thân thể sẽ

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tạo tác thiện pháp, thiện pháp lại sanh ra chủng tử, vẫn là chủng tử thiện.

Trong thế giới Sa Bà của chúng ta, chuyện ác quá nhiều, chuyện thiện quá ít, cũng chính là nghe danh tự thiện thì ít, nghe danh tự ác thì nhiều. Nếu Nhĩ Căn của chúng ta nghe những lời bất hảo, nghe những chuyện bất hảo, do từ Nhĩ Căn huân tập vào, nghe lọt tận ruộng tám thức, thấy đều sanh khởi những chủng tử ác. Chủng tử ác dấy lên hiện hành điều ác, lại sanh ra chủng tử ác. Chủng tử ác ấy lại dấy lên hiện hành, hiện hành lại sanh ra chủng tử, thế giới của chúng ta toàn là những chủng tử ác, giống như ruộng nương tám thức của chúng ta, [nói] “*ruộng nương*” là sánh ví. Trong ruộng nương của chúng ta, những hạt giống thiện, hạt giống tốt kết thành quả tốt, lại gieo xuống thì vẫn là hạt giống tốt. Quý vị trồng những hạt giống ác, chúng sẽ sanh ra những quả ác, quả ác lại sanh ra chủng tử ác. Ruộng nương ấy đều hồng bét, biến thành ruộng xấu! Do đó, thế giới Sa Bà rất khó tu hành, rất khó đạt được tiến bộ, là vì Nhĩ Căn chẳng thanh tịnh. Do vì A Di Đà Phật đã thấy chuyện rất khổ não này, Ngài phát nguyện trong thế giới Cực Lạc, căn bản là chẳng nghe tiếng ác!

17) Nguyện thứ mười bảy: Chư Phật ca ngợi

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, thập phương thế giới vô lượng chư Phật, bất tất tư ta, xưng ngã danh giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，十方世界無量諸佛，不悉咨嗟稱我名者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, mười phương thế giới vô lượng chư Phật nếu chẳng đều nức nở khen ngợi danh hiệu của tôi, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Trong bốn mươi tám đại nguyện, đại nguyện thứ ba là “*nhiếp Phật thân nguyện*”, đại nguyện thứ mười hai và mười ba trên đây đều là phát nguyện chính mình thành Phật, quang minh vô lượng, thọ mạng vô lượng. Đại nguyện thứ mười bảy này cũng là “*nhiếp Phật thân nguyện*”. Tôi mong rằng khi thành Phật, mười phương vô lượng chư Phật “*tư ta*” (咨嗟) tức là tán thán, sẽ đều tán thán, xưng dương danh hiệu Phật của tôi. Chúng ta niệm kinh A Di Đà đều biết, trong kinh A Di Đà có sáu phương Phật, [tức là chư Phật trong] bốn phương và

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

phương trên, phương dưới cùng tán thán A Di Đà Phật. Pháp sư Cưu Ma La Thập phiên dịch kinh A Di Đà có sáu phương Phật là dịch giản lược, Huyền Trang đại sư dịch kinh A Di Đà gồm mười phương Phật. Mười phương chư Phật thấy đều tán thán A Di Đà Phật. Đây là do đại nguyện thứ mười bảy của Ngài đã thành tựu.

18) Nguyện thứ mười tám: Mười niệm ắt sanh

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, thập phương chúng sanh, chí tâm tín nhạo, dục sanh ngã quốc, nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh Giác, duy trừ Ngũ Nghịch, phi báng chánh pháp.

(經)設我得佛，十方眾生，至心信樂，欲生我國，乃至十念，若不生者，不取正覺。唯除五逆，誹謗正法。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sanh chí tâm tin ưa, muốn sanh về nước tôi, dầu chỉ mười niệm, mà nếu chẳng được sanh về, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác, chỉ trừ kẻ Ngũ Nghịch, phi báng chánh pháp).

Đại nguyện thứ mười tám nhiếp thọ chúng sanh, tức là chúng sanh thượng, trung, hạ ba căn thấy đều nhiếp thọ, nhất là nhiếp thọ chúng sanh hạ căn. Quý vị chỉ cần niệm Phật mười niệm, tuyệt đối có thể sanh về Tây Phương. “*Thiết ngã đắc Phật, thập phương chúng sanh*” (Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sanh) không chỉ là trăm ngàn ức chúng sanh, mà là mười phương thế giới chúng sanh. “*Chí tâm tín nhạo*”: Hễ phát tâm chí thành, tin tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới, ưa thích vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Dục sanh ngã quốc*” (Muốn sanh về nước tôi): “*Dục sanh*” là tâm phát nguyện muốn được vãng sanh, tức là nguyện sanh về cõi nước của A Di Đà Phật. Người ấy “*tín nhạo*”, tức là phát tâm tin tưởng, ngưỡng mộ, lại còn phải tu hành. Tu hành thì chỉ cần niệm Phật mười niệm.

“*Nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh Giác*” (Dầu chỉ mười niệm mà nếu chẳng sanh, chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác): Niệm Phật mười niệm là có thể vãng sanh Tây Phương. “*Duy trừ Ngũ Nghịch, phi báng chánh pháp*” (Chỉ trừ kẻ Ngũ Nghịch, phi báng chánh pháp): Ở đây, phải biện định đôi chút, có những chúng sanh tội ác chẳng thể vãng sanh, chúng sanh phạm tội ác như thế nào vậy? “*Ngũ Nghịch trọng tội*”! Ngũ Nghịch trọng tội là:

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

1) Thứ nhất, xuất Phật thân huyết, tức là làm cho thân thể Phật chảy máu. Quý vị chẳng thể hại chết Phật được, làm thân Phật chảy máu là một trong Ngũ Nghịch trọng tội, giống như Đề Bà Đạt Đa muốn hại chết Phật Thích Ca. Ông ta lên núi, chuẩn bị sẵn một tảng đá to, chờ đức Phật từ dưới chân núi đi qua, liền quăng tảng đá to ấy xuống, bị thần hộ pháp là Vi Đà Bồ Tát dùng giáng ma xử cản lại. Giáng ma xử là chất báu Kim Cang, đập tan nát tảng đá lớn ấy, có một mảnh đá văng trúng đầu ngón chân Phật, khứa chảy máu ra. Đây gọi là Xuất Phật Thân Huyết, Đề Bà Đạt Đa kết thành trọng tội sát hại Phật.

2) Thí cha.

3) Thí mẹ.

4) Thí A La Hán.

“Thí” (弑) là giết. Kẻ dưới sát hại người trên thì gọi là Thí. Quý vị giết hại cha mẹ của chính mình, sát hại A La Hán, đều là Ngũ Nghịch trọng tội.

5) Phá Hòa Hợp Tăng. Cái tội phá Tăng cũng là một trong Ngũ Nghịch đại tội.

Kẻ tạo Ngũ Nghịch đại tội, chẳng thể vãng sanh Tây Phương. “*Phỉ báng chánh pháp*”: Kẻ ấy đã không tin tưởng, lại còn toan phỉ báng chánh pháp. Tội lỗi ấy rất nặng, cũng chẳng thể sanh về Tây Phương.

Ở đây, tôi biên định hai câu này. Thập Lục Quán Kinh chấp thuận kẻ phạm Ngũ Nghịch trọng tội vãng sanh Tây Phương, dung hội xuyên suốt với kinh Vô Lượng Thọ như thế nào? Phía sau Thập Lục Quán Kinh có một đoạn kinh văn như sau: “*Phật cáo A Nan, cập Vy Đề Hy: - Hạ phẩm hạ sanh giả, hoặc hữu chúng sanh, tác bất thiện nghiệp, Ngũ Nghịch, Thập Ác... Như thị ngu nhân, lâm mạng chung, ngộ thiện tri thức, giáo linh niệm Phật... Như thị chí tâm, linh thanh bất tuyệt, cụ túc thập niệm, xưng Nam-mô A Di Đà Phật... Như nhất niệm khoảnh, tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới*” (Đức Phật bảo ngài A Nan và bà Vy Đề Hy: - Hạ phẩm hạ sanh là nếu có chúng sanh tạo nghiệp bất thiện, Ngũ Nghịch, Thập Ác... Kẻ ngu như thế, lúc sắp mạng chung, gặp thiện tri thức dạy niệm Phật... Chí tâm như thế, khiến cho tiếng niệm chẳng dứt, đầy đủ mười niệm, xưng Nam-mô A Di Đà Phật... Như trong khoảng một niệm, liền được sanh về thế giới Cực Lạc), [tức là Quán Kinh] chấp thuận kẻ Ngũ Nghịch trọng tội có thể vãng sanh Tây Phương. Có sao kinh Vô Lượng Thọ chẳng chấp thuận kẻ Ngũ Nghịch trọng tội vãng sanh Tây Phương? Phải dung hội quán

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thông điều này.

Kinh Vô Lượng Thọ chú trọng nơi “*phỉ báng chánh pháp*”, [kẻ ấy] đã tự mình tạo Ngũ Nghịch trọng tội, lại còn phỉ báng chánh pháp, quý vị bảo kẻ ấy niệm A Di Đà Phật, kẻ ấy có chịu niệm hay không? Kẻ ấy chẳng chịu niệm, sanh về Tây Phương bằng cách nào? Nếu là kẻ trót tạo Ngũ Nghịch trọng tội, nhưng chẳng phỉ báng chánh pháp, tự mình biết hổ thẹn, biết sám hối, mong cầu A Di Đà Phật cứu kẻ ấy, kẻ ấy niệm danh hiệu A Di Đà Phật, vẫn có thể vãng sanh Tây Phương. Quý vị phỉ báng chánh pháp tức là chẳng tin pháp môn Tịnh Độ, ba món tư lương của Tịnh Độ là Tín - Nguyện - Hạnh. Điều thứ nhất là Tín, kẻ ấy do không tin mới phỉ báng. Không tin thì làm sao có thể phát nguyện sanh sang Tây Phương cho được? Kẻ ấy chẳng chịu phát nguyện, làm sao có thể niệm danh hiệu A Di Đà Phật cho nổi? Ba tư lương Tín - Nguyện - Hạnh, một thứ cũng chẳng có, làm sao có thể sanh về Tây Phương cho được? Do đó, dẫu tạo Ngũ Nghịch trọng tội, chỉ cần chẳng phỉ báng chánh pháp, chỉ cần tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, nguyện sanh về Tây Phương, trì niệm danh hiệu A Di Đà Phật, mười niệm vẫn có thể vãng sanh.

Đại nguyện thứ mười tám là bi tâm triệt để của A Di Đà Phật. Chỉ cần quý vị tin tưởng, phát nguyện, chắc chắn sanh về Tây Phương. Niệm Phật là hạnh môn, phải có công phu. Quý vị chẳng có công phu, không sao hết, niệm mười niệm bèn sanh về Tây Phương. Tại Trung Hoa, thường nhắc đến câu chuyện ông Trương Thiện Hòa. Đồi Đường có một gã giết trâu, sống bằng nghề giết trâu, giết trâu suốt đời, [tên là Trương Thiện Hòa]. Khi hấn ta sắp mạng chung, tướng địa ngục hiện tiền. Vô lượng những con trâu bị hấn ta đã giết đều tìm đến đòi mạng. Khi hấn ta đang sợ hãi, bình thường, hấn chẳng bao giờ đến chùa, mà cũng chẳng thắp hương lễ Phật. Nhưng nơi hấn ở cách chùa chẳng xa, khi ấy, tướng địa ngục hiện tiền, những con trâu đã bị giết đều tìm đến đòi mạng, hấn ta sợ hãi, bảo người nhà ngay lập tức đến ngôi chùa trước nhà thỉnh sư phụ đến cứu hấn. Đến lúc máu chột khản yếu, hấn nghĩ đến chuyện gọi sư phụ tới cứu hấn. Khéo sao cách chùa chẳng xa, người nhà ngay lập tức đến chùa thỉnh sư phụ tới. Sư phụ thấy hấn bị dọa đến nổi khóc ồ ồ, bèn khai thị: “Đây là do ông đã tạo sát nghiệp rất nặng, hiện thời tướng địa ngục hiện tiền. Ngoại trừ ông niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng có cách nào khác! Chúng tôi niệm kinh cho ông chẳng kịp. Chính ông hãy niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật nhất định

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

đón ông về Tây Phương”. Bình thường, hấn ta chẳng đốt nhang, khi ấy, nhớ ra: “Ngay lập tức thắp hương cho ta, ta muốn dâng hương”. Thế là người nhà ngay lập tức vội đốt hương cho hấn. Tay hấn cầm hương, một mục niệm nam-mô A Di Đà Phật, nam-mô A Di Đà Phật... Niệm mười tiếng. Ôi chao! Hấn ta nói: “Những con trâu đòi mạng đều bỏ đi hết rồi, tướng địa ngục cũng chẳng thấy nữa!” Một lúc sau, [hấn ta nói]: “A Di Đà Phật đến đón tôi”. Mặt lộ vẻ tươi cười, mỉm cười qua đời.

Đây là câu chuyện Trương Thiện Hòa thường được nhắc tới. Câu chuyện này chứng minh, một gã tội ác suốt đời giết trâu, khi lâm chung, tướng địa ngục hiện tiền, chỉ niệm A Di Đà Phật mười niệm liền sanh về Tây Phương. Chỉ cần chúng ta kịp thời sanh tín tâm, chẳng thể hoàn toàn nói chúng ta là thiện nhân, nhưng chúng ta không giết trâu, một con trâu cũng chưa từng giết, huống hồ ông ta là người cả đời giết trâu, niệm mười tiếng A Di Đà Phật mà có thể vãng sanh Tây Phương! Chúng ta chẳng ác như ông ta, chúng ta mỗi ngày niệm Phật tối thiểu mười câu, bình thường niệm Phật, tính ra, chẳng niệm đến mức nhất tâm bất loạn, nhưng niệm Phật cũng chẳng ít, lẽ nào chẳng thể sanh về Tây Phương? Chúng ta phải triệt để tin tưởng điều này, tuyệt đối chớ nên hoài nghi!

Ngẫu Ích đại sư có hai câu kệ: “*Đắc sanh dữ phủ, toàn do tín nguyện chi hữu vô. Phẩm vị cao hạ, toàn do trì danh chi thâm thiểu*” (Được vãng sanh hay không, toàn là do có tín nguyện hay không. Phẩm vị cao hay thấp, toàn là do trì danh sâu hay cạn). Quý vị có thể sanh về Tây Phương hay không, hoàn toàn tùy thuộc tín tâm của quý vị, tùy thuộc nguyện lực của quý vị. Có tín tâm, có nguyện lực, chắc chắn sẽ sanh về Tây Phương. Còn như phẩm vị vãng sanh là do công phu niệm Phật sâu hay cạn, do vậy mà phẩm vị cao hay thấp. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới nhờ vào niệm Phật. Quý vị niệm A Di Đà Phật nhiều, thượng phẩm thượng sanh. Niệm ít, trung phẩm trung sanh. Niệm ít hơn nữa, hạ phẩm hạ sanh! Đó gọi là “*thập niệm vãng sanh*”. Hạ phẩm hạ sanh vẫn là sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ngẫu Ích đại sư dạy chúng ta điều này, quý vị tuyệt đối chớ nên hoài nghi: “Ta niệm Phật quá ít, chẳng thể sanh về Tây Phương!” Chỉ cần quý vị có tín tâm và có nguyện lực, niệm Phật mười niệm, tuyệt đối có thể vãng sanh!

Tổ sư Trung Hoa đã soạn văn Quy Mạng, trong khóa tối mỗi ngày, sau khi niệm Phật xong, chúng ta bèn quỳ xuống, niệm bài văn Quy Mạng, còn gọi là văn Hồi Hương. Trong bài ấy, đã thêm vào kinh

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

văn từ nguyện thứ mười tám này: “*Nhược hữu chúng sanh, dục sanh ngã quốc, chí tâm tín nhạo, nãi chí thập niệm. Nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh Giác*” (Nếu có chúng sanh muốn sanh về nước ta, chí tâm, tin ưa, cho đến mười niệm, nếu chẳng vãng sanh, chẳng giữ lấy Chánh Giác). Do điều này mà biết nguyện thứ mười tám nhiếp thủ chúng sanh hết sức quan trọng. Nhật Bản có Đông Bản Nguyện Tự và Tây Bản Nguyện Tự²⁶; những ngôi chùa ấy thuộc Tịnh Độ Chân Tông. Vì sao gọi là Bản Nguyện Tự? Vì coi nguyện thứ mười tám của A Di Đà Phật là bản nguyện²⁷. Vì sao gọi là Bản Nguyện Tự? Do chú trọng nguyện thứ mười tám này; bốn mươi bảy nguyện kia đều là trợ nguyện. Bản nguyện của A Di Đà Phật là mong độ chúng sanh sanh về Tây Phương. Do vậy, điều nguyện này là bản nguyện, những nguyện khác đều là kèm theo. Vì sao vậy? Chẳng hạn như nói “*A Di Đà Phật quang minh vô lượng, thọ mạng vô lượng*”, nhưng nếu chúng sanh chẳng thể sanh về Tây Phương, vậy thì quang minh vô lượng và thọ mạng vô lượng của Phật có ích chi đâu? Những phần kinh văn tiếp theo còn nói thế giới Cực Lạc được trang nghiêm bằng bảy báu như thế nào, [nhưng] chúng sanh chẳng sanh về Tây Phương, dầu thế giới Cực Lạc trang nghiêm cách mấy đi nữa, có ích chi chẳng? Do đó, căn bản của bốn mươi tám nguyện ở ngay nguyện thứ mười tám, độ chúng sanh sanh về

²⁶ Đông Bản Nguyện Tự (Higashi Hongan-ji) là tổng bản sơn (tổ đình) của phái Đại Cốc trong Tịnh Độ Chân Tông Nhật Bản. Khác với Phật giáo Trung Hoa, vấn đề quyền lực trong Phật giáo Nhật Bản rất nặng. Năm 1529, sau khi Pháp Chủ đời thứ mười một của Tịnh Độ Chân Tông là Hiền Như (Kennyo), trụ trì chùa Thạch Sơn Bản Nguyện Tự (Ishiyama Hongan-ji) qua đời, con trai ông ta là Giáo Như (Kyōnyo) và em trai là Chuẩn Như (Jyunyo) tranh giành ngôi Pháp Chủ không nhân nhượng. Về sau, Chuẩn Như được đại quý tộc Phong Thân Tú Cát (Toyotomi Hideyoshi) hậu thuẫn, trở thành Pháp Chủ. Năm 1602, Giáo Như tranh thủ được sự ủng hộ của mạc phủ Đức Xuyên Gia Khang (Tokugawa Ieyasu) sáng lập một phái mới, ly khai Tịnh Độ Chân Tông, bản sơn gọi là Đông Bản Nguyện Tự, còn gọi là Đại Cốc phái (Otani-ha), phái của Chuẩn Như gọi là Tây Bản Nguyện Tự (Nishi Hongan-ji).

²⁷ Đây là chủ trương của Pháp Nhiên thượng nhân (Honen), sáng tổ của Tịnh Độ Tông Nhật Bản. Một đệ tử của Ngài là Thân Loan (Shinran) đã đề xướng nhiều giáo nghĩa mới, sáng lập ra Tịnh Độ Chân Tông. Cũng chính Thân Loan đã đi tiên phong trong việc chủ trương Tăng sĩ lấy vợ, biến tăng đoàn của Tịnh Độ Chân Tông thành một đoàn thể thực chất là cư sĩ tại gia nhưng mang hình tướng tăng sĩ. Về sau, đa số tu sĩ Tịnh Độ Chân Tông không cạo tóc nữa, tuy vẫn có danh xưng là hòa thượng này, trưởng lão kia, họ mặc thường phục, chỉ mặc áo tràng và đắp y khi làm lễ.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Tây Phương. Sanh như thế nào? Có tín tâm, có nguyện lực, niệm Phật mười tiếng bèn có thể ra đi. Do vậy, nguyện thứ mười tám là bốn nguyện.

Ở đây, tôi nói thêm mấy câu vì muốn gia tăng tín tâm cho quý vị. A Di Đà Phật sẽ nhiếp thọ chúng ta, đúng là bi tâm triệt để. Quý vị niệm mười câu A Di Đà Phật có thể sanh về Tây Phương. Sanh về Tây Phương thì sanh tử từ vô thủy kiếp cho đến nay sẽ có ngày liễu thoát. Vì sao quý vị chẳng tin tưởng? Vì sao chẳng phát nguyện? Nếu quý vị nghe đại nguyện thứ mười tám, [sẽ biết] A Di Đà Phật từ bi nhiếp thọ chúng ta như vậy, [thế mà] đối với pháp môn Tịnh Độ, quý vị vẫn chẳng thể sanh tín tâm, chẳng phát nguyện cầu sanh Tây Phương; không chỉ là quý vị có lỗi với A Di Đà Phật, mà còn có lỗi đối với chính mình!

Giả sử còn có kẻ nói: “Phật pháp tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều có thể nhập đạo, vì sao phải tin tưởng pháp môn Tịnh Độ?” Quý vị phải biết: Đó là thời đại Chánh Pháp, thiện căn của chúng sanh sâu dày, nghiệp chướng cạn mỏng, tu bất luận pháp môn nào cũng đều có thể thành tựu. [Do vậy], tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều có thể thành tựu. Hiện nay đã chẳng phải là thời đại Chánh Pháp, mà cũng chẳng phải là thời đại Tượng Pháp, mà là thời đại Mạt Pháp. Thời đại Mạt Pháp thì trừ pháp môn Tịnh Độ ra, pháp môn nào cũng đều chẳng dùng được! Kinh Đại Bảo Tích dạy: “*Mạt Pháp ức ức nhân tu hành, hãn nhất đắc đạo. Duy y niệm Phật, đắc độ sanh tử*” (Thời Mạt Pháp, ức ức người tu hành, hiếm có một người đắc đạo. Chỉ có nương vào niệm Phật để vượt khỏi sanh tử). Có những pháp môn quý vị tu chẳng nổi; pháp môn màu nhiệm, nhưng chúng ta tu không nổi! Chỉ có pháp môn Tịnh Độ niệm A Di Đà Phật, tu pháp môn đơn giản này, quý vị sẽ có thể nhập đạo. Quý vị chẳng niệm, chẳng tu, có pháp môn này để có thể nhập đạo mà quý vị chẳng tu, cứ muốn tu các pháp môn chẳng thể nhập đạo, chẳng phải là quý vị đã tự đâm quàng ngõ rẽ đấy ư? Chẳng cần nói tám vạn bốn ngàn pháp môn nhiều ngàn ấy!

Tám đại tông phái Đại Thừa tại Trung Hoa, Tịnh Độ Tông chỉ là một tông phái, ngoài ra còn có bảy tông phái khác. Đã là mỗi tông phái đều dạy chúng ta pháp môn liễu sanh tử, quý vị hãy nghiên cứu các pháp môn liễu sanh tử khác, thử coi chúng ta có tu nổi không? Thiên Thai Tông phải tu Nhất Tâm Tam Quán, quán nổi không? Hiền Thủ Tông, còn gọi là Hoa Nghiêm Tông, phải tu Pháp Giới Quán, quán

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

được chăng? Tam Luận Tông thì phải tu Pháp Tánh Trung Đạo, tu được không? Duy Thức Tông phải tu Ngũ Trùng Duy Thức Quán, quán nổi không? Luật Tông thì nếu trì giới luật thanh tịnh, sẽ có thể thành Phật, có thể trì giới hoàn toàn thanh tịnh chăng? Mật Tông thì tam mật tương ứng, tức thân thành Phật (即身成佛, thành Phật ngay trong thân hiện tại). Tam Mật là thân khẩu ý tam mật, phải tương ứng với thân khẩu ý tam mật của Đại Nhật Như Lai thì mới có thể thành Phật, có thể làm nổi không? Pháp môn trong bảy tông phái khác, chúng ta đều chẳng tu nổi, làm sao quý vị liễu sanh tử cho nổi? Hãy thật thà, đừng đi lòng vòng phát cuồng! Liễu sanh tử là chuyện lớn, chúng ta vẫn nên phát nguyện sanh về Tây Phương, vẫn nên sớm thật thà niệm danh hiệu A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương.

19) Nguyện thứ mười chín: Lâm chung tiếp dẫn

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, thập phương chúng sanh, phát Bồ Đề tâm, tu chư công đức, chí tâm phát nguyện, dục sanh ngã quốc, lâm thọ chung thời, giả linh bất dữ đại chúng vi nhiều hiện kỳ nhân tiền giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，十方眾生，發菩提心，修諸功德，至心發願，欲生我國，臨壽終時，假令不與大眾圍遶現其人前者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sanh phát Bồ Đề tâm, tu các công đức, chí tâm phát nguyện, muốn sanh về nước tôi, khi sắp mạng chung, giả sử tôi chẳng cùng đại chúng vây quanh hiện ra trước mặt người ấy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Lại nói đến đại nguyện thứ mười chín, trong kinh A Di Đà cũng có nói rõ ràng: Mười phương chúng sanh, bất luận quý vị ở phương nào hay thế giới nào, do Niệm Phật là pháp môn Đại Thừa, quý vị đã phát Bồ Đề tâm, liền “tu các công đức, chí tâm phát nguyện, muốn sanh về nước ta”, [tức là] muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, khi người ấy sắp hết thọ mạng, nếu A Di Đà Phật chẳng cùng đại chúng vây quanh hiện ra trước mặt người đó, Ngài sẽ chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác. Đây là chúng ta sống đến ngày quả báo đã tận, quý vị đáng nên sống tới tám mươi tuổi, ngày nào thọ mạng tám mươi tuổi đã tận, hoặc quý vị đáng nên sống tới một trăm hai mươi tuổi, đến ngày

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nào thọ mạng một trăm hai mươi tuổi đã tận, quý vị niệm A Di Đà Phật đã bao nhiêu năm, khi đó, A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát sẽ đều tới đón quý vị, đưa quý vị về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chính giữa Tây Phương Tam Thánh là A Di Đà Phật tay cầm đài hoa sen; chúng ta ngồi lên đài hoa sen ấy, sanh về Tây Phương. Một cánh tay của A Di Đà Phật buông thõng xuống là để tiếp dẫn chúng ta.

20) Nguyện thứ hai mươi: Muốn vãng sanh bèn toại ý

(Kinh) Thiết ngã đăc Phật, thập phương chúng sanh, vãn ngã danh hiệu, hệ niệm ngã quốc, thực chúng đức bôn, chí tâm hồi hướng, dục sanh ngã quốc, bất quả toại giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，十方眾生，聞我名號，繫念我國，植眾德本，至心迴向，欲生我國，不果遂者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sanh nghe danh hiệu của tôi, hệ niệm nước tôi, trồng các cội đức, chí tâm hồi hướng, muốn sanh về nước tôi mà chẳng đợc toại nguyện, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ hai mươi, “*thiết ngã đăc Phật, thập phương chúng sanh, vãn ngã danh hiệu*” (nếu tôi thành Phật, mười phương chúng sanh nghe danh hiệu của tôi): Nghe danh hiệu A Di Đà Phật của tôi, “*hệ niệm ngã quốc*” (hệ niệm nước tôi), nhất tâm tưởng niệm muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Thực chúng đức bôn*” (Gieo trồng cội đức): “*Thực*” (植) là gieo trồng, “*chúng đức bôn*” là các thiện căn. Phải gieo bồi nhiều thiện căn. “*Chí tâm hồi hướng*”: Gieo các thiện căn, tức là làm hết thảy phước đức, làm hết thảy thiện pháp, tất cả các công đức đều hồi hướng, nguyện do công đức ấy, trang nghiêm Tịnh Độ của Phật, hồi hướng Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Dục sanh ngã quốc*”: Bằng lòng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Bất quả toại giả, bất thủ Chánh Giác*”: Nếu kết quả là chúng sanh ấy chẳng sanh về [Cực Lạc], A Di Đà Phật quyết chẳng thành Phật!

21) Nguyện thứ hai mươi mốt: Ba mươi hai tướng

(Kinh) Thiết ngã đăc Phật, quốc trung thiên nhân, bất tất

thành mãn tam thập nhị đại nhân tướng giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中天人，不悉成滿三十二大人相者，不取正覺。

(*Kinh*: Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước chẳng thấy thành tựu viên mãn ba mươi hai tướng đại nhân, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đối với đại nguyện thứ hai mươi một, trong phần trước có nói về đại nguyện thứ ba, tức là niệm Phật được sanh về Tây Phương thế giới, “*thân tất chân kim sắc*” (thân đều là màu vàng ròng), là màu của vàng ròng. Đại nguyện thứ tư là trời và người đều có tướng mạo giống nhau, chẳng phân biệt đẹp xấu, tướng mạo giống hệt như nhau. Đó là tướng mạo gì vậy? Chính là tướng được nói trong đại nguyện thứ hai mươi một, tức là tướng của Ứng Thân Phật, giống như tướng mạo Thích Ca Mâu Ni Phật, có trọn đủ ba mươi hai tướng đại nhân. Quý vị hãy tra từ ngữ “*ba mươi hai đại nhân tướng*” trong Phật Học Đại Từ Điển, vì chúng ta chẳng có thời gian để nói cặn kẽ từng tướng được. Đây là nói, hễ ai đời nghiệp vãng sanh, trong một đời bèn đến Tây Phương để làm Phật. Quá mau chóng! Nói “*mau*” thì cũng chẳng phải rất mau, nói “*chậm*” thì cũng chẳng phải là rất chậm! Ba mươi hai tướng ấy chẳng phải là tướng của Phật, mà là các tướng nơi Ứng Thân Phật của Thích Ca Mâu Ni Phật. Vì Ngài thành Phật trong nhân gian, nên phải thị hiện nhân tướng (tướng trạng con người), bất quá “*nhân*” ở đây là “*đại nhân*”, “*đại nhân*” là ai? Kim Chuyển Luân Thánh Vương. Kim Chuyển Luân Thánh Vương là người bậc nhất trong thế gian, nhà vua có ba mươi hai loại tướng mạo. Đức Phật thị hiện trong nhân gian, cũng phải thị hiện đại nhân tướng.

22) Nguyện thứ hai mươi hai: Nhất Sanh Bồ Xứ

(*Kinh*) *Thiết ngã đắc Phật, tha phương Phật độ chư Bồ Tát chúng, lai sanh ngã quốc, cứu cánh tất chí Nhất Sanh Bồ Xứ, trừ kỳ bồn nguyện tự tại sở hóa. Vị chúng sanh cố, bị hoàng thệ khải, tích lũy đức bồn, độ thoát nhất thiết, du chư Phật quốc, tu Bồ Tát hạnh, cúng dường thập phương chư Phật Như Lai, khai hóa hằng sa vô lượng chúng sanh, sử lập vô thượng chánh chân chi đạo, siêu xuất thường luân chư địa chi hạnh, hiện tiền tu tập Phổ Hiền chi đức.*

Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，他方佛土諸菩薩眾，來生我國，究竟必至一生補處。除其本願自在所化。為眾生故，被弘誓鎧，積累德本，度脫一切，遊諸佛國，修菩薩行，供養十方諸佛如來。開化恆沙無量眾生，使立無上正真之道，超出常倫諸地之行，現前修習普賢之德。若不爾者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, các vị Bồ Tát từ các cõi Phật ở phương khác sanh đến nước tôi, rốt ráo ắt đạt đến Nhất Sanh Bồ Xứ, trừ những trường hợp do bốn nguyên mà tự tại hóa độ. Do vì chúng sanh nên mặc áo giáp hoàng thế, tích lũy cội đức, độ thoát hết thầy, dạo chơi các cõi Phật, tu Bồ Tát hạnh, cúng dường mười phương chư Phật Như Lai, khai hóa hằng sa vô lượng chúng sanh, khiến cho họ đứng vững nơi đạo vô thượng chánh chân, vượt trội hạnh của những địa vị thông thường, hiện tiền tu tập phẩm đức của Phổ Hiền. Nếu chẳng như thế, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyên thứ hai mươi hai, “*thiết ngã đắc Phật, tha phương Phật độ chư Bồ Tát chúng, lai sanh ngã quốc, cứu cánh tất chí Nhất Sanh Bồ Xứ*” (nếu tôi thành Phật, các vị Bồ Tát từ các cõi Phật ở phương khác sanh đến nước tôi, rốt ráo ắt đạt đến Nhất Sanh Bồ Xứ): Trong phần trên là độ mười phương chúng sanh, ở đây là độ các vị đại Bồ Tát trong các cõi Phật khác. Đại Bồ Tát hễ sanh về Tây Phương sẽ đều có thể thành Nhất Sanh Bồ Xứ. Nhất Sanh Bồ Xứ là địa vị gì? Địa vị của Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật. Chỉ còn một đời nữa sẽ thành Phật. Địa vị Nhất Sanh Bồ Xứ vượt trội địa vị Đẳng Giác. Trong các thế giới khác, muốn thành một vị Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát, như trong thế giới Sa Bà, chỉ có một mình Di Lặc Bồ Tát, rất ư là khó! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát chẳng thể hạn lượng, quá ư là nhiều. Do vậy, các vị đại Bồ Tát trong những thế giới phương khác cũng muốn sanh về Tây Phương. Sanh về Tây Phương ngay trong một đời sẽ đều có thể đạt được địa vị Bồ Xứ Bồ Tát.

“*Trừ kỳ bốn nguyên*”: Ngoại trừ bốn nguyên của chư đại Bồ Tát, tức là đại nguyên căn bản của các Ngài, chẳng chấp trước mong cầu Nhất Sanh Bồ Xứ. Bốn nguyên của các Ngài là muốn tùy nguyên hóa

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

độ chúng sanh, tùy nguyện đến cúng dường các cõi Phật, vậy thì cứ tùy ý họ! “*Vị chúng sanh cố, bị hoằng thệ khái*” (Do vì chúng sanh, mặc áo giáp hoằng thệ): Hoằng thệ đại nguyện được ví như áo giáp, phải dùng mãnh tinh tân. “*Tích lũy đức bốn*” (Tích lũy cõi đức): Để độ chúng sanh thì phải tích lũy công đức căn bản. “*Độ thoát nhất thiết, du chư Phật quốc, tu Bồ Tát hạnh*” (Độ thoát hết thảy, đạo trong các cõi Phật, tu hạnh Bồ Tát): Mỗi cõi Phật các Ngài đều đến, muốn tu Bồ Tát hạnh tức là muốn độ chúng sanh. Cúng dường mười phương chư Phật Như Lai tức là trên phụng sự chư Phật, dưới hóa độ chúng sanh. “*Khai hóa hằng sa vô lượng chúng sanh, sử lập vô thượng chánh chân chi đạo*” (Khai hóa hằng sa vô lượng chúng sanh, khiến cho họ đứng vững nơi đạo vô thượng chánh chân): Khai hóa chúng sanh, giáo hóa đến mức độ nào? Giáo hóa chúng sanh có thể kiến lập đạo thành Phật, tức là đạo vô thượng chánh chân. “*Siêu xuất thường luân chư địa chi hạnh*” [nghĩa là] đã vượt trội hạnh thuộc các địa vị thông thường. “*Hiện tiền tu tập Phổ Hiền chi đức*”: Tu tập phẩm đức của Phổ Hiền cũng là tu tập phẩm đức thành Phật. Nếu chẳng như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác!

23) Nguyện thứ hai mươi ba: Cúng dường chư Phật

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, quốc trung Bồ Tát, thừa Phật thần lực, cúng dường chư Phật, nhất thực chi khoảnh, bất năng biến chi vô lượng vô số ức na-do-tha chư Phật quốc giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中菩薩，承佛神力，供養諸佛，一食之頃，不能徧至無量無數億那由他諸佛國者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, Bồ Tát trong nước tôi, nương vào thần lực của Phật để cúng dường chư Phật, trong khoảng một bữa ăn, chẳng thể đến khắp vô lượng vô số ức na-do-tha các cõi Phật, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ hai mươi ba, “*thiết ngã đắc Phật, quốc trung Bồ Tát, thừa Phật thần lực, cúng dường chư Phật*” (nếu tôi thành Phật, Bồ Tát trong nước tôi, nương vào thần lực của Phật để cúng dường chư Phật): Đại nguyện thứ hai mươi hai trong đoạn trước đã nói có những vị Bồ Tát [trong những quốc độ khác] phát nguyện muốn cúng dường

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

chư Phật, cứu độ chúng sanh [sẽ đều được A Di Đà Phật gia bị khiến cho họ an lập nơi đạo vô thượng chánh chân], còn ở đây là nói những vị đại Bồ Tát đã sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Quốc trung Bồ Tát*” (Bồ Tát trong nước tôi) nương vào sức thần thông của A Di Đà Phật gia bị, họ muốn đến mười phương thế giới cúng dường chư Phật, trong khoảng thời gian rất ngắn sẽ cúng dường được. “*Nhất thực chi khoảnh, bất năng biến chí vô lượng vô số ức na-do-tha chư Phật quốc giả, bất thủ Chánh Giác*” (Trong khoảng một bữa ăn, chẳng thể đến khắp vô lượng vô số ức na-do-tha các cõi Phật, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác): Trong một thời gian rất ngắn có thể cúng dường chư Phật số đến vô lượng!

24) Nguyên thứ hai mươi bốn: Đồ vật để cúng dường tùy ý

(Kinh) Thiết ngã đấc Phật, quốc trung Bồ Tát, tại chư Phật tiền, hiện kỳ đức bốn, chư sở cầu dục cúng dường chi cụ, nhược bất như ý giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中菩薩，在諸佛前，現其德本，諸所求欲供養之具，若不如意者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, Bồ Tát trong nước tôi, ở trước các đức Phật, hiện hiện cội đức của họ, mong cầu các vật để cúng dường mà nếu chẳng như ý, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đây là đại nguyên thứ hai mươi bốn. Trong phần trước là đến mười phương thế giới cúng dường chư Phật số nhiều vô lượng. Để cúng dường vô lượng chư Phật thì phải có đồ cúng dường. Kinh A Di Đà chép: “*Thịnh chúng diệu hoa, cúng dường tha phương thập vạn ức Phật*” (Đựng các loại hoa màu nhiệm, cúng dường mười vạn ức Phật ở phương khác). Mỗi người ai nấy có tâm nguyện riêng, quý vị mong cúng dường thứ gì, sẽ có thứ ấy. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng có gì không xứng ý quý vị. Chẳng hạn như tôi mong cúng dường hương, bèn có hương; quý vị mong cúng dường đèn, bèn có đèn, đều thỏa mãn ý nguyện của quý vị.

25) Nguyên thứ hai mươi lăm: Dẫn nói diệu trí

(Kinh) Thiết ngã đấc Phật, quốc trung Bồ Tát, bất năng diễn

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thuyết Nhất Thiết Trí giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中菩薩，不能演說一切智者，不取正覺。

(*Kinh*: Nếu tôi thành Phật, hàng Bồ Tát trong nước tôi chẳng thể diễn nói Nhất Thiết Trí, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ hai mươi lăm, Bồ Tát đều có thể thuyết pháp, lại còn nói khác nhau, đều có thể diễn nói Nhất Thiết Trí, tức là nói sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật rất nhanh chóng. Rất nhanh như thế nào? Phật được gọi là Lương Túc Tôn (兩足尊, đáng trọng đủ hai món phước và huệ): Một là phước trọn đủ, hai là huệ trọn đủ. [Muốn đạt] phước trọn đủ thì phải tu phước, [đề có] huệ trọn đủ thì phải tu huệ. Sanh về Tây Phương, sẽ tu rất nhanh chóng! Quý vị tu phước thì không gì hơn cúng dường Phật. Quý vị cúng dường một vị Phật còn chẳng được, tu Bồ Tát đạo thì tu ở chỗ nào? Quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, cúng dường vô lượng chư Phật, cúng dường trong thời gian một bữa ăn, đó chẳng phải là tu phước rất mau chóng ư? Lại còn hằng ngày nghe kinh thính pháp, quý vị sẽ khai trí huệ rất nhanh chóng. Do đó, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, phước báo cũng đầy đủ, mà trí huệ cũng đầy đủ.

26) Nguyện thứ hai mươi sáu: Thân Na La Diên

(*Kinh*) *Thiết ngã đắc Phật, quốc trung Bồ Tát, bất đắc Kim Cang Na La Diên thân giả, bất thủ Chánh Giác.*

(經)設我得佛，國中菩薩，不得金剛那羅延身者，不取正覺。

(*Kinh*: Nếu tôi thành Phật, Bồ Tát trong nước tôi chẳng đạt được thân Kim Cang Na La Diên, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Na La Diên (Nārāyaṇa)²⁸ là kiên cố, tức là thân kiên cố bất hoại. Hàng Bồ Tát trong nước [Cực Lạc] đều đạt được thân kiên cố bất hoại. Nếu chẳng được như vậy, chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác.

²⁸ Na La Diên là một hóa thân của Tỳ Thấp Nỗ (còn phiên âm là Tỳ Nữ, tức thân Vishnu), đôi khi danh hiệu này còn được dịch nghĩa là Biến Nhập Thiên. Trong giáo phái Vaishnavism (phái đặc biệt tôn thờ thần Vishnu) của Ấn giáo, vị trời này

27) Nguyên thứ hai mươi bảy: Hết thấy trang nghiêm, thanh tịnh

(Kinh) Thiết ngã đấng Phật, quốc trung thiên nhân, nhất thiết vạn vật, nghiêm tịnh quang lệ, hình sắc thù đặc, cùng vi cực diệu, vô năng xưng lượng. Kỳ chư chúng sanh, nãi chí đấng Thiên Nhân, hữu năng minh liễu, biện kỳ danh số giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中天人，一切萬物，嚴淨光麗，形色殊特，窮微極妙，無能稱量。其諸眾生，乃至逮得天眼，有能明了，辯其名數者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước, hết thấy vạn vật trang nghiêm, thanh tịnh, sáng ngời, mỹ lệ, hình sắc thù thắng đặc biệt, vi diệu cùng cực, chẳng thể đếm, kể. Các chúng sanh ấy đều đã đấng Thiên Nhân, nếu như có thể hiểu rõ, biện định tên gọi và số lượng của chúng (muôn vật trong thế giới Cực Lạc), tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyên thứ hai mươi bảy, “thiết ngã đấng Phật, quốc trung thiên nhân, nhất thiết vạn vật, nghiêm tịnh quang lệ” (nếu tôi thành Phật, trời người trong nước, hết thấy vạn vật trang nghiêm, thanh tịnh, sáng ngời, mỹ lệ): “Hết thấy vạn vật”, chúng ta đọc kinh A Di Đà, [thấy nói] ao bảy báu, nước tám công đức, lầu gác bảy báu. Hết thấy muôn vật đều trang nghiêm, thanh tịnh, sáng ngời, mỹ lệ, hình dạng đều là rất thù thắng đặc biệt.

“Cùng vi cực diệu”: “Vi” (微) là rất tinh vi, “diệu” (妙) là chẳng thể nghĩ bàn. “Vô năng xưng lượng” (Chẳng thể tính kể): Chỉ tán thán những thứ ấy tốt đẹp, tốt đẹp như thế nào, đã chẳng thể nói trọn, mà cũng chẳng thể tính kể! “Kỳ chư chúng sanh, nãi chí đấng Thiên Nhân” (Các chúng sanh ấy cho đến đạt được Thiên Nhân): Chúng sanh sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều đấng Thiên Nhân Thông. Trong phần trước đã nói Lục Thông đều đạt được, đương nhiên là có Thiên Nhân Thông. Chữ Đãi (逮) trong câu “đãi đấng Thiên Nhân” chính là chữ Đắc (得) trong “đắc đạo” (được, đạt được). Đã đạt được Thiên Nhân Thông, nếu quý vị đã biết sự trang nghiêm trong Tây

được coi là đáng tối cao sáng tạo vũ trụ. Vị trời này được coi là kiên cố, chẳng thể phá hoại, có thể sáng tạo và đồng thời duy trì sự cân bằng trong vũ trụ, nên thường được mô tả là thân thể tráng kiện, đẹp đẽ, mạnh mẽ nhất trong chư thiên.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Phương Cự Lạc thế giới, vậy thì trang nghiêm như thế nào? “*Hữu năng minh liễu, biện kỳ danh số giả, bất thủ Chánh Giác*” (Có kẻ nào có thể hiểu rõ, biện định tên gọi và số lượng của chúng, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác): [Muôn] biết trọn hết tên gọi, thấu suốt số lượng, đều chẳng thể liễu đạt! Tức là sự trang nghiêm trong Tây Phương Cự Lạc thế giới quá nhiều, quá hay khéo! Dầu quý vị đắc Thiên Nhân Thông, cũng chẳng thể hiểu rõ nó trang nghiêm cỡ nào!

28) Nguyên thứ hai mươi tám: Cây đạo tràng cao ngất, rạng rỡ

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, quốc trung Bồ Tát, nãi chí thiểu công đức giả, bất năng tri kiến kỳ đạo tràng thụ vô lượng quang sắc, cao tứ bách vạn lý giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中菩薩，乃至少功德者，不能知見其道場樹無量光色，高四百萬里者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, hàng Bồ Tát trong nước tôi, dầu là kẻ ít công đức mà chẳng thể thấy, biết cây đạo tràng có vô lượng quang minh và màu sắc, cao bốn trăm vạn dặm thì tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyên thứ hai mươi tám, “*thiết ngã đắc Phật, quốc trung Bồ Tát, nãi chí thiểu công đức giả*” (nếu tôi thành Phật, hàng Bồ Tát trong nước tôi, dầu là kẻ ít công đức), những vị Bồ Tát “*thiểu công đức*” là sơ phát tâm Bồ Tát, vừa mới sanh về Tây Phương Cự Lạc thế giới, công đức chẳng nhiều lắm. “*Bất năng tri kiến kỳ đạo tràng thụ vô lượng quang sắc, cao tứ bách vạn lý giả, bất thủ Chánh Giác*” (Chẳng thể thấy, biết cây đạo tràng có vô lượng quang minh, màu sắc, cao bốn trăm vạn dặm thì tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác): Vị Bồ Tát sơ phát tâm, vừa mới sanh về Tây Phương Cự Lạc thế giới, công đức chẳng nhiều mà vẫn có thể trông thấy cây Bồ Đề cao bốn trăm dặm.

Chỗ này có hoài nghi hay không? Tức là chúng ta trông thấy cây cao hai ba trượng đã coi là cao rồi, há có cây cao bốn trăm vạn dặm như thế? Quý vị phải hiểu: Tây Phương Cự Lạc thế giới là một thế giới chẳng thể nghĩ bàn, thân lượng của Phật, Bồ Tát bên ấy đều rất cao lớn. Cây cao bốn trăm vạn dặm là cây đạo tràng. Bồ Tát sẽ tỉnh tọa dưới cội cây đạo tràng để thành Phật. Thân lượng của Phật, Bồ Tát rất cao to, lẽ đâu cây đạo tràng chẳng cao như thế? Cao bốn trăm vạn dặm

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

mà hàng Bồ Tát ít công đức vẫn trông thấy. Quý vị xem Thập Lục Quán Kinh, [sẽ biết] thân lượng của A Di Đà Phật cao chừng nào, cây đạo tràng còn có thể dùng số dặm để tính toán nữa ư?

29) Nguyên thứ hai mươi chín: Tụng kinh đắc Huệ

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, quốc trung Bồ Tát, nhược thọ độc kinh pháp, phúng tụng trì thuyết, nhi bất đắc biện tài trí huệ giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中菩薩，若受讀經法，諷誦持說，而不得辯才智慧者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, hàng Bồ Tát trong nước tôi nếu nhận lãnh, đọc tụng kinh pháp, phúng tụng, trì, nói, mà chẳng đắc biện tài trí huệ, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ hai mươi chín, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sơ phát tâm Bồ Tát còn phải tu hành, tu hành như thế nào? Niệm kinh, trì chú. Vừa niệm kinh, vừa tụng trì, ngay lập tức đắc biện tài, đắc trí huệ. Nếu chẳng đắc trí huệ và biện tài, Phật sẽ chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác.

30) Nguyên thứ ba mươi: Huệ biện vô hạn

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, quốc trung Bồ Tát, trí huệ biện tài, nhược khả hạn lượng giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中菩薩，智慧辯才，若可限量者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, hàng Bồ Tát trong nước tôi, trí huệ và biện tài nếu có hạn lượng, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ ba mươi, Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới hễ niệm kinh sẽ ngay lập tức đạt được biện tài. Đạt được bao nhiêu biện tài? Chẳng thể hạn lượng! Biện tài và trí huệ của Bồ Tát chẳng có hạn lượng. Nếu có số lượng, Ngài sẽ chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác.

31) Nguyên thứ ba mươi một: Soi tỏ mười phương

(Kinh) Thiết ngã đấc Phật, quốc độ thanh tịnh, giai tất chiếu kiến thập phương nhất thiết vô lượng vô số bất khả tư nghị chư Phật thế giới, do như minh kính, đồ kỳ diện tượng. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國土清淨，皆悉照見十方一切無量無數不可思議諸佛世界，猶如明鏡，覩其面像。若不爾者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, cõi nước thanh tịnh, thấy đều soi thấu mười phương hết thảy vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn các thế giới chư Phật, giống như gương sáng thấy rõ vẻ mặt. Nếu chẳng như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ ba mươi mốt, “*thiết ngã đấc Phật, quốc độ thanh tịnh, giai tất chiếu kiến thập phương nhất thiết vô lượng vô số bất khả tư nghị chư Phật thế giới*” (nếu tôi thành Phật, cõi nước thanh tịnh, thấy đều soi thấu mười phương hết thảy vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn các thế giới chư Phật): Quốc độ Tây Phương Cực Lạc thế giới giống như một tấm gương to sáng, có thể soi bóng mười phương thế giới. “*Do như minh kính, đồ kỳ diện tượng*”, [nghĩa là] giống như chúng ta lấy gương soi mặt của chính mình, thấy rõ ràng như vậy đó. “*Nếu chẳng như thế, chẳng giữ lấy Chánh Giác*”.

32) Nguyện thứ ba mươi hai: Hương báu trang nghiêm mầu nhiệm

(Kinh) Thiết ngã đấc Phật, tự địa dĩ thượng, chí ư hư không, cung điện, lâu quán, trì lưu, hoa thụ, quốc độ sở hữu nhất thiết vạn vật, giai dĩ vô lượng tạp bảo bách thiên chủng hương nhi cộng hợp thành, nghiêm sức kỳ diệu, siêu chư thiên nhân. Kỳ hương phổ huân thập phương thế giới, Bồ Tát văn giả, giai tu Phật hạnh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，自地以上，至於虛空，宮殿樓觀，池流華樹，國土所有一切萬物，皆以無量雜寶百千種香而共合成。嚴飾奇妙，超諸天人。其香普薰十方世界。菩薩聞者，皆修佛行。若不爾者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, từ đất trở lên cho đến tận hư không, cung điện, lâu, quán, ao, suối, cây hoa, tất cả hết thảy vạn vật trong cõi

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nước đều do vô lượng trăm ngàn loại hương báu khác nhau cùng hợp thành, trang nghiêm kỳ diệu, vượt trời trời người. Hương ấy xông khắp mười phương thế giới, Bồ Tát người thấy đều tu Phật hạnh. Nếu chẳng được vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ ba mươi hai, “*thiết ngã đắc Phật, tự địa dĩ thượng*” (nếu tôi thành Phật, từ mặt đất trở lên): Tây Phương Cực Lạc thế giới vàng ròng làm đất, từ trên mặt đất cho đến hư không, tất cả “*cung điện, lầu, quán*”, chữ Quán (觀) này nên đọc theo giọng khứ thanh, tức là đọc thành ㄍㄨㄢˋ (Guàn, âm Hán Việt là Quán), Quán là lầu gác. Còn có “*trì lưu hoa thụ*”, [nghĩa là] ao và suối bảy báu, còn có cây hoa. “*Quốc độ sở hữu nhất thiết vạn vật, giai dĩ vô lượng tạp bảo bách thiên chủng hương nhi cộng hợp thành*” (Tất cả hết thảy vạn vật trong cõi nước đều do vô lượng trăm ngàn loại hương báu khác nhau cùng hợp thành). Chẳng giống như cây cối ở nơi đây (thế giới Sa Bà) năm màu, lầu gác đều bằng những vật liệu như gạch, ngói... Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy đều dùng bảy báu để kiến tạo lầu gác, lại còn là do các thứ hương liệu hợp thành, “*nghiêm sức kỳ diệu, siêu chư thiên nhân*” (trang nghiêm kỳ diệu, vượt trời trời người): Vượt trời trời người tức là vượt trời cung trời trong thế giới Sa Bà.

“*Kỳ hương phổ huân thập phương thế giới. Bồ Tát văn giả, giai tu Phật hạnh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác*” (Hương ấy xông khắp mười phương thế giới. Bồ Tát người hương đều tu Phật hạnh. Nếu chẳng như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác): Hương trong Tây Phương Cực Lạc thế giới xông khắp mười phương thế giới. Người mùi hương trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, kẻ chẳng tu hành sẽ đều tu hành, lại còn đều tu hạnh môn của thế giới Cực Lạc. Nếu chẳng như vậy, chẳng giữ lấy Chánh Giác.

33) Nguyện thứ ba mươi ba: Được quang minh chiếu đến, [thân tâm] mềm mại

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, thập phương vô lượng bất khả tư nghị chư Phật thế giới chúng sanh chi loại, mông ngã quang minh xúc kỳ thân giả, thân tâm nhu nhuyễn, siêu quá thiên nhân. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，十方無量不可思議諸佛世界眾生之類

，蒙我光明觸其身者，身心柔軟，超過天人。若不爾者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, mười phương vô lượng chẳng thể nghĩ bàn các loài chúng sanh trong các thế giới của chư Phật được quang minh của tôi chạm vào thân họ, thân tâm họ sẽ mềm dịu, vượt trời trời người. Nếu chẳng được vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ ba mươi ba, “*thiết ngã đắc Phật, thập phương vô lượng bất khả tư nghị chư Phật thế giới chúng sanh chi loại*” (nếu tôi thành Phật, mười phương vô lượng chẳng thể nghĩ bàn các loài chúng sanh trong các thế giới của chư Phật), chúng sanh trong mười phương thế giới “*mông ngã quang minh xúc kỳ thân giả*”, [nghĩa là] nếu gặp quang minh của A Di Đà Phật chiếu vào thân, “*thân tâm nhu nhuyễn, siêu quá thiên nhân*”, [nghĩa là thân lẫn tâm đều] mềm dịu vượt trời trời người. Người trên cõi trời thân lẫn tâm luôn mềm dịu, [người được quang minh của A Di Đà Phật chiếu đến, thân tâm sẽ] vượt trời sự mềm dịu của trời người.

Nếu chẳng như vậy, [A Di Đà Phật] chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác. Người đang sống, niệm Phật, trông thấy quang minh của A Di Đà Phật, thân lẫn tâm đều mềm dịu. Thông thường, người đã chết thân thể cứng đơ, nhưng người niệm Phật vãng sanh, khi thọ mạng chấm dứt, thân thể họ mềm mại; đây là một dấu hiệu chứng tỏ [người ấy] đã sanh về Tây Phương.

34) Nguyện thứ ba mươi bốn: Nghe danh đức Nhân

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, thập phương vô lượng bất khả tư nghị chư Phật thế giới chúng sanh chi loại, văn ngã danh tự, bất đắc Bồ Tát Vô Sanh Pháp Nhân chư tâm tổng trì giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，十方無量不可思議諸佛世界眾生之類，聞我名字，不得菩薩無生法忍諸深總持者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, mười phương vô lượng chẳng thể nghĩ bàn các loài chúng sanh trong thế giới của chư Phật nghe danh tự của tôi mà chẳng đắc Vô Sanh Pháp Nhân và các môn tổng trì sâu của hàng Bồ Tát, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Đại nguyện thứ ba mươi tư, “*thiết ngã đắc Phật, thập phương vô lượng bất khả tư nghị chư Phật thế giới chúng sanh chi loại, văn ngã danh tự*” (nếu tôi thành Phật, mười phương vô lượng chẳng thể nghĩ bàn các loài chúng sanh trong thế giới của chư Phật nghe danh tự của tôi), [tức là] nghe danh hiệu của A Di Đà Phật, “*bất đắc Bồ Tát Vô Sanh Pháp Nhân chư thâm tông trì giả, bất thủ Chánh Giác*” (chẳng đắc Vô Sanh Pháp Nhân và các môn tông trì sâu của hàng Bồ Tát, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác): Nghe danh hiệu A Di Đà Phật của tôi, người ấy nghe danh hiệu bèn biết niệm danh hiệu Phật, nhất định có thể đạt được Vô Sanh Pháp Nhân của hàng Bồ Tát. Đạt được pháp vô sanh thì gọi là Vô Sanh Pháp Nhân. “*Chư thâm tông trì*” là Ba La Mật rất sâu, pháp môn tông trì sâu xa thấy đều đạt được. Nếu chẳng như vậy, chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác.

35) Nguyện thứ ba mươi lăm: Thoát lìa thân nữ

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, thập phương vô lượng bất khả tư nghị chư Phật thế giới, kỳ hữu nữ nhân, văn ngã danh tự, hoan hỷ tín nhạo, phát Bồ Đề tâm, yếm ó nữ thân, thọ chung chi hậu, phục vi nữ tượng giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，十方無量不可思議諸佛世界，其有女人，聞我名字，歡喜信樂，發菩提心，厭惡女身，壽終之後，復為女像者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, trong mười phương vô lượng chẳng thể nghĩ bàn thế giới của chư Phật, nếu có người nữ, nghe danh tự của tôi, hoan hỷ, tín tưởng, ưa thích, phát Bồ Đề tâm, chán ghét thân nữ, sau khi thọ chung, lại làm thân nữ, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ ba mươi lăm là chuyên vì nữ nhân mà phát nguyện này. Là nữ nhân, nhưng quý vị chán ghét thân nữ nhân, hãy nên phát Bồ Đề tâm, niệm A Di Đà Phật, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có hình tướng kẻ nữ, chẳng có nữ nhân. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ biến thành thân Bồ Tát, đời sau hoặc những đời sau nữa đều chẳng bị chuyển thành thân nữ.

36) Nguyện thứ ba mươi sáu: Thường tu Phạm hạnh

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, thập phương vô lượng bất khả tư nghị chư Phật thế giới chư Bồ Tát chúng, văn ngã danh tự, thọ chung chi hậu, thường tu phạm hạnh, chí thành Phật đạo. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，十方無量不可思議諸佛世界諸菩薩眾，聞我名字，壽終之後，常修梵行，至成佛道。若不爾者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, các vị Bồ Tát trong mười phương vô lượng chẳng thể nghĩ bàn thế giới của chư Phật, nghe danh tự của tôi, sau khi thọ chung, thường tu phạm hạnh cho đến khi thành Phật đạo. Nếu chẳng như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ ba mươi sáu, “thiết ngã đắc Phật, thập phương vô lượng bất khả tư nghị chư Phật thế giới chư Bồ Tát chúng” (nếu tôi thành Phật, các vị Bồ Tát trong mười phương vô lượng chẳng thể nghĩ bàn thế giới của chư Phật): Những vị vốn tu Bồ Tát hạnh trong các thế giới khác, nay được nghe danh tự của A Di Đà Phật. “Thọ chung chi hậu, thường tu phạm hạnh, chí thành Phật đạo. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác” (Sau khi thọ chung, thường tu phạm hạnh cho đến khi thành Phật đạo. Nếu chẳng như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác): Vị Bồ Tát ấy mạng chung, sanh sang đời sau, sẽ thường tu phạm hạnh, tức là hạnh trì giới thanh tịnh, mãi cho đến khi vị ấy thành Phật. Nếu chẳng như vậy, chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác.

37) Nguyện thứ ba mươi bảy: Trời người đốc trọn lòng cung kính

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, thập phương vô lượng bất khả tư nghị chư Phật thế giới chư thiên nhân dân, văn ngã danh tự, ngũ thể đầu địa, khể thủ tác lễ, hoan hỷ tín nhạo, tu Bồ Tát hạnh, chư thiên thế nhân, mạc bất trí kính. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，十方無量不可思議諸佛世界諸天人眾，聞我名字，五體投地，稽首作禮，歡喜信樂，修菩薩行，諸天世人，莫不致敬。若不爾者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, chư thiên và nhân dân trong vô lượng chẳng thể nghĩ bàn các thế giới của mười phương chư Phật, nghe danh tự của tôi, năm vóc gieo xuống đất, dập đầu làm lễ, hoan hỷ, tin tưởng,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

ua thích, tu Bồ Tát hạnh, chư thiên người đời, không ai chẳng dốc lòng cung kính. Nếu chẳng như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ ba mươi bảy, “*thiết ngã đắc Phật, thập phương vô lượng bất khả tư nghị chư Phật thế giới chư thiên nhân dân*” (nếu tôi thành Phật, chư thiên và nhân dân trong vô lượng chẳng thể nghĩ bàn các thế giới của mười phương chư Phật), những người này đều là phàm phu, “*văn ngã danh tự, ngũ thế đầu địa, khể thủ tác lễ*”, [tức là] nghe danh tự A Di Đà Phật, năm vóc gieo xuống đất đánh lễ A Di Đà Phật, “*hoan hỷ tín nhạo, tu Bồ Tát hạnh*” (hoan hỷ, tin tưởng, ưa thích), ngay khi đó, người ấy sẽ đạt được phước báo tốt đẹp. Tiếp đó là nói về những gì sẽ đạt được ngay trong khi ấy: “*Chư thiên thế nhân, mạc bất trí kính. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác*” (Chư thiên, người đời, không ai chẳng dốc lòng cung kính. Nếu chẳng được vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác): Quý vị niệm A Di Đà Phật, đánh lễ, cung kính, cúng dường A Di Đà Phật, ngay khi ấy sẽ đạt được quả báo tốt đẹp, chư thiên và người đời đều cung kính quý vị. Nếu họ chẳng lễ kính quý vị, A Di Đà Phật làm sao có thể thành Chánh Giác cho được?

38) Nguyện thứ ba mươi tám: Y phục thuận theo ý nghĩ

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, quốc trung thiên nhân, dục đắc y phục, tùy niệm tức chí, như Phật sở tán ứng pháp diệu phục, tự nhiên tại thân, hữu cầu tài phùng đảo nhiễm hoán trạc giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中天人，欲得衣服，隨念即至，如佛所讚應法妙服，自然在身。有求裁縫擣染浣濯者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước muốn có y phục, vừa nghĩ liền có, y phục đẹp đẽ đúng pháp được Phật ca ngợi sẽ tự nhiên [xuất hiện] trên thân. Nếu còn phải cắt may, nhuộm màu, giặt giũ, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ ba mươi tám, “*thiết ngã đắc Phật, quốc trung thiên nhân, dục đắc y phục, tùy niệm tức chí*” (nếu tôi thành Phật, trời người trong nước muốn có y phục, vừa nghĩ liền có): Quý vị muốn mặc quần áo theo kiểu nào, bộ quần áo ấy nhất định sẽ khoác trên thân thể

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

của quý vị. “*Như Phật sở tán ứng pháp diệu phục, tự nhiên tại thân*” (Y phục đẹp đẽ đúng pháp được Phật ca ngợi sẽ tự nhiên [xuất hiện] trên thân): Y phục đẹp đẽ như chư Phật đã tán thán, tương ứng với Phật pháp, tự nhiên khoác trên thân thể của quý vị. “*Hữu câu tài phùng*”, [nghĩa là] nếu bộ quần áo ấy cần phải may cắt, hoặc là “*đạo nhiễm*”, [tức là] cần phải nhuộm màu, “*hoán trạc*”: Hoặc là quần áo mặc dơ bẩn phải giặt giũ. Nếu có nhiều chuyện như thế, tôi sẽ chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác.

39) Nguyên thứ ba mươi chín: Vui như Lậu Tận

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, quốc trung thiên nhân, sở thọ khoái lạc, bất như Lậu Tận tỳ-kheo giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中天人，所受快樂，不如漏盡比丘者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, trời người trong nước hưởng thụ vui sướng chẳng giống như vị tỳ-kheo đã chứng Lậu Tận, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyên thứ ba mươi chín. “*Lậu*” (漏) là tên gọi khác của phiền não. Lậu Tận là đã đoạn hết phiền não. Phiền não đoạn hết sạch thì là Tứ Quả A La Hán. Ngài hưởng thụ pháp lạc. Nếu như trời người trong thế giới Cực Lạc của tôi, hưởng thụ sự vui sướng chẳng giống như vị Lậu Tận tỳ-kheo, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác.

40) Nguyên thứ bốn mươi: Trong cây hiện cõi nước

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, quốc trung Bồ Tát, tùy ý dục kiến thập phương vô lượng nghiêm tịnh Phật độ, ứng thời như nguyện, u bảo thụ trung, giai tất chiếu kiến, do như minh kính, đồ kỳ diện tượng. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中菩薩，隨意欲見十方無量嚴淨佛土，應時如願，於寶樹中，皆悉照見，猶如明鏡，覩其面像。若不爾者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, Bồ Tát trong nước tùy ý muốn thấy mười phương vô lượng cõi Phật trang nghiêm, thanh tịnh, sẽ ngay lập

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tức như nguyện, từ trong cây báu, thấy đều trông thấy rõ rệt, giống như gương sáng trông thấy khuôn mặt. Nếu chẳng như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ bốn mươi, Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn là do bảy báu hợp thành. Quý vị muốn trông thấy thế giới của một vị Phật nào, từ trong cây báu sẽ có thể trông thấy, giống như soi bóng vào gương, hoặc soi mặt vào gương, sẽ trông thấy rõ ràng.

41) Nguyện thứ bốn mươi một: Các căn chẳng khuyết

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, tha phương quốc độ chư Bồ Tát chúng, văn ngã danh tự, chí u đắc Phật, chư căn khuyết lậu, bất cụ túc giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，他方國土諸菩薩眾，聞我名字，至於得佛，諸根缺陋，不具足者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, các vị Bồ Tát trong các cõi nước ở phương khác nghe danh tự của tôi cho đến khi thành Phật mà các căn thiếu hụt, chẳng đầy đủ, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ bốn mươi một, “*thiết ngã đắc Phật, tha phương quốc độ chư Bồ Tát chúng*” (nếu tôi thành Phật, các vị Bồ Tát trong các cõi nước ở phương khác), chẳng phải là các vị Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà là hàng Bồ Tát trong thế giới khác, nghe danh tự của A Di Đà Phật, mãi cho đến ngày vị ấy thành Phật mới thôi, nếu “*chư căn khuyết lậu, bất cụ túc giả, bất thủ Chánh Giác*” (các căn thiếu hụt, chẳng đầy đủ, tôi chẳng giữ lấy Chánh Giác), phát Bồ Đề tâm, tu Bồ Tát đạo, người ấy do đời trước, kiếp trước đã tạo ác nghiệp, vẫn chẳng thanh tịnh, hiện thời nghe danh hiệu A Di Đà Phật, ác nghiệp đều tiêu, trọn chẳng mắc phải quả báo sáu căn chẳng đầy đủ, sẽ chẳng bị mất mù, tai điếc, thiếu một tay, hay thiếu một chân... [tức là chẳng mắc] quả báo chư căn khuyết lậu vậy!

42) Nguyện thứ bốn mươi hai: Giải thoát thanh tịnh

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, tha phương quốc độ chư Bồ Tát chúng, văn ngã danh tự, giai tất đãi đắc thanh tịnh giải thoát tam-

muội. Trụ thị tam-muội, nhất phát ý khoảnh, cúng dường vô lượng bất khả tư nghị chư Phật Thế Tôn, nhi bất thất định ý. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，他方國土諸菩薩眾，聞我名字，皆悉逮得清淨解脫三昧。住是三昧，一發意頃，供養無量不可思議諸佛世尊，而不失定意。若不爾者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, các vị Bồ Tát trong các cõi nước ở phương khác, nghe danh tự của tôi, thấy đều đạt được tam-muội giải thoát thanh tịnh. Trụ trong tam-muội ấy, trong khoảng phát ý, cúng dường vô lượng chẳng thể nghĩ bàn chư Phật Thế Tôn, mà chẳng đánh mất định ý. Nếu chẳng như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ bốn mươi hai, “*thiết ngã đắc Phật, tha phương quốc độ chư Bồ Tát chúng, văn ngã danh tự, giai tất đãi đắc thanh tịnh giải thoát tam-muội*” (nếu tôi thành Phật, các vị Bồ Tát trong các cõi nước ở phương khác, nghe danh tự của tôi, thấy đều đạt được tam-muội giải thoát thanh tịnh): Chẳng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà ở ngay trong các quốc độ của họ, chỉ cần nghe danh hiệu A Di Đà Phật, tôi sẽ gia bị cho họ, khiến cho hàng Bồ Tát ấy đạt được “*thanh tịnh giải thoát tam-muội*”. “*Trụ thị tam-muội*” (Trụ trong tam-muội ấy): An trụ trong tam-muội thanh tịnh. “*Nhất phát ý khoảnh*” (Trong khoảng phát ý) là một khoảng thời gian rất ngắn, có thể “*cúng dường vô lượng bất khả tư nghị chư Phật Thế Tôn, nhi bất thất định ý*” (cúng dường vô lượng chẳng thể nghĩ bàn chư Phật Thế Tôn, mà chẳng đánh mất định ý), thường ở trong Định cúng dường vô lượng chư Phật, mà chẳng đánh mất ý Thiên Định. Nếu chẳng như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác.

43) Nguyện thứ bốn mươi ba: Nghe tên được phước

(Kinh) *Thiết ngã đắc Phật, tha phương quốc độ chư Bồ Tát chúng, văn ngã danh tự, thọ chung chi hậu, sanh tôn quý gia. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.*

(經)設我得佛，他方國土諸菩薩眾，聞我名字，壽終之後，生尊貴家。若不爾者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, các vị Bồ Tát trong những cõi nước

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nơi phương khác, nghe danh tự của tôi, sau khi thọ chung, sanh trong nhà tôn quý. Nếu chẳng như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ bốn mươi ba, những vị Bồ Tát chẳng sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chỉ cần nghe thấy danh hiệu A Di Đà Phật của tôi, tôi liền gia bị cho họ, sau khi hết tuổi thọ, sanh sang đời sau, quyết định sanh trong nhà tôn quý. Nếu chẳng như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác.

44) Nguyện thứ bốn mươi bốn: Tu hành trọn đủ các đức

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, tha phương quốc độ chư Bồ Tát chúng, văn ngã danh tự, hoan hỷ dũng dục, tu Bồ Tát hạnh, cụ túc đức bốn. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，他方國土諸菩薩眾，聞我名字，歡喜踊躍，修菩薩行，具足德本。若不爾者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, các vị trong các cõi nước ở nơi phương khác nghe danh tự của tôi, hoan hỷ, hớn hờ, tu hạnh Bồ Tát, đầy đủ các cội đức. Nếu chẳng như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ bốn mươi bốn, “*thiết ngã đắc Phật, tha phương quốc độ chư Bồ Tát chúng, văn ngã danh tự, hoan hỷ dũng dục*” (nếu tôi thành Phật, các vị Bồ Tát trong các cõi nước ở nơi phương khác nghe danh tự của tôi, hoan hỷ, hớn hờ): Nghe danh hiệu của tôi, sẽ phát tâm hoan hỷ, muốn tu Bồ Tát hạnh, đầy đủ các cội đức. Nếu chẳng như vậy, chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác.

45) Nguyện thứ bốn mươi lăm: Phổ Đẳng tam-muội

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, tha phương quốc độ chư Bồ Tát chúng, văn ngã danh tự, giai tất đãi đắc Phổ Đẳng tam-muội. Trụ thị tam-muội, chí w thành Phật, thường kiến vô lượng bất khả tư nghị nhất thiết chư Phật. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，他方國土諸菩薩眾，聞我名字，皆悉逮得普等三昧。住是三昧，至於成佛，常見無量不可思議

一切諸佛。若不爾者，不取正覺。

(*Kinh*: Nếu tôi thành Phật, các vị Bồ Tát trong các cõi nước ở phương khác, nghe danh hiệu của tôi, thấy đều đạt được Phổ Đẳng tam-muội. Trụ trong tam-muội ấy, cho đến khi thành Phật, thường thấy vô lượng chẳng thể nghĩ bàn hết thấy chư Phật. Nếu chẳng như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ bốn mươi lăm, nếu tôi thành Phật, các vị Bồ Tát trong các cõi nước phương khác, nghe danh hiệu A Di Đà Phật, đều có thể đạt được Phổ Đẳng tam-muội²⁹. Lại còn an trụ trong Phổ Đẳng tam-muội mãi cho đến khi thành Phật, thường xuyên bá kiến vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn hết thấy chư Phật. Nếu chẳng như vậy, chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác.

²⁹ Do hòa thượng Đạo Nguyên không giải thích ý nghĩa của Phổ Đẳng tam-muội, chúng tôi xin trích lời giảng từ sách Hội Sớ như sau: “Nếu theo ý kiến của các Sư thì Phổ Đẳng tam-muội chỉ là một thứ tam-muội được Bồ Tát chứng đắc. Ngài Cảnh Hưng bảo: ‘Phổ nghĩa là phổ biến; Đẳng nghĩa là bình đẳng. Cái thấy rộng lớn, Phật Phật đều thấy, cho nên gọi cái Định của các Ngài đã trụ là Phổ Đẳng’. Ngài Huyền Nhất bảo: ‘Do sức của tam-muội này, sẽ thấy khắp tất cả chư Phật Thế Tôn, nên bảo là Phổ. Do hiện bình đẳng, không gì chẳng đạt đến, nên gọi là Đẳng’. Nếu xét theo chánh ý của tuyển trích bốn nguyện thì Phổ Đẳng tam-muội chính là Niệm Phật tam-muội. Phổ có nghĩa là phổ biến, phạm thánh cùng chứng nhập được. Đẳng là bình đẳng, công đức niệm một vị Phật cũng bằng với công đức niệm hết thấy Phật. Kinh Bồ Tát Niệm Phật tam-muội bảo: ‘Thí như chúng sanh nhược y Tu Di kim sắc chi biên, kỳ thân tức dữ bi sơn đồng sắc. Sở dĩ nhiên giả? Sơn thế lực cố. Hựu như chư thủy, tất nhập đại hải, đồng kỳ nhất vị, sở dĩ nhiên giả? Dĩ hải lực cố. Nhược nhân đắc Niệm Phật tam-muội, diệc phục như thị’ (Vị như chúng sanh nếu ở bên núi Tu Di kim sắc thì thân họ cũng cùng màu với núi ấy. Vì có sao vậy? Là do thế lực của núi vậy. Lại như các dòng nước đã vào trong biển cả thì có cùng một vị, vì sao thế? Do sức của biển vậy. Người đắc niệm Phật tam-muội cũng giống như thế). Đây là ý nghĩa Phổ Biến của chữ Phổ trong Phổ Đẳng. Kinh Văn Thù Bát Nhã dạy: ‘Niệm nhất Phật công đức, vô lượng vô biên, diệc dữ vô lượng vô biên chư Phật vô nhị’ (Công đức niệm một đức Phật vô lượng vô biên, chẳng khác gì công đức niệm vô lượng chư Phật). Tán A Di Đà Phật Kệ có câu: ‘Ngã dĩ nhất tâm quy nhất Phật, nguyện biến thập phương vô ngại nhập’ (Tôi dùng nhất tâm quy y một vị Phật, nguyện nhập khắp mười phương vô ngại). Đây là ý nghĩa Bình Đẳng”.

46) Nguyên thứ bốn mươi sáu: Tùy nguyện nghe pháp

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, quốc trung Bồ Tát, tùy kỳ chí nguyện sở dục văn pháp, tự nhiên đắc văn. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，國中菩薩，隨其志願所欲聞法，自然得聞。若不爾者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, Bồ Tát trong nước thuận theo chí nguyện của họ muốn nghe pháp nào, sẽ tự nhiên được nghe. Nếu chẳng như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ bốn mươi sáu, “*thiết ngã đắc Phật, quốc trung Bồ Tát*” (nếu tôi thành Phật, Bồ Tát trong nước); đây là hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Tùy kỳ chí nguyện, sở dục văn pháp, tự nhiên đắc văn*” (Thuận theo chí nguyện của họ muốn nghe pháp nào, sẽ tự nhiên được nghe), họ muốn nghe pháp nào, sẽ có thể nghe pháp đó. Nếu chẳng như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác.

47) Nguyên thứ bốn mươi bảy: Nghe danh hiệu đắc Bất Thoái

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, tha phương quốc độ chư Bồ Tát chúng, văn ngã danh tự, bất tức đắc chí Bất Thoái Chuyển giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，他方國土諸菩薩眾，聞我名字，不即得至不退轉者，不取正覺。

(Kinh: Nếu tôi thành Phật, các vị Bồ Tát trong các cõi nước ở phương khác, nghe danh hiệu của tôi mà chẳng liền đắc Bất Thoái Chuyển, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác).

Đại nguyện thứ bốn mươi bảy, nghe danh hiệu của A Di Đà Phật, quý vị dụng công tu hành, chắc chắn chẳng còn thoái chuyển nữa. Kinh A Di Đà gọi địa vị này là A Bệ Bạt Trí.

48) Nguyên thứ bốn mươi tám: Đắc ba món Pháp Nhân

(Kinh) Thiết ngã đắc Phật, tha phương quốc độ chư Bồ Tát chúng, văn ngã danh tự, bất tức đắc chí đệ nhất nhân, đệ nhị, đệ tam

pháp nhẫn, w chư Phật pháp, bất năng tức đắc bất thoái chuyển giả, bất thủ Chánh Giác.

(經)設我得佛，他方國土諸菩薩眾，聞我名字，不即得至第一忍，第二第三法忍，於諸佛法不能即得不退轉者，不取正覺。

(*Kinh: Nếu tôi thành Phật, các vị Bồ Tát trong các cõi nước nơi phương khác, nghe danh tự của tôi, nếu chẳng đắc ngay đệ nhất nhẫn, đệ nhị, đệ tam pháp nhẫn, đối với Phật pháp của chư Phật mà chẳng liền đạt được bất thoái chuyển, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác.*)

Đại nguyện thứ bốn mươi tám, các vị Bồ Tát trong các cõi nước ở phương khác, chỉ cần nghe danh hiệu A Di Đà Phật, sẽ có thể được A Di Đà Phật gia bị, đạt được đệ nhất pháp nhẫn, đệ nhị pháp nhẫn và đệ tam pháp nhẫn, hết thầy Phật pháp đều có thể đầy đủ.

Trước hết nói về pháp tướng của đệ nhất, đệ nhị, đệ tam nhẫn:

1. Thứ nhất là Âm Hưởng Nhẫn (音響忍). Đây là từ tiếng vang mà đắc pháp nhẫn, nên gọi là Âm Hưởng Nhẫn. Do tiếng vang mà ngộ được chân lý, khai ngộ. Ngộ được lý thể Chân Như, nghe tiếng vang bèn khai ngộ thì gọi là Âm Hưởng Nhẫn. Ví như có một vị thiên sư, ở một mình trong lều tranh trên núi để tham Thiên, Sư khai hoang vỡ đất trên núi để trồng một ít rau dưa, khoai lang. Khi vỡ đất, đốn rừng, dùng cuốc vạc đá trên núi quăng xuống dưới núi. Sườn núi mọc đầy những cây trúc, hình thành rừng trúc, đá trên sườn núi rơi xuống, va vào thân trúc, vang ra tiếng “lạch cạch” rất lớn. Vị đại thiên sư ấy lập tức khai ngộ. Đây là từ tiếng vang mà đắc pháp nhẫn, chính là môn thứ nhất, tức Âm Hưởng Nhẫn.

2. Thứ hai là Nhu Thuận Nhẫn (柔順忍). Mềm mỏng, vâng thuận gọi là Nhu Thuận Nhẫn. Tức là do tâm trí huệ của chính mình sanh ra. Do tâm trí huệ sanh ra, cho nên hết sức mềm mỏng, rất dễ dàng khai ngộ. Khai ngộ thuận theo chân lý, thuận theo diệu lý Chân Như thì gọi là Nhu Thuận Nhẫn. Đây là môn thứ hai, tức Nhu Thuận Nhẫn.

3. Thứ ba là Vô Sanh Nhẫn (無生忍), còn gọi là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Pháp vô sanh là pháp Thật Tướng. Thật Tướng chẳng có tướng, vì phạm những gì có tướng đều là hư vọng! Pháp này là tướng chân thật, chẳng phải là tướng của hữu tướng. Hữu tướng thì là tướng hư vọng, còn pháp này là chân thật, chẳng hư vọng. Đây là diệu lý Chân Như, cũng là diệu lý Thật Tướng, mà cũng là Phật tánh mỗi người

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

chúng ta ai nấy sẵn có. Đây là Vô Sanh Pháp. Hễ đại triệt đại ngộ pháp vô sanh, sẽ ngộ diệu lý Thật Tướng, chứng đắc pháp vô sanh, thì gọi là Vô Sanh Pháp Nhân.

Lại xem kinh văn, đại nguyện thứ bốn mươi bảy nhằm gia bị các vị Bồ Tát ở phương khác, chẳng phải là dành cho hàng Bồ Tát đã sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Các vị Bồ Tát trong các cõi nước ở phương khác, họ nghe danh hiệu A Di Đà Phật, sẽ đắc địa vị bất thoái chuyển. Đại nguyện thứ bốn mươi tám vẫn gia bị các vị Bồ Tát ở phương khác. Nếu Bồ Tát ở cõi nước phương khác, nghe danh hiệu A Di Đà Phật, sẽ đắc đệ nhất, đệ nhị, đệ tam pháp nhân, đắc bất thoái chuyển nơi các pháp của chư Phật. Nếu chẳng được như vậy, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác. Đại nguyện bốn mươi bảy và bốn mươi tám đều vì hàng Bồ Tát ở phương khác mà vận dụng công phu, họ đều do được nghe danh hiệu của A Di Đà Phật mà kết quả là đều đắc bất thoái chuyển. Vậy thì bất thoái chuyển trong đại nguyện bốn mươi bảy và đại nguyện bốn mươi tám giống nhau hay khác nhau? Nếu giống nhau, cần gì đã lập đại nguyện thứ bốn mươi bảy, lại lập ra nguyện thứ bốn mươi tám để làm gì nữa? Đương nhiên là chẳng giống nhau. Vì lời nguyện bốn mươi tám gồm rất nhiều câu như là “*đạt được đệ nhất, đệ nhị, đệ tam pháp nhân*”, lại còn “*đắc bất thoái chuyển nơi pháp của chư Phật*” trong khi đại nguyện thứ bốn mươi bảy chỉ nói “*chẳng thoái chuyển*”, khác nhau! Phải giải thích cặn kẽ hơn đôi chút!

Hàng Bồ Tát ở quốc độ phương khác có địa vị sâu hay cạn khác nhau. Bất thoái chuyển trong đại nguyện thứ bốn mươi bảy là Bồ Tát ở các quốc độ khác, thuộc địa vị Thập Tín. Nếu Thập Tín vị Bồ Tát nghe danh hiệu A Di Đà Phật, sẽ đạt đến bất thoái chuyển, gọi là Vị Bất Thoái. Đã đạt Bất Thoái Chuyển, bèn dự vào địa vị Thập Trụ. Đã dự vào địa vị Thập Trụ, lại chẳng thoái chuyển, sẽ dự vào địa vị Tam Hiền, chẳng bị lui sụt, đọa xuống phàm phu. Vì thế, gọi là Vị Bất Thoái Bồ Tát. Đại nguyện thứ bốn mươi tám gia bị những vị Bồ Tát đều là Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền. Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền là các địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng Bồ Tát. Các Ngài nghe danh hiệu của A Di Đà Phật liền tiến bộ, hễ tiến bộ, sẽ nhập vào địa vị Thập Thánh (Thập Địa). Sau khi đã lên Sơ Địa thì gọi là Hạnh Bất Thoái. Đối với hạnh môn Đại Thừa, chẳng còn thoái chuyển nữa. Từ Bát Địa Bồ Tát [trở lên] gọi là Niệm Bất Thoái, chánh niệm hiện tiền. Niệm nào cũng lưu nhập Tát Bà Nhã Hải (biển Nhất Thiết Trí), niệm nào cũng đều là chánh niệm, vĩnh viễn chẳng còn lui sụt, sẽ chứng đắc ba môn

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Pháp Nhẫn. Hai môn Pháp Nhẫn trước đều là [pháp được chứng bởi] Sơ Địa Bồ Tát, môn Pháp Nhẫn thứ ba là [pháp sở chứng của] hàng Bồ Tát từ Bát Địa trở lên. Đây là hàng Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền, quý vị nghe danh hiệu A Di Đà Phật bèn có thể đăng địa (chứng đắc Sơ Địa). Hàng Bồ Tát sau khi đã đăng địa, nghe danh hiệu A Di Đà Phật, sẽ có thể tăng tấn đến Bát Địa, đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Do vậy, Ngài mới chẳng thoái chuyển nơi pháp của chư Phật.

Bồ Tát thuộc những quốc độ ở phương khác tu hành chẳng thoái chuyển. Có ba loại bất thoái chuyển: Vị Bất Thoái, Niệm Bất Thoái, và Hạnh Bất Thoái. Nếu tu viên mãn địa vị Thập Tín, dựa theo Đại Thừa Khởi Tín Luận để nói thì phải mất một vạn đại kiếp mới dự vào địa vị Thập Trụ, mới là Vị Bất Thoái. Đã dự vào địa vị Thập Trụ, tức là [lần lượt trải qua] Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, địa vị Tam Hiền có ba mươi địa vị, phải tu một đại A-tăng-kỳ kiếp, dự lên Sơ Địa, tu cho đến Bát Địa Bồ Tát. Tu viên mãn A-tăng-kỳ kiếp thứ hai, mới gặp Phật, được thọ ký thành Phật. Lấy Thích Ca Mâu Ni Phật để dẫn chứng, Ngài gặp Nhiên Đăng Phật thọ ký thành Phật, chính là đã tu viên mãn hai đại A-tăng-kỳ kiếp, đạt đến địa vị Bát Địa Bồ Tát. Từ địa vị Bát Địa, lại tu một đại A-tăng-kỳ kiếp nữa mới thành Phật. Đây là xét theo thời gian và địa vị trong quốc độ nơi phương khác mà phân biệt như thế đó!

Tịnh Độ Tông có bốn món Bất Thoái. Ngoại trừ Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái ra, còn có Xứ Bất Thoái. Xứ (處) là xứ sở, xứ sở là nơi chốn. Xứ sở nào vậy? Nơi chốn nào vậy? Tây Phương Cực Lạc thế giới! Chỉ cần quý vị sanh về xứ sở ấy, sẽ Bất Thoái Chuyển. Đại nguyện thứ nhất, đại nguyện thứ hai nhằm nêu rõ, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị sẽ chẳng còn đọa vào trong ba ác đạo nữa. Tức là quý vị sanh về nơi chốn Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là nơi chốn chẳng thoái chuyển, nên gọi là Xứ Bất Thoái. Xứ Bất Thoái bao gồm cả ba món Bất Thoái, tức là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái.

Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là phàm phu đời nghiệp sanh về đó. Sanh sang đó bèn nhập Chánh Định Tự, tức là Bất Thoái nơi địa vị Thập Trụ. Tăng tấn hơn nữa là Hạnh Bất Thoái, Nhất Sanh Bồ Xứ, vượt trời Đẳng Giác Bồ Tát. Huống hồ Bát Địa chính là Niệm Bất Thoái. Chỉ cần sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ đắc Xứ Bất Thoái, tức là đạt được ba món Bất Thoái. Đó là lợi ích to lớn của pháp môn Tịnh Độ.

(Kinh) Phật cáo A Nan: - Nhĩ thời, Pháp Tạng tỳ-kheo, thuyết thử nguyện dĩ, dĩ kệ tụng viết:

(經)佛告阿難：爾時法藏比丘，說此願已，以偈頌曰

：

(Kinh: Đức Phật bảo ngài A Nan: - Lúc bấy giờ, tỳ-kheo Pháp Tạng nói nguyện ấy xong, dùng kệ tụng rằng).

“*Phật cáo A Nan*” (Đức Phật bảo ngài A Nan): Đây vẫn là do Phật Thích Ca hướng về ngài A Nan kể chuyện A Di Đà Phật. Nói xong một đoạn, đức Phật lại gọi ngài A Nan một tiếng: “*Nhĩ thời Pháp Tạng tỳ-kheo, thuyết thử nguyện dĩ*” (Lúc bấy giờ, tỳ-kheo Pháp Tạng nói các nguyện ấy xong). Bốn mươi tám đại nguyện đều là đại nguyện do tỳ-kheo Pháp Tạng đối trước Thế Tụ Tại Vương Như Lai phát thệ. Ngài nói xong bốn mươi tám đại nguyện, lại nói kệ tụng để tán tụng những đại nguyện của Ngài, gồm mười một bài kệ tụng. Mười bài kệ tụng đầu là thệ nguyện, tức hồng thệ đại nguyện. Bài kệ tụng cuối cùng [thể hiện ý nguyện] mong cầu có một thụy tướng (瑞相, tướng tốt lành) để chứng minh.

2.2.1.2.2.2.1.4. Dựa theo những điều đã nguyện trên đây, nhắc lại những điều chính mình đã thệ nguyện (gồm mười một bài kệ)

2.2.1.2.2.2.1.4.1. Tự mong cầu (gồm ba bài kệ)

2.2.1.2.2.2.1.4.1.1. Ước theo tự đức của Phật để mong cầu

(Kinh) Ngã kiến siêu thế nguyện, tất chí vô thượng đạo, tư nguyện bất mãn túc, thệ bất thành Đẳng Giác.

(經)我建超世願，必至無上道，斯願不滿足，誓不成等覺。

(Kinh: Con lập nguyện hơn đời, ắt đạt vô thượng đạo, nguyện ấy chẳng trọn thỏa, thệ chẳng thành Đẳng Giác).

“*Ngã kiến siêu thế nguyện*” (Con lập nguyện siêu việt cõi đời), “*ngã*” là tỳ-kheo Pháp Tạng tự xưng. Tôi là tỳ-kheo Pháp Tạng đã kiến lập đại nguyện vượt trời thế gian. “*Tất chí vô thượng đạo*” (Ắt đạt đến đạo vô thượng): “*Vô thượng đạo*” là Phật đạo, [“*tất chí vô thượng đạo*” là] nhất định có thể thành Phật. “*Tư nguyện bất mãn túc, thệ bất thành Đẳng Giác*” (Nguyện ấy chẳng trọn thỏa, thệ chẳng thành Đẳng Giác)

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Giác): “*Tu nguyện*” (斯願) là nguyện này. [Vì sợ] bốn mươi tám nguyện chẳng được viên mãn trọn vẹn, tôi lại lập lời thề. Đây là hoàng thệ đại nguyện. Hoàng và Thệ hợp lại thành một danh từ [tức Hoàng Thệ], nguyện là thệ, thệ là nguyện. Nói tách ra, Nguyện là lập một chí hướng, Nguyện là nguyện cầu, nguyện đạt được, lập một chí nguyện. Nguyện đi trước dẫn đường, lại lập ra lời thề (thệ, 誓) giống như thúc giục đằng sau. Ví như một thớt ngựa, phía trước có sợi dây lôi nó đi, đây là Nguyện. Đằng sau lại dùng roi ngựa để đánh cho nó chạy. Đây gọi là “ra roi thúc giục”. Bản thân chúng ta trước hết phải kiến lập một đại nguyện để dẫn đường, khéo tu đại hạnh. Nương vào nguyện để dẫn dắt hạnh, chỉ sợ nguyện ấy chẳng kiến lập được. Lại sợ hạnh này lui sụt, lại lập ra một lời thề ở đằng sau để thúc giục. Chẳng đạt tới mục đích thì sẽ chẳng ngừng nghỉ. Đây là [tác dụng của] Thệ.

2.2.1.2.2.1.4.1.2. Ước theo hóa đức (phẩm đức giáo hóa) để mong cầu (gồm hai bài kệ)

(Kinh) Ngã u vô lượng kiếp, bất vi đại thí chủ, phổ tế chư bản khổ, thệ bất thành Đẳng Giác. Ngã chí thành Phật đạo, danh thanh siêu thập phương, cứu cánh hữu bất văn, thệ bất thành Đẳng Giác.

(經)我於無量劫，不為大施主，普濟諸貧苦，誓不成等覺。我至成佛道，名聲超十方，究竟有不聞，誓不成等覺。

(Kinh: Con trong vô lượng kiếp, chẳng làm đại thí chủ, cứu khắp kẻ nghèo khổ, thề chẳng thành Đẳng Giác. Đến khi con thành Phật, tiếng tăm trội mười phương, nếu có kẻ chẳng nghe, thề chẳng thành Đẳng Giác).

Nhắc lại lời nguyện của Ngài. “Ngã” vẫn là tỳ-kheo Pháp Tạng tự xưng. Tôi đã phát đại nguyện, tôi tu đại hạnh môn, tu đại công phu, tu công phu Đại Thừa, lấy chuyện lợi ích chúng sanh để tu hành. Đại Thừa Bồ Tát coi lợi tha là tự lợi. Đại Thừa Bồ Tát tu Lục Độ thì tu ở chỗ nào? Tu nơi chúng sanh. Lìa khỏi chúng sanh, quý vị chẳng có cách nào tu hành. Pháp môn Lục Độ thì độ thứ nhất là Bố Thí Độ. Bố Thí Độ chia thành ba loại là Tài Thí, Pháp Thí, và Vô Úy Thí, đều lấy chúng sanh làm đối tượng. Chẳng có chúng sanh, quý vị muốn Tài Thí cũng chẳng có chỗ nào để tu, mà Pháp Thí và Vô Úy Thí cũng đều

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

chẳng có chỗ nào để tu. Đại Thừa Bồ Tát tu như thế nào? Dùng công nơi thân của chúng sanh, phải nhớ rõ đạo lý này! Nay tỳ-kheo Pháp Tạng phát đại nguyện, muốn lập đại hạnh, muốn tu Lục Độ vạn hạnh. Điều thứ nhất trong Lục Độ là Bồ Thí Độ, hành Tài Bồ Thí trước.

“*Ngã u vô lượng kiếp*” (Tôi trong vô lượng kiếp): Tôi muốn dùng công đức này để kiến lập Tây Phương Cực Lạc thế giới, vượt trời hai trăm mười ức cõi Phật; vậy thì thế giới Cực Lạc của tôi, [chỉ tu tập, tích lũy] công đức trong một khoảng thời gian ngắn làm sao đầy đủ cho được? Vì thế, phải phát tâm dài lâu, phải tu hành trong vô lượng kiếp, tu hành gì vậy? Trước hết, tôi sẽ làm đại thí chủ, “*bát vi đại thí chủ, phổ tế chư bần khổ, thệ bất thành Đẳng Giác*” (chẳng làm đại thí chủ, cứu khắp kẻ nghèo khổ, thề chẳng thành Đẳng Giác): Tôi nhất định sẽ làm một vị đại thí chủ, làm đại thí chủ để làm gì? Rộng tu Bồ Tát đạo, hành Lục Độ vạn hạnh. Trong Lục Độ, Bồ Thí là bậc nhất. Đối tượng để bố thí là “*phổ tế chư bần khổ*” (cứu tế trọn khắp những kẻ nghèo khổ). Chúng sanh nghèo túng, khổ não, tôi sẽ cứu giúp họ. Chúng sanh chẳng có cơm ăn, tôi sẽ bố thí thức ăn. Chẳng có quần áo mặc, sẽ bố thí quần áo để mặc. Chẳng có nhà để ở, sẽ bố thí nhà cửa để ở. Chúng sanh nghèo khổ, tôi sẽ cứu giúp họ. Lại còn là “*phổ tế*”, [tức là] chẳng phân biệt oán thân, oán hay thân đều bình đẳng cứu độ. Đây là hành Tài Bồ Thí.

“*Ngã chí thành Phật đạo, danh thanh siêu thập phương, cứu cánh hữu bát văn, thệ bất thành Đẳng Giác*” (Tôi đạt thành Phật đạo, tiếng tăm vượt trời mười phương, rốt cuộc nếu có kẻ nào chẳng nghe biết, tôi thề chẳng thành Đẳng Giác): “*Thành Đẳng Giác*” cũng là “*thành Chánh Giác*”. Nói gộp chung lại, sẽ là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Văn tự có phần giản lược, trong phần trước đã nói là “*thệ bất thành Chánh Giác*”; ở đây nói là “*thệ bất thành Đẳng Giác*”! Đẳng Giác hay Chánh Giác [đều phải hiểu] là Phật. “*Ngã chí thành Phật đạo*”, [nghĩa là] trong tương lai, tỳ-kheo Pháp Tạng tôi đây sẽ thành Phật. “*Danh thanh siêu thập phương, cứu cánh hữu bát văn, thệ bất thành Đẳng Giác*”, ý nói: Tiếng tăm vượt trời mười phương thế giới. Chúng sanh trong mười phương thế giới sẽ đều nghe danh hiệu thành Phật của tôi. Nếu còn có chúng sanh nào chẳng nghe danh hiệu ấy, tôi quyết định chẳng thành Phật!

Nay chúng tôi dùng sự thật để chứng minh đôi chút. A Di Đà Phật đã thành Phật, còn có chúng sanh nào chẳng nghe danh hiệu A Di Đà Phật? Dùng sự thật để chứng minh, mỗi chúng sanh đều đã nghe

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thấy. Chứng minh như thế nào? Chúng ta đều là đệ tử Phật, tu Tịnh Độ Tông, hằng ngày niệm Phật, niệm mấy ngàn tiếng, cho đến mấy vạn tiếng; há có ai chẳng nghe danh hiệu Phật? Đối với đức giáo chủ thế giới Sa Bà, tức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, tỳ-kheo Pháp Tạng và A Di Đà Phật đều do Phật Thích Ca nói ra, đáng lẽ chúng ta phải biết danh hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật trước hết thì mới đúng, thế nhưng có rất nhiều chúng sanh chẳng biết danh hiệu của Phật Thích Ca, nhưng đâm ra lại biết danh hiệu A Di Đà Phật. Họ chẳng phải là đệ tử Phật, cũng chưa hề thọ Tam Quy Y, mà cũng chẳng phát nguyện sanh về Tây Phương, lại càng chẳng niệm A Di Đà Phật, nhưng họ biết danh hiệu A Di Đà Phật, biết như thế nào? Nếu họ gặp chuyện hoan hỷ, sẽ chẳng tự giác niệm một tiếng A Di Đà Phật. Trong khi họ thương tâm hoặc phiền não, sẽ chẳng tự giác niệm một tiếng A Di Đà Phật. Niệm Phật hiệu là buột miệng thốt ra, thật giống như trẻ nhỏ tự nhiên gọi mẹ vậy. Nếu trong quá khứ, người ấy chưa hề nghe danh hiệu A Di Đà Phật, trong ruộng tám thức chẳng có chủng tử ấy, nó làm sao có thể dấy lên hiện hành cho được? Làm sao người ấy có thể buột miệng niệm một tiếng A Di Đà Phật cho được? Chúng ta hết thấy chúng sanh trong đời trước, kiếp trước, cho đến nhiều đời nhiều kiếp trước đã từng nghe danh hiệu A Di Đà Phật.

2.2.1.2.2.2.1.4.2. Thuận cầu (gồm bảy bài kệ)

(Kinh) Ly dục thâm chánh niệm, tịnh huệ tu phạm hạnh, chí cầu vô thượng tôn, vì chư thiên nhân sư. Thần lực diễn đại quang, phổ chiếu vô tế độ, tiêu trừ tam cấu minh, minh tế chúng ách nạn. Khai bỉ trí huệ nhãn, diệt thử hôn manh ám, bẻ tắc chư ác đạo, thông đạt thiện thú môn. Công tộ thành mãn túc, oai diệu lãn thập phương, nhật nguyệt tập trùng huy, thiên quang ẩn bất hiện. Vị chúng khai pháp tạng, quảng thí công đức bảo, thường u đại chúng trung, thuyết pháp sư tử hồng. Cúng dường nhất thiết Phật, cụ túc chúng đức bốn, nguyện huệ tất thành mãn, đắc vi tam giới hùng. Như Phật vô ngại trí, thông đạt mị bất chiếu, nguyện ngã công đức lực, đẳng thử tối thắng tôn.

(經)離欲深正念，淨慧修梵行，志求無上尊，為諸天人師。神力演大光，普照無際土，消除三垢冥，明濟眾厄難。開彼智慧眼，滅此昏盲闇，閉塞諸惡道，通達善趣門

。功祚成滿足，威曜朗十方，日月戢重暉，天光隱不現。
為眾開法藏，廣施功德寶，常於大眾中，說法師子吼。供
養一切佛，具足眾德本，願慧悉成滿，得為三界雄。如佛
無礙智，通達靡不照，願我功德力，等此最勝尊。

*(Kinh: Lìa dục, chánh niệm sâu. Tịnh huệ tu phạm hạnh, chí cầu
đẳng vô thượng, làm thầy của trời người. Thần lực tỏa đại quang,
chiếu khắp khôn ngần cõi, tiêu trừ tối ba cõi, cứu ách nạn sáng ngời,
mở huệ nhân cho họ, diệt trừ mù tối tăm. Đóng chặt các đường ác,
thông thoáng cửa đường lành, công phước đều trọn vẹn, oai sáng ngời
mười phương, nhật nguyệt mất ánh sáng, quang minh của bầu trời,
thầy ân mắt chẳng hiện. Vì chúng mở kho pháp, rộng thí báu công đức,
thường ở trong đại chúng, thuyết pháp, sư tử rống. Cúng dường hết
thầy Phật, đầy đủ các cội đức, nguyện huệ đều vẹn thành, thành đẳng
tam giới hùng, như Phật vô ngại trí, thông đạt chiếu khắp cả, nguyện
sức công đức tôi, bằng với đẳng tối thắng).*

“Ly dục thâm chánh niệm, tịnh huệ tu phạm hạnh, chí cầu vô
thượng tôn, vi chư thiên nhân sư” (Lìa dục, chánh niệm sâu. Tịnh huệ
tu phạm hạnh, chí cầu [sẽ trở thành] đẳng vô thượng, làm thầy của trời
người): Trong bài kệ tụng này, bao gồm Trì Giới Độ, Thiên Định Độ,
và Bát Nhã Độ, nhưng chú trọng Trì Giới Độ. “Ly dục”: Thứ nhất là lìa
dâm dục, thứ hai là lìa ngũ dục. Điều này là cần phải trì giới. “Thâm
chánh niệm” (Chánh niệm sâu): Đây là tu Thiên Định. “Tịnh huệ”: Từ
Thiên Định chánh niệm sâu, sanh khởi trí huệ thanh tịnh; đây là Bát
Nhã Độ. “Tu phạm hạnh” chú trọng trì giới. “Ly dục” là trì giới. “Tu
phạm hạnh” cũng là trì giới. “Phạm hạnh” là thanh tịnh, trì giới thanh
tịnh, tu hạnh môn gì cũng đều thanh tịnh, nên gọi là “tu phạm hạnh”.
“Chí cầu vô thượng tôn”: Tu Trì Giới Độ, Thiên Định Độ và Bát Nhã
Độ nhằm mong cầu thành Phật. “Vi chư thiên nhân sư” (Làm thầy của
chư thiên và loài người): Phải nêu gương cho loài người trong nhân
gian và nêu gương cho chư thiên trong cõi trời, làm thầy của trời người
như thế nào? Thứ nhất là có Thiên Định, thứ hai là có trí huệ, nhưng
[nếu như] giới luật chẳng thanh tịnh, loài người chẳng tôn trọng quý vị,
mà trời cũng chẳng tôn trọng quý vị. Do vậy, bài kệ tụng này bao gồm
ba Độ, chú trọng nơi Trì Giới Độ!

“Thần lực diễn đại quang, phổ chiếu vô tế độ, tiêu trừ tam cõi
minh, minh tế chúng ách nạn” (Thần lực tỏa ra quang minh lớn, chiếu

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

trọn khắp các cõi không có ngăn mé, tiêu trừ sự tối tăm do ba cấu, cứu giúp rạng ngời các ách nạn): Đây là Vô Úy Thí. Bồ Thí chia thành ba loại, tức là Tài Thí, Pháp Thí, và Vô Úy Thí. Cứu kẻ nghèo khổ trong phần trước là Tài Bồ Thí, phần này là hành Vô Úy Bồ Thí. “*Thần lực diễn đại quang*” (Do thần lực tỏa ra quang minh to lớn): Đã có thần thông, dùng sức thần thông tỏa ra quang minh to lớn, có thể “*phổ chiếu vô tế độ*” (chiếu khắp các cõi chẳng có ngăn mé), “*tế*” (際) là biên tế (邊際, bờ mé, giới hạn). [“*Vô tế độ*” là] vô lượng quốc độ, vô lượng thế giới, thế giới chẳng có ngăn mé. “*Tiêu trừ tam cấu minh*” (Tiêu trừ sự tối tăm của Tam Cấu): Tham, sân, si là pháp ô nhiễm, nên gọi là Tam Cấu (三垢). Pháp tối tăm gọi là Minh (冥). Nếu có thể dùng sức thần thông tỏa ra đại quang minh để chiếu trọn khắp vô lượng thế giới, vô lượng chúng sanh, khiến cho hết thấy chúng sanh đều tiêu trừ tối tăm tam cấu tham, sân, si của chính họ. “*Minh tế chúng ách nạn*”, ý nói: Cứu độ tai nạn cho hết thấy chúng sanh. Chữ Ách (厄) này là chính là chữ Ách trong câu Tâm Kinh “*chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách*”. “*Ách*” là tai ương. Chúng sanh gặp tai nạn, ta phóng quang minh cứu giúp tai nạn cho chúng sanh. Chúng sanh mang tai mắc nạn liền sanh lòng sợ hãi, ta cứu độ họ xa lìa tai nạn, bỏ thí sự không sợ hãi, nên gọi là Vô Úy Bồ Thí.

“*Khai bĩ trí huệ nhãn, diệt thử hôn manh ám, bẻ tắc chư ác đạo, thông đạt thiện thú môn*” (Mở con mắt trí huệ cho họ, diệt trừ sự tối tăm mù lòa ấy, đóng bít các đường ác, khai thông cửa dẫn đến đường lành), “*khai bĩ trí huệ nhãn, diệt thử hôn manh ám*”: Sẽ nói Phật pháp cho chúng sanh nghe, khiến cho chúng sanh mở mang con mắt trí huệ. Mắt của chúng sanh là nhục nhãn, nhục nhãn chưa khai trí huệ, giống như một kẻ mù nên gọi là “*hôn manh*” (昏盲, mù tối). “*Hôn manh*” là kẻ mù nhắm tịt mắt, thế giới của người ấy là một thế giới tối tăm. Ta mở con mắt trí huệ cho người ấy, khiến cho chúng sanh có được con mắt trí huệ, diệt trừ sự mù tối mờ mịt. Đã diệt trừ thì chính là “*bẻ tắc chư ác đạo, thông đạt thiện thú môn*” (đóng bít các đường ác, khai thông cửa đường lành). Vì sao gọi chúng sanh là kẻ mù nhắm tịt mắt? Kẻ mù chẳng thấy quang minh đại đạo, đi theo con đường hắc ám, phía trước có hố, có rãnh, họ chẳng thấy, sẽ bị lọt hố sụp rãnh, rơi vào trong hố sâu. “*Rãnh*” là ngòi nước, họ sẽ rơi xuống ngòi nước. Vì bọn phàm phu chúng ta là kẻ mù nhắm tịt mắt, chẳng thấy ba ác đạo, sẽ đi vào trong ba ác đạo, giống như kẻ mù bị rơi hầm sụp rãnh. Vì thế, mở con

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

mắt trí huệ cho chúng sanh là chuyện khẩn yếu nhất. Huệ nhãn vừa mở, họ sẽ biết cửa dẫn vào ba ác đạo ở nơi đâu, nếu họ đừng đi vào cửa đó, sẽ chẳng vào ba ác đạo.

Ta đóng lắp cửa dẫn vào ba ác đạo cho chúng sanh, dạy họ đi vào thiện đạo, đi vào thiên đạo. Đó là “*thông đạt thiện thú môn*” (khai thông cửa dẫn đến đường lành), khiến cho họ thường qua lại đường nhân thiên. “*Thiện thú môn*” là nói đối ứng với “*chư ác đạo*” trong phần trên. Khóa chặt cửa của ba đường ác, tức là khai thông con đường dẫn đến trời người. Trên thực tế, nhân thiên thiện đạo là tiền phương tiện, mục đích chân chánh là muốn tìm ra chiếc cửa thông đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức là pháp môn Niệm Phật. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì mới chẳng thoái chuyển, vĩnh viễn chẳng bị đọa lạc trong ba ác đạo.

“*Công tộ thành mãn túc, oai diệu lẫm thập phương, nhật nguyệt tập trùng huy, thiên quang ản bất hiện*” (Công đức và phước đức đều thành tựu trọn vẹn, oai quang rạng ngời mười phương, mặt trời và mặt trăng lu mờ, ánh sáng cõi trời ản mất, chẳng hiện): Đây là Ngài phát nguyện có vô lượng quang minh, phát nguyện kiến lập đại hạnh. Đã kiến lập đại hạnh bèn tu công, tu tộ. “*Công*” (功) là công đức, “*tộ*” (祚) là phước đức. Tu nhiều công đức, tu nhiều phước đức. Công đức lẫn phước đức đều tu viên mãn, liền có quang minh. “*Oai diệu lẫm thập phương, nhật nguyệt tập trùng huy*”, nghĩa là có oai đức quang minh, chiếu sáng chói ngời mười phương thế giới, đem so với ánh sáng của mặt trời, mặt trăng thì mặt trời lẫn mặt trăng đều chẳng có ánh sáng! “*Tập*” (戢) là giảm bớt, giảm bớt quang minh của chúng! “*Thiên quang ản bất hiện*”: Ánh sáng mặt trời mặt trăng là ánh sáng của trời (thiên quang). Ánh sáng trong bầu trời đều ản mất, chẳng hiện.

“*Vì chúng khai pháp tạng, quảng thí công đức bảo, thường u đại chúng trung, thuyết pháp sư tử hống*” (Vì đại chúng mở kho pháp, rộng thí của báu công đức, thường ở trong đại chúng, thuyết pháp như sư tử rống). Đây là Pháp Bố Thí trong Bố Thí. Bố Thí chia thành ba loại, trong phần trước, cứu giúp kẻ nghèo khổ là Tài Bố Thí, cứu tai nạn là Vô Úy Bố Thí. Ở đây là nói đến Pháp Bố Thí. “*Vì chúng khai pháp tạng*” (Vì đại chúng mở kho pháp): Giống như mở toang kho báu cho chúng sanh. “*Pháp tạng*” chẳng phải là của báu vàng, bạc, mà là của báu Phật pháp, nên gọi là Pháp Tạng. “*Quảng thí công đức bảo*” (Rộng bố thí của báu công đức): Ta mở kho báu vàng bạc ra, đem vàng, bạc bố thí; đó là Tài Bố Thí. Ở đây là Pháp Bố Thí, mở kho tàng Pháp Bảo,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

rộng hành bố thí của báu công đức, thuyết pháp cho chúng sanh nghe, đây là “*quảng thí công đức bảo*”. “*Thường ở đại chúng trung*” (Thường ở trong đại chúng): Thuyết pháp thì phải phát tâm rộng lớn; muốn thuyết pháp cho đại chúng thì lại còn phải phát tâm dài lâu. Quý vị chẳng phát tâm dài lâu, hôm nay thuyết pháp, ngày mai chẳng nói, vậy thì chúng sanh có thể đạt được bao nhiêu lợi ích? “*Thường ở đại chúng trung*” (Thường ở trong đại chúng): “*Thường*” (常) là cái tâm dài lâu. Đối với đại chúng thuyết pháp là cái tâm rộng lớn. “*Thuyết pháp sự tử hống*”, nghĩa là: Thuyết pháp giống như sự tử gầm, tà ma ngoại đạo đều bị chấn động, kinh hãi, đều bị hàng phục, giống như sự tử rống lên, [muôn thú đều kinh sợ, náu mình]!

Tỳ-kheo Pháp Tạng trong khi tu nhân đã phát đại nguyện, lập đại thế, Phật Thích Ca đã kể lại, nhắc lại, nhằm bảo chúng ta hãy nghe, hãy học theo. Chúng ta phải phát tâm nói Phật pháp cho chúng sanh nghe, phải phát tâm rộng lớn, đi đến đâu bèn nói tới đó. Chẳng hạn như tôi ở Đại Lục bèn giảng cho người Đại Lục. Tôi đến Đài Loan bèn giảng cho người Đài Loan, đến Hương Cảng bèn giảng cho người Hương Cảng; đây là phát tâm rộng lớn. Lại còn phải phát tâm dài lâu. Hôm nay giảng, ngày mai giảng, năm nay giảng, năm sau giảng. Giảng đến khi quả báo đã hết, sanh về thế giới Cực Lạc, chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn, lại trở về tiếp tục giảng. Đây là phát tâm dài lâu. Tôi nói những lời này nhằm khuyên các vị. Hiện thời, người thuyết pháp trong Phật giáo quá ít! Quý vị phát tâm giảng kinh, thuyết pháp, bất luận là chúng xuất gia hay chúng tại gia đều học giảng kinh, thuyết pháp, Phật giáo sẽ hưng khởi, nhưng điều đầu tiên là quý vị phải phát tâm rộng lớn, điều thứ hai là phải phát tâm dài lâu.

“*Cúng dường nhất thiết Phật, cụ túc chúng đức bốn, nguyện huệ tất thành mãn, đắc vi tam giới hùng*” (Cúng dường hết thầy các vị Phật, đầy đủ các cội đức, nguyện trí huệ đều thành tựu viên mãn, trở thành đáng Đại Hùng trong ba cõi): Bài kệ tụng này ý nói phải tu phước và tu huệ, phước và huệ phải trọn đủ. Tỳ-kheo Pháp Tạng học Phật, Phật tu như thế nào, Ngài cũng tu như vậy! Tu phước như thế nào? “*Cúng dường nhất thiết Phật*” (Cúng dường hết thầy Phật), phước báo sẽ đưa tới nhanh chóng. “*Cụ túc chúng đức bốn*” (Trọn đủ các cội đức): Công đức căn bản thầy đều đầy đủ, tức là hết thầy các thiện căn đều đầy đủ. “*Nguyện huệ tất thành mãn*” (Nguyện trí huệ thành tựu viên mãn): Tu phước đến mức viên mãn, lại phát đại nguyện cầu trí huệ, cầu trí huệ viên mãn. Viên mãn thì sẽ trọn đủ, tức là phước đầy đủ, huệ đầy đủ.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“**Đắc vi tam giới hùng**”: Trở thành bậc đại hùng trong tam giới. Ví như điện Tam Bảo trong chùa thờ Phật được gọi là Đại Hùng Bảo Điện. Đại Hùng là phước báo lớn nhất, trí huệ lớn nhất, lớn đến mức viên mãn rốt ráo, phước trọn đủ, huệ đầy đủ, thì gọi là Đại Hùng.

“**Như Phật vô ngại trí, thông đạt mị bất chiếu, nguyện ngã công đức lực, đặng thử Tới Thắng Tôn**” (Như trí vô ngại của đức Phật, thông đạt không đâu chẳng chiếu thấu. Nguyện sức công đức của con bằng với đấng Tới Thắng). “**Như Phật vô ngại trí, thông đạt mị bất chiếu**”, ý nói: Tôi, tức tỳ-kheo Pháp Tạng mong đạt trí huệ giống như Phật, chúng đắc Vô Ngại Trí của Phật, thông đạt hết thấy các pháp. Đối với hết thấy các pháp, chẳng sanh chướng ngại thì gọi là Vô Ngại Trí. Thông đạt hết thấy các pháp, ta muốn độ hết thấy chúng sanh. “**Mị bất chiếu**” (Không đâu chẳng chiếu thấu), tức là dùng quang minh của ta chiếu khắp hết thấy chúng sanh. “**Nguyện ngã công đức lực**” (Nguyện sức công đức của tôi), tức là do độ chúng sanh nên mới thành tựu sức công đức giống như Phật. “**Đặng thử Tới Thắng Tôn**” tức là bằng với Phật.

2.2.1.2.2.1.4.3. Thỉnh cầu chứng minh, mong hiện điềm lành (gồm một bài kệ)

(Kinh) Tư nguyện nhược khắc quả, đại thiên ưng cảm động, hư không chư thiên thân, đương vũ trần diệu hoa.

(經)斯願若剋果，大千應感動，虛空諸天神，當雨珍妙華。

(Kinh: Nguyện này nếu đắc quả, đại thiên nên cảm động, hư không chư thiên thân trên không, sẽ mưa hoa quý đẹp).

Đây là bài kệ tụng cuối cùng, cầu cảm ứng. “**Tư nguyện nhược khắc quả**”, [nghĩa là] tôi, tức tỳ-kheo Pháp Tạng đã phát hoằng thệ đại nguyện, giả sử trong tương lai có thể chứng đắc quả vị. “**Khắc**” (剋) là có thể chứng, [“**khắc quả**”] là có thể chứng đắc quả vị. “**Đại thiên ưng cảm động**”: Đại thiên thế giới phải nên cảm động; không chỉ là cảm động đất, mà còn cảm động trời. “**Hư không chư thiên thân**”: Các vị thiên thân trong hư không, xin các vị hãy nghe tôi phát nguyện, hy vọng nguyện của tôi thật sự là nhất định có thể chứng đắc quả tôi thắng. Các vị thiên thân “**đương vũ trần diệu hoa**” (hãy nên mưa hoa quý

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

đẹp), “vũ” (雨) là từ không trung rơi xuống, [“đương vũ trần diệu hoa” là] rơi xuống hoa trời trần quý, đẹp để nhằm chứng minh một phen.

2.2.1.2.2.2.1.5. Hiện tướng đúng như mong cầu

(Kinh) Phật ngữ A Nan: - Pháp Tạng tỳ-kheo, thuyết thử tụng dĩ, ứng thời phổ địa lục chủng chấn động, thiên vũ diệu hoa, dĩ tán kỳ thượng. Tự nhiên âm nhạc, không trung tán ngôn: “Quyết định tất thành Vô Thượng Chánh Giác”.

(經)佛語阿難：法藏比丘，說此頌已，應時普地六種震動，天雨妙華，以散其上。自然音樂，空中讚言：決定必成無上正覺。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài A Nan: - Tỳ-kheo Pháp Tạng nói bài kệ ấy xong, ngay lập tức, khắp cõi đất sáu thứ chấn động, trời tuôn diệu hoa để rải lên trên. Tự nhiên âm nhạc, trong hư không có tiếng khen rằng: “Quyết định tất thành Vô Thượng Chánh Giác”).

“Phật ngữ A Nan”, [nghĩa là] Phật Thích Ca nói đến đây, lại hướng về A Nan bảo: “Pháp Tạng tỳ-kheo, thuyết thử tụng dĩ” (Tỳ-kheo Pháp Tạng nói bài tụng ấy xong). Nói xong mười một bài kệ tụng trên đây, khi ấy bèn có cảm ứng. “Ứng thời, phổ địa lục chủng chấn động” tức là [ngay khi đó], đại thiên thế giới có sáu thứ chấn động. “Thiên vũ diệu hoa, dĩ tán kỳ thượng”: Trong hư không liền mưa xuống hoa trời trần quý, đẹp để. “Dĩ tán kỳ thượng” (Để rải trên ấy): Rải trên đại địa. “Tự nhiên âm nhạc, không trung tán ngôn”: Trong không trung, tự nhiên có tiếng âm nhạc, trong không trung còn thấy có người nói năng, thốt lời tán thán như sau: “Quyết định tất thành Vô Thượng Chánh Giác”, ấn chứng quý vị phát nguyện to lớn ấy, chắc chắn sẽ có thể thành Vô Thượng Chánh Giác, tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, quyết định có thể thành Phật!

2.2.1.2.2.2.1.6. Tổng kết, tán thán

(Kinh) U thị Pháp Tạng tỳ-kheo cụ túc tu mãn như thị đại nguyện, thành đế bất hư, siêu xuất thế gian, thâm nhạo tịch diệt.

(經)於是法藏比丘，具足修滿如是大願，誠諦不虛。

超出世間，深樂寂滅。

(Kinh: Do vậy, tỳ-kheo Pháp Tạng tu viên mãn đầy đủ đại nguyện như thế, chân thành, chẳng hư dối, vượt trời thế gian, yêu thích tịch diệt sâu xa).

“U thị Pháp Tạng tỳ-kheo cụ túc tu viên mãn như thị đại nguyện” (Do vậy, tỳ-kheo Pháp Tạng tu viên mãn trọn đủ đại nguyện như thế): Đối với hoằng thệ đại nguyện đã phát trên đây, tiếp đó, Ngài bèn tu hành, tu viên mãn đại nguyện, đúng là *“nuơng vào nguyện để dẫn dắt hạnh, dùng hạnh để thực hiện nguyện”*. Nuơng vào đại nguyện để dẫn khởi đại hạnh, nuơng vào đại hạnh để bồi đắp viên mãn đại nguyện. *“Thành để bất hư, siêu xuất thế gian, thâm nhạo tịch diệt”* (Chân thành, chẳng hư dối, vượt trời thế gian, yêu thích tịch diệt sâu xa): *“Thành để bất hư”* là Ngài phát đại nguyện, lập đại nguyện, *“thành để”*, Đế (諦) là suy nghĩ cẩn thận, chân thành chẳng hư dối. *“Siêu xuất thế gian”*: Vượt trời hết thảy những điều phát nguyện của người thế gian. *“Thâm nhạo tịch diệt”* (Yêu thích tịch diệt sâu xa): Xa lìa hết thảy tướng.

2.2.1.2.2.2.2. Nói chi tiết về sở hành [của tỳ-kheo Pháp Tạng]

2.2.1.2.2.2.2.1. Tu trọn đủ các đức

2.2.1.2.2.2.2.1.1. Tu Tịnh Độ hạnh

(Kinh) A Nan! Pháp Tạng tỳ-kheo u kỳ Phật sở, chư thiên, ma, Phạm, long thần bát bộ đại chúng chi trung, phát tư hoằng thệ, kiến thử nguyện dĩ, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ. Sở tu Phật quốc, khai khuếch quảng đại, siêu thắng độc diệu, kiến lập thường nhiên, vô suy, vô biến. Ư bất khả tư nghị triệu tải vĩnh kiếp, tích thực Bồ Tát vô lượng đức hạnh.

(經)阿難！法藏比丘，於其佛所，諸天魔梵龍神八部大眾之中，發斯弘誓，建此願已，一向專志莊嚴妙土。所修佛國，開廓廣大，超勝獨妙，建立常然，無衰無變。於不可思議兆載永劫，積植菩薩無量德行。

(Kinh: Này A Nan! Tỳ-kheo Pháp Tạng ở nơi đức Phật ấy, trong đại chúng bao gồm chư thiên, ma, Phạm thiên, long thần bát bộ, phát ra thệ nguyện rộng lớn ấy. Đã lập nguyện ấy rồi, Ngài một mực chuyên

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tâm dốc chí trang nghiêm cõi nước nhiệm màu. Cõi nước do Ngài đã tu rộng lớn mênh mông, siêu việt, thù thắng, màu nhiệm duy nhất, đã được tạo dựng thường hằng, chẳng suy vi, chẳng biến đổi. Trong chẳng thể nghĩ bàn triệu năm kiếp số lâu xa, Ngài đã tích tập, vun bồi vô lượng đức hạnh của hàng Bồ Tát).

Phật Thích Ca nói tới đây, lại gọi ngài A Nan một tiếng, bảo: “A Nan! *Pháp Tạng tỳ-kheo u kỳ Phật sở, chư thiên, ma, Phạm, long thân bát bộ đại chúng chi trung, phát tư hoằng thệ*” (Này A Nan! Tỳ-kheo Pháp Tạng ở nơi đức Phật ấy, trong đại chúng bao gồm chư thiên, ma, Phạm thiên, long thân bát bộ, phát ra thệ nguyện rộng lớn ấy): Khi ấy, tỳ-kheo Pháp Tạng ở chỗ đức Phật ấy, tức là ở chỗ Thế Tụ Tại Vương Phật. “*Chư thiên, ma, Phạm*”: “*Chư thiên*” là các vị trời trong tam giới, “*ma*” (Mara) là Ma Vương nơi tầng trời thứ sáu trong Dục Giới. Khi ấy, ma đã đều bị hàng phục, ma đều đến hộ pháp. “*Phạm*” (Brahma) là Đại Phạm Thiên trong Sắc Giới; còn có “*long thân bát bộ*”. [Từ ngữ] “*ma, Phạm*” là chỉ các vị trời. “*Long*” là những loài rồng, còn có những vị thần khác được gọi chung là “*thiên long bát bộ*”. [Nói] “*thiên long bát bộ*” là đã ghép chung Thiên và Long [cùng các loài thần khác] thành tám bộ, chẳng phải là ngoài Thiên và Long còn có tám bộ khác. [“*Thiên long bát bộ*”] tức là Trời (Devas), Rồng (Nāga), Dạ-xoa (Yakṣa), Càn-thát-bà (Gandharva), A-tu-la (Asuras), Ca-lâu-la (Garuda), Khẩn-na-la (Kinnara), Ma-hầu-la-già (Mahoraga). Đây gọi là “*bát bộ hộ pháp thần*”. “*Đại chúng chi trung*” (Trong đại chúng), còn có chúng Thanh Văn, chúng Bồ Tát.

“*Phát tư hoằng thệ*” (Phát ra thệ nguyện rộng lớn ấy): Tỳ-kheo Pháp Tạng đối trước Thế Tụ Tại Vương Phật và đối trước trời, rồng, đại chúng tám bộ, phát ra hoằng thệ đại nguyện. “*Kiến thử nguyện dĩ*” (Đã lập nguyện ấy rồi): Lập ra hoằng thệ ấy, sau khi đã kiên lập đại nguyện ấy. “*Nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ*” (Một mực chuyên tâm dốc chí trang nghiêm cõi nước nhiệm màu): “*Chuyên chí*” tu hành, tức là dùng đại hạnh để bồi đắp đại nguyện, tu hành trang nghiêm cõi nước chẳng thể nghĩ bàn. “*Sở tu Phật quốc*” (Cõi Phật được Ngài tu tập) chính là thế giới Cực Lạc. “*Khai khuếch quảng đại*” (Rộng lớn mênh mông): Nơi ấy rất rộng rãi, to lớn. “*Siêu thắng độc diệu*”: Thù thắng vượt trội hết thảy các cõi Tịnh Độ của chư Phật. “*Độc diệu*”: Nêu rõ quốc độ ấy chẳng thể nghĩ bàn. Cõi ấy là do Thế Tụ Tại Vương Như Lai đã nói cho Ngài (tỳ-kheo Pháp Tạng) hai trăm

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

mười ức Tịnh Độ của chư Phật để tham khảo. Cõi ấy đã chọn lọc những tinh hoa từ hai trăm mười ức Tịnh Độ của chư Phật để tạo thành một cõi Phật. Vì thế, nó “*siêu thắng độc diệu*” (thù thắng vượt trội, mẫu nhiệm duy nhất).

“*Kiến lập thường nhiên, vô suy, vô biến, u bất khả tư nghị triệu tải vĩnh kiếp, tích thực Bồ Tát vô lượng đức hạnh*” (Tạo dựng thường hằng, chẳng suy vi, chẳng biến đổi, trong chẳng thể nghĩ bàn triệu năm nhiều kiếp dài lâu, tích lũy, vun bồi vô lượng đức hạnh của hàng Bồ Tát): Tỳ-kheo Pháp Tạng tạo dựng một cõi Phật thường trụ, bất biến. Cõi ấy là một quốc độ thanh tịnh, thù thắng vượt trội, mẫu nhiệm duy nhất. Mẫu nhiệm duy nhất như thế nào? Các thế giới khác đều có “*thành, trụ, hoại, không*”, Tây Phương Cực Lạc thế giới thường hằng, chẳng suy đồi, bất biến. Do chẳng có “*thành, trụ, hoại, không*”, nên nó thường trụ, bất biến. “*U bất khả tư nghị triệu tải vĩnh kiếp*” (Trong chẳng thể nghĩ bàn triệu năm nhiều kiếp dài lâu), “*vĩnh kiếp*” là kiếp dài lâu. “*Triệu tải*” là nói theo thời gian lâu dài trong nhân gian, tức là năm tháng [được tính] một vạn vạn là một ức, vạn ức là một triệu. Đây là con số lớn trong nhân gian, tức là đại kiếp chẳng thể nghĩ bàn lâu dài nhất.

“*Tích thực Bồ Tát vô lượng đức hạnh*” (Tích tập, vun bồi vô lượng đức hạnh của hàng Bồ Tát): Gieo bồi các thứ hạnh công đức của hàng Bồ Tát. Tây Phương Cực Lạc thế giới do đâu mà có? Chẳng phải là bỗng dưng sanh khởi một thế giới Cực Lạc, mà là do tỳ-kheo Pháp Tạng phát ra đại nguyện, lập hoàng thệ đại nguyện, rồi lại tu các hạnh môn, lại tích lũy công đức, chẳng phải là trong một thời gian ngắn ngủi, mà phải trải một thời gian lâu dài chẳng thể nghĩ bàn, tu trọn đủ các hạnh công đức của hàng Bồ Tát mới thành tựu một cõi Phật thù thắng vượt trội. Đây là nói tỳ-kheo Pháp Tạng đã phát ra bốn mươi tám đại nguyện, Ngài nương vào đại nguyện để dấy khởi đại hạnh, “*tích thực Bồ Tát vô lượng đức hạnh*” (tích lũy, vun bồi vô lượng đức hạnh của hàng Bồ Tát). Câu này là nói tổng quát, những câu dưới đây nhằm nói từng điều riêng biệt.

2.2.1.2.2.2.1.2. Tu Pháp Thân hạnh

2.2.1.2.2.2.1.2.1. Nói riêng về cái nhân để tạo thành Pháp Thân

2.2.1.2.2.2.1.2.1.1. Là phiền não

(Kinh) Bất sanh dục giác, sân giác, hại giác; bất khởi dục

tuồng, sân tuồng, hại tuồng; bất trước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nhân lực thành tựu, bất kể chúng khổ. Thiếu dục tri túc, vô nhiễm khuể si. Tam-muội thường tịch, trí huệ vô ngại. Vô hữu hư ngụy siểm khúc chi tâm, hòa nhan ái ngữ, tiên ý thừa vấn.

(經)不生欲覺、瞋覺、害覺；不起欲想、瞋想、害想；不著色、聲、香、味、觸、法。忍力成就，不計眾苦。少欲知足，無染患癡。三昧常寂，智慧無礙。無有虛偽諂曲之心。和顏愛語，先意承問。

(*Kinh*: Chẳng sanh dục giác, sân giác, hại giác; chẳng khởi dục tuồng, sân tuồng, hại tuồng; chẳng chấp trước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Thành tựu nhân lực, chẳng nề hà các nỗi khổ, ít ham muốn, biết đủ, chẳng nhiễm nóng giận, si mê. Tam-muội thường vắng lặng, trí huệ vô ngại. Chẳng có tâm hư ngụy, siểm nịnh, cong vạy, vẻ mặt hòa hoãn, lời nói dịu dàng, biết trước ý người khác muốn hỏi).

Đoạn kinh văn này khẩn yếu nhất. Chúng ta nói đến công đức của Phật, Bồ Tát, [đối với mỗi công đức], đều thêm từ ngữ “*bất khả tư nghị*” (chẳng thể nghĩ bàn). Công đức của Phật, công đức của Bồ Tát, nếu bạn phàm phu chúng ta muốn nghĩ tuồng, sẽ nghĩ tuồng chẳng ra. Đó gọi là “*bất khả tư*” (chẳng thể nghĩ). Muốn nói, sẽ nói chẳng nổi, đó gọi là “*bất khả nghị*” (chẳng thể bàn). Công đức của Phật, Bồ Tát làm sao có thể nghĩ, có thể bàn cho được? Nhưng Phật, Bồ Tát chẳng phải là Thượng Đế như trong ngoại đạo. Phật là do Bồ Tát tu thành, Bồ Tát do từ phàm phu phát tâm tu thành. Nói cách khác, Phật là phàm phu tu thành. Tỳ-kheo Pháp Tạng thành A Di Đà Phật. Tỳ-kheo Pháp Tạng là một phàm phu, Ngài là một người có đại phước báo, làm quốc vương. Trên thế giới, có rất nhiều quốc vương, kết quả là họ chết đi, vẫn là mục nát giống như cỏ cây! Tỳ-kheo Pháp Tạng chẳng làm quốc vương, Ngài đã thấy thấu suốt, bỏ nước, bỏ ngôi vua, phát tâm xuất gia làm tỳ-kheo, nhưng Ngài xuất gia rồi vẫn là phàm phu. Vì Ngài đã phát bốn mươi tám đại nguyện, nương theo nguyện đề tu hành, kết quả là tu hành viên mãn, tạo dựng thành công thế giới Cực Lạc hồng tiếp dẫn mười phương chúng sanh, nổi tiếng khắp mười phương, chư Phật đều tán thán. Điều này tuyệt đối chẳng phải là bỗng dưng mà có, mà là do từ đại nguyện và đại hạnh tu hành mà ra. Do đó, đoạn kinh văn này nhằm dạy chúng ta: Từ nhân địa, làm phàm phu phát tâm, tỳ-kheo Pháp Tạng đã tu hành như thế nào? Chúng ta có thể học theo. Đã phát đại

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nguyên thì phải tu hành, tu hành thì thực hiện như thế nào? Trước hết, dấy lên cái tâm thanh tịnh của chính mình. Tu hành là tu cái tâm của chính mình.

Phàm phu vừa mới phát Bồ Đề tâm, phải tu Bồ Tát hạnh. Trước hết là đoạn phiền não, phiền não ở chỗ nào? Phiền não ở ngay trong tâm của chính mình. Bọn phàm phu chúng ta khác Phật [ở chỗ phàm phu] có quá nhiều phiền não. Chi Mạt Phiền Não rất nhiều! Căn Bản Phiền Não là ba món tham, sân, si. Trong cái tâm vọng tưởng của chúng ta, tham, sân, si biến thành “*dục giác, sân giác, hại giác*”. Giác (覺) ở đây chẳng phải là chữ Giác như trong giác ngộ, mà Giác có nghĩa là nghĩ tưởng, tức là trong tâm dấy lên vọng niệm! Đó là Giác, [hay nói cách khác] là vọng tưởng của phàm phu. Đồ công độc sức vào lúc ban đầu thì tự mình phải thường xuyên quán chiếu cái tâm của chính mình, chẳng cho nó sanh khởi sự nghĩ tưởng tham dục, [đó là] “*bất sanh dục giác*”. Chẳng cho nó dấy động sân hận, tức là chẳng cho nó dấy động sân hận giác, tức là ý niệm sân hận, [đó là] “*bất sanh sân giác*”. Chẳng dấy lên ý niệm tổn hại, chẳng có ý niệm tự hại hay hại người khác, [đó là] “*bất sanh hại giác*”. Đại Thừa Bồ Tát phải tự lợi, lợi tha, phải là “*tự tha lưỡng lợi*” (lợi ích cả mình lẫn người). Trước hết, đừng nên làm hại chính mình, đừng nên làm hại kẻ khác, chẳng dấy lên ý niệm tự hại và hại người khác.

“*Bất sanh dục giác, sân giác, hại giác; bất khởi dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng*”: Hai câu này, một đằng là đối cảnh, đằng kia là chẳng đối cảnh. Thoạt ban sơ là chẳng đối diện với cảnh giới bên ngoài mà trong tâm dấy lên vọng tưởng, [đó gọi là] “*sanh dục giác, sân giác, hại giác*”. Tiếp đó là Tưởng (想), tức là đối trước cảnh giới hiện tiền, cảnh giới tham dục hiện tiền, dấy lên ý tưởng tham dục, ta chớ nên để cho nó sanh khởi. Cảnh giới sân hận hiện tiền, chúng sanh có lỗi với quý vị, khi ấy, quý vị có sanh lòng sân hận hay không? Cảnh giới tự hại, hại người hiện tiền, quý vị có dấy lên cách nghĩ tự hại, hại người khác hay chẳng? Phía trước (tức ba câu trước) là cảnh giới chẳng hiện tiền, tự mình dấy vọng tưởng. Đây gọi là “*dục giác, sân giác, hại giác*”. Đợi cho tới khi cảnh giới hiện tiền, vẫn đừng để cái tâm sanh khởi dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng. Câu trên là nói về lúc chẳng đối trước cảnh, tự mình dấy lên suy nghĩ chẳng chánh đáng. Câu kế tiếp là nói đến lúc cảnh giới hiện tiền, phải không chế [vọng tâm], đừng cho nó dấy lên vọng tưởng, đừng dấy lên dục tưởng. Cảnh giới khiến cho cái tâm sân hận hiện tiền, quý vị dấy lòng sân hận, có ích gì chẳng?

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Đừng để tâm dấy động sân hận. Nếu có cảnh giới tự hại, hại người khác hiện tiền, cũng phải không chế vọng tưởng của chính mình.

“*Bất trước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*” (Chẳng chấp trước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp): Khi cảnh giới hiện tiền, cảnh giới thiên sai vạn biệt (muôn vàn sai khác), nhưng chẳng ngoài sáu loại ấy, tức là sáu cảnh giới đối ứng sáu căn: Mắt đối ứng Sắc cảnh, tai đối ứng Thanh cảnh, mũi đối ứng Hương cảnh, lưỡi đối ứng Vị cảnh, thân thể đối ứng Xúc cảnh. Ý là cái tâm vọng tưởng của chúng ta, đối ứng với Pháp cảnh. Cảnh giới bên ngoài chẳng ra ngoài sáu loại ấy. Chỉ cần quý vị chẳng chấp trước sáu cảnh giới ấy thì cảnh giới là cảnh giới, chẳng liên quan gì đến ta, quý vị sẽ chẳng bị chúng ô nhiễm! “*Chẳng chấp trước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp*”: Quý vị chớ nên chấp trước sáu thứ cảnh giới ấy. Hễ quý vị chấp vào cảnh giới, nó sẽ ô nhiễm cái tâm thanh tịnh của quý vị. Quý vị gặp thuận cảnh, sẽ dấy lòng tham dục. Gặp nghịch cảnh hiện tiền, sẽ dấy tâm sân hận, dấy lòng tự hại, hại người khác.

Cảnh giới được gọi là Trần Cảnh, sáu cảnh còn gọi là Lục Trần. Phật Thích Ca đã đặt tên cho nó là Trần (塵, bụi bặm), nhằm cảnh giác chúng ta: Quý vị tuyệt đối đừng nên chấp trước cảnh giới bên ngoài. Hễ chấp trước thì nó sẽ giống như bụi đất, nhuộm bản cái tâm thanh tịnh. “*Bất trước*” là quý vị đừng chấp vào cảnh giới. Quý vị độ chúng sanh chẳng rời ngoài sáu loại cảnh giới ấy. Lià khỏi sáu loại cảnh giới thì sẽ đến đâu để độ chúng sanh? Vì thế, hàng Nhị Thừa khác với Bồ Tát. Nhị Thừa sợ hãi cảnh giới, sợ ghê gớm, họ đến trụ trong Thiên Không Niết Bàn ngoài tam giới. Bồ Tát muốn độ chúng sanh mà lià khỏi cảnh giới Lục Trần thì đến đâu để độ? Vậy thì khi sắp bị nhiễm bởi cảnh giới, hãy “*bất trước*” (chẳng chấp trước). Công phu ở ngay hai chữ “*bất trước*”.

Thời cổ, có Bàng cư sĩ là bậc đại đức trong hàng cư sĩ. Mọi người đều biết đại danh của Bàng cư sĩ. Ông ta đã làm một bài kệ gồm bốn câu: “*Thiết ngư na phạ sư tử hồng, khắp thị mộc nhân khán hoa điểu, ngã tự bất trước vạn vật, na phạ vạn vật thường vi nhiễu*” (Trâu sắt nào sợ sư tử hồng, giống hết người gõ ngắm chim, hoa, ta chẳng chấp trước nơi muôn vật, mặc kệ muôn vật thường vây quanh). Cảnh giới Lục Trần bên ngoài chẳng ra ngoài hai loại: Một loại là nghịch cảnh, loại kia là thuận cảnh. Nghịch cảnh thì sao? Quý vị dấy động cái tâm sân hận, còn thuận cảnh thì sao? Quý vị sẽ động tâm tham dục. Câu kệ thứ nhất của Bàng cư sĩ nhằm nói: Chúng ta dụng công, đừng nên

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

động tâm. “*Thiệt ngu na phạ sư tử rống*” (Trâu sắt nào sợ sư tử rống): Nghịch cảnh hiện tiền, có một con trâu gặp phải sư tử, sư tử rống lên, trăm thú run rẩy, kinh hãi, đương nhiên là con trâu ấy cũng run rẩy, kinh hoàng. Nếu là trâu sắt, nó có run rẩy, kinh hãi hay chẳng? Vì sao trâu nghe sư tử rống bèn sợ hãi? Nó có vọng tâm, có vọng tưởng: “Ồi trời ơi! Nó muốn ăn thịt mình, nó muốn hại mạng mình!” Do vậy bèn sanh lòng kinh hoàng. Trâu sắt thì sao? Căn bản là trâu sắt không có tâm, nó chẳng động niệm. Sư tử rống thì người cứ việc rống, “*trâu sắt nào sợ sư tử rống*”.

“*Kháp thị mộc nhân khán hoa diểu*” (Giống hệt người gỗ ngắm chim, hoa): Gặp thuận cảnh. “Úi chà! Đóa hoa này nở đẹp quá! Úi chà! Con chim này hót rất êm tai”. Quý vị đã động tâm, do động tâm bèn dấy lòng tham dục. Nếu là người gỗ thì sao? Người khắc bằng gỗ, trông thấy hoa, nhìn thấy chim, nó có động tâm hay chẳng? Chẳng động tâm! Chẳng động tâm thì hoa mặc hoa, chim mặc chim! Do đó, “*ngã tự bất trước ư vạn vật, na phạ vạn vật thường vi nhiên*”, [nghĩa là] bản thân ta đừng nên chấp trước muôn vật, mặc kệ vạn vật thường vây quanh ta, chẳng liên can chi hết! Đây là Bồ Tát dụng công. Xuất gia hay tại gia Bồ Tát đều dụng công nơi tâm. Cảnh giới Lục Trần nhiều loạn quý vị ư? Chẳng phải là cảnh giới Lục Trần, mà là do tự mình dấy vọng tưởng, nắm níu cảnh giới Lục Trần bên ngoài. Do đó, nếu quý vị là người biết dụng công, cảnh giới là cảnh giới của chúng sanh, quý vị chỉ quản cái tâm của chính mình, chẳng dấy lên tư, chẳng động tưởng, mà cũng chẳng dấy động chấp trước, “*mặc kệ vạn vật thường vây quanh*”! Quý vị sợ hãi nỗi gì?

“*Nhãn lực thành tựu*”: Trên đây là chẳng chấp vào Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, sáu loại cảnh giới ấy, rồi sẽ trì giới, lại tu nhẫn nhục. “*Nhãn lực*” khiến cho sự tu hành “*thành tựu*”, phải có thể nhẫn. Nói gộp chung, cảnh giới để nhẫn thì chỉ có hai loại là thuận cảnh và nghịch cảnh. Gặp thuận cảnh bèn khởi tâm tham dục, cần phải có thể nhẫn [trước cảnh giới ấy]. Nghịch cảnh hiện tiền bèn khởi tâm sân hận, cần phải có thể nhẫn thì mới có thể thành tựu nhẫn lực. Trong phần trước đã nói đến chuyện hành bố thí, cần phải Tài Bố Thí, Vô Úy Thí, và Pháp Bố Thí. Ở đây lại nói đến trì giới, ngay cả đối với cái tâm của chính mình, luôn giữ cho nó chẳng động niệm. Chẳng chấp trước cảnh giới Lục Trần, chính là thanh tịnh. Nói đến chuyện tu Nhãn Nhục Độ thì Nhãn Nhục Độ là nghịch cảnh hiện tiền, quý vị cần phải nhẫn; chẳng biết là đối với thuận cảnh, cũng cần phải nhẫn. Nghịch cảnh hiện

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tiền, quý vị chẳng dùng công phu nhẫn nhục thì rất dễ nhận biết, rất dễ áp dụng.

Ta là người tu hành, ta là người niệm Phật cầu sanh Tây Phương, ta là người phát tâm độ chúng sanh, đối phương có lỗi với ta, hoặc là chửi ta, hoặc là đánh đập ta đủ cả hai đặng, lừa dối, lẩn hiếp ta, ganh ghét ta, ta chớ nên so đo với hắn, chớ nên báo thù hắn. Vì sao? Ta là người phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo, rất dễ dàng cảnh giác đối với chuyện này. Khó cảnh giác nhất là thuận cảnh! Thuận cảnh phù hợp cái tâm tham dục của bọn phàm phu chúng ta. Cảnh giới xuôi thuận, quý vị bị thuận cảnh chuyển, đã bị cảnh giới chuyển dời mà vẫn chẳng biết. Phải dụng công sao cho có thể nhẫn. Vì vậy, dụng công được nói trong phần trên đây chính là dụng công nơi tâm. Món thứ nhất là dục giác, món thứ hai là dục tướng. Đó là đối với chuyện chấp trước thuận cảnh, phải nhẫn thuận cảnh. Nếu không, quý vị dấy động tham dục phiền não, đã bị mắc lừa mà vẫn không biết. Muốn cho nhẫn lực thành tựu thì đã nhẫn nghịch cảnh, lại còn phải nhẫn thuận cảnh.

“*Bát kế chúng khổ*” (Chẳng nề hà các nỗi khổ): Nếu quý vị muốn tu Bồ Tát đạo, muốn độ chúng sanh, đương nhiên là sẽ phải hứng chịu những nỗi khổ sở. “*Kế*” (計) vẫn là chấp trước. Chẳng nề hà những nỗi khổ sở thì mới có thể tinh tấn, mới có thể chẳng giải đãi! “*Bát kế chúng khổ*” tương ứng với Tinh Tấn Độ. Ta có thể nhẫn thuận cảnh, mà nghịch cảnh ta cũng có thể nhẫn. Tôi có công việc của tôi, điều gì là công việc của quý vị? Quý vị phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo, quý vị phải độ chúng sanh. Độ chúng sanh là chịu đựng vất vả, cay đắng, quý vị có chấp trước hay không? Hễ quý vị chấp trước: “Ôi chao! Ta chịu khổ ngàn này!” Chịu khổ thì quý vị có còn phải làm hay không? Có cần phải so đo những nỗi khổ ấy hay chẳng? “*Chúng khổ*” là rất nhiều nỗi khổ, cũng đừng nên so đo. “*Kế*” là so đo, chính là chữ Trước (chấp trước) trong câu “*bát trước lục trần*” (chẳng chấp vào sáu trần) thuộc phần trên. Quý vị đừng nên so đo, đừng nên tính toán nỗi khổ này, nỗi khổ nọ. Người phát Bồ Đề tâm, người hành Bồ Tát đạo nhất định phải chịu khổ. [Hứng chịu những] nỗi khổ ấy chính là chịu khổ thay cho chúng sanh, ai bắt quý vị chịu khổ? Quý vị tự mình phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo, vậy thì quý vị kêu khổ để làm gì cơ chứ? Đạo lý này rất dễ hiểu! Do vậy, quý vị nghĩ chính mình đáng nên hứng chịu những nỗi khổ ấy, cảnh nghịch xảy đến bèn vâng chịu. Ví như quý vị mong phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo, mong giảng kinh, thuyết pháp, vẫn chẳng phải là chuyện đơn giản, quý vị phải khéo dụng công

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

vài hôm. Dụng công vài hôm thì chẳng cần chịu khổ ư? Chịu khổ là chuyện đáng phải như vậy.

Tôi muốn giảng kinh, thuyết pháp, lẽ nào tôi chẳng dụng công cho được? Đợi đến khi quý vị học sao cho có thể giảng kinh được, học giảng kinh được rồi sẽ khéo hưởng phước, há có phước nào dễ hưởng? Quý vị thấy hiện thời tôi là một pháp sư giảng kinh, các vị đều là người nghe kinh. Tôi ngồi ở vị trí này cao hơn vị trí của quý vị, quý vị nghĩ tôi hưởng phước ở đây ư, đây chẳng phải là [quý vị] đang say sưa nằm mộng ư? Đúng là nằm mơ giữa ban ngày! Do chẳng có thời gian, chẳng kiếm ra thời gian được, khí trời suốt cả tháng Sáu nóng muốn chết, nhằm ngay lúc này mà đến giảng kinh, tôi ngồi ở chính giữa, quý vị ngồi nghe còn có thể thở hồng hộc, chứ tôi thì ngay thời gian để thở phì phò cũng chẳng có! Trời mùa Hè có nóng hay không? Một pháp sư phạm phu lẽ nào chẳng nóng? Nóng chứ, chẳng phải là chịu khổ ư? Chịu khổ, nhưng vẫn phải giảng kinh hoàn mãn! Chỉ cần có người đến nghe, đây là đã “*có lời*” rồi! Quý vị giảng kinh không có ai nghe, quý vị hãy đi hóng mát cho lạ! Quý vị “*buôn bán*” ế ẩm rồi! Chỉ cần có người đến nghe, dầu nóng vẫn đáng giá lắm, người ta đến nghe Phật pháp đây! Tuy nóng bức, trong tâm tôi rất hoan hỷ. Thân nóng bức, tâm tôi chẳng nóng bức. Đúng như thế đó! Chẳng cần so đo “khí trời nóng quá, khổ quá”. Nếu nghĩ như vậy, quý vị sẽ chẳng giảng. Không giảng tức là quý vị đã thoái thất Bồ Đề tâm, Bồ Tát đạo cũng chẳng thể hành được. Từ chuyện này suy ra, hành Bồ Tát đạo tuyệt đối là chịu khổ; chịu khổ chớ nên so đo, chớ nên tính toán. “*Bất kể chúng khổ*” (Chẳng nề hà các nỗi khổ) thì mới có thể dũng mãnh tinh tấn, mới chẳng giải đãi, buông lung!

“*Thiếu dục tri túc*” (Ít ham muốn, biết đủ): Ít khởi tâm tham dục, dụng công vào lúc ban sơ hoàn toàn chẳng dấy lên cái tâm tham dục, công phu của quý vị sẽ thành tựu. Trước tiên khởi sự thực hiện bằng “*thiếu dục*”, lại tiến thêm bước nữa là “*tri túc*” (biết đủ). Vì sao phải thiếu dục? Chúng ta mong tu Bồ Tát đạo để độ chúng sanh, trước hết là chẳng dấy lên cái tâm tham dục. “*Thiếu dục tri túc*”, tỳ-kheo Pháp Tạng là phạm phu phát tâm, phạm phu khởi hạnh, hoàn toàn là cảnh giới của phạm phu. Nói tới phần sau, [tức là] nói khi Ngài đã đạt đến cảnh giới thành Phật, chẳng cần phải thiếu dục tri túc. Kinh văn trong phần sau sẽ nói tới điều đó, Ngài đi đến nơi nào, của cải bèn theo Ngài đến đó. Ngài đến nơi đâu, trong tay tự nhiên sẽ hiện ra của cải. Phạm phu sơ phát tâm thì quý vị phải đổ công dốc sức nơi “*thiếu dục tri túc*”.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Đầu tiên là thiếu dục thì đừng nên tham niềm vui sướng trong ngũ dục, hoàn toàn đoạn trừ chúng dễ lắm hay sao? Tập tánh từ vô thì kiếp đến nay mà! Hãy đổ công độc sức từ chữ “*thiếu*”, trước hết là thiếu dục, [tức là] giảm bớt lòng tham ngũ dục. Lại tiến thêm một bước nữa là “*tri túc*”.

Trong phần trước, tôi đã nói, ví như chúng ta là phàm phu chẳng ăn uống sẽ không thể sống nổi, không thể sống nổi thì hoàng pháp lợi sanh bằng cách nào đây? Hoàng pháp lợi sanh thì vẫn phải ăn cơm; trước hết, ăn cơm đừng nên dấy lòng tham dục, tức là nói tới chuyện ăn chay. Trước hết, ta không ăn thịt chúng sanh, có món chay để ăn là được rồi. Quý vị hãy nghĩ ta muốn độ chúng sanh, chớ nên hại chúng sanh. Quý vị đừng nên ăn thịt chúng sanh. Đây là thiếu dục. Đã thiếu dục, ăn chay, còn phải suy xét, hãy còn quá nhiều thứ dục. Có món chay để lừa cơm là được rồi, nhưng khi gặp phải cảnh giới khổ sở, ngay cả cải trắng, đậu hủ còn chưa có mà ăn, có một miếng cháo cũng khá quá rồi! Đây là tri túc. Chính mình cảm thấy rất tốt; đó là công phu tri túc. Nếu không, quý vị chẳng thể chịu khổ nổi, sẽ lui sụt đạo tâm. Do công phu “*thiếu dục tri túc*”, cái tâm của quý vị mới có thể định được. Hễ định rồi, quý vị sẽ có thể tu Thiên Định.

“*Vô nhiễm khuể si*”: “*Nhiễm*” (染) là tham, “*khuể*” (患) là sân. [“*Vô nhiễm khuể si*”] là chẳng có tham, sân, si. Trong phần trên là chẳng sanh tham, sân, si, lại còn thêm “*thiếu dục tri túc*”. Dần dần đoạn hết ba thứ căn bản phiền não là tham, sân, si thì “*tam-muội thường tịch*”; tương ứng với Thiên Định Độ. “*Tam-muội*” là Chánh Định, thường trạm tịch (trong lặng), bất động. “*Trí huệ vô ngại*” là Bát Nhã Độ. Do Thiên Định sanh ra trí huệ. “*Vô nhiễm khuể si*”, “*vô*” là nói đối ứng với “*thiếu*” trong “*thiếu dục*”. Từ thiếu dục mà thành vô dục. “*Nhiễm*” vẫn là tâm tham dục, vô tham nhiễm. “*Khuể*”: Điều thứ hai là chẳng có sân khuể. “*Si*”: Điều thứ ba là chẳng có ngu si. Có thể đoạn trừ ba căn bản phiền não tham, sân, si. Mấy câu này rất khẩn yếu. Tỳ-kheo Pháp Tạng thuở ban sơ phát tâm tu hành bèn tu công phu này, phàm phu sơ phát tâm hãy khởi sự từ chỗ này. Nếu không, nói đến cảnh giới cao nhất, [cảnh giới ấy] chẳng phải là cảnh giới của chúng ta, dụng công sẽ thực hiện từ chỗ nào đây? Thực hiện từ “*thiếu dục tri túc*”, kết quả là đoạn trừ ba món phiền não tham, sân, si. “*Tam-muội thường tịch*”: Quý vị lại tu Thiên Định, có thể định rồi, do Định mà phát sanh Huệ. Do vậy, “*trí huệ vô ngại*”. Đây chính là đã phối hợp tốt đẹp Lục Độ.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Vô hữu hư nguy siểm khúc chi tâm. Hòa nhan ái ngữ, tiên ý thừa vấn*” (Chẳng có tâm hư nguy, siểm nịnh, cong queo, về mặt hòa nhã, lời nói mềm mỏng, đoán trước ý người hỏi): Lại nói đến công phu lợi tha. Đoạn trước là tương ứng với Lục Độ, toàn là tự lợi. Nếu quý vị muốn độ chúng sanh, hiện thời bản thân quý vị luyện công phu tự lợi. Công phu tự lợi là gì? Học Đại Thừa Phật pháp thì pháp môn được nói quá nhiều, đạo lý quá nhiều, chẳng tìm được cương yếu. Tu Đại Thừa Phật pháp như thế nào? Lục Độ, Tứ Nhiếp.

Pháp môn Lục Độ tự độ, độ người khác, chính là sáu món này: Thứ nhất là Bố Thí, thứ hai là Trì Giới, thứ ba là Nhẫn Nhục, thứ tư là Tinh Tấn, thứ năm là Thiên Định, thứ sáu là Bát Nhã. Nói đi nói lại thì vẫn là pháp môn Lục Độ này, vì Lục Độ tự độ, độ tha. Độ tha hoàn toàn chẳng đơn giản. “*Tha*” (他) là nói tới hết thấy chúng sanh. Chúng sanh chẳng dễ độ, quý vị phải dùng pháp Tứ Nhiếp (四攝), tức bốn loại pháp môn để nhiếp thọ chúng sanh: Thứ nhất là Bố Thí, thứ hai là Ái Ngữ, thứ ba là Lợi Hành, thứ tư là Đồng Sự. Trong pháp môn Lục Độ, môn thứ nhất là Bố Thí Độ, trong pháp môn Tứ Nhiếp, pháp môn thứ nhất là Bố Thí Nhiếp, quý vị biết là trong pháp Đại Thừa, Bố Thí hết sức quan trọng!

1) Bố Thí Nhiếp (布施攝) trong pháp Tứ Nhiếp chuyên chỉ Tài Bố Thí. Chúng sanh có kẻ chẳng yêu mến Phật pháp, nhưng chẳng có ai không yêu thích tài vật. Vì sao chúng sanh đều yêu mến tài vật? Chúng sanh vì ba món căn bản phiền não là tham, sân, si. Món thứ nhất là Tham, đó là căn bản của căn bản. Chúng sanh đều có tâm tham, có kẻ nào chẳng tham tài? Do vậy, quý vị dùng tài vật để nhiếp thọ chúng sanh.

2) Điều thứ hai là dùng Ái Ngữ (愛語) để nhiếp thọ. Những lời chúng sanh thích nghe, quý vị bèn nói cho họ nghe, đó gọi là Ái Ngữ. Ái Ngữ là những ngôn ngữ nào chúng sanh yêu thích nghe, họ thích nghe những điều gì, ta nói điều ấy cho họ nghe. Đây là nhiếp thọ chúng sanh.

3) Pháp thứ ba là Lợi Hành Nhiếp (利行攝), Hành là những chuyện được làm. [Lợi Hành] là làm những chuyện khiến cho chúng sanh đạt được lợi ích. Lợi ích ấy chính là những điều lợi thuộc về pháp thế gian. Quý vị chẳng nhiếp thọ họ được, mà tính dạy họ để họ đạt được lợi ích nơi Phật pháp, nhưng họ và quý vị chẳng tiếp cận. Trước hết là làm cho họ đạt được một chút lợi ích trong pháp thế gian; đây gọi

là Lợi Hành Nhiếp.

4) Pháp thứ tư là Đồng Sự Nhiếp (同事攝). Quý vị và chúng sanh đồng thời làm việc. Cổ nhân nói: [Để thực hiện] Đồng Sự Nhiếp, phải đều là bậc Bồ Tát có thần thông thì mới có thể tùy loại hiện thân. Trong quá khứ, thường nhắc tới công án sau đây để làm chứng: Quán Âm Bồ Tát muốn độ kẻ giết lợn thì Ngài làm như thế nào? Ngài thị hiện làm một gã mổ lợn để cùng làm việc với hắn ta, Ngài bèn độ được gã mổ lợn ấy. Quán Âm Bồ Tát muốn độ gã mổ lợn ấy, nếu chẳng thị hiện thân Đồng Sự sẽ chẳng thể độ hắn được! Gã mổ lợn ấy chẳng bước vào chùa chiền, cũng chẳng nghe quý vị giảng kinh, quý vị độ hắn bằng cách nào đây? Do vậy, Ngài thị hiện làm một tay mổ lợn để đồng sự với hắn. Quán Âm Bồ Tát thị hiện giết lợn, Ngài có bản lãnh gì? Quý vị muốn giết lợn thì nó cũng chạy thực mạng! Bình thường, lợn chẳng linh hoạt cho lắm, rất đàn, đợi cho đến lúc sắp bị giết, nó chạy trốn rất nhanh! Chúng sanh đều tham sống sợ chết.

Do đó, muốn giết lợn thì trước hết phải bắt nó, trói lại, sắp giết đến nó, nó còn kêu eng éc! Rất chẳng thuận lợi! Quán Âm Bồ Tát thị hiện giết lợn, Ngài có bản lãnh. Ngài có bản lãnh gì vậy? Ngài có thể kêu tên con lợn. Vừa kêu tên gì đó, lợn bèn nghe tiếng Ngài gọi, kêu đến để giết, [nó bèn tự đến, ngoan ngoãn chịu giết], chẳng cần phải dùng dây rợ trói chân nó, đỡ tốn rất nhiều công sức. Mọi người đều nói: “Ngươi là một kẻ có bản lãnh, sao ngươi biết nó tên là gì?” Ngài đáp: “Trên đầu con lợn có gắn tên họ, tôi trông thấy đó thôi! Tôi nhìn vào tên họ trên đầu nó, kêu tên nó, nó liền ngoan ngoãn chịu giết”. Một ngày nọ, sắp giết một con lợn, Ngài bèn gọi tên nó. Vừa gọi tên là X... đã khiến cho lão chủ lò mổ hoảng hồn, nhảy dựng lên, hỏi: “Mày vừa gọi gì đó?” Ngài gọi lại lần nữa. “Ồi trời ơi! Không đúng rồi! Mày vừa gọi tên cha tao, mày không thể giết con lợn này được!” “Vì sao chẳng thể giết?” “Mày gọi tên họ nó không đúng, mày vừa gọi tên họ cha tao. Ối trời ơi! Không thể giết con này, chẳng thể giết được!” Quán Âm Bồ Tát liền giảng đạo lý cho hắn ta: “Cha ông có thể đã chuyển thành lợn, cha ông là kẻ mổ lợn, ông cũng mổ lợn, ông sẽ chẳng chuyển thành lợn để đền mạng hay sao? Lại còn không chỉ là một đời này, có thể là chết rồi lại chuyển thành thân lợn đấy nhé!” Khuyến hóa hắn ta như vậy, hắn ta nói: “Từ nay trở đi chẳng còn giết lợn nữa”. Đây gọi là Đồng Sự Nhiếp. Đối với Đồng Sự Nhiếp, tôi có một cách giải thích khác: Chẳng cần chờ làm Bồ Tát có thần thông có thể biến hóa rồi mới hành Đồng Sự Nhiếp. Hiện thời quý vị phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo, quý vị

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

đang làm việc trong một giới nào đó, quý vị bèn độ giới ấy. Chẳng hạn như quý vị làm công chức, quý vị bèn độ các công chức. Quý vị là công nhân trong công xưởng bèn độ công nhân. Cứ như vậy mà suy ra! Đây là Đồng Sự Nhiếp.

Xem kinh văn, [ta thấy] phần trước là nói đến chuyện tu tập các hạnh lợi ích, Lục Độ là tự lợi, nay còn phải lợi tha: “*Vô hữu hư ngụy siểm khúc chi tâm*” (Chẳng có tâm hư ngụy, siểm nịnh, cong queo). Lợi tha, ta muốn độ chúng sanh, đối xử với chúng sanh hoàn toàn bằng tấm lòng chân thật, chớ nên dùng “*hư ngụy*”, tức là dùng cái tâm hư giả để đối đãi chúng sanh. “*Siểm khúc chi tâm*”: “*Siểm*” (諂) là siểm mị (諂媚, nịnh hót, bợ đỡ), “*khúc*” (曲) là cong queo. Cong queo thì không ngay thẳng, trong tâm có những điều ngoắt ngoéo. “*Siểm khúc chi tâm*” là đối với tín chúng, hễ tín đồ nào có tiền bèn [vận dụng cái tâm] hư ngụy, siểm khúc. Chúng tôi chỉ nói tới các đệ tử xuất gia. Đệ tử xuất gia mở đạo tràng, không có tiền thì chẳng thể sống được, nhưng Phật Thích Ca đã ấn định quy củ: Hàng đệ tử xuất gia chẳng được phép kinh doanh, buôn bán, cũng chẳng cho phép làm ruộng, trồng trọt. Vậy thì trong cuộc sống thường nhật, sẽ chẳng có tiền đóng gạo, mua rau, chẳng có tín đồ bước vào cửa [nhà chùa] sẽ không được! Tín đồ chẳng có tiền, chẳng bỏ được mấy đồng để bố thí, còn tín đồ có tiền rất phát tâm. Đối với các tín đồ có tiền ấy, sẽ đặc biệt chiêu đãi. Đây là siểm khúc.

Quý vị đối với họ, thứ nhất là cái tâm chẳng ngay thẳng, trong tâm ngoắt ngoéo, lại còn phải bợ đỡ họ, phải đãi đằng họ như thế nào? Phải ra sức làm cho họ sanh lòng hoan hỷ, hoàn toàn là một bầu hư giả, chẳng có tấm lòng chân thật, biến thành cái tâm hư ngụy. “*Hư ngụy siểm khúc chi tâm*” (Tâm hư ngụy, siểm nịnh, cong vạy): Chiêu đãi các tín đồ có tiền, chính mình chẳng đạt được lợi ích, mà các tín đồ ấy cũng chẳng đạt được lợi ích. Bản thân quý vị vốn phát tâm muốn độ chúng sanh, thấy những chúng sanh có tiền chỉ lo chiêu đãi họ, phải tiếp đãi sao cho họ sanh lòng hoan hỷ, phải pha trà ngon mời họ, phải cho họ nếm những món ăn vặt ngon lành, ăn cơm thì phải đặc biệt nấu những món ngon lành, tận hết sức làm chuyện đó! Chẳng dùng đến Phật pháp, hoàn toàn sử dụng pháp thế gian. Chiêu đãi cả nửa ngày toàn là nói những lời thù tạc, chẳng nói một câu Phật pháp nào, tự hại, hại người, hết sức chớ nên!

Lại xem hai câu kệ đó: “*Hòa nhan ái ngữ, tiên ý thừa vân*” (Về mặt hòa hoãn, lời nói dịu dàng, đoán trước ý người hỏi): “*Hòa nhan*” (和顏) là vẻ mặt hòa hoãn, vui vẻ. Nói năng thì phải nói những lời tín

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

đồ thích nghe. Đó gọi là Ái Ngữ Nhiếp. “*Tiên ý thừa vấn*”: Chẳng đợi tín đồ đến hỏi chúng ta, chúng ta hỏi họ trước, như vậy có phải là siểm khúc hay chẳng? Đây chẳng phải là siểm khúc, mà là tiền phương tiện để nhiếp thọ chúng sanh, vì trong câu trước đó, đã chẳng cho phép quý vị dùng cái tâm hư ngụy, siểm khúc. Chẳng hư ngụy là chân thật, chẳng siểm khúc là đạo tâm. Vậy thì ta muốn độ những chúng sanh ấy, để độ chúng sanh thì trước hết phải nhiếp thọ họ, cho nên “*hòa nhan ái ngữ*” là nhiếp thọ chúng sanh. “*Tiên ý thừa vấn*” vẫn là nhiếp thọ chúng sanh, làm cho họ và ta gần gũi, giảng Phật pháp cho họ. Nói gộp chung lại, quý vị là một người xuất gia, nếu quý vị muốn độ chúng sanh, phải ghi nhớ thái độ của quý vị sẽ là “*bất ty, bất kháng*” (不卑不亢). “*Bất ty*” (不卑) là đừng nên quá khúm núm. “*Bất kháng*” (不亢) là đừng nên quá ương ngạnh, cao ngạo. Quá khúm núm, sai mất rồi, nhất là kẻ có tiền tìm đến [người xuất gia] bèn hư ngụy, siểm khúc, chỉ sợ tiếp đãi họ chẳng ra gì, đãi đằng họ như khách quý. Đó là sai lầm. Quá ư khúm núm!

Có người mới xuất gia, nghe nói “người xuất gia có tư cách của người xuất gia. Chúng ta là Tam Bảo, chẳng nên chiêu đãi cư sĩ”. Đây chính là Kháng, Kháng (亢) là cao ngạo, ngạo mạn. Cao ngạo, ngạo mạn dấy lên, có tín đồ tìm đến cũng chẳng quan tâm, cũng chẳng cho họ uống trà. Kẻ ấy cứ nghĩ “ta là sư phụ xuất gia, đáng lẽ các người phải rót trà cho ta, lẽ đâu ta rót trà cho các người được?” Quá cao ngạo! Chẳng phải là quý vị đến nhà tín đồ, đến nhà tín đồ thì tín đồ sẽ rót trà cho quý vị uống. Tín đồ đến chùa miếu của ta, họ chẳng biết quý vị để trà ở chỗ nào, làm sao rót trà cho quý vị được? Quá cao ngạo. Quý vị tạo lợi ích cho họ, lợi tha là lợi ích chúng sanh. Nói theo hiện thời thì là tạo lợi ích cho tín đồ của chúng ta. Quý vị hãy ghi nhớ hai câu này, đừng nên [hiếu và hành xử] lệch lạc. “*Vô hữu hư ngụy siểm khúc chi tâm*” (Chẳng có tâm hư ngụy, siểm nịnh, cong vạy), quý vị chớ nên quá khúm núm, “*hòa nhan ái ngữ, tiên ý thừa vấn*” (về mặt hòa nhã, lời nói dịu dàng, biết trước ý người khác muốn hỏi), quý vị chớ nên quá cao ngạo, ngạo nghễ, chẳng kiêu ngạo, chẳng siểm nịnh. Đây là tốt đẹp nhất.

2.2.1.2.2.2.1.2.1.2. Tu thiện pháp

(Kinh) Dũng mãnh tinh tấn, chí nguyện vô quyên, chuyên cầu thanh bạch chi pháp, dĩ huệ lợi quần sanh, cung kính Tam Bảo,

phụng sự sư trưởng. Dĩ đại trang nghiêm cụ túc chúng hạnh, linh chư chúng sanh công đức thành tựu, trụ Không, Vô Tướng, Vô Nguyên chi pháp, vô tác, vô khởi, quán pháp như hóa.

(經)勇猛精進，志願無倦。專求清白之法，以惠利群生。恭敬三寶，奉事師長。以大莊嚴具足眾行，令諸眾生功德成就。住空、無相、無願之法，無作無起，觀法如化。

(*Kinh: Dũng mãnh, tinh tấn, chí nguyện không mệt mỏi. Chuyên cầu pháp trong sạch để lợi ích rộng rãi quần sanh. Cung kính Tam Bảo, phụng sự sư trưởng, Dùng sự đại trang nghiêm để trọn đủ các hạnh, khiến cho công đức của các chúng sanh thành tựu, trụ nơi pháp Không, Vô Tướng, Vô Nguyên, chẳng làm, chẳng khởi, quán các pháp như huyễn hóa.*)

“Dũng mãnh tinh tấn, chí nguyện vô quyện. Chuyên cầu thanh bạch chi pháp” (Dũng mãnh, tinh tấn, chí nguyện không mệt mỏi. Chuyên cầu pháp trong sạch), đây vẫn là tự lợi. “Dĩ huệ lợi quần sanh” (Lợi ích rộng rãi quần sanh), đây mới là lợi tha. Tu hành hòng hành Bồ Tát đạo thì tự lợi và lợi tha bằng cách nào? “Dũng mãnh tinh tấn” chính là “bất kế chúng khổ” (chẳng nề hà các nỗi khổ) như đã nói trong phần trước, chớ nên giải đãi, buông lung, phải dũng mãnh tinh tấn. “Chí nguyện vô quyện” (Chí nguyện chẳng mệt mỏi): Dũng mãnh tinh tấn thì đương nhiên là thân tâm sẽ mệt mỏi, phải nương vào chí nguyện của chính mình để duy trì đạo tâm của chính mình, đừng nên sanh ý tưởng mệt nhọc. “Chuyên cầu thanh bạch chi pháp” (Chuyên cầu pháp trong sạch), “thanh bạch chi pháp” (pháp trong sạch) là pháp chẳng ô nhiễm. Pháp chẳng ô nhiễm chính là Chân Như diệu tánh của chúng ta. Ta mong cầu chúng Chân Như diệu tánh, Chân Như diệu tánh vốn vô nhiễm, do đây khởi tham, sân, si, nên mới biến thành pháp ô nhiễm. Nay chúng ta muốn đoạn trừ tham, sân, si, “chuyên cầu thanh bạch chi pháp” (chuyên cầu pháp trong sạch) thì đoạn trừ tham, sân, si như thế nào? Trước hết phải trì giới, trì giới tinh nghiêm, đừng nên phạm trọng giới, khinh giới (giới nhẹ) cũng đừng nên phạm, tự nhiên là thân tâm trong sạch, Chân Như diệu lý sẽ hiện tiền, đạt được tự lợi. Ta là Đại Thừa Bồ Tát, “dĩ huệ lợi chúng sanh”, [nghĩa là] ta sẽ lợi ích rộng rãi hết thảy chúng sanh.

“Cung kính Tam Bảo, phụng sự sư trưởng. Dĩ đại trang nghiêm

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

cụ túc chúng hạnh” (Cung kính Tam Bảo, phụng sự sư trưởng, dùng sự đại trang nghiêm để trọn đủ các hạnh): Đây là vừa tu phước vừa tu huệ, dùng hai thứ phước và huệ để trang nghiêm, tức là trang nghiêm Lục Độ vạn hạnh của ta. Tu phước thì tu ở chỗ nào? Cúng dường Tam Bảo, cúng Phật, cúng Pháp, cúng Tăng. Như thế thì quý vị sẽ tu đại phước. Cúng Phật thì hàng đệ tử Phật đều biết, bất luận xuất gia hay tại gia đệ tử, đều biết cúng Phật là trong tự viện có tượng Phật, trong nhà thì có tiểu Phật đường, ai nấy đều biết cúng Phật là thắp hương, dâng hoa là cúng Phật. Cúng Pháp thì sao? Quý vị gặp pháp hội giảng kinh sẽ đến giúp đỡ cho pháp hội thành tựu, đây là cúng dường Pháp Bảo. Quý vị có sức thì tạo một giảng đường để cúng dường Pháp Bảo. Quý vị có sức bèn thỉnh pháp sư giảng kinh, cúng dường pháp hội. Chẳng có sức lực to lớn thì quý vị đến giúp quét dọn nền giảng đường, sắp xếp bàn ghế, khiến cho người khác có chỗ ngồi đàng hoàng để nghe kinh. Đây cũng là cúng dường Pháp Bảo. Cúng dường Tăng Bảo thì nấu cỗ chay dâng cho đại chúng; đây là vun bồi đại phước.

“*Phụng sự sư trưởng*” thì sao? Quý vị thân cận danh sư, thân cận thiện tri thức, khéo đạt được trí huệ. Cúng Tăng thì trong số ấy có sư trưởng, quý vị phải phân biệt rõ ràng. Khi cúng dường Phật, Pháp, Tăng, cúng dường Tăng Bảo, nấu cỗ chay dâng cho đại chúng, quyết định đừng nên dấy tâm phân biệt. Hãy ghi nhớ, quý vị coi người xuất gia đều là A La Hán, coi họ như những vị Bồ Tát sống, chớ nên phân biệt người xuất gia nào là tốt đẹp, người xuất gia nào chẳng tốt đẹp! Nếu như có cái tâm phân biệt [như vậy], quý vị cúng Tăng trong ngày hôm ấy chắc chắn chẳng có công đức, lại còn dâm ra mắc tội lỗi. Khi cúng Tăng, đối với người xuất gia, phải khởi tâm bình đẳng, đều quán tưởng họ là A La Hán, là Bồ Tát sống. Như thế thì quý vị tu đại phước.

Muốn thân cận sư trưởng thì trước hết phải khởi tâm phân biệt. Quý vị phải quyết trạch³⁰ vị nào là danh sư thông hiểu Phật pháp, ta mới thân cận vị ấy. Quý vị thân cận người xuất gia mà chính vị ấy chẳng hiểu rõ Phật pháp, quý vị thân cận vị ấy, làm sao có thể đạt được Phật pháp? Đây chẳng phải là dùng cái tâm phân biệt. Trước hết, hãy quyết trạch vị nào là danh sư rồi ta mới thân cận. Do đó, “*phụng sự sư trưởng*” và “*cúng dường Tam Bảo*” dụng tâm khác nhau, một đàng là cần phải phân biệt, một đàng là đừng nên phân biệt! “*Dĩ đại trang nghiêm cụ túc chúng hạnh*” (Dùng sự đại trang nghiêm để trọn đủ các

³⁰ Quyết trạch (抉擇) nghĩa là chọn lựa dứt khoát.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

hạnh), vừa tu phước vừa tu huệ, hai thứ đại trang nghiêm ấy được gọi là “*phước huệ nhị nghiêm*”. Thân Phật trang nghiêm nhất, thân Phật có gì để trang nghiêm? Chính là do hai thứ phước và huệ trang nghiêm mà ra. Chúng ta vào thuở phát tâm ban đầu, phải tu phước, tu huệ. Tu phước và tu huệ là dùng hai thứ đại trang nghiêm để tự trang nghiêm. “*Cụ túc chúng hạnh*” (Đầy đủ các hạnh): “*Chúng hạnh*” chính là Lục Độ đã nói trong phần trước, rộng mở muôn loại hạnh môn, nên gọi là “*chúng hạnh*”, thấy đều dùng cái tâm cầu phước và cầu huệ để tu Lục Độ, tu vạn hạnh, thì sẽ là “*dĩ đại trang nghiêm cụ túc chúng hạnh*” (dùng sự đại trang nghiêm để trọn đủ các hạnh).

“*Linh chư chúng sanh công đức thành tựu*” (Khiến cho các chúng sanh thành tựu công đức), đây là lợi tha. Bản thân quý vị tu phước, tu huệ, giáo hóa chúng sanh, giáo hóa như thế nào? Giáo hóa chúng sanh khiến cho chúng sanh tu phước, tu huệ, kết quả là bản thân quý vị đạt được công đức tự lợi, ngay cả công đức của chúng sanh cũng đều thành tựu. Dạy chúng sanh tu phước như thế nào? Cúng dường Tam Bảo. Dạy chúng sanh tu huệ, quý vị thân cận thiện tri thức, tinh tấn dụng công cho nhiều. Đây là lợi ích chúng sanh, “*linh chư chúng sanh công đức thành tựu*” (khiến cho công đức của các chúng sanh đều thành tựu).

“*Trụ Không, Vô Tướng, Vô Nguyện chi pháp, vô tác, vô khởi, quán pháp như hóa*” (Trụ nơi pháp Không, Vô Tướng, Vô Tác, chẳng làm, chẳng khởi, quán các pháp như huyễn hóa): Câu này ngụ ý quý vị phải hiểu rõ lý Không, chẳng được chấp tướng. Những khai thị đã nói trong phần trước nhằm bảo quý vị hãy tu Lục Độ, bảo quý vị hãy nhiếp hóa chúng sanh, bảo quý vị hãy tự lợi, bảo quý vị hãy lợi tha. Những điều ấy đều đúng, nhưng hễ chấp tướng thì sai mất rồi. Tu Lục Độ chẳng được chấp tướng! Tu pháp môn Tứ Nhiếp chẳng được chấp tướng. Tự lợi đừng nên chấp tướng, mà lợi tha đừng nên chấp tướng. Vì sao chẳng được chấp tướng? Quý vị quán Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, tu pháp “*tam giải thoát môn*”. Trong phần trước, tôi đã nói một lần rồi. Ba món ấy được gọi là ba tam-muội, còn gọi là ba giải thoát. Hãy chú ý, phần văn tự này được giải thích như thế nào, tôi sử dụng phương pháp đơn giản, rõ ràng, xác đáng nhất, quý vị phải ghi nhớ. Về sau, gặp những danh từ này sẽ dễ nói.

1) Món thứ nhất là Không. Cái Không này chính là Không như Tâm Kinh đã nói: “*Chiếu kiến Ngũ Uẩn giai Không*” (Soi thấy Ngũ Uẩn đều là Không). Hàng Nhị Thừa chiếu kiến Ngũ Không, chứ pháp

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

của họ chẳng Không. Đại Thừa Bồ Tát không chỉ là Ngã Không, mà còn Pháp Không. Hàng Nhị Thừa cũng là hàng Tiểu Thừa, họ biết pháp Ngã là Không, vì sao? Nó là do Ngũ Uẩn, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, năm pháp hợp lại thành một cái Giả Ngã. Tách rời năm pháp ấy thì cái Ngã ấy chẳng có bản thể, chẳng có tự tánh, quán Ngã là Không. Nhưng [đối với hàng Tiểu Thừa] pháp Ngũ Uẩn chẳng Không. Quán Thế Âm Bồ Tát là Đại Thừa Bồ Tát, trong kinh có nói Ngài đã chiếu kiến “*Ngũ Uẩn giai Không*”. Không chỉ cái Giả Ngã do Ngũ Ấm hòa hợp là Không, ngay cả bản thể của pháp Vô Ngã cũng là rỗng không. Đó gọi là Pháp Không. Ngã cũng Không, mà Pháp cũng Không, còn có gì chẳng Không? Vì thế, hết thấy đều là Không. Đây là pháp thứ nhất, tức Không tam-muội, được gọi là Không Giải Thoát. Không tam-muội: Tam-muội là định. Trụ trong cái Không Định ấy, an trụ bất động thì gọi là Trụ. Phải ghi nhớ lời chú giải này. Các vị đều biết niệm Tâm Kinh, “*Không*” là “*chiếu kiến Ngũ Uẩn giai Không*”. “*Không*” thì Ngã cũng Không mà Pháp cũng Không.

2) Vô Tướng là như kinh Kim Cang đã nói: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng, vô pháp tướng, diệt vô phi pháp tướng*” (Không có tướng ta, không có tướng người khác, không có tướng chúng sanh, không có tướng thọ giả, không có pháp tướng, mà cũng chẳng có phi pháp tướng). Vô tướng như thế đó. “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”, bốn tướng ấy đều chẳng có thì gọi là Ngã Không, tướng của Ngã chẳng có! “*Vô pháp tướng*”: Tướng của các pháp cũng là Không, “*diệt vô phi pháp tướng*”, cái Không nơi Ngã Không và cái Không nơi Pháp Không được gọi là “*phi pháp*”, cũng là Không, hết thấy các tướng đều chẳng có. Ngã tướng chẳng có, Pháp tướng chẳng có. Tướng của Nhị Không (Ngã Không và Pháp Không) cũng chẳng có. Đây gọi là Vô Tướng.

3) Vô Nguyện: “*Nguyện*” là cái tâm mong cầu. Mong cầu niềm vui ngũ dục, đây là nguyện của phàm phu, vậy là không được. Chúng ta sơ phát tâm, phải “*thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh*” (trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh). “*Thượng cầu hạ hóa*” là chuyện thuộc về bốn phận của Bồ Tát, nhưng quý vị đừng nên có cái tâm mong cầu, vì vốn dĩ, trên là chẳng có Phật đạo để có thể cầu, dưới là chẳng có chúng sanh để có thể giáo hóa. Chúng sanh là huyễn hóa, chẳng thật, dựa theo lời giải thích trong kinh Kim Cang: “*Sở hữu chúng sanh chi loại... ngã giai linh nhập Vô Du Niết Bàn nhi diệt độ chi. Như thị diệt*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

độ vô lượng vô số vô biên chúng sanh, thật vô chúng sanh đặc diệt độ giả” (Đối với tất cả các loài chúng sanh, ta đều khiến cho họ nhập Vô Dư Niết Bàn mà diệt độ. Diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sanh như thế, thật sự chẳng có chúng sanh được diệt độ). Quý vị độ vô lượng vô số vô biên chúng sanh đều nhập Vô Dư Niết Bàn, nhưng thật sự chẳng có chúng sanh được diệt độ. Vì sao? Chúng sanh như huyễn, như hóa. Đã là dưới chẳng có chúng sanh để có thể độ, há có Phật đạo để có thể thành ư? Trên đã không có Phật đạo để có thể thành, [là vị] đối với chúng sanh trong chín pháp giới thì mới có Phật, nhưng chúng sanh trong chín pháp giới đều là như huyễn, như hóa, Phật vẫn chẳng phải là như huyễn, như hóa ư? Do vậy, gọi là *“bình đẳng chân pháp giới, Phật chẳng độ chúng sanh”*. Đã là trên là không có Phật đạo để có thể thành, dưới là không có chúng sanh để có thể độ, quý vị còn có cái tâm mong cầu gì nữa? Mong cầu là Nguyện, quý vị còn có nguyện chi nữa? Đây là Vô Nguyện.

“Vô tác, vô khởi, quán pháp như hóa”: “Vô tác”, “tác” là tu tác (修作, tu tập, thực hiện), tạo tác, là hành Bồ Tát đạo, vốn hết thấy đều như hóa. Câu kế tiếp là *“quán pháp như hóa”*, “hóa” là huyễn hóa. Huyễn hóa chẳng thật thì há có Bồ Tát đạo gì để có thể “tác”? “Vô khởi”: Khởi (起) là sanh khởi. Quý vị phát Bồ Đề tâm, sanh khởi Bồ Đề tâm, đã là không có Bồ Tát đạo để có thể tạo tác, há có Bồ Đề tâm để có thể sanh khởi ư? Vì sao nói *“chẳng có Bồ Tát đạo để có thể sanh khởi”*? Vì *“quán pháp như hóa”*. Hết thấy các pháp đều như huyễn, như hóa, đều là do các trò ảo thuật biến ra, há có chân thật ư? Nói đến chỗ này, thì đây là Đại Thừa Không Quán, dạy quý vị hãy quán Không, quán Vô Tướng, quán Vô Nguyện, quán Vô Tác Vô Khởi, quán hết thấy các pháp như huyễn, như hóa. Trong sự như huyễn, như hóa ấy, hành *“thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh”*. Quý vị đừng nên thiên lệch về phương diện Không. Thiên lệch về phương diện Không, quý vị sẽ rơi vào bên Nhị Thừa. Quý vị cũng đừng nên chấp trước bên Có. Chấp trước Có, quý vị sẽ rơi vào bên phàm phu. Đừng chấp trước Có, mà cũng đừng chấp trước Không, đây mới là Trung Đạo của Đại Thừa Bồ Tát.

2.2.1.2.2.2.1.2.1.3. Là ác nghiệp

(Kinh) Viễn ly thô ngôn, tự hại, hại bĩ, bĩ thử câu hại. Tu tập thiện ngữ, tự lợi, lợi nhân, nhân ngã kiêm lợi.

(經)遠離麤言，自害害彼，彼此俱害。修習善語，自利利人，人我兼利。

(*Kinh*: *Xa lia lời thô, tự hại, hại người khác, đôi bên đều bị hại. Tu tập thiện ngữ, lợi mình, lợi người, ta và người khác đều được lợi.*)

Quán hết thấy đều là Không, quán hết thấy các pháp như hóa, quý vị còn tự mình khéo luyện tập công phu. Tiếp đó, kinh dạy chúng ta một phương pháp, rèn luyện ở nơi đâu? Trước hết, luyện khẩu nghiệp của chính mình. Vì quý vị muốn độ chúng sanh, tức là hoằng pháp, độ chúng sanh, tức là giảng kinh, thuyết pháp. Giảng kinh, thuyết pháp thì trước hết phải xa lia thô ngữ (麤語, lời lẽ thô tháo). “*Viễn ly thô ngôn*” là quý vị muốn giảng kinh thuyết pháp cho chúng sanh nghe, trước hết phải xa lia lời lẽ thô tháo, phải xa lia ác khẩu. “*Tự hại, hại bi, bi thử câu hại*” (Tự hại, hại người khác, đôi bên đều bị hại): Vì sao phải xa lia thô ngôn? “*Thô ngôn*” bao gồm bốn thứ vọng ngữ: Nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, ác khẩu, đều gọi là “*thô ngôn*”. Khẩu nghiệp của quý vị chẳng thanh tịnh, quý vị làm hại chính mình, đồng thời làm hại đối phương. Đây gọi là “*đôi bên đều bị hại*”, nhất định phải xa lia lời lẽ thô ác. Để xa lia thô ngôn, quý vị phải “*tu tập thiện ngữ*”: Phải giảng kinh, thuyết pháp. Lời lẽ của ai tốt nhất? Lời lẽ của Phật tốt nhất.

Do đó, “*thế gian hảo thoại Phật thuyết tận*” (lời lẽ tốt lành trong thế gian, Phật đã nói hết). Lời nói của ai cũng chẳng tốt đẹp bằng lời của Phật. Quý vị học theo đức Phật thuyết pháp, học theo đức Phật thuyết pháp mà thuyết chẳng hay thì làm như thế nào? Thuyết chẳng hay thì hãy “*tu tập*”, tu tập học giảng kinh. Học tới học lui là Tập, tức là “*học nhi thời tập chi*” (học rồi thường xuyên luyện tập). Quý vị hôm nay giảng, ngày mai giảng, quý vị giảng suốt hai mươi năm thử xem, bảo đảm quý vị sẽ giảng hay! “*Tự lợi, lợi nhân, nhân ngã kiêm lợi*” (Lợi mình, lợi người, ta và người đều được lợi): Quý vị giảng kinh, thuyết pháp, chính mình đạt được lợi ích, đồng thời lợi ích người khác, chính mình và người khác đều cùng được lợi.

2.2.1.2.2.2.1.2.1.4. Lại nói về chuyện tu thiện

(*Kinh*) *Khí quốc quyên vương, tuyệt khử tài sắc, tự hành Lục Ba La Mật, giáo nhân linh hành.*

(經)棄國捐王，絕去財色。自行六波羅蜜，教人令行

◦
(*Kinh*: Bỏ nước, bỏ ngôi vua, trừ sạch tài sắc, tự hành Lục Ba La Mật, dạy người khác hành theo).

“*Khí quốc quyên vương, tuyệt khử tài sắc*” (Bỏ nước, bỏ ngôi vua, trừ sạch tài sắc): Đây là chuyện tỳ-kheo Pháp Tạng đã làm khi phát tâm. Ngài vốn là một vị quốc vương, từ bỏ quốc gia, ngôi vua cũng vứt bỏ. “*Quyên*” (捐) là Khí (棄), mà Khí cũng là Quyên, [đều có nghĩa là] từ bỏ. Đã từ bỏ ngôi vị quốc vương, lại còn phải “*tuyệt khử tài sắc*”, [tức là] đoạn tuyệt tài sắc, chẳng tham tài mà cũng chẳng tham sắc. Chúng ta học theo tỳ-kheo Pháp Tạng phát tâm, chúng ta chẳng phải là quốc vương, tài sản trong nhà quý vị cũng phải buông bỏ hết. Trong xã hội, quý vị có địa vị gì, cũng phải từ bỏ nó. Tội nhân gây nên phiền não là tài sắc, phải đoạn trừ, phải trừ khử danh lợi thế gian, phải “*tự hành Lục Ba La Mật*”. Do đó, Đại Thừa Phật pháp chẳng khó học, [khó học là vì] quý vị chẳng tìm thấy cương yếu! Nói tới nói lui, vẫn là bảo quý vị hãy hành Lục Độ, hành viên mãn, đạt đến bờ kia, đấy là Ba La Mật. Chính quý vị tự lợi, quý vị giáo hóa chúng sanh điều gì? “*Giáo nhân linh hành*” (Dạy người khác hành), [tức là] giáo hóa chúng sanh vẫn là Lục Độ Ba La Mật, bản thân quý vị tự lợi, đồng thời lợi ích người khác.

2.2.1.2.2.2.1.2.2. Tổng kết

(*Kinh*) *Vô ương số kiếp, tích công lũy đức.*

(經)無央數劫，積功累德。

(*Kinh*: Trong vô ương số kiếp, tích lũy công đức).

Trong “*vô ương số kiếp*” vẫn phải phát tâm dài lâu, chẳng phải là đời này ta đã hành tốt đẹp, mà đời đời kiếp kiếp ta phải hành, hành trong vô lượng số kiếp. “*Tích công lũy đức*”, công đức ấy sẽ thành tựu.

2.2.1.2.2.2.2.2. Nêu bày quả báo thù thắng

(*Kinh*) *Tùy kỳ sanh xứ, tại ý sở dục, vô lượng bảo tạng, tự nhiên phát ứng, giáo hóa an lập vô số chúng sanh, trụ u vô thượng*

chánh chân chỉ đạo. Hoặc vì trưởng giả, cư sĩ, hào tánh, tôn quý, hoặc vì Sát-lợi, quốc quân, Chuyển Luân thánh đế; hoặc vì Lục Dục Thiên Chúa, nữ chí Phạm vương. Thường dĩ tứ sự, cúng dường cung kính nhất thiết chư Phật. Như thị công đức, bất khả xưng thuyết. Khâu khí hương khiết, như Ưu Bát La hoa. Thân chư mao không xuất Chiên Đàn hương. Kỳ hương phổ huân vô lượng thế giới, dung sắc đoan chánh, tướng hảo thù diệu. Kỳ thủ thường xuất vô tận chi bảo, y phục, ẩm thực, trân diệu hoa, hương, tăng cái, tràng phan, trang nghiêm chi cụ. Như thị đẳng sự, siêu chư thiên nhân. Ư nhất thiết pháp, nhi đắc tự tại.

(經)隨其生處，在意所欲，無量寶藏，自然發應。教化安立無數眾生，住於無上正真之道。或為長者、居士、豪姓、尊貴；或為剎利、國君、轉輪聖帝；或為六欲天主，乃至梵王。常以四事，供養恭敬一切諸佛。如是功德，不可稱說。口氣香潔，如優鉢羅華。身諸毛孔，出栴檀香，其香普熏無量世界。容色端正，相好殊妙。其手常出無盡之寶，衣服飲食、珍妙華香、繒蓋幢幡，莊嚴之具。如是等事，超諸天人。於一切法，而得自在。

(*Kinh*: Sinh ở bất cứ nơi đâu, thuận theo lòng muốn, vô lượng kho báu tự nhiên phát khởi, ứng hiện. Giáo hóa, an lập vô số chúng sanh, trụ nơi đạo Vô Thượng Chánh Chân. Hoặc làm trưởng giả, cư sĩ, dòng họ cao sang, tôn quý, hoặc làm Sát-lợi, quốc vương, Chuyển Luân thánh đế, hoặc làm chúa tể trời thứ sáu trong Dục Giới, cho đến làm Phạm vương. Thường dùng bốn sự để cúng dường, cung kính hết thầy chư Phật. Công đức như thế chẳng thể xưng nói. Hơi miệng thơm sạch như hoa Ưu Bát La. Các lỗ chân lông trên thân thường tỏa mùi hương Chiên Đàn. Hương ấy xông khắp vô lượng thế giới, dung sắc đoan chánh, tướng hảo đặc biệt đẹp đẽ. Tay Ngài thường tuôn ra vô tận của báu, y phục, thức ăn, hương, hoa quý báu màu nhiệm, lọng lụa, tràng phan, các món vật trang nghiêm. Các chuyện như thế vượt trời người, được tự tại trong hết thầy các pháp).

“Tùy kỳ sanh xứ, tại ý sở dục, vô lượng bảo tạng, tự nhiên phát ứng” (Sinh ở bất cứ nơi đâu, thuận theo lòng muốn, vô lượng kho báu tự nhiên phát khởi, ứng hiện). Quý vị sanh trong đời thứ hai, đời thứ ba,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

sẽ là như thế nào? Phước báo của quý vị to lớn. “*Tùy kỳ sanh xứ*” nghĩa là quý vị sanh trong một nước nào, hay sanh trong một thế giới nào, “*tại ý sở dục*” (thuận theo lòng muốn): Dựa theo chú giải để nói, chữ Tại (在) có nghĩa là “*tùy ý*”. Trên thực tế, do thời cô sao chép, tức là chữ Nhậm (任, tùy ý) bị sao chép lầm, [nên hiện thời ghi là chữ Tại]. Nay ta nên hiểu chữ Tại theo nghĩa “*tùy ý*”. [“*Tại ý*” là] mặc lòng tùy ý. “*Sở dục*” là nghĩ đến. “*Vô lượng bảo tạng*”, tự nhiên là quý vị sanh về đâu, kho báu bèn theo quý vị đến đó, quý vị đi đến chỗ nào cũng sẽ phát tài. Của cải nhiều ngàn ấy do đâu mà có? Do phước báo tích lũy công đức cảm vời. Đây là như trong phần trên đã nói, do “*tích công lũy đức*” như [trong đoạn kinh văn giảng về] “*thiếu dục tri túc*” mà ra. Thoạt đầu chẳng có của cải theo chân quý vị, quý vị hứng chịu nghèo khổ, gian nan. Quý vị thiếu dục tri túc, chẳng sợ các nỗi khổ, tu hành như thế đấy. Lại còn một mặt tu phước, một mặt tu huệ, phước báo của quý vị to lớn, đời sau, kiếp sau, quý vị sanh về nơi đâu, tiền tài theo quý vị đến đó.

“*Giáo hóa an lập vô số chúng sanh, trụ ở vô thượng chánh chân chi đạo*” (Giáo hóa an lập vô số chúng sanh, trụ nơi đạo vô thượng chánh chân): Quý vị giáo hóa chúng sanh đều phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo. Thuở ban đầu, giáo hóa chúng sanh: “*Ôi trời ơi! Giáo hóa cả nửa ngày, bảo họ quy y Tam Bảo, họ vẫn không chịu phát tâm*”. Quý vị giáo hóa lâu ngày, tích lũy công đức, khi công đức của quý vị đã chín muồi, sẽ giáo hóa chúng sanh rất dễ dàng. Lại còn gieo thiện căn thành Phật cho họ đều dễ dàng, “*an trụ ở vô thượng chánh chân chi đạo*” (an trụ nơi đạo vô thượng chánh chân). “*Hoặc vi trưởng giả, cư sĩ, hào tánh, tôn quý*” (Hoặc làm trưởng giả, cư sĩ, dòng họ cao sang, tôn quý): Nhiều đời, nhiều kiếp quý vị thọ sanh, chuyển sanh, hoặc là quý vị chuyển thành một vị trưởng giả, hoặc là chuyển thành một vị cư sĩ, hoặc là chuyển thành người đáng tôn trọng thuộc dòng họ cao sang. “*Hào tánh*” (豪姓) là gia tộc thuộc loại thế gia vọng tộc, đại phú đại quý. “*Hoặc vi Sát-lợi, quốc quân*” (Hoặc làm bậc Sát-lợi, vua một nước): “*Quốc quân*” (國君) là quốc vương, thân thích của quốc vương gọi là dòng Sát-lợi (Kṣatriya). “*Sát-lợi chi tộc*” chính là quý tộc.

Hoặc là làm “*Chuyển Luân thánh đế*”, [tức là] lại còn làm Chuyển Luân Thánh Vương (Cakra-vartī-rājan), đây là người có phước báo nhất trong thế gian. “*Hoặc vi Lục Dục Thiên Chúa*”: Trong tam giới có sáu tầng trời, [tỳ-kheo Pháp Tạng] có thể làm chúa tầng trời thứ

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

sáu trong Dục Giới. “*Nãi chí Phạm vương*” (Cho đến Phạm vương): Phạm vương chính là Đại Phạm Thiên Vương trong Sơ Thiên Thiên của Sắc Giới. “*Thường dĩ tứ sự, cúng dường cung kính hết thầy chư Phật*” (Thường dùng bốn món cúng dường cung kính hết thầy chư Phật). Trong nhân gian, bất luận quý vị là kẻ đại phú đại quý, làm vua một nước, hay làm Chuyển Luân Thánh Vương, đều phải cúng dường Tam Bảo, thường dùng tứ sự để cúng dường. “*Tứ sự*” là y phục, thức ăn, đồ trái nằm, thuốc men, bốn loại vật dụng dùng để cúng dường hết thầy chư Phật. “*Như thị công đức, bất khả xưng thuyết*” (Công đức như thế chẳng thể diễn tả): Cúng dường Phật nhiều, thời gian cúng dường lâu dài, rốt cuộc là đạt được bao nhiêu công đức? Chẳng thể nói kể được!

“*Khâu khí hương khiết, như Ưu Bát La hoa*” (Hơi miêng thơm, sạch, như hoa sen xanh): Đây là một quả báo đặc biệt nơi thân thể. Hơi miêng thơm tho, giống như mùi hương của hoa Ưu Bát La (Utpala, hoa sen xanh). Vì sao đạt được quả báo tốt đẹp dường ấy? Quý vị thường nói lời tốt lành, giảng kinh, thuyết pháp. “*Thân chư mao không, xuất Chiên Đàn hương*” (Các lỗ chân lông trên thân thường tỏa mùi hương Chiên Đàn): Các lỗ chân lông trên thân đều tỏa mùi thơm, có mùi hương Chiên Đàn (Chandana, Sandalwood). Mùi thơm còn “*phổ huân vô lượng thế giới*” (xông khắp vô lượng thế giới). Vì sao trên thân tỏa ra mùi thơm? Ngài vâng giữ đạo trong sạch, tự nhiên có mùi thơm ấy.

“*Dung sắc đoan chánh, tướng hảo thù diệu*” nghĩa là tướng mạo rất đoan chánh, tướng hảo lại còn rất thù thắng màu nhiệm. “*Kỳ thủ thường xuất vô tận chi bảo, y phục, ẩm thực, trân diệu hoa hương, tăng cái, tràng phan, trang nghiêm chi cụ*” (Tay Ngài thường tuôn ra vô tận của báu, y phục, thức ăn, hoa hương quý đẹp, lọng lụa, tràng phan, các vật trang nghiêm): Còn có một quả báo đặc biệt tốt đẹp, tức là trong tay xuất hiện vật báu. Nơi tay Ngài, thường xuất hiện vô tận của báu, y phục cũng xuất hiện từ nơi tay, thức ăn cũng xuất hiện từ tay, hương hoa quý đẹp cũng từ trong tay xuất hiện. Còn có “*tăng cái, tràng phan*”, Cái (蓋) là bảo cái (寶蓋, lọng báu). Tăng (繒) là những thứ the lụa tơ dệt. Dùng the lụa làm lọng báu, tràng phan, những vật trang nghiêm như thế ấy. “*Như thị đẳng sự, siêu chư thiên nhân*” (Những chuyện như thế đó vượt trội trời người): Còn tốt đẹp hơn những vật cúng dường của cõi trời.

“*U nhất thiết pháp đắc tự tại*” (Được tự tại nơi hết thầy các pháp): Nếu từ trong tay xuất hiện vô tận của báu, sẽ toàn là từ Bát Địa

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Bồ Tát trở lên. Đã đạt từ Bát Địa Bồ Tát trở lên, sẽ là tùy tâm sở dục (thuận theo lòng mong). Nếu vị Bồ Tát ấy cúng dường Phật, nghĩ muốn có hoa, vừa duỗi tay ra là đã có hoa. Muốn có hương, duỗi tay ra, từ trong hư không có thể lấy được vật cúng. Nói theo phước báo, là do trong đời quá khứ, khi Ngài làm phàm phu phát tâm cúng dường Tam Bảo vun bồi phước, vun bồi đến đời sau, phước báo to lớn. Đi đến đâu, của cải theo đến đó, xuất hiện ở bất cứ nơi đâu, không chỉ xuất hiện nơi tay, mà còn hoặc là xuất hiện nơi mặt đất, nói chung là xuất hiện ngoài thân thể.

Tiến thêm bước nữa, phước báo to lớn thì trong tay có thể hiện ra những thứ của báu. Nói đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn này của hàng Bồ Tát, nói theo phía phàm phu chúng ta, chúng ta là một đệ tử của đức Phật, biết cúng dường Tam Bảo, vậy thì chúng ta là một đệ tử xuất gia tiếp nhận tín đồ tại gia cúng dường, hãy sử dụng những tiền tài ấy vào chỗ nào? Dùng vào Tam Bảo. Tín đồ cúng dường chúng ta, vì chúng ta là người xuất gia họ mới cúng dường. Họ cúng dường Tăng, phẩm vật ấy do Tam Bảo mà có, ta sử dụng nó. Do vật phẩm ấy từ Tam Bảo mà có, ta phải dùng nó ở chỗ Phật, Pháp, Tăng. Đây chính là những thứ phẩm vật cúng dường Tam Bảo xuất hiện từ trong tay ta. Tiền tài từ trong tay ta nhận vào, ta lại đem cúng dường Tam Bảo, từ trong tay ta xuất ra, sẽ giống như trong tay ta xuất hiện tiền cúng dường! Chúng ta là phàm phu, chỉ đành làm như vậy, vậy thì quý vị đời đời kiếp kiếp tích lũy công đức, khi tu đạt đến Bát Địa Bồ Tát, sẽ có thể lấy vật phẩm cúng dường [từ trong hư không], màu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn!

2.2.2. Nói về những điều thành tựu (bồi phát nguyện, tu tập)

2.2.2.1. Nói đại lược những điều thành tựu

(Kinh) A Nan bạch Phật: - Pháp Tạng Bồ Tát, vì dĩ thành Phật nhi thủ diệt độ? Vì vị thành Phật? Vì kim hiện tại?

Phật cáo A Nan: - Pháp Tạng Bồ Tát kim dĩ thành Phật, hiện tại Tây phương, khứ thử thập vạn ức sát. Kỳ Phật thế giới, danh viết An Lạc.

A Nan hựu vấn: - Kỳ Phật thành đạo dĩ lai, vị kinh kỳ thời?

Phật ngôn: - Thành Phật dĩ lai, phàm lịch thập kiếp. Kỳ Phật quốc độ, tự nhiên thất bảo, kim, ngân, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não, hợp thành vi địa, khôi khuếch khoáng đặng, bất khả hạn cực, tất tương tạp xí, chuyển tương gián nhập, quang hách dục

thước, vi diệu kỳ lệ, thanh tịnh trang nghiêm, siêu du thập phương nhất thiết thế giới chúng bảo trung tinh. Kỳ bảo do như Đệ Lục Thiên bảo. Hựu kỳ quốc độ, vô Tu Di sơn, cập Kim Cang Vi, nhất thiết chư sơn, diệc vô đại hải, tiểu hải, khô, cù, tỉnh, cốc. Phật thân lực cố, dục kiến tắc kiến. Diệc vô địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chư nạn chi thú. Diệc vô tứ thời Xuân, Hạ, Thu, Đông, bất hàn, bất nhiệt, thường hòa điều thích.

Nhĩ thời, A Nan bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Nhược bỉ quốc độ, vô Tu Di sơn, kỳ tứ thiên vương, cập Đao Lợi Thiên, y hà nhi trụ?

Phật ngữ A Nan: - Đệ tam Viêm Thiên, nãi chí Sắc Cứu Cánh Thiên, giai y hà trụ?

A Nan bạch Phật: - Hạnh nghiệp quả báo bất khả tư nghị.

Phật ngữ A Nan: - Hạnh nghiệp quả báo, bất khả tư nghị. Chư Phật thế giới diệc bất khả tư nghị. Kỳ chư chúng sanh công đức thiện lực, trụ hạnh nghiệp chi địa, cố năng nhĩ nhĩ.

A Nan bạch Phật: - Ngã bất nghi thử pháp, đản vị tương lai chúng sanh dục trừ kỳ nghi hoặc, cố vấn tư nghĩa.

(經)阿難白佛：法藏菩薩，為已成佛而取滅度？為未成佛？為今現在？佛告阿難：法藏菩薩今已成佛，現在西方，去此十萬億剎。其佛世界，名曰安樂。阿難又問：其佛成道已來，為經幾時？佛言：成佛已來，凡歷十劫。其佛國土，自然七寶，金、銀、琉璃、珊瑚、琥珀、磔磔、碼碯，合成為地，恢廓曠蕩，不可限極。悉相雜廁，轉相間入。光赫煜爍，微妙奇麗，清淨莊嚴，超踰十方一切世界眾寶中精，其寶猶如第六天寶。又其國土，無須彌山，及金剛圍，一切諸山。亦無大海、小海，溪渠、井谷。佛神力故，欲見則見。亦無地獄、餓鬼、畜生諸難之趣。亦無四時春夏秋冬，不寒不熱，常和調適。爾時，阿難白佛言：世尊！若彼國土，無須彌山，其四天王，及忉利天，依何而住？佛語阿難：第三炎天，乃至色究竟天，皆依何住？阿難白佛：行業果報不可思議。佛語阿難：行業果報，不可思議，諸佛世界亦不可思議，其諸眾生功德善力，

住行業之地，故能爾耳。阿難白佛：我不疑此法，但為將來眾生，欲除其疑惑，故問斯義。

(Kinh: Ngài A Nan bạch Phật: - Pháp Tạng Bồ Tát là vị Phật đã thành đạo rồi hiện diệt độ? Hay là chưa thành Phật? Hay là [đang thành Phật] trong hiện tại?)

Đức Phật bảo ngài A Nan: - Pháp Tạng Bồ Tát nay đã thành Phật, hiện đang ngự tại phương Tây, cách đây mười vạn ức cõi nước. Thế giới của đức Phật ấy có tên là An Lạc.

Ngài A Nan lại hỏi: - Vị Phật ấy kể từ khi thành đạo cho đến nay đã trải qua thời gian bao lâu?

Đức Phật bảo: - Ngài thành Phật cho đến nay đã qua mười kiếp. Cõi nước Phật ấy tự nhiên do bảy báu, vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não hợp thành đất, rộng rãi mênh mông, chẳng thể có ngần mé. [Các thứ báu] đều xen lẫn, lẫn lượt chen lẫn vào nhau, chói ngời sáng rực, vi diệu, lạ lùng, tráng lệ, thanh tịnh trang nghiêm, vượt trội tinh tú của các thứ báu trong mười phương hết thảy các thế giới. Các chất báu ấy giống như chất báu trên tầng trời thứ sáu. Lại nữa, quốc độ ấy không có núi Tu Di và núi Kim Cang, Thiết Vi, hết thảy các núi, cũng chẳng có biển lớn, biển nhỏ, khe, ngòi, giếng, hang. Do Phật thần lực, nếu ai muốn thấy, sẽ trông thấy. Cũng chẳng có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, các đường hoạn nạn. Cũng chẳng có bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, chẳng lạnh, chẳng nóng, [thời tiết] luôn điều hòa, thích hợp.

Lúc bấy giờ, ngài A Nan bạch đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Nếu cõi nước ấy chẳng có núi Tu Di thì tứ thiên vương và trời Đạo Lợi nương vào đâu để trụ?

Đức Phật bảo ngài A Nan: - Tầng thứ ba là Viêm Thiên cho đến Sắc Cứu Cánh Thiên đều nương vào đâu để trụ?

A Nan bạch Phật: - Hạnh nghiệp quả báo chẳng thể nghĩ bàn!

Đức Phật bảo ngài A Nan: - Hạnh nghiệp quả báo chẳng thể nghĩ bàn! Thế giới của chư Phật cũng chẳng thể nghĩ bàn. Do công đức thiện lực của các chúng sanh ấy, trụ nơi địa vị hạnh nghiệp, cho nên có thể như vậy!

Ngài A Nan bạch Phật: - Con chẳng nghi pháp này, chỉ vì muốn trừ nghi hoặc cho chúng sanh trong tương lai nên hỏi nghĩa này).

“A Nan bạch Phật: - Pháp Tạng Bồ Tát, vì đã thành Phật nhi thủ

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

diệt độ? Vi vị thành Phật? Vi kim hiện tại?” (Ngài A Nan bạch Phật: - Pháp Tạng Bồ Tát là vị Phật đã thành đạo rồi hiện diệt độ? Hay là chưa thành Phật? Hay là đang thành Phật trong hiện tại?) Nói đến đây, đức Phật đang nói với ngài A Nan về chuyện của tỳ-kheo Pháp Tạng. “A Nan bạch Phật: - *Pháp Tạng Bồ Tát*”, hãy ghi nhớ danh tự Pháp Tạng Bồ Tát này. Kinh Vô Lượng Thọ nói về tỳ-kheo Pháp Tạng, nói đến đây bèn thay đổi danh xưng, đổi thành Bồ Tát, vì “tỳ-kheo” dùng chung cho Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa. Hơn nữa, đại đa số đều là danh xưng Tiểu Thừa. Nếu có thể hỏi Tiểu thừa Đại thì cũng có thể gọi là tỳ-kheo Đại Thừa, nhưng đại đa số đều là danh xưng Tiểu Thừa. Vì tỳ-kheo là địa vị tu nhân của A La Hán, kết quả sẽ thành A La Hán. Danh xưng Bồ Tát là gọi theo Đại Thừa. Quý vị thấy trong bộ kinh nào có Tiểu Thừa Bồ Tát? Gọi theo danh xưng Đại Thừa, Bồ Tát là địa vị tu nhân của Phật, kết quả là sẽ thành Phật. Do vậy, nếu muốn thành Phật, thì trong khi còn tu nhân, nhất định phải học theo Bồ Tát trước đã. [Bồ Tát trong] tiếng Phạn là Bồ Đề Tát Đỏa (Bodhisattva), dịch sang tiếng Hán là Giác Hữu Tình, trên là cầu đạo giác ngộ, dưới là hóa độ hữu tình. “*Hữu tình*” cũng là chúng sanh, trên cầu giác đạo, dưới hóa độ hữu tình thì gọi là Bồ Tát. Vì sao ở đây lại đổi danh xưng của Ngài thành Bồ Tát? Vì trong phần trước, đức Thích Ca Thế Tôn đã kể về công án tỳ-kheo Pháp Tạng: Tỳ-kheo Pháp Tạng đã phát Bồ Đề tâm, đã hành Bồ Tát đạo, là một vị Bồ Tát danh xưng hợp thực chất, chẳng thể gọi là tỳ-kheo nữa, phải gọi Ngài là Bồ Tát.

Tiếp đó, ngài A Nan thưa hỏi, vẫn là do nghe đức Phật Thích Ca kể về công án của Pháp Tạng Bồ Tát, [đức Phật có] nói tỳ-kheo Pháp Tạng đã thành Phật. Đã nói đến chuyện thành Phật thì chắc chắn là do Bồ Tát thành, chẳng gọi Ngài là Bồ Tát thì sẽ không thể được! Nói Ngài đã thành Phật là như thế nào? Trong phần trước [kinh văn] đã nói: “*Ư nhất thiết pháp, nhi đắc tự tại*” (Được tự tại nơi hết thảy các pháp). Phật thì mới có thể thành Pháp Vương, Vương là “*tự tại*”. Do đó, Ngài được tự tại trong hết thảy các pháp. Pháp Vương chính là Phật, cho nên nếu đã thành Phật, chắc chắn là do Bồ Tát thành, phải nên đổi danh xưng thành Bồ Tát. Ngài A Nan hỏi: “Pháp Tạng Bồ Tát là quá khứ Phật? Hay là hiện tại Phật? Hay là vị lai Phật? “*Pháp Tạng Bồ Tát vi dĩ thành Phật nhi thủ diệt độ?*” (Pháp Tạng Bồ Tát đã thành Phật rồi hiện diệt độ ư?) Tức là Ngài đã thành Phật, nhập Niết Bàn. “*Diệt độ*” từ ngữ dịch từ chữ Niết Bàn trong tiếng Phạn. Vậy thì Ngài là quá khứ Phật? “*Vi vị lai Phật?*” nghĩa là hiện thời Ngài vẫn còn là thân Bồ Tát, vẫn

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

chưa thành Phật, là một vị Phật vị lai đây chăng? “*Vi kim hiện tại?*”: Hoặc là hiện tại Phật. Ở đây là hỏi [Pháp Tạng Bồ Tát] là quá khứ Phật, vị lai Phật, hay hiện tại Phật?

“*Phật cáo A Nan: - Pháp Tạng Bồ Tát kim dĩ thành Phật*” (Đức Phật bảo ngài A Nan: - Pháp Tạng Bồ Tát nay đã thành Phật): Pháp Tạng Bồ Tát chẳng phải là quá khứ Phật, cũng chẳng phải là vị lai Phật, mà là hiện tại Phật. Tôn giả A Nan gọi Ngài là Pháp Tạng Bồ Tát đúng lắm. Đức Phật cũng gọi Ngài là Pháp Tạng Bồ Tát, vì Ngài hiện thời đã thành Phật. “*Hiện tại Tây phương, khứ thử thập vạn ức sát. Kỳ Phật thế giới, danh viết An Lạc*” (Nay đang ở phương Tây, cách đây mười vạn ức cõi. Thế giới của đức Phật ấy có tên là An Lạc). Ở đây nói giống như trong kinh A Di Đà, Ngài đã thành Phật, trụ tại nơi nào? Ở phương Tây của thế giới Sa Bà này, “*hiện tại Tây phương khứ thử*” (nay ở phương Tây, cách nơi này), chữ Thử (此) chỉ thế giới Sa Bà. Kinh A Di Đà nói “*tùng thị Tây phương*” (từ phương Tây của cõi này), chữ Thị (是) là nói đến thế giới Sa Bà. Chữ Thử ở đây cũng chỉ thế giới Sa Bà. “*Khứ thử thập vạn ức sát*” (Cách đây mười vạn ức cõi), tức là mười vạn ức cõi Phật như trong kinh A Di Đà [đã nói]. Chữ Sát (刹, Kṣetra) là thế giới, tức là nói đến một tam thiên đại thiên thế giới, tức là cõi nước giáo hóa của một vị Phật thì gọi là “*Phật sát*”. Pháp Tạng Bồ Tát đã thành Phật. “*Kỳ Phật thế giới, danh viết An Lạc*” [nghĩa là] thế giới của Ngài có tên là An Lạc.

Kinh A Di Đà dịch là Cực Lạc, có kinh dịch là An Dưỡng (安養), có kinh dịch là Thanh Thái (清泰), đều là cùng một thế giới. Trong kinh A Di Đà mà chúng ta niệm tụng, [thế giới ấy được gọi là] thế giới Cực Lạc, còn kinh Vô Lượng Thọ dịch thành thế giới An Lạc. Ở chỗ này có vấn đề hay chăng? Tôi thuận tiện thưa cùng mọi người, hiện nay là thời đại khoa học, khoa học sẽ chủ trương chứng minh bằng sự thật, chẳng được nói chuyện thần thoại, vậy thì Tây Phương Cực Lạc thế giới ở nơi đâu? Ở ngoài mười vạn ức cõi Phật, khoa học khó thể chứng minh điều này. Khi họ khó thể chứng minh, chúng ta có thể nói, có phải là khoa học vẫn còn đang trên đường tiến bộ hay không? Khoa học vẫn chưa đạt tới tột đỉnh, hãy còn phải tiến bộ hơn, còn có phát minh. Có thể là trong tương lai, khoa học sẽ phát hiện có Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng [hiện thời] các nhà khoa học chẳng có cách nào chứng minh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đây là khoa học vẫn chưa phát triển đến mức độ ấy. Vấn đề này chẳng nghiêm trọng cho lắm!

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Còn có một vấn đề nữa, vấn đề này nghiêm trọng hơn. Các nhà khoa học hiện thời đã chứng minh địa cầu tự xoay quanh nó một vòng là một ngày một đêm, tức là tự xoay quanh nó mất hai mươi bốn giờ. Như vậy thì căn bản là chẳng có chỗ nào là phương Tây hết? Chỗ nào là phương Đông? Chúng ta thường nghĩ địa cầu bất động, mặt trời chuyển động. Mặt trời mọc từ phương Đông, lặn ở phương Tây. Vậy thì chỗ mặt trời lặn là phương Tây. Hiện thời, các nhà khoa học đã chứng minh mặt trời bất động, địa cầu chuyển động, cho nên chẳng phân chia thành phương Tây hay phương Đông được! Chúng ta ngỡ chỗ này là phương Tây, xoay một vòng đã sang phương Đông, há có phương Tây? Nếu đã chẳng có phương Tây, há có thế giới Cực Lạc? Vấn đề này nghiêm trọng lắm.

Tôi giảng kinh thường nói với mọi người về vấn đề này, chúng ta chẳng thể không vâng theo kiến giải của khoa học, nó chứng minh bằng sự thật. Nhưng chúng ta phải tin tưởng kinh Phật, tận hết trí huệ, tận hết học thức của chúng ta để dung hội, quán thông những lý luận khoa học, chớ nên để khoa học lật đổ Phật học. Đây là cách lý giải nhất quán của tôi. Dốc sạch học vấn nhỏ nhoi của chúng ta để cứu vãn Phật pháp, đừng nên nói là trong thời đại khoa học liền lật nhào Phật học. Vậy thì chúng sanh làm sao đắc độ cho được? Nhưng Phật giáo chẳng phải là như những tôn giáo khác. Trong những tôn giáo khác, đứng trên lập trường tôn giáo, quý vị phải hoàn toàn phục tùng, phải hoàn toàn tin tưởng, bất kể quý vị có cảm thấy hợp lý hay không, phải nên tin tưởng! Chẳng tin tưởng, quý vị sẽ chẳng phải là tín đồ tôn giáo tin theo tôn giáo. Phật giáo không như vậy, Phật giáo có tín tâm do lý giải; đã có lý giải, quý vị mới tu hành. Đã có tu hành, quý vị còn phải chứng đắc. Chẳng phải là nói theo kiểu mê tín, cũng chẳng phải là hoàn toàn nói theo lý suông! Phải nói theo lý luận; nói theo lý luận thì mới có thể tu hành, mới có thể chứng đắc. Dùng lý luận Phật giáo để cứu vãn kiến giải sai lầm, cứu vãn như thế nào?

Trong kinh văn đã có văn từ rõ ràng, hoàn toàn chẳng cần giải thích loanh quanh! Kinh Vô Lượng Thọ nói: “*Khứ thử thập vạn ức Phật sát*” (Cách đây mười vạn ức cõi Phật). “*Khứ thử*” là nói theo thế giới Sa Bà của chúng ta, từ một Phật sát, hai Phật sát, cho đến qua khỏi mười vạn ức Phật sát. Một “*Phật sát*” là một tam thiên đại thiên thế giới, trọn chẳng phải là nói theo một quả địa cầu nhỏ bé này. Ở đây chẳng dùng theo cách nói vòng vèo, trong kinh Phật cũng chẳng có danh xưng “*tiểu địa cầu*”. Đối với địa cầu, kinh Phật cũng có một danh

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

từ chuyên môn là Nam Thiệm Bộ Châu (Jambu-dvīpa). Nó (một Phật sát) chẳng phải là nói về một Nam Thiệm Bộ Châu, mà là một cõi Phật, [hay gọi theo danh từ Phật học là] một Phật sát. Nam Thiệm Bộ Châu nếu nói rộng hơn một tí, thì kinh Phật gọi là một tiểu thế giới. [Chữ “*thế giới*” này] không phải là nói đến một “*thế giới*” [theo cách hiểu hiện thời trong thế gian] mà là nói đến một tam thiên đại thiên thế giới. Vậy là chúng ta đã xác định danh từ, “*một Phật sát*” là một tam thiên đại thiên thế giới, chẳng phải là nói đến tiểu địa cầu! Như vậy thì sẽ dễ giải thích.

Chiều theo sự giải thích của khoa học, mặt trời là một hằng tinh (恆星, còn gọi là “*định tinh*”) bất động, địa cầu tự xoay, hai mươi bốn giờ bèn xoay trọn một vòng [quanh chính nó], tức một ngày một đêm. Nó còn xoay quanh mặt trời, xoay trong ba trăm sáu mươi lăm ngày, xoay một vòng to, [thời gian ấy] được gọi là một năm. Nó xoay một vòng lớn, nhưng chẳng xoay ra khỏi phạm vi của mặt trời, nó xoay quanh mặt trời. Địa cầu chẳng xác định là phương Đông hay phương Tây, nhưng mặt trời thì có. Vì sao? Vì mặt trời bất động. Như vậy thì kinh Phật nói một tam thiên đại thiên thế giới có trăm ức mặt trời, mặt trăng. Hiện thời, dựa theo sự chứng minh của các nhà khoa học, chỉ nói theo mặt trời, sẽ có một trăm ức mặt trời. Một trăm ức mặt trời hợp lại sẽ là một tam thiên đại thiên thế giới. Một vàng mặt trời bất động, một trăm ức mặt trời đều bất động, chúng ở trong hư không, có vị trí cố định, tức là mỗi tam thiên đại thiên thế giới đều có một vị trí cố định. Đã có vị trí cố định, sẽ có bốn phương hướng Đông, Nam, Tây, Bắc cố định. Vàng mặt trời này bất động, một trăm ức mặt trời bất động, cũng có nghĩa là thế giới Sa Bà bất động. Nó có phương Đông và phương Tây cố định. Từ thế giới Sa Bà này đi về phương Tây, qua một cõi Phật, hai cõi Phật, qua khỏi mười vạn ức cõi Phật, thế giới ở nơi ấy là Tây Phương Cực Lạc thế giới, quyết định sẽ chẳng sai lầm!

Còn có một vấn đề nghiêm trọng nữa, chẳng phải là các nhà khoa học bác bỏ Phật giáo, cũng chẳng phải là những bài văn chương phát biểu trên các tạp chí khoa học, mà là văn chương phát biểu trên các tạp chí Phật giáo của chúng ta, lại còn là văn chương do một vị pháp sư viết ra, cho rằng “chẳng có Tây Phương Cực Lạc thế giới”. Nói kiểu ấy tức là đả đảo Tịnh Độ Tông. Hiện nay là thời đại Mạt Pháp, tám vạn bốn ngàn pháp môn khác đều chẳng tu được, phải cậy vào pháp môn này để độ chúng sanh. Biển khổ sóng cuộn cuộn, trong biển khổ sóng cuộn trào, chỉ còn sót lại một con thuyền này để độ chúng sanh. Vị

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

pháp sư ấy muốn đập nát con thuyền độc nhất vô nhị ấy, chúng sanh chẳng đều rơi xuống biển khổ ư? Vấn đề này chẳng phải là quá nghiêm trọng hay sao? Hiện thời, có những kẻ hoàn toàn là phường đại tà kiến gọi vị pháp sư ấy là “đại pháp sư”, nói thẳng ra là pháp sư bại hoại! Nay chúng tôi chẳng tranh biện với ông ta, mà là thuận tiện thừa trình cùng mọi người một phen. Mọi người đều nghiên cứu kinh Phật thì trong thời đại khoa học, Phật lý có phù hợp với những sự thật được khoa học chứng minh hay không? Hãy dựa trên học vấn và trí huệ của chúng ta để dung hội quán thông những điều ấy, đừng để cho khoa học đả đảo Phật giáo. Đây là sai lầm to lớn, mà cũng là đại tà kiến dối mình lừa người.

“*A Nan hựu vấn: - Kỳ Phật thành đạo dĩ lai, vị kinh kỷ thời?*” (Ngài A Nan lại hỏi: - Đức Phật ấy thành đạo đến nay, đã trải qua bao lâu?) Đức Phật Thích Ca bảo Ngài: Tỳ-kheo Pháp Tạng đã thành Phật, nay Pháp Tạng Bồ Tát đã thành Phật. Ngài A Nan lại hỏi: “Ngài đã thành Phật, ở trong thế giới An Lạc, vậy thì Ngài đã thành Phật bao lâu rồi?” “*Phật ngôn: - Thành Phật dĩ lai, phạm lịch thập kiếp*” (Đức Phật nói: - [Pháp Tạng Bồ Tát] thành Phật đến nay đã qua mười kiếp). Điều này nói giống như trong kinh A Di Đà, Ngài thành Phật tới nay vừa mới trải qua mười đại kiếp. Trong thế giới Sa Bà, Thích Ca Mâu Ni Phật trụ thế tổng cộng tám mươi năm, thành Phật, thuyết pháp mới bốn mươi chín năm bèn nhập Niết Bàn. Mười đại kiếp quá lâu dài, nhưng vị Phật này có đức hiệu là Vô Lượng Thọ Phật, nên mười đại kiếp cũng giống như vừa mới thành Phật vài ngày! Đoạn kinh văn kể tiếp nói rõ sự trang nghiêm nơi y báo trong quốc độ Tây Phương Cực Lạc thế giới, đoạn kinh văn này dễ hiểu!

“*Kỳ Phật quốc độ, tự nhiên thất bảo, kim, ngân, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não*” (Cõi nước Phật ấy tự nhiên bảy báu, vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não): Tên gọi của bảy báu chẳng giống như kinh A Di Đà đã nói. Đây là do nói thuận theo danh xưng của bảy thứ báu mà chúng ta biết. Trên thực tế, bảy báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới và bảy báu mà chúng ta thấy hoàn toàn chẳng thể nói là giống như nhau được. Thứ nhất là vàng ròng, thứ hai là bạc trắng, thứ ba là lưu ly (vaiḍūrya), dịch sang tiếng Hán là Thanh Sắc Bảo, tức là một loại đá quý có màu xanh nước biển. Thứ tư là san hô (sanga), thứ năm là hổ phách, thứ sáu là xa cừ (musāragalva), thứ bảy là mã não (āsmagarbha). “*Hợp thành vi địa*” (Hợp thành đất), từ bảy món báu hợp lại thành đại địa của một quốc độ. Ở đây nói chẳng giống

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

như trong kinh A Di Đà cho lắm. Theo kinh A Di Đà, “hoàng kim vi địa” (vàng ròng làm đất), mà cũng chẳng giống với Thập Lục Quán Kinh. Thập Lục Quán Kinh dạy chúng ta mười sáu phép quán tưởng, [theo đó], lưu ly làm đất. Do điều này, ta biết Tây Phương Cực Lạc thế giới là do bảy báu kết hợp thành đại địa. Trông thấy là vàng ròng, sẽ là “vàng ròng làm đất”. Trông thấy là lưu ly, sẽ là “lưu ly làm đất”. Trên thực tế là do bảy báu tạo thành, bảy báu hợp thành đại địa.

“*Khôì khuếch khoáng đặng, bất khả hạn cực*” (Rộng rãi mênh mông, chẳng có ngần hạn tột cùng) là nói về không gian rộng lớn của Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Khôì khuếch khoáng đặng*”: Hình dung không gian rộng lớn trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Bất khả hạn cực*”: Chẳng thể dùng giới hạn để hình dung nó rộng lớn đến đâu, rộng cỡ nào? Dài như thế nào? Chẳng thể hạn định. Câu “*tất tương tạp xí, chuyển tương gián nhập*” hình dung bảy báu [kết hợp] làm đất. “*Tất tương tạp xí*” là bảy thứ báu xen lẫn với nhau tại một chỗ, lại còn xen lẫn rất dễ nhìn, xen cài vào nhau, miếng này là hoàng kim, miếng kia là bạch ngân, miếng nọ là lưu ly khảm vào. “*Gián nhập*” (間入) là xen kẽ, đan cài vào nhau hết sức trang nghiêm.

“*Quang hách dục thước, vi diệu kỳ lệ*” (Chói lòa, rực rỡ, vi diệu, lạ lùng, hoa lệ): Bảy báu xen lẫn tạo thành đại địa, đại địa có thể phóng quang. [“*Quang hách*” tức là] quang minh hách hách (chói lòa). “*Hách hách*” (赫赫, chói lòa) là quang minh to lớn. “*Dục thước*” (煜爍) vẫn là quang minh to lớn. Bốn chữ này (“*quang hách dục thước*”) nhằm diễn tả quang minh to lớn. Lại còn “*vi diệu kỳ lệ*”, hết sức đẹp mắt; đẹp mắt như thế nào, chẳng thể diễn tả được, chỉ đành dùng “*vi diệu kỳ lệ*” để hình dung. Lại còn “*thanh tịnh trang nghiêm, siêu du thập phương nhất thiết thế giới chúng bảo trung tinh*” (thanh tịnh trang nghiêm, vượt trội tinh tú của các thứ báu trong mười phương hết thảy các thế giới). Trong phần trước đã từng nói, đây là chọn lựa [những ưu điểm] từ hai trăm mười ức Tịnh Độ của chư Phật để tạo thành thế giới Cực Lạc. Do đó, nó vượt trội các thế giới của hết thảy chư Phật trong mười phương. “*Chúng bảo trung tinh*” (Tinh tú của các thứ báu): Bảy báu nơi đại địa là tinh hoa của các thứ báu.

“*Kỳ bảo do như Đệ Lục Thiên bảo*”, [có nghĩa là] không chỉ chẳng phải là bảy báu trong nhân gian, mà ngay cả thiên bảo (chất báu cõi trời) trong tầng trời thứ sáu của Dục Giới, tức là Tha Hóa Tự Tại Thiên trong Dục Giới, cũng chỉ là “*do như*” (猶如, giống như, ví như), [ý nói] dường như là thiên bảo của tầng trời thứ sáu, chứ trên thực tế,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

chúng cũng chẳng phải là chất báu cõi trời của tầng trời thứ sáu. Vì sao? Chúng vượt trời hết thấy các thế giới của chư Phật trong mười phương. Vì sao nói là giống như chất báu cõi trời trên tầng trời thứ sáu? Vì đức Phật đã thuyết pháp ở Tha Hóa Tự Tại Thiên, các đệ tử có thần thông đều từng đến đó, ai nấy đều trông thấy bảy báu trong Tha Hóa Tự Tại Thiên quá tốt đẹp. Trên thực tế, bảy báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới còn vượt trời hơn, vượt trời quá nhiều!

“*Hựu kỳ quốc độ, vô Tu Di sơn, cập Kim Cang Vi, nhất thiết chư sơn*” (Lại nữa, quốc độ ấy chẳng có núi Tu Di, và Kim Cang, Thiết Vi, hết thấy các núi). Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có núi, chẳng có núi Tu Di, chẳng có núi Kim Cang, Thiết Vi, hết thấy các núi đều chẳng có. “*Diệc vô đại hải, tiểu hải, khe, cù, tinh, cốc*”, nghĩa là cũng chẳng có biển lớn, biển nhỏ, cũng chẳng có khe, ngòi, lạch nước, giếng nước, hang hóc, “*cốc*” (谷) ở đây là hang núi, thấy đều chẳng có! “*Phật thần lực cố, dục kiến tắc kiến*”, nghĩa là: Chúng sanh do nhân duyên khác nhau, quý vị muốn thấy núi, thấy biển, cũng đều có thể thấy. Đây là do sức oai thần của Phật biến hiện, chứ thật sự chẳng có núi, mà cũng chẳng có biển. “*Diệc vô địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chư nạn chi thú*” (Cũng chẳng có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, các đường hoạn nạn). “*Thú*” (趣) là đường. [Câu này nhằm nói thế giới Cực Lạc] chẳng có ba ác đạo, tức là chẳng có ba ác thú, tức địa ngục thú, ngạ quỷ thú, và súc sanh thú. Đây đều là những nơi chúng sanh chịu nạn, chẳng có “*chư nạn chi thú*” (các đường hoạn nạn), tức là chẳng có ba ác đạo. “*Diệc vô tứ thời Xuân, Thu, Đông, Hạ, bất hàn, bất nhiệt, thường hòa điều thích*”, nghĩa là khí hậu chẳng lạnh, chẳng nóng, chẳng có Xuân, Hạ, Thu, Đông, bốn mùa hết sức điều hòa, hết sức thích đáng, khí hậu rất thích hợp.

“*Nhĩ thời, A Nan bạch Phật ngôn: - Thế Tôn, nhược bỉ quốc độ, vô Tu Di sơn, kỳ tứ thiên vương, cập Đao Lợi Thiên, y hà nhi trụ?*” (Lúc bấy giờ, ngài A Nan bạch Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Nếu quốc độ ấy không có núi Tu Di, tứ thiên vương và trời Đao Lợi sẽ nương vào đâu để trụ?) Đức Phật Thích Ca đang tán thán sự trang nghiêm thanh tịnh của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Khi ấy, ngài A Nan liền hỏi chen vào một câu: “Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có núi Tu Di, [vậy thì] tứ thiên vương và trời Đao Lợi sẽ trụ ở chỗ nào?” Trời chia thành tam giới: Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới; nhưng trong thế giới này, mỗi tiểu thế giới đều có một núi Tu Di. Tu Di là một quả núi, trên núi Tu Di có hai tầng trời, tầng thứ nhất là Tứ Thiên Vương Thiên

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

(Cātummahārājika), tầng thứ hai là Đạo Lợi Thiên (Trāyastriṃśa). Dục Giới có sáu tầng trời, tầng thứ nhất là Tứ Thiên Vương Thiên, [vì trong tầng trời này] có bốn vị đại thiên vương, ở eo núi Tu Di. Trên đỉnh núi Tu Di là nơi Đạo Lợi Thiên Vương an trụ. Hai tầng trời này được gọi là Địa Cư Thiên, chúng ở trên cao, nhưng vẫn ở trên núi, chẳng rời khỏi đại địa, nên gọi là Địa Cư Thiên (地居天). Đạt đến tầng trời thứ ba thì gọi là Không Cư Thiên (空居天), đã ở trong hư không. Tôn giả A Nan bèn hỏi: “Thế giới Cực Lạc chẳng có núi Tu Di, nhưng nó có thiên giới và nhân giới. Có thiên giới thì Tứ Thiên Vương Thiên trụ ở nơi đâu? Đạo Lợi Thiên trụ ở nơi đâu?”

“*Phật ngữ A Nan: - Đệ tam Viêm Thiên, nãi chí Sắc Cứu Cánh Thiên, giai y hà trụ?*” (Đức Phật bảo ngài A Nan: - Tầng trời thứ ba là Viêm Thiên cho đến Sắc Cứu Cánh Thiên đều nương vào đâu?) “*Đệ tam Viêm Thiên*” còn dịch là Dạ Ma Thiên (Yāma). Thật ra, từ Dạ Ma Thiên trở lên, đều lơ lửng trên hư không, đều gọi là Không Cư Thiên. [Đức Phật hỏi ngược lại]: Này A Nan! Ông hỏi Tứ Thiên Vương Thiên và Đạo Lợi Thiên chẳng có núi Tu Di, sẽ chẳng có chỗ để cư trụ? Vậy thì tầng trời thứ ba là Viêm Thiên còn gọi là Dạ Ma Thiên sẽ ở chỗ nào? Thậm chí nếu vượt lên cao hơn, tầng thứ tư là Đâu Suất Thiên (Tushita), tầng thứ năm là Hóa Lạc Thiên (Nirmānarati), tầng thứ sáu là Tha Hóa Tự Tại Thiên (Parinirmita-vaśavartin), vượt khỏi Dục Giới, trên đó là Sắc Giới, còn có mười tám tầng trời. Tầng cao nhất là Sắc Cứu Cánh Thiên (Akaniṣṭha, A Ca Ni Trá Thiên), chúng đều trụ ở chỗ nào? Chúng đều chẳng ở trên núi!

“*A Nan bạch Phật: Hạnh nghiệp quả báo bất khả tư nghị!*” (Ngài A Nan bạch cùng đức Phật: - Hạnh nghiệp quả báo chẳng thể nghĩ bàn): Rời khỏi núi thì còn có thể trụ vào đâu? Trụ trong hư không. Những gì họ đã tạo là hạnh nghiệp trụ trong hư không. Đây là cái nhân, cho nên quả báo của họ là trụ trong hư không. Có thể trụ như thế, đây là hạnh nghiệp chẳng thể nghĩ bàn, quả báo chẳng thể nghĩ bàn.

“*Phật ngữ A Nan: - Hạnh nghiệp quả báo bất khả tư nghị, chư Phật thế giới diệc bất khả tư nghị*” (Đức Phật bảo ngài A Nan: - Quả báo của hạnh nghiệp chẳng thể nghĩ bàn, các thế giới của chư Phật cũng chẳng thể nghĩ bàn); ý nói: Quả báo của Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng là chẳng thể nghĩ bàn! “*Kỳ chư chúng sanh công đức thiện lực, trụ hạnh nghiệp chi địa, cố năng nhĩ nhĩ*” (Do công đức thiện lực của chúng sanh trụ nơi địa vị hạnh nghiệp, nên có thể được như vậy), nghĩa là chúng sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đáng nên

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

chuyên sanh vào đường nào trong thiên đạo? Dựa vào công đức, dựa vào thiện lực của họ, do trụ nơi địa vị hạnh nghiệp của họ, họ có thể ở trên hư không trong thế giới Cực Lạc.

“A Nan bạch Phật: - Ngã bất nghi thử pháp, đản vị tương lai chúng sanh, dục trừ kỳ nghi hoặc, cố vân tư nghĩa” (Ngài A Nan bạch Phật: - Con chẳng nghi pháp này, chỉ vì muốn trừ nghi hoặc cho chúng sanh trong tương lai, nên hỏi nghĩa này): Con sợ sau khi đức Thế Tôn nhập Niết Bàn, chúng sanh trong tương lai, nhất là chúng sanh trong thời đại Mạt Pháp, nghe nói tầng trời thứ nhất và tầng trời thứ hai đều ở trên núi Tu Di, nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có núi Tu Di, sẽ dấy lên nỗi ngờ vực, nên bèn tiện dịp hỏi luôn, xin đức Phật giải thích, khiến cho trong tương lai, chúng sanh sẽ chẳng vì chuyện nhỏ nhặt này mà sanh lòng ngờ vực. Hễ sanh lòng ngờ vực, họ sẽ chẳng tin tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phát nguyện vãng sanh.

Hiểu đạo lý này, ngài A Nan hỏi đức Phật là hỏi thay cho chúng ta. Đức Phật bèn nói ra đạo lý: “Nghiệp lực của chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn!” Chúng tôi thuận tiện nói mấy câu về sự thật khoa học. Khoa học phát hiện địa cầu xoay vòng trong hư không, địa cầu to ngàn ấy, vì sao nó có thể xoay vòng trong hư không? Đương nhiên là các nhà khoa học có đủ mọi cách giải thích, mặt trời có sức hút, địa cầu có sức gì? Cả một đống lớn các thứ lực, nhưng vẫn chẳng phát hiện nghiệp lực của chúng sanh! Kinh Phật nói: Vì nghiệp nhân do chúng sanh đã tạo, họ đạt được quả báo cũng là chẳng thể nghĩ bàn!

2.2.2.2. Nói rộng về những điều thành tựu

2.2.2.2.1. Nói về Phật thân

(Kinh) Phật cáo A Nan: - Vô Lượng Thọ Phật, oai thần quang minh, tối tôn đệ nhất, chư Phật quang minh, sở bất năng cập, hoặc chiếu bách Phật thế giới, hoặc thiên Phật thế giới. Thủ yếu ngôn chi, nãi chiếu Đông phương hằng sa Phật sát. Nam, Tây, Bắc phương, tứ duy, thượng hạ, diệc phục như thị. Hoặc hữu Phật quang chiếu u thất xích, hoặc nhất do-tuần, nhị, tam, tứ, ngũ do-tuần, như thị chuyển bội, nãi chí chiếu nhất Phật sát. Thị cố Vô Lượng Thọ Phật, hiệu Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, Vô Đối Quang Phật, Viêm Vương Quang Phật, Thanh Tịnh Quang Phật, Hoan Hỷ Quang Phật, Trí Huệ Quang Phật, Bất Đoạn Quang Phật, Nan Tư Quang Phật, Vô Xưng Quang Phật, Siêu Nhật

Nguyệt Quang Phật. Kỳ hữu chúng sanh ngộ tư quang giả, tam cầu tiêu diệt, thân ý nhu nhuyễn, hoan hỷ dưng được, thiện tâm sanh yên. Nhược tại tam đồ cực khổ chi xứ, kiến thử quang minh, giai đắc hưu tức, vô phục khổ não. Thọ chung chi hậu, giai môn giải thoát. Vô Lượng Thọ Phật, quang minh hiển hách, chiếu diệu thập phương. Chư Phật quốc độ, mạc bất văn yên. Bất dẫn ngã kim xưng kỳ quang minh, nhất thiết chư Phật, Thanh Văn, Duyên Giác, chư Bồ Tát chúng, hàm cộng tán dự, diệc phục như thị. Nhược hữu chúng sanh, văn kỳ quang minh oai thần công đức, nhật dạ xưng thuyết, chí tâm bất đoạn, tùy ý sở nguyện, đắc sanh kỳ quốc, vị chư Bồ Tát, Thanh Văn chi chúng, sở cộng tán dự, xưng kỳ công đức. Chí kỳ tối hậu đắc Phật đạo thời, phổ vị thập phương chư Phật, Bồ Tát tán kỳ quang minh, diệc như kim dã.

Phật ngôn: - Ngã thuyết Vô Lượng Thọ Phật quang minh oai thần, nguy nguy thù diệu, trú dạ nhất kiếp, thượng vị năng tận.

Phật ngữ A Nan: - Hựu Vô Lượng Thọ Phật, thọ mạng trường cửu bất khả xưng kể, nhữ ninh tri hồ? Giả sử thập phương thế giới vô lượng chúng sanh, giai đắc nhân thân, tất linh thành tựu Thanh Văn, Duyên Giác, đồ cộng tập hội, thiền tư nhất tâm, kiệt kỳ trí lực, v bách thiên vạn kiếp, tất cộng suy toán, kể kỳ thọ mạng trường viễn chi số, bất năng cùng tận, tri kỳ hạn cực.

(經)佛告阿難：無量壽佛，威神光明，最尊第一，諸佛光明，所不能及。或照百佛世界，或千佛世界，取要言之，乃照東方恆沙佛剎。南西北方，四維上下，亦復如是。或有佛光照於七尺，或一由旬，二三四五由旬，如是轉倍，乃至照一佛剎。是故無量壽佛，號無量光佛、無邊光佛、無礙光佛、無對光佛、炎王光佛、清淨光佛、歡喜光佛、智慧光佛、不斷光佛、難思光佛、無稱光佛、超日月光佛。其有眾生遇斯光者，三垢消滅，身意柔輭，歡喜踊躍，善心生焉。若在三塗極苦之處，見此光明，皆得休息，無復苦惱。壽終之後，皆蒙解脫。無量壽佛，光明顯赫，照耀十方。諸佛國土，莫不聞焉。不但我今稱其光明，一切諸佛、聲聞、緣覺、諸菩薩眾，咸共歎譽，亦復如是。若有眾生，聞其光明威神功德，日夜稱說，至心不斷，

隨意所願，得生其國。為諸菩薩、聲聞之眾，所共歎譽，稱其功德。至其最後得佛道時，普為十方諸佛菩薩歎其光明，亦如今也。佛言：我說無量壽佛光明威神，巍巍殊妙，晝夜一劫，尚未能盡。佛語阿難：又無量壽佛，壽命長久，不可稱計，汝寧知乎？假使十方世界無量眾生，皆得人身，悉令成就聲聞、緣覺，都共集會，禪思一心，竭其智力，於百千萬劫，悉共推算，計其壽命長遠之數，不能窮盡，知其限極。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài A Nan: - Vô Lượng Thọ Phật oai thần quang minh tôn quý bậc nhất, quang minh của chư Phật đều chẳng thể sánh bằng, hoặc chiếu một trăm thế giới Phật, hoặc một ngàn thế giới Phật. Nói chung, có thể chiếu hàng sa côi Phật ở phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên dưới, cũng giống như thế. Hoặc có Phật quang chiếu xa bảy thước, hoặc một do-tuần, hai, ba, bốn, năm do-tuần, lần lượt gấp nhiều lần như thế, cho đến chiếu thấu một côi Phật. Vì thế, Vô Lượng Thọ Phật hiệu là Vô Lượng Quang Phật, Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, Vô Đối Quang Phật, Viêm Vương Quang Phật, Thanh Tịnh Quang Phật, Hoan Hỷ Quang Phật, Trí Huệ Quang Phật, Bất Đoạn Quang Phật, Nan Tư Quang Phật, Vô Xưng Quang Phật, Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật. Nếu có chúng sanh gặp quang minh ấy, Tam Cầu tiêu diệt, thân ý mềm mại, hoan hỷ, hớn hỏ, thiện tâm sanh khởi. Nếu ở trong chỗ tam đồ khổ sở cùng cực, thấy quang minh ấy đều được nghỉ ngơi không còn khổ nữa. Sau khi thọ chung đều được giải thoát. Vô Lượng Thọ Phật quang minh sáng rực, chiếu ngời mười phương. Các côi nước của chư Phật không ai chẳng nghe thấy. Không chỉ riêng ta nay khen ngợi quang minh của Ngài, mà hết thảy chư Phật, Thanh Văn, Duyên Giác, các vị Bồ Tát đều cùng khen ngợi, cũng giống như thế. Nếu có chúng sanh nghe oai thần và công đức nơi quang minh của Ngài, ngày đêm xưng nói, chí tâm chẳng ngơi, tùy theo ý nguyện, được sanh về nước ấy, được các vị Bồ Tát và Thanh Văn đều cùng khen ngợi, xưng dương công đức của người ấy. Cho đến cuối cùng, khi thành Phật đạo, sẽ được khắp mười phương chư Phật, Bồ Tát tán thán quang minh [của vị Phật ấy] cũng giống như [chư Phật, Bồ Tát đang tán thán quang minh của A Di Đà Phật] trong hiện thời.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Đức Phật nói: - Ta nói quang minh và oai thần lồng lộng đặc biệt nhiệm màu của Vô Lượng Thọ Phật đều nói suốt ngày đêm trọn cả một kiếp vẫn chưa thể nói hết.

Đức Phật bảo ngài A Nan: - Hơn nữa, Vô Lượng Thọ Phật thọ mạng lâu dài chẳng thể tính kể, ông có biết hay không? Giả sử vô lượng chúng sanh trong mười phương thế giới đều được làm thân người, thầy đều thành tựu Thanh Văn, Duyên Giác đều cùng nhóm họp lại, Thiên Định nhất tâm, dốc cạn hết trí lực trong trăm ngàn vạn kiếp, đều cùng nhau suy lường, tính toán để tìm ra số lượng của thọ mạng dài lâu ấy, vẫn chẳng thể cùng tận, biết được ngần hạn ấy).

Đức Phật bảo ngài A Nan: “*Vô Lượng Thọ Phật, oai thần quang minh, tối tôn đệ nhất*” (Oai thần và quang minh của Vô Lượng Thọ Phật tôn quý bậc nhất): Trong phần trước, đức Phật bảo ngài A Nan, phương Tây có thế giới Cực Lạc, còn gọi là An Lạc. Pháp Tạng Bồ Tát hiện thời đã thành tựu thế giới An Lạc. Đức Phật ấy có danh tự là gì, chưa nhắc đến; ở đây liền nói ra, Ngài tên là Vô Lượng Thọ Phật. Vô Lượng Thọ Phật là đức hiệu khi Pháp Tạng Bồ Tát thành Phật, oai đức, thần thông, quang minh tôn quý bậc nhất, vượt trội hết thảy chư Phật. “*Chư Phật quang minh, sở bất năng cập*” nghĩa là quang minh của chư Phật đều chẳng thể sánh bằng quang minh của Vô Lượng Thọ Phật. “*Hoặc chiếu bách Phật thế giới, hoặc thiên Phật thế giới*” (Hoặc chiếu một trăm thế giới Phật, hoặc một ngàn thế giới Phật). “*Thủ yếu ngôn chi*” là nói vắn tắt, “*nãi chiếu Đông phương hằng hà sa số Phật sát thế giới*” (bèn chiếu hằng hà sa số Phật sát thế giới ở phương Đông). “*Nam, Tây, Bắc phương*”: Phương Nam, phương Tây và phương Bắc. “*Tứ duy*” (四維) là bốn góc, tức Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc. “*Thượng hạ*”: Phương trên, phương dưới, [các phương ấy] hợp thành mười phương chư Phật thế giới, “*diệc phục như thị*” (cũng giống như thế). Quang minh của các vị Phật khác rất lớn, nhưng vẫn có số lượng, chẳng thể gọi là Vô Lượng Quang. Quang minh của Vô Lượng Thọ Phật tôn quý nhất, Ngài có vô lượng quang minh, không thể dùng con số để nói rõ được.

“*Hoặc hữu Phật quang chiếu ư thất xích, hoặc nhất do-tuần, nhị, tam, tứ, ngũ do-tuần, như thị chuyển bội, nãi chí chiếu nhất Phật sát*” (Hoặc có Phật quang chiếu xa bảy thước, hoặc một do-tuần, hai, ba, bốn, năm do-tuần, lần lượt tăng gấp nhiều lần như thế, cho đến chiếu suốt một cõi Phật): “*Do-tuần*” (Yojanā) dịch sang tiếng Hán là “*dịch*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

trạm” (驛站), “*dịch*” (驛) là ruồi ngựa. Chánh phủ muốn chuyên công văn tới khẩn cấp, ngựa chạy hết khoảng đường giữa hai trạm thì gọi là một do-tuần. Hiện thời chẳng ruồi ngựa để chuyên công văn, thời hiện tại bèn nói khoảng cách giữa hai trạm xe là một do-tuần, mọi người sẽ dễ liễu giải điều này: Trạm xe lửa. Theo cách đo lường của Ấn Độ, tiểu do-tuần là bốn mươi dặm, trung do-tuần là sáu mươi dặm, đại do-tuần là tám mươi dặm. Ở đây nói, Phật quang có thể chiếu xa một do-tuần, [tức là] chiếu xa tám mươi dặm, hoặc là chiếu xa hai do-tuần, ba do-tuần, bốn do-tuần, năm do-tuần. “*Như thị chuyển bội*” (Gấp nhiều lần như thế), hoặc là chiếu mười do-tuần, hai mươi do-tuần. “*Nãi chí chiếu nhất Phật sát*” (Cho đến chiếu thấu một cõi Phật), tức là thậm chí chiếu thấu một tam thiên đại thiên thế giới. Đây là nói về Phật quang khá nhỏ!

“*Thị cố Vô Lượng Thọ Phật, hiệu Vô Lượng Quang Phật*” (Do vậy, Vô Lượng Thọ Phật hiệu là Vô Lượng Quang Phật): Vì không thể nói rõ quang minh của Ngài chiếu xa, chiếu rộng dường nào; do đó, từ xưa, Vô Lượng Thọ Phật lại được gọi là Vô Lượng Quang Phật. Trước hết nói đến quang minh của Ngài rồi nói đến các đức hiệu của Ngài. “*Vô Biên Quang Phật*”: Đức Phật có quang minh chẳng có chừng hạn. “*Vô Ngại Quang Phật*”: Đức Phật có quang minh chẳng có chướng ngại. “*Vô Đối Quang Phật*”: Chẳng có quang minh nào có thể so sánh với quang minh của Ngài. “*Viêm Vương Quang Phật*”: Vua trong các quang minh. “*Thanh Tịnh Quang Phật*”: Quang minh thanh tịnh nhất. “*Hoan Hỷ Quang Phật*”: Có thể làm cho chúng sanh trông thấy quang minh của Ngài liền sanh lòng hoan hỷ. “*Trí Huệ Quang Phật*”: Chúng sanh trông thấy quang minh của A Di Đà Phật, có thể sanh ra trí huệ. “*Bát Đoạn Quang Phật*”: Quang minh chẳng gián đoạn. “*Nan Tư Quang Phật*”: Đức Phật có quang minh chẳng thể nghĩ bàn. “*Vô Xưng Quang Phật*”: Tán thán quang minh của Phật chẳng thể diễn nói trọn hết được! “*Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật*”: Vượt trời ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. Tổng cộng gồm mười hai đức hiệu, đều tán thán quang minh Phật.

Ở chỗ này, chúng tôi nói kèm thêm: Trong Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương, Đại Thế Chí Bồ Tát học pháp môn Niệm Phật, đặc Niệm Phật tam-muội. Ngài tự nói: Tôi thưở ban đầu thân cận Vô Lượng Quang Phật, cho đến cuối cùng là thân cận Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật, mười hai vị Như Lai ấy nối tiếp nhau xuất hiện trong một kiếp. Ngài ở trước mười hai vị Như Lai ấy học pháp

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

môn Niệm Phật, đặc Niệm Phật tam-muội. Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương mở đầu nói đến Vô Lượng Quang Phật, vị cuối cùng là Siêu Nhật Nguyệt Như Lai, mười vị trong khoảng giữa [danh hiệu là gì] không ai biết, nhưng kinh Vô Lượng Thọ nói vừa khéo mười hai vị, lại còn vừa khéo là vị thứ nhất tên là Vô Lượng Quang Phật, vị thứ mười hai là Siêu Nhật Nguyệt Quang Phật, chắc chắn là mười hai vị Phật này! Nhưng có một chỗ không phù hợp cho lắm là Niệm Phật Viên Thông Chương nói như thế này: Mười hai vị Như Lai ấy nối tiếp nhau xuất thế trong cùng một kiếp, còn ở đây nói là mười hai đức hiệu của Phật, [đều là đức hiệu của cùng một vị] Vô Lượng Thọ Phật, mà Ngài cũng là Phật A Di Đà. Chẳng hề nói đức Phật này nhập Niết Bàn rồi một vị Phật khác xuất thế.

Chúng ta dung hội quán thông một phen, Đại Thế Chí Bồ Tát thấy mười hai vị Phật ấy là trông thấy trong thời gian “*một đại kiếp*”, có thể vẫn là thấy một đức Phật A Di Đà. Vì sao? Đại Thế Chí Bồ Tát có căn cơ riêng, trong thời gian một đại kiếp, Ngài đáng nên trông thấy mười hai vị Phật, A Di Đà Phật bèn thị hiện cho Ngài có tánh chất thời gian. Chuyện này nên nói như thế nào? Trong phần trước, [chánh kinh] đã nói thế giới Cực Lạc chẳng có núi, chẳng có biển, chúng sanh nếu muốn thấy núi, nếu muốn thấy biển, A Di Đà Phật sẽ thị hiện núi, thị hiện biển. Ngài thị hiện thuận theo căn cơ. Trong thời gian một đại kiếp, Đại Thế Chí đáng nên trông thấy mười hai vị Phật để đặc Niệm Phật tam-muội, A Di Đà Phật bèn vì Bồ Tát thị hiện. Điều này có nghĩa là mười hai vị Phật trong một đại kiếp trên thực tế vẫn là một vị Phật A Di Đà.

“*Kỳ hữu chúng sanh ngộ tư quang giá, Tam Cấu tiêu diệt, thân ý nhu nhuyễn, hoan hỷ, dũng dục, thiện tâm sanh yên*” (Nếu có chúng sanh gặp quang minh ấy, Tam Cấu tiêu diệt, thân ý mềm mại, hoan hỷ, hớn hở, thiện tâm sanh khởi): Vô Lượng Thọ Phật còn có tên là Vô Lượng Quang Phật. Chúng sanh nào hữu duyên, gặp quang minh ấy, “*Tam Cấu tiêu diệt*”, ba căn bản phiền não tham, sân, si được gọi là Tam Cấu, thấy đều tiêu trừ, đoạn trừ phiền não. “*Thân ý nhu nhuyễn*”: Thân và tâm của quý vị thấy đều mềm dịu. “*Hoan hỷ dũng dục*”: Trong phần trước, [kinh văn đã nhắc đến danh hiệu] Hoan Hỷ Quang Phật. Chúng sanh đều hoan hỷ, hết sức hoan hỷ thì gọi là “*hoan hỷ dũng dục*”. “*Thiện tâm sanh yên*” (Thiện tâm sanh khởi): Có sao thiện tâm sanh khởi? Đoạn trừ ác tâm, Tam Cấu tham, sân, si đã tiêu diệt, tự nhiên sanh ra thiện tâm. Đây là nói về chúng sanh trong nhân

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

loại, lại nói tới chúng sanh trong tam ác đạo.

“*Nhược tại tam đồ*” (Nếu ở trong tam đồ), ba ác đạo là Tam Đồ. “*Cực khổ chi xứ*” (Chỗ khổ sở tột bậc) là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. “*Kiến thử quang minh*” (Thấy quang minh này) [nghĩa là] có thể thấy quang minh của Vô Lượng Quang Phật. “*Giai đắc hựu tức*” (Đều được ngơi nghỉ): Họ đau khổ. Nhất là nỗi đau khổ trong địa ngục ngày đêm sáu thời chẳng hề ngưng nghỉ. Nếu họ gặp quang minh của Phật, sẽ có thể ngưng nghỉ. “*Vô phục khổ nã*” [nghĩa là] chẳng còn bị khổ nữa. “*Thọ chung chi hậu, giai môn giải thoát*” (Sau khi thọ chung, đều được giải thoát): Sau khi thọ mạng trong địa ngục của họ chấm dứt, họ đều có thể lìa khỏi địa ngục, được giải thoát. Đây là dùng địa ngục làm thí dụ để nói, [thật ra], chúng sanh trong tam đồ hễ gặp gỡ, trông thấy quang minh của Vô Lượng Thọ Phật, sẽ đều có thể đạt được lợi ích to lớn.

“*Vô Lượng Thọ Phật, quang minh hiển hách*” (Quang minh của Vô Lượng Thọ Phật chói ngời), quang minh của Vô Lượng Thọ Phật rất lớn nên gọi là “*hiển hách*” (顯赫, chiếu sáng ngời, phân minh). Có thể “*chiếu diệu mười phương. Chư Phật quốc độ, mạc bất văn yên*” (chiếu sáng rực mười phương. Trong các cõi nước Phật, không ai chẳng nghe thấy): Các cõi nước của chư Phật, không nơi nào chẳng nghe danh tiếng, tức là [nghe biết] phương Tây có thể giới An Lạc, trong thế giới An Lạc có một vị Phật, tên là Vô Lượng Thọ Phật, còn gọi là Vô Lượng Quang Phật. Ở đây có một nghi vấn, A Di Đà Phật còn gọi là Vô Lượng Thọ Phật, còn gọi là Vô Lượng Quang Phật, quang minh chiếu trọn khắp mười phương thế giới, vì sao chúng ta chẳng trông thấy? Mọi người đều trông thấy ánh sáng mặt trời, nhưng người mù chẳng trông thấy, quý vị chẳng thể nói ánh sáng mặt trời chẳng chiếu trọn khắp, mà là vì mắt người mù chẳng thể trông thấy ánh sáng mặt trời.

Trong kinh Phật còn có một tỷ dụ: Ánh sáng mặt trời tuy to lớn, chẳng soi thấu cái chậu úp xuống. Cái chậu úp miệng xuống đất thì gọi là “*phúc bồn*” (覆盆, chậu úp), ánh sáng mặt trời chẳng thể chiếu thấu vào chậu được! Kẻ mù chẳng thấy mặt trời, [là do] con mắt không thấy, ví như hiện thời chúng ta chẳng trông thấy quang minh của Phật, chỉ trách chúng ta chưa mở con mắt trí huệ, quý vị chẳng thể trách móc quang minh của Phật chẳng để cho chúng ta trông thấy, chỉ trách chúng ta chưa mở con mắt trí huệ. Hễ mắt trí huệ đã mở, quý vị sẽ trông thấy Phật quang. Ánh sáng mặt trời chẳng soi thấu chậu úp, đừng trách ánh

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

sáng mặt trời, chỉ trách cái chậu úp miệng xuống đất. Quý vị lật ngửa nó lên, lẽ đâu ánh sáng mặt trời chẳng chiếu thấu? Đây chẳng phải là giống như [lý do] vì sao lũ chúng sanh chúng ta chẳng thấy quang minh của Phật đó ư? Vì tâm chúng ta chẳng tương hợp tâm Phật, tâm chúng ta là tâm chúng sanh, là cái tâm trái nghịch giác ngộ, xuôi theo trần lao. Trái nghịch giác ngộ chính là trái nghịch giác tánh của Phật, ứng hợp với cảnh giới sáu trần. Chúng ta sanh tâm động niệm đều chẳng rời khỏi cảnh giới sáu trần, hoàn toàn trái nghịch với Phật. Nếu quý vị muốn trông thấy quang minh của Phật, hãy trái nghịch trần, xuôi theo giác, đừng nên tham muốn, nghĩ tới cảnh giới sáu trần nữa. Hãy chuyên ý niệm trong tâm quý vị hướng về bên Phật, ứng hợp với bên giác, quý vị sẽ ngay lập tức trông thấy quang minh của Phật.

Có chúng sanh hoài nghi “chẳng trông thấy quang minh của Phật”, đây là những chúng sanh do trái nghịch quang minh của Phật cho nên chẳng trông thấy. Còn có những chúng sanh tin tưởng quang minh của Phật, nhưng chẳng tin tưởng chính mình: “Ôi chao! Tôi là một chúng sanh khổ não, nghiệp chướng sâu nặng, quang minh của Phật ở nơi đó, tôi cũng chẳng thể trông thấy!” Tin tưởng quang minh của Phật, nhưng chẳng tin tưởng chính mình, cổ nhân đã có hai câu giải thích hay nhất: “Ta là phàm phu chúng sanh ở nơi đây từ vô thủy kiếp đến nay, đương nhiên là nghiệp chướng sâu nặng, nhưng quý vị chẳng muốn thấy quang minh của Phật. Chỉ cần quý vị muốn thấy, sẽ ngay lập tức trông thấy”.

Cổ nhân đã nói hai câu rất hay khiến cho chúng ta phát tâm dũng mãnh, tức là: “*Nhật nhật vãng Đông tẩu, hồi đầu tiện thị Tây*” (Ngày ngày đi về Đông, quay đầu liền là Tây). Chúng ta là một phàm phu thường ở trong cảnh giới trần lao, giống như đi miết về phương Đông, đời này cứ đi về phương Đông, đời quá khứ đi về phương Đông, hằng ngày đi về phương Đông, càng đi càng xa phương Tây. Chỉ sợ quý vị chẳng quay đầu, hằng ngày cứ đi về phương Đông! Chỉ cần quý vị quay đầu, hễ quay đầu thì là phương Tây. Điều này có nghĩa là quý vị trái nghịch giác, xuôi theo trần lao, do vì trái nghịch giác, chỉ cần quý vị quay đầu, sẽ đối diện với giác, cũng giống như lật ngửa cái chậu lên, mặt trời liền soi thấu, có khó khăn chi đâu?

Lại nói đến chúng sanh trong địa ngục, vì sao họ có thể trông thấy quang minh của Phật? Đây chẳng phải là chúng sanh đọa địa ngục bình phàm mà đều có thể trông thấy, họ cũng là những chúng sanh có đại thiện căn thường xuyên niệm Phật. Niệm Phật vì muốn cầu sanh

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Tây Phương, nhưng họ chẳng sanh về Tây Phương, do tạo ác nghiệp mà đọa trong địa ngục, thiện căn vẫn còn. Họ đọa vào địa ngục chịu khổ, bị nổi khổ ấy bức bách, họ lại nghĩ tới A Di Đà Phật, vừa niệm A Di Đà Phật bèn trông thấy Phật quang. Do một niệm A Di Đà Phật ấy bèn thoát khỏi địa ngục, được giải thoát. Lại nói đến bản thân chúng ta, chúng ta đều là những kẻ có thiện căn, chẳng phải là những kẻ tầm thường, đều có thể trông thấy quang minh của A Di Đà Phật.

Nếu chúng ta chẳng có thiện căn, ở trong thời đại hiện tại này, không chỉ là thời đại Mạt Pháp, mà còn là đời loạn, người ta đang tạo nghiệp khắp nơi, có sao chúng ta có thể nghe kinh Vô Lượng Thọ, còn có thể nghe [danh hiệu và bốn nguyện của] Vô Lượng Thọ Phật? Còn nghe danh xưng Vô Lượng Quang Phật? Tuyệt đối là có thiện căn, có sao chẳng trông thấy Phật quang vậy? Nếu quý vị phát tâm quay đầu, sẽ liền trông thấy quang minh. “*Nhật nhật vãng Đông tâu*” (Ngày ngày đi về Đông), chẳng trông thấy Phật quang. “*Hồi đầu tiện thị Tây*” (Quay đầu chính là Tây), A Di Đà Phật ở phương Tây, quý vị sẽ trông thấy quang minh ngay. Cái chậu úp chụp xuống đất, quý vị lật ngửa nó lên, sẽ thấy quang minh ngay. Đừng nên xử tệ với chính mình, đừng nên cô phụ thiện căn của chính mình. Chúng ta là những kẻ có thiện căn thì mới có thể nghe kinh Vô Lượng Thọ đây nhé!

“*Bát đản ngã kim xưng kỳ quang minh, nhất thiết chư Phật, Thanh Văn, Duyên Giác, chư Bồ Tát chúng, hàm cộng tán dự, diệc phục như thị*” (Không chỉ riêng ta nay khen ngợi quang minh của Ngài, mà hết thấy chư Phật, Thanh Văn, Duyên Giác, các vị Bồ Tát đều cùng tán thán, ca ngợi cũng giống như thế). Đây là Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán Vô Lượng Thọ Phật quang minh vô lượng. “*Bát đản ngã kim xưng kỳ quang minh*” (Không chỉ riêng ta nay khen ngợi quang minh của Ngài), trên thực tế, hết thấy chư Phật, hết thấy Thanh Văn, hết thấy Duyên Giác, hết thấy Bồ Tát, bốn loại thánh nhân ấy, “*diệc phục như thị*” (cũng giống như thế), cũng tán thán giống như ta trong hiện tại. Phật giáo nói “*tứ thánh lục phàm*”, phàm phu lục đạo là lục phàm, thánh nhân thì có bốn loại thánh nhân: Phật, Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát. Bốn loại thánh nhân ấy thấy đều tán thán, khen ngợi Vô Lượng Quang Phật. “*Nhược hữu chúng sanh, văn kỳ quang minh, oai thần, công đức, nhật dạ xưng thuyết, chí tâm bất đoạn, tùy ý sở nguyện, đắc sanh kỳ quốc*” (Nếu có chúng sanh nghe nói quang minh, oai thần và công đức của Ngài mà ngày đêm xưng nói, chí tâm chẳng dứt, sẽ tùy theo sở nguyện mà được sanh về cõi ấy).

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Ở đây, [Đức Phật] dạy chúng ta phương pháp tu hành: Quý vị là những chúng sanh có duyên với A Di Đà Phật, nghe nói quang minh, oai đức, thần thông vô lượng của Ngài, quý vị liền “*xưng thuyết*”, tức là miệng thì xưng tụng, tâm nghĩ tới, đây là trì danh niệm Phật, giống hệt như phương pháp do kinh A Di Đà đã nói. “*Xưng thuyết*” là miệng niệm, tức niệm Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Quang Phật, ngày đêm niệm, chí tâm, đừng nên gián đoạn. “*Tùy ý sở nguyện*” [có nghĩa là] quý vị phát nguyện sanh về Tây Phương, chắc chắn sẽ có thể sanh về Tây Phương. Quý vị là những chúng sanh niệm Phật, cũng sẽ “*vị chư Bồ Tát, Thanh Văn chi chúng, sở cộng tán dự, xưng kỳ công đức*” (được chư vị Bồ Tát và Thanh Văn đều cùng tán thán, ca ngợi, diễn tả công đức). Chư vị Bồ Tát và Thanh Văn đều cùng tán thán, quý vị là những chúng sanh niệm Phật lỗi lạc, công đức rất lớn, có thể sanh về Tây Phương An Lạc thế giới.

“*Chí kỳ tới hậu, đắc Phật đạo thời*” (Cho đến lúc cuối cùng, khi thành Phật đạo): Quý vị là những chúng sanh niệm Phật sanh về Tây Phương, đời nghiệp vãng sanh, tuy vẫn là phàm phu, nhưng sanh về Tây Phương, sẽ có thể thành Phật ngay trong một đời, cho đến lúc cuối cùng, khi quý vị thành Phật đạo, “*phổ vị thập phương chư Phật, Bồ Tát tán kỳ quang minh, diệc như kim dã*” (được trọn khắp mười phương chư Phật, Bồ Tát tán thán quang minh ấy cũng giống như trong hiện thời): Mười phương chư Phật, mười phương chư Bồ Tát, đều tán thán quang minh của vị Phật do quý vị mới thành, cũng giống như hiện thời đang tán thán [quang minh của] Vô Lượng Thọ Phật vậy. “*Phật ngôn: - Ngã thuyết Vô Lượng Thọ Phật quang minh oai thần, nguy nguy thù diệu*” (Đức Phật nói: - Ta nói quang minh và oai thần của Vô Lượng Thọ Phật vòi vòi thù thắng đặc biệt), “*nguy nguy*” (巍巍) có nghĩa là cao tốt, thù thắng. “*Thù diệu*” (殊妙) là chẳng thể nghĩ bàn. “*Trú dạ nhất kiếp, thượng vị năng tận*” (Dẫu nói suốt ngày đêm trọn cả một kiếp, vẫn chưa thể nói trọn hết được): Chẳng phân biệt ngày đêm, cứ tán thán y hệt như thế, tán thán suốt một kiếp vẫn chưa thể cùng tận được!

“*Phật ngữ A Nan: - Hựu Vô Lượng Thọ Phật, thọ mạng trường cửu, bất khả xưng kể, nhữ ninh tri hồ?*” (Đức Phật bảo ngài A Nan: - Lại nữa, Vô Lượng Thọ Phật thọ mạng lâu dài chẳng thể tính kể, ông có biết hay chẳng?) [Danh hiệu] A Di Đà Phật có hai thứ ý nghĩa: Một thứ là Vô Lượng Thọ, thứ kia là Vô Lượng Quang. Phần [kinh văn] trước đó tán thán Vô Lượng Quang, tán thán khá lâu, ở đây lại tán thán

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Vô Lượng Thọ. Vì thế, có chữ Hựu (又, lại). Lại nữa Vô Lượng Thọ Phật, “*thọ mạng trường cửu, bất khả xưng kể, nhữ ninh tri hồ?*” (thọ mạng lâu dài chẳng thể tính kể, ông có biết hay chăng?), ông biết chứ? “*Giả sử thập phương thế giới vô lượng chúng sanh, giai đắc nhân thân*” (Giả sử vô lượng chúng sanh trong mười phương thế giới đều được làm thân người): “*Chúng sanh*” không phải chỉ là chúng sanh trong nhân loại! Muốn thành Thanh Văn, Duyên Giác, ắt cần phải được làm thân người trong nhân loại thì mới có thể thành.

Giả sử vô lượng chúng sanh đều được làm thân người, “*tất linh thành tựu Thanh Văn, Duyên Giác*”, [nghĩa là đều] thành Thanh Văn, Duyên Giác, “*đô cộng tập hội, Thiên tư nhất tâm, kiệt kỳ trí lực*” (đều cùng tụ họp, một lòng Thiên Định, tư duy, dốc cạn hết trí lực), vắt cạn sức trí huệ của họ, “*ư bách thiên vạn kiếp, tất cộng suy toán, kế kỳ thọ mạng trường viễn chi số, bất năng cùng tận, tri kỳ hạn cực*” (trong trăm ngàn vạn kiếp đều cùng nhau suy lường, hòng tính ra con số thọ mạng dài lâu ấy, vẫn chẳng thể cùng tận, biết ngần hạn được). Do vậy, gọi là Vô Lượng Thọ Phật. Thọ mạng của Vô Lượng Thọ Phật lâu dài, chẳng có cách nào tính kể, chẳng biết thọ mạng của Ngài, mà cũng chẳng tính ra được!

2.2.2.2.2. Nói về đồ chúng của Ngài

(Kinh) Thanh Văn, Bồ Tát, thiên nhân chi chúng, thọ mạng trường đoản, diệt phục như thị, phi toán số thí dụ sở năng tri dã. Hựu Thanh Văn, Bồ Tát, kỳ số nan lượng, bất khả xưng thuyết. Thần trí đồng đạt, oai lực tự tại, năng ư chưởng trung, trì nhất thiết thế giới.

Phật ngữ A Nan: “Bỉ Phật sơ hội Thanh Văn chúng số bất khả xưng kể, Bồ Tát diệt nhiên. Như Đại Mục Kiên Liên, bách thiên vạn ức vô lượng vô số, ư A-tăng-kỳ na-do-tha kiếp, nãi chí diệt độ, tất cộng kế giáo, bất năng cứu liễu đa thiểu chi số. Thí như đại hải, thâm quảng vô lượng, giả sử hữu nhân tích kỳ nhất mao, dĩ vi bách phần, dĩ nhất phần mao, triêm thủ nhất trích, ư ý vân hà? Kỳ sở trích giả, ư bỉ đại hải, hà sở vi đa?”

A Nan bạch Phật: “Bỉ sở trích thủy, tỷ ư đại hải đa thiểu chi lượng, phi xảo lịch toán số ngôn từ thí loại sở năng tri dã”.

Phật ngữ A Nan: “Như Mục Liên đẳng, ư bách thiên vạn ức na-do-tha kiếp, kế bỉ sơ hội Thanh Văn, Bồ Tát, sở tri số giả, do như

nhất trích. Kỳ sở bất tri, như đại hải thủy”.

(經)聲聞菩薩天人之眾，壽命長短，亦復如是，非算數譬喻所能知也。又聲聞菩薩，其數難量，不可稱說。神智洞達，威力自在，能於掌中，持一切世界。佛語阿難：彼佛初會聲聞眾數不可稱計，菩薩亦然。如大目犍連，百千萬億無量無數，於阿僧祇那由他劫，乃至滅度，悉共計校，不能究了多少之數。譬如大海，深廣無量。假使有人析其一毛，以為百分，以一分毛，沾取一滯，於意云何？其所滯者，於彼大海，何所為多？阿難白佛：彼所滯水，比於大海多少之量，非巧歷算數言辭譬類所能知也。佛語阿難：如目連等，於百千萬億那由他劫，計彼初會聲聞菩薩，所知數者，猶如一滯，其所不知，如大海水。

(Kinh: Các vị Thanh Văn, Bồ Tát, trời người, thọ mạng dài ngắn cũng giống như thế, chẳng thể dùng toán số, thí dụ để có thể biết được! Hơn nữa, số lượng Thanh Văn, Bồ Tát khó thể tính toán, chẳng thể nói kể. Các Ngài thần trí hiểu thông suốt, oai lực tự tại, có thể cảm hết thấy các thế giới trong lòng bàn tay.

Đức Phật bảo ngài A Nan: “Số lượng các vị Thanh Văn trong hội đầu tiên của đức Phật ấy chẳng thể tính kể, Bồ Tát cũng thế. [Những vị có đại thần thông và trí huệ] như ngài Đại Mục Kiền Liên [số lượng nhiều đến] trăm ngàn vạn ức vô lượng vô số, trong A-tăng-kỳ³¹ na-do-tha kiếp cho đến khi diệt độ, đều cùng nhau tính toán, so sánh, chẳng thể hiểu rõ rốt ráo số lượng là bao nhiêu. Ví như biển cả rộng sâu vô lượng, giả sử có người chẻ một sợi lông thành một trăm phần, dùng một phần lông ấy thấm lấy một giọt [nước biển], ý ông nghĩ sao? Lượng nước đã được thấm ấy so với biển cả, chỗ nào là nhiều?”

Ngài A Nan bạch Phật: “Số lượng nước đã được thấm ấy so sánh với biển cả nhiều hay ít thì chẳng thể do khéo léo dùng toán số, ngôn từ, thí dụ mà hòng biết được!”

Đức Phật bảo ngài A Nan: “Những người như Mục Liên trong trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp tính toán [số lượng] Thanh Văn, Bồ

³¹ A-tăng-kỳ (Asāṃkhyā) là một con số lớn, có nhiều thuyết phán định, dao động từ 10 lũy thừa 31 cho đến 10 lũy thừa 104 (sau số 1 có một trăm lẻ bốn con số 0).

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Tát trong hội đầu tiên, số lượng họ biết được giống như một giọt [nước biển], còn số không biết thì như nước trong biển cả”).

“Thanh Văn, Bồ Tát, thiên nhân chi chúng, thọ mạng trường đoản, diệc phục như thị, phi toán số, thí dụ sở năng tri dã” (Các vị Thanh Văn, Bồ Tát, trời người thọ mạng dài hay ngắn cũng giống như thế, chẳng thể do toán số, thí dụ mà có thể biết được). Tây Phương Cực Lạc thế giới có Thanh Văn chúng, có Bồ Tát chúng, có thiên chúng, nhân chúng, thọ mạng của họ đều giống như thọ mạng của Vô Lượng Thọ Phật. Điều này giống như kinh A Di Đà đã nói: *“Bỉ Phật thọ mạng cập kỳ nhân dân vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, cố danh A Di Đà”* (Thọ mạng của đức Phật ấy và nhân dân của Ngài là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, vì thế có tên là A Di Đà Phật). Thọ mạng của A Di Đà Phật vô lượng, thọ mạng của nhân dân trong cõi ấy cũng là vô lượng. Ở đây, nói rõ ràng hơn một chút, tức là nói Tây Phương Cực Lạc thế giới ngoài Thanh Văn chúng và Bồ Tát chúng ra, còn có thiên chúng, nhân loại, thọ mạng của họ dài hay ngắn cũng đều giống như thế, giống như A Di Đà Phật, chẳng thể do toán số, thí dụ mà hòng biết nổi! Kinh A Di Đà cứ nói mỗi đoạn, đều [tiêu kết bằng câu] *“Tây Phương Cực Lạc thế giới thành tựu công đức trang nghiêm như thế”*.

Tây Phương Cực Lạc thế giới do A Di Đà Phật thành tựu, không chỉ thành tựu thọ mạng vô lượng của chính Ngài, mà còn thành tựu khiến cho bọn chúng sanh như chúng ta hễ sanh về Tây Phương, thọ mạng cũng vô lượng. A Di Đà Phật thành tựu thế giới Cực Lạc, thành tựu công đức vô lượng thọ là vì lẽ nào? Chính là vì trong đời ác ngũ trược này, có một thứ gọi là Mạng Trược. Mạng Trược (命濁) là thọ mạng ngắn ngủi. Trẻ nhỏ chẳng biết tu hành là gì, đến lúc khôn lớn thì bị ngũ dục trói buộc, vẫn chẳng biết tu hành. Gặp được duyên có thầy dạy dỗ rất khó. Biết tu hành, dụng công mà còn chưa dụng công tốt đẹp, thọ mạng đã đến. Đây là một thứ khổ nạn to lớn. Đời sau, đời kế, quý vị đọa vào trong ba ác đạo, [sau đó, đã thọ xong ác báo, thoát khỏi tam ác đạo] chuyển thành người, vẫn là một đứa trẻ, vẫn chẳng biết tu hành. Chúng ta chớ nên gián đoạn, hãy niệm Phật sanh về Tây Phương. Chúng ta đời nghiệp vãng sanh, là một nhân dân phàm phu, thọ mạng cũng là vô lượng, có thể tu đạo thành tựu ngay trong một đời, có thể thành Phật ngay trong một đời.

“Hựu Thanh Văn, Bồ Tát, kỳ số nan lượng, bất khả xưng thuyết. Thân trí đồng đạt, oai lực tự tại, năng ư chưởng trung, trì nhất thiết thế

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

giới” (Lại nữa, số lượng Thanh Văn, Bồ Tát chẳng thể suy lường, chẳng thể nói kê. Thần trí hiểu thấu suốt, oai lực tự tại, có thể cầm hết thấy thế giới trong bàn tay). Trong phần trên, [chánh kinh] đã nói Vô Lượng Thọ Phật quang minh vô lượng rồi lại nói Vô Lượng Thọ Phật thọ mạng vô lượng, lại nói trong thế giới Cực Lạc, Thanh Văn, Bồ Tát cùng với trời người, thọ mạng đều vô lượng. Tiếp đó, lại nói, số lượng Thanh Văn, Bồ Tát nhiều chẳng thể nói kê. “*Thần trí đồng đạt, oai lực tự tại*” [nghĩa là] Thanh Văn và Bồ Tát đều có trí huệ, thần thông, hiểu thấu suốt hết thấy các pháp. Sức oai đức thần thông của các Ngài đã đạt đến mức tự tại. “*Năng u chương trung, trì nhất thiết thế giới*” (Có thể cầm hết thấy thế giới trong bàn tay): Nêu ra sức oai đức thần thông tự tại của Thanh Văn và Bồ Tát, khiến cho chúng ta biết, mỗi vị Thanh Văn, mỗi vị Bồ Tát có thể nhiếp trì hết thấy các thế giới trong bàn tay, biểu thị sức thần thông rộng lớn của các Ngài, lại còn có sức tự tại. Đây chẳng phải là cảnh giới của bọn phàm phu chúng ta, chúng ta chỉ có thể nói là “*cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn*”. Nói theo đạo lý, đây là “*lớn và nhỏ vô ngại, một và nhiều vô ngại*”. Nếu quý vị đã nghe kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm chuyên giảng đạo lý này: Đại pháp và tiểu pháp, đây và kia chẳng chướng ngại lẫn nhau. Thế giới ở đây là vô lượng thế giới, thế giới là pháp lớn, bàn tay là pháp nhỏ, quý vị có thể liễu đạt đạo lý “*lớn nhỏ vô ngại*”, sẽ khởi lên diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn: Một bàn tay nhỏ bé có thể nắm giữ vô lượng thế giới. Bàn tay chỉ có một, mà có thể nắm một hay nhiều thế giới. Đây gọi là “*một nhiều vô ngại*”.

Học Phật pháp là tu phước, tu huệ, mà cũng là cầu phước, cầu huệ. Trong phần trước, tôi đã nói chẳng cần cầu thần thông. Quý vị chẳng tu phước, chẳng tu huệ, chỉ cầu thần thông, nhất định sẽ bị ma dựa. Phải nói rõ ràng đạo lý này. Thần thông do đâu mà có? Nó là diệu dụng của trí huệ. Quý vị cầu đạt được trí huệ, tự nhiên sẽ có thần thông. Vậy thì trí huệ do đâu mà có? Trí huệ vốn sẵn có, chẳng thể cầu từ ngoài tâm mà có, cũng phải nhớ rành rẽ điều này. Trí huệ ở ngay trong cái tâm của chính chúng ta. Cái tâm của chính chúng ta còn gọi là Phật tánh, còn gọi là bản thể, còn gọi là tự tánh, còn gọi là Thật Tướng. Danh xưng rất nhiều, nó là bản thể của hết thấy các pháp. Nói đến tâm, tức là nói đến chân tâm của chúng ta, chẳng phải là cái tâm vọng tưởng trong hiện thời. Tâm vọng tưởng không chỉ chẳng khởi trí huệ, mà còn chướng ngại, che lấp trí huệ. Nếu có thể chứng đắc chân tâm của chính mình, trong chân tâm trọn đủ trí huệ, trí huệ phát lộ ra, chẳng phải là do

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tu được. Trí huệ phát lộ bèn dấy lên diệu dụng, dấy lên diệu dụng tức là thần thông. Đại chúng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức Thanh Văn chúng, Bồ Tát chúng, do đâu mà có trí huệ? Do đâu mà có thần thông? Họ phát lộ trí huệ vốn sẵn có. Phát lộ trí huệ vốn sẵn có bằng cách nào? Niệm A Di Đà Phật, sanh về Tây Phương bèn phát lộ.

Trong phần trước đã nói đôi ba lượt, niệm A Di Đà Phật, niệm cho phiền não tham, sân, si đều rỗng không. Tham, sân, si là cái tâm vọng tưởng của chúng ta. Vọng tưởng có tư tưởng, tư tưởng ấy chẳng phải là tham thì là sân, không là sân thì là si. Quý vị niệm cho ba căn bản phiền não tham, sân, si rỗng không, đoạn trừ hết, vọng tâm ấy chẳng còn nữa, chân tâm hiện tiền, sẽ tự nhiên có diệu dụng như thế ấy. Chân tâm hiện tiền, trí huệ hiện tiền, trí huệ dấy lên diệu dụng, lũ phàm phu chúng ta ngỡ đó là thần thông. Trên thực tế, đối với các vị Thanh Văn, Bồ Tát, [chuyện trí huệ phát khởi diệu dụng thần thông] giống như cơm ăn thường ngày trong nhà chúng ta vậy, chẳng có gì là hiếm hoi, lạ lùng! Nếu quý vị chẳng cầu phước, chẳng cầu trí huệ, mà trước hết cầu thần thông, chắc chắn sẽ bị ma dựa! Có sao bị ma dựa? Vì quý vị chẳng cầu phước, chẳng cầu trí huệ, chẳng đoạn phiền não, tâm quý vị hoàn toàn là tham, sân, si.

Lại còn thêm cái tâm tham cầu thần thông. Cái tâm tham ấy tăng trưởng, ma vương thấy rõ ràng: “Ngươi chẳng đoạn phiền não, ngươi là một đứa đại phàm phu, ngươi mong cầu thần thông”. Ông ta chẳng thấy rất nực cười ư? “Được rồi! Ta đến gia bị ngươi, cho ngươi một chút thần thông!” Đắc một chút thần thông, tự ngỡ mình ghê gớm lắm, tâm tham ngày càng to đùng. Nếu là kẻ nào gai mắt ta trong hiện tiền, sẽ còn dùng đôi chút thần thông để chinh kẻ ấy một phen, tâm sân hận cũng tăng trưởng. Vốn là chẳng nên tham, quý vị lại tham. Vốn chẳng nên si, quý vị lại ngu si; tâm ngu si tăng trưởng. Ba căn bản phiền não tham, sân, si tự nhiên ngày càng mạnh mẽ, ngày càng mạnh mẽ thì sẽ như thế nào? Ma trông thấy nực cười, đã đạt được mục đích rồi! Đến khi một chút thần thông của quý vị cũng chẳng còn nữa, cũng bị mất đi, quý vị sẽ như thế nào? Quý vị sẽ bị ma dựa! Nói theo danh xưng trong y học là “mắc bệnh thần kinh”, Trung Y vô hiệu, mà Tây Y cũng bó tay! Vậy là quý vị xong đời rồi! Cổ đức, thiện tri thức cảnh cáo chúng ta: “*Bất phạ thiên sanh bất ngộ, tị phạ nhất sanh trước ma*”, [nghĩa là] quý vị ngàn đời chẳng khai ngộ không sao cả, không khai ngộ thì vẫn phải khéo tu hành. Chỉ sợ một đời bị ma dựa, ma dựa thì mất trí, danh từ y học gọi là “xuất hiện bệnh thần kinh, mắc bệnh thần kinh”,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

còn kinh Phật gọi là “*thất liễu tâm*”, đánh mất đạo tâm, cái tâm thông thường cũng mất luôn, tinh thần thác loạn, Trung Y lẫn Tây Y đều bó tay. Phật, Bồ Tát cũng chẳng có cách nào, chẳng gia bị quý vị được. Do vậy, chớ nên lập tức cầu học thần thông, bị ma dựa đấy nhé! Phật, Bồ Tát trông thấy thương xót, nhưng chẳng có cách nào, chẳng gia bị quý vị được, muốn cứu quý vị mà cũng chẳng có cách nào!

Trong phần trước, kinh Vô Lượng Thọ đã đời ba lượt nhắc đến tham, sân, si, gọi chúng là Tam Cấu, còn gọi là Nhiễm Khuê Si. “*Cấu*” (垢) có nghĩa là ô nhiễm, còn gọi là Tam Độc. “*Độc*” (毒) là gây hại cho chúng ta. Quý vị nhất định phải đoạn trừ ba món Căn Bản Phiền Não này. Tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng đều có thể nhập đạo. Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là các pháp môn để đoạn tham, sân, si, chẳng phải là những pháp môn để tu Phật Tánh. Phật Tánh vốn hiện thành, [các pháp môn] nhằm dạy chúng ta tu gì vậy? Nếu quý vị có thể tu thành Phật Tánh, Phật Tánh ấy là giả trá, chẳng thật! Vì quý vị có thể tạo tác nó, vậy thì vì sao phải tu hành? Nhằm đoạn phiền não. Hiện thời, tôi đang giảng pháp môn Tịnh Độ trong kinh Vô Lượng Thọ, trong phần trước chẳng phải là đã tán thán Vô Lượng Quang Phật rất nhiều đó ư? Đức Phật dạy chúng ta “*trú dạ xưng thuyết*” (ngày đêm xưng nói), chẳng phải là muốn quý vị niệm thánh hiệu Vô Lượng Thọ Phật ư? Chúng ta niệm thánh hiệu A Di Đà Phật, ngay cả ý nghĩa vô lượng quang lẫn vô thượng thọ đều có. Niệm Phật để làm gì? Đoạn phiền não. Niệm Phật là do muốn đoạn tham, sân, si. Nếu quý vị chẳng có tham, sân, si, sẽ chẳng cần niệm Phật, quý vị đã là Phật rồi, cần gì còn phải niệm Phật chi nữa? Vì chúng ta là phàm phu, trọn đủ tham, sân, si, không tìm lấy một pháp môn để tu hành, làm sao có thể chuyển phàm thành thánh cho được?

Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều có thể đoạn phiền não, nhưng quý vị có sử dụng được hay không? Một câu A Di Đà Phật quý vị còn niệm không được, còn dùng pháp môn màu nhiệm nào khác nữa? Đều là tự mình khiến mình đắm quàng ngõ rẽ! Niệm Phật còn phải thật thà, hãy thật thà niệm. Một câu A Di Đà Phật, niệm tới niệm lui, sẽ sanh ra sức mạnh. Tham, sân, si chẳng dấy lên, sẽ bị hàng phục. Trông thấy, hoặc gặp gỡ cảnh giới tham, cái tâm tham bất động. Trông thấy, gặp gỡ [cảnh giới khiến cho] tâm sân hận, tâm sân hận bất động. Gặp gỡ hoặc trông thấy cảnh giới khiến tâm ngu si, tâm ngu si bất động. Tức là niệm Phật niệm tới mức nầy sanh sức mạnh, sẽ hàng phục [tham, sân, si]; đã hàng phục chúng, lại cứ niệm miết để đoạn trừ chúng. A Di Đà Phật

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

chính là bản thân ta, ta là A Di Đà Phật, niệm đến mức “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”, há chẳng dấy lên thần thông ư? Chẳng dấy lên diệu dụng ư? Tự nhiên bèn có thần thông như thế, quý vị cần gì phải cầu thần thông nữa?

“*Phật ngữ A Nan: - Bỉ Phật sơ hội Thanh Văn chúng số bất khả xưng kể, Bồ Tát diệc nhiên*” (Đức Phật bảo ngài A Nan: - Đại chúng Thanh Văn trong hội đầu tiên của đức Phật chẳng thể tính kể, Bồ Tát cũng thế). Trong phần trước, [chánh kinh] đã nói trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Thanh Văn đông, Bồ Tát nhiều. Con số ấy nhiều đến mức đều là “*chẳng thể diễn tả, tính toán*”. Ở đây, lại nói nhấn mạnh hơn, [đức Phật] lại gọi ngài A Nan một lần nữa. “*Bỉ Phật sơ hội*” (Hội đầu tiên của đức Phật ấy), “*bỉ Phật*” (đức Phật ấy) là A Di Đà Phật. Kinh Vô Lượng Thọ thì gọi Ngài là Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Thọ Phật mở pháp hội lần đầu tiên, số lượng Thanh Văn chúng đắc độ chẳng thể tính kể. Ngài độ hàng Bồ Tát cũng thế, cũng là chẳng thể tính kể. Tiếp đó, lại nhấn mạnh hơn để hình dung số lượng đông nhiều: “*Như Đại Mục Kiền Liên, bách thiên vạn ức vô lượng vô số*” ([Những vị giống như ngài] Đại Mục Kiền Liên [nhiều đến mức] trăm ngàn vạn ức vô lượng vô số). Trong hàng đệ tử của Thích Ca Như Lai, thần thông bậc nhất là ngài Đại Mục Kiền Liên. Ngài có thần thông bậc nhất.

Trong pháp hội đầu tiên của Vô Lượng Thọ Phật, những người giống như Đại Mục Kiền Liên, không chỉ là một Mục Kiền Liên, hai Mục Kiền Liên, mà là có trăm ngàn vạn ức vô lượng vô số, Đại Mục Kiền Liên nhiều ngàn ấy, số người đông nhiều, lại còn có thời gian dài lâu, “*u A-tăng-kỳ na-do-tha kiếp*” (trong A-tăng-kỳ na-do-tha kiếp) tính toán, tính đếm số lượng ấy, trải qua vô lượng vô số kiếp. “*A-tăng-kỳ*” (Asāmkhya) còn gọi là Vô Ương Số. “*Na-do-tha kiếp*”, “*Na-do-tha*” (Nayutaḥ) có nghĩa là Ưc. “*Nãi chí diệt độ*” (Cho đến diệt độ): Không chỉ tính toán trong một A-tăng-kỳ kiếp bèn tính chẳng rõ số, thậm chí tính toán trong ba A-tăng-kỳ kiếp, tính toán trong na-do-tha kiếp, tính cho đến khi thành Phật, vẫn chẳng tính toán rõ ràng được. “*Tất cộng kể giáo, bất năng cứu liễu đa thiểu chi số*” (Đều cùng nhau tính toán, so sánh, chẳng thể hiểu rõ con số rốt cuộc là bao nhiêu), tức là có trăm ngàn vạn ức vô lượng vô số tôn giả Mục Kiền Liên tính toán trong một thời gian quá dài ngàn ấy, vẫn tính không ra rốt cuộc Tây Phương Cực Lạc thế giới có bao nhiêu vị Thanh Văn? Có bao nhiêu vị Bồ Tát?

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

[Đức Phật] lại nói thí dụ: “*Thí như đại hải, thâm quảng vô lượng*” (Ví như biển cả sâu rộng vô lượng), “*sâu*” thì sâu vô lượng, “*rộng*” thì rộng vô lượng. “*Giả sử hữu nhân tích kỳ nhất mao, dĩ vi bách phần, dĩ nhất phần mao, triêm thủ nhất trích*”, [nghĩa là] giả sử có một người, “*giả sử*” là giả thiết, chứ thật ra chẳng có sự thật ấy. Giả thiết là có một người như thế, “*tích*” (chia chẻ) một sợi lông. Chữ này đọc [theo âm Quan Thoại] là Xi (ㄒㄧ, âm Hán Việt là Tích), “*Tích*” (析) là chia chẻ. Nhỏ một sợi lông trên thân người, chia nó thành một trăm phần. Một phần trăm của sợi lông thì mảnh lông ấy rất vi tế. Quý vị dùng một phần sợi lông ấy, chấm lấy một giọt nước biển. “*Ư ý vân hà?*” (Ý ông nghĩ sao?), thì như thế nào? “*Kỳ sở trích giả, ư bỉ đại hải, hà sở vi đa?*” [nghĩa là nước đọng] nơi một phần trăm của sợi lông bị chia chẻ ấy là nhiều, hay là nước trong biển cả nhiều hơn?

“*A Nan bạch Phật: - Bỉ sở trích thủy, tỷ ư đại hải đa thiểu chi lượng, phi xảo lịch toán số ngôn từ thí loại sở năng tri dã*” (Ngài A Nan bạch Phật: - Lượng nước được thấm ấy so với lượng nước trong biển cả nhiều hay ít thì chẳng thể khéo dùng các loại toán số, ngôn từ, thí dụ mà hòng biết được), còn phải hỏi nữa ư? Đương nhiên là biển cả nhiều, một giọt nước nơi mảnh lông ấy ít, nhưng nhiều hơn bao nhiêu? Dùng “*xảo lịch toán số*” (toán số hay khéo), ngôn từ quyền xảo nhất, thí dụ quyền biến hay khéo nhất, vẫn không sao biết nổi rốt cuộc là nhiều hơn bao nhiêu? “*Phật ngữ A Nan: - Như Mục Liên đặng, ư bách thiên vạn ức na-do-tha kiếp, kế bỉ sơ hội Thanh Văn, Bồ Tát, sở tri số giả, do như nhất trích, kỳ sở bất tri, như đại hải thủy*” (Đức Phật bảo ngài A Nan: - Những người như Mục Liên trong trăm ngàn vạn ức na-do-tha kiếp tính toán số lượng Thanh Văn và Bồ Tát trong hội đầu tiên, con số họ biết được ví như một giọt nước, còn số lượng chẳng biết như nước trong biển cả). “*Sở tri giả, do như nhất trích*” [nghĩa là] số lượng họ biết ít ỏi như lượng nước chứa trong một giọt nước biển, [số lượng] họ chẳng biết nhiều như nước trong biển cả. Nói đến nước biển cả vẫn là tận lực hình dung chúng Thanh Văn và chúng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đông đảo!

Thích Ca Như Lai nói số lượng đại chúng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đông đảo, nói xong, lại dùng những vị có thần thông như tôn giả Mục Kiền Liên để tính toán, vẫn tính chẳng ra. Rồi Ngài lại dùng tỷ dụ, sánh ví như nước biển trong một giọt nước dính trên một mảnh lông nhỏ xíu. Vì sao Ngài nói như vậy? Vì chúng ta phát nguyện sanh về Tây Phương, vô lượng số Thanh Văn và vô lượng số Bồ Tát ấy

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

đều là những người đã phát nguyện niệm Phật sanh về Tây Phương. Vì sao người sanh về Tây Phương nhiều ngàn ấy? Nơi ấy chính là một đạo tràng thật sự tốt đẹp. Nếu quý vị chẳng phát tâm tu đạo, vậy thì chẳng cần bàn luận chi nữa! Nếu quý vị phát tâm tu đạo, chẳng tìm được một đạo tràng tốt đẹp, Thích Ca Như Lai đã giới thiệu cho chúng ta một đạo tràng tốt đẹp, tức là tu hành chúng đạo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tịnh Độ của mười phương chư Phật đều chẳng sánh bằng bên ấy. Do vậy mới có nhiều ngàn ấy Thanh Văn và Bồ Tát sanh về nơi đó. Vậy thì vì sao chúng ta chẳng đến đó? Đây là [đức Phật] hướng dẫn chúng ta, bảo chúng ta hãy phát nguyện vãng sanh.

Phát nguyện vãng sanh mà chỉ phát nguyện suông thì không được, quý vị phải tu hành, tu như thế nào? Niệm danh hiệu của Vô Lượng Thọ Phật, một niệm liền sanh về. Đây gọi là “*vạn người tu, vạn người đến*”. Muôn phần đừng chấp trước “*vạn*” [có nghĩa là] chín ngàn chín trăm chín mươi chín thêm một thì sẽ thành một vạn, [phải hiểu] “*vạn*” là vô lượng số! Quý vị thấy những vị Thanh Văn và Bồ Tát ấy đã sanh như thế nào? Niệm danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật sẽ sanh về, rất dễ dàng! Trong phần trước, [đức Phật đã nói] Vô Lượng Thọ Phật phát ra bốn mươi tám nguyện, trong đó có nguyện thứ mười tám, tức là hễ ai có thể niệm danh hiệu Ngài mười tiếng, chắc chắn sanh về Tây Phương. Nếu chẳng sanh về Tây Phương, Vô Lượng Thọ Phật đã trái nghịch đại nguyện của chính Ngài. Rất dễ sanh về Tây Phương! Nếu chẳng sanh về Tây Phương dễ dàng, sao lại có nhiều Thanh Văn và Bồ Tát dường ấy đều sanh về đó? Điều này dẫn dắt chúng ta phát nguyện sanh về Tây Phương, hướng dẫn chúng ta tu hành trì niệm danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật. Đây là phương tiện quyền xảo đại từ đại bi của đức Phật!

Trong phần trước, [chánh kinh] đã tán thán A Di Đà Phật, còn gọi là Vô Lượng Thọ Phật, hay còn gọi là Vô Lượng Quang Phật rồi tán thán nhân dân trong quốc gia của Ngài, tức là chúng Thanh Văn và chúng Bồ Tát, thiên chúng, nhân chúng đều được tán thán. Dưới đây là một đoạn kinh văn rất dài, chuyên tán thán y báo quốc độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Phần văn tự này rất dễ giảng, nhưng nếu quý vị mắt nhìn kinh văn, tai nghe tôi đọc, chẳng cần giảng, quý vị đọc sẽ hiểu ngay. Quý vị hãy chú ý nghe, mắt chú ý nhìn.

2.2.2.2.3. Nói về quốc độ của Ngài (trang nghiêm nơi sự, pháp và người)

2.2.2.2.3.1. Cây báu

(Kinh) Hựu kỳ quốc độ, thất bảo chư thụ, châu mãn thế giới. Kim thụ, ngân thụ, lưu ly thụ, pha lê thụ, san hô thụ, mã não thụ, xa cừ chi thụ; hoặc hữu nhị bảo, tam bảo, nãi chí thất bảo, chuyển cộng hợp thành; hoặc hữu kim thụ, ngân diệp hoa quả; hoặc hữu ngân thụ, kim diệp hoa quả; hoặc lưu ly thụ, pha lê vi diệp, hoa quả diệp nhiên; hoặc thủy tinh thụ, lưu ly vi diệp, hoa quả diệp nhiên; hoặc san hô thụ, mã não vi diệp, hoa quả diệp nhiên; hoặc mã não thụ, lưu ly vi diệp, hoa quả diệp nhiên; hoặc xa cừ thụ, chúng bảo vi diệp, hoa quả diệp nhiên; hoặc hữu bảo thụ, tử kim vi bốn, bạch ngân vi hành, lưu ly vi chi, thủy tinh vi điều, san hô vi diệp, mã não vi hoa, xa cừ vi thật; hoặc hữu bảo thụ, bạch ngân vi bốn, lưu ly vi hành, thủy tinh vi chi, san hô vi điều, mã não vi diệp, xa cừ vi hoa, tử kim vi thật; hoặc hữu bảo thụ, lưu ly vi bốn, thủy tinh vi hành, san hô vi chi, mã não vi điều, xa cừ vi diệp, tử kim vi hoa, bạch ngân vi thật; hoặc hữu bảo thụ, thủy tinh vi bốn, san hô vi hành, mã não vi chi, xa cừ vi điều, tử kim vi diệp, bạch ngân vi hoa, lưu ly vi thật; hoặc hữu bảo thụ, san hô vi bốn, mã não vi hành, xa cừ vi chi, tử kim vi điều, bạch ngân vi diệp, lưu ly vi hoa, thủy tinh vi thật; hoặc hữu bảo thụ, mã não vi bốn, xa cừ vi hành, tử kim vi chi, bạch ngân vi điều, lưu ly vi diệp, thủy tinh vi hoa, san hô vi thật; hoặc hữu bảo thụ, xa cừ vi bốn, tử kim vi hành, bạch ngân vi chi, lưu ly vi điều, thủy tinh vi diệp, san hô vi hoa, mã não vi thật. Hàng hàng tương trị, hành hành tương vọng, chi chi tương chuẩn, diệp diệp tương hướng, hoa hoa tương thuận, thật thật tương đương, vinh sắc quang diệu, bất khả thắng thị. Thanh phong thời phát, xuất ngũ âm thanh, vi diệu cung thương, tự nhiên tương hòa. Hựu Vô Lượng Thọ Phật, kỳ đạo tràng thụ, cao tứ bách vạn lý. Kỳ bốn châu vi ngũ thiên do-tuần, chi diệp tứ bố nhị thập vạn lý, nhất thiết chúng bảo tự nhiên hợp thành. Dĩ nguyệt quang ma-ni, trì hải luân bảo, chúng bảo chi vương, nhi trang nghiêm chi. Châu táp điều gian, thùy bảo anh lạc, bách thiên vạn sắc, chủng chủng dị biến. Vô lượng quang viêm, chiếu diệu vô cực. Trân diệu bảo vông, la phú kỳ thượng. Nhất thiết trang nghiêm, tùy ứng nhi hiện. Vi phong từ động, xuy chư bảo thụ, diễn xuất vô lượng diệu pháp âm thanh. Kỳ thanh lưu bố, biến chư Phật quốc. Văn kỳ âm giả, đắc thâm Pháp Nhãn, trụ Bất Thoái Chuyển, chí thành Phật đạo, nhĩ căn thanh triệt, bất tạo khổ hoạn. Mục đồ kỳ sắc,

ty tri kỳ hương, khẩu thường kỳ vị, thân xúc kỳ quang, tâm dĩ pháp duyên, giai đắc thâm thâm Pháp Nhân, trụ Bất Thoái Chuyển, chí thành Phật đạo, lục căn thanh triệt, vô chư não hoạn.

A Nan! Nhược bỉ quốc độ thiên nhân, kiến thử thụ giả, đắc tam Pháp Nhân, nhất giả Âm Hưởng Nhân, nhị giả Nhu Thuận Nhân, tam giả Vô Sanh Pháp Nhân. Thử giai Vô Lượng Thọ Phật oai thần lực cố, bốn nguyện lực cố, mãn túc nguyện cố, minh liễu nguyện cố, kiên cố nguyện cố, cứu cánh nguyện cố.

Phật cáo A Nan: - Thế gian đế vương, hữu bách thiên âm nhạc, tự Chuyển Luân Thánh Vương, nữ chí đệ lục thiên thượng, kỹ nhạc, âm thanh, triển chuyển tương thắng thiên ức vạn bội. Đệ lục thiên thượng vạn chủng nhạc âm, bất như Vô Lượng Thọ quốc chư thất bảo thụ nhất chủng âm thanh thiên ức bội dã!

(經)又其國土，七寶諸樹，周滿世界。金樹、銀樹、琉璃樹、玻瓈樹、珊瑚樹、碼碯樹、磈磈之樹。或有二寶、三寶，乃至七寶，轉共合成；或有金樹，銀葉華果；或有銀樹，金葉華果；或琉璃樹，玻瓈為葉，華果亦然；或水精樹，琉璃為葉，華果亦然；或珊瑚樹，碼碯為葉，華果亦然；或碼碯樹，琉璃為葉，華果亦然；或磈磈樹，眾寶為葉，華果亦然；或有寶樹，紫金為本，白銀為莖，琉璃為枝，水精為條，珊瑚為葉，碼碯為華，磈磈為實；或有寶樹，白銀為本，琉璃為莖，水精為枝，珊瑚為條，碼碯為葉，磈磈為華，紫金為實；或有寶樹，琉璃為本，水精為莖，珊瑚為枝，碼碯為條，磈磈為葉，紫金為華，白銀為實；或有寶樹，水精為本，珊瑚為莖，碼碯為枝，磈磈為條，紫金為葉，白銀為華，琉璃為實；或有寶樹，珊瑚為本，碼碯為莖，磈磈為枝，紫金為條，白銀為葉，琉璃為華，水精為實；或有寶樹，碼碯為本，磈磈為莖，紫金為枝，白銀為條，琉璃為葉，水精為華，珊瑚為實；或有寶樹，磈磈為本，紫金為莖，白銀為枝，琉璃為條，水精為葉，珊瑚為華，碼碯為實。行行相值，莖莖相望，枝枝相準，葉葉相向，華華相順，實實相當。榮色光曜，不

可勝視。清風時發，出五音聲，微妙宮商，自然相和。又無量壽佛，其道場樹，高四百萬里。其本周圍五千由旬，枝葉四布二十萬里，一切眾寶自然合成，以月光摩尼持海輪寶，眾寶之王，而莊嚴之。周帀條間，垂寶瓔珞，百千萬色，種種異變，無量光炎，照曜無極。珍妙寶網，羅覆其上。一切莊嚴，隨應而現。微風徐動，吹諸寶樹，演出無量妙法音聲。其聲流布，徧諸佛國。聞其音者，得深法忍，住不退轉，至成佛道，耳根清徹，不遭苦患。目覩其色，鼻知其香，口嘗其味，身觸其光，心以法緣，皆得甚深法忍，住不退轉，至成佛道，六根清徹，無諸惱患。阿難！若彼國土天人，見此樹者，得三法忍：一者音響忍，二者柔順忍，三者無生法忍。此皆無量壽佛威神力故，本願力故，滿足願故，明了願故，堅固願故，究竟願故。佛告阿難：世間帝王，有百千音樂，自轉輪聖王，乃至第六天上，伎樂音聲，展轉相勝千億萬倍。第六天上萬種樂音，不如無量壽國諸七寶樹一種音聲千億倍也！

(Kinh: Lại nữa cõi nước ấy, các cây bảy báu đầy khắp thế giới. Cây vàng, cây bạc, cây lưu ly, cây pha lê, cây san hô, cây mã não, cây xa cừ. Hoặc có cây bằng hai thứ báu, ba thứ báu, cho đến bảy thứ báu, lần lượt cùng ghép thành. Hoặc có cây bằng vàng, lá, hoa, quả bằng bạc. Hoặc có cây bằng bạc, lá, hoa, quả bằng vàng. Hoặc có cây lưu ly, lá bằng pha lê, hoa quả cũng thế. Hoặc cây bằng thủy tinh, lưu ly làm lá, hoa, quả cũng thế. Hoặc cây bằng san hô, mã não làm lá, hoa quả cũng thế. Hoặc cây bằng mã não, lưu ly làm lá, hoa quả cũng thế. Hoặc cây bằng xa cừ, các thứ báu làm lá, hoa quả cũng thế. Hoặc có cây báu, tử kim làm gốc, bạch ngân làm thân, lưu ly làm cành, thủy tinh làm nhánh, san hô làm lá, mã não làm hoa, xa cừ làm quả. Hoặc có cây báu, bạch ngân làm gốc, lưu ly làm thân, thủy tinh làm cành, san hô làm nhánh, mã não làm lá, xa cừ làm hoa, tử kim làm quả. Hoặc có cây báu, lưu ly làm gốc, thủy tinh làm thân, san hô làm cành, mã não làm nhánh, xa cừ làm lá, tử kim làm hoa, bạch ngân làm quả. Hoặc có cây báu, thủy tinh làm gốc, san hô làm thân, mã não làm cành, xa cừ làm nhánh, tử kim làm lá, bạch ngân làm hoa, lưu ly làm

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

quả. Hoặc có cây báu, san hô làm gốc, mã não làm thân, xa cừ làm cành, tử kim làm nhánh, bạch ngân làm lá, lưu ly làm hoa, thủy tinh làm quả. Hoặc có cây báu, mã não làm gốc, xa cừ làm thân, tử kim làm cành, bạch ngân làm nhánh, lưu ly làm lá, thủy tinh làm hoa, san hô làm quả. Hoặc có cây báu, xa cừ làm gốc, tử kim làm thân, bạch ngân làm cành, lưu ly làm nhánh, thủy tinh làm lá, san hô làm hoa, mã não làm quả. Từng hàng cây ngang nhau, từng thân cây đối nhau, từng cành ngang nhau, từng lá hướng vào nhau, từng hoa thuận với nhau, từng trái to bằng nhau, màu sắc rạng rỡ, chói ngời, chẳng thể nhìn trọn. Gió mát đúng thời thổi qua, vang ra tiếng ngũ âm, réo rắt vi diệu, tự nhiên hòa hợp.

Lại nữa, cây đạo tràng của Vô Lượng Thọ Phật cao bốn trăm vạn dặm. Gốc cây ấy có chu vi to năm ngàn do-tuần, cành lá xòe ra bốn phía đến hai mươi vạn dặm, do hết thảy các thứ báu tự nhiên hợp thành, dùng nguyệt quang ma-ni và trì hải luân bảo là vua trong các thứ báu để trang nghiêm. Chung quanh giữa các nhánh, treo rủ các thứ chuỗi anh lạc báu, trăm ngàn vạn sắc, đủ thứ biến hiện khác lạ. Vô lượng tia sáng rực rỡ chói ngời chẳng cùng cực. Lưới báu quý đẹp giăng phủ bên trên. Hết thảy trang nghiêm thuận lòng ứng hiện. Gió nhẹ thông thả thổi, lùa qua các cây báu, diễn xuất vô lượng âm thanh diệu pháp. Âm thanh ấy lan truyền trọn khắp các cõi Phật. Người nghe âm thanh ấy sẽ đắc Pháp Nhân sâu, trụ nơi Bất Thoái Chuyển, cho đến khi thành Phật đạo, tai nghe rõ ràng, thấu triệt, chẳng gặp tiếng khổ sở, hoạn nạn. Mắt trông thấy màu sắc của cây ấy, mũi ngửi hương của nó, miệng nếm vị của nó, thân chạm phải ánh sáng của nó, tâm duyên theo pháp, đều đắc Pháp Nhân rất sâu, trụ Bất Thoái Chuyển. Cho đến khi thành Phật đạo, sáu căn trong treo, không có các thứ nào hoạn.

Này A Nan! Nếu trời người trong cõi nước ấy trông thấy cây đó, sẽ đắc ba món Pháp Nhân, một là Âm Hương Nhân, hai là Nhu Thuận Nhân, ba là Vô Sanh Pháp Nhân. Những điều này đều do sức oai thần, sức bốn nguyện, do thỏa mãn trọn vẹn nguyện cũ, do nguyện hiểu rành rẽ, do nguyện kiên cố, do nguyện rốt ráo của Vô Lượng Thọ Phật.

Đức Phật bảo ngài A Nan: - Đế vương trong thế gian có trăm ngàn thứ âm nhạc. Từ Chuyển Luân Thánh Vương cho đến trên cõi trời thứ sáu, kỹ nhạc và âm thanh lần lượt thù thắng hơn trước ngàn vạn ức lần. Muôn thứ tiếng nhạc nơi tầng trời thứ sáu chẳng bằng một phần ngàn ức lần của một loại âm thanh phát ra từ các cây bảy báu trong cõi Vô Lượng Thọ).

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Hữu kỳ quốc độ, thất bảo chư thụ*” (Lại nữa, các cây bảy báu trong cõi nước ấy): Chúng ta niệm kinh A Di Đà, [thấy chép] “*thất trùng hàng thụ*” (bảy lớp cây báu), tức là từng hàng một rất chỉnh tề, ở đây nói là “*thất bảo chư thụ*” (các cây bằng bảy báu). “*Châu mãn thế giới*” (Trọn khắp thế giới): Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy đều là các cây bảy báu. “*Kim thụ, ngân thụ, lưu ly thụ*” (Cây vàng, cây bạc, cây lưu ly): Trong phần trước, tôi đã nói Lưu Ly là Thanh Sắc Bảo. “*Pha lê thụ*” (Cây bằng pha lê): Pha lê (Sphatika) còn gọi là Thủy Tinh. Còn có “*san hô thụ*” (cây bằng san hô), còn có “*mã não thụ*” (cây bằng mã não), còn có “*xa cừ chi thụ*”, [tức là] cây bằng xa cừ. Đây là nói chung mỗi thứ cây do một thứ báu hợp thành.

Tiếp đó lại nói: “*Hoặc hữu nhị bảo, tam bảo, nãi chí thất bảo, chuyển cộng hợp thành*” (Hoặc có những cây bằng hai thứ báu, ba thứ báu, cho đến bảy báu, lần lượt cùng ghép thành): Những cây ấy trang nghiêm, chẳng phải là cứ một cội cây là do một thứ báu thành tựu, mà có khi là hai thứ báu, có khi là ba thứ báu, cho đến bảy báu, lần lượt cùng ghép thành, cho nên gọi chung là “*thất bảo thụ*” (cây bằng bảy báu). Kế đó, kinh nói về sự trang nghiêm của những cây do các thứ báu hợp thành. “*Hoặc hữu kim thụ, ngân diệp hoa quả*” [nghĩa là] cây này có thân bằng vàng, lá cây trên đó, đơm bông, kết trái, thấy đều là bạc; đây là cây do hai thứ báu hợp thành. “*Hoặc hữu ngân thụ, kim diệp hoa quả*” (Hoặc có cây bằng bạc, lá, hoa, quả bằng vàng): Câu này chẳng cần giảng, vừa xem đã hiểu ngay. “*Hoặc lưu ly thụ, pha lê vi diệp, hoa quả diệp nhiên. Hoặc thủy tinh thụ, lưu ly vi diệp, hoa quả diệp nhiên. Hoặc san hô thụ, mã não vi diệp, hoa quả diệp nhiên. Hoặc mã não thụ, lưu ly vi diệp, hoa quả diệp nhiên*” (Hoặc cây bằng lưu ly, pha lê làm lá, hoa quả cũng thế. Hoặc có cây bằng thủy tinh, lưu ly làm lá, hoa quả cũng thế. Hoặc có cây bằng san hô, mã não làm lá, hoa quả cũng thế. Hoặc có cây bằng mã não, lưu ly làm lá, hoa quả cũng thế). “*Hoặc xa cừ thụ, chúng bảo vi diệp*” (Hoặc có cây bằng xa cừ, các thứ báu làm lá): Chẳng phải là một thứ báu kết thành lá, mà là lá bằng các thứ báu. “*Hoa quả diệp nhiên*” (Hoa quả cũng thế): Đơm hoa, kết trái cũng do các thứ báu hợp thành.

“*Hoặc hữu bảo thụ, tử kim vi bản*” (Hoặc có cây báu, vàng tía làm gốc), “*vi bản*” là thân cây. “*Bạch ngân vi hành*” (Bạc trắng làm thân): Từ trên cây, mọc ra một cành lớn thì gọi là Hành (莖). “*Lưu ly vi chi*” (Lưu ly làm cành): Từ trên cành cây to, lại mọc ra những cành nhỏ hơn thì gọi là Chi (枝). “*Thủy tinh vi điều*” (Thủy tinh làm nhánh): Từ

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

trên cành cây nhỏ, lại mọc ra những nhánh nhỏ hơn thì gọi là Điều (條). “*San hô vi diệp*” (San hô làm lá): Từ nơi nhánh nhỏ nhất sanh ra thì mới gọi là Thụ Diệp (樹葉, lá cây). “*Mã não vi hoa, xa cừ vi thật*” (Mã não làm hoa, xa cừ làm quả): Thật (實) là quả. Những cây do bảy báu tạo thành đều là như vậy. Kế đó, [kinh văn] đều nói giống như vậy, đổi qua trao lại đều là bảy báu.

“*Hoặc hữu bảo thụ, bạch ngân vi bốn, lưu ly vi hành, thủy tinh vi chi, san hô vi điều, mã não vi diệp, xa cừ vi hoa, tử kim vi thật. Hoặc hữu bảo thụ, lưu ly vi bốn, thủy tinh vi hành, san hô vi chi, mã não vi điều, xa cừ vi diệp, tử kim vi hoa, bạch ngân vi thật. Hoặc hữu bảo thụ, thủy tinh vi bốn, san hô vi hành, mã não vi chi, xa cừ vi điều, tử kim vi diệp, bạch ngân vi hoa, lưu ly vi thật. Hoặc hữu bảo thụ, san hô vi bốn, mã não vi hành, xa cừ vi chi, tử kim vi điều, bạch ngân vi diệp, lưu ly vi hoa, thủy tinh vi thật. Hoặc hữu bảo thụ, mã não vi bốn, xa cừ vi hành, tử kim vi chi, bạch ngân vi điều, lưu ly vi diệp, thủy tinh vi hoa, san hô vi thật. Hoặc hữu bảo thụ, xa cừ vi bốn, tử kim vi hành, bạch ngân vi chi, lưu ly vi điều, thủy tinh vi diệp, san hô vi hoa, mã não vi thật*” (Hoặc có cây báu, bạch ngân làm gốc, lưu ly làm thân, thủy tinh làm cành, san hô làm nhánh, mã não làm lá, xa cừ làm hoa, tử kim làm quả. Hoặc có cây báu, lưu ly làm gốc, thủy tinh làm thân, san hô làm cành, mã não làm nhánh, xa cừ làm lá, tử kim làm hoa, bạch ngân làm quả. Hoặc có cây báu, thủy tinh làm gốc, san hô làm thân, mã não làm cành, xa cừ làm nhánh, tử kim làm lá, bạch ngân làm hoa, lưu ly làm quả. Hoặc có cây báu, san hô làm gốc, mã não làm thân, xa cừ làm cành, tử kim làm nhánh, bạch ngân làm lá, lưu ly làm hoa, thủy tinh làm quả. Hoặc có cây báu, mã não làm gốc, xa cừ làm thân, tử kim làm cành, bạch ngân làm nhánh, lưu ly làm lá, thủy tinh làm hoa, san hô làm quả. Hoặc có cây báu, xa cừ làm gốc, tử kim làm thân, bạch ngân làm cành, lưu ly làm nhánh, thủy tinh làm lá, san hô làm hoa, mã não làm quả). Đây là bảy báu lần lượt kết hợp thành một cội cây. Cội cây ấy trông hết sức trang nghiêm.

“*Hàng hàng tương trị, hành hành tương vọng, chi chi tương chuẩn, diệp diệp tương hướng, hoa hoa tương thuận, thật thật tương đương*” (Từng hàng cây ngang nhau, từng thân cây đối nhau, từng cành ngang nhau, từng lá hướng vào nhau, từng hoa thuận với nhau, từng trái to bằng nhau): Đoạn này sử dụng cách hành văn rất hay khéo, hình dung [những cây báu ấy] hết sức chinh tề. Từng cội cây một “*hàng*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

hàng tương trị”, chữ 行 phải đọc là Hàng (háng, 厂 尤). “Hàng hàng” là từng hàng một. “*Tương trị*”, “*tương vọng*”, “*tương chuẩn*” thấy đều [có nghĩa] là đối xứng với nhau. Từng hàng cây đều đối xứng, thân cây, cành cây như vừa được nhắc đến trên đây cũng đều đối xứng, nở hoa, kết quả đều là đối xứng. Đây là một thứ vẻ đẹp tề chỉnh. “*Vinh sắc quang diệu, bất khả thắng thị*” (Màu sắc rạng rỡ, ánh sáng chói rực, chẳng thể nhìn trọn): Hoàn toàn là các cây được trang nghiêm bằng bảy báu, nhìn vào sắc tướng của mỗi cây, [sẽ thấy] hết sức rạng rỡ. Từ trên sắc tướng rạng rỡ, lại còn có một loại ánh sáng chói ngời, “*bất khả thắng thị*” (chẳng thể nhìn trọn hết được), dùng mắt chúng ta để nhìn, chẳng thấy trọn hết sự trang nghiêm.

“*Thanh phong thời phát, xuất ngũ âm thanh, vi diệu cung thương, tự nhiên tương hòa*” (Gió mát đúng thời trời lên, [lùa qua cây báu] phát ra âm thanh ngũ âm, rẻo rất vi diệu, tự nhiên hòa hợp). “*Thanh phong thời phát*”: Gió rất vi tế, gọi là “*thanh phong*”, thỉnh thoảng lùa ra gió mát, thổi động các cành cây. Cành cây đều do bảy báu hợp thành, cành cây dễ bị thổi lay động, sẽ phát ra âm thanh tinh tinh tang tang, vang thành năm thứ âm thanh, rẻo rất vi diệu, tự nhiên hòa hợp. Phát ra năm âm thanh nào vậy? Chính là năm loại âm thanh trong âm nhạc. Âm nhạc tại Trung Hoa có năm loại âm thanh là Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ³², ở đây chỉ nói [hai âm là] “*Cung, Thương*”, còn có những âm Giốc, Chủy và Vũ. Năm loại âm thanh ấy đều có thể phát ra từ cây bảy báu, lại còn tự nhiên hòa hợp!

“*Hựu Vô Lượng Thọ Phật, kỳ đạo tràng thụ, cao tứ bách vạn lý*” (Lại nữa, cây đạo tràng của Vô Lượng Thọ Phật cao bốn trăm vạn dặm): Trong lời nguyện thứ hai mươi tám của A Di Đà Phật được chép ở phần trước có nói: Chúng sanh sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*bất năng tri kiến kỳ đạo tràng thụ, vô lượng quang sắc, cao tứ bách vạn lý giả, bất thủ Chánh Giác*” (chẳng thể biết, thấy cây đạo tràng có vô lượng quang minh và màu sắc, cao bốn trăm vạn dặm, sẽ chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác). Quý vị có thể trông thấy cây đạo tràng cao bốn trăm vạn dặm như vậy, vì sao sẽ trông thấy cao như vậy? Vì cây Bồ Đề ở Bồ Đề đạo tràng bèn cao như vậy. Bởi lẽ, dễ nói đến cây đạo tràng,

³² Thang nhạc của Trung Hoa chủ yếu là Ngũ Âm. Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ tương ứng với các note Do, Re, Mi, Sol, La trong nhạc lý Âu Tây. Về sau, còn có thêm hai âm là Biên Chủy (tương ứng với Fa thăng) và Biên Cung (còn gọi là Nhuận Cung), tương ứng với note (Si giáng). Kinh nói ngũ âm cho dễ hiểu, chứ tiếng nhạc nơi Cực Lạc không chỉ là thang âm ngũ cung.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

giống như Thích Ca Mâu Ni Như Lai thành Phật tại xứ Ấn Độ, cây Bồ Đề ở Bồ Đề đạo tràng cũng giống như thế. Tây Phương Cực Lạc thế giới là đạo tràng thành đạo của A Di Đà Phật, Bồ Đề đạo được gọi là “*đạo thụ*”. Nơi đạo tràng ấy có một đạo thụ, cao như thế nào? Cao đến bốn trăm vạn dặm. “*Kỳ bốn châu vi ngũ thiên do-tuần*”, tức là cây ấy cao bốn trăm vạn dặm, thân cây ấy lớn cỡ nào? Giáp vòng năm ngàn do-tuần. “*Chi diệp tứ bố nhị thập vạn lý*” (Cành lá xòe ra bốn phía hai mươi vạn dặm), nghĩa là cây ấy xòe ra chung quanh đến hai mươi vạn dặm. “*Nhất thiết chúng bảo tự nhiên hợp thành*” (Hết thảy các thứ báu tự nhiên hợp thành): Không chỉ là bảy thứ báu, mà là do các thứ báu hợp thành. “*Dĩ nguyệt quang ma-ni, trì hải luân bảo, chúng bảo chi vương, nhi trang nghiêm chi*” (Dùng nguyệt quang ma-ni và trì hải luân bảo là vua trong các thứ báu để trang nghiêm): Có một thứ ma-ni châu là nguyệt quang ma-ni châu, lại còn có một thứ “*trì hải luân bảo*” là vua trong các thứ báu để trang nghiêm cội cây ấy.

“*Châu táp điều gian, thùy bảo anh lạc*” [nghĩa là khoảng giữa các] cành cây và nhánh cây đều treo rủ chuỗi anh lạc báu. “*Bách thiên vạn sắc*” (Trăm ngàn vạn sắc) là màu của chất báu. “*Chủng chủng dị biến*” (Các thứ biến hiện khác lạ): Vì có nhiều chất báu, sẽ thấy không chỉ là một loại màu sắc. “*Vô lượng quang viêm, chiếu diệu vô cực*”: Các thứ quang minh của cây đạo tràng Bồ Đề chiếu sáng vô cùng vô cực. “*Trân diệu bảo võng, la phú kỳ thượng*” (Lưới báu quý đẹp che phủ trên đó): Trên cây báu còn được trang nghiêm bằng lưới màn báu quý đẹp, che phủ phía trên cây báu. “*Nhất thiết trang nghiêm, tùy ứng nhi hiện. Vi phong từ động, xuy chư bảo thụ, diễn xuất vô lượng diệu pháp âm thanh*” (Hết thảy các thứ trang nghiêm ứng theo lòng muốn mà hiện. Gió nhẹ thổi thông thả, lùa qua các cây báu, diễn ra vô lượng âm thanh diệu pháp): Phải chú ý! Câu này nói “*tùy ứng nhi hiện*”, thế nào là “*tùy ứng nhi hiện*”? Thuận theo tâm ý của chúng sanh, thuận theo căn cơ của chúng sanh mà hiện ra sự trang nghiêm.

Quý vị vừa mới sanh sang Tây Phương, quý vị cũng là bất thoái chuyển đây nhé! Bất thoái chuyển là Bồ Tát thuộc địa vị Thập Trụ, quý vị sẽ thấy sự trang nghiêm ít hơn. Quý vị là Bồ Tát thuộc địa vị Thập Hạnh, sẽ thấy nhiều hơn đôi chút, Bồ Tát thuộc địa vị Thập Hồi Hương sẽ thấy càng nhiều hơn, Thập Địa Bồ Tát lại càng nhiều hơn nữa. Tức là tùy theo căn cơ, tùy theo tâm ý của quý vị, quý vị thích thấy chất báu gì liền trông thấy chất báu ấy. “*Tùy ứng nhi hiện*” là tùy thuộc địa vị mà quý vị đã chứng, tùy thuộc tâm tư của quý vị. “*Vi phong từ động*”:

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

Gió nhẹ nhẹ. “*Từ động*” là thông thả lay động. “*Xuy chư bảo thụ*”: Thổi động cây báu đạo tràng. “*Diễn xuất vô lượng diệu pháp âm thanh*”: Vô tình có thể thuyết pháp, gió cũng là vô tình, cây cũng là vô tình, kết quả là chúng nó diễn xuất vô lượng âm thanh diệu pháp. Diễn xuất diệu pháp âm để làm gì? Lợi ích chúng sanh. “*Kỳ thanh lưu bố, biến chư Phật quốc*” (Âm thanh ấy lan truyền trọn khắp các cõi Phật), tức là cây Bồ Đề trong cõi Vô Lượng Thọ được gió nhẹ thổi lay động, bèn phát ra âm thanh vi diệu.

“*Văn kỳ âm giả, đắc thâm Pháp Nhãn, trụ Bất Thoái Chuyển, chí thành Phật đạo*” (Kẻ nghe âm thanh ấy, đắc Pháp Nhãn sâu xa, trụ trong Bất Thoái Chuyển cho đến khi thành Phật đạo): Đối với Pháp Nhãn, trong phần trước đã nói có ba loại Pháp Nhãn. Tiếp đó, [kinh văn] cũng sẽ nói. Thứ nhất là Âm Hưởng Nhãn, thứ hai là Nhu Thuận Nhãn, thứ ba là Vô Sanh Pháp Nhãn. “*Đắc thâm Pháp Nhãn*” (Đắc Pháp Nhãn sâu xa) là đạt đến loại thứ ba, tức Vô Sanh Pháp Nhãn. “*Trụ bất thoái chuyển*”: Trụ nơi địa vị bất thoái chuyển trong Thập Trụ Bồ Tát, đạt tới Sơ Địa Bồ Tát vẫn là bất thoái chuyển, Bát Địa Bồ Tát vẫn là bất thoái chuyển. Đạt được “*thâm Pháp Nhãn*” là đạt đến Bát Địa Bồ Tát. Do vị ấy là bất thoái chuyển, mà cũng là bất thoái chuyển cao nhất, mãi cho đến khi quý vị thành Phật đạo. Nghe âm thanh từ cây báu, có thể đạt được Pháp Nhãn sâu xa, trụ trong bất thoái chuyển, mãi cho đến khi thành Phật. Trước khi thành Phật, “*nhĩ căn thanh tịnh, bất tao khổ hoạn*” (căn tai trong trẻo, chẳng gặp khổ sở, hoạn nạn): Trước hết là đạt được Nhĩ Căn thanh tịnh. Quý vị chỉ cần nghe pháp âm do cây Bồ Đề diễn xuất, Nhĩ Căn của quý vị bèn thanh tịnh, chẳng còn gặp phải khổ sở, hoạn nạn. Nhĩ Căn gặp phải nỗi khổ sở, hoạn nạn gì vậy? Quý vị nghe âm thanh tham dục liền dấy động cái tâm tham dục, quý vị gặp khổ hoạn rồi! Quý vị nghe âm thanh chẳng vừa tai, quý vị dấy động sân hận, quý vị liền dấy lên nỗi khổ hoạn vì sân hận. Đây đều là do tai mà bị khổ hoạn. Nhĩ Căn thanh tịnh, sẽ chẳng còn dấy động tham dục, chẳng dấy động sân khuê, sẽ chẳng gặp khổ hoạn!

Trước hết là nói lợi ích do tai được nghe pháp âm, rồi lại nói đến mắt. “*Mục đở kỳ sắc*” là [mắt] trông thấy dáng vẻ quang minh trang nghiêm nơi cây báu. “*Tỳ tri kỳ hương*” (Mũi ngửi mùi hương), nghe mùi cây báu. “*Khẩu thường kỳ vị*” (Miệng nếm vị nó), [nghĩa là] cây báu trở hoa, kết quả, có thể nếm vị nơi trái của nó. “*Thân xúc kỳ quang*”: Quang minh từ cây báu chạm vào thân thể của chúng ta. “*Tâm dĩ pháp duyên*”: Tâm chúng ta, tức là ý của chúng ta, ý duyên theo

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

pháp cảnh, hoàn toàn sử dụng cảnh thuộc về Phật pháp. “*Giai đắc thậm thâm Pháp Nhãn, trụ Bất Thoái Chuyển, chí thành Phật đạo*” (Điều đắc Pháp Nhãn rất sâu, trụ Bất Thoái Chuyển, cho đến khi thành Phật đạo): Lục căn thấy đều đạt được Pháp Nhãn rất sâu, pháp ý thấy đều có thể trụ nơi Bất Thoái Chuyển, mãi cho đến khi thành Phật đạo. “*Lục căn thanh triệt, vô chư não hoạn*” (Sáu căn trong trẻo, không có các não hoạn): Điều này được gọi là địa vị “*lục căn thanh tịnh*”. Nếu phán định địa vị ấy, dựa theo cách phán định bốn giáo Tạng, Thông, Biệt, Viên của tông Thiên Thai, Viên Giáo Bồ Tát viên mãn Thập Hạnh thì mới gọi là “*lục căn thanh tịnh*”. Khi lục căn thanh tịnh, sẽ xa lìa hết thấy phiền não, tai ương, hoạn nạn.

Nói đến đây, Phật Thích Ca lại gọi một tiếng: “*A Nan! Nhược bị quốc độ thiên nhân, kiến thử thụ giả, đắc tam Pháp Nhãn. Nhất giả Âm Hưởng Nhãn, nhị giả Nhu Thuận Nhãn, tam giả Vô Sanh Pháp Nhãn*”, [ý nói]: Thiên chúng, nhân chúng trông thấy cây ấy, tức là thấy cây đạo tràng của Vô Lượng Thọ Phật, có thể đạt được ba món Pháp Nhãn, một là Âm Hưởng Nhãn, hai là Nhu Thuận Nhãn, ba là Vô Sanh Pháp Nhãn. Đối với pháp diệu lý Thật Tướng, an trụ bất động thì gọi là Nhãn.

1) Cái họ nghe đầu tiên là âm hưởng, [tức là] cây báu bị gió thổi lay động, [vang tiếng] lanh canh, tìng tang! Nghe thấy cây thuyết pháp, nghe thấy âm hưởng, từ đâu phát ra? Từ nơi cây, nghe cây bị gió lùa bèn thuyết pháp thì sao? Sẽ khai ngộ như thế ấy, hễ khai ngộ liền ngộ Vô Sanh Pháp Nhãn. Bước đầu tiên được gọi là Âm Hưởng Nhãn.

2) Bước thứ hai là Nhu Thuận Nhãn. Trí huệ đã sanh khởi, chẳng có phiền não, thân lẫn tâm đều nhu thuận, đạt được món Nhãn thứ hai.

3) Món thứ ba là Pháp Nhãn rất sâu có tên là Vô Sanh Pháp Nhãn. Vô Sanh Pháp là pháp Thật Tướng, là pháp bất sanh bất diệt. Có thể đích thân chứng Thật Tướng, an trụ trong lý thể Thật Tướng, trụ trong Vô Sanh Pháp Nhãn.

“*Thử giai Vô Lượng Thọ Phật oai thần lực cố, bốn nguyện lực cố, mãn túc nguyện cố, minh liễu nguyện cố, kiên cố nguyện cố, cứu cánh nguyện cố*” (Đây đều là do sức oai thần, sức bốn nguyện, sức nguyện trọn vẹn, sức nguyện hiểu rõ, sức nguyện kiên cố, sức nguyện rốt ráo): Vì sao cây báu thuyết pháp? Vì sao thiên chúng và nhân chúng đều có thể đạt được ba món Pháp Nhãn? Suy xét công đức ấy, vẫn quy về bản thân Vô Lượng Thọ Phật. Trên thực tế, Vô Lượng Thọ Phật oai đức và thần thông bậc nhất. Do từ “*bốn nguyện lực cố*” (sức bốn

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nguyện) của Ngài. Câu “*bốn nguyện*” nhằm nói đến tổng nguyện. Lúc ban sơ, Ngài phát ra bốn mươi tám đại nguyện, đây là nguyện căn bản của Ngài, sau đó còn có bốn nguyện đều là biệt nguyện. “*Mãn túc nguyện cố*”: Ngài nương vào nguyện mà dấy lên hạnh, Ngài muốn tu Bồ Tát đạo, tu Bồ Tát hạnh, [tâm nguyện ấy được] thỏa mãn, nên gọi là Mãn Túc Nguyện. “*Minh liễu nguyện cố*”: Minh Liễu Nguyện thuộc về trí huệ, hết thấy các pháp không gì chẳng hiểu rành rẽ, tức là đạt được đại trí huệ nguyện. “*Kiên cố nguyện cố*”: Đã là chẳng thể phá hoại. Tỳ-kheo Pháp Tạng lúc ban sơ phát thệ mong tu hành, đã gặp đủ thứ ma nạn, nhưng Ngài kiên cố bất hoại; đây chính là nguyện kiên cố. “*Cứu cánh nguyện cố*”: Rốt ráo viên mãn đại nguyện của Ngài. Vì thế mới thành tựu Tây Phương Cực Lạc thế giới đủ mọi thứ trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn, cho nên mới thành tựu cây đạo tràng có thể thuyết pháp. Chúng sanh nghe âm thanh ấy, sẽ đạt được lợi ích to lớn, chứng đắc ba món Pháp Nhẫn.

Tiếp đó, [Đức Phật] lại nói về âm nhạc trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Phật cáo A Nan: - Thế gian đế vương, hữu bách thiên âm nhạc*” (Đức Phật bảo ngài A Nan: - Đế vương trong thế gian có trăm ngàn thứ âm nhạc): Trong thế gian, phú quý nhất không ai hơn quốc vương. Âm nhạc của quốc vương nhiều đến trăm thứ, ngàn thứ. “*Tự Chuyển Luân Thánh Vương, nãi chí đệ lục thiên thượng*” (Tự Chuyển Luân Thánh Vương cho đến trên cõi trời thứ sáu): Trong nhân gian, quốc vương lớn nhất gọi là Chuyển Luân Thánh Vương, ông ta có thể thống lãnh bốn đại bộ châu, phước báo lớn hơn quốc vương mỗi nước, cho đến trên cõi trời, Tứ Thiên Vương Thiên, Đao Lợi Thiên, cho đến đệ lục thiên, còn gọi là Tha Hóa Tự Tại Thiên. “*Kỹ nhạc âm thanh*”, “*kỹ nhạc*” là tên gọi chung của âm nhạc, tất cả các âm thanh.

“*Triển chuyển tương thắng thiên ức vạn bội, đệ lục thiên thượng vạn chủng nhạc âm, bất như Vô Lượng Thọ quốc chư thất bảo thụ nhất chủng âm thanh thiên ức bội dã*” (Lần lượt thù thắng ngàn ức vạn lần, vạn thứ tiếng nhạc trên tầng trời thứ sáu chẳng bằng một phần ngàn ức lần một âm thanh nơi cây báu trong cõi Vô Lượng Thọ): Cứ mỗi tầng trời, âm nhạc lần lượt thù thắng hơn, không chỉ là một trăm, hai trăm lần, mà là đến “ngàn ức vạn lần”! Đến tầng trời thứ sáu, nó có vạn thứ âm nhạc, “*bất như Vô Lượng Thọ quốc chư thất bảo thụ nhất chủng âm thanh thiên ức bội dã*” [nghĩa là] trong thế giới Sa Bà, âm nhạc hay nhất là trên Tha Hóa Tự Tại Thiên. Tha Hóa Tự Tại Thiên có một vạn thứ âm nhạc, đem so với âm nhạc từ cây bảy báu trong Tây Phương

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Cực Lạc thế giới, so sánh với một thứ âm thanh nơi cây bảy báu vẫn chẳng bằng một phần ngàn ức!

2.2.2.2.3.2. Kỹ nhạc

(Kinh) Diệc hữu tự nhiên vạn chủng kỹ nhạc. Hựu kỳ nhạc thanh, vô phi pháp âm, thanh sướng ai lượng, vi diệu hòa nhã, thập phương thế giới âm thanh chi trung, tối vi đệ nhất.

(經)亦有自然萬種伎樂。又其樂聲，無非法音。清暢哀亮，微妙和雅，十方世界音聲之中，最為第一。

(Kinh: Cũng có muôn thứ kỹ nhạc tự nhiên. Lại nữa, tiếng nhạc ấy không gì chẳng phải là pháp âm, thanh tịnh, du dương, êm ái, rẻo rất, vi diệu hòa nhã, là bậc nhất trong các âm thanh của mười phương thế giới).

“*Diệc hữu tự nhiên vạn chủng kỹ nhạc*” (Cũng có muôn thứ kỹ nhạc tự nhiên): Trong phần trên, các cây bảy báu còn do gió thổi lay động [mà phát ra âm thanh; ở đây là] trong hư không tự nhiên có âm nhạc, không tấu mà tự kêu, tự nhiên có muôn thứ âm nhạc khác nhau. “*Hựu kỳ nhạc thanh, vô phi pháp âm*” [ý nói], hơn nữa, tiếng nhạc ấy không gì chẳng phải là pháp âm, bất luận âm thanh âm nhạc nào cũng đều là âm thanh thuyết pháp. Âm thanh hết sức êm tai dễ nghe, nên gọi là “*thanh sướng ai lượng*”. “*Thanh*” (清) là âm thanh rất thanh tịnh, “*sướng*” (暢) là âm thanh rất lưu loát, “*ai*” (哀) là âm thanh rất êm ái, thanh nhã, “*lượng*” (亮) là âm thanh rất vang rền. “*Vi diệu hòa nhã*”: Tán thán âm thanh ấy rất vi diệu chẳng thể nghĩ bàn, rất hòa nhã. “*Thập phương thế giới âm thanh chi trung tối vi đệ nhất*”, [ý nói] tiếng nhạc ấy tự nhiên, [các loại âm nhạc tuyệt hảo trong] mười phương thế giới đều chẳng bằng [tiếng nhạc trong] Tây Phương Cực Lạc thế giới. [Tiếng nhạc trong cõi Cực Lạc] là âm thanh bậc nhất.

2.2.2.2.3.3. Giảng đường, cung điện

(Kinh) Kỳ giảng đường, tinh xá, cung điện, lâu quán, giai thất bảo trang nghiêm, tự nhiên hóa thành. Phục dĩ chân châu, minh nguyệt, ma-ni, chúng bảo, dĩ vi giao lạc, phú cái kỳ thượng.

(經)其講堂、精舍、宮殿、樓觀，皆七寶莊嚴，自然

化成。復以真珠、明月、摩尼、眾寶，以為交絡，覆蓋其上。

(Kinh: Giảng đường, tinh xá, cung điện, lầu gác trong cõi ấy đều trang nghiêm bằng bảy báu, tự nhiên hóa thành. Lại dùng chân châu, minh nguyệt, ma-ni, các thứ báu để giăng xen, che phủ trên đó).

Lại nói “*kỳ giảng đường, tinh xá, cung điện, lầu quán*” (giảng đường, tinh xá, cung điện, lầu gác trong cõi ấy). “*Lâu quán*” chính là lầu gác, đều trang nghiêm bằng bảy báu, “*tự nhiên hóa thành*”, [ý nói] chẳng phải là do sức người tạo ra, tự nhiên biến hóa mà thành. “*Phục dĩ chân châu, minh nguyệt, ma-ni, chúng bảo, dĩ vi giao lạc*” (Lại dùng chân châu, minh nguyệt, ma-ni, các thứ báu để giăng xen): Trên những cung điện, lầu gác do bảy báu tạo thành ấy, lại có những món trang sức, như chân châu, minh nguyệt, đó là tên của các món báu, còn có ma-ni và các thứ báu giăng xen. Lại còn “*phủ cái kỳ thượng*” (che phủ bên trên). Đây là các thứ trang nghiêm, che phủ trên các lầu gác bằng bảy báu.

2.2.2.2.3.4. Tướng ao báu

(Kinh) Nội ngoại tả hữu, hữu chư dục trì, hoặc thập do-tuần, hoặc nhị thập, tam thập, nãi chí bách thiên do-tuần. Tung quảng thâm thiền, giai các nhất đẳng. Bát công đức thủy, trạm nhiên doanh mãn, thanh tịnh hương khiết, vị như cam lộ. Hoàng kim trì giả, để bạch ngân sa; bạch ngân trì giả, để hoàng kim sa; thủy tinh trì giả, để lưu ly sa; lưu ly trì giả, để thủy tinh sa; san hô trì giả, để hổ phách sa; hổ phách trì giả, để san hô sa; xa cừ trì giả, để mã não sa; mã não trì giả, để xa cừ sa; bạch ngọc trì giả, để tử kim sa; tử kim trì giả, để bạch ngọc sa. Hoặc hữu nhị bảo, tam bảo, nãi chí thất bảo, chuyển cộng hợp thành. Kỳ trì ngân thượng, hữu Chiên Đàn thụ, hoa điệp thùy bồ, hương khí phổ huân. Thiên Ưu-bát-la hoa, Bát-đàm-ma hoa, Câu-mâu-đầu hoa, Phân-đà-lợi hoa, tạp sắc quang mậu, di phú thủy thượng. Bỉ chư Bồ Tát, cập Thanh Văn chúng, nhược nhập bảo trì, ý dục linh thủy một tức, thủy tức một tức; dục linh chí tất, tức chí u tất; dục linh chí yêu, thủy tức chí yêu; dục linh chí cảnh, thủy tức chí cảnh; dục linh quán thân, tự nhiên quán thân; dục linh hoàn phục, thủy triếp hoàn phục. Điều hòa lãnh noãn, tự

nhiên tùy ý. Khai thân duyệt thể, dăng trừ tâm cấu. Thanh minh trừng khiết, tịnh nhược vô hình. Bảo sa ánh triệt, vô thâm bất chiếu. Vi lan hồi lưu, chuyển tương quán chú. An tường từ thệ, bất trì, bất tật. Ba dương vô lượng tự nhiên diệu thanh, tùy kỳ sở ứng, mạc bất văn giả, hoặc văn Phật thanh, hoặc văn Pháp thanh, hoặc văn Tăng thanh, hoặc tịch tĩnh thanh, Không, Vô Ngã thanh, đại từ bi thanh, Ba La Mật thanh, hoặc Thập Lực, Vô Úy, Bất Cộng Pháp thanh, chư thông huệ thanh, vô sở tác thanh, bất khởi diệt thanh, Vô Sanh Nhân thanh, nãi chí cam lộ quán đảnh, chúng diệu pháp thanh. Như thị đẳng thanh, xứng kỳ sở văn, hoan hỷ vô lượng. Tùy thuận thanh tịnh lý dục tịch diệt chân thật chí nghĩa, tùy thuận Tam Bảo, lực, vô sở vị bất cộng chi pháp, tùy thuận thông huệ Bồ Tát, Thanh Văn sở hành chi đạo. Vô hữu tam đồ khổ nạn chi danh, đản hữu tự nhiên khoái lạc chi âm. Thị cố kỳ quốc, danh viết An Lạc.

(經)內外左右，有諸浴池，或十由旬，或二十、三十，乃至百千由旬。縱廣深淺，皆各一等。八功德水，湛然盈滿，清淨香潔，味如甘露。黃金池者，底白銀沙；白銀池者，底黃金沙；水精池者，底琉璃沙；琉璃池者，底水精沙；珊瑚池者，底琥珀沙；琥珀池者，底珊瑚沙；磤磤池者，底碼磤沙；碼磤池者，底磤磤沙；白玉池者，底紫金沙；紫金池者，底白玉沙。或有二寶三寶，乃至七寶，轉共合成。其池岸上，有栴檀樹，華葉垂布，香氣普熏。天優鉢羅華、鉢曇摩華、拘牟頭華、分陀利華，雜色光茂，彌覆水上。彼諸菩薩，及聲聞眾，若入寶池，意欲令水沒足，水即沒足；欲令至膝，即至於膝；欲令至腰，水即至腰；欲令至頸，水即至頸；欲令灌身，自然灌身；欲令還復，水輒還復。調和冷暖，自然隨意。開神悅體，蕩除心垢。清明澄潔，淨若無形。寶沙映徹，無深不照。微瀾迴流，轉相灌注。安詳徐逝，不遲不疾。波揚無量自然妙聲，隨其所應，莫不聞者。或聞佛聲，或聞法聲，或聞僧聲，或寂靜聲，空無我聲，大慈悲聲，波羅蜜聲，或十力、無畏、不共法聲，諸通慧聲，無所作聲，不起滅聲，無

生忍聲，乃至甘露灌頂，眾妙法聲。如是等聲，稱其所聞，歡喜無量。隨順清淨離欲寂滅真實之義，隨順三寶、力、無所謂不共之法，隨順通慧菩薩聲聞所行之道。無有三塗苦難之名，但有自然快樂之音。是故其國，名曰安樂。

(Kinh: Trong, ngoài, trái, phải, có các ao tắm, hoặc là mười do-tuần, hoặc hai mươi, ba mươi, cho đến trăm ngàn do-tuần. Ngang, dọc, sâu, cạn đều cùng một loại. Nước tám công đức lắng trong đầy ắp, thanh tịnh, thơm, sạch, vị như cam lộ. Ao vàng ròng, đáy trái cát bạc trắng. Ao bạc trắng, đáy trái cát vàng ròng. Ao thủy tinh, đáy trái cát lưu ly. Ao lưu ly, đáy trái cát thủy tinh. Ao san hô, đáy trái cát hổ phách. Ao hổ phách, đáy trái cát san hô. Ao xa cừ, đáy trái cát mã não. Ao mã não, đáy trái cát xa cừ. Ao bạch ngọc, đáy trái cát vàng tía. Ao vàng tía, đáy trái cát bạch ngọc. Hoặc có hai thứ báu, ba thứ báu, cho đến bảy báu, lần lượt cùng hợp thành. Trên bờ ao, có cây Chiên Đàn, hoa lá che rủ, mùi hương xông khắp. Hoa trời Ưu-bát-la, hoa Bát-đàm-ma, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Phân-đà-lợi, nhiều màu rạng rỡ, tươi tốt, che kín mặt nước. Các vị Bồ Tát và Thanh Văn ấy, nếu vào ao báu, ý muốn nước ngập chân, nước liền ngập chân. Muốn nước đến gối, liền ngập đến gối. Muốn ngập đến eo, nước liền ngập đến eo. Muốn ngập tới cổ, nước liền ngập tới cổ. Muốn nước xối thân, tự nhiên xối thân. Muốn nước trở lại như cũ, nước liền trở lại. Lạnh ấm điều hòa, tự nhiên tùy ý, sáng khoái tinh thần, thân thể thư thái, gột sạch cấu nhơ trong tâm. Nước trong sáng, lặng sạch, thanh tịnh dường như vô hình. Cát báu chiếu rực, dầu sâu cách mấy vẫn soi thấu. Sóng nhẹ lan vòng quanh, lần lượt tưới rớt lẫn nhau, an tường thông thả chảy đi, chẳng chậm, chẳng nhanh. Sóng vỗ phát ra vô lượng âm thanh mâu nhiệm tự nhiên, ứng hiện tùy thuận, không ai chẳng nghe tiếng, hoặc nghe tiếng Phật, hoặc nghe tiếng Pháp, hoặc nghe tiếng Tăng, hoặc tiếng tịch tĩnh, tiếng Không, Vô Ngã, tiếng đại từ bi, tiếng Ba La Mật, hoặc tiếng Thập Lực, Vô Úy, Bát Cọng Pháp, tiếng các thông huệ, tiếng vô sở tác, tiếng chẳng khởi diệt, tiếng Vô Sanh Nhẫn, cho đến tiếng cam lộ quán đảnh, các thứ diệu pháp. Những tiếng như vậy, xứng ý người nghe, [khiến cho họ] hoan hỷ vô lượng, tùy thuận ý nghĩa thanh tịnh ly dục tịch diệt chân thật, tùy thuận Tam Bảo, lực, không gì chẳng nói về pháp bát cọng, tùy thuận đạo được hành bởi bậc thông huệ Bồ Tát, Thanh Văn, chẳng có tiếng tam đồ khổ nạn, chỉ có âm thanh tự nhiên vui sướng. Do vậy, cõi nước ấy có tên là An Lạc).

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Lại nói đến “*nội ngoại tả hữu, hữu chư dục trì*” (trong, ngoài, trái, phải, có các ao tắm), ngoài các lầu gác bảy báu đều có các “*dục trì*”. “*Dục trì*” (浴池) là cái ao nước để tắm rửa. “*Hoặc thập do-tuần, hoặc nhị thập, tam thập*”, [ý nói] hoặc là to rộng mười do-tuần, hoặc là hai mươi do-tuần, ba mươi do-tuần. “*Nãi chí bách thiên do-tuần, tung quảng thâm thiên, giai các nhất đẳng*” (Cho đến trăm ngàn do-tuần, ngang, dọc, sâu, cạn, đều cùng một loại): Theo chiều dọc là Tung (縱), theo chiều ngang là Quảng (廣). Sâu hay cạn đều như nhau, đó gọi là “*nhất đẳng*” (cùng một loại). “*Bách thiên do-tuần*” (Trăm ngàn do-tuần) cũng là như vậy. Trong ao, “*bát công đức thủy, trạm nhiên doanh mãn, thanh tịnh hương khiết, vị như cam lộ*” (nước tám công đức lắng trong đầy ắp, thanh tịnh, thơm sạch, vị như cam lộ). [Đối với các đặc tánh của] nước tám công đức, ở đây chỉ nói đến mấy loại. Trong kinh A Di Đà cũng có nói: “*Bát công đức thủy, sung mãn kỳ trung*” (Nước tám công đức đầy ắp trong đó).

Nay tôi nói đôi chút về nước tám công đức. Thứ nhất là trong lặng. Thứ hai là trong lạnh. Thứ ba là ngon ngọt, hương vị rất ngon lành. Thứ tư là mềm nhẹ, nước rất nhẹ, rất mềm mại. Thứ năm là tươi nhuận, nước xối lên thân hết sức nhuần thấm. Thứ sáu là an hòa, trọn chẳng giống như nước trong cõi này chảy rất xiết, hung bạo; nước trong cõi ấy rất an hòa. Thứ bảy là trừ đói khát, khi quý vị uống nước ấy, có thể trừ đói, trừ khát, lại còn có thể trừ hết thầy bệnh hoạn. Thứ tám là trường dưỡng các căn. Sau khi quý vị uống nước ấy, có thể trường dưỡng các căn, lại còn có thể tăng thêm Tứ Đại của quý vị, giống như ăn những món đồ bổ dưỡng vậy. “*Bát công đức thủy, trạm nhiên doanh mãn*” (Nước tám công đức trong lặng đầy ắp): Kinh A Di Đà chép: “*Cực Lạc quốc độ hữu thất bảo trì, bát công đức thủy, sung mãn kỳ trung... vi diệu hương khiết*” (Cõi nước Cực Lạc có ao bảy báu, nước tám công đức đầy ắp trong đó... vi diệu thơm sạch). “*Thanh tịnh hương khiết*”: Nước tám công đức có phẩm đức thanh tịnh, có phẩm đức thơm sạch. “*Vị như cam lộ*” tức là ngon ngọt, là một trong những điểm đặc sắc của nước tám công đức.

Tiếp đó, lại nói về sự trang nghiêm của cái ao, toàn là dùng bảy báu để trang nghiêm. “*Hoàng kim trì giả, để bạch ngân sa. Bạch ngân trì giả, để hoàng kim sa. Thủy tinh trì giả, để lưu ly sa. Lưu ly trì giả, để thủy tinh sa. San hô trì giả, để hổ phách sa. Hổ phách trì giả, để san hô sa. Xa cừ trì giả, để mã não sa. Mã não trì giả, để xa cừ sa. Bạch ngọc trì giả, để tử kim sa. Tử kim trì giả, để bạch ngọc sa*” (Ao bằng

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

vàng ròng, đáy trải cát bạc trắng. Ao bằng bạc trắng, đáy trải cát vàng ròng. Ao bằng thủy tinh, đáy trải cát lưu ly. Ao bằng lưu ly, đáy trải cát thủy tinh. Ao bằng san hô, đáy trải cát hổ phách. Ao bằng hổ phách, đáy trải cát san hô. Ao bằng xa cừ, đáy trải cát mã não. Ao bằng mã não, đáy trải cát xa cừ. Ao bằng bạch ngọc, đáy trải cát vàng tía. Ao bằng vàng tía, đáy trải cát bạch ngọc): Đây là những ao làm bằng một thứ báu, cát bằng một thứ báu khác. “*Hoặc hữu nhị bảo, tam bảo*” (Hoặc [có ao] bằng hai thứ báu, ba thứ báu): Có hai thứ báu, còn có ba thứ báu [để hợp thành ao và cát trải đáy]. “*Nãi chí thất bảo, chuyển cộng hợp thành*” (Cho đến bảy báu, lần lượt cùng hợp thành).

“*Kỳ trì ngạn thượng, hữu Chiên Đàn thụ*” (Trên bờ ao, có cây Chiên Đàn) để trang nghiêm. Cây Chiên Đàn chính là một loại cây có mùi thơm nhất. “*Hoa diệp thụy bố*”, [nghĩa là] hoa và lá của cây Chiên Đàn đều rủ xuống che phủ. “*Hương khí phổ huân*” (Mùi hương xông khắp): Trên bờ các ao ấy, có cây Chiên Đàn trang nghiêm. Lại nói trong các ao nước ấy có hoa sen bốn màu. “*Thiên Ưu-bát-la hoa*” (Utpala) chính là hoa sen màu xanh. “*Bát-đàm-ma hoa*” (Padma) là hoa sen màu hồng. “*Câu-mâu-đầu hoa*” (Kumuda) chính là hoa sen màu vàng. “*Phân-đà-lợi hoa*” (Punḍarīkā) là hoa sen màu trắng. “*Tap sacc quang mậu, di phú thủy thượng*” (Nhiều màu rạng rỡ, tươi tắn, che phủ mặt nước): Có hoa sen bốn màu, còn có những màu sắc khác xen lẫn trong ấy, đều tỏa ánh sáng. Đây chính là như kinh A Di Đà chép: “*Thanh sắc thanh quang, hoàng sắc hoàng quang, xích sắc xích quang, bạch sắc bạch quang*”, quang minh hết sức tươi đẹp. “*Di phú thủy thượng*” [nghĩa là] che phủ kín mặt ao.

Đã nói đến sự trang nghiêm của ao hoa sen, lại nói đến trong ao có bốn thứ hoa sen. Điều này hết sức quan trọng đối với những người niệm Phật sanh về Tây Phương như chúng ta. Vì ao hoa sen chính là nơi chúng ta sẽ thọ sanh, hoa sen là mẹ của chúng ta. Do vậy, quan trọng lắm! Kinh A Di Đà nói hoa sen bốn màu, ở đây cũng nói hoa sen bốn màu. Vì sao không nói năm màu, sáu màu? Đây là vì chúng sanh sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, không cần biết là đời nghiệp vãng sanh, hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là bất thoái chuyển. Bất thoái chuyển chính là ngũ Chánh Định Tự. Đã ngũ Chánh Định Tự thì địa vị nông cạn nhất là địa vị Thập Trụ. Cao hơn một chút là địa vị Thập Hạnh, cao hơn chút nữa là địa vị Thập Hồi Hướng, cao hơn nữa là địa vị Thập Địa. Những địa vị này được gọi là Tam Hiền Thập Thánh. Công phu cạn hay sâu chẳng ra ngoài bốn loại địa vị ấy.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Hoa sen bốn màu biểu thị bốn địa vị thuộc Tam Hiền Thập Thánh. Hoa sen bốn màu còn có quang minh, đây là vì trong hoa sen có một chúng sanh niệm Phật vãng sanh ở trong ấy. Chúng sanh niệm Phật vãng sanh ấy thân thể có quang minh, cho nên hoa sen ấy mới có quang minh. “*Thiên*” Ưu-bát-la hoa, Thiên có nghĩa là tự nhiên. Hoa sen ấy do A Di Đà Phật gieo trồng ư? Chẳng phải! Chúng là tự nhiên sanh thành, đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

Chúng sanh trong mười phương thế giới có tín tâm đối với pháp môn Tịnh Độ, nếu quý vị phát nguyện vãng sanh, bắt đầu niệm Vô Lượng Thọ Phật, trọn đủ ba tư lương Tín - Nguyện - Hạnh, có tín tâm, có nguyện lực, bắt đầu tu hành bằng cách niệm Phật, trong ao hoa sen nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn nảy sanh một búp sen. Quý vị ở nơi đây niệm càng tinh tấn, búp hoa sen ấy càng nảy nở to lớn. Quý vị niệm Phật mà giải đãi, hoa sen chẳng tăng trưởng. Càng giải đãi hơn, hoa sen héo rũ. Giải đãi hơn nữa, hoa sen chẳng còn. Đây cũng là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Trong thế giới Sa Bà này, chúng ta có thọ mạng nhất định, quý vị đáng nên sống đến tám mươi tuổi, đáng nên sống đến một trăm hai mươi tuổi, tới khi quý vị báo tận, A Di Đà Phật sẽ đến đón chúng ta. Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát thay đều đến đón chúng ta. Trong bốn mươi tám nguyện do A Di Đà Phật đã phát, có nguyện này, tức là Ngài sẽ cầm đóa hoa sen [được sanh ra trong ao bảy báu] do quý vị niệm Phật đến đón quý vị. Khi Ngài đến đón quý vị, quý vị sẽ thấy A Di Đà Phật và rất nhiều vị Bồ Tát đến tiếp dẫn. Quý vị ngồi vào trong hoa sen, A Di Đà Phật bèn mang quý vị sang phương Tây, mang tới ao hoa sen. Hễ hoa sen nở, quý vị trông thấy A Di Đà Phật, đó gọi là “*hoa khai kiến Phật*” (hoa nở thấy Phật), A Di Đà Phật bèn thuyết pháp cho quý vị. Hễ Ngài thuyết pháp, quý vị bèn chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Trong phần trước đã nói Tây Phương Cực Lạc thế giới có rất nhiều ao tắm, có ao lớn mà cũng có ao nhỏ. Có ao to một do-tuần, có ao to mười do-tuần, có ao to hai mươi, ba mươi, cho đến to một ngàn do-tuần. Trong ao có nước tám công đức, còn có hoa sen bốn màu thù thắng. Tiếp đó, kinh nói nước trong ao tắm có thể [làm cho người vào tắm trong ao] hài lòng như ý. “*Bỉ chư Bồ Tát, cập Thanh Văn chúng, nhược nhập bảo trì, ý dục linh thủy một tức, thủy tức một tức; dục linh chí tất, tức chí ư tất; dục linh chí yêu, thủy tức chí yêu; dục linh chí cảnh, thủy tức chí cảnh; dục linh quán thân, tự nhiên quán thân; dục linh hoàn phục, thủy triếp hoàn phục*” (Các vị Bồ Tát và Thanh Văn ấy

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nếu vào trong ao báu, ý muốn khiến cho nước ngập chân, nước liền ngập chân. Muốn nước đến gôi, nước liền đến gôi. Muốn nước đến eo, nước liền đến eo. Muốn nước đến cổ, nước liền đến cổ. Muốn nước xối thân, tự nhiên nước xối thân. Muốn nước trở lại như cũ, nước liền trở lại): Chữ Bỉ (彼) chỉ các vị Bồ Tát và đại chúng Thanh Văn trong thế giới An Lạc. “*Nhược nhập bảo trì, ý dục linh thủy một tức*” (Nếu vào trong ao báu, ý muốn nước ngập chân): Vào trong ao bảy báu, muốn tắm rửa, trong tâm đầy động ý niệm, nước sẽ tuân theo ý niệm vừa động, muốn nước ngập chân ta, nước bèn theo ý niệm dâng lên ngập chân ta. Trong tâm quý vị đầy lên ý niệm, muốn nước tới đầu gôi, nó sẽ lên đến đầu gôi. Muốn nước đến thắt lưng, nó sẽ ngập tới thắt lưng. Muốn ngập tới đầu cổ, nước sẽ dâng tới đầu cổ. Muốn nước xối lên thân, nó sẽ từ trên xối xuống thân thể, xối từ trên đầu xuống. Tắm rửa xong xuôi, mong nước khôi phục trạng thái như cũ, nước liền khôi phục trạng thái cũ. Đây chính là nước trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Không chỉ là nước tám công đức, mà còn có thể vừa lòng như ý.

“*Điều hòa lãnh noãn, tự nhiên tùy ý*” (Điều hòa lạnh ấm, tự nhiên tùy ý): Tùy tâm của quý vị, muốn nước lạnh, nó liền biến thành nước lạnh. Quý vị muốn nước ấm áp, tự nhiên nó có thể thuận theo tâm ý của quý vị, lạnh hay ấm thuận theo tâm ý của quý vị. “*Khai thân duyệt thể, dăng trừ tâm cấu*” (Sảng khoái tinh thần, thư thái thân thể, gột sạch cấu nhơ trong tâm): Tắm rửa trong ao, gột rửa tinh thần rất hoan hỷ, thân thể rất thoải mái, vui sướng, tức là tắm bằng nước tám công đức, tinh thần rất tốt đẹp mà thân thể cũng rất tốt đẹp. Lại còn “*dăng trừ tâm cấu*”: Tắm rửa nhằm gột rửa những chất dơ bẩn trên thân thể. Nước tám công đức không chỉ trừ sạch chất nhơ trên thân, mà còn gột sạch những chất nhơ trong tâm, gột sạch những phiền não nhơ bẩn trong tâm. “*Thanh minh trong khiết, tịnh nhược vô hình*” (Trong trẻo, lắng sạch, tịnh như không có hình chất): Đây là hai thứ công đức của nước tám công đức, một thứ là công đức thanh khiết, hai là công đức lắng sạch. Nước trong ao tắm hết sức trong trẻo, hết sức lắng sạch. “*Tịnh nhược vô hình*” (Tịnh như không có hình chất): Trong sạch dường ấy, tịnh dường ấy, tịnh đến mức độ nào? Tịnh đến nỗi nước dường như không có hình dạng của nước!

“*Bảo sa ánh triệt, vô thâm bất chiếu*” (Cát báu chói rọi, không chỗ nào sâu đến đâu mà chẳng chiếu thấu): Đây nước đều có cát bằng bảy báu, vàng ròng làm đất, cát báu dưới đáy nước trông thấy rất rõ ràng, vì sao vậy? Chính là vì nước rất thanh tịnh. Nói đến sự thanh

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

kiết của nước, thanh khiết đến nỗi dường như chẳng có nước, nhưng nếu nước chẳng lưu động, sẽ biến thành nước lặn, như vậy thì cũng chẳng có gì là dễ coi! “*Vi lan hồi lưu, chuyển tương quán chú*” (Sóng nhẹ lan tỏa giáp vòng, lần lượt tưới rót lẫn nhau): “*Vi*” (微) là nước gợn sóng rất nhẹ. Thoạt nhìn dường như nước không có hình dạng nước, nó vẫn chảy tới chảy lui. Nước như vậy nhìn giống như nước sóng động, rất dễ coi! “*Chuyển tương quán chú*” (Lần lượt tưới rót lẫn nhau): Nước từ cái ao này chảy sang cái ao kia, nước từ cái ao kia chảy vào cái ao này. “*An tường từ thệ*” (An tường, thông thả chảy): Tuy nước chảy tới chảy lui, nhưng rất an tường, chẳng chảy xiết, ào ạt. Đây cũng là một điểm đặc sắc của nước tám công đức. “*Bất trì, bất tận*” (Chẳng chậm, chẳng nhanh): Quý vị thấy nó chảy tới chảy lui, “*bất trì*” không phải quá chậm, “*bất tận*” cũng không phải là chảy quá nhanh!

Tây Phương Cực Lạc thế giới trọn đủ các đức. Quý vị thấy cây bầy bấu có thể sanh khởi sự vui sướng. Trông thấy ao bầy bấu, thấy nước tám công đức trong ấy, tắm gội, hết sức vui sướng. Những chuyện này đều phải là ở tại Tây Phương Cực Lạc thế giới thì mới có thể thành tựu công đức ấy. Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là thế giới của A Di Đà Phật, do Vô Lượng Thọ Phật thành tựu. Nước trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là do công đức của A Di Đà Phật thành tựu. Chúng sanh vãng sanh thế giới Cực Lạc cũng có loại công đức ấy. Vì chúng sanh vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, họ niệm Phật cầu vãng sanh, cũng phải làm rất nhiều công đức. Kinh A Di Đà đã chép: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy). Phải có nhiều thiện căn, nhiều phước đức, họ làm không ít công đức, đều hồi hướng về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do đó, Tây Phương Cực Lạc thế giới được thành tựu bởi công đức của A Di Đà Phật, mà cũng được thành tựu bởi công đức của các chúng sanh vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Công đức của Tây Phương Cực Lạc thế giới là công đức chẳng thể nghĩ bàn. Nhân như thế nào, đạt được quả như thế ấy, Phật Di Đà tạo nhân, đạt được quả đương nhiên là chẳng thể nghĩ bàn!

Chúng tôi liền lấy ngay chuyện nước trong mấy hôm nay, dùng Phật lý để nói với quý vị mấy câu. Chúng ta học Phật pháp thì phải tu hành, một mặt là phải tu phước, mặt khác là phải tu huệ. Đó gọi là “*phước huệ song tu*”. Chỉ tu phước báo, tu những phước ngu si, đời sau, đời kế, chuyển sanh thành một người hưởng đại phú đại quý, đời

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

sau, đòi kể sanh lên trời, hưởng phước trời, niềm vui ngũ dục chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng hưởng xong phước báo trong nhân gian, hoặc hưởng hết phước trời, vẫn phải luân hồi xuống thấp hơn. Đòi thứ ba quyết định chịu đựng nỗi khổ luân hồi. Do vậy, đức Phật chỉ dạy chúng ta, chẳng bảo chúng ta cầu phước báo nhân thiên, tức là đừng nên tu phước ngu si, chớ nên chỉ tu phước báo. Vừa tu phước, lại còn vừa phải tu huệ. Tu Phật pháp, chỉ tu trí huệ, chẳng tu phước báo, cũng là sai lầm! Hàng Nhị Thừa chỉ cầu trí huệ, họ chứng đắc lý Ngã Không, liền trốn thoát tam giới, họ chẳng tu phước, mà cũng chẳng độ chúng sanh. Chúng sanh chẳng được hưởng một tí quang minh của họ. Nếu quý vị là một vị A La Hán thì sẽ làm gì? Tự quý vị đã đạt được điều tốt lành, chúng tôi mong hưởng ké sự tươi đẹp của quý vị, chẳng được lợi ích!

Do vậy, chỉ tu trí huệ cũng là lệch về một bên, ắt cần phải phước huệ song tu. Quý vị nhìn vào mọi người trong xã hội hiện thời, sẽ có thể hiểu rõ. Có những người thiên về phước báo, có những người thiên về trí huệ. Phật giáo nói đến đời trước, kiếp trước, quý vị thấy có những người phước báo rất lớn. Không chỉ là chẳng có trí huệ nơi Phật pháp, mà học vấn thế gian cũng chẳng có, viết một lá thư thông thường cũng chẳng viết nổi, nhưng họ phát tài rất mau chóng! Đây là chuyện như thế nào vậy? Đời trước, kiếp trước đã vun bồi phước báo, nhưng không có trí huệ. Trong xã hội, có những người học vấn rất tốt đẹp, cầm bút lên, vẩy vùn tiêu sái như bõn. Có người viết một bài văn, viết mấy ngày cũng chẳng viết nổi. Người trên đây thì đứng cũng có thể viết thành một bài văn rất nhanh, chẳng cần ngồi xuống ghé, văn chương đã viết xong ngon lành, nhưng cái ăn trở thành một vấn đề, trong nhà chẳng có tiền, mà cũng chẳng có gạo! Người đó thông minh dường ấy, có học vấn như thế ấy, có sao chẳng có cơm ăn? Đời trước, kiếp trước vun bồi huệ, chẳng tu phước! Quý vị hiểu ngay đạo lý này.

Lại nhìn vào hàng Phật giáo đồ, có những vị Phật tử thích vun bồi phước, trên là cúng Tam Bảo, dưới cứu độ chúng sanh, họ hoan hỷ bỏ tiền dốc sức, nhưng quý vị khuyên họ đến nghe kinh, họ chẳng đến, hoặc miễn cưỡng đến, cũng ngồi chẳng yên, hôm sau họ không tới nữa! Có người hễ nghe kinh thì gió mưa chẳng cản được, hôm nay chẳng bị mưa đương nhiên là họ đến, dẫu trời mưa họ vẫn đến. Mưa gió không cản trở được! Hễ có pháp sư giảng kinh, họ liền đến nghe, nhưng quý vị bảo họ “*trên là cúng Tam Bảo, dưới là cứu chúng sanh*”, bỏ ra chút tiền, hoặc bỏ chút sức, họ chẳng phát tâm. Đây là chứng bệnh gì vậy? Tập khí mang theo từ đời trước, kiếp trước khác biệt. Những Phật tử ấy

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

trong đời trước, kiếp trước đã vun bồi phước, cho nên đối với chuyện “trên là cúng Tam Bảo, dưới là cứu chúng sanh” do tập khí đối đãi người khác sẽ thích làm, nhưng họ chẳng có tập khí nghe kinh, cầu huệ. Kẻ thích nghe kinh, chẳng thích “trên là cúng Tam Bảo, dưới là cứu chúng sanh”, là do tập tánh từ đời trước, kiếp trước đem lại. Mỗi người có điều thiên trọng riêng.

Kẻ chẳng học Phật, chúng ta chẳng quản được! Đã là Phật giáo đồ, quý vị phải sửa đổi những tập tánh lệch lạc ấy, phải phước huệ song tu. Chỉ tu phước, chẳng tu huệ, cứ tu phước ngu si, đời sau, đời kế sẽ hưởng phước báo nhân thiên, đời thứ ba sẽ hứng chịu nỗi khổ! Chỉ tu trí huệ, chẳng tu phước báo, sẽ khiến cho quý vị chứng đắc quả A La Hán, vẫn chẳng kết duyên với chúng sanh. Chớ nên đi lệch đường, nhất định phải là phước huệ song tu. Tu sao cho phước trọn đủ, huệ trọn đủ, là đáng Lương Túc Tôn thì mới thành Phật. Nếu không, sẽ chẳng thành Phật. Làm việc trong giảng đường, phước huệ song tu thì có, nhưng nếu quý vị thiên trọng tu huệ, nhất định phải chú ý tu phước. Tu phước còn phải chú ý vun bồi phước báo, chớ nên xả phước.

Sanh trong thời đại này, cũng chính là thời đại được gọi là “*khoa học kỹ thuật phát triển*”, sự hưởng thụ trong cuộc sống của con người luôn được nâng cao. Chính họ có bản lãnh có thể cải thiện cuộc sống của chính mình, vì sao chẳng cải thiện? Cải thiện chính là sửa cho tốt đẹp. Sửa cho tốt đẹp chính là nâng cao. Chuyện này chẳng sai lầm, nhưng quý vị chớ nên phá hỏng phước báo. “*Phá hỏng*” chính là lạm dụng phước báo. Lạm dụng phước báo tức là bỏ mất phước báo. Bỏ mất phước báo thì trong tương lai sẽ phải chịu khổ. Nói đến nước dùng, hiện thời do thừa hưởng tiện nghi khoa học, nhà nào cũng đều có nước máy. Vặn vòi nước, nước liền chảy ra. Đã thế, muốn có nước nóng bèn có nước nóng, muốn nước lạnh sẽ có nước lạnh, quá thuận tiện! Các nhà khoa học chỉ nghiên cứu sao cho quý vị được tăng thêm sự hưởng thụ, họ chẳng phải là những nhà tôn giáo, sẽ chẳng khuyên quý vị phải làm như thế nào để tiết kiệm sử dụng nước.

Dùng nước quá nhiều chính là bỏ mất phước báo. Lời này là do các nhà tôn giáo nói, những tôn giáo khác chẳng nói rõ, chỉ có Phật giáo nói phải nên dùng như thế nào? Đáng nên dùng thì mới dùng, chẳng đáng nên dùng mà lạm dụng, đấy là không đúng. Tu phước, đừng nên xả phước. Không phải chỉ có Phật giáo nói [như thế], mà trong xã hội cũng có đạo lý ấy. Mọi người phải chú trọng đạo đức, đạo đức cá nhân lẫn đạo đức chung đều phải chú trọng, nhưng thời thế hiện

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

tại bất hảo, nếu kẻ nào nói đến đạo đức, sẽ [bị chê bai] là lạc hậu. Mọi người đều chẳng đề xướng, chẳng nhắc tới đạo đức, mà là tận hết sức đề cao sự hưởng thụ của chính mình. Đây cũng là lạm dụng! Lạm dụng thì là vi phạm đạo đức. Không những là vi phạm đạo đức cá nhân, mà còn vi phạm đạo đức chung. Do mấy người lạm dụng nước, kết quả là ai nấy đều chẳng có nước dùng, đều chịu khổ. Cho nên sống trong những năm tháng này, mọi người đều tạo ác nghiệp, chẳng có ai dám thốt lời đạo đức!

Hằng ngày, chúng ta phải tắm rửa, giặt giũ quần áo. Sống ở Đài Loan thuộc vùng á nhiệt đới, đến mùa Hè, quý vị chẳng tắm rửa, thân thể sẽ chẳng thoải mái, lại còn đổ mồ hôi, hôi rình. Khí trời nóng bức, quý vị ắt cần phải tắm rửa, giặt giũ quần áo hằng ngày, đáng nên sử dụng nước, chẳng tắm giặt sẽ chẳng được! Nhưng có kẻ chẳng giữ đạo đức, tôi chính mắt thấy kẻ đó đang giặt quần áo, vắn vòi lấy nước xong, không khóa lại, cứ để cho nước chảy miết. Kẻ ấy đến giặt quần áo, giặt quần áo xong, người đi rồi mà còn quên khóa nước. Quên khóa nước còn có thể tha thứ! Có kẻ lúc đang vò quần áo mà chẳng khóa lại, cứ để mặc cho nước chảy. Kẻ ấy giặt hai bộ quần áo, dùng nước còn nhiều hơn người khác giặt quần áo cho sáu hoặc tám gia đình! Nước lạnh là như thế, mà nước nóng cũng là như thế. Khi họ tắm rửa thì mở nước, chẳng tắt nước nóng, vừa tắm vừa để mặc cho nước chảy, mỗi lần họ tắm gội, tối thiểu dùng đến năm thùng nước. Tắm rửa xong, nếu quên khóa nước thì còn có thể tha thứ, căn bản là họ chẳng khóa nước, đâu biết cũng không tắt! Đây là lạm dụng, chẳng màng đến đạo đức chung. Quý vị chẳng tắt nước, lạm dụng nước, kết quả là mọi người chẳng có nước dùng, đây chính là khuyết thiếu đạo đức.

Lại nói theo danh từ chuyên dùng trong Phật giáo, quý vị phải yêu tiếc phước báo của chính mình, đừng nên xả phước. Sử dụng nước là phước báo của chính mình, là phước báo vun bồi từ đời trước, giống như chúng ta có trương mục tiết kiệm trong ngân hàng. Có tiền trong ngân hàng để sử dụng, tiền ấy từ đâu ra? Do dành dụm. Phước báo trong đời này do đâu mà có? Do đời trước vun bồi! Trương mục trong ngân hàng của quý vị cũng có hạn độ, chẳng thể dùng quá số. Dùng hết tiền trong ngân hàng, sẽ chẳng có tiền để dùng nữa. Phước do quý vị vun bồi trong đời trước cũng có hạn độ, chẳng thể tùy tiện lạm dụng. Quý vị lạm dụng phước báo hết rồi, sẽ chẳng có phước báo để hưởng. Nước là một loại phước báo, là phước báo của nhân loại. Quý vị lạm dụng nước hết rồi, sẽ phải chịu khổ.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Đây vẫn là xét theo loài người, chịu khổ vì không có nước dùng. Hễ đọa trong ba ác đạo, căn bản là chẳng có phước báo để hưởng thụ nước! Trong ba ác đạo, không có phước báo dùng nước đâu nhé! Súc sanh đạo và nhân loại chúng ta giống nhau. Chúng ta thấy súc sanh đạo không có tay, chẳng có bản lĩnh lấy nước. Sông có nước, biển có nước, chúng nó chẳng thể lấy, chúng nó đâu có tay! Vì thế, súc sanh chẳng thể tắm gội. Nếu súc sanh muốn uống nước, chỉ có thể tìm chỗ để uống, nơi nào có ngòi nước, có chút nước, chúng nó uống đôi chút. Nếu không, khát gần chết, cũng chẳng có cách nào uống nước, vì chúng nó không có tay để lấy nước! Tay là quả báo của con người. Con người có thể cải thiện cuộc sống, cũng là dựa vào hai bàn tay. Súc sanh không có tay, chẳng có cách chi hết. Trong nhà chúng ta nuôi chó, đó là con người đang gia bị chúng nó. Tắm rửa cho chó, đây là do con người tắm cho nó, bản thân nó chẳng thể tự tắm được. Quý vị cho chó chút nước trong để nó uống, đó là quý vị gia bị chúng nó. Nếu không, thì sao? Chúng nó chẳng có cách nào uống nước trong. Chúng nó chuyển sanh vào súc sanh đạo, chẳng được hưởng thụ nước. Súc sanh đạo dùng nước chẳng tiện lợi.

Còn như ngựa quý đọa thì chẳng thấy nước, khắp thế giới toàn là nước, mà họ thấy là mủ, là máu, họ có thể lại gần uống một chút máu mủ. Đây là quả báo của ngựa quý, căn bản là chẳng trông thấy nước. Còn như trong địa ngục, lại càng chẳng thấy nước. Họ khát gần chết, làm cách nào đây? Họ trông thấy nước, vừa nuốt xuống, [nước ấy] liền biến thành nước đồng nung chảy, uống vào ngũ tạng lục phủ đều cháy rụi. Đây là quả báo về nước trong địa ngục và quả báo về nước của ngựa quý. Chúng ta nói trở lại, nói đến quả báo của loài người chúng ta. Chúng ta có thể dùng nước là do phước báo đã vun bồi trong đời trước. Có nước để sử dụng, nhưng quý vị đừng nên xả phước, chớ nên lạm xả, khiến cho phước bị xả hết sạch, quý vị sẽ đến chỗ không có nước! Quý vị cứ tưởng là sẽ chẳng đến chỗ không có nước, nhưng mấy hôm nay phải hạn chế dùng nước, mọi người đều hy vọng bão lốc có thể trút mưa xuống. Quý vị mới hiểu nỗi gian nan khôn khổ vì thiếu nước!

Tôi nói những lời này là vì mấy bữa nay mọi người thiếu nước, đều mong mỗi trời mưa, mưa một trận hôm trước chẳng đủ dùng! Ngày hôm qua có mưa nhân tạo, chẳng phải là khoa học không giới giang, nhưng khoa học còn chưa tiến bộ đến mức ấy, miễn cưỡng phun một chút băng khô, phun một chút nước muối, kết quả là mưa rất ít, vẫn chẳng đủ dùng. Do vậy, chúng ta học Phật pháp, phải trọn hết tâm lòng

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

ta, chúng ta dùng nước, lúc bình thường sẽ chẳng lạm dụng, sẽ sử dụng tiết kiệm. Chẳng phải là mấy bữa nay báo chí đều tuyên truyền phải tiết kiệm nước dùng hay sao? Do vậy, lúc bình thời phải giữ tập quán tốt đẹp này!

Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng gặp sự khó khăn về nước dùng. Đó là một thế giới diệu hữu chẳng thể nghĩ bàn, không nơi đâu chẳng phải là diệu hữu, “*diệu*” là chẳng thể nghĩ bàn. Nước trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng là chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao đạt được quả báo tốt đẹp dường ấy? Họ tu phước báo nhiều như vậy thì mới có cảm ứng nhiều ngàn ấy. Trong đoạn kinh văn trên đây đã nói nước tám công đức chẳng thể nghĩ bàn, lại còn nói nước tám công đức có thể thuyết pháp, “*ba dương vô lượng tự nhiên diệu thanh*” (sóng vỗ vang ra vô lượng âm thanh tự nhiên màu nhiệm). Sóng gợn lăn tăn, còn có âm thanh. Âm thanh ấy hết sức vi diệu. “*Tùy kỳ sở ứng, mạc bất văn giả*” (Thuận lòng mà ứng hiện, không ai chẳng nghe): Nước sẽ thuyết pháp, tùy thuộc căn cơ của quý vị là gì, quý vị là căn cơ thuộc về chúng Thanh Văn, sẽ nghe pháp Thanh Văn. Quý vị là căn cơ Bồ Tát, sẽ nghe pháp Bồ Tát. Bồ Tát còn có Tam Hiền Thập Địa. Quý vị thuộc địa vị Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng), sẽ nghe pháp thuộc địa vị Tam Hiền. Quý vị là Thập Địa Bồ Tát, sẽ nghe pháp của Thập Địa Bồ Tát. “*Hoặc văn Phật thanh, hoặc văn Pháp thanh, hoặc văn Tăng thanh*” (Hoặc nghe tiếng Phật, hoặc nghe tiếng Pháp, hoặc nghe tiếng Tăng), thuận theo [căn cơ, sở thích] mà ứng hiện. Thêm vào chữ Hoặc (或), Hoặc là từ ngữ bất định, [ý nói] có người nghe âm thanh của Phật, có người nghe pháp âm, có người nghe tiếng Tăng. Chúng ta niệm chẳng bao lâu, tự nhiên sẽ nghĩ đến Phật Pháp Tăng Tam Bảo.

“*Hoặc tịch tĩnh thanh*”: Hoặc là nghe tiếng tịch tĩnh, tức là tiếng Thiền Định, tiếng Niết Bàn. “*Không, Vô Ngã thanh*”: Hoặc là nghe tiếng Không, Vô Ngã. Nếu quý vị là căn cơ Thanh Văn, sẽ nghe thấy âm thanh Vô Ngã. Nếu quý vị là căn cơ Đại Thừa, Vô Ngã là Không, tức là Không trong Nhị Không (Ngã Không và Pháp Không). Vô Ngã là Nhân Vô Ngã, cũng là Pháp Vô Ngã, căn cơ khác nhau, nghe pháp cũng chẳng giống nhau. Hoặc là nghe “*đại từ bi thanh*” (tiếng đại từ bi), đó là căn tánh của bậc Đại Thừa Bồ Tát thuần túy. Hoặc nghe “*Ba La Mật thanh*” (tiếng Ba La Mật), tức là âm thanh Lục Độ Ba La Mật. Hoặc là nghe thấy “*Thập Lực, Vô Úy, Bất Cộng Pháp thanh*” (tiếng Thập Lực, Vô Úy, Bất Cộng pháp); đây là hàng Đẳng Giác Bồ Tát nghe những pháp thuộc về địa vị Phật. Pháp của Phật có mười thứ trí

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

huệ lực, bốn thứ vô sở úy, mười tám thứ bất cộng pháp. Mười thứ trí lực, bốn thứ vô sở úy, mười tám thứ bất cộng pháp, xin tra trong Phật Học Đại Từ Điển, vì pháp tướng quá nhiều, giải thích sẽ rất tốn thời gian. “*Chư thông huệ thanh*” (Tiếng các thông huệ): Hoặc là các thứ tiếng thần thông, trí huệ.

“*Vô sở tác thanh, bất khởi diệt thanh*”: Đây chính là “*bất tác, bất khởi*” được nói trong mấy đoạn trước. Dựa theo tam giải thoát môn để nói, hết thấy các pháp vốn là Không, tác chính là vô tác. “*Tác*” là tu Bồ Tát đạo. Tu Bồ Tát đạo thì cũng là như huyễn, như hóa. Khi quý vị chứng đắc quả vị Phật, Bồ Tát, vẫn là như huyễn, như hóa. Tác tức vô tác [là như thế đó]. “*Bất khởi*”: Thiện pháp chẳng sanh khởi. Đã là chẳng có sanh khởi, cũng chẳng có cái gì để gọi là Diệt. Vì thế, “*bất khởi, bất diệt*”. “*Vô Sanh Nhân thanh*” là âm thanh Vô Sanh Pháp Nhân. “*Nãi chí cam lộ quán đảnh, chúng diệu pháp thanh*” (Cho đến cam lộ quán đảnh, các âm thanh màu nhiệm): Âm thanh cam lộ quán đảnh. “*Cam lộ quán đảnh*” là nói theo Mật Tông. Quý vị là căn cơ Mật Tông, quý vị thọ pháp cam lộ quán đảnh của Mật Tông. “*Chúng diệu pháp thanh*” [nghĩa là] bao gồm hết thấy các diệu pháp, tùy thuộc bản tánh của quý vị.

“*Như thị đẳng thanh, xưng kỳ sở vãn*” (Những tiếng như thế xứng hợp với căn cơ của người nghe): Các thứ tiếng như thế đều do nước tám công đức gợn sóng lăn tăn, lan chảy phát ra âm thanh. “*Xưng*” (稱) là phù hợp, phù hợp quý vị đáng nên nghe pháp nào. Nghe xong, quý vị “*hoan hỷ vô lượng*”. “*Tùy thuận thanh tịnh*”: Quý vị phát tâm hoan hỷ, sẽ tùy thuận pháp thanh tịnh. “*Ly dục tịch diệt chân thật chi nghĩa*”: Quý vị liền xa lìa hết thấy các dục niệm. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới còn có dục niệm gì vậy? Sanh về Tây Phương, quý vị là đời nghiệp vãng sanh, ý niệm tham, sân, si, ngã dục của quý vị vẫn chưa đoạn trừ, đợi đến khi nghe pháp, sẽ xa lìa hết thấy dục niệm, bèn chứng đắc cảnh giới tịch diệt, đạt được nghĩa lý chân thật, sẽ “*tùy thuận Tam Bảo, lực, vô sở úy, bất cộng chi pháp*”. [Nghĩa là] tùy thuận Phật Pháp Tăng Tam Bảo, cũng chính là tùy thuận Phật pháp. Pháp Thập Lực của Phật chính là mười loại trí lực. Vô Sở Úy chính là bốn loại vô sở úy, “*bất cộng chi pháp*”: Mười tám loại pháp bất cộng đều là pháp của Phật. “*Tùy thuận thông huệ Bồ Tát, Thanh Văn sở hành chi đạo*” (Tùy thuận đạo được hành bởi hàng Bồ Tát và Thanh Văn thông huệ): Tùy thuận pháp của Bồ Tát, tùy thuận pháp của Thanh Văn. Bồ Tát có thần thông và trí huệ của Bồ Tát, Thanh Văn có

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thần thông và trí huệ của Thanh Văn, đều phải “*tùy thuận thông huệ*”, bao gồm đạo được hành bởi Bồ Tát và Thanh Văn, hết thảy đều tùy thuận pháp của Phật, pháp của Bồ Tát, pháp của Thanh Văn.

Nhưng chẳng có các nỗi khổ, “*vô hữu tam đồ khổ nạn chi danh*” (chẳng có tên gọi tam đồ, khổ nạn): Không chỉ là không có sự khổ, mà ngay cả tên gọi [của các nỗi khổ] cũng chẳng nghe thấy. Những gì quý vị nghe là các danh tự niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, nghe danh tự thần thông, trí huệ, chẳng nghe những danh tự địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. “*Đản hữu tự nhiên khoái lạc chi âm*” (Chỉ có âm thanh vui sướng tự nhiên): Âm thanh do nước tám công đức phát ra chẳng có chút âm thanh khổ não nào, hoàn toàn là âm thanh vui sướng tự nhiên. “*Thị cố kỳ quốc, danh viết An Lạc*” (Do vậy nước ấy có tên là An Lạc): Có cùng ý nghĩa như kinh A Di Đà đã nói: “*Kỳ quốc chúng sanh vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc*” (Chúng sanh trong nước ấy chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng các niềm vui; vì thế gọi là Cực Lạc).

2.2.2.2.4. Nhân dân

2.2.2.2.4.1. Chánh báo vi diệu của những người mới vãng sanh từ phương khác

(Kinh) A Nan! Bỉ Phật quốc độ, chư vãng sanh giả, cụ túc như thị thanh tịnh sắc thân, chư diệu âm thanh, thần thông, công đức.

(經)阿難！彼佛國土，諸往生者，具足如是清淨色身，諸妙音聲，神通功德。

(Kinh: Này A Nan! Những người vãng sanh quốc độ của đức Phật ấy trọn đủ sắc thân thanh tịnh, các âm thanh, thần thông, công đức màu nhiệm như thế).

“A Nan”, đức Phật Thích Ca gọi tôn giả A Nan, [bảo] “*bỉ Phật quốc độ, chư vãng sanh giả, cụ túc như thị thanh tịnh sắc thân, chư diệu âm thanh, thần thông, công đức*” (những người vãng sanh quốc độ của đức Phật ấy trọn đủ sắc thân thanh tịnh, các âm thanh, thần thông, công đức màu nhiệm như thế). Đây là nói về chánh báo trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trên thực tế, vẫn là khuyên chúng ta vãng sanh, Ngài nói: Chúng sanh đã sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều được hưởng thụ như vậy. “*Cụ túc như thị thanh tịnh sắc*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thân” (Trọn đủ sắc thân thanh tịnh như vậy): “*Sắc thân*” là danh từ chuyên môn, chẳng phải là nam sắc, nữ sắc. Thân thể thuộc về Sắc Pháp trong pháp Ngũ Uẩn, tức Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thọ, Tưởng, Hành, Thức là Tâm Pháp, Sắc là Thân Pháp. Thân thể thuộc về Sắc Uẩn, gọi là “*sắc thân*”, hãy ghi nhớ danh từ này. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì gọi là “*thanh tịnh sắc thân*”. Vì sao? Do hoa sen hóa thân. Thân thể chúng ta sanh ra bất tịnh, vì sao? Thân thể sanh ra là một cái đầy thịt thối tha. Chẳng tắm rửa, sẽ hôi thối khó thể chịu nổi. Tắm rửa thì đỡ hơn một chút, dầu tắm sạch vẫn hôi thối! Sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, do là hoa sen hóa thân, cho nên gọi là “*thanh tịnh sắc thân*”. “*Chư diệu âm thanh*” (Các âm thanh màu nhiệm): Nghe âm thanh hoàn toàn là những âm thanh được phát ra vì diệu, tự nhiên như vậy. Quý vị sẽ đạt được thần thông trọn đủ, “*thần thông công đức*”.

2.2.2.2.4.2. Y báo thù thắng của những người ấy

(Kinh) Sở xử cung điện, y phục, ẩm thực, chùng diệu hoa hương, trang nghiêm chi cụ, do đệ lục thiên tự nhiên chi vật. Nhược dục thực thời, thất bảo bát khí, tự nhiên tại tiền: Kim, ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, minh nguyệt, chân châu, như thị chư bát, tùy ý nhi chí. Bách vị ẩm thực, tự nhiên doanh mãn. Tuy hữu thử thực, thật vô thực giả, dẫn kiến sắc văn hương, ý dĩ vi thực, tự nhiên bão túc, thân tâm nhu nhuyễn, vô sở vị trước. Sự dĩ hóa khứ, thời chí phục hiện. Bỉ Phật quốc độ, thanh tịnh an ổn, vi diệu khoái lạc, thứ u vô vi Nê Hoàn chi đạo.

(經)所處宮殿，衣服飲食，眾妙華香，莊嚴之具，猶第六天自然之物。若欲食時，七寶鉢器，自然在前。金、銀、琉璃、磗磗、碼碯、珊瑚、琥珀、明月、真珠，如是諸鉢，隨意而至。百味飲食，自然盈滿。雖有此食，實無食者。但見色聞香，意以為食，自然飽足。身心柔輒，無所味著，事已化去，時至復現。彼佛國土，清淨安隱，微妙快樂，次於無為泥洹之道。

(Kinh: Cung điện để ở, quần áo, thức ăn, các thứ hoa hương màu nhiệm, các vật trang nghiêm giống như những vật tự nhiên trên tầng trời thứ sáu. Nếu như khi muốn ăn, chén bát bằng bảy báu tự

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nhiên ở trước mặt: Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, minh nguyệt, chân châu, những thứ bát như vậy tùy ý hiện đến. Thức ăn trăm vị, tự nhiên đầy ắp. Tuy có những thức ăn ấy, thật ra chẳng có chuyện ăn, chỉ thấy sắc, ngửi hương, ý bèn nghĩ là đã ăn, tự nhiên no đủ, thân tâm mềm dịu, chẳng tham đắm mùi vị. Xong chuyện, chúng biến mất, đến thời lại hiện ra. Cõi nước Phật ấy thanh tịnh, an ổn, vui sướng vi diệu, chỉ thua đạo vô vi Nê Hoàn).

Lại nói đến y phục, thức ăn, chỗ ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Sở xứ cung điện*” là nhà ở của họ. “*Y phục*” là quần áo để mặc. “*Ẩm thực*” là những thứ để ăn. “*Chứng diệu hoa hương, trang nghiêm chi cụ*” (Các thứ hoa, hương màu nhiệm, những vật trang nghiêm): Toàn là những vật trang nghiêm thơm tho, trang nghiêm bằng bảy báu, trang nghiêm như thế nào? “*Do đệ lục thiên tự nhiên chi vật*” (Giống như những vật tự nhiên trong tầng trời thứ sáu): Tầng trời thứ sáu là tầng trời cao nhất trong Dục Giới, gọi là Tha Hóa Tự Tại Thiên. Tầng thứ năm gọi là Hóa Lạc Thiên. Hóa Lạc Thiên có phước báo to lớn, họ muốn hưởng thụ niềm vui ngũ dục, chính mình có thần thông có thể biến hóa. Tự mình có thể biến hóa để hưởng thụ. Hóa Lạc Thiên biến hóa niềm vui ngũ dục. Sinh về tầng trời thứ sáu, tức Tha Hóa Tự Tại Thiên, phước báo càng lớn hơn nữa. Họ muốn hưởng niềm vui ngũ dục, tự mình chẳng cần biến hóa. Chư thiên trong tầng trời thứ năm biến hóa cho họ hưởng thụ. “*Tha Hóa*”: “*Tha*” ở ngay trong tầng trời thứ năm. Tầng trời thứ năm biến hóa sự vui ngũ dục, để cho họ (chư thiên trong tầng trời thứ sáu) hưởng thụ, nên gọi là Tha Hóa Tự Tại Thiên. Tự tại là “*tự nhiên chi vật*”, những vật ấy rốt cuộc tốt đẹp cỡ nào? Chẳng thể diễn tả được! Miễn cưỡng so sánh, sánh ví như [những vật] trong tầng trời thứ sáu nơi Dục Giới của chúng ta, là những vật hưởng thụ hằng ngày của chư thiên thuộc Tha Hóa Tự Tại Thiên.

Lại nói đến chuyện ăn uống của chúng sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, ăn uống như thế nào? “*Nhược dục thực thời*” (Như lúc muốn ăn): Đến lúc ăn cơm, quý vị muốn ăn cơm, trong tâm dấy lên ý niệm “ta muốn dùng cơm”. “*Thất bảo bát khí*” là chén bát bằng bảy báu, “*bát khí*” (鉢器) là chén để dùng cơm. “*Tự nhiên tại tiền*” [nghĩa là] tự nhiên hiện ra ngay trước mặt quý vị. Hoặc là “*kim, ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách*”, hoặc là “*minh nguyệt, chân châu*”, trong phần trước tôi đã nói về danh từ minh nguyệt và chân châu. “*Như thị chư bát*” (Những bát như thế): Bát bảy báu là bát bằng vàng, bát

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

bằng bạc, bát bằng lưu ly v.v... “*Tùy ý nhi chí*” (Tùy ý hiện đến): Trong tâm quý vị vừa động niệm, ta muốn dùng bát gì? Cái bát đó hiện ra ngay trước mặt quý vị. Thức ăn trong bát “*bách vị ẩm thực, tự nhiên doanh mãn*” (thức ăn trăm vị tự nhiên đầy ắp): Bát chứa đầy ắp những thức ăn ngon lành nhất. “*Tuy hữu thử thực, thật vô thực giả*” [nghĩa là] tuy có thức ăn trăm vị thật sự ngon lành nhất hiện ra trước mặt quý vị, thực tại là chẳng phải thật sự ăn uống. “*Đản kiến sắc, văn hương, ý dĩ vi thực*” (Chỉ thấy sắc, ngửi hương, bèn nghĩ là đã ăn): Họ dùng tâm ý tưởng là ăn, chỉ cần trông thấy màu sắc của cơm, nghe mùi cơm liền no, tự nhiên no đủ.

“*Thân tâm nhu nhuyển*”, thân tâm hết sức mềm dịu. “*Vô sở vị trước*” [nghĩa là] sẽ chẳng tham cầu hương vị của những thứ ấy. “*Sự dĩ hóa khứ*” (Chuyện đã xong thì biến mất), [ý nói] đã no thì bát cũng chẳng còn, biến mất. “*Thời chí phục hiện*” (Tới lúc lại hiện ra): Tới lúc quý vị muốn ăn, cái bát trăm vị diệu ý lại hiện ra. Đây là cảnh giới ăn uống chẳng thể nghĩ bàn. “*Bi Phật quốc độ, thanh tịnh an ổn, vi diệu khoái lạc, thứ u vô vi Nê Hoàn chi đạo*” (Cõi nước của đức Phật ấy thanh tịnh, an ổn, vui sướng vi diệu, chỉ kém đạo vô vi Nê Hoàn): Nê Hoàn là Niết Bàn. Đại Thừa Niết Bàn trọn đủ bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Tây Phương Cực Lạc thế giới vui sướng như thế nào? [Nếu nói là] giống như tầng trời thứ sáu thì vẫn là sánh ví quá thấp, [do vậy, đành sánh ví] giống như Đại Thừa Niết Bàn có bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, bất quá kém hơn một chút, “*thứ u vô vi Nê Hoàn chi đạo*” (kém hơn đạo vô vi Nê Hoàn).

Có kẻ thích thông minh vật, cậy vào ý mình phê bình Phật pháp, nói Tây Phương Cực Lạc thế giới chỗ nào cũng đều trang nghiêm bằng bảy báu, chẳng phải là khơi gợi chúng ta động tâm tham dục ư? Kẻ ấy cứ ngỡ kiến giải của chính mình rất cao! Do đâu mà Tây Phương Cực Lạc thế giới trang nghiêm bằng bảy báu? Do A Di Đà Phật tu thành trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, nên mới có bảy báu trang nghiêm. Ngài cầu bảy báu trang nghiêm nhằm khiến cho chúng ta sanh về đó sẽ động tâm tham dục ư? Chính là vì trừ khử sự dấy động tham dục trong cái tâm của chúng ta. Chẳng phải là trong phần trước [kinh văn] đã bảo quý vị “*ly dục*” đó sao? Quý vị đạt đến cảnh giới ấy liền lìa khỏi tâm tham dục. Vì sao? Đầy ắp trong thế giới toàn là bảy báu, quý vị còn tham gì nữa? Đại địa toàn là bảy báu, cung điện cũng là bảy báu, quý vị còn động tâm tham gì nữa? Chẳng phải là A Di Đà Phật công đức vi diệu chẳng thể nghĩ bàn, trừ khử tham phiền não cho chúng ta đấy sao?

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Sao quý vị lại có thể nghĩ là [những sự trang nghiêm ấy] sẽ dẫn khởi quý vị dấy động tâm tham, nói như vậy chẳng phải là rất tội lỗi ư?

Còn có kẻ bảo, kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà, và kinh Quán Vô Lượng Thọ là ba kinh Tịnh Độ nói những đạo lý quá phàm tục. Mặc quần áo thì tự nhiên y phục mặc trên thân thể, cũng chẳng cần giặt giũ, chẳng may cắt. Nhà cửa để ở cũng chẳng cần chúng ta ra tay xây cất, tự nhiên có lầu gác bảy báu để ở. Ăn uống thì tự nhiên bát chén bảy báu hiện tiền, món ăn trăm vị hiện ra trước mặt. Nói những lời thô thiển ấy để làm gì? Quá phàm tục! Chẳng giống như Phật pháp! Suy nghĩ kiểu đó quá cao rồi đây! Quý vị dấy lên vọng tưởng cao ngất, nhưng chẳng làm chuyện bậc cao nào! Quý vị nghĩ A Di Đà Phật có thần thông ấy, [chê bai kinh nói những chuyện ấy là quá đời phàm tục], quý vị hãy tạo ra quần áo cho chúng tôi mặc, cất nhà cho chúng tôi ở. Chẳng cần là bảy báu, [chỉ cần] quần áo thông thường, nhà cửa tầm thường, thức ăn bình thường, quý vị có cúng dường nổi hay không? Quý vị chẳng cúng dường nổi, dầu nói toàn những lời lẽ cao xa, mà chẳng làm được chuyện cao xa gì, [vậy thì] nói những lời cao xa chẳng phải là nói suông ư?

Hoặc là có kẻ còn nói: “Chúng ta sanh về thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật, thỉnh Ngài thuyết Phật pháp là được rồi, tận hết sức tán thán những chuyện cơm áo, ăn ở tốt đẹp để làm cái quái gì vậy?” Chẳng biết những thứ ấy chính là để giúp quý vị tu hành, tu đạo. Hiện thời, chúng ta chẳng dễ dàng tinh tấn tu đạo, bị áo cơm, chỗ ở gây chướng ngại. Tại gia cư sĩ không thể chuyên môn học Phật pháp, vì sao? Hằng ngày bận bịu vì vấn đề cơm, áo, chỗ ở. Quý vị cho rằng vấn đề này chẳng nghiêm trọng ư? Quá nghiêm trọng! Xuất gia thì sao? Vẫn bận bịu vì áo, cơm, chỗ ở. Xuất gia thì không được sống ở nhà, mà ở trong tự viện, không mặc y phục tại gia, mà mặc áo hòa thượng, chẳng ăn cơm của người tại gia, mà ăn chay, vẫn bận bịu! Vì áo, cơm, chỗ ở, xuất gia cũng chẳng thể chuyên môn tu đạo. A Di Đà Phật thấy rất rõ ràng, Thích Ca Như Lai cũng thấy rất rõ ràng, A Di Đà Phật tạo áo, cơm, chỗ ở cho chúng ta, thế giới Cực Lạc tự nhiên. Phật Thích Ca giới thiệu chúng ta đến Tây Phương, quý vị chẳng cần bận bịu vì cơm, áo, chỗ ở nữa, quý vị đến Tây Phương sẽ chuyên môn tu đạo. Đoạn kinh văn tiếp theo sẽ nói tới sự trang nghiêm thần thánh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới.

2.2.2.2.4.3. Chánh báo vi diệu của hàng cư trụ

(Kinh) Kỳ chư Thanh Văn, Bồ Tát, thiên, nhân, trí huệ cao minh, thần thông đồng đạt, hàm đồng nhất loại, hình vô dị trạng. Dẫn nhân thuận dư phương, cố hữu thiên nhân chi danh. Nhan mạo đoan chánh, siêu thế hy hữu, dung sắc vi diệu, phi thiên, phi nhân, giai thọ tự nhiên hư vô chi thân, vô cực chi thể.

Phật cáo A Nan: - Thí như thế gian bần cùng khát nhân, tại đế vương biên, hình mạo dung trạng, ninh khả loại hồ?

A Nan bạch Phật: - Giả linh thử nhân tại đế vương biên, luy lậu xú ác, vô dĩ vi dụ, bách thiên vạn ức bất khả kể bội. Sở dĩ nhiên giả? Bần cùng khát nhân, để cực tư hạ, y bất tế hình, thực thú chi mạng, cơ hàn khôn khổ, nhân lý đãi tận, giai tọa tiền thế bất thực đức bản, tích tài bất thí, phú hữu ích xan, dẫn dục đường đắc, tham cầu vô yếm, bất tín tu thiện, phạm ác sơn tích. Như thị thọ chung, tài bảo tiêu tán, khổ thân tụ tích, vị chi ưu não, ư kỷ vô ích, đồ vi tha hữu. Vô thiện khả hỗ, vô đức khả thị. Thị cố tử đạo ác thú, thọ thử trường khổ. Tội tất đắc xuất, sanh vi hạ tiện, ngu bỉ tư cực, thị đồng nhân loại. Sở dĩ thế gian đế vương, nhân trung độc tôn, giai do túc thế tích đức sở trí, từ huệ bác thí, nhân ái kiêm tế, lý tín tu thiện, vô sở vi tranh. Thị dĩ thọ chung phước ứng, đắc thăng thiện đạo. Thượng sanh thiên thượng, hưởng tư phước lạc. Tích thiện dư khánh, kim đắc vi nhân, nãi sanh vương gia, tự nhiên tôn quý. Nghi dung đoan chánh, chúng sở kính sợ, diệu y trân thiện, tùy tâm phục ngự. Túc phước sở truy, cố năng trí thử.

Phật cáo A Nan: - Nhữ ngôn thị dã, kế như đế vương, tuy nhân trung tôn quý, hình sắc đoan chánh, tỷ chi Chuyển Luân Thánh Vương, thậm vi bỉ lậu, do bỉ khát nhân tại đế vương biên dã. Chuyển Luân Thánh Vương, oai tướng thù diệu, thiên hạ đệ nhất. Tỷ chi Đạo Lợi Thiên Vương, hựu phục xú ác, bất đắc tương dụ vạn ức bội dã. Giả linh thiên đế, tỷ đệ lục thiên vương, bách thiên ức bội bất tương loại dã. Thiết đệ lục thiên vương tỷ Vô Lượng Thọ Phật quốc Bồ Tát, Thanh Văn, quang nhan dung sắc, bất tương cập đãi, bách thiên vạn ức bất khả kể bội!

(經)其諸聲聞、菩薩、天、人，智慧高明，神通洞達，咸同一類，形無異狀。但因順餘方，故有天人之名。顏貌端正，超世希有。容色微妙，非天非人。皆受自然虛無之身，無極之體。佛告阿難：譬如世間貧窮乞人，在帝王

邊，形貌容狀，寧可類乎？阿難白佛：假令此人在帝王邊，羸陋醜惡，無以為喻，百千萬億不可計倍。所以然者，貧窮乞人，底極斯下，衣不蔽形，食趣支命，飢寒困苦，人理殆盡。皆坐前世不植德本，積財不施，富有益慳，但欲唐得，貪求無厭。不信修善，犯惡山積。如是壽終，財寶消散。苦身聚積，為之憂惱，於己無益，徒為他有。無善可怙，無德可恃，是故死墮惡趣，受此長苦。罪畢得出，生為下賤，愚鄙斯極，示同人類。所以世間帝王，人中獨尊，皆由宿世積德所致。慈惠博施，仁愛兼濟，履信修善，無所違爭。是以壽終福應，得升善道。上生天上，享茲福樂。積善餘慶，今得為人，乃生王家，自然尊貴。儀容端正，眾所敬事。妙衣珍饈，隨心服御。宿福所追，故能致此。佛告阿難：汝言是也！計如帝王，雖人中尊貴，形色端正，比之轉輪聖王，甚為鄙陋，猶彼乞人在帝王邊也。轉輪聖王，威相殊妙，天下第一。比之忉利天王，又復醜惡，不得相喻萬億倍也。假令天帝，比第六天王，百千億倍不相類也。設第六天王，比無量壽佛國菩薩聲聞，光顏容色，不相及逮，百千萬億不可計倍。

(Kinh: Các vị Thanh Văn, Bồ Tát, trời người trí huệ cao minh, thân thông thấu suốt, đều cùng giống như nhau, hình dạng chẳng khác biệt. Nhưng do thuận theo các phương khác mà có danh xưng trời hay người. Dung mạo đoan chánh, vượt trời cõi đời, hiếm có, dung sắc vi diệu, chẳng phải trời, chẳng phải người, đều hưởng tâm thân tự nhiên, bản thể vô cực.

Đức Phật bảo ngài A Nan: - Ví như kẻ nghèo cùng ăn mày trong thế gian, ở bên cạnh đế vương, hình dáng, dung mạo có thể giống như đế vương hay chăng?

Ngài A Nan bạch Phật: - Giả sử người ấy ở bên cạnh đế vương, gầy còm, thô lậu, xấu ác chẳng thể sánh ví trăm ngàn vạn ức chẳng thể tính lằn! Vì có sao vậy? Người ăn mày bản cùng ấy, thấp kém tận cùng, áo chẳng đủ che thân, cơm chỉ giữ được cái mạng, đói rét khôn khổ, gần như hết sạch lẽ sống, đều là do đời trước chẳng vun trồng cội đức,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

chất chứa tài vật chẳng bố thí, giàu có mà càng thêm keo kiệt, chỉ muốn đạt được mà chẳng tốn công sức, tham cầu chẳng chán, chẳng tin vào tu thiện, phạm điều ác chất chứa như núi. Kể như vậy chết đi, tiền tài, của báu tiêu tán. Khổ sở tích tụ, lo sầu, áo não vì những của cải ấy, vô ích cho chính mình, uổng công để cho người khác hưởng, chẳng có điều thiện để trồng cây, chẳng có đức để nương nhờ. Vì thế, chết đi đọa vào đường ác, chịu đựng nỗi khổ ấy dài lâu. Tội đã hết mới thoát ra, sanh làm kẻ hạ tiện, ngu si, quê kệch cùng cực, tựa tựa như con người. Bởi lẽ, đế vương trong thế gian là bậc độc tôn trong loài người, đều do đã tích đức trong đời trước mà ra, lòng Từ san sẻ, bố thí rộng rãi, có lòng nhân ái cứu giúp, noi theo lòng tin mà tu điều lành, chẳng chống trái, cạnh tranh gì. Do vậy, khi hết tuổi thọ, đáng theo phước mà được tiến lên đường lành, sanh lên cõi trời, hưởng phước lạc ấy. Do niềm vui có thừa của những điều lành đã tích lũy, nay được làm thân người, bèn sanh trong nhà vua chúa, tự nhiên tôn quý, dung mạo, oai nghi đoan chánh, được mọi người kính trọng, phụng sự. Áo đẹp, cơm ngon, tùy lòng hưởng dụng. Do túc phước ruổi theo, nên có thể đạt được điều này.

Đức Phật bảo ngài A Nan: - Ông nói đúng lắm! So ra đế vương tuy là tôn quý trong loài người, hình sắc đoan chánh, nhưng so với Chuyển Luân Thánh Vương, [đế vương] sẽ hết sức kém cõi, thô lậu, giống như kẻ ăn mày ở bên cạnh đế vương vậy. Chuyển Luân Thánh Vương oai tướng thù thắng đặc biệt, là bậc nhất trong thiên hạ, đem so với Đạo Lợi Thiên Vương, [Chuyển Luân Thánh Vương] lại là xấu ác, chẳng thể sánh ví vạn ức lần. Giả sử thiên đế so với thiên vương tầng trời thứ sáu, lại chẳng thể bằng một phần trong trăm ngàn ức lần. Giả sử thiên vương của tầng trời thứ sáu sánh với Bồ Tát hoặc Thanh Văn trong nước Vô Lượng Thọ thì vẻ mặt rạng rỡ, dung mạo đều chẳng sánh bằng một phần của trăm ngàn vạn ức chẳng thể tính lần!)

“Kỳ chư Thanh Văn, Bồ Tát, thiên, nhân” (Các vị Thanh Văn, Bồ Tát, trời người), chia thành bốn loại, có Thanh Văn, Bồ Tát, thiên chúng và nhân chúng, trên thực tế chỉ có một loại, “trí huệ cao minh, thần thông đồng đạt, hàm đồng nhất loại, hình vô dị trạng” (trí huệ cao minh, thần thông thấu suốt, đều cùng một loại, hình dạng không khác gì nhau), [ý nói] trí huệ và thần thông đều như nhau, tướng mạo bên ngoài nơi thân thể đều giống hệt. Vì sao chia thành Thanh Văn, Bồ Tát, trời người? “Đản nhân thuận dư phương, cố hữu thiên nhân chi danh” (Chỉ

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

vì thuận theo những phương khác mà có cái tên trời người): Thuận theo những thế giới khác! Ở trong thế giới Sa Bà bèn thuận theo thế giới Sa Bà của chúng ta. Chúng ta mong cầu phước báo nhân thiên, vẫn chẳng cầu được! Do thuận theo thế giới Sa Bà mà [thế giới Cực Lạc] cũng có danh xưng trời người. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ba ác đạo, chỉ có thiên đạo và nhân đạo. Trên thực tế, ngay cả Thanh Văn cũng chẳng có. Chỉ có một loại thần thông, trí huệ, một loại thân thể tướng mạo, đều là Bồ Tát. Thuận theo các thế giới ở phương khác mới có tên gọi trời người sai khác.

Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới “*nhan mạo đoan chánh, siêu thế hy hữu*” (dung mạo đoan chánh, vượt trỗi cõi đời, hiếm có), hiếm có vượt trỗi thế gian. “*Dung sắc vi diệu, phi thiên phi nhân*” (Dung mạo vi diệu, chẳng phải trời, chẳng phải người), nghĩa là tướng mạo người trong thế gian đều chẳng sánh bằng. “*Giai thọ tự nhiên hư vô chi thân, vô cực chi thể*” (Đều bẩm thọ tám thân tự nhiên hư vô, bản thể vô cực), [ý nói] tất cả thân thể đều là thân thể tự nhiên hư vô, đều do hoa sen hóa sanh, chẳng giống như cái thân huyết nhục của chúng ta do tinh cha huyết mẹ sanh ra. Do vậy, tự nhiên là thanh cao.

Kế đó, lại so sánh thân thể và tướng mạo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới trang nghiêm như thế nào? “*Phật cáo A Nan: - Thí như thế gian bần cùng khát nhân, tại đế vương biên*” (Đức Phật bảo ngài A Nan: - Ví như một kẻ ăn xin bần cùng trong thế gian ở cạnh đế vương): Bần cùng chẳng có cơm ăn, kẻ ăn mày ấy ở bên cạnh đế vương. Trong nhân gian, người có phước báo nhất không ai hơn đế vương. “*Hình mạo dung trang, ninh khả loại hồ?*” [nghĩa là] tướng mạo của tên ăn mày ấy có thể sánh bằng đế vương được chăng? “*A Nan bạch Phật: - Giả linh thử nhân tại đế vương biên*” (Ngài A Nan bạch Phật: - Giả sử người ấy ở cạnh đế vương), “*giả linh*” là ví như người ấy, “*luy lậu xú ác, vô dĩ vi dụ*” (gầy còm, thô lậu, xấu ác, chẳng thể thí dụ được). Chữ Luy (羸) ở đây không thể đọc là Su (ㄙ), phải nên đọc là Léi (ㄌㄟˊ, âm Hán Việt là Luy). “*Luy*” là gầy gò, thân thể rất còm cõi thì gọi là Luy. “*Luy lậu*” (羸陋) là rất thô kệch, rất xấu xí. “*Vô dĩ vi dụ*”, chẳng thể sánh ví được! “*Bách thiên vạn ức bất khả kể bội*” (Trăm ngàn vạn ức chẳng thể tính lần), làm sao có thể sánh bằng đế vương?

Tiếp đó, ngài A Nan tự giải thích thêm, vì sao kẻ đó bần cùng đó “*luy lậu xú ác*” (gầy còm, thô lậu, xấu ác)? Ngài giải thích cặn kẽ cho chúng ta nghe, do có cái nhân như vậy, mới có cái quả như thế đó! “*Sở dĩ nhiên giả?*” (Vì có sao vậy?): Vì sao kẻ bần cùng khổ sở dường ấy?

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Đề cực tư hạ*” (Thấp kém tột cùng): Vốn là kẻ hạ đẳng trong nhân gian. “*Y bất tế hình, thực thú chi mạng*” [nghĩa là] mặc quần áo gàn như không che trọn thân thể, cơm chỉ có thể giữ được cái mạng. “*Cơ hàn khôn khổ*” (Đói rét khôn khổ), thường xuyên hứng chịu đói, rét, bị khôn khổ. “*Nhân lý đãi tận*”: [Lý ở đây] chẳng phải là lý Thật Tướng mà là lý trong nhân gian, là cái lý làm người, gàn như chẳng có, chẳng hưởng thụ một chút nhân lý nào! Vì sao như vậy? “*Giai tọa tiền thế bất thực đức bốn*” (Đều là do đời trước chẳng trồng cội đức): “*Tọa*” (坐) nên hiểu là “*nhân*” (因, nguyên nhân), đều vì kẻ ấy trong đời trước chẳng gieo chút cội công đức nào! “*Tích tài bất thí, phú hữu ích xan*” (Tích chứa tài sản chẳng bố thí, giàu có càng thêm keo kiệt): Kẻ ấy có tiền tài mà vẫn chẳng chịu hành bố thí. Kẻ giàu có chẳng phải là không có tiền tài, “*ích xan*” (càng thêm keo kiệt), chẳng xả! Càng phát tài càng keo kiệt, một cái lông cũng chẳng nhỏ! “*Đản dục đường đắc*” (Chỉ muốn đạt được mà không phải tốn công sức), “*đường đắc*” (唐得) là đạt được mà chẳng phải tốn công sức gì! “*Tham cầu vô yếm*” (Tham cầu chẳng chán), chỉ ôm lòng tham cầu, chẳng có tâm bố thí. “*Bất tín tu thiện*”: Kẻ ấy chẳng tin tưởng tu thiện nhân sẽ đắc thiện quả. Do không tin tưởng nhân quả, đương nhiên là làm ác.

“*Phạm ác sơn tích*” [nghĩa là] tạo ác nghiệp to như núi. “*Như thị thọ chung, tài bảo tiêu tán*” (Kẻ như thế khi chết đi, tiền tài, của báu tiêu tán): Đời trước, kiếp trước hết tuổi thọ, sau khi đã chết, của cải có đi theo quý vị hay chẳng? Quý vị keo kiệt, chẳng xả, tích tụ tiền tài, của cải, kết quả là tiền tài, vật báu cũng bị tiêu tán. Tiêu tán thì sẽ như thế nào? “*Khổ thân tụ tích, vị chi ưu nã*” (Khổ thân tích góp, bị lo lắng, sầu nã): Đời kế tiếp, quý vị lại hứng chịu nỗi khổ bần cùng. Quý vị tích tụ tiền tài, chẳng chịu bố thí, chính mình cũng chẳng hưởng thụ nổi! “*U kỹ vô ích, đồ vi tha hữu*” (Vô ích cho chính mình, ủng công để cho kẻ khác hưởng): Quý vị làm một gã nô lệ giữ tiền, kết quả của chuyện tích góp là để cho người khác nắm giữ. “*Vô thiện khả hỏa, vô đức khả thị*” (Chẳng có điều thiện để trồng cây, chẳng có đức để nương tựa), “*thị*” (恃) là nương cây. Quý vị chẳng có nhân lành để có thể nương cây, chẳng có công đức để nương nhờ. “*Thị cố tử đạo ác thú*” (Do vậy, chết đi, đọa trong đường ác), quý vị chết đi sẽ đọa trong ba ác đạo. “*Thọ thử trường khổ*”, [ý nói] thời gian chịu khổ trong ba ác đạo rất dài. “*Tội tất đắc xuất*” (Tội hết, được thoát ra): Sau khi chịu tội xong, bèn từ ba ác đạo thoát ra. “*Sanh vi hạ tiện*”, sanh làm kẻ hạ tiện,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

sẽ là “*ngu bỉ tư cực*” (ngu si, hèn kém cùng cực), ngu si, hèn kém, thô lậu đến cực điểm. “*Thị đồng nhân loại*” [nghĩa là] bất quá giống như một con người. Đây là kẻ bần cùng trong thế gian, vì sao xấu xí, khó coi? Vì kẻ ấy bần cùng, khốn khổ. Vì sao? Vì đời trước keo kiệt, chẳng xả!

“*Sở dĩ thế gian đế vương, nhân trung độc tôn, giai do túc thế tích đức sở trí*” (Đế vương trong thế gian sở dĩ là bậc độc tôn trong loài người, đều là do tích đức trong đời trước mà ra): Trong đoạn kinh văn trên đây, nói về tướng mạo trang nghiêm của chúng sanh trong thế giới Cực Lạc, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói theo lối so sánh. So sánh một tên ăn mày bần cùng nhất đứng cạnh một vị quốc vương, so sánh [như vậy] thì quốc vương càng thêm tôn quý, càng thêm trang nghiêm, mà gã ăn mày bần cùng ấy càng thêm xấu xí, thô tháp. Tiếp đó, tôn giả A Nan bèn nói về nhân quả báo ứng. Tôn giả A Nan nói nhiều ngàn ấy để làm gì? Để chúng ta là những kẻ mai sau xem kinh Vô Lượng Thọ, sẽ biết nhiều hơn một chút về đạo lý nhân quả báo ứng. Kẻ bần cùng ấy nghèo khó là vì lẽ nào? Đời trước, kiếp trước, kẻ ấy hoàn toàn chẳng phải là một kẻ bần cùng, mà là một kẻ keo kiệt, chẳng xả. Có tiền tài, thậm chí giàu sụ, nhưng chẳng chịu bố thí, một đồng chẳng bỏ ra, chẳng chịu bố thí cho người khác, chính bản thân kẻ ấy cũng chẳng nỗ lực. Đây là kẻ keo kiệt đã thành tánh, chẳng làm một tí chuyện tốt nào, một chút phước báo cũng chẳng tu tập, chết đi phải đọa vào ba ác đạo. Vì sao đọa vào ba ác đạo? Hoàn toàn chẳng phải là vì không bố thí bèn đọa trong ba ác đạo, mà là do chẳng chịu làm chuyện lành, toàn là làm chuyện ác. Thiện và ác là đối đãi. Chẳng phát tâm làm một chút chuyện lành, kẻ ấy sẽ làm chuyện ác. Sau khi đã làm chuyện ác, nhất định đọa vào trong ba ác đạo. Thoát khỏi ba ác đạo, chuyển sanh làm người, nhất định là bần cùng, hạ tiện, lại còn xấu xí, thô lậu chẳng kham! Tôn giả A Nan nói đoạn nhân quả báo ứng này, thật ra là nói chúng ta nghe.

Kế đó, Ngài nói vì sao đế vương trong nhân gian tôn quý? Vì sao tướng mạo trang nghiêm? Họ cũng có nhân quả báo ứng của họ. Ngài tán thán đế vương cũng là tán thán quốc vương. Trong hiện tại thì không hợp thời nghi. Có kẻ thấy kinh Phật tán thán đế vương; đã thế, kinh văn ở đây tán thán đế vương tốt đẹp cỡ nào, họ liền bảo Thích Ca Mâu Ni Phật đề xướng chuyên chế. Quý vị thấy Ngài tán thán đế vương tốt đẹp cỡ đó, kẻ đó chẳng biết trong thời Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng có chế độ dân chủ. Thuở ấy, chẳng có Tổng Thống do quốc gia bầu ra,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

cho nên [kinh Phật] tán thán đế vương, vì thuở đó, đế vương tôn quý nhất. Thích Ca Mâu Ni Phật hoàn toàn chẳng đề xướng chuyên chế. Ngài không chỉ chẳng đề xướng làm quốc vương, mà cũng chẳng đề xướng sanh lên trời làm thiên vương. Nhưng có những kẻ mà nếu chúng ta không biện định đôi chút, họ sẽ nẩy sanh chướng ngại, nói: “Ta chẳng cần nghiên cứu kinh Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật đề xướng chuyên chế là tư tưởng lạc hậu”. Người ấy mắc phải căn bệnh gì vậy? Nếu quý vị nghiên cứu pháp tướng sẽ liễu giải, người ấy mắc phải phiền não “*chẳng chánh tri*”, chẳng khơi mở trí huệ chánh tri, [cho nên] giải thích lệch lạc về một bên. Hiện thời, nói đến nhân quả báo ứng trong nhân gian. Kẻ bần cùng hạ tiện có cái nhân của bần cùng hạ tiện thì mới kết thành cái quả đó. Quả báo phú quý vinh hoa cũng có cái nhân của nó. Tôn giả A Nan nói về điều này, sở dĩ “*thế gian đế vương*” là “*nhân trung độc tôn*” (độc tôn trong loài người), ở trên vạn người, “*giai do túc thế tích đức sở trí*” (đều là do đời trước tích đức mà ra). Vì sao người ấy có thể đạt được đại phú đại quý, là bậc độc tôn được người khác tôn trọng? Vì “*túc thế*”, trong đời trước đã tích lũy đức mà ra. Chữ Trí (致) nên hiểu là Đắc. Do tích đức, người ấy mới đạt được quả báo.

“*Từ huệ bác thí, nhân ái kiêm tế*”, [nghĩa là] có đức đại từ, tạo ân huệ rộng lớn cho hết thảy chúng sanh. “*Huệ*” (惠) là ban những điều tốt đẹp cho chúng sanh, khiến cho chúng sanh cảm nhận ân huệ của người ấy. Đây gọi là “*từ huệ*”. “*Bác thí*”: “*Thí*” (施) là bố thí, “*bác*” (博) là rộng lớn. Bố thí thì phải bố thí rộng rãi. “*Nhân ái kiêm tế*”: Đã có cái tâm nhân từ, còn phải yêu thương, che chở, cứu giúp hết thảy nhân dân. “*Lý tín tu thiện*”: Lý (履) là thực hiện, [“*lý tín*”] là thực hành lòng thành tín, trọn chẳng nói dối, trọn chẳng bắt tín đối với người khác. Đó gọi là “*lý tín*”. “*Tu thiện*” là tu hết thảy các thiện pháp. “*Vô sở vi tranh*”: Trọn chẳng cùng người khác tranh danh, đoạt lợi. “*Thị dĩ thọ chung phước ưng, đắc thăng thiên đạo*” (Do vậy, sau khi hết tuổi thọ, đáng theo phước [đã tạo] mà được thăng lên đường lành): Người ấy sống suốt một đời, một kiếp, toàn là tích đức, sau khi hết tuổi thọ, xét theo phước báo do người ấy đã tích tụ, đáng nên hưởng thụ quả báo tốt lành. Do vậy, được vượt lên đường lành. Người ấy ở trong nhân gian là thiện đạo, ở trong nhân gian tích lũy nhiều phước, lại vượt lên thiên đạo, tức là sanh lên cõi trời. Do vậy, “*thượng thăng thiên thượng, hưởng tu phước lạc*” [tức là] thăng lên cõi trời, hưởng phước trời,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

hưởng sự vui sướng trong cõi trời.

“*Tích thiện dư khánh, kim đắc vi nhân, nãi sanh vương gia, tự nhiên tôn quý*” (Do những điều vui sót thừa vì đã tích thiện, nay được làm người, bèn sanh trong nhà vua chúa, tự nhiên tôn quý): Người ấy ở trong cõi đời, bèn tích đức tu thiện, lên cõi trời hưởng phước. Xét theo đạo lý trong Phật giáo, thăng lên một tầng trời nào đó, thọ mạng đều có chừng hạn. Mỗi tầng trời sau thọ mạng đều dài hơn tầng trời trước, mỗi tầng trời sau phước báo đều lớn hơn tầng trời trước, nhưng đều có một hạn độ. Khi quý vị hưởng hết thọ mạng và phước báo trong cõi trời, vẫn phải luân hồi trở xuống. Điều này khác với cách nói của ngoại đạo. Phật giáo nói về hai mươi tám tầng trời trong tam giới, nói rất rõ ràng, rất cặn kẽ, nhưng không chủ trương chúng ta thăng thiên, vì phước trời chẳng lâu dài! Ngoại đạo chỉ nói tới một tầng trời, họ nói đến cõi trời chỉ đó, liền nói là [hễ sanh về đó bèn] sống đời đời. [Theo giáo lý của họ], chỉ sợ quý vị chẳng lên được thiên quốc. Hễ lên thiên quốc, sẽ sống vĩnh viễn trong thiên quốc ấy. Điều này chẳng phù hợp lý nhân quả. Quý vị có thể sanh lên trời bằng cách nào? Quý vị tạo nhân lành, cái nhân lành ấy có hạn độ. Quý vị lên trời hưởng thiên phước, cũng có một hạn độ, như kinh Địa Tạng đã dạy: “*Quý vị xả một, đắc vạn báo*”. Đắc vạn báo, quý vị dùng hết rồi, đã hưởng hết phước trời xong thì vẫn phải hạ xuống, chẳng thể vĩnh viễn ở trên trời. Đây là đạo lý được nói trong Phật giáo. Người ấy tích phước, tích đức, hưởng hết phước trời rồi, vẫn phải hạ xuống. Đó gọi là “*luân hồi chẳng dứt*”. Thiên đạo đều phải luân hồi!

“*Tích thiện dư khánh, kim đắc vi nhân*” (Do điều vui còn sót thừa từ tích thiện, nay được làm người): Từ trên trời giáng xuống, chuyển sanh vào loài người, “*nãi sanh vương gia*”, [tức là] sanh trong nhà đế vương. “*Tự nhiên tôn quý*”, đứa trẻ vừa sanh ra đã tôn quý. Nó là con của quốc vương, vừa sanh ra đã tự nhiên tôn quý. Kinh Dịch có chép: “*Tích thiện chi gia, tất hữu dư khánh; tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương*”, [tức là] kinh Dịch nói nhà quý vị là nhà tích thiện, chẳng phải là làm một hai hoặc ba điều thiện, mà đã làm rất nhiều việc thiện. “*Tích*” (積) là tích tụ, biến thành một nhà tích thiện. Người như vậy đáng nên hưởng phước báo tốt đẹp. Hưởng hết phước báo tốt đẹp rồi, còn có khá nhiều chuyện tốt đẹp khác, đó gọi là “*dư khánh*”. “*Khánh*” (慶) là chuyện tốt đẹp đáng nên ăn mừng. “*Tích bất thiện chi gia*” (Nhà tích tụ điều chẳng lành), nhà người ấy làm ác, gọi là “*bất thiện*”, chẳng phải là làm một hai chuyện bất thiện, mà là họ thường

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

xuyên làm chuyện bất thiện. “*Tích bất thiện chi gia, tất hữu dư ương*” (Nhà tích tụ điều bất thiện, ắt tai ương có thừa). Họ nhất định gặp phải tai họa hung hiểm, tai ương; không chỉ là một chuyện, mà còn có nhiều chuyện tai ương, họa ương khác nữa! Kinh Dịch nói như thế đấy.

Nhân quả báo ứng là pháp luật thiên nhiên, chẳng phải do Thích Ca Mâu Ni Phật phát minh! Thiên nhiên có sự nhân quả báo ứng ấy, do sợ chúng sanh ngu si chẳng biết, Thích Ca Mâu Ni Phật nói rõ ràng cặn kẽ hơn. Trước khi kinh Phật truyền sang Trung Hoa, tại Trung Hoa đã có kinh Dịch. Trong kinh Dịch có hai câu ấy, giống hệt như nhân quả báo ứng được nói trong kinh Phật, vì đây là pháp luật thiên nhiên. Nhân quả báo ứng chẳng phải là vấn đề tín ngưỡng, mà là vấn đề sự thật. Chẳng cần biết quý vị tin tưởng nhân quả hay không, nhân quả vẫn là nhân quả, sự thật là như vậy. Ví như hôm nay quý vị ăn cơm, ăn rất ngon, buổi trưa ăn một bữa cơm rất ngon lành, buổi chiều rất có tinh thần. Đây là quả báo tốt đẹp, đây là nhân quả. Quý vị chẳng tin tưởng, chẳng ăn cơm trưa, cơm trưa là cái nhân. Tới một giờ chiều, chẳng có chút xíu hơi sức nào, đó là quả. Bất luận quý vị tin tưởng hay không, quý vị ăn no thì có hơi sức, chẳng ăn sẽ chẳng có hơi sức. Đây chẳng phải là vấn đề tín ngưỡng tôn giáo, mà là vấn đề sự thật của hết thảy chúng sanh. Đó gọi là “*chúng qua đắc qua, chúng đậu đắc đậu*” (trồng dưa được dưa, gieo đậu được đậu). Quý vị không tin tưởng, cứ trồng dưa ở ngoài đồng mà xem. Quý vị không tin, nó vẫn trở thành dưa cho quý vị. Quý vị gieo đậu thử xem, quý vị không tin, nó vẫn sanh ra đậu! Sự thật là như vậy đó!

Tôn giả A Nan nói nhiều ngàn ấy nhằm nói cho chúng ta nghe, Ngài nói những gì? Nói về nhân quả báo ứng, [khi ngài Khang Tăng Khải dịch bản này, đã] dẫn chứng lời trong kinh Dịch, nhằm tăng cường tín tâm của chúng ta đối với nhân quả báo ứng. “*Tích thiện dư khánh*” tức là nhà tích thiện, ắt niềm vui có thừa. Người ấy tích thiện, đã sanh lên trời hưởng phước trời. Hưởng hết phước trời, hãy còn nhiều điều vui sót lại. Khánh vẫn là nói đến Phước. Lại chuyển sanh làm người trong nhân gian, làm người mà phước báo hãy còn dư; do vậy, “*kim đắc vi nhân, nữ sanh vương gia*” (nay được làm người, bèn sanh vào nhà vua chúa), [nghĩa là] người ấy chuyển sanh vào nhà quốc vương. “*Tự nhiên tôn quý*”: Chẳng mong cầu tôn quý, tự nhiên tôn quý. Trẻ thơ sanh trong nhà quốc vương, được chăm sóc chu đáo, dinh dưỡng tốt đẹp. Đứa trẻ lớn lên, nhất định là “*nghi dung đoan chánh*”, [nghĩa là] nhất định trưởng thành rất đẹp đẽ.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

Đợi cho tới khi nó lớn lên, “*chúng sở kính sự*” (được mọi người cung kính phụng sự): Con của quốc vương là đứa trẻ tôn quý, tướng mạo trang nghiêm, mọi người trông thấy sẽ đều cung kính nó. “*Điều y trân thiện*” (Quần áo đẹp đẽ, ăn uống đồ ngon quý): Mặc quần áo rất đẹp đẽ. “*Thiện*” (饍) là thức ăn, đều là những thứ rất trân quý. “*Tùy tâm phục ngự*”: Hưởng thụ thuận theo lòng nó muốn, “*phục ngự*” (服御) là hưởng thụ. “*Túc phước sở truy, cố năng trí thử*” (Do phước trong đời trước ruồi theo mà có thể đạt được như thế): “*Túc phước*” là phước đã vun bồi trong quá khứ. “*Sở truy*” (所追) là theo đuổi kẻ ấy. Do vậy, kẻ ấy vừa sanh ra đã là bậc tôn quý, mới có thể đạt được như vậy. Tôn giả A Nan nói về nhân quả báo ứng của kẻ bần cùng xong, nói nhân quả của quốc vương xong, đức Phật bèn ấn chứng cho Ngài: “*Phật cáo A Nan: - Nhữ ngôn thị dã*” (Đức Phật bảo ngài A Nan: - Ông nói đúng đấy): Ông nói chẳng sai tí nào!

Đức Phật hoàn toàn chẳng đề xướng chúng ta sùng bái phước báo của quốc vương, mà Ngài dạy chúng ta tu hành, đời sau, đời kế cũng làm quốc vương. Xem đoạn kinh văn kế tiếp, quý vị sẽ biết: “*Kế như đế vương, tuy nhân trung tôn quý, hình sắc đoan chánh, tử chi Chuyển Luân Thánh Vương, thậm vi bỉ lậu, do bỉ khát nhân tại đế vương biên dã*” (So ra đế vương, tuy là tôn quý trong loài người, hình sắc đoan chánh, nhưng so với Chuyển Luân Thánh Vương, [đế vương] quá đỗi kém hèn, thô lậu, giống như kẻ ăn mày ở bên cạnh đế vương): Trong phần trước đã nói trong loài người, đế vương tôn quý nhất, hình sắc đoan chánh nhất, [thế mà] còn có người phước báo to hơn ông ta, ai vậy? Chuyển Luân Thánh Vương.

Vị đế vương ấy là quốc vương của một quốc gia, trong kinh Phật gọi là “*tiểu quốc vương*”. Nếu coi thường họ, sẽ gọi họ là Túc Tán Vương (粟散王). “*Túc Tán*” (粟散) là rải một nắm gạo xuống đất, rất ư là nhiều. Trên thế giới, có rất nhiều quốc gia, quốc vương càng nhiều, chẳng đáng kể chi! Giống như rải một nắm gạo xuống đất, nên gọi là Túc Tán Vương. [Gọi như vậy] vì sợ chúng ta ngưỡng mộ sự tôn quý của quốc vương, mong cầu phước báo quốc vương. Còn có đại quốc vương là Chuyển Luân Thánh Vương, ông ta thống lãnh tứ đại bộ châu. Đây mới là người có phước báo bậc nhất trong nhân gian. Đế vương tôn quý trong loài người, tướng mạo đoan chánh như vừa mới nói mà đứng cạnh Chuyển Luân Thánh Vương, sẽ giống như gã ăn mày bần cùng đứng cạnh đế vương.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Vị Chuyên Luân Thánh Vương ấy tuyệt diệu lắm, “*Chuyên Luân Thánh Vương oai tướng thù diệu, thiên hạ đệ nhất. Tỷ chi Dao Lợi thiên vương, hựu phục xú ác, bất đắc tương dụ vạn ức bội dã*” (Chuyên Luân Thánh Vương oai đức, tướng mạo đẹp đẽ đặc biệt, là bậc nhất trong thiên hạ, sánh với Dao Lợi thiên vương, lại là xấu ác chẳng thể sánh ví vạn ức lần). Dao Lợi thiên vương là thiên chúa của tầng trời thứ hai trong Dục Giới. Chuyên Luân Thánh Vương tướng mạo bậc nhất trong nhân gian, so với thiên vương của Dao Lợi Thiên, sẽ biến thành tướng mạo xấu xí, thô lậu. Lại còn xấu xí, thô lậu chẳng thể sánh ví được! Thua kém cỡ nào? Không chỉ là một hai lần, không chỉ thua kém vạn ức lần! “*Giả linh thiên đế, tỷ đệ lục thiên vương, bách thiên ức bội bất tương loại dã*” (Giả sử thiên đế so với thiên vương của tầng trời thứ sáu thì chẳng sánh bằng ngàn ức vạn lần).

“*Thiên đế*” là thiên chúa của cõi trời Dao Lợi, tức là chúa trời của tầng trời thứ hai trong Dục Giới, đem so với thiên vương của tầng trời thứ sáu trong Dục Giới, tức là so sánh với thiên vương của Tha Hóa Tự Tại Thiên, sẽ thua kém rất xa, không chỉ là “*bách thiên ức bội bất tương loại dã*” (trăm ngàn ức lần chẳng thể sánh bằng). Tướng mạo của chúa trời Dao Lợi trở thành hèn mọn, xấu ác, vì thiên vương của tầng trời thứ sáu trang nghiêm tột bậc. “*Thiết đệ lục thiên vương, tỷ Vô Lượng Thọ Phật quốc Bồ Tát, Thanh Văn, quang nhan dung sắc, bất tương cập đãi, bách thiên vạn ức bất khả kế bội*” (Giả sử vua tầng trời thứ sáu so với dung mạo, sắc thân rạng rỡ của hàng Bồ Tát và Thanh Văn trong cõi Vô Lượng Thọ Phật thì chẳng thể sánh bằng một phần của trăm ngàn vạn ức chẳng thể tính lần): “*Thiết*” (設) là giả sử, chúa tầng trời thứ sáu so với Bồ Tát và Thanh Văn trong cõi Vô Lượng Thọ Phật, so với vẻ mặt rạng rỡ, hình sắc của họ thì “*chẳng thể sánh bằng một phần của trăm ngàn vạn ức chẳng thể tính lần*”.

Đại chúng trong Tây Phương Cực Lạc, Thanh Văn cũng thế, mà Bồ Tát cũng thế, tướng mạo đều trang nghiêm như thế. Trang nghiêm như thế nào? Chẳng thể diễn tả được, chỉ đành lấy tướng mạo đẹp nhất trong thế giới này để sánh ví. Từ quốc vương so sánh với Chuyên Luân Thánh Vương, từ Chuyên Luân Thánh Vương so với Dao Lợi thiên vương, Dao Lợi thiên vương so với Đệ Lục thiên vương, Đệ Lục thiên vương so với hàng Bồ Tát và Thanh Văn trong cõi Vô Lượng Thọ Phật vẫn thua kém trăm ngàn vạn ức không thể tính kể lần!

2.2.2.2.4.4. Lại nói về y báo thù thắng

(Kinh) Phật cáo A Nan: - Vô Lượng Thọ quốc, kỳ chư thiên nhân, y phục, âm thực, hoa hương, anh lạc, tăng cái, tràng phan, vi diệu âm thanh, sở cư xá trạch, cung điện, lâu các, xúng kỳ hình sắc, cao hạ đại tiểu. Hoặ nhất bảo, nhị bảo, nãi chí vô lượng chúng bảo, tùy ý sở dục, ứng niệm tức chí. Hựu dĩ chúng bảo diệu y, biến bố kỳ địa, nhất thiết thiên nhân tiền chi nhi hành. Vô lượng bảo võng, di phú Phật độ, giai dĩ kim lữ chân châu, bách thiên tạp bảo, kỳ diệu trân dị, trang nghiêm hiệu sức. Châu táp tứ diện, thù dĩ bảo linh, quang sắc hoảng diệu, tận cực nghiêm lệ. Tự nhiên đức phong, từ khởi vi động. Kỳ phong điều hòa, bất hàn, bất thử, ôn lương, nhu nhuyễn, bất trì, bất tật, xuy chư la võng, cập chúng bảo thụ, diễn phát vô lượng vi diệu pháp âm, lưu bố vạn chủng ôn nhã đức hương. Kỳ hữu văn giả, trần lao cấu tập, tự nhiên bất khởi. Phong xúc kỳ thân, giai đắc khoái lạc, thí như tỳ-kheo đắc Diệt Tận tam-muội. Hựu phong xuy tán hoa, biến mãn Phật độ. Tùy sắc thứ đệ, nhi bất tạp loạn. Nhu nhuyễn quang trạch, hình hương phân liệt. Túc lý kỳ thượng, đạo hạ tứ thốn. Tùy cử túc dĩ, hoàn phục như cố. Hoa dụng dĩ ngật, địa triếp khai liệt, dĩ thứ hóa một, thanh tịnh vô di. Tùy kỳ thời tiết, phong xuy tán hoa, như thị lục phản. Hựu chúng bảo liên hoa, châu mãn thế giới, nhất nhất bảo hoa, bách thiên ức điệp. Kỳ hoa quang minh, vô lượng chúng sắc. Thanh sắc thanh quang, bạch sắc bạch quang, huyền hoàng, châu tử, quang sắc hách nhiên. Vĩ điệp hoán lạn, minh diệu nhật nguyệt. Nhất nhất hoa trung, xuất tam thập lục bách thiên ức quang, nhất nhất quang trung, xuất tam thập lục bách thiên ức Phật, thân sắc tử kim, tướng hảo thù đặc. Nhất nhất chư Phật, hựu phóng bách thiên quang minh, phổ vị thập phương thuyết vi diệu pháp. Như thị chư Phật, các các an lập vô lượng chúng sanh ư Phật chánh đạo.

(經)佛告阿難：無量壽國，其諸天人，衣服、飲食、華香、瓔珞、繒蓋、幢旛、微妙音聲、所居舍宅、宮殿、樓閣，稱其形色，高下大小。或一寶二寶，乃至無量眾寶，隨意所欲，應念即至。又以眾寶妙衣，徧布其地，一切天人踐之而行。無量寶網，彌覆佛土，皆以金縷真珠，百千雜寶，奇妙珍異，莊嚴校飾。周帀四面，垂以寶鈴，光色晃曜，盡極嚴麗。自然德風，徐起微動。其風調和，不

寒不暑，溫涼柔輒，不遲不疾。吹諸羅網，及眾寶樹，演發無量微妙法音，流布萬種溫雅德香。其有聞者，塵勞垢習，自然不起。風觸其身，皆得快樂，譬如比丘，得滅盡三昧。又風吹散華，徧滿佛土。隨色次第，而不雜亂。柔輒光澤，馨香芬烈。足履其上，蹈下四寸，隨舉足已，還復如故。華用已訖，地輒開裂，以次化沒，清淨無遺。隨其時節，風吹散華，如是六反。又眾寶蓮華，周滿世界，一一寶華，百千億葉。其華光明，無量種色。青色青光，白色白，玄黃朱紫，光色赫然。煒燁煥爛，明曜日月。一一華中，出三十六百千億光，一一光中，出三十六百千億佛，身色紫金，相好殊特。一一諸佛，又放百千光明，普為十方說微妙法。如是諸佛，各各安立無量眾生於佛正道。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài A Nan: - Các hàng trời người trong cõi Vô Lượng Thọ, quần áo, thức ăn, hoa hương, chuỗi anh lạc, lọng lụa, tràng phan, âm nhạc vi diệu, nhà cửa, cung điện, lầu gác để ở, cao, thấp, lớn, nhỏ đều tương xứng hình sắc của họ. Hoặc do một thứ báu, hai thứ báu, cho đến vô lượng các thứ báu tùy theo lòng muốn, vừa nghĩ liền có. Lại dùng các thứ y đẹp để bằng các thứ báu trải khắp mặt đất, hét thầy trời người đạp lên trên ấy để đi. Vô lượng lưới báu che phủ cõi Phật, đều dùng sợi bằng vàng xâu chân châu, trăm ngàn thứ báu, hiếm đẹp, quý lạ để trang nghiêm tô điểm. Trọn khắp bốn phía chung quanh, treo rủ linh báu, quang minh và màu sắc tỏa sáng chói ngời, trang nghiêm, đẹp để tột bậc. Tự nhiên gió đức thông thả dấy động khe khẽ. Gió ấy điều hòa, chẳng lạnh, chẳng nóng, ấm áp, mát mẻ, mềm mại, chẳng chậm, chẳng nhanh, thổi qua các lưới màn và các cây báu, diễn phát vô lượng âm nhạc vi diệu, lan tỏa muôn thứ đức hương dịu dàng, thanh nhã. Có ai nghĩ thấy, tập khí phiền não trần lao tự nhiên chẳng dấy lên. Gió chạm vào thân, đều được vui sướng, ví như tỳ-kheo đắc Diệt Tận tam-muội. Gió lại thổi rải rắc các thứ hoa trọn khắp cõi Phật, lần lượt theo từng màu, chẳng bị tạp loạn, mềm mại, tươi tắn, ngát hương ngào ngạt. Chân đạp trên đó, lún xuống bốn tấc. Chân vừa giở lên, hoa hồi phục như cũ. Hoa dùng đã xong, đất liền nứt ra, hoa theo thứ tự mà biến mất, thanh tịnh, chẳng sót thừa. Thuận theo

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thời tiết, gió thổi rải hoa sáu lượt như thế. Lại có các hoa sen báu trọn khắp thế giới. Mỗi một hoa báu có trăm ngàn ức cánh. Quang minh của hoa có vô lượng thứ màu, màu xanh ánh sáng xanh, màu trắng ánh sáng trắng, vàng sậm, đỏ tía, màu sắc quang minh rạng rỡ, chói ngời tỏa rạng, sáng ngời như mặt trời, mặt trăng. Trong mỗi hoa, tỏa ra ba mươi sáu trăm ngàn ức quang minh. Trong mỗi quang minh, xuất hiện ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật, thân màu vàng tía, tướng hảo thù thắng đặc biệt. Mỗi một vị Phật, lại phóng trăm ngàn quang minh, khắp vì mười phương thuyết vi diệu pháp. Chư Phật như vậy, mỗi vị an lập vô lượng chúng sanh nơi chánh đạo của Phật).

“Phật cáo A Nan: - Vô Lượng Thọ Quốc, kỳ chư thiên nhân, y phục, ẩm thực” (Đức Phật bảo ngài A Nan: - Y phục và thức ăn của các trời người trong cõi Vô Lượng Thọ): Nói về cuộc sống hằng ngày của họ, quần áo để mặc, thức ăn để ăn, còn có các thứ *“hoa hương, anh lạc”*. Anh Lạc (瓔珞) là những thứ chuỗi trang nghiêm đeo trên thân. Quý vị thấy trên thân Quán Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát đều đeo anh lạc. Tôi thuận tiện nói thêm một câu, Bồ Tát trên đầu đội hoa quan (花冠, mào hoa), thân đeo anh lạc, nhưng A Di Đà Phật chẳng có. Hiện thời có kẻ vẽ vời tượng Bồ Tát rồi ấn hành, chẳng biết quy củ này, [cho nên vẽ] trên thân A Di Đà Phật cũng đeo anh lạc. Đây là sai lầm, đó là kiến thức thông thường trong Phật giáo.

“Tăng cái, tràng phan”: Lọng báu, pháp tràng, còn có phan để trang hoàng. *“Vi diệu âm thanh”*: Còn có các thứ âm thanh vi diệu. *“Sở cư xá trạch, cung điện, lầu các, xứng kỳ hình sắc, cao, hạ, đại, tiểu”* (Nhà cửa, cung điện, lầu gác đều ở đều cao thấp lớn nhỏ xứng với hình sắc của họ): Hai câu này hiểu như thế nào? Thiên chúng, nhân chúng, hoặc là Thanh Văn chúng, Bồ Tát chúng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thuận theo thế giới này của chúng ta cũng như các thế giới ở phương khác mà có danh xưng sai biệt, chứ tướng mạo của họ đều trang nghiêm như nhau, nhưng địa vị bất đồng. Thập Trụ Bồ Tát và Thập Hạnh Bồ Tát khác nhau, Thập Hạnh Bồ Tát chẳng giống Thập Hồi Hướng Bồ Tát, Thập Hồi Hướng Bồ Tát chẳng giống Thập Địa Bồ Tát, thân tướng có cao, thấp, lớn, nhỏ. Cung điện, lầu gác họ ở đều xứng hợp với hình sắc của họ mà có cao, có thấp, có lớn, có nhỏ. *“Hoặc nhất bảo, nhị bảo, nữ chí vô lượng chúng bảo”* (Hoặc một thứ báu, hai thứ báu, cho đến vô lượng các thứ báu): Trong ấy có một thứ báu, hai thứ báu, cho đến vô lượng các thứ báu, không chỉ là bảy báu.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Bảy báu*” cũng là thuận theo danh xưng của những thứ [bảo vật mà] chúng ta biết, trên thực tế là vô lượng các thứ báu tạo thành cung điện, lầu gác. “*Tùy ý sở dục, ứng niệm tức chi*” (Thuận theo lòng mong muốn, vừa nghĩ liền có): Trước đó, quý vị động niệm, muốn ở trong lầu gác gì? Ứng theo ý niệm, [lầu gác, cung điện tương ứng] bèn hiện ra.

“*Hựu dĩ chúng bảo diệu y, biến bố kỳ địa, nhất thiết thiên nhân tiên chi nhi hành*” (Lại dùng các thứ y đẹp đẽ bằng chất báu, trải khắp mặt đất, hết thấy trời người đạp lên đó mà đi): Đây là sự trang nghiêm trên mặt đất. Đất vốn do bảy báu hợp thành đã đủ trang nghiêm rồi, chẳng phải là trong lầu gác còn càng trang nghiêm hơn nữa ư? Trên mặt đất trải diệu y bằng các thứ báu, hết thấy chúng trời người đều đi trên đó, nên nói là “*tiên chi nhi hành*” (đạp lên đó mà đi). Đem diệu y bằng các thứ báu trải đất, là sự trang nghiêm gì vậy? Phải hiểu sự khó khăn trong phiên dịch. Nói theo hiện tại, [“*diệu y*” trong đoạn kinh văn này] sẽ là “thảm”. Trong tiếng Ấn Độ, những thứ được đan dệt đều gọi chung là “y”. Y (衣) là tên gọi chung của các thứ vải vóc. “*Chúng bảo diệu y*” là những thứ báu đan dệt tốt nhất, trải lên trên mặt đất làm thảm, chẳng phải là y trong “*y phục*”. Kinh A Di Đà chép: “*Các dĩ y cách, thịnh chúng diệu hoa*” (Đều dùng dây vải đựng các thứ hoa màu nhiệm). Tại Ấn Độ có khi dùng những thứ được dệt để làm y phục, có người giải thích “*y cách*” (衣袂) là ống tay áo, hoặc là những thứ áo dài, áo ngắn, đều là giải thích sai lầm. “*Y cách*” là cái dây vải. Vải vóc ở Ấn Độ được gọi chung là Y, chẳng phải là y trong y phục. Quý vị đem một bộ y phục phủ trên mặt đất, làm sao trang nghiêm cho được? Dựa theo chuyện để hình dung nhất trong hiện thời [để giải thích] thì sẽ là một loại thảm được trang nghiêm bằng các thứ báu.

“*Vô lượng bảo võng, di phú Phật độ*” (Vô lượng lưới báu che phủ cõi Phật): Đây là sự trang nghiêm trên hư không, giống như hiện thời chúng ta trang hoàng trần nhà. Trên trần nhà có các thứ hoa văn, những thứ ấy đều nhằm trang nghiêm hư không. Phía trên thế giới Cực Lạc có vô lượng lưới màn báu, đều dùng “*kim lữ chân châu, bách thiên tạp bảo, kỳ diệu trân dị, trang nghiêm hiệu sức, châu tạp tứ điện, thù dĩ bảo linh*” (dây vàng xỏ chân châu, trăm ngàn các thứ báu, kỳ diệu, quý lạ, trang hoàng, tô điểm, trọn khắp bốn mặt chung quanh, treo rủ các linh báu): Lưới màn báu ấy dùng “*kim lữ*” (金縷), tức là sợi bằng vàng, trên đó xỏ vào các hạt chân châu, còn có trăm ngàn thứ báu khác nhau, kỳ diệu, quý lạ, để trang nghiêm tô điểm. “*Châu tạp tứ điện, thù dĩ bảo linh*” (Trọn khắp bốn mặt chung quanh, treo rủ các

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

linh báu): Bốn phía của lưới màn báu đều treo rủ linh báu. “*Quang sắc hoảng diệu*” (Quang minh và màu sắc chói ngời rực rỡ): Linh báu có thể tỏa ra ánh sáng. “*Tận cực nghiêm lệ*” (Trang nghiêm, mỹ lệ cùng cực): Trang nghiêm nhất, mỹ lệ nhất.

“*Tự nhiên đức phong, từ khởi vi động. Kỳ phong điều hòa, bất hàn, bất thử*” (Tự nhiên gió đức chậm chậm khe khẽ thổi lên, gió ấy điều hòa, chẳng lạnh, chẳng nóng): Tây Phương Cực Lạc thế giới có gió, là gió do công đức cảm thành. Vì thế gió “*từ khởi*” (徐起) tức là gió thổi lên thong thả. “*Vi động*” (微動) là khẽ động, gió nhẹ nhẹ. Con gió ấy điều hòa rất khá, chẳng lạnh, chẳng nóng. “*Ôn lương nhu nhuyễn*”: [Gió] thổi chạm vào thân, sẽ có một loại cảm giác ôn hòa, mát mẻ, còn có một loại cảm giác mềm mại. “*Bất trì, bất tật*”: Gió thổi thong thả. “*Bất trì*” (不遲) chẳng phải là quá chậm. “*Bất tật*”, “*tật*” (疾) là nhanh, cũng chẳng quá nhanh. “*Xuy chư la võng, cập chúng bảo thụ*” (Thổi các lưới màn và các cây báu): Nói gió làm gì? Nói gió thổi qua những lưới màn, phát ra âm thanh, lại còn lùa qua các cây báu. “*Diễn phát vô lượng vi diệu pháp âm*”: Lưới màn báu đều trang nghiêm bằng bảy báu, gió nhẹ vừa thổi qua, chúng sẽ vang tiếng lanh canh, tinh tắng.

Cây cối cũng là những cây do bảy báu hợp thành, gió nhẹ lùa qua cây báu, cũng vang tiếng lanh canh, tinh tắng. Những âm thanh vang ra đều là pháp âm vi diệu, đều là âm thanh thuyết pháp. Quý vị nghe pháp âm vi diệu, sẽ đạt được pháp lạc. Nó lại còn tỏa ra mùi hương. “*Lưu bố vạn chủng ôn nhã đức hương*” (Lan tỏa muôn thứ đức hương dịu dàng, thanh nhã): Đều là do đạo đức tạo thành, là các thứ hương được thành tựu bởi công đức. Quý vị ngửi mùi hương thì sẽ như thế nào? “*Trần lao cấu tập, tự nhiên bất khởi*” (Trần lao, tập khí cấu nhiễm, tự nhiên chẳng dậy lên). Chúng ta sanh về Tây Phương, vẫn là một đại phàm phu, “*trần*” (塵) có ý nghĩa là ô nhiễm, “*lao*” (勞) có ý nghĩa là nhiều loạn. Đã có “*trần lao*”, còn có “*cấu tập*” (垢習), tức tập khí nhiễm cấu, [do ngửi mùi hương ấy, những trần lao và cấu tập] tự nhiên chẳng thể sanh khởi. Do vậy, sanh về Tây Phương, quý vị chẳng tu hành mà tự nhiên tiến bộ; bởi lẽ, Tây Phương Cực Lạc thế giới là đạo tràng chân chánh. Bất luận quý vị nghe âm thanh gì, ngửi hương vị gì, đều giúp cho quý vị tu đạo, phiền não và tập khí sẽ tự nhiên chẳng sanh khởi!

“*Phong xúc kỳ thân, giai đắc khoái lạc*” (Gió chạm vào thân, đều được vui sướng): Chẳng khởi phiền não. Gió chạm vào thân, đạt

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

được một loại cảm giác vui sướng. Chẳng phải là đây khởi niềm vui sướng tham dục, mà là như thế nào? Tiếp đó, [kinh văn] có một tỷ dụ: “*Thí như tỳ-kheo đắc Diệt Tận tam-muội*” (Ví như tỳ-kheo đắc Diệt Tận tam-muội). Quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, mới biết niềm vui sướng như thế nào. Chẳng sanh về Tây Phương, hàng tỳ-kheo trong Sa Bà, tu hành dụng công, có thể đắc Diệt Tận tam-muội³³. Đạt được Diệt Tận tam-muội, vị ấy đạt được một loại pháp lạc. Quý vị sanh về Tây Phương, là một gã phàm phu, gió thổi đến quý vị, sẽ đắc pháp lạc, giống như pháp lạc của tỳ-kheo trong thế giới Sa Bà đắc Diệt Tận tam-muội.

“*Hựu phong xuy tán hoa, biến mãn Phật độ. Tỳ sắc thứ đệ, nhi bất tạp loạn*” (Gió lại thổi hoa rải rắc trọn khắp cõi Phật, lần lượt theo từng màu, chẳng tạp loạn): Hoa rơi trong không trung, giống như chur thiên rải hoa xuống. Hoa theo gió thổi, bay khắp cõi Phật đều là hoa trời. Hoa trời chẳng phải chỉ có một màu, nhưng chẳng tạp loạn, rơi xuống đất vẫn rất trang nghiêm, rất dễ coi! “*Nhu nhuyễn quang trạch*” (Mềm mại, tươi tắn): Hoa trời rơi xuống đất, tánh chất mềm dịu, màu sắc tươi tắn. “*Hinh hương phân liệt*” (Ngát hương ngào ngạt): Mùi rất thơm! “*Túc lý kỳ thượng, đạo hạ tứ thốn*” (Chân đạp lên đó, lún xuống bốn tấc): Chur thiên đi trên hoa trời, tự nhiên hoa lún xuống bốn tấc. “*Tùy cử túc dĩ, hoàn phục như cũ*” (Giờ chân lên, hoa hồi phục như cũ): Quý vị giờ chân lên, hoa trời trở lại như cũ. Khi ấy, chẳng có sofa hoặc giường ngủ gắn lò xo, giống như thảm phủ đất có gắn lò xo [đàn hồi] vậy. Quý vị giờ chân lên, hoa cũng căng trở lại.

“*Hoa dụng dĩ ngật, địa triếp khai liệt*” (Hoa dùng xong, đất liền nứt ra): Hoa trời rải xuống là một loại trang nghiêm. Quý vị cần hoa, hoa trời mới rơi xuống. Hoa trời rơi trên mặt đất, chẳng cần sức người dọn dẹp. Hoa dùng xong, đất tự nhiên nứt ra, hoa vùi xuống đất, giống như bị nước cuốn đi vậy. “*Dĩ thứ hóa một, thanh tịnh vô di*” (Lần lượt theo thứ tự biến mất, thanh tịnh, chẳng còn sót): Chẳng thấy chút hoa nào nữa! “*Tùy kỳ thời tiết, phong xuy tán hoa, như thị lục phản*” (Tùy

³³ Diệt Tận tam-muội (Nirodha-samāpatti) còn gọi là Diệt Tận Định, Tướng Thọ Diệt Định, Tướng Tri Diệt Định, Diệt Chánh Thọ. Khi đắc loại Định này thì các vọng tưởng, suy lường đều dứt bật, các tâm vương (tám thức) và tâm sở (các thuộc tánh tâm lý) đều ngưng hoạt động, chân tâm vắng lặng, chánh trí hiện tiền. Tới thiểu là chứng A Na Hàm trở lên mới có thể tiến tu loại Định này. Đại Thừa lại quan niệm: Nếu không học Bát Nhã Ba La Mật sẽ không thể chứng nhập loại Định này.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

theo thời tiết, gió thổi rải hoa sáu lượt như vậy): Hoa từ trời rơi xuống, thuận theo thời tiết sai khác, cũng tùy thuộc tập khí của chúng sanh khác biệt. Quý vị nghĩ thời tiết này thì đáng phải thấy trên trời tuôn xuống loại hoa gì, hoa ấy sẽ rơi xuống, thuận theo tâm ý quý vị. “*Lục phản*” (六反) là gì? Ấn Độ chia ngày đêm thành sáu thời. Ngày đêm sáu thời, hoa rơi khác nhau. Nói đến đây đã giảng xong về hoa trời, tiếp đó sẽ nói về hoa sen.

“*Hựu chúng bảo liên hoa, châu mãn thế giới, nhất nhất bảo hoa, bách thiên ức diệp*” (Lại nữa, hoa sen bằng các thứ báu trọn khắp thế giới, mỗi hoa báu có trăm ngàn ức cánh): “*Diệp*” (葉) ở đây là cánh hoa sen, chẳng phải là lá sen. Chúng ta trông thấy hoa sen có nhiều cánh như vậy thì hoa sen được gọi là “*đại diệp liên hoa*”. Đây là loại hoa sen ngàn cánh, nhưng không chỉ là một ngàn cánh, còn có trăm ngàn ức cánh hoa như vậy. Hoa sen trọn khắp thế giới. “*Nhất nhất bảo hoa*” (Mỗi một hoa báu): Đều là những hoa sen do bảy báu tạo thành, có trăm ngàn ức cánh. “*Kỳ hoa quang minh, vô lượng chủng sắc*” (Quang minh của hoa có vô lượng sắc): Quang minh không chỉ một loại, các thứ màu cũng chẳng phải chỉ có một.

Đại để là từ đầu đến cuối, “*thanh sắc thanh quang, bạch sắc bạch quang, huyền hoàng châu tử, quang sắc hách nhiên*” (màu xanh ánh sáng xanh, màu trắng ánh sáng trắng, vàng sậm, đỏ tía, quang minh và màu sắc rạng ngời): “*Huyền hoàng*” (玄黃) là một thứ màu vàng đậm. Cách hành văn biến đổi, nhưng vẫn là [hoa sen] “*hoàng sắc hoàng quang*” của A Di Đà Phật. “*Châu tử*” (朱紫) là màu đỏ đậm, vẫn là màu đỏ như kinh A Di Đà chép “*xích sắc xích quang*”. “*Quang sắc hách nhiên*”: Quang minh và màu sắc rất rạng rỡ. “*Vĩ diệp hoán lạn*” (熒燁煥爛) có nghĩa là quang minh chói rực. “*Minh diệu nhật nguyệt*”: Quang minh của hoa sen có thể chiếu sáng ngời như mặt trời, mặt trăng. “*Nhất nhất hoa trung, xuất tam thập lục bách thiên ức quang*” (Trong mỗi một hoa, tỏa ra ba mươi sáu trăm ngàn ức quang minh): Chẳng phải là tỏa ra một loại quang minh, mà là có ba mươi sáu trăm ngàn ức quang minh. Con số này nói theo con số hiện thời của chúng ta chẳng tương ứng. Ấn Độ có con số “*ba mươi sáu trăm*”, do phiên dịch thuận theo Phạn văn, [nên chép là] “*ba mươi sáu trăm ngàn ức quang*”. “*Nhất nhất quang trung, xuất tam thập lục bách thiên ức Phật*” (Trong mỗi quang minh, xuất hiện ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật): Trong quang minh xuất hiện hóa thân Phật, “*thân sắc tử kim*”,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thân Phật là màu vàng tía, “*tướng hảo thù đặc*” (tướng hảo thù thắng đặc biệt). “*Nhất nhất chư Phật, hựu phóng bách thiên quang minh, phổ vị thập phương thuyết vi diệu pháp*” (Mỗi một vị Phật lại phóng trăm ngàn quang minh, khắp vì mười phương thuyết vi diệu pháp): Hoa sen tỏa quang minh, từ quang minh xuất hiện hóa thân Phật, hóa thân Phật đều giảng kinh, thuyết pháp trọn khắp mười phương.

“*Như thị chư Phật, các các an lập vô lượng chúng sanh u Phật chánh đạo*” (Chư Phật như thế, mỗi vị an lập vô lượng chúng sanh nơi chánh đạo của Phật): Chúng sanh sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, có người thấy A Di Đà Phật, có người còn chưa thấy. Quý vị trông thấy hóa thân Phật, hóa thân Phật thuyết pháp cho quý vị, cũng khiến cho quý vị đạt được lợi ích chân thật, có thể đặt quý vị ở yên nơi chánh đạo của Phật.

Quyển thượng của bộ Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh đã giảng xong; kế tiếp, tôi sẽ giảng quyển Hạ của kinh Vô Lượng Thọ.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Hạ Quyển

佛說無量壽經下卷

2.2.3. Nêu rõ đối tượng được nhiếp thọ

2.2.3.1. Nhiếp thủ kẻ hạ căn cùng sanh về cõi ấy

2.2.3.1.1. Nêu rõ người sanh về cõi ấy, trụ Chánh Định Tu, khiến cho người khác hâm mộ, mong cầu

(*Kinh*) Phật cáo A Nan: “*Kỳ hữu chúng sanh, sanh bỉ quốc giả, giai tất trụ u Chánh Định chi tụ. Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc trung, vô chư Tà Tu, cập Bất Định Tu*”.

(*經*)佛告阿難：其有眾生，生彼國者，皆悉住於正定之聚。所以者何？彼佛國中，無諸邪聚，及不定聚。

(*Kinh*: Đức Phật bảo ngài A Nan: “*Nếu có chúng sanh sanh vào cõi ấy, thấy đều trụ trong Chánh Định Tụ. Vì có sao vậy? Trong cõi Phật ấy, chẳng có các Tà Tu và Bất Định Tu*”).

Nói đi nói lại Tây Phương Cực Lạc thế giới chánh báo tốt đẹp và y báo tốt đẹp, đều nhằm dạy chúng ta phải tin tưởng. Sau khi đã tin tưởng, phải phát nguyện vãng sanh. Ở đây, [kinh văn] lại nói đến những chúng sanh đã vãng sanh Tây Phương. “*Kỳ hữu chúng sanh,*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

sanh bỉ quốc giả, giai tất trụ ư Chánh Định chi tụ. Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc trung, vô chư Tà Tụ, cập Bất Định Tụ” (Nếu có chúng sanh sanh vào cõi ấy, thầy đều trụ trong Chánh Định Tụ. Vì có sao vậy? Trong cõi Phật ấy, chẳng có các Tà Tụ và Bất Định Tụ). Hết thầy chúng sanh được chia thành ba “tụ” lớn, Tụ (聚) là loại. [Chia thành Tam Tụ tức là] chia thành ba loại lớn:

1) Loại thứ nhất gọi là Tà Định Tụ. Tà Định tức là chắc chắn ở nơi tà. Quý vị nói Phật pháp với họ, chắc chắn họ chẳng tiếp nhận. Loại này gọi là Tà Định Tụ.

2) Loại thứ hai là Bất Định Tụ. Gặp phải tà sư, tà giáo, họ sẽ tin theo tà. Gặp thiện tri thức bàn luận Phật pháp với họ, họ cũng có thể theo học Phật pháp. Đây gọi là Bất Định Tụ.

3) Loại thứ ba là Chánh Định Tụ, là hạng chúng sanh tuyệt đối dấy lên chánh tri chánh kiến.

Trong thế giới Sa Bà có ba đại tụ này, thế giới Cực Lạc chỉ có một tụ, [tức là] chỉ có chúng sanh thuộc về Chánh Định Tụ, vì thế giới Cực Lạc chẳng có Tà Định Tụ, mà cũng chẳng có chúng sanh thuộc về Bất Định Tụ. Trong thế giới Sa Bà, phải dựa theo địa vị tu hành để phân định. Trước khi dấy lên tâm tín ngưỡng Đại Thừa Phật pháp thì đều gọi là Tà Định Tụ. Sau khi đã dấy lên tâm tín ngưỡng đối với Đại Thừa Phật pháp thì gọi là Sơ Phát Tín Tâm Bồ Tát. Có mười địa vị được gọi là Thập Tín vị, từng bước tiến cao hơn. Nếu đã viên mãn địa vị Thập Tín, bèn dự vào Thập Trụ vị. Hàng Bồ Tát thuộc vào Thập Tín vị, tiến tiến lùi lùi, gặp Phật pháp, sẽ tinh tấn tu đạo, tiến bộ. Gặp phải cảnh giới vui sướng ngũ dục, họ sẽ bị lôi kéo, lại bị lui sụt. Đây gọi là Bất Định Tụ. Nếu viên mãn Thập Tín vị, dự vào Thập Trụ vị, họ sẽ chẳng bị thoái chuyển, đó gọi là Chánh Định Tụ. Dự vào Thập Trụ vị, Thập Hạnh vị, Thập Hồi Hướng vị, thuộc ba thánh vị ấy, sẽ gọi là địa vị Tam Hiền. Đây là bậc hiền nhân trong Đại Thừa Phật giáo. Sau khi đã đăng địa (chứng nhập Sơ Địa) thì có mười địa vị, đạt được Thập Thánh Địa, cũng gọi là Thập Thánh Vị, còn là mười loại thánh nhân Đại Thừa. Tam Hiền Thập Thánh gọi là Chánh Định Tụ, chẳng thể là Bất Định Tụ, lại càng chẳng thể là Tà Định Tụ.

Một kẻ phàm phu từ lúc phát tâm tu hành cho đến khi thành Phật, phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, bắt đầu tính từ lúc nào? Từ khi đã dự vào Trụ vị, tức là đã dự vào các địa vị thuộc Thập Trụ, người ấy chỉ có tiến, chẳng lùi. Khi ấy mới tính đến kiếp số ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Từ Thập Trụ, Thập Hạnh, cho đến Thập Hồi Hướng, [trải qua] ba

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

hiền vị ấy mới là một đại A-tăng-kỳ kiếp. [Thời gian tu tập] từ Sơ Địa, Nhị Địa cho đến Bát Địa là đại A-tăng-kỳ kiếp thứ hai. Đạt đến Bát Địa, được thọ ký thành Phật, giống như trong kinh Kim Cang, Thích Ca Mâu Ni Phật được Nhiên Đăng Phật thọ ký thành Phật. Từ Bát Địa Bồ Tát lại tu cho đến khi thành Phật, vẫn phải mất một đại A-tăng-kỳ kiếp nữa. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới tu viên mãn. Hàng Bồ Tát thuộc Thập Tín tiến tiến, lùi lùi, chẳng thể tính kiếp số. Đòi sau, đòi kế, vẫn chuyển sanh làm người, chẳng liên tục, dụng công bị gián đoạn. Hễ gặp sự vui ngũ dục, sẽ bị chúng nó lôi kéo, xoay chuyển. Vì thế, đức Phật Thích Ca chẳng dạy chúng ta cầu phước báo nhân thiên, vì còn phải bị thoái chuyển. Nếu lui sụt vào trong ba ác đạo, thời gian ấy càng dài hơn. Do đó, hàng Bồ Tát thuộc Thập Tín vị chẳng thể tính toán kiếp số.

Nhưng theo như Đại Thừa Khởi Tín Luận đã nói, phát Bồ Đề tâm liền tu hành, chỉ tiến chẳng lùi, phải mất một vạn đại kiếp mới tiến nhập Trụ vị. Hãy nhớ nhé! Chỉ tiến chẳng lùi, phải trải qua một vạn đại kiếp mới nhập Thập Trụ vị. Vậy thì nay chúng ta được nghe pháp môn Tịnh Độ, tin tưởng pháp môn Tịnh Độ bèn phát Bồ Đề tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương, tức là chúng ta đã phát tín tâm, vẫn thuộc về Thập Tín vị, vẫn là Bất Định Tu, nhưng hễ sanh về Tây Phương thì sao? Sẽ là A Bệ Bạt Trí, chẳng thoái chuyển, sanh sang Tây Phương là Chánh Định Tu. Tây Phương chẳng có Bất Định Tu, càng chẳng có Tà Định Tu. Vậy thì quý vị chỉ cần niệm Phật sanh về Tây Phương, tối thiểu là đã bỏ qua thời gian một vạn đại kiếp!

2.2.3.1.2. Nêu rõ những người nghe danh hiệu Phật đều được vãng sanh hồng tăng trưởng cái tâm mong vãng sanh cho mọi người

(Kinh) Thập phương hằng sa chư Phật Như Lai, giai cộng tán thán Vô Lượng Thọ Phật oai thần công đức bất khả tư nghị. Chư hữu chúng sanh, văn kỳ danh hiệu, tín tâm hoan hỷ, nãi chí nhất niệm chí tâm hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc, tức đắc vãng sanh, trụ Bất Thoái Chuyển. Duy trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp.

(經)十方恆沙諸佛如來，皆共讚歎無量壽佛威神功德不可思議！諸有眾生，聞其名號，信心歡喜，乃至一念至心迴向，願生彼國，即得往生，住不退轉。唯除五逆，誹謗正法。

(Kinh: Mười phương chư Phật Như Lai nhiều như số cát trong

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

sông Hằng đều cùng tán thán oai thần và công đức chẳng thể nghĩ bàn của Vô Lượng Thọ Phật. Có các chúng sanh nghe danh hiệu của Ngài, tín tâm, hoan hỷ, dẫu chỉ một niệm chí tâm hồi hướng, nguyện sanh về cõi ấy, liền được vãng sanh, trụ Bất Thoái Chuyển, chỉ trừ kẻ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp).

“Thập phương hằng sa chư Phật Như Lai, giai cộng tán thán Vô Lượng Thọ Phật oai thần công đức bất khả tư nghị” (Mười phương chư Phật Như Lai nhiều như số cát trong sông Hằng đều cùng tán thán oai thần và công đức chẳng thể nghĩ bàn của Vô Lượng Thọ Phật): Trong cõi Phật ấy, chẳng có chúng sanh thuộc về Tà Định Tự và Bất Định Tự, mười phương chư Phật Như Lai số nhiều như cát sông Hằng đều cùng tán thán. Trong bản kinh A Di Đà do ngài Cưu Ma La Thập phiên dịch thì là sáu phương Phật, nhưng bản kinh A Di Đà do pháp sư Huyền Trang dịch thì là mười phương Phật, thấy đều tán thán Vô Lượng Thọ Phật trong thế giới Tây Phương có oai thần và công đức chẳng thể nghĩ bàn!

“Chư hữu chúng sanh, văn kỳ danh hiệu, tín tâm hoan hỷ, nãi chí nhất niệm chí tâm hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc, tức đắc vãng sanh, trụ Bất Thoái Chuyển. Duy trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp” (Có các chúng sanh nghe danh hiệu của Ngài, tín tâm, hoan hỷ, dẫu chỉ một niệm chí tâm hồi hướng, nguyện sanh về cõi ấy, liền được vãng sanh, trụ Bất Thoái Chuyển, chỉ trừ kẻ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp): Đây là mười phương chư Phật đều tán thán oai thần và công đức của A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn! Đức Phật Thích Ca vẫn nói cho lũ chúng sanh phàm phu chúng ta nghe: Nếu *“chư hữu chúng sanh, văn kỳ danh hiệu”* (có các chúng sanh nghe danh hiệu của Ngài), mười phương chư Phật đều đang tán thán Vô Lượng Thọ Phật, chúng ta nghe tiếng, liền sanh tín tâm, phát tâm hoan hỷ, quý vị bèn niệm A Di Đà Phật, hồi hướng Tây Phương Cực Lạc thế giới, niệm bao nhiêu? *“Nãi chí nhất niệm chí tâm hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc, tức đắc vãng sanh, trụ Bất Thoái Chuyển”* (Cho đến một niệm chí tâm hồi hướng, nguyện sanh về cõi ấy, liền được vãng sanh, trụ Bất Thoái Chuyển): Sanh về Tây Phương, chẳng lâu sau, sẽ là một chúng sanh thuộc về Chánh Định Tự.

Trong phần trước, [đoạn kinh văn] nói về bốn mươi tám đại nguyện, có hai câu như sau: *“Duy trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp”* (Chỉ trừ kẻ Ngũ Nghịch, phỉ báng chánh pháp). Tạo trọng tội

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Ngũ Nghịch là giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu. Trọng tội Ngũ Nghịch đặc biệt nặng nề. Kẻ đó phi báng chánh pháp, chướng ngại thể sanh về Tây Phương. Trong khi giảng về bốn mươi tám đại nguyện, tôi có nói trong Thập Lục Quán Kinh chấp nhận kẻ phạm trọng tội Ngũ Nghịch vãng sanh, [vậy thì phải] dung hội quán thông với kinh Vô Lượng Thọ như thế nào? Kinh Vô Lượng Thọ chú trọng nơi tội phi báng chánh pháp. Nếu quý vị là kẻ phạm trọng tội Ngũ Nghịch mà biết sám hối, chẳng phi báng chánh pháp, nghe danh hiệu A Di Đà Phật, phát tâm tin ngưỡng, phát tâm hoan hỷ, nhất định sẽ được vãng sanh. Đã tạo trọng tội Ngũ Nghịch, lại còn phi báng chánh pháp, nghe, thấy kinh điển chẳng tin tưởng, lại còn phi báng, làm sao có thể tùy thuận, hoan hỷ cho được? Làm sao kẻ ấy chịu niệm danh hiệu A Di Đà Phật cho nổi? Chẳng tin ngưỡng, chẳng phát nguyện cầu sanh Tây Phương, chẳng niệm A Di Đà Phật, sanh về Tây Phương bằng cách nào đây? Hai bộ kinh ấy hoàn toàn chẳng chống trái nhau, trọng tội Ngũ Nghịch vẫn có thể vãng sanh, chỉ cần quý vị đừng phi báng chánh pháp.

Trong phần trên đã nói đến bốn mươi tám nguyện của Vô Lượng Thọ, nguyện thứ mười tám trong ấy là: *“Thập phương chúng sanh, chí tâm tín nhạo, dục sanh ngã quốc, nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh Giác”* (Mười phương chúng sanh chí tâm tin ưa, muốn sanh về nước ta, cho đến mười niệm mà nếu chẳng sanh về, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác). Niệm Phật hiệu mười câu, quyết định vãng sanh. Phần sau kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, trong phần Hạ Phẩm Hạ Sanh, có một đoạn kinh văn như thế này: *“Nhu thị chí tâm, linh thanh bất tuyệt, cụ túc thập niệm, xưng nam-mô A Di Đà Phật”* (Chí tâm như thế khiến cho tiếng niệm chẳng dứt, trọn đủ mười niệm xưng “nam-mô A Di Đà Phật”), cũng nói đến mười niệm niệm Phật. Ở đây, [kinh Vô Lượng Thọ] nói *“một niệm”* nhằm cực lực nói sanh về Tịnh Độ dễ dàng, niệm Phật mười niệm đã có thể vãng sanh, niệm Phật một niệm cũng có thể vãng sanh. Nay chúng ta hãy nghiên cứu, mười niệm hay một niệm ấy là niệm trong lúc bình thời, hay là mười niệm khi lâm chung? Quý vị thấy đó, sanh về Tây Phương rất dễ dàng. Chúng ta niệm A Di Đà Phật mười niệm, bèn có thể sanh về Tây Phương, nay ta niệm Phật mười niệm để chuẩn bị vãng sanh Tây Phương. [Nếu chỉ nghĩ như vậy], sợ rằng quý vị sẽ làm lỡ đại sự của chính mình! Đây chẳng phải là nói niệm trong lúc bình thường, mà là niệm khi lâm chung!

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

Đến khi lâm chung, niệm mười niệm sẽ sanh về Tây Phương, quyết định sanh về. Thậm chí, tới khi lâm chung, niệm một niệm, cũng quyết định vãng sanh, đều là nói khi lâm chung. Hoặc là quý vị nghe nói, đã hiểu rõ mười niệm hoặc một niệm đều là niệm vào lúc lâm chung, [bèn lâm tưởng như vậy] thì cũng rất dễ dàng! Nay ta chẳng cần gấp gấp, hiện thời gấp gấp để làm chi? Chờ tới khi lâm chung, ta niệm mười niệm bèn sanh về Tây Phương, thậm chí một niệm bèn sanh về Tây Phương. Nếu quý vị nghĩ như vậy, sẽ bị làm lỡ đại sự của chính mình! Vì sao sẽ bị lỡ chuyện? Vì lúc bình thường quý vị chẳng niệm, tới khi lâm chung, chính là cửa ải giữa sanh và tử, thường là bị tám nỗi khổ nung đốt, tới khi đó, quý vị chẳng nhớ niệm Vô Lượng Thọ Phật, chẳng nghĩ tới chuyện niệm Phật, mười niệm cũng chẳng niệm được, [thậm chí] một niệm cũng chẳng niệm nổi, làm sao quý vị có thể sanh về Tây Phương cho được? Há chẳng phải là làm lỡ đại sự sanh tử của chính mình ư? Do vậy, niệm Phật thì hiện thời đã nghe, quý vị phải dấy lên tín tâm, đã phát tín tâm lại còn phải chân thật, còn phải kiên cố. Đã có tín tâm rồi phải phát nguyện, quyết định sanh về Tây Phương, lại còn phải nhất định là khẩn thiết, chẳng sanh về Tây Phương sẽ không được! Niệm Phật lúc bình thường cũng phải nghiêm túc niệm, vì niệm một câu A Di Đà Phật nhằm mong liễu sanh tử, phải niệm một câu A Di Đà Phật để sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Niệm qua loa, qua quít, sẽ chẳng đắc lực. Do vậy, hiện thời phải niệm, có niệm thì tới khi lâm chung mới biết niệm Phật. Nếu không, tới lúc đó, chẳng nghĩ tới A Di Đà Phật, làm sao niệm cho nổi?

2.2.3.1.3. Biện định hạnh nghiệp để vãng sanh nhằm dạy [người nghe] tu tập vãng sanh

(Kinh) Phật cáo A Nan: - Thập phương thế giới chư thiên nhân dân, kỳ hữu chí tâm nguyện sanh bỉ quốc, phàm hữu tam bối.

(經)佛告阿難：十方世界諸天人，其有至心願生彼國，凡有三輩。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài A Nan: - Chư thiên nhân dân trong mười phương thế giới, có những người chí tâm nguyện sanh về cõi ấy, nói chung có ba bậc).

“Phật cáo A Nan: - Thập phương thế giới chư thiên nhân dân, kỳ hữu chí tâm nguyện sanh bỉ quốc, phàm hữu tam bối” (Đức Phật bảo

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

ngài A Nan: - Chư thiên và nhân dân trong mười phương thế giới, có những người chí tâm nguyện sanh về cõi ấy, nói chung thì có ba bậc): Đây là nói đến những người chưa sanh về, tính gộp chung cả những người đã sanh về như trong phần trên thì có ba loại lớn, gọi là Tam Bối. Chúng ta niệm bài kệ tán Phật “*A Di Đà Phật thân kim sắc...*” gồm tám câu, trong đó chỉ có một câu phát xuất từ kinh Vô Lượng Thọ, tức là “*tứ thập bát nguyện độ chúng sanh*”. Câu thứ tám là “*cửu phẩm hàm linh đặng bỉ ngạn*”, đó là từ Thập Lục Quán Kinh. Kinh Vô Lượng Thọ chẳng nói chín phẩm, chỉ nói Tam Bối. Tam Bối và chín phẩm trong Thập Lục Quán Kinh có phải là giống như nhau hay không? Như nhau! Tam Bối là Thượng, Trung, Hạ. Trong [mỗi bậc] Thượng, Trung, Hạ, lại chia cặn kẽ thành Thượng, Trung, Hạ, thành ra chín phẩm. Đây là nói theo số lượng tổng quát thì là Tam Bối, Thập Lục Quán Kinh lại chia tỉ mỉ thành chín phẩm.

2.2.3.1.3.1. Thượng bối vãng sanh

(Kinh) Kỳ thượng bối giả, xả gia khí dục nhi tác sa-môn, phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật, tu chư công đức, nguyện sanh bỉ quốc. Thử đẳng chúng sanh, lâm thọ chung thời, Vô Lượng Thọ Phật, dữ chư đại chúng, hiện kỳ nhân tiền, tức tùy bỉ Phật vãng sanh kỳ quốc, tiện ư thất bảo hoa trung, tự nhiên hóa sanh, trụ Bất Thoái Chuyển. Trí huệ dũng mãnh, thần thông tự tại. Thị cố A Nan! Kỳ hữu chúng sanh, dục ư kim thể kiến Vô Lượng Thọ Phật, ưng phát Vô Thượng Bồ Đề chí tâm, tu hành công đức, nguyện sanh bỉ quốc.

(經)其上輩者，捨家棄欲而作沙門，發菩提心，一向專念無量壽佛，修諸功德，願生彼國。此等眾生，臨壽終時，無量壽佛，與諸大眾，現其人前，即隨彼佛往生其國，便於七寶華中，自然化生，住不退轉。智慧勇猛，神通自在。是故，阿難！其有眾生，欲於今世見無量壽佛，應發無上菩提之心，修行功德，願生彼國。

(Kinh: Bậc thượng là người bỏ nhà, lìa dục để làm sa-môn, phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật, tu các công đức, nguyện sanh về cõi ấy. Các chúng sanh ấy khi sắp lâm chung, Vô Lượng Thọ Phật và các đại chúng, hiện ra trước người ấy, [người ấy]

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

liền theo đức Phật đó sanh về cõi kia, liền tự nhiên hóa sanh trong hoa bảy báu, trụ Bất Thoái Chuyển, trí huệ dững mãi, thần thông tự tại. Do vậy, A Nan! Nếu có chúng sanh muốn ngay trong đời này thấy Vô Lượng Thọ Phật, hãy nên phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, tu hành công đức, nguyện sanh về cõi đó).

Trước hết, nói đến Thượng Bồi. “*Kỳ thượng bồi giả, xả gia khí dục, nhi tác sa-môn*” (Bậc thượng là người bỏ nhà, lìa dục để làm sa-môn). “*Sa-môn*” (Śramaṇa) là tiếng gọi chung của hàng xuất gia, lìa bỏ gia đình, cắt đứt thú vui ngũ dục, phát tâm dững mãi xuất gia. Xuất gia thì phải “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật*” (phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật). Hãy nhớ, phải phát Bồ Đề tâm niệm Phật, niệm danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật. “*Tu chư công đức*” (Tu các công đức), vì phát tâm xuất gia, lìa bỏ chuyện gia đình, đúng là nên tu các công đức, đem hết thầy công đức đều hồi hướng về Tây Phương. “*Nguyện sanh bỉ quốc*” (Nguyện sanh về cõi đó).

“*Thử đấng chúng sanh*” (Những chúng sanh ấy) tức là chúng sanh thuộc về bậc thượng “*lâm thọ chung thời, Vô Lượng Thọ Phật dữ chư đại chúng, hiện kỳ nhân tiền, tức tùy bỉ Phật vãng sanh kỳ quốc*” (khi sắp lâm chung, Vô Lượng Thọ Phật và các đại chúng hiện ra trước người ấy, [người ấy] liền theo đức Phật đó sanh về cõi kia), theo sau A Di Đà Phật, theo chân đại chúng, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Tiện ư thất bảo hoa trung, tự nhiên hóa sanh, trụ Bất Thoái Chuyển, trí huệ dững mãi, thần thông tự tại*” (Liên ở trong hoa bảy báu, tự nhiên hóa sanh, trụ Bất Thoái Chuyển, trí huệ dững mãi, thần thông tự tại): Hóa sanh trong hoa sen bảy báu. Đã hóa sanh thì sẽ chẳng thoái chuyển, trí huệ dững mãi, thần thông tự tại.

Tiếp đó, [kinh văn] lại nói đến chúng sanh thuộc thượng bồi: “*Thị cố, A Nan! Kỳ hữu chúng sanh, dục ư kim thế kiến Vô Lượng Thọ Phật, ưng phát Vô Thượng Bồ Đề chi tâm, tu hành công đức, nguyện sanh bỉ quốc*” (Do vậy, này A Nan! Nếu có chúng sanh muốn thấy Vô Lượng Thọ Phật trong đời này, hãy nên phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, tu hành công đức, nguyện sanh về cõi ấy). Quý vị chẳng phải chờ sau khi mạng chung mới thấy A Di Đà Phật, mà ngay trong đời hiện tại sẽ thấy A Di Đà Phật. Thấy bằng cách nào? Quý vị phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, tu các công đức, nguyện sanh về Tây Phương, như vậy thì mới có thể thấy.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Độ Tông là Huệ Viễn đại sư, ngay trong lúc Ngài còn sống, đã ba lượt thấy A Di Đà Phật. Tới lần thứ tư, A Di Đà Phật bảo Ngài: “*Bảy ngày sau, ông sẽ vãng sanh nước ta*”. Ngài mới bảo mọi người: “*Trước kia, ta đã ba lượt thấy A Di Đà Phật, hôm nay ta thấy A Di Đà Phật bảo ta bảy ngày sau, ta sẽ sanh về Tây Phương, cho nên ta cáo từ mọi người*”. Đây là chúng sanh thuộc thượng phẩm thượng bói, còn có trung bói và hạ bói đều là không xuất gia mà vẫn có thể vãng sanh. Chỉ cần niệm thánh hiệu A Di Đà Phật, quý vị cũng có thể vãng sanh.

2.2.3.1.3.2. Trung bói vãng sanh

(Kinh) Phật cáo A Nan: - Kỳ trung bói giả, thập phương thế giới chư thiên nhân dân, kỳ hữu chí tâm nguyện sanh bỉ quốc, tuy bất năng hành tác sa-môn, đại tu công đức, đương phát Vô Thượng Bồ Đề chí tâm, nhất hướng chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật, đa thiểu tu thiện, phụng trì trai giới, khởi lập tháp tượng, phạn thực sa-môn, huyền tăng, nhiên đặng, tán hoa, thiêu hương, dĩ thử hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc. Kỳ nhân lâm chung, Vô Lượng Thọ Phật, hóa hiện kỳ thân, quang minh, tướng hảo, cụ như chân Phật, dữ chư đại chúng, hiện kỳ nhân tiền. Tức tùy hóa Phật, vãng sanh kỳ quốc, trụ Bất Thoái Chuyển. Công đức trí huệ, thứ như thượng bói giả dã.

(經)佛告阿難：其中輩者，十方世界諸天人民，其有至心願生彼國，雖不能行作沙門，大修功德。當發無上菩提之心，一向專念無量壽佛，多少修善，奉持齋戒，起立塔像，飯食沙門，懸繒然燈，散華燒香，以此迴向，願生彼國。其人臨終，無量壽佛，化現其身，光明相好，具如真佛，與諸大眾，現其人前。即隨化佛往生其國，住不退轉。功德智慧，次如上輩者也。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài A Nan: - Bạc trung là chư thiên nhân dân trong mười phương thế giới, nếu có ai chí tâm nguyện sanh về cõi ấy, tuy chẳng thể làm sa-môn, tu công đức to lớn, hãy nên phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, một mực chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật, tu thiện nhiều hay ít, vâng giữ trai giới, tạo lập tháp tượng, đãi cơm sa-môn, treo phan, thắp đèn, rải hoa, đốt hương. Dùng những điều này để hồi

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

hướng, nguyện sanh về cõi ấy. Người ấy lâm chung, Vô Lượng Thọ Phật sẽ hóa hiện thân Ngài, quang minh, tướng hảo, đầy đủ như vị Phật thật, cùng với các đại chúng, hiện ra trước người ấy, [người ấy] liền theo hóa Phật, vãng sanh cõi ấy, trụ Bất Thoái Chuyển. Công đức và trí huệ kém hơn bậc thượng).

“Phật cáo A Nan: - Kỳ trung bối giả, thập phương thế giới chư thiên nhân dân” (Đức Phật bảo ngài A Nan: - Bậc trung là chư thiên nhân dân trong mười phương thế giới): Chúng sanh trên cõi trời cũng mong cầu vãng sanh, chúng sanh trong nhân gian cũng mong cầu vãng sanh. “Kỳ hữu chí tâm nguyện sanh bỉ quốc” (Nếu có ai chí tâm nguyện sanh về cõi ấy), “chí tâm” là tâm chí thành, bằng lòng vãng sanh cõi An Lạc. “Tuy bất năng hành tác sa-môn, đại tu công đức” (Tuy chẳng thể làm sa-môn, tu công đức lớn lao). Hãy ghi nhớ! Người thuộc trung bối vãng sanh chẳng phải là bậc xuất gia, vì nhân duyên xuất gia của người ấy chẳng trọn đủ, chẳng thể làm sa-môn, chẳng thể tu công đức lớn lao, vì xuất gia thì mới có thể tu công đức lớn lao, nhưng phát tâm niệm Phật thì giống hệt nhau. “Đương phát Vô Thượng Bồ Đề chí tâm” (Hãy nên phát tâm Vô Thượng Bồ Đề), điều này giống hệt như bậc thượng. “Nhất hướng chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật” (Một mực chuyên niệm Vô Lượng Thọ Phật), giống hệt như bậc thượng.

“Đa thiếu tu thiện, phụng trì trai giới, khởi lập tháp tượng, phạn thực sa-môn, huyền tăng, nhiên đăng, tán hoa, thiêu hương. Dĩ thử hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc” (Tu thiện nhiều hay ít, vâng giữ trai giới, tạo lập tháp tượng, đãi cơm sa-môn, treo phan, thắp đèn, rải hoa, đốt hương. Dùng những điều này để hồi hướng, nguyện sanh về cõi ấy): Quý vị chẳng thể tu công đức lớn lao, vẫn phải làm các thiện sự. “Đa thiếu tu thiện” (Tu thiện nhiều hay ít), hai chữ “đa thiếu” có ý nói: Tùy theo tâm lực và tài lực của quý vị là những người tại gia. Quý vị phát tâm to chừng nào, bèn làm thiện sự nhiều ngần ấy. Quý vị phát tâm to lớn mà tài lực chẳng xuể, cũng chỉ đành tùy theo tài lực của chính mình mà làm thiện sự, nhưng chẳng thể không tu thiện, dầu nhiều hay ít cũng đều phải tu! Tu những việc thiện nào vậy?

Tiếp đó, Phật Thích Ca dạy chúng ta, phải *“phụng trì trai giới”* (vâng giữ trai giới). Kẻ tại gia chẳng thể xuất gia, cũng phải thọ Bát Quan Trai Giới. Hãy chú ý, phải hiểu chữ Trai như thế nào? Chữ Trai (齋) nghĩa là *“quá ngộ không ăn”*. Bát Quan Trai Giới là chín điều đầu

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tiên trong giới xuất gia của Sa-di và Sa-di-ni. Tám điều đầu tiên là Quan (關), điều thứ chín là “*bát phi thời thực*” (không ăn phi thời)³⁴ là Trai, gọi gộp chung là Bát Quan Trai Giới. Quý vị chẳng thể hằng ngày trì Bát Quan Trai Giới thì cũng phải thọ Bát Quan Trai Giới một lần! Bát Quan Trai Giới lấy một ngày một đêm làm giới thể. Ất cần phải thọ vào buổi sáng, buổi chiều thì quá Ngọ chẳng ăn cơm, [điều này] gọi là Trai. Hùng đông ngày hôm sau bèn giải trừ giới thể ấy.

Vậy thì thọ vào khi nào? Hoặc là thánh đản của Phật, Bồ Tát, hoặc nhằm sinh nhật, ngày giỗ của cha mẹ quý vị, hoặc là sinh nhật của chính quý vị; đây là ngày mẹ chịu nạn, đều có thể thọ [Bát Quan Trai Giới]. Một ngày một đêm thọ Bát Quan Trai Giới tức là tạm thời làm người xuất gia trong một ngày một đêm. Trên thực tế, tại gia đệ tử hãy nên trước hết là thọ Tam Quy Y, rồi thọ Ngũ Giới. Đây là giới suốt đời. Tam Quy Y là “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”. Tam Quy Y còn gọi là Tam Quy Giới. Tại gia thọ Ngũ Giới, tức là “*không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu*”. Đây là giới vâng giữ suốt đời của hai chúng đệ tử tại gia, thường nói là Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di.

Sau khi đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, quý vị lại thọ thêm Bát Quan Trai Giới; đây gọi là “*hành gia hạnh*”, [hàm nghĩa hành trì thêm các] giới để tăng tấn công hạnh vậy, [cho nên] còn gọi là “*gia hạnh giới*”. Sau khi đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, đệ tử tại gia có thể thọ tại gia Bồ Tát giới. Tại gia Bồ Tát giới là nương theo kinh Ưu Bà Tắc Giới để thọ trì, bao gồm sáu giới trọng và hai mươi tám giới khinh. Trong đó, có một điều là Lục Trai Nhật, hoặc là Lục Trai Giới, tức là mỗi tháng phải thọ trì Bát Quan Trai Giới sáu ngày, chẳng cần phải thọ Bát Quan Trai Giới chi khác. Mỗi tháng bèn thọ sáu ngày Bát Quan Trai Giới thì gọi là “*trì thiên trai*”.

“*Phụng trì trai giới, khởi lập tháp tượng*” (Vâng giữ trai giới, tạo lập tháp tượng). Đây là làm các thiện sự. Trì giới, trì trai cũng là thiện sự. Trì giới, trì trai nhằm chú trọng trừ khử ác pháp, cho nên viết “*trì trai, trì giới*” thành điều đầu tiên. Quý vị trước hết là “*phòng phi, chỉ ác*” (ngăn ngừa sai trái, dứt điều ác), [cho nên] hiện thời thọ giới. Nếu quý vị chẳng giữ giới, những công đức đã làm đều xen tạp ác pháp trong đó, những công đức đã làm đều chẳng thanh tịnh. Do vậy, trước

³⁴ “*Phi thời*” không chỉ là không ăn quá Ngọ, mà còn là ngoài bữa sáng và bữa ngo ra, không ăn lật vật.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

hết phải trì giới. Đã trì giới tốt đẹp rồi, quý vị lại tu các pháp lành. Thiện pháp lớn nhất là gì? “*Khởi lập tháp tượng*” là tạo tháp Phật, tạo tượng Phật. “*Tháp*” (塔) ở đây bao gồm tự viện. Tại Ấn Độ, tháp và chùa chẳng phân biệt. Tháp chính là chùa, chùa chính là tháp. Truyền đến Trung Hoa, chùa là chùa, tháp là tháp. Chữ Tháp trong đoạn kinh văn này bao gồm cả Tự (chùa). Trong tự viện của hàng xuất gia, quý vị sửa tháp, sửa chùa, tu bổ tượng Phật. Tại Trung Hoa thì còn bao gồm tượng Bồ Tát, tượng La Hán cũng được tính gộp vào đó.

“*Phạn thực sa-môn*” là trai tăng. “*Sa-môn*” là tiếng gọi chung người xuất gia. “*Phạn thực*” đọc là (ㄉㄞˋ ㄕㄨˋ ㄌㄨˋ, fàn sì). Đặt chữ Phạn (飯) ra trước thì là động từ, có ý nghĩa là “ăn”. Đặt chữ Thực (食) ra sau bên biến thành danh từ, [có nghĩa] là thức ăn. “*Phạn thực sa-môn*” là nấu cơm chay cúng dường đại chúng. Công đức trai tăng lớn nhất, công đức trai tăng to cỡ nào? Thượng bói vãng sanh trong phần trước là đệ tử xuất gia, họ đã xuất gia, phát tâm Bồ Đề niệm Phật, sẽ tu công đức to lớn. Không ăn thì không được, nhưng theo giới luật của hàng xuất gia, họ chẳng được kinh doanh, buôn bán, làm ruộng, trồng trọt, vậy thì cơm họ ăn do đâu mà có? Đức Phật Thích Ca đã ấn định một quy củ: Đệ tử tại gia cúng dường đệ tử xuất gia. Đệ tử tại gia có thể kinh doanh, có thể buôn bán, cũng có thể làm ruộng, trồng trọt, quý vị cúng dường đệ tử xuất gia. Đệ tử xuất gia ăn một bữa cơm của quý vị, công đức của quý vị sẽ to lớn. Công đức lớn cỡ nào? Vị ấy tu công đức rất to lớn, những công đức do vị ấy đã tu đều là công đức của quý vị. Vị ấy chẳng ăn cơm của quý vị, sẽ chẳng có cách nào tu công đức. Vị ấy phát nguyện niệm Phật, trong tương lai sanh về Tây Phương, [công đức ấy] cũng là công đức của quý vị. Vị ấy chẳng ăn cơm của quý vị, làm sao [vị ấy có hơi sức] niệm Phật cho được? Do vậy, công đức trai tăng lớn nhất.

Phật pháp truyền đến Trung Hoa, “*thác bát hóa phạn*” (托鉢化飯, ôm bát khát thực), tức là quy củ đi khát thực chẳng được thực hiện. Vì sao chẳng thể thực hiện? Vì Trung Hoa khinh rẻ kẻ ăn mày nhất. Quý vị ôm bát xin cơm, họ chẳng biết quý vị là người xuất gia, là bậc đáng tôn trọng, mà tưởng quý vị là kẻ ăn mày chẳng có cơm ăn, coi rẻ quý vị! Ấn Độ không như vậy! Khất sĩ tại Ấn Độ chẳng do Thích Ca Mâu Ni Phật đề xướng. Ấn Độ có một loại [tôn giáo là] Bà-la-môn giáo. [Chúng tộc] Bà-la-môn là chúng tộc bậc nhất trong các chúng tộc tại Ấn Độ, họ định ra một quy củ: Bà-la-môn phải xuất gia một khoảng

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thời gian. Trong thời gian xuất gia, phải ôm bát khát thực. Xã hội tôn trọng Bà-la-môn là chủng tộc bậc nhất, địa vị [của Bà-la-môn] vượt trời quốc vương, đại thần. Khi họ ôm bát khát thực chính là dụng công tu hành, ai nấy đều tôn trọng người ấy là một vị thánh nhân; cho nên quý vị cúng dường cơm cho vị khát thực ấy, công đức sẽ to lớn. Khi vị thánh nhân ấy ôm bát khát thực, mọi người đều biểu lộ lòng cung kính, cho nên Phật Thích Ca dạy các đệ tử xuất gia chúng ta học theo quy củ ôm bát khát thực này, hồng khôi phải vì chuyện ăn uống mà bận tâm. Bởi lẽ, ôm bát khát thực ở Ấn Độ rất dễ dàng.

Tôi đã sang Thái Lan hai lần, Thái Lan vẫn hành theo quy củ khát thực của Thích Ca Mâu Ni Phật. Người xuất gia bên đó cũng chẳng niệm kinh, mà cũng chẳng bái sám. Tín đồ tại gia nếu muốn cầu phước thì cầu công đức gì? Phải trai tăng; trừ môn ấy ra, chẳng có môn thứ hai nào nữa! Quý vị mong cầu điều nguyện gì? Quý vị bèn trai tăng. Do vậy, ở Thái Lan, thân phận người xuất gia hết sức được tôn trọng. Họ nhất loạt mặc y phục màu vàng, chỉ cần [trông thấy] người mặc quần áo màu vàng, [mọi người] sẽ tôn trọng khôn sánh. Tại Trung Hoa, từ thời cổ, đã chẳng kiến lập chế độ ôm bát khát thực; hiện thời, nếu chúng ta muốn thực hành chế độ ấy, sẽ hết sức khó khăn. Ăn cơm thì hằng ngày đều phải ăn, hôm nay ôm bát khát thực chẳng xin được, đói một ngày chẳng sao, chứ đói vài ngày, ai nấy đều chẳng đi lại được. Nếu đói thêm vài ngày nữa, sẽ chết. Vì thế, tại Trung Hoa, rất khó kiến lập chế độ ấy.

Tôi sang Thái Lan, mỗi lần đều xem họ đi khát thực, [cảm thấy họ khát thực] hết sức dễ dàng. [Chư Tăng khát thực, đại chúng cúng dường] đã thành một loại phong tục tập quán. Từ sáu giờ đến bảy giờ sáng là thời gian ôm bát khát thực. Tới sáu giờ sáng, chúng tôi ra đường xem, tín đồ tại gia nhà nào cũng đều đặt một chén cơm, chờ sẵn ở cửa, thấy người xuất gia đến, ngay lập tức quỳ xuống. Cái bát khát thực của người xuất gia rất lớn, trút một chén cơm vào trong bát, kể như tín đồ đã làm xong chuyện tốt trong ngày hôm ấy. [Làm như vậy] đã trở thành phong tục tập quán. Sáng sớm thức dậy, nấu cơm xong, họ không dám ăn, trước hết, bới một chén để cúng trai tăng, ở ngoài cửa chờ người xuất gia đến, đem chén cơm ấy cúng dường người xuất gia rồi mới trở về nhà ăn sáng. Người xuất gia xin một chén không đủ cho một bữa ăn, họ còn phải ăn bữa trưa, vậy thì vị ấy tiếp tục đi tới, nhà khác sẽ lại sót cho vị ấy một chén. Bản thân vị ấy thấy [cái bát khát thực] đã chứa đủ rồi, bèn đập bát lại, trở về tự viện của chính mình. Do

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

vậy, trong khoảng thời gian từ sáu giờ đến bảy giờ, cả đường phố toàn là người xuất gia mặc y phục màu vàng. Cho tới sau bảy giờ, chẳng có ai nữa, đã quay về cả rồi, rất dễ dàng. Vì sao rất dễ dàng? Phật giáo truyền sang Thái Lan bèn đề xướng chế độ ôm bát khát thực, đã trở thành phong tục tập quán.

“*Phạn thực sa-môn*” là đệ tử tại gia bậc trung làm phước, còn phải làm phước gì nữa? “*Huyền tăng, nhiên đăng*” (Treo phan, thắp đèn): “*Tăng*” (繒) là loại lụa dệt bằng tơ tằm. [“*Tăng*” ở đây] bao gồm những thứ như tràng phan, bảo cái (寶蓋, lọng báu) v.v... để cúng Phật. [“*Huyền tăng, nhiên đăng*”] là treo tràng phan, bảo cái, lại còn “*nhiên đăng*”, tức là thắp đèn cúng Phật. Lại còn “*tán hoa, thiêu hương*” (rải hoa, đốt hương) để cúng dường. Hồi hướng những công đức ấy về Tây Phương, tức là nguyện dùng công đức ấy để trang nghiêm Tịnh Độ của Phật. “*Dĩ thử hồi hương, nguyện sanh bỉ quốc*” [nghĩa là dùng những công đức ấy] hồi hướng nguyện sanh về cõi ấy. “*Kỳ nhân lâm chung*” (Người ấy lâm chung): Trung bối tại gia đệ tử tới lúc lâm chung, “*Vô Lượng Thọ Phật, hóa hiện kỳ thân, quang minh, tướng hảo, cụ như chân Phật*” (Vô Lượng Thọ Phật hóa hiện thân Ngài, quang minh, tướng hảo đầy đủ như vị Phật thật), hóa thân Phật hiện đến, nhưng quang minh và tướng hảo giống hệt như vị Phật thật sự. Ngài cũng hướng dẫn đại chúng Bồ Tát đến trước [người lâm chung ấy], “*dữ chư đại chúng, hiện kỳ nhân tiền, tức tùy hóa Phật vãng sanh kỳ quốc, trụ Bất Thoái Chuyển*” (cùng với đại chúng, hiện ra trước người ấy, [người ấy] liền theo Hóa Phật vãng sanh cõi ấy, trụ Bất Thoái Chuyển). Vãng sanh cõi ấy cũng là trụ nơi địa vị Bất Thoái Chuyển. “*Công đức, trí huệ, thứ như thượng bối giả dã*” (Công đức và trí huệ kém bậc thượng), chỉ là so với thượng bối vãng sanh thì kém một bậc!

2.2.3.1.3.3. Hạ bối vãng sanh

(Kinh) Phật cáo A Nan: - Kỳ hạ bối giả, thập phương thế giới chư thiên nhân dân, kỳ hữu chí tâm dục sanh bỉ quốc, giả sử bất năng tác chư công đức, đương phát Vô Thượng Bồ Đề chí tâm, nhất hướng chuyên ý, nãi chí thập niệm, niệm Vô Lượng Thọ Phật, nguyện sanh kỳ quốc. Nhược văn thâm pháp, hoan hỷ tín nhạo, bất sanh nghi hoặc, nãi chí nhất niệm, niệm ư bỉ Phật, dĩ chí thành tâm, nguyện sanh kỳ quốc. Thử nhân lâm chung, mộng kiến bỉ Phật, diệc đắc vãng sanh, công đức, trí huệ, thứ như trung bối giả dã.

(經)佛告阿難：其下輩者，十方世界諸天人民，其有至心欲生彼國，假使不能作諸功德，當發無上菩提之心，一向專意，乃至十念，念無量壽佛，願生其國。若聞深法，歡喜信樂，不生疑惑，乃至一念，念於彼佛，以至誠心，願生其國。此人臨終，夢見彼佛，亦得往生，功德智慧，次如中輩者也。

(*Kinh: Đức Phật bảo ngài A Nan: - Bạc hạ là chư thiên, nhân dân trong mười phương thế giới, nếu có ai chí tâm muốn sanh về cõi ấy, giả sử chẳng thể làm các công đức, hãy nên phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, một mực chuyên tâm, cho đến mười niệm, niệm Vô Lượng Thọ Phật, nguyện sanh về cõi của Ngài. Nếu nghe pháp sâu, hoan hỷ, tin ưa, chẳng sanh nghi hoặc, dầu chỉ một niệm, niệm đức Phật ấy, dùng lòng chí thành nguyện sanh về cõi ấy. Người ấy lâm chung, mộng thấy đức Phật ấy, cũng được vãng sanh. Công đức, trí huệ kém bậc trung*).

“*Phật cáo A Nan: - Kỳ hạ bối giả*” (Đức Phật bảo ngài A Nan: - Bạc hạ là...): Thượng bối và trung bối đã nói rồi, [nay] nói đến hạ bối. “*Thập phương thế giới chư thiên nhân dân, kỳ hữu chí tâm dục sanh bỉ quốc, giả sử bất năng tác chư công đức*” (Chư thiên nhân dân trong mười phương thế giới, nếu có ai chí tâm muốn sanh về cõi ấy, giả sử chẳng thể làm các công đức). “*Bất năng tác chư công đức*” (Chẳng thể làm các công đức) tức là chẳng thể hành hạnh sa-môn, tu các công đức. “*Đương phát Vô Thượng Bồ Đề chí tâm*” (Hãy nên phát tâm Vô Thượng Bồ Đề): Giống như thượng bối và trung bối, phải phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. “*Nhất hướng chuyên ý*”: Một mực chuyên tâm dốc ý nơi Vô Lượng Thọ Phật. “*Nãi chí thập niệm, niệm Vô Lượng Thọ Phật*” (Cho đến mười niệm, niệm Vô Lượng Thọ Phật): “*Nãi chí*” (乃至) là từ ngữ giản lược, [nghĩa là] thậm chí quý vị mỗi ngày niệm Phật mười câu, niệm Vô Lượng Thọ Phật. “*Nguyện sanh kỳ quốc*” (Nguyện sanh về cõi ấy), nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

“*Nhược văn thâm pháp*” (Nếu nghe pháp sâu): Quý vị niệm Phật ít một chút, nhưng quý vị được nghe pháp sâu, nghe đạo lý Đại Thừa Phật pháp, “*hoan hỷ tín nhạo*”, [nghĩa là] nếu phát tâm hoan hỷ, phát tâm tín ngưỡng, phát tâm ưa thích, “*bất sanh nghi hoặc*” (chẳng sanh lòng ngờ vực), đối với pháp sâu Đại Thừa, chẳng dấy lên lòng ngờ vực.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Nãi chí nhất niệm, niệm u bỉ Phật*” (Dầu chỉ một niệm, niệm đức Phật ấy). Trong phần trên là “*cho đến mười niệm*”, [ở đây] là giảm thiểu đến một niệm, niệm đức Vô Lượng Thọ Phật ấy. “*Dĩ chí thành tâm, nguyện sanh kỳ quốc, thử nhân lâm chung, mộng kiến bỉ Phật, diệc đắc vãng sanh, công đức trí huệ, thứ như trung bối giả dã*” (Dùng lòng chí thành nguyện sanh về cõi ấy. Người ấy lâm chung, mộng thấy đức Phật ấy, cũng được vãng sanh. Công đức, trí huệ kém bậc trung): Quý vị nằm mơ, mộng thấy Vô Lượng Thọ Phật đến đón quý vị sanh về Tây Phương, cũng có thể sanh về. Công đức và trí huệ kém bậc trung.

Mong cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải ghi nhớ! Có một điều kiện khẩn yếu nhất: Phạm là ba bậc chúng sanh muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Tiếng Phạn là Bồ Đề (Bodhi), tiếng Hán là Đạo, [phát Bồ Đề tâm] chính là phát đạo tâm. “*Đạo tâm*” là Đại Thừa đạo tâm. Đại Thừa đạo tâm là đạo tâm như thế nào? Tâm trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh. Ta phải phát tâm trên cầu Phật đạo, ta phải phát tâm dưới hóa độ chúng sanh. Như thế bèn niệm A Di Đà Phật, một niệm liền sanh Tây Phương. Phát cái tâm Vô Thượng Bồ Đề ấy, sanh về Tây Phương, hẳn niệm Phật liền sanh về, vì cái tâm ấy giống như tâm A Di Đà Phật. Vì sao A Di Đà Phật tạo ra thế giới An Lạc? Chính là vì Ngài đã nương theo tâm Vô Thượng Bồ Đề đã phát để tạo dựng. Ngài phát ra bốn mươi tám đại nguyện, cũng là dựa trên tâm Vô Thượng Bồ Đề để phát. Ngài hành hạnh môn công đức trong vô lượng A-tăng-kỳ kiếp cũng là dựa trên tâm Vô Thượng Bồ Đề để hành. Nay chúng ta vừa phát tâm Vô Thượng Bồ Đề bèn tương thông với tâm của A Di Đà Phật. Hễ tương thông bèn cảm ứng đạo giao, quý vị niệm mười niệm, A Di Đà Phật cũng đến tiếp dẫn quý vị. Quý vị niệm một niệm, Ngài cũng tiếp dẫn quý vị; trong ấy chẳng có chướng ngại, đã thông cả rồi!

Còn có một chỗ giống nhau: Ba bậc thượng, trung, hạ, chỉ cần sanh về nước An Dưỡng thì đều chẳng thoái chuyển. Chúng ta sanh về Tây Phương, lợi ích duy nhất là Bất Thoái Chuyển. Vì ở trong thế giới Sa Bà, luân hồi trong lục đạo, quý vị đời này phát tâm tu hành, cho đến khi thọ mạng đã hết, đời sau, đời kế sẽ chuyển sanh vào đâu? Quý vị chẳng làm chủ được! Thời gian chuyển sanh trong ba ác đạo lâu dài, chẳng biết kiếp nào sẽ thoát khỏi ba ác đạo? Nhưng đời sau, đời kế vẫn chuyển sanh làm người thì [sự tu hành] trong ấy vẫn bị gián đoạn, chẳng thể nào đời sau chuyển sanh làm người, vừa lọt lòng mẹ liền tiếp tục tu hành. Vì thế, do sanh vào thế giới Sa Bà, thọ mạng ngắn ngủi,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

luân hồi trong lục đạo, dụng công tu hành rất khó khăn, nhất định phải sanh về Tây Phương để làm gì? Nhằm cầu Bất Thoái Chuyển, cầu thọ mạng vô lượng. Chúng sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới giống hết như A Di Đà Phật, [cõi ấy] chẳng có lục đạo luân hồi, chỉ có tiến bộ, sẽ không lùi bước. Do vậy mới có thể thỏa mãn đại nguyện Bồ Đề của quý vị. Có kẻ tâm hoài nghi nặng nề, cứ nói: “Vì sao phải sanh vào Tây Phương? Phát Bồ Đề tâm, tu Bồ Tát đạo, mong độ hết thảy chúng sanh, ta ở trong thế giới Sa Bà là được rồi. Nay ta phát Bồ Đề tâm, nay ta hành Bồ Tát đạo, ta độ chúng sanh ngay trong hiện tại”. Vĩnh viễn hóa độ là đúng, nhưng trong ấy có chỗ không đúng, tức là thọ mạng ngắn ngủi, luân hồi trong lục đạo, bản thân quý vị chẳng làm chủ chút nào! Quý vị phát tâm hoàn toàn đúng, “*nay ta phát Bồ Đề tâm, nay ta hành Bồ Tát đạo, thực hiện ngay trong hiện tại, vĩnh viễn hóa độ*”. Điều này chẳng sai, sai ở chỗ quý vị chẳng liễu giải sanh mạng ngắn ngủi, sai ở chỗ quý vị chẳng hiểu nỗi khổ luân hồi!

Còn nữa, thế giới Sa Bà là đời ác ngũ trược, hoàn cảnh quá tệ! Như vừa mới nói, ta đã phát Bồ Đề tâm, nay ta hành Bồ Tát đạo, nay ta độ chúng sanh, thọ mạng ngắn ngủi là chuyện thuộc đời thứ hai, luân hồi trong lục đạo cũng là chuyện thuộc vào đời thứ hai. Đời này ta làm [chuyện hành Bồ Tát đạo, độ chúng sanh] trước đã, đoạn này chẳng sai, nhưng quý vị chẳng hiểu rõ ràng. Chẳng hiểu rõ ràng như thế nào vậy? Quý vị chẳng nhận biết rõ ràng hoàn cảnh. Thế giới Sa Bà này nhằm đời ác ngũ trược, có Chúng Sanh Trược, chúng sanh đều là ô trược, chẳng trong sạch, chẳng có bạn bè tốt đẹp, chẳng có người giúp đỡ quý vị dụng công tu hành, toàn là những người khiến cho quý vị đắm quàng ngõ rẽ, ngáng chân quý vị. Chẳng cần nói đời sau quý vị do luân hồi trong lục đạo nên dụng công bị gián đoạn, ngay trong đời này, kiếp này, quý vị có thể bị thoái thất Bồ Đề tâm rất mau chóng. Thoái thất Bồ Đề tâm, quý vị còn hành Bồ Tát đạo được chẳng? Kiếp này, đời này hành không nên thân, vì sao? Người xấu quá nhiều, ngáng chân quý vị. Người kéo quý vị lui lại quá nhiều, kẻ lôi tay, kẻ chẹn vai, chẳng có ai [giúp đỡ quý vị] tiến về phía trước!

Kinh A Di Đà có một câu quan trọng nhất, sanh về Tây Phương, “*đắc dữ như thị chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (được cùng với các vị thượng thiện nhân như thế nhóm họp một chỗ). “*Chư thượng thiện nhân*” là thiện nhân thượng đẳng, là hàng đại Bồ Tát Nhất Sanh Bồ Xứ. Chúng ta ở cùng một chỗ với họ, quý vị còn có thể nào thoái lui hay chẳng? Do vậy, trong Di Đà Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, Ngài đã

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

chú giải câu kinh văn trên đây bằng một câu: “*Như thượng vô thượng đại sự nhân duyên*” (Đại sự nhân duyên vô thượng như trên đây). Hết thầy các pháp do nhân duyên sanh; sanh về Tây Phương cũng là pháp sanh bởi nhân duyên. “*Đắc dữ như thị chư thượng thiện nhân, tụ hội nhất xứ*” (Được cùng với các vị thượng thiện nhân như thế nhóm họp một chỗ). Đây là nhân duyên vô thượng, quý vị có muốn thoát thất cũng chẳng thể thoát thất! Toàn là Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát làm đạo hữu của quý vị, làm sao quý vị có thể thoát thất cho được? Sanh trong thế giới Sa Bà toàn là chúng sanh hỗn trực, làm bạn với ta, thầy đều là những kẻ kéo quý vị tụt hậu, lẽ nào quý vị chẳng thụt lùi cho được?

Đạo Nguyên sống đã lâu, năm tháng xuất gia nhiều một tí, tôi đã từng thấy khá nhiều đồng tham đạo hữu, có những đồng tham đạo hữu có trí huệ, chí hướng cao cả, nói: “Nay ta phải phát Bồ Đề tâm, nay ta phải hành Bồ Tát đạo, chẳng cần phải đi một đường vòng lớn về Tây Phương”. Đối với pháp môn Tây Phương Tịnh Độ, họ chẳng nghiêm túc nghiên cứu, cứ ngỡ chính mình là đúng, càng như vậy thì càng bị ma dựa lẹ hơn! Vì sao bị ma dựa mau lẹ? Kẻ đó phát tâm rất lớn, lập chí hướng rất cao, chẳng biết chính mình chẳng đủ phước báo, chẳng đủ trí huệ, oán thân trái chủ từ vô thủy kiếp đến nay đều đuổi theo quý vị tính sổ. Họ vừa thấy quý vị phát Bồ Đề tâm, quý vị sẽ ra đi, lẽ nào họ để cho quý vị thoát thân ư? Quý vị muốn trốn khỏi tam giới, lẽ đâu họ để cho quý vị đào tẩu ư? Không thể nào chẳng kéo quý vị lại. Phát tâm càng lớn, ma dựa càng nhanh! Vậy thì vì sao niệm A Di Đà Phật chẳng bị ma dựa? Đây là chỗ thù thắng của pháp môn Tịnh Độ: Niệm A Di Đà Phật có Phật lực gia bị. Những tông phái khác, các pháp môn khác hoàn toàn dựa vào sức của chính mình, dễ dàng bị ma dựa! Pháp môn Tịnh Độ cậy vào Phật lực gia bị. Quý vị niệm Phật mỗi ngày, Phật quang sẽ chiếu khắp chúng ta, những loài tà thần, tà quỷ dám tìm đến làm phiền chúng ta ư? Oán thân trái chủ còn dám hoạnh hợ chúng ta ư? Sở dĩ người niệm Phật chẳng bị ma dựa là do cậy vào Phật lực gia bị.

Còn có kẻ phê bình: “Pháp môn Niệm Phật là pháp môn tiêu cực. Pháp môn Niệm Phật là pháp môn trốn tránh hiện thực”. Nếu đây là lời ngoại đạo phê bình chúng ta thì còn có thể dung thứ được, vì có thể là bọn họ chẳng tin Phật giáo. Nhưng nếu chính chúng ta cũng nói hùa theo, tức là chính mình đã tạo khẩu nghiệp. Vì sao phải niệm Phật cầu sanh Tây Phương? Vì muốn trên là cầu Phật đạo, dưới là hóa độ chúng

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

sanh. Chẳng phát Bồ Đề tâm, chẳng thể sanh về Tây Phương. Người thuộc ba bậc [vãng sanh] đều có điều kiện này! “*Phát Bồ Đề tâm*” là trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, đây chẳng phải là cái tâm tích cực nhất ư? Tôi vừa mới nói rất nhiều, chúng ta chẳng có phước báo, chẳng có trí huệ, phát tâm là nguyện rộng tuệch, trên là chẳng cầu Phật đạo được, dưới là chẳng hóa độ chúng sanh được! Vì thế, phải sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới hồng thân cận A Di Đà Phật để học bản lãnh “*trên là cầu Phật đạo, dưới là hóa độ chúng sanh*”, tiêu cực ở chỗ nào? Trốn tránh hiện thực ở chỗ nào?

Kinh Vô Lượng Thọ có nói: Thượng bói vãng sanh là người xuất gia. Người xuất gia có thể tu công đức to lớn; đã xuất gia thì tu công đức to lớn bằng cách nào? Hiện thời, quý vị muốn kiến lập một đại đạo tràng, nay quý vị muốn rộng độ chúng sanh xuất gia tu hành. Đây là tu công đức lớn lao. Trung bói và hạ bói là đệ tử tại gia chẳng làm chuyện ấy. Bản thân họ là cư sĩ, làm sao có thể độ chúng sanh xuất gia được? Bản thân họ là cư sĩ, mệt mỏi vì gia đình, làm sao có thể kiến lập đại đạo tràng cho được? Do vậy, đã xuất gia, quý vị phát Bồ Đề tâm niệm Phật, hiện thời quý vị chẳng phải là tiêu cực, hiện thời quý vị đang tu công đức to lớn. Nói trở lại, kiến lập một đại đạo tràng, độ hết thầy chúng sanh đều xuất gia. Chuyện này thuộc về đại nguyện; trên sự thật, quý vị có làm được hay không, vẫn là một câu hỏi! Vì sao? Vẫn phải cậy vào phước báo. Quý vị chẳng có phước báo, kiến lập một đại đạo tràng sẽ tạo dựng chẳng nổi. Quý vị chẳng có phước báo, độ kẻ khác xuất gia, chẳng có ai theo quý vị xuất gia. Nay chúng ta muốn phát tâm, ta dựng trước một đạo tràng nhỏ, tôi độ một người xuất gia, độ hai người xuất gia trước đã. Cổ nhân nói: “*Một người cũng là đạo tràng, trăm người cũng là đạo tràng*”. Nhưng đạo tràng này của ta là nơi tu đạo, quyết định phải tu tập Phật đạo. Điều này chẳng sai, như vậy thì từ tiểu đạo tràng dần dần biến thành đạo tràng bậc trung, đạo tràng bậc trung biến thành đại đạo tràng, chẳng phải là tu công đức to lớn hay sao? Ta độ trước một hai người xuất gia, [dần dần sẽ] độ một trăm người, độ một ngàn người xuất gia; đây là tu công đức to lớn.

Trước hết, quý vị phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, đây là điều khẩn yếu; sau đây, tu công đức to lớn, thực hiện hạnh môn này, thực hiện cho đến khi lâm chung, chắc chắn sẽ là thượng bói vãng sanh. Vậy là quý vị đã đạt mục đích. Hiện thời, phải phát Bồ Đề tâm, hiện thời phải tu công đức to lớn, đừng nên tránh né khó khăn, ăn xổi ở thì! Quý vị phê bình kẻ khác tiêu cực, trốn tránh hiện thực, nhưng bản thân quý vị

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

lại tránh né khó khăn, ăn xôi ở thì, chính mình chẳng làm tí ti công đức nào; chẳng phải là quý vị trốn tránh hiện thực, chẳng phải là phân tử tiêu cực ư? Hễ dấy lên cái tâm tránh né khó khăn, ăn xôi ở thì, sống trong tự viện, quý vị sẽ chẳng thể ở yên nổi! Vì sao ở chẳng yên? Hiện thời, tuy là thời đại Mạt Pháp, nói riêng tại Đài Loan, tự viện nào cũng đều phải tụng niệm khóa sáng, thấy đều là trời chưa tỏ đã thức dậy tụng khóa sáng, vẫn phải thực hiện quy củ ấy. Quý vị chê là quá nhọc nhằn, khổ sở, chính mình nhất định phải sống trong núi, ở trong lều tranh, tự mình tu hành. Đấy chẳng phải là tự mình tu hành, mà là tự mình tránh né khó khăn, ăn xôi ở thì, muốn tự do! Quý vị sống trong lều tranh chẳng phải là để chuyên tu ư? Khóa sáng của quý vị chẳng đều đặn, thoạt đầu thì có thể là ba ngày vẫn còn tụng, tụng tới ngày thứ tư, có thể là quý vị muốn ngủ nướng. Do vậy, quý vị đừng quên chính mình là một tên phàm phu, phải nương theo đại chúng, dựa vào đại chúng.

Vì sao rừng lâm được gọi là rừng lâm? Trong rừng lâm chẳng có cây nào cong queo. Rất nhiều cây mọc cùng một chỗ thì gọi là “*tùng lâm*” (叢林). Cây trong rừng lâm đều thẳng thớm, chẳng có cây nào cong queo. Vì sao? Cây nương vào nhau để tăng trưởng. Quy củ trong rừng lâm dành cho đại chúng, phải nương theo chúng, cây vào chúng. Quý vị muốn đọa lạc, hễ ngủ nướng, sẽ cảm thấy ngượng ngùng. Trời chưa tỏ, vẫn phải thức dậy tụng niệm khóa sáng. Quý vị chẳng hiểu rõ chính mình, muốn sống trong lều tranh, muốn tự mình tu tập, kết quả là ngủ nướng. Đây là tôi thừa dịp nhân duyên này, nói mấy câu để củng cố đường các đồng đạo xuất gia.

Vậy thì tôi lại củng cố đường các vị cư sĩ tại gia mấy câu: Trung bồi và hạ bồi đều là cư sĩ tại gia, quý vị nhất định phải phát Bồ Đề tâm, phải niệm Vô Lượng Thọ Phật. Chúng ta dựa theo kinh A Di Đà bèn niệm A Di Đà Phật, mong cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới; vậy thì quý vị có thể thọ bao nhiêu giới, sẽ thọ bấy nhiêu giới. Thọ Tam Quy, thọ Ngũ Giới, thọ Bát Quan Trai Giới, tại gia Bồ Tát Giới, thọ giới càng nhiều càng hay. Quý vị niệm Phật cũng là càng nhiều càng hay. Trong phần trước đã nói “*mười niệm có thể vãng sanh, một niệm vẫn có thể vãng sanh*”. Đây là tới khi lâm chung, mười niệm hay một niệm trong lúc cuối cùng, chứ dụng công trong lúc bình thường vẫn là niệm càng nhiều càng tốt. Một niệm ấy chính là một niệm cuối cùng vào lúc lâm chung, chứ dụng công trong lúc bình thường, chẳng thể nói mỗi ngày chỉ niệm một câu Phật hiệu. Pháp Thập Niệm cũng có thể dùng trong lúc bình thường. Hiện thời bèn nói quý vị tối thiểu phải

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

niệm Phật mười câu, nhưng phải niệm mỗi ngày, đừng nên gián đoạn; vì gián đoạn thì chẳng gọi là “công phu”. Mỗi ngày niệm mười niệm, mười niệm có hai loại phương pháp:

1) Một loại là niệm mười tiếng, nam-mô A Di Đà Phật, nam-mô A Di Đà Phật... Dùng mười đầu ngón tay để ghi nhớ, chẳng cần tới tràng hạt. Hạng người này đều là trong gia đình ngay cả Phật đường cũng chẳng có, sáng sớm thức dậy, rửa mặt, súc miệng, đứng niệm, chắp tay lại, dùng mười đầu ngón tay để ghi nhớ: Nam-mô A Di Đà Phật, nam-mô A Di Đà Phật, nam-mô A Di Đà Phật... Niệm mười niệm, niệm xong bèn niệm bài văn hồi hướng “*nguyện sanh Tây Phương...*”. Quý vị chẳng biết niệm [văn hồi hướng], không sao cả, bèn nói: “*Đệ tử con tên là... nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới*”. Đây là bài văn hồi hướng, nhưng chớ nên gián đoạn. Mỗi ngày đều phải niệm. Đây là một phương pháp.

2) Loại phương pháp thứ hai là niệm mười hơi, chẳng cần biết số lượng, cứ tính theo chuyện hít vào thở ra. Một lần thở ra, một lần hít vào, đây là “một hít, một thở” thì gọi là một niệm. Hãy nhớ, hít vào thì không tính, thở ra một hơi bèn tính là một niệm. Nhưng hơi thở ấy vẫn là tự do tự tại hít vào, thở ra, chẳng cần phải đặc biệt kéo dài. Đặc biệt kéo dài, người sẽ mắc bệnh! Dùng hơi thở ấy để ghi nhớ, tức là chỉ quan tâm cái tâm, đừng cho nó dấy lên vọng tưởng, quý vị niệm mười hơi. Đó cũng gọi là pháp Thập Niệm.

2.2.3.2. Nhiếp thủ bậc thượng căn cùng sanh về cõi ấy

2.2.3.2.1. Phần trường hàng biện định đại lược

(Kinh) Phật cáo A Nan: - Vô Lượng Thọ Phật, oai thần vô cực. Thập phương thế giới vô lượng vô biên bất khả tư nghị chư Phật Như Lai, mặc bất xưng thán. Ư bỉ Đông phương hằng hà sa Phật quốc, vô lượng vô số chư Bồ Tát chúng, giai tất vãng nghê Vô Lượng Thọ Phật sở, cung kính cúng dường, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn chi chúng, thỉnh thọ kinh pháp, tuyên bố đạo hóa. Nam, Tây, Bắc phương, tứ duy, thượng, hạ, diệp phục như thị.

(經)佛告阿難：無量壽佛，威神無極。十方世界無量無邊不可思議諸佛如來，莫不稱歎。於彼東方恆河沙佛國，無量無數諸菩薩眾，皆悉往詣無量壽佛所，恭敬供養，

及諸菩薩聲聞之眾，聽受經法，宣布道化。南西北方，四維上下，亦復如是。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài A Nan: - Vô Lượng Thọ Phật oai thần vô cực, mười phương thế giới vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn chư Phật Như Lai không vị nào chẳng xưng tụng, tán thán. Trong các cõi Phật nhiều như số cát sông Hằng ở phương Đông cõi ấy, vô lượng vô số các vị Bồ Tát thấy đều đi đến chỗ Vô Lượng Thọ Phật cung kính cúng dường [A Di Đà Phật] và các vị Bồ Tát, Thanh Văn, nghe nhận kinh pháp, tuyên bố đạo hóa, Phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên, dưới, cũng đều giống như vậy).

“Phật cáo A Nan: - Vô Lượng Thọ Phật, oai thần vô cực. Thập phương thế giới vô lượng vô biên bất khả tư nghị chư Phật Như Lai, mặc bất xưng tán” (Đức Phật bảo ngài A Nan: - Vô Lượng Thọ Phật oai thần vô cực. Mười phương thế giới vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn chư Phật Như Lai không vị nào chẳng xưng tụng, tán thán): Chẳng phải chỉ là riêng ta, Thích Ca Mâu Ni Phật, nay đang xưng dương, tán thán, mà mười phương vô lượng vô biên chư Phật Như Lai không vị nào chẳng xưng dương, tán thán. *“Ư bí Đông phương hằng hà sa Phật quốc, vô lượng vô số chư Bồ Tát chúng, giai tất vãng nghê Vô Lượng Thọ Phật sở, cung kính cúng dường”* (Trong các cõi Phật nhiều như số cát sông Hằng ở phương Đông cõi ấy, vô lượng vô số các vị Bồ Tát thấy đều đi đến chỗ Vô Lượng Thọ Phật cung kính cúng dường): Do mười phương thế giới chư Phật đều tán thán Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Thọ Phật ngự trong Tây Phương An Lạc quốc, hằng hà sa số chư Phật Như Lai ở phương Đông đều đang tán thán, các vị Bồ Tát ở trong các cõi ấy nghe nói, sẽ đều đến cung kính cúng dường Vô Lượng Thọ Phật.

Do ở phương Đông có hằng hà sa số cõi Phật, cho nên có vô lượng vô số các vị Bồ Tát, *“giai tất vãng nghê”* (thấy đều đi đến), *“nghê”* (詣) là đến, đến *“Vô Lượng Thọ Phật sở”* (chỗ Vô Lượng Thọ Phật), đến quốc độ Ngài đang ngự để cung kính đánh lễ, cúng dường. *“Cập chư Bồ Tát Thanh Văn chi chúng”* (Cùng với các vị Bồ Tát, Thanh Văn), *“cúng dường”* là cúng dường Vô Lượng Thọ Phật. Tây Phương Cực Lạc thế giới còn có Bồ Tát chúng, Thanh Văn chúng, [những vị Bồ Tát đến từ phương Đông] còn sẽ cúng Tăng, tức là đối với Bồ Tát Tăng, Thanh Văn Tăng, sẽ đều cúng dường.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Sau khi đã cúng dường, họ “*thính thọ kinh pháp*” (nghe nhận kinh pháp), [tức là] nghe Vô Lượng Thọ Phật giảng kinh, thuyết pháp, “*tuyên bố đạo hóa*”. Phương Đông có vô lượng Bồ Tát trong vô lượng thế giới đến thế giới Cực Lạc như vậy đó, họ đến thế giới An Dưỡng để cúng dường, đến nghe pháp. “*Nam, Tây, Bắc phương, tứ duy, thượng, hạ, diệc phục như thị*” [nghĩa là] chư Phật ở phương Nam, phương Tây, phương Bắc, bốn góc, trên, dưới, cũng đều tán thán Vô Lượng Thọ Phật. Các vị đại Bồ Tát trong mỗi quốc độ cũng đều đến Tây Phương để thân cận A Di Đà Phật, cúng dường A Di Đà Phật, lại còn cúng dường Bồ Tát Tăng và Thanh Văn Tăng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, lại còn nghe giảng Phật pháp.

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn nhi thuyết tụng viết:

(經)爾時世尊，而說頌曰。

(Kinh: Khi ấy, đức Thế Tôn bèn nói kệ tụng rằng).

“*Nhĩ thời Thế Tôn, nhi thuyết tụng viết*” (Khi ấy, đức Thế Tôn bèn nói kệ tụng rằng): Tiếp theo đây là ba mươi bài kệ tụng. Những bài kệ tụng ấy nhằm trùng tụng đoạn kinh văn trường hàng này. Trong những kinh khác, phần kinh văn trường hàng dài, phần kệ tụng rất ít. Đoạn kinh văn này rất đặc biệt, văn trường hàng rất ngắn, kệ tụng gồm ba mươi bài. Mười lăm bài kệ tụng đầu nhằm trùng tụng mười phương Bồ Tát đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để cúng dường, nghe pháp.

2.2.3.2.2. Phân kệ tụng nhằm luận định chi tiết

2.2.3.2.2.1. Trùng tụng sự việc Bồ Tát cùng đến cúng dường như đã nói trong phần sau của đoạn [trường hàng] trên đây

2.2.3.2.2.1.1. Trùng tụng chuyện Bồ Tát cùng đến (gồm hai bài kệ)

(Kinh) Đông phương chư Phật quốc, kỳ số như hằng sa, bỉ độ Bồ Tát chúng, vãng cận Vô Lượng Giác. Nam, Tây, Bắc, tứ duy, thượng, hạ diệc phục nhiên, bỉ độ Bồ Tát chúng, vãng cận Vô Lượng Giác.

(經)東方諸佛國，其數如恆沙，彼土菩薩眾，往觀無量覺。南西北四維，上下亦復然，彼土菩薩眾，往觀無量覺。

(Kinh: Các cõi Phật phương Đông, số như cát sông Hằng, Bồ

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

Tát chúng cõi ấy, thân cận Vô Lượng Giác. Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên dưới cũng như thế, Bồ Tát chúng cõi ấy, thân cận Vô Lượng Giác.

“*Đông phương chư Phật quốc, kỳ số như hằng sa*” [nghĩa là] các cõi Phật ở phương Đông số nhiều như cát sông Hằng. “*Bỉ độ Bồ Tát chúng, vãng cận Vô Lượng Giác*” (Các vị Bồ Tát trong những cõi ấy đến thân cận Vô Lượng Giác). Vô Lượng Giác là Vô Lượng Thọ Phật. “*Cận*” (覲) là kẻ làm đệ tử đến lễ kính sư trưởng, hoặc người vai vế thấp hơn đến gặp người thuộc vai vế trên. Cung kính hữu lễ thì gọi là Cận. “*Nam, Tây, Bắc, tứ duy*”: Phương Nam, phương Tây, phương Bắc. “*Tứ duy*” (四維) là bốn góc, tức Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc. “*Thượng hạ diệc phục nhiên*” [nghĩa là] phía trên, phía dưới, chư Phật trong thế giới chín phương đều là như vậy. “*Bỉ độ Bồ Tát chúng*” (Các vị Bồ Tát trong những cõi ấy): Những vị Bồ Tát trong các thế giới ở chín phương, “*vãng cận Vô Lượng Giác*”, [nghĩa là] cũng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để lễ kính Vô Lượng Thọ Phật.

2.2.3.2.2.1.2. Kệ tụng về sự cung kính cúng dường như đã nói trong những phần kinh văn trước đó

2.2.3.2.2.1.2.1. Thấy Phật, cúng dường (gồm bốn bài kệ)

(Kinh) Nhất thiết chư Bồ Tát, các tỳ thiên diệu hoa, bảo hương vô giá y, cúng dường Vô Lượng Giác. Hàm nhiên tấu thiên nhạc, sảng phát hòa nhã âm, ca tán tối thắng tôn, cúng dường Vô Lượng Giác. Cứu đạt thần thông huệ, du nhập thâm pháp môn, cụ túc công đức tạng, diệu trí vô đẳng luân. Huệ nhật lãng thế gian, tiêu trừ sanh tử vân, cung kính nhiều tam táp, khể thủ Vô Thượng Tôn.

(經)一切諸菩薩，各賣天妙華，寶香無價衣，供養無量覺。咸然奏天樂，暢發和雅音，歌歎最勝尊，供養無量覺。究達神通慧，遊入深法門，具足功德藏，妙智無等倫，慧日朗世間，消除生死雲，恭敬遶三帔，稽首無上尊。

(Kinh: Hết thấy các Bồ Tát, đều cầm hoa trời đẹp, hương báu, y vô giá, cúng dường Vô Lượng Giác. Thấy đều tấu nhạc trời, tiếng hòa nhã du dương, ca ngợi đáng tối thắng, cúng dường Vô Lượng Giác. Thần thông, huệ rất ráo, chứng nhập pháp môn sâu, đầy đủ tạng công đức, diệu trí khôn sánh tày. Huệ nhật rạng thế gian, tiêu trừ mây sanh

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tử, cung kính nhiều ba vòng, đánh lễ đấng Vô Thượng).

“*Nhất thiết chư Bồ Tát*” (Hết thảy các Bồ Tát), các vị Bồ Tát trong những thế giới của mười phương vô lượng số chư Phật. “*Các tề thiên diệu hoa*” (Ai nấy cầm hoa trời đẹp đẽ), “*tề*” (賚) là đem theo những phẩm vật cúng dường. Hàng Bồ Tát ở mỗi cõi đều đem theo vật phẩm cúng dường. Đem theo vật phẩm cúng dường gì vậy? Thiên diệu hoa! “*Thiên*” (天) có nghĩa là tự nhiên, [“*thiên diệu hoa*”] là hoa đẹp đẽ chẳng thể nghĩ bàn. “*Bảo hương, vô giá y*”: Còn có hương báu, tức là hương tốt nhất; còn có y phục vô giá. Đó gọi là hoa cúng dường, hương cúng dường, y cúng dường. “*Cúng dường Vô Lượng Giác*” [tức là] cúng dường Vô Lượng Thọ Phật. “*Hàm nhiên tấu thiên nhạc*” (Đều cùng tấu nhạc trời): Còn dùng âm nhạc để cúng dường, âm nhạc là thiên nhạc. “*Thiên*” có nghĩa là tự nhiên. “*Thiên nhạc*” [có ý nói] mọi người đều tự nhiên tấu nhạc trời, dùng âm nhạc để cúng dường. “*Sưống phát hòa nhã âm*” (Âm hòa nhã du dương): Tiếng âm nhạc rất hòa nhã, lại còn xướng lên lời tán thán. “*Ca tán Tối Thắng tôn*” (Ngợi ca đấng tối thắng): “*Tối thắng tôn*” là Vô Lượng Thọ Phật. Ca vịnh để tán thán, tức là như nay chúng ta làm Phật sự bèn xướng những bài tán, dùng âm nhạc, dùng ca hát để tán thán, để cúng dường Vô Lượng Thọ Phật. Kế đó là những lời tán thán.

“*Cứu đạt thần thông huệ, du nhập thâm pháp môn, cụ túc công đức tạng, diệu trí vô đẳng luân, huệ nhật lãng thế gian, tiêu trừ sanh tử vân*” (Thần thông, trí huệ rốt ráo, thâm nhập pháp môn sâu, trọn đủ tạng công đức, diệu trí khôn sánh tày, huệ nhật rạng thế gian, tiêu trừ mây sanh tử): Sáu câu này là sáu câu tán thán. Các vị nếu biết cách soạn lời tán, hoặc là hiểu nhạc lý³⁵, vận dụng nhạc lý để soạn thì càng hay hơn nữa, lại còn gieo vần, tán thán công đức của Vô Lượng Thọ Phật. “*Cứu đạt thần thông huệ*” (Liễu đạt rốt ráo thần thông và trí huệ): Vô Lượng Thọ Phật đã thành Phật, thần thông và trí huệ của Ngài đều đạt đến viên mãn rốt ráo. “*Du nhập thâm pháp môn*” (Dạo chơi, tiến nhập pháp môn sâu xa): Ngài có thể tự do tự tại dạo chơi, tiến nhập pháp môn rất sâu. “*Cụ túc công đức tạng*”: Hết thảy các tạng công đức Ngài đều trọn đủ.

³⁵ Nguyên văn là “*ngũ tuyến phổ*” tức là cách ghi các notes nhạc trong hệ thống ký âm của nhạc phương Tây. Do nhạc phổ được ghi lại bằng cách viết các nốt nhạc trên các khuôn nhạc gồm năm đường kẻ song song nên gọi là “*ngũ tuyến phổ*”.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Diệu trí vô đẳng luân*” (Trí mầu khôn sánh tầy): Trí huệ của Ngài chẳng thể nghĩ bàn, chẳng có gì có thể sánh bằng, nên gọi là “*vô đẳng luân*” (無等倫). “*Huệ nhật lãng thế gian*” (Mặt trời trí huệ sáng ngời thế gian): Quang minh của Phật giống như “*huệ nhật*” (慧日, mặt trời trí huệ). Trí huệ của Phật giống như mặt trời, mặt trăng, chiếu rạng ngời thế gian. “*Tiêu trừ sanh tử vân*” (Tiêu trừ mây sanh tử): “*Vân*” (Mây) hàm nghĩa che lấp. Sanh tử che lấp chúng sanh giống như mây sanh tử. Nay đã tiêu trừ, tiêu trừ mây sanh tử. Sáu câu này hợp thành bài tán đề tán thán Phật. Tán thán xong rồi lại đánh lễ. “*Cung kính nhiều tam táp*”: Rất cung kính nhiều quanh đức Phật ba vòng. “*Khể thủ Vô Thượng Tôn*” (Đánh lễ đáng Vô Thượng). “*Khể thủ*” (稽首) là lại đánh lễ Vô Lượng Thọ Phật.

2.2.3.2.2.1.2.2. Thấy cõi nước bèn nguyện cầu (một bài kệ)

(Kinh) Kiến bỉ nghiêm tịnh độ, vi diệu nan tư nghị, nhân phát vô lượng tâm, nguyện ngã quốc diệc nhiên.

(經)見彼嚴淨土，微妙難思議，因發無量心，願我國亦然。

(Kinh: Thấy cõi nghiêm tịnh ấy, vi diệu, khó nghĩ bàn; bèn phát tâm vô lượng, nguyện nước mình cũng thế).

Các vị đại Bồ Tát trong mười phương thấy đều đến Tây Phương An Lạc quốc. Đã tới cõi An Lạc, bèn dâng hiến cúng dường, tấu âm nhạc, tán thán, đánh lễ. Đánh lễ xong xuôi, “*kiến bỉ nghiêm tịnh độ*” (trông thấy cõi trang nghiêm thanh tịnh ấy), tức là thấy cõi nước Tây Phương An Lạc là cõi nước thanh tịnh, vi diệu. “*Vi diệu*” đến mức độ nào? Khó nghĩ, khó bàn! Do vậy bèn phát vô lượng đại Bồ Đề tâm, “*nguyện ngã quốc diệc nhiên*” (nguyện nước mình cũng thế). “*Ngã quốc*” ở đây là các thế giới do các vị Bồ Tát tự nói. Chẳng hạn như một vị Bồ Tát trong thế giới chi đó ở phương Đông, Ngài bèn phát nguyện: “Nguyện cõi nước của con [trong tương lai] cũng thanh tịnh trang nghiêm, vi diệu khó nghĩ bàn như Tây Phương Cực Lạc thế giới”. Đây là các vị đại Bồ Tát chẳng quên căn bản. Ngài trở thành một vị Bồ Tát như thế nào? Do được đức Phật trong cõi nước của chính mình giáo hóa. Đức Phật trong nước ấy giáo hóa vị Bồ Tát ấy. Đức Phật trong cõi nước của vị Bồ Tát ấy chính là Bản Sư của Ngài.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Ân đức Bôn Sư khó quên; do vậy, Ngài đã tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, trông thấy sự trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn của Tây Phương Cực Lạc thế giới, bèn nghĩ sẽ làm thế nào để khiến cho quốc độ của chính mình cũng trang nghiêm giống như Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chẳng hạn như chúng ta là một người xuất gia, sau khi đã xuất gia, thọ giới, nhất định phải đi ra ngoài tham học. Trông thấy đại tùng lâm của người ta kiến trúc hết sức trang nghiêm, quy củ và pháp tắc trong ấy hết sức tốt đẹp, bèn nghĩ sẽ làm cho ngôi tự miếu xuất gia của chính mình cũng được trang nghiêm giống như ngôi đại tùng lâm ấy. Như vậy thì mới có thể báo đáp ân của ngôi chùa miếu là nơi chính mình đã xuất gia.

2.2.3.2.2.1.3. Kệ tụng về chuyện nghe pháp, tuyên bố đạo hóa (tám bài kệ)

(Kinh) Ứng thời Vô Lượng Tôn, động dung phát hân tiếu, khẩu xuất vô số quang, biến chiếu thập phương quốc. Hồi quang vi nhiều thân, tam táp tùng danh nhập, nhất thiết thiên nhân chúng, dũng dục giai hoan hỷ. Đại sĩ Quán Thế Âm, chỉnh phục khể thủ vãn, bạch Phật hà duyên tiếu, dụ nhiên nguyện thuyết ý. Phạm thanh do lôi chấn, bát âm sưởng diệu hưởng, đương thọ Bồ Tát ký. Kim thuyết nhân đế thính. Thập phương lai Chánh Sĩ, ngô tất tri bỉ nguyện, chí cầu nghiêm tịnh độ, thọ quyết đương tác Phật, giác liễu nhất thiết pháp, do như mộng, huyền, hưởng, mãn túc chư diệu nguyện, tất thành như thị sát. Tri pháp như điện ảnh, cứu cánh Bồ Tát đạo, cụ chư công đức bôn, thọ quyết đương tác Phật, thông đạt chư pháp tánh, nhất thiết không vô ngã, chuyên cầu tịnh Phật độ, tất thành như thị sát.

(經)應時無量尊，動容發欣笑，口出無數光，徧照十方國。迴光圍遶身，三帟從頂入，一切天人眾，踊躍皆歡喜。大士觀世音，整服稽首問，白佛何緣笑，唯然願說意。梵聲猶雷震，八音暢妙響，當授菩薩記，今說仁諦聽。十方來正士，吾悉知彼願，志求嚴淨土，受決當作佛。覺了一切法，猶如夢幻響，滿足諸妙願，必成如是剎。知法如電影，究竟菩薩道，具諸功德本，受決當作佛。通達諸

法性，一切空無我，專求淨佛土，必成如是剎。

(Kinh: Ngay lúc đó, đức Vô Lượng Tôn, lộ vẻ mặt vui cười, miệng phóng vô số quang, chiếu khắp mười phương cõi. Quang trở về nhiều thân, ba vòng từ đỉnh nhập. Hết thấy chúng trời người, hơn hờ, đều hoan hỷ. Đại sĩ Quán Thế Âm, chỉnh áo, đánh lễ hỏi, bạch Phật duyên gì cười, kính mong Ngài nói cho. Tiếng Phạm như sấm rền, tám âm vang tiếng mâu, sẽ thọ ký Bồ Tát, ta nay nói, lắng nghe! Mười phương Chánh Sĩ đến, ta đều biết nguyện họ, chỉ cầu cõi nghiêm tịnh, thọ ký quyết thành Phật, thông hiểu hết thấy pháp, ví như mộng, huyền, vang, tròn đủ các diệu nguyện, ắt thành cõi như thế. Biết pháp như tia chớp, như hình bóng, rớt ráo đạo Bồ Tát, đủ các cõi công đức, thọ ký quyết thành Phật. Thông đạt tánh các pháp, hết thấy Không, Vô Ngã, chuyên cầu tịnh cõi Phật, ắt thành cõi như thế).

“*Ứng thời Vô Lượng Tôn, động dung phát hân tiếu, khẩu xuất vô lượng quang, biến chiếu thập phương quốc*” (Ngay trong lúc đó, đức Vô Lượng Thọ Phật, lộ vẻ vui cười, miệng Ngài phóng ra vô lượng quang minh, chiếu trọn khắp các cõi nước trong mười phương): “*Ứng thời*” là đúng vào lúc mười phương Bồ Tát sắp phát ra nguyện ấy, “*Vô Lượng Tôn*” là đức Thế Tôn Vô Lượng Thọ, cũng là A Di Đà Phật, “*động dung phát hân tiếu*” [nghĩa là] vẻ mặt tỏ lộ nét tươi cười. “*Khẩu xuất vô lượng quang*” (Miệng tỏa ra vô lượng quang minh): Trước khi miệng sắp thuyết pháp bèn phóng quang trước. Quang minh chiếu trọn khắp mười phương quốc độ.

“*Hồi quang vi nhiều thân, tam táp tùng đỉnh nhập, nhất thiết thiên nhân chúng, dừng được giai hoan hỷ*” (Quang minh trở về xoay vòng quanh thân Phật ba vòng rồi nhập vào đỉnh đầu đức Phật. Hết thấy trời người hơn hờ, đều hoan hỷ): “*Hồi quang vi nhiều thân*” (Quang minh trở lại xoay vòng quanh thân): Quang minh ấy sau khi thấu hồi, bèn nhiều quanh thân của chính Ngài. “*Tam táp tùng đỉnh nhập*” (Ba vòng, theo đỉnh đầu mà vào): [Quang minh đã phóng ra bèn] nhiều quanh thân của chính Ngài ba vòng, lại từ đỉnh đầu, thấu hết quang minh trở vào thân. “*Nhất thiết thiên nhân chúng, dừng được giai hoan hỷ*” [nghĩa là] thiên chúng và nhân chúng trông thấy Vô Lượng Thọ Phật phóng quang minh, ai nấy hơn hờ, sanh lòng hoan hỷ to lớn.

“*Đại sĩ Quán Thế Âm, chỉnh phục khế thủ vấn, bạch Phật hà duyên tiếu, duy nhiên nguyện thuyết ý*” (Đại Sĩ Quán Thế Âm chỉnh

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

đồn y phục, đánh lễ thưa hỏi, bạch Phật do duyên gì mà cười? Kính xin đức Phật hãy nói cho con biết ý nghĩa): “*Đại Sĩ Quán Thế Âm*” tức là Quán Thế Âm đại sĩ. Hai chữ Bồ Tát dịch sang tiếng Hán cũng được dịch là Đại Sĩ, hoặc còn dịch là Chánh Sĩ, hoặc còn dịch là Khai Sĩ. “*Quán Thế Âm đại sĩ*” là thủ tọa trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài là vị Bồ Tát đệ nhất. Do vậy, Ngài phải đứng ra thưa hỏi. “*Chỉnh phục khế thủ vấn*” [nghĩa là] Quán Thế Âm đại sĩ liền chỉnh đồn y phục của mình, nhằm biểu lộ lòng cung kính. Bồ Tát đến trước đức Phật, dập đầu làm lễ, hỏi Phật Thích Ca, “*bạch Phật hà duyên tiếu*” (bạch đức Phật, do duyên gì mà Ngài cười). Đức Thế Tôn, do nhân duyên gì mà Ngài hiện vẻ tươi cười. “*Duy nhiên nguyện thuyết ý*”: “*Duy nhiên*” là khẩu ngữ khi chuyện trò của người Ấn Độ. [Câu này có nghĩa là] thỉnh cầu đức Thích Ca Thế Tôn nói rõ tâm ý của Ngài, vì sao Ngài cười? “*Phạm thanh do lô chân, bát âm sớng diệu hưởng, đương thọ Bồ Tát ký, kim thuyết nhân để thính*” (Tiếng Phạm như sấm rền, âm thanh của Phật có tám đặc tánh tốt lành thốt lên vang vọng vi diệu, [đức Phật nói]: Ta sẽ thọ ký cho Bồ Tát, ta nay sẽ nói, nhân giả hãy lắng nghe). Âm thanh của đức Phật trọn đủ tám loại âm thanh. Trước hết, tôi nói về tám thứ âm thanh:

1) “*Cực hảo âm*”: Đây là nói tổng quát về âm thanh của đức Phật, là âm thanh tốt bậc êm tai, êm tai cỡ nào? Những loại dưới đây đều là những danh xưng riêng nhằm phân biệt rành rẽ sự hay đẹp của âm thanh ấy.

2) “*Nhu nhuyễn âm*”: Âm thanh của Phật hết sức mềm mỏng. Vì đức Phật chẳng có vô minh phiền não, chẳng có khí chất cứng cõi, hung bạo, mà hết sức mềm mỏng. Do vậy gọi là Nhu Nhuyễn Âm.

3) “*Hòa thích âm*”: Lời lẽ đức Phật nói ra, âm thanh nói năng rất nhu hòa, thích đáng. Hòa hoãn, thích đáng như thế nào? Tức là khi nói năng, trầm, bổng, nhanh, chậm [đều thích đáng], chẳng vội vã, chẳng rề rà. Đó là âm thanh êm đềm thích đáng nhất.

4) “*Tôn huệ âm*”: Ví như một người có học vấn, vừa nghe người ấy nói năng sẽ biết người ấy có học vấn. Vừa nghe đức Phật nói năng, liền biết Ngài là người có trí huệ. Trí huệ của Ngài vượt trội trí huệ của hàng Bồ Tát, là trí huệ tôn quý nhất.

5) “*Bát nữ âm*”: Đây là để phân biệt tách bạch “*nhu nhuyễn âm*” và “*hòa thích âm*”. “*Nhu nhuyễn âm*” và “*hòa thích âm*” có thể là âm thanh của nữ nhân. Chẳng phải vậy, [tiếng nói của] Phật không có âm thanh của nữ nhân.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

6) “*Bất ngộ âm*”: Đức Phật thuyết pháp là ứng cơ thuyết pháp. Ngài quán cơ trao truyền giáo pháp phù hợp, chẳng hề sai lầm!

7) “*Thanh viễn âm*”: Âm thanh của đức Phật quý vị nghe ở gần sẽ chẳng phải là âm thanh quá lớn. Nghe ở chỗ xa, cũng chẳng phải là tiếng quá nhỏ. Hiện thời, các nhà y học biết trong cổ họng con người có một sợi thanh đới (vocal cord). Từ thanh đới sẽ phát ra âm thanh, nhưng “*thanh viễn âm*” như trong kinh Phật đã nói chẳng phải do từ thanh đới phát ra, mà thường gọi là “*khí luân phát âm*”, tức là âm thanh phát ra từ bụng. “*Thanh viễn âm*” chẳng cần đến thanh đới thì có được hay không? Đương nhiên là cần có thanh đới, nhưng chỉ có thanh đới thì sẽ chẳng đủ để vang xa. Nhất định phải là âm thanh phát ra từ bụng thì mới có thể vang xa. Trong phần trước, tôi đã giải thích với mọi người, hiện thời là thời đại khoa học, Phật giáo có những chỗ nêu ra danh tướng và đạo lý chẳng phù hợp khoa học, đệ tử Phật phải vận dụng trí huệ để dung hội quán thông, chớ nên tôn sùng khoa học rồi đã đảo Phật giáo. Tuy trong kinh Phật chẳng nhắc đến thanh đới, nhưng chỉ có thanh đới, sẽ chẳng thể phát âm vang xa. Vì sao? Nếu là kẻ thân thể suy nhược, họ nói năng đúng là nghe không ra, họ có thanh đới đấy chứ! Nhưng chỉ có thanh đới mà khí chẳng đủ, âm thanh phát ra sẽ mười phần yếu ớt. Quý vị cứ thử nghiệm một phen sẽ biết: Âm thanh phát ra từ bụng sẽ hết sức vang dội, rõ ràng. Đây là chẳng cần phải mê muội tin vào khoa học để dẫn chứng.

8) “*Bất kiệt âm*”: Chúng ta nói quá nhiều, sẽ hết hơi! Đó là Kiệt (cạn kiệt), Chỉ có thanh đới sẽ vô dụng. “*Kiệt*” (竭) là cạn sạch. Đó gọi là “*tiếng rè, sức cạn*”, nói không ra tiếng! Đức Phật suốt ngày từ sáng đến tối thuyết pháp, trước nay cổ họng chưa hề bị rát, chẳng có hiện tượng nói không ra tiếng, nên gọi là “*bất kiệt âm*”.

“*Phạm thanh do lôi chấn*” (Tiếng Phạm như sấm rền): “*Phạm thanh*” là lời xung tụng chung, khen ngợi chung âm thanh của đức Phật là phạm thanh. “*Phạm thanh*” có nghĩa là [âm thanh] “*thanh tịnh*”. “*Do lôi chấn*” (Như sấm rền): Đức Phật thuyết pháp nhằm cảnh giác chúng sanh, [câu kệ này] nhằm nêu lên ý nghĩa cảnh giác, chẳng phải là như trời nổi sấm, nổ rất lớn tiếng, khiến cho người ta bị dọa sợ hãi rụng! Chẳng phải là như vậy, đức Phật thuyết pháp giống như “*su tử hống*” (su tử rống). “*Su tử hống*” là hình dung đức Phật thuyết pháp, có thể dùng âm thanh hàng phục thiên ma, ngoại đạo, hoàn toàn chẳng giống như su tử rống lớn tiếng như vậy! Phải hiểu đạo lý này! “*Phạm thanh do lôi chấn*”: Đức Phật thuyết pháp là âm thanh thanh tịnh, có

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thể cảnh giác chúng sanh, giống như trời nổi sấm vậy, mang ý nghĩa cảnh tỉnh.

“*Bát âm sóng diệu hưởng*” (Giọng nói có đủ tám âm (tám đặc tánh) vang vọng màu nhiệm). Phân tích tỉ mỉ, âm thanh của đức Phật có trọn đủ tám loại âm. “*Sóng diệu hưởng*” (Vang vọng tiếng màu nhiệm): Từ âm thanh mới xuất phát tiếng vang, đều là vang vọng chẳng thể nghĩ bàn. Vô Lượng Thọ Phật mở miệng nói năng là nói gì vậy? Hai câu sau đây đã nêu rõ: “*Đương thọ Bồ Tát ký*” (Sẽ thọ ký cho hàng Bồ Tát). Nay Quán Thế Âm đại sĩ, chẳng phải là ông đã hỏi vì sao ta hiện vẻ tươi cười ư? Hôm nay có thể có một đại sự, hôm nay ta sẽ thọ ký mười phương chư Phật [vị lai] sẽ đều thành Phật. “*Thọ ký*” (授記) là danh từ chuyên môn của Phật giáo. Đây là một đại sự trong suốt một đời tu hành của hàng Bồ Tát. Tu hành suốt hai đại A-tăng-kỳ kiếp, khi đã đạt tới Bát Địa Bồ Tát thì mới được thọ ký thành Phật. Do còn có một đại A-tăng-kỳ kiếp, vị Bồ Tát ấy sẽ thành Phật. Đây là một điển lễ long trọng nhất, bởi lẽ, vị Bồ Tát ấy dụng công tu hành, chẳng phí uổng hơi sức, có phần thành Phật. Đức Phật sẽ đối trước vị ấy, ấn chứng trong tương lai, vị ấy sẽ thành Phật trong thế giới nào đó, danh hiệu là Phật gì? Như kinh Kim Cang đã nói, Nhiên Đăng Phật thọ ký cho Thích Ca Mâu Ni Phật, có ý nghĩa giống nhau.

“*Kim thuyết, nhân đế thính*” (Nay ta sẽ nói, nhân giả hãy lắng nghe). Câu kệ tụng chỉ có năm chữ, trong phần trước, Quán Thế Âm Bồ Tát đã hỏi vì sao ta lộ vẻ tươi cười? Ta nói cho ông biết. “*Nhân*” là nhân giả (仁者, bậc có lòng nhân), đức Phật tôn xưng Quán Thế Âm Bồ Tát là “*nhân giả*”. Ông phải “*đế thính*” (lắng nghe). “*Đế*” (諦) có nghĩa là “*tường thẩm*”, Tường (詳) là cận kề, Thẩm (審) là suy xét. Đức Phật thuyết pháp, đều bảo đệ tử hãy “*đế thính*”. “*Đế thính*” là phải nghe cho tường tận, cận kề, phải thật sự nghe. Đức Phật bảo Quán Thế Âm Bồ Tát “*đế thính*” cũng giống như dạy chúng ta phải đế thính. Quý vị nghe pháp, phải nghe tường tận, nghe cận kề, phải chân thật lắng nghe thì mới có thể đạt được lợi ích chân thật nơi Phật pháp.

“*Thập phương lai Chánh Sĩ, ngô tất tri bỉ nguyện, chí cầu nghiêm tịnh độ. thọ quyết đương tác Phật*” (Các vị Chánh Sĩ từ mười phương đến, ta đều biết nguyện của họ là dốc chí mong cầu cõi nước trang nghiêm, thanh tịnh. Ta thọ ký họ chắc chắn sẽ thành Phật). “*Thập phương lai Chánh Sĩ*” (Các vị Chánh Sĩ đến từ mười phương): Chánh Sĩ (正士) dịch từ chữ Bồ Tát. Đại Sĩ cũng dịch từ chữ Bồ Tát. [Câu này

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

có nghĩa] các vị đại Bồ Tát đến từ mười phương. “*Ngô tất tri bỉ nguyện*” (Ta đều biết nguyện của họ): “*Tất*” (悉) là Giai (皆, đều). Ta đều biết, thấy đều biết, biết “*bỉ*” (họ), biết mỗi vị Bồ Tát phát nguyện như thế nào. Tức là họ trông thấy quốc độ của ta trang nghiêm, họ nghĩ lại quốc độ của chính mình, cũng mong trang nghiêm nó giống y như vậy. Ta biết đại nguyện này của họ. “*Chí cầu nghiêm tịnh độ*” (Dốc chí mong cầu cõi nước trang nghiêm, thanh tịnh). “*Chí*” (志) là “*nguyện*”. Chí nguyện của họ là mong cầu một quốc độ thanh tịnh trang nghiêm. “*Thọ quyết đương tác Phật*” (Thọ ký họ quyết định sẽ thành Phật): Đã phát đại nguyện ấy, họ sẽ có tư cách thành Phật. “*Thọ quyết*” (受決) là thọ ký. Thọ ký họ trong tương lai, quyết định sẽ thành Phật. Vì sao họ phát đại nguyện này? Họ phát nguyện này chẳng phải để chính mình hưởng thụ, mà vì độ hết thấy chúng sanh, giống như ta là A Di Đà Phật, vì sao phải trang nghiêm thế giới Cực Lạc? Vì độ mười phương chúng sanh đó thôi! Hiện thời, các vị Bồ Tát từ mười phương đến, họ phát nguyện muốn trở về trang nghiêm quốc độ của chính mình, chẳng phải là để cho chính họ hưởng thụ, mà là vì độ mười phương chúng sanh. Do vậy, họ bèn có tư cách thành Phật, cho nên ta sẽ thọ ký họ thành Phật.

Chúng ta nghe kinh điển Đại Thừa đã quen, rất dễ liễu giải đạo lý này. Nhưng chúng ta suy ngẫm, tâm nguyện của phàm phu, những chuyện phàm phu đã làm đều thua kém Bồ Tát quá xa, Bồ Tát trang nghiêm quốc độ của chính mình, nguyện cho mười phương chúng sanh đều đến quốc độ chính mình để tu hành thành Phật. [Đối với người] nghe kinh điển Đại Thừa đã quen, điều này chẳng đáng coi là hiếm hoi, lạ lùng chi, [thế nhưng] phải ngẫm nghĩ chúng ta nay đang là phàm phu trong thế giới Sa Bà, thật sự thua kém quá xa! Có sao thua kém quá xa? Anh em ruột cùng cha cùng mẹ, vì tranh giành một căn nhà, sẽ còn cãi cọ, còn muốn lôi nhau ra tòa. Nhà của anh chẳng nhường cho em ở, nhà của em chẳng nhường cho anh ở. Vậy thì hàng xóm láng giềng làm sao có thể đến ở trong nhà ta cho được? Quý vị hãy ngẫm xem, đây chẳng phải là thua kém quá xa hay sao? Đây là những kẻ chẳng học Phật pháp trong xã hội, coi một căn nhà còn nghiêm trọng hơn tam thiên đại thiên thế giới, vì họ chẳng học Phật pháp. Chúng ta là người xuất gia, phải phát đại tâm, trong phần trước đã có nói, thượng bói vãng sanh là người xuất gia. Người xuất gia phải tu công đức lớn lao.

Tu công đức lớn lao thì phải tu như thế nào? Quý vị phải mở đạo tràng độ chúng sanh, độ hết thấy chúng sanh xuất gia, chẳng phải là độ

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

anh em của ta. Ta căn bản chẳng có anh, mà cũng chẳng có em, vậy thì độ bằng cách nào? Có anh, có em, mà họ chẳng muốn xuất gia, ta cũng chẳng độ được! Ta muốn mở đạo tràng độ người trong mười phương, cái tâm ấy là tâm Bồ Tát. Quý vị phát cái tâm to lớn ấy, sẽ có thể tu công đức to lớn, tu như thế nào? Ta lập một đạo tràng, dựng một tự viện, người đến càng đông, tâm ta càng hoan hỷ. Phát nguyện to, có thức ăn ngon, mọi người ăn ngon hơn một chút. Tự viện rất thanh bần thì ăn dở hơn một chút, mọi người đồng cam cộng khổ, nhưng chẳng sợ rất nhiều người, người càng nhiều, tâm ta càng hoan hỷ. Ta phát đại thệ nguyện ấy, ta muốn mở đạo tràng to, muốn thành tựu người xuất gia trong mười phương. Đó gọi là Bồ Tát. Quý vị sanh về Tây Phương cũng là thượng bói vãng sanh. Tiếp đó, Vô Lượng Thọ Phật, tức A Di Đà Phật, sẽ giảng phương pháp tu hành. Chỉ phát nguyện suông sẽ chẳng được, nguyện đã phát là nguyện rỗng tuếch; còn phải lập hạnh môn, tức là dụng công tu hành.

“Giác liễu nhất thiết pháp, do như mộng, huyễn, hưởng, mẫn tức chư diệu nguyện, tất thành như thị sát” (Giác liễu hết thấy các pháp như mộng, huyễn, vang, viên mẫn các nguyện màu nhiệm, tất thành cõi như thế). Đây là đức Phật giảng cho Quán Thế Âm Bồ Tát, mà cũng là bảo các vị đại Bồ Tát từ mười phương đến, nay ta sẽ thọ ký quý vị thành Phật, quý vị còn một đại A-tăng-kỳ kiếp nữa là thành Phật. Quý vị chỉ phát đại nguyện suông thì vẫn không được, quý vị phải lập đại hạnh, phải thật sự trang nghiêm quốc độ của chính mình. Trang nghiêm như thế nào? Thứ nhất, quán pháp hữu vi là Không, chớ nên chấp tướng. Phải *“giác liễu nhất thiết pháp”*. *“Nhất thiết pháp”* là hết thấy các pháp hữu vi, giác liễu chúng bằng cách nào? Giác ngộ, hiểu rõ hết thấy các pháp hữu vi, *“do như mộng, huyễn, hưởng”* [nghĩa là] giống như nằm mộng, giống như huyễn hóa, giống như tiếng vọng. *“Mộng, huyễn, hưởng”*, hết thấy các pháp giống như nằm mộng, quý vị chấp trước gì nữa? Trong Chứng Đạo Ca của thiền sư Vĩnh Gia có câu: *“Mộng trung minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên”* (Trong mộng rành rành có sáu nẻo, giác rồi ba cõi rỗng toang hoang). Khi quý vị nằm mộng, *“lục thú”* (六趣, sáu đường, lục đạo) đều có. Quý vị có thể mộng lên thiên đường, có thể mộng xuống địa ngục. Quý vị có thể mộng thấy đời sau, kiếp sau làm một người đại phú đại quý. *“Lục thú”* là lục đạo luân hồi, rành rành là có, thật ra là vì đang nằm mộng! Nhưng sau khi quý vị đại giác, đại ngộ, *“giác hậu không không vô đại thiên”* (giác rồi ba cõi rỗng toang hoang), quý vị

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tỉnh giấc mộng, thiên đường ở chỗ nào? Địa ngục ở chỗ nào? Đây là lý luận cao nhất của Phật giáo; do đó, Phật pháp khó học là ở ngay tại chỗ này.

Quý vị chẳng tin tưởng thiên đường, địa ngục. Trước hết, bảo với quý vị, quý vị nhất định phải tin tưởng [thiên đường, địa ngục]. Chẳng tin, quý vị sẽ chẳng tin tưởng nhân quả. Quý vị chẳng tin vào nhân quả ba đời, sẽ chẳng làm việc thiện, toàn làm chuyện ác, khiến cho chính mình đọa vào địa ngục, lẽ nào thành Phật cho nổi? Nhất định phải tin tưởng “*thiện có thiện báo, ác có ác báo*”, thật sự có thiên đường, có địa ngục. Đó là cảnh giới của phàm phu. Còn có công phu tiến cao hơn bước nữa, quý vị phải biết phàm phu tin vào pháp hữu vi. Pháp hữu vi là pháp có tạo tác, do phàm phu tạo ra. Quý vị tạo thiên đường, bèn có thiên đường. Quý vị tạo địa ngục, bèn có địa ngục. Đợi đến khi quý vị đã giác ngộ, chuyển từ phàm phu thành một vị thánh nhân, sẽ đối với cảnh giới của phàm phu, “*một thứ đã không, hết thấy đều không*”, giống như nằm mộng, còn có gì đáng để chấp trước nữa chẳng? Giống như huyền hóa. Giống như nhà ảo thuật biến hóa thế giới, quý vị có gì để chấp trước nữa đây? Giống như tiếng vọng. Chúng ta ở trong hang núi, quý vị hô một tiếng, nơi ấy nhất định có tiếng vọng lại. Quý vị kêu tiếng nhỏ, tiếng vọng nhỏ. Quý vị lớn tiếng kêu, nó vọng lại tiếng lớn. Quý vị chẳng gọi, chẳng có tiếng vọng. Quý vị nói tiếng vọng là do có ai đó ở bên kia [đáp trả] hả? Chẳng có ai đâu nhé! Chẳng thể nói là không có tiếng vọng, nhưng bản thể của tiếng vọng là rỗng không. Pháp hữu vi trong thế gian đều là như mộng, như huyền, như tiếng vọng. Trước hết, hãy quán pháp hữu vi là Không. Quán Không, đừng nên rơi vào cảnh giới Tiểu Thừa, đừng rơi vào bên Thiên Không.

“*Mãn túc chư diệu nguyện*” (Thỏa mãn trọn vẹn các nguyện màu nhiệm): Quán pháp hữu vi là Không, vừa khéo để phát đại tâm, hành Bồ Tát đạo thì mới có thể thỏa mãn “*chư diệu nguyện*” (các nguyện màu nhiệm) của quý vị. Quý vị phát đại nguyện là nguyện sông, phải dùng hạnh môn của chính mình, dùng nó để thực hiện thì mới có thể thỏa mãn nguyện. Quý vị chẳng tu hạnh môn, làm sao có thể mãn nguyện được? Quý vị còn trang nghiêm cõi nước Phật của chính mình, tu hết thấy công đức to lớn để trang nghiêm quốc độ thanh tịnh. “*Tất thành như thị sát*” (Ất thành cõi như thế), nghĩa là chắc chắn có thể trang nghiêm quốc độ của quý vị giống như thế giới Cực Lạc của ta. “*Tri pháp như điện, ảnh, cứu cánh Bồ Tát đạo, cụ chư công đức bốn, thọ quyết đương tác Phật*” (Biết các pháp như tia chớp, như hình bóng,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

rốt ráo đạo Bồ Tát, đầy đủ các cội công đức, ta thọ ký người ấy chắc chắn sẽ thành Phật). “*Tri pháp như điện ảnh*” (Biết các pháp như tia chớp và hình bóng): [“*Điện*” (電, tia chớp) và “*ảnh*” (影, hình bóng)] là hai tỷ dụ, đây chẳng phải là điện ảnh (phim ảnh) như chúng ta đang xem trong hiện thời; vì thưở đức Phật tại thế, còn chưa phát minh điện ảnh!

Bài kệ tụng trong phần cuối kinh Kim Cang là: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ diệc như điện*” (Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương cũng như chớp). “*Như mộng, huyễn, bào, ảnh*”, đây là Ảnh. “*Như lộ, diệc như điện*” (Như sương, cũng như chớp), đây là Điện. Hết thấy các pháp hữu vi như “*điện*”, tức là như khi trời âm u, đổ mưa, trong hư không có tia chớp, sáng lòa một cái rồi chẳng thấy nữa. Đây là hình dung hết thấy các pháp hữu vi vô thường, rất nhanh chóng chẳng có nữa. Hết thấy các pháp hữu vi như “*ảnh*”, đây là hình dung hết thấy các pháp hữu vi chẳng thật sự tồn tại. Quý vị thấy có thứ chi đó, nó là bóng dáng, chẳng phải là bản thể chân thật. Hết thấy các pháp hữu vi đều như bóng dáng, giống như hiện thời phát minh ra điện ảnh, đem gộp chung hai thứ lại, cũng có thể dùng làm thí dụ. Phim ảnh chẳng phải là thứ hư huyễn, chẳng thật hay sao? Quý vị thấy tình huống trong vở kịch buồn, vui, chia lìa, tái hợp, diễn xuất khá lắm. Diễn đến nỗi khi hoan hỷ, quý vị ngoác miệng cười theo âm âm. Diễn đến chỗ bi thương, đau đớn, quý vị cũng ứa nước mắt theo. Quý vị coi nó thành một thứ thật sự, chẳng biết khi phim kết thúc, phim hết người tan, thứ gì cũng đều chẳng có. Hết thấy các pháp hữu vi đều là như vậy, như tia chớp vô thường, như ảnh chẳng thật sự tồn tại, giống như phim ảnh kết hợp, hư huyễn chẳng thật.

“*Cứu cánh Bồ Tát đạo*” (Rốt ráo Bồ Tát đạo): Quý vị biết rõ triệt để pháp hữu vi như chớp, như ảnh, quý vị mới có thể hoàn thành rốt ráo Bồ Tát đạo của chính mình, tức là khi quý vị hành Bồ Tát đạo, tuyệt đối chớ nên chấp tướng. Hễ chấp tướng, Bồ Tát đạo của quý vị sẽ chẳng thể rốt ráo. “*Cứu cánh*” (究竟) có nghĩa là viên mãn. Quý vị chẳng thể viên mãn. Chẳng chấp tướng thì sẽ tu hành, khi tu hành vẫn đừng nên chấp tướng, đây mới có thể rốt ráo Bồ Tát đạo. “*Cụ chu công đức bốn*” (Trọn đủ cội công đức): Hết thấy căn bản của công đức quý vị đều đầy đủ. “*Thọ quyết đương tác Phật*” (Thọ ký [người như vậy] chắc chắn sẽ thành Phật): Quý vị được thọ ký thành Phật, trong tương lai chắc chắn sẽ làm Phật.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Thông đạt chư pháp tánh, nhất thiết Không, Vô Ngã, chuyên cầu tịnh Phật độ, tất thành như thị sát*” (Thông đạt tánh của các pháp: hết thấy đều là Không, Vô Ngã, chuyên cầu cõi Phật thanh tịnh, ắt thành cõi như thế): Đây vẫn là khơi mở, hướng dẫn chư đại Bồ Tát trang nghiêm cõi Phật như thế nào? Vẫn phải quán pháp hữu vi là Không. “*Thông đạt chư pháp tánh*” (Thông đạt tánh của các pháp): Hết thấy các pháp hữu vi thiên sai vạn biệt, chúng có bản tánh. “*Bản tánh*” là Không Tánh, [tức là] chẳng có bản thể, chẳng có tự tánh. Điều này được gọi là Pháp Tánh của hết thấy các pháp. Vì sao Pháp Tánh của hết thấy các pháp chẳng có bản thể? Hết thấy các pháp sanh từ nhân duyên; pháp sanh bởi nhân duyên thì chẳng có bản thể, chẳng có tự tánh. Duyên tụ bèn sanh, duyên tán bèn diệt, chẳng tìm được bản thể của nó. Ví như pháp hội giảng kinh của chúng ta, quý vị nói xem, pháp hội giảng kinh này có pháp hay không? Có chứ! Ở nơi đây, tôi đang giảng kinh, quý vị đang nghe kinh, có giảng đường, còn có bàn ghế. Đây chẳng phải là một pháp hội giảng kinh rất trang nghiêm, rất long trọng hay sao, cứ sao chẳng có? Quý vị hãy tìm bản thể của nó, bản thể của nó là gì vậy? Quý vị tìm tự tánh của nó, thứ gì cũng chẳng tìm thấy. Nó là pháp sanh bởi các duyên.

Tôi tới giảng kinh, các vị đến nghe kinh, lại còn chuẩn bị giảng đường, chuẩn bị bàn ghế, pháp hội này bèn thành tựu. Đó gọi là “*duyên tụ bèn sanh*”. Đợi đến khi tôi giảng xong, tôi đi rồi, các vị cũng đi rồi, bàn ghế đều dọn cất, rỗng tuếch! Pháp nào là bản thể tự tánh của giảng đường? Chẳng có! Bản tánh của hết thấy các pháp đều là như thế đó. “*Nhất thiết Không, Vô Ngã*” (Hết thấy là Không, Vô Ngã): Hết thấy các pháp đều rỗng không. Đã là rỗng không, “trong” chẳng có ta, “ngoài” chẳng có cái của ta (ngã sở). Đã chẳng có ta, há có pháp sở hữu bởi ta? Đây gọi là “*hết thấy các pháp đều Không*”. Quý vị đã ngộ “*hết thấy các pháp đều Không*” rồi lại “*chuyên cầu tịnh Phật độ*”, [tức là] quý vị mới có thể chuyên tâm nhất ý thanh tịnh cõi Phật của quý vị. “*Tất thành như thị sát*” (Ắt thành cõi như thế): Vậy thì quý vị trang nghiêm thế giới Cực Lạc sẽ nhất định hoàn thành!

A Di Đà Phật thuyết pháp, nói ra pháp môn tu hành, là pháp môn trang nghiêm tịnh độ. Ba bài kệ tụng đã dạy chúng ta tu hành như thế nào? Đã phát nguyện thì phải tu hành ra sao? Trước hết, ắt cần phải quán pháp hữu vi là Không. [Ắt phải thực hành] ba bài kệ tụng đều như nhau thì mới có thể hành Bồ Tát đạo, mới có thể trang nghiêm cõi Phật. Đây hoàn toàn chẳng phải là những lời thọ ký cho các vị đại Bồ Tát,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

những vị ấy đều là Bát Địa Bồ Tát, còn cần phải nói cặn kẽ chi nữa? Đây là [những lời dạy] truyền sang thế giới Sa Bà nhằm nói cho chúng ta là hàng Sơ Phát Tâm Bồ Tát nghe. Rất khó có là các vị phát đại nguyện, mong kiến lập một đạo tràng, hễ quý vị chấp tướng, căn bản là quý vị chẳng thành công. Nói theo bản thân chúng ta, ví như ba người chúng ta đều xuất gia, đều phát đại nguyện, muốn tạo lập một tự viện vĩ đại, muốn rộng độ hết thảy mọi người xuất gia ở nơi này, chúng ta phải ấn định một quy củ đảng hoàng hồng những người xuất gia ở đây đều đi theo thánh đạo. Thệ nguyện ấy đã phát đúng rồi, chúng ta mới bắt đầu xây dựng đạo tràng này. Đây là tu hành, đây là phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo.

Hành Bồ Tát đạo thì quý vị phải nhớ kỹ: Chẳng thể chấp tướng! Hễ quý vị chấp tướng, chúng ta đều là phàm phu, ý kiến sẽ xung đột. Đạo tràng còn chưa thành công mà đã tranh danh trước, đoạt lợi trước! Ví như một ngôi chùa to, ai sẽ làm Trụ Trì, ai làm Giám Viện, ai làm hộ trì? Ba người ấy tranh giành; đây là tranh danh. Nếu như dựng một ngôi chùa, quy mô còn chưa hoàn thành, tín đồ đến dâng hương, lễ bái, sẽ cúng dường. Món tiền ấy sẽ đưa cho ai trông coi? Quý vị dùng nhiều hơn mấy đồng không được đâu nhé! Chúng ta tính toán sổ sách, ba người tranh chấp ý kiến. Đạo tràng ấy trọn chẳng thể hoàn thành. Muốn hoàn thành một “*như thị sát*” (cõi nước như thế), [dù là] cõi Phật hay là một ngôi chùa, hễ quý vị chấp tướng, sẽ chẳng làm tốt đẹp được. Những điều này nhằm nói cho chúng ta nghe. Ba người ấy sẽ thất bại, đúng là mười phương chư Phật đều phải thở dài! Quý vị hãy ngẫm xem, người tin tưởng Phật nhiều ngàn ấy, có ai chịu phát tâm xuất gia? Rất khó có ba người phát tâm xuất gia như thế ấy, [bởi lẽ], người xuất gia rất đông, có ai muốn phát tâm mở một thập phương đạo tràng? Ba người ấy phát tâm muốn tạo dựng đạo tràng, đây chẳng phải là ba người xuất gia thật sự khó có ư? Kết quả là do chấp tướng, chẳng mở đạo tràng thành công, mười phương chư Phật đều phải thở dài!

Trên đây đã giảng mười lăm bài kệ, mười phương Bồ Tát tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật, được thọ ký. Dưới đây còn có mười lăm bài kệ tụng, chia thành hai đoạn: Năm bài kệ tụng đầu là mười phương chư Phật sai các Bồ Tát đệ tử của các Ngài đến thân cận A Di Đà Phật. Tôi giảng đoạn này trước.

2.2.3.2.2.2. Trùng tụng chư Phật cùng tán thán

2.2.3.2.2.2.1. Trùng tụng mười phương chư Phật cùng tán thán (gồm

năm bài kệ)

(Kinh) Chư Phật cáo Bồ Tát, linh cận An Dưỡng Phật, văn pháp nhạo thọ hành, tât đắc thanh tịnh xứ. Chí bỉ nghiêm tịnh quốc, tiện tốc đắc thần thông, tât u Vô Lượng Tôn, thọ ký thành Đẳng Giác. Kỳ Phật bổn nguyện lực, văn danh dục vãng sanh, giai tât đáo bỉ quốc, tự trí Bất Thoái Chuyển. Bồ Tát hưng chí nguyện, nguyện kỳ quốc vô dị, phổ niệm độ nhất thiết, danh hiển mãn thập phương. Phụng sự ức Như Lai, phi hóa biến chư sát, cung kính hoan hỷ khứ, hoàn đáo An Dưỡng quốc.

(經)諸佛告菩薩，令覲安養佛，聞法樂受行，疾得清淨處。至彼嚴淨國，便速得神通，必於無量尊，受記成等覺。其佛本願力，聞名欲往生，皆悉到彼國，自致不退轉。菩薩興至願，願己國無異，普念度一切，名顯滿十方。奉事億如來，飛化徧諸剎，恭敬歡喜去，還到安養國。

(Kinh: Chư Phật bảo Bồ Tát, thân cận An Dưỡng Phật, nghe pháp, thích thọ hành, mau được chốn thanh tịnh. Đến cõi nghiêm tịnh ấy, sẽ mau đắc thần thông. Ất được Vô Lượng Tôn, thọ ký thành Đẳng Giác. Do nguyện lực Phật ấy, nghe danh, muốn vãng sanh, thấy đều đến cõi đó, tự đạt Bất Thoái Chuyển. Bồ Tát đầy chí nguyện, nguyện nước mình chẳng khác, niệm độ khắp hết thấy, danh rạng trọn mười phương. Phụng sự ức Như Lai, bay, biến khắp các cõi, cung kính, hoan hỷ đi, trở về nước An Dưỡng).

“Chư Phật cáo Bồ Tát, linh cận An Dưỡng Phật, văn pháp nhạo thọ hành, tât đắc thanh tịnh xứ” (Chư Phật bảo Bồ Tát, dạy họ hãy thân cận vị Phật trong cõi An Dưỡng, nghe pháp, ưa thích, vâng nhận, hành trì, sẽ mau chóng đạt được chốn thanh tịnh). “Chư Phật cáo Bồ Tát” (Chư Phật bảo Bồ Tát): “Chư Phật” là mười phương chư Phật, bảo các vị Bồ Tát trong nước mình. “Linh cận An Dưỡng Phật” (Hãy đến thân cận vị Phật trong cõi An Dưỡng): Nay quý vị muốn đến “thân cận”, tức là triều bái, lễ kính, thân cận đức Phật trong cõi An Dưỡng. Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng dịch là Cực Lạc, dịch thành An Lạc, và cũng dịch thành An Dưỡng. Tiếng Phạn là một chữ, nhưng dịch thành các danh từ khác nhau. “Văn pháp nhạo thọ hành, tât đắc thanh tịnh xứ” (Nghe pháp ưa thích, tiếp nhận, hành trì, mau chóng đạt được cõi

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thanh tịnh): Quý vị đến triều bái A Di Đà Phật, đến lễ kính A Di Đà Phật. “*Văn pháp nhạo thọ hành*” (Nghe pháp ưa thích, tiếp nhận, hành trì): Quý vị sẽ thỉnh A Di Đà Phật thuyết pháp. Đức Phật thuyết pháp, quý vị sanh lòng hoan hỷ, ưa thích, hãy nên tiếp nhận hạnh môn của Ngài. Ngài chỉ dạy quý vị tu hành như thế nào? Quý vị phải tiếp nhận. “*Nhạo*” (樂) là hoan hỷ, ưa thích tiếp nhận, quý vị bèn tu hành đúng như lời Ngài đã chỉ dạy. “*Tật đắc thanh tịnh xứ*” (Mau đạt được chốn thanh tịnh): Quý vị sẽ đạt được chỗ thanh tịnh rất nhanh chóng, có thể trang nghiêm quốc độ thanh tịnh.

“*Chí bỉ nghiêm tịnh quốc, tiện tốc đắc thần thông, tất u Vô Lượng Tôn, thọ ký thành Đăng Giác*” (Đến cõi trang nghiêm, thanh tịnh ấy, sẽ mau chóng đắc thần thông, ắt ở chỗ đức Vô Lượng Thọ Phật, thọ ký thành Chánh Đăng Chánh Giác). “*Chí bỉ nghiêm tịnh quốc*” (Đến cõi nước trang nghiêm, thanh tịnh ấy): Quý vị đã tới nước An Dưỡng trang nghiêm thanh tịnh ở phương Tây. “*Tiện tốc đắc thần thông*” [nghĩa là] rất nhanh chóng đạt được thần thông. Đối với câu này, có một điều nghi vấn: Mười phương Bồ Tát đều có thần thông; nếu chẳng có thần thông, há lại có thể bay tới Tây Phương Cực Lạc thế giới ư? Nhưng thần thông có sâu hay cạn khác nhau. Chẳng hạn như nói thần thông của hàng Nhị Thừa chẳng sánh bằng Bồ Tát, Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền chẳng sánh bằng Thập Địa, mà Sơ Địa Bồ Tát lại chẳng sánh bằng Nhị Địa. Ở đây là thần thông của Bát Địa Bồ Tát. Thần thông của Bát Địa vi diệu, thần thông của Bát Địa là vô công dụng hạnh. Ngài chẳng sanh tâm động niệm, đến khi đáng hiển hiện thần thông, Ngài sẽ tùy ý tự nhiên hiện ra. Ở đây, [câu kệ này có ý nói] sẽ rất nhanh chóng đạt được thần thông của Bát Địa Bồ Tát. “*Tất u Vô Lượng Tôn, thọ ký thành Đăng Giác*” (Ắt ở nơi đáng Vô Lượng Thọ Phật, được Ngài thọ ký thành Đăng Giác): Vô Lượng Tôn là Vô Lượng Thọ Phật Thế Tôn, là A Di Đà Phật. Quý vị nhất định ở trước A Di Đà Phật được Ngài thọ ký thành Phật. Trong tương lai, quý vị sẽ thành Đăng Giác, trong tương lai sẽ thành Phật. Đây là mỗi vị Phật trong mỗi nước huân dụ các vị Bồ Tát của chính mình.

“*Kỳ Phật bốn nguyện lực, văn danh dục vãng sanh, giai tất đáo bỉ quốc, tự trí Bất Thoái Chuyển*” (Do sức bốn nguyện của đức Phật ấy, nghe danh hiệu, muốn vãng sanh, thấy đều đến cõi ấy, tự đạt được Bất Thoái Chuyển): Đây là mười phương chư Phật chỉ dạy hàng Bồ Tát trong nước mình, tán thán sức bốn nguyện của A Di Đà Phật. “*Kỳ Phật*” là A Di Đà Phật, Ngài có sức bốn nguyện. “*Văn danh dục vãng*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

sanh” [nghĩa là] nêu quý vị nghe danh hiệu A Di Đà Phật, bằng lòng vãng sanh quốc độ của Ngài, sẽ “*giai tất đảo bỉ quốc*” (thầy đều đến cõi đó), quý vị sẽ nhất định mãn nguyện, có thể tới Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đã tới bên ấy, liền đắc Bất Thoái Chuyển. “*Tự trí Bất Thoái Chuyển*” (Tự đạt đến Bất Thoái Chuyển): “*Trí*” (致) là đạt được, tự nhiên đạt được Bất Thoái Chuyển.

“*Bồ Tát hưng chí nguyện, nguyện kỳ quốc vô dị, phổ niệm độ nhất thiết, danh hiển mãn thập phương*” (Bồ Tát hưng khởi chí nguyện, nguyện cõi nước của chính mình sẽ chẳng khác [Cực Lạc], niệm độ trọn khắp hết thầy, thanh danh tỏa rạng khắp mười phương): “*Bồ Tát hưng chí nguyện*” (Bồ Tát dấy lên chí nguyện): Chư đại Bồ Tát, tức các vị Bồ Tát trong mười phương, do vãng theo mạng lệnh của đức Phật trong cõi mình, thầy đều đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đã đến Tây Phương Cực Lạc, vừa thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới thanh tịnh trang nghiêm quá sức tuyệt diệu, bèn dấy lên tâm nguyện chí thành: “*Nguyện kỳ quốc vô dị*” (Nguyện cho cõi nước của chính mình chẳng khác [Cực Lạc]). Nguyện cõi nước của chính mình “*vô dị*”, tức là chẳng sai khác Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Phổ niệm độ nhất thiết, danh hiển mãn thập phương*” [nghĩa là] ta mong thành tựu quốc độ của chính mình cũng có thể giống như Tây Phương, ta cũng có thể giống như A Di Đà Phật, nghĩ độ trọn khắp hết thầy chúng sanh, ta cũng giống như A Di Đà Phật, thanh danh tỏa rạng trọn khắp mười phương thế giới.

“*Phụng sự ức Như Lai, phi hóa biến chư sát, cung kính hoan hỷ khứ, hoàn đảo An Dưỡng quốc*” (Phụng sự ức Như Lai, phi hành, biến hóa đến trọn khắp các cõi, cung kính, hoan hỷ ra đi, trở về nước An Dưỡng): Những vị Bồ Tát ấy đã tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, phát đại nguyện, A Di Đà Phật đều biết. Do đã biết, đức Phật bèn thọ ký các vị Bồ Tát ấy sẽ thành Phật. Đã thọ ký thành Phật rồi, sẽ giảng khai thị cho các Ngài, dạy các Ngài tu hành đừng chấp tướng. Tu hành chẳng chấp tướng chính là công phu bậc nhất. Các vị được đến thân cận mười phương chư Phật, sẽ cúng dường mười phương chư Phật. Nếu quý vị muốn trang nghiêm thế giới Cực Lạc của chính mình mà nếu chẳng có phước báo, chẳng có trí huệ, hai điều kiện ấy quá tệ, sẽ trang nghiêm chẳng được, đại nguyện đã phát sẽ là nguyện suông. Quý vị muốn trang nghiêm cõi Phật của chính mình, thứ nhất là quý vị phải có phước báo, thứ hai là quý vị phải có trí huệ. Vậy thì phước báo do đâu mà có? Quý vị cúng dường mười phương chư Phật, chuyện này vun bồi phước

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nhánh nhất, lớn nhất. Quý vị đến thân cận mười phương chư Phật, thỉnh các Ngài giảng pháp cho quý vị, quý vị đạt được trí huệ cao nhất, nhanh nhất. Mười phương Bồ Tát đã tới Tây Phương Cực Lạc thế giới, đạt được thần thông cao nhất; do vậy, đến mười phương thế giới cúng dường chư Phật. “*Phụng sự ức Như Lai*”, chữ Ức này [phải hiểu] là vô lượng vô số Như Lai. “*Phi hóa biến chư sát*” (Phi hành, biến hóa trọn khắp các cõi): Phi hành biến hóa tới các cõi của chư Phật để cúng dường chư Phật. “*Cung kính hoan hỷ khứ*” (Cung kính, hoan hỷ ra đi): Sau khi cung kính đánh lễ, nghe pháp, bèn hoan hỷ trở về. “*Hoàn đảo An Dưỡng quốc*” (Trở về nước An Dưỡng): Trở lại Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn thân cận A Di Đà Phật.

Năm bài kệ này nhằm nói mười phương chư Phật chỉ dạy các vị Bồ Tát trong nước mình đến thân cận A Di Đà Phật. Dưới đây còn có ba bài kệ tụng do Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ dạy chúng ta, do vậy càng thân thiết hơn, phải lưu tâm nghe nhé!

2.2.3.2.2.2.2. Phật Thích Ca tự tán thán khiến cho kẻ khác cùng đến [Cực Lạc]

2.2.3.2.2.2.2.1. Nêu bày kinh này khó được nghe, hãy hoan hỷ tu hành (gồm ba bài kệ)

(Kinh) Nhược nhân vô thiện tâm, bất đắc văn thử kinh. Thanh tịnh hữu giới giả, nãi hoạch văn chánh pháp. Tăng cánh kiến Thế Tôn, tắc năng tín thử sự. Khiêm kính, văn phụng hành, dũng được, đại hoan hỷ. Kiêu, mạn, tộ, giải đãi, nan dĩ tín thử pháp, túc thể kiến chư Phật, nhạo thính như thị giáo.

(經)若人無善心，不得聞此經，清淨有戒者，乃獲聞正法。曾更見世尊，則能信此事，謙敬聞奉行，踊躍大歡喜。憍慢弊懈怠，難以信此法，宿世見諸佛，樂聽如是教。

(Kinh: Nếu người chẳng thiện tâm, chẳng được nghe kinh này. Kẻ thanh tịnh trì giới, bèn được nghe chánh pháp. Đã từng thấy Thế Tôn, sẽ tin tưởng chuyện này. Khiêm kính, nghe, phụng hành, hớn hở, đại hoan hỷ. Kiêu, mạn, tộ, biếng nhác, khó tin nổi pháp này. Đời trước thấy chư Phật, thích nghe dạy như thế).

“*Nhược nhân vô thiện tâm, bất đắc văn thử kinh*” (Nếu người

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

nào chẳng có thiện tâm, sẽ chẳng được nghe kinh này): Quý vị có thể nghe bộ kinh Vô Lượng Thọ này, chớ nên coi rẻ chính mình, quý vị là người có thiện tâm. Nếu quý vị chẳng có thiện tâm, căn bản là chẳng được nghe bộ kinh Vô Lượng Thọ này. Quý vị phải tin tưởng chính mình có thiện căn. “*Thanh tịnh hữu giới giả, nãi hoạch văn chánh pháp*” (Kẻ thanh tịnh giữ giới, bèn được nghe chánh pháp): Quý vị là người trì giới thanh tịnh. “*Giả*” (者) là từ ngữ để chỉ người, [người thanh tịnh trì giới thì] mới có thể nghe được chánh pháp này. “*Thiện tâm*”: Thiện tâm trì giới thanh tịnh, đây cũng là thiện căn. Một mặt là nói đến đời này, kiếp này, mặt khác là suy đến đời trước, kiếp trước. Quý vị trong đời này, kiếp này đã phát sanh thiện căn, [có ý niệm] “ta muốn học pháp môn Tịnh Độ” thì quý vị mới có thể nghe kinh Vô Lượng Thọ. Cái tâm học pháp môn Tịnh Độ của quý vị trong đời này, kiếp này vẫn còn chưa phát khởi [mà vẫn được nghe kinh Vô Lượng Thọ, tức là] suy đến đời trước, kiếp trước, quý vị đã từng phát [cái tâm ấy]. Có thiện căn ấy thì mới được. Đối với chuyện trì giới thanh tịnh cũng suy trong đời này và suy từ đời trước. Nếu đời này quý vị là một người trì giới thanh tịnh, quý vị mới có thể nghe chánh pháp trong bộ kinh Vô Lượng Thọ này. Nếu đời này, kiếp này, tướng trì giới của quý vị vẫn chưa thanh tịnh, thì như vậy đời trước nhất định là đã có thiện căn trì giới, đời trước quý vị nhất định là một người giữ giới luật thanh tịnh. Do thiện căn ấy dậy lên hiện hành, quý vị mới có thể nghe chánh pháp này; ngàn muôn phần đừng coi rẻ chính mình!

“*Tằng cánh kiến Thế Tôn, tặc năng tín thử sự, khiêm kính văn phụng hành, dũng dược đại hoan hỷ*” (Đã từng gặp đức Thế Tôn, thì mới có thể tin chuyện này, khiêm tốn, cung kính nghe dạy, phụng hành, hớn hở, hết sức hoan hỷ): Thích Ca Như Lai nói thêm, chúng ta có thiện căn đã từng gặp Phật. “*Tằng cánh kiến Thế Tôn, tặc năng tín thử sự*” (Đã từng gặp Thế Tôn, thì mới có thể tin chuyện này). Đời trước, kiếp trước, không chỉ là đời trước, kiếp trước, mà thậm chí nhiều đời, nhiều kiếp trước kia, nhất định là đã gặp Phật. Vậy thì ta đã gặp Phật, vì sao cho tới hiện thời, ta vẫn là phàm phu? Đây là nỗi khổ não luân hồi trong lục đạo. Người Hoa đều biết niệm kinh Kim Cang. Kinh Kim Cang có nói, tới thời đại Mạt Pháp, quý vị có thể nghe kinh Kim Cang mà tâm tin tưởng, chẳng nghi, phát tâm thanh tịnh. [chứng tỏ] thiện căn của người ấy sâu dày, chẳng phải là đã gieo thiện căn nơi một vị Phật, hai vị Phật, ba bốn năm vị Phật, mà là đã gieo thiện căn nơi vô lượng ngàn vạn chư Phật. Phật Thích Ca cũng nói, thiện căn của chúng ta rất

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

lớn, nhưng bản thân chúng ta chẳng dám thừa nhận, tâm cứ nghĩ: “Há ta có thiện căn to lớn ngàn ấy ư? Ta từng thân cận một vị Phật, hai vị Phật, ba bốn năm vị Phật, thân cận vô lượng vô số chư Phật nhiều ngàn ấy, có sao cho đến nay ta vẫn là một chúng sanh khổ não?” Đây là nỗi khổ não do luân hồi trong lục đạo. Nếu quý vị hiểu đạo lý này, quý vị mới có thể phát nguyện sanh về Tây Phương, mới có thể phát khởi tín tâm quyết định mong sanh về Tây Phương.

Vậy là trong đời trước, kiếp trước đã từng gặp Phật, dẫu gặp Phật, mười thứ tín tâm vẫn chẳng tu viên mãn, [cho nên] bèn vạt vờ theo gió cuốn. Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín, được gọi là “*mao tháo Bồ Tát*” (毛躁菩薩), [nghĩa là] giống như chiếc lông vũ [chao đảo] trong không trung, còn nhẹ hơn không khí. Chiếc lông vũ bị gió cuốn qua Đông, qua Tây. Gió Đông thổi, nó giạt qua Tây; gió Tây thổi, nó giạt sang Đông. Tức là gặp duyên được thầy dạy dỗ, người ta giảng kinh, thuyết pháp, kẻ đó tiến bộ. Gặp phải duyên vui thú ngũ dục lạc, lại bị lôi kéo, xoay chuyển! Cái tâm của phàm phu tham cầu niềm vui ngũ dục, quả báo của niềm vui ngũ dục đưa tới nhanh chóng, lập tức họ lại đọa vào địa ngục, chẳng biết đến kiếp nào mới có thể lặn mình thoát ra. Vì thế nói, gặp Phật thì đã từng gặp, tuy tu hành mà chẳng thành công, nhưng thiện căn vẫn có, đời này gặp Vô Lượng Thọ Phật, mới có thể tin tưởng chuyện này, mới có thể phát khởi tín tâm.

“*Khiêm kính văn phụng hành*” (Khiêm tốn, cung kính, nghe rồi sẽ phụng hành): “*Khiêm kính*” là chẳng kiêu ngạo, chẳng ngạo mạn, có cái tâm khiêm tốn, có tâm cung kính, nghe pháp này sẽ phụng hành, phụng hành bằng cách nào? Tu công đức lớn lao, làm nhiều thiện sự. “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể do chút thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy), nhất tâm nhất ý niệm danh hiệu A Di Đà Phật, cầu sanh Tây Phương. Sẽ có dáng vẻ như thế này, “*dũng dục, đại hoan hỷ*” (hớn hở, hoan hỷ lớn), trong tâm quý vị nhất định sẽ sanh khởi cái tâm đại hoan hỷ, nay quý vị thật sự gặp gỡ diệu pháp vô thượng. Sanh tử từ vô thủy kiếp đến nay, ngày nay có thể liễu thoát!

“*Kiêu mạn, tề giải đãi, nan dĩ tín thử pháp, tức thế kiến chư Phật, nhạo thính như thị giáo*” (Kiêu căng, ngạo mạn, tề hại, biếng nhác, sẽ khó thể tin pháp này, [do] đời trước thấy chư Phật, [đời này] mới thích nghe giáo pháp như thế): “*Kiêu mạn, tề giải đãi, nan dĩ tín thử pháp*” (Kiêu căng, ngạo mạn, tề ác, biếng nhác, sẽ khó thể tin pháp này): Trong phần trước có nói “*khiêm kính văn phụng hành*” (khiêm

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

tôn, cung kính, nghe dạy rồi vâng làm theo), khiêm tốn, cung kính nhằm đối trị “*kiêu mạn*”, tức là kiêu ngạo, ngạo mạn. Quý vị có hai thứ tâm ấy, sẽ chẳng thể dấy lên tín tâm đối với pháp này được! “*Tê*” là một thứ ác tâm. Đã có kiêu, mạn, tê ác, chắc chắn sẽ dấy lòng “*giải đãi*”. Sanh tâm giải đãi thì chắc chắn sẽ dấy lòng buông lung. Do giải đãi, buông lung, cho nên chẳng thể tin pháp môn này. “*Túc thế kiến chư Phật, nhạo thính như thị giáo*” (Do đời trước đã thấy chư Phật, [đời này mới] thích nghe dạy như thế): “*Túc thế*” là đời trước, kiếp trước, cho đến nhiều đời, nhiều kiếp trước, đều gọi là “*túc thế*”. Quý vị đã từng thấy chư Phật, đã ở trước chư Phật gieo thiện căn; đời này, kiếp này, quý vị mới có thể hoan hỷ, ưa thích nghe giáo pháp như vậy, nghe lời dạy về pháp môn Tịnh Độ này.

2.2.3.2.2.2.2. Tán thán trí đức thù thắng của Phật Di Đà khiến cho người khác quy hướng (gồm bốn bài kệ)

(Kinh) Thanh Văn hoặc Bồ Tát, mạc năng cứu thánh tâm, thí như tùng sanh manh, dục hành khai đạo nhân. Như Lai trí huệ hải, thâm quảng vô nhai để, Nhị Thừa phi sở trắc, duy Phật độc minh liễu. Giả sử nhất thiết nhân, cụ túc giai đắc đạo, tịnh huệ tri bản không, ức kiếp tư Phật trí. Cùng lực cực giảng thuyết, tận thọ do bất tri, Phật huệ vô biên tế, như thị trí thanh tịnh.

(經)聲聞或菩薩，莫能究聖心，譬如從生盲，欲行開導人。如來智慧海，深廣無涯底，二乘非所測，唯佛獨明了。假使一切人，具足皆得道，淨慧知本空，億劫思佛智。窮力極講說，盡壽猶不知，佛慧無邊際，如是致清淨。

(Kinh: Thanh Văn hoặc Bồ Tát, chẳng thấu hiểu thánh tâm, ví như mù bẩm sinh, muốn dẫn đường người khác. Biển trí huệ Như Lai, sâu rộng không bờ đáy, Nhị Thừa chẳng thể lường, chỉ riêng Phật hiểu rõ. Giả sử hết thấy người, thấy đều cùng đắc đạo, tịnh huệ biết vốn không, ức kiếp suy Phật trí, cạn sức để giảng nói, đến chết vẫn chẳng hay, Phật huệ không ngần mé, đạt thanh tịnh như thế).

“*Thanh Văn hoặc Bồ Tát, mạc năng cứu thánh tâm. Thí như tùng sanh manh, dục hành khai đạo nhân*” (Thanh Văn hoặc Bồ Tát, đều chẳng thể thấu hiểu tột cùng thánh tâm. Ví như kẻ mù từ lúc lọt lòng mà muốn dẫn đường cho người khác). Lại dạy bảo hàng Nhị Thừa và

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Sơ Phát Tâm Bồ Tát. “*Thanh Văn hoặc Bồ Tát*”, bất luận quý vị là Thanh Văn, hay là Sơ Phát Tâm Bồ Tát, “*mạc năng cứu thánh tâm*”, nghĩa là quý vị chẳng thể nghiên cứu rõ ràng tâm Phật được. Vì sao đức Phật phải nói pháp môn Tịnh Độ? Đây là bi tâm triệt để của đức Phật. Chẳng có pháp môn Tịnh Độ, sẽ chẳng thể phổ độ chúng sanh. Những pháp môn khác đều có thể độ, nhưng các pháp ấy chỉ có thể độ chúng sanh thượng căn lợi trí, chúng sanh trung căn đều chẳng thể tu tập được!

[Vậy thì] độ chúng sanh hạ căn bằng cách nào? [Đối với chuyện] phổ độ chúng sanh, chữ Phổ sẽ không thể nói sao cho suông sẻ được. Muốn có thể phổ độ chúng sanh, chẳng do pháp môn Tịnh Độ, sẽ không thể được. Đó là Phật tâm, là đại bi tâm. Quý vị là hàng Nhị Thừa hoặc Sơ Phát Tâm Bồ Tát, sẽ chẳng thể nghiên cứu rõ ràng thánh tâm của Phật. “*Thí như tùng sanh manh, dục hành khai đạo nhân*” (Ví như kẻ mù từ lúc lọt lòng mà muốn dẫn đường cho người khác): “*Sanh manh*” (生盲) là người mù [từ lúc lọt lòng], quý vị muốn làm vị thiện tri thức hướng dẫn người khác, làm người dẫn đường cho chúng sanh, nhưng quý vị là “*sanh manh*”, làm sao dẫn đường cho chúng sanh được? Quý vị chẳng thấu hiểu Phật tâm, chẳng biết chỗ áo diệu của pháp môn Tịnh Độ, quý vị mong làm thiện tri thức để cứu độ chúng sanh thì cũng giống như kẻ “*sanh manh*” làm đạo sư cho chúng sanh vậy!

“*Như Lai trí huệ hải, thâm quảng vô nhai để, Nhị Thừa phi sở trắc, duy Phật độc minh liễu*” (Biên trí huệ của Như Lai sâu rộng không có bờ hay đáy, hàng Nhị Thừa chẳng thể suy lường được, chỉ riêng có Phật là thấu hiểu). “*Như Lai trí huệ hải, thâm quảng vô nhai để*” (Biên trí huệ của Như Lai sâu rộng không có bờ hay đáy): Muốn nghiên cứu Phật tâm thì Phật tâm là tâm đại trí huệ. Tâm đại trí huệ ví như biên rộng, nên gọi là “*trí huệ hải*”, rất sâu chẳng có bờ, mà cũng chẳng có đáy. Chẳng có bờ là rộng lớn; chẳng có đáy là quá sâu. “*Nhị Thừa phi sở trắc, duy Phật độc minh liễu*” (Hàng Nhị Thừa chẳng thể lường được, chỉ riêng Phật là hiểu rõ): Hàng Nhị Thừa chứng đắc A La Hán chẳng thể suy lường trí huệ của Phật được, chỉ có Phật mới có thể hiểu rành rẽ.

“*Giả sử nhất thiết nhân, cụ túc giai đắc đạo, tịnh huệ tri bốn không, ức kiếp tu Phật trí*” (Giả sử hết thảy mọi người trọn đều đắc đạo A La Hán, do trí huệ thanh tịnh mà biết [hết thảy các pháp] vốn là Không, trong ức kiếp suy nghĩ trí huệ của Phật). “*Giả sử nhất thiết*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nhân, cụ túc giai đắc đạo”, [hàm ý]: Đừng nói là một vị Thanh Văn hoặc một vị A La Hán chẳng thể biết trí huệ của Phật, mà giả sử hết thấy mọi người, “*cụ túc*” (trọn đủ), tức là ai nấy đều đắc Tứ Quả A La Hán thì gọi là “*cụ túc giai đắc đạo*” (trọn đều đắc đạo). “*Tịnh huệ tri bốn không*” (Trí huệ thanh tịnh biết [hết thấy các pháp] vốn là Không): A La Hán đạt được trí huệ thanh tịnh, Ngài chỉ biết “*bốn không*”, [tức là] chỉ biết Ngã Không. Ngài biết lý Không căn bản ấy; do đã biết, bèn cho là chính mình có trí huệ, nhưng trí huệ ấy chỉ là trí huệ Thiên Không! “*Ức kiếp tư Phật trí*” (Trong ức kiếp suy nghĩ Phật trí): “*Ức kiếp*” là một thời gian dài. Dùng một ức đại kiếp để suy tưởng trí huệ của đức Phật sâu rộng cỡ nào!

“*Cùng lực cực giảng thuyết, tận thọ do bất tri, Phật huệ vô biên tế, như thị trí thanh tịnh*” (Tận hết sức cực lực giảng nói, cho đến hết tuổi thọ vẫn không biết, trí huệ của Phật không có ngăn mé, do như vậy nên mới đạt đến thanh tịnh): Hết thấy mọi người đều chứng A La Hán, đều ở tại đó dốc cạn sức lực để nói, để giảng trí huệ của Phật to cỡ nào thì sao? “*Tận thọ do bất tri*” (Hết tuổi thọ vẫn chẳng biết): Nói cho khi tuổi thọ đã hết, báo tận, vẫn chẳng thể biết trí huệ của Phật. “*Phật huệ vô biên tế, như thị trí thanh tịnh*” (Trí huệ của Phật chẳng có ngăn mé, do như vậy nên mới đạt được thanh tịnh). Vì trí huệ của Phật chẳng có ngăn mé, mà cũng chẳng có bờ, đáy, rộng lớn rất sâu, nên mới có thể “*trí thanh tịnh*” (đạt đến thanh tịnh), mới có thể đạt được cõi Phật thanh tịnh.

2.2.3.2.2.2.3. Dùng Lý để khuyên dạy (gồm ba bài kệ)

(Kinh) Thọ mạng thậm nan đắc, Phật thế diệt nan trị, nhân hữu tín huệ nan, nhược văn tinh tấn cầu. Văn pháp năng bất vong, kiến kính đắc đại khánh, tắc ngã thiện thân hữu, thị cố đương phát ý. Thiết mãn thế giới hỏa, tất quá yếu văn pháp, hội đương thành Phật đạo, quảng độ sanh tử lưu.

(經)壽命甚難得，佛世亦難值，人有信慧難，若聞精進求。聞法能不忘，見敬得大慶，則我善親友，是故當發意。設滿世界火，必過要聞法，會當成佛道，廣度生死流。

(Kinh: Thọ mạng rất khó được, Phật tại thế khó gặp, khó có kẻ trí huệ, nếu nghe, tinh tấn cầu, nghe pháp chẳng quên mất, thấy, kính,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

đạt vui lớn, thiện thân hữu của ta. Vì thế, nên phát tâm, dẫu thế giới toàn lửa, ắt vượt qua nghe pháp, sẽ có thể thành Phật, rộng độ dòng sanh tử).

“*Thọ mạng thậm nan đắc*” (Thọ mạng rất khó có): Đức Phật lại chỉ dạy, Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đại từ đại bi, bi tâm vô lượng chỉ dạy chúng ta, chỉ sợ chúng ta nghe pháp này mà chẳng tinh tấn. Quý vị phải biết, người học Phật pháp tu hành, dụng công, có ba cửa ải khó khăn:

1) Thứ nhất là thọ mạng khó có. Vì thọ mạng trong thế giới Sa Bà ngắn ngủi, đại bộ phận con người chẳng sống tới một trăm tuổi. Dẫu quý vị sống đến một trăm hai mươi tuổi đi nữa, trong khoảng sát-na đã qua, thọ mạng khó có!

2) Thứ hai, khó gặp Phật tại thế. Phật pháp tồn tại trên thế gian, Chánh Pháp là một ngàn năm, Tượng Pháp là một ngàn năm, Mạt Pháp là một vạn năm. Đời này quý vị chẳng tu hành, chẳng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, vừa xoay vần thì pháp vận một vạn hai ngàn năm đã qua, quý vị có muốn học Phật pháp cũng chẳng có. “*Phật thế diệc nan tri*” [nghĩa là] khó gặp Phật tại thế, quý vị khó thể gặp gỡ.

3) “*Nhân hữu tín huệ nan*” (Khó có kẻ có tín huệ). Hiện thời, ta còn có thọ mạng, chưa chết, Phật pháp mới trải qua hơn hai ngàn năm, tuy đã khởi đầu thời Mạt Pháp, đức Phật tại thế ta cũng đã gặp gỡ, nhưng còn có cửa ải khó khăn thứ ba. Vừa có tín tâm, vừa có trí huệ rất khó, vì sao đã gặp pháp môn Tịnh Độ mà quý vị chẳng tin tưởng? Vì quý vị chẳng có trí huệ! Có trí huệ thì quý vị mới có thể tin tưởng, đó gọi là “*tín huệ rất khó*”. Hiện thời, đối với cửa ải thứ ba là cửa ải cuối cùng, quý vị cũng tin tưởng, chúng tỏ quý vị có trí huệ, mới có thể nghe pháp môn Tịnh Độ này. Đã nghe pháp môn Tịnh Độ này, quý vị phải tinh tấn cầu sanh Tây Phương. Nghe mà chẳng tinh tấn tu hành thì cũng như chẳng nghe!

“*Văn pháp năng bất vong, kiến kính đắc đại khánh, tắc ngã thiện thân hữu, thị cô đương phát ý*” (Nghe pháp mà có thể chẳng quên, đã gặp [pháp môn Tịnh Độ] bèn cung kính, đạt được niềm vui to lớn, thì người ấy là bạn thân tốt lành của ta. Vì thế, hãy nên phát tâm). “*Văn pháp năng bất vong*” (Nghe pháp mà có thể chẳng quên): Đức Phật lại chỉ dạy chúng ta, quý vị nghe pháp môn Tịnh Độ mà có thể chẳng quên mất, thường xuyên nghĩ nhớ trong tâm. “*Kiến kính đắc đại khánh*”: Nếu quý vị nghe pháp môn Tịnh Độ mà đầy lòng cung kính, nhất định

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

sẽ đạt được sự vui mừng to lớn. “*Tắc ngã thiện thân hữu*” (Là bạn thân tốt nhất của ta): Quý vị sẽ là thân hữu tốt lành nhất của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật đúng là đại từ đại bi! “*Thị cố đương phát ý*” (Do vậy, hãy nên phát tâm): Vậy thì quý vị chẳng muốn làm bằng hữu thân nhất, tốt lành nhất của Thích Ca Mâu Ni Phật ư? “*Thị cố*” (Do vậy), do lẽ này, quý vị hãy nên ngay lập tức phát tâm, “*đương phát ý*” là phát tâm, phải phát tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nhé!

“*Thiết mãn thế giới hỏa, tất quá yếu văn pháp, hội đương thành Phật đạo, quảng độ sanh tử lưu*” (Giả sử cả thế giới lửa ngập tràn, ắt phải vượt qua để nghe pháp, sẽ có thể thành tựu Phật đạo, rộng độ chúng sanh trong dòng sanh tử): Trong phần trên, câu “*thị cố đương phát ý*” (do vậy, hãy nên phát tâm) nhằm dạy chúng ta hãy nên phát đại nguyện. Bài kệ tụng cuối cùng này nhằm mong chúng ta hãy lập thế. “*Thiết mãn thế giới hỏa, tất quá yếu văn pháp*”, [nghĩa là] giả sử trọn khắp thế giới đều là lửa lớn, quý vị phải lướt qua trận lửa lớn ngập tràn thế giới ấy thì mới có thể đến Tây Phương Cực Lạc thế giới nghe pháp, ta quyết định phải vượt qua. “*Hội đương thành Phật đạo, quảng độ sanh tử lưu*”, [ý nói]: Như vậy thì quý vị mới có thể sanh về Tây Phương, mới có thể thành Phật đạo. Thành Phật đạo thì mới có thể rộng độ chúng sanh vượt thoát dòng sanh tử.

Đã giảng xong phần kệ tụng, nay tôi nói đến phần kinh văn Trường Hàng. Phần kinh văn Trường Hàng này nhằm quy nạp những điều đã nói trong phần trước: Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng, an lạc như thế nào, thành tựu công đức như thế nào? [Những điều ấy được] quy nạp lại, chia thành tám đoạn văn. Cả tám đoạn văn này đều là tổng kết, tán thán sự an lạc thù thắng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong phần trước đã nói rồi, nhắc lại lần nữa để làm gì? Đây chính là bi tâm khẩn thiết của Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, chỉ sợ chúng ta không tin, Ngài bèn nhắc lại, hy vọng tín tâm của chúng ta sẽ kiên cố. Do tín tâm kiên cố, sẽ có thể phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Điều này cần tới nguyện lực khẩn thiết. Đã có tín tâm, lại có nguyện lực, sẽ nhất tâm trì niệm thánh hiệu A Di Đà Phật. Đây gọi là “*tu hành*”.

Ba chữ Tín - Nguyện - Hạnh là ba tư lương để vãng sanh Tây Phương. “*Tư lương*” (資糧) là tử dụ, chúng ta ra khỏi cửa đi đường xa, nhất định phải giắt theo mấy đồng tiền, còn phải mang theo đồ ăn, đây là “*tư lương*”. Sanh về Tây Phương thì sao? Cũng cần phải có tư

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

lượng. Ba pháp Tín - Nguyện - Hạnh là tư lương để sanh về Tây Phương. Tín - Nguyện - Hạnh là ba tư lương của Tịnh Độ, giống như cái đỉnh có đủ ba chân, thiếu một chân sẽ không được. Đỉnh (鼎) là cái lò để đốt hương, phía dưới có ba cái chân, thiếu một chân sẽ không được. Nhưng điều quan trọng nhất là tín tâm và nguyện lực; có thể sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới hay không, hoàn toàn cậy vào tín tâm và nguyện lực. Đã có tín tâm, lại có nguyện lực, quý vị tu hành, tu hành là trì niệm thánh hiệu A Di Đà Phật, quý vị niệm nhiều hay ít, chẳng có ai không sanh về Tây Phương. Vì quý vị đã có tín tâm, lại có nguyện lực, niệm nhiều hay ít đều có thể sanh Tây Phương. Bởi lẽ, trong phần trước đã nói, “mười niệm có thể vãng sanh”, “một niệm cũng có thể vãng sanh”. “Niệm” ở đây là tu hành. Điều quan trọng nhất là tín tâm phải kiên cố, nguyện lực phải khẩn thiết.

Đây là nói đến tín tâm và nguyện lực trước hết, [vì chúng] khá trọng yếu; trên thực tế, đối với ba pháp, chẳng thể coi trọng hay coi nhẹ [pháp nào] được, như ba chân của cái đỉnh, khuyết một chân ở phía nào thì sao? Nó sẽ lệch về phía đó. Quý vị chớ nên nghe kẻ nào nói tu hành niệm danh hiệu A Di Đà Phật thì nhất định là phải [niệm] bao nhiêu đó! Mười niệm có thể vãng sanh, một niệm cũng có thể vãng sanh, vậy thì [nghe nói như vậy, bèn tưởng] cứ niệm hời hợt, qua loa là được rồi. Nếu quý vị nghĩ như vậy, vẫn chẳng thể sanh về Tây Phương! Vì sao? Điều này chứng tỏ tín tâm của quý vị chẳng đủ kiên cố, nguyện lực chẳng đủ khẩn thiết. Tín tâm kiên cố, nguyện lực khẩn thiết, chắc chắn là sẽ chẳng niệm Phật qua quít, hời hợt. Kinh nói “mười niệm có thể vãng sanh, một niệm cũng có thể vãng sanh”, đây là cương điều tán thán đại nguyện lực của A Di Đà Phật. Trên thực tế, chúng ta có thể niệm bao nhiêu bèn tận hết sức niệm bấy nhiêu! Mỗi người một ngày niệm mấy ngàn tiếng, đây là chuyện bình thường. Niệm một vạn câu, hay ba vạn câu, cũng là chuyện bình thường. Cổ đức có những vị mỗi ngày niệm mười vạn câu A Di Đà Phật.

Có một vị cư sĩ hỏi tôi, [ông ta] nghe tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ, muốn niệm Vô Lượng Thọ Phật, nhưng do bình thường niệm A Di Đà Phật, bèn hỏi tôi có phải thay đổi hay không? Tôi nói không cần thay đổi! Tịnh Độ Tông có ba bộ kinh, niệm danh hiệu A Di Đà Phật là dựa theo kinh A Di Đà để niệm. So sánh thì niệm A Di Đà Phật là niệm danh hiệu bằng tiếng Phạn, tốt hơn niệm danh hiệu phiên dịch là Vô Lượng Thọ. Tốt như thế nào? A Di Đà Phật dịch nghĩa thành Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang. Kinh Vô Lượng Thọ dịch [danh hiệu

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Phật] thành Vô Lượng Thọ Phật, đã lược mất ý nghĩa Vô Lượng Quang. Trong thực tế, phần kinh văn đã được giảng trong những phần trước có ý nghĩa Vô Lượng Quang, chẳng phải là [đức Phật] đã nói [về Vô Lượng Quang] rất nhiều đây ư? Nhưng khi quý vị niệm Vô Lượng Thọ Phật thì đã lược bớt Vô Lượng Quang, cho nên chẳng bằng niệm A Di Đà theo âm tiếng Phạn.

A Di Đà Phật trọn đủ ý nghĩa vô lượng thọ và vô lượng quang. Vô Lượng Thọ là nói đến niên đại theo chiều dọc, mang ý nghĩa “*theo chiều dọc, trọn khắp ba đời*”. Vô Lượng Quang là “*theo chiều ngang, trọn khắp mười phương*”. Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Quang gộp lại là bản thể của pháp giới, bao gồm hết thấy vô lượng pháp, hết thấy vô lượng công đức đều được gộp trong bản thể của pháp giới ấy. Vì thế, quý vị niệm một câu A Di Đà Phật, sẽ có thể vượt thoát trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử, sức công đức to ngàn ấy. Trong Thập Lục Quán Kinh, phần nói về Hạ Phẩm Trung Sanh đã nói rõ ràng: Niệm một câu A Di Đà Phật sẽ giống như là bản thể của pháp giới, hết thấy vô lượng công đức đều trọn đủ trong một câu danh hiệu ấy.

2.2.3.3. Nói về chuyện nhiếp độ người căn cơ bậc hạ đều cùng vãng sanh

2.2.3.3.1. Rộng nêu những chuyện thù thắng nhiệm màu trong cõi Vô Lượng Thọ Phật khiến cho mọi người nguyện cầu

2.2.3.3.1.1. Rộng nêu những sự vui thù thắng trong cõi Vô Lượng Thọ

2.2.3.3.1.1.1. Nêu rõ thọ mạng dài lâu trong cõi ấy

(Kinh) Phật cáo A Nan: - Bỉ quốc Bồ Tát, giai đương cứu cánh Nhất Sanh Bồ Xứ, trừ kỳ bốn nguyện vị chúng sanh cố, dĩ hồng thệ công đức nhi tự trang nghiêm, phổ dục độ thoát nhất thiết chúng sanh.

(經)佛告阿難：彼國菩薩，皆當究竟一生補處，除其本願為眾生故，以弘誓功德，而自莊嚴，普欲度脫一切眾生。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài A Nan: - Bồ Tát trong cõi ấy sẽ đều là rốt ráo Nhất Sanh Bồ Xứ, trừ khi do bốn nguyện vị chúng sanh của chính mình mà dùng công đức của thệ nguyện rộng lớn để tự trang nghiêm, muốn độ thoát trọn khắp hết thấy chúng sanh).

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Đoạn văn trên đây trong phần trước cũng đã từng nói rồi, nay lại khuyến thỉnh chư vị tín tâm phải kiên cố, nguyện lực phải khẩn thiết rồi mới phát tâm niệm danh hiệu của Phật. Nay tôi sẽ giảng kinh văn, trước hết là nói về đoạn thứ nhất: “*Phật cáo A Nan*” (Đức Phật bảo ngài A Nan), bảo ngài A Nan thì cũng là như bảo mọi người chúng ta. “*Bỉ quốc Bồ Tát giai đương cứu cánh Nhất Sanh Bồ Xứ*” (Hàng Bồ Tát trong nước ấy sẽ đều rốt ráo Nhất Sanh Bồ Xứ): Trong phần trước đã từng nói [chuyện này], ở đây nhắc lại, tức là câu này hết sức khẩn yếu đối với người sanh về Tây Phương. “*Trừ kỳ bốn nguyện*” [nghĩa là] trừ phi vị Bồ Tát sanh về Tây Phương có bốn nguyện riêng. Ví như Đạo Nguyên tôi phát nguyện sanh về Tây Phương, đó là bốn nguyện của tôi. Bốn nguyện là gì? Chính là sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy A Di Đà Phật, nghe A Di Đà Phật thuyết pháp, cũng chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Sau khi đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, tôi sẽ trở lại thế giới Sa Bà để độ chúng sanh. Đây là bốn nguyện của tôi. Mỗi vị Bồ Tát đều có bốn nguyện.

Trừ phi do bốn nguyện của vị ấy, “*vị chúng sanh cố, dĩ hoàng thế công đức, nhi tự trang nghiêm, phổ dục độ thoát nhất thiết chúng sanh*” (do vì chúng sanh mà dùng công đức của thế nguyện rộng lớn để tự trang nghiêm, muốn độ thoát trọn khắp hết thấy chúng sanh), vị ấy chẳng muốn ở Tây Phương Cực Lạc thế giới chờ đợi làm một vị Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát. Vị ấy đã chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn thì cũng có thể trở về nước mình để độ chúng sanh. Trừ những vị Bồ Tát có bốn nguyện riêng; nếu sống lâu ngày trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, những vị Bồ Tát ấy đều có thể đạt đến địa vị Bồ Xứ ngay trong một đời. Nhất Sanh Bồ Xứ thì trong phần trên đã có nói rồi, chính là ngay trong một đời sẽ được bổ xứ vào địa vị Phật, giống như địa vị của Di Lạc Bồ Tát trong thế giới Sa Bà vậy, trong tương lai, vị sẽ thành Phật là Di Lạc Bồ Tát. Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc chẳng thể dùng toán số mà hồng biết được, có thể nói là nhiều vô lượng vô biên, tức là đầy ấp trong thế giới ấy toàn là bậc Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát.

Các Ngài tu như thế nào cũng đều có thể đạt đến Nhất Sanh Bồ Xứ, vì thọ mạng vô lượng. Thọ mạng của A Di Đà Phật là vô lượng, nhân dân của Ngài cũng có thọ mạng vô lượng. Do thọ mạng dài lâu, nhất định sẽ có thể tu đạt đến Nhất Sanh Bồ Xứ. Thọ mạng dài lâu, lại có thể dụng công tinh tấn, cho nên chỉ có tiến bộ, chẳng bị thoái chuyển. Đây còn là một đại nhân duyên. Sanh về Tây Phương đều là

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Bất Thoái Chuyển, đây khắp thế giới đều là bậc Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát, tức là như kinh A Di Đà đã nói, chư thượng thiện nhân tụ hội một chỗ. Chúng ta mới sanh về Tây Phương, chẳng phải là Nhất Sanh Bồ Xứ, vì chúng ta là phàm phu đời nghiệp vãng sanh. Đời nghiệp vãng sanh, sanh về Tây Phương, làm đạo hữu của bậc Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát, đây là một đại nhân duyên vô thượng để tu hành. Quý vị muốn lui sụt, cũng chẳng thể lui sụt. Quý vị muốn chẳng tiến bộ cũng vẫn tiến bộ vì hàng Nhất Sanh Bồ Xứ làm đạo hữu của quý vị.

2.2.3.3.1.1.2. *Nêu rõ quang minh thù thắng, nhiệm màu của đại chúng bên đó*

(Kinh) A Nan! Bĩ Phật quốc trung chư Thanh Văn chúng, thân quang nhất tâm, Bồ Tát quang minh chiếu bách do-tuần. Hữu nhị Bồ Tát, tối tôn đệ nhất, oai thần quang minh, phổ chiếu tam thiên đại thiên thế giới.

A Nan bạch Phật: - Bĩ nhị Bồ Tát, kỳ hiệu vân hà?

Phật ngôn: - Nhất danh Quán Thế Âm, nhị danh Đại Thế Chí. Thử nhị Bồ Tát w thử quốc độ, tu Bồ Tát hạnh, mạng chung chuyển hóa, sanh bĩ Phật quốc.

(經)阿難！彼佛國中諸聲聞眾，身光一尋。菩薩光明照百由旬。有二菩薩，最尊第一，威神光明，普照三千大千世界。阿難白佛：彼二菩薩，其號云何？佛言：一名觀世音，二名大勢至。此二菩薩，於此國土，修菩薩行，命終轉化，生彼佛國。

(Kinh: Này A Nan! Các vị Thanh Văn trong cõi Phật ấy quang minh nơi thân chiếu xa một tâm, quang minh của Bồ Tát chiếu một trăm do-tuần. Có hai vị Bồ Tát, tôn quý bậc nhất, oai thần, quang minh chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới.

Ngài A Nan bạch Phật: - Hai vị Bồ Tát ấy danh hiệu như thế nào?

Đức Phật nói: - Vị thứ nhất tên là Quán Thế Âm, vị thứ hai tên là Đại Thế Chí. Hai vị Bồ Tát ấy ở trong quốc độ này tu Bồ Tát hạnh, mạng chung chuyển hóa, sanh sang nước Phật ấy).

Đức Phật gọi bậc đương cơ một tiếng: “A Nan! Bĩ Phật quốc

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

trung chư Thanh Văn chúng, thân quang nhất tâm” (Này A Nan! Các vị Thanh Văn trong cõi Phật ấy, quang minh nơi thân chiếu xa một tâm). Đoạn thứ hai nói đến chúng sanh trong cõi ấy, tức là chúng Thanh Văn, trên thân đều có quang minh. Quang minh nơi thân của chúng Thanh Văn chiếu xa một tâm. Một Tâm (尋) là tám thước, chỉ chiếu xa tám thước như vậy. Quang minh của Bồ Tát lớn hơn, quang minh của Bồ Tát chiếu xa một trăm do-tuần. “*Do-tuần*” (Yojana)³⁶: Tiểu do-tuần là bốn mươi dặm, “*bách do-tuần*” là [tối thiểu] chiếu xa bốn ngàn dặm. Ở đây, lại giới thiệu hai vị đại Bồ Tát. “*Hữu nhị Bồ Tát, tối tôn đệ nhất*” (Có hai vị Bồ Tát tôn quý bậc nhất): Tây Phương Cực Lạc thế giới có rất nhiều Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát, nhưng trong đó, có hai vị thượng tọa thủ lãnh, tôn quý bậc nhất. “*Oai thần quang minh, phổ chiếu tam thiên đại thiên thế giới*” (Oai thần, quang minh chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới): Quang minh của những vị Bồ Tát khác chỉ chiếu xa một trăm do-tuần, hai vị Bồ Tát này oai đức thần thông và quang minh có thể chiếu thấu trọn khắp tam thiên đại thiên thế giới.

“*A Nan bạch Phật ngôn: - Bỉ nhị Bồ Tát, kỳ hiệu vân hà?*” (Ngài A Nan bạch đức Phật rằng: - Hai vị Bồ Tát ấy danh hiệu như thế nào?) Ngài A Nan hỏi, tức là tôn giả A Nan và đức Phật biểu diễn ở nơi đó, hoằng dương pháp hóa, một xướng, một họa! Ngài A Nan hỏi đức Phật giống như hỏi thay cho chúng ta, muốn chúng ta đặc biệt chú ý đức hiệu của hai vị Bồ Tát ấy. Thật ra, ngài A Nan không hỏi đức Phật, đức Phật vẫn sẽ bảo cho Ngài biết, vậy thì vì sao Ngài còn phải hỏi? Vì ngài A Nan hỏi để chúng ta đặc biệt chú ý tới đức hiệu của hai vị Bồ Tát ấy. “*Phật ngôn: - Nhất danh Quán Thế Âm, nhị danh Đại Thế Chí*” (Đức Phật nói: - Vị thứ nhất tên là Quán Thế Âm, vị thứ hai là Đại Thế Chí), nói đến Tây Phương Tam Thánh, phía sau giảng đường thờ ba vị này. Chính giữa là A Di Đà Phật, vị bên trái đức Phật là Quán Thế Âm Bồ Tát, vị bên kia là Đại Thế Chí Bồ Tát. Lại xem hai câu kế tiếp càng quan trọng hơn nữa: “*Thử nhị Bồ Tát, u thử quốc độ, tu Bồ Tát hạnh, mạng chung chuyển hóa, sanh bỉ Phật quốc*” (Hai vị Bồ Tát ấy tu Bồ Tát hạnh trong quốc độ này, mạng chung chuyển hóa, sanh sang cõi kia). [Nói] “*thử quốc*” và “*bỉ quốc*” nhằm đối chiếu. “*Bỉ quốc*” (Cõi

³⁶ Do-tuần còn được phiên âm là Du Xà Na, Du Thiện Na, Du Tuần, hoặc Do Diên. Nghĩa gốc của chữ này là “quãng đường mà một con trâu đeo ách có thể đi được trong một ngày”. Dặm ở đây là nói theo dặm Tàu. Một do-tuần tính ra là từ 12 cho đến 15 km.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

kia) là Tây Phương Cực Lạc thế giới; “*thử quốc*” (cõi này) là thế giới Sa Bà của chúng ta. Hai vị đại Bồ Tát này là Bồ Tát trong thế giới Sa Bà, tu Bồ Tát hạnh là tu trong thế giới Sa Bà. Các Ngài phát nguyện sanh về Tây Phương, sau khi mạng chung bèn chuyển hóa sanh sang nước Phật ấy.

Từ hai câu kinh văn này, chúng ta biết: Vì sao Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát đặc biệt có duyên với chúng ta? Vì các Ngài vốn là Bồ Tát trong thế giới Sa Bà, sanh sang Tây Phương, đã đắc đạo, vẫn phải trở về thế giới Sa Bà để độ chúng sanh. Do vậy, chúng ta đặc biệt có duyên với các Ngài. A Di Đà Phật có duyên với chúng ta. Ngoài ra, so sánh giữa hai vị Bồ Tát này, Quán Thế Âm Bồ Tát lại càng hữu duyên với chúng ta. Xét theo những điều được nói trong kinh này, hãy còn có danh hiệu của những vị Bồ Tát khác, nhưng có thể là quý vị đọc xong, chẳng thể nhớ được, càng có thể là nay vừa đọc, đã ngay lập tức chẳng nhớ nữa. Nhưng người niệm kinh nhớ danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát thì chẳng kể, chứ người chẳng niệm kinh cũng nhớ. Vì sao vậy? Là vì ở Trung Hoa có hai câu: “*Nhân nhân A Di Đà, gia gia Quán Thế Âm*” (Người người A Di Đà, nhà nhà Quán Thế Âm). Hai câu ấy có nghĩa là ai nấy đều biết niệm A Di Đà Phật, mọi nhà đều thờ tượng Quán Thế Âm Bồ Tát. Vì sao chẳng thờ tượng Phật và Bồ Tát khác? Là vì A Di Đà Phật và Quán Thế Âm Bồ Tát đặc biệt có duyên với chúng sanh trong cõi này, do kết duyên đặc biệt nhiều!

2.2.3.3.1.1.3. Nêu rõ thân tướng trọn đủ của chúng sanh nơi ấy

(Kinh) A Nan! Kỳ hữu chúng sanh, sanh bỉ quốc giả, giai tất cụ túc tam thập nhị tướng.

(經)阿難！其有眾生，生彼國者，皆悉具足三十二相

。

(Kinh: Nay A Nan! Nếu có chúng sanh sanh vào cõi ấy, thấy đều trọn đủ ba mươi hai tướng).

Đoạn thứ ba lại tán thán: “*A Nan! Kỳ hữu chúng sanh, sanh bỉ quốc giả, giai tất cụ túc tam thập nhị tướng*” (Này A Nan! Nếu có chúng sanh sanh vào cõi ấy, thấy đều trọn đủ ba mươi hai tướng). Một kẻ phàm phu lè tè sát đất sanh về Tây Phương, ngay lập tức liên hoa hóa sanh. Ngoài liên hoa hóa sanh ra, còn là ba mươi hai thứ tướng đại

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nhân. Ba mươi hai tướng là tướng hảo giống hệt như Thích Ca Mâu Ni Phật.

Trong những phần trước, [kinh văn] đã đôi ba lượt nhắc đi nhắc lại, nhất là đối với những vị đã quen nghe kinh, quý vị có thể cảm thấy ba mươi hai tướng ấy chẳng có gì là hiếm hoi, lạ lùng! Hoặc có thể là quý vị cảm thấy kinh nói đến tướng của Phật, Bồ Tát chẳng có gì hiếm hoi, lạ lùng. Quý vị chẳng biết: Muốn sanh ra mà có được ba mươi hai tướng ấy, đúng là chẳng dễ dàng! Thích Ca Mâu Ni Phật tu hành trong thế giới Sa Bà, phải tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới có thể tu thành Phật, nhưng muốn độ chúng sanh mà chẳng có tướng hảo trang nghiêm thì sẽ không được. Ngài lại tu tướng hảo thêm một trăm [đại] kiếp nữa. Một trăm đại kiếp, thời gian dài lắm đấy! Tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp viên mãn, đã thành Phật, lại còn phải tu hành thêm một trăm đại kiếp nữa nhằm chuyên cầu ba mươi hai tướng, khó khăn như thế đó! Quý vị bèn hiểu: Muốn đạt được ba mươi hai tướng, chẳng dễ dàng đâu nhé! Sanh về Tây Phương, là một kẻ phàm phu lè tè sát đất, hoa sen vừa nở bèn có ba mươi hai tướng thì chỉ trong Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có sự diệu lạc thù thắng như thế đó!

2.2.3.3.1.1.4. Nêu rõ trí đức thù thắng của đại chúng trong cõi ấy

(Kinh) Trí huệ thành mãn, thâm nhập chư pháp, cứu sống yếu diệu, thần thông vô ngại, chư căn minh lợi. Kỳ độn căn giả, thành tựu nhị Nhãn. Kỳ lợi căn giả, đắc bất khả kể Vô Sanh Pháp Nhãn.

(經)智慧成滿，深入諸法，究暢要妙，神通無礙，諸根明利。其鈍根者，成就二忍。其利根者，得不可計無生法忍。

(Kinh: Trí huệ thành tựu viên mãn, thâm nhập các pháp, thông đạt thấu suốt các pháp trọng yếu, nhiệm mầu, thần thông vô ngại, các căn sáng suốt, nhạy bén. Kẻ độn căn thành tựu hai món Nhãn, bậc lợi căn đắc chẳng thể tính Vô Sanh Pháp Nhãn).

Nói đến đoạn thứ tư, “trí huệ thành mãn” (trí huệ thành tựu viên mãn): Chúng sanh sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, cầu trí huệ, đều có thể thành tựu trí huệ viên mãn. “Thâm nhập chư pháp” (Thâm nhập các pháp): Vì có trí huệ rất sâu, họ mới có thể thâm nhập các

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

pháp. “*Cứu sống yếu diệu*” (Thông đạt rất ráo pháp trọng yếu, mâu nhiệm): Đòi với chỗ rất sâu, chỗ ảo diệu nhất của các pháp, đều thể thông suốt, liễu đạt rất ráo. “*Thần thông vô ngại*”: Đã có trí huệ thì sẽ có thần thông, do thần thông bèn có thể chẳng bị chướng ngại. Trong phần trước tôi đã nói, học Phật pháp đừng nên cầu thần thông, hãy cầu trí huệ trước đã! Phối hợp hai pháp trí huệ và thần thông để nói thì: “*Trí huệ là căn bản của thần thông, thần thông là diệu dụng của trí huệ*”. Quý vị chúng đắc trí huệ, sẽ tùy ý tự nhiên dấy lên thần thông. Hãy ghi nhớ hai câu giải thích này. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trí huệ thành tựu. Hễ có trí huệ, thần thông sẽ tự nhiên vô chướng, vô ngại, thần thông dấy khởi diệu dụng mà!

Nhưng chúng sanh sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, căn cơ khác nhau. Trước khi thành tựu trí huệ và có thần thông, căn cơ vẫn có sai biệt. “*Chư căn minh lợi*” (Các căn sáng suốt, nhạy bén): Đã đạt đến trí huệ thành tựu, thần thông vô ngại, chúng sanh nào cũng đều là “*chư căn minh lợi*”, tức là sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý đều sáng suốt, nhạy bén. Điều căn bản là trí huệ và thần thông có gì khác biệt với khi chưa thành tựu? Kẻ độn căn chỉ có thể thành tựu hai thứ Nhẫn. Trong phần trước, [kinh văn] đã nói ba thứ Nhẫn, thứ nhất là Âm Hưởng Nhẫn, thứ hai là Nhu Thuận Nhẫn; [kẻ độn căn có thể] thành tựu [hai món Nhẫn ấy]. Bậc lợi căn có thể thành tựu ba loại Nhẫn, có thể đạt được chẳng thể tính kể Vô Sanh Pháp Nhẫn.

2.2.3.3.1.1.5. Nêu rõ người sanh về cõi ấy vĩnh viễn lìa khỏi đường ác

(Kinh) Hựu bỉ Bồ Tát, nãi chí thành Phật, bất thọ ác thú. Thần thông tự tại, thường thức túc mạng. Trừ sanh tha phương ngũ trược ác thế, thị hiện đồng bỉ, như ngã quốc dã.

(經)又彼菩薩，乃至成佛，不受惡趣。神通自在，常識宿命。除生他方五濁惡世，示現同彼，如我國也。

(Kinh: Lại nữa, các vị Bồ Tát ấy cho đến khi thành Phật, chẳng sanh trong đường ác. Thần thông tự tại, thường biết túc mạng. Trừ khi sanh trong đời ác ngũ trược ở phương khác, thị hiện giống như họ, giống như [sanh vào] nước ta vậy).

Đoạn thứ năm, “*hựu bỉ Bồ Tát, nãi chí thành Phật, bất thọ ác thú*” (lại nữa, các vị Bồ Tát ấy cho đến khi thành Phật, chẳng sanh

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

trong đường ác): Tây Phương Cực Lạc thế giới có một thứ công đức thành tựu là “chẳng có ba ác đạo”. Chỉ cần quý vị sanh về Tây Phương, sẽ vĩnh viễn chẳng thọ quả báo trong đường ác. “*Thần thông tự tại, thường thức túc mạng*” (Thần thông tự tại, thường biết túc mạng): Sáu loại thần thông đều được tự tại, trong đó có một loại là Túc Mạng Thông, tức là chuyện trong đời trước, kiếp trước, hoặc nhiều đời, nhiều kiếp trước, người ấy đều biết. Vì thế, người ấy sẽ chẳng dấy lên ác niệm, chẳng tạo ác nghiệp nữa. Vì khởi ác niệm, tạo ác nghiệp, cho nên mới có thể gặp quả báo trong ba ác đạo. Sanh về Tây Phương, người ấy đắc Túc Mạng Thông, tự quan sát chính mình đời trước, kiếp trước đã từng đọa trong ba ác đạo, tự mình hổ thẹn chẳng kịp, lẽ nào lại còn sanh ác niệm, lại còn tạo ác nghiệp nữa ư? Do vậy, người ấy vĩnh viễn lìa khỏi ác đạo. Trừ khi người ấy là bậc Bồ Tát có bốn nguyện chẳng ở trong Cực Lạc, muốn thị hiện sanh trong đời ác ngũ trược ở phương khác để cứu độ chúng sanh.

“*Trừ sanh tha phương ngũ trược ác thế, thị hiện đồng bỉ, như ngã quốc dã*” (Trừ khi sanh trong đời ác ngũ trược nơi phương khác, thị hiện giống như họ, như sanh trong nước ta vậy): Đời ác ngũ trược ở những thế giới phương khác rất nhiều, thế giới Sa Bà chỉ là một cõi [trong số đó]. Ở đây, Phật Thích Ca lấy thế giới Sa Bà làm thí dụ. Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đã chứng Vô Sanh Pháp Nhãn, chẳng phải là muốn trở lại độ chúng sanh ư? Nhưng vì sao chúng ta đều chẳng trông thấy? Có ai thấy chư Phật, Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có hình dạng như thế nào hay chẳng? Chẳng có ai thấy cả! Vì các Ngài thị hiện giống như chúng sanh trong đời ác ngũ trược. Thế nhưng, do các Ngài là thị hiện, cho nên chẳng thọ quả báo trong đường ác.

Từ thời Dân Quốc đến nay, có một vị pháp sư đề xướng Tịnh Độ Tông là Ấn Quang đại sư, mọi người đều cùng suy tôn Ngài là tổ sư đời thứ mười ba của Tịnh Độ Tông. Lúc Ngài tại thế, có người nói Ngài là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Vì khi Ngài đả Phật Thất tại Thượng Hải, có kẻ nằm mộng, mơ thấy có người bảo kẻ đó: “*Đại Thế Chí Bồ Tát đang chuyển pháp luân tại Thượng Hải, sao ngươi không ngay lập tức sang Thượng Hải thân cận Đại Thế Chí Bồ Tát?*” Giác mộng ấy không đơn giản! Bình thường người ấy cũng chưa hề nằm mộng như vậy, mà cũng chẳng hề niệm Đại Thế Chí Bồ Tát, vì sao lại nằm mộng như vậy? Do đó, chẳng thể nào không vội vã sang Thượng Hải tìm Đại Thế Chí Bồ Tát. Đã tới Thượng Hải, [tin tức] rúng động toàn thể Thượng Hải là Ấn

Quang đại sư từ Tô Châu lên Thượng Hải, đả Phật Thất, giảng khai thị, người ấy bèn chắc chắn pháp sư Ấn Quang là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, nhưng Ngài thị hiện giống như chúng ta, vẫn là một vị hòa thượng bình phàm!

2.2.3.3.1.1.6. Nêu rõ người sanh về cõi ấy có thể hưng khởi sự cúng dường

(Kinh) Phật ngữ A Nan: - Bỉ quốc Bồ Tát, thừa Phật oai thần, nhất thực chi khoảnh, vãng nghệ thập phương vô lượng thế giới, cung kính cúng dường chư Phật Thế Tôn, tùy tâm sở niệm, hoa hương, kỹ nhạc, y cái, tràng phan, vô số vô lượng cúng dường chi cụ, tự nhiên hóa sanh, ứng niệm tức chi. Trân diệu thù đặc, phi thể sở hữu, triếp dĩ phụng tán chư Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn chi chúng. Tại hư không trung, hóa thành hoa cái, quang sắc dục thược, hương khí phổ huân. Kỳ hoa châu viên tứ bách lý giả. Như thị chuyển bội, nãi phú tam thiên đại thiên thế giới, tùy kỳ tiền hậu, dĩ thứ hóa một. Kỳ chư Bồ Tát, thiên nhiên hân duyệt. Ư hư không trung, cộng tấu thiên nhạc, dĩ vi diệu âm, ca tán Phật đức, thỉnh thọ kinh pháp, hoan hỷ vô lượng. Cúng dường Phật dĩ, vị thực chi tiền, hốt nhiên khinh cử, hoàn kỳ bốn quốc.

(經)佛語阿難：彼國菩薩，承佛威神，一食之頃，往詣十方無量世界，恭敬供養諸佛世尊。隨心所念，華香、伎樂、衣蓋、幢幡，無數無量供養之具，自然化生，應念即至。珍妙殊特，非世所有。輒以奉散諸佛，及諸菩薩聲聞之眾。在虛空中化成華蓋，光色昱爍，香氣普熏。其華周圓四百里者，如是轉倍，乃覆三千大千世界，隨其前後，以次化沒。其諸菩薩，僉然欣悅。於虛空中，共奏天樂，以微妙音，歌歎佛德，聽受經法，歡喜無量。供養佛已，未食之前，忽然輕舉，還其本國。

(Kinh: Đức Phật bảo A Nan: - Bồ Tát trong cõi ấy nương theo oai thần của Phật, trong khoảng bữa ăn, qua đến mười phương vô lượng thế giới, cung kính cúng dường chư Phật Thế Tôn. Tùy theo tâm niệm, hoa, hương, kỹ nhạc, y, lọng, tràng phan, vô số, vô lượng vật cúng dường tự nhiên hóa sanh, vừa nghĩ liền có. Trân quý, đẹp đẽ, đặc

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

biệt thù thắng, trong cõi đời chẳng hề có. Họ liền dùng [những thứ ấy] để dâng rải lên chư Phật và các vị Bồ Tát, Thanh Văn. Ở trong hư không, [những vật phẩm cúng dường ấy] hóa thành lọng hoa, quang minh và màu sắc rạng ngời, mùi thơm xông khắp. Hoa ấy tròn trặn bốn trăm dặm. Như thế lân lượt tăng dần, cho đến che phủ khắp tam thiên đại thiên thế giới, tùy theo thứ tự trước sau mà biến mất. Các vị Bồ Tát hòa hợp, vui sướng, ở trong hư không, cùng tấu nhạc trời, dùng âm thanh vi diệu ca ngợi, tán thán Phật đức, nghe nhận kinh pháp, hoan hỷ vô lượng. Cúng dường Phật xong, trước khi chưa ăn, bỗng nhẹ nhàng cất mình lên, trở về nước mình).

Đoạn thứ sáu, “*Phật ngữ A Nan: - Bỉ quốc Bồ Tát, thừa Phật oai thân*” (Đức Phật bảo ngài A Nan: - Bồ Tát trong nước ấy nương theo oai thần của đức Phật): Bồ Tát sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, vị ấy do nương vào oai đức và thần thông của A Di Đà Phật gia bị, thần thông của Ngài lại chẳng thể nghĩ bàn. “*Nhất thực chi khoảnh*” là thời gian ăn một bữa cơm. “*Vãng nghệ thập phương vô lượng thế giới, cung kính cúng dường chư Phật Thế Tôn*” (Qua đến mười phương vô lượng thế giới, cung kính cúng dường chư Phật Thế Tôn). Người muốn thành Phật cần phải phước huệ song tu. Trong phần trên, tôi đã nói rồi, vừa tu phước, vừa tu huệ. Hễ tu lệch lạc, sẽ nảy sanh khuyết điểm; quý vị phải tu phước lẫn tu huệ. Muốn cầu phước thì phải tu ở nơi đâu? Chính là cúng dường Tam Bảo. Quý vị cúng dường một vị Phật, sẽ được phước báo của một vị Phật. Nếu quý vị cúng dường vô lượng Phật, chẳng phải là sẽ có vô lượng phước báo ư? Cúng dường Phật nhiều ngàn ấy, lại có được vật phẩm cúng dường nhiều ngàn ấy. Do có vật phẩm cúng dường nhiều ngàn ấy, cũng đạt được phước báo nhiều ngàn ấy. Quý vị chẳng có phước báo nhiều ngàn ấy, muốn lo liệu vật phẩm cúng dường nhiều ngàn ấy, quý vị cũng lo không nổi. Do đó, hàng Bồ Tát sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới muốn vun bồi phước báo sẽ rất dễ dàng.

Vì A Di Đà Phật gia bị quý vị, Ngài gia bị khiến cho quý vị thần thông chẳng thể nghĩ bàn: Trong thời gian một bữa ăn, có thể cúng dường mười phương vô lượng chư Phật. Cúng dường mười phương vô lượng chư Phật phải cần đến vật phẩm cúng dường. “*Tùy tâm sở niệm*” [nghĩa là] chỉ cần tâm quý vị vừa động niệm, vật phẩm cúng dường liền xuất hiện. “*Hoa, hương, kỹ nhạc*”, hoa cúng dường, hương cúng dường, âm nhạc cúng dường. “*Y cái, tràng phan*” (Y phục, lọng, tràng phan): Cúng dường y phục. “*Cái*” (蓋) là lọng báu, tràng phan để cúng

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

dường. “*Vô số vô lượng cúng dường chi cụ*” (Vô số, vô lượng vật cúng dường): Những vật phẩm cúng dường khác, quý vị chỉ cần tùy tâm động niệm, sẽ rất dễ dàng đạt được. “*Tự nhiên hóa sanh, ứng niệm tức chi*” (Tự nhiên hóa sanh, vừa nghĩ đã xuất hiện): Trong phần trước đã từng nói, Bát Địa Bồ Tát rất dễ dàng lấy những vật dụng từ hư không. Trong phần trước có đề cập, trong tay quý vị muốn gì, sẽ có thể biến hóa được thứ ấy. Vừa nghĩ, [thứ ấy] bèn hóa hiện ra, vừa nghĩ bèn có. “*Trân diệu thù đặc*” [nghĩa là] những vật phẩm cúng dường ấy đều là vật phẩm cúng dường đặc biệt thù thắng trân quý nhất, đẹp đẽ nhất. “*Phi thế sở hữu*” (Chẳng phải là thứ mà trong cõi đời có được): Chẳng phải là người trong nhân gian mà hồng có được!

“*Triếp dĩ phụng tán chư Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn chi chúng*” (Liên lấy [những vật cúng dường ấy] dâng rải lên chư Phật, Bồ Tát và đại chúng Thanh Văn): Cúng Phật và Tăng, đến mỗi thế giới cúng dường Phật, Bồ Tát và chúng Thanh Văn trong thế giới ấy. Do cúng dường Phật, Bồ Tát và chúng Thanh Văn trong vô lượng thế giới, vậy thì quý vị chẳng đạt được vô lượng phước báo ư? Những vị Bồ Tát ấy đến cúng dường, không phải chỉ là một hai vị, mà là rất nhiều vị Bồ Tát đến cúng dường nhiều ngàn ấy, những thứ đem đến cúng dường lại nhiều như thế, cầm lấy những vật cúng dường ấy để cúng đến nơi đâu? “*Tại hư không trung hóa thành hoa cái*” (Ở trong hư không, hóa thành lọng hoa), cúng trong hư không. Ở trong hư không, hóa thành một cái lọng hoa. Bất luận vật phẩm cúng dường nào, ở trong hư không đều kết thành một cái lọng hoa. Không chỉ là hoa cúng dường, hương cúng dường, y cúng dường, thầy đều biến hóa thành một cái lọng hoa. “*Quang sắc dục thước*” [nghĩa là] quang minh và màu sắc đều rất đẹp mắt. “*Dục thước*” (昱爍) là quang minh to lớn, màu sắc rất rực rỡ, chói lòa. Lại còn “*hương khí phổ huân*” (mùi thơm xông khắp). Lọng hoa ấy to cỡ nào? “*Kỳ hoa châu viên tứ bách lý giả*” (Hoa ấy tròn trặn bốn trăm dặm), to chừng mười do-tuần³⁷. “*Như thị chuyển bội*” (Lần lượt tăng dần lên như thế), chẳng phải chỉ là bốn trăm dặm. “*Chuyển bội*” (Tăng dần lên) là còn có [những lọng hoa] to tám trăm dặm, một ngàn sáu trăm dặm, “*nãi phú tam thiên đại thiên thế giới*” (cho đến che phủ một tam thiên đại thiên thế giới), tức là lọng hoa do những vật phẩm

³⁷ Nói là “mười do-tuần” vì tính theo tiêu do-tuần thì mỗi do-tuần là bốn mươi dặm. Do vậy, bốn trăm dặm là mười do-tuần.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

cúng dường kết thành, che rợp cả một tam thiên đại thiên thế giới, tức một cõi Phật.

“*Tùy kỳ tiền hậu, dĩ thứ hóa một*” (Theo thứ tự trước sau mà biến mất). Vật phẩm cúng dường của một vị Bồ Tát này che rợp một tam thiên đại thiên thế giới, tức một cõi Phật, vậy thì vị Bồ Tát thứ hai sẽ cúng dường như thế nào? “*Tùy kỳ tiền hậu*” (Theo thứ lớp trước sau), lúc vị Bồ Tát thứ hai muốn cúng dường, những vật cúng dường trước đó sẽ tự nhiên chẳng còn nữa. Đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. “*Dĩ thứ hóa một*” (Theo thứ tự biến mất): Ví như chúng ta nói theo cõi này, vị Bồ Tát trước đốt hương, vị Bồ Tát sau cũng muốn dâng hương, vị Bồ Tát thứ nhất cắm hoa, vị Bồ Tát thứ hai đến dâng hoa, sẽ chỉ đành nhỏ hoa của người trước ra thì mới có thể cắm cành hoa thứ hai. Trong cõi này, chúng ta chẳng được tự nhiên như vậy, nhưng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hàng Bồ Tát có thần thông diệu dụng, “*dĩ thứ hóa một*” (theo thứ tự biến mất), vật phẩm cúng dường tự nhiên chẳng còn nữa!

“*Kỳ chư Bồ Tát, thêm nhiên hân duyệt*” (Các vị Bồ Tát ấy hòa hợp, hân hoan, vui sướng): Có thể viên mãn ý nguyện cúng dường chư Phật, trong tâm sẽ có nhiều niềm hoan hỷ. “*U hư không trung, cộng tấu thiên nhạc*” (Ở trong hư không, cùng tấu nhạc trời): Lại dùng âm nhạc để cúng dường. “*Thiên nhạc*” là âm nhạc tự nhiên. “*Dĩ vi diệu âm, ca tán Phật đức*” (Dùng âm thanh vi diệu, ca ngợi Phật đức): Tấu âm nhạc, lại còn xướng những lời ca để tán thán công đức của Phật. “*Thính thọ kinh pháp*” (Nghe nhận kinh pháp), cúng dường xong, lại xướng lời tán thán rồi nghe Phật giảng kinh, thuyết pháp. “*Hoan hỷ vô lượng*”: Nghe xong hoan hỷ vô lượng. Niềm hoan hỷ trong phần trên là do thỏa mãn ý nguyện cúng Phật, niềm hoan hỷ ở đây là do đạt được pháp lạc, tức niềm hoan hỷ do nghe đức Phật thuyết pháp. “*Cúng dường Phật dĩ, vị thực chi tiền, hốt nhiên khinh cử, hoàn kỳ bốn quốc*” (Cúng dường Phật xong, trong khoảng chưa đến giờ ăn, bỗng nhẹ nhàng cất thân lên, trở về nước mình): Sáng sớm thức dậy, cúng dường mười phương chư Phật, chẳng có vị Phật nào mà không cúng dường, [cúng dường đã xong mà] vẫn chưa đến lúc dùng cơm! “*Khinh cử*” (Nhẹ nhàng cất thân lên), rất nhẹ nhàng quay về nước mình, [tức là] trở lại Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn chưa đến lúc ăn trưa.

Đoạn kinh văn này thuyết minh hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vì sao có thể đạt đến Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát? Không chỉ là do thọ mạng dài lâu, mà còn là do có năng lực tu phước

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

và tu huệ, có thể tu nhiều như vậy. Cho nên các Ngài thành tựu mau chóng. Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn là Nhất Sanh Bồ Xứ, các Ngài chẳng phải là bồng dung mà thành tựu Nhất Sanh Bồ Xứ, vẫn là do tu thành. Bất quá, các Ngài tu hành dễ dàng hơn so với chúng ta tu hành trong thế giới Sa Bà nhiều lắm. Vì các Ngài sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật gia bị các Ngài, thần thông diệu dụng chẳng thể nghĩ bàn. Các Ngài có thể trong thời gian một bữa ăn, đến cúng dường chư Phật và vô lượng Thanh Văn, Bồ Tát, sử dụng những vật cúng thuận theo lòng muốn bèn xuất hiện. Tu phước như vậy sẽ tu lớn lao. Cúng dường xong xuôi, lại tán thán, lại nghe đức Phật thuyết pháp. Nay chúng ta mong học Phật pháp, được thân cận bậc danh sư hoặc thiện tri thức. Vị danh sư hoặc thiện tri thức ấy khéo giảng Phật pháp cho quý vị, quý vị sẽ đạt được nhiều lợi ích. Trong thế giới này, một vị danh sư hoặc thiện tri thức thị hiện làm một phạm phu, nếu quý vị thân cận một vị Phật giảng giải Phật pháp cho quý vị, chẳng phải là quý vị sẽ mau chóng đạt được trí huệ ư? Một vị Phật giảng Phật pháp cho quý vị, quý vị sẽ đạt được trí huệ rất nhiều; vậy thì vô lượng chư Phật thuyết pháp cho quý vị, chẳng phải là quý vị sẽ đắc vô lượng trí huệ ư? Do vậy bèn cầu phước vô lượng, cầu huệ cũng vô lượng. Phước huệ song tu, kết quả là phước huệ viên mãn, lẽ nào chẳng thể đạt đến Nhất Sanh Bồ Xứ? Sẽ giống như đã thành Phật.

Những lời [kinh] này đều nhằm nói cho chúng ta nghe, sau khi đã sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, lại tu phước và tu huệ sẽ dễ dàng hơn nhiều! Nay chúng ta phước huệ song tu, nay chúng ta là đệ tử Phật, mỗi người có điều thiên trọng riêng. Kẻ thích tu phước, chẳng thích tu huệ. Kẻ thích tu huệ, chẳng thích tu phước. Vì sao phải phước huệ song tu? “*Phước thị huệ chi tư, huệ thị phước chi đạo*” (Phước giúp đỡ huệ, huệ hướng dẫn phước). Nếu nhớ rõ hai câu chú giải ấy, quý vị sẽ có thể thọ dụng suốt một đời. “*Phước thị huệ chi tư*” (Phước giúp đỡ huệ), “*tư*” (資) có nghĩa là giúp đỡ. Vì sao phải tu phước? Phước báo giúp đỡ trí huệ. Nó có thể giúp cho quý vị tu huệ. Nói cách khác, nếu chẳng có phước báo, căn bản là chẳng cầu trí huệ được! Nếu muốn cầu trí huệ, ắt cần phải có phước báo. Phước là cái giúp đỡ cho huệ, [có kẻ nghe nói như vậy, bèn vọng tưởng] “*vậy thì chúng ta tu phước là được rồi!*” Không tu huệ thì lại lệch lạc, sai lầm mất rồi! “*Huệ thị phước chi đạo*” (Huệ hướng dẫn phước), “*đạo*” (導) là dẫn dắt. Quý vị chỉ tu phước [không tu huệ thì] là tu sai mất rồi! Chẳng phải là ngoại đạo cũng tu phước đó sao? Họ tu cúng dường đầy thôi! Họ cúng dường

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thiên tôn, Thượng Đế đấy mà! Chẳng phải là họ đang cúng dường hay sao? Quý vị phải hiểu, họ chẳng có trí huệ, cầu phước mà đâm ra chuốc lấy tội lỗi.

Giống như những cuộc cúng lễ lớn trong tỉnh này (Đài Loan) thì phải mô lộn, giết rất nhiều sanh mạng. Vì sao làm như vậy? Vì cầu phước, do chẳng có trí huệ, cho nên cầu được tội lỗi! “*Huệ thị phước chi đạo*” (Huệ hướng dẫn phước), “*đạo*” là dẫn dắt, phải có trí huệ thì mới có thể hướng dẫn cái phước của quý vị, đi theo đại đạo Niết Bàn. Do đó, chớ nên thiên lệch, phé bỏ một môn. Đây là khuyên hàng đệ tử Phật chúng ta, mọi người đều phải chú ý. Có những người thích thắp hương, dâng hoa, thích cúng dường, chẳng thích nghe kinh, xem kinh, càng chẳng thích nghiên cứu kinh. Có những người thích nghiên cứu kinh điển, suốt ngày từ sáng đến tối nghiên cứu, bảo họ đốt hương, dâng hoa, họ không chịu. Đây đều là lệch lạc. Phải phước huệ song tu, phải ghi nhớ “*phước để giúp đỡ huệ, huệ hướng dẫn phước*”. Chớ nên thiên về một bên, phé bỏ bên kia!

2.2.3.3.1.1.7. Nêu rõ người sanh về cõi ấy nghe pháp chẳng dứt

(Kinh) Phật ngữ A Nan: - Vô Lượng Thọ Phật, vị chư Thanh Văn, Bồ Tát, thiên nhân ban tuyên pháp thời, đô tất tập hội thất bảo giảng đường, quảng tuyên đạo giáo, diễn sướng diệu pháp, mạc bất hoan hỷ, tâm giải đắc đạo. Tức thời tứ phương tự nhiên phong khởi, xuy thất bảo thụ, xuất ngũ âm thanh. Vô lượng diệu hoa, tùy phong tứ tán, tự nhiên cúng dường, như thị bất tuyệt. Nhất thiết chư thiên, giai tề thiên thượng bách thiên hoa hương, vạn chủng kỹ nhạc, cúng dường kỳ Phật, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn chi chúng. Phổ tán hoa hương, tấu chư âm nhạc. Tiền hậu lai vãng, cánh tương khai ty, đương tư chi thời, hỷ di khoái lạc, bất khả thắng ngôn.

(經)佛語阿難：無量壽佛，為諸聲聞菩薩天人頌宣法時，都悉集會七寶講堂，廣宣道教，演暢妙法，莫不歡喜，心解得道。即時四方自然風起，吹七寶樹，出五音聲。無量妙華，隨風四散，自然供養，如是不絕。一切諸天，皆贊天上百千華香，萬種伎樂，供養其佛，及諸菩薩聲聞之眾。普散華香，奏諸音樂。前後來往，更相開避。當斯之時，熙怡快樂，不可勝言。

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

(Kinh: Đức Phật bảo ngài A Nan: - Khi Vô Lượng Thọ Phật ban bố, tuyên nói pháp cho các vị Thanh Văn, Bồ Tát, trời người, [mọi người] thấy đều nhóm họp tại giảng đường bảy báu, [Đức Phật] rộng tuyên đạo giáo, diễn giảng thông suốt diệu pháp, không ai chẳng hoan hỷ, tâm giải ngộ, đắc đạo. Ngay khi đó, bốn phương tự nhiên gió thổi lên, thổi qua các cây báu, vang ra năm âm thanh. Vô lượng diệu hoa theo gió rải rắc bốn phía, tự nhiên cúng dường như thể chẳng dứt. Hết thấy chư thiên đều cầm trăm ngàn hoa hương trên cõi trời, muôn thứ kỹ nhạc để cúng dường Đức Phật ấy và các vị Bồ Tát, đại chúng Thanh Văn, rải khắp hoa, hương, tấu các âm nhạc. Trước sau qua lại, lần lượt lui ra nhường lối, ngay trong lúc ấy, khoan khoái, vui sướng chẳng thể kể xiết).

“Phật ngữ A Nan: - Vô Lượng Thọ Phật, vị chư Thanh Văn, Bồ Tát, thiên nhân ban tuyên pháp thời, đô tất tập hội thất bảo giảng đường” (Đức Phật bảo ngài A Nan: - Khi Vô Lượng Thọ Phật ban bố, tuyên nói pháp cho các vị Thanh Văn, Bồ Tát, trời người, [mọi người] thấy đều nhóm họp tại giảng đường bảy báu): [Dùng chữ] “*ban*” (頒) với ý nghĩa tôn kính, tức là khi Đức Phật tuyên dương Phật pháp, do tôn kính Phật nên nói là “*ban tuyên*”, [hàm ý] giống như Ngài ban thưởng pháp âm cho chúng ta. Mọi người đều nhóm đến giảng đường bảy báu. Tây Phương Cực Lạc thế giới có Thanh Văn, Bồ Tát, trời người vô số, giảng đường ấy to lớn chẳng có ngăn mé. Đây đều là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.

“Quảng tuyên đạo giáo”: Tuyên dương rộng rãi giáo pháp của Phật đạo. ***“Diễn sướng diệu pháp”***: Diễn nói lưu loát, thông đạt diệu pháp chẳng thể nghĩ bàn. ***“Mạc bất hoan hỷ, tâm giải đắc đạo”*** (Không ai chẳng hoan hỷ, tâm giải ngộ, đắc đạo): Người nghe A Di Đà Phật thuyết pháp đều đạt được pháp hỷ. Vì sao đạt được pháp hỷ? [Do] trong tâm giải ngộ. Chữ Giải (解) ở đây nên đọc là Xiè (ㄒㄧㄝˋ, âm Hán Việt là Giải). Họ vừa nghe liền giải ngộ; hễ giải ngộ, sẽ có thể đạt được Phật đạo. Do vậy, khi đó mọi người đều đạt được pháp hỷ và pháp lạc. Nghe pháp mà đạt được pháp hỷ và pháp lạc, sẽ muốn cúng dường, giống như trong đoạn thứ sáu trên đây. Đoạn thứ sáu là nói họ tới các thế giới Phật ở phương khác, trước hết là dâng hiến cúng dường rồi mới nghe pháp. Trong thế giới Cực Lạc, nghe pháp trước rồi sau đây mới cúng dường.

“Tức thời tứ phương tự nhiên phong khởi, xuy thất bảo thụ, xuất

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

ngũ âm thanh” (Ngay khi đó, tự nhiên gió thổi lên, thổi qua các cây bảy báu, vang ra tiếng ngũ âm): Những vị Thanh Văn, Bồ Tát nghe pháp ấy, muôn dâng cúng dường, trước hết dâng âm nhạc cúng dường. Trong tâm vừa đầy niệm, bên ngoài liền nổi gió. Gió thổi lên liền thổi qua cây bảy báu, cây bảy báu phát ra âm thanh âm nhạc, tức là tấu lên năm loại âm thanh của âm nhạc: Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ. Lại dâng hoa cúng dường. *“Vô lượng diệu hoa, tùy phong tứ tán, tự nhiên cúng dường, như thị bất tuyệt”* (Vô lượng hoa màu nhiệm, theo gió rải rắc bốn phía, tự nhiên cúng dường chẳng ngớt như thế): Cúng dường âm nhạc, cúng dường hoa trời, cúng dường chẳng ngưng dứt. Đây là nói trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đại chúng trong giảng đường, ngoài chúng Thanh Văn và Bồ Tát ra, còn có thiên chúng và nhân chúng. *“Nhất thiết chư thiên, giai tề thiên thượng bách thiên hoa hương”* (Hết thấy chư thiên đều cầm trăm ngàn hoa hương trên cõi trời), *“tê”* (贄) là đem đến, cầm đến, trăm ngàn loại hoa hương. *“Vạn chủng kỹ nhạc”* là muôn thứ âm nhạc, đến *“cúng dường kỳ Phật”*, tức là cúng dường Vô Lượng Thọ Phật, *“cập chư Bồ Tát, Thanh Văn chi chúng”*, và cũng cúng dường những vị Bồ Tát, Thanh Văn và Tăng chúng.

“Phổ tán hoa hương, tấu chư âm nhạc” (Rải khắp hoa, hương, tấu các âm nhạc): Rải hoa, rải hương, diễn tấu âm nhạc để cúng dường. *“Tiền hậu lai vãng, cánh tương khai ty”* (Trước sau qua lại, nhường lối cho nhau): Chư thiên đông đảo, phía trước là một nhóm chư thiên đến cúng dường, lại có một nhóm tiếp ngay theo sau. *“Cánh tương khai ty”* [nghĩa là] nhóm phía trước rời đi để cho nhóm chư thiên phía sau cúng dường. Nhóm thứ hai cúng dường xong, nhóm thứ ba tiến lên, nhóm thứ hai lại nhường lối. *“Đương tư chi thời”* (Ngay trong lúc ấy): Trong lúc cúng dường. *“Hy di khoái lạc, bất khả thắng ngôn”* (Hân hoan, vui sướng, chẳng thể nói xiết): *“Hy di”* (熙怡) là người lui tới không ngừng cúng dường, ai nấy đều cảm giác hết sức vui sướng, vui sướng cỡ nào? Chẳng thể có cách nào dùng ngôn ngữ để hình dung được!

2.2.3.3.1.1.8. Nêu rõ hàng Bồ Tát trong cõi ấy hạnh đức viên mãn

2.2.3.3.1.1.8.1. Trước hết nêu ra các biệt đức

2.2.3.3.1.1.8.1.1. Tu hành là lỗi

(Kinh) Phật ngữ A Nan: - Sanh tử Phật quốc chư Bồ Tát đẳng, sở khả giảng thuyết, thường tuyên chánh pháp, tùy thuận trí huệ, vô

vi, vô thất. Ư kỳ quốc độ, sở hữu vạn vật, vô ngã sở tâm, vô nhiễm trước tâm, khứ lai tấn chỉ, tình vô sở hệ, tùy ý tự tại, vô sở đích mục, vô bỉ, vô ngã, vô cạnh, vô tụng. Ư chư chúng sanh, đắc đại từ bi nhiều ích chi tâm. Nhu nhuận điều phục, vô phần hận tâm, ly cái thanh tịnh, vô yếm đãi tâm, đẳng tâm, thắng tâm, thâm tâm, định tâm, ái pháp, nhạo pháp, hỷ pháp chi tâm. Diệt chư phiền não, ly ác thú tâm, cứu cánh nhất thiết Bồ Tát sở hành.

(經)佛語阿難：生彼佛國諸菩薩等，所可講說，常宣正法。隨順智慧，無違無失。於其國土所有萬物，無我所心，無染著心。去來進止，情無所係。隨意自在，無所適莫。無彼無我，無競無訟。於諸眾生，得大慈悲饒益之心。柔潤調伏，無忿恨心。離蓋清淨，無厭怠心。等心、勝心、深心、定心，愛法、樂法、喜法之心。滅諸煩惱，離惡趣心。究竟一切菩薩所行。

(*Kinh: Đức Phật bảo ngài A Nan: - Các hàng Bồ Tát sanh về cõi Phật ấy có thể giảng nói, thường tuyên dương chánh pháp, tùy thuận trí huệ, chẳng trái nghịch, chẳng sai sót. Đối với tất cả muôn vật trong cõi nước ấy, không có tâm ngã sở, tâm chẳng nhiễm đắm. Đến, đi, cư xử, chẳng vương mắc trong tình thức, tùy ý tự tại, không có gì yêu ghét. Không người, không ta, chẳng tranh giành, chẳng tranh tụng. Đối với các chúng sanh, mang lòng đại từ bi, tạo lợi ích. Nhu nhuận, điều phục, không có tâm phần hận, lìa khỏi những thứ kết sử, thanh tịnh, không có tâm chán ngán, lười nhác. Tâm bình đẳng, tâm thù thắng, thâm tâm, định tâm, yêu mến pháp, ưa thích pháp, tâm vui thích pháp, diệt các phiền não, tâm xa lìa các đường ác, rốt ráo hạnh của hết thảy các Bồ Tát).*

Đoạn thứ tám nói đến người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tất cả hạnh môn và công đức thảy đều thành tựu viên mãn. “*Phật ngữ A Nan: - Sanh về Phật quốc chư Bồ Tát đẳng, sở khả giảng thuyết, thường tuyên dương chánh pháp*” (Đức Phật bảo ngài A Nan: - Các vị Bồ Tát sanh trong cõi Phật ấy có thể giảng nói, thường tuyên dương chánh pháp). Trong phần trước là sau khi nghe đức Phật thuyết pháp và học theo đức Phật thuyết pháp, đã học hiểu rồi, nay thì chính mình sẽ hoằng pháp. Vì sao? Phát nguyện sanh về Tây Phương bèn học giảng kinh, thuyết pháp, muôn độ chúng sanh thì phải thuyết pháp. Do vậy, trong

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Tây Phương Cực Lạc thế giới, trước hết là luyện tập. Đã nghe A Di Đà Phật thuyết pháp, đã học hiểu rồi, bèn giảng kinh ngay trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ở trước mặt chư Phật, cầu đạt được trí huệ. Lại còn ở ngay trước mặt A Di Đà Phật, cầu đạt được trí huệ. Giảng kinh, thuyết pháp, diễn nói “*tùy thuận trí huệ*”.

“*Vô vi, vô thất*”, “*vi*” (違) là trái nghịch chánh pháp, “*thất*” (失) là sai lạc chánh pháp. Pháp được nói ra sẽ chẳng trái nghịch chánh pháp, mà cũng chẳng có điều sai sót, vì sao? Vì Ngài nói thuận theo trí huệ. Giống như chúng ta nay đang học giảng kinh, thuyết pháp, cũng phải “*tùy thuận trí huệ*”, nói đến mức “*vô vi, vô thất*”. Chúng ta là hạng phàm phu lè tè sát đất, lấy đâu ra trí huệ? Dựa theo Thánh Ngôn Lượng để giải nói. “*Thánh ngôn*” là lời lẽ của Phật và Bồ Tát. [Thánh Ngôn Lượng] là lấy lời của bậc thánh làm tiêu chuẩn. “*Lượng*” (量) là tiêu chuẩn. Dựa theo lời Phật và Bồ Tát đã dạy trong kinh Phật để làm tiêu chuẩn thì chúng ta giải nói sẽ có thể đạt đến mức độ “*vô vi, vô thất*”. Đối với những lời dạy trong kinh Phật, đôi khi xem không hiểu, hãy xem chú giải của các vị tổ sư đại đức thời cổ.

Tôi thường nói với các vị pháp sư trẻ tuổi: - Nay quý vị trước hết hãy học bằng cách xem chú giải, chứ lão pháp sư có thể giảng cho quý vị mấy bộ kinh? Quý vị học hiểu bằng cách xem chú giải thì mới có thể làm pháp sư. Lão pháp sư dạy bảo, sẽ khuyên quý vị: Để giảng một bộ kinh nào, phải xem bộ chú giải nào. Chúng ta học theo lão pháp sư sẽ đạt được lợi ích ấy. Ví như quý vị học giảng kinh Kim Cang, chúng tôi ở Đại Lục, lão pháp sư liền bảo chúng tôi dựa theo bộ chú giải Kim Cang Tâm Ấn Số³⁸ để giảng. Nếu không, quý vị thấy trong Vạn Tự Tục Tạng³⁹, chỉ riêng chú giải kinh Kim Cang đã có hơn một trăm thứ, quý

³⁸ Bộ số này do ngài Phổ Uyển chùa Pháp Giới ở Vân Nam biên soạn vào đời Thanh. Ngài Phổ Uyển là người xứ Côn Sơn, họ Cố, tự là Lan Cốc, không rõ năm sanh và năm mất. Chỉ biết Ngài đến Vân Nam vào năm đầu đời vua Thuận Trị. Do thời cuộc biến loạn, Ngài ẩn cư tiềm tu nhiều năm. Trong niên hiệu Khang Hy, do tứ chúng quy ngưỡng, cầu thỉnh, Ngài bèn đăng đàn giảng kinh thuyết pháp tại chùa Pháp Giới và Báo Quốc ở Côn Minh. Những bộ số giải nổi tiếng của Ngài là Kim Cang Kinh Tâm Ấn Số, Lăng Nghiêm Kinh Bảo Kính Số v.v...

³⁹ Vạn Tự Tục Tạng có tên gọi đầy đủ là Đại Nhật Bản Tục Tạng Kinh. Đây là tổng tập những kinh điển, chú sớ, và trước tác Phật giáo chưa được đưa vào Đại Nhật Bản Giáo Đỉnh Tạng Kinh (Vạn Đại Tạng Kinh). Vạn Tự Tục Tạng Kinh được biên soạn từ năm Minh Trị 38 đến năm Đại Chánh Nguyên Niên (1905-1912). Đây là một công trình khá đồ sộ, thân thập 1.756 bộ kinh sách, chia thành 150 tập, phân thành 7.144 quyển. Trong ấy có rất nhiều bản đã thất truyền ở Trung Hoa.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

vị phải xem đến khi nào thì mới có thể học hiểu đề giảng kinh Kim Cang? Mỗi bộ lại còn giảng giải mỗi kiểu, quý vị sẽ giảng như thế nào đây? Có bản chú giải giảng nói dính đến ngoại đạo, quý vị giảng sai thì biết làm sao được? Lão pháp sư đã chỉ dạy quý vị, giảng bộ kinh nào, hãy xem bộ chú giải nào, như vậy là “*tùy thuận trí huệ, vô vi, vô thất*” (tùy thuận trí huệ, chẳng chống trái, chẳng sai lạc). Chớ nên hời hợt, qua loa! Đây là nói hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có trí huệ, có thể giảng kinh, lại nói đến công phu tu hành và sự thành tựu nơi hạnh môn của các Ngài trong Tây Phương Cực Lạc thế giới.

“*U kỳ quốc độ sở hữu vạn vật, vô ngã sở tâm, vô nhiễm trước tâm*” (Đối với tất cả muôn vật trong cõi nước ấy, chẳng có tâm ngã sở, chẳng có tâm nhiễm đắm): Muôn vật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều trang nghiêm bằng bảy báu, các vị Bồ Tát ấy chẳng nghĩ món nào là đồ của ta. Tất cả phiền não của chúng ta đều từ cái tâm sở hữu của ta dẫn khởi. Cái này là món ta sở hữu; đây là tâm tham, chúng ta sẽ tham thứ này, ta sẽ tham thứ kia. Đây là dấy lòng tham. Hễ tham chẳng được, bèn dấy lòng sân hận, suốt ngày từ sáng đến tối dấy động ý niệm tham, sân, si, sanh ra phiền não, cho nên mới tạo nghiệp. Do tạo nghiệp mới chịu khổ. Hàng Bồ Tát sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có tâm tham, trông thấy cảnh giới bảy báu trang nghiêm tốt đẹp dường ấy, Ngài chẳng nghĩ thứ gì là sở hữu của chính mình, chẳng có cái tâm sở hữu của ta. “*Vô nhiễm trước tâm*” (Tâm chẳng đắm nhiễm): Bất luận bảy báu trang nghiêm tốt đẹp đến mấy đi nữa, bất luận đẹp mắt đến mấy đi nữa, chẳng có tí xíu tâm đắm nhiễm nào!

“*Khứ lai tán chỉ, tình vô sở hệ*” [nghĩa là] đi, đứng, ngồi, nằm, đều có oai nghi, quyết chẳng dấy động tình tự tham dục, hoặc bị ràng buộc bởi bất cứ vật phẩm nào! “*Tùy ý tự tại, vô sở đích mạng*” (Tùy ý tự tại, chẳng có gì yêu ghét): Chữ Thích (適) phải đọc là Dí (勿一, âm Hán Việt là Dích), [câu này có nghĩa là] tùy ý tự tại, chẳng đối với thứ gì dấy lòng yêu mến thiên vị. “*Đích*” là yêu mến thiên vị, *Mạc* (莫) là chẳng yêu mến. Đối với chúng sanh, ta thuyết pháp, chúng sanh đến nghe, ta chẳng hề đối xử trọng hậu hay bạc bẽo đối với chúng sanh nào, thấy đều chẳng có. Chẳng có cái tâm tham dục, sẽ chẳng dấy động cái tâm phân hận. “*Vô bỉ, vô ngã, vô cạnh, vô tụng*” (Không người, không ta, không cạnh tranh, không kiêu cao): Chẳng có người, chẳng có ta, chẳng dấy lên tri kiến ta hay người, sẽ chẳng cạnh tranh với người khác. “*Tụng*” (訟) có nghĩa là tranh tụng.

“*U chư chúng sanh, đắc đại từ bi nhiều ích chi tâm*” [nghĩa là]

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

đôi với hết thảy chúng sanh đều bình đẳng, đại từ, đại bi, có tâm lòng từ bi, bình đẳng, có cái tâm tạo lợi ích, luôn luôn tạo nhiều lợi ích cho chúng sanh. “*Nhu nhuận điều phục, vô phần hận tâm*” (Mềm mỏng, kiềm chế, không có tâm phần hận): Nếu là người có cái tâm hiền dịu, biết kiềm chế, sẽ hết sức dịu dàng, sẽ chẳng dấy lòng sân hận. “*Ly cái thanh tịnh*”: Đùng hiểu Cái (蓋) ở đây Bảo Cái (寶蓋, lọng báu), mà nó chính là năm thứ Cái như đã nói trong phần trước, tức tham dục cái, sân khuê cái, thù miên cái, điệu hối cái, và nghi pháp cái. Đều xa lìa năm món Cái ấy, cho nên tự tánh của các Ngài thanh tịnh. “*Vô yếm đãi tâm*”: Chẳng có cái tâm chán ngán, lười nhác.

“*Đẳng tâm, thắng tâm, thâm tâm, định tâm*”: Vậy thì Ngài là tâm gì? Tâm bình đẳng, tâm thắng diệu, thâm tâm, định tâm. Nói theo Đại Thừa Khởi Tín Luận, “*thâm tâm*” là cái tâm mong trụ trong hết thảy các thiện pháp. Do thâm tâm, sẽ ưa thích làm các thiện công đức. “*Định tâm*” là tâm Thiên Định. “*Ái pháp, nhạo pháp, hỷ pháp chi tâm*”: Điều khiến cho cái tâm của quý vị hoan hỷ, ưa thích là Phật pháp. Quý vị yêu mến Phật pháp, ưa thích Phật pháp, hoan hỷ Phật pháp. “*Diệt chư phiền não, ly ác thú tâm*” (Tâm diệt các phiền não, lìa đường ác): Xa lìa hết thảy phiền não, diệt trừ chúng, tự nhiên do vậy mà lìa khỏi đường ác. “*Cứu cánh nhất thiết Bồ Tát sở hành, cụ túc thành tựu vô lượng công đức*” (Rốt ráo hết thảy những điều được hành bởi Bồ Tát, thành tựu trọn đủ vô lượng công đức): Xét theo ngữ pháp thì phải đọc hai câu này một mạch, nhưng “*cứu cánh nhất thiết Bồ Tát sở hành*” (rốt ráo hết thảy những điều phải hành của hàng Bồ Tát) nhằm tổng kết những câu trên đây, còn “*cụ túc thành tựu vô lượng công đức*” (thành tựu trọn đủ vô lượng công đức) là nêu tổng quát [những điều sẽ nói] dưới đây.

2.2.3.3.1.1.8.1.2. Thành tựu trọn vẹn các đức

(Kinh) Cụ túc thành tựu vô lượng công đức, đắc thâm Thiên Định, chư thông minh huệ, du chí Thất Giác, tu tâm Phật pháp. Nhục nhãn thanh triệt, mị bất phân liễu. Thiên nhãn thông đạt, vô lượng vô hạn. Pháp nhãn quán sát, cứu cánh chư đạo. Huệ nhãn kiến chân, năng độ bỉ ngạn. Phật nhãn cụ túc, giác liễu pháp tánh. Dĩ vô ngại trí, vị nhân diễn thuyết.

(經)具足成就無量功德。得深禪定，諸通明慧，遊志

七覺，修心佛法。肉眼清徹，靡不分了。天眼通達，無量無限。法眼觀察，究竟諸道。慧眼見真，能度彼岸。佛眼具足，覺了法性。以無礙智，為人演說。

(Kinh: Thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, đắc Thiên Định sâu, đạt được các môn thần thông, Tam Minh, trí huệ, dạo chơi trong Thất Giác để tu tâm Phật pháp. Nhục nhãn sáng tỏ, không gì chẳng phân biệt rành rẽ. Thiên nhãn thông đạt, vô lượng, vô hạn. Pháp nhãn quán sát rõ ráo các đạo. Huệ nhãn thấy chân thật, có thể vượt sang bờ kia. Phật nhãn trọn đủ, giác liễu pháp tánh. Dùng vô ngại trí để vì người khác diễn nói).

Hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới “*cụ túc thành tựu vô lượng công đức*” (thành tựu đầy đủ vô lượng công đức), đều là những công đức như thế nào? Kế đó, [đức Phật] bèn “*biệt minh*”, tức là nói rõ từng điều riêng biệt. “*Đắc thâm Thiên Định*”, [nghĩa là] đạt được Thiên Định rất sâu. “*Chư thông minh huệ*”: “*Chư thông*” là sáu thứ thần thông, Minh là Tam Minh, hết thấy trí huệ đều đạt được. “*Du chí Thất Giác*” (Dạo chơi trong Thất Giác Chi), “*du*” (遊) là du hành; chí nguyện trong tâm là dạo chơi nơi cảnh giới Thất Giác. Tâm chúng ta dạo chơi trong cảnh giới tham, sân, si; còn tâm niệm của hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, nghĩ tới nghĩ lui đều là trong Thất Giác. Thất Giác còn gọi là Thất Giác Chi (Saptabodhyanga), tức là Thất Bồ Đề Phần như kinh A Di Đà đã nói:

1) Thứ nhất là Trạch Pháp Giác (Dharma-pravicaya-bodhyanga), “*Giác*” (覺) có nghĩa là “*giác sát*” (覺察, nhận biết, cảm nhận), giác ngộ. Nếu quý vị tu hành, hiện thời quý vị phải phân biệt, chọn lựa Phật pháp. Đầu tiên, quý vị phải phân biệt rạch ròi chân và ngụy, “*ngụy*” (偽) là ngoại đạo, là Phật pháp giả, “*chân*” (真) là Phật pháp thật sự. Quý vị học Phật, chớ nên học theo ngoại đạo. Hãy chọn lựa Phật pháp thật sự, lại còn phải chọn lấy pháp tương ứng căn cơ, tức là pháp môn nào sẽ phù hợp với căn cơ của chính mình. Đó gọi là Trạch Pháp Giác.

2) Thứ hai, Tinh Tấn Giác (Virya-bodhyanga). Đã chọn lựa pháp ổn thỏa rồi, phải nên dũng mãnh tinh tấn.

3) Thứ ba, Hỷ Giác (Pṛīti-bodhyanga): Quý vị tinh tấn thì mới có thể đạt được pháp hỷ.

4) Thứ tư, Khinh An Giác (Prasrabhi-bodhyanga): Thân tâm nhẹ nhàng, an định, đạt được pháp lạc thật sự.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

5) Thứ năm, Niệm Giác (Smṛti-bodhyanga). Niệm là niệm Định và Huệ bình đẳng, chớ nên thiên về Định hay thiên về Huệ.

6) Thứ sáu, Định Giác (Samādhi-bodhyanga). Định ở đây chẳng phải là lệch về Định, mà là Định sao cho Định và Huệ cân bằng.

7) Thứ bảy, Xả Giác (Upekkhā-bodhyanga): Xả trừ hết thảy các pháp thế gian, ngay cả Phật pháp cũng chẳng chấp tướng, cũng phải xả.

Bảy món giác này được gọi là Thất Bồ Đề Phần, còn gọi là Thất Giác Chi. Lại xem kinh văn, “*du chí Thất Giác, tu tâm Phật pháp*” (đạo chơi nơi Thất Giác, tu tâm Phật pháp). “*Phật pháp*” ở đây nằm ngay trong cái tâm của chính mình. Phải tu Phật pháp ngay trong cái tâm của chính mình, cũng giống như Thất Giác Chi vừa được nhắc đến trên đây. Hễ giác cái tâm của chính mình, quý vị sẽ giác ngộ.

Tiếp đó, lại nói về Ngũ Nhãn (Pañcacakṣu) viên minh:

1) Thứ nhất là Nhục Nhãn (Māṃsacakṣu), “*nhục nhãn thanh triệt*” (nhục nhãn trong sáng, thấu triệt): Nhục nhãn hết sức trong trẻo, chẳng giống nhục nhãn bình phàm. “*Mị bất phân biệt*”, “*mị*” (靡) là không, [“*mị bất phân biệt*” là] không gì chẳng hiểu rõ.

2) Thứ hai là Thiên Nhãn (Divyacakṣu). “*Thiên Nhãn thông đạt, vô lượng, vô hạn*”.

3) Thứ ba là Pháp Nhãn (Dharmacakṣu). Xét theo mức độ sâu hay cạn để nói, loại thứ ba phải là Huệ Nhãn, loại thứ tư mới là Pháp Nhãn. “*Pháp Nhãn quan sát, cứu cánh chư đạo*” (Pháp Nhãn quan sát, rốt ráo các đạo). Pháp Nhãn là mắt của Bồ Tát, có thể hiểu thấu rốt ráo các đạo.

4) Thứ tư là Huệ Nhãn (Prajñācakṣu). “*Huệ Nhãn kiến chân, năng độ bỉ ngạn*” (Huệ Nhãn thấy lẽ Chân, có thể vượt lên bờ kia). Huệ nhãn là mắt của Thanh Văn, có thể thấy Chân Không, có thể vượt sang bờ kia.

5) Thứ năm là Phật Nhãn (Buddhacakṣu). “*Phật Nhãn cụ túc, giác liễu pháp tánh*” (Phật Nhãn trọn đủ, giác liễu pháp tánh): Giác ngộ bản tánh của hết thảy các pháp.

Sau khi năm loại mắt ấy đã viên minh, có thể “*dĩ vô ngại trí, vị nhân diễn thuyết*” (dùng trí vô ngại, vì người khác diễn nói). Quý vị đã đạt được trí huệ vô ngại, muốn lợi ích chúng sanh. Năm loại mắt viên minh trên đây là sau khi đã “*thượng cầu Phật đạo*”, quý vị phải “*hạ hóa chúng sanh*”, [nghĩa là] dưới thì hóa độ chúng sanh như thế nào? Phải dùng trí huệ vô ngại, thường xuyên vì người khác diễn nói Phật pháp. Ở đây có một nghi vấn, tức là đã thành Phật thì Ngũ Nhãn mới

viên minh. Vì sao hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới lại trọn đủ Phật Nhãn? Vì các Ngài đều là Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát, trí huệ và công đức của Phật các Ngài thấy đều viên mãn. Do đó, các Ngài cũng viên mãn Phật Nhãn giống hết như vậy, chỉ đợi cho đến khi nhân duyên chín muồi, sẽ thị hiện thành Phật, chứ thực tế đã vốn là một vị Phật.

2.2.3.3.1.1.8.1.3. Tu hành trọn đủ

(Kinh) Đẳng quán tam giới, không vô sở hữu, chí cầu Phật pháp, cụ chư biện tài, trừ diệt chúng sanh phiền não chi hoạn. Tùng Như Lai sanh, giải pháp như như. Thiện tri Tập Diệt âm thanh phương tiện, bất hân thế ngữ, nhạo tại chánh luận. Tu chư thiện bản, chí sùng Phật đạo. Tri nhất thiết pháp, giai tất tịch diệt. Sanh thân phiền não, nhị dư câu tận. Văn thậm thâm pháp, tâm bất nghi cụ, thường năng tu hành kỳ đại bi giả, thâm vi diệu, mị bất phú tái.

(經)等觀三界，空無所有。志求佛法，具諸辯才。除滅眾生煩惱之患。從如來生，解法如如。善知集滅音聲方便。不欣世語，樂在正論。修諸善本，志崇佛道。知一切法，皆悉寂滅。生身煩惱，二餘俱盡。聞甚深法，心不疑懼。常能修行其大悲者。深遠微妙，靡不覆載。

(Kinh: Bình đẳng quán tam giới là Không, chẳng có sở hữu, chí cầu Phật pháp, đầy đủ các món biện tài, trừ diệt vương hoạn phiền não cho chúng sanh. Sanh từ Như Lai, hiểu pháp như như. Khéo biết âm thanh và phương tiện Tập, Diệt. Chẳng vui thích lời lẽ thế gian, ưa thích chánh luận. Tu các cội lành, chí hướng tôn sùng Phật đạo. Biết hết thấy các pháp thấy đều là tịch diệt, sanh thân phiền não, nhị dư đều hết. Nghe pháp rất sâu, tâm chẳng ngờ vực, sợ hãi, thường có thể tu hành lòng đại bi sâu xa, vi diệu, không gì chẳng chở che).

“Đẳng quán tam giới, không vô sở hữu” (Bình đẳng quán tam giới là Không, chẳng có sở hữu): Những vị Bồ Tát ấy đều chiếu kiến Ngã Không và Pháp Không, bình đẳng quán sát ba cõi, hết thấy đều là Không, nên nói là “không, vô sở hữu”. “Chí cầu Phật pháp, cụ chư biện tài, trừ diệt chúng sanh phiền não chi hoạn” (Chí cầu Phật pháp,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

đầy đủ các món biện tài, trừ diệt ương hoạn phiền não cho chúng sanh): Nếu là người thường nghe Phật pháp thì đoạn văn này rất thông suốt. Nếu là người chẳng thường nghe Phật pháp thì dường như đoạn văn này rất mâu thuẫn! Bồ Tát đã quán sát tam giới là Không, vô sở hữu, vậy thì chẳng có chuyện gì hết, Ngài cần gì phải lập chí nguyện cầu Phật pháp, còn mong đắc biện tài, còn phải diệt trừ các ương hoạn phiền não cho chúng sanh chi nữa? Đây là sự phát tâm khác biệt giữa Bồ Tát và hàng Nhị Thừa. Hàng Nhị Thừa thấy “không, vô sở hữu”, bèn tự mình liễu sanh tử. Bồ Tát thấy “không, vô sở hữu”, Ngài vận dụng công phu của chính mình để chiếu kiến “Ngũ Uẩn đều là Không”. Đã là Không, Vô Sở Hữu, chiếu kiến Ngã Không và Pháp Không thì mới là Không, Vô Sở Hữu. Nhưng chúng sanh khổ não trong tam giới chẳng có tí nào là Không, các vị Bồ Tát ấy thấy những chúng sanh đang chịu khổ trong ấy, rõ ràng [vạn pháp] là rỗng không, mà chúng sanh chẳng [giác ngộ tánh] Không được. Do vậy, [Bồ Tát] mới dấy khởi Bồ Đề tâm, phải dốc chí cầu Phật pháp, mong cầu biện tài, hồng dẹp trừ nỗi khổ hoạn phiền não cho chúng sanh.

“*Tùng Như Lai sanh, giải pháp như như*” (Sanh từ Như Lai, hiểu pháp như như): Chữ Giải này nên đọc là Xiè (ㄒㄧㄝˋ), có nghĩa là “*khai ngộ*”. Thấu hiểu pháp này là pháp như như. Hết thấy các pháp chẳng ngoài hai pháp Lý và Trí, tức cái Trí để quán (năng quán chi trí) và cái Lý được quán (sở quán chi lý). Cái Lý được quán chính là diệu lý Chân Như Thật Tướng, là cái Lý như như bất động. Cái trí năng quán cũng là trí huệ như như bất động. Vì thế, ghép hai chữ Như Như lại. Chữ Như trước là “*như Trí*”, chữ Như sau là “*như Lý*”, gọi gộp chung là Như Như, tức là dùng Trí Như Như để khế hợp Lý Như Như. “*Khế*” (契) là phù hợp. Ngài giải ngộ hết thấy các pháp đều là như như, bất động, Vì sao Ngài giải ngộ? Do được Vô Lượng Thọ Phật dạy. “*Tùng Như Lai sanh*”, [nghĩa là] sanh từ miệng của Vô Lượng Thọ Như Lai. Do vậy, Bồ Tát được gọi là Phật Tử, tức là con cái của Phật. Vì sao gọi là con cái của Phật? Các Ngài sanh từ Như Lai, sanh từ miệng của Như Lai. Đây là quy kết công lao về Như Lai.

“*Thiện tri Tập Diệt âm thanh phương tiện*” (Khéo biết âm thanh và phương tiện Tập, Diệt): “*Thiện*” (善) là dễ dàng liễu tri nhất, liễu tri pháp Khổ - Tập - Diệt - Đạo. Nói đến Khổ bèn có Tập, nói đến Diệt bèn có Đạo. Ngài có thể khéo liễu tri pháp Khổ - Tập - Diệt - Đạo, sẽ thuyết pháp cho chúng sanh, [tức là] phát ra âm thanh Khổ - Tập - Diệt - Đạo. Hướng về chúng sanh để nói ra âm thanh Khổ - Tập - Diệt -

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Đạo, [nhưng điều này] vẫn chẳng dễ liễu giải, cho nên cần phải có phương tiện quyền biến hay khéo. Những vị Bồ Tát này biết phương tiện quyền biến hay khéo, không chỉ là khéo nói pháp Khổ - Tập - Diệt - Đạo, mà còn hiểu phương tiện quyền biến hay khéo.

“*Bất hân thế ngữ, nhạo tại chánh luận*” (Chẳng ưa thích ngôn ngữ thế gian, ưa thích chánh luận): “*Hân*” (欣) là hoan hỷ. [“*Bất hân thế ngữ*”] là không ưa thích ngôn ngữ thế gian, kể cả hết thầy học vẫn thế gian cũng chẳng hoan hỷ, chuyên ưa thích “*nhạo tại chánh luận*” (ưa thích chánh luận), [chánh luận] là ngôn luận của Phật. Trong phần trước là Ngài cầu giải, phần này lại nói đến sự tu hành. “*Tu chư thiện bản, chí sùng Phật đạo*” (Tu các cội lành, chí nguyện tôn sùng Phật đạo): Ngài lập chí, phát nguyện tôn sùng Phật đạo, “*tri nhất thiết pháp, giai tất tịch diệt*” (biết hết thầy các pháp thầy đều tịch diệt). Đây là do “*đẳng quán tam giới, không vô sở hữu*” (bình đẳng quán tam giới là Không, Vô Sở Hữu) trong phần trên mà có. Ngài muốn độ hết thầy chúng sanh, biết tam giới “*Không, Vô Sở Hữu*”, nhưng chúng sanh chẳng biết, cho nên Bồ Tát phải đến độ chúng sanh. Tuy chính Ngài biết “*tu chư thiện bản, chí sùng Phật đạo*” (tu các cội lành, chí tôn sùng Phật đạo), Ngài biết hết thầy các pháp “*giai tất tịch diệt*” (thầy đều tịch diệt), tức là hết thầy các pháp vốn bất sanh, bất diệt, là cảnh giới như như bất động, là cảnh giới tịch diệt.

“*Sanh thân phiền não, nhị dư câu tận*” (Sanh thân phiền não, hai thứ dư đều hết sạch): “*Sanh thân*” là khổ quả, “*phiền não*” là khổ nhân. Hai pháp ấy đều đoạn hết, chẳng còn sót thừa. Hai pháp khổ nhân và khổ quả, ngay cả dư tập (tập khí sót thừa) đều đoạn sạch, nên gọi là “*nhị dư câu tận*” (nhị dư đều hết). “*Văn thâm thâm pháp, tâm bất nghi cụ*” (Nghe pháp rất sâu, tâm chẳng ngờ vực, sợ hãi): “*Thâm pháp*” cũng là pháp Nhị Không, hoặc pháp Tam Không⁴⁰, nghe Ngã Không, nghe Pháp Không, “*tâm bất nghi cụ*” (tâm chẳng ngờ vực, sợ hãi), cho đến nghe Nhị Không tức là Ngã Không và Pháp Không cũng Không, [đấy là] đạo lý Tam Không, tâm chẳng ngờ vực, sợ hãi. Đấy chính là như kinh Kim Cang đã nói, “*bất kinh, bất bố, bất úy*” (chẳng kinh hoàng, chẳng sợ hãi, chẳng hoảng sợ). “*Thường năng tu hành kỳ đại bi giả*” (Thường có thể tu hành lòng đại bi), phải phát tâm đại bi. “*Thâm viễn vi diệu*” (Sâu xa vi diệu): Chính mình phải học hiểu pháp yếu sâu

⁴⁰ Nhị Không là Nhân Không (Ngã Không) và Pháp Không. Tam Không là Nhân Không, Pháp Không, và Nhân Pháp Câu Không.

xa vi diệu, phải phổ độ chúng sanh. “*Mị bất phú tái*” (Không gì chẳng che chở): Giống như trời đất che chở chúng sanh, trời đất che chở trọn khắp hết thảy chúng sanh. Bồ Tát phát tâm đại từ bi, giống như trời đất che chở chúng sanh, không gì chẳng che chở.

2.2.3.3.1.1.8.1.4. Thành tựu đức thù thắng

(Kinh) Cứu cánh Nhất Thừa, chí u bỉ ngạn. Quyết đoạn nghi vọng, huệ do tâm xuất. Ư Phật giáo pháp, cai la vô ngoại. Trí huệ như đại hải, tam-muội như sơn vương. Huệ quang minh tịnh, siêu du nhật nguyệt. Thanh bạch chi pháp, cụ túc viên mãn. Do như Tuyết Sơn, chiếu chư công đức đẳng nhất tịnh cố. Do như đại địa, tịnh uế hảo ác vô dị tâm cố. Do như tịnh thủy, tẩy trừ trần lao chư cấu nhiễm cố. Do như hỏa vương, thiêu diệt nhất thiết phiền não tâm cố. Do như đại phong, hành chư thế giới vô chướng ngại cố. Do như hư không, u nhất thiết hữu vô sở trước cố. Do như liên hoa, u chư thế gian vô nhiễm ô cố. Do như Đại Thừa, vận tải quần sanh xuất tử cố. Do như trùng vân, chấn đại pháp lôi, giác vị giác cố. Do như đại vũ, vũ cam lộ pháp nhuận chúng sanh cố. Như kim cang sơn, chúng ma ngoại đạo bất năng động cố. Như Phạm thiên vương, u chư thiện pháp tối thượng thủ cố. Như Ni Câu Loại thụ, phổ phú nhất thiết cố. Như Ưu-đàm-bát hoa, hy hữu nan ngộ cố. Như kim xí điều, oai phục ngoại đạo cố. Như chúng du cầm, vô sở tạn tích cố. Do như ngư vương, vô năng thắng cố. Do như tượng vương, thiện điều phục cố. Như sư tử vương, vô sở úy cố. Khoáng nhược hư không, đại từ đẳng cố.

(經)究竟一乘，至於彼岸。決斷疑網，慧由心出。於佛教法，該羅無外。智慧如大海，三昧如山王。慧光明淨，超踰日月。清白之法，具足圓滿。猶如雪山，照諸功德等一淨故。猶如大地，淨穢好惡無異心故。猶如淨水，洗除塵勞諸垢染故。猶如火王，燒滅一切煩惱薪故。猶如大風，行諸世界無障礙故。猶如虛空，於一切有無所著故。猶如蓮華，於諸世間無染汙故。猶如大乘，運載群萌出生死故。猶如重雲，震大法雷覺未覺故。猶如大雨，雨甘露法潤眾生故。如金剛山，眾魔外道不能動故。如梵天王，

於諸善法最上首故。如尼拘類樹，普覆一切故。如優曇鉢華，希有難遇故。如金翅鳥，威伏外道故。如眾遊禽，無所藏積故。猶如牛王，無能勝故。猶如象王，善調伏故。如師子王，無所畏故。曠若虛空，大慈等故。

(Kinh: Rót ráo Nhất Thừa, đạt đến bờ kia. Đoạn trừ lưới nghi, huệ xuất phát từ tâm. Bao trùm giáo pháp của Phật, không gì ra ngoài. Trí huệ như biển cả, tam-muội như núi chúa. Ánh sáng trí huệ thanh tịnh, vượt trời mặt trời, mặt trăng. Trọn đủ viên mãn pháp trắng sạch. Giống như núi Tuyết, vì chiếu các công đức bình đẳng một mực thanh tịnh. Giống như đại địa, vì đối với tịnh, uế, xấu, tốt, chẳng có tâm sai khác. Giống như nước sạch, vì gột trừ các trần lao cấu nhiễm. Giống như hỏa vương, vì đốt sạch hết thảy củi phiền não. Giống như gió to, vì thổi qua các thế giới chẳng chướng ngại. Giống như hư không, vì đối với hết thảy pháp hữu vi chẳng chấp trước. Giống như hoa sen, vì ở trong các thế gian chẳng ô nhiễm. Giống như Đại Thừa, vì chở quần manh thoát khỏi sanh tử. Giống như mây dầy, vì rền sám pháp to lớn để giác ngộ kẻ chưa giác. Giống như mưa to, vì mưa pháp cam lộ nhuần thấm chúng sanh. Như núi kim cang, vì các ma và ngoại đạo chẳng thể động. Như Phạm thiên vương, vì là thượng thủ bậc nhất trong các thiện pháp. Như cây Ni Câu Loại, vì che phủ khắp hết thảy. Như hoa Ưu-đàm-bát, vì hiếm có khó gặp. Như chim cánh vàng, vì oai lực chế ngự ngoại đạo. Như các loài chim phiêu du, vì không chát chứa. Giống như trâu chúa, vì chẳng thể thắng được. Giống như voi chúa, vì khéo điều phục. Như sư tử vương, vì không sợ hãi. Mênh mông dường hư không, vì đại từ bình đẳng).

“Cứu cánh Nhất Thừa, chỉ u bỉ ngạn” (Rót ráo Nhất Thừa, đạt đến bờ kia): Bồ Tát độ chúng sanh cũng là học theo Phật. Nếu nói theo pháp Nhất Thừa, chúng sanh chẳng dễ dàng liễu giải, cho nên trước hết nói Khổ - Tập - Diệt - Đạo, nói pháp Nhị Thừa, lại nói Quyền Giáo Đại Thừa, nói pháp Tam Thừa, mục đích rốt ráo vẫn là pháp Nhất Thừa. Đối với pháp Nhất Thừa Phật đạo, nhất định phải học pháp Nhất Thừa rốt ráo thì mới có thể đạt tới bờ kia Niết Bàn. Do vậy, kinh Pháp Hoa có nói: “Duy hữu Nhất Thừa Pháp, vô nhị, diệc vô tam” (Chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai, cũng không ba). Pháp Nhị Thừa, pháp Tam Thừa đều là phương tiện quyền biến hay khéo, pháp Nhất Thừa mới là Phật pháp chân thật, mới có thể đạt đến bờ kia Niết Bàn.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Quyết đoạn nghi võng, huệ do tâm xuất. Ư Phật giáo pháp, cai la vô ngoại*” (Nhất quyết đoạn trừ lưới nghi, trí huệ phát xuất từ tâm, bao trùm giáo pháp của Phật, chẳng có pháp nào lọt ra ngoài được). “*Quyết đoạn nghi võng*”: “*Nghi*” là một trong năm thứ căn bản phiền não, tức tham, sân, si, mạn, nghi. Đối với Phật pháp, sanh khởi đủ thứ nghi hoặc, đan xen lẫn nhau như cái lưới. Nay những vị Bồ Tát này có thể quyết định đoạn trừ những lưới nghi ấy, do vậy đại triệt đại ngộ, khai trí huệ. “*Huệ do tâm xuất*” đối ứng với câu “*tùng Như Lai sanh*”. Trong phần trước là đã ngộ Phật pháp đến mức Như Như Trí, Như Như Lý, biết diệu pháp là do đức Phật dạy, sanh từ miệng Phật. Nay lại tiến hơn một bước nữa, mới biết Phật pháp chẳng do đức Phật dạy cho chúng ta, mà là trong tâm vốn sẵn có, từ tâm của chính mình lưu xuất. Do vậy, đối với chân tâm của ta, không có gì to lớn mà ra ngoài [chân tâm] được, nó bao trùm hết thấy Phật pháp. “*Ư Phật giáo pháp, cai la vô ngoại*” (Bao trùm Phật pháp, không gì ra ngoài được), “*cai la*”: “*Cai*” (該) là bao gồm, “*la*” là “*su la*” (蒐羅, thu tóm), hết thấy Phật pháp đều ở trong tâm ta.

“*Trí huệ như đại hải, tam-muội như sơn vương*” (Trí huệ như biển cả, tam-muội như núi chúa): Bồ Tát tu Huệ thì phải [tu tập] sao cho Định và Huệ cân bằng. Trong Thất Giác Chi đã được nhắc đến trong phần trước, có Niệm Giác Chi, tức là Định và Huệ cân bằng, chẳng thể thiên trọng Huệ, mà cũng chớ nên thiên trọng Định. Bồ Tát dụng công đến mức độ này, các Ngài biết chớ nên thiên trọng Huệ, mà cũng chớ nên thiên trọng Định. Định và Huệ phải cân bằng. Từ Định Huệ cân bằng, lại hợp thành Định và Huệ như một. Khi ấy, dụng công đến mức tốt cùng, [ở đây, kinh văn] nêu một thí dụ, trí huệ giống như biển cả, rộng lớn rất sâu. “*Tam-muội*” là Thiền Định, tiếng Hán dịch là Chánh Định. Thiền Định như “*sơn vương*” (núi chúa), vọi vọi bất động. Hai thí dụ “*đại hải*” và “*sơn vương*” là tổng thí dụ; kế đó, còn có mười chín thí dụ riêng biệt. “*Huệ quang minh tịnh, siêu du nhật nguyệt*” (Ánh sáng trí huệ thanh tịnh vượt trời mặt trời, mặt trăng): Trí huệ quang minh thanh tịnh. “*Du*” (踰) là vượt trời, [“*siêu du nhật nguyệt*” là] vượt trời ánh sáng của mặt trời, mặt trăng. “*Thanh bạch chi pháp, cụ túc viên mãn*” (Trọn đủ viên mãn pháp trong sạch), tức là Phật pháp đều trọn đủ, đều viên mãn. Đây vẫn là tán thán trí huệ và tam-muội. Tiếp theo là mười chín thí dụ “*do như*” (giống như).

1) “*Do như Tuyết Sơn, chiếu chư công đức đẳng nhât tịnh cố*” (Giống như núi Tuyết, vì chiếu các công đức bình đẳng, một mực thanh

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tịnh): Chúng đăc pháp Định Huệ cân bằng, giống như Tuyết Sơn (Himalaya). Tuyết Sơn thì khắp núi đều là tuyết, chiều các công đức đều là một bầu thanh tịnh như nhau. Tuyết Sơn hoàn toàn là tuyết thanh tịnh.

2) “*Do như đại địa, tịnh uế, hảo ác vô dị tâm cố*” (Giống như đại địa, vì đối với tịnh, uế, tốt, xấu, tâm chẳng sai khác): Tâm Bồ Tát giống như đại địa. Đối với hết thảy chúng sanh, đại địa đều có thể chuyên chở hết thảy vạn vật, nhưng nó chẳng có tâm phân biệt, bất luận là thanh tịnh, ô uế, tốt, xấu, đại địa chẳng có tâm phân biệt. Bồ Tát đối với hết thảy chúng sanh cũng giống như vậy, giống như đại địa.

3) “*Do như tịnh thủy, tẩy trừ trần lao chư cấu nhiễm cố*” (Giống như nước sạch, vì gột trừ trần lao, các cấu nhiễm): Bồ Tát thuyết pháp giống như nước thanh tịnh, có thể gột sạch trần lao như bản của hết thảy chúng sanh.

4) “*Do như hỏa vương, thiêu diệt nhất thiết phiền não tân cố*” (Giống như hỏa vương, vì đốt trụi hết thảy củi phiền não). “*Hỏa vương*” là từ ngữ tán thán. “*Thiêu diệt nhất thiết phiền não tân cố*” (Đốt rụi hết thảy củi phiền não): Bồ Tát thuyết pháp có thể đoạn trừ phiền não của chúng sanh. Phiền não giống như “*tân*” (薪), “*tân*” là củi đốt. Trí huệ thuyết pháp của đức Phật giống như lửa, thiêu sạch tâm phiền não của chúng sanh.

5) “*Do như đại phong, hành chư thế giới vô chướng ngại cố*” (Giống như gió to, vì thổi qua các thế giới chẳng bị chướng ngại): Gió thổi trong thế giới này chẳng có chướng ngại. Bồ Tát hóa độ chúng sanh trên thế giới cũng là vô chướng, vô ngại.

6) “*Do như hư không, ư nhất thiết hữu vô sở trước cố*” (Giống như hư không, vì đối với hết thảy pháp hữu vi chẳng đăc trước): Trong hết thảy các pháp hữu vi đều chẳng vương mắc giống như hư không. Bồ Tát cũng giống như vậy, hằng ngày độ chúng sanh, kết quả là chẳng chấp trước gì!

7) “*Do như liên hoa, ư chư thế gian vô nhiễm ô cố*” (Giống như hoa sen, vì ở trong các thế gian mà chẳng bị ô nhiễm): Bồ Tát độ chúng sanh trong thế gian, chẳng bị chúng sanh nhuốm bản, giống như hoa sen sanh từ bùn lầy mà chẳng nhuốm bản.

8) “*Do như Đại Thừa, vận tải quần sanh xuất sanh tử cố*”: “*Do như Đại Thừa*”: Giống như một cỗ xe to. “*Vận tải quần sanh*”: Chuyên chở chúng sanh thoát khỏi sanh tử.

9) “*Do như trùng vân, chán đại pháp lôi giác vị giác cố*” (Giống

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

như tầng mây dày, vì rền tiếng sấm pháp to lớn để giác ngộ kẻ chưa giác): “*Trùng vân*” (重雲) là mây rất dày. Có mây rất dày thì sẽ nổi sấm. Bồ Tát “*chấn đại pháp lôi giác vị giác*” (rền tiếng sấm pháp to lớn để giác ngộ kẻ chưa giác): Chữ Giác trước là Bồ Tát, chữ “*vị giác*” chỉ chúng sanh. Dùng tiên giác để giác hậu giác tức là “*giác vị giác*”.

10) “*Do như đại vũ, vũ cam lộ pháp nhuần chúng sanh cố*” (Giống như mưa to, vì mưa pháp cam lộ nhuần thấm chúng sanh): Bồ Tát thuyết pháp giống như cam lộ pháp thủy, nhuần thấm hết thầy chúng sanh.

11) “*Như kim cang sơn, chúng ma ngoại đạo bất năng động cố*” (Như núi kim cang, vì các loài ma và ngoại đạo chẳng thể lay động): Bồ Tát hoằng pháp lợi sanh, có các loài ma và ngoại đạo muốn tới nhiều loạn. Bồ Tát vôi vọi bất động, giống như núi kim cang, chẳng bị các loài ma và ngoại đạo lay động.

12) “*Như Phạm thiên vương, u chư thiện pháp tối thượng thủ cố*” (Như Đại Phạm Thiên Vương vì là bậc thượng thủ cao tột trong các pháp lành): Trên thế giới, Đại Phạm Thiên Vương là thiên vương lớn nhất, là bậc thượng thủ cao nhất trong các thiện pháp. Bồ Tát thuyết pháp cũng giống như thế.

13) “*Như Ni Câu Loại thụ, phổ phủ nhất thiết cố*” (Như cây Ni Câu Loại, vì che phủ hết thầy): Ở Trung Hoa chẳng có cây Ni Câu Loại (Nyagrodha), Ấn Độ có cây này. [Ni Câu Loại] dịch sang tiếng Hán là Tung Quảng Thụ. Tung (縱) là cao, [Quảng là rộng]. Cây ấy cao ba trượng mới có thể trở cành. Thân cây cao lớn khôn sánh. “*Tung*” là cao lớn khôn sánh. “*Quảng*” (廣) là lá cây có thể to đến mức che khắp đại địa. Ví như Bồ Tát thuyết pháp che rợp hết thầy chúng sanh, giống như cây Ni Câu Loại.

14) “*Như Ưu-đàm-bát hoa, hy hữu nan ngộ cố*” (Như hoa Ưu-đàm-bát, vì hiếm có khó gặp). Trong phần trước đã có nói, “*Ưu-đàm-bát hoa*” (Uḍumbara) còn gọi là hoa Linh Thụy (靈瑞), ba ngàn năm mới nở một lần, quý vị chẳng dễ gì gặp được! Bồ Tát thuyết pháp, phát tâm dài lâu, thường xuyên thuyết pháp, nhưng nhân duyên của quý vị chẳng đủ sẽ không gặp được. Hễ gặp gỡ, quý vị đừng bỏ lỡ cơ hội!

15) “*Như kim xí điểu, oai phục ngoại đạo cố*”: Giống như kim xí điểu (Garuda)⁴¹ có thể dùng oai lực khuất phục hết thầy ngoại đạo.

⁴¹ Garuda, thường phiên âm là Ca Lô La, hoặc dịch nghĩa là Đại Bằng Kim Xí Điểu, là một loài trong Thiên Long Bát Bộ. Ca Lô La thân chim, đầu người, mũi

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

16) “*Như chúng du cầm, vô sở tàng tích cố*” (Như các loài chim phiêu du, vì chẳng cất chứa): Có một loài du điều bay tới bay lui, chính mình chẳng có tổ, chúng chẳng tích chứa gì. Bồ Tát du hành giáo hóa, chẳng hề cất chứa, chẳng giấu diếm một chút Phật pháp nào, có Phật pháp gì thấy đều dạy hết cho chúng sanh.

17) “*Do như ngư vương, vô năng thắng cố*” (Giống như trâu chúa, vì không ai có thể thắng được).

18) “*Do như tượng vương, thiện điều phục cố*” (Giống như voi chúa, vì khéo điều phục).

19) “*Như sư tử vương, vô sở úy cố*” (Như sư tử chúa, vì không sợ hãi): “*Do như tượng vương*” (Giống như voi chúa) có thể khéo điều phục. Lại giống như sư tử vương, không sợ hãi.

Đến đây tổng cộng là mười chín tỷ dụ. “*Khoáng nhược hư không, đại từ đẳng cố*” (Mênh mông dường hư không, vì đại từ, bình đẳng): “*Khoáng*” (曠) là khoáng đạt (曠達, rộng rãi), giống như hư không. Tâm đại từ của Bồ Tát bình đẳng, giống như hư không.

2.2.3.3.1.1.8.1.5. Hạnh tu tăng tấn

(Kinh) Tồi diệt tật tâm, bất kỳ thắng cố. Chuyên nhạo câu pháp, tâm vô yếm túc, thường dục quảng thuyết, chí vô bì quyện. Kích pháp cổ, kiến pháp tràng, diệu huệ nhật, trừ si ám. Tu Lục Hòa Kính, thường hành pháp thí. Chí dũng tinh tấn, tâm bất thoái nhược. Vi thể đẳng minh, tối thắng phước điền. Thường vi sư đạo, đẳng vô tăng ái. Duy nhạo chánh đạo, vô dư hân thích. Bạt chư dục thích, dĩ an quần sanh, công huệ thù thắng, mạc bất tôn kính. Diệt tam cấu chướng, du chư thân thông.

(經)摧滅嫉心，不忌勝故。專樂求法，心無厭足。常欲廣說，志無疲倦。擊法鼓，建法幢，曜慧日，除癡闇。

ung, thân màu xanh như ngọc bích, cánh rất to, rộng đến ba trăm do-tuần, óng ánh như vàng, bay rất nhanh, mắt rất tinh, thích ăn thịt các loài rồng. Đôi khi, Ca Lô La được tạc có hình người vạm vỡ, mũi như mỏ chim ung, có hai tay, hoặc bốn tay. Ca Lô La giữ vai trò thủ hộ núi Tu Di và trời Đao Lợi, nên các chùa miếu thuộc Phật giáo Nam Truyền như tại Thái Lan, Cao Miên, Lào, Bali (Indonesia) thường tạc hình Ca Lô La ở bốn góc chùa (thường gọi là Krud). Do Ca Lô La thường được tạc tượng với vẻ mặt hung dữ, người Kampuchea hay gọi tượng Ca Lô La là “tượng chằn”.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

修六和敬，常行法施。志勇精進，心不退弱。為世燈明，最勝福田。常為師導，等無憎愛。唯樂正道，無餘欣戚。拔諸欲刺，以安群生。功慧殊勝，莫不尊敬。滅三垢障，遊諸神通。

(Kinh: Đẹp tan tâm ganh ghét vì chẳng đố kỵ người hơn mình. Chuyên thích cầu pháp, tâm không chán đủ, thường muốn nói rộng rãi, chí nguyện chẳng mệt mỏi. Đánh trống pháp, dựng pháp tràng, chói ngời mặt trời trí huệ, trừ si ám. Tu Lục Hòa Kính, thường hành pháp thí. Chí nguyện dũng mãnh, tinh tấn, tâm chẳng lui sụt, yếu đuối. Làm đèn soi đời, ruộng phước tối thắng. Thường làm bậc đạo sư, bình đẳng, không yêu ghét. Chỉ thích chánh đạo, không yêu mến, lo lắng điều chi khác. Nhổ các gai dục để an định các chúng sanh. Công đức, trí huệ thù thắng, không ai chẳng tôn kính. Diệt trừ tam cấu chướng, dạo chơi trong các thân thông).

“Tội diệt tận tâm, bất kỳ thắng cố” (Đẹp tan tâm ganh ghét vì chẳng đố kỵ người hơn mình): Ở đây chẳng phải là thí dụ. Đây là trực tiếp nói về công đức của Bồ Tát. “Tội diệt tận tâm” (Đẹp tan tâm ganh ghét): Bồ Tát chẳng có tâm ganh tỵ, vì sao Ngài đẹp tan tâm đố kỵ? Ngài chẳng ganh tỵ người vượt trội mình. Thấy người khác vượt trội mình, tâm Ngài sanh hoan hỷ, Ngài tùy hỷ công đức, trọn chẳng ganh tỵ người vượt trội Ngài. Do vậy, Ngài chẳng có tâm ganh ghét. Tôi lần nữa hướng về các vị nói về công đức của Bồ Tát nhằm dạy chúng ta tham học. Rất khó hàng phục lòng ganh ghét vì lũ phàm phu chúng ta có cái Ngã, có ngã tri, ngã kiến, cho nên dễ chấp trước, chỉ sợ người khác vượt trội ta. Trông thấy người khác giảng kinh, thuyết pháp hay hơn ta, trong tâm bèn chịu không nổi. Thấy người khác tu hành dụng công hơn ta, cũng chịu không nổi. Do như vậy mà dấy lên tâm ganh tỵ. Phải phát tâm tùy hỷ công đức. Người khác giảng kinh, thuyết pháp là công đức, ta phải tùy hỷ. Người khác tu hành dụng công là công đức, ta phải tùy hỷ. Phải thường xuyên phát tâm tùy hỷ công đức, hàng phục cái tâm ganh tỵ. Tiến thêm một bước nữa là phá dẹp nó.

“Chuyên nhạo cầu pháp, tâm vô yếm túc, thường dục quảng thuyết, chí vô bì quyện” (Chuyên thích cầu pháp, tâm chẳng chán đủ, thường muốn rộng nói, chí chẳng chán mệt): Hai câu này là tự lợi và lợi tha nhằm kết thúc những công đức [đã được đề cập] trong phần trước, tổng kết chúng. Tâm Bồ Tát là tâm tự lợi, lợi tha, cầu tự lợi, cầu Phật

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

pháp, chuyên tâm dốc ý ưa thích mong cầu Phật pháp. “*Tâm vô yếm túc*” (Tâm chẳng chán, đủ) là cái tâm “chưa thành Phật sẽ không ngưng nghỉ”, chẳng có cái tâm chán ngán, [cảm thấy đã] đủ rồi. Vì Bồ Tát trên là cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, vừa cầu Phật pháp, vừa giảng cho chúng sanh nghe. “*Thường dục quảng thuyết*” (Thường muốn nói rộng rãi): Phải nói [Phật pháp] cho nhiều. “*Chí vô bì quyên*” (Chí chẳng mệt mỏi): Chí nguyện trong tâm chưa hề có ý tưởng mệt mỏi. “*Kích pháp cổ, kiến pháp tràng, diêu huệ nhật, trừ si ám*” (Đánh trống pháp, dựng pháp tràng, sáng ngời mặt trời trí huệ, trừ si ám): Ba câu đầu là Bồ Tát thuyết pháp. “*Kích pháp cổ, kiến pháp tràng, diêu huệ nhật*” là phát ra ánh sáng trí huệ, sau đó là “*trừ si ám*”, tức là lợi ích chúng sanh, mong trừ ngu si hắc ám cho chúng sanh.

“*Tu Lục Hòa Kính, thường hành pháp thí*”: Đây là phải tôn kính Lục Hòa Tăng. Quý vị là một vị Bồ Tát, phải thuyết pháp lợi ích chúng sanh. Nếu Bồ Tát đông đảo, chẳng phải là lợi ích chúng sanh càng nhiều hơn ư? Điều này phát xuất từ “*tôi diệt tận tâm*” (đẹp tan tâm ganh ghét) trong phần trước, hy vọng đại chúng Tăng đều có thể giảng kinh, thuyết pháp, lợi ích chúng sanh. Đối với đại chúng Tăng, phải thể hiện sự cung kính theo Lục Hòa. [Tăng trong] chữ Phạm là Tăng-già (Samgha), tiếng Hán là Hòa Hợp Chúng. Hòa Hợp Chúng có sáu thứ hòa hợp, tức là thân, khẩu, ý, giới, kiến, và lợi. Lục Hòa Kính có sáu thứ:

1) Thứ nhất, Thân Hòa Đồng Trụ: Người xuất gia thân thể phải hòa đồng thì mới có thể cùng trụ trong một đạo tràng.

2) Thứ hai, Khẩu Hòa Vô Tranh: Ngoài giảng kinh, thuyết pháp ra, chẳng dấy lên tranh luận.

3) Thứ ba, Ý Hòa Đồng Duyệt: Thân và Khẩu đã hòa, Ý [cũng phải] hòa. Trong tâm phải hoan hỷ. Ba pháp “thân, khẩu, ý” đều hòa hợp.

4) Thứ tư, Giới Hòa Đồng Tu: Tức là đối với giới của mọi người đã thọ, đều là tỳ-kheo giới hay Bồ Tát giới đều như nhau.

5) Thứ năm, Kiến Hòa Đồng Giải: Mọi người đều tu Đại Thừa Phật pháp, kiến giải giống như nhau.

6) Thứ sáu, Lợi Hòa Đồng Quân: Đối với lợi dưỡng thì mọi người đều bằng nhau.

Đó gọi là Giới, Kiến, Lợi tam hòa, lại còn có Thân, Khẩu, Ý tam hòa, hợp thành Lục Hòa, [đoàn thể đệ tử Phật tuân theo Lục Hòa thì] gọi là Lục Hòa Tăng. Câu này có ý nói: Phải tu Lục Hòa Kính, bản thân

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

ta phải trọn hết trách nhiệm của chính mình. Ta đối với đại chúng Tăng, phải hành Lục Hòa cung kính. Nói theo danh từ hiện thời, sẽ là “ *tinh thành đoàn kết*” (精誠團結, đoàn kết thành một đoàn thể tinh ròng, chí thành). Quý vị là một người hoằng pháp lợi lạc chúng sanh, nếu đại chúng hòa hợp tăng đều đoàn kết với nhau, đều cùng hoằng dương Phật pháp, chẳng phải là chúng sanh sẽ đạt được lợi ích càng nhiều hơn ư? Do vậy, thường tu Lục Hòa Kính, thường hành pháp bố thí.

“*Chí dững tinh tấn, tâm bất thoái nhược*” (Chí nguyện dững mãnh, tinh tấn, tâm chẳng lui sụt, yếu ớt): Quý vị phải thường hành Pháp Bố Thí, phát cái tâm khó có ấy, nhưng quý vị phải biết thế giới Sa Bà là đời ác ngũ trược, quý vị phát tâm hoằng dương Phật pháp lợi ích chúng sanh, sẽ nảy sanh ma cảnh. Đó gọi là “*đạo cao một thước, ma cao một trượng*”. Quý vị gặp phải đôi chút cảnh giới chẳng vừa lòng, ma cảnh hiện tiền, ôi chao! Ta vẫn nên tự mình sống trong lều tranh tu hành đi thôi! Như vậy là quý vị đã lui sụt, yếu lòng, phải dững mãnh tinh tấn, tâm chẳng lui sụt, yếu ớt, phải chiến thắng ma cảnh. “*Vi thế đăng minh, tối thắng phước điền*” (Làm đèn soi sáng cho cõi đời, là ruộng phước tối thắng): Phải phát nguyện làm ánh sáng chiếu tan hắc ám cho chúng sanh, phải phát nguyện làm ruộng cho chúng sanh gieo phước. Chúng sanh chẳng có trí huệ, ta ban trí huệ cho họ. Chúng sanh chẳng có phước, ta vun bồi phước cho họ. Ban cho họ trí huệ thì giống như cho họ đèn sáng. Vun bồi phước cho họ thì giống như gieo phước điền cho họ.

“*Thường vi sư đạo, đẳng vô tăng ái*” (Thường làm bậc hướng dẫn, bình đẳng, chẳng yêu ghét): Ta phát nguyện thường làm bậc đạo sư của chúng sanh, thường vì chúng sanh thuyết pháp, nhưng đối với chúng sanh, ta phát tâm bình đẳng. “*Đẳng vô tăng ái*” (Bình đẳng, không yêu ghét) là chẳng có hai ý niệm yêu ghét sai khác. Đối với những chúng sanh đáng ghét liền oán hận, đối với những chúng sanh ưa thích liền yêu mến thiên vị. Đây đều là cái tâm phàm phu, chẳng phải là tâm Bồ Tát. Bồ Tát phải bình đẳng không ghét, không yêu. “*Duy nhạo chánh đạo, vô dư hân thích*” (Chỉ yêu thích chánh đạo, không yêu thích hay bận tâm vì những thứ khác), nghĩa là tâm Bồ Tát chỉ yêu thích chánh đạo của Phật, chẳng có những pháp nào khác khiến cho Bồ Tát ưa chuộng hay khiến cho Bồ Tát bận lòng. Chỉ có một tâm là tâm cầu chánh đạo. Hai câu “*duy nhạo chánh pháp, dư vô hân thích*” trên đây chính là công phu tự lợi. Kế đó, “*bạt chư dục thích, dĩ an quần sanh*” (nhổ các gai dục để an định quần sanh): Hai câu này là lợi tha. Ta

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

hoảng pháp lợi sanh là để cho chúng sanh đoạn trừ cái tâm dục ái, tham dục. [Những món ái dục ấy] giống như cây lao xiên cá đâm vào tâm chúng sanh, ta phải nhổ cây lao xiên cá ấy ra, khiến cho chúng sanh an lạc. Đó là “*dĩ an quần sanh*” (để an định quần sanh).

“*Công huệ thù thắng, mạc bất tôn kính*” [nghĩa là] công đức và trí huệ của quý vị đều hết sức thù thắng, hết thảy chúng sanh không ai chẳng tôn kính quý vị. Quý vị hiểu đạo lý này, nhất định sẽ phát đại nguyện, sẽ thuyết pháp lợi ích chúng sanh. Hiện thời, Phật pháp chẳng hưng thịnh, người trong xã hội trông thấy bậc xuất gia chẳng dấy lòng tôn kính. Vì sao? Chúng ta chẳng thuyết pháp cho họ nghe. Họ chẳng thấy trí huệ của quý vị. Quý vị chẳng làm công đức, họ chẳng biết quý vị có ưu điểm gì! Do vậy, họ chẳng cung kính quý vị. Quý vị phải làm nhiều công đức, bố thí trí huệ cho nhiều. Làm nhiều công đức, chúng sanh sẽ không ai chẳng tôn kính quý vị. “*Diệt tam cấu chướng, du chư thần thông*” (Diệt trừ ba cấu chướng, dạo chơi trong các thần thông): Quý vị muốn lợi ích chúng sanh, trước hết phải đoạn sạch phiền não. Tham, sân, si là Tam Cấu. Tam Cấu sanh ra chướng ngại. Quý vị diệt trừ Tam Cấu phiền não, thần thông sẽ tự nhiên hiện tiền, sẽ lại “*du chư thần thông*” (dạo chơi trong các thần thông), tức là tự do tự tại giáo hóa chúng sanh.

2.2.3.3.1.1.8.1.6. Các lực trọn đủ

(Kinh) Nhân lực, duyên lực, ý lực, nguyện lực, phương tiện chi lực. Thường lực, thiện lực, định lực, huệ lực, đa văn chi lực. Thí, giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiên Định, trí huệ chi lực. Chánh niệm Chỉ Quán, chư thông minh lực. Như pháp điều phục chư chúng sanh lực. Như thị đẳng lực, nhất thiết cụ túc.

(經) 因力、緣力、意力、願力、方便之力。常力、善力、定力、慧力，多聞之力。施戒忍辱精進禪定智慧之力。正念止觀，諸通明力。如法調伏諸眾生力。如是等力，一切具足。

(Kinh: Nhân lực, duyên lực, ý lực, nguyện lực, phương tiện lực. Thường lực, thiện lực, định lực, huệ lực, đa văn lực. Sức thí, giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiên Định, trí huệ. Sức chánh niệm Chỉ Quán, sức các món thần thông, tam minh. Sức điều phục chúng sanh đúng pháp. Các sức như thế, hết thảy đều trọn đủ).

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Nhân lực, duyên lực, ý lực, nguyện lực, phương tiện chi lực*”: Tiếp đó, có rất nhiều lực. Vì sao cần đến lực? Vì lực [được nói đến ở đây] chính là lực dụng (tác dụng của lực), tức là diệu dụng của Bồ Tát. Lực cũng là bản lãnh của Bồ Tát, Bồ Tát độ chúng sanh thì phải có bản lãnh độ chúng sanh. Bồ Tát có năng lực độ chúng sanh hay không? Tiếp đó, [kinh vẫn nói đến] bản lãnh và năng lực độ chúng sanh của Bồ Tát. “*Nhân lực, duyên lực*”: Hết thầy các pháp sanh từ nhân duyên, Bồ Tát cũng sanh từ nhân duyên. “*Nhân lực*” là thiện căn đã gieo trong đời trước, kiếp trước. Đây chính là sức mạnh và lực dụng của cái nhân. “*Duyên lực*” là thiện căn đã vun bồi trong đời trước, kiếp trước, gặp cái duyên là thầy dạy dỗ, gặp thiện tri thức giảng giải Phật pháp, nhân duyên trọn đủ. “*Ý lực*” là sức mạnh của cái tâm, gặp thiện tri thức đang nói Phật pháp, quý vị có phát tâm học Phật hay không? Hễ phát tâm thì là “*ý lực*”. Đã phát tâm, quý vị có phát đại nguyện độ chúng sanh hay không? Ta phát [đại nguyện độ chúng sanh], đây là “*nguyện lực*”. Phát nguyện độ chúng sanh mà vẫn chẳng độ được, quý vị phải học phương tiện quyền biến, xảo diệu. Sức phương tiện quyền biến, xảo diệu gọi là “*phương tiện chi lực*”.

“*Thường lực*”: Quý vị phát tâm hoằng pháp mà chẳng phát tâm dài lâu, sẽ chẳng được. “*Thiện lực*” là sức mạnh tốt lành nhất. “*Định lực, huệ lực*”: Có Thiên Định lực, có trí huệ lực. “*Đa văn chi lực*”: Đối với Phật pháp, phải đa văn. Bản lãnh độ chúng sanh của quý vị chẳng đủ là vì quý vị nghe pháp quá ít. Hễ đa văn, bản lãnh sẽ to lớn. Trên đây đã nói nhiều thứ lực như vậy, đều là những năng lực phát sanh nơi phương diện cầu Giải. Kế đó, nói đến năng lực phát sanh nơi phương diện tu hành. “*Thí, giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiên Định, trí huệ chi lực*”: Bồ Tát tu hành bèn tu Lục Ba La Mật, tức là tu Lục Độ: Bố Thí Độ, Trì Giới Độ, Nhẫn Nhục Độ, Tinh Tấn Độ, Thiên Định Độ, và Trí Huệ Độ. Do tu hành Lục Độ mà phát sanh năng lực.

“*Chánh niệm Chỉ Quán*”: Do chánh niệm hiện tiền, tu hạnh môn Chỉ Quán, sanh ra sức mạnh. “*Chư thông minh lực*”: Quý vị dụng công tu hành, đạt được Lục Thông, đắc Tam Minh, sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn. “*Như pháp điều phục chư chúng sanh lực*” (Sức điều phục các chúng sanh đúng pháp): Quý vị thấy chúng sanh nào bèn biết phải nên dùng phương pháp gì để điều phục người ấy. Đây gọi là “*như pháp điều phục chư chúng sanh lực*”. “*Như thị đẳng lực, nhất thiết cụ túc*” (Những lực như thế hết thảy đều trọn đủ): Sức mạnh cầu Giải, sức mạnh cầu Hành, Giải lẫn Hành đều coi trọng, những sức mạnh ấy hết

thầy đều trọn đủ.

2.2.3.3.1.1.8.1.7. Thông với các đức, tán thán những điều thù thắng đã được nêu bày trên đây

(Kinh) Thân sắc tướng hảo, công đức biện tài, cụ túc trang nghiêm, vô dũ đẳng giả. Cung kính cúng dường vô lượng chư Phật, thường vị chư Phật sở cộng xưng thán. Cứu cánh Bồ Tát chư Ba La Mật, tu Không, Vô Tướng, Vô Nguyện tam-muội, bất sanh bất diệt chư tam-muội môn, viễn ly Thanh Văn, Duyên Giác chi địa.

(經) 身色相好，功德辯才，具足莊嚴，無與等者。恭敬供養無量諸佛，常為諸佛所共稱歎。究竟菩薩諸波羅蜜，修空、無相、無願三昧，不生不滅諸三昧門，遠離聲聞緣覺之地。

(Kinh: Sắc thân, tướng hảo, công đức biện tài, trang nghiêm trọn đủ, chẳng ai sánh bằng. Cung kính cúng dường vô lượng chư Phật, thường được chư Phật cùng khen ngợi. Rốt ráo các Ba La Mật của hàng Bồ Tát, tu Không, Vô Tướng, Vô Nguyện tam-muội, các môn tam-muội bất sanh bất diệt, xa lìa địa vị Thanh Văn, Duyên Giác).

“Thân sắc tướng hảo, công đức biện tài, cụ túc trang nghiêm” (Sắc thân, tướng hảo, công đức biện tài, trang nghiêm trọn đủ): Sắc tướng nơi thân thể toàn là kim sắc. “Tướng hảo”: Có ba mươi hai thứ tướng, và tám mươi hai loại tùy hình hảo⁴², công đức biện tài hết thầy trọn đủ trang nghiêm. “Vô dũ đẳng giả” (Chẳng có ai sánh bằng): Chẳng có Bồ Tát trong cõi nước nào vượt trội hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. “Cung kính cúng dường vô lượng chư Phật, thường vị chư Phật sở cộng xưng thán” (Cung kính cúng dường vô lượng chư Phật, thường được chư Phật cùng khen ngợi): Trong phần trước đã nói, Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc đều cúng dường mười phương vô lượng chư Phật Thế Tôn, mười phương chư Phật cũng xưng dương, tán thán các Ngài. “Cứu cánh Bồ Tát chư Ba La Mật” (Rốt ráo các Ba La Mật của hàng Bồ Tát): Trong phần trước, Bồ Tát tu Lục Độ

⁴² Kinh thường chép là “tám mươi tùy hình hảo”, ở đây hòa thượng nói là “tám mươi hai”, không biết có phải là do lỗi của người ghi lại lời giảng hay không?

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

chưa tu viên mãn, lúc này, tu Lục Độ đều tới mức đạt tới bờ kia, đều viên mãn.

“*Tu Không, Vô Tướng, Vô Nguyên tam-muội*”: Trong phần trên đã nói chuyện này vài lượt, những tam-muội này được gọi là Tam Tam-muội. “*Bất sanh bất diệt chư tam-muội môn*”: Tu bất sanh bất diệt tam-muội, tức là tam-muội [liễu ngộ] hết thảy các pháp vốn bất sanh, vốn bất diệt. “*Viễn ly Thanh Văn, Duyên Giác chi địa*” (Xa lìa địa vị Thanh Văn và Duyên Giác): Bồ Tát tu hành là vì chúng sanh mà tu hành. Thanh Văn và Duyên Giác gọi là Nhị Thừa, gọi gộp chung là Tiểu Thừa, chỉ chịu tự lợi, chẳng chịu lợi ích chúng sanh. Bồ Tát xa lìa địa vị Thanh Văn, Duyên Giác.

2.2.3.3.1.1.8.2. Tổng kết lời tán thán

(Kinh) A Nan! Bỉ chư Bồ Tát, thành tựu như thị vô lượng công đức, ngã đản vị nhữ lược ngôn chi nhĩ. Nhược quảng thuyết giả, bách thiên vạn kiếp bất năng cùng tận.

(經)阿難！彼諸菩薩，成就如是無量功德，我但為汝略言之耳。若廣說者，百千萬劫不能窮盡。

(Kinh: Này A Nan! Các vị Bồ Tát ấy thành tựu vô lượng công đức như thế đó, ta chỉ nói đại lược cho các ông đó thôi. Nếu nói chi tiết, trăm ngàn vạn kiếp chẳng thể nói trọn hết).

Nói đến đây, đã nói xong về công đức của hàng Bồ Tát trong Cực Lạc thế giới, [đức Phật] bèn gọi ngài A Nan một tiếng: “*A Nan! Bỉ chư Bồ Tát, thành tựu như thị vô lượng công đức*” (Này A Nan! Các vị Bồ Tát trong cõi ấy thành tựu vô lượng công đức như thế): “*Bỉ*” là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Những vị Bồ Tát ấy đã thành tựu vô lượng công đức như vậy. “*Ngã đản vị nhữ lược ngôn chi nhĩ*” (Ta chỉ vì ông nói đại lược đó thôi): Nay ta nói nhiều ngàn ấy, vẫn là nói giản lược. “*Nhược quảng thuyết giả, bách thiên vạn kiếp bất năng cùng*” [nghĩa là] nếu nói chi tiết, trăm ngàn vạn kiếp cũng nói chẳng xong công đức của họ. Tám đoạn kinh văn trên đây đều là tán thán công đức nơi hạnh môn của hàng Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà cũng là các sự vui mà họ được thọ dụng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì sao gọi là Tây Phương Cực Lạc thế giới? “*Vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc*” (Chẳng có các sự khổ, chỉ hưởng những sự vui).

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

Ba đoạn lớn kinh văn tiếp theo đây sẽ nói rõ nỗi khổ phải hứng chịu trong thế giới Sa Bà. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có các thứ khổ, so sánh đối chiếu [để chỉ rõ] thế giới Sa Bà chịu khổ rất nhiều, chịu đựng những nỗi khổ gì vậy? Hứng chịu nỗi khổ do tham, sân, si. Vì sao thế giới Sa Bà phải hứng chịu đau khổ? Từ khổ nào sanh ra. Phiền não có ba thứ căn bản phiền não: Tham phiền não, sân hận phiền não, và ngu si phiền não. Do vậy, trong ba đoạn kinh văn lớn tiếp theo đây, sẽ nói: Do tâm tham sanh ra khổ, từ tâm sân hận sanh ra khổ, từ tâm ngu si sanh ra khổ, dạy chúng ta đã biết thì hãy gắng đoạn khổ. Đoạn khổ là đoạn tham, sân, si. Nói đến đây bèn thay đổi vị đương cơ, vị đương cơ [trong phần kế tiếp] của phần này là Di Lạc Bồ Tát. Đương cơ trong những phần trước đều là ngài A Nan; vì sao thay đổi người đương cơ? Vì sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật nhập Niết Bàn, đức Đương Lai Hạ Sanh là Di Lạc Tôn Phật.

Di Lạc Bồ Tát là Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát, vì bậc Bồ Xứ Bồ Tát trong thế giới Sa Bà là vị này, trong tương lai Ngài sẽ giáng sanh thành Phật. Vì thế, đức Phật nói với bậc hạ sanh trong tương lai là Di Lạc Bồ Tát. Ngài lại còn bảo hết thầy trời người hãy lắng nghe, hãy khéo tôn trọng pháp do Thích Ca Như Lai đã giảng, phải cảnh giác chính mình đoạn trừ tham, sân, si, thoát khỏi các nỗi khổ. Phải đoạn trừ tham, sân, si, thoát khỏi các thứ khổ như thế nào? Tu hành trong thế giới Sa Bà chẳng dễ dàng, nhất định phải tin vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải phát nguyện vãng sanh, phải niệm danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật thì mới có thể đoạn tham, sân, si, thoát khỏi các nỗi khổ.

2.2.3.3.1.2. Khuyến mọi người vãng sanh cõi ấy

(Kinh) Phật cáo Di Lạc Bồ Tát chư thiên nhân đấng: - Vô Lượng Thọ Quốc, Thanh Văn, Bồ Tát, công đức, trí huệ, bất khả xưng thuyết. Hựu kỳ quốc độ, vi diệu an lạc, thanh tịnh nhược thử, hà bất lực vi thiện? Niệm đạo chi tự nhiên, trước vô thượng hạ, đồng đạt vô biên tế, nghi các cần tinh tấn, nỗ lực tự cầu chi, tất đắc siêu tuyệt khứ, vãng sanh An Lạc quốc, hoành tiệt ngũ ác đạo, ác đạo tự nhiên bế, thăng đạo vô cùng cực, dị vãng nhi vô nhân, kỳ quốc bất nghịch vi, tự nhiên chi sở khiên, hà bất khí thế sự? Cần hành cầu đạo đức, khả đắc cực trường sanh, thọ lạc vô hữu cực.

(經)佛告彌勒菩薩諸天人等：無量壽國，聲聞菩薩，

功德智慧，不可稱說。又其國土，微妙安樂，清淨若此。何不力為善？念道之自然。著於無上下，洞達無邊際，宜各勤精進，努力自求之。必得超絕去，往生安樂國。橫截五惡道，惡道自然閉。昇道無窮極，易往而無人。其國不逆違，自然之所牽。何不棄世事？勤行求道德。可得極長生，壽樂無有極。

(Kinh: Đức Phật bảo Di Lặc Bồ Tát và các hàng trời người: - Công đức và trí huệ của hàng Bồ Tát, Thanh Văn trong nước Vô Lượng Thọ chẳng thể nói kể. Thêm nữa, cõi nước ấy vi diệu, an lạc, thanh tịnh dường ấy, sao chẳng nỗ lực làm lành? Nghĩ tới đạo tự nhiên, phủ trùm [khắp các căn cơ, chẳng phân biệt] thượng căn hay hạ căn, liễu đạt thông suốt, chẳng có ngăn mé. Ai nấy hãy nên siêng năng, tinh tấn, nỗ lực tự cầu, ắt sẽ được vượt thoát [tam giới], đoạn tuyệt [sinh tử], sanh về cõi An Lạc, cắt ngang năm đường ác, ác đạo tự nhiên đóng lại, vượt lên Phật đạo chẳng có hạn cực. Dễ đi mà không có ai, cõi nước ấy chẳng trái nghịch, tự nhiên lôi kéo, sao chẳng bỏ việc đời? Siêng năng hành trì cầu đạo đức, sẽ có thể đạt được trường sanh tốt bậc, thọ mạng và vui sướng chẳng có cùng cực).

“Phật cáo Di Lặc Bồ Tát chư thiên nhân đấng” (Đức Phật bảo Di Lặc và các hàng trời người): Đức Phật nói với Di Lặc Bồ Tát cũng là nói cho thiên chúng và nhân chúng trong thế giới Sa Bà nghe. Nghe gì vậy? Trong phần trên, đức Phật đã nói với tôn giả A Nan về các thứ vui sướng nhiệm mầu trong cõi nước của Vô Lượng Thọ Phật ở phương Tây, hãy nên ngay lập tức phát nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Vô Lượng Thọ quốc, Thanh Văn, Bồ Tát, công đức, trí huệ, bất khả xưng thuyết*” (Công đức và trí huệ của hàng Thanh Văn, Bồ Tát trong cõi Vô Lượng Thọ chẳng thể nói kể được): Công đức và trí huệ của họ quá nhiều, “*bất khả xưng thuyết*”: Nếu nói ra, sẽ chẳng thể nói trọn hết. “*Hựu kỳ quốc độ, vi diệu an lạc, thanh tịnh nhược thử*” [nghĩa là] Tây Phương Cực Lạc thế giới vi diệu, an vui, thanh tịnh dường ấy, tốt đẹp như đã nói trong phần trước. “*Hà bất lực vi thiện?*” (Sao không gắng sức làm lành?): Hàng thiên chúng và nhân chúng quý vị, có sao chẳng ngay lập tức tu trì thiện pháp này? “*Niệm đạo chi tự nhiên*” (Nghĩ tới lẽ đạo tự nhiên), nghĩa là nếu nghĩ đi theo con đường vắng sanh, sẽ tự nhiên có thể vắng sanh. Bởi lẽ, do bốn

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

mười tám đại nguyện của A Di Đà Phật, quý vị niệm danh hiệu của Ngài thì sẽ có thể vãng sanh, giống như tự nhiên mà sanh vậy. Các công đức của Tây Phương Cực Lạc thế giới rất hiển nhiên.

“*Trước u vô thượng hạ*” (Phù hợp [các căn tánh], chẳng phân biệt thượng căn hay hạ căn): Thích hợp trọn khắp cả ba căn, chẳng phân biệt thượng, trung, hạ căn. Quý vị chỉ cần phát nguyện vãng sanh thì sẽ có thể sanh sang đó. “*Đồng đạt vô biên tế*” (Liều đạt thông suốt, chẳng có ngăn mé): Quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trí huệ và thần thông đều liều đạt thông suốt, chẳng ngăn ngại, chẳng có ngăn mé. “*Nghi các căn tinh tấn, nỗ lực tự cầu chi*” (Ai nấy hãy nên siêng năng tinh tấn, nỗ lực tự cầu sanh về đó): Thiên chúng và nhân chúng các vị hãy nên ai nấy tinh tấn dụng công, tự mình nỗ lực cầu sanh về Tây Phương. “*Tất đắc siêu tuyệt khứ, vãng sanh An Lạc quốc*” [nghĩa là] ắt có thể vượt thoát thế giới Sa Bà, đoạn tuyệt sanh tử, vãng sanh Tây Phương An Dưỡng quốc. “*Hoành tiệt ngũ ác đạo, ác đạo tự nhiên bế*” (Cắt ngang năm đường ác, ác đạo tự nhiên đóng): Đối với sự luân hồi trong năm đường của thế giới Sa Bà, [tức là đối với sáu đường luân hồi], tách riêng A Tu La đạo ra, sẽ còn lại năm đường là trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh. Trong năm đường ấy, trừ ba ác đạo ra thì chỉ có hai đường thiên đạo và nhân đạo là thiện đạo. “*Thiện đạo*” là do so với ba ác đạo mà gọi là Thiện, chứ so với Tây Phương Cực Lạc thế giới thì chúng nó (thiên đạo và nhân đạo trong thế giới Sa Bà) vẫn là ác đạo! Vì chúng chẳng phải là thuần thiện, có xen tạp ác pháp. Do vậy, trên thực tế, [thế giới Sa Bà] có đến năm ác đạo. Chúng ta mong vượt thoát năm ác đạo ấy, phải đoạn phiền não, giống như trò cầu thang, lên cao từng nấc một, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Hoành tiệt ngũ ác đạo*”: Chặt ngang, ngay lập tức vượt thoát năm đường ác. “*Ác đạo tự nhiên bế*” (Ác đạo tự nhiên đóng): Năm đường ác tự nhiên bị đóng lại.

“*Thăng đạo vô cùng cực*”: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là siêu thăng lên con đường Phật đạo, siêu thăng Phật đạo chẳng cùng tột, trong một đời có thể thành Phật. “*Dị vãng nhi vô nhân*” (Dễ đi mà không có người): Thích Ca Mâu Ni Phật đối trước Di Lặc Bồ Tát, các hàng trời người than dài: “Có thể vãng sanh rất dễ dàng! Một niệm liền có thể vãng sanh, mười niệm bèn có thể vãng sanh. Vì sao chẳng có ai phát tâm?” “*Kỳ quốc bất nghịch vi, tự nhiên chi sở khiên*”: Chẳng phải là vì Tây Phương An Lạc quốc có điều gì trái nghịch đến nỗi khó sanh về đó, bên ấy thường mở toang cửa, hoan

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nghe chúng ta, [sở dĩ chúng ta chẳng chịu phát nguyện, tu trì vãng sanh] là do tự nhiên bị các nghiệp ràng buộc, lôi kéo. Vì sao quý vị chẳng vãng sanh Tây Phương? Chính là do quý vị tự nhiên bị các nghiệp tham, sân, si, và tập khí từ vô thủy kiếp đến nay tự nhiên tích tập, chúng lôi kéo, ràng buộc quý vị, chẳng để cho quý vị ra đi.

Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta: “*Hà bất khí thế sự? Cần hành cầu đạo đức*” (Sao chẳng bỏ việc đời? Siêng hành cầu đạo đức). Những chuyện thế gian đều là hư huyễn, chẳng thật, kết quả đều là hứng chịu nỗi khổ sanh tử luân hồi. Quý vị vứt bỏ chuyện thế gian, hãy tinh tấn tu hành, cầu lấy đạo đức do vãng sanh Tây Phương. “*Khả đắc cực trường sanh*” (Có thể đạt được trường sanh tốt bậc): Ở đây, [đức Phật] lại khuyên dạy chúng ta, ngoài đạo cầu trường sanh, hẳn sanh về Tây Phương thì mới là đạt được trường sanh cực độ, vì là cõi Vô Lượng Thọ mà! “*Thọ lạc vô hữu cực*” (Thọ lượng và sự vui sướng chẳng có cùng cực): Không chỉ là sống lâu mà còn hưởng niềm vui mãn nhiệm, cả hai thứ ấy đều chẳng có cực hạn. Vì sao quý vị chẳng phát tâm cầu sanh về chốn đạo đức ấy?

2.2.3.3.2. Thế giới Sa Bà uế ác ngập tràn khiến cho mọi người ghét bỏ

2.2.3.3.2.1. Nêu ra lỗi phiền não

2.2.3.3.2.1.1. Lỗi lầm do tham

(Kinh) Nhiên thế nhân bạc tục, cộng tranh bất cấp chi sự, u thử kịch ác cực khổ chi trung, cần thân doanh vụ, dĩ tự cấp tế. Vô tôn, vô ty, vô bản, vô phú, thiếu, trưởng, nam, nữ, cộng ưu tiền tài. Hữu vô đồng nhiên, ưu tư thích đặng. Bính doanh sầu khổ, lũy niệm tích lự, vị tâm tẩu sử, vô hữu an thời. Hữu điền ưu điền, hữu trạch ưu trạch. Ngưu, mã, lục súc, nô tỳ, tiền tài, y thực, thập vật, phục cộng ưu chi. Trùng tư lũy tức, ưu niệm sầu bố, hoạnh vị phi thường thủy hỏa, đạo tặc, oán gia, trái chủ, phân phiêu kiếp đoạt, tiêu tán ma diệt. Ưu độc chung chung, vô hữu giải thời, kết phần tâm trung, bất ly ưu não. Tâm kiên ý cố, thích vô túng xả. Hoặc tọa tòi toái, thân vong mạng chung, khí quyên chi khứ, mạc thù tùy giả, tôn quý hào phú, diệc hữu tư hoạn, ưu cụ vạn đoan, cần khổ nhược thứ, kết chúng hàn nhiệt, dữ thống cộng cư, bản cùng hạ liệt, khôn pháp thường vô. Vô điền diệc ưu dục hữu điền, vô trạch diệc ưu dục hữu trạch. Vô ngưu, mã, lục súc, nô tỳ, tiền tài, y thực, thập vật, diệc ưu

duc hữu chi. Thích hữu nhất, phục thiếu nhất, hữu thị thiếu thị, tư hữu tề đẳng. Thích dục cụ hữu, tiện phục mi tán. Như thị ưu khổ, đương phục cầu sách, bất năng thời đắc, tư tưởng vô ích, thân tâm câu lao, tọa khởi bất an, ưu niệm tương tùy, cần khổ nhược thử, diệc kết chúng hàn nhiệt, dữ thống cộng cư. Hoặc thời tọa chi, chung thân yếu mạng, bất khảng vi thiện, hành đạo tán đức. Thọ chung thân tử, đương độc viễn khứ. Hữu sở thú hướng, thiện ác chi đạo, mạc năng tri giả.

(經)然世人薄俗，共諍不急之事，於此劇惡極苦之中，勤身營務，以自給濟。無尊無卑，無貧無富，少長男女，共憂錢財。有無同然，憂思適等。屏營愁苦，累念積慮。為心走使，無有安時。有田憂田，有宅憂宅。牛馬六畜，奴婢錢財，衣食什物，復共憂之。重思累息，憂念愁怖。橫為非常水火、盜賊、怨家、債主，焚漂劫奪，消散磨滅。憂毒怱怱，無有解時。結憤心中，不離憂惱。心堅意固，適無縱捨。或坐摧碎，身亡命終，棄捐之去，莫誰隨者。尊貴豪富，亦有斯患。憂懼萬端，勤苦若此，結眾寒熱，與痛共居。貧窮下劣，困乏常無。無田亦憂欲有田，無宅亦憂欲有宅。無牛馬六畜，奴婢錢財，衣食什物，亦憂欲有之。適有一，復少一，有是少是，思有齊等。適欲具有，便復糜散。如是憂苦，當復求索。不能時得，思想無益。身心俱勞，坐起不安。憂念相隨，勤苦若此，亦結眾寒熱，與痛共居。或時坐之，終身天命，不肯為善，行道進德。壽終身死，當獨遠去。有所趣向，善惡之道，莫能知者。

(*Kinh*: Nhưng người đời quen thói bạc bẽo, cùng bạn bịu vì những chuyện chẳng cần kíp. Trong chốn ác khổ cùng cực này, vất vả lo liệu để tự chi dùng. Bất luận sang, hèn, nghèo, giàu, bé, lớn, trai, gái, đều cùng lo lắng tiền tài. Có hay không đều giống hệt, lo nghĩ y hệt như nhau. Lo lắng, băn khoăn, buồn bã sâu khổ, lo toan chông chát, bị cái tâm sai khiến, chẳng có lúc nào yên! Có ruộng lo ruộng, có nhà lo nhà. Trâu, ngựa, gia súc, tôi tớ, tiền của, áo cơm, đồ đạc, lại lo âu thêm. Lo quân nghĩ quanh, ngẫm nghĩ lo âu, sầu muộn, sợ hãi, bồng

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

dung bị nước, lửa vô thường, trộm cướp, oán gia trái chủ đốt, trôi, cướp đoạt, tiêu tan mòn mất. Lo buồn dần vật, bứt rứt, chẳng có lúc cỏi gỡ, kết thành nỗi phẫn hận trong tâm, chẳng lìa ưu não. Tâm ý kiên cố, nếu chẳng buông bỏ được, thì hoặc là do bị vùi dập tan nát mà thân chết, mạng hết, lìa đời ra đi, chẳng có ai theo. Tôn quý, giàu sang, cũng có nỗi uong hoạn ấy. Lo sợ muôn mối, nhọc nhằn, khổ sở đường ấy, trải bao mùa nóng lạnh, thường sống với khổ đau, bần cùng, hèn kém, khôn đốn, thiếu hụt, thường chẳng có gì. Không có ruộng cũng lo lắng, mong sao có ruộng. Không có nhà bèn lo lắng, mong sao có nhà. Không có trâu, ngựa, gia súc, tôi tớ, tiền của, áo cơm, đồ đạc, cũng lo lắng muốn có. Nếu có được một, lại [cảm thấy] thiếu một. Có thứ gì bèn cảm thấy thiếu thứ đó, mong sao có được [của cải, vật chất] bằng kẻ khác. Vừa mới có đủ theo lòng ham muốn, sẽ liền tan nát. Ưu khổ như thế, vẫn lại mong cầu, tìm kiếm, chẳng thể có được [những thứ mong cầu] đúng lúc! Suy nghĩ vô ích, thân lẫn tâm đều mệt, đứng ngồi chẳng yên, thường luôn lo nghĩ, nhọc nhằn đường ấy, cũng trải bao mùa nóng lạnh, thường sống trong đau khổ. Hoặc là có lúc do bởi đó mà táng thân yếu mạng, chẳng chịu làm lành, tu đạo để tăng tấn đức. Tuổi thọ đã hết, thân chết, một mình đi đến chốn xa xôi, sẽ đi vào đường thiện hay nẻo ác, không ai có thể biết được).

“*Nhiên thế nhân bạc tục*” [nghĩa là] người trong thế gian quen thói rất bạc bẽo. “*Cộng tranh bất cấp chi sự*” (Cùng bận bịu vì những chuyện chẳng cần kíp): Mọi người đều cùng bận rộn tui bụi thì nói là “*cộng tranh*” (共諍). Bận bịu vì đã coi cơm, áo, chỗ ở, mưu sinh kiếm sống là chuyện khẩn yếu, chẳng biết những thứ ấy chẳng phải là chuyện hết sức cần kíp. Chuyện hết sức cần kíp là đại sự sanh tử của chính mình; nhưng người đời chẳng biết, hằng ngày cứ đầu tắt mặt tối nơi chuyện không cần kíp. “*U thử kịch ác cực khổ chi trung*” (Ở trong chốn ác khổ cùng cực này): Ở trong thế giới Sa Bà này, quý vị chỉ tham cầu sống sót, hứng chịu sự ác to lớn, chịu sống trong cảnh khổ sở tội cùng. “*Cần thân doanh vụ, dĩ tự cấp tế*” (Nhọc nhằn lo toan để tự mình chi dụng): Hằng ngày bận bịu, tất bật siêng gắng đều là chuốc lấy nỗi khổ, chuốc lấy ác pháp. Kết quả của sự bận bịu là chén cơm để chính mình ăn, là tấm áo để chính mình mặc, trên thực tế là đang chịu khổ trong ấy, gây tạo các ác nghiệp trong ấy! Đức Thế Tôn lại nói toạc ra tập khí của chúng ta. Điều tranh giành, mong cầu đầu tiên là tiền tài. “*Vô tôn, vô ty, vô bản, vô phú, thiếu, trưởng, nam, nữ, cộng ưu tiên*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tài”, [ý nói]: Bất luận quý vị là bậc tôn quý hay kẻ ty tiện, bất luận quý vị là kẻ bần cùng hay người giàu có, bất luận quý vị là người lớn tuổi, hay kẻ trẻ trung, bất luận quý vị là nam hay nữ, đều cùng lo rầu vì tiền tài. Chúng sanh dấy lên tâm tham, tâm tham đã dấy khởi, chẳng có tiền tài bèn tham tiền tài. Đã có tiền tài, vẫn cứ tham lam tiền tài. Đây gọi là “*hữu vô đồng nhiên, ưu tư thích đặng*” (có hay không đều giống hệt, lo nghĩ y hệt như nhau). Cái tâm ưu sầu, lo nghĩ, tham tiền, ai nấy đều như nhau!

“*Bính doanh sầu khổ*”: Chữ Bính (屏) đọc là Bing (ㄅㄧㄥˋ). “*Bính doanh*” (屏營): Tự mình bồn ba, bận bịu, hứng chịu ưu sầu khổ não. “*Lũy niệm tích lự*” (Nghĩ chồng lo chắt) là hằng ngày dấy lên vọng tưởng. “*Lũy niệm*” (累念) là nghĩ tới, nghĩ lui. “*Tích lự*” (積慮) là lo toan lẫn quẩn. “*Vị tâm tâu sử*” (Bị cái tâm sai khiến): Bị cái tâm vọng tưởng sai khiến. Tâm vọng tưởng là tâm tham. Tâm tham thúc giục quý vị làm như thế nào, quý vị bèn làm như thế đó. “*Vô hữu an thời*” (Chẳng có lúc nào yên): Ban ngày bận rộn suốt ngày, tối ngủ cũng chẳng được yên ổn! “*Hữu điền ưu điền, hữu trạch ưu trạch*” (Có ruộng lo ruộng, có nhà lo nhà). Quái lạ! Chẳng có ruộng thì lo chẳng có cơm ăn, nhưng đã có ruộng vẫn cứ lo ruộng! Chẳng có nhà để ở, đương nhiên phải lo lắng, nhưng đã có nhà vẫn lo rầu vì nhà! “*Ngưu, mã, lục súc, nô tỳ, tiền tài, y thực, thập vật, phục cộng ưu chi*” (Trâu, ngựa, gia súc, tôi tớ, tiền của, áo, cơm, đồ dùng, lại cùng lo toan). “*Thập vật*” (什物) là các thứ đồ dùng khác. “*Phục cộng ưu chi*” (Lại cùng lo lắng): Chẳng có bèn lo lắng, đã có vẫn lo lắng. “*Trùng ưu lũy tức, ưu niệm sầu bố*” (Lo quẩn nghĩ quanh, ngẫm nghĩ lo âu, sầu muộn, sợ hãi): “*Trùng tư lũy tức*” có cùng ý nghĩa với “*lũy niệm tích lự*” trong phần trước, lo quẩn, nghĩ quanh, kết quả là ngẫm nghĩ, lo âu, sầu muộn sợ hãi. Hằng ngày phát rầu, hằng ngày sợ hãi, chẳng biết tiền tài trong thế gian là thứ chẳng kiên cố. Tiếp đó, [kinh văn] cho biết tiền tài sẽ bị mất mát.

“*Hoạnh vị phi thường thủy, hỏa, đạo tặc, oán gia, trái chủ*” (Bỗng dung bị nước, lửa vô thường, trộm cướp, oán gia trái chủ): “*Hoạnh vị*” (橫為) là bỗng dung tai nạn xảy đến, tai nạn chẳng thể đề phòng được! Bỗng dung phát sanh thủy tai, bỗng dung phát sanh hỏa tai, bỗng dung gặp đạo tặc cướp đoạt, trộm mất, hoặc bị oán gia, trái chủ đoạt mất. Đó gọi là “*phần phiêu, kiếp đoạt, tiêu tán ma diệt*” (đốt, trôi, cướp đoạt, tiêu tán mòn diệt). “*Ưu độc chung chung, vô hữu giai*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thời” (Lo buồn dần vặt, bứt rứt, chẳng có lúc cởi gỡ được): Thứ đang vốn có, gặp phải tai nạn bèn chẳng còn nữa, nỗi ưu lự trong tâm biến thành một thứ “*ưu độc*” (憂毒, lo buồn dần vặt). Từ ngữ “*chung chung*” (怱怱) hình dung trạng thái lo sầu, khổ sở, bất an trong tâm. “*Vô hữu giải thời*” (Chẳng có lúc cởi gỡ): Ban ngày trong tâm suy nghĩ, gieo nỗi ưu độc xuống, ban đêm cũng chẳng ngủ được, chẳng có lúc giải trừ được! “*Kết phần tâm trung, bất ly ưu não*” (Kết thành phần hận trong tâm, chẳng lìa ưu não): Cái tâm phần hận kết lại trong tâm. Vĩnh viễn chẳng lìa cái tâm ưu não. “*Tâm kiên ý cố*” (Tâm ý kiên cố): Ai khuyên lơn cũng chẳng khuyên giải được. “*Thích vô tung xả*” (Nếu như chẳng buông bỏ): Đã là chẳng có thì quý vị hãy bỏ đi [đừng tiếc nuôi nữa], nhưng kẻ ấy chẳng có tâm niệm đó, chẳng buông lỏng, vứt bỏ ý niệm ấy được.

Trên đây là nói những của cải ngoài thân đã chẳng có, gặp phải oan gia đối đầu, họ còn muốn cái mạng của quý vị, mạng chính là tài sản ở bên trong thân. “*Hoặc tọa tội toái*” (Hoặc gặp phải sự vùi dập khiến bị tan nát), “*tọa*” (坐) là gặp phải. [“*Hoặc tọa tội toái*”] là bị vùi dập khiến cho thân thể hư hoại. “*Thân vong mạng chung, khí quyên chi khứ, mạc thù tùy giả*” (Thân mất, mạng hết, vứt bỏ ra đi, chẳng có ai theo): Khi ấy, quý vị chẳng xả thân cũng không được, thân thể đã bị phá hư tan nát. “*Mạc thù tùy giả*” (Chẳng có ai theo): Khi ấy, ai sẽ đi theo? Quý vị chẳng thể mang theo tiền tài được. Người nhà, quyến thuộc cũng chẳng có ai đi theo quý vị. “*Tôn quý hào phú, diệc hữu tu hoạn*” (Kẻ tôn quý, giàu sang, có thể lực cũng vẫn có nỗi hoạn nạn ấy): Trong phần trước đã nói, [đối với chuyện] mất tài, mất mạng thì kẻ tôn quý, quyền thế, giàu có đều gặp phải nỗi tai ương, hoạn nạn này. “*Ưu cụ vạn đoan*” (Lo sầu muôn mối): Hằng ngày đều ưu sầu, kinh sợ nhiều đến muôn mối. “*Cần khổ nhọc nhừ*” (Nhọc nhằn dường ấy): Chịu đựng nỗi khổ sở nhọc nhằn như thế ấy. “*Kết chúng hàn nhiệt, dữ thống cộng cư*” (Trải qua bao mùa nóng lạnh, sống chung với nỗi đau khổ): “*Kết chúng hàn nhiệt*” là chất chứa từng năm này qua năm khác, trải qua mấy chục năm, đó gọi là “*kết chúng hàn nhiệt*”. “*Dữ thống cộng cư*” là thường sống chung với đau khổ, đòi người hưởng thụ khoái lạc chi đâu? Ngoài hứng chịu đau khổ ra, vẫn là chịu khổ!

Kinh văn nói vì sao [chúng sanh trong] thế giới Sa Bà hứng chịu thống khổ? Trong phần trước đã nói [chúng sanh trong] Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ hưởng các niềm vui, vì sao họ hưởng niềm vui? Thứ nhất là vì A Di Đà Phật vun bồi công đức, vun đắp thành thế giới

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Cực Lạc. Đã thế, chur đại Bồ Tát ai nấy đều góp một phần công đức, trang nghiêm thế giới Cực Lạc. Do vậy, chúng sanh trong Tây Phương Cực Lạc “*vô hữu chúng khổ, đản thọ chur lạc*” (chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng các niềm vui). Nhưng vì sao chúng sanh trong thế giới Sa Bà hứng chịu thống khổ nhiều ngàn ấy? Đức Phật Thích Ca lại nói chúng sanh trong thế giới Sa Bà chịu khổ, cái nhân của khổ do đâu mà có? Phiền não là cái nhân gây khổ. Phiền não có ba món căn bản phiền não là tham, sân, si. Chúng sanh trong thế giới Sa Bà vì có cái nhân tạo khổ là ba căn bản phiền não tham, sân, si, cho nên mới gặp phải quả khổ. Trong đoạn trước, [kinh văn] đã nói về tham phiền não, kẻ đại phú đại quý có tham phiền não y hết [như kẻ nghèo khổ] vì tâm họ tham lam, chẳng biết đủ. Đã có, vẫn mong có thêm, đã có nhiều rồi vẫn muốn có nhiều hơn nữa! Tiếp đó, [đức Phật nói] kẻ bần tiện cũng có tham phiền não.

“*Bần cùng hạ liệt*” (Nghèo túng, kém hèn): Kẻ bần cùng tức là kẻ chẳng phú quý. Kẻ hạ liệt (下劣) là những kẻ chẳng làm quan to. Những người bần cùng, hèn kém “*khốn pháp thường vô*” (thiếu hụt, thường chẳng có thứ gì), nghèo nàn, khốn khổ, thường thiếu hụt, trắng tay, tức là cơm áo lẫn chỗ ở thường chẳng đầy đủ. Vì thường xuyên thiếu thốn cơm, áo, chỗ ở, và những vật dụng cần thiết cho đời sống, họ sẽ càng tham! “*Vô điền diệc ưu dục hữu điền*” (Không có ruộng cũng lo lắng, mong sao có ruộng), chẳng có ruộng đất, hằng ngày ưu sầu. “*Dục*” (欲) là hy vọng, hy vọng có mấy mẫu ruộng. “*Vô trạch diệc ưu hữu trạch*” (Không có nhà cũng lo lắng, mong sao có nhà), ngay cả chỗ ở cũng không có, ưu sầu mong mỏi sẽ có nơi để ở. “*Vô ngưu, mã, lục súc*” (Không có trâu, ngựa, gia súc), không có “*nô tỳ, tiên tài*”, không có “*y, thực, thập vật*” (áo cơm, đồ đạc), “*thập vật*” (什物) là các đồ dùng, thấy đều chẳng có. “*Diệc ưu dục hữu chi*” (Cũng lo sầu mong sao cho có), hằng ngày ưu sầu hy vọng sẽ có ruộng, đất, nhà ở, trâu, ngựa, gia súc, nô tỳ, tiên của, hết thấy đồ dùng. “*Thích hữu nhất, phục thiếu nhất*” (Vừa có được một thứ, lại thấy thiếu một thứ): Chữ “*thích*” (適) nên hiểu là “*cuong*” (剛, vừa mới). Vừa mới có được một thứ này, lại [cảm thấy] thiếu thứ khác. Chẳng hạn như không có ruộng, vừa mới mua được mấy mẫu ruộng, [lại cảm thấy] còn thiếu nhà ở. “*Hữu thị thiếu thị*” (Có thứ gì bèn thấy thiếu thứ đó): Đã có ruộng, vẫn hiềm là ít.

Ví như nói đã có ba mẫu ruộng, kẻ ấy muốn có sáu mẫu ruộng.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Mua được hai căn nhà, mong muốn mua thêm sáu căn nữa! Có thứ này, vẫn thấy thứ này là ít! “*Tư hữu tề đẳng*” (Mong sao có của cải bằng với người khác): Kẻ ấy thấy người đại phú đại quý hưởng phước, muốn được như kẻ đại phú đại quý. Như thế thì nổi ưu sầu vĩnh viễn chẳng chấm dứt, trong tâm vĩnh viễn chẳng thỏa mãn! “*Thích dục cụ hữu*” (Vừa mới sắp có đầy đủ): Những thứ vừa mới mong muốn gần như đều đã có cả rồi, chẳng biết pháp thế gian là vô thường, vừa mới có đầy đủ, “*tiện phục mi tán*” [nghĩa là] ngay lập tức gặp tai nạn liền tan tác, tan nát mất sạch! Trong phần trên, kẻ đại phú đại quý gặp phải thủy tai, hỏa tai, tai nạn giặc cướp, tai nạn do oan gia trái chủ, ngay lập tức [tài vật] tan nát. Đã tan nát rồi, chớ nên nghĩ tới nữa, nhưng có lẽ nào họ chẳng nghĩ tưởng? “*Như thị ưu khổ*” (Sầu khổ như thế), đã ưu sầu lại còn thêm khổ não. Nổi sầu khổ trước kia là lo sao cho có, nay là lo mất mát, đã mất đi vẫn mong sẽ có lại, ưu sầu khổ não! “*Đương phục cầu sách*”, [nghĩa là] lại thường xuyên mong cầu, tìm kiếm, vẫn mong gia tài đã tiêu tán sẽ lại phục hồi như cũ. “*Bất năng thời đắc*” (Chẳng thể ngay lập tức có được): Có lẽ nào quý vị mong đạt được sẽ liền có? Chẳng thể nào ngay lập tức có được!

“*Tư tưởng vô ích*” (Suy nghĩ vô ích), quý vị cứ nghĩ dăm dăm vào đó, chẳng có một tí lợi lạc nào! Nhưng kẻ ấy vẫn cứ suy nghĩ; do vậy, “*thân tâm câu lao*” (thân lẫn tâm đều nhọc nhằn), thân thể do mong cầu tiền của, bèn bôn ba, tất bật, trong tâm suốt ngày từ sáng đến tối ưu sầu, khổ não. “*Tọa khởi bất an*” (Đứng ngồi không yên): Ngồi chẳng yên, đứng cũng chẳng ổn. “*Ưu niệm tương tui*” (Luôn luôn lo nghĩ): Suốt ngày từ sáng đến tối, toàn là những ý niệm ưu sầu vương vẩn theo mình. “*Cần khổ nhược thử*” (Nhọc nhằn dường ấy): Hứng chịu khổ nhọc đến mức như thế ấy. “*Diệc kết chúng hàn nhiệt*” (Cũng trải qua bao mùa nóng lạnh): Cũng giống như kẻ phú quý trong phần trước. Người sống trên cõi đời mấy chục năm, mỗi năm là một mùa nóng, một mùa lạnh, quý vị chất chứa lại, trải qua mấy chục năm. “*Dữ thống cộng cư*” (Sống chung với đau khổ): Quý vị chẳng sống với niềm vui sướng, mà chung sống với nỗi đau khổ. “*Hoặc thời tọa chi, chung thân yếu mạng*” (Hoặc có khi do vì lẽ đó, táng thân mất mạng): Hoặc là do quý vị cầu tiền của, mà đánh mất sanh mạng. “*Yếu*” (夭) là đoản mạng.

Trước khi kẻ ấy chết, “*bất kháng vi thiện*” (chẳng chịu làm lành), suốt ngày từ sáng đến tối tham muốn tiền tài, tất bật bận bịu vài chục năm, khi còn sống chẳng chịu làm tí xíu chuyện tốt nào, cũng

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

chẳng chịu “hành đạo tấn đức” (tu đạo, tăng tấn đức hạnh). “Thọ chung thân tử” nghĩa là thọ mạng của kẻ ấy đã hết, thân thể chết đi. “Đương độc viễn khứ” (Sẽ một mình đi đến chốn xa xôi), [ý nói] kẻ ấy đơn độc đi đến nơi xa xôi. “Hữu sở thú hướng” (Có chỗ hướng đến), hướng đến nơi đâu? “Thiện ác chi đạo, mạc năng tri giả” (Đường thiện, lẽ ác, không ai có thể biết): Ngoại trừ thánh nhân mới biết, phàm phu chẳng biết kẻ ấy sẽ tới nơi đâu? Xét theo nhân quả để suy tính, kẻ ấy sống khổ sở suốt cả một đời, chết đi, nhất định đọa vào ba ác đạo, vẫn là đến chịu khổ! Vì sao biết kẻ ấy nhất định đọa trong ba ác đạo? Vì kẻ ấy “bất kháng vi thiện” (không chịu làm lành), mà cũng chẳng chịu “hành đạo tấn đức” (sống theo đạo để tăng tấn đức hạnh). Lúc còn sống toàn làm chuyện ác, chẳng đọa trong ba ác đạo thì sẽ đến nơi đâu?

Nếu đối với kẻ chẳng liễu giải Phật giáo, nghe [nói như vậy], sẽ dấy lên phản cảm: [Các người] nói “cái này đừng tham, cái kia cũng đừng tham. Điền sản, nhà cửa đều đừng nên tham, áo cơm cũng đừng nên tham. Vậy thì khỏi sống nữa!” Kẻ ấy nói như vậy có lý lắm chứ! Đệ tử Phật giáo thì có đệ tử xuất gia và đệ tử tại gia. Tứ chúng đệ tử đều là phàm phu, thấy đều chẳng rời khỏi áo, cơm, chỗ ở! Hoàn toàn chẳng phải là bảo quý vị đừng nên sinh tồn. Đệ tử tại gia chưa xuất gia, chuyện gì cũng đều có thể làm, kinh doanh, buôn bán, trồng trọt, cày cấy đều có thể làm được. Nhưng đệ tử tại gia có giới luật, tức là chẳng thể sát hại chúng sanh. Người thọ tại gia Bồ Tát giới chẳng thể bán rượu, chuyện gì [chẳng vi phạm giới luật thì] cũng đều có thể làm. Nói theo giới luật, tại gia đệ tử không được sát hại chúng sanh, không được bán rượu, lại còn không được bán dầu. Vì sao không thể bán dầu? Vì Ấn Độ có một loại dầu, không giống dầu ăn trích từ thực vật của Trung Hoa. Dầu thực vật từ mè, đậu nành, hoặc đậu phộng ép ra, còn dầu của Ấn Độ là do từ một loài du trùng (trùng có dầu) ép ra. Do điều này, sẽ làm tổn thương khá nhiều sanh mạng. Vì thế, đệ tử Phật giáo Ấn Độ chẳng thể bán dầu.

Đệ tử tại gia cần sống, đệ tử xuất gia cũng cần sống. Xuất gia vẫn là phàm phu, chẳng lìa khỏi áo, cơm, chỗ ở, lại còn có thể ngã bệnh. Đối với cuộc sống của đệ tử xuất gia, Phật Thích Ca có quy định về y phục, ăn uống, ngọc cụ, thuốc men, bốn thứ này đều chẳng thể xả. Người xuất gia chẳng thể không mặc quần áo, nhưng quý vị chẳng thể mặc quần áo của người tại gia. Người xuất gia phải ăn uống, chẳng ăn uống sẽ không thể tu hành. Chẳng ngủ sẽ không được. Hôm nay quý vị

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

không ngủ, ngày mai tinh thần sẽ uể oải, làm sao dụng công cho nổi? Ngủ thì cần phải có phòng, đồ trái, mền đắp. Người xuất gia ngã bệnh cũng cần phải đi khám bác sĩ, uống thuốc giống hệt [người tại gia]. Bốn thứ ấy là những vật dụng cần dùng trong đời sống, là những thứ để duy trì, nuôi dưỡng sanh mạng, người xuất gia cần phải sống chứ!

Vậy thì dựa theo đoạn kinh văn này để nói, [tham cầu áo, cơm, chỗ ở, tiền của] có gì là không đúng? Đoạn kinh văn này có ý nói, người phú quý chẳng được tham dục, kẻ bần cùng cũng chẳng được tham dục! Vậy thì đệ tử Phật vẫn là có tham dục! Kiến giải kiểu này khiên cưỡng, chẳng phải là luận định theo lý. Trong phần trước, [chánh kinh] đã nói Vô Lượng Thọ Phật xuất gia tu hành bèn thực hiện như thế nào? Thứ nhất là thiếu dục, thứ hai là tri túc (biết đủ). Tỳ-kheo Pháp Tạng xuất gia cũng là một phàm phu, Ngài cũng phải sống, nhưng Ngài thiếu dục, đã thiếu dục lại còn tri túc. Tứ chúng đệ tử của đức Phật đều tiếp nhận sự chỉ dạy ấy. Thiếu dục là chẳng dấy lên tâm tham, hãy thuận theo nhân duyên để sống. Khi nhân duyên chẳng quá tốt đẹp, chịu đựng một chút gian nan, đau khổ, trong tâm an định, phải tri túc, chịu khổ một chút chẳng sao cả. Như vậy thì quý vị mới chẳng dấy động cái tâm tham dục. Chẳng dấy động tâm tham dục, sẽ chẳng có loại phiền não này, sẽ không ngày đêm sáu thời, suốt ngày từ sáng đến tối ưu sầu mong mỏi phát tài!

Trong kinh Di Giáo, đức Phật nói càng rõ ràng hơn: “*Tri túc chi nhân, tuy ngọa địa thượng, do vi an lạc. Bất tri túc giả, tuy xử thiên thượng, diệc bất xưng ý*” (Người vừa biết đủ, tuy nằm trên đất, vẫn cảm thấy an vui. Kẻ chẳng biết đủ, tuy ở trên trời, vẫn chẳng thỏa lòng). Người biết tri túc ở trên đất vẫn cảm thấy vui sướng. Kẻ chẳng tri túc ở trên cõi trời, vẫn chẳng cảm thấy sung sướng. Đây là dụng công tri túc. Lại xem tiếp kinh văn. Đoạn kế tiếp nói về sân phiền não. Sân là nổi giận, nóng máu, dấy động sân hận.

2.2.3.3.2.1.2. Lỗi lầm do sân

(Kinh) Thế gian nhân dân, phụ tử, huynh đệ, phu phụ gia thất, trung ngoại thân thuộc, đương tương kính ái, vô tương tăng tật. Hữu vô tương thông, vô đắc tham tích, ngôn sắc thường hòa, mạc tương vi lệ. Hoặc thời tâm tránh, hữu sở khuể nộ. Kim thế hận ý, vi tương tăng tật, hậu thế chuyển kịch, chí thành đại oán. Sở dĩ giả hà? Thế gian chi sự, cánh tương hoạn hại. Tuy bất tức thời, ưng cấp tương

phá. Nhiên hàm độc súc nộ, kết phần tinh thần, tự nhiên khắc thức, bất đắc tương ly, giai đương đối sanh, cánh tương báo phục. Nhân tại thế gian, ái dục chi trung, độc sanh, độc tử, độc khứ, độc lai, đương hành chí thú khổ lạc chi địa, thân tự đương chi, vô hữu đại giả. Thiện ác biến hóa, vọng phước dị xứ, túc dự nghiêm dãi, đương độc thú nhập, viễn đáo tha sở, mạc năng kiến giả. Thiện ác tự nhiên truy hành sở sanh, yếu yếu minh minh, biệt ly cứu trường, đạo lộ bất đồng, hội kiến vô kỳ. Thâm nan! Thâm nan! Kim đắc tương trị, hà bất khí chúng sự, các ngộ cường kiện thời, nỗ lực cần tu thiện, tinh tấn nguyện độ thế, khả đắc cực trường sanh. Như hà bất cầu đạo, an sở tu dãi, dục hà lạc hồ?

(經)世間人民，父子兄弟，夫婦家室，中外親屬，當相敬愛，無相憎嫉。有無相通，無得貪惜，言色常和，莫相違戾。或時心諍，有所恚怒。今世恨意，微相憎嫉，後世轉劇，至成大怨。所以者何？世間之事，更相患害。雖不即時，應急相破。然含毒畜怒，結憤精神，自然剋識，不得相離。皆當對生，更相報復。人在世間，愛欲之中，獨生獨死，獨去獨來，當行至趣苦樂之地，身自當之，無有代者。善惡變化，殃福異處，宿豫嚴待，當獨趣入，遠到他所，莫能見者。善惡自然追行所生，窈窈冥冥，別離久長，道路不同，會見無期。甚難！甚難！今得相值。何不棄眾事，各遇強健時，努力勤修善，精進願度世，可得極長生。如何不求道，安所須待，欲何樂乎？

(*Kinh*: Nhân dân trong thế gian, cha, con, anh, em, vợ chồng, gia đình, thân thuộc trong ngoài, hãy nên kính yêu nhau, đừng ganh ghét nhau. Kẻ có [tiền của] hãy chia sẻ cho người không, đừng nên tham tiếc. Lời lẽ, vẻ mặt thường hòa dịu, đừng nên chống trái nhau. Hoặc là có lúc tâm tranh chấp, có những điều giận dữ. Trong đời này, ý cảm hận, ganh ghét lẫn nhau còn nhẹ, đời sau sẽ chuyển thành dữ dội, đến nỗi trở thành niềm oán hận to lớn. Vì có sao vậy? Chuyện trong thế gian gây nên tai ương, họa hại lẫn nhau, dẫu chẳng ngay lập tức [xảy ra], hãy nên cấp tốc phá trừ. Nhưng chất chứa sự độc ác, tích lũy giận dữ, kết thành nỗi cảm phần trong tinh thần, tự nhiên in hằn trong tâm thức, chẳng thể lìa bỏ được, sẽ đều sanh ra kết quả đối đầu,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

báo thù lẫn nhau. Người sống trong thế gian, ở trong ái dục, một mình sanh ra, một mình lìa đi, một mình đến, một mình đi, sẽ đi đến nơi khổ hay vui, tự mình gánh chịu, chẳng có ai thay thế. Thiện ác biến hóa, họa phúc khác chỗ, do nghiệp duyên đã tạo sẵn trong quá khứ mà sẽ nghiêm ngặt hứng chịu cái quả, sẽ một mình tiến vào [chỗ thọ quả], đến nơi khác xa xôi, không ai có thể thấy. Thiện ác tự nhiên ruồi theo chỗ sẽ sanh về, mù tằm, mọt mòi, biệt ly dài lâu, đường lối khác nhau, chẳng có kỳ hạn gặp gỡ. Rất khó! Rất khó! Nay được gặp gỡ, sao không vứt bỏ mọi chuyện, ai nấy hãy nhằm lúc khỏe mạnh mà nỗ lực siêng năng tu thiện, tinh tấn nguyện độ đời, ngõ hầu đạt được trường sanh cùng cực. Vì sao chẳng cầu đạo, há nên chờ đợi? Dục thì có gì vui sướng đâu nhi?)

Đoạn kinh văn này nhằm khai thị hàng đệ tử tại gia, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta cách làm người trong xã hội như thế nào. Quý vị chẳng xuất gia, là “*thế gian nhân dân*” (nhân dân trong thế gian), có “*phụ tử, huynh đệ, phu phụ gia thất*” (cha con, anh em, vợ chồng, gia đình), còn có “*trung ngoại thân thuộc*”, [tức là] thân thích quyến thuộc trong ngoài. “*Đương tương kính ái*”, [nghĩa là] hãy nên kính yêu lẫn nhau. “*Vô tương tắng tật*” (Chẳng ganh ghét nhau), “*tắng*” là “*tắng ó*” (憎惡, ghét bỏ). Nhìn chẳng vừa mắt, quý vị bèn ghét bỏ, chán ghét kẻ ấy. Người ta cao minh hơn quý vị, quý vị liền ganh tỵ người ta. Hai cái tâm ấy là không nên nhất. Có hai cái tâm ấy, quý vị sẽ dấy lòng sân hận. Tâm sân hận dấy lên như thế nào? Do ganh tỵ mà dấy lên. [Nếu như] quý vị kính yêu lẫn nhau, làm sao có thể dấy lên sự ghét bỏ, ganh tỵ cho được? “*Hữu vô tương thông*” (Kẻ có chia sẻ cho người không): Người một nhà, kẻ có chia sẻ cho người không, tức là đối với thân thích ngoài gia đình, có lúc một người thân thích không thể xoay sở được, chúng ta vẫn còn có thể sống được, bèn giúp đỡ người ấy. [Người ấy] chẳng có gạo, bèn tặng gạo; chẳng có quần áo, bèn tặng quần áo; họ chẳng có tiền thì cho người ta mượn mấy đồng. “*Vô đắc tham tiếc*” (Chẳng được tham tiếc): Quý vị chớ nên dấy động cái tâm tham tiếc của chính mình, yêu tiếc tiền tài, một cái lông cũng chẳng nhỏ, chẳng bỏ một đồng!

“*Ngôn sắc thường hòa*” (Lời nói và vẻ mặt thường hòa dịu): Phải nói lời dễ nghe. “*Sắc*” (色) là vẻ mặt, vẻ mặt phải hiền hòa, tươi vui. “*Mạc tương vi lệ*” (Đừng nên xung đột, hung dữ với nhau): Nói năng chớ nên dấy lên xung đột, đừng nên lộ vẻ cau có. “*Hoặc thời tâm*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tránh, hữu sở khuể nộ” (Hoặc là có lúc trong tâm tranh chấp, có điều gì cáu giận): Ba nghiệp thân khẩu ý đầy động “*khuể nộ*”, khẩu nghiệp sẽ chửi nhau, thân nghiệp sẽ đánh nhau. Nhưng trước hết là đầy lên ý nghiệp, [tức là] trước hết, trong tâm chúng ta đầy lên cái tâm tranh đấu. Đối phương chẳng vừa ý quý vị, quý vị sẽ tranh luận. Tranh luận đến nổi miệng lưỡi chua cay, trước hết là đầy động “*tâm tránh*” (心諍, ý niệm tranh cãi trong tâm). Hễ “*tâm tránh*” thì trong tâm sẽ đầy động phần nộ, sẽ nổi nóng, sẽ tức giận. Lúc đó, quý vị phải biết: Tâm đã đầy động “*khuể nộ*” (恚怒, bực tức, nóng giận), miệng sẽ chửi bới, cãi lộn. Khi ấy, quý vị phải dụng công, chẳng để cho nó sanh khởi, tức là sanh khởi cái tâm khuể nộ, hãy ngay lập tức hàng phục nó.

Quý vị phải hiểu “*kim thế hận ý, vi tương tăng tật, hậu thế chuyển kịch, chí thành đại oán*” (đời này hận ý ganh ghét còn nhẹ, đời sau chuyển thành trầm trọng, đến mức trở thành nổi oán thù to lớn): Đời này, kiếp này, quý vị chưa đầy động khẩu nghiệp chửi rửa nhau, chưa đầy động thân nghiệp đánh nhau, trong tâm đã phát sanh tức giận, vậy là xong rồi, quý vị đã đầy động hận tâm! “*Vi tương tăng tật*” (Ganh ghét nhau còn nhẹ): Quý vị ghét bỏ, ganh tỵ đối phương. “*Hậu thế chuyển kịch*” (Đời sau chuyển thành dữ dội): Sang đời thứ hai, tâm sân hận càng thêm mạnh mẽ. “*Chí thành đại oán*” (Đến nổi trở thành nổi oán thù to lớn): Kết oan gia với chúng sanh. Tuy chưa gây lộn, nhưng đã động tâm sân hận, sẽ ganh tỵ, chán ghét kẻ ấy. Đời này, kiếp này chưa thấy, chứ đời sau, kiếp sau, sẽ kết thành đại oan gia. Phật giáo nói nhân quả thông ba đời. Nếu chẳng nói là “*thông ba đời*”, đối với chuyện rất giản dị, nông cạn, cũng chẳng nói sao cho suông được! Ví như có kẻ mà ta chẳng hề quen biết họ, vừa trông thấy kẻ ấy, [ta bèn cảm thấy] rất có duyên, rất hoan hỷ, dường như đã từng gặp gỡ. Đây là do đã kết thiện duyên trong đời trước. Lại có kẻ mà ta cũng chưa từng quen biết, vừa thấy kẻ đó, [đã cảm thấy] hẳn rất đáng ghét, giống như là oan gia đối đầu. Đây là do đời trước, kiếp trước, quý vị đã từng hận kẻ đó, đời trước đã kết ác duyên.

“*Sở dĩ giả hà?*” (Vì có sao vậy?) Là vì “*chí thành đại oán*” (đến nổi trở thành nổi oán thù to lớn): Đã hình thành oan gia đối đầu. Chẳng phải là quý vị chán ghét kẻ đó, thì là kẻ đó chán ghét quý vị. Quý vị chẳng hại kẻ đó, thì là kẻ đó cũng sẽ hại quý vị. Đây là đạo lý gì vậy? “*Thế gian chi sự, cánh tương hoạn hại*” (Chuyện trong thế gian đều là [người với người] làm hại lẫn nhau): Chuyện trong thế gian đều là đối đãi! Quý vị trở ngại người ta, người ta sẽ trở ngại quý vị. Quý vị phải

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

hiều: Đối phương cũng là phàm phu, họ chẳng phải là Phật, cũng chẳng phải là Bồ Tát. Quý vị hận họ, họ chẳng hận quý vị ư? Quý vị hại họ, họ chẳng hại quý vị ư? Do vậy, kết quả là biến thành đại oan gia. “*Tuy bất tức thời*” (Tuy chẳng phải là ngay lập tức): Đời này, kiếp này tuy chẳng biến thành đại oan gia, quý vị đừng nên mong được tiện nghi như thế nhé. Dầu chẳng ngay lập tức biến thành oan gia, “*ung cấp tương phá*” (hãy nên gấp phá trừ), quý vị phải ngay lập tức phá trừ cái tâm nóng giận, đừng nên giữ cái tâm ấy. Hễ giữ cái tâm ấy, đời sau, đời kế, sẽ kết thành oán gia, có phải là đã xong chưa? Cớ sao đời này, kiếp này dây động nóng giận, dây động hận tâm, sẽ mang sang đời kế, đời sau? “*Nhiên hàm độc súc nộ*” (Nhưng đã chất chứa mầm độc, tích lũy sự giận dữ), quý vị đã dây động tâm sân hận, đó là một trong Tam Độc. Trong tâm đã chứa chất độc, chất chứa, chăm bẵm sự phần nộ.

Do vậy, “*kết phần tinh thần*” (kết thành nỗi căm phẫn trong tinh thần), đây là nói thuận theo pháp thế gian. “*Tự nhiên khắc thức*” (Tự nhiên in hằn trong tâm thức) là danh từ chuyên môn trong Phật giáo. “*Thức*” là nói tới thức thứ tám. Chuyển sanh sang đời sau, đời kế, đều là do thức thứ tám chuyển. Thức thứ tám chứa đựng hết thảy các chủng tử. “*Khắc thức*” (剋識) là từ ngữ để hình dung. Quý vị dây tâm phần nộ, giống như dùng dao khắc vào thức thứ tám, tức là quý vị đã gieo một chủng tử phần nộ vào thức thứ tám. “*Bất đắc tương ly*” (Chẳng thể bỏ lìa): Quý vị chết thì là nhục thể (cái thân xác thịt) hư hoại, chứ thức thứ tám sẽ chuyển sanh, vĩnh viễn chẳng lìa khỏi [những chủng tử thiện ác đã gieo trong ấy]. “*Giai đương đối sanh, cánh tương báo phục*” (Sẽ đều sanh ra đối đầu, báo thù lẫn nhau): Đây là giải thích vì sao đời sau, đời kế, sẽ kết thành đại oan gia? “*Giai đương đối sanh*” (Sẽ đều sanh ra kết quả đối đầu): Vì trong thức thứ tám của quý vị đã từng gieo chủng tử độc, sanh ra một mầm độc, kết thành quả độc! Đối phương cũng là phàm phu, trong thức thứ tám của kẻ ấy cũng dây động sân hận giống hệt như vậy, cũng gieo xuống chủng tử độc, cũng sanh thành mầm độc, kết thành quả độc. Hai người đối đầu. “*Cánh tương báo phục*” (Báo thù lẫn nhau): Vì thế, khi gặp gỡ, sẽ nảy sanh ý niệm trả đũa lẫn nhau. Đây là nói: Sanh tâm sân hận thì đời sau, đời kế, sẽ kết thành oan gia.

“*Nhân tại thế gian, ái dục chi trung*” (Người sống trong thế gian, ở trong ái dục): Đời này, kiếp này, chúng ta thọ sanh trong ái dục. “*Độc sanh, độc tử, độc khứ, độc lai*”: Nhưng khi quý vị sanh ra là một mình đến, khi chết là một mình đi. “*Đương hành chí thú khổ lạc chi*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

địa” (Sẽ đi đến chỗ khổ hay vui): Đời này, kiếp này tạo ác nghiệp, quý vị sẽ đến chỗ thọ khổ. Đời này, kiếp này làm thiện nghiệp, quý vị sẽ đến chỗ hưởng vui. Trong khi quý vị sắp đi vào đường lành hay đường ác, cũng là nơi để chịu khổ hay hưởng vui, “*thân tự đương chi, vô hữu đại giả*” (tự mình gánh chịu, chẳng có ai thay thế). Nghiệp của chính quý vị thì do bản thân quý vị gánh vác, chẳng có ai thay thế. “*Thiện ác biến hóa, ương phước dị xứ*” (Thiện ác biến hóa, bị ương họa hay hưởng phước khác chỗ): Quý vị làm thiện hay làm ác, biến hóa chẳng nhất định. Quý vị gặp tai ương hay hưởng phước ở nơi khác, chẳng phải là cùng một chỗ. “*Túc dự nghiêm đãi, đương độc thú nhập*” (Do nghiệp duyên trong quá khứ, sẽ có báo ứng nghiêm ngặt, sẽ một mình tiến vào đó)⁴³: Quý vị đáng hưởng phước [trong đường nào], sẽ đến hưởng phước trong đường ấy. “*Viễn đáo tha sở*” (Đến chỗ khác xa xôi), quý vị lên trời hưởng phước, cũng lìa khỏi người nhà rất xa. Quý vị vào địa ngục chịu khổ, cũng lìa khỏi người nhà rất xa. “*Mạc năng kiến giả*” (Không ai có thể trông thấy): Phạm phu ai cũng chẳng thể thấy! Phạm phu chẳng tin tưởng nhân quả báo ứng trong lục đạo luân hồi, vì họ chẳng trông thấy. “*Thiện ác tự nhiên truy hành sở sanh*” (Thiện ác tự nhiên đi theo đến tận chỗ người ấy sẽ sanh về): Nhục thân của loài người thường chẳng thấy nhân quả báo ứng, chẳng thể trên là nhìn thấy thiên đường, dưới là thấy địa ngục. Phật, Bồ Tát đều thấy rất rõ ràng. Chúng ta chẳng thấy, dựa theo lý để bình luận, thì quý vị làm lành nhất định có thiện báo, làm ác nhất định có ác báo.

Đó là nhân quả tự nhiên, pháp luật tự nhiên, nhất định là “*truy hành sở sanh*” ([những nghiệp đã tạo] đi theo đến chỗ [người tạo nghiệp] sẽ sanh về). Quý vị tạo thiện nghiệp, thiện nghiệp sẽ đi theo quý vị, nhất định tiến vào thiện đạo. Quý vị tạo ác nghiệp, ác nghiệp sẽ ruồi theo quý vị, nhất định tiến vào ác đạo. Đây là “*trồng dưa nhất định được dưa, trồng đậu nhất định được đậu*”. “*Yểu yểu minh minh*” (窈窈冥冥, mù tăm, mờ昧): “*Yểu yểu minh minh*” hình dung con đường mà người sau khi đã chết phải đi rất u ám, sâu xa vời vợi! “*Biệt ly cửu trường*” (Ly biệt dài lâu): Biệt ly người nhà, quyến thuộc, thân thích, bằng hữu rất lâu xa. “*Đạo lộ bất đồng*” (Đường nẻo khác nhau):

⁴³ Theo Vô Lượng Thọ Kinh Chân Giải: “*Túc*” là túc thế (đời trước); “*dự*” là nghiệp duyên tạo sẵn; “*ng nghiêm*” là nghiêm ngặt, không sai chạy; “*đãi*” là hứng chịu. “*Túc dự nghiêm đãi*” nghĩa là do nghiệp duyên đã tạo trong đời trước, sẽ nhận lãnh quả báo không sai chạy.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Do mỗi người tạo thiện hay tạo ác bất đồng, cũng sẽ đi theo những đường nẻo khác nhau! Quý vị đến hưởng phước của quý vị, tôi đi chịu tội của tôi, ai cũng chẳng thể thay thế kẻ khác được! “*Hội kiến vô kỳ*” [nghĩa là] muốn gặp mặt cũng chẳng có kỳ hạn! “*Thậm nan! Thậm nan!*”: Mong gặp mặt rất khó, quá khó! Kinh văn trong kinh Vô Lượng Thọ có những chỗ dịch không suông sẻ cho lắm. Ở đây, nói tương ứng với những điều kinh văn đã nói trong phần trước thì là [người đã mất] biệt ly người nhà quyến thuộc rất lâu xa, ai đi theo đường này, ai chịu báo này, mong gặp gỡ rất khó!

“*Kim đắc tương tri*” (Đời này gặp gỡ): Đời này, kiếp này, may mắn được gặp gỡ, “*hà bất khí chúng sự?*” (sao không buông bỏ các việc?): Sao quý vị chẳng vứt bỏ những chuyện chẳng liên quan? “*Các ngô cường kiện thời, nỗ lực cần tu thiện*” (Ai này gặp lúc đang khỏe mạnh, hãy nỗ lực siêng năng tu thiện): Nhằm lúc thân thể quý vị hãy còn mạnh mẽ, hãy ngay lập tức nỗ lực tu thiện đạo. “*Tinh tấn nguyện độ thế*” (Tinh tấn nguyện độ đời), [đức Phật] bảo quý vị hãy siêng tu thiện pháp Đại Thừa, hãy ngay lập tức tinh tấn tu hành, phát nguyện độ chúng sanh trong thế gian. “*Khả đắc cực trường sanh*” (Có thể đạt được sự sống lâu tốt bậc): Quý vị nghe pháp môn Vô Lượng Thọ, sanh về Tây Phương thì cũng là vô lượng thọ đấy nhé! “*Như hà bất cầu đạo*” (Cớ sao chẳng cầu đạo): Vì sao quý vị chẳng nghe lời đức Phật dạy mà ngay lập tức cầu Phật đạo? “*An sở tu đãi*” (Há nên chờ đợi): Quý vị còn phải đợi nhân duyên gì nữa? “*Dục hà lạc hồ?*” (Dục có gì đáng vui đâu?) Quý vị còn muốn chuyện khoái lạc chi nữa! Hãy nghĩ thế gian chẳng có niềm vui ấy, quý vị vẫn [phải nên] ngay lập tức nghe lời Phật dạy, ngay lập tức niệm Vô Lượng Thọ Phật vãng sanh Tây Phương thì mới đúng! Trên đây đã nói về hai căn bản phiền não là tham và sân, ngoài chịu khổ ra thì vẫn là phải chịu khổ. Dưới đây là nói đến món [phiền não] thứ ba, tức ngu si, vẫn phải chịu khổ.

2.2.3.3.2.1.3. Lỗi lầm do si

(Kinh) Như thị thế nhân, bất tín tác thiện đắc thiện, vi đạo đắc đạo, bất tín nhân tử cánh sanh, huệ thí đắc phước. Thiện ác chi sự, đô bất tín chi. Vị chi bất nhiên, chung vô hữu thị. Đản tọa thủ cố, thả tự kiến chi, cánh tương chiêm thị, tiên hậu đồng nhiên. Chuyển tương thừa thọ, phụ dư giáo lệnh, tiên nhân tổ phụ, tổ bất vi thiện, bất thức đạo đức. Thân ngu thần ám, tâm tắc ý bé. Tử sanh chi thú,

thiện ác chi đạo, tự bất năng kiến, vô hữu ngữ giả. Cát hung họa phước, cạnh các tác chi, vô nhất quái dã. Sanh tử thường đạo, chuyển tương tự lập. Hoặc phụ khóc tử, hoặc tử khóc phụ. Huynh đệ phu phụ, cánh tương khóc khắp, điên đảo thượng hạ, vô thường căn bản, giai đương quá khứ, bất khả thường bảo. Giáo ngữ khai đạo, tín chi giả thiếu. Thị dĩ sanh tử lưu chuyển, vô hữu hưu chỉ. Như thử chi nhân, mộng minh để đột, bất tín kinh pháp, tâm vô viễn lự, các dục khoái ý, si hoặc ái dục. Bất đạt u đạo đức, mê một u sân nộ, tham lang u tài sắc, tọa chi bất đắc đạo. Đương cánh ác thú khổ, sanh tử vô cùng dĩ, ai tai thậm khả thương! Hoặc thời thất gia phụ tử, huynh đệ phu phụ, nhất tử, nhất sanh, cánh tương ai mãi. Án ái tư mộ, ưu niệm kết phước, tâm ý thống trước, diệt tương cố luyến, cùng nhật tốt tuệ, vô hữu giải dĩ. Giáo ngữ đạo đức, tâm bất khai minh, tư tưởng ân hảo, bất ly tình dục. Hôn mộng ám tắc, ngu hoặc sở phú, bất năng thâm tư thực kế, tâm tự đoan chánh, chuyên tinh hành đạo, quyết đoạn thế sự. Tiện toàn chí cánh, niên thọ chung tận, bất khả đắc đạo, vô khả nại hà! Tổng ỏi hội nhiều, giai tham ái dục. Hoặc đạo giả chúng, ngộ chi giả thiếu! Thế gian thông thông, vô khả liêu lại. Tôn ty thượng hạ, bản phú quý tiện, cần khổ thông vụ, các hoài sát độc. Ác khí yếu minh, vi vọng hưng sự, vi nghịch thiên địa, bất tòng nhân tâm. Tự nhiên phi ác, tiên tùy dữ chi, tư thính sở vi, dài kỳ tội cực. Kỳ thọ vị chung tận, tiện đốn đoạt chi. Hạ nhập ác đạo, lũy thế cần khổ, triển chuyển kỳ trung, sở thiên ức kiếp, vô hữu xuất kỳ. Thống bất khả ngôn, thậm khả ai mãi!

(經)如是世人，不信作善得善，為道得道。不信人死更生，惠施得福。善惡之事，都不信之。謂之不然，終無有是。但坐此故，且自見之，更相瞻視，先後同然。轉相承受，父餘教令，先人祖父，素不為善，不識道德。身愚神闇，心塞意閉。死生之趣，善惡之道，自不能見，無有語者。吉凶禍福，競各作之，無一怪也。生死常道，轉相嗣立。或父哭子，或子哭父。兄弟夫婦，更相哭泣。顛倒上下，無常根本，皆當過去，不可常保。教語開導，信之者少。是以生死流轉，無有休止。如此之人，蒙冥抵突，不信經法，心無遠慮，各欲快意，癡惑愛欲。不達於道德，迷沒於瞋怒，貪狼於財色，坐之不得道。當更惡趣苦，

生死無窮已，哀哉甚可傷！或時室家父子，兄弟夫婦，一死一生，更相哀愍。恩愛思慕，憂念結縛，心意痛著，迭相顧戀，窮日卒歲，無有解已。教語道德，心不開明，思想恩好，不離情欲。昏蒙闇塞，愚惑所覆，不能深思熟計，心自端正，專精行道，決斷世事。便旋至竟，年壽終盡，不能得道，無可奈何。總猥憤擾，皆貪愛欲。惑道者眾，悟之者少。世間匆匆，無可聊賴。尊卑上下，貧富貴賤，勤苦匆務，各懷殺毒。惡氣窈冥，為妄興事。違逆天地，不從人心。自然非惡，先隨與之，恣聽所為，待其罪極。其壽未終盡，便頓奪之。下入惡道，累世勤苦，展轉其中，數千億劫，無有出期。痛不可言，甚可哀愍！

(Kinh: Người đời như thế đó, chẳng tin làm lành sẽ được lành, tu đạo sẽ đắc đạo, chẳng tin con người chết rồi sẽ lại sanh, do bố thí rộng rãi sẽ được phước. Đối với chuyện thiện ác, họ đều chẳng tin, bảo là “chẳng phải vậy, rốt cuộc chẳng có chuyện ấy”. Chỉ vì lẽ ấy, họ lại còn tự thấy, cùng nhau nhìn ngó, trước sau đều là như thế. Lần lượt dạy bảo lẫn nhau, cha đã truyền dạy [kiến chấp ấy cho con], người đời trước, ông, cha, trọn chẳng làm lành, chẳng biết đạo đức. Thân tâm ngu tối, tâm ý bé tắc. Nẻo tử sanh, đường thiện ác chẳng thể tự thấy, không ai bảo ban. Cát, hung, họa, phước, ai nấy đưa nhau làm, chẳng lấy gì làm lạ. Đạo sanh tử thường hằng, lần lượt nối dõi cho nhau. Hoặc cha khóc con, hoặc con khóc cha. Anh em, vợ chồng, khóc than lẫn nhau. Trên dưới điên đảo, vô thường là điều căn bản, [tất cả mọi mối quan hệ, mọi pháp trong thế gian] rồi sẽ qua đi, chẳng thể giữ mãi. Dạy, nói, chỉ bày, kể tin thì ít. Do vậy, lưu chuyển trong sanh tử, chẳng hề ngưng nghỉ. Hạng người như thế tối tăm, hung hăng, chẳng tin kinh pháp, tâm chẳng lo xa, mỗi chuyện đều muốn khoái ý, si mê, ngu hoặc bởi ái dục, chẳng thông đạt đạo đức, mê muội, chìm đắm trong giận dữ, tham lam tài sắc. Do vậy, kể ấy chẳng đắc đạo, sẽ chịu khổ trong nẻo ác, sanh tử chẳng có cùng tận, buồn thay, quá đáng thương! Hoặc là có lúc gia đình, cha con, anh em, chồng vợ, một đàng sống, một đàng chết, thương xót lẫn nhau. Nhớ nghĩ niềm ân ái, buồn thương ràng buộc, tâm ý đau đớn, quuyến luyến lẫn nhau, năm tàn tháng lụn, chẳng hề cởi gỡ. Dạy bảo đạo đức, tâm chẳng mở mang, sáng suốt, cứ nghĩ đến ân tình thâm thiết, chẳng lìa tình dục. Tối tăm, bé tắc, bị sự

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

ngu hoặc che lấp, chẳng thể suy sâu nghĩ chín, tự đoan chánh cái tâm, chuyên ròng tu đạo, quyết đoán cắt đứt chuyện đời. Chẳng mấy chốc đã hết đời, tuổi thọ chấm dứt, chẳng thể đắc đạo, biết làm sao đây! Luôn bị quấy nhiễu bởi xấu hèn, hồ đồ, đều là vì tham ái dục. Kẻ lâm lạc nơi đạo thì đông, người ngộ ít ỏi. Thế gian tất bật, chẳng thể nương cậy. Tôn, ty, trên, dưới, nghèo, giàu, sang, nhọc nhằn, bận bịu, ai này ôm ấp phiền não giết hại. Ác khí mù mịt, xằng bậy làm càn, trái nghịch trời đất, chẳng thuận lòng người. Tự nhiên là sai quấy, xấu ác, [cho nên chúng sanh trong cõi này vừa sanh ra] đã có [những điều sai, ác] theo sẵn⁴⁴ từ trước, mặc sức mà làm, cho đến khi tội lỗi cùng cực, tuổi thọ chưa hết, đã bị nhanh chóng đoạt mất, rơi vào ác đạo, vất vả bao đời, xoay vần trong đó, mấy ngàn ức kiếp, chẳng có thuở thoát ra. Đau chẳng thể nói, hết sức đáng thương xót!)

Vì sao người đời chẳng tin nhân quả? Do ngu si, chẳng có trí huệ. Ở đây là nói tới sự khổ não do ngu si. “*Như thị thế nhân*” (Người đời như thế đó) là nói đến kẻ ngu si trong thế gian. “*Bất tín tác thiện đắc thiện*” (Chẳng tin làm lành sẽ được lành): Họ chẳng tin tưởng “*gieo thiện nhân, sẽ đắc thiện báo*”. “*Vi đạo đắc đạo*” (Tu đạo sẽ đắc đạo): Họ chẳng tin tu đạo thì trong tương lai sẽ đắc đạo. “*Bất tín nhân tử cánh sanh*” (Chẳng tin người chết rồi sẽ lại sanh): Họ cho rằng người đã chết thì chẳng còn nữa, làm sao có thể tái sanh cho được? Họ chẳng tin sau khi con người đã chết, sẽ có luân hồi sanh tử. “*Huệ thí đắc phước*” (Bố thí, tạo ân huệ thì sẽ được phước): Khuyến chúng sanh phải hành bố thí, tạo ân huệ cho người khác sẽ được phước, họ chẳng tin. “*Thiện ác chi sự, đồ bất tín chi, vị chi bất nhiên*” (Đối với chuyện thiện ác, họ đều chẳng tin, bảo chẳng phải là như vậy): “*Thiện có thiện báo, ác có ác báo*”, họ đều chẳng tin tưởng. Có người khuyến dạy họ: “Người phải tin tưởng thiện có thiện báo, ác có ác báo, người chẳng tin sẽ không được đâu nhé!” “*Chung vô hữu thị*” (Rốt cuộc chẳng có chuyện ấy): Kết quả là họ chẳng tiếp nhận sự khai thị của quý vị, họ nói “há có chuyện quả báo thiện ác ấy?”

“*Đản tọa thử cố*” (Chỉ vì lẽ ấy), “*tọa thử*” (坐此) là vì lý do này, họ chẳng tin tưởng đạo lý “*thiện có thiện báo, ác có ác báo*”. “*Thả tự kiến chi*” (Họ lại còn tự thấy): Họ vẫn thấy làm lành chẳng có thiện báo, làm ác chẳng có ác báo. Họ còn nêu ra sự thật để chứng minh: “Kẻ

⁴⁴ Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của ông Từ Tinh Dân.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nào đó toàn làm chuyện ác, kết quả là giàu sụ, hưởng phước lớn. Người nào đó hằng ngày tu thiện, có sao nghèo túng, khó khăn chẳng chịu đựng nổi?” Chính họ tận mắt thấy, thiện chẳng có thiện báo, ác chẳng có ác báo, cho nên tà kiến của họ càng tăng thêm. “*Cánh tương chiêm thị, tiên hậu đồng nhiên*” (Cùng nhau nhìn ngó, trước sau đều là giống như vậy): Họ thấy rất nhiều người đều là như vậy, thiện ác đều chẳng có báo ứng, chẳng có đạo lý “*thiện có thiện báo, ác có ác báo*” như vậy. Cái kiểu chẳng tin tưởng nhân quả báo ứng như vậy, “*chuyển tương thừa thọ*” (thế hệ trước lần lượt truyền dạy, thế hệ sau tiếp nhận): Chẳng phải là một thế hệ trong đời này là như vậy, mà thế hệ này qua thế hệ khác đều là như vậy! “*Phụ đur giáo lệnh*” (Cha đã truyền dạy): Họ nghe cha mình nói chẳng tin tưởng nhân quả báo ứng, lại truy ngược lên.

“*Tiên nhân tổ phụ*”, ý nói tổ tiên, ông nội của họ thấy đều chẳng tin tưởng nhân quả báo ứng. “*Tổ bất vi thiện*” (Trợn chẳng làm lành): Đây là một gia đình ác, trước nay tổ tông cả tám đời đều chẳng biết làm việc thiện. “*Bất thức đạo đức*” (Chẳng biết đạo đức): Cũng chẳng nhận biết đạo đức là chuyện như thế nào? “*Thân ngu thần ám*” [nghĩa là] người nhà kẻ đó thân thể ngu si, tinh thần tăm tối. “*Tâm tắc ý bế*” (Tâm ý bế tắc): Hoàn toàn là kẻ ngu si, tâm tư bế tắc, trong tâm nghẹt cứng, ý nghiệp đóng chặt. “*Tử sanh chi thú, thiện ác chi đạo, tự bất năng kiến*” (Chẳng thể tự thấy nẻo sống chết, đường thiện ác): Quý vị nói nhân quả ba đời với họ, sẽ sanh vào đường nào, chết rồi sẽ đi vào đường nào, kẻ ấy chẳng thể tự mình trông thấy. “*Vô hữu ngữ giả*” (Chẳng có ai bảo ban): Cũng chẳng có thiện tri thức gọi mở, dẫn dắt họ. “*Cát hung họa phước, cạnh các tác chi, vô nhất quái dã*” (Cát, hung, họa, phước, mỗi kẻ đều tranh nhau làm, chẳng có gì là lạ): Họ chẳng làm điều lành, toàn làm điều hung hiểm, tận lực làm những chuyện ương họa, chẳng làm phước, thích làm ác, chẳng có gì lạ lùng cả! Vì kẻ ấy cho rằng: Làm ác chẳng có ác báo, chẳng có gì đáng lạ lùng cả!

Hiện thời, kẻ không tin tưởng nhân quả báo ứng nghiêm nhiên rất đông, nhưng có thể là đối với các đệ tử Phật chúng ta đã gặp phải những trường hợp ương bướng cũng rất nhiều. Quý vị phải nhớ: Hễ bàn luận Phật pháp thì nhân quả báo ứng nhất định phải thông ba đời. Quý vị chẳng tin tưởng ba đời, sẽ chẳng có cách nào nói với quý vị được. Nếu quý vị tin tưởng có đời kế, đời sau, tôi mới nói với quý vị được. Nếu quý vị chẳng tin thì kẻ như thôi rồi! Quý vị làm chuyện ác, trong tương lai, quý vị sẽ bị báo ứng. Pháp luật thiên nhiên, luật nhân quả

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

chẳng thể dung tha cái mạng của quý vị đâu nhé! Trong kinh Phật, có bài kệ về nhân quả ba đời như sau: “*Dục tri tiên thế nhân, kim sanh thọ giả thị. Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị*” (Muốn biết nhân đời trước, những gì đã hứng chịu trong đời này chính là nó. Muốn biết cái quả đời sau, những gì đã làm trong đời này chính là nó đấy).

“*Dục tri tiên thế nhân*” (Muốn biết cái nhân trong đời trước): Nếu quý vị muốn biết kiếp trước đã tạo cái nhân gì, “*kim sanh thọ giả thị*” (những gì phải hứng chịu trong đời này chính là nó đấy): Hãy nhìn vào những gì quý vị đạt được trong hiện tại, đấy chính là do cái nhân đã tạo trong đời trước, kiếp trước. Đời này là quả báo. Vì sao đời này quý vị phát tài, vì sao hưởng phước? Chính là vì đời trước, kiếp trước, quý vị đã từng làm thiện nghiệp. Vì sao đời này, quý vị chịu cảnh nghèo khổ? Do đời trước, kiếp trước đã tạo cái nhân ác. Đây là “*dục tri tiên thế nhân, kim sanh thọ giả thị*” (muốn biết cái nhân đời trước, những gì hứng chịu trong đời này chính là nó). Quý vị muốn biết đời sau, đời kế, sẽ là quả gì ư? “*Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị*” (Muốn biết cái quả trong đời sau, những gì đã làm trong đời này chính là nó): Đời này quý vị đã tạo cái nhân gì ư? Chính quý vị hiểu rõ ràng, đời sau, đời kế nhất định sẽ mắc phải cái quả ấy.

Quý vị đời này làm lành, đời sau nhất định đạt được thiện báo. Đời này quý vị làm ác, đời sau nhất định gặp ác báo! Nếu dùng sự thật để chứng minh, người ấy hiện tại làm ác lắm rồi, có sao người ấy phát tài, có sao người ấy hưởng phước? Đây là nhân quả báo ứng gì vậy? Kẻ ấy phát tài, hưởng phước là quả báo, [là vì] đời trước, kiếp trước đã làm thiện nhân. Đời này làm ác lắm rồi là nhân, do quả báo [của cái nhân ấy] còn chưa chín muồi. Đời sau, đời kế, nhất định sẽ đọa vào ba ác đạo chịu khổ. Quý vị thấy kẻ khác tận sức làm lành, có sao hứng chịu nỗi khổ bần cùng như vậy? Hứng chịu quả báo khổ sở bần cùng, là do đời trước, kiếp trước đã tạo cái nhân ác, cho nên hứng chịu nỗi khổ bần cùng. Đời này, kẻ ấy tận hết sức làm chuyện tốt, nhưng [quả báo của những cái nhân lành ấy] vẫn chưa chín muồi! Đời sau, đời kế, nhất định có thể hưởng phước báo đại phú đại quý. Lại nói đến nỗi khổ do ngu si, do ngu si bèn bị sanh tử, chịu luân hồi điên đảo. Đây cũng là nỗi khổ do chúng sanh ngu si!

“*Sanh tử thường đạo*”: Sanh tử là đường nẻo bình thường. Có sanh, ắt có tử; có sanh có tử thì người ấy lại chuyển sanh. “*Chuyển tương tự lập*” (Lần lượt nối dõi cho nhau): Cha có thể chuyển sanh làm con trong nhà quý vị. “*Hoặc phụ khốc tử, hoặc tử khốc phụ*” (Hoặc cha

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

khóc con, hoặc con khóc cha): Chết mất một người thì sẽ khóc. Có thể là cha khóc con, cũng có thể là con khóc cha. “*Huynh đệ, phu phụ, cánh tương khóc khắp, điền đảo thượng hạ*” (Anh em, vợ chồng, khóc than lẫn nhau, điền đảo trên dưới): Vốn là cha trong kiếp này, đời này; chết đi, con cái sẽ khóc cha. Đợi đến khi cha mẹ chết đi, trong tương lai, chuyển sanh làm con của con cái của chính mình. Người làm cha đã chuyển sanh làm con của con cái mình [trong đời trước], đợi đến mai sau, người con ấy chết đi, người cha đã chuyển thân làm đứa trẻ lại khóc con [của mình trong đời trước]. Anh em, vợ chồng, hễ bên nào chết thì cũng lại giống như vậy. Đây gọi là điền đảo lâm loạn, [kinh văn chép là] “*điền đảo thượng hạ*”.

“*Vô thường căn bản, giai đương quá khứ, bất khả thường bảo*” (Căn bản là vô thường, sẽ đều qua đi, chẳng thể giữ mãi): Pháp thế gian lấy vô thường làm căn bản, sẽ phải qua đi, chẳng thể giữ mãi. “*Giáo ngữ khai đạo, tín chi giả thiếu*” (Dạy, nói, chỉ dẫn, kể tin tưởng thì ít): Nếu quý vị ngay lập tức niệm A Di Đà Phật cầu lễ thường trụ, tức là đạo trường sanh, nhưng kể tin tưởng rất ít. Vì kể tin tưởng rất ít, “*thị dĩ sanh tử lưu chuyển, vô hữu hưu chi*” (cho nên sanh tử lưu chuyển, chẳng có ngưng dứt). Do đó, sanh rồi chết, chết rồi sanh, sanh tử lưu chuyển, vĩnh viễn chẳng ngưng ngớt. “*Như thử chi nhân, mộng minh để đột*” (Hạng người như vậy, tối tăm, hung hãn): “*Mông minh*” (蒙冥) là ngu si, chẳng có trí huệ. “*Để đột*” (抵突) là tánh tình nóng nảy. “*Bất tín kinh pháp*” (Chẳng tin kinh pháp): Chẳng tiếp nhận lời khai thị từ kinh pháp. Trong phần trước đã nói: “*Tín chi giả thiếu*” (Kể tin tưởng thì ít). Căn bản là chẳng tiếp nhận, quý vị nói sanh tử luân hồi gì đi nữa, kể ấy chẳng tiếp nhận.

“*Tâm vô viễn lự*” (Tâm chẳng lo xa): Quý vị thường xuyên nói pháp môn, kể ấy nhất loạt chẳng tin tưởng! Quý vị nói đời sau, kiếp sau phải chịu khổ, đời sau, kiếp sau sẽ sanh về Tây Phương, kể ấy chẳng suy nghĩ sâu xa như thế! Có thể là kể ấy còn thốt những lời tà kiến: “Ta kiếp này còn chưa xong, cần gì phải hỏi đến đời sau? Chuyện trong đời này, ta làm còn chưa xong, còn nghĩ tới đời sau, đời kể nỗi gì?” Kể ấy tự cho là mình rất có lý. “*Các dục khoái ý*” (Ai nấy đều muốn khoái ý): Đời này, kiếp này, kể ấy mong cầu khoái lạc. “*Si hoặc ái dục*”: Do cầu vui sướng bèn nghĩ tới “*ái dục*”, đây là ngu si, mê hoặc nơi ái dục. “*Bất đạt u đạo đức*” (Chẳng thông đạt đạo đức): Vĩnh viễn chẳng thể thấu đạt Phật đạo. “*Mê một u sân nộ*” (Mê muội, chìm đắm trong giận dữ): Do ngu si bèn dây lòng sân hận, giận dữ. “*Tham lang*” (貪狼) là

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

cái tâm tham lam, “*tham lang u tài sắc*” (tham lam nơi tài sắc). “*Tọa chi bất đắc đạo*” [nghĩa là] do đó, sẽ chẳng đắc đạo. “*Đương cánh ác thú khổ*” (Sẽ chịu khổ trong đường ác): Quý vị tận sức tham tài, tham sắc, nổi cơn giận dữ, nổi nóng, tạo các ác nghiệp, đương nhiên là quý vị phải đến chịu khổ trong đường ác. “*Sanh tử vô cùng dĩ*” (Sanh tử chẳng có cùng tận): Quý vị vĩnh viễn sanh tử vô cùng vô tận. “*Ai tai thậm khả thương*” (Buồn thay, hết sức đáng thương): Chúng sanh ngu si khiến cho Phật quá đau lòng!

“*Hoặc thời thất gia, phụ tử, huynh đệ, phu phụ, nhất tử, nhất sanh*” (Hoặc có lúc gia đình, cha con, anh em, chồng vợ, một đấng sống, một đấng chết): Hoặc là cha con, anh em, vợ chồng, giữa đôi bên có một người đã chết, một người còn sống. “*Cánh tương ai mãn. Ân ái tư mộ, ưu niệm kết phược, tâm ý thống trước*” (Buồn thương lẫn nhau. Nhớ nghĩ niềm ân ái, buồn thương buộc ràng, tâm ý đau đớn): Người đã chết khiến cho người còn sống một mực tưởng nhớ, đau khổ khôn ngần! “*Diệt tương cố luyến, cùng nhật tốt tuế*” (Quyên luyến lẫn nhau, năm tàn tháng lụn): Mỗi ngày đều ưu sầu như thế đó. “*Vô hữu giải dĩ*” (Chẳng hề cởi gỡ): Chẳng có lúc nguôi ngoai. “*Giáo ngữ đạo đức, tâm bất khai minh*” (Dạy bảo đạo đức, [nhưng] tâm họ chẳng mở mang, thông sáng): Quý vị bảo họ tu đạo, tu đức, họ chẳng nghe lọt tai, tâm chẳng hiểu rõ. “*Tư tưởng ân hảo, bất ly tình dục*” (Tư tưởng ân tình thắm thiết, chẳng lìa tình dục): “*Tình dục*” khiến cho họ mê hoặc, đây vẫn là nỗi khổ do ngu si!

“*Hôn mộng ám tắc, ngu hoặc sở phú*” (Tối tăm, bết tắc, bị ngu si, mê hoặc che lấp): Có ân ái tham dục tồn tại, sẽ càng tăng thêm ngu si, bị ngu si che lấp. “*Bất năng thâm tư thực kế*” (Chẳng thể suy sâu, nghĩ chín): Chẳng thể tính toán kỹ càng, vì sao ta phải lưu chuyển sanh tử? Không thể nghĩ đến chỗ này! “*Tâm tự đoan chánh, chuyên tinh hành đạo, quyết đoạn thế sự*” (Tự đoan chánh cái tâm, chuyên ròng hành đạo, nhất quyết dứt bỏ chuyện đời): Chẳng thể suy sâu nghĩ chín, ta hãy khéo dụng công tu hành, quyết định đoạn trừ chuyện thế gian để tu hành. Kẻ ấy chẳng thể nghĩ đến điều này! “*Tiên toàn chí cánh, niên thọ chung tận*” (Chẳng mấy chốc sẽ hết đời, tuổi thọ chấm dứt): Khi quý vị còn chưa tu hành, thọ mạng đã tận. “*Bất năng đắc đạo, vô khả nại hà!*” (Chẳng thể đắc đạo, biết làm sao được!): Căn bản là vẫn chẳng tu hành, thọ mạng của quý vị đã tận! Người trong thế gian, “*tổng ỏi hội nhiễu, giai tham dục cố*” (luôn bị quấy động bởi phiền tạp, hồ đồ, đều là do tham dục): “*Hội nhiễu*” (攪擾) là hồ đồ rối loạn, bị nhiễu loạn đều là vì

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tham ái dục.

“*Hoặc đạo giả chúng, ngộ chi giả thiếu*” (Kẻ làm lẫn nơi đạo thì đông, người ngộ ít ỏi): Kẻ mê hoặc nơi đạo này rất nhiều, người ngộ đạo rất ít. “*Thế gian thông thông, vô khả liêu lại*” (Thế gian bận rộn tui bụi, chẳng thể nương cậy): “*Thông thông*” (匆匆) là rất bận rộn, người thế gian suốt ngày từ sáng đến tối đều bận bịu, “*liêu lại*” (聊賴) là nhờ cậy, dựa vào. Chính mình bận bịu suốt cả một đời, chết rồi tự mình thọ báo, chẳng có gì để có thể nương cậy! “*Tôn ty thương hạ, bản phú quý tiện*” (Tôn, ty, trên, dưới, nghèo, giàu, sang, hèn): Hết thấy mọi người trong thế gian, “*cần khổ thông vụ, các hoài sát độc*” (nhọc nhằn bận rộn, ai nấy đều ôm phiền não giết chóc): Mọi người tất bật, bận bịu, đều chịu đựng khó nhọc trong ấy, đều có cái tâm tham tài. Hễ tham chẳng được bèn ôm lòng độc sát (giết hại, tàn hại đối phương để tranh giành). “*Ác khí yếu minh, vi vọng hưng sự*” (Ác khí mù mịt, cần quây làm xằng): Do ôm lòng sát độc, trong tâm ngày càng u ám, càng mờ mịt, vì vọng tưởng mà hành động. “*Vi nghịch thiên địa, bất tòng nhân tâm*” (Trái nghịch trời đất, chẳng thuận lòng người): Trời đất có chánh khí; nếu quý vị hại kẻ khác, tức là đã trái nghịch chánh khí trong trời đất. Bản tánh của con người cũng thoát đầu là lạnh, tánh vốn lạnh, quý vị hoàn toàn do ác tâm mà làm những chuyện trái nghịch trời đất, chẳng thuận lòng người.

“*Tự nhiên phi ác, tiên tùy dữ chi, tứ thính sở vi*” (Tự nhiên là những điều sai trái, xấu ác, sẽ theo con người ngay từ trước (ngay từ lúc mới sanh), mặc tình mà làm): Quý vị toàn làm chuyện ác, mặc tình mà làm! “*Đãi kỳ tội cực*” (Đến khi tội lỗi cùng cực): Quý vị tạo tội nghiệp đã đến cực điểm. “*Kỳ thọ vị chung tận, tiện đốn đoạt chi*” (Tuổi thọ chưa hết, đã bị nhanh chóng đoạt mất): Quý vị đã tạo quá nhiều tội nghiệp, tội ác ngập đầu, thọ mạng chưa đến mà đã bị đoạt mất thọ mạng. “*Hạ nhập ác đạo, lũy thế cần khổ*” (Đọa lạc trong đường ác, nhọc nhằn bao đời): Quý vị chết rồi sẽ đọa vào ba ác đạo chịu khổ. Hễ quý vị sa vào ba ác đạo, thời gian trong ba ác đạo lâu dài. “*Triển chuyển kỳ trung*” (Xoay vần trong ấy): Rơi vào địa ngục, chịu xong quả báo trong địa ngục này, lại chuyển sang một địa ngục khác. Chịu tội trong địa ngục xong, lại chuyển sang ngạ quỷ đạo. Thọ báo trong ngạ quỷ đạo đã mãn, lại chuyển sang súc sanh đạo. Thời gian xoay vần trong ấy lâu dài. “*Số thiên ức kiếp, vô hữu xuất kỳ*” (Mấy ngàn ức kiếp, chẳng có thở ra): Chẳng biết ngày nào sẽ thoát khỏi ba ác đạo. Sự thống khổ trong ba ác đạo còn dữ dội hơn trong nhân gian. “*Thống bất*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

khả ngôn, thậm khả ai mãn” (Đau chẳng thể nói nổi, hết sức đáng buồn thương).

Trong đoạn kinh văn kể đó, Thích Ca Mâu Ni Phật đã khai thị Di Lạc Bồ Tát và các hàng trời người v.v... phải hiểu rõ Phật lý. Kinh văn gồm hai đoạn lớn. Đoạn thứ nhất là cầu Giải, đoạn thứ hai là cầu Hành. Do đó, người học Phật phải Giải và Hành đều xem trọng, vừa cầu Giải, vừa cầu Hành, phải nương theo đạo lý đã liễu giải để tu hành, chớ nên lệch về một bên! Những người học Phật trong hiện thời, có kẻ chỉ chú trọng tu nơi phương diện Giải. Chẳng hạn như họ thích nghiên cứu Phật lý, xem chú giải, viết văn chương, nghe kinh. Những điều ấy đều thuộc về bộ phận cầu Giải, nhưng quý vị bảo họ tu hành, họ chẳng chịu tu. Họ ngỡ chính mình đã liễu giải Phật pháp, ngỡ mình đã có bản lãnh rồi, đã có trí huệ rồi. Thật ra, trí huệ ấy chẳng phải là trí huệ thực tại, đã biến thành cuồng huệ, tức là trí huệ do phát cuồng! Đây là vì họ chẳng biết tu, chỉ cần liễu giải mà thôi. Lệch về một phía như vậy (chỉ cầu Giải) thì sẽ chẳng được!

Một hạng người khác thì thiên về phương diện tu. Quý vị bảo họ nghe kinh, họ chẳng chịu. Bảo họ liễu giải đạo lý Phật pháp, họ cũng không chịu. Họ chỉ một mực nói họ đang tu, tu kiểu đó là “*si tu*”. Vì sao gọi là “*si tu*”? Vì tu kiểu ấy chính là tu hành ngu si, giống như tu mù luyện đui, kết quả là lọt hầm, sụp rãnh, giống như kẻ mù đi đường hết sức nguy hiểm. Phía trước có vách núi cheo leo cũng không biết, rất dễ lọt nhào xuống đó. Họ chẳng biết tu như thế nào, đi vào ngõ rẽ, tu trở thành ngoại đạo mà không biết. Hai loại người trên đây, mỗi loại có sự thiên trọng riêng; do vậy, ta học Phật thì dụng công như thế nào? Nhất định là Giải lẫn Hành đều trọng, vừa cầu liễu giải đạo lý Phật pháp, rồi lại nương theo đạo lý để tu hành, như thế thì mới không làm đường, lạc lối! Trước hết là cầu liễu giải Phật lý. Phật lý được chia thành lý thế gian và lý xuất thế gian, cũng là phải liễu giải Tứ Thánh Đế của Phật pháp.

Pháp thế gian có Khổ Đế và Tập Đế; pháp xuất thế gian có Diệt Đế và Đạo Đế. “*Đế*” (諦) là lý chân thật, chẳng dối. Quý vị phải liễu giải rõ ràng đạo lý thế gian; đối với pháp thế gian thì khổ quả thật sự là khổ. Những đạo lý này chân thật, chẳng dối, nên gọi là Khổ Đế. Khổ quả do từ Tập Đế mà có. Tập (集) là phiên nã, phiên nã tích tụ chiêu cảm khổ quả. Đạo lý này chân thật, chẳng dối, nên gọi là Tập Đế. Đây là đạo lý thế gian quý vị phải hiểu rõ trước đã, rồi mới liễu giải đạo lý xuất thế gian. Pháp xuất thế gian là Diệt Đế và Đạo Đế, Diệt (滅) là

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Tịch Diệt. Tịch Diệt trong tiếng Phạn là Niết Bàn. Chúng đặc Tịch Diệt Niết Bàn, tức là đã liễu sanh thoát tử. Nó là bất sanh bất diệt, nên gọi là Tịch Diệt, Diệt là xuất thế gian quả. Làm thế nào để đạt tới cảnh giới bất sanh bất diệt? Quý vị phải tu đạo, Đạo Đệ là cái nhân xuất thế gian. Quý vị đã liễu giải đạo lý thế gian, và cũng liễu giải đạo lý xuất thế gian. Quý vị liễu giải Phật lý rồi tu hành, tuyệt đối sẽ chẳng đi lạc đường!

2.2.3.3.2.2. Khuyến mọi người hãy tu xả

2.2.3.3.2.2.1. Chánh thức khuyến tu xả

(Kinh) Phật cáo Di Lạc Bồ Tát, chư thiên nhân đấng: - Ngã kim ngữ nhữ, thế gian chi sự, nhân dụng thị cố, tọa bất đắc đạo. Đương thực tư kế, viễn ly chúng ác. Trạch kỳ thiện giả, cần nhi hành chi. Ai dục vinh hoa, bất khả thường bảo, giai đương biệt ly, vô khả lạc giả. Ngộ Phật tại thế, đương cần tinh tấn. Kỳ hữu chí nguyện sanh An Lạc quốc giả, khả đắc trí huệ minh đạt, công đức thù thắng. Vật đắc tùy tâm sở dục, khuy phụ kinh giới, tại nhân hậu dã. Thảng hữu nghi ý, bất giải kinh giả, khả cụ vấn Phật, đương vị thuyết chi.

(經)佛告彌勒菩薩，諸天人等：我今語汝，世間之事，人用是故，坐不得道。當熟思計，遠離眾惡。擇其善者，勤而行之。愛欲榮華，不可常保，皆當別離，無可樂者。遇佛在世，當勤精進。其有至願生安樂國者，可得智慧明達，功德殊勝。勿得隨心所欲，虧負經戒，在人後也。儻有疑意，不解經者，可具問佛，當為說之。

(Kinh: Đức Phật bảo Di Lạc Bồ Tát và các hàng trời người: - Ta nay bảo các ông, chuyện trong thế gian, con người do những điều ấy, cho nên chẳng đắc đạo. Hãy nên suy nghĩ kỹ càng, xa lìa các điều ác, chọn lựa điều thiện để siêng làm. Ai dục vinh hoa chẳng thể giữ mãi, sẽ đều biệt ly, chẳng có gì đáng vui thích. Gặp Phật tại thế, hãy nên siêng tinh tấn. Ai có chí nguyện sanh về nước An Lạc, có thể đạt được trí huệ sáng suốt, thông đạt, công đức thù thắng. Đừng nên thuận theo lòng ham muốn trong tâm, mà thiếu sót, phụ bạc kinh giới, tụt sau người khác. Nếu có ý ngờ, chẳng hiểu kinh điển, có thể hỏi Phật trọn vẹn, ta sẽ nói cho các ông).

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Phật cáo Di Lạc Bồ Tát, chư thiên nhân đấng*” (Đức Phật bảo ngài Di Lạc Bồ Tát và các hàng trời người): Đức Phật bảo Di Lạc Bồ Tát, thật ra chẳng phải là nói với Di Lạc Bồ Tát, mà là nói với các hàng trời người. Thực tế cũng chẳng phải là bảo với những người [hiện diện] trong pháp hội, thật ra, đức Phật nhằm bảo chúng ta. “*Ngã kim ngữ nhữ, thế gian chi sự*” (Ta nay nói với các ông, chuyện trong thế gian): Đây là những điều được nói trong ba đoạn lớn ở phần trước. Vì sao chúng sanh trong thế gian hứng chịu đau khổ? Do vì ba căn bản phiền não tham, sân si. Do ba cái nhân tham, sân, si chiêu cảm, tạo thành khổ quả; đây đều là chuyện thế gian. “*Nhân dụng thị cố, tọa bất đắc đạo*” (Con người do vì những điều ấy, cho nên chẳng đắc đạo): Chữ Dụng (用) nên hiểu là Dĩ (以, vì, bởi), chữ Tọa (坐) nên hiểu là “*do thử*” (由此, do vậy, do những điều ấy). “*Nhân*” là người thế gian, “*dụng thị cố*” nghĩa là do bởi nguyên cớ ấy, do vì tham, sân, si. “*Tọa bất đắc đạo*”, [nghĩa là] do đó, chẳng đạt được Phật đạo. “*Đương thực tư kế, viễn ly chúng ác*” (Hãy nên suy sâu, nghĩ chín, xa lìa các điều ác): Đây là nhằm bảo chúng ta, trước hết, quý vị phải suy nghĩ sâu xa, chín chắn. Suy đi nghĩ lại là “*thực tư*” (熟思), tính đi tính lại gọi là “*tư kế*” (思計). Bảo quý vị hãy khéo nghiên cứu, suy nghĩ, xét suy, đừng nên hời hợt, cẩu thả, cứ tưởng chính mình đã hiểu Phật pháp, thật ra chẳng hiểu, hãy suy nghĩ kỹ càng!

Trong phần Thất Giác Chi như đã nói trong phần trước, chi thứ nhất là Trạch Pháp Giác Chi. Trước hết, quý vị hãy quyết trạch⁴⁵ rành rẽ thiện pháp và ác pháp. Chẳng phân định rõ ràng pháp thiện và ác, tu đạo bằng cách nào đây? Do vậy, quý vị phải suy sâu, nghĩ chín. Sau khi đã phân định rõ ràng thiện pháp và ác pháp, bèn “*viễn ly chúng ác*” (xa lìa các điều ác), ta đã biết thiện pháp là gì? Ác pháp là gì? Đức Phật dạy: Những pháp sanh bởi tham, sân, si phiền não thì đều là ác pháp, đều phải xa lìa các ác pháp! “*Trạch kỳ thiện giả, cần nhi hành chi*” (Chọn lấy những điều thiện để siêng năng thực hiện): Lại chọn lựa thiện pháp để tu hành. Đức Phật dạy chúng ta niệm danh hiệu A Di Đà Phật, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; đây là pháp tối thiện, như vậy thì quý vị mới có thể đắc đạo. Người học Phật pháp mà chẳng phân định rõ pháp thiện và ác rồi tu hành, chắc chắn sẽ không thể đắc đạo. Quý vị hằng ngày tu hành, hằng ngày niệm Phật, lạy Phật, tụng

⁴⁵ “*Quyết trạch*” là một từ ngữ Phật giáo, hàm nghĩa cân nhắc, chọn lựa cẩn thận, dứt khoát.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

kinh, tinh tọa, điều này chẳng sai lầm, nhưng quý vị có hàng phục tham, sân, si hay chẳng? Hàng phục rồi thì mới có thể đoạn.

Trước tiên, hãy hàng phục khiến cho chúng nó chẳng dấy lên, rồi tiến thêm bước nữa là đoạn trừ. Quý vị chẳng dụng công hàng phục tham, sân, si, hằng ngày tu hành niệm Phật, lạy Phật, tụng kinh, tinh tọa, dụng công tu hành sẽ chẳng thể đắc lực, vì bị tham, sân, si xen tạp. Kết quả là chúng nó có sức mạnh rất lớn. Tham, sân, si là tập khí từ vô thủy kiếp đến nay. Quý vị chẳng dụng công, tự nhiên tham, sân, si sẽ dấy lên. Chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương thì là hiện thời mới dụng công, sức mạnh này nhỏ nhoi! Do vậy, quý vị dụng công thì trước hết là phải hàng phục ác pháp, sau đây dụng công tu hành thì mới có thể đạt được lợi ích. Chẳng liễu giải rõ ràng đạo lý này, dụng công sẽ chẳng đạt được lợi ích, niệm Phật suốt đời mà chẳng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì sao? Bị nhuốm bản bởi tham, sân, si. Sức mạnh của chúng rất lớn, sẽ lôi quý vị vào thế giới Sa Bà, quý vị cầu sanh Tây Phương mà chẳng sanh về đó được! Cần phải cầu giải điều này, [tức là] phải liễu giải những đạo lý này. Do vậy, quý vị phải “*viễn ly chúng ác, trạch kỳ thiện giả, cần nhi hành chi*” (xa lìa các điều ác, chọn lấy điều lành để siêng năng thực hiện). Quý vị bèn liễu giải: Vinh hoa trong thế gian là pháp vô thường, tham, sân, si đều phải xa lìa.

Trong ba căn bản phiền não, tham dục là căn bản của căn bản. Do vậy, trước hết phải chú ý “*ái dục vinh hoa, bất khả thường bảo*” (ái dục vinh hoa, chẳng thể giữ mãi). Nó là pháp vô thường, vì sao phải tham nó? Hễ tham nó (ái dục, vinh hoa) thì là ngu si, tức là chẳng liễu giải Phật lý. Do đó, quý vị phải nghĩ, chẳng thể thường gìn giữ nó. “*Giai đương biệt ly*” (Đều sẽ xa lìa): Chẳng thể giữ mãi nó, sẽ phải biệt ly. Vì thế, hiện thời quý vị phải xa lìa nó, vì pháp thế gian đều là như huyễn, như hóa. “*Vô khả lạc giả*” (Chẳng có gì đáng vui thích): Há có gì đáng vui? Những thứ tham dục, vinh hoa trong pháp thế gian là chuyện khoái lạc, nhưng chúng chẳng lâu dài, chúng sẽ hư hoại. Hễ hư hoại, quý vị sẽ cảm thấy đau khổ. Đây gọi là Hoại Khổ. Quý vị phải liễu giải đạo lý này thì mới có thể xa lìa chúng nó. Quý vị chẳng liễu giải thì gọi là “*ngu si*”, cứ ngỡ chúng nó là pháp thường trụ. Nếu tham ái chúng nó, chẳng biết là kết quả sẽ khiến cho quý vị chịu khổ. Biết rõ nó sẽ hư hoại, biết rõ “*lạc là Hoại Khổ*”, nhưng quý vị vẫn muốn tham ái chúng nó; đó là “*dĩ khổ vi lạc*” (coi khổ là lạc). Đây gọi là “*điên đảo*”.

Kinh Phật có nói: “*Phàm phu là kẻ đáng thương xót*”. Vì sao?

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Thứ nhất, ngu si, chẳng biết lạc là gì, khổ là gì? Thứ hai, điên đảo, coi khổ là lạc. Do vậy, đức Phật bảo chúng ta chớ nên dấy tâm tham dục. Tâm tham dục sẽ chẳng lâu dài, trong tương lai sẽ chịu khổ to lớn. Vậy thì sao hiện thời quý vị chẳng xa lìa chúng nó? Có điều gì thật sự vui sướng? “*Ngộ Phật tại thế, đương cần tinh tấn*” (Gặp Phật tại thế, hãy nên siêng năng, tinh tấn). Đức Phật khuyên dạy chúng ta, quý vị gặp đức Phật tại thế, hãy nên siêng năng tinh tấn. Hiện thời, Phật Thích Ca đã nhập Niết Bàn, hãy còn có Phật pháp trên cõi đời. Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, Chánh Pháp là một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp một vạn năm, pháp vận [của Thích Ca Mâu Ni Phật là] một vạn hai ngàn năm. Đó gọi là “*Phật thế*”, tức là Phật pháp xuất hiện trên thế gian. Pháp vận hiện thời mới trôi qua hai ngàn năm trăm năm, vẫn thuộc vào Phật thế. Phật pháp hãy còn trên cõi đời này, quý vị phải cố gắng tinh tấn. Phật Thích Ca hướng về chúng ta nói kinh Vô Lượng Thọ nhằm khuyên dạy chúng ta hãy niệm thánh hiệu Vô Lượng Thọ Phật, cầu sanh về nước An Dưỡng. Do vậy, quý vị phải phát tâm tinh tấn.

“*Kỳ hữu chí nguyện sanh An Lạc quốc giả*” (Nếu ai có chí nguyện sanh về nước An Lạc): Do vậy, có người phát nguyện chí thành, khẩn thiết, nguyện sanh về nước An Lạc. “*Khả đắc trí huệ minh đạt, công đức thù thắng*” (Có thể đạt được trí huệ sáng suốt, thông đạt): Người sanh về cõi An Lạc, trí huệ có thể sáng suốt, thông đạt. Nếu quý vị cầu Giải, sẽ có thể đạt được trí huệ sáng suốt, thông đạt. Chỉ cần sanh về cõi An Lạc, gặp A Di Đà Phật thuyết pháp cho quý vị, trí huệ liền mở mang. “*Trí huệ minh đạt*” là không pháp nào chẳng biết, không pháp nào chẳng hiểu rõ. “*Công đức thù thắng*”: Quý vị tu công đức rất dễ thành tựu, lại còn là công đức thù thắng. “*Vật đắc tùy tâm sở dục*” (Đừng thuận theo ham muốn trong tâm): Nếu quý vị cầu trí huệ, sẽ đạt được trí huệ, nếu cầu phước báo, sẽ có phước báo, nếu cầu thần thông, sẽ có thần thông, nếu cầu biện tài, sẽ có biện tài. Đây chính là “*tùy tâm sở dục*”.

Nếu quý vị muốn trở về thế giới Sa Bà cứu chúng sanh, trí huệ, biện tài, thần thông đều có, thuận theo nguyện của quý vị mà trở lại, gọi là “*thừa nguyện tái lai*”, đều là “*tùy tâm sở dục*”, đều có thể mãn nguyện của quý vị. “*Vật đắc tùy tâm sở dục, khuy phụ kinh giới, tại nhân hậu dã*” (Đừng thuận theo sự ham muốn trong tâm mà thiếu sót, phụ bạc kinh giới để rồi tụt sau người khác): Đừng nên thuận theo cái tâm vọng tưởng của quý vị mà “*tùy tâm sở dục*” (thuận theo sự ham

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

muốn trong tâm). Ham muốn trong cái tâm vọng tưởng chính là tham, sân, si. [Ở trong cảnh] ái dục vinh hoa phú quý, chớ nên thuận theo lòng ham muốn trong tâm, [để rồi] bị ngũ dục xoay chuyển, đến nỗi “*khuy phụ kinh giới, tại nhân hậu dã*” (thiếu sót, phụ bạc kinh giới để rồi tụt lùi sau người khác): Đối với kinh giới do đức Như Lai đã nói, chúng ta rất đáng thẹn, đã cô phụ kinh giới. Chúng ta đều là đệ tử đức Phật, phải “*kiến hiền tư tề*”, nghĩa là thấy người hiền đức chúng ta liền mong được bằng họ, đừng nên rút lại đằng sau họ. Người ta sanh về Tây Phương, chúng ta vẫn sanh tử trong thế giới Sa Bà, chịu khổ vô cùng.

“*Thảng hữu nghi ý*” (Nếu có ý ngờ): Nếu quý vị có những nghĩa lý cảm thấy đáng ngờ, còn có chỗ hoài nghi. “*Bất giải kinh giả*” (Chẳng hiểu kinh điển): Đối với kinh do ta (đức Phật) đã nói, quý vị còn chưa hoàn toàn liễu giải; đối với bộ kinh Vô Lượng Thọ này, quý vị còn có chỗ không hiểu. “*Khả cụ vấn Phật, đương vị thuyết chi*” (Có thể thưa hỏi đầy đủ với Phật, ta sẽ nói cho các ông hiểu): Có thể xin đức Phật giải thích, đức Phật nhất định sẽ giải đáp cho quý vị. Đây là khơi gợi, hướng dẫn, khuyên dạy chúng ta phải cầu Giải. Hiện thời, đức Phật đã nhập Niết Bàn, đức Phật chẳng tại thế, nhưng hãy còn Phật pháp hiện diện trên cõi đời, có kinh điển trên cõi đời, chúng ta xem không hiểu thì làm như thế nào? Phải nghe pháp sư giảng, phải thưa hỏi pháp sư, nhất định là phải đa văn. Đối với chỗ không hiểu, nhất định phải hỏi. Quý vị chẳng hiểu mà không nêu câu hỏi, chờ pháp sư đi rồi, tâm nghi của quý vị sẽ không có cách nào giải đáp.

2.2.3.3.2.2. Ngài Di Lặc lãnh ngộ

(Kinh) Di Lặc Bồ Tát trường quy, bạch ngôn: - Phật oai thần tôn trọng, sở thuyết khoái thiện. Thính Phật kinh ngữ, quán tâm tư chi, thể nhân thật nhĩ, như Phật sở ngôn. Kim Phật từ mãn, hiển thị đại đạo, nhĩ mục khai minh, trường đắc độ thoát, văn Phật sở thuyết, mạc bất hoan hỷ. Chư thiên nhân dân nuyễn động chi loại, giai mônng từ ân, giải thoát ưu khổ. Phật ngữ giáo giới, thậm thâm thậm thiện, trí huệ minh kiến bát phương thượng hạ khứ lai kim sự, mạc bất cứu sống. Kim ngã chúng đẳng, sở dĩ mônng đắc độ thoát, giai Phật tiền thế cầu đạo chi thời, khiêm khổ sở trí. Ân đức phổ phú, phước lộc nguy nguy, quang minh triệt chiếu, đạt không vô cực, khai nhập Nê Hoàn. Giáo thọ diễn lãn, oai chế tiêu hóa, cảm động thập

phương, vô cùng vô cực. Phật vi pháp vương, tôn siêu chúng thánh, phổ vị nhất thiết thiên nhân chi sư, tùy tâm sở nguyện, giai linh đắc đạo. Kim đắc tri Phật, phục văn Vô Lượng Thọ thanh, mị bất hoan hỷ, tâm đắc khai minh.

(經)彌勒菩薩長跪白言：佛威神尊重，所說快善。聽佛經語，貫心思之，世人實爾，如佛所言。今佛慈愍，顯示大道，耳目開明，長得度脫，聞佛所說，莫不歡喜。諸天人民蠕動之類，皆蒙慈恩，解脫憂苦。佛語教戒，甚深甚善，智慧明見八方上下去來今事，莫不究暢。今我眾等，所以蒙得度脫，皆佛前世求道之時，謙苦所致。恩德普覆，福祿巍巍，光明徹照，達空無極，開入泥洹。教授典攬，威制消化。感動十方，無窮無極。佛為法王，尊超眾聖，普為一切天人之師，隨心所願，皆令得道。今得值佛，復聞無量壽聲，靡不歡喜，心得開明。

(*Kinh: Di Lạc Bồ Tát quỳ thẳng, bạch rằng: - Oai đức và thân thông của Phật đáng tôn trọng, những lời Ngài nói thật hay khéo. Nghe lời kinh do đức Phật dạy, dốc lòng suy nghĩ, [chúng con nhận thấy] người trong cõi đời thật sự là như thế, đúng như lời Phật dạy. Nay đức Phật từ bi thương xót, tỏ bày đại đạo, tai mắt được sáng suốt, sẽ được độ thoát. Nghe lời Phật dạy, không ai chẳng hoan hỷ. Chư thiên nhân dân, các loài trùng bọ, đều được hưởng từ ân, giải thoát nỗi ưu khổ. Phật thốt lời răn dạy, rất sâu, rất lành, trí huệ thấy rõ chuyện trong tám phương, trên, dưới, quá khứ, vị lai, hiện tại, không gì chẳng thông đạt rốt ráo. Nay bọn chúng con sở dĩ được Ngài độ thoát, đều là do trong đời trước, khi Phật cầu đạo, đã khiêm tốn, khổ nhọc mà ra. Ân đức che khắp, phước lộc vòi vọi, quang minh chiếu thấu triệt, thấu đạt lẽ Không chẳng có cùng cực, mở ra phương cách chứng nhập Nê Hoàn. Ngài dạy chúng con học tập kinh điển. Ngài dùng oai đức chế định giới luật hồng giáo hóa khiến cho chúng con tiêu trừ phiền não, cảm động mười phương chẳng có cùng cực. Phật là đáng pháp vương, tôn quý vượt trội các bậc thánh, làm thầy của khắp hết thầy trời người, tùy theo tâm nguyện [của từng chúng sanh] khiến cho họ đều đắc đạo. Nay được gặp gỡ đức Phật, lại được nghe âm thanh của Vô Lượng Thọ Phật, không ai chẳng hoan hỷ, tâm được mở mang, thông sáng).*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Di Lạc Bồ Tát trường quy bạch ngôn*” (Di Lạc Bồ Tát quỳ thẳng, bạch rằng): Di Lạc Bồ Tát muốn thỉnh vấn đức Phật Thích Ca, quỳ thẳng, bạch rằng: “*Phật oai thần tôn trọng*”: Oai đức và thần thông của Phật đáng tôn trọng nhất. “*Sở thuyết khoái thiện*”: Những lời khai thị của đức Phật, “*khoái thiện*” (快善) là xứng hợp tâm ta, [những lời Phật dạy] là thiện pháp phù hợp tâm ý của chúng ta nhất. “*Thính Phật kinh ngữ*” (Nghe lời kinh do đức Phật đã nói): Nghe lời nói của đức Phật chính là kinh. Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn, [những lời dạy của Ngài] được ghi chép lại, gọi là kinh điển. “*Quán tâm tư chi*” (Độc lòng suy nghĩ): “*Quán*” (貫) là xuyên suốt, có thể xuyên thấu tâm ý, suy nghĩ nghiên cứu một phen. “*Thế nhân thật nhĩ, như Phật sở thuyết*” (Người đời đúng là như vậy, đúng như lời đức Phật đã nói): “*Thế nhân*” là người trong thế gian, thật sự là như vậy, đúng như lời đức Phật dạy. Chúng sanh do tạo ác nghiệp tham, sân, si, chịu khổ vô cùng. “*Kim Phật từ mẫn, hiển thị đại đạo*” (Nay đức Phật từ bi, thương xót, tỏ lộ đạo lớn): Nay đức Phật đại từ đại bi, thương xót bọn chúng sanh chúng ta, dạy chúng ta đều phải phát nguyện cầu sanh An Dưỡng quốc.

“*Nhĩ mục khai minh, trường đắc độ thoát*” (Tai mắt mở sáng, sẽ được độ thoát): Trong quá khứ, tai mắt của chúng ta chẳng mở mang, chẳng sáng suốt, nay vừa nghe đức Phật dạy đạo lý to lớn này, khiến cho chúng ta thông sáng, có thể vĩnh viễn vượt thoát sanh tử. “*Văn Phật sở thuyết, mạc bất hoan hỷ*” (Nghe lời đức Phật dạy, chẳng có ai không hoan hỷ): Mọi người đều sanh lòng hoan hỷ. “*Chư thiên nhân dân duyên động chi loại, giai mông từ ân, giải thoát ưu khổ*” (Chư thiên, nhân dân, các loài trùng bọ đều được hưởng từ ân, giải thoát ưu khổ): Chư thiên nhân dân đều được lợi ích. “*Nhuyễn động chi loại*” là loài tiểu động vật chỉ biết ngo ngoạy, đều được hưởng ân huệ từ bi của Phật, hết thảy chúng sanh sẽ đều giải thoát những ưu sầu khổ não của họ. “*Phật ngữ giáo giới, thậm thâm, thậm thiện*” (Những lời đức Phật răn dạy rất sâu, rất lành): Những lời lẽ, những đạo lý do đức Phật đã nói hòng răn dạy bọn chúng sanh đều rất sâu, rất tốt lành.

“*Trí huệ minh kiến bát phương, thượng, hạ, khứ, lai, kim sự*” (Trí huệ của đức Phật thấy rõ chuyện trong tám phương, trên, dưới, quá khứ, vị lai, hiện tại): Tám phương cùng với phương trên và phương dưới, hợp lại thành mười phương, “*khứ lai kim sự*” là chuyện trong quá khứ, vị lai, và hiện tại. “*Mạc bất cứu sưóng*” (Không gì chẳng thông suốt rốt ráo): Chẳng có gì đức Phật không biết. “*Kim ngã chúng đẳng,*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

sở dĩ mong đắc độ thoát” (Sở dĩ nay bọn chúng ta được nhờ ân mà độ thoát): Do vậy, ngày nay lũ chúng sanh chúng con đều được độ thoát. *“Giai Phật tiền thế cầu đạo chi thời, khiêm khổ sở tri”* (Đều là do trong đời trước khi đức Phật cầu đạo đã khiêm tốn, siêng khổ mà ra): Nay đức Phật đã thành Phật, có phước đức, có đại trí huệ, thuyết pháp cho chúng ta, nên [chúng ta] mới có thể vượt thoát ưu khổ, nhưng sở dĩ đức Phật thành Phật là vì trong đời trước, kiếp trước khi Ngài cầu đạo, đã chịu đựng rất nhiều sự khổ nhọc nên Ngài mới có thể đắc đạo. Đời trước, kiếp trước, đức Phật tu hành, đã vì lũ chúng sanh chúng ta mà hứng chịu rất nhiều nỗi khổ. Do vậy, chúng ta cảm niệm ân Phật. *“Ân đức phổ phú, phước lộc nguy nguy”* (Ân đức che phủ trọn khắp, phước lộc vòi vọi): Đại ân đại đức của Phật phủ trùm trọn khắp chúng ta. Hai chữ *“phước”* và *“lộc”* gộp lại là nói đến phước. *“Nguy nguy”* (巍巍) có nghĩa là to tát. Đức Phật phước báo to tát, trí huệ lớn lao.

“Quang minh triệt chiếu”: Quang minh của Phật chiếu thấu suốt hết thảy. *“Đạt không vô cực”* (Thông đạt lẽ Không chẳng có cùng cực): Đức Phật thấu đạt hết thảy lý Không vô cùng, vô cực. *“Khai nhập Nê Hoàn”*: Bắt đầu ngộ nhập đại đạo Nê Hoàn, tức là đại đạo Niết Bàn. *“Giáo thọ điển lẫm”* (Dạy truyền xem đọc kinh điển): Dạy chúng ta nghiên cứu kinh điển. *“Oai chế tiêu hóa”*: Đức Phật có oai đức, lại chế định giới luật để hàng phục, giáo hóa chúng ta. *“Cảm động thập phương, vô cùng vô cực”* (Cảm động mười phương, chẳng có cùng cực). *“Phật vi pháp vương”* (Phật là đấng pháp vương): Trong hết thảy các pháp, đức Phật tự tại, nên được gọi là *“pháp vương”*. *“Tôn siêu chúng thánh”* (Tôn quý vượt trội các vị thánh): Thanh Văn, Duyên Giác được gọi là *“thánh nhân”*, Bồ Tát cũng gọi là *“thánh nhân”*. Thánh nhân trong ba thừa chẳng có ai tôn quý như đức Phật. Đức Phật tôn quý vượt trội thánh nhân tam thừa. *“Phổ vị nhất thiết thiên nhân chi sư”* (Làm thầy của khắp hết thảy trời người): Do đức Phật đã vượt trội hết thảy các vị thánh; do đó, Ngài là sư trưởng của hết thảy thiên chúng và nhân chúng.

“Tùy tâm sở nguyện, giai linh đắc đạo” (Tùy theo tâm nguyện mà khiến cho họ đều đắc đạo): Nguyên lực của chúng sanh khác nhau, nhưng đức Phật có thể quán cơ (xem xét căn cơ) để ban bố giáo pháp thích hợp, có thể thuyết pháp thuận theo căn cơ, tùy theo ước nguyện của quý vị mà đều có thể đắc đạo. *“Kim đắc tri Phật, phục văn Vô Lượng Thọ thanh, mi bất hoan hỷ, tâm đắc khai minh”* (Nay được gặp Phật, lại được nghe âm thanh của Vô Lượng Thọ Phật, không ai chẳng

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

hoan hỷ, tâm được mở mang, sáng suốt): Nay gặp gỡ Phật [Thích Ca], lại được nghe pháp âm do Vô Lượng Thọ Phật đã nói, thì gọi là “*Vô Lượng Thọ thanh*”, nghe âm thanh của bộ kinh Vô Lượng Thọ này, mọi người không ai chẳng hoan hỷ. “*Tâm đắc khai minh*”: Trong tâm mọi người ngay lập tức hết sức rộng mở, sáng suốt, ai nấy đều tán thán đạo lý do đức Phật đã dạy. Nói đến đây, chúng ta biết vì sao đức Phật phải gọi ngài Di Lặc làm bậc đương cơ, rồi đối trước ngài Di Lặc mà thuyết pháp? Vốn là nói cho hàng thiên nhân đại chúng được nghe. Đại chúng thiên nhân nghe đức Phật thuyết pháp rất hay, nhưng họ chẳng thể tán thán nổi. Như vậy thì do một vị Nhất Sanh Bồ Xứ là Di Lặc Bồ Tát tán thán, Ngài sẽ tán thán hay khéo, càng khiến cho đại chúng tín tâm kiên định. Vì thế, phải mời Di Lặc Bồ Tát làm bậc đương cơ!

2.2.3.3.2.2.3. Lại khuyên hãy tu xả

2.2.3.3.2.2.3.1. Tán thán ngài Di Lặc đã lãnh thọ ân Phật

(Kinh) Phật cáo Di Lặc: - Nhữ ngôn thị dã. Nhược hữu từ kính u Phật giả, thật vi đại thiện. Thiên hạ cửu cửu, nãi phục hữu Phật. Kim ngã u thử thế tác Phật, diễn thuyết kinh pháp, tuyên bố đạo giáo, đoạn chư nghi võng, bạt ái dục chi bản, đở chúng ác chi nguyên, du bộ tam giới, vô sở quái ngại, diễn lãn trí huệ, chúng đạo chi yếu, chấp trì cương duy, chiêu nhiên phân minh, khai thị ngũ thú, độ vị độ giả, quyết chánh sanh tử Nê Hoàn chi đạo.

(經)佛告彌勒：汝言是也。若有慈敬於佛者，實為大善。天下久久，乃復有佛。今我於此世作佛，演說經法，宣布道教，斷諸疑網。拔愛欲之本，杜眾惡之源。遊步三界，無所罣礙。典攬智慧，眾道之要。執持綱維，昭然分明。開示五趣，度未度者，決正生死泥洹之道。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài Di Lặc: - Ông nói đúng đấy. Nếu có kẻ từ ái, tôn kính đức Phật, quả thật là rất tốt lành. Trong thiên hạ rất lâu mới lại có Phật. Nay ta làm Phật trong đời này, diễn nói kinh pháp, tuyên dương, lưu truyền đạo giáo, dứt các lưới nghi, dẹp trừ cội rễ ái dục, lấp cội nguồn của các điều ác, đạo chơi trong tam giới chẳng bị ngăn ngại, trí huệ nghiên cứu thấu suốt lẽ trọng yếu của các đạo, nắm giữ giềng mối rạng ngời rành rẽ, chỉ bày năm đường, độ kẻ chưa độ, vạch rõ hai đường Niết Bàn và sanh tử).

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Phật cáo Di Lặc: - Nhữ ngôn thị dã*” [nghĩa là] đức Phật bảo Di Lặc Bồ Tát: Ông nói hoàn toàn đúng. “*Nhược hữu từ kính u Phật giả, thật vi đại thiện*” (Nếu có kẻ từ ái, tôn kính đức Phật, thật sự là điều thiện to lớn): “*Từ*” là từ ái. Nếu có những chúng sanh từ ái đức Phật, tôn kính đức Phật, đó là việc thiện lớn nhất. “*Thiên hạ cứu cứu, nãi phục hữu Phật*” (Thiên hạ đã lâu mới lại có Phật): “*Thiên hạ*” là nhân gian. Phải rất lâu sau mới có một vị Phật xuất thế. “*Kim ngã u thử thế tác Phật, diễn thuyết kinh pháp, tuyên bố đạo giáo*”, [nghĩa là] nay ta xuất thế vì các vị diễn nói kinh pháp, tuyên dương, lưu truyền đạo giáo. “*Đoạn chư nghi vông, bạt ái dục chi bốn, đố chúng ác chi nguyên*” (Dứt các lưới nghi, nhổ gốc ái dục, lấp cội nguồn các điều ác): Chúng sanh lưu chuyển trong sanh tử, là vì chúng sanh có cái tâm ái dục, có tâm tham dục. Ái dục là cội rễ của sanh tử, đức Phật chẳng nói, chúng ta sẽ không biết. Sau khi đức Phật đã nói, chúng ta bèn biết, tức là Ngài đã vì chúng sanh nhổ trừ gốc rễ ái dục.

“*Đố chúng ác chi nguyên*” (Lấp cội nguồn các điều ác): “*Đố*” (杜) là trừ bỏ, đoạn dứt. “*Chúng ác chi nguyên*” (Cội nguồn của các điều ác) là ba thứ căn bản phiền não tham, sân, si, thấy đều bỏ đi. “*Du bộ tam giới, vô sở quái ngại*” (Đạo chơi trong ba cõi, không gì ngăn ngại): Đức Phật du hóa trong tam giới, tự do tự tại, chẳng có gì ngăn ngại, vướng mắc. “*Diễn lãm trí huệ, chúng đạo chi yếu*” (Trí huệ nghiên cứu thấu suốt lẽ trọng yếu của các đạo): Đức Phật dạy chúng ta phải khai trí huệ, phải nghiên cứu kinh điển. “*Diễn lãm*” (典攬) có nghĩa là nghiên cứu. Nghiên cứu kinh điển của Phật thì quý vị sẽ có thể khai trí huệ. “*Chúng đạo chi yếu*”: Đạo lý yếu diệu nhất trong hết thảy các đạo pháp, quý vị sẽ đều có thể đạt được. “*Chấp trì cương duy*” (Nắm giữ giềng mối): Đại cương đại yếu do đức Phật đã định, dạy chúng ta tu hành như thế nào, trì giới như thế nào; [quý vị đều phụng hành], đây gọi là “*chấp trì cương duy*”.

“*Chiêu nhiên phân minh*” (Sáng tỏ phân minh): Những Phật pháp và giới luật được nói trên đây đều rất rõ ràng. “*Khai thị ngũ thú, độ vị độ giả*” (Chỉ bày năm đường, độ kẻ chưa độ): Độ những người chưa từng độ. “*Quyết chánh sanh tử Nê Hoàn chi đạo*” (Vạch rõ đường sanh tử và Niết Bàn): Đức Phật thuyết pháp phân minh, đạo sanh tử là gì? Đạo Niết Bàn là gì? Ngài đều chỉ điểm rất rõ ràng, chẳng hàm hồ tí nào!

2.2.3.3.2.2.3.2. Mừng cho Di Lặc gặp Phật nghe pháp, lại được nghe

đanh hiệu Vô Lượng Thọ Phật

(Kinh) Di Lạc đương tri, nhữ tùng vô số kiếp lai, tu Bồ Tát hạnh, dục độ chúng sanh, kỳ dĩ cửu viễn. Tùng nhữ đắc đạo, chí u Nê Hoàn, bất khả xưng số. Nhữ cập thập phương chư thiên nhân dân, nhất thiết tứ chúng, vãng kiếp dĩ lai, triển chuyển ngũ đạo, ưu úy cần khổ, bất khả cụ ngôn. Nãi chí kim thế, sanh tử bất tuyệt, dữ Phật tương tri, thỉnh thọ kinh pháp, hựu phục đắc văn Vô Lượng Thọ Phật, khoái tai thậm thiện! Ngô trợ nhĩ hỷ!

(經)彌勒當知：汝從無數劫來，修菩薩行，欲度眾生，其已久遠。從汝得道，至於泥洹，不可稱數。汝及十方諸天人民一切四眾，永劫已來，展轉五道，憂畏勤苦，不可具言。乃至今世，生死不絕，與佛相值，聽受經法，又復得聞無量壽佛，快哉甚善！吾助爾喜。

(Kinh: Di Lạc hãy nên biết, ông từ vô số kiếp đến nay, tu Bồ Tát hạnh, muốn độ chúng sanh đã lâu xa rồi. Những kẻ do ông mà đắc đạo, cho đến nhập Niết Bàn chẳng thể tính kể số lượng. Ông và mười phương chư thiên nhân dân, hết thấy tứ chúng, từ bao kiếp lâu xa đến nay xoay vần trong năm đường, ưu sầu, lo sợ, nhọc nhằn, chẳng thể nói trọn. Cho đến đời này, sanh tử chẳng dứt, được gặp gỡ Phật, nghe nhận kinh pháp. Lại được nghe về Vô Lượng Thọ Phật, vui thay, rất lành! Ta giúp cho ông đạt được pháp hỷ).

Tiếp đó, đức Phật tán thán Di Lạc Bồ Tát, “*Di Lạc đương tri: - Nhữ tùng vô số kiếp lai, tu Bồ Tát hạnh, dục độ chúng sanh*” (Di Lạc hãy nên biết: - Ông từ vô số kiếp đến nay, tu Bồ Tát hạnh, muốn độ chúng sanh): Di Lạc Bồ Tát là Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát trong hiện tại. Trong quá khứ, Ngài đã phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo. Từ vô số kiếp đến nay, Ngài đã hành Bồ Tát đạo chính là để độ các chúng sanh. “*Kỳ dĩ cửu viễn*” [nghĩa là] thời gian từ vô số kiếp đến nay đã rất lâu xa. “*Tùng nhữ đắc đạo, chí u Nê Hoàn, bất khả xưng số*” (Những kẻ do ông mà đắc đạo cho đến nhập Niết Bàn, chẳng thể tính kể số lượng): Những chúng sanh đã được Di Lạc Bồ Tát giáo hóa, ở trước mặt Ngài đạt đến Niết Bàn, chẳng thể tính nổi số lượng, rất u là nhiều. “*Nhữ cập thập phương chư thiên nhân dân, nhất thiết tứ chúng*” (Ông và mười phương chư thiên nhân dân, hết thấy tứ chúng): “*Nhữ*” là Di Lạc Bồ

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Tát cùng với chư thiên nhân dân, hết thảy tứ chúng đệ tử, tức tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.

“*Vĩnh kiếp dĩ lai*” [nghĩa là] nhiều kiếp lâu dài đến nay, thời gian rất dài! “*Triển chuyển ngũ đạo*” (Xoay vần trong năm đường): “*Ngũ đạo*” là ngũ thú (五趣). “*Ngũ đạo*” là trời, người, địa ngục, ác quỷ, súc sanh, từ bao kiếp lâu xa đến nay xoay vần, trôi lăn trong ngũ đạo. “*Ưu úy cần khổ*” (Lo sàu, sợ hãi, nhọc nhằn): Thường xuyên ưu sàu, sợ hãi, vất vả. “*Bất khả cụ ngôn*” nghĩa là chẳng thể nói trọn. “*Nãi chí kim thế, sanh tử bất tuyệt*” (Cho đến đời này, sanh tử chẳng dứt): Từ kiếp lâu xa đến nay, trôi lăn trong sanh tử, từ kiếp này sang kiếp khác vẫn chẳng đoạn tuyệt. “*Dữ Phật tương tri, thỉnh thọ kinh pháp, hựu phục đắc văn Vô Lượng Thọ Phật*” (Được gặp gỡ đức Phật, nghe nhận kinh pháp, lại được nghe về Vô Lượng Thọ Phật): Nay quý vị lại nghe danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật. “*Khoái tai thậm thiện*” (Sướng thay, rất lành): Khoái ý, hài lòng, tốt đẹp quá! “*Ngô trợ nhĩ hỷ*”: Ta nhất định giúp các vị đạt được pháp hỷ!

2.2.3.3.2.2.3.3. Chánh thức khuyên tu hành

(Kinh) Nhữ kim diệc khả tự yếm sanh tử lão bệnh thông khổ, ác lộ bất tịnh, vô khả nhạo giả. Nghi tự quyết đoạn, đoạn thân chánh hạnh, ích tác chư thiện. Tu kỹ khiết tịnh, tẩy trừ tâm cấu. Ngôn hạnh trung tín, biểu lý tương ứng. Nhân năng tự độ, chuyển tương chứng tế, tình minh cầu nguyện, tích lũy thiện bản. Tuy nhất thế cần khổ, Tu Di chi gian, hậu sanh Vô Lượng Thọ quốc, khoái lạc vô cực. Trường dữ đạo đức hợp minh, vĩnh bạt sanh tử căn bản. Vô phục tham khuể ngu si khổ não chi hoạn, dục thọ nhất kiếp, bách kiếp, thiên ức vạn kiếp, tự tại tùy ý, giai khả đắc chi, vô vi tự nhiên, thứ u Nê Hoàn chi đạo.

(經)汝今亦可自厭生死老病痛苦，惡露不淨，無可樂者。宜自決斷，端身正行，益作諸善。修己潔淨，洗除心垢。言行忠信，表裏相應。人能自度，轉相拯濟，精明求願，積累善本。雖一世勤苦，須臾之間。後生無量壽國，快樂無極。長與道德合明，永拔生死根本。無復貪恚愚癡苦惱之患，欲壽一劫、百劫、千億萬劫，自在隨意，皆可得之。無為自然，次於泥洹之道。

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

(**Kinh:** *Nay ông cũng nên tự chán nỗi đau khổ vì sanh, tử, già, bệnh, điều ác phơi bày bất tịnh, chẳng đáng ưa thích. Hãy nên dứt khoát đoạn tuyệt, đoạn chánh thân hạnh, càng làm các điều thiện nhiều hơn, tu sửa sao cho chính mình trong sạch, gột trừ cấu nhơ trong tâm, lời nói và việc làm trung tín, trong ngoài tương ứng. Người có thể tự độ rồi sẽ lần lượt cứu vớt [kẻ khác], chuyên ròng, sáng suốt cầu nguyện, tích lũy gốc lành, dẫu siêng khổ một đời [chỉ là] trong khoảnh khắc, mai sau sanh vào cõi Vô Lượng Thọ, vui sướng chẳng cùng cực, luôn sáng ngời cùng đạo đức, vĩnh viễn nhổ bỏ cội gốc sanh tử, chẳng còn sợ khổ não vì tham, giận, ngu si. Muốn thọ một kiếp, trăm kiếp, hay ngàn ức vạn kiếp, đều tự tại tùy ý, đều có thể đạt được. Vô vi tự nhiên, chỉ kém đạo Nê Hoàn).*

“*Nhữ kim diệc khả tự yếm sanh tử lão bệnh thống khổ*” (Nay ông cũng nên tự chán nỗi đau khổ vì sanh, tử, già, bệnh): Lẽ nào Di Lặc Bồ Tát chẳng biết; đây là [đức Phật] khuyên bọn đại chúng phạm phu trời người chúng ta, chính quý vị hãy nên chán nhàm nỗi đau khổ sanh, tử, lão, bệnh. [Nếu] đức Phật không nói thì căn bản là chúng sanh sẽ chẳng biết. Nỗi khổ “sanh, tử, lão, bệnh” là gì? Chính quý vị hãy nên chán ghét, chán lia nỗi đau khổ sanh, tử, lão, bệnh. “*Ác lộ bất tịnh, vô khả lạc giả*” (Những thứ xấu ác bộc lộ, bất tịnh, chẳng có gì đáng vui thích): Đây là hai câu hình dung, những thứ trong và ngoài thân thể đều là bất tịnh. Thân thể là một cái dây thối thối tha, có gì khiến cho chúng ta vui sướng đâu nhỉ? “*Nghi tự quyết đoạn*” (Hãy nên tự dứt khoát đoạn trừ): Chính quý vị hãy nên hạ quyết tâm đoạn diệt sanh tử.

Quý vị muốn đoạn tuyệt nỗi khổ sanh tử lão bệnh thì phải tu hành. Đức Phật dạy chúng ta hãy liễu giải sự lợi ích do tu hành. Tu bằng cách nào? “*Đoan thân chánh hạnh, ích tác chư thiện*” (Đoan chánh thân hạnh, càng làm các điều thiện nhiều hơn): Đoạn nghiêm thân thể, chánh đáng cái hạnh, thân thể của quý vị phải đoạn chánh, hành vi phải đoạn chánh. “*Ích*” (益) là nhiều, [“*ích tác chư thiện*” là] làm nhiều thiện sự. “*Tu kỹ khiết tịnh*” (Sửa đổi sao cho chính mình trong sạch): Quý vị phải sửa đổi chính mình, đoạn trừ hết thảy các ác pháp. Thân thể đã khiết tịnh, tâm còn phải khiết tịnh. “*Tỷ trừ tâm cấu*” (Gột trừ cấu nhơ trong tâm): Tham, sân, si gọi là Tam Cấu. Đây là những thứ nhơ bẩn trong tâm. Đoạn trừ tham, sân, si, [tức là] diệt trừ tâm cấu (những thứ nhơ bẩn trong tâm). “*Ngôn hạnh trung tín*” (Lời nói và việc làm phải trung tín): Quý vị phải dụng công tu hành, ngôn

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

ngữ và hành vi phải trung tín.

“*Biểu lý tương ứng*” (Trong tâm và những gì biểu lộ bên ngoài phải tương ứng): Những lời quý vị nói thì [người khác] nghe thấy được, chứ trong tâm quý vị [thật sự suy nghĩ như thế nào, người khác] chẳng thấy, nhưng tâm và lời nói của quý vị nhất định phải là trong và ngoài tương ứng. Tất cả hành vi và lời ăn tiếng nói của quý vị trong và ngoài nhất định phải là tương ứng, tức là phải trì giới thanh tịnh, đừng nên nói dối. “*Nhân năng tự độ*” (Người có thể tự độ): Quý vị có thể trì giới tu hành, trừ khử tâm cầu, chính mình đã vượt thoát sanh tử thì mới có thể “*chuyển tương chứng tế*”, [tức là] mới có thể cứu vớt, tế độ hết thấy chúng sanh. Đã có thể tự lợi thì mới có thể lợi tha. Quý vị phải “*tinh minh cầu nguyện*” (chuyên ròng, sáng suốt cầu nguyện). “*Tinh minh cầu nguyện*” chính là “*biểu lý tương ứng*” (trong ngoài tương ứng) thuộc phần trước. Đây là lại phát nguyện vãng sanh Tây Phương. Cầu nguyện sanh về Tây Phương thì còn phải “*tích lũy thiện căn*” (tích lũy cội lành): Chẳng thể dùng chút ít thiện căn! Kinh A Di Đà nói là “*chẳng thể do chút thiện căn, phước đức và nhân duyên mà được sanh về cõi ấy*”.

“*Tuy nhất sanh căn khổ, tu du chi gian, hậu sanh Vô Lượng Thọ quốc, khoái lạc vô cực*” (Tuy siêng năng, khổ nhọc một đời, [nhưng chỉ là] trong khoảnh khắc, mai sau sanh về cõi Vô Lượng Thọ, [hưởng thụ] niềm vui sướng chẳng có cùng tận): Quý vị kiếp này, đời này tu nhiều thiện căn, đương nhiên là phải suốt một đời nhọc nhằn, nhưng vào lúc lâm chung, “*tu du chi gian*” (trong khoảnh khắc), quý vị sẽ rất nhanh chóng sanh về cõi Vô Lượng Thọ Phật. “*Khoái lạc vô cực*” (Vui sướng khôn ngần): Quý vị suốt đời tu hành niệm Phật rất siêng khổ, nhưng sanh vào thế giới Cực Lạc, vui sướng không cùng cực. “*Trường dữ đạo đức hợp minh*” (Luôn sáng ngời với đạo đức): Hễ quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ có thể thường tương ứng với đạo đức. “*Vĩnh bất sanh tử căn bản*” [nghĩa là] vĩnh viễn nhỏ đẹp cội gốc căn bản.

“*Vô phục tham khuể ngu si khổ não chi hoạn*” [nghĩa là] chẳng còn sanh khởi tham dục, sân hận, ngu si, đủ thứ khổ não, ưu hoạn. “*Dục thọ nhất kiếp, bách kiếp, thiên ức vạn kiếp*” [nghĩa là] quý vị muốn thọ mạng sống trên đời một kiếp, hoặc là trăm kiếp, hay ngàn ức vạn kiếp. “*Tự tại tùy ý, giai khả đắc chi*” [nghĩa là] tùy lòng mong mỏi của quý vị mà đều có thể đạt được. “*Vô vi tự nhiên, thứ u Nê Hoàn chi đạo*” (Vô vi tự nhiên, chỉ kém đạo Niết Bàn): Sanh về Tây Phương Cực

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Lạc thế giới, vô vi tự nhiên đạt được tiên bộ, gần như “*thứ u Nê Hoàn chi đạo*”, [tức là] chỉ kém đạo Niết Bàn một bậc.

2.2.3.3.2.2.3.4. Khuyên bỏ nghi hoặc

(Kinh) Nhữ đẳng nghi các tinh tấn, cầu tâm sở nguyện, vô đắc nghi hoặc trung hối, tự vi quá cửu, sanh bỉ Biên Địa thất bảo cung điện, ngũ bách tuế trung thọ chư ách dã.

(經)汝等宜各精進，求心所願，無得疑惑中悔，自為過咎。生彼邊地七寶宮殿，五百歲中受諸厄也。

(Kinh: Các ông đều nên tinh tấn, đối với những điều nguyện cầu trong tâm, chớ nên nghi hoặc, hối hận giữa chừng, tự tạo tội lỗi, sanh về cung điện bảy báu trong Biên Địa của cõi ấy, chịu đựng các tai ách trong năm trăm năm).

“*Nhữ đẳng nghi các tinh tấn, cầu tâm sở nguyện*” (Các ông ai nấy đều phải nên tinh tấn. Đối với những điều nguyện cầu trong tâm): Chính quý vị phải tinh tấn dụng công niệm Phật, đối với những điều nguyện cầu của quý vị, “*vô đắc nghi hoặc, trung hối*” (đừng nên nghi hoặc, hối hận giữa chừng): Quý vị chớ nên sanh khởi cái tâm ngờ vực, chớ nên giữa đường sanh khởi tâm hối hận, lui sụt. “*Tự vi quá cửu*” (Tự gây tội lỗi): Quý vị sanh khởi tâm nghi hoặc, giống như chính mình chẳng có làm lỗi mà tìm tòi làm lỗi. “*Sanh bỉ Biên Địa thất bảo cung điện, ngũ bách tuế trung thọ chư ách dã*” (Sanh vào Biên Địa của cõi ấy, ở trong cung điện bảy báu, chịu đựng các tai ách trong năm trăm năm): Quý vị do cái tâm nghi hoặc, giữa chừng sanh tâm lui sụt, hối hận, niệm Phật sanh về Tây Phương thì vãng sanh, nhưng sanh vào Biên Địa của Tây Phương, ở trong cung điện bảy báu, chịu đựng các tai ách trong năm trăm năm.

Từ ngữ “*trung quốc*” và “*biên địa*” trong kinh Phật là danh từ đối đãi. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, có trung quốc và biên địa. Nơi nào được gọi là “*trung quốc*”? Chỗ có Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo thì được gọi là “*trung quốc*”. Chỗ chẳng có Phật, Pháp, Tăng thì gọi là “*biên địa*”. Kẻ có tâm nghi hoặc, niệm Phật sanh về Tây Phương, ở trong cung điện bảy báu, chẳng nghe danh tự Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, phải trải qua thời gian lâu hơn năm trăm năm. Chốn Biên Địa ấy được gọi là Nghi Thành, còn gọi là Thai Cung. Nghi Thành là một tòa

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thành lớn có lâu gác bảy báu. Do vì người niệm Phật có tâm nghi sanh về đó, nên gọi là Nghi Thành. Thai Cung: Sống trong lâu gác bảy báu, giống như hoài thai mười tháng trong bụng mẹ, chịu đựng nỗi khổ vì thai nghén. Suốt năm trăm năm, chẳng nghe danh tự Tam Bảo, điều này gọi là “*thọ chur tai ách*” (chịu đựng các tai ách).

Sau năm trăm năm, giống như trẻ nhỏ ra khỏi bào thai, ngay khi ấy, vẫn chẳng thấy Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát thật sự đại từ bi, ứng hợp căn cơ của quý vị, Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện một hóa thân Bồ Tát hướng về quý vị thuyết pháp, thông thả khuyên dạy quý vị phát Bồ Đề tâm. Đã phát Bồ Đề tâm thì mới có thể thấy Quán Thế Âm Bồ Tát, mới có thể thấy A Di Đà Phật. Chúng ta hiểu đạo lý này là cầu Giải. Tam bói vãng sanh trong phần trước đều là phát Bồ Đề tâm; nay quý vị phát Bồ Đề tâm, chẳng muốn đi một đường vòng to, [tức là] sanh về Tây Phương chịu đựng nỗi khổ thai nghén rồi mới phát Bồ Đề tâm. Hiện thời, quý vị phát Bồ Đề tâm thì chẳng phải là tốt hơn lắm hay không?

2.2.3.3.2.4. Di Lạc lãnh nhận, hành trì

(Kinh) Di Lạc bạch ngôn: - Thọ Phật trọng hối, chuyên tinh tu học, như giáo phụng hành, bất cảm hữu nghi.

(經)彌勒白言：受佛重誨，專精修學，如教奉行，不敢有疑。

(Kinh: Ngài Di Lạc bạch đức Phật rằng: - Con vâng nhận giáo huấn ân cần của đức Phật, chuyên ròng tu học, vâng làm theo đúng lời dạy, chẳng dám nghi ngờ).

Dưới đây, đức Phật lại khuyên: Sau khi đã liễu giải Phật lý thì phải tu hành.

2.2.3.3.2.3. Rộng nêu lỗi của nghiệp khổ ngũ ác, ngũ thông, ngũ thiêu, hồng khiến cho mọi người chán nhàm

2.2.3.3.2.3.1. Nêu chung năm lỗi ác

(Kinh) Phật cáo Di Lạc: - Nhữ đẳng năng u thử thế, đoan tâm chánh ý, bất tác chúng ác, thậm vi chí đức. Thập phương thế giới, tối vô luân thất. Sở dĩ giả hà? Chư Phật quốc độ, thiên nhân chi loại, tự nhiên tác thiện, bất đại vi ác, dị khả khai hóa. Kim ngã u thử thế

gian tác Phật, xử u ngũ ác, ngũ thông, ngũ thiêu chi trung, vì tối kịch khổ, giáo hóa quần sanh, linh xả ngũ ác, linh khứ ngũ thông, linh ly ngũ thiêu, hàng hóa kỳ ý, linh trì ngũ thiện, hoạch kỳ phước đức, độ thế, trường thọ, Nê Hoàn chi đạo.

Phật ngôn: - Hà đẳng ngũ ác? Hà đẳng ngũ thông? Hà đẳng ngũ thiêu? Hà đẳng tiêu hóa ngũ ác, linh trì ngũ thiện, hoạch kỳ phước đức độ thế trường thọ Nê Hoàn chi đạo?

(經)佛告彌勒：汝等能於此世，端心正意，不作眾惡，甚為至德。十方世界，最無倫匹。所以者何？諸佛國土，天人之類，自然作善，不大為惡，易可開化。今我於此世間作佛，處於五惡五痛五燒之中，為最劇苦，教化羣生，令捨五惡，令去五痛，令離五燒，降化其意，令持五善，獲其福德度世長壽泥洹之道。佛言：何等五惡？何等五痛？何等五燒？何等消化五惡，令持五善，獲其福德度世長壽泥洹之道？

(*Kinh: Đức Phật bảo ngài Di Lặc: - Các ông có thể ở trong đời này, đoạn chánh tâm ý, chẳng làm các điều ác, thật là đức hạnh tột cùng, mười phương thế giới khó sánh bằng nhất. Vì có sao vậy? Các loài trời người trong các cõi Phật, tự nhiên làm lành, chẳng làm ác quá lớn, có thể khai hóa dễ dàng. Nay ta ở trong thế gian này làm Phật, ở trong năm sự ác, năm sự đau, năm sự đốt, chịu khổ cùng cực nhất, giáo hóa quần sanh, khiến họ bỏ năm sự ác, khiến họ trừ khử năm sự đau, khiến cho họ lìa năm sự đốt, khiến họ giữ năm sự lành, đạt được phước đức, độ đời, sống lâu, đắc đạo Nê Hoàn.*

Đức Phật nói: - Những gì là năm sự ác? Những gì là năm sự đau? Những gì là năm sự đốt? Những gì sẽ tiêu hóa năm điều ác, khiến họ trì năm sự lành, đạt được phước đức, độ đời, sống lâu, đắc đạo Nê Hoàn?)

“Phật cáo Di Lặc: - Nhữ đẳng năng xử thử thế, đoạn tâm chánh ý, bất tác chúng ác, thậm vi chí đức” (Đức Phật bảo ngài Di Lặc: - Các ông hãy nên ở trong đời này, đoạn chánh tâm ý, chẳng làm các điều ác, thật là đức cùng tột): Khi ấy, đức Phật bảo ngài Di Lặc Bồ Tát: Các vị ở trong thế giới Sa Bà này, có thể đoạn chánh tâm ý, chẳng làm các điều ác. Đây là đạo đức cao nhất. “Thập phương thế giới, tối vô luân

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thất” (Mười phương thế giới, chẳng sánh bằng nhất): So sánh giữa chư vị và các hàng Bồ Tát trong mười phương thế giới, chư vị cao nhất, chẳng ai sánh bằng quý vị. “*Sở dĩ giả hà?*”: Vì sao vậy? Quý vị vượt trội các vị Bồ Tát trong mười phương thế giới! “*Chư Phật quốc độ, thiên nhân chi loại, tự nhiên tác thiện, bất đại vi ác, dị khả khai hóa*” (Trong các cõi Phật, hàng trời người tự nhiên làm lành, chẳng làm ác to lớn, có thể khai hóa dễ dàng): Trong các thế giới khác, trong các cõi nước Phật, hàng trời người tự nhiên làm lành. “*Bất đại vi ác*”: Chẳng làm ác to lớn, làm ác nhỏ nhỏ. “*Dị khả khai hóa*”: Nhân dân trong mười phương quốc độ dễ dàng hướng dẫn, giáo hóa nhất.

“*Kim ngã u thử thế gian tác Phật*” (Nay ta làm Phật trong thế gian này): Ta là Thích Ca Mâu Ni Phật, nay đang làm Phật trong thế giới Sa Bà này. “*Xử u ngũ ác, ngũ thố, ngũ thiêu chi trung, vi tối kịch khổ*” (Ở trong năm sự ác, năm sự đau, năm sự đốt, khổ sở cùng cực nhất): Thế giới Sa Bà này có năm loại ác là giết, trộm, dâm, dối, và uống rượu. Có năm thứ đau, [tức là phạm phải những sự ác ấy], nếu ở trong nhân gian sẽ bị pháp luật của quốc gia xử phạt. Có năm thứ đốt, [tức là] sẽ đọa trong ba ác đạo chịu nỗi khổ thiêu đốt. Ở trong năm thứ ác, năm thứ đau, năm thứ đốt [như thế đó], “*vi tối kịch khổ*” [nghĩa là] khổ não nặng nhất, lớn nhất. “*Giáo hóa quần sanh, linh xả ngũ ác*” (Giáo hóa các loài chúng sanh, khiến cho họ bỏ năm điều ác): Ta là Thích Ca Mâu Ni Phật ở trong đời ác ngũ trược này, giáo hóa chúng sanh, khiến cho họ trừ khử năm loại ác pháp, khiến cho họ trừ khử năm thứ đau, chẳng bị pháp luật quốc gia chế tài. “*Linh ly ngũ thiêu, hàng hóa kỳ ý*” (Khiến cho họ lìa khỏi năm sự đốt, hàng phục, giáo hóa tâm ý của họ): Khiến cho họ lìa khỏi nỗi khổ trong ba ác đạo, giáo hóa tâm ý của họ.

“*Linh trì ngũ thiện*” [nghĩa là] làm cho họ trì năm điều lành, tức là sẽ giữ năm giới, đừng phạm giết, trộm, dâm, dối, uống rượu. “*Hoạch kỳ phước đức, độ thế, trường thọ, Nê Hoàn chi đạo*” (Đạt được phước đức, độ đời, sống lâu, đắc đạo Nê Hoàn): Dạy họ trì năm thứ thiện pháp hòng có thể đạt được phước đức, có thể “*độ thế, trường thọ*”, giáo hóa họ có thể đạt được trường thọ, đạt được đạo Nê Hoàn. “*Phật ngôn: - Hà đẳng ngũ ác? Hà đẳng ngũ thố? Hà đẳng ngũ thiêu?*” (Đức Phật nói: - Những gì là năm sự ác? Những gì là năm sự đau? Những gì là năm sự đốt?): Trong đoạn trước, chính đức Phật nói ra năm điều ác, nay Ngài tự gạn hỏi, rồi lại giải đáp, nhằm bảo chúng ta hãy nghe, những gì là năm điều ác? Những gì là năm sự đau? Những gì là năm sự

đốt? Làm thế nào để gìn giữ năm loại thiện, đạt được phước đức, sống lâu trên cõi đời, đạt được đạo Nê Hoàn? Đây là đức Phật tự gạn hỏi rồi Ngài giải thích nổi nghi hoặc ấy.

2.2.3.3.2.3.2. Biện luận riêng năm lỗi ác

2.2.3.3.2.3.2.1. Điều ác do sát nghiệp

(Kinh) Kỳ nhất ác giả: Chư thiên nhân dân nhuyển động chi loại, dục vi chúng ác, mặc bất giai nhiên. Cường giả phục nhược, chuyển tương khắc tặc, tàn hại sát lục, diệt tương thôn phệ, bất tri tu thiện, ác nghịch vô đạo. Hậu thọ vương phạt, tự nhiên thú hướng. Thần minh ký thức, phạm giả bất xá. Cố hữu bản cùng hạ tiện, khát cái, cô độc, lung, manh, ám, á, ngu si, tệ ác, chí hữu uông cuồng bất dãi chi thuộc. Hựu hữu tôn quý hào phú, cao tài minh đạt, giai do túc thể từ hiếu, tu thiện tích đức sở trí. Thế hữu thường đạo, vương pháp lao ngục, bất khăng úy thận, vi ác nhập tội, thọ kỳ vương phạt, cầu vọng giải thoát, nan đắc miễn xuất. Thế gian hữu thử mục tiền hiện sự, thọ chung hậu thế, vuu thâm vuu kịch. Nhập kỳ u minh, chuyển sanh thọ thân. Thí như vương pháp, thống khổ cực hình. Cố hữu tự nhiên tam đồ, vô lượng khổ não, chuyển mậu kỳ thân, cải hình dịch đạo. Sở thọ thọ mạng, hoặc trường, hoặc đoản, hồn thần tinh thức, tự nhiên thú chi. Đương độc trị hướng, tương tòng cộng sanh, cánh tương báo phục, vô hữu chỉ dĩ. Ương ác vị tận, bất đắc tương ly, triển chuyển kỳ trung, vô hữu xuất kỳ, nan đắc giải thoát, thống bất khả ngôn. Thiên địa chi gian, tự nhiên hữu thị, tuy bất tức thời tốt bạo ứng chí, thiện ác chi đạo, hội đương quy chi. Thị vi nhất đại ác, nhất thống, nhất thiên, cần khổ như thị. Thí như đại hỏa phần thiên nhân thân, nhân năng w trung nhất tâm chế ý, đoan thân chánh hạnh, độc tác chư thiện, bất vi chúng ác giả, thân độc độ thoát, hoạch kỳ phước đức, độ thế, thượng thiên, Nê Hoàn chi đạo, thị vi nhất đại thiện dã.

(經)其一惡者：諸天人民蠕動之類，欲為眾惡，莫不皆然。強者伏弱，轉相剋賊。殘害殺戮，迭相吞噬。不知修善，惡逆無道。後受殃罰，自然趣向。神明記識，犯者不赦。故有貧窮下賤，乞丐孤獨，聾盲瘖啞，愚癡弊惡，至有尪狂不逮之屬。又有尊貴豪富，高才明達，皆由宿世

慈孝，修善積德所致。世有常道，王法牢獄，不肯畏慎，為惡入罪，受其殃罰，求望解脫，難得勉出。世間有此目前現事，壽終後世，尤深尤劇。入其幽冥，轉生受身。譬如王法，痛苦極刑。故有自然三塗，無量苦惱。轉貿其身，改形易道。所受壽命，或長或短。魂神精識，自然趣之。當獨值向，相從共生。更相報復，無有止已。殃惡未盡，不得相離。展轉其中，無有出期，難得解脫，痛不可言。天地之間，自然有是，雖不即時卒暴應至，善惡之道，會當歸之。是為一大惡一痛一燒，勤苦如是。譬如大火焚燒人身，人能於中一心制意，端身正行，獨作諸善，不為眾惡者，身獨度脫，獲其福德度世上天泥洹之道，是為一大善也。

(Kinh: Điều ác thứ nhất là: Chư thiên, nhân dân, các loài trùng bọ, đều muốn làm các điều ác, không ai chẳng phải là như vậy. Kẻ mạnh chèn ép kẻ yếu, đàn áp lẫn nhau, tàn hại, giết chóc, nhai nuốt lẫn nhau. Chẳng biết tu thiện, độc ác, trái nghịch, vô đạo. Về sau hứng chịu tai ương, hình phạt, tự nhiên tiến đến [chỗ phải thọ báo]. Thân mình ghi chép, chẳng dung tha kẻ đã trái phạm. Vì thế có bản cứng, hèn kém, ăn mày, cô độc, điếc, mù, ngọng, câm, ngu si, tệ ác, cho đến có kẻ cuồng dại, thiếu năng. Lại có kẻ tôn quý, có thế lực, giàu có, tài cao, sáng suốt, thông đạt, đều là do đời trước họ nhân từ, hiếu thảo, tu thiện tích đức mà ra. Trong cõi đời có lẽ thường, phép vua, tù ngục, mà họ chẳng chịu kiêng sợ, dè dặt. Do làm ác mắc tội mà bị xử phạt, cầu mong thoát khỏi, khó thể thoát ra. Thế gian có chuyện ở ngay trước mắt như thế. Sau khi hết tuổi thọ, sanh sang đời sau, càng sâu nặng, càng dữ dội hơn! Vào chốn tối tăm, chuyển sanh thọ thân. Ví như cực hình thống khổ trong phép vua. Do vậy, tự nhiên có tam đồ, vô lượng khổ não, lần lượt thọ thân trong ấy, thay hình, đổi nẻo. Nhận lấy thọ mạng hoặc dài hoặc ngắn, hồn thân tinh thức tự nhiên tiến đến [nơi phải thọ sanh], một mình tiến vào, [nghiệp báo] theo kẻ ấy cùng sanh, báo đền lẫn nhau, chẳng hề ngưng dứt. Ương họa, sự ác chưa hết, sẽ chẳng thể rời khỏi. Xoay vần trong ấy, chẳng có thuở ra, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói nổi! Trong vòng trời đất, tự nhiên có lẽ ấy, dầu chẳng ngay lập tức báo ứng dữ dội, nhưng [do nghiệp nhân đã

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tao], sẽ tự theo về đường lành, nẻo ác. Đây là sự ác to lớn thứ nhất, sự đau thứ nhất, sự đốt thứ nhất, nhọc nhằn như thế đó. Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người. Ai có thể ở trong ấy mà một dạ kiềm chế tâm ý, đoan chánh thân hạnh, chỉ làm các điều lành, chẳng làm những điều ác, thân riêng được độ thoát, đạt được phước đức, vượt thoát cõi đời, sanh lên trời, đạt được đạo Niết Bàn. Đây là điều thiện to lớn thứ nhất vậy).

“*Kỳ nhất ác giả*” (Sự ác thứ nhất là...): Trong năm loại ác pháp này, loại ác pháp thứ nhất là sát sanh. “*Chư thiên, nhân dân, nhuyển động chi loại*” (Chư thiên, nhân dân, hết thảy loài trùng bọ) bao gồm hết thảy chúng sanh lớn, nhỏ, cho đến côn trùng vi tế. “*Dục vi chúng ác, mạc bất giai nhiên*” (Đều muốn làm ác, không ai chẳng như vậy): Chúng sanh phàm phu thấy đều muốn làm ác. “*Cường giả phục nhược, chuyên tương khắc tặc*” (Kẻ mạnh chèn ép kẻ yếu, hiệp đáp lẫn nhau): Kẻ mạnh hiệp đáp kẻ yếu, làm hại lẫn nhau. Kẻ lớn lấn hiệp kẻ nhỏ, kẻ nhỏ lại bắt nạt kẻ nhỏ hơn. “*Tàn hại sát lục, điệt tương thôn phệ*” (Tàn hại giết chóc, cắn nuốt lẫn nhau): Người giết ta, ta giết người, người ăn ta, ta nuốt người. “*Bất tri tu thiện, ác nghịch vô đạo*” (Chẳng biết tu thiện, ác nghịch, vô đạo): Hết thảy chúng sanh, lớn thì là các loài trời người, nhỏ thì như các loài tiểu trùng, đều chẳng chịu tu thiện pháp, chẳng có một tí đạo đức nào! “*Hậu thọ ương phạt, tự nhiên thú hướng*” (Về sau bị tai ương, trừng phạt, tự nhiên tiến đến [chỗ thọ báo]): Quý vị giết hại chúng sanh, tự nhiên bị tai ương, trừng phạt.

“*Thần minh ký thức, phạm giả bất xá*” (Thần minh ghi chép, chẳng dung tha kẻ trái phạm): Thần minh chuyên môn ghi điều ác, nhất định sẽ ghi lại những chuyện ác quý vị đã làm, sẽ không dung tha quý vị. “*Có hữu bản cùng, hạ tiện, khát cái, cô độc, lung, manh, ám, á, ngu si, tệ ác, chí hữu uông cuồng bất đãi chi thuộc*” (Vì thế, có kẻ bản cùng, kém hèn, ăn mày, cô độc, điếc, mù, ngọng, câm, cho đến có kẻ cuồng dại, chẳng ra người): Do đó, có kẻ bản cùng hạ tiện, còn có kẻ ăn mày, cô độc, điếc, đui, ngọng, câm, ngu si, tệ ác, cho đến còn có kẻ “*uông cuồng*” (尙狂) tức bệnh nhân thần kinh. “*Hậu hữu tôn quý, hào phú, cao tài minh đạt*” (Lại có kẻ tôn quý, có thế lực, giàu có, tài cao, sáng suốt, thông đạt): Vì sao người thế gian bất bình đẳng như vậy? Có kẻ bản cùng, hạ tiện, ăn mày, cô độc, trôi lặn trong năm đường, có kẻ tôn quý, giàu có, quyền uy, tài cao sáng suốt, thông đạt. “*Giai do túc thế từ hiếu, tu thiện tích đức sở trí*” (Đều là do đời trước nhân từ, hiếu

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thuận, tu thiện tích đức mà ra): Đây là do đời trước, kiếp trước tu thiện, tích đức mà đạt được. Đây là nói về loại ác thứ nhất do tạo ác nghiệp sát sanh, lại nói [do tạo ác] mà gặp phải loại đau thứ nhất, [tức là] bị vương pháp xử phạt.

“Thế hữu thường đạo, vương pháp lao ngục, bất khảng úy thận” (Đời có thường đạo, phép vua, nhà tù, [thế mà] chẳng chịu kiêng sợ, dè dặt): Bản thân quý vị chẳng sợ hãi, chẳng cẩn thận. *“Vi ác nhập tội, thọ kỳ vương phạt, cầu vọng giải thoát, nan đắc miễn xuất”* (Làm ác mắc tội, chịu đựng tai ương, xử phạt, cầu mong thoát khỏi, khó thể được thoát): Đợi đến khi quý vị bị nhốt trong nhà tù, quý vị mong thoát ra mà chẳng thoát được. *“Thế gian hữu thử mục tiền hiện sự”* (Thế gian có chuyện ở ngay trước mắt như vậy): Đã bị quốc pháp xử phạt là chuyện trước mắt mọi người đều trông thấy. Đây là loại đau thứ nhất. Lại nói về loại đốt thứ nhất: *“Thọ chung hậu thế, vu thâm, vu kịch”* (Hết tuổi thọ, sanh sang đời sau, càng sâu nặng hơn, càng dữ dội hơn): Người sau khi đã chết sẽ chịu khổ, chịu đựng dữ dội nên gọi là “đốt”. *“Nhập kỳ u minh, chuyển sanh thọ thân. Thí như vương pháp, thống khổ cực hình. Cố hữu tự nhiên tam đồ, vô lượng khổ não. Chuyển mậu kỳ thân, cải hình dịch đạo”* (Vào chốn tối tăm, chuyển sanh, thọ thân. Ví như cực hình thống khổ trong phép vua. Vì thế, tự nhiên có tam đồ, vô lượng khổ não. Lần lượt thọ thân trong ấy, thay hình, đổi nẻo): *“Mậu”* (貿) là biến đổi. Từ thân hình trong địa ngục chuyển sang thân thể quỷ đói, từ thân thể quỷ đói chuyển thành thân hình súc sanh. *“Sở thọ thọ mạng, hoặc trường, hoặc đoản”* (Nhận lãnh thọ mạng, hoặc dài hay ngắn): Thọ mạng có dài hay ngắn.

“Hồn thân tinh thức, tự nhiên thú chi, đương độc trị hương” (Hồn thân tinh thức tự nhiên tiến nhập, một mình tiến vào chỗ tương ứng): Bản thân quý vị tạo ác nghiệp, chính mình rơi vào tam đồ, thọ mạng hoặc dài hay ngắn, tùy thuộc báo ứng của quý vị nhẹ hay nặng. Hồn thân tinh thức của quý vị tự nhiên như vậy mà tiến hướng vào trong ác đạo, ứng hợp với cái nghiệp do quý vị đã tạo. *“Tương tòng cộng sanh”* (Theo nhau cùng sanh): Ác nghiệp của quý vị sẽ cùng sanh với quý vị. *“Cánh tương báo phục, vô hữu chi dĩ”* (Báo đền lẫn nhau, chẳng có ngưng dứt): Quý vị bị nổi khổ vì tam ác thiêu đốt nhằm báo đền ác nghiệp của quý vị, chẳng có ngưng dứt. *“Ưong ác vị tận, bất đắc tương ly”* (Ưong họa xấu ác chưa hết, sẽ chẳng rời khỏi): Quý vị hứng chịu ác nghiệp chưa hết, mong thoát ra mà không thoát được. *“Triển chuyển kỳ trung, vô hữu xuất kỳ, nan đắc giải thoát, thống bất*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

khả ngôn” (Xoay vần trong ấy, chẳng có thuở ra, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói được): Do càng nghiêm trọng hơn “đau”, nên gọi là “*thiêu*” (đốt).

“*Thiên địa chi gian, tự nhiên hữu thị, tuy bất tức thời tốt bạo ứng chí, thiện ác chi đạo, hội đương quy chí*” (Trong vòng trời đất, tự nhiên có điều ấy. Tuy chẳng ngay lập tức xảy đến báo ứng dữ dội, nhưng sẽ đều theo về đường thiện nẻo ác [ứng hợp nghiệp nhân đã tạo]): Quý vị tạo ác nghiệp, nhất định đọa vào địa ngục, nhưng chẳng mau chóng như vậy. Chẳng phải là ngay lập tức làm ác, sẽ ngay lập tức đọa địa ngục, nhưng đã tạo ác nghiệp, nhất định sẽ đọa vào ba ác đạo. “*Thị vi nhất đại ác, nhất thống, nhất thiêu, cần khổ như thị*” (Đây là sự ác to lớn thứ nhất, sự đau thứ nhất, sự đốt thứ nhất, nhọc nhằn như thế đó): Quý vị đã tạo đại ác nghiệp thứ nhất, nhất định sẽ bị phép nước chế tài⁴⁶. Đây là nỗi đau thứ nhất. “*Thí như đại hỏa phần thiêu nhân thân*” (Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người): Lại nói đến nỗi đau khổ do sự đốt thứ nhất. “*Nhân năng ư trung nhất tâm chế ý*” (Ai có thể ở trong ấy mà một dạ kiềm chế tâm ý): Nếu có thể kiềm chế chính mình, kiềm chế cái tâm của chính mình. “*Đoan thân chánh hạnh, độc tác chư thiện, bất vi chúng ác giả*” (Đoan chánh thân hạnh, chỉ làm các điều lành, chẳng tạo các điều ác): Quý vị phải nghe lời chỉ dạy của đức Phật, phải trì giới điều thứ nhất của đức Phật là sát giới (giới đừng sát sanh). “*Thân độc độ thoát, hoạch kỳ phước đức, độ thế, thượng thiên, Nê Hoàn chi đạo*” (Thân riêng được độ thoát, đạt được phước đức, độ đời, sanh lên trời, đắc đạo Niết Bàn): Bản thân quý vị đạt được hết thầy phước đức, còn độ hết thầy mọi người, ai nấy đều có thể thăng lên trời, kết quả là còn thể đạt được đạo Nê Hoàn (Niết Bàn). “*Thị vi nhất đại thiện dã*”: Đây là điều thiện to lớn do giữ sát giới.

2.2.3.3.2.3.2.2. Điều ác do trộm cắp

(Kinh) Phật ngôn: - Kỳ nhị ác giả, thế gian nhân dân, phụ tử, huynh đệ, thất gia, phu phụ, đồ vô nghĩa lý, bất thuận pháp độ. Xa

⁴⁶ Chế tài (制裁): Theo nghĩa gốc thì chữ này có nghĩa là các biện pháp cưỡng chế của chính quyền để trừng phạt, quản thúc, giam cầm v.v... hòng ép buộc cá nhân, đoàn thể hay bất cứ tổ chức nào tuân theo những quy định pháp luật. Hiện thời, chữ Chế Tài thường dùng với ý nghĩa “*cấm vận*” để dịch chữ Sanction, bao hàm sự trừng phạt về kinh tế đối với những quốc gia vi phạm nhân quyền hay dung dưỡng các tổ chức khủng bố v.v...

dâm kiêu túng, các dục khoái ý. Nhậm tâm tự tứ, cánh tương khi hoặc. Tâm khẩu các dị, ngôn niệm vô thật. Nịnh siểm bất trung, xảo ngôn du mị, tạt hiền báng thiện, hãm nhập oan uổng. Chúa thượng bất minh, nhậm dụng thần hạ. Thần hạ tự tại, cơ nguy đa đoan, tiền độ năng hành, tri kỳ hình thể, tại vị bất chánh, vi kỳ sở khi, vọng tôn trung lương, bất đáng thiên tâm. Thần khi kỳ quân, tử khi kỳ phụ, huynh đệ phụ phụ, trung ngoại tri thức, cánh tương khi cuống, các hoài tham dục, sân khuê, ngu si, dục tự hậu kỹ, dục tham đa hữu. Tôn ty thượng hạ, tâm câu đồng nhiên. Phá gia vong thân, bất cố tiền hậu, thân thuộc nội ngoại, tọa chi diệt tộc. Hoặc thời thất gia tri thức, hương đảng thị lý, ngu dân, dã nhân, chuyển cộng tòng sự, cánh tương lợi hại, phân thành oán kết. Phú hữu xan tích, bất khăng thí dữ. Ái bảo tham trọng, tâm lao thân khổ. Như thị chí cánh, vô sở thị hổ, độc lai, độc khứ, vô nhất tùy giả. Thiện ác họa phước, truy mạng sở sanh. Hoặc tại lạc xứ, hoặc nhập khổ độc, nhiên hậu nãi hồi, đương phục hà cập! Thế gian nhân dân, tâm ngu thiếu trí, kiến thiện tăng báng, bất tư mộ cập, dẫn dục vi ác, vọng tác phi pháp, thường hoài đạo tâm, hy vọng tha lợi, tiêu tán ma tận, nhi phục cầu sách, tà tâm bất chánh, cụ nhân hữu sắc, bất dự tư kế, sự chí nãi hồi. Kim thế hiện hữu vương pháp lao ngục, tùy tội thú hướng, thọ kỳ ương phạt. Nhân kỳ tiền thế bất tín đạo đức, bất tu thiện bản, kim phục vi ác, thiên thần khắc thức, biệt kỳ danh tịch. Thọ chung thần thế, hạ nhập ác đạo. Cố hữu tự nhiên tam đồ, vô lượng khổ não. Triển chuyển kỳ trung, thế thế lũy kiếp, vô hữu xuất kỳ, nan đắc giải thoát, thống bất khả ngôn. Thị vi nhị đại ác, nhị thống, nhị thiêu, cần khổ như thị. Thí như đại hỏa phân thiêu nhân thân, nhân năng ư trung nhất tâm chế ý, đoan thân chánh hạnh, độc tác chư thiện, bất vi chúng ác giả, thân độc độ thoát, hoạch kỳ phước đức, độ thế, thượng thiên, Nê Hoàn chi đạo. Thị vi nhị đại thiện dã.

(經)佛言：其二惡者，世間人民，父子兄弟，室家夫婦，都無義理，不順法度。奢淫僥縱，各欲快意。任心自恣，更相欺惑。心口各異，言念無實。佞諂不忠，巧言諛媚。嫉賢謗善，陷入冤枉。主上不明，任用臣下。臣下自在，機偽多端。踐度能行，知其形勢。在位不正，為其所欺。妄損忠良，不當天心。臣欺其君，子欺其父。兄弟夫婦，中外知識，更相欺誑。各懷貪欲瞋恚愚癡。欲自厚己

，欲貪多有。尊卑上下，心俱同然。破家亡身，不顧前後。親屬內外，坐之滅族。或時室家知識，鄉黨市里，愚民野人，轉共從事。更相利害，忿成怨結。富有慳惜，不肯施與。愛保貪重，心勞身苦。如是至竟，無所恃怙，獨來獨去，無一隨者。善惡禍福，追命所生。或在樂處，或入苦毒，然後乃悔，當復何及！世間人民，心愚少智，見善憎謗，不思慕及。但欲為惡，妄作非法。常懷盜心，悻望他利。消散磨盡，而復求索。邪心不正，懼人有色。不豫思計，事至乃悔。今世現有王法牢獄，隨罪趣向，受其殃罰。因其前世不信道德，不修善本，今復為惡。天神剋識，別其名籍。壽終神逝，下入惡道。故有自然三塗，無量苦惱。展轉其中，世世累劫，無有出期，難得解脫，痛不可言。是為二大惡二痛二燒，勤苦如是。譬如大火焚燒人身，人能於中一心制意，端身正行，獨作諸善，不為眾惡者，身獨度脫，獲其福德度世上天泥洹之道，是為二大善也。

(Kinh: Đức Phật nói: - Sự ác thứ hai là nhân dân trong thế gian, cha con, anh em, vợ chồng trong gia đình, đều chẳng có nghĩa lý, chẳng thuận theo pháp tắc, luật lệ. Xa xỉ, dâm dật, kiêu ngạo, phóng túng, ai nấy chỉ muốn khoái ý, mặc tình buông lung, dối gạt lẫn nhau. Tâm và miệng khác nhau, nói năng, suy nghĩ chẳng thành thật. Nịnh hót, bợ đỡ, bất trung, nói năng hoa mỹ, a dua, ton hót, ghét người hiền, gièm báng người lành, hãm hại họ chịu cảnh oan uổng. Chúa thượng chẳng sáng suốt, tùy tiện trọng dụng bầy tôi. Bầy tôi tự tung tự tác, mưu mẹo, dối trá lăm nõi, cân nhắc để thực hiện [những âm mưu lừa trên gạt dưới], họ hiểu biết tình thế [để bày mưu tính kế]. Kẻ đang giữ chức mà bất chánh, sẽ bị họ lừa dối, xằng bậy tổn hại bậc trung lương, chẳng hợp lòng trời. Bầy tôi dối vua, con lừa dối cha. Anh em, vợ chồng, kẻ quen biết trong ngoài, dối gạt lẫn nhau. Ai nấy ôm lòng tham dục, nóng giận, ngu si, muốn hậu đãi chính mình, tham muốn được nhiều. Sang, hèn, trên, dưới, tâm đều như nhau! Tan nhà, mất mạng, chẳng đoái trước sau, thân thuộc trong ngoài, do vậy mà diệt tộc. Hoặc là có lúc, gia tộc, người quen biết, xóm giềng, làng nước, những kẻ ngu

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

muội, thô lậu cùng hùa nhau làm, tạo lợi gây hại lẫn nhau, giận dữ kết thành oán thù. Kẻ giàu có thì keo kiệt, chẳng chịu bố thí. Yêu tiền, giữ của, lòng tham nặng nề, tâm mệt, thân khổ. Như thế cho đến khi hết mạng, không nơi nương cậy, một mình đến, một mình đi, chẳng có một ai theo. Thiện, ác, họa, phước, theo mạng mà sanh, hoặc ở chốn vui, hoặc vào nơi khổ độc, sau đây mới hỏi, há còn kịp chẳng? Nhân dân trong thế gian, tâm ngu, trí kém, thấy người lành càng thêm ghét bỏ, báng bổ, chẳng nghĩ ngưỡng mộ, mong được bằng, chỉ muốn làm ác, xằng bậy làm điều phi pháp, thường ôm lòng trộm cắp, mong mỗi lợi lộc của người khác. [Tiền của kiếm được phi pháp] bị tiêu tan, mòn mất, lại mong cầu, tìm tòi. Tà tâm bất chánh, sợ người khác đẹp đẽ hơn mình. Chẳng suy tính sẵn, chuyện xảy đến mới hỏi. Trong đời này thì phép vua, lao ngục, tùy theo tội mà tiến vào, chịu đựng trừng phạt. Do kẻ đó đời trước chẳng tin đạo đức, chẳng tu cội lành, nay lại làm ác, thiên thần ghi chép, viết vào sổ sách. Hết tuổi thọ, thần thức rời đi, đọa vào ác đạo. Do vậy, tự nhiên có tam đồ, vô lượng khổ não. Xoay vần trong ấy, đời đời nhiều kiếp, chẳng có thuở ra, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói nổi. Đây là sự ác lớn thứ hai, sự đau thứ hai, sự đốt thứ hai, nhọc nhằn như thế đó. Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người, ai có thể ở trong ấy mà một dạ kiềm chế tâm ý, đoan chánh thân hạnh, chỉ làm các điều lành, chẳng làm các điều ác, thân riêng được độ thoát, đạt được phước đức, độ đời, sanh lên trời, đắc đạo Nê Hoàn. Đây là điều thiện lớn thứ hai vậy).

“Phật ngôn: - Kỳ nhị ác giả” (Đức Phật nói: - Sự ác thứ hai là...): Kinh văn chẳng nói về tội trộm cướp, mà nói rất nhiều về tội trộm do nói năng dối trá, lừa phỉnh, tức là lừa gạt tiền tài của người khác, vậy thì giống như cướp đoạt người khác, cho nên là “cường đạo”. Đây là loại ác thứ hai. “Thế gian nhân dân, phụ tử, huynh đệ, thất gia phu phụ” (Nhân dân trong thế gian, cha con, anh em, vợ chồng trong gia đình): Trong thế gian, những người ấy là kẻ phạm phải ác nghiệp trộm cắp. Vì sao họ sẽ phạm ác nghiệp trộm cắp vậy? Họ “đồ vô nghĩa lý, bất thuận pháp độ” (đều chẳng quan tâm đến nghĩa lý, chẳng vâng theo pháp tắc, luật lệ), họ chẳng vâng theo pháp luật của đất nước. “Xa dâm kiêu túng, các dục khoái ý” (Xa xỉ, dâm dật, kiêu căng, phóng túng, ai nấy đều muốn khoái ý): Đây là nhân duyên phạm tội trộm cắp. “Xa dâm kiêu túng” là hoang dâm vô độ. Hoang dâm vô độ thì sẽ “các dục khoái ý” (ai nấy đều muốn khoái ý). Họ chẳng biết

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thâu liễm chính mình thì là “*nhậm tâm tự tứ*” (mặc tình buông lung), “*tự tứ*” (自恣) là để mặc cho cái tâm của chính mình buông lung. Do vậy, “*cánh tương khi hoặc*” (lừa dối lẫn nhau).

Hoang dâm vô độ sẽ cần có tiền xài; do chẳng có tiền bèn lừa gạt. Đây gọi là Khi Biến Đạo (欺騙盜, trộm cắp bằng cách lừa gạt). “*Tâm khẩu các dị, ngôn niệm vô thật*” (Tâm và miệng khác nhau, lời nói và suy nghĩ chẳng thật): Tâm và miệng của kẻ lừa gạt người khác chẳng giống nhau, nên gọi là “*tâm khẩu các dị*”. Trong tâm biết là như thế này, miệng nói như thế khác. “*Ngôn*” (言) là lời ăn tiếng nói, “*niệm*” (念) là tâm, “*vô thật*” (無實) là chẳng thật. “*Nịnh siểm bất trung*”: “*Bất trung*” (不忠) là chẳng trung thực, chính là “*vô thật*” trong câu “*ngôn niệm vô thật*”. “*Nịnh siểm*” (佞諂, nịnh nọt, bợ đỡ) chính là câu “*xảo ngôn du mị*” kể ngay đó. “*Xảo ngôn*” (巧言, lời lẽ hoa mỹ) là chữ Nịnh (佞). “*Du mị*” (諛媚, a dua, ton hót) là chữ Siểm (諂), tức là nói những lời êm tai, kết quả là lừa gạt người khác. “*Tật hiền báng thiện*” (Ganh ghét người hiền, gièm báng kẻ thiện): Bản thân kẻ ấy làm ác, trông thấy hiền nhân hoặc thiện nhân chẳng vừa mắt, sẽ ganh ghét hiền nhân, hủy báng thiện nhân. “*Hãm nhập oan uổng*” (Hãm hại khiến cho họ mắc tội oan uổng), “*hãm*” (陷) là hãm hại. [“*Hãm nhập oan uổng*” là] hãm hại hiền nhân, thiện nhân, khiến cho họ mắc tội oan uổng. “*Chúa thượng bất minh, nhậm dụng thân hạ*” (Chúa thượng chẳng sáng suốt, tùy tiện trọng dụng bày tôi): Vào thời đại chuyên chế thuở xưa, quốc vương là một gã hôn quân chẳng hiểu đạo lý, hồ đồ, chẳng sáng suốt.

“*Nhậm dụng thân hạ*” (Tùy tiện trọng dụng bày tôi) tức là chẳng thể biết trọng dụng người hiền, bày tôi sẽ làm ác. “*Thần hạ tự tại, cơ nguy đa đoan*” (Bày tôi lộng quyền, mưu mẹo, hư nguy lắm nỗi): Vì chúa thượng chẳng sáng suốt, bày tôi sẽ tha hồ tự tung tự tác, chẳng làm chuyện tốt đẹp. “*Cơ*” (機) là “*cơ trá*” (機詐, mưu mẹo gian trá), “*nguy*” (偽) là hư nguy, “*đa đoan*” (多端): Có nhiều hành vi lươn lẹo, dối trá. “*Tiến độ năng hành*” (Cân nhắc để xem có thể thực hiện hay không): “*Tiến độ*” (踐度) là kẻ ấy cân nhắc để thực hiện, tức là có thể thực hiện [những mưu kế nào] để hại người hay không? Hại bằng cách nào? “*Tri kỳ hình thế*” (Hiểu biết tình thế): Kẻ đó biết tình thế của người bị hại, đáng nên làm hại họ như thế nào! “*Tại vị bất chánh, vi kỳ sở khi*” (Người nắm giữ chức vị bất chánh, bị những kẻ đó lừa dối): Kẻ làm chúa thượng ấy đã “*bất minh*”, lại còn “*bất chánh*”, bị những đứa

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

gian thần ấy lừa dối. “*Vọng tôn trung lương, bất đáng thiên tâm*” (Xăng bậy tôn hại bậc trung lương, chẳng hợp lòng trời): Chúng nó hãm hại những người tốt, trung lương.

“*Thiên tâm*” là thiên lý, [“*bất đáng thiên tâm*”] là chẳng hợp lẽ trời. “*Thần khi kỳ quân, tử khi kỳ phụ*” (Bây tôi lừa dối vua, con lừa dối cha): Kẻ làm bây tôi dối gạt vua, con dối gạt cha. Đây chính là “*bất trung*” đã nói trong phần trước. “*Huynh đệ phu phụ, trung ngoại tri thức*” (Anh em, chồng vợ, người quen biết trong ngoài): [Ở đây], “*tri thức*” là người quen biết, không nhằm nói đến bậc thiện tri thức. “*Cánh tương khi cuống*” (Lừa gạt lẫn nhau): Người dối gạt ta, ta dối gạt người. “*Các hoài tham dục, sân khuể, ngu si*” [nghĩa là] mọi người đều ôm ấp phiền não tham, sân, si. “*Dục tự hậu kỳ, dục tham đa hữu*” (Mong hậu đãi chính mình, tham muốn có nhiều hơn): Vì sao phải lừa gạt người khác? Lừa gạt tiền tài của kẻ khác để chính mình nặng túi, tham muốn có được nhiều hơn.

“*Tôn, ty, thượng, hạ, tâm câu đồng nhiên*” (Sang, hèn, trên dưới, cái tâm đều là như vậy): Ai nấy lường gạt lẫn nhau, lừa lọc tiền tài của người về trong tay ta, nhằm đạt tới mục đích; bất luận sang, hèn, bất luận kẻ trên, người dưới, cái tâm đều là như vậy. Đây là do làm ác bèn phạm vào phép nước. “*Phá gia vong thân, bất cố tiền hậu. Thân thuộc nội ngoại, tọa chi diệt tộc*” (Nhà tan, thân chết, chẳng đoái hoài tiền nhân hậu quả. Thân thuộc trong ngoài, do vậy mà bị diệt tộc): Quý vị làm ác, lừa gạt người khác, hoặc hãm hại bậc trung lương, hoặc là bây tôi lừa dối vua, tự chuốc lấy nhục. Trong tương lai, quý vị phạm tội, thậm chí nhà tan, người chết. Kẻ đó “*bất cố đoái tiền hậu*” (chẳng đoái hoài tiền nhân hậu quả), chẳng thể ngờ được chuyện này! Đối với “*thân thuộc nội ngoại*”, kẻ ấy đều lừa dối, kết quả của lừa dối là như thế nào? “*Tọa chi diệt tộc*” (Bởi đó mà bị diệt tộc): Vào thời xưa kia, pháp luật quốc gia rất ngặt nghèo. Trong thời đại chuyên chế, thậm chí [triều đình] còn tiêu diệt toàn bộ gia tộc của quý vị. Trên đây là nói theo phương diện một người làm ác, còn dưới đây là mọi người cùng nhau hùa vào giúp đỡ làm ác.

“*Hoặc thời thất gia, tri thức*” (Hoặc là có lúc gia tộc, người quen biết): Toàn thể gia đình hoặc là bạn bè, người quen biết của quý vị, hoặc là “*hương đảng thị lý*” (xóm giềng, làng nước) tức người trong vùng ấy, đều là phường “*ngu nhân, dã nhân*” (kẻ ngu, kẻ thô thiển), thấy đều là kẻ chẳng hiểu biết. “*Chuyển cộng tùng sự*” (Cùng hùa nhau làm), muốn lừa gạt kẻ khác. Mọi người hùa nhau cùng lừa gạt. “*Cánh*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tương lợi hại, phần thành oán kết” (Cùng nhau tranh giành lợi hại, cầm phần kết thành oán thù): Mọi người đều ham muốn, tham lợi, kết quả là mắc hại càng dữ dội hơn, kết thành oán cừ, phần hận với người khác. “*Phú hữu xan tích*” (Kẻ giàu có keo tiếc): Lừa gạt tiền tài của người khác, chẳng riêng gì kẻ nghèo, mà người giàu cũng có. Kẻ giàu chính mình đã giàu có, nhưng keo kiệt, yêu tiếc, “*bất khăng thí dữ*” [nghĩa là] không chịu bố thí cho người khác.

“*Ái bảo tham trọng*” [nghĩa là] kẻ đó yêu mến, giữ chặt tiền tài của chính mình, tâm tham nặng nề. Do vậy, “*tâm lao thân khổ*” (tâm mệt, thân khổ): Hằng ngày sáng tối nhọc lòng, thân thể hứng chịu khổ não, tới khi mạng chung, sẽ đọa trong địa ngục. “*Như thị chí cánh, vô sở thị hĩ*” (Như thế cho đến khi hết đời, không nơi nương cậy): Tới khi mạng chung, chẳng có “*thị hĩ*” (恃怙), tức là chẳng có một ai bảo bọc quý vị. “*Độc lai, độc khứ, vô nhất tùy giả*” (Đến một mình, đi một mình, chẳng có ai theo): Quý vị một mình chết đi, một mình ra đi, chẳng có ai đi cùng với quý vị. “*Thiện ác họa phước, truy mạng sở sanh*” (Thiện, ác, họa, phước sẽ theo mạng mà sanh): Quý vị làm chuyện ác, chuyện lành, sẽ mắc họa, hưởng phước. “*Truy*” (追) là theo, sanh theo cái mạng của quý vị. “*Hoặc tại lạc xứ, hoặc nhập khổ độc*” (Hoặc ở chỗ vui sướng, hay vào nơi khổ độc): Hoặc là ở nơi vui sướng, kinh văn nói kèm thêm, vì như [đã kể ra trên đây, kể ấy] toàn làm ác, làm sao người ấy có thể sanh vào chốn vui sướng cho được? Vì theo một câu văn trên kia, có thể là quý vị đã từng làm chuyện tốt, làm việc thiện, nên được phước báo sanh về chỗ yên vui. Vậy thì quý vị làm ác, đáng phải nên sanh vào chỗ biển khổ.

“*Nhiên hậu nãi hối, đương phục hà cập!*” (Sau đây mới hối, há còn kịp chãng!): Chờ đến khi quý vị đọa vào trong địa ngục mới hối hận, chẳng còn kịp nữa! “*Thế gian nhân dân, tâm ngu, thiếu trí*” (Nhân dân trong thế gian, tâm ngu, trí kém): Nhưng nhân dân trong thế gian, trong tâm ngu si, thiếu khuyết trí huệ. “*Kiến thiện tăng báng*” (Thấy thiện nhân càng thêm ghét bỏ, báng bỏ): Thấy người lành làm việc lành, kẻ đó sẽ ganh ghét, sẽ hủy báng. “*Bất tu mộ cập*” tức là chẳng hề nghĩ “*thấy người hiền liền mong được bằng*”. Người ta làm lành, mình cũng làm lành. Ta rất ngưỡng mộ người ấy, ta phải bắt chước làm lành giống như người ấy. “*Bất tu mộ cập*” là chẳng ngưỡng mộ thiện sự. “*Đản dục vi ác*” (Chỉ muốn làm ác): Lòng kẻ ấy đầy ấp ý tưởng làm chuyện ác. “*Vọng tác phi pháp*” (Xưởng bậy làm điều phi pháp): Do vậy, vọng tưởng làm những chuyện ác phi pháp. “*Thường hoài đạo*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

tâm, hy vọng tha lợi” (Thường ôm lòng trộm cắp, mong mỗi chiếm được lợi ích của kẻ khác): Tâm của kẻ làm ác sẽ dấy lên vọng tưởng gì? “*Đạo tâm*” (盜心, cái tâm trộm cắp): Phạm là trộm cắp bằng cách lừa gạt, hoặc là trộm bằng cách cướp đoạt, đều luôn mong mỗi lợi lộc của người khác sẽ lọt vào tay ta, ôm ấp cái tâm trộm cắp ấy.

“*Tiêu tán ma tận, nhi phục cầu sách*” (Tiêu tan mòn sạch, lại cầu tìm): Dối gạt mấy đồng, kẻ ấy phát tài dễ dàng. “*Tiêu tán ma tận*”, “*ma tận*” (磨盡) là mòn mất, diệt mất. Tiền xài hết sạch, vẫn muốn tìm kiếm, vẫn muốn tiếp tục lường gạt tiền tài. “*Tà tâm bất chánh*”: Trong phần trước là “*hoang tâm vô độ*”, còn ở đây là tà tâm bất chánh. Giữ cái tâm trộm cắp cũng là tà tâm bất chánh. “*Cụ nhân hữu sắc*” nghĩa là: Trông thấy người khác có diện mạo dễ ưa, trong tâm sẽ sợ hãi, ganh tỵ với người đó. “*Bất dự tư kế*” [nghĩa là] chẳng tính toán, suy nghĩ trước. Chuyện nói dối chớ nên làm. Chuyện lừa đảo, trộm cắp chớ nên làm, chớ nên nghĩ tưởng. “*Sự chí nãi hối*”, [nghĩa là] đợi cho tới khi đọa lạc trong ba ác đạo rồi mới hối hận thì đã muộn!

“*Kim thế hiện hữu vương pháp, lao ngục*” (Đời này đang có phép vua, tù ngục): Chịu đựng nỗi khổ trong lao ngục, đây là nỗi đau khổ thứ hai trong năm sự ác, năm sự đau. Quý vị trộm cắp, lừa đảo tiền tài của người ta, phạm vào phép nước, sẽ phải hứng chịu nỗi khổ trong lao ngục. Hiện thời còn có người bị phép vua chế tài, mọi người đều đã trông thấy. “*Tùy tội thú hướng*” [nghĩa là] quý vị phạm tội gì, sẽ định theo tội đó. “*Thọ kỳ ương phạt*” là phải hứng chịu pháp luật quốc gia trừng phạt. “*Nhân kỳ tiên thế bất tín đạo đức, bất tu thiện bản, kim phục vi ác*” (Do kẻ ấy đời trước chẳng tin đạo đức, chẳng tu cội lành, nay lại làm ác): Kẻ làm ác ấy mang theo thói quen ác từ đời trước. Đời trước, kiếp trước, kẻ ấy cũng chẳng tin đạo đức, mà cũng chẳng tu gốc lành, chẳng gieo một tí thiện căn nào. “*Kim phục vi ác*” (Nay lại làm ác): Đời này lại càng thêm làm ác. “*Thiên thần khắc thức*” là thiên thần ghi chép [những hành vi ác của kẻ ấy] vào sổ sách. “*Biệt kỳ danh tịch*” [nghĩa là] ghi tên kẻ ấy vào sổ sách. “*Thọ chung thân thế*” [tức là] thọ mạng chấm dứt, thần hồn ra đi, liền “*hạ nhập ác đạo*” (đọa vào ác đạo).

“*Có hữu tự nhiên tam đồ*” (Vì thế, tự nhiên có tam đồ), “*tam đồ*” từ đâu ra? Người tạo ác, tự nhiên có ba ác đạo. Chẳng có ba ác đạo, sẽ đưa người ác vào chỗ nào? “*Vô lượng khổ não*”: Hễ đọa lạc vào ba ác đạo, sẽ khổ não rất nhiều. “*Triển chuyển kỳ trung*” (Xoay vần trong ấy), chịu đựng vô lượng khổ não. “*Thế thế lũy kiếp*” (Đời đời bao

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

kiếp), thời gian rất dài. “*Vô hữu xuất kỳ, nan đắc giải thoát, thống bất khả ngôn*” (Chẳng có thuở thoát ra, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói nổi): Đây là nói tới sự ác thứ hai, sự đau thứ hai, sự đốt thứ hai trong ba ác đạo, “*cần khổ như thị*” (nhọc nhằn như thế đấy), tình trạng là như thế đó. “*Thí như đại hỏa phân thiêu nhân thân*” (Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người): Vì sao gọi là đau, gọi là đốt? Giống như nổi đau khổ do lửa lớn thiêu đốt con người vậy. Đây là khuyên dạy, Phật Thích Ca từ bi chẳng mong chúng ta chịu đau đớn, bị thiêu đốt.

“*Nhân năng ư trung nhất tâm chế ý*” (Ai có thể ở trong ấy mà một lòng kiềm chế tâm ý): Ai có thể kiềm chế tâm ý của chính mình, đoan chánh thân hạnh. “*Độc tác chư thiện*” (Chỉ làm các điều lành): Chẳng làm các điều ác, chỉ làm các điều lành. “*Bất vi chúng ác giả, thân độc độ thoát*” (Chẳng làm các điều ác, thân riêng được độ thoát): Quý vị tự mình có thể độ thoát chính mình. “*Hoạch kỳ phước đức*” là đạt được đại phước, đại đức. “*Độ thế, thượng thiên, Nê Hoàn chi đạo*” (Độ đời, sanh lên trời, đắc đạo Niết Bàn): Quý vị đã tự mình có thể độ thoát chính mình, lại còn có thể độ chúng sanh trong thế gian. Làm lành thì trước hết có báo ứng là thăng thiên, lại còn thành Phật, sẽ đạt được đạo Nê Hoàn. “*Thị vi nhị đại thiện dã*” (Đấy là điều thiện lớn thứ hai vậy).

2.2.3.3.2.3.2.3. Điều ác do tà dâm

(Kinh) Phật ngôn: - Kỳ tam ác giả, thế gian nhân dân, tương nhân ký sanh, cộng cư thiên địa chi gian, xử niên thọ mạng, vô năng kỷ hà? Thượng hữu hiền minh trưởng giả, tôn quý hào phú; hạ hữu bần cùng tư tiện uông liệt ngu phu; trung hữu bất thiện chi nhân, thường hoài tà ác, đản niệm dâm dật, phiến mãn hung trung. Ái dục giao loạn, tọa khởi bất an. Tham ý thủ tích, đản dục đường đắc, miện lãi tế sắc, tà thái ngoại dật, tự thê yếm tắng, tư vọng xuất nhập, phí tổn gia tài, sự vi phi pháp, giao kết tụ hội, hưng sư tương phạt, công kiếp sát lục, cưỡng đoạt vô đạo, ác tâm tại ngoại, bất tự tu nghiệp. Đạo thiết thú đắc, dục kích thành sự, khủng thế bách hiếp, quy cấp thê tử. Tứ tâm khoái ý, cực thân tác lạc. Hoặc ư thân thuộc, bất ty tôn ty, gia thất trung ngoại, hoạn nhi khổ chi, diệc phục bất úy vương pháp cấm lệnh. Như thị chi ác, trước ư nhân quý, nhật nguyệt chiếu kiến, thần minh ký thức. Cố hữu tự nhiên tam đồ, vô lượng khổ não, triển chuyển kỳ trung, thế thế lũy kiếp, vô hữu xuất kỳ, nan đắc giải

thoát, thống bất khả ngôn. Thị vi tam đại ác, tam thống, tam thiêu, cần khổ như thị. Thí như đại hỏa phân thiêu nhân thân, nhân năng ư trung nhất tâm chế ý, đoan thân chánh hạnh, độc tác chư thiện, bất vi chúng ác giả, thân độc độ thoát, hoạch kỳ phước đức, độ thế, thượng thiên, Nê Hoàn chỉ đạo. Thị vi tam đại thiện dã.

(經) 佛言：其三惡者，世間人民，相因寄生，共居天地之間。處年壽命，無能幾何？上有賢明長者尊貴豪富；下有貧窮廝賤尪劣愚夫；中有不善之人，常懷邪惡，但念淫泆，煩滿胸中。愛欲交亂，坐起不安。貪意守惜，但欲唐得。眇睠細色，邪態外逸。自妻厭憎，私妄出入。費損家財，事為非法。交結聚會，興師相伐。攻劫殺戮，強奪無道。惡心在外，不自修業。盜竊趣得，欲擊成事。恐勢迫脅，歸給妻子。恣心快意，極身作樂。或於親屬，不避尊卑。家室中外，患而苦之。亦復不畏王法禁令。如是之惡，著於人鬼。日月照見，神明記識。故有自然三塗，無量苦惱。展轉其中，世世累劫，無有出期，難得解脫，痛不可言。是為三大惡三痛三燒，勤苦如是。譬如大火焚燒人身，人能於中一心制意，端身正行，獨作諸善，不為眾惡者，身獨度脫，獲其福德度世上天泥洹之道，是為三大善也。

(*Kinh*: Đức Phật nói: - Sự ác thứ ba là nhân dân trong thế gian, do nhờ vào cái nhân mà sống gởi [trong cõi đời], cùng ở trong vòng trời đất, năm tháng thọ mạng, chẳng thể được mấy chốc? Trên thì có bậc hiền minh trưởng giả, tôn quý, có thể lực, giàu có. Dưới thì có kẻ bần cùng, ty tiện, ngu phu điên cuồng, kém cõi. Giữa thì có kẻ bất thiện, thường ôm lòng tà ác, chỉ nghĩ tới dâm dật, phiền não đầy ắp dạ. Ái dục chen nhau rối bời, ngòi đờng chẳng yên. Ý tham cầu chiếm lấy, mền tiếc, chỉ mong không tốn công mà đạt được, liếc ngó sắc đẹp, tâm thái tà vạy, [thể hiện thành] bề ngoài luông tuông. Chán ghét vợ nhà, lén lút xằng bậy ra vào. Hao tổn gia tài, khăng khăng làm chuyện trái pháp. Kết giao, tụ hội, kéo bè kết đảng đánh lẫn nhau, công kích, cướp đoạt, giết chóc, cưỡng đoạt, vô đạo đức, ác tâm bộc lộ ra ngoài, chẳng tự tu tỉnh hạnh nghiệp của chính mình. Trộm cắp hòng đạt được, muốn

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thúc đẩy cho sự việc thành công. [Kẻ khác do] sợ oai thế bức bách, [phải dâng lên. Kẻ đó đoạt lấy], đem về cho vợ con. Mặc tình sướng ý, tận sức theo đuổi hoan lạc. Hoặc là đối với thân thuộc, chẳng tỵ hiềm tôn ty. Trong ngoài gia đình, lo buồn, khổ sở. [Kẻ tà tâm ấy] cũng chẳng sợ phép vua, lệnh cấm. Do sự ác như thế, trở thành quỷ mang hình người, mặt trời, mặt trăng soi tỏ, thần minh ghi chép. Vì thế, tự nhiên có tam đồ, vô lượng khổ não, xoay vần trong đó, đời đời bao kiếp, chẳng có thuở thoát ra, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói nổi. Đó là điều ác lớn thứ ba, sự đau thứ ba, sự đốt thứ ba, nhọc nhằn như thế đó. Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người. Ai có thể ở trong ấy mà một lòng kiềm chế tâm ý, đoạn chánh thân hạnh, chỉ làm các điều thiện, chẳng làm các điều ác, thân riêng được độ thoát, đạt được phước đức, độ đời, sanh lên trời, đắc đạo Nê Hoàn. Đây là điều lành lớn thứ ba vậy).

“Phật ngôn: - Kỳ tam ác giả” (Đức Phật nói: - Sự ác thứ ba là...): Loại chuyện ác thứ ba là tà tâm. “Thế gian nhân dân, tương nhân ký sanh, cộng cư thiên địa chi gian. Xử niên thọ mạng, vô năng kỷ hà?” (Nhân dân trong thế gian, do cái nhân mà sống gọi [trong cõi đời], cùng ở trong vòng trời đất, năm tháng thọ mạng chẳng thể được máy chóc): Chuyện sanh làm một người trong nhân gian, sống trong vòng trời đất, thọ mạng rất ngắn ngủi; vì sao chẳng làm lành, cứ muốn làm ác? Đây là trước hết, đức Phật khuyên dạy quý vị, đừng nghĩ quý vị sống rất lâu trên cõi đời. Chẳng có thọ mạng dài lâu như thế đâu nhé! “Thượng hữu hiền minh trưởng giả tôn quý, hào phú. Hạ hữu bần cùng tư tiện uông liệt ngu phu. Trung hữu bất thiện chi nhân” (Trên là có bậc hiền minh trưởng giả, tôn quý, có thế lực, giàu có. Dưới là có kẻ nghèo cùng, ty tiện, cuồng dại, kém cỏi, ngu phu. Giữa là có kẻ bất thiện): Ngoài những người tốt ra, còn có những kẻ bất thiện. Bất thiện như thế nào? “Thường hoài tà ác, đản niệm dâm dật”, [tức là] trong tâm ôm ấp ý niệm tà ác, chỉ nghĩ tới “dâm dật”, thuộc về phương diện tà tâm giữa nam và nữ.

“Phiền mãn hung trung” tức là phiền não đầy ấp trong lòng. “Ái dục giao loạn” (Ái dục chen nhau rối bời): Tâm tham ái dâm dục rối ren trong lòng, khiến cho kẻ đó “tọa khởi bất an” (ngồi đứng chẳng yên). “Tham ý thủ tích” (Ý tham lam muốn chiếm lấy, yêu tiếc): Kẻ ấy một dạ nghĩ tới tà tâm, tham sắc. Do “tham ý” bèn “thủ tích”, tức là giữ chặt chẳng lìa, yêu tiếc chẳng bỏ. “Đản dục đường đắc” (Chỉ mong

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

không tốn công sức mà đạt được): Do vậy bỗng dung mà nghĩ muốn có được đối tượng tà dâm của kẻ đó. Kẻ đó trong tâm bất chánh, tướng mạo bên ngoài cũng chẳng đoan chánh. “*Miễn lãn tế sắc*” (Liếc ngó sắc đẹp): “*Miễn lãn*” (眄睐) là mắt liếc xéo người khác. “*Tế sắc*” (細色) là sắc đẹp. “*Tà thái ngoại dật*” (Tâm thái tà vạy bộc lộ ra ngoài thành dáng vẻ luông tuồng): Kẻ ấy trong lòng tà tâm tà niệm, hiện ra ngoài thành thái độ tà vạy. “*Tự thê yếm tắng*” (Chán ghét vợ nhà): Kẻ ấy chán ghét vợ mình; do đó, “*tu vọng xuất nhập*” (lén lút, xằng bậy làm chuyện ra vào): Do chính mình si tâm vọng tưởng liền “*xuất nhập*”, tức là ra ngoài tìm đối tượng tà dâm, hoang dâm vô độ. Cho nên “*phí tổn gia tài, sự vi phi pháp*” [nghĩa là] lãng phí hết sạch tài sản trong nhà của chính mình, còn làm những chuyện phi pháp.

Vì tham dâm háo sắc, lại còn gây tạo ác nghiệp sát sanh. “*Giao kết tụ hội*” nghĩa là kẻ xấu vầy bè kết đảng với nhau. “*Hung sư tương phạt*” (Kéo bày đoàn đánh nhau), bên này một phe, bên kia một bày, hai bên đánh nhau. Do vậy, “*công kiếp sát lục*” (tấn công, cướp bóc, giết chóc), kéo bè vầy đoàn giết người. “*Cưỡng đoạt vô đạo*” (Cưỡng đoạt, chẳng có đạo đức), chẳng có một chút đạo đức nào. “*Ác tâm tại ngoại*” (Ác tâm lộ ra ngoài): Ác tâm vốn ở bên trong, nay cái ác lộ ra ngoài, muốn giết người, muốn cướp đoạt. “*Bất tự tu nghiệp*” nghĩa là chính mình một tí thiện nghiệp cũng chẳng tu. “*Đạo thiết thủ đắc*” (Trộm cắp hòng đạt được): Kẻ ấy do tà dâm, làm chuyện chẳng chánh đáng, hoặc trộm cắp để thỏa lòng tà dâm. “*Dục kích thành sự*” (Muốn thúc đẩy chuyện [tà dâm] được thành công): Có thể thành tựu những chuyện tà dâm ấy.

“*Khủng thế bách hiếp, quy cấp thê tử*” [nghĩa là] trong nhà chính mình có người vợ chánh đáng; do vậy, bèn dọa nạt cô ta, dùng thế lực ức hiếp cô ta, lừa dối vợ của chính mình. “*Tứ tâm khoái ý, cực thân tác lạc*” (Mặc tình sướng ý, tận lực làm chuyện khoái lạc): Kẻ đó “*tứ tâm khoái ý*” (mặc sức sướng ý), buông lung theo niềm vui tà dâm của hắn. “*Hoặc ư thân thuộc, bất tự tôn ty*” (Hoặc là đối với thân thuộc, chẳng nề hà tôn ty): Tâm tà dâm dấy lên, đối với người nhà, quyến thuộc của chính mình, kẻ ấy cũng chẳng e ngại, cũng chẳng quan tâm người khác là trưởng bối hoặc văn bối. “*Gia thất trung ngoại, hoạn nhi khổ chi*” nghĩa là kẻ tà dâm hiếu sắc bị mọi người chán ghét. Thân thích bằng hữu đều chán ghét kẻ đó, coi kẻ đó là nỗi khổ. “*Diệc phục bất úy vương pháp cấm lệnh*” (Cũng lại chẳng sợ phép vua, lệnh cấm): Pháp luật quốc gia cấm tà dâm, kẻ ấy chẳng sợ hãi.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Như thị chi ác*” (Sự ác như thế), lỗi ác tà dâm ấy, “*trước u nhân quý*” (trở thành quý trong loài người), kẻ tham tài hiếu sắc ấy, tương lai sẽ biến thành một thứ ma quỷ tà dâm. “*Nhật nguyệt chiếu kiến, thần minh ký thức*” nghĩa là quang minh của mặt trời, mặt trăng soi tỏ quý vị làm ác, thần minh đều ghi chép trong sổ sách. “*Cố hữu tự nhiên tam đồ, vô lượng khổ não, triển chuyển kỳ trung*” (Vì thế, tự nhiên có tam đồ, vô lượng khổ não, xoay vần trong đó): Quý vị sẽ đọa trong ba ác đạo. “*Thế thế lũy kiếp, vô hữu xuất kỳ, nan đắc giải thoát, thống bất khả ngôn. Thị tam đại ác, tam thống, tam thiêu, cần khổ như thị. Thị như đại hỏa phân thiêu nhân thân*” (Đời đời bao kiếp, chẳng có thuở thoát ra, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói nổi. Đây là sự ác lớn thứ ba, sự đau thứ ba, sự đốt thứ ba, nhọc nhằn như thế đó. Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người), giống như thế đó.

Đức Thích Ca Thế Tôn nói điều ác tà dâm xong; tiếp đó, Ngài còn khuyên dạy chúng ta. “*Nhân năng u trung nhất tâm chế ý*” (Ai có thể ở trong ấy một dạ kiềm chế tâm ý): Kiềm chế cái ý tà dâm của quý vị, đoan thân chánh hạnh, “*độc tác chư thiện*” (chỉ làm các điều lành), bản thân quý vị làm lành, hết thấy các điều thiện đều làm. “*Bất vi chúng ác giả*” [nghĩa là] đừng nên làm các chuyện ác. “*Thân độc độ thoát, hoạch kỳ phước đức*” (Thân riêng được độ thoát, đạt được phước đức): Chính quý vị độ thoát chính mình, nên gọi là “*thân độc độ thoát*”, đạt được phước đức. Vậy thì quý vị lại “*độ thế*” (hóa độ người đời), có thể “*thượng thiên*” (thăng lên trời), có thể đạt được “*Nê Hoàn chi đạo*” (đạo Niết Bàn). “*Thị vi tam đại thiện dã*” (Đây là điều thiện lớn thứ ba).

2.2.3.3.2.3.2.4. Điều ác do vọng ngữ

(Kinh) Phật ngôn: - Kỳ tứ ác giả, thế gian nhân dân, bất niệm tu thiện, chuyển tương giáo lệnh, cộng vi chúng ác, lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, y ngữ, sàm tặc đấu loạn, tăng tật thiện nhân, bại hoại hiền minh, u bàng khoái hỷ, bất hiếu nhị thân, khinh mạn sư trưởng, bằng hữu vô tín, nan đắc thành thật, tôn quý tự đại, vị kỷ hữu đạo, hoành hành oai thế, xâm dịch u nhân, bất năng tự tri, vi ác vô sỉ. Tự dĩ cường kiện, dục nhân kính nạn, bất úy thiên, địa, thần minh, nhật, nguyệt, bất hằng tác thiện, nan khả hàng hóa. Tự dụng yển kiến, vị khả thường nhĩ. Vô sở ưu cụ, thường hoài kiêu mạn. Như thị chúng ác, thiên thần ký thức. Lại kỳ tiền thế phả tác phước

đức, tiểu thiện phù tiếp, doanh hộ trợ chi. Kim thể vi ác, phước đức tận diệt. Chư thiện thân quý, các khứ ly chi. Thân độc không lập, vô sở phục y. Thọ mạng chung tận, chư ác sở quy. Tự nhiên bách xúc, cộng thủ đoạt chi. Hựu kỳ danh tịch, ký tại thần minh, vọng cửu khiên dân, đương vãng thú hướng, tội báo tự nhiên, vô tòng xả ly, dẫn dắt tiền hành, nhập u hỏa hoạch, thân tâm tối tối, tinh thần thống khổ. Đương tư chi thời, hồi phục hà cập! Thiên đạo quýnh nhiên, bất đắc tha diệt. Cố hữu tự nhiên tam đồ, vô lượng khổ não, triển chuyển kỳ trung, thể thể lũy kiếp, vô hữu xuất kỳ, nan đắc giải thoát, thống bất khả ngôn. Thị vi tứ đại ác, tứ thống, tứ thiêu, cần khổ như thị. Thí như đại hỏa phân thiêu nhân thân, nhân năng u trung nhất tâm chế ý, đoan thân, chánh hạnh, độc tác chư thiện, bất vi chúng ác, thân độc độ thoát, hoạch kỳ phước đức, độ thể, thượng thiên, Nê Hoàn chi đạo. Thị vi tứ đại thiện dã.

(經)佛言：「其四惡者，世間人民，不念修善。轉相教令，共為眾惡。兩舌、惡口、妄言、綺語。讒賊鬪亂，憎嫉善人。敗壞賢明，於傍快喜。不孝二親，輕慢師長。朋友無信，難得誠實，尊貴自大，謂己有道。橫行威勢，侵易於人，不能自知，為惡無恥。自以強健，欲人敬難。不畏天地神明日月，不肯作善，難可降化。自用偃蹇，謂可常爾。無所憂懼，常懷憍慢。如是眾惡，天神記識。賴其前世頗作福德，小善扶接，營護助之。今世為惡，福德盡滅。諸善神鬼，各去離之。身獨空立，無所復依。壽命終盡，諸惡所歸。自然迫促，共趣奪之。又其名籍，記在神明。殃咎牽引，當往趣向。罪報自然，無從捨離。但得前行，入於火鑊。身心摧碎，精神痛苦。當斯之時，悔復何及！天道罔然，不得蹉跌。故有自然三塗，無量苦惱。展轉其中，世世累劫，無有出期，難得解脫，痛不可言。是為四大惡四痛四燒，勤苦如是。譬如大火焚燒人身，人能於中一心制意，端身正行，獨作諸善，不為眾惡，身獨度脫，獲其福德度世上天泥洹之道，是為四大善也。

(*Kinh*: Đức Phật nói: - Sự ác thứ tư là nhân dân trong thế gian chẳng nghĩ tu thiện, lại dạy bảo lẫn nhau cùng làm các chuyện ác: Nói

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

đôi chiều, nói thô ác, nói dối, nói thêu dệt, gièm siểm hãm hại, xúi giục đấu đá rối ren, ganh ghét thiện nhân, bại hoại bậc hiền minh. Kẻ ấy ở bên cạnh [trông thấy kẻ khác do bị xúi giục mà hiềm khích] bèn vui sướng. Chẳng hiểu thảo với cha mẹ, khinh mạn sư trưởng, chẳng giữ chữ tín với bạn bè, khó thể thành thật. Tự cao tự đại mình là bậc tôn quý, tự cho là mình có đạo đức. Cây vào oai thế mà ngang ngược, xâm phạm, làm hại người khác mà chẳng thể tự biết. Làm ác chẳng hổ thẹn. Tự cậy mình mạnh khỏe, muốn cho người khác kính sợ. Chẳng sợ trời đất, thần minh, mặt trời, mặt trăng, chẳng chịu làm lành, khó thể hàng phục, hóa độ. Tự cao tự đại cho là [mọi sự] sẽ thường hằng, chẳng hề lo lắng, sợ hãi. Thường ôm lòng kiêu căng, ngạo mạn. Các điều ác như thế được thiên thần ghi chép. Nhờ vào đời trước đã tạo phước đức kha khá, [hãy nên] có những điều lành nho nhỏ tiếp nối, giúp sức thêm cho, nhưng đời này làm ác, phước đức tận diệt. Các thiện quý thần đều bỏ đi hết, một thân tro bụi, chẳng còn nương tựa vào đâu được nữa. Thọ mạng kết thúc, các điều ác nhóm về, tự nhiên thúc ép, cùng nhau đoạt lấy. Đã thế, tên tuổi được ghi chép bởi thần minh, vương họa lôi kéo, sẽ tiến đến chỗ [thọ báo]. Tội báo tự nhiên chưa hề lìa bỏ, chỉ đành tiến bước, vào chốn vạc lửa, thân tâm vỡ nát, tinh thần thống khổ. Ngay trong khi ấy, hỏi làm sao kịp? Đạo trời vàng vạc, chẳng hề sai suyển. Vì thế, tự nhiên có tam đồ, vô lượng khổ não, xoay vần trong ấy, đời đời bao kiếp, chẳng có thuở thoát ra, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói nổi. Đây là điều ác lớn thứ tư, sự đau thứ tư, sự đốt thứ tư, nhục nhân như thế đó. Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người. Ai có thể ở trong đó mà một dạ kiềm chế tâm ý, đoạn chánh thân hạnh, chỉ làm các điều thiện, chẳng làm các điều ác, thân riêng được độ thoát, đạt được phước đức, độ đời, thăng lên trời, đạt được đạo Niết Bàn. Đây là điều lành lớn thứ tư vậy).

“Phật ngôn: - Kỳ tứ ác giả” (Đức Phật nói: - Sự ác thứ tư là...), đối với loại ác pháp thứ tư, kinh văn nói rất rõ rệt. “Thế gian nhân dân, bất niệm tu thiện. Chuyển tương giáo lệnh, cộng vi chúng ác” (Nhân dân trong thế gian, chẳng nghĩ tu thiện, dạy bảo lẫn nhau, cùng làm các điều ác): Người trong thế gian đều là phạm phu, [sống nhằm thời] ngũ trược ác thế, được gọi là Chúng Sanh Trược. Chúng sanh ô trược, chẳng trong sạch. Mọi người không chỉ chẳng khuyên ta tu thiện, “ta khuyên người hãy tu thiện”, mà còn “người dạy ta làm ác, ta dạy người làm ác”. Do vậy, sanh vào thế giới Sa Bà khổ não như thế đó, ở cùng

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

một chỗ với kẻ ác. Trong phần trước, [đức Phật] đã khuyên dạy chúng ta: Các người sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều là các vị đại Bồ Tát, đều là bậc Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát, chư thượng thiện nhân tụ hội một chỗ, làm sao quý vị có thể làm ác cho được? Do sanh vào thế giới Sa Bà khổ não, mọi người “*chuyển tương giáo lệnh, cộng vi chúng ác*” (dạy bảo lẫn nhau, cùng làm các điều ác), dạy dỗ làm hết thầy chuyện ác.

Tiếp đó, kinh văn nói rõ sự ác thứ tư là vọng ngữ. “*Lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ý ngữ, sàm tặc đấu loạn, tăng tạt thiện nhân, bại hoại hiền minh, u báng khoái hỷ*” (Nói đôi chiều, nói thô ác, nói dối, nói thù dật, gièm báng hãm hại, xúi giục đấu đá, gây rối loạn, ganh ghét người lành, bại hoại bậc hiền minh, ở bên cạnh [trông thấy thiên hạ bị xúi giục mà rối ren] bèn vui sướng): Lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ý ngữ, bốn thứ ác nghiệp ấy đều được gọi gộp chung là “*vọng ngữ*”.

1) “*Lưỡng thiệt*” là từ ngữ hình dung, ý nói “*đâm thọc, nói đôi chiều*”, khuấy động thị phi, giống như trong một miệng sanh ra hai cái lưỡi. Phạm là kẻ phạm phải lưỡng thiệt, hại người nhất. Ví như trong gia đình của quý vị, nếu có một bằng hữu phạm lỗi lưỡng thiệt, gia đình ấy chẳng có thị phi, sẽ nảy sanh thị phi. Kẻ đó gặp cha bèn nói xấu về con, gặp con bèn nói xấu về cha. Kẻ đó gặp chồng bèn nói xấu vợ, gặp vợ bèn nói xấu chồng. [Do vậy], gia đình chẳng có chuyện sẽ nảy sanh chuyện! Trong tự viện, nếu có kẻ lưỡng thiệt như thế, trong tự viện cũng sẽ nảy sanh chuyện. Kẻ đó gặp thầy sẽ nói đồ đệ chửi thầy như thế này, như thế nọ, gặp đồ đệ sẽ nói “*su phụ của người nói người chẳng tốt như thế nào*”, khiến cho tình cảm thầy trò, tình cảm huynh đệ đều bị lật nhào, đều là do kẻ phạm tội lưỡng thiệt đã tạo khẩu nghiệp.

2) “*Ác khẩu*”: Thốt ra lời thương tổn người khác, hoặc là chửi bới người khác, hoặc là rêu rao những chuyện riêng của người khác. Người ta có khuyết điểm gì kẻ ấy đều biết. Thốt lời tổn thương người khác thì gọi là “*ác khẩu*”.

3) “*Vọng ngôn*” là nói lời chẳng thật.

4) “*Ý ngữ*” là nói lời chẳng chánh đáng.

Bốn loại này đều gọi là “*khẩu nghiệp*”. “*Sàm tặc đấu loạn*”: “*Tặc*” (賊) có nghĩa là “*hại*”. Kẻ đó nói lời sàm báng. Lời sàm báng gàn như đều là hại người khác. “*Đấu loạn*” (Gây rối ren) cảm tình của người khác. Đó là kẻ lưỡng thiệt.

“*Tăng tạt thiện nhân*” (Ghen ghét người lành): Do ghen ghét,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

ganh ty người lành, kẻ ấy sẽ nói lời xấu xa. “*Bại hoại hiền minh*”: Bậc hiền nhân có đức hiền minh, kẻ ấy muốn cho người ấy bị bại hoại. Điều này thuộc loại ác khẩu. “*U bàng khoái hỷ*” (Ở bên cạnh vui sướng): Đã hủy báng, làm hại người khác mà kẻ ấy còn ở bên cạnh rất vui sướng. “*Bất hiếu nhị thân, khinh mạn sư trưởng*” (Chẳng hiếu thảo với cha mẹ, khinh mạn sư trưởng): Kẻ ấy chẳng hiếu thuận với cha mẹ. Phàm là kẻ tạo khẩu nghiệp, quá nửa là chẳng hiếu thuận, đối với sư trưởng thì khinh mạn. “*Bằng hữu vô tín*” (Chẳng giữ chữ tín đối với bạn bè): Chẳng có sự đáng tin, chân thật [đối với bạn bè]. “*Nan đắc thành thật, tôn quý tự đại*” (Khó thể thành thật, tự cao tự đại mình là bậc tôn quý): Kẻ ấy tự khen ngợi chính mình, thích nói dối, làm sao thành thật cho nổi? Đã khó thể thành thật, kẻ ấy còn tự cho là mình tôn quý, tự cao tự đại. “*Vị kỷ hữu đạo*” (Nói mình có đạo đức): Thế mà vẫn nói dối, tự khoe chính mình có đạo đức. Do vậy, kẻ ấy có thể lực bèn “*hoành hành oai thế, xâm dịch ư nhân, bất năng tự tri*” (cậy vào oai thế mà hoành hành, xâm phạm, tổn hại người khác, mà chẳng thể tự biết): Suốt ngày từ sáng đến tối kẻ ấy tác oai tác thế, tận lực xâm phạm, làm hại kẻ khác, chính mình vẫn chẳng biết!

“*Vi ác vô si*” (Làm ác chẳng thẹn): Hằng ngày làm ác, vẫn chẳng cảm thấy hổ thẹn. “*Tự dĩ cường kiện, dục nhân kính nạn*” (Tự cậy mình khỏe mạnh, muốn kẻ khác kính sợ): Kẻ ấy cứ ngỡ [chính mình] rất mạnh mẽ, [cho nên] chẳng làm việc lành, cứ làm việc ác, [cứ tưởng làm như vậy thì] lẽ nào người khác chẳng tôn kính kẻ đó? Muốn cho người ta tôn kính hẳn rất khó, hẳn còn chẳng sợ trời sợ đất. “*Bất úy thiên, địa, thần minh, nhật, nguyệt, bất khảng tác thiện, nan khả hàng hóa*” (Chẳng sợ trời, đất, thần minh, mặt trời, mặt trăng, chẳng chịu làm lành, khó thể hàng phục, hóa độ): Ai muốn hàng phục, giáo hóa kẻ ấy, rất ư là khó! “*Tự dụng yển kiến*” (Ngạo mạn, kiêu căng): “*Yển kiến*” (偃蹇) là tự cao tự đại, hành xử theo cách nghĩ của riêng mình, muốn làm như thế nào bèn làm như thế ấy. Do vậy, cũng chẳng có cách nào giáo hóa kẻ ấy! “*Vị khả thường nhĩ*” [nghĩa là] kẻ ấy cho rằng những gì trong tâm chính mình nghĩ tưởng, sẽ “*thường nhĩ*”, [tức là] vĩnh viễn giống như thế ấy. Do đó, kẻ ấy ôm lòng “*vô sở ưu cụ, thường hoài kiêu mạn*” (chẳng lo rầu, kiêu sợ, thường mang lòng kiêu căng, ngạo mạn).

“*Như thị chúng ác, thiên thần ký thức*” (Các điều ác như thế, thiên thần ghi chép): Các điều ác trên đây, thiên thần đều ghi vào sổ sách. “*Lại kỳ tiên thế phả tác phước đức, tiểu thiện phù tiếp, doanh hộ*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

trợ chi” (Cậy vào đời trước đã tạo phước đức kha khá, có những điều lành nho nhỏ tiếp nối, giúp sức thêm cho): Kiếp trước, đời trước, kẻ ấy đã từng làm một tí chuyện tốt, có chút phước đức, nếu đời này làm một chút điều thiện để khéo tiếp nối, khéo giúp đỡ; thế nhưng “*kim thế vi ác*” (đời này làm ác), chẳng làm chuyện tốt lành, kiêu căng, ngã mạn, tự cho mình là tuyệt vời, tận lực làm chuyện ác. “*Phước đức tận diệt*” (Phước đức diệt sạch): Một tí phước đã vun bồi trong đời trước, kiếp trước đều bị kẻ ấy phá hủy tan tành. “*Chư thiện quý thần, các khứ ly chi*” (Các thiện quý thần đều rời đi): Do đời trước tu phước, có thiện thần, thiện quý đến nâng đỡ kẻ ấy, nay họ đều rời khỏi kẻ đó. “*Thân độc không lập*” (Một thân trơ trọi): Một người bảo hộ hẳn cũng chẳng có! “*Vô sở phục y*” (Chẳng có nơi nào để nương cậy nữa) chính là “*vô sở thị hồ*” (không nơi nương cậy) trong phần trước, chẳng có một ai để hẳn nương tựa!

Đoạn kinh văn này nói về kẻ tạo khẩu nghiệp, vẫn là kẻ có phước báo, lại nói kẻ ấy tự cao tự đại, lại nói kẻ ấy rất kiêu mạn, đều là do cậy vào phước báo của chính mình. Quý vị phải dùng phước để bồi đắp phước! Phước báo giống như chúng ta kinh doanh, đã có tiền vốn thì phải khéo kinh doanh. Kẻ ấy chẳng khéo kinh doanh, lại khiến cho mấy món tiền vốn đều bị cụt sạch, lại còn thuận theo cảnh mà tạo nghiệp, bỏ sạch phước báo, thiện thần đều lìa bỏ, chỉ còn trơ trọi một thân, há chẳng đọa lạc ư? “*Thọ mạng chung tận, chư ác sở quy. Tự nhiên bách xúc, cộng thú đoạt chi*” (Thọ mạng đã hết, các điều ác nhóm về. Tự nhiên thúc ép, cùng nhau đoạt lấy): Quý vị bỏ sạch phước báo, tận lực tạo ác nghiệp.

“*Thọ mạng chung tận, chư ác sở quy*” (Thọ mạng đã hết, các điều ác nhóm về): Các điều ác quay lại trên thân quý vị. “*Tự nhiên bách xúc, cộng thú đoạt chi*” (Tự nhiên thúc ép, cùng nhau đoạt lấy): Muốn đoạt mất sanh mạng của quý vị. “*Hựu kỳ danh tịch, ký tại thân minh*” (Lại còn tên tuổi đã ghi chép nơi thân mình): Vị thần minh biên chép thiện ác đã ghi tên quý vị vào trong sổ. “*Ung cửu khiên dẫn, đương vãng thú hướng*” (Ung họa lôi kéo, sẽ tiến nhập [chỗ thọ báo]): Tạo ung họa, tạo tội, nó sẽ lôi kéo quý vị phải đi theo phương hướng nào? “*Tội báo tự nhiên, vô tòng xả ly*” (Tội báo tự nhiên chưa hề lìa bỏ): Quý vị tạo tội, đáng mắc phải ác báo. Đây là lẽ tự nhiên, quý vị muốn lìa bỏ cũng chẳng lìa bỏ được! “*Đản đắc hành tiền, nhập u hỏa hoạch*” (Chỉ đành tiến bước, vào trong vạc lửa): Quý vị tạo đại ác nghiệp, đọa vào địa ngục, đọa vào Hỏa Thang Lô Thán địa ngục, đọa

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

trong Du Oa địa ngục. “*Hoạch*” (鑊) là một cái vạc lớn.

“*Thân tâm tôi toái, tinh thần thống khổ*” (Thân tâm vỡ nát, tinh thần đau khổ): Cho đến khi ấy, thân lẫn tâm của quý vị đều vỡ vụn, tinh thần đau khổ. “*Đương tư chi thời, hồi phục hà cấp*” (Ngay trong khi ấy, hồi hận sao kịp): Chờ đến khi quý vị đọa vào địa ngục, [quỷ sứ] sẽ dùng nồi dầu chiên quý vị, quý vị mới hồi hận, há còn kịp chăng? “*Thiên đạo quỳnh nhiên, bất đắc tha dật*” (Đạo trời vắng vặc, chẳng hề sai sảy): “*Thiên đạo*” là đạo nhân quả báo ứng. “*Quỳnh nhiên*” (罔然) là rất rõ rệt. “*Bất đắc tha điệt*”: “*Tha điệt*” (蹉跌) nên hiểu là “*sai thất*” (差失, sai lầm), [ý nói] nhân quả báo ứng chẳng sai sảy mấy may, chẳng thể làm lộn. “*Cố hữu tự nhiên tam đồ, vô lượng khổ não*” (Vì thế, tự nhiên có tam đồ, vô lượng khổ não): Tự nhiên là quý vị sẽ đọa vào trong ba ác đạo, hứng chịu vô lượng khổ não.

“*Triển chuyển kỳ trung, thế thế lũy kiếp, vô hữu xuất kỳ, nan đắc giải thoát, thống bất khả ngôn. Thị vi tứ đại ác, tứ thống, tứ thiêu, cần khổ như thị. Thí như đại hỏa phân thiêu nhân thân, nhân năng u trung nhất tâm chế ý, đoan thân chánh hạnh, độc tác chư thiện, bất vi chúng ác, thân độc độ thoát, hoạch kỳ phước đức, độ thế thượng thiên, Nê Hoàn chi đạo, thị vi tứ đại thiện dã*” (Xoay vùn trong ấy, đời đời bao kiếp, chẳng có thở thoát ra, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói nổi. Đây là sự ác lớn thứ tư, sự đau thứ tư, sự đốt thứ tư, nhọc nhằn như thế. Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người. Ai có thể ở trong ấy mà một lòng kiềm chế tâm ý, đoan thân chánh hạnh, chỉ làm các điều lành, chẳng làm các điều ác, thân được độ thoát, đạt được phước đức, độ đời, thăng lên cõi trời, đắc đạo Niết Bàn. Đây là điều lành lớn thứ tư).

Đây là đức Phật khuyên răn chúng ta, kinh văn giống như trong phần trước. Loại ác thứ tư là ác khẩu. Khẩu nghiệp rất khó ngăn ngừa, vì môi trên và môi dưới hễ chập vào nhau sẽ thốt thành lời; hễ chẳng chú tâm, sẽ tạo khẩu nghiệp. Vì thế, khẩu nghiệp rất khó ngăn ngừa, cần phải dụng công tu hành. Cô nhân nói: “*Thiếu thuyết nhất cú thoại, đa niệm nhất cú Phật*” (Nói ít một câu chuyện, niệm nhiều một câu Phật). Tốt nhất là ít nói. Nói nhiều, lắm lời, ắt sẽ sai sót, có thể là chính mình tạo khẩu nghiệp mà chính mình vẫn chẳng biết. Tạo khẩu nghiệp là kẻ miệng lưỡi lanh lợi, chứ kẻ ăn nói vụng về, sẽ chẳng đặt điều, sẽ chẳng thốt ra lắm lời bậy bạ dường ấy. Ở đây, [kinh văn] chẳng nhằm nói về kẻ không biết ăn nói, mà là toàn nói về những lời ăn tiếng nói tạo thành khẩu nghiệp. Vậy thì quý vị phải nên phản tỉnh: Khéo ăn nói

thì quý vị học giảng kinh sẽ tốt đẹp. Giảng kinh là học lời đức Phật nói, những lời tốt đẹp trong thế gian đức Phật đã nói hết cả rồi! Những lời đức Phật nói ra, hoàn toàn là những lời tốt lành. Học giảng kinh là học lời ăn tiếng nói của đức Phật, chắc chắn chẳng phải là tạo khẩu nghiệp, lại còn là tích khẩu đức, tích đại đức.

2.2.3.3.2.3.2.5. Điều ác do uống rượu

(Kinh) Phật ngôn: - Kỳ ngũ ác giả, thế gian nhân dân, tử ý giải nọa, bất khảng tác thiện, trị thân tu nghiệp. Gia thất quyến thuộc, cơ hàn khốn khổ. Phụ mẫu giáo hối, sân mục nộ ứng. Ngôn lệnh bất hòa, vi lệ phản nghịch. Thí như oán gia, bất như vô tử. Thủ dữ vô tiết, chúng cộng hoạn yếm. Phụ ân vi nghĩa, vô hữu báo thường chi tâm. Bần cùng khốn pháp, bất năng phục đắc. Cô giáo túng đoạt, phóng tử du tán, quán số đường đắc, dụng tự chẩn cấp. Đam tửu thị mỹ, ẩm thực vô độ. Tứ tâm dăng dật, lỗ hồ để đột. Bất thức nhân tình, cưỡng dục ức chế. Kiến nhân hữu thiện, đồ tất ố chi. Vô nghĩa, vô lễ, vô sở cổ nạn, tự dụng thức đáng, bất khả gián hiểu. Lục thân quyến thuộc, sở tư hữu vô, bất năng ưu niệm. Bất duy phụ mẫu chi ân, bất tôn sư hữu chi nghĩa. Tâm thường niệm ác, khẩu thường ngôn ác, thân thường hành ác, tăng vô nhất thiện. Bất tín tiên thánh, chư Phật kinh pháp, bất tín hành đạo khả đắc độ thế, bất tín tử hậu thần minh cánh sanh, bất tín tác thiện đắc thiện, vi ác đắc ác. Dục sát chân nhân, đấu loạn chúng tăng. Dục hại phụ mẫu, huynh đệ, quyến thuộc. Lục thân tăng ố, nguyện linh kỳ tử. Như thị thể nhân, tâm ý câu nhiên. Ngu si mông muội, nhi tự dĩ trí huệ. Bất tri sanh sở tùng lai, tử sở thú hướng. Bất nhân bất thuận, ác nghịch thiên địa, nhi ư kỳ trung, hy vọng kiêu hãnh. Dục cầu trường sanh, hội đương quy tử. Từ tâm giáo hối, linh kỳ niệm thiện. Khai thị sanh tử thiện ác chi thú, tự nhiên hữu thị, nhi bất khảng tín chi. Khổ tâm dữ ngữ, vô ích kỳ nhân, tâm trung bế tắc, ý bất khai giải, đại mạng tương chung, hối cụ giao chí. Bất dự tu thiện, lâm cùng phương hối. Hối chi ư hậu, tương hà cập hồ? Thiên địa chi gian, ngũ đạo phân minh, khôi khoách yếu minh, hạo hạo mang mang. Thiện ác báo ứng, họa phước tương thừa, thân tự đương chi, vô thù đại giả. Số chi tự nhiên, ứng kỳ sở hành, ương cứu truy mạng, vô đắc túng xả. Thiện nhân hành thiện, từng lạc nhập lạc, từng minh nhập minh. Ác nhân hành ác, từng khổ nhập khổ, từng minh nhập minh, thù năng tri

giả? Độc Phật tri nhĩ. Giáo ngữ khai thị, tín dụng giả thiếu, sanh tử bất hưu, ác đạo bất tuyệt. Như thị thể nhân nan khả cụ tận. Cố hữu tự nhiên tam đồ, vô lượng khổ não. Triển chuyển kỳ trung, thế thế lũy kiếp, vô hữu xuất kỳ, nan đắc giải thoát, thống bất khả ngôn. Thị vi ngũ đại ác, ngũ thông, ngũ thiêu, cần khổ như thị. Thí như đại hỏa phần thiêu nhân thân, nhân năng u trung nhất tâm chế ý, đoan thân chánh niệm, ngôn hạnh tương phó, sở tác chí thành, sở ngữ như ngữ, tâm khẩu bất chuyển, độc tác chư thiện, bất vi chúng ác, thân độc độ thoát, hoạch kỳ phước đức, độ thế, thượng thiên, Nê Hoàn chi đạo, thị vi ngũ đại thiện dã.

(經)佛言：其五惡者，世間人民，徙倚懈惰，不肯作善，治身修業。家室眷屬，飢寒困苦。父母教誨，瞋目怒應。言令不和，違戾反逆。譬如怨家，不如無子。取與無節，眾共患厭。負恩違義，無有報償之心。貧窮困乏，不能復得。辜較縱奪，放恣遊散。串數唐得，用自賑給。耽酒嗜美，飲食無度。肆心蕩逸，魯扈抵突。不識人情，強欲抑制。見人有善，妬嫉惡之。無義無禮，無所顧難，自用識當，不可諫曉。六親眷屬，所資有無，不能憂念。不惟父母之恩，不存師友之義。心常念惡，口常言惡，身常行惡，曾無一善。不信先聖諸佛經法，不信行道可得度世，不信死後神明更生。不信作善得善，為惡得惡。欲殺真人，鬪亂眾僧。欲害父母兄弟眷屬。六親憎惡，願令其死。如是世人，心意俱然。愚癡蒙昧，而自以智慧。不知生所從來，死所趣向。不仁不順，惡逆天地。而於其中，悋望僥倖。欲求長生，會當歸死。慈心教誨，令其念善。開示生死善惡之趣，自然有是，而不肯信之。苦心與語，無益其人，心中閉塞，意不開解。大命將終，悔懼交至。不豫修善，臨窮方悔。悔之於後，將何及乎？天地之間，五道分明，恢廓窈冥，浩浩茫茫。善惡報應，禍福相承。身自當之，無誰代者。數之自然，應期所行，殃咎追命，無得從捨。善人行善，從樂入樂，從明入明。惡人行惡，從

苦入苦，從冥入冥。誰能知者？獨佛知耳。教語開示，信用者少。生死不休，惡道不絕。如是世人，難可具盡。故有自然三塗，無量苦惱。展轉其中，世世累劫，無有出期，難得解脫，痛不可言。是為五大惡五痛五燒，勤苦如是。譬如大火焚燒人身，人能於中一心制意，端身正念，言行相副，所作至誠，所語如語，心口不轉，獨作諸善，不為眾惡，身獨度脫，獲其福德度世上天泥洹之道，是為五大善也。

(Kinh: Đức Phật nói: - Sự ác thứ năm là nhân dân trong thế gian, lẩn chần, biếng nhác, chẳng chịu làm lành, tu sửa cái thân, tu tập thiện nghiệp. Vợ con, quyến thuộc, đói rét, khôn khéo. Cha mẹ răn bảo bèn trừng mắt, giận dữ đáp trả. Ăn nói chẳng hòa nhã, trái nghịch, hung hăng, chống đối, ví như oán gia, chẳng bằng không có con! Tiêu xài chẳng có chừng mực, mọi người đều lo rầu, chán ngán. Phụ ân bội nghĩa, chẳng có tâm báo đáp. Nghèo cùng, thiếu hụt, chẳng thể có tiền tài trở lại được! Tạo tội hiển nhiên, phóng túng chiếm đoạt, buông tuồng, phiêu dăng, quen thói đoạt ngang để tự tiêu dùng. Mê rượu, ham vị ngon, ăn uống vô độ. Mặc tình phóng dăng, buông lung, ngu độn, thô lỗ, ương bướng, chẳng biết tình người, [chẳng biết] chế ngự những ham muốn mạnh mẽ. Thấy người khác có điều thiện bèn ganh tỵ, ghét bỏ. Vô nghĩa, vô lễ, chẳng quan tâm hậu quả, tự tiện hành xử theo ý mình, cứ cho như vậy là thích đáng, chẳng thể can gián, khuyên nhủ. Lục thân quyến thuộc có cái để chi dụng hay không, chẳng hề lo nghĩ. Chẳng nhớ tới ân cha mẹ, chẳng màng đạo nghĩa thầy bạn. Tâm thường nghĩ chuyện ác, miệng thường nói lời ác, thân thường làm ác, chưa hề có một điều thiện nào. Chẳng tin kinh pháp của những bậc thánh hiền thuở trước và chư Phật. Chẳng tin hành đạo sẽ có thể độ đời. Chẳng tin sau khi chết thân hồn sẽ tái sanh. Chẳng tin làm lành sẽ được quả lành, làm ác mắc quả ác. Muốn giết bậc chân nhân, gây rối chúng tăng. Muốn hại cha mẹ, anh em, quyến thuộc. Lục thân ghét bỏ, mong kẻ ấy chết phứt đi. Người đời là như thế đó, tâm ý đều là như vậy. Ngu si, tầm tối, mà cứ nghĩ mình có trí huệ. Chẳng biết sanh từ đâu đến, chết sẽ hướng về đâu, bất nhân, bất thuận, ác nghịch trời đất, thế mà ở trong ấy (sống trong vòng trời đất) vẫn mong mỗi gặp may. Muốn cầu sống lâu, rồi cũng phải chết. [Bậc tri thức] từ tâm khuyên răn,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

mong cho kẻ ấy tu thiện, khai thị đường sanh tử thiện ác, tự nhiên có đạo lý ấy, nhưng [kẻ ấy] chẳng chịu tin. Khó tâm bảo ban, chẳng có ích gì cho kẻ đó. Trong tâm bé tắc, ý chẳng hiểu biết, tử vong sắp đến, hối hận lo sợ lẫn lộn. Chẳng tu thiện sẵn, đến bước đường cùng mới hối. Hối hận thì há có kịp chẳng? Trong vòng trời đất, năm đường phân minh, rộng lớn, mịt mờ, bát ngát, mênh mông. Thiện ác báo ứng, họa phước nương nhau, thân tự gánh chịu, chẳng ai thay cho! Chiếu theo lẽ tự nhiên, [quả báo] ứng hợp với những gì đã làm, họa ương theo sát cái mạng, chẳng hề bỏ lia. Người lành làm lành, từ lạc vào lạc, từ sáng vào sáng. Kẻ ác hành ác, từ khổ vào khổ, từ tối vào tối, ai có thể biết? Riêng mình Phật biết! Dạy bảo, khai thị, kẻ tin tưởng, hành theo thì ít. Sanh tử chẳng ngơi, ác đạo chẳng dứt. Người đời như thế đó, khó thể nói trọn. Vì thế, tự nhiên có tam đồ, vô lượng khổ não, xoay vần trong đó, đời đời bao kiếp, chẳng có thuở ra, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói nổi. Đây là sự ác lớn thứ năm, sự đau thứ năm, sự đốt thứ năm, nhọc nhằn như thế đó. Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người. Ai có thể ở trong ấy, một dạ kiềm chế tâm ý, đoan thân, chánh niệm, lời nói và hành vi phù hợp nhau, hành xử chí thành, nói lời đúng thật, tâm và miệng chẳng sai chạy, chỉ làm các điều lành, chẳng làm các điều ác, thân riêng được độ thoát, đạt được phước đức, độ đời, thăng lên cõi trời, đắc đạo Niết Bàn. Đây là điều lành lớn thứ năm vậy).

“Phật ngôn: - Kỳ ngữ ác giả” (Đức Phật nói: - Sự ác thứ năm là...): Loại ác pháp thứ năm chính là uống rượu. “Thế gian nhân dân, tỳ ý, giải nọa, bất khăng tác thiện, trị thân tu nghiệp. Gia thất quuyến thuộc, cơ hàn khốn khổ. Phụ mẫu giáo hối, sân mục nộ ứng, ngôn lệnh bất hòa, vi lệ phản nghịch” (Nhân dân trong thế gian, lãn chân, biếng nhác, chẳng chịu làm lành, tu sửa cái thân, tu tập thiện nghiệp. Vợ con, quuyến thuộc, đói rét khốn khổ. Cha mẹ răn bảo, bèn trừng mắt, giận dữ đáp trả. Ăn nói chẳng hòa nhã, trái nghịch, hung hăng, chống đối): Đây là trước hết nói về kẻ uống rượu. Căn bản là kẻ tánh tình thối nát, [đã là] kẻ ham uống rượu, còn là kẻ chây lười, biếng nhác. Trong “thế gian nhân dân”, kẻ ấy là một gã ham chè chén, là dạng người như thế nào? “Tỳ ý giải nọa” (徙倚懈惰): Chây lười, biếng nhác. “Bất khăng tác thiện” (Chẳng chịu làm lành): Dạy kẻ ấy làm chuyện tốt, kẻ ấy chẳng làm, cũng chẳng chịu “trị thân tu nghiệp” (tu sửa cái thân, tu tập thiện nghiệp): Đối trị thân mình, tu nghiệp của chính mình, kẻ ấy chẳng làm

thiện nghiệp.

“*Gia thất quyền thuộc, cơ hàn khôn khổ*” (Gia đình, quyền thuộc, đói rét khôn khổ), kẻ ấy vẫn chẳng màng, cũng không đoái hoài tới. “*Phụ mẫu giáo hối*” (Cha mẹ răn dạy) kẻ đó, kẻ đó sẽ “*sân mục nộ ửng*” (trừng mắt, giận dữ đáp trả). “*Sân mục*” (瞋目) là hai mắt trợn trừng thật lớn, [“*nộ ửng*” là] dùng giọng điệu tức giận để đáp lời cha mẹ. “*Ngôn lệnh bất hòa*” (Nói năng chẳng hòa nhã): Lời nói hoàn toàn chẳng có một tí hòa khí nào! “*Vi lệ phản nghịch*” [nghĩa là] chống trái cha mẹ, hung bạo, ngỗ nghịch, tánh tình rất phản loạn. “*Thí như oán gia, bất như vô tử*” (Ví như oán gia, chẳng bằng không có con): Đứa con hư đốn ấy đối với cha mẹ giống như oan gia. Sinh ra đứa con hư hỏng này, còn chẳng bằng không có con! “*Thủ dữ vô tiền*” (Vòi tiền, tiêu xài chẳng có chừng mực): Kẻ ấy tiêu xài chẳng có chừng mực. Chẳng có tiền bèn vòi tiền cha mẹ. Đây là Thủ. Hoặc là vòi tiền từ anh, em, hoặc vợ, chẳng có một chút chừng mực nào! “*Chúng cộng hoạn yém*” (Mọi người đều cùng lo rầu, chán ngán): Mọi người trong gia đình đều buồn rầu vì hấn, chẳng có một ai không chán ghét hấn. “*Phụ ân vi nghĩa, vô hữu báo thường chi tâm*” (Bội ân phụ nghĩa, chẳng có tâm báo đáp): Cha mẹ có ân, có nghĩa đối với chúng ta, [thế mà] kẻ đó trái nghịch ân nghĩa của cha mẹ, chẳng có ý nghĩ đền đáp. Làm sao trọn hết hiếu đạo cho được? Kẻ ấy chẳng có cái tâm đó!

“*Bần cùng khôn phạp, bất khả phục đắc*” (Nghèo nàn, cùng quẫn, thiếu thốn, [tiền của đã hoang phí hết sạch rồi], chẳng thể có lại được): Sinh phải đứa con xấu xa như vậy, chẳng thể kiếm tiền, chỉ xài tiền. Nó tiêu xài khiến nhà ấy bần cùng, thiếu hụt, vẫn cứ muốn được tiền mà chẳng được. Trong nhà chẳng có tiền thì sống bằng cách nào? Do vậy, “*cô giáo túng đoạt, phóng tứ du tán. Quán số đường đắc, dụng tự chân cấp*” (tạo tội hiển nhiên, phóng túng chiếm đoạt, buông tuồng, phiêu đảng, quen thói đoạt ngang để tự tiêu dùng)⁴⁷: “*Cô giáo túng đoạt*”: Nếu có thể cướp đoạt đôi chút tiền, kẻ ấy liền cướp đoạt. “*Phóng tứ du tán*”: Mặc tình buông lung, la cà, lười nhác. “*Quán số đường đắc*” (Quen thói chẳng tốn công sức mà đoạt được tài vật): Chữ Quán (串) đọc là (串又弓, Kuàn), tức là chữ Quán (慣) trong Tập Quán

⁴⁷ Theo ông Từ Tinh Dân giảng giải, chữ Cô phải hiểu là Tội; Giáo là hiển nhiên; Túng là phóng túng; Đoạt là cướp đoạt. Ý nói kẻ ấy vì túng thiếu, tạo tội công khai, chẳng màng che giấu, hễ cướp đoạt, ăn chẹn được, bèn mặc tình làm, chẳng màng dư luận đàm tiếu.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

(*thói quen*). “*Quán số*” là lần này sang lần khác, kẻ ấy quen thói ngang ngược đạt được tài vật, [nghĩa là] không phí tiền vốn, chẳng tốn công sức mà có thể đạt được! “*Dụng tự chân cấp*” (Để tự tiêu dùng), hòng chính mình có thể sống sót.

“*Đam tửu thị mỹ, ẩm thực vô độ*” (Mê rượu, ham vị ngon, ăn uống vô độ): Tới đây mới nói đến “*ác thị*” (嗜, thú đam mê xấu), tức là thói xấu rượu chè, ham mê nhậu nhẹt. “*Thị mỹ*” (嗜美) là thích uống rượu, thích ăn những món ngon, ăn uống chẳng có chừng mực. “*Tứ tâm đăng dật*” (Mặc tình phóng dăng, buông lung), Tứ (肆) là làm càn, cái tâm phóng dăng. “*Lỗ hồ để đột*”: “*Lỗ hồ*” (魯扈) là rất thô bạo, “*để đột*” (抵突) là kẻ đó nói những lời chói tai. Người khác khuyên bảo hấn, hấn liền gây lộn với người ta. “*Bất thức nhân tình*” (Chẳng biết tình người): Một tí cư xử cho đúng tình người cũng không biết! “*Cưỡng dục ức chế*”: Chẳng thể ức chế [những ham muốn] được! “*Kiến nhân hữu thiện, đố tạt ó chi*” (Thấy người khác có điều lành bèn ganh tỵ, ghét bỏ): Kẻ đó còn thấy người khác làm chuyện lành liền dấy lòng ganh tỵ, khởi tâm ghét bỏ. “*Vô nghĩa vô lễ, vô sở cố nạn*” (Vô nghĩa, vô lễ, chẳng quan tâm tới hậu quả): Chẳng có một tí nhân, nghĩa, lễ, trí, tín nào, thấy đều chẳng thèm nhắc tới, chẳng buồn quan tâm tới! “*Tự dụng thức đương*” (Tự làm những gì mình thích, luôn nghĩ mình đúng): Hành xử tùy tiện theo ý nghĩ. Kẻ ấy tự cho những chuyện mình đã làm rất thích đáng. “*Bất khả gián hiểu*” (Chẳng thể can gián, khuyên nhủ): Muốn khuyên lơn, can gián kẻ ấy, hoàn toàn chẳng thể được!

“*Lục thân quyền thuộc, sở tư hữu vô, bất năng ưu niệm*” (Lục thân quyền thuộc có cái để chi dụng hay không, [kẻ ấy] chẳng hề lo nghĩ): Trước nay kẻ đó chẳng hề hỏi tới lục thân⁴⁸ quyền thuộc, người nhà có [đủ sống] hay không? Kẻ ấy chẳng buồn quan tâm! “*Bất duy phụ mẫu chi ân, bất tôn sư hữu chi nghĩa*” (Chẳng nghĩ tới ân cha mẹ, chẳng màng đạo nghĩa thầy bạn): Kẻ ấy chẳng nghĩ báo đáp ân cha mẹ, nên nói là “*bất duy*”. Nghĩa thầy bạn kẻ đó chẳng để trong lòng! “*Tâm*

⁴⁸ Lục thân: Thường dịch là “sáu họ”, tức những người có mối quan hệ huyết thống hay sui gia gần hay xa với chúng ta. Có nhiều cách giải thích, thông thường nhất, lục thân được hiểu như sau:

1. Cha mẹ, anh em, vợ con.
2. Cha mẹ, anh em, vợ chồng.
3. Cha con, anh em ruột, anh em của cha, anh em của ông nội, anh em của ông cố, anh em cùng họ.
4. Cha con, anh em, chị em, cháu (con của anh chị em mình), dâu rể, thông gia.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thường niệm ác, khẩu thường ngôn ác, thân thường hành ác” (Tâm thường nghĩ điều ác, miệng thường thốt lời ác, thân thường làm chuyện ác): Thân, khẩu, ý đều biến thành ác pháp. Tâm là ý, thường xuyên nghĩ đến ác pháp, miệng thường xuyên thốt lời xấu xa, thân thể thường xuyên làm chuyện ác. *“Tăng vô nhất thiện”* (Chưa hề có một điều lành): Một chuyện thiện cũng chẳng làm! *“Bất tín tiên thánh chư Phật kinh pháp, bất tín hành đạo khả đắc độ thế, bất tín tử hậu thân minh cánh sanh”* (Chẳng tin kinh pháp của tiên thánh (先聖, các bậc cổ thánh tiên hiền), chư Phật, chẳng tin tu đạo sẽ có thể hóa độ cõi đời, chẳng tin chết rồi thân thức sẽ tái sanh): [Nghe thiện tri thức] nói còn có đời sau, đời kế, kẻ đó chẳng tin.

“Bất tín tác thiện đắc thiện, vi ác đắc ác” (Chẳng tin làm lành được quả lành, làm ác bị quả ác): Nhân quả báo ứng thay đều chẳng tin tưởng. *“Dục sát chân nhân”* (Muốn giết bậc chân nhân): Kẻ ấy còn tạo đại tội Ngũ Nghịch. *“Chân nhân”* là thánh nhân. Quý vị nói xem, quý vị đã đắc đạo, chúng A La Hán, kẻ đó còn muốn giết quý vị! *“Đấu loạn chúng tăng”* (Gây rối chúng Tăng) là phá hòa hợp Tăng. *“Dục hại phụ mẫu, huynh đệ, quyến thuộc”* (Muốn hại cha mẹ, anh em, quyến thuộc): Cha mẹ của chính mình mà kẻ đó đều dám giết, đây là trọng tội Ngũ Nghịch. *“Lục thân tắng ó”* (Lục thân ghét bỏ): Lục thân thay đều căm ghét kẻ đó. *“Nguyện linh kỳ tử”* (Mong cho kẻ ấy chết phứt đi): Ai nấy đều mong mỗi kẻ đó chết phứt cho lẹ, kẻ ấy ác đến tội bậc! *“Như thị thế nhân”* [nghĩa là] người trong cõi đời như thế đó, *“tâm ý câu nhiên”* (tâm ý đều như vậy đấy), tâm ý hò ò. *“Ngu si mông muội”*: Ngu độn, si ám, tăm tối, chẳng hiểu sự lý. *“Nhi tự dĩ trí huệ”* (Nhưng tự cho là có trí huệ): Thế mà kẻ ấy tự cho là chính mình có trí huệ.

“Bất tri sanh sở tùng lai, tử sở thú hướng” [nghĩa] là chẳng biết sanh từ nơi nào đến, cũng chẳng biết chết rồi sẽ đi về đâu, kẻ ấy thay đều chẳng quan tâm những chuyện này! *“Bất nhân, bất thuận, ác nghịch thiên địa. Nhi ư kỳ trung, hy vọng kiêu hãnh”* (Bất nhân, bất thuận, ác nghịch trời đất, nhưng ở trong ấy vẫn mong cầu may mắn), vẫn *“dục cầu trường sanh”* (mong muốn trường sanh), kẻ ấy vẫn mong sống thêm mấy năm nữa! *“Hội đương quy tử”* (Rồi sẽ phải chết): Ngay lập tức sẽ chết mà kẻ ấy vẫn chẳng biết, vẫn cứ mong sống thêm mấy năm. *“Từ tâm giáo hối, linh kỳ niệm thiện”* ([Thiện tri thức] từ tâm dạy bảo, khuyên nhủ, khiến cho kẻ ấy nghĩ đến điều lành): Nếu một vị thiện tri thức trông thấy kẻ ấy do làm ác, sẽ phải đọa địa ngục, bèn phát tâm từ bi giáo huấn kẻ đó, khuyên kẻ đó hãy nghĩ đến thiện pháp. *“Khai thị*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

sanh tử, thiện ác chi thú, tự nhiên hữu thị” (Khai thị đường sanh tử thiện ác, tự nhiên có đạo lý ấy): Quý vị đừng nên làm ác, làm ác thì nhất định phải đọa vào địa ngục. Quý vị hãy nên làm việc thiện, tự nhiên là có thể thăng lên cõi trời. “*Nhi bất khẳng tín chi*” (Nhưng kẻ ấy chẳng chịu tin tưởng): Khó thể khuyên răn, can gián kẻ ấy. Kẻ ấy tuyệt đối chẳng tin tưởng! “*Khổ tâm dữ ngữ, vô ích kỳ nhân*” (Khổ tâm bảo ban, vô ích đối với kẻ ấy): Quý vị rất khổ tâm, bảo ban, khuyên dạy, mà chẳng tạo lợi ích cho kẻ ấy. “*Tâm trung bế tắc, ý bất khai giải*” (Trong tâm bế tắc, ý chẳng thông hiểu): Trong tâm kẻ ấy bế tắc, chẳng biết cư xử, phán đoán theo kiểu nào! Quý vị khơi mở cho kẻ ấy kiểu nào đi nữa, vẫn chẳng khơi gọi, cởi gỡ được!

“*Đại mạng tương chung*” nghĩa là thọ mạng sắp hết, “*hối cụ giao chi*” (hối hận và sợ hãi xen lẫn): Khi ấy sợ hãi, tương địa ngục hiện tiền. “*Giao chi*” (交至, chen nhau đưa tới): Hối hận lẫn sợ hãi. “*Bất dự tu thiện, lâm cùng phương hối, hối chi u hậu, tương hà cập hò?*” (Chẳng tu thiện sẵn, đến bước đường cùng mới hối, đã hối hận rồi, há còn kịp chẳng?): Quý vị chẳng tu thiện sẵn, đợi đến khi quý vị mạng chung mới hối hận, sau rồi mới hối, dẫu hối hận có kịp hay chẳng? “*Thiên địa chi gian, ngũ đạo phân minh*” (Trong vòng trời đất, năm đường phân minh): Thiên đạo, nhân đạo, và ba ác đạo rất phân minh. “*Khôi khoách yếu minh, họa họa mang mang*” (Thênh thang, mờ mịt, bát ngát, mênh mông): Rộng lớn không bờ, chẳng có ngăn mé. “*Thiện ác báo ứng, họa phước tương thừa*” (Thiện ác báo ứng, họa phước tiếp nối): Quý vị làm thiện, làm ác, báo ứng chẳng sai tí nào, họa hay phước do chính mình gánh vác. “*Thân tự đương chi, vô thù đại giả*” (Tự mình gánh vác, không ai chịu thay): Chính quý vị gánh vác, không ai có thể thay quý vị chịu báo. “*Số chi tự nhiên, ứng kỳ sở hành*” (Thuận theo tự nhiên, [quả báo] tương ứng với những gì đã làm): Chiếu theo cách tính toán này, quý vị tạo cái nhân gì, sẽ được cái quả đó. Đây là tự nhiên. “*Uơng cứu truy mạng, vô đắc tủng xả*” (Uơng họa đuổi theo mạng, chẳng hề lìa bỏ): Quý vị gây tạo họa uơng, tạo tội, chúng nó sẽ ruồi theo sanh mạng của quý vị, quý vị chẳng lìa bỏ được.

“*Thiện nhân hành thiện, từng lạc nhập lạc, từng minh nhập minh*” (Người lành làm lành, từ vui vào vui, từ sáng vào sáng): Người lành đã làm thiện sự, họ từ chỗ vui sướng đi vào chỗ vui sướng, từ quang minh tiến nhập quang minh. “*Ác nhân hành ác, từng khổ nhập khổ, từng minh nhập minh, thù năng tri giả? Độc Phật tri nhĩ*” (Kẻ ác làm ác, từ khổ vào khổ, từ tối vào tối, ai có thể biết? Chỉ riêng Phật

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

biết): Ai cũng chẳng biết, chỉ có Phật biết mà thôi! Do Phật biết bèn “*giáo ngữ khai thị, tín dụng giả thiếu*” (dạy bảo, khai thị; kẻ tin tưởng, hành theo thì ít): Chúng ta hãy nên tin tưởng, ngưỡng mộ Phật, nhưng người tin tưởng, hành theo thì ít, cho nên “*sanh tử bất hưu, ác đạo bất tuyệt*” (sanh tử chẳng ngơi, ác đạo chẳng dứt). Vì chẳng tin tưởng Phật pháp, sanh tử chẳng thể ngưng dứt, ác đạo vĩnh viễn chẳng thể đoạn tuyệt!

“*Như thị thế nhân, nan khả cụ tận*” (Người đời như thế, chẳng thể nói trọn): Kẻ như vậy nói chẳng xong, nói chẳng trọn hết được! “*Cố hữu tự nhiên tam đồ, vô lượng khổ não, triển chuyển kỳ trung, thế thế lũy kiếp, vô hữu xuất kỳ, nan đắc giải thoát, thống bất khả ngôn. Thị vi ngũ đại ác, ngũ thống, ngũ thiêu, cần khổ như thị. Thí như đại hỏa phân thiêu nhân thân. Nhân năng ư trung nhất tâm chế ý, đoạn thân chánh niệm, ngôn hạnh tương phó*” (Vì thế, tự nhiên có tam đồ, vô lượng khổ não, xoay vần trong ấy, đời đời bao kiếp, chẳng có thõ ra, khó được giải thoát, đau đớn chẳng thể nói nổi. Đây là sự ác lớn thứ năm, sự đau thứ năm, sự đốt thứ năm. Ví như lửa lớn thiêu đốt thân người, ai có thể ở trong ấy một dạ kiềm chế tâm ý, đoạn thân chánh niệm, lời nói và việc làm phù hợp). So với đoạn văn trước, đoạn này thay đổi một vài chữ: Đoạn nghiêm cái thân, chánh đáng tâm niệm, tất cả ngôn ngữ và hành vi của quý vị phải phù hợp với nhau. “*Sở tác chí thành*” (Việc làm chí thành), đừng nên lừa gạt kẻ khác. “*Sở ngữ như ngữ*” (Nói những lời đúng thật), những lời quý vị nói ra hoàn toàn là lời thành thật. “*Tâm khẩu bất chuyển*” (Tâm và miệng đừng sai chạy), tâm và miệng đừng biến đổi [sai khác]. “*Độc tác chư thiện, bất vi chúng ác, thân độc độ thoát, hoạch kỳ phước đức, độ thế thượng thiên, Nê Hoàn chi đạo, thị vi ngũ đại thiện dã*” (Chỉ làm các điều lành, chẳng làm các điều ác, thân riêng được độ thoát, đạt được phước đức, độ đời, thăng lên cõi trời, đắc đạo Niết Bàn. Đây là điều thiện lớn thứ năm vậy).

2.2.3.3.2.3.3. Nhắc lại [những điều vừa nói] để biện định chung

(Kinh) Phật cáo Di Lạc: - Ngô ngữ như đặng, thị thế ngũ ác, cần khổ nhược thử. Ngũ thống, ngũ thiêu, triển chuyển tương sanh, đản tác chúng ác, bất tu thiện bản, giai tất tự nhiên nhập chư ác thú. Hoặc kỳ kim thế tiên bị vương bệnh, cầu tử bất đắc, cầu sanh bất đắc, tội ác sở chiêu, thị chúng kiến chi. Thân tử tùy hành, nhập tam ác

đạo, khổ độc vô lượng, tự tương tiêu nhiên. Chí kỳ cứu hậu, cộng tác oán kết, từng tiểu vi khởi, toại thành đại ác, giai do tham trước tài sắc, bất năng thí huệ. Si dục sở bách, tùy tâm tư tưởng, phiền não kết phược, vô hữu giải dĩ. Hậu kỹ tranh lợi, vô sở tỉnh lục. Phú quý vinh hoa, đương thời khoái ý, bất năng nhân nhục, bất vụ tu thiện. Oai thế vô kỹ, tùy dĩ ma diệt, thân tọa lao khổ, cứu hậu đại kịch. Thiên đạo thử trương, tự nhiên cử cử, cương duy la võng, thượng hạ tương ứng, quỳnh quỳnh chung chung, đương nhập kỳ trung. Cổ kim hữu thị, thông tai khả thương!

Phật ngữ Di Lặc: - Thế gian như thị, Phật giai ai chi. Dĩ oai thân lực, tội diệt chúng ác, tất linh tự thiện, khí quyên sở tư, phụng trì kinh giới, thọ hành đạo pháp, vô sở vi thất, chung đắc độ thế, Nê Hoàn chi đạo.

(經)佛告彌勒：吾語汝等，是世五惡，勤苦若此。五痛五燒，展轉相生。但作眾惡，不修善本，皆悉自然入諸惡趣。或其今世先被殃病，求死不得，求生不得，罪惡所招，示眾見之。身死隨行，入三惡道。苦毒無量，自相焦然。至其久後，共作怨結。從小微起，遂成大惡。皆由貪著財色，不能施惠。癡欲所迫，隨心思想。煩惱結縛，無有解已。厚己諍利，無所省錄。富貴榮華，當時快意。不能忍辱，不務修善。威勢無幾，隨以磨滅。身坐勞苦，久後大劇。天道弛張，自然亂舉，網維羅網，上下相應，瑩瑩忪忪，當入其中。古今有是，痛哉可傷！佛語彌勒：世間如是，佛皆哀之。以威神力，摧滅眾惡，悉令就善。棄捐所思，奉持經戒。受行道法，無所違失。終得度世泥洹之道。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài Di Lặc: - Ta nói với các ông, đây là năm sự ác trong cõi đời, nhọc nhằn như thế đó. Năm sự đau, năm sự đốt, lần lượt sanh ra nhau. Chỉ làm các điều ác, chẳng tu cội lành, thấy đều tự nhiên vào trong các đường ác. Hoặc là trong đời này, trước hết mắc phải bệnh ngặt, cầu chết chẳng được, cầu sống chẳng xong! Do tội ác chiêu cảm, phô bày cho mọi người trông thấy. Thân chết rồi, sẽ theo [ác nghiệp đã tạo] mà vào trong ba đường ác, khổ độc vô lượng, tự bị thiêu đốt. Đến lúc lâu sau, cùng nhau tạo thành oán kết. Khởi đầu

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

từ chuyện nhỏ nhặt mà dần dần trở thành điều ác to lớn, đều do tham đắm tài sắc, chẳng thể bố thí, tạo ân huệ, bị si dục bức bách, thuận theo điều suy nghĩ trong tâm, phiền não trôi buộc, chẳng thể cởi gỡ, đối xử trọng hậu với chính mình, tranh giành lợi lộc, chẳng hề phản tỉnh, thâm hiểm. Phú quý, vinh hoa, sướng ý trong khi đó, chẳng thể nhận nhục, chẳng chú trọng tu thiện. Oai thế được mấy chốc, rồi sẽ mòn diệt, thân vương phải nổi nhọc nhằn, khổ sở, lâu sau trở thành hết sức dữ dội. Đạo trời hoãn đãi hoặc khẩn cấp, tự nhiên uốn nắn, xem xét, giềng mối lưới rập, trên dưới tương ứng, trợ trợ, run rẩy, sa thân vào đó. Xưa nay là như thế, đau đớn đáng thương thay.

Đức Phật bảo ngài Di Lặc: - Thế gian là như vậy, Phật luôn thương xót, dùng sức oai thần dẹp tan các sự ác, ắt đều khiến cho [chúng sanh] hướng về điều lành, buông bỏ những điều suy nghĩ, vâng giữ kinh giới, tiếp nhận, thực hành đạo pháp, đừng nên chống trái, đánh mất, rốt cuộc sẽ đạt được đạo độ đời, chứng nhập Niết Bàn).

Trong phần trên, nói đến năm sự ác, năm sự đau, năm sự đốt là nói tách ra, nói từng điều một, nay tổng kết lại, nhắc lại lần nữa. Đây là đức Phật từ bi, hy vọng chúng ta sẽ chẳng gây tạo năm thứ ác nghiệp ấy nữa, hòng khỏi bị khổ sở vì năm sự đau, năm sự đốt.

“*Phật cáo Di Lặc: - Ngộ ngữ như đặng*” (Đức Phật bảo ngài Di Lặc: - Ta nay nói với các ông): Di Lặc Bồ Tát là bậc đương cơ, [nói với ngài Di Lặc chính là] đức Thế Tôn nói với đại chúng trời người. “*Thị thế ngữ ác, cần khổ nhược thử*” (Năm điều ác trong đời này nhọc nhằn như thế đó), tức là do quý vị tạo năm thứ ác nghiệp giết, trộm, dâm, dối, rượu chè, quý vị bị nhọc nhằn như thế ấy, như đã nói trong phần trên: “*Ngũ thống, ngũ thiêu, triển chuyển tương sanh*” (Năm sự đau, năm sự đốt, lần lượt sanh ra nhau): Tạo năm thứ ác nghiệp, sẽ phải hứng chịu năm thứ đau đớn ấy, năm thứ nổi khổ thiêu đốt, lại còn phải “*triển chuyển tương sanh*” (lần lượt sanh ra nhau). Đây là nói tổng kết, nói tới đạo lý lần lượt sanh ra nhau [tức là do có ngũ ác, bèn có ngũ thống, ngũ thiêu. Đã bị ngũ thống, ngũ thiêu, lại gây tạo ngũ ác]. “*Đản tác chúng ác, bất tu thiện bổn*” (Chỉ làm các điều ác, chẳng tu cội lành): Kẻ làm ác trong thế gian, “*bất tu thiện bổn*” (chẳng tu cội lành), [tức là] cũng chẳng làm một tí thiện sự nào! “*Giai tất tự nhiên nhập chư ác thú*” (Thầy đều tự nhiên vào trong các nẻo ác). Hai chữ “*tự nhiên*” nhằm nói đến luật nhân quả: Quý vị đã tạo ác nghiệp, nó sẽ mặc tình tự nhiên khiến cho quý vị đọa lạc trong ba ác đạo, trọn chẳng do kẻ

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nào gọi quý vị đi theo! Ví như chúng ta thường biết địa ngục có Diêm La Vương cai quản, hoàn toàn chẳng phải do Diêm La Vương khiến cho quý vị đến đó, mà là do chính quý vị đã tạo ác nghiệp, chính mình cảm vùi vào địa ngục. Do vậy, dùng hai chữ “*tự nhiên*”.

“*Hoặc kỳ kim thế tiên bị ương bệnh*” (Hoặc ngay trong đời hiện tại bị bệnh ngặt): Đây là nói về năm thứ đau, đời này, kiếp này hứng chịu đau khổ. Trong phần trước đã nói tới năm thứ đau là bị pháp luật quốc gia chế tài, bị giam vào trong tù ngục chịu đau khổ. Ở đây lại nói không nhất định bị giam vào ngục chịu khổ, mà sẽ “*tiên bị ương bệnh*” (trước hết sẽ bị bệnh ngặt). “*Uương bệnh*” (殃病) là bệnh do tai ương. Bệnh thông thường thì thuốc men có thể trị lành, ương bệnh còn gọi là nghiệp bệnh, tức bệnh do quý vị tạo ác nghiệp mà chiêu cảm, thuốc thang vô hiệu! “*Cầu tử bất đắc, cầu sanh bất đắc*” (Cầu chết chẳng được, cầu sống chẳng thể). Do căn bệnh này, nên ngủ vùi trên giường, ngủ suốt mấy tháng, mấy năm, muốn chết chẳng được, cầu sống chẳng thể. Vì sao mắc phải ương bệnh ấy? Đây là do “*tội ác sở chiêu*” (tội ác chiêu cảm), [tức là] quý vị tạo tội ác rất nhiều, sẽ chiêu cảm ương bệnh ấy. “*Thị chúng kiến chi*” [nghĩa là] trước hết phô bày ra khiến cho mọi người trông thấy, [để họ biết] là có nhân quả báo ứng. Kẻ ấy do làm chuyện chẳng lành mới mắc phải căn bệnh nghiệp chướng đó!

“*Thân tử tùy hành, nhập tam ác đạo, khổ độc vô lượng, tự tương tiêu nhiên*” (Thân chết rồi, sẽ đi theo [nghiệp báo], vào trong ba ác đạo, khổ độc vô lượng, tự bị thiêu đốt): Quý vị chịu đựng cái tội bệnh khổ đã xong, kết quả là còn phải chết. Chết rồi, ác nghiệp của chính quý vị sẽ theo quý vị ra đi, [đó là ý nghĩa của câu] “*thân tử tùy hành*”. Ai cũng chẳng theo quý vị ra đi, chỉ có ác nghiệp đã tạo liền theo sát quý vị. Quý vị vẫn đọa lạc trong ba ác đạo. Nỗi khổ do đọa lạc trong ba ác đạo còn dữ dội hơn nỗi khổ trong nhân gian. Đã khổ lại còn thêm độc, “*khổ độc vô lượng, tự tương tiêu nhiên*” (khổ độc vô lượng, tự bị thiêu đốt): Sống trong nhân gian, quý vị mang hình tướng con người, dẫu bệnh đến nỗi muốn chết mà chẳng chết được, muốn sống mà sống chẳng nổi, vẫn là hình tướng con người. Vào trong ba ác đạo, hình tướng con người chẳng còn nữa! Nhất là rơi vào địa ngục Hỏa Thang Lô Thán (vạc lửa, lò than), bị chiên trong chảo dầu, “*tự tương tiêu nhiên*” (tự bị thiêu đốt), đúng là chỉ giống như một miếng than cháy sém, ngay cả hình tướng con người cũng chẳng có!

“*Chi kỳ cửu hậu, cộng tác oán kết*” (Cho đến lâu sau, cùng tạo thành oán kết): Trong ba ác đạo từ kiếp lâu xa đến nay, chịu khổ đã

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

xong, lại chuyển sanh vào nhân gian, do đời trước, kiếp trước, hoặc nhiều kiếp trước kia, quý vị ở trong nhân gian đã kết ác nghiệp với kẻ khác, kết thành oán cừu, vẫn phải gặp gỡ. Kiếp lâu xa mai sau gặp mặt, do quý vị làm ác, oán cừu đã kết vẫn phải báo đền. “*Tùng tiểu vi khởi*” (Bắt đầu từ chuyện nhỏ nhất): Do đã kết từ đời trước, kiếp trước, từ một chút oán cừu be bé, “*toại thành đại ác*” (trở thành sự ác to lớn), kết thành chuyện ác to lớn. “*Giai do tham trước tài sắc, bất năng thí huệ. Si dục sở bách, tùy tâm tư tưởng, phiền não kết phược, vô hữu giải dĩ*” (Đều do tham đắm tài sắc, chẳng thể bố thí, tạo ân huệ, bị si dục bức bách, thuận theo điều mình suy nghĩ, phiền não trói buộc, chẳng hề cởi gỡ): Đây là nói đến mối quan hệ xoay vần giữa năm sự ác, năm sự đau, năm sự đốt. Quý vị đã tạo năm thứ ác nghiệp, đời này bèn chuốc lấy quả báo.

Trong phần trước đã nói là sẽ chuốc lấy tình cảnh bị vương pháp của đất nước chế tài, đau khổ vì bị giam cầm trong ngục; ở đây thì nói quý vị mắc bệnh lâu ngày, bị khổ sở vì ương bệnh. Điều này vẫn thuộc về nỗi khổ do năm sự đau, tức là chịu đựng bệnh khổ lâu ngày, lại còn sẽ đọa vào ba ác đạo. Đây vẫn là sự thiêu đốt của năm sự đốt. Thời gian trong ba ác đạo rất lâu dài; chịu xong nỗi khổ trong ba ác đạo, sanh ra đời làm người, do trước kia quý vị kết oán cừu nhỏ nhất với người khác, về sau, biến thành sự ác to lớn. Vì sao nỗi oán cừu bé tí biến thành chuyện ác to lớn? Đều là do “*tham trước tài sắc*” (tham đắm tài sắc): Do quý vị đã nhiều đời trước kia tham đắm tài sắc, lại còn chấp trước chẳng xả. “*Bất năng thí huệ*” (Chẳng thể bố thí, tạo ân huệ): Sợ thiếu tiền tài, bố thí cho người khác một chút ân huệ, bố thí làm ơn cho người khác một chút tốt lành nhưng quý vị chẳng chịu! Chẳng thể bố thí, tạo ân huệ, đều là vì tham đắm tiền tài.

“*Si dục sở bách*” (Bị si dục bức bách): [Câu này] giải thích [vì sao người đời] tham sắc. “*Tùy tâm tư tưởng, phiền não kết phược*” (Thuận theo điều suy nghĩ trong tâm mà bị phiền não trói buộc): Thuận theo điều suy nghĩ trong tâm của quý vị, quý vị suy nghĩ tài, sắc, kết quả là sanh ra phiền não trói buộc quý vị. Phiền não giống như một sợi dây, trói chặt quý vị, chẳng tháo gỡ được. “*Vô hữu giải dĩ*” (Chẳng hề cởi gỡ): Quý vị đã tạo ác nghiệp thì chính quý vị phải chịu báo, ai cũng chẳng tháo gỡ được! Nay quý vị tạo ác nghiệp, hiện tại gặp quả báo. Ở đây, còn có mấy danh từ, tôi thuận tiện giải thích một chút. Có một danh từ là “*hoa báo*” (華報), giống như nở hoa. “*Quả báo*”: Quả báo trong địa ngục, hứng chịu nỗi khổ thiêu đốt trong ba ác đạo. “*Hoa*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

báo” chỉ nở hoa, còn chưa kết quả. Đã chịu xong hoa báo, còn phải chịu quả báo, [tức là] phải lọt vào trong ba ác đạo hứng chịu quả báo. Chịu xong quả báo trong địa ngục, sanh ra đời làm người, còn mang theo bao nhiêu dư báo. Gọi là “*dư báo*” (餘報) là ví như ngày hôm qua tôi đã nói, khẩu nghiệp khó báo. Quý vị tạo khẩu nghiệp, miệng quý vị biết ăn nói, nhưng chẳng nói lời tốt lành, mà tận sức nói lời xấu xa hại người.

Quý vị chết đi, sẽ đọa vào địa ngục, có địa ngục dành riêng cho khẩu nghiệp, tên là Bạt Thiệt địa ngục (địa ngục rút lưỡi) và Canh Thiệt địa ngục (địa ngục cày lưỡi). Ác quỷ trong những địa ngục ấy lấy móc câu kéo lưỡi quý vị ra. Kéo ra rồi vặt đứt, khiến cho quý vị đau đớn nát lòng, đau đớn [đến nổi] chết đi. Gió nghiệp vừa thổi, a! Lại hồi sanh, [trong miệng] lại có lưỡi để cho quỷ sứ vặt đứt lưỡi từ lần này sang lần khác. Đây gọi là Bạt Thiệt địa ngục. Canh Thiệt địa ngục thì sao? Càng chẳng thể nghĩ bàn! Lôi lưỡi ra ngoài to rộng đến vài cây số, bắt một con trâu sắt, dùng lưỡi cày sắt để cày trên đó, giống như cày ruộng, khiến cho quý vị đau đớn đến nổi chết đi. Đau đớn chết đi rồi, gió nghiệp vừa thổi bèn sống lại. Đây gọi là Canh Thiệt địa ngục. Vì sao? Do cái lưỡi của quý vị tạo nghiệp đây mà!

Đợi đến khi chịu tội trong địa ngục đã xong, chịu xong quả báo rồi, ra đời làm người, do dư báo dữ dội của khẩu nghiệp, sẽ sanh làm kẻ cầm ngong, chẳng thể nói năng! Nếu nhẹ hơn một chút thì sao? Đầu lưỡi sanh ghẻ, trị cách nào cũng chẳng hết! Nhẹ hơn chút nữa thì sao? Nói năng chẳng rõ ràng cho mấy. Những điều này đều là dư báo. Trong các kinh khác, đức Phật đã giảng như vậy; ở đây, chẳng nói đến những chuyện ấy, chỉ nói: Hễ tạo khẩu nghiệp thì tức là quý vị đã tạo ác nghiệp, nay quý vị mắc ương bệnh. Bị bệnh chết đi, đọa vào ba ác đạo. Ra khỏi ba ác đạo, do trong đời trước, hoặc nhiều đời, nhiều kiếp trước đã kết oán với người khác, nay gặp mặt, vẫn kết oán cừu [với nhau]. Do một tí không đúng vật vãnh, sẽ kết thành đại ác. Đây đều là dư báo, tạo ác nghiệp thì sao? Giết, trộm, dâm, dối, uống rượu, đều là tạo ác nghiệp. Tham tài, tham sắc, chúng sanh đều muốn tham. Thậm chí đọa làm súc sanh, thành con trùng bé xíu chỉ biết ngo ngoạy vẫn cứ tham. Tham tài còn phổ biến hơn tham sắc, vì có tiền tài là sẽ có thể thỏa mãn bất cứ dục vọng nào của người ấy, chuyện gì cũng đều có thể làm. Tham sắc là căn bản của sanh tử. Do đó, đối với hai pháp tài và sắc, chẳng có một ai không tham! Chúng ta dụng công tu hành nhằm trừ khử ác nghiệp, chớ nên tạo ác nghiệp. Dụng công tu hành thì thực hiện

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

từ chỗ nào? Trước hết, hãy không chế cái tâm tham dục đối với tài và sắc.

Chẳng tham tài, chẳng tham sắc, công phu của quý vị rất dễ tiến bộ. Nếu không, quý vị vừa dụng công tu hành, vừa tham tài, vừa tham sắc, làm sao có thể đạt được công phu ấy? Tham tài thì không ai là chẳng tham! Lý do lớn thứ nhất là ta chẳng có tiền, sẽ không thể sống được. Trong phần trước, tôi đã từng nói: “Người không tin Phật phải sống, mà tứ chúng đệ tử của Phật cũng phải sống. Đệ tử tại gia phải sống, mà đệ tử xuất gia cũng phải sống”. Chẳng có tiền bạc, sống làm sao được? Nhưng quý vị chớ nên dấy động tâm tham. Hễ dấy động tâm tham, sẽ tạo ác nghiệp. Thích Ca Thế Tôn khuyên dạy chúng ta chớ nên tham tài. “*Hậu kỹ tránh lợi, vô sở tinh lục*” (Hậu đãi chính mình, tranh giành lợi lộc, chẳng hề phản tỉnh, thâm liễm): “*Hậu kỹ*” (厚己) là đối đãi với chính mình rất tốt, đối đãi người khác rất bạc bẽo. Điều này thường nói là “*tôn nhân lợi kỷ*” (tôn người, lợi mình). Kẻ ấy đối đãi chính mình tốt đẹp, nhưng “*tránh lợi*” với người khác. “*Tránh lợi*” (諍利) là tranh giành tiền tài.

“*Vô sở tinh lục*” (Chẳng phản tỉnh, thâm liễm): “*Tinh*” (省) là phản tỉnh. Tăng Tử nói: “*Ngô nhật tam tỉnh ngô thân*” (Ta mỗi ngày phản tỉnh bản thân ba lần). Chữ Tinh không đọc là Shǐng (尸ㄥˇ) mà đọc là Xǐng (ㄒㄩㄥˇ). “*Lục*” (錄) là kiểm nghiệm, xem xét chính mình, kiểm điểm chính mình, kiểm chế chính mình. Chữ Lục nên hiểu là Thâu (收, thâu thập). Một người ban ngày làm việc suốt cả ngày, đến tối đi ngủ cũng nên “*tính sổ*” ngày hôm nay, suy đi xét lại, ta hôm nay có làm chuyện gì chẳng đúng hay không? Giống như Tăng Tử đã nói: “*Ngô nhật tam tỉnh ngô thân, vị nhân mưu, nhi bất trung hồ? Dữ bằng hữu giao, nhi bất tín hồ? Truyền, bất tập hồ?*” (Ta mỗi ngày phản tỉnh bản thân ba lượt, vì người khác mưu tính, có trung thực hay không? Chơi với bạn bè, có giữ chữ tín hay không? Được [thầy] truyền dạy, có tu tập hay không?) “*Nhật*” (日) là một ngày.

Tăng Tử mỗi ngày ba lượt phản tỉnh thân tâm của chính mình, [xét coi] có ba sự kiện mà [chính mình] có làm được hay không? Mưu sự thay cho người khác, có tận tâm hay không? Kết giao với bằng hữu, có trung tín, chân thật hay không? Thầy dạy ta, ta có từng ôn luyện nhuần nhuyễn hay không? Đây là Tăng Tử vận dụng công phu, chúng ta là đệ tử Phật, quý vị hãy phản tỉnh ngày hôm nay ta có tham tài hay không? Có phải là đối đãi rất tốt với chính mình, đối xử người khác quá

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

khắc bạc hay không? Có tranh lợi với người khác hay không? Phải phản tỉnh. Nếu có chuyện ấy, phải biết “lục”. “Lục” là “thâu lục” (收錄). “Thâu lục” là thâu liễm, bó buộc, ngày mai sẽ chẳng làm chuyện ấy nữa, công phu dần dần tiến bộ. Ở đây nói là “vô sở tỉnh lục” (chẳng phản tỉnh, thâu liễm), đối đãi tốt đẹp với chính mình, cùng người khác tranh lợi, không hề chẳng nhận biết chính mình sai, chẳng phản tỉnh, chẳng kiểm điểm chính mình.

Tiếp đó, đức Thế Tôn lại khuyên chúng ta hãy thấy thấu suốt. “Phú quý vinh hoa, đương thời khoái ý” (Phú quý, vinh hoa, sướng lòng trong khi ấy): Phạm phu mong cầu đại phú đại quý, sống cuộc đời vinh hoa, quý vị có thể hiểu sự vui sướng khi ấy, làm quan to, giàu sụ, [đấy là] “đương thời khoái ý” (sướng lòng trong khi ấy). “Bất năng nhẫn nhục” (Chẳng thể nhẫn nhục): Khi đại phú đại quý, người khác có lỗi với kẻ ấy đôi chút, kẻ ấy liền cho là bị lăng nhục, liền trả đũa người ta quá lố. “Bất vụ tu thiện” (Chẳng chú trọng tu thiện): Đại phú đại quý, vừa khéo có tiền tài, có thể lực, phải nên làm nhiều việc thiện hơn, kẻ ấy chẳng tu thiện. Quý vị phải biết, “oai thế vô kỷ, tùy dĩ ma diệt” (oai thế chẳng được mấy chốc, rồi sẽ mòn diệt): Thế gian vô thường, quý vị xem đó! “Đương thời khoái ý” (Sướng lòng trong lúc ấy), thỏa lòng đẹp ý, quý vị rất cao hứng, đúng không? Chẳng bao lâu, oai thế của quý vị chẳng còn nữa, có thể bị tiêu tan, diệt mất bất cứ lúc nào. Tiêu tan, diệt mất thì sao? “Thân tọa lao khổ” (Thân do vậy mà nhọc nhằn, khổ sở): Quý vị từng làm quan to; hễ ngã ngựa, chẳng làm quan to nữa, nỗi khổ não ấy khá lớn. Quý vị từng giàu sụ, bỗng chốc bần cùng, nỗi khổ não ấy cũng khá lớn! “Cửu hậu đại kịch” (Lâu sau sẽ trở thành sự khổ hết sức dữ dội): Quý vị chẳng tu thiện sự, cứ tận lực tạo ác nghiệp, tự nhiên là sẽ đọa lạc trong ba ác đạo. Sự khổ sở dữ dội, to lớn hãy còn ở phía sau!

“Thiên đạo thí trương, tự nhiên củ củ”: “Thiên đạo thí trương” (Đạo trời hoãn đãi hay gấp gáp) là nhân quả, gọi là luật nhân quả, gọi là thiên đạo. “Thí trương” (弛張) là một dềng hoãn đãi, một dềng gấp gáp. Quý vị vinh hoa, phú quý; đấy là hoãn đãi. Cho đến khi quý vị chiêu cảm quả báo, tạo ác nghiệp, sẽ lập tức căng thẳng. “Tự nhiên củ củ”: “Củ” (糾) là chữ Củ trong Củ Sát (糾察, dò xét để uốn nắn), ai sẽ “củ củ” quý vị? Những ác nghiệp do quý vị đã tạo sẽ tự nhiên đến dò xét, uốn nắn quý vị. “Cương duy la võng, thượng hạ tương ứng” (Giềng mỗi lưới rập, trên dưới tương ứng): “Cương duy” (綱維) là sợi dây chài

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

trong lưới rập. Quý vị lôi sợi dây chài, màng lưới sẽ căng ra, trên dưới nhất định sẽ tự nhiên [hiển lộ rõ ràng]⁴⁹.

“*Quyền quyền chung chung, đương nhập kỳ trung*” (Trơ trọi, hồ đồ, sẽ lọt vào trong đó). Đây là sẽ đọa vào địa ngục. Khi quý vị đọa vào địa ngục, tình trạng như thế nào? Dùng [từ ngữ] “*quyền quyền chung chung*” để hình dung. “*Quyền quyền*” (浬浬) là cô đơn, chẳng có một ai ở cùng quý vị, tức là “*vô thị vô hỗ*” (không ai nương cậy) như đã nói trong phần kinh văn trước, giống như đứa trẻ chẳng có cha mẹ, chỉ một thân cô đơn, đọa vào ba ác đạo. “*Chung chung*” (忪忪): Dáng vẻ kinh hoảng, sợ hãi, rất sợ sệt, sẽ đến nơi đâu? Tiền đồ tối tăm, xa thẳm, chẳng biết sẽ đến nơi đâu? Trong tâm rất sợ hãi thì gọi là “*chung chung*”. Dáng vẻ cô đơn, kinh hoảng, quý vị “*đương nhập kỳ trung*” (sẽ vào trong ấy). “*Cổ kim hữu thị, thống tai khả thương*” (Xưa nay đều là như vậy, đau đớn, đáng thương thay): Từ xưa đến nay thấy đều là dáng vẻ này, đức Thế Tôn nghĩ tưởng, trong tâm đau lòng thay cho chúng sanh. “*Thống tai khả thương*” (Đau đớn, đáng thương thay): Đây là đức Thế Tôn từ bi, thương tâm, đau lòng thay cho chúng ta.

Tiếp đó, đức Thế Tôn lại gọi bậc đương cơ một tiếng: “*Phật ngữ Di Lặc: - Thế gian như thị, Phật giai ai chi*” (Đức Phật bảo ngài Di Lặc: - Thế gian là như thế đó, đức Phật luôn thương xót). Chúng sanh trong thế gian chịu khổ như thế đó! “*Phật giai ai chi*” (Phật đều thương xót), “*ai*” là ai mẫn (哀憫), có nghĩa là thương xót. Vậy thì đức Phật sẽ cứu chúng sanh, cứu bằng cách nào? “*Dĩ oai thần lực, tội diệt chúng ác*” (Dùng sức oai thần dẹp tan các điều ác): Đức Phật dùng sức oai đức, thần thông của Ngài, dẹp tan các thứ ác nghiệp của chúng sanh. “*Tất linh tịu thiện*” (Khiến cho họ đều hướng về điều lành), thầy đều dạy họ tu thiện pháp.

⁴⁹ Vì hòa thượng Đạo Nguyên lần cụ Hoàng Niệm Tổ không giảng câu này chi tiết cho lắm, chúng tôi xin trích thuật lời giảng của ông Từ Tĩnh Dân: “*Thi là buông lỏng, Trương là căng thẳng. Câu này có nghĩa là chúng ta thấy có kẻ tạo ác nghiệp, dường như chẳng mắc phải quả báo gì. Có kẻ bị hoa báo ngay trong hiện đời. Hoa báo có lúc gấp rút (xảy đến ngay lập tức), có lúc thông thả. Củ Củ là phát sanh. Khi nhân duyên của tội nghiệp đã chín muồi, sẽ giống như tội nhân bị kẻ khác vạch mặt chỉ tên, tự nhiên bị tra xét. Cương là cái lưới lớn trùm cả bốn mặt, Duy là bốn góc. Giảng phía trên thì gọi là La, căng ngang mặt đất thì gọi là Vông, cả câu có ý nói nhân quả chẳng sai chạy giống như lưới rập căng kín tám mặt và trên, dưới. Ta thường nói là lưới trời lồng lộng, thưa mà chẳng lọt*”.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Khi quên sở tư, phụng trì kinh giới, thọ hành đạo pháp, vô sở vi thất, chung đắc độ thế, Nê Hoàn chi đạo*” (Vứt bỏ những điều suy nghĩ, vâng giữ kinh giới, tiếp nhận, thực hành đạo pháp, chẳng hề trái nghịch, mất mát, rốt cuộc sẽ có thể độ đời, đắc đạo Niết Bàn): Trong phần trước là quý vị tạo ác nghiệp, chịu đựng đau khổ, đọa trong ba ác đạo. Ở đây lại nói đến chuyện chúng ta hồi tâm hướng thiện, sẽ đạt được đạo Nê Hoàn. Đức Phật hiển lộ oai đức thần thông để tiêu diệt ác nghiệp của chúng ta như thế nào? Chính là dạy chúng ta tu thiện nghiệp. Tuy đức Phật có đại oai đức, đại thần thông, nhưng chẳng thể biến đổi chúng sanh thành Phật. Ngài dạy chúng ta thành Phật, tức là dạy chúng ta phương pháp để thành Phật. Thứ nhất là phải sửa lỗi, hướng thiện, đừng nên tạo ác nghiệp, hãy tạo thiện nghiệp. Tạo thiện nghiệp như thế nào? “*Quyên khí sở tư*”, [tức là] quý vị vứt bỏ những suy nghĩ trước kia, hãy bỏ chúng đi. Trước kia, quý vị nghĩ tưởng gì vậy? Nghĩ đến tài, nghĩ đến sắc, không được rồi! “*Phụng trì kinh giới*” (Vâng giữ kinh giới): Thích Ca Như Lai giảng kinh cho chúng ta; đối với chuyện trì giới, quý vị phải phụng hành, thọ trì.

“*Thọ hành đạo pháp*” (Tiếp nhận, thực hành đạo pháp): Quý vị đã trì giới thanh tịnh, lại nương theo pháp môn do đức Phật đã dạy để tu hành. Chẳng hạn như [đức Phật] giảng kinh Vô Lượng Thọ, dạy chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương, quý vị bèn phụng hành đạo pháp ấy. “*Thọ hành đạo pháp*” là trì giới. Quý vị chẳng trì giới, niệm Phật cầu sanh Tây Phương sẽ chẳng thể vãng sanh được! Trì giới để làm gì? Phòng ngừa sai trái, dứt điều ác. Quý vị vừa niệm Phật, lại còn vừa tham tài, tham sắc, đồng thời làm ác, làm sao sanh về Tây Phương cho nổi? Phải phụng trì kinh giới, giữ giới luật tốt đẹp rồi sẽ thọ trì đạo pháp. “*Vô sở vi thất*” (Đừng nên trái nghịch, đánh mất): Đừng nên trái phạm giới luật, chớ nên đánh mất đạo pháp. “*Chung đắc độ thế, Nê Hoàn chi đạo*”, [nghĩa là rốt cuộc] quý vị sẽ vượt thoát thế giới, đạt được “*đạo Nê Hoàn*”. Kết quả là quý vị có thể thành Phật, chứng đại đạo Niết Bàn.

2.2.3.3.2.4. Khuyên mọi người hãy tu xả

(Kinh) Phật ngôn: - Nhữ kim chư thiên nhân dân, cập hậu thế nhân, đắc Phật kinh ngữ, đương thực tư chi. Năng w kỳ trung đoạn tâm, chánh hạnh. Chúa thượng vi thiện, suất hóa kỳ hạ, chuyển tương sắc lệnh, các tự đoạn thủ, tôn thánh kính thiện, nhân từ bác

ái. Phật ngữ giáo hối, vô cảm khuy phụ. Đương cầu độ thế, bạt đoạn sanh tử chúng ác chi bốn, đương ly tam đồ vô lượng ưu bố khổ thống chi đạo. Nhữ đẳng ư thị quảng thực đức bốn, bố ân thí huệ, vật phạm đạo cấm, nhân nhục, tinh tấn, nhất tâm trí huệ, chuyển tương giáo hóa, vi đức lập thiện, chánh tâm, chánh ý, trai giới thanh tịnh nhất nhật, nhất dạ, thắng tại Vô Lượng Thọ quốc vi thiện bách tuế. Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc độ, vô vi tự nhiên, giai tích chúng thiện, vô mao phát chi ác. Ư thử tu thiện, thập nhật, thập dạ, thắng ư tha phương chư Phật quốc trung vi thiện thiên tuế. Sở dĩ giả hà? Tha phương Phật quốc, vi thiện giả đa, vi ác giả thiểu, phước đức tự nhiên, vô tạo ác chi địa. Duy thử gian đa ác, vô hữu tự nhiên, cần khổ cầu dục, chuyển tương khi đãi. Tâm lao hình khổn, ảm khổ thực độc. Như thị ác vụ, vị thường ninh tức. Ngô ai nhữ đẳng thiên nhân chi loại, khổ tâm hối dụ, giáo linh tu thiện, tùy nghi khai đạo, thọ dữ kinh pháp, mặc bất thừa dụng, tại ý sở nguyện, giai linh đắc đạo. Phật sở du lý, quốc áp khâu tu, mị bất mộng hóa. Thiên hạ hòa thuận, nhật nguyệt thanh minh, phong vũ dĩ thời, tai lệ bất khởi, quốc phong dân an, binh qua vô dụng, sùng đức hưng nhân, vụ tu lễ nhượng.

Phật ngôn: - Ngã ai mãn nhữ đẳng chư thiên nhân dân, thậm ư phụ mẫu niệm tử. Kim ngã ư thử thế tác Phật, hàng hóa ngũ ác, tiêu trừ ngũ thống, tuyệt diệt ngũ thiêu. Dĩ thiện công ác, bạt sanh tử chi khổ, linh hoạch ngũ đức, thắng vô vi chi an. Ngô khứ thế hậu, kinh đạo tiêm diệt, nhân dân siểm nguy, phục vi chúng ác. Ngũ thiêu, ngũ thống, hoàn như tiền pháp, cứu hậu chuyển kịch, bất khả tất thuyết, ngã dẫn vị nhữ lược ngôn chi nhĩ.

Phật ngữ Di Lặc: - Nhữ đẳng các thiện tư chi, chuyển tương giáo giới, như Phật kinh pháp, vô đắc phạm dã.

Ư thị, Di Lặc Bồ Tát hiệp chưởng bạch ngôn: - Phật sở thuyết thậm thiện, thế nhân thật nhĩ. Như Lai phổ từ ai mãn, tất linh độ thoát, thọ Phật trọng hối, bất cảm vi thất.

(經)佛言：汝今諸天人人民，及後世人，得佛經語，當熟思之。能於其中端心正行。主上為善，率化其下。轉相勅令，各自端守。尊聖敬善，仁慈博愛。佛語教誨，無敢虧負。當求度世，拔斷生死眾惡之本。當離三塗無量憂怖苦痛之道。汝等於是廣植德本，布恩施惠，勿犯道禁。忍辱精進，一心智慧。轉相教化，為德立善。正心正意，齋

戒清淨一日一夜，勝在無量壽國為善百歲。所以者何？彼佛國土，無為自然，皆積眾善，無毛髮之惡。於此修善，十日十夜，勝於他方諸佛國中為善千歲。所以者何？他方佛國，為善者多，為惡者少，福德自然，無造惡之地。唯此間多惡，無有自然，勤苦求欲，轉相欺殆。心勞形困，飲苦食毒。如是惡務，未嘗寧息。吾哀汝等天人之類，苦心誨喻，教令修善。隨宜開導，授與經法，莫不承用。在意所願，皆令得道。佛所遊履，國邑丘聚，靡不蒙化。天下和順，日月清明。風雨以時，災厲不起。國豐民安，兵戈無用。崇德興仁，務修禮讓。佛言：我哀愍汝等諸天人民，甚於父母念子。今我於此世作佛，降化五惡，消除五痛，絕滅五燒。以善攻惡，拔生死之苦。令獲五德，升無為之安。吾去世後，經道漸滅，人民諂偽，復為眾惡。五燒五痛，還如前法。久後轉劇，不可悉說，我但為汝略言之耳。佛語彌勒：汝等各善思之，轉相教誡，如佛經法，無得犯也。於是彌勒菩薩，合掌白言：佛所說甚善，世人實爾。如來普慈哀愍，悉令度脫，受佛重誨，不敢違失。

(Kinh: Đức Phật nói: - Nay các ông là chư thiên, nhân dân và những người đời sau có được lời giảng kinh của Phật, hãy nên suy nghĩ chín chắn, có thể từ trong ấy mà đoan nghiêm cái tâm, chánh đáng cái hạnh. Chúa thượng làm lành, xướng suất hóa độ thuộc hạ, truyền dạy lẫn nhau, ai nấy tự giữ mình đoan chánh, tôn trọng bậc thánh, kính trọng người lành, nhân từ, bác ái. Đối với lời Phật răn dạy, chẳng dám thiếu sót, cô phụ, hãy nên mong hóa độ cõi đời, dẹp dứt cội gốc của sanh tử và các điều ác, sẽ lìa đường nẻo tam đồ vô lượng ưu sầu, sợ hãi, đau khổ. Do vậy, các ông hãy rộng trông cội lành, ban ân thí huệ, đừng phạm giới cấm, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm trí huệ, lần lượt giáo hóa lẫn nhau, tạo đức, làm lành, chánh tâm, chánh ý, trai giới thanh tịnh một ngày, một đêm, hơn làm lành cả trăm năm trong cõi Vô Lượng Thọ. Vì có sao vậy? Cõi nước Phật ấy, vô vi tự nhiên, đều là tích lũy các điều lành, chẳng có mấy may điều ác. Tu thiện ở nơi đây (cõi Sa Bà) mười ngày, mười đêm, vượt trội làm lành ngàn năm trong các cõi Phật ở phương khác. Vì có sao vậy? Các cõi Phật ở phương

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

khác, kẻ làm lành nhiều, kẻ làm ác ít, phước đức tự nhiên, chẳng có chỗ tạo ác. Chỉ trong cõi này là nhiều điều ác, chẳng tự nhiên, nhọc nhằn mong cầu, lần lượt lường gạt, hãm hại nhau. Tâm mệt, thân nhọc, uống khổ, ăn độc. Những chuyện ác như thế chưa hề ngưng nghỉ. Ta thương xót các loài trời người các ông, khổ tâm răn dạy, khuyên nhủ, dạy hãy tu thiện, tùy theo cơ nghi mà khơi gợi, hướng dẫn, trao truyền kinh pháp, không ai chẳng vâng theo hành trì, theo như ý nguyện đều khiến cho họ đắc đạo. Đức Phật đi đến nơi nào, quốc gia, thành thị, gò đồng, xóm giềng, không ai chẳng được giáo hóa. Thiên hạ hòa thuận, mặt trời, mặt trăng trong sáng, mưa gió đúng thời, tai ương chẳng dấy lên, nước giàu, dân yên, binh khí vô dụng, tôn sùng đức hạnh, hưng khởi điều nhân, chú trọng tu tập lễ nghĩa, nhân nhượng.

Đức Phật nói: - Ta thương xót chư thiên, nhân dân các ông còn hơn cha mẹ nghĩ đến con. Nay ta làm Phật trong cõi này, hàng phục năm sự ác, tiêu trừ năm sự đau, dứt bật năm sự đốt. Dùng thiện để trừ ác, dẹp trừ nỗi khổ sanh tử, khiến cho đạt được ngũ đức, đạt tới sự an định vô vi. Sau khi ta qua đời, kinh đạo sẽ dần dần bị diệt, nhân dân siểm ngụy, lại làm các điều ác. Năm sự đốt, năm sự đau, sẽ lại như trước, lâu sau chuyển thành dữ dội, chẳng thể nói trọn. Ta nay chỉ vì các ông nói đại lược đó thôi!

Đức Phật bảo ngài Di Lặc: - Các ông ai nấy hãy khéo suy nghĩ, lần lượt răn dạy lẫn nhau, hãy theo đúng kinh pháp của Phật, đừng nên trái phạm.

Ngay khi đó, Di Lặc Bồ Tát chấp tay, bạch rằng: - Đức Phật nói rất lành, người đời thật sự là như vậy. Đức Như Lai lòng từ thương xót trọn khắp, đều độ cho họ được giải thoát. Chúng con vâng nhận lời răn dạy trịnh trọng của đức Phật, chẳng dám trái nghịch, quên mất).

“Phật ngôn: - Nhữ kim chư thiên nhân dân, cập hậu thế nhân” (Đức Phật nói: - Nay chư thiên, nhân dân các ông, và những người trong đời sau): Đức Phật bảo Di Lặc Bồ Tát, trên thực tế là nói với chư thiên nhân dân thuở ấy, càng thực tế hơn nữa là nói với bọn người đời sau như chúng ta, cũng nhằm dạy chúng ta hãy chú ý. *“Đắc Phật kinh ngữ, đương thực tư chi”* (Có được lời kinh của Phật, hãy nên suy nghĩ chín chắn): Được nghe kinh Phật rất khó! Quý vị đời trước, kiếp trước chẳng có thiện căn, sẽ chẳng nghe kinh Phật. Được nghe lời dạy trong kinh Phật, chẳng phải là chuyện đơn giản đâu nhé! Đời trước, kiếp trước, quý vị đã từng gieo thiện căn, đời này gặp duyên, được thầy giáo

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

hóa, quý vị mới được biết đến kinh Phật. “*Đương thực tư chi*” (Hãy nên suy nghĩ chín chắn), “*thục tư*” (熟思) là quý vị hãy suy nghĩ cặn kẽ, rành rẽ, hãy suy xét. Quý vị suy nghĩ cặn kẽ đạo lý trong kinh Phật, đây là cầu Giải. Quý vị đã liễu giải, sẽ tự nhiên tu hành. “*Năng u kỳ trung, đoan tâm chánh hạnh*” (Có thể từ trong ấy mà đoan nghiêm cái thân, chánh đáng cái hạnh): Quý vị tư duy đạo lý trong kinh Phật, sẽ đoan nghiêm cái tâm, chánh đáng cái hạnh. Tâm đã đoan nghiêm thì hạnh sẽ chánh.

“*Chúa thượng vi thiện, suất hóa kỳ hạ*” (Chúa thượng làm lành, xướng suất, giáo hóa kẻ dưới): Thuở đức Phật tại thế, đó là thời đại chuyên chế. “*Chúa thượng*” là quốc vương. Nếu quốc vương tin tưởng Phật pháp, tự mình làm lành, sẽ “*suất hóa kỳ hạ*” (suất lãnh, giáo hóa kẻ dưới). Phật giáo tiến nhập Trung Hoa, quốc vương thuộc triều đại nào tin tưởng Phật pháp, ngay lập tức, Phật giáo sẽ hưng khởi to tát. Hiện thời chẳng có quốc vương, đang là chế độ dân chủ, chúng ta hãy thu hẹp phạm vi. Trong một gia đình, quý vị là người làm cha mẹ, quý vị chính là Chúa Thượng, quý vị phải “*suất hóa kỳ hạ*”, [tức là] phải dạy dỗ con cái của chính mình. Nếu quý vị kinh doanh, mở công ty, quý vị làm Kinh Lý, thì cũng có thể giáo hóa công nhân trong công ty của quý vị. Nếu quý vị mở công xưởng, làm Kinh Lý, quý vị cũng có thể giáo hóa thợ trong công xưởng. Đây đều là đạo lý “*chúa thượng vi thiện, suất hóa kỳ hạ*” (chúa thượng làm lành, xướng suất, giáo hóa kẻ dưới).

“*Chuyển tương sắc lệnh*” (Truyền dạy lẫn nhau) tức là quý vị giáo hóa họ, khiến cho họ “*các tự đoan thủ*” (ai nấy đều giữ mình đoan chánh), đều tự đoan chánh. Quý vị phải giữ lấy kinh giáo của Phật giáo, “*tôn thánh kính thiện*”, [nghĩa là] quý vị phải tôn trọng thánh nhân, phải cung kính thiện pháp. “*Nhân từ bác ái*”: Đối với hết thầy chúng sanh phải phát tâm nhân từ, tâm bác ái. “*Phật ngữ giáo hối, vô cảm khuy phụ*” ([Đối với] lời Phật răn dạy, chẳng dám thiếu sót, cô phụ): “*Giáo hối*” (教誨) là nói về giới luật, dạy quý vị đừng nên làm như thế này, đừng nên làm như thế kia, quý vị phải nhận lấy giới ấy, đừng nên làm toàn ác sự, ác pháp. Đối với lời Phật răn dạy, quý vị “*vô cảm khuy phụ*”, [nghĩa là] chớ nên thiếu sót, chớ nên cô phụ, đừng nên phạm vào những điều răn trong kinh Phật. “*Đương cầu độ thế*” (Hãy nên mong độ đời): Quý vị mong độ đời, nhất định phải trì giới thanh tịnh. Vì sao vậy? Quý vị trì giới thanh tịnh, hết thầy các ác pháp đều chẳng làm nữa! Giới luật là để ngăn ngừa sai trái, dứt điều ác; hết thầy điều ác đều

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

chẳng làm, quý vị sẽ có thể độ đời. Hễ độ đời, sẽ “*bạt đoạn sanh tử chúng ác chi bốn*” (đẹp dứt cội gốc của sanh tử và các điều ác), tham, sân, si đều đoạn trừ, đoạn sạch căn bản của hết thảy các điều ác trong sanh tử.

“*Đương ly tam đồ vô lượng ưu bố khổ thống chi đạo*” (Sẽ lìa nẻo tam đồ vô lượng ưu sầu, sợ hãi, đau khổ): Quý vị tự nhiên xa lìa ác đạo, chẳng còn hứng chịu vô lượng nỗi khổ não lo âu, hoảng sợ trong ba ác đạo. “*Nhữ đẳng u thị quảng thực đức bốn*” (Do vậy, các ông hãy rộng trồng cội lành): Quý vị mong dụng công tu hành, hãy nên “*u thị quảng thực đức bốn*”. “*U thị*” tức là hãy biết [những điều được nói trong] đoạn kinh văn tiếp theo. “*Quảng thực đức bốn*” là tu hết thảy công đức, tu như thế nào? Tu pháp môn Lục Độ, Đại Thừa Phật giáo là Lục Độ. “*Bố ân thí huệ*” (Ban ân, tạo ân huệ), thứ nhất là hành Bồ Thí. “*Vật phạm đạo cấm*” (Đừng phạm giới cấm) là độ thứ hai, tức Trì Giới. “*Nhẫn nhục, tinh tấn*”: Độ thứ ba là Nhẫn Nhục, độ thứ tư là Tinh Tấn. “*Nhất tâm trí huệ*”: Nhất tâm là độ thứ năm, tức Thiền Định, độ thứ sáu là trí huệ. “*Chuyển tương giáo hóa*” (Lần lượt giáo hóa lẫn nhau): Quý vị tự mình tu Lục Độ, còn phải giáo hóa người khác cũng tu Lục Độ. “*Vi đức lập thiện*” (Hành đức, lập thiện): Quý vị tạo cội gốc của công đức, lập cội rễ thiện pháp. “*Chánh tâm, chánh ý, trai giới thanh tịnh*”: Phải là “*tâm chánh, ý chánh*”, phải trì trai, giữ giới, trì giới thanh tịnh. Trong pháp môn Lục Độ, Trì Giới là độ thứ hai. Trì giới nhằm ngăn ngừa sai trái, dứt tuyệt điều ác. Trì giới mà chẳng thanh tịnh, thì Phật pháp cũng chẳng thanh tịnh. Do vậy, phải “*trai giới thanh tịnh*”.

Tiếp đó, kinh văn dạy, nếu quý vị phát khởi đạo tâm, trì trai giới thanh tịnh, “*nhất nhật, nhất dạ, thắng u Vô Lượng Thọ quốc vi thiện bách tuế*” (một ngày, một đêm, sẽ vượt trội làm lành suốt một trăm năm trong cõi Vô Lượng Thọ): Nếu quý vị dụng công tu hành trong thế giới Sa Bà, công đức một ngày một đêm trì giới sẽ vượt trội công đức [trì giới thanh tịnh] trong thế giới Cực Lạc cả trăm năm. Tiếp đó là giải thích: “*Sở dĩ giả hà? Bỉ Phật quốc độ, vô vi tự nhiên, giai tích chúng thiện, vô mao phát chi ác*” (Vì có sao vậy? Trong cõi nước Phật ấy, vô vi tự nhiên, đều là tích lũy các điều thiện, chẳng có mảy may điều ác): Quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là một cảnh giới vô vi, cảnh giới tự nhiên, các vị thượng thiện nhân tụ hội một chỗ. Ai nấy thấy đều tích tập các điều thiện, chẳng có một chút chuyện ác nào bằng mảy lông, sợi tóc. Vậy thì quý vị sẽ trì giới gì đây? Pháp môn Lục Độ,

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

ngoại trừ Thiên Định và trí huệ thì Tây Phương có thể có, chứ bốn Độ trước đó đều chẳng dễ tu [trong thế giới Cực Lạc]. Tức là tính ra, Tây Phương còn có Tinh Tấn, chứ đối với ba Độ trước đó, tức Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục thì trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều chẳng có cách nào tu được.

Quý vị hành Bồ Thí Độ, hành Tài Bồ Thí, Tây Phương Cực Lạc thế giới lầu gác bằng bảy báu, bảy báu làm đại địa, quý vị hành Tài Bồ Thí thì bồ thí cho người nào đây? Vô Úy Bồ Thí là cứu tai cứu nạn, Tây Phương chẳng có tai nạn để cứu, quý vị lấy gì để hành Vô Úy Bồ Thí? Hành Pháp Bồ Thí, sanh vào thế giới Cực Lạc, tiếng cây, tiếng gió đều có thể thuyết pháp, vậy thì quý vị sẽ nói pháp gì đây? Do đó, hành Bồ Thí Độ sẽ chẳng có chỗ nào để hành! Trì Giới nhằm ngăn ngừa điều sai, dứt bật điều ác, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có điều sai, chẳng có sự ác, quý vị sẽ trì giới gì vậy? Nhẫn Nhục thì phải có kẻ ác có lỗi đối với quý vị, lẳng nhục quý vị thì quý vị mới nhẫn nhục. Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn là thiện nhân, ai sẽ lẳng nhục quý vị? Quý vị tu Nhẫn Nhục Độ ở chỗ nào? Bởi lẽ, quý vị chẳng có đối tượng để tu. Thế nhưng thế giới Sa Bà là ngũ trược ác thế, khắp nơi đều hại người, quý vị tu hành thì sao? Tích lũy, vun bồi công đức cũng rất nhanh chóng. Hiểu đạo lý này, quý vị sẽ thấy sự so sánh ngay sau đó dễ hiểu!

“U thử tu thiện thập nhật, thập dạ, thắng u tha phương chư Phật quốc trung vi thiện thiên tuế. Sở dĩ giả hà? Tha phương Phật quốc, vi thiện giả đa, vi ác giả thiểu, phước đức tự nhiên, vô tạo ác chi địa” (Trong cõi này, tu thiện mười ngày, mười đêm hơn làm lành cả ngàn năm trong các cõi Phật ở phương khác. Vì có sao vậy? Các cõi Phật ở phương khác, làm lành nhiều, làm ác ít, phước đức tự nhiên, không có chỗ để tạo ác): Các cõi nước Phật trong mười phương tuy thua kém thế giới Cực Lạc đôi chút, nhưng tạo thiện thì nhiều, tạo ác thì ít, phước đức tự nhiên, chẳng có hoàn cảnh tạo ác. *“Duy thử gian đa ác, vô hữu tự nhiên”* (Chỉ có trong cõi này lắm điều ác, chẳng có tự nhiên): Thế giới Sa Bà là ngũ trược ác thế, nhiều ác trược, chẳng tự nhiên. *“Cần khổ cầu dục, chuyển tương khi đãi”* (Nhọc nhằn cầu mong, lần lượt lừa gạt, hãm hại lẫn nhau): Người lấn hiếp, lừa dối ta, ta lấn hiếp, lừa dối người. *“Đãi”* (殆) là gây nguy hại cho kẻ khác. Người hại ta, ta hại người. *“Tâm lao hình khốn”* (Tâm mệt, thân nhọc): Hại tới hại lui, trong tâm mọi người đều rất mệt, thân thể cũng rất khốn khổ, nhiễu loạn. *“Ẩm khổ thực độc”* (Uống khổ, ăn độc): Mọi người đói khát thì sẽ

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

uống trà, uống nước, ăn cơm, kết quả là uống những thứ nước đắng, nuốt những thứ độc dược. Đây là thí dụ. “*Như thị ác vụ, vị thường ninh tíc*” (Những chuyện ác như thế, chưa hề ngưng dứt): “*Ác vụ*” trong thế giới Sa Bà này chính là những sự vụ ác, chưa hề an tĩnh, chẳng hề ngừng nghỉ.

“*Ngô ai nhữ đấng thiên nhân chi loại, khổ tâm hối dụ*” (Ta thương xót hàng trời người các ông, khổ tâm giáo hóa, khuyên nhủ): Vì bọn trời người chúng ta, vì các chúng sanh, Thích Ca Như Lai đã khổ tâm giáo hóa chúng ta, nói tỷ dụ cho chúng ta nghe. “*Giáo linh tu thiện, tùy nghi khai đạo, thọ dữ kinh pháp, mạc bất thừa dụng*” (Truyền dạy tu thiện, tùy theo cơ nghi mà khơi gợi, hướng dẫn, không ai chẳng vâng nhận, hành theo): Mọi người đều vâng nhận, đều dụng công. Thuở đức Phật tại thế, điều này rất thành công. “*Tại ý sở nguyện, giai linh đắc đạo*” (Tùy theo ý nguyện, đều khiến cho họ đắc đạo): Bồn nguyện của ta là hy vọng mọi người đều thành Phật, nhưng khi chưa thành Phật thì sao? Trong thế giới này thì trước hết là đạt được an lạc. “*Phật sở du lý, quốc áp khâu tu*” nghĩa là chỗ đức Phật đi qua, quốc gia, thành ấp, hoặc là núi đồi, làng xóm.

“*Mị bất môn hóa*” (Không ai chẳng được giáo hóa): Mọi người đều được giáo hóa. “*Thiên hạ hòa thuận, nhật nguyệt thanh minh*” [nghĩa là] do vậy, thiên hạ hòa thuận, mặt trời, mặt trăng trong sáng. “*Phong vũ dĩ thời*”: Gió mưa đều đúng thời. “*Tai lệ bất khởi, quốc phong dân an*” (Tai ương chẳng dậy lên, nước giàu, dân yên): Quốc gia giàu có, hòa thuận, dân chúng đều an lạc. “*Binh qua vô dụng*” (Chẳng dùng đến binh khí): Mọi người chẳng cần đánh nhau, chẳng có tai ương vì chiến tranh. “*Sùng đức hưng nhân*” [nghĩa là] ai nấy đều tôn sùng đạo đức, dấy lòng nhân từ. “*Vụ tu lễ nhượng*” (Chú trọng tu tập lễ nghĩa, nhân nhượng): Tuân theo lễ nghĩa, tu tập sự nhân nhượng. Đây là sự giáo hóa thành công thuở đức Phật tại thế, xã hội đều biến thành thiên hạ thái bình.

“*Phật ngôn: - Ngã ai mẫn nhữ đấng chư thiên nhân dân, thậm v phụ mẫu niệm tử*” (Đức Phật nói: - Ta thương xót chư thiên, nhân dân các ông còn hơn cha mẹ nghĩ đến con): Thích Ca Thế Tôn thương xót chư thiên và nhân dân còn hơn cha mẹ nghĩ đến con. “*Kim ngã v thử thế tác Phật, hàng hóa ngũ ác*” (Nay ta làm Phật trong cõi đời này, hàng phục dẹp tan năm điều ác): Hàng phục, tiêu trừ năm loại ác pháp ấy. “*Tiêu trừ ngũ thố, tuyệt diệt ngũ thiêu*”: Làm thế nào để có thể diệt trừ năm sự ác, năm sự đau, năm sự đốt? “*Dĩ thiện công ác*” [tức

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

là] dùng năm thứ đại thiện pháp để tấn công, trừ diệt ác pháp. “*Bat sanh tử chi khổ, linh hoạch ngũ đức*” (Đẹp trừ nỗi khổ sanh tử, khiến đạt được ngũ đức): Ngũ đức là công đức trì ngũ giới. “*Thăng vô vi chi an*” (Đạt được sự an định vô vi): Trong tương lai sẽ có thể chứng đắc sự an lạc vô vi Niết Bàn.

“*Ngô khứ thế hậu*” [nghĩa là] sau khi đức Phật nhập Niết Bàn. “*Kinh đạo tiệm diệt, nhân dân siểm ngụy*” (Kinh đạo dần dần diệt mất, nhân dân siểm mị, hư ngụy): Ai nấy đều siểm mị, hư ngụy đối với nhau. “*Phục vi chúng ác*” [nghĩa là] lại tạo rất nhiều ác pháp, quý vị tạo các điều ác. “*Ngũ thiêu, ngũ thống, hoàn như tiền pháp, cứu hậu chuyển kịch*” (Năm sự đốt, năm sự đau lại giống như trước, lâu sau chuyển thành dữ dội): Càng về sau, càng nặng nề, càng sâu hơn. “*Bất khả tất thuyết, ngã đản vị nhữ lược ngôn chi nhĩ*” (Chẳng thể nói trọn hết, ta chỉ vì các ông nói đại lược đó thôi): Trong tương lai, chúng sanh sẽ chịu khổ như thế nào? Nỗi khổ cùng cực như thế nào? Nay ta chẳng thể nói ra [trọn hết], ta chỉ nói giản lược mà thôi!

“*Phật ngữ Di Lặc: - Nhữ đẳng các thiện tư chi, chuyển tương giáo giới, như Phật kinh pháp, vô đắc phạm dã*” (Đức Phật bảo ngài Di Lặc: - Các ông ai nấy hãy khéo suy nghĩ, lần lượt răn dạy lẫn nhau, đừng như kinh pháp của Phật, chẳng được trái phạm): Sau khi ta nhập Niết Bàn, hãy coi kinh pháp của ta như đức Thế Tôn của các người, như cha mẹ, như sư trưởng của các người, chớ nên trái nghịch kinh, đừng phạm pháp. Pháp là giới luật. “*U thị, Di Lặc Bồ Tát hiệp chưởng, bạch ngôn: - Phật sở thuyết thậm thiện*” (Ngay khi đó, Di Lặc Bồ Tát chấp tay, bạch rằng: - Đức Phật nói rất lành): Đức Phật nói quá hay. “*Thế nhân thật nhĩ*” [nghĩa là] người trong thế gian thật sự là như vậy đây. “*Như Lai phổ từ ai mãn, tất linh độ thoát. Thọ Phật trọng hối, bất cảm vi thất*” (Đức Như Lai lòng từ xót thương trọn khắp, đều làm cho họ được độ thoát. Chúng con vâng nhận lời răn trịnh trọng của Phật, chẳng dám trái nghịch, quên mất): Chúng ta quyết định phải nương theo lời đức Phật chỉ dạy để tu hành, khuyến hóa chúng sanh.

2.2.3.3.3. Dựa theo quốc độ Vô Lượng Thọ để biện định lễ được mắt hồng khiến cho mọi người tu xả

2.2.2.3.3.1. Đức Phật khuyến ngài A Nan lễ Vô Lượng Thọ Phật

(Kinh) Phật cáo A Nan: - Nhữ khởi, cánh chỉnh y phục, hiệp chưởng cung kính, lễ Vô Lượng Thọ Phật. Thập phương quốc độ

chư Phật Như Lai, thường cộng xưng dương, tán thán bỉ Phật, vô trước, vô ngại.

(經)佛告阿難：汝起，更整衣服，合掌恭敬，禮無量壽佛。十方國土諸佛如來，常共稱揚讚歎彼佛，無著無礙。

(*Kinh*: Đức Phật bảo ngài A Nan: - Ông hãy đứng dậy, chỉnh đốn y phục, chấp tay cung kính lễ Vô Lượng Thọ Phật. Chư Phật Như Lai trong mười phương quốc độ thường cùng xưng dương, tán thán đức Phật ấy không chấp trước, không ngăn ngại).

“Phật cáo A Nan” (Đức Phật bảo ngài A Nan): Khởi đầu kinh Vô Lượng Thọ, tôn giả A Nan là bậc đương cơ, vì tôn giả A Nan đa văn bậc nhất, Ngài sẽ chịu trách nhiệm kết tập Kinh Tạng. Sau đấy, đức Phật nói với Di Lặc Bồ Tát, bảo Di Lặc Bồ Tát làm bậc đương cơ, vì sau khi Thích Ca Như Lai nhập Niết Bàn, bậc đương lai hạ sanh là Di Lặc Bồ Tát sẽ thành Phật, Ngài sẽ phải nên chịu trách nhiệm hoằng pháp. Do vậy, bảo Di Lặc Bồ Tát làm đương cơ. Đã nói xong, Di Lặc Bồ Tát cũng đã vâng lời chịu trách nhiệm giáo hóa chúng sanh; ở đây, đức Thế Tôn lại gọi tôn giả A Nan, [bởi lẽ] ngài A Nan còn phải chịu trách nhiệm kết tập Kinh Tạng. Đức Phật lại bảo ngài A Nan hãy đích thân nhìn Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy A Di Đà Phật, tự mình nghe A Di Đà Phật thuyết pháp. “*Nhữ khởi, cánh chỉnh y phục*” [nghĩa là] ông hãy từ chỗ ngồi của chính mình mà đứng dậy, chỉnh đốn y phục của chính mình. “*Hiệp chưởng cung kính, lễ Vô Lượng Thọ Phật. Thập phương quốc độ chư Phật Như Lai, thường cộng xưng dương tán thán bỉ Phật, vô trước vô ngại*” (Chấp tay cung kính lễ Vô Lượng Thọ Phật, chư Phật Như Lai trong mười phương quốc độ xưng dương, tán thán đức Phật ấy không chấp trước, chẳng ngăn ngại).

2.2.2.3.3.2. Ngài A Nan phụng mạng, lễ kính đức Phật ấy, và nguyện cầu được trông thấy

(*Kinh*) U thị, A Nan khởi chỉnh y phục, chánh thân Tây diện, cung kính hiệp chưởng, ngũ thể đầu địa, lễ Vô Lượng Thọ Phật, bạch ngôn: - Thế Tôn! Nguyện kiến bỉ Phật An Lạc quốc độ, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn đại chúng.

(經)於是阿難起整衣服，正身西面，恭敬合掌，五體

投地，禮無量壽佛。白言：世尊，願見彼佛安樂國土，及諸菩薩聲聞大眾。

(Kinh: Ngay khi ấy, ngài A Nan đứng dậy, chỉnh đốn y phục, giữ tư thế đơan chánh, hướng về phía Tây, cung kính chấp tay, năm vóc gieo xuống đất, lễ Vô Lượng Thọ Phật, bạch rằng: - Bạch Thế Tôn! Nguyên thấy đức Phật ấy, cõi nước An Lạc, và các hàng Bồ Tát, Thanh Văn, đại chúng).

Ngài A Nan đối diện phương Tây, “cung kính hiệp chưởng, ngũ thể đầu địa, lễ Vô Lượng Thọ Phật. Bạch ngôn: - Thế Tôn! Nguyên kiến bỉ Phật An Lạc quốc độ, cập chư Bồ Tát Thanh Văn đại chúng” (cung kính chấp tay, năm vóc gieo xuống đất, lễ Vô Lượng Thọ Phật, bạch rằng: “Bạch Thế Tôn! Nguyên thấy đức Phật ấy, cõi nước An Lạc, và các hàng Bồ Tát, Thanh Văn, đại chúng”): Con muốn được thấy Vô Lượng Thọ Phật, nguyện trông thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới An Lạc quốc, còn muốn trông thấy Bồ Tát, Thanh Văn, đại chúng trong Tây Phương An Lạc quốc.

2.2.2.3.3.3. Do sự khải thỉnh trên đây, Vô Lượng Thọ Phật phóng quang chiếu trọn khắp

(Kinh) Thuyết thị ngữ dĩ, tức thời Vô Lượng Thọ Phật, phóng đại quang minh, phổ chiếu nhất thiết chư Phật thế giới, Kim Cang vi sơn, Tu Di sơn vương, đại tiểu chư sơn, nhất thiết sở hữu, giai đồng nhất sắc. Thí như kiếp thủy, di mãn thế giới, kỳ trung vạn vật trầm một bất hiện, hoảng dưỡng hạo hãn, duy kiến đại thủy, bỉ Phật quang minh, diệp phục như thị. Thanh Văn, Bồ Tát nhất thiết quang minh, giai tất ẩn tế, duy kiến Phật quang, minh diệp hiển hách.

(經)說是語已，即時無量壽佛，放大光明，普照一切諸佛世界。金剛圍山、須彌山王、大小諸山，一切所有，皆同一色。譬如劫水彌滿世界，其中萬物沈沒不現，滉漾浩汗，唯見大水，彼佛光明，亦復如是。聲聞菩薩一切光明，皆悉隱蔽，唯見佛光，明耀顯赫。

(Kinh: Nói lời ấy xong, ngay lập tức Vô Lượng Thọ Phật phóng quang minh lớn, chiếu trọn khắp hết thảy các thế giới của chư Phật, núi Kim Cang, Thiết Vi, núi chúa Tu Di, các núi lớn nhỏ, hết thảy tất cả

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

đều cùng một màu. Ví như lúc kiếp thủy ngập tràn thế giới, vạn vật trong ấy đều chìm ngập, chẳng hiện, mênh mông, bát ngát, chỉ thấy nước lụt. Quang minh của đức Phật ấy cũng giống như thế, hết thấy quang minh của Thanh Văn, Bồ Tát thấy đều ẩn lấp, chỉ thấy Phật quang sáng ngời rực rỡ).

“Thuyết thị ngữ dĩ” (Nói lời ấy xong): Tôn giả A Nan nói lời ấy xong. “Tức thời Vô Lượng Thọ Phật, phóng đại quang minh, phổ chiếu nhất thiết chư Phật thế giới” (Ngay lập tức, Vô Lượng Thọ Phật phóng quang minh lớn, chiếu trọn khắp hết thấy các thế giới của chư Phật): Cảm ứng đạo giao nhanh chóng ngàn ấy, sao mà nhanh thế? Khi tôn giả A Nan kết tập Kinh Tạng, Ngài mới chứng Tứ Quả. Tam Quả thánh nhân cầu [đắc quả sẽ] mau chóng hơn chúng ta. Trên thực tế, Tam Quả thánh nhân hoàn toàn chẳng thể cầu mau chóng như thế. Do có sức gia bị của đức Phật, cho nên cảm ứng đạo giao hết sức nhanh chóng, vừa đánh lễ bèn lập tức trông thấy quang minh của A Di Đà Phật chiếu trọn khắp hết thấy các thế giới của chư Phật. “Kim Cang vi sơn, Tu Di sơn vương, đại tiểu chư sơn, nhất thiết sở hữu, giai đồng nhất sắc” (Núi Kim Cang, Thiết Vi, núi chúa Tu Di, các núi lớn nhỏ, hết thấy tất cả đều cùng một màu): Toàn là quang minh của Phật. Nói cách khác, “thí như kiếp thủy di mãn thế giới” (ví như kiếp thủy tràn ngập thế giới): “Kiếp thủy” là khi thế giới đến lúc Hoại Kiếp, tức là lúc đáng nên bị hư hoại, sẽ bị đại thủy tai, trọn khắp thế giới đều là nước.

“Kỳ trung vạn vật trầm một bất hiện, hoảng dưỡng hạo hãn, duy kiến đại thủy” (Vạn vật trong ấy đều chìm đắm chẳng hiện, mênh mông, bát ngát, chỉ thấy nước lụt): Từ ngữ “hoảng dưỡng hạo hãn” (滄溟浩汗) hình dung dáng vẻ lũ lụt khắp thế giới. “Bỉ Phật quang minh, diệp phục như thị” (Quang minh của đức Phật ấy cũng giống như thế): Nay đang thấy Vô Lượng Thọ Phật phóng quang minh giống như nước lụt trọn khắp thế giới! “Thanh Văn, Bồ Tát nhất thiết quang minh, giai tất ẩn tế” (Hết thấy quang minh của Thanh Văn và Bồ Tát đều ẩn khuất): Thanh Văn, Bồ Tát đều có quang minh, nhưng thấy đều chẳng thấy. “Duy kiến Phật quang, minh diệu hiển hách” (Chỉ thấy Phật quang sáng ngời rực rỡ): Chỉ thấy quang minh rất lớn của đức Phật.

2.2.2.3.3.4. Do quang minh của đức Phật chiếu soi, đôi bên trông thấy nhau

(Kinh) Nhĩ thời A Nan tức kiến Vô Lượng Thọ Phật, oai đức nguy nguy, như Tu Di sơn vương, cao xuất nhất thiết chư thế giới thượng, tướng hảo, quang minh, mị bất chiếu diệu. Thử hội tứ chúng, nhất thời tất kiến. Bỉ kiến thử độ, diệc phục như thị.

(經)爾時阿難，即見無量壽佛，威德巍巍，如須彌山王，高出一切諸世界上，相好光明，靡不照耀。此會四眾，一時悉見。彼見此土，亦復如是。

(Kinh: Lúc bấy giờ, ngài A Nan liền thấy Vô Lượng Thọ Phật oai đức vòi vọi, như núi chúa Tu Di cao vượt trội hết thảy các thế giới, tướng hảo, quang minh, không đâu chẳng chiếu sáng rực. Tứ chúng trong hội này cùng lúc đều trông thấy. Chúng sanh trong cõi kia trông thấy cõi này cũng giống như vậy).

“**Nhĩ thời A Nan tức kiến Vô Lượng Thọ Phật**” (Lúc bấy giờ, ngài A Nan liền trông thấy Vô Lượng Thọ Phật): Khi ấy, tôn giả A Nan từ trong quang minh trông thấy Vô Lượng Thọ Phật. “**Oai đức nguy nguy**” (Oai đức vòi vọi): Oai đức to lớn. “**Như Tu Di sơn vương, cao xuất nhất thiết chư thế giới thượng**” [nghĩa là] giống như núi chúa Tu Di, cao vượt khỏi hết thảy các thế giới. “**Tướng hảo, quang minh, mị bất chiếu diệu. Thử hội tứ chúng, nhất thời tất kiến**” (Tướng hảo, quang minh, không đâu chẳng chiếu sáng rực. Tứ chúng trong hội này đều cùng lúc trông thấy): Trước là một mình tôn giả A Nan trông thấy; khi ấy, tứ chúng trong pháp hội của Phật Thích Ca cũng đều trông thấy. “**Bỉ kiến thử độ, diệc phục như thị**” nghĩa là các vị Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc thế giới trông thấy quốc độ của Phật Thích Ca cũng đều thấy rõ ràng, rành rẽ.

2.2.2.3.3.5. Do trông thấy nhau mà nêu bày sự được mắt trong cõi ấy

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo A Nan cập Từ Thị Bồ Tát: - Nhữ kiến bỉ quốc, tòng địa dĩ thượng, chí Tịnh Cư Thiên, kỳ trung sở hữu vi diệu nghiêm tịnh tự nhiên chi vật, vi tất kiến phủ?

A Nan đối viết: - Dụy nhiên, dĩ kiến.

- Nhữ ninh phục văn Vô Lượng Thọ Phật đại âm tuyên bố nhất thiết thế giới hóa chúng sanh phủ?

A Nan đối viết: - Dụy nhiên, dĩ văn.

- Bỉ quốc nhân dân, thừa bách thiên do-tuần thất bảo cung

điện, vô sở chướng ngại, biến chí thập phương cúng dường chư Phật, như phục kiến phủ?

Đôi viết: - Dĩ kiến.

- Bỉ quốc nhân dân hữu thai sanh giả, như phục kiến phủ?

Đôi viết: - Dĩ kiến.

- Kỳ thai sanh giả, sở xử cung điện, hoặc bách do-tuần, hoặc ngũ bách do-tuần, các u kỳ trung, thọ chư khoái lạc, như Đạo Lợi thiên thượng, diệc giai tự nhiên.

Nhĩ thời, Từ Thị Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Hà nhân, hà duyên, bỉ quốc nhân dân, thai sanh, hóa sanh?

Phật cáo Từ Thị: - Nhược hữu chúng sanh, dĩ nghi hoặc tâm, tu chư công đức, nguyện sanh bỉ quốc, bất liễu Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại Thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí, u thử chư trí, nghi hoặc bất tín. Nhiên do tín tội phước, tu tập thiện bản, nguyện sanh kỳ quốc. Thử chư chúng sanh, sanh bỉ cung điện, thọ ngũ bách tuế, thường bất kiến Phật, bất văn kinh pháp, bất kiến Bồ Tát, Thanh Văn thánh chúng. Thị cố u bỉ quốc độ, vị chi thai sanh. Nhược hữu chúng sanh, minh tín Phật trí, nãi chí thắng trí, tác chư công đức, tín tâm hồi hướng. Thử chư chúng sanh, u thất bảo hoa trung, tự nhiên hóa sanh, già phu nhi tọa, tu du chi khoảnh, thân tướng, quang minh, trí huệ, công đức như chư Bồ Tát cụ túc thành tựu.

Phục thứ Từ Thị! Tha phương chư đại Bồ Tát, phát tâm dục kiến Vô Lượng Thọ Phật, cung kính cúng dường, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn thánh chúng. Bỉ Bồ Tát đẳng, mạng chung đắc sanh Vô Lượng Thọ quốc, u thất bảo hoa trung, tự nhiên hóa sanh.

Di Lạc đương tri! Bỉ hóa sanh giả, trí huệ thắng cố. Kỳ thai sanh giả, giai vô trí huệ, u ngũ bách tuế trung, thường bất kiến Phật, bất văn kinh pháp, bất kiến Bồ Tát, chư Thanh Văn chúng, vô do cúng dường u Phật, bất tri Bồ Tát pháp thức, bất đắc tu tập công đức. Đương tri thử nhân, túc thế chi thời, vô hữu trí huệ, nghi hoặc sở trí.

Phật cáo Di Lạc: - Thí như Chuyển Luân thánh vương, hữu thất bảo lao ngục, chủng chủng trang nghiêm, tương thiết sàng trướng, huyền chư tăng cái. Nhược hữu chư tiểu vương tử, đắc tội u vương, triếp nội bỉ ngục trung, hệ dĩ kim tảo. Cúng dường phạn thực, y phục, sàng nhục, hoa hương, kỹ nhạc, như Chuyển Luân vương, vô sở phạp thiếu. Ư ý vân hà? Thử chư vương tử, ninh nhạo bỉ xứ

phủ?

Đôi viết: - Bất dã! Đản chúng chúng phương tiện, câu chư đại lực, dục tự miễn xuất.

Phật cáo Di Lặc: - Thử chư chúng sanh, diệc phục như thị. Dĩ nghi hoặc Phật trí cố, sanh bỉ thất bảo cung điện, vô hữu hình phạt, nãi chí nhất niệm ác sự, đản u ngũ bách tuế trung, bất kiến Tam Bảo, bất đắc cúng dường, tu chư thiện bản, dĩ thử vi khổ. Tuy hữu dư lạc, do bất nhạo bỉ xứ. Nhược thử chúng sanh, thức kỳ bốn tội, thâm tự hồi trách, cầu ly bỉ xứ, tức đắc như ý, vãng nghệ Vô Lượng Thọ Phật sở, cung kính cúng dường, diệc đắc biến chí vô lượng vô số chư dư Phật sở, tu chư công đức.

Di Lặc đương tri! Kỳ hữu Bồ Tát, sanh nghi hoặc giả, vi thất đại lợi. Thị cố ưng đương minh tín chư Phật vô thượng trí huệ.

(經)爾時，佛告阿難及慈氏菩薩：汝見彼國，從地已上，至淨居天，其中所有微妙嚴淨自然之物，為悉見不？阿難對曰：唯然，已見。汝寧復聞無量壽佛大音宣布一切世界化眾生不？阿難對曰：唯然，已聞。彼國人民，乘百千由旬七寶宮殿，無所障礙，徧至十方供養諸佛，汝復見不？對曰：已見。彼國人民有胎生者，汝復見不？對曰：已見。其胎生者，所處宮殿，或百由旬，或五百由旬，各於其中受諸快樂，如忉利天上，亦皆自然。爾時慈氏菩薩白佛言：世尊！何因何緣，彼國人民，胎生、化生？佛告慈氏：若有眾生，以疑惑心，修諸功德，願生彼國。不了佛智、不思議智、不可稱智、大乘廣智、無等無倫最上勝智，於此諸智，疑惑不信。然猶信罪福，修習善本，願生其國。此諸眾生，生彼宮殿，壽五百歲，常不見佛，不聞經法，不見菩薩聲聞聖眾。是故於彼國土，謂之胎生。若有眾生，明信佛智，乃至勝智，作諸功德，信心迴向。此諸眾生，於七寶華中，自然化生，跏趺而坐。須臾之頃，身相光明，智慧功德，如諸菩薩具足成就。復次慈氏！他方諸大菩薩，發心欲見無量壽佛，恭敬供養，及諸菩薩聲聞聖眾。彼菩薩等，命終得生無量壽國，於七寶華中，自

然化生。彌勒當知！彼化生者，智慧勝故。其胎生者，皆無智慧，於五百歲中，常不見佛，不聞經法，不見菩薩諸聲聞眾。無由供養於佛，不知菩薩法式，不得修習功德。當知此人，宿世之時，無有智慧，疑惑所致。佛告彌勒：譬如轉輪聖王，有七寶牢獄，種種莊嚴，張設床帳，懸諸繒蓋。若有諸小王子，得罪於王，輒內彼獄中，繫以金鎖。供養飯食衣服床蓐，華香伎樂，如轉輪王，無所乏少。於意云何？此諸王子，寧樂彼處不？對曰：不也！但種種方便，求諸大力，欲自勉出。佛告彌勒：此諸眾生，亦復如是。以疑惑佛智故，生彼七寶宮殿，無有刑罰，乃至一念惡事。但於五百歲中，不見三寶，不得供養修諸善本，以此為苦。雖有餘樂，猶不樂彼處。若此眾生，識其本罪，深自悔責，求離彼處，即得如意，往詣無量壽佛所，恭敬供養，亦得徧至無量無數諸餘佛所，修諸功德。彌勒當知！其有菩薩，生疑惑者，為失大利。是故應當明信諸佛無上智慧。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Phật bảo ngài A Nan và Từ Thị Bồ Tát: - Ông thấy cõi ấy, từ mặt đất trở lên cho đến cõi trời Tịnh Cư, tất cả những vật tự nhiên vi diệu trang nghiêm, thanh tịnh trong ấy, ông có đều trông thấy hay chăng?)

Ngài A Nan thưa: - Vâng ạ, con đã thấy.

- Ông lại còn nghe âm thanh to lớn của Vô Lượng Thọ Phật tuyên bố trong hết thấy các thế giới để giáo hóa chúng sanh hay chăng?

Ngài A Nan thưa: - Vâng ạ, con đã nghe.

- Nhân dân trong cõi ấy cười cung điện bảy báu to trăm ngàn do-tuần chẳng bị chướng ngại đến trọn khắp mười phương cúng dường chư Phật, ông lại có thấy hay không?

Thưa rằng: - Con đã thấy.

- Nhân dân trong cõi ấy có kẻ thai sanh, ông lại có thấy hay chăng?

Thưa rằng: - Đã thấy.

- Kẻ thai sanh ở trong cung điện, hoặc to một trăm do-tuần, hoặc

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

năm trăm do-tuần, ai nấy ở trong đó hưởng những sự vui sướng như trên cõi trời Đao Lợi cũng đều là tự nhiên.

Lúc bấy giờ, Từ Thị Bồ Tát bạch đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà nhân dân trong cõi ấy có thai sanh và hóa sanh?

Đức Phật bảo ngài Từ Thị: - Nếu có chúng sanh dùng cái tâm ngờ vực để tu các công đức, nguyện sanh về cõi ấy, chẳng hiểu rõ Phật trí, trí chẳng thể nghĩ bàn, trí chẳng thể diễn tả, trí Đại Thừa rộng lớn, trí tối thượng thù thắng không sánh bằng, đối với các trí ấy, ngờ vực chẳng tin, nhưng vẫn tin tội phước, tu tập cội lành, nguyện sanh về cõi ấy. Các chúng sanh đó sống trong cung điện ấy, thọ năm trăm năm, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, chẳng thấy Bồ Tát, Thanh Văn thánh chúng. Do vậy, ở trong cõi nước ấy, được gọi là “thai sanh”. Nếu có chúng sanh tin hiểu rõ ràng Phật trí cho đến thắng trí, làm các công đức, tín tâm hồi hướng. Các chúng sanh ấy ở trong hoa bảy báu, tự nhiên hóa sanh, ngồi xếp bằng, trong khoảnh khắc, thân tướng, quang minh, trí huệ, công đức thành tựu trọn đủ như các vị Bồ Tát.

Lại nữa, Từ Thị! Các vị đại Bồ Tát ở phương khác phát tâm muốn thấy Vô Lượng Thọ Phật, các vị Bồ Tát, Thanh Văn thánh chúng để cung kính cúng dường, hàng Bồ Tát ấy mạng chung sẽ được sanh về cõi Vô Lượng Thọ, tự nhiên hóa sanh trong hoa bảy báu.

Di Lặc hãy nên biết! Người hóa sanh ấy do trí huệ thù thắng, còn kẻ thai sanh đều là không có trí huệ, trong năm trăm năm, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, chẳng thấy các vị Bồ Tát và Thanh Văn, không có cách nào cúng dường Phật, chẳng biết pháp thức của Bồ Tát, chẳng được tu tập công đức. Hãy nên biết người ấy trong đời trước chẳng có trí huệ, do nghi hoặc mà nên nổi!

Phật cáo Di Lặc: - Ví như Chuyển Luân thánh vương có lao ngục bằng bảy báu, các thứ trang nghiêm, xếp đặt giường, màn, treo các phan, lọng. Nếu có các tiểu vương tử mắc tội với vua, liền bị giam vào trong ngục ấy, dùng xích vàng trói lại. Họ được cung cấp cơm ăn, y phục, giường, đệm, hoa, hương, kỹ nhạc, như vua Chuyển Luân, chẳng bị thiếu thốn, ý ông nghĩ sao? Các vương tử ấy có ưa thích nơi đó hay chẳng?

Thưa rằng: - Không ạ! Họ chỉ dùng đủ mọi phương tiện, cầu cứu những người có thế lực lớn, mong được thoát ra.

Đức Phật bảo ngài Di Lặc: - Các chúng sanh ấy cũng giống như thế. Do nghi hoặc Phật trí, sanh trong cung điện bảy báu ấy, chẳng có

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

hình phạt, cho đến chẳng có sự ác trong khoảng một niệm, chỉ là trong năm trăm năm, chẳng thấy Tam Bảo, chẳng được cúng dường, tu các tội lành, coi đó là khổ. Tuy có các điều vui khác, vẫn chẳng ưa thích chỗ đó! Nếu các chúng sanh ấy, biết rõ cái tội gốc của chính mình, tự hối hận, tự trách sâu xa, cầu lìa chốn ấy, liền được như ý, đến chỗ Vô Lượng Thọ Phật, cúng kính cúng dường, cũng được đến trọn khắp vô lượng vô số chỗ của các vị Phật khác, tu các công đức.

Di Lặc hãy nên biết! Nếu có Bồ Tát, sanh lòng ngờ vực, sẽ đánh mất lợi ích to lớn. Vì thế, hãy nên tin tưởng rành rẽ trí huệ vô thượng của chư Phật).

“*Nhĩ thời, Phật cáo A Nan cập Từ Thị Bồ Tát*” (Khi ấy, đức Phật bảo ngài A Nan và Từ Thị Bồ Tát): “*Từ Thị Bồ Tát*” là Di Lặc Bồ Tát, tiếng Hán dịch [danh hiệu Di Lặc] thành Từ Thị. “*Nhữ kiến bỉ quốc, tùng địa dĩ thượng, chí Tịnh Cư Thiên, kỳ trung sở hữu vi diệu nghiêm tịnh tự nhiên chi vật, vi tất kiến phủ?*” (Ông thầy cõi ấy, từ mặt đất trở lên cho đến cõi trời Tịnh Cư, tất cả những vật tự nhiên vi diệu trang nghiêm, thanh tịnh trong ấy, ông có đều trông thấy hay chẳng?) Các vị đều trông thấy cõi nước An Dưỡng ấy, hãy xem từ mặt đất cho đến bầu trời, hãy xem Tịnh Cư Thiên. Tịnh Cư Thiên (Śuddhāvāsa) là Tứ Thiên Thiên, tất cả những vật tự nhiên thanh tịnh, trang nghiêm trong ấy, các vị có thấy đều trông thấy hay chẳng? “*A Nan đối viết: - Dục nhiên, dĩ kiến*” (Ngài A Nan thưa: - Vâng ạ! Con đã thấy): Chúng con thấy đều trông thấy.

Ở chỗ này, đáng lẽ phải thêm hai chữ [*“Phật ngôn”*] vào trước câu kinh kế tiếp]. “*Phật ngôn: - Nhữ ninh phục văn Vô Lượng Thọ Phật đại âm tuyên bố nhất thiết thế giới hóa chúng sanh phủ?*” (Đức Phật nói: - Ông lại còn nghe âm thanh to lớn của Vô Lượng Thọ Phật tuyên bố trong hết thấy các thế giới để giáo hóa chúng sanh hay chẳng?) Quý vị có nghe thấy âm thanh thuyết pháp của Vô Lượng Thọ Phật? Ngài ở nơi đó, tuyên bố giáo hóa hết thấy các thế giới. Các ông có nghe âm thanh giáo hóa chúng sanh hay không? Chữ Bất (不) ở đây [do dùng ở cuối câu, mang ý nghĩa nghi vấn], phải đọc là Fô (ㄉㄨˋ, âm Hán Việt là Phủ). “*A Nan đối viết: - Dục nhiên, dĩ văn*” (Ngài A Nan thưa: - Vâng ạ, con đã nghe): Con đều nghe thấy.

Đức Phật lại hỏi: “*Bỉ quốc nhân dân, thừa bách thiên do-tuần thất bảo cung điện, vô sở chướng ngại, biến chí thập phương cúng dường chư Phật, nhữ phục kiến phủ?*” (Nhân dân trong nước ấy, cưỡi

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

cung điện bằng bảy báu, to trăm ngàn do-tuần, chẳng bị chướng ngại, đến trọn khắp mười phương để cúng dường chư Phật. Ông có lại trông thấy hay không?): Đây càng là cảnh giới đặc biệt của Tây Phương Cực Lạc thế giới. [Nhân dân] từ Tây Phương Cực Lạc thế giới đến các quốc độ của chư Phật để cúng dường đều có thần thông, đều là bay đến, bay đi. Họ còn có đại phước báo, đều ngồi trong cung điện bảy báu, đưa cung điện bảy báu đến các quốc độ của mười phương chư Phật để cúng dường chư Phật. Khi ấy, quý vị có trông thấy hay chẳng? Đây là cảnh giới Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, nhất định có chuyện ấy. Nay chúng tôi dùng tỷ dụ; hiện thời, kẻ có tiền đi đến đâu đều ngồi máy bay. Quý vị có thấy họ ngồi máy bay trên không trung, bay tới nước Mỹ, bay tới châu Âu, có ý nghĩa này. “*Đối viết: - Dĩ kiến*” (Thưa rằng: - Con đã thấy).

“*Bỉ quốc nhân dân, hữu thai sanh giả, nhữ phục kiến phủ? Đối viết: Dĩ kiến. Kỳ thai sanh giả, hoặc bách do-tuần, hoặc ngũ bách do-tuần, các kỳ trung thọ chư khoái lạc, như Đao Lợi thiên thượng, diệc giai tự nhiên*” (Nhân dân trong cõi ấy có kẻ thai sanh, ông lại có thấy hay chẳng? Thưa rằng: “Đã thấy”. “Kẻ thai sanh ở trong cung điện, hoặc to một trăm do-tuần, hoặc năm trăm do-tuần, ai nấy ở trong đó hưởng những sự vui sướng như trên cõi trời Đao Lợi, cũng đều là tự nhiên”): Nhân dân trong cõi ấy có kẻ thai sanh, quý vị có trông thấy hay không? Ngài A Nan trả lời: “Con đã thấy”. Thấy thai sanh như thế nào? Ở trong cung điện, hoặc là to một trăm do-tuần, hoặc to năm trăm do-tuần, đều tự ở trong cung điện rất vui sướng, vui sướng cỡ nào? Vui sướng như trên cõi trời Đao Lợi. Trong phần trên đã nói nơi ấy chính là Biên Địa của Tây Phương, suốt năm trăm năm chẳng nghe danh hiệu Tam Bảo, giống như đọa vào trong thai mẹ, nên gọi là “*thai sanh*”.

“*Nhĩ thời, Từ Thị Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Hà nhân, hà duyên, bỉ quốc nhân dân, thai sanh, hóa sanh?*” (Lúc bấy giờ, Từ Thị Bồ Tát bạch đức Phật rằng: - Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà nhân dân trong cõi ấy có thai sanh và hóa sanh?): Từ Thị Bồ Tát là Di Lạc Bồ Tát. Ngài họ Từ (Maitreya), nên gọi là Từ Thị, giống như hiện thời chúng ta họ Trương thì gọi là Trương Thị, họ Vương thì gọi là Vương Thị. Tên Ngài là A Dật Đa (Ajita), dịch sang tiếng Hán là Vô Năng Thắng (無能勝, không ai có thể vượt trội được). Bộ kinh Vô Lượng Thọ này gọi Ngài là Từ Thị Bồ Tát. Do Ngài thưa hỏi đức Thế Tôn vì nhân duyên nào mà nhân dân trong cõi ấy có thai sanh và hóa sanh? “*Bỉ quốc*” là cõi Vô Lượng Thọ. Trong phần trên đã nói tôn giả

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

A Nan chính mắt trông thấy Vô Lượng Thọ Phật và Tây Phương An Lạc thế giới, trông thấy nhân dân ở trong cung điện đến cúng dường mười phương chư Phật, còn trông thấy những người thai sanh ở trong cung điện bảy báu đều rất vui sướng, vui sướng như ở trong cung trời Đao Lợi vậy. Di Lặc Bồ Tát sợ chúng ta không hiểu, liền thay chúng ta thưa hỏi: “Vì sao thế giới An Lạc có thai sanh? Còn có kẻ hóa sanh? Xin đức Phật khai thị!”

“*Phật cáo Từ Thị*” nghĩa là đức Phật Thích Ca bảo Từ Thị Bồ Tát. “*Nhược hữu chúng sanh, dĩ nghi hoặc tâm, tu chư công đức, nguyện sanh bỉ quốc, bất liễu Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xung trí, Đại Thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí, u thử chư trí, nghi hoặc bất tín, nhiên do tín tội phước, tu tập thiện bản, nguyện sanh kỳ quốc. Thử chư chúng sanh, sanh bỉ cung điện, thọ ngũ bách tuế, thường bất kiến Phật, bất văn kinh pháp, bất kiến Bồ Tát, Thanh Văn thánh chúng*” (Nếu có chúng sanh dùng cái tâm ngờ vực để tu các công đức, nguyện sanh về cõi ấy, chẳng hiểu rõ Phật trí, trí chẳng thể nghĩ bàn, trí chẳng thể diễn tả, trí Đại Thừa rộng lớn, trí tối thượng thù thắng không sánh bằng, đối với các trí ấy, ngờ vực chẳng tin, nhưng vẫn tin tội phước, tu tập cội lành, nguyện sanh về cõi ấy. Các chúng sanh đó sống trong cung điện ấy, thọ năm trăm năm, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, chẳng thấy Bồ Tát, Thanh Văn thánh chúng): Đây là đức Phật Thích Ca trả lời Di Lặc Bồ Tát, cũng nhằm nói cho chúng ta nghe. Trong phần trước đã có nói, Biên Địa của Tây Phương Cực Lạc thế giới gọi là Nghi Thành, còn gọi là Thai Cung. Nay do tôn giả A Nan đích thân trông thấy, Di Lặc Bồ Tát lại thưa hỏi, lại xin đức Phật giải thích ngõ hầu chúng ta hiểu rõ hơn đôi chút.

“*Nhược hữu chúng sanh, dĩ nghi hoặc tâm, tu chư công đức*” (Nếu có chúng sanh dùng tâm nghi hoặc để tu các công đức): Cái tâm nghi hoặc ấy chẳng phải là nghi ngờ không tin, mà là chẳng tin vào trí huệ của Phật. Nếu kẻ ấy nghi mà chẳng tin, sẽ chẳng tu các công đức. Vì kẻ ấy chẳng đủ trí huệ, [cho nên có] nổi nghi hoặc ấy, nhưng kẻ đó vẫn tu công đức, vẫn nguyện sanh về cõi ấy. Vậy thì sanh về đâu? Kết quả là sanh về Biên Địa của Tây Phương, vào trong cung điện bảy báu. Đây là do kẻ ấy nghi hoặc, nghi hoặc điều gì vậy? Nghi hoặc là vì trí huệ của chính kẻ ấy chẳng đủ. “*Bất liễu Phật trí*” (Chẳng hiểu rõ Phật trí): Câu này nói tổng quát, kẻ ấy chẳng thể hiểu rõ trí huệ của Phật. Trí huệ của Phật là trí huệ gì vậy? Kế đó, [đức Phật] lại giảng rõ. “*Bất tư nghị trí*”: Trí huệ của Phật quá sâu, phạm phu chẳng thể nghĩ bàn được.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Bất khả xung trí*”: Người khác xung tụng, tán dương trí huệ của Phật to lớn cỡ nào, vẫn đều là chẳng thể xung dương, tán thán. Đây là nói trí huệ của đức Phật rất rộng lớn. Do trí huệ của Phật quá rộng lớn, chẳng thể diễn tả nổi! “*Đại Thừa quảng trí*”: Hết thảy các pháp, không gì chẳng biết, không gì chẳng hiểu. Đức Phật biết quá ư là nhiều, phạm phủ chẳng thể thấu hiểu trí huệ của đức Phật to cỡ nào.

“*Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí*”: Trí huệ của Tam Thừa thánh nhân, tức Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ Tát đều chẳng sánh bằng trí huệ của đức Phật, mà cũng chẳng thể so sánh được! “*Đẳng luân*” (等倫) là so sánh, chẳng có cách nào so sánh, vì trí huệ của đức Phật là “*tối thượng thắng trí*” (trí thù thắng tối thượng). Trên đây là biệt thuyết (nói từng điều riêng biệt), kể đó lại tổng kết: “*Ư thử chư trí, nghi hoặc bất tín*” (Đối với các trí huệ ấy, ngờ vực chẳng tin): Trí huệ của đức Phật to như vậy, chúng ta chẳng có cách nào thấu hiểu. Đây là nghi hoặc, chứ chẳng phải là hoàn toàn không tin. “*Nhiên do tín tội phước*” (Nhưng vẫn tin tội phước), “*nhiên*” (然) là từ ngữ chuyển tiếp [hàm nghĩa “tuy vậy”], kể đó vẫn tin tưởng nhân quả báo ứng, tức là làm ác nhất định phải chịu tội, tu thiện nhất định được phước. Kể ấy tin tưởng chuyện này. “*Tu tập thiện bản, nguyện sanh kỳ quốc*” (Tu tập cõi lành, nguyện sanh về cõi ấy): Kể ấy tu rộng rãi hết thảy các thiện sự, mong cầu phước; do vậy, đem các công đức tu các cõi lành hồi hướng Tây Phương, nguyện sanh về cõi ấy.

“*Thử chư chúng sanh, sanh bỉ cung điện*” (Các chúng sanh ấy sanh trong cung điện đó): Loại chúng sanh ấy, tức là những chúng sanh hoài nghi trí huệ cao sâu rộng lớn của Phật, sanh về Tây Phương Cực Lạc, sẽ sanh trong cung điện bảy báu nơi Biên Địa của Tây Phương. “*Thọ ngũ bách tuế*”: Thọ mạng dài năm trăm năm, ở trong cung điện bảy báu, bị nhốt suốt năm trăm năm. Chẳng phải là sau năm trăm năm sẽ chết, mà là ở trong cung điện bên đó năm trăm năm, giống như bị giam trong ngục. “*Thường bất kiến Phật*” (Thường chẳng thấy Phật), mà cũng “*bất văn kinh pháp*” (chẳng nghe kinh pháp), cũng “*bất kiến Bồ Tát, Thanh Văn thánh chúng*” (chẳng thấy Bồ Tát, Thanh Văn thánh chúng), tức là chẳng thấy tăng nhân. “*Thị cố ư bỉ quốc độ, vị chi thai sanh*” (Do vậy được gọi là “*thai sanh*” trong cõi nước ấy): Chẳng thấy cảnh giới bên ngoài, tức là cảnh giới Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, giống như chúng ta ở trong thai mẹ suốt mười tháng nơi thế giới Sa Bà, nên đặt ra một danh xưng là Thai Sanh.

Lại nói tiếp Hóa Sanh là gì? “*Nhược hữu chúng sanh, minh tín*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

Phật trí” (Nếu có chúng sanh tin hiểu rõ ràng Phật trí): “*Minh*” là hiểu rõ, “*tín*” là tín ngưỡng, hiểu rõ trí huệ của Phật, tin tưởng, ngưỡng mộ trí huệ của Phật. “*Nãi chí thắng trí*”, “*nãi chí*” (乃至) là từ ngữ tỉnh lược, [hàm nghĩa] hiểu rõ Phật trí cho đến những trí đã nói trên đây, tức “*bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại Thừa quảng trí, nãi chí vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí*”: Thấy đều hiểu rõ, sanh lòng tín ngưỡng. “*Tác chư công đức, tín tâm hồi hướng*” (Làm các công đức, tín tâm hồi hướng): Đền cõi Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*thử chư chúng sanh, ư thất bảo hoa trung, tự nhiên hóa sanh*” (các chúng sanh ấy tự nhiên hóa sanh trong hoa bảy báu): Ở trong hoa sen bảy báu đều là chúng sanh hóa sanh, tự nhiên hóa sanh trong hoa sen bảy báu. “*Già phu nhi tọa*”: Hai đùi xếp chéo nhau, gọi là “*già phu tọa*” (跏趺坐, ngồi xếp bằng, ngồi kiết già).

“*Tu du chi khoảnh, thân tướng, quang minh, trí huệ, công đức, như chư Bồ Tát cụ túc thành tựu*” (Trong khoảnh khắc, thân tướng, quang minh, trí huệ, công đức thành tựu trọn đủ như các vị Bồ Tát): “*Tu du chi khoảnh*” là thời gian rất ngắn. Ví như một chúng sanh niệm Phật trong thế giới Sa Bà, tới khi lâm chung, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, đích thân trông thấy A Di Đà Phật, gá thân vào đài hoa sen, ngồi trong hoa sen sanh về Tây Phương. Hoa nở thấy Phật, hoa sen vừa nở, chúng sanh ấy bước ra đánh lễ đức Phật, nghe Phật thuyết pháp. Thời gian ấy chừng bao lâu? “*Đàn chỉ chi khoảnh*”, tức là thời gian khảy ngón tay một cái, đã sanh về Tây Phương, hoa nở thấy Phật. Vì thế, “*tu du chi khoảnh*” (trong khoảnh khắc), người ấy từ hoa sen bước ra, thân tướng, trang nghiêm, đều là ba mươi hai tướng, cũng có quang minh, hết thấy trí huệ, hết thấy công đức đều giống như các vị Bồ Tát khác, đều thành tựu trọn đủ.

“*Phục thứ Từ Thị!*” (Lại nữa, Từ Thị!): Đức Phật lại gọi Di Lặc Bồ Tát một tiếng. “*Tha phương chư đại Bồ Tát, phát tâm dục kiến Vô Lượng Thọ Phật*” (Các vị đại Bồ Tát trong các phương khác, phát tâm muốn thấy Vô Lượng Thọ Phật): Trong hư không có vô biên thế giới, trong các thế giới phương khác cũng có những vị đại Bồ Tát phát tâm muốn thấy Vô Lượng Thọ Phật. “*Cung kính cúng dường, cập chư Bồ Tát, Thanh Văn thánh chúng*” (Cung kính cúng dường Phật và các vị đại Bồ Tát, Thanh Văn thánh chúng): Lại còn cúng dường các vị đại Bồ Tát và Thanh Văn thánh chúng. “*Bỉ Bồ Tát đẳng, mạng chung đắc sanh Vô Lượng Thọ quốc*” (Các hàng Bồ Tát ấy, mạng chung sẽ được sanh về cõi Vô Lượng Thọ): “*Bỉ Bồ Tát đẳng*” là những Bồ Tát ở các

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

thế giới phương khác, đến khi mạng chung, sẽ sanh vào cõi Vô Lượng Thọ, “*ư thất bảo hoa trung, tự nhiên hóa sanh*” (tự nhiên hóa sanh trong hoa bảy báu).

“*Di Lạc đương tri! Bỉ hóa sanh giả, trí huệ thắng cố*” (Di Lạc hãy nên biết! Những người hóa sanh là do trí huệ thù thắng): Đức Phật bảo: “*Di Lạc! Ông hãy nên biết, vì sao họ có thể hóa sanh? Vì trí huệ của họ thù thắng vượt trội*”. “*Kỳ thai sanh giả, giai vô trí huệ*” (Những kẻ thai sanh đều chẳng có trí huệ): Thai sanh là vì họ chẳng có trí huệ. Nói đến trí huệ to lớn của đức Phật, họ chẳng thể tiếp nhận, chẳng thể tin ngưỡng. “*Ư ngũ bách tuế trung, thường bất kiến Phật, bất văn kinh pháp, bất kiến Bồ Tát, chư Thanh Văn chúng*” (Trong năm trăm năm, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, chẳng thấy Bồ Tát và các vị Thanh Văn). Kẻ ấy sanh về Tây Phương Biên Địa, sanh trong cung điện bảy báu, chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, chẳng thấy Tăng, chẳng thấy Tam Bảo. “*Vô do cúng dường ư Phật*” (Không có cách nào cúng dường Phật): Kẻ ấy chẳng thấy Phật, cúng dường bằng cách nào đây? Chẳng có cách nào cúng dường! “*Bất tri Bồ Tát pháp thức*” (Chẳng biết pháp thức của hàng Bồ Tát): Có gì để uôn nắn kẻ ấy, [kẻ ấy] cũng chẳng biết, vì kẻ ấy chẳng thấy Bồ Tát. “*Bất đắc tu tập công đức*” (Chẳng được tu tập công đức): Đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn phải dụng công tu tập công đức, kẻ ấy cũng không biết. “*Đương tri thử nhân, túc thế chi thời, vô hữu trí huệ, nghi hoặc sở tri*” (Hãy nên biết kẻ ấy đời trước chẳng có trí huệ, do nghi hoặc mà nên nổi): Hãy nên biết, kẻ ấy sanh vào Biên Địa của Tây Phương. “*Túc thế*” (宿世) là đời trước, kiếp trước chẳng có trí huệ. “*Nghi hoặc*”: Nghi hoặc Phật chẳng có trí huệ to lớn dường ấy, do vậy, mới sanh vào Biên Địa của Tây Phương.

“*Phật cáo Di Lạc: - Thí như Chuyển Luân thánh vương, hữu thất bảo lao ngục, chủng chủng trang nghiêm, trượng thiết sàng trướng, huyền chư tăng cái*” (Đức Phật bảo ngài Di Lạc: - Ví như Chuyển Luân thánh vương có lao tù bằng bảy báu, trang nghiêm mọi thứ, xếp bày giường, màn, treo các phan lọng): Chúng ta thấy chúng sanh thai sanh tại Biên Địa như đã nói trong phần trước chẳng hề chịu khổ, họ vẫn đang hưởng sự vui, chẳng có gì không tốt đẹp. Ở đây bèn nói một tỷ dụ, quý vị sẽ biết họ chẳng vui thích! Ví như người có phước báo nhất trong thế giới Sa Bà là Chuyển Luân thánh vương. Chuyển Luân thánh vương có nhà tù bằng bảy báu. Đây là một nhà giam, trong ấy vẫn có đủ mọi thứ trang nghiêm, vẫn treo bày màn, giường, còn treo phan, treo

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

lọng, hết sức trang nghiêm. “*Nhược hữu chư tiểu vương tử, đắc tội ư vương*” (Nếu có các tiểu vương tử mắc tội với vua), tiểu vương tử đắc tội với Chuyển Luân thánh vương, “*triếp nội bị ngục trung*” (liền bị nhốt vào ngục đó). Chữ Nội (內) đọc là Nà (ㄋㄚˊ), tống họ vào trong nhà tù bảy báu. “*Hệ dĩ kim tóa, cúng dường phạn thực, y phục, sàng nhục, hoa hương, kỹ nhạc*” (Trói bằng xích vàng, cung cấp cơm nước, quần áo, giường đệm, hoa, hương, âm nhạc): Trói bằng xiềng xích quý báu, còn là bằng vàng, chẳng phải bằng sắt.

“*Cúng dường phạn thực*”: Ăn những thứ ngon lành nhất, lại còn có y phục, giường, đệm, toàn là cung cấp những thứ tốt đẹp nhất, lại còn có các thứ hoa thơm, kỹ nhạc cúng dường. “*Như Chuyển Luân vương, vô sở thiếu phạp*” (Như vua Chuyển Luân chẳng hề thiếu thốn): Hưởng thụ chẳng khác Chuyển Luân thánh vương cho mấy, chẳng thiếu thốn gì! “*U ý vân hà?*” (Ý ông nghĩ sao?): [Đức Phật] hỏi Di Lạc Bồ Tát. “*Thử chư vương tử, ninh nhạo bị xử phủ?*” (Các vương tử ấy há có ưa thích nơi ấy hay không?) Chữ Nhạo (樂)⁵⁰ ở đây đọc là Yào (一ㄠˊ), tức là chữ Nhạo trong Hảo Nhạo Bất Hảo Nhạo (có ưa thích hay không). “*Đối viết: Bất dã!*” (Thưa: - Không ạ!): Chữ Bất (不) trong câu trước đọc là Fôu (ㄈㄡˊ, Phủ), chữ Bất trong câu dưới đọc là Bù (ㄅㄨˊ, âm Hán Việt là Bất), [ý nói] họ chẳng ưa thích. “*Đản chủng chủng phương tiện, cầu chư đại lực*” (Chỉ dùng đủ mọi phương tiện cầu cạnh bậc có thể lực lớn): Trong tâm họ rất nóng ruột, hết sức bồn chồn, mong mỏi có ai có sức mạnh to lớn đến bảo đảm cho họ thoát ra. “*Dục tự miễn xuất*” là có thể cứu họ ra. Do vậy, đối với đủ mọi thứ hưởng thụ trong lao ngục bảy báu, họ chẳng vui sướng.

“*Phật cáo Di Lạc: - Thử chư chúng sanh, diệc phục như thị*” (Đức Phật bảo ngài Di Lạc: - Các chúng sanh ấy cũng giống như thế):

⁵⁰ Chữ “樂” có ba cách đọc, tùy theo ngữ cảnh (context):

1. Đọc là Nhạo, nghĩa là ưa thích.
2. Đọc là Nhạc có nghĩa là âm nhạc.
3. Đọc là Lạc có nghĩa là vui sướng.

Tương tự chữ Bất (不) đọc thành bốn cách:

1. Đọc là Bất với nghĩa là “không, chẳng” như bất minh, bất tri, bất tín v.v...
2. Đọc là Phủ khi dùng cuối câu với ý nghĩa nghi vấn.
3. Đọc là Phu với ý nghĩa cuống hoa, như câu thơ trong Kinh Thi “*thường đệ chi hoa, ngạc phu vĩ vĩ*” (常棣之華，鄂不韡韡: Hoa cây đường đệ, đài và cuống nở ra rực rỡ).
4. Đọc là Phi khi dùng làm trợ từ ở đầu câu.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Thử chư chúng sanh*” là các chúng sanh trong lầu gác bảy báu nơi Tây Phương Biên Địa, “*diệc phục như thị*”, [ý nói] cũng giống như các tiểu vương tử trong lao ngục bằng bảy báu của Chuyển Luân thánh vương. “*Dĩ nghi hoặc Phật trí cố*”, [nghĩa là] do họ nghi hoặc trí huệ của Phật. “*Sanh bỉ thất bảo cung điện, vô hữu hình phạt, nãi chí nhất niệm ác sự*” (Sanh trong cung điện bảy báu ấy, chẳng có hình phạt, cho đến chẳng có ác sự trong khoảng một niệm): Sanh trong cung điện ấy chẳng có một chút hình phạt khô sở nào, cho đến mây may ác sự cũng chẳng có, có sao chẳng tốt đẹp? “*Đản ư ngũ bách tuế trung, bất kiến Tam Bảo, bất đắc cúng dường, tu chư thiện bản, dĩ thử vi khổ, tuy hữu dư lạc, do bất nhạo bỉ xứ*” (Chỉ vì trong năm trăm năm, chẳng thấy Tam Bảo, chẳng được cúng dường, tu các cội lành, coi đó là khổ, tuy có những sự vui khác, vẫn chẳng ưa thích nơi ấy). “*Dư lạc*”, chữ Lạc (樂) đọc là Luò (ㄌㄨㄛˋ, Lạc), không đọc là Yào (一ㄠˋ, Nhạo). Tuy có những thứ vui sướng khác, nhưng chẳng ưa thích chốn ấy.

“*Nhược thử chúng sanh, thức kỳ bốn tội*” (Nếu các chúng sanh ấy, biết cái tội gốc của chính mình): Giả sử chúng sanh trong thai cung bảy báu ấy biết chính mình hoài nghi trí huệ của Phật là cái tội gốc của chính mình. “*Thâm tự hồi trách*” (Tự hồi trách sâu xa): Tự mình cầu sám hối, quả trách chính mình chẳng nên hoài nghi trí huệ của đức Phật. “*Cầu ly bỉ xứ*” (Cầu lìa khỏi chỗ ấy): Mong cầu ngay lập tức thoát khỏi chỗ ấy. “*Tức đắc như ý*” (Liên được như ý): Quý vị vừa cầu sám hối, ngay lập tức thoát ra. “*Vãng nghệ Vô Lượng Thọ Phật sở, cung kính cúng dường*” (Tới chỗ Vô Lượng Thọ Phật, cung kính, cúng dường): Quý vị bèn tức khắc “*vãng nghệ*”, “*nghệ*” (詣) là đến, đến chỗ Vô Lượng Thọ Phật, bèn “*cung kính cúng dường*”. “*Diệc đắc biến chi vô lượng vô số chư Phật sở, tu chư công đức*” (Cũng được đến khắp chỗ của vô số chư Phật, tu các công đức): Quý vị thấy Vô Lượng Thọ Phật, còn có thần thông, tức là có thể đến vô lượng thế giới của chư Phật, đến cúng dường vô lượng chư Phật, ở trước vô lượng chư Phật, “*tu chư công đức*”.

“*Di Lạc đương tri*”: Đức Phật tổng kết đoạn văn này, bảo Di Lạc Bồ Tát hãy nên biết, tức là bảo chúng ta hãy nên biết. “*Kỳ hữu Bồ Tát*” (Nếu có Bồ Tát): Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là đại Bồ Tát. “*Sanh nghi hoặc giả, vi thất đại lợi*” (Do sanh nghi hoặc mà đánh mất lợi lớn): Nếu quý vị sanh tâm nghi hoặc, nghi hoặc Phật chẳng có trí huệ to lớn như vậy; vậy thì quý vị sẽ mất lợi ích to tát, tối thiểu là năm trăm năm chẳng thấy Tam Bảo. “*Thị cố ưng đương minh tín chư*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Phật vô thượng trí huệ” (Vì thế, hãy nên tin rõ trí huệ vô thượng của chư Phật): Các vị phải nên hiểu rõ, tín phụng trí huệ vô thượng của chư Phật, như vậy thì sẽ chẳng đánh mất lợi ích to lớn, sẽ hóa sanh trong hoa sen bảy báu.

Đoạn này nhằm nói Tây Phương có Biên Địa, còn gọi là Nghi Thành, còn gọi là Thai Cung, đã giảng xong đoạn này. Giả như chúng ta có nghi vấn thì chúng ta cũng là kẻ chẳng có trí huệ. Chúng ta niệm Phật vãng sanh Tây Phương, sẽ hóa sanh trong hoa sen, hay thai sanh trong cung điện bảy báu? Có nghi hoặc, chúng ta hãy giải trừ. Chúng sanh trong thai cung là vì mắc khuyết điểm chính mình chẳng có trí huệ, hoài nghi trí huệ của Phật. Chúng ta sẽ chẳng sanh vào thai cung, mà nhất định hóa sanh trong hoa sen. Vì sao? Chúng ta chẳng hoài nghi trí huệ của Phật. Đương nhiên là đức Phật có trí huệ chẳng thể nghĩ bàn, đương nhiên là Ngài có trí huệ chẳng thể xưng tụng, tán dương, Ngài có trí huệ rộng lớn, Ngài có trí huệ tối thượng thắng không gì so sánh được. Chúng ta đều tin tưởng, ngưỡng mộ đức Phật, chẳng hoài nghi mảy may. Đức Phật dạy chúng ta phát Bồ Đề tâm, tu các công đức, vãng sanh Tây Phương, chúng ta bèn phát Bồ Đề tâm, tùy sức, tùy phần làm các việc lành, tu các công đức, niệm danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật cầu sanh Tây Phương, nhất định sẽ hóa sanh trong hoa sen.

Đức Phật nói những chúng sanh không có trí huệ, khi ở trong thế giới Sa Bà, bản thân họ chẳng có trí huệ, chẳng thân cận bậc danh sư, chẳng nghe kinh pháp. Họ thân cận một vị thiện tri thức nào đó, vị ấy chẳng cao minh cho lắm, chỉ biết chớ nên làm chuyện ác, hễ làm sẽ tạo tội. Phải làm thiện sự, làm để mong cầu phước. Nói về nhân quả báo ứng, họ sẽ tiếp nhận. [Bảo hộ] “quý vị phải niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương”, họ tiếp nhận, sanh về như thế đó. Vị thiện tri thức ấy đối với kinh pháp, chẳng hiểu rõ, cũng chẳng biết trí huệ của Phật, chẳng giảng cho họ nghe. Tới khi có người nói “đức Phật có trí huệ to lớn dường ấy, thật sự sâu ngằn ấy”, họ bèn hoài nghi. Đây là vì chẳng thân cận bậc danh sư, chẳng nghe kinh pháp, lỗi lầm ở chỗ này. Nếu chúng ta là người thường nghe kinh điển Đại Thừa, đối với trí huệ chẳng thể nghĩ bàn của Phật, sẽ nghe rất nhiều, nhất định sẽ tin tưởng, sẽ tuyệt đối chẳng hoài nghi. Vì vậy, chúng ta phát Bồ Đề tâm, niệm Phật cầu sanh Tây Phương, không chỉ là hoa sen hóa sanh, mà còn là thượng phẩm thượng sanh. Qua sự biện định này, chúng ta chắc chắn hóa sanh trong hoa sen vì chúng ta chẳng hoài nghi trí huệ của đức

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Phật. Những kẻ hoài nghi trí huệ của Phật như kinh đã nói, đều là những kẻ thật thà niệm Phật, [nhưng] chẳng thân cận danh sư, chẳng nghe nhiều kinh pháp.

Nhưng trong thời đại hiện tại, còn có các đệ tử Phật thông minh, trí huệ, nhưng chẳng tin tưởng Phật có trí huệ rộng lớn cho lắm. Đó là chuyện rất kỳ quái! Gần đây, những sách báo Phật giáo xuất bản rất nhiều, thường xuyên có những bài viết phát biểu kỳ quái. Họ nói rằng bậy đức Phật là một kẻ bình phàm, chẳng có gì đặc biệt, tuyệt diệu gì cả, vì Ngài có cha, mẹ, vợ, con, giống hết như bọn chúng ta! Những điều được nói trong kinh Phật như đức Phật có trí huệ to lớn dường ấy, thần thông lớn dường ấy, [đối với những kẻ xằng bậy ấy], đều là chuyện chẳng đáng tin, đều là do người đời sau sùng bái, cung kính đức Phật mà tán thán. Càng tán thán [đức Phật càng trở thành] càng cao minh, tán thán Phật đến mức chẳng thể nghĩ bàn! Kẻ viết những bài ấy, ngay cả kinh Đại Thừa cũng chẳng tin tưởng. Họ còn nói kinh Đại Thừa toàn là do người đời sau ngụy tạo, căn bản là chẳng phải do đức Phật nói. Họ khẳng khái lôi đức Phật từ tòa sen xuống, [đặt Ngài] ngồi trên chiếc ghế nhỏ, nói đức Phật chẳng có gì cao minh cả! Kẻ có thể viết vắn đưng nhiên là đệ tử Phật thông minh, [thế nhưng] ương ngạnh, chẳng tin tưởng đức Phật, hoài nghi đức Phật như thế đó, thật sự là kỳ quái! Chúng ta phải nói thoái lui một bước. Tôi vừa mới nói “chúng ta nhất định sẽ chẳng thai sanh, nhất định sẽ là hóa sanh, vì chúng ta đối với trí huệ của Phật luôn tin tưởng chẳng nghi”.

Theo kinh Vô Lượng Thọ dạy, kẻ chẳng có trí huệ ấy, so với sống trong thế giới Sa Bà thì [sanh về Cực Lạc] vẫn tốt đẹp hơn! Chỉ cần sanh về Tây Phương, sanh trong Biên Địa Thai Cung, bất quá năm trăm năm chẳng thấy Tam Bảo. Sau năm trăm năm, họ vẫn thấy Phật, nghe pháp, khi ấy bèn có trọn đủ thần thông, cúng dường vô lượng chư Phật, so ra vẫn tốt hơn làm một phàm phu khổ não trong thế giới Sa Bà từ vô thủy kiếp tới nay! Hiện thời làm một kẻ chẳng thể sanh về Tây Phương; đời sau, kiếp sau, ai bảo đảm chẳng đọa vào ba ác đạo hay chẳng? Thời gian đọa trong ba ác đạo quá dài, chịu khổ vô cùng! Đây là một bước sa chân, trở thành nỗi hận ngàn đời. Do đó, nếu quý vị tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, đối với ba tư lương của pháp môn Tịnh Độ, món thứ nhất là quý vị phải tin tưởng, ta tình nguyện sanh về Tây Phương Biên Địa, [bất quá] năm trăm năm chẳng thấy Tam Bảo. Sau năm trăm năm, vẫn được thấy Tam Bảo, ta chẳng muốn ở lại thế giới Sa Bà chịu khổ vô cùng.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Đoạn kinh văn này là Thích Ca Mâu Ni Phật cảnh cáo chúng ta: Nếu quý vị phát nguyện sanh về Tây Phương, nhất định đừng nên hoài nghi trí huệ của Phật. Trong đoạn kinh văn trước đó, đức Phật cũng khai thị quý vị phải phát Bồ Đề tâm, tu các công đức thiện bản, quyết định là thượng bôn vãng sanh trong Tây Phương. Ý của đức Phật là như thế đó, vậy thì chúng ta nghiên cứu kinh Phật, [sẽ thấy] hãy còn có một ý nghĩa khác, chính là [pháp môn Tịnh Độ] tiếp dẫn chúng sanh thấp kém nhất, chúng sanh chẳng có trí huệ. Họ chẳng thể tin tưởng trí huệ của Phật, chúng sanh thấp kém chỉ cần phát nguyện vãng sanh, sẽ có thể vãng sanh. Đây là một ý nghĩa ở ngoài kinh văn, phô bày đại nguyện, đại lực của A Di Đà: Chúng sanh ngu si chỉ cần bằng lòng vãng sanh, Ngài vẫn có thể tiếp dẫn quý vị về Tây Phương. Đoạn văn kế tiếp nói về những chúng sanh bậc thượng vãng sanh, hoàn toàn là các vị đại Bồ Tát, là bậc Bất Thoái Bồ Tát vãng sanh Tây Phương.

2.2.2.4. Lại nhiếp thọ bậc thượng nhân sanh về cõi ấy

(Kinh) Di Lạc Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ư thử thế giới, hữu kỳ sở Bất Thoái Bồ Tát sanh bỉ Phật quốc?

Phật cáo Di Lạc: - Ư thử thế giới, hữu lục thập thất ức Bất Thoái Bồ Tát, vãng sanh bỉ quốc. Nhất nhất Bồ Tát, dĩ tăng cúng dường vô số chư Phật, thứ như Di Lạc giả dã. Chư tiểu hạnh Bồ Tát, cập tu tập thiểu công đức giả, bất khả xưng kể, giai đương vãng sanh.

Phật cáo Di Lạc: - Bất dẫn ngã sát chư Bồ Tát đẳng, vãng sanh bỉ quốc. Tha phương Phật độ, diệc phục như thị. Kỳ đệ nhất Phật, danh viết Viễn Chiếu, bỉ hữu bách bát thập ức Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Kỳ đệ nhị Phật, danh viết Bảo Tạng, bỉ hữu cửu thập ức Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Kỳ đệ tam Phật, danh viết Vô Lượng Âm, bỉ hữu nhị bách nhị thập ức Bồ Tát giai đương vãng sanh. Kỳ đệ tứ Phật, danh viết Cam Lộ Vị, bỉ hữu nhị bách ngũ thập ức Bồ Tát giai đương vãng sanh. Kỳ đệ ngũ Phật, danh viết Long Thắng, bỉ hữu thập tứ ức Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Kỳ đệ lục Phật, danh viết Thắng Lực, bỉ hữu vạn tứ thiên Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Kỳ đệ thất Phật, danh viết Sư Tử, bỉ hữu ngũ bách ức Bồ Tát giai đương vãng sanh. Kỳ đệ bát Phật, danh viết Ly Cầu Quang, bỉ hữu bát thập ức Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Kỳ đệ cửu Phật, danh viết Đức Thủ, bỉ hữu lục thập ức Bồ Tát, giai đương vãng sanh.

Kỳ đệ thập Phật, danh viết Diệu Đức Sơn, bỉ hữu lục thập ức Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Kỳ đệ thập nhất Phật, danh viết Nhân Vương, bỉ hữu thập ức Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Kỳ đệ thập nhị Phật, danh viết Vô Thượng Hoa, bỉ hữu vô số bất khả xưng kể chư Bồ Tát chúng, giai bất thoái chuyển, trí huệ dũng mãnh, dĩ tăng cúng dường vô lượng chư Phật, u thất nhật trung, tức năng nhiếp thủ bách thiên ức kiếp đại sĩ sở tu kiên cố chi pháp. Tu đẳng Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Kỳ đệ thập tam Phật, danh viết Vô Úy, bỉ hữu thất bách cửu thập ức đại Bồ Tát chúng, chư tiểu Bồ Tát, cập tỳ-kheo đẳng, bất khả xưng kể, giai đương vãng sanh.

Phật ngữ Di Lặc: - Bất dẫn thử thập tứ Phật quốc trung chư Bồ Tát đẳng, đương vãng sanh dã, thập phương thế giới vô lượng Phật quốc, kỳ vãng sanh giả, diệc phục như thị, thậm đa vô số. Ngã dẫn thuyết thập phương chư Phật danh hiệu, cập Bồ Tát tỳ-kheo sanh bỉ quốc giả, trú dạ nhất kiếp, thượng vị năng tận. Ngã kim vị nhữ lược thuyết chi nhĩ.

(經)彌勒菩薩白佛言：世尊！於此世界，有幾所不退菩薩，生彼佛國？佛告彌勒：於此世界，有六十七億不退菩薩，往生彼國。一一菩薩，已曾供養無數諸佛，次如彌勒者也。諸小行菩薩，及修習少功德者，不可稱計，皆當往生。佛告彌勒：不但我剎諸菩薩等，往生彼國。他方佛土，亦復如是。其第一佛，名曰遠照，彼有百八十億菩薩，皆當往生。其第二佛，名曰寶藏，彼有九十億菩薩，皆當往生。其第三佛，名曰無量音，彼有二百二十億菩薩，皆當往生。其第四佛，名曰甘露味，彼有二百五十億菩薩，皆當往生。其第五佛，名曰龍勝，彼有十四億菩薩，皆當往生。其第六佛，名曰勝力，彼有萬四千菩薩，皆當往生。其第七佛，名曰師子，彼有五百億菩薩，皆當往生。其第八佛，名曰離垢光，彼有八十億菩薩，皆當往生。其第九佛，名曰德首，彼有六十億菩薩，皆當往生。其第十佛，名曰妙德山，彼有六十億菩薩，皆當往生。其第十一佛，名曰人王，彼有十億菩薩，皆當往生。其第十二佛，名曰無上華，彼有無數不可稱計諸菩薩眾，皆不退轉，智

慧勇猛，已曾供養無量諸佛。於七日中，即能攝取百千億劫大士所修堅固之法。斯等菩薩，皆當往生。其第十三佛，名曰無畏，彼有七百九十億大菩薩眾，諸小菩薩，及比丘等，不可稱計，皆當往生。佛語彌勒：不但此十四佛國中諸菩薩等，當往生也，十方世界無量佛國，其往生者，亦復如是，甚多無數。我但說十方諸佛名號，及菩薩比丘生彼國者，晝夜一劫，尚未能盡。我今為汝略說之耳。

(Kinh: Di Lạc Bồ Tát bạch đức Phật rằng: - Bạch đức Thế Tôn! Trong thế giới này, có bao nhiêu vị Bất Thoái Bồ Tát sanh về cõi Phật ấy?)

Đức Phật bảo ngài Di Lạc: - Trong thế giới này có sáu mươi bảy ức Bất Thoái Bồ Tát vãng sanh cõi ấy. Mỗi vị Bồ Tát đã từng cúng dường vô số chư Phật, chỉ kém Di Lạc. Các vị tiểu hạnh Bồ Tát và những người tu tập công đức ít ỏi, chẳng thể nói kể, sẽ đều vãng sanh.

Đức Phật bảo ngài Di Lạc: - Không chỉ riêng các vị Bồ Tát trong cõi ta vãng sanh cõi ấy, mà các cõi Phật ở phương khác cũng giống như thế. Vị Phật thứ nhất tên là Viễn Chiếu, Ngài có một trăm tám mươi ức Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ hai tên là Bảo Tạng, Ngài có chín mươi ức Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ ba tên là Vô Lượng Âm, Ngài có hai trăm hai mươi ức Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ tư tên là Cam Lộ Vị, Ngài có hai trăm năm mươi ức Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ năm tên là Long Thắng, Ngài có mười bốn ức Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ sáu tên là Thắng Lực, Ngài có một vạn bốn ngàn vị Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ bảy tên là Sư Tử, Ngài có năm trăm ức vị Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ tám tên là Ly Cấu Quang, Ngài có tám mươi ức Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ chín tên là Đức Thủ, Ngài có sáu mươi ức Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ mười tên là Diệu Đức Sơn, Ngài có sáu mươi ức Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ mười một tên là Nhân Vương, Ngài có mười ức Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ mười hai tên là Vô Thượng Hoa, Ngài có vô số chẳng thể tính kể các vị Bồ Tát đều là Bất Thoái Chuyển, trí huệ dũng mãnh, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, trong vòng bảy ngày liền có thể nhiếp thủ các pháp kiên cố do bậc đại sĩ tu tập trong trăm ngàn ức kiếp. Các vị Bồ Tát ấy, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ mười ba tên là Vô Úy, Ngài có bảy trăm chín mươi ức đại Bồ Tát chúng, các vị tiểu Bồ Tát, và hàng

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

tỳ-kheo v.v... chẳng thể tính kể, sẽ đều vãng sanh.

Đức Phật bảo ngài Di Lặc: - Không chỉ là các vị Bồ Tát trong mười bốn cõi Phật ấy, sẽ đều vãng sanh, mà mười phương thế giới vô lượng cõi Phật, những người vãng sanh cũng giống như thế, rất nhiều vô số. Ta chỉ nói danh hiệu của mười phương chư Phật và các vị Bồ Tát, tỳ-kheo sanh về cõi ấy thì trọn một kiếp suốt cả ngày đêm vẫn chẳng thể nói trọn. Ta nay nói đại lược cho ông đó thôi!

“Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ư thử thế giới” (Di Lặc Bồ Tát bạch với đức Phật: - Bạch Thế Tôn! Trong thế giới này): Trong thế giới Sa Bà này, *“hữu kỳ sở Bất Thoái Bồ Tát, sanh bỉ Phật quốc?”* (có bao nhiêu vị Bất Thoái Bồ Tát sanh về cõi Phật ấy?): Trong phần trên đã có nói, địa vị thánh hiền có ba loại, địa vị đầu tiên là Thập Trụ vị, các vị ấy là bất thoái chuyển. Địa vị thứ hai là bậc trung, tức Đẳng Địa Bồ Tát, các Ngài đã chứng Phật địa bèn bất thoái chuyển. Bất thoái cao nhất là từ Bát Địa Bồ Tát trở lên. Bất luận sâu hay cạn, đều gọi là Bất Thoái Bồ Tát, bất luận địa vị nông cạn nhất là địa vị Tam Hiền, hay địa vị sâu nhất là hàng Bát Địa Bồ Tát trở lên, vậy thì rốt cuộc có bao nhiêu vị Bất Thoái Bồ Tát sanh về cõi ấy? Đấy đều là chúng sanh bậc thượng vãng sanh.

Đức Phật liền trả lời ngài Di Lặc Bồ Tát. *“Phật cáo Di Lặc: - Ư thử thế giới”* (Đức Phật bảo ngài Di Lặc Bồ Tát: - Trong thế giới này), tức là thế giới Sa Bà, có *“lục thập thất ức Bất Thoái Bồ Tát vãng sanh bỉ quốc”* (sáu mươi bảy ức Bất Thoái Bồ Tát sanh về cõi ấy). Rất nhiều, nhiều đến sáu mươi bảy ức. *“Nhất nhất Bồ Tát dĩ tăng cúng dường vô số chư Phật”*, ý nói mỗi vị Bồ Tát đã từng cúng dường vô số chư Phật. Không chỉ ở trong thế giới Sa Bà cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật, mà còn cúng dường mười phương thế giới vô lượng vô số chư Phật. *“Thứ như Di Lặc giả dã”* (Kém hơn Di Lặc): Những vị Bồ Tát vừa nói đó, địa vị nông cạn nhất là Thập Trụ vị, địa vị bậc trung là hàng Bồ Tát từ Đẳng Địa trở lên, cao hơn nữa là hàng Bồ Tát từ Bát Địa trở lên. Di Lặc Bồ Tát là Nhất Sanh Bồ Xứ Bồ Tát, là bậc Đẳng Giác Bồ Tát cao nhất. Kém hơn Ngài thì cũng là Đẳng Giác Bồ Tát. Dẫu chẳng phải là Bồ Xứ Bồ Tát, nhưng cũng đều là từ Bát Địa trở lên, đã đạt đến địa vị Đẳng Giác Bồ Tát.

“Chư tiểu hạnh Bồ Tát, cập tu tập thiểu công đức giả, bất khả xưng kể, giai đương vãng sanh” (Các vị tiểu hạnh Bồ Tát và những người tu tập công đức ít ỏi, chẳng thể tính kể, sẽ đều vãng sanh). Đấy là

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

nói tới những người còn chưa vãng sanh, là hàng Bồ Tát trong thế giới Sa Bà. “*Tiểu hạnh Bồ Tát*” là nói hàng Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín, ngay cả địa vị Tam Hiền còn chưa đạt được. “*Bất khả xưng kể*” (Chẳng thể tính kể): trong phần trước đã nói có sáu mươi bảy ức đại Bồ Tát vãng sanh, những vị tiểu hạnh Bồ Tát, còn có những vị “*tu tập thiếu công đức*” chẳng thể tính kể, số lượng quá ư là nhiều, “*giai đương vãng sanh*”, [ý nói] trong tương lai sẽ đều vãng sanh. Câu “*tu tập thiếu công đức*” giống như kinh Di Đà đã nói: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể do ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy). Quý vị tu tập ít công đức, sẽ chẳng thể vãng sanh; quý vị tu tập nhiều công đức, sẽ có thể vãng sanh.

Có người chê pháp môn Tịnh Độ, bảo pháp môn Niệm Phật là pháp môn tiêu cực. Đây là hủy báng Tịnh Độ. Ba kinh Tịnh Độ, chẳng có kinh nào không dạy chúng ta vun bồi ba loại phước? Quý vị chẳng có phước thì căn bản là chẳng thể vãng sanh. Kinh văn của kinh A Di Đà là: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể do ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy). Trong bộ kinh Vô Lượng Thọ này, trước sau chẳng biết đã nói bao nhiêu lần, phải tu các thiện căn cho nhiều, tu các công đức. Tu các công đức thì làm sao mà tiêu cực cho được? Tiêu cực thì làm sao có thể vun bồi công đức, vun bồi thiện căn? Quý vị bận bịu suốt ngày từ sáng đến tối, chẳng phải vì tham danh, tham lợi, [mà vì] tu các công đức, tu các gốc lành, tiêu cực ở chỗ nào? Tiếp đó, [kinh văn] nói: Không chỉ các vị đại Bồ Tát trong thế giới Sa Bà vãng sanh, ngay cả các vị đại Bồ Tát trong những quốc độ khác vãng sanh cũng rất đông. Đoạn kinh văn nói về danh hiệu chư Phật và Bồ Tát, chúng tôi có thể không cần nói tới, mọi người hãy tự xem. “*Phật cáo Di Lặc: - Bất đản ngã sát chư Bồ Tát đặng, vãng sanh bỉ quốc*” (Đức Phật bảo ngài Di Lặc: - Không chỉ các hàng Bồ Tát trong cõi ta sanh về nước đó). “*Sát*” (殺) là thế giới. Không chỉ hàng Bồ Tát trong thế giới Sa Bà vãng sanh cõi ấy, mà “*tha phương quốc độ*”, tức các cõi nước khác, “*diệc phục như thị*” (cũng giống như vậy), cũng có chư đại Bồ Tát vãng sanh cõi ấy.

“*Kỳ đệ nhất Phật, danh viết Viên Chiếu, bỉ hữu bách bát thập ức Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Kỳ đệ nhị Phật, danh viết Bảo Tạng, bỉ hữu cửu thập ức Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Kỳ đệ tam Phật, danh viết Vô Lượng Âm, bỉ hữu nhị bách nhị thập ức Bồ Tát, giai đương*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

vãng sanh. Kỳ đệ tứ Phật, danh viết Cam Lộ Vị, bỉ hữu nhị bách ngũ thập ức Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Kỳ đệ ngũ Phật, danh viết Long Thắng, bỉ hữu thập tứ ức Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Kỳ đệ lục Phật, danh viết Thắng Lực, bỉ hữu vạn tứ thiên Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Kỳ đệ thất Phật, danh viết Sư Tử, bỉ hữu ngũ bách ức Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Kỳ đệ bát Phật, danh viết Ly Cấu Quang, bỉ hữu bát thập ức Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Kỳ đệ cửu Phật, danh viết Đức Thủ, bỉ hữu lục thập ức Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Kỳ đệ thập Phật, danh viết Diệu Đức Sơn, bỉ hữu lục thập ức Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Kỳ đệ thập nhất Phật, danh viết Nhân Vương, bỉ hữu thập ức Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Kỳ đệ thập nhị Phật, danh viết Vô Thượng Hoa, bỉ hữu vô số bất khả xưng kể chư Bồ Tát chúng, giai bất thoái chuyển, trí huệ dũng mãnh, dĩ tăng cúng dường vô lượng chư Phật, u thất nhật trung, tức năng nhiếp thủ bách thiên ức kiếp đại sĩ sở tu kiên cố chi pháp. Tư đẳng Bồ Tát, giai đương vãng sanh. Kỳ đệ thập tam Phật, danh viết Vô Úy, bỉ hữu thất bách cửu thập ức đại Bồ Tát chúng, chư tiểu Bồ Tát, cập tỳ-kheo đẳng, bất khả xưng kể, giai đương vãng sanh” (Vị Phật thứ nhất tên là Viễn Chiếu, Ngài có một trăm tám mươi ức Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ hai tên là Bảo Tạng, Ngài có chín mươi ức Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ ba tên là Vô Lượng Âm, Ngài có hai trăm hai mươi ức Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ tư tên là Cam Lộ Vị, Ngài có hai trăm năm mươi ức Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ năm tên là Long Thắng, Ngài có mười bốn ức Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ sáu tên là Thắng Lực, Ngài có một vạn bốn ngàn vị Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ bảy tên là Sư Tử, Ngài có năm trăm ức vị Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ tám tên là Ly Cấu Quang, Ngài có tám mươi ức Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ chín tên là Đức Thủ, Ngài có sáu mươi ức Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ mười tên là Diệu Đức Sơn, Ngài có sáu mươi ức Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ mười một tên là Nhân Vương, Ngài có mười ức Bồ Tát, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ mười hai tên là Vô Thượng Hoa, Ngài có vô số chẳng thể tính kể các vị Bồ Tát đều là Bất Thoái Chuyển, trí huệ dũng mãnh, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, trong vòng bảy ngày liền có thể nhiếp thủ các pháp kiên cố do bậc đại sĩ tu tập trong trăm ngàn ức kiếp. Các vị Bồ Tát ấy, sẽ đều vãng sanh. Vị Phật thứ mười ba tên là Vô Úy, Ngài có bảy trăm chín mươi ức đại Bồ Tát chúng, các vị tiểu Bồ Tát, và hàng tỳ-kheo v.v... chẳng thể tính kể, sẽ đều vãng sanh).

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Kỳ

Cho đến vị Phật thứ mười hai, đức Phật bèn nói các vị Bồ Tát trong cõi nước ấy đều là hàng đại Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn. “*Kỳ đệ thập nhị Phật, danh viết Vô Thượng Hoa. Bỉ hữu vô số bất khả xưng kể chư Bồ Tát, giai bất thoái chuyển*” (Vị Phật thứ mười hai tên là Vô Thượng Hoa, Ngài có vô số chẳng thể tính kể Bồ Tát, đã đều là Bất Thoái Chuyển), tức là đã đắc từ Bát Địa Bồ Tát trở lên. “*Trí huệ dũng mãnh, dĩ tăng cúng dường vô lượng chư Phật*” (Trí huệ dũng mãnh, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật). Họ cúng Phật đến mức độ nào? “*Ư thất nhật trung, tức năng nhiếp thủ bách thiên ức kiếp đại sĩ sở tu kiên cố chi pháp*” (Trong vòng bảy ngày liền có thể nhiếp thủ pháp kiên cố do hàng đại sĩ đã tu trong trăm ngàn kiếp): “*Đại sĩ*” tức là đại Bồ Tát. Đã tu pháp kiên cố trong trăm ngàn ức kiếp. Hàng Bồ Tát của vị Phật thứ mười hai trong vòng bảy ngày có thể nhiếp thủ công phu to tát dường ấy. “*Tư đẳng Bồ Tát, giai đương vãng sanh*” (Các vị Bồ Tát ấy, sẽ đều vãng sanh), họ sẽ đều vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Đây là dạy cho chúng ta biết điều này: Các vị đại Bồ Tát vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều chẳng phải là hạng Bồ Tát tầm thường, mà đều là bậc Bồ Tát thuộc địa vị Đẳng Giác. Bồ Tát thuộc địa vị Đẳng Giác chỉ kém Phật một bậc, Ngài còn mong vãng sanh Tây Phương Cực Lạc để làm gì? Vì Ngài kém Phật một bậc, vẫn phải thân cận Phật. Vậy thì còn phải hỏi một câu nữa: Ngài đã là Đẳng Giác Bồ Tát, chỉ kém Phật một bậc, vẫn phải thân cận Phật, Ngài đã từng thân cận vô lượng chư Phật, cần gì cứ phải thân cận Vô Lượng Thọ Phật? Trong phần trước đã nói, các cõi Phật của chư Phật trong mười phương đều chẳng trang nghiêm vi diệu như Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Chư đại Bồ Tát đến Tây Phương Cực Lạc thế giới tham quan, phát đại nguyện, muốn trở về trang nghiêm cõi Phật của chính mình. Vì thế, chư Phật trong các cõi bằng lòng để các vị Bồ Tát trong cõi mình đến Tây Phương để tham học. Còn có một đạo lý khẩn yếu nhất: Họ phải học theo Vô Lượng Thọ Phật phát đại nguyện, thế mà quý vị chỉ học theo Ngài trang nghiêm thế giới, quý vị làm thế nào để trang nghiêm thế giới? Chính là phổ độ chúng sanh, phải học theo Vô Lượng Thọ Phật phát đại nguyện. Vì thế, các vị đại Bồ Tát đều muốn đến thân cận Vô Lượng Thọ Phật. Nói đến đây là đã nói xong cả mười ba cõi rồi.

Tiếp đó là tổng kết: “*Phật ngữ Di Lặc, bất đàn thủ thập tứ Phật quốc trung chư Bồ Tát đẳng, đương vãng sanh dã*” (Đức Phật bảo ngài

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

Di Lạc: - Không chỉ là các hàng Bồ Tát trong mười bốn cõi Phật ấy, sẽ đều vãng sanh). Trong phần trên đã nói mười ba vị Phật thì sao? Không chỉ mười bốn cõi Phật ấy, [tức là] kể cả sáu mươi bảy ức Bồ Tát vãng sanh từ thế giới Sa Bà, tính gộp cả thế giới Sa Bà vào đó, tổng cộng có các vị Bồ Tát từ mười bốn cõi Phật sẽ đều vãng sanh. “*Thập phương thế giới vô lượng Phật quốc, kỳ vãng sanh giả, diệc phục như thị, thậm đa vô số. Ngã đản thuyết chư Phật danh hiệu cập Bồ Tát, tỳ-kheo sanh bi quốc giả, trú dạ nhất kiếp, thượng vị năng tận. Ngã kim vị nhữ lược thuyết chi nhĩ*” (Mười phương thế giới vô lượng cõi Phật, những kẻ vãng sanh cũng giống như thế, rất nhiều vô số. Ta chỉ nói danh hiệu của chư Phật và Bồ Tát, cùng với hàng tỳ-kheo sanh về cõi ấy, suốt ngày đêm trọn hết một kiếp còn chưa thể nói trọn hết. Nay ta vì ông nói đại lược như thế thôi!): Ta muốn nói danh hiệu của mười phương chư Phật và số lượng tỳ-kheo và Bồ Tát vãng sanh, suốt ngày đêm nói chẳng ngừng, nói suốt một đại kiếp, vẫn nói chẳng xong! Hiện tại, ta chỉ nói đại lược cùng các vị. Nói đến đây thì phần Chánh Tông đã xong.

2.3. Lưu Thông Phần

2.3.1. Như Lai tán thán kinh, khuyên học tập

2.3.1.1. Nêu ra lợi ích do nghe kinh này, khuyên mọi người bây giờ hãy nhận lấy, hành theo

(Kinh) Phật cáo Di Lạc: - Kỳ hữu đắc văn bỉ Phật danh hiệu, hoan hỷ, dũng dục, nãi chí nhất niệm, đương tri thử nhân vi đắc đại lợi, tắc thị cụ túc vô thượng công đức.

Thị cố Di Lạc! Thiết hữu đại hỏa, sung mãn tam thiên đại thiên thế giới, yếu đương quá thử, văn thị kinh pháp, hoan hỷ, tín nhạo, thọ trì, độc tụng, như thuyết tu hành. Sở dĩ giả hà? Đa hữu Bồ Tát, dục văn thử kinh, nhi bất năng đắc. Nhược hữu chúng sanh, văn thử kinh giả, ư vô thượng đạo, chung bất thoái chuyển. Thị cố ưng đương chuyên tâm tín thọ, trì tụng, thuyết, hành.

(經)佛告彌勒：其有得聞彼佛名號，歡喜踊躍，乃至一念，當知此人為得大利，則是具足無上功德。是故彌勒！設有大火，充滿三千大千世界，要當過此，聞是經法，歡喜信樂，受持讀誦，如說修行。所以者何？多有菩薩，欲聞此經，而不能得。若有眾生，聞此經者，於無上道，

終不退轉。是故應當專心信受，持誦說行。

(Kinh: Đức Phật bảo ngài Di Lặc: - Có người nào được nghe danh hiệu của đức Phật ấy mà hoan hỷ, hớn hờ, dầu chỉ một niệm, hãy nên biết người ấy đạt được lợi ích to lớn, tức là đầy đủ công đức vô thượng.

Vì thế, này Di Lặc! Giả sử có lửa lớn đầy ấp tam thiên đại thiên thế giới, phải nên vượt qua để nghe kinh pháp này, hoan hỷ, tin ưa, thọ trì, đọc, tụng, tu hành đúng như lời dạy. Vì có sao vậy? Có nhiều vị Bồ Tát muốn nghe kinh này mà chẳng thể được. Nếu có chúng sanh nghe kinh này, đối với vô thượng đạo trọn chẳng thoái chuyển. Vì thế, hãy nên chuyên tâm tin nhận, trì tụng, giảng nói, tu hành).

“Phật cáo Di Lặc: - Kỳ hữu đắc văn bỉ Phật danh hiệu, hoan hỷ, dũng dục, nãi chí nhất niệm, đương tri thử nhân vi đắc đại lợi, tắc thị cụ túc vô thượng công đức” (Đức Phật bảo ngài Di Lặc: - Có người nào được nghe danh hiệu của đức Phật ấy mà hoan hỷ, hớn hờ, dầu chỉ một niệm, hãy nên biết người ấy đạt được lợi ích to lớn, tức là đầy đủ công đức vô thượng): Vì kinh Vô Lượng Thọ nói công đức của A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn, nếu có chúng sanh nào có thể nghe danh hiệu A Di Đà Phật, phát tâm “hoan hỷ dũng dục” (hoan hỷ, hớn hờ), “nãi chí nhất niệm” (dầu chỉ một niệm), trong tâm sanh hoan hỷ, người ấy sẽ được lợi ích to lớn, sẽ “cụ túc vô thượng công đức” (đầy đủ công đức vô thượng). Vì sao được lợi ích to lớn? Quý vị có thể sanh về Tây Phương, sẽ có thể thoát khỏi sanh tử từ vô thủy kiếp đến nay trong một ngày, chẳng phải là đạt được lợi ích to lớn ư? Sanh về Tây Phương, hết thấy công đức đều trọn đủ, chẳng phải là công đức vô thượng ư?

“Thị cố Di Lặc! Thiết hữu đại hỏa, sung mãn tam thiên đại thiên thế giới, yếu đương quá thử, văn thị kinh pháp, hoan hỷ tín nhạo, thọ trì đọc tụng, như thuyết tu hành. Sở dĩ giả hà?” (Giả sử có lửa lớn đầy ấp tam thiên đại thiên thế giới, phải nên vượt qua để nghe kinh pháp này, hoan hỷ, tin ưa, thọ trì, đọc, tụng, tu hành đúng như lời dạy. Vì có sao vậy?): Nếu tam thiên đại thiên thế giới đầy ấp lửa lớn, quý vị nhất định phải vượt qua trận lửa lớn ấy để nghe kinh pháp này. Trong phần trước đã nói “nghe danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật”, ở đây là nói “nghe kinh pháp”. Phải lưu thông bộ kinh này! Chẳng lưu thông bộ kinh này, làm sao quý vị có thể nghe danh hiệu A Di Đà Phật? Đây là phối ứng việc nghe danh hiệu Phật với công đức do nghe bộ kinh này. Quý vị nghe bộ

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

kinh này, phải “*hoan hỷ tín nhạo*”, [tức là] phát tâm hoan hỷ, phát tâm tín ngưỡng, phát tâm ưa thích. “*Thọ trì độc tụng*”: Thọ trì nghĩa này, đọc tụng kinh văn này, tu hành đúng như kinh đã dạy, quý vị phát nguyện niệm danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật, vãng sanh Tây Phương.

“*Sở dĩ giả hà?*” (Vì có sao vậy?) Vì sao đoạn kinh văn này dạy chúng ta nhất định phải vượt qua lửa lớn tràn ngập tam thiên đại thiên thế giới? Do muốn đến nghe kinh này, [bởi lẽ], chẳng dễ nghe bộ kinh văn này! “*Đa hữu Bồ Tát, dục văn thử kinh, nhi bất năng đắc*” (Có nhiều vị Bồ Tát, muốn nghe kinh này mà chẳng thể được). Quý vị có duyên với kinh Vô Lượng Thọ nên mới có thể nghe bộ kinh này. “*Nhược hữu chúng sanh, văn thử kinh giả, u vô thượng đạo, chung bất thoái chuyển. Thị cố ưng đương chuyên tâm tín thọ, trì tụng thuyết hành*” (Nếu có chúng sanh nghe kinh này, sẽ trọn chẳng thoái chuyển nơi đạo vô thượng. Vì thế, hãy nên chuyên tâm tin nhận, trì tụng, giảng nói, tu hành).

2.3.1.2. Dạy mọi người hãy thưa hỏi hòng trừ nghi, ngăn ngừa nỗi nghi của người đời sau

(Kinh) Ngô kim vị chư chúng sanh thuyết thử kinh pháp, linh kiến Vô Lượng Thọ Phật, cập kỳ quốc độ nhất thiết sở hữu. Sở đương vị giả, giai khả cầu chi, vô đắc dĩ ngã diệt độ chi hậu, phục sanh nghi hoặc.

(經)吾今為諸眾生，說此經法，令見無量壽佛，及其國土一切所有。所當為者，皆可求之，無得以我滅度之後，復生疑惑。

(Kinh: Nay ta vì các chúng sanh nói kinh pháp này, khiến cho họ thấy Vô Lượng Thọ Phật và hết thấy tất cả mọi thứ trong cõi nước ấy. Những gì đáng nên làm đều có thể cầu được, chớ nên để sau khi ta đã diệt độ, lại sanh nghi hoặc).

“*Ngô kim vị chư chúng sanh, thuyết thử kinh pháp*”, [nghĩa là] nay ta vì chúng sanh nói kinh pháp Vô Lượng Thọ này, “*linh kiến Vô Lượng Thọ Phật, cập kỳ quốc độ nhất thiết sở hữu*” (khiến cho họ thấy Vô Lượng Thọ Phật và hết thấy tất cả mọi thứ trong cõi nước ấy): Không chỉ tôn giả A Nan trông thấy Vô Lượng Thọ Phật và cõi nước của Ngài, mà hết thảy đại chúng trong pháp hội cũng đều trông thấy.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“Sở đương vi giả, giai khả cầu chi” [nghĩa là] mọi người nếu bằng lòng phát tâm sanh về Tây Phương, sẽ đều có thể sanh về. “Vô đắc dĩ ngã diệt độ chi hậu, phục sanh nghi hoặc” [nghĩa là] quý vị chớ nên chờ đến sau khi Phật Thích Ca đã nhập Niết Bàn rồi mới nảy sanh nghi hoặc đối với chuyện có nên phát nguyện sanh về Tây Phương hay không?

2.3.1.3. Nêu rõ kinh pháp này là pháp trọng yếu để cứu đời, riêng lưu lại một trăm năm

(Kinh) Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi, ai mãn, đặc lưu thử kinh chỉ trụ bách tuế. Kỳ hữu chúng sanh, trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ.

(經)當來之世，經道滅盡，我以慈悲哀愍，特留此經，止住百歲。其有眾生，值斯經者，隨意所願，皆可得度。

(Kinh: Trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết, ta do lòng từ bi, thương xót, đặc biệt lưu lại kinh này tồn tại một trăm năm. Nếu có chúng sanh gặp kinh này, sẽ tùy theo ý nguyện đều có thể đắc độ).

Phải biết chỗ này hết sức quan trọng. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật: Chánh Pháp một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp một vạn năm, cho tới một vạn năm thời Mạt Pháp đã qua, hết thấy kinh pháp đều chẳng có. Phật Thích Ca đại từ đại bi gia bị giữ kinh Vô Lượng Thọ ở lại trên đời một trăm năm nữa. “Kỳ hữu chúng sanh, trị tư kinh giả” (Nếu có chúng sanh gặp được kinh này): Gặp được bộ kinh Vô Lượng Thọ này, “tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ” [nghĩa là] tùy tâm quý vị phát nguyện vãng sanh Tây Phương, quý vị sẽ có thể sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là độ thoát sanh tử ư?

2.3.1.4. Nêu rõ kinh này khó nghe, để người nghe sanh lòng kính trọng

(Kinh) Phật ngữ Di Lạc: - Như Lai hưng thế, nan trị, nan kiến. Chư Phật kinh đạo, nan đắc, nan văn, Bồ Tát thắng pháp, chư Ba La Mật, đắc văn diệt nan. Ngộ thiện tri thức, văn pháp năng

hành, thử diệc vi nan. Nhược văn tư kinh, tín nhạo thọ trì, nan trung chi nan, vô quá thử nan.

(*經*)佛語彌勒：如來興世，難值難見。諸佛經道，難得難聞。菩薩勝法，諸波羅蜜，得聞亦難。遇善知識，聞法能行，此亦為難。若聞斯經，信樂受持，難中之難，無過此難。

(*Kinh: Đức Phật bảo ngài Di Lặc: - Như Lai xuất hiện trong cõi đời, khó gặp, khó thấy. Kinh đạo của chư Phật khó được, khó nghe. Pháp thù thắng của Bồ Tát, các Ba La Mật cũng khó được nghe. Gặp thiện tri thức, nghe pháp mà có thể hành, điều này cũng khó. Nếu nghe kinh này, tin ưa, thọ trì, [sẽ là điều] khó khăn nhất trong các sự khó, không gì khó khăn hơn chuyện này).*

“*Phật ngữ Di Lặc: - Như Lai hưng thế, nan trị, nan kiến*” (Đức Phật bảo ngài Di Lặc: - Như Lai xuất hiện trong cõi đời, khó gặp, khó thấy): Như Lai sanh trong thế gian để hoằng dương Phật pháp, khó có thể gặp gỡ, trông thấy. “*Chư Phật kinh đạo, nan đắc, nan văn*” [nghĩa là] kinh đạo của chư Phật cũng khó thể nghe được. “*Bồ Tát thắng pháp, chư Ba La Mật, đắc văn diệc nan*”: Pháp môn công đức thù thắng của Bồ Tát, Lục Độ, các Ba La Mật, cũng khó thể được nghe. “*Ngộ thiện tri thức, văn pháp năng hành, thử diệc vi nan*” [nghĩa là] nếu quý vị gặp thiện tri thức, nghe Phật pháp mà có thể tu hành, điều này cũng rất khó. “*Nhược văn tư kinh, tín nhạo thọ trì, nan trung chi nan, vô quá thử nan*” (Nếu nghe kinh này, tin ưa, thọ trì, đây là điều khó nhất trong các chuyện khó, không gì hơn nổi): Đây là đức Phật cổ vũ, khích lệ chúng ta, nhất định phải tin tưởng pháp môn trong kinh Vô Lượng Thọ, phải phát nguyện vãng sanh Tây Phương.

2.3.1.5. Tiểu kết, khuyên hãy tu học

(*Kinh*) *Thị cố ngã pháp, như thị tác, như thị thuyết, như thị giáo. Ứng đương tín thuận, như pháp tu hành.*

(*經*)是故我法，如是作，如是說，如是教。應當信順，如法修行。

(*Kinh: Vì thế, pháp của ta, hành như thế, nói như thế, dạy như thế. Hãy nên tín thuận, tu hành đúng pháp.*)

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

“*Thị cố ngã pháp*” (Vì thế, pháp của ta): Do vậy, ta nói kinh pháp Vô Lượng Thọ. “*Như thị tác*” (Làm như thế), hãy học theo cách làm của A Di Đà Phật. Ngài phát nguyện thành tựu Tây Phương Cực Lạc thế giới, phổ độ hết thảy chúng sanh. “*Như thị thuyết*” (Nói như thế): Ta chiếu theo cách làm của A Di Đà Phật, nói với các vị. “*Như thị giáo*” (Dạy như thế): Ta cũng chỉ dạy quý vị như thế, các vị hãy nên “*tín thuận*”, “*như pháp tu hành*”.

2.3.2. Nêu rõ lợi ích, mọi người ngộ đạo

(Kinh) Nhĩ thời, Thế Tôn, thuyết thử kinh pháp, vô lượng chúng sanh, giai phát vô thượng chánh giác chi tâm. Vạn nhị thiên na-do-tha nhân đắc thanh tịnh pháp nhãn. Nhị thập nhị ức chư thiên nhân dân, đắc A Na Hàm quả. Bát thập vạn tỳ-kheo lậu tận ý giải. Tứ thập ức Bồ Tát, đắc Bất Thoái Chuyển, dĩ hoàng thế công đức nhi tự trang nghiêm, u tương lai thế, đương thành Chánh Giác.

(經)爾時世尊，說此經法，無量眾生，皆發無上正覺之心。萬二千那由他人，得清淨法眼。二十二億諸天人民，得阿那含果。八十萬比丘，漏盡意解。四十億菩薩，得不退轉。以弘誓功德而自莊嚴。於將來世，當成正覺。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn nói kinh pháp này, vô lượng chúng sanh đều phát tâm Vô Thượng Chánh Giác. Một vạn hai ngàn na-do-tha người đắc pháp nhãn thanh tịnh. Hai mươi hai ức chư thiên nhân dân đắc quả A Na Hàm. Tám mươi vạn tỳ-kheo lậu tận ý giải. Bốn mươi ức Bồ Tát đắc Bất Thoái Chuyển, dùng công đức hoàng thế để tự trang nghiêm, trong đời tương lai, sẽ thành Chánh Giác).

“*Nhĩ thời Thế Tôn, thuyết thử kinh pháp*” (Lúc bảy giờ, đức Thế Tôn nói kinh pháp này): Trong pháp hội lúc ấy, “*vô lượng chúng sanh, giai phát Vô Thượng Chánh Giác chi tâm*” (vô lượng chúng sanh đều phát tâm Vô Thượng Chánh Giác), tức là phát Bồ Đề tâm. “*Vạn nhị thiên na-do-tha nhân đắc thanh tịnh pháp nhãn*” (Một vạn hai ngàn na-do-tha người đắc pháp nhãn thanh tịnh): “*Đắc thanh tịnh pháp nhãn*” là đạt được Sơ Quả, thấy lý Tứ Đế. “*Nhị thập nhị ức chư thiên nhân dân, đắc A Na Hàm quả*” (Hai mươi hai ức chư thiên, nhân dân, đắc quả A Na Hàm). Đắc quả A Na Hàm là đắc Tam Quả. “*Bát thập vạn tỳ-kheo lậu tận ý giải*” (Tám mươi vạn tỳ-kheo lậu tận ý giải): “*Lậu tận*

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

ý giải” là chúng Tứ Quả A La Hán. Đây là chúng Thanh Văn. Còn có “tứ thập ức Bồ Tát, đắc bất thoái chuyển, dĩ hoàng thế công đức nhi tự trang nghiêm, ư tương lai thế, đương thành Chánh Giác” (bốn mươi ức Bồ Tát đắc Bất Thoái Chuyển, dùng công đức hoàng thế để tự trang nghiêm, trong đời tương lai, sẽ thành Chánh Giác): Điều này có nghĩa là khi đức Phật Thích Ca nói kinh Vô Lượng Thọ, có nhiều người được lợi ích như thế đó. Tiếp đó, còn có sự cảm ứng.

2.3.3. Đất chấn động, tỏa quang minh, mưa hoa, trỗi nhạc, tăng trưởng lòng tin sâu xa nơi đại chúng

(Kinh) Nhĩ thời, tam thiên đại thiên thế giới lục chủng chấn động, đại quang phổ chiếu thập phương quốc độ, bách thiên âm nhạc tự nhiên nhi tác, vô lượng diệu hoa phân phân nhi giáng.

(經)時三千大千世界六種震動，大光普照十方國土。百千音樂，自然而作。無量妙華，紛紛而降。

(Kinh: Lúc bảy giờ, tam thiên đại thiên thế giới sáu thứ chấn động, quang minh to lớn chiếu khắp các cõi nước trong mười phương, trăm ngàn thứ âm nhạc tự nhiên tấu lên, vô lượng hoa màu nhiệm phát phối rơi xuống)⁵¹.

2.3.4. Nêu rõ lợi ích, đại chúng cùng hoan hỷ

(Kinh) Phật thuyết kinh dĩ, Di Lặc Bồ Tát, cập thập phương lai chư Bồ Tát chúng, trưởng lão A Nan, chư đại Thanh Văn, nhất thiết đại chúng văn Phật sở thuyết, mị bất hoan hỷ.

(經)佛說經已，彌勒菩薩，及十方來諸菩薩眾、長老阿難、諸大聲聞、一切大眾，聞佛所說，靡不歡喜。

(Kinh: Đức Phật nói kinh này xong, Di Lặc Bồ Tát và các vị Bồ Tát đến từ mười phương, trưởng lão A Nan, các vị đại Thanh Văn, hết thấy đại chúng, nghe đức Phật dạy, không ai chẳng hoan hỷ).

“Phật thuyết kinh dĩ”, đức Phật Thích Ca nói kinh Vô Lượng Thọ xong, Di Lặc Bồ Tát và các vị Bồ Tát đến từ mười phương, trưởng lão A Nan, còn có các vị đại Thanh Văn, cũng như hết thấy đại chúng,

⁵¹ Trưởng lão Đạo Nguyên không giảng đoạn này.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký

bao gồm tứ chúng đệ tử, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, còn bao gồm thiên long bát bộ, nghe lời Phật dạy, “*mị bất hoan hỷ*” (không ai chẳng hoan hỷ), đều đại hoan hỷ. Bộ kinh Vô Lượng Thọ này đã giảng xong. Năm kinh Tịnh Độ giảng về ba chữ Tín - Nguyện - Hạnh, quý vị phải tín ngưỡng pháp môn Tịnh Độ, phải phát nguyện vãng sanh Tây Phương. Quý vị muốn sanh về đó bèn trì niệm danh hiệu A Di Đà Phật, quyết định sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Kinh Vô Lượng Thọ dịch [A Di Đà Phật] là Vô Lượng Thọ Phật, [dịch thế giới Cực Lạc] là thế giới An Lạc, nhưng đều giống hệt như kinh A Di Đà và niệm A Di Đà Phật, cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong công khóa sáng tối của chúng ta. Giảng diễn toàn bộ kinh Vô Lượng Thọ đã xong, nói và nghe đều viên mãn.

Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh Giảng Ký Trọn Bộ Chung

**Nguyện dĩ thử công đức
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ
Thượng báo tứ trọng ân
Hạ tế tam đồ khổ
Nhược hữu kiến văn giả
Tức phát Bồ Đề tâm
Tận thử nhất báo thân
Đồng sanh Cực Lạc quốc**

“Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng”